NGUYỄN ĐỔNG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

QUYỂN I
(TẬP I - TẬP II - TẬP III)

NGUYỄN ĐỔNG CHI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM

QUYỂN MỘT

(TẬP I - TẬP II - TẬP III)

IN LẦN THỨ TÁM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 2000

LỜI DẪN

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM , kể từ lần in thứ bảy, in cùng lúc trọn bộ cả năm tập. Rất tiếc, ở những lần in toàn vẹn này tác giả đã không còn được tự mình xem lại bản in thử, như ông đã từng làm việc đó một cách hứng thú và kiên trì trong sáu lần in lẻ tẻ từng tập trước đây.

Tuy nhiên, từ sau khi tập V ra mắt (1982), thân phụ chúng tôi đã có dịp chỉnh lý kỹ cả năm tập, nhất là phần **Tổng luận**, nhằm chuẩn bị cho một lần in đầy đủ sau này. Chúng tôi cố gắng trung thành với những sửa chữa trực tiếp của ông, kể cả một đôi chỗ ông ủy thác cho tôi soát lại chút ít về câu chữ, trong khi đọc bộ sách.

Mặt khác, trong lần in thứ tư (1972), tác giả có một thay đổi đáng kể trong kết cấu cuốn sách của mình: ông bỏ đi 2 truyện và thay bằng 2 truyện khác để giữ nguyên số lượng 200 truyện. Cân nhắc kỹ lại trong lần in thứ bảy, chúng tôi đã mạnh dạn đưa một truyện trong số đó trở lại bộ sách: truyện *Giết chó khuyên chồng*, số **50**. Để bạn đọc dễ nhận ra truyện này đã được bỏ đi, chúng tôi đặt chữ số **50** đứng đầu tên truyện trong dấu [ ]. Tôn trọng ý nguyện của tác giả, các quy tắc viết hoa và phiên âm tên người, tên đất vẫn giữ nguyên như trong mấy lần in trước chứ không thay đổi. Tuy vậy, để giúp các nhà nghiên cứu có thể tra tìm nhanh chóng khối lượng tài liệu nước ngoài hết sức lớn mà tác giả đã tham khảo, ở các chú thích xuất xứ, bên cạnh tên người phiên âm trước đây, chúng tôi có ký chú thêm nguyên văn, hoặc chuyển ngữ tiếng Pháp. Đối với tên một số dân tộc, hay một số địa danh trên thế giới được nhắc đến trong mục **Khảo dị**, nếu thấy cần thiết, chúng tôi cũng làm như vậy. Cuối bộ sách, chúng tôi còn thêm vào một *Bảng tra cứu tên truyện* sắp xếp theo trật tự a b c. Tất cả những việc này đều do các bạn bè thân thiết trong Ban văn học Cổ cận đại Viện Văn học góp sức thực hiện vào năm 1992.

Xin ghi lại ở đây tình cảm biết ơn chân thành của gia đình tác giả. Chúng tôi cũng trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục đã có nhã ý đưa ***Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*** vào trường học, để bộ sách đến thẳng với một đối tượng đông đảo từ mấy thập kỷ nay vẫn là người bạn gần gũi của nó : học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên ngữ văn ở các trường đại học.

Về mặt văn bản, có thể nói đây là bản in hoàn chỉnh nhất.

Hà - Nội, ngày 31 - XII - 1998
Con trai tác giả
Gs. NGUYỄN HUỆ CHI

LỜI NÓI ĐẦU

Nghiên cứu và sưu tầm vốn văn nghệ dân gian của dân tộc nói chung và truyện cổ tích nói riêng là một trong những công việc được Nhà nước ta đặc biệt khuyến khích. Trước Cách mạng cũng từng có một vài học giả lưu tâm làm những việc đó, và họ đã công bố kết quả của mình trên sách báo. Gần đây hơn thì những công trình sưu tầm, nghiên cứu cũng như các cuộc thảo luận giữa các bạn Vũ Ngọc Phan, Trần Thanh Mại và Văn Tân gợi ra nhiều điểm bổ ích cho việc tìm hiểu truyện cổ dân gian.

Nhưng nói chung, chưa mấy ai điều tra thật đầy đủ truyện cổ tích Việt-nam để dựng lên một hệ thống hoàn chỉnh, và trên cơ sở đó, đi sâu nghiên cứu chúng một cách toàn diện. Thực ra, kho tàng truyện cổ tích của chúng ta có không ít loại hình, trong mỗi loại hình có khá nhiều dạng kết hợp rất phong phú, nhưng hiện vẫn còn nằm lẫn lộn trong các kho sách cũ, trong mọi trí nhớ, mà khả năng cá nhân chưa tìm tòi khai thác hết được. Do đó, việc nghiên cứu chỉ mới là bước đầu, thiên về khái quát mà thiếu phong phú, cụ thể.

Theo chúng tôi, công tác nghiên cứu và sưu tầm vốn văn nghệ dân tộc quá khứ nếu chưa thành một công việc tập thể, được khơi động thành một phong trào rộng lớn trong cả nước, thì vẫn chưa thể gọi là toàn diện, do đó cũng chưa thể đạt kết quả dứt điểm như ý muốn. Cần phải có một cơ quan chuyên môn hoặc một hội nghề nghiệp để hướng dẫn sưu tầm, trao đổi ý kiến và tập trung tài liệu như ở nhiều nước đã từng làm, thì việc bảo tồn và phát huy vốn cũ mới mong thực hiện tốt được.

Trong khi chờ đợi sự kiện lớn lao và cần thiết đó, chúng tôi bạo dạn đem khả năng tìm tòi cá nhân thu góp những truyện cổ tích Việt-nam nghe được, đọc được và nhớ được từ trước tới nay, chỉ mong cung cấp một tài liệu tham khảo cho những bạn yêu truyền thống văn học của dân tộc.

Bộ sách này là bộ thứ hai trong những công trình nghiên cứu của chúng tôi về truyện truyền miệng, tiếp theo bộ đầu tiên nhan đề ***Lược khảo về thần thoại Việt-nam****. Nó gồm có ba phần:*

Phần đầu, tìm hiểu một ít nét về bản chất, lai lịch và lịch sử phát triển của truyện cổ nói chung và cổ tích nói riêng.

Phần thứ hai, chiếm một khoảng rất lớn trong bộ sách là những truyện cổ tích Việt-nam đã chọn lọc và sắp đặt theo một hệ thống riêng.

Phần cuối là những nhận xét sơ bộ về đặc điểm tư tưởng, nghệ thuật, qua đấy tạm đánh giá tổng quát truyện cổ tích Việt-nam.

Tôn trọng chủ đề và kết cấu đã có của những truyện cổ tích, trong đời sống truyền miệng từ xưa, chúng tôi cố gắng trình bày nguyên, không sửa chữa: Trường hợp những truyện có nhiều địa phương kể khác nhau về chi tiết hay toàn phần, chúng tôi sẽ ghi tóm tắt ở mục **Khảo dị** *để tiện tham khảo. Nếu truyện nào có nội dung tương tự với truyện của các dân tộc khác ở trong nước hay nước ngoài, chúng tôi cũng làm như vậy.*

Mục đích bộ sách này là tìm hiểu và giới thiệu những truyện cổ tích Việt-nam, mong đáp ứng phần nào nhu cầu trước mắt. Nó chỉ giới hạn trong phạm vi truyện cổ tích của người Việt mà chưa đề cập tới kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú của đồng bào thiểu số chúng ta.

Trong khi khôi phục lại cốt truyện của người xưa, trong khi tìm hiểu vốn cũ của dân tộc, chắc không tránh khỏi lầm lẫn và thiếu sót, chúng tôi mong các bạn xa gần kịp thời chỉ bảo cho.

Sau hết, chúng tôi có lời cảm ơn các bạn đã giúp cho tài liệu, đặc biệt ông bà **Nguyễn Văn Nghĩa** *là những người đã nhen nhóm cho chúng tôi từ cái say mê nghe truyện cổ tích lúc còn trẻ cho đến hứng thú tìm tòi nghiên cứu nó sau này.*

Hà-nội, tháng VI năm 1957

NGUYỄN ĐỔNG CHI

LỜI NÓI ĐẦU LẦN TÁI BẢN THỨ TƯ

Các tập I, II, III của bộ ***Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam*** *này từ khi lần lượt ra mắt đến nay đã ngót 15 năm. Trong thời gian qua, chúng tôi nhận được nhiều ý kiến và tài liệu của các bạn xa gần có lòng yêu gửi tới, kể cả ý kiến và lời giới thiệu trên các báo chí, trong nước và ngoài nước*[1]*. Chúng tôi hết sức cảm kích về sự quan tâm đó của các bạn. Mặt khác, thời gian qua, chúng tôi cũng có để ý tìm tòi thêm những dị bản trong nước và trên thế giới qua các tài liệu sách vở cũ và mới. Cho nên trong lần tái bản này chúng tôi đã có thể bổ sung những dị bản mới vào phần* **Khảo dị** *mà chúng tôi nhận thấy - cũng như một số bạn góp ý - là hãy còn ít ỏi, và cách kể chuyện quá vắn tắt. Như vậy, phần* **Khảo dị** *có sự bổ sung phong phú hơn trước; còn phần truyện chính, nói chung vẫn giữ nguyên, trừ một vài truyện cá biệt: hoặc thay truyện khác vì nội dung không còn thích hợp (ví dụ các truyện số* **50, 77***), hoặc có bổ sung ít nhiều vì văn bản cũ chưa hoàn chỉnh (ví dụ các truyện số* **69, 99, 100***), v.v...*

Tóm lại, lần tái bản này đã khắc phục được một số thiếu sót trước đây vấp phải. Tất nhiên do kiến thức có hạn, do chúng ta còn bận chống Mỹ cứu nước, nên việc sưu tầm văn học dân gian nói chung, truyện cổ tích nói riêng, của cả hai miền đất nước vẫn còn chưa được nhiều, và việc bổ sung của chúng tôi cũng chỉ mới có thể thực hiện trong một chừng mực nhất định. Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh sẽ được các bạn gần xa chỉ bảo thêm cho những sai sót khác.

Hà-nội, ngày 21 tháng XII năm 1971

NGUYỄN ĐỔNG CHI

---

1. Trong *Tập san của Pháp quốc Viễn đông học viện* (*BEFEO*), tập LII, số 1, năm 1964, xuất bản ở Pa-ri, có hai bài giới thiệu và phê bình, của Mô-ri-xơ Đuya-răng (Maurice Durand) và của Tiến sĩ dân tộc học Lê Văn Hảo. Ngoài ra, một số giáo trình đại học và luận văn nghiên cứu cũng giới thiệu kỹ những luận điểm cũng như hệ thống truyện cổ tích của chúng tôi.

Chân dung NGUYỄN ĐỔNG CHI

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Kho sách bạn trẻ. Truyện thiếu nhi, 5 tập, Vinh, 1932 - 1933.

Yêu đời. Truyện (giải nhì báo *Tiểu thuyết thứ hai*), Vinh, 1935 (ký tên Nguyễn Trần Ai).

Mọi Kontum. Nghiên cứu dân tộc học, cùng Nguyễn Kinh Chi, Huế, 1937.

Túp lều nát. Phóng sự, Vinh, 1937 (ký tên Nguyễn Trần Ai).

Việt-nam cổ văn học sử. Q.I. Hà-nội, 1942 (in lại ở Sài-gòn, 1970 và 1993).

Hát dặm Nghệ - Tĩnh. Hà-nội, 1943.

Đào Duy Từ. (Giải thưởng Học hội Alexandre de Rhodes, 1943). Chưa in, mất bản thảo.

Phạm Hồng Thái. Hà-nội, 1945 (ký tên Bạch Hào).

Lược sử các cuộc cách mạng trên thế giới. 3 tập, Hà-nội, 1946 (ký tên Bạch Hào).

Gặp lại một người bạn nhỏ.. Truyện, viết 1949, in tại Hà-nội, 1957, tái bản 1985.

Lược khảo về thần thoại Việt-nam. Hà-nội, 1956, tái bản 1957.

Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam. 5 tập, cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1957 - 1960.

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam. 5 tập, in nhiều lần, Hà-nội, 1957 - 1982.

Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài. Cùng Mai Hanh, Lê Trọng Khánh, Hà-nội, 1958.

Hát giặm Nghệ - Tĩnh. 3 tập (riêng tập I nghiên cứu, tập 2 và 3 sưu tầm cùng Ninh Viết Giao), Hà-nội, 1962 - 1963.

Về Nghệ - Tĩnh. Chủ biên, Hà-nội, 1965.

Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn. Cùng Cao Huy Đỉnh và Đặng Nghiêm Vạn, Hà-nội, 1969.

Thư mục và sách dẫn Tập san Văn sử địa và Tạp chí Nghiên cứu lịch sử. Hà-nội, 1973.

Thời đại Hùng Vương. Cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1973.

Chiến thắng Rạch-gầm, Xoài-mút. Tp. Hồ Chí Minh, 1977.

Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc. Cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1980.

Văn học Việt-nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-quốc xâm lược. Cùng các tác giả khác, Hà-nội, 1982.

Lọ nước thần. Tp. Hồ Chí Minh, 1983.

Ca dao Nghệ - Tĩnh. Cùng Ninh Viết Giao, Vinh, 1985.

Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu. 4 tập, cùng Đoàn Thị Tịnh, 1962 - 1969, chưa in.

Lịch sử phong trào nông dân thời Trung đại. Tập I và tập II, 1965 - 1978, chưa in.

Góp phần tìm hiểu phong trào nông dân Việt-nam trong lịch sử xã hội phong kiến. 1973, chưa in.

Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh. Chủ biên, 1982 - 1983, Vinh - Hà Nội, 1995.

Từ điển thư tịch Hán Nôm. Chủ biên, 1982, chưa in.

NGUYỄN ĐỔNG CHI
NHÀ VĂN - NHÀ KHOA HỌC

Trong tâm trí bạn đọc chúng ta, có lẽ không mấy ai không quen biết *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam*. Đó là một bộ sách dày 5 tập, lần lượt ra mắt độc giả trong 25 năm, từ 1957 đến 1982, và trong 25 năm đó, sự xuất hiện lần lượt của từng tập đã gây hứng thú, hơn thế nữa, gây những tình cảm đẹp đẽ cho nhiều người, từ trẻ em đến người lớn. Bộ sách đó cũng được trích dịch ra nhiều thứ tiếng từ Âu sang Á: Nhật, Đức, Nga, Pháp... Tác giả bộ sách quen biết đó là Giáo sư Nguyễn Đổng Chi[1], nhà nghiên cứu văn hóa dân gian nổi tiếng, cũng là một nhà sử học, nhà khảo cổ học, nhà Hán học, nhà dân tộc học, và nhà văn... mà ngòi bút có mặt trên văn đàn đã 50 năm nay. Với 70 tuổi đời nhưng tinh thần còn rất tráng kiện, Nguyễn Đổng Chi đã ra đi một cách quá đột ngột trong ngày 20-VII-1984, khi sức khỏe và sức làm việc của ông còn sung mãn, gây bàng hoàng sửng sốt không riêng cho người thân thuộc và hết thảy những ai quen biết ông. Còn nhớ ngày 6 tháng Giêng năm nay, nhân sinh nhật 70 tuổi của mình, trước các bạn bè cũ, các bạn văn cũng như các đồng chí cùng hoạt động với ông thời tiền khởi nghĩa, trong đó có người viết bài này, ông có đọc một bài ca trù tự vịnh mà mấy câu mở đầu nay đọc lại cứ tưởng như một lời báo trước, một sự linh cảm:

Đổng Chi nhất lão,
Mới ngày nào còn lơ láo biết chi chi;
Cho đến nay đầu nhuốm bạc, gân đang suy,
Cười một tiếng: "Cổ lai hy không mấy chốc".

1. Nguyễn Đổng Chi được Nhà nước phong Phó giáo sư năm 1980, phong Giáo sư năm 1984.

Cuộc đời Nguyễn Đổng Chi là cuộc đời một người cầm bút phong phú, sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, và cũng là một cuộc đời đầy hoạt động. Sinh ra trong một gia đình nhà nho yêu nước ở xã Ích-hậu, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh, ông là con thứ ba của cụ Nguyễn Hiệt Chi, tức Đầu xứ Thuận, biệt hiệu Mộng Thương, tác giả *Sách mẹo tiếng Nam*, *Hán văn tân giáo khoa thư* nhiều tập, *Hán văn tân giáo pháp*, *Ba-xã địa dư*... và nhiều thơ, văn khác, một nhà giáo có uy vọng. Học trò cụ nay còn lại đều là những bậc thức giả đáng kính - như các ông Nguyễn Khánh Toàn, Hà Huy Giáp, Phạm Thiều... - vẫn thường nhắc đến đức độ của cụ. Nguyễn Hiệt Chi từng có chân sáng lập Công ty Liên Thành và trường Dục Thanh ở Phan-thiết là nơi tập trung khá nhiều chí sĩ yêu nước buổi đầu thế kỷ. Năm 1910, trước lúc xuất dương tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành (tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau năm 1945) có ghé lại Phan-thiết dạy ở trường này một thời gian, và một trong những học trò của Ông là người anh trai đầu của Nguyễn Đổng Chi, tức Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi, Thứ trưởng Bộ Y tế hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Đổng Chi còn có người chú ruột là Nguyễn Hàng Chi, người cầm đầu phong trào Duy tân và Chống thuế ở Nghệ - Tĩnh. Tuy học rất giỏi, ông đã kiên quyết tẩy chay thi cử và cùng bạn bè tổ chức vụ phá trường thi Hà-tĩnh (1906) trong một cuộc khảo hạch để được miễn thuế thân mà ông cho là làm hèn hạ con người. Nguyễn Hàng Chi cũng là người thanh niên đầu tiên cắt "búi tó" ở trong vùng với một bài thơ tự trào cũng bằng thể ca trù:

Hàng Chi ơi hỡi Hàng Chi,
Cõi trần hồ dễ như mi trọc đầu...

Năm 1908, Nguyễn Hàng Chi tổ chức nông dân các huyện kéo vào tỉnh thành Hà-tĩnh chống thuế, ông bị Pháp bắt và xử tử.

Nguyễn Đổng Chi sinh ra ở Phan-thiết, nhưng lại lớn lên giữa những ngày sôi động và dồn dập phong trào cách mạng ở Nghệ - Tĩnh. Vào những năm 1931 - 1932, mới 17 tuổi, đang học trung học, nhưng ông đã muốn tự mình làm một cái gì để thử thách nghị lực của mình. Nhân gặp một người làm thuốc rong có môn thuốc bó xương gia truyền đến chữa bệnh cho bà nội, ông đã cặm cụi học cách chế thuốc "gịt" chữa

bong gân gãy xương của người đàn bà không quen biết này và táo bạo ra Vinh mở... "Bình Ân dược phòng". Ông còn lần mò đi chợ Vinh nhiều buổi, tìm hiểu các hàng đồ tre chạm rất tinh tế của người vùng Nghi-lộc và sau đó mở hiệu chạm đồ tre gửi đi bán các nơi để cổ động hàng mỹ nghệ của đất nước. Rồi ông mở "Kho sách bạn trẻ" tự mình viết, dịch, phóng tác các loại "sách hồng" của nước ngoài, cho ra mắt những cuốn *Chí quả quyết, Tài trẻ nước Nam, Một nhà tan hợp, Vườn xuân bạn trẻ, Tìm ra châu Mỹ*... nhằm giáo dục nghị lực cho thiếu niên. Ông lại mở "Mộng Thương thư trai" ở làng quê, cho nhiều người đến đọc, để phổ cập những tư tưởng tiến bộ trong nhân dân.

Dần dần, lớn hơn ít nữa, ảnh hưởng của các phong trào khởi nghĩa Yên-bái, Xô-viết Nghệ - Tĩnh, Mặt trận Dân chủ thấm sâu trong ông. Khi được theo người anh lên làm y sĩ ở Buôn Mê-thuột và Kon-tum, Nguyễn Đổng Chi đã có dịp chứng kiến tấm gương của các tù nhân chính trị bị đày ải nơi đây, và mối quan hệ giữa hai ông với họ nảy nở nhanh chóng. Một người trong số các chiến sĩ đó sau ngày được tha về sẽ là con rể của gia đình cụ Hiệt Chi. Trở về Hà-tĩnh, Nguyễn Đổng Chi gặp gỡ các bạn trong phong trào Mặt trận Dân chủ; ông lao vào hoạt động tích cực hơn. Ông tổ chức ra "Phường tập phúc", một hình thức "hội kín" biến tướng. Bị mật thám Hà-tĩnh đe dọa về việc này nhưng ông không lùi bước. Cùng một vài thanh niên yêu nước trong vùng như Nguyễn Chung Anh, Đặng Giá, Nguyễn Đổng Chi đã ra Hà-nội (1942), lấy cớ đi đọc sách ở Trường Viễn đông bác cổ, tìm gặp Nguyễn Đắc Giới (tức Thôi Hữu) để bắt liên lạc với Mặt trận Việt minh. Năm 1943, các anh trở về Hà-tĩnh tổ chức cơ sở đầu tiên của Mặt trận Việt minh ở tỉnh. Lúc này một người tù cách mạng là Chu Huệ đã vượt ngục Buôn Mê-thuột ra Hà-tĩnh, tìm đến để phối hợp hoạt động. Phong trào cứu quốc từ đây càng phát triển một cách vững chắc. Cuối năm đó bị địch khủng bố, một số anh em bị bắt, nhưng Nguyễn Đổng Chi vẫn giữ vững mối liên hệ với các bạn còn lại. Đến cuối 1944, tổ chức được phục hồi; sau cuộc họp ở chân núi Hồng-lĩnh, Đoàn thanh niên cứu quốc đã gặp gỡ ông Nguyễn Hiền từ Huế cử ra, lại liên lạc được với ông Nguyễn Tạo từ Tổng bộ Việt minh về lập căn cứ Tràng-sim, xây dựng phong trào ở Nghệ - Tĩnh. Cùng các anh em trong Đoàn thanh niên cứu quốc,

Nguyễn Đổng Chi hăng hái dấn mình vào mọi hoạt động cách mạng trong vùng, và khi có lệnh Tổng khởi nghĩa, ông đã tham gia lãnh đạo cướp chính quyền huyện Can-lộc vào một ngày sớm nhất trong tỉnh: 16-VIII-1945. Hồi tưởng lại việc này, ông viết những câu thật sảng khoái:

Chân non Hồng nhóm họp dăm bảy bạn anh hào,
Dẫn quần chúng dám tấn công vào Can-lộc.
Cờ ứng nghĩa đầu tiên sao vàng tung bay sáng rực,
Tiếng reo hò hả nỗi nhục non sông...

Những ngày này dường như ở trong Nguyễn Đổng Chi đã có hai con người cùng gắn bó làm một: con người cách mạng và con người văn hóa. Say mê, xông xáo, ông dồn hết sức trẻ vào hoạt động, với niềm mong muốn chân thành xây dựng nền văn hóa mới Việt-nam.

Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đổng Chi ra Vinh nhận công tác văn hóa, tuyên truyền. Ông làm Trợ bút báo *Kháng địch* (1945), Chủ bút báo *Truyền thanh* (1946) rồi Chủ tịch Hội văn hóa cứu quốc Nghệ-an (1946). Ít lâu sau ông được điều động sang Ban kinh tài của Trung-bộ và ra Hà-nội công tác. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, các cơ quan ở Hà-nội lần lượt tản cư, Nguyễn Đổng Chi tình nguyện ở lại gia nhập Đội tự vệ khu Bảy-mẫu và chiến đấu ở các khu phố chợ Hôm, Nhà máy diêm, chợ Đuổi, Nhà thương Cống-vọng[1], Trường bay Bạch-mai... cho đến cuối tháng Hai 1947 mới cùng rút với các chiến sĩ Vệ quốc đoàn. Trở về lại khu IV, ông sẵn sàng nhận bất kỳ công việc gì mà trên giao phó, từ việc đi trồng trẩu tại nông trường Bà Triệu (Nghĩa-đàn), đến công tác Chánh văn phòng Ban kinh tài Liên khu ủy IV, cho đến Giám đốc Nhà xuất bản Dân chủ mới Liên khu IV...

Còn nhớ, thời kỳ ở nông trường Bà Triệu, ông phụ trách thanh niên. Đêm đêm ông đã đi ngựa hàng chục cây số vào các làng bản trong rừng dạy bình dân học vụ cho đồng bào Mường. Một mình một cây súng hai nòng, đội thêm một chiếc đèn săn, đêm nào như đêm ấy ông hăng hái đi sâu vào những cánh rừng âm u của vùng đất đỏ Phủ-quỳ nhiều thú dữ, đôi khi sau buổi dạy học còn đem về một con cầy, con mèo rừng,

1. Nay là Bệnh viện Bạch-mai.

có lần cả một con hoẵng. Ông được kết nạp Đảng vào cuối năm 1947, cũng tại nơi rừng núi này[1]. Những năm tháng hoạt động sôi nổi trên đây đã nung nấu trong ông ý muốn cầm bút ghi lại cuộc kháng chiến của dân tộc, và vào mấy năm sau, khi đã trở về công tác ở vùng xuôi Nam-đàn, ông bắt tay thực hiện. Ban ngày làm việc văn phòng, nhưng đêm đến, với một ngọn đèn dầu lạc con con, ông ngồi ghi lại câu chuyện một Tiểu đội tự vệ khu Nam Hà-nội đã luồn qua các lỗ đục tường, quấy rối tiêu hao các đồn bốt địch trong thành phố. Ông đã sống với tất cả cảm xúc bồng bột, say đắm của một người "trong cuộc", và cuốn truyện *Gặp lại một người bạn nhỏ* giàu tính chất tự truyện của ông, là những bức ký họa sinh động về những người dân Thủ đô thuở ấy, rất say sưa, dũng cảm, đánh giặc bằng mọi hình thức, không hề tiếc thân mình, nhưng đó cũng là một tập hợp phần nào còn luộm thuộm, phức tạp: có người là dân nghèo, là sinh viên, tiểu tư sản, có người là thợ nhà máy, là đầu bếp, có những chị buôn bán nhỏ ở chợ Hôm, lại có cả những tay "anh chị" quen chuyện "khoét vách trèo tường"... Họ đã đem vào cuộc kháng chiến những tính cách khác nhau, họp thành một tập thể đông đảo, nửa tự giác nửa tự phát, và tạo nên cái màu sắc đầy hoạt động, vừa lãng mạn, nhiều vẻ, vừa rất đối "Hà thành".

Còn nhớ những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, khi tiếng súng bùng nổ ở Thủ đô thì tại Hà-tĩnh, nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc chúng tôi thường tìm về làng quê Nguyễn Đổng Chi để trao đổi tình hình chiến sự và hỏi thăm tin tức về ông. Rồi đột ngột đầu tháng Ba 1947, ông từ ngoài Bắc trở về, người đen xạm nhưng rất vui, kể những chuyện mà mình sống thực: về những cái lỗ đục tường, những ụ chướng ngại vật, về đêm nổ súng cả thành phố đột nhiên tắt ngấm điện và mỗi người đều trong tâm trạng nôn nao đến nghẹt thở trước giờ phút lịch sử trọng đại; rồi những trận cầm cự với xe tăng giặc Pháp, những trận đánh tầng lầu, những chuyến đi du kích, những cái xác người rịn nước dựng đứng trong hẻm, những vụ trấn áp "Việt gian" đến rợn

1. Đến năm 1954, trong phong trào phát động giảm tô và cải cách ruộng đất ở Nghệ - Tĩnh, vì gia đình bị quy là địa chủ, Nguyễn Đổng Chi bị đưa ra khỏi Đảng (chú thích của con trai tác giả).

gáy, những lần quần nhau suốt đêm giữa nó và mình.... Bản tính điềm đạm ông rất tiết kiệm lời, nhưng chính vì thế càng gây hứng thú cho chúng tôi, nhất là cái sự thật giản dị chứa bên trong câu chuyện, nó có một khả năng lay động người khác rất mạnh, giúp người ta hình dung tất cả không khí rừng rực của Hà-nội chiến đấu, mà tin tức và báo chí lúc bấy giờ chỉ nói được một phần.

Ấy thế mà khi bản thảo *Gặp lại một người bạn nhỏ* của Nguyễn Đổng Chi hoàn thành, chúng tôi lại bị ngạc nhiên một lần nữa. Không phải vì câu chuyện ông viết tỷ mỷ, mạch lạc hơn, mà chính là vốn sống phong phú của ông lần này đã được chắt lọc, kết tinh lại, nâng lên thành nghệ thuật, nhưng mặt khác vẫn giữ được nguyên một câu chuyện kể nóng hổi, chân chất hồn nhiên. Theo tôi, đó chính là dấu hiệu của một người cầm bút chân chính, biết sử dụng đúng chỗ mặt mạnh của ngòi bút sáng tạo của mình.

Lúc bấy giờ ở vùng tự do khu IV ít có điều kiện để gửi một tập bản thảo dày ra Việt-bắc mà không bị thất lạc, nên viết xong *Gặp lại một người bạn nhỏ*, Nguyễn Đổng Chi chỉ có thể hội họp số ít bạn bè quen biết công tác ở gần, để nghe đọc và bình phẩm cuốn truyện của ông[1]. Trong cuộc họp ở cái thị trấn Sa-nam nhỏ nhắn này vào cuối năm 1949, có cả một thầy giáo dạy văn trường cấp II Tân Dân trong huyện. Chúng tôi đã bàn cãi rất nhiều về thể loại của cuốn sách: không biết nên gọi nó là "truyện" hay "ký", bởi vì hồi ấy chúng tôi cứ nghĩ muốn gọi được là "truyện" thì phải có một cốt truyện hư cấu với nhiều tình tiết phong phú và giằng nối chặt chẽ với nhau, với những nhân vật có vận mệnh gắn liền với diễn biến của cái cốt kể trên. Tiếp thu ý kiến của anh em, Nguyễn Đổng Chi đã sửa lại chút ít - và vào năm 1957, khi sách được Hội nhà văn Việt-nam xuất bản, như để thuyết minh thêm tính cách đặc thù của tác phẩm, tác giả đã ghi một dòng phụ đề ở dưới tên sách: *Ký sự kháng chiến Thủ đô*. Nhưng giờ đây, đọc lại *Gặp lại một người*

1. Ông có gửi một bản đánh máy cho Giáo sư Đặng Thai Mai, bấy giờ đang dạy dự bị đại học ở Thanh-hóa. Trong thư trả lời, nhà học giả đánh giá cao câu chuyện thực, làm xúc động người đọc, nhưng cũng gợi ý nên bớt phần nhân cách hóa khẩu súng (chú thích theo trí nhớ của con trai tác giả).

bạn nhỏ mới ngày càng nhận rõ hơn những ý kiến đơn giản hồi đó của chúng tôi. Quả là trong các thể loại tiểu thuyết khác nhau, có loại tiểu thuyết với những cốt truyện hấp dẫn, màu mè, bắt người ta phải tập trung sự chú ý vào đấy. Nhưng cũng có loại tiểu thuyết mà cốt truyện chỉ là yếu tố phụ - mà sự có mặt của từng mảng sống xù xì đưa vào tác phẩm mới làm nên sức mạnh chủ yếu của nó. Viết về đề tài Hà-nội kháng chiến trong một khoảng thời gian rất ngắn và diễn ra mãnh liệt như trong những ngày cuối năm 1946 đầu năm 1947 ấy, Nguyễn Đổng Chi đã biết chọn một thể loại thích hợp cho việc khai thác đề tài, cũng phù hợp với bút pháp của mình. Ông đã dùng thể *truyện - ký*, nhằm giữ được đến mức tối đa *chất liệu thực* vô cùng quý của mảng sống mà ông từng chứng kiến, nắm bắt. Ông không muốn uốn nắn, đẽo gọt, làm mất đi cái hồn của nó là *bản sắc lịch sử*. Bản sắc lịch sử ấy hiện ra từ trong dáng dấp, ngôn ngữ, hành vi của nhân vật, từ không khí của toàn câu chuyện được tạo nên bởi nhiều chi tiết có thực mà tác giả dựng lại, và cả từ phong cách ngôn ngữ của người dẫn truyện - cũng là ngôi thứ nhất trong truyện - nó khiến người ta liên tưởng tới ngôn ngữ kể chuyện "tưng tửng" mà rất giàu suy nghĩ của Rơmac (Remaque) trong *Phía Tây không có gì lạ*. Và tất cả những yếu tố đáng kể ấy, hợp lại, đã giúp người viết tạo thành một bức tranh chính xác, như được đẽo bằng những nhát rìu sắc mà thô, về hình ảnh của một Hà-nội anh hùng, đã sống, đã chiến đấu, đã dũng cảm hy sinh, trong những ngày một đi không trở lại. Theo tôi nghĩ, đó chính là một trong những yếu tố hấp dẫn của *Gặp lại một người bạn nhỏ*, một thể loại tiểu thuyết mà giá trị lại là ở chỗ, người đọc không được phép hồ nghi rằng đây là chuyện bịa.

Dĩ nhiên, không vì thế mà Nguyễn Đổng Chi bỏ qua việc khắc họa tính cách, điều mà tiểu thuyết bao giờ cũng đòi hỏi. Tuy mới là phác họa, tính cách các nhân vật đã hiện lên khá rõ, được ông theo dõi khá chu đáo, từ quá trình hình thành nên cuộc đời, nghề nghiệp, sở trường, cốt tính của mỗi con người, cho đến con đường riêng mà mỗi người đi đến với cách mạng. Đấy là những Hân, Giáp, bác Phiêu, anh Lai, cô Môn, Linh rỗ, lão Hoa "anh chị", và nhất là nhân vật "tôi" vừa là người dẫn truyện, lại vừa đóng vai trò nhân vật tự truyện - một mạch quan trọng thứ hai của tác phẩm. Tất cả, mỗi nhân vật là một lối sống, với

ngôn ngữ, cá tính, không ai giống ai. Chúng góp thêm vào cái khí hậu lịch sử rất thực của cuộc kháng chiến Thủ đô. Giá thử ngày trước, sau cuộc họp góp ý của chúng tôi, Nguyễn Đổng Chi đã không vững vàng mà đem gọt đi tất cả, rồi nhào nặn lại, rồi "hư cấu", tưởng tượng nên một câu chuyện tình yêu gắn với lý tưởng, gắn với chiến đấu... gì gì đấy, thì cuốn sách sẽ mất mát đi bao nhiêu là tài liệu sống và cái cốt truyện "có truyện" đó sẽ nhạt biết chừng nào. Càng nghĩ lại càng thấy ông quả là một nhà văn có bản lĩnh.

Nhưng thực ra, không phải *Gặp lại một người bạn nhỏ* là cuốn sách chững chạc đầu tiên của Nguyễn Đổng Chi về văn nghệ. Từ những năm 1934 đến 1935, khi đang làm phóng viên cho các tờ báo *Thanh Nghệ Tĩnh tuần báo*, *Tiểu thuyết thứ hai*, *Bạn trẻ*, ông đã có dịp thử thách năng khiếu sáng tác của mình. Cuốn tiểu thuyết tâm lý xã hội *Yêu đời* (1935), gồm hai truyện vừa của ông đã được giải thưởng của báo *Tiểu thuyết thứ hai*. Đặc biệt, trong phong trào Mặt trận dân chủ, ông đã để lại được một tập văn xuất sắc. Đó là tập phóng sự *Túp lều nát* [1] gồm 13 chương, phơi bày không chút thương xót bộ mặt đểu cáng, quỷ quyệt, những thủ đoạn cướp bóc tinh vi cũng như hèn hạ của bọn tổng lý, cường hào. Ông không chỉ khuôn câu chuyện của bọn chúng lại trong phạm vi đình làng. Ông dựng chân dung của chúng một cách đa diện, từ việc bóp nặn dân đen, việc cho vợ con khoác áo rách rưới, đội tên những người dân trong sổ đinh của làng để đi lĩnh chẩn... cho đến những việc tranh nhau một hộp thuốc lá cũ, chiếc bít-tất thủng... khi đến tiễn quan Tây "rời hạt mình đi nhậm chức nơi khác" và đứng ngoài cửa sổ tình cờ thấy quan vứt ra. Chỗ đặc sắc là tập phóng sự của Nguyễn Đổng Chi hầu hết đều là chuyện "người thật việc thật" ở trong vùng Nghệ - Tĩnh. Đây cũng vẫn là chỗ, theo tôi, làm nên cái sở trường, cái đặc điểm của phong cách sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Đổng Chi: ông không lìa xa những mẫu người có thật mà mình đã gặp, mà chỉ làm cho chúng nổi đậm hơn lên, bằng vào khả năng tạo dựng của mình. Chương sách cuối là một tấn bi kịch đẫm máu: một người nông dân ở Vạn-phần

1. Nhà in Vương Đình Châu, Vinh, 1937.

(Diễn-châu) bị áp bức đến quẫn kế, đã phải làm cái việc phản ứng tự phát và liều lĩnh, "mạng đổi mạng" với một tên Chánh tổng, gần giống như truyện *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao viết mấy năm sau. Việc in tập sách này đã làm cho tác giả bị mật thám Hà-tĩnh gọi vào chất vấn, làm phiền nhiễu không chỉ một hai lần. Không những mật thám đe dọa, làm phiền, mà ngay cả một số địa chủ, hào lý ở Hà-tĩnh cũng khó chịu với ông, kể cả những người bà con thân thích, vì Nguyễn Đổng Chi đã đưa chuyện của họ công khai lên mặt giấy mà không... "xin phép". Nguyễn Đổng Chi có kể cho chúng tôi nghe, bản thân ông cũng không giữ được một bản in nào cả. May sao, ngày mới chân ướt chân ráo trở lại Hà-nội cuối năm 1954 để công tác ở Ban nghiên cứu Văn sử địa, còn ở nhờ nhà một người bạn công nhân trong một túp lều tranh ở xóm Thanh-nhàn (Ô Đống-mác) một lần Trưởng ban Trần Huy Liệu mời đến nhà, rút tặng một cuốn sách mà ông cất giữ rất trân trọng, và nói: -"Biết anh đang tạm phải ở lều tranh, nhưng xin tặng lại anh một "túp lều" của chính anh mà không có ngôi nhà nào sánh được, và tôi đã giữ nó trong nhiều năm nay". Nguyễn Đổng Chi vội cầm lấy và mở tờ giấy bọc bìa ra: Đúng là cuốn *Túp lều nát* do ông vẽ bìa, in năm 1937. Đối với nhà sử học Trần Huy Liệu, từ sau những sự việc đó, ông vẫn coi là người mà mình chịu ơn "tri ngộ".

Ngoài cuốn *Túp lều nát*, cũng trong năm 1937, Nguyễn Đổng Chi còn cho ra mắt bạn đọc cuốn *Mọi Kon-tum*[1] viết chung với người anh ruột Nguyễn Kinh Chi từ một vài năm trước. Đây là một công trình điều tra dân tộc học, đánh dấu cái thiên hướng nghiên cứu khoa học của Nguyễn Đổng Chi. Toàn bộ tài liệu trong tập sách đều được hai tác giả ghi chép trong những ngày sống ở Kon-tum. Sách vừa là một cuốn địa lý học lịch sử, khảo sát đất đai, cương vực, kinh tế, chính trị tỉnh Kon-tum qua các thời kỳ, vừa là một chuyên khảo dân tộc học, tìm hiểu các tộc người cộng cư ở đây, nguồn gốc chủng loại của họ, và phong tục tập quán, bao gồm "thân thể tâm tính, triết lý tín ngưỡng, thiên văn địa lý, hương

1. Nhà in Mirador, Huế, 1937. Cuốn sách này chủ yếu do Nguyễn Kinh Chi chấp bút.

thôn giao tế, gia tộc cư xử, sinh tử giá thú, sĩ nông công thương, du hý mỹ thuật"[1]... rất tỷ mỷ. Điều lạ là ngay từ bấy giờ, quan điểm của các tác giả đã rất tiến bộ, chẳng hạn ở đầu sách, họ đã giải thích rằng từ *mọi* vốn bắt nguồn từ từ *tơmoi* - có nghĩa là người khách - quen dùng trong đồng bào thiểu số, chứ không có ý gì là khinh miệt[2]. Hoặc họ xác nhận dân tộc Ba-na (Bahnar) giàu tinh thần yêu nước, đã dám nói với chính các tác giả rằng, từ khi có "người Pha-lang" (Pháp) đến thì "con Mọi sướng mà cực", vì "bị làm đường, nộp thuế, mất cả sự tự do"[3]. Các tác giả còn nhấn mạnh: "*Tục lệ của họ* (người Mọi) *chẳng những không mọi rợ chút nào mà lại có nhiều điều còn thuần túy hơn ta*" [4]. Và quả thực, tinh thần chủ đạo nghiêm túc này đã làm cho cuốn sách vượt lên trên các loại sách ghi chép "chuyện lạ đường rừng" vốn không hiếm gì vào thời ấy. Điều đáng lạ nữa là tập sách còn dành một phần cuối để ghi những tục ngữ, câu đố và truyền thuyết dân gian gắn với tín ngưỡng của đồng bào Thượng, chứng tỏ ngay từ cuốn sách nghiên cứu đó, xu hướng nghiên cứu văn hóa dân gian nguyên hợp đã sớm định hình trong Nguyễn Đổng Chi. Cho mãi đến những năm gần đây, một nhà dân tộc học người Pháp, Công-đô-ni-nax (Condominas) trong một dịp sang thăm Việt-nam, vẫn còn nhắc đến cuốn sách trên với thái độ kính trọng.

Sau các cuốn *Túp lều nát, Mọi Kon-tum*, một phần cũng vì tránh mật thá:n quấy rầy, Nguyễn Đổng Chi về ở hẳn nông thôn cặm cụi đọc sách. Cũng theo người em ruột kể lại[5] thì đây là thời kỳ anh học chữ Hán một cách hệ thống với một người chú họ là nhà nho Nguyễn Lợi, người đã từng dịch *Thoái thực ký văn* và *Giới Hiên thi tập*. Ông học chữ Hán với quyết tâm nghiên cứu đến nơi đến chốn vốn văn hóa thành văn cổ truyền, để chống lại quan niệm xem thường di sản tinh thần của cha ông, của một số người tự xưng là "Tây học". Vốn là người táo bạo, nhất là còn ở tuổi thanh niên, Nguyễn Đổng Chi đã biểu thị quyết tâm học chữ Hán bằng một hành vi có vẻ cực đoan: ông cạo trọc đầu, để tóc trái đào, để khỏi phải giao du, vui chơi, do nhu cầu tất nhiên của tuổi

1, 2, 3, 4. Xin xem trang 7 phần *Cùng bạn đọc*, và tr.5 chương *Nhân dân*.

5. Tức Nguyễn Hưng Chi, tác giả *Động vật đời tiền sử* (1946), một thành viên trong Nhóm khởi nghĩa Can-lộc.

trẻ. Và cứ thế, ông vừa học, vừa hoàn thành bộ sách dày *Việt-nam cổ văn học sử* [1], nghiên cứu lịch sử văn học Việt-nam trong gần năm thế kỷ đầu thời phong kiến tự chủ, nhằm khẳng định nền văn hóa mang bản sắc riêng của người Việt so với văn hóa Trung-hoa. Cuốn sách ra đời được nhiều người chú ý. Việc tác giả lần đầu tiên đưa dòng văn học chữ Hán của cha ông vào văn học sử, hơn nữa lại dám khẳng định tinh thần "quyết đánh" của Hội nghị Diên-hồng là đặc trưng cơ bản nhất, chi phối lâu dài sự phát triển của văn học Việt-nam: "Đánh có nghĩa là tiến bộ và tiến bộ mãi mãi... lịch sử tư tưởng, văn học Việt-nam trước, nay và sau có thể tóm tắt bằng một chữ ấy vậy", trong điều kiện bị o ép đến ngột thở dưới chế độ thực dân phát-xít lúc ấy, đã làm cho không ít người bỡ ngỡ lạ lùng. Trần Văn Giáp viết lời đề tựa, nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng viết lời bạt, các học giả Nguyễn Văn Tố, Đặng Thai Mai viết giới thiệu, phê bình, tuy không nhắc đến luận điểm rất "bạo" này nhưng ít nhiều đều tỏ rõ thiện cảm với tác giả. Ngày nay bình tĩnh xét lại, phải nói những luận điểm đó so với đương thời không phải chỉ có ý nghĩa tiến bộ mà thôi, mà còn là một cống hiến mới mẻ, có giá trị gợi mở về lý luận. Nhà sử học Văn Tân kể rằng, bấy giờ ông đang ở tù, và cùng một số chiến sĩ cách mạng khác đang rất bực bội trước cuốn *Hai bà Trưng* bôi nhọ lịch sử của Nguyễn Tế Mỹ. Cuốn sách của Nguyễn Đổng Chi xuất bản đã chiếm được cảm tình sâu sắc của ông và các đồng chí vì nó xác định rõ, dân tộc ta vừa có một tinh thần quật cường lại vừa có một truyền thống văn hóa quý báu mà chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết, cộng đồng, là linh hồn cốt tủy. Mấy năm trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đổng Chi còn viết một số công trình khác: *Hát dặm Nghệ - Tĩnh*[2], nghiên cứu tổng hợp từ đặc trưng đến hình thức diễn xướng, cho đến việc điều tra tiểu sử, sinh hoạt, giao du... của các nghệ nhân dân gian, xung quanh loại hình dân ca cổ truyền "hát giặm" của vùng Nghệ - Tĩnh; *Đào Duy Từ*, nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp đắp thành xây lũy, và văn nghiệp của một con người lừng tiếng vốn xuất thân từ "con hát" (cuốn này được giải khuyến khích của Học hội Pháp

1. Hàn Thuyên xuất bản cục, Hà-nội, 1942.

2. Nhà xuất bản Tân Việt, Hà-nội, 1943. Sau này trong bản in lại có sửa chữa, tác giả đã viết *giặm* thay cho *dặm*.

- Việt A-lêc-xăng đơ Rốt (Alexandre de Rhodes) cùng với *Lều chõng* của Ngô Tất Tố); *Việt-nam cổ văn học sử,* tập II và III[1] nghiên cứu những tác giả tiêu biểu nhất của thời đại Lý, Trần, Hồ. Cả hai cuốn sách sau đều chưa kịp in thì cách mạng nổ ra. Hiện nay, một trong hai bản thảo trên còn được lưu giữ ở Viện Sử học.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu văn học, Nguyễn Đổng Chi cũng có dịp thử thách mình trên địa hạt lịch sử. Vài năm đầu sau cách mạng, ông lập Nhà xuất bản Ngàn Hống, và viết các cuốn *Phạm Hồng Thái, Lược sử các cuộc cách mạng trên thế giới...* Cuốn sách sau gồm nhiều tập (mới ra được 3 tập) nhưng chỉ là viết lại từ tài liệu của nước ngoài, để giới thiệu với công chúng của nước Việt-nam mới các phong trào cách mạng đã diễn ra khắp Âu, Mỹ, Á, Phi. Nhưng cuốn sách trước, ký tên Bạch Hào, tuy rất mỏng lại là một tài liệu đáng giá: đó là kết quả một chuyến đi thực tế của các anh em trong tòa báo *Truyền thanh* về tận làng quê nhà chí sĩ Phạm Hồng Thái, một làng nhỏ và rất nghèo nằm sát bờ sông Lam mà dòng nước của con sông hung dữ mùa lũ lụt cứ xói dần, xói vào đến nghĩa địa, làm phơi ra cả những chiếc quan tài chôn sát bờ sông[2]... Tất nhiên, những công trình sử học, khảo cổ học bề thế của Nguyễn Đổng Chi phải là những công trình xuất hiện từ sau khi ông ra Hà-nội công tác tại Ban nghiên cứu Văn sử địa trung ương, sau hòa bình lập lại. Ông đã cùng các tác giả trong Ban văn của Ban Văn sử địa hoàn thành nhanh chóng 5 tập *Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam* khổ lớn[3] mà ông phụ trách một phần văn học dân gian và toàn bộ phần văn học chữ Hán vốn lúc bấy giờ bạn đọc đông đảo chưa biết gì nhiều, vì chưa mấy cuốn được dịch. Bộ sách *Sơ thảo lịch sử văn học Việt-nam* ít nhiều vượt lên những bộ văn học sử trước đó không phải chỉ vì độ dày của nó, vì sự phong phú của các chương mục, mà còn ở phương pháp và quan điểm, trong đó có quan điểm coi văn học

1. Tập III soạn chưa xong.
2. Theo lời nói đầu sách.
3. Của Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đổng Chi, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh. Nhà xuất bản Văn sử địa, Hà-nội, 1957 - 1960.
4. Của nhóm Lê Quý Đôn, 3 tập. Nhà xuất bản Xây dựng, Hà-nội, 1956 - 1957.

chữ Hán là một thành tố quan trọng của văn học dân tộc. Và nếu trước đó một năm, đọc *Lược thảo lịch sử văn học Việt-nam*[4] người đọc đã có một ý niệm khá rõ ràng về lịch sử văn học lâu đời viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt, thì đọc đến bộ *Sơ thảo*... người ta lại hiểu thêm rất nhiều vẻ đẹp trong tư duy thẩm mỹ của cha ông, thông qua một hình thức ngôn ngữ - chữ Hán - được coi là điển phạm của phương Đông lúc bấy giờ, cũng như vai trò của ngôn ngữ Hy - La trong văn học trung đại châu Âu vậy. Có thể nói, chỉ với Nguyễn Đổng Chi, lần đầu tiên bạn đọc mới thật sự tiếp xúc với cái hay của những tập thơ đặc sắc của thế kỷ XV như *Ức Trai tập* (Nguyễn Trãi), *Chuyết Am tập* (Lý Tử Tấn), *Lã Đường di cảo* (Thái Thuận), *Cúc Đài tập* (Nguyễn Húc), *Châu Khê tập* (Nguyễn Bảo)... hoặc nụ cười lạc quan của Ninh Tốn, tâm sự u hoài của Trần Danh Án, thái độ hãnh tiến của Đặng Trần Thường, "tiếng nói trữ tình bi phẫn" của Cao Bá Quát, tinh thần "khoa ngọn đuốc vào chốn tối tăm oan khốc trong lũy tre xanh" của Nguyễn Hàm Ninh... cho đến cả nét đặc sắc khác nhau trong những tập truyện truyền kỳ của nhiều thời đại, như *Thánh Tông di thảo, Truyền kỳ mạn lục, Truyền kỳ tân phả, Lan Trì kiến văn lục, Công dư tiệp ký, Sơn cư tạp thuật*... mà không phải đến nay đã được dịch và giới thiệu tất cả. Nhận xét của Nguyễn Đổng Chi bao giờ cũng gọn gàng mà làm bật ra cái mới, cái lý thú của tác phẩm. Đó là công lao của một người đi đầu[1].

Nguyễn Đổng Chi còn là một trong những tác giả chính các cuốn *Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài* (1957), *Thời đại Hùng Vương* (1973), *Nông thôn Việt-nam trong lịch sử*, 2 tập (1977 - 1978), *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc* (1980), *Văn học Việt-nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung-quốc xâm lược* (1982)... Tham gia nhiều đợt khai quật khảo cổ học, ông là một người chủ chốt trong 3 người có vinh dự phát hiện di chỉ đồ đá cũ Núi Đọ nổi tiếng

1. Thật ra, trong những giáo trình văn học Việt-nam giai đoạn trung đại xuất bản trong những năm 60 - 80, nếu để ý, ta vẫn thấy ảnh hưởng khá rõ cách phân tích và nhận định của Nguyễn Đổng Chi trong bộ *Sơ thảo*, vì không phải thầy giáo đại học nào cũng thật sự biết cổ Hán ngữ, hơn nữa, cũng chịu khó tìm tòi vào nguyên bản, bởi đó là việc hết sức vất vả.

(1960) mà Giáo sư tiến sĩ Bô-rix-côp-xky (Boriskovsky) từng viết rằng: "Các học giả này đã lấp một khoảng trống quan trọng trên bản đồ khảo cổ học Việt-nam"[1]. Ông cũng nghiên cứu sâu vấn đề nông dân trong lịch sử Việt-nam thời trung đại. Với nhiều nguồn tư liệu xác thực, ông trình bày các kiến giải độc lập về những vấn đề sở hữu ruộng đất của làng xã, quan hệ nhà nước và làng xã, quan hệ thân tộc và các biện pháp tương trợ trong làng xã Việt nam dưới thời trung đại... Đặc biệt, ông còn ứng dụng phương thức sản xuất châu Á để tìm hiểu quy luật vận động của các phong trào nông dân trong lịch sử dân tộc từ xa xưa cho đến gần đây. Các công trình *Lịch sử phong trào nông dân Việt-nam dưới thời trung đại* (tập I và II) và *Góp phần tìm hiểu phong trào nông dân Việt-nam trong lịch sử xã hội phong kiến* [2], theo cách nhận định khiêm tốn của chính tác giả, tuy là kết quả nghiền ngẫm trong nhiều năm và có nhiều khám phá đặc sắc không giống người khác (1965 - 1978), song cũng chỉ mới là một cách nêu vấn đề và một giải đáp bước đầu, chưa thể gọi là hoàn chỉnh, những băn khoăn thao thức rất lâu của ông và của cả giới sử học trên vấn đề rất quan trọng này.

Nguyễn Đổng Chi vốn là con người chân chất. Ông sống gần gũi với nhân dân lao động, và yêu họ với những tình cảm đôn hậu, xuất phát tự đáy lòng. Còn nhớ vào khoảng tháng Tư 1945, ít lâu sau đảo chính Nhật, nạn đói khủng khiếp bắt đầu bùng lên dữ dội ở Nghệ - Tĩnh. Nhìn những người chết đói nằm xám ngắt bên đường, và hàng đoàn người đói kéo đi lũ lượt, lốc thốc, ai mà không đau lòng. Nhóm thanh niên cứu quốc Can-lộc được lệnh tổ chức cứu đói. Chúng tôi vừa lo xây dựng những nhà trẻ mồ côi, chuyển các em còn sống sót từ vùng biển lên vùng trên, vừa lo đi quyên góp thóc gạo để cứu tế. Nguyễn Đổng Chi là một người kiên trì và hăng hái nhất. Ông được phân công cùng tôi đi khắp các làng xã trong toàn huyện, tìm đến các nhà giàu để lạc quyên. Chỉ cần mang theo một cuốn sổ, để hễ thuyết phục được nhà nào quyên cúng bao nhiêu là ghi vào sổ, mời họ ký vào, hôm sau sẽ có

1. P.I. Boriskovsky. *Thời kỳ quá khứ nguyên thủy ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Khoa học, Léningrad, 1966, tr.40.

2. Cả hai cuốn hiện chưa in, gia đình giữ bản thảo.

những anh em khác đến thu nhận hiện vật. Ngày này qua ngày khác, từ sáng đến chiều, hai chúng tôi cứ đi bộ khắp mọi nẻo đường xa tăm tắp từ biển lên núi, để đến với những ngôi nhà tường cao, dậu kín, và đàn chó dữ, để nói mãi những lời lặp đi lặp lại mà không thấy nhàm, và để ghi chép cho đầy cuốn sổ, đầy bao nhiêu hay bấy nhiêu. Chúng tôi làm việc, đi bộ liên miên mà không thấy mệt, cứ thoáng thấy bóng những đoàn người đói lê la khắp nơi là đã quên cả mệt. Một ngày nọ đến nhà Bát X. ở vùng Thượng Can. Nhà này nổi tiếng giàu nhất vùng, nhưng cũng nổi tiếng keo kiệt. Khi nghe chúng tôi trình bày, bà vợ Bát X. cũng làm bộ đói khổ, bảo chúng tôi: - "Nhà tôi cũng đang phải ăn cháo trừ bữa đây, lấy gì mà quyên với góp". Cả hai anh em cùng bị bất ngờ, lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau. Nhưng Nguyễn Đổng Chi đã lên tiếng kịp thời: - "Nếu thế thì cũng xin cứ ghi tên vào danh sách và ký vào đây, để mai kia còn cho con cái đi lĩnh chẩn". Nhà Bát X. mà lại đi lĩnh chẩn (!). Câu trả lời đầy vẻ châm biếm, trái hẳn với tính cách của ông thường ngày. Tôi chỉ biết mỉm cười để chia sẻ sự khoái trí ngầm với ông vì không ngờ ông lại trả miếng được nhanh như vậy. Còn bà Bát X. thì bị tẽn, im bặt, và cứ đứng trơ ra không biết đối xử thế nào. Quả nhiên người con gái từ trong nhà chạy vội ra, xin nhận lời quyên góp, và phân trần rằng bà mẹ lỡ lời. Từ đấy tôi càng biết Nguyễn Đổng Chi rất yêu mến nông dân nghèo và vì họ, ông có thể trở thành người xông xáo, sắc sảo trong mọi hoạt động.

Nguyễn Đổng Chi cũng là người biết nói chung một thứ ngôn ngữ với nông dân. Trong 50 năm quen biết và hoạt động chung với nhau, tôi chưa bao giờ thấy ông tỏ ra mình là "trí thức" khi sống cùng quần chúng. Không phải ông cố tập cái giọng "bình dân" như một vài người nào đấy. Có thể nói trong khi tiếp xúc với họ, ông vẫn không hề thay đổi cách nói năng, suy nghĩ, thậm chí vẫn giữ nguyên cả tác phong vốn có của mình. Vậy mà ông lại hòa nhập thoải mái được với người đang cùng mình đối thoại, y như đã biến thành một người nông dân thực thụ, một người "thợ cày" chất phác hiền lành. Mà sự cố gắng này ở ông chẳng phải là cái gì khó khăn hay kiểu cách. Đối với ai, ông cũng cởi mở hồn nhiên như thế, như cái bản tính đôn hậu vốn đã có ở trong ông. Tất nhiên, đây chính là kết quả của một quá trình rèn luyện lâu dài, gian

khổ, cộng với quá trình sống nhiều ở nông thôn, hiểu biết người nông dân từ chân tơ kẽ tóc. Có khi ông cùng họ đi lao động cày bừa, cấy hái và cùng họ dự các buổi hát giặm, hát ví trong các mùa cấy gặt. Có những ngày rỗi rãi ông đã cùng anh em tổ chức các cuộc đi chơi đến các làng xã khác vừa để tìm hiểu phong cảnh, phát hiện các di tích lịch sử, tìm tòi các hòn đá, mảnh sành, mảnh bát, vừa để tìm hiểu sâu về đời sống nông dân. Chính những cuộc "đi điền dã" đó với cách sống giản dị, rất bình dân của ông, đã từng bước tạo nên cái vốn và thúc đẩy ông đi vào nghiên cứu văn hóa dân gian mà rồi đây sẽ là nguồn yêu thích lâu bền nhất, là nơi ông có thể kết hợp hài hòa giữa tình yêu cách mạng và tình yêu văn hóa, tình yêu khoa học sâu đậm. Cùng với các nhà phôn-clo (folklore) có tên tuổi khác, ông đã đưa bộ môn này trở thành một khoa học xứng đáng với tên gọi của nó.

Hơn hai mươi năm trước, trong một hội nghị khoa học của Viện Sử học, Nguyễn Đổng Chi đã đọc một bản báo cáo nổi tiếng: *Vấn đề viết xã chí trên toàn miền Bắc* (1961) một yêu cầu cấp bách của công tác nghiên cứu lịch sử, văn hóa địa phương. Bản tham luận được nhiều nơi và nhiều ngành văn hóa theo dõi, được nhân bản để tham khảo ở nhiều Ty, Sở văn hóa, và đó cũng là gợi ý để sau này các bộ địa chí có tầm cỡ tỉnh, huyện hoặc xã lần lượt ra đời. Say mê văn hóa dân gian từ những ngày còn rất trẻ trong đó có tình cảm gắn bó với đời sống nông dân, với tâm hồn dân tộc, Nguyễn Đổng Chi đã viết lại *Hát giặm Nghệ - Tĩnh* (3 tập, trong đó có một tập là chuyên luận, và hai tập là sưu tầm)[1], chủ biên *Vè Nghệ - Tĩnh* (2 tập)[2], viết *Ca dao Nghệ - Tĩnh*[3], *Văn học dân gian sưu tầm ở Ích-hậu* (4 tập, 1962 - 1969, chưa in). Đặc biệt hai công trình nghiên cứu được nhiều người biết tiếng, cũng khẳng định uy tín nổi bật của ông trong nghiên cứu văn hóa dân gian, là *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*[4] và bộ sách 5 tập *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* đã nói ở trên[5]. Hệ thống thần thoại ở Việt-nam do những điều kiện

1. Nhà xuất bản Sử học, Hà-nội, 1962 - 1963.
2. Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1965.
3. Viết chung với Ninh Viết Giao, Sở văn hoá Nghệ - Tĩnh xuất bản, Vinh, 1985.
4. Nhà xuất bản Văn sử địa, Hà Nội 1956; 1957.
5. Nhà xuất bản Văn sử địa, Nhà xuất bản Sử học và Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1957 - 1982.

nhất định, đã bị mai một nhiều. Làm cách nào để dựng lại cho hợp lý, không khiên cưỡng, bịa tạc? Nguyễn Đổng Chi đã tham khảo các trường phái thần thoại học châu Âu cũng như châu Á, nhưng ông không bắt chước họ một cách máy móc. Ông không vội dựng ra các đồ biểu, các cấu trúc rắc rối. Tuy vậy, đọc ông sẽ thấy ông đã khéo dẫn dắt để thần thoại Việt-nam được nhìn nhận như một hệ thống, tuy đã vỡ đi và chỉ là những mảnh còn sót lại nhưng vẫn mang bóng dáng của một hệ thống có bản sắc, trong quan hệ giao thoa phức hợp với các hệ thống thần thoại láng giềng, với thần thoại các dân tộc anh em. Sau khi sách của Nguyễn Đổng Chi in ra, một số cuốn đã lọt vào miền Nam và có một học giả Sài-gòn lấy gần như nguyên xi các luận điểm cũng như cả hệ thống truyện đã thành một kết cấu trọn vẹn của tác giả, để cho vào một cuốn sách của mình. Kết quả họ bị dư luận tố cáo, thậm chí bị đưa ra tòa án văn chương[1].

Bộ *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* cũng được xây dựng trên một nguyên tắc gần giống với cuốn *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*. Nguyễn Đổng Chi rất tâm đắc với anh em Grim (Grimm) người Đức trong khi xây dựng hệ thống truyện cổ. Ông không hề sa vào quan điểm máy móc, đôi khi hiện đại hóa một cách lộ liễu, như vẫn thường thấy trong một số bộ cổ tích xuất bản những năm sáu mươi trở về trước. Và 200 truyện cổ mà ông tìm tòi, xây dựng, sàng đi lọc lại[2], với một phong cách ngôn ngữ riêng, giản dị, truyền cảm, với sự khảo dị so sánh rất dày công kho tàng truyện cổ đồ sộ trên thế giới, có thể nói đúng là kho tàng mang rõ nét tâm hồn Việt-nam, kết tinh những gì tiêu biểu cho tư duy nghệ thuật tự sự dân gian Việt-nam, qua phong cách kể chuyện truyền cảm, sinh động, dí dỏm, mà nhiều nhà nghiên cứu phôn-clo như Lê Văn Hảo, Vũ Ngọc Khánh, Tạ Phong Châu đều thống nhất đánh giá rất cao. Trong một bài giới thiệu hai tập I và II của bộ sách, trên tập san *B.E.F.E.O*, số 1 - 1964, Tiến sĩ dân tộc học Lê Văn Hảo đã viết: "Mặc

1. Xem Đường Bá Bổn. *Điểm sách "Việt Nam văn học toàn thư", Tạp chí Văn hóa Á châu (Sài Gòn), số 18; tháng IX - 1959, và xem Trà Linh: Về giải thưởng Sài-gòn 1973, Tạp chí Văn học,* số 2 - 1974.

2. Trong nhiều lần tái bản, tác giả có thay một số truyện này bằng một số truyện khác nhưng vẫn giữ nguyên con số 200 truyện.

dù chỉ mới công bố được một phần, phần thứ hai này của bộ sách đã có nhiều phẩm chất đáng lưu ý: trước hết là văn phong của tác giả trong khi kể chuyện, giản dị, linh hoạt, sôi nổi, lúc hóm hỉnh, lúc hiện thực, rất thích hợp với loại hình truyện kể. Về phương diện này phải thừa nhận sự ưu việt của Nguyễn Đổng Chi so với những tập truyện cổ của các tác giả đương đại khác. Ông có cái tư chất của một nhà văn biết ghi lại trung thành niềm hứng khởi, nét ngây thơ và sự cảm động của người kể chuyện và nhà thơ dân gian. Một số truyện, dưới ngòi bút của ông, đã trở thành những kiệt tác ngắn gọn và tinh khiết, ở đó sự hiện diện của chất thơ và chất hiện thực được hòa tan vào nhau trong một thể thống nhất (chẳng hạn: truyền thuyết về đá Bà-rầu, I, tr. 205 - 207; truyền thuyết về chim hít cô, I, tr. 80 - 82). Một số truyện khác lại tuyệt diệu ở sự trào lộng và tính cách hóm hỉnh, nó lộ ra từ những tình tiết có ý nghĩa châm biếm đối với một thực tế đầy sóng gió kịch tính, hoặc chen lẫn cả bi và hài (chẳng hạn: truyền thuyết giải thích cái nốt dưới cổ con trâu, I, tr. 136 - 138; truyền thuyết giải thích nguồn gốc ruộng Thác đao; truyền thuyết về người anh hùng nông dân Chàng Lía, II, tr. 125 - 132)"[1]. Hiểu biết sâu sắc tình cảm cộng đồng của người dân Việt nên trong phân loại truyện cổ, Nguyễn Đổng Chi còn khám phá ra một loại hình *cổ tích lịch sử* mà nhiều nước không có. Kể từ những năm 60, các giáo trình ở một số trường đại học trong nước đã đề cập và chấp nhận quan điểm phân loại truyện cổ tích Việt-nam của Nguyễn Đổng Chi[2], xác nhận nhiều ý kiến đúng đắn cũng như phương pháp trình bày của ông về đặc trưng, bản chất và tiến trình lịch sử của sự hình thành nên kho truyện phong phú đó[3]. Trên các tờ tạp chí nước ngoài, có những bài giới thiệu trang trọng về nó, thậm chí có tờ như *B.E.F.E.O* trong cùng một năm 1964, có hai bài giới thiệu[4].

1. Xem toàn văn tiếng Pháp ở cuối tập II.

2. Xem *Văn học dân gian*, 2 tập của Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà-nội, 1972 - 1973; tr. 93, tập II.

3. Xem *Giáo trình văn học dân gian Việt-nam* của Khoa văn Trường đại học Sư phạm Hà-nội, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962; in lần thứ ba 1970, phần viết về thần thoại, cổ tích.

4. Một bài của Đuy-răng (M. Durand) và một bài của Tiến sĩ Lê Văn Hảo (đã dẫn).

Rõ ràng sức làm việc dẻo dai không biết mệt và sự say mê tìm tòi phát hiện đã đưa Nguyễn Đổng Chi lên vị trí một nhà nghiên cứu khoa học xã hội có uy tín và một trong những nhà phôn-clo học bậc nhất của nước ta. Ngay từ giữa những năm 60, một công trình nghiên cứu dân tộc học của Sài-gòn cũng đã có những lời đánh giá nghiêm túc: "Phần đóng góp phong phú nhất vào dân tộc học Việt-nam sau 1955 có lẽ là sự nghiệp sưu tầm và nghiên cứu của Nguyễn Đổng Chi với những tác phẩm về Thần thoại, Cổ tích, Hát giặm Nghệ - Tĩnh, những thiên khảo luận về tục lệ người Việt trong Tết nguyên đán và mùa xuân, về chế độ gia đình của người Việt-nam dưới thời cổ đại ..." [1].

Nhưng Nguyễn Đổng Chi không chỉ là một học giả vùi đầu vào học thuật. Ông còn là một nhà khoa học tận tụy với việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước, không hề biết mệt mỏi là gì. Trước khi vấn đề quần đảo Hoàng-sa trở thành một vấn đề thời sự nóng bỏng, theo yêu cầu của trên, ông đã cặm cụi nghiên cứu các tài liệu và có bản tường trình đầy đủ về quần đảo Hoàng-sa, mảnh đất lâu đời nằm trong lãnh thổ dân tộc, cũng có mặt từ lâu trong thư tịch chí Việt-nam (1970). Vào hai năm 1973 - 1974, theo lệnh Phủ Thủ tướng, ông đã hăng hái khoác áo quân nhân, luồn rừng, trèo núi, đi dọc biên giới phía Tây và phía Bắc Tổ quốc, ròng rã trong 18 tháng để hoàn thành bản điều tra khoa học về biên giới Việt-nam. Cũng từ 1968 - 1974, nhận lời đề nghị của Tổng cục chính trị, ông thường xuyên viết những bài binh vận có lý có tình, viện dẫn các chứng cứ lịch sử sâu sắc, để đọc đều kỳ trên Đài tiếng nói Việt-nam. Sau giải phóng 1975, ông có mặt ngay trong Ủy ban đổi tên đường phố Sài-gòn. Ban Hán Nôm cần có bước chuyển lên thành một cơ quan khoa học đĩnh đạc hơn, ông nhận lời đứng ra xây dựng nó và đề xuất một kế hoạch lâu dài cho một Viện nghiên cứu Hán Nôm trong Ủy ban Khoa học xã hội mà chính ông được cử làm Viện trưởng đầu tiên. Khi quê hương Nghệ - Tĩnh cần đến ông để biên soạn *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh*, ông có mặt không chút ngần ngại. Chỉ trong hai năm 1982 - 1983, sau nhiều chuyến đi khảo sát thực

1. Lê Văn Hảo. *Hành trình vào dân tộc học,* Nam Sơn xuất bản, Sài-gòn, 1966; tr. 135.

địa giữa gió Lào và nắng gắt, bộ sách dày hơn 900 trang đã hoàn thành với sự phong phú về tài liệu mà như Phó giáo sư Vũ Ngọc Khánh cho biết, người chủ biên không những trực tiếp viết phần lớn nhất mà cũng tỏ ra chặt chẽ nghiêm khắc nhất trong khi thẩm tra, duyệt, và viết lại cho người khác. Ông còn hoàn thành phần lớn bộ *Từ điển thuật ngữ văn hóa dân gian* mà ông được Viện Văn hóa dân gian tín nhiệm giao trọng trách chủ biên. Ông cũng mơ ước được sớm bắt tay biên soạn *Từ điển thư tịch Hán Nôm* mà ông khởi sự khá lâu trước khi về làm Viện trưởng Viện Hán Nôm. Hàng kho phiếu tư liệu chồng chất trên bàn ông với đủ các loại mực khác nhau, kiểu giấy khác nhau... nói lên điều đó.

Có thể nói Nguyễn Đổng Chi còn mang trong mình nhiều dự định khai phá bao nhiêu cái mới, cũng như tổng kết thành quả bao nhiêu điều hay mà ông đã một đời tích lũy:

Thân tuy lão, đâu đã cam lão đại,
Sổ về hưu vẫn ngần ngại chửa đăng tên;
Hãy còn dan díu bút nghiên!

Mấy câu kết trong bài ca trù của ông đã nói đầy đủ phẩm chất hoạt động của con người ông. Nhưng có một điều ông không nói ra mà ai cũng thấy, và hôm nay, khi ông đã vĩnh viễn nằm xuống rồi thì càng thấy rõ hơn, đó là tấm lòng trung hậu của Nguyễn Đổng Chi đối với bạn bè, đồng nghiệp, cũng như sự tôn trọng thanh danh ngòi bút của mình. Nhũn nhặn, ít nói, gần như nhường nhịn người khác, và cũng ân cần giúp đỡ người khác chí tình[1], có thể nói Nguyễn Đổng Chi là người không biết nghĩ xấu về một ai, cũng không hề biết nói dối trong học thuật. Đúng như Giáo sư Phạm Huy Thông từng viết: "Anh biết trọng nhân cách của ngòi bút, không nói những điều mình không biết, cũng không biết cách che giấu cái "không biết" của mình"[2]. Chính vì thế mà những điều ông viết ra ai cũng trọng và tin. Tâm hồn giản dị, không

1. Cuốn sách *Hát ví Nghệ - Tĩnh* (1958) còn vụng về của tôi, ra mắt được cũng là nhờ sự khuyến khích và giúp đỡ hết lòng của Nguyễn Đổng Chi. Các bạn trẻ trong khi làm luận án nghiên cứu sinh được ông hướng dẫn, nhận xét, đều có những nhận định tương tự.
2. Báo *Nhân dân*, số 10983, ngày 26-VII-1984.

màng lợi danh, sự xa lạ với những gì hoa hòe, đao to búa lớn, luôn luôn thấm quyện trong phong cách sống cũng như trong ngòi bút của nhà học giả. Và nhìn vào sự nghiệp của ông, những giá trị sáng láng mà sự nghiệp đó để lại, ta khó phân biệt ra đâu là tiếng nói của nhà văn, một người sống hết mình vì công việc với cái say sưa của một nghệ sĩ, với tiếng nói khúc chiết, không ngừng tìm tòi phát hiện, cũng không ngừng dũng cảm phủ định mình, của một nhà khoa học chân chính. Và cả tiếng nói kiên định của một con người có tấm lòng trong sáng, có lối sống bình dị, có tình yêu sâu bền đối với cách mạng.

NGUYỄN CHUNG ANH

Chân dung
NGUYỄN ĐỔNG CHI
(Họa sĩ Diệp Minh Châu vẽ)

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH
VIỆT NAM

TẬP I

PHẦN THỨ NHẤT

NGHIÊN CỨU TRUYỆN CỔ TÍCH NÓI CHUNG VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

I

BẢN CHẤT TRUYỆN CỔ TÍCH

1. PHÂN LOẠI TRUYỆN CỔ, MỘT VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ LÂU, NHƯNG VẪN CÒN RẤT MỚI MẺ

Khi nói đến mấy tiếng "truyện cổ tích" hay "truyện đời xưa", chúng ta đều sẵn có quan niệm rằng, đấy là một danh từ chung bao gồm hết thảy các loại truyện do quần chúng vô danh sáng tác và lưu truyền qua các thời đại. Trong đó, có truyện đượm tính chất hoang đường, có truyện gần với sự thật, có truyện ngụ một ý nghĩa sâu xa, có truyện không quan tâm đến đạo đức triết lý, có truyện mang tính nghệ thuật cao, có truyện hãy còn mộc mạc chưa được gia công tô điểm, có truyện nghiêm trang, có truyện buồn cười, có truyện dài, có truyện rất ngắn, có truyện từ ngàn xưa để lại, có truyện mới đặt gần đây, v.v...

Khái niệm "truyện cổ tích" như vậy thật rộng và phức tạp. Chẳng khác gì nhìn vào một khu rừng trong đấy có nhiều loại cây: cây to, cây nhỏ, gỗ tốt, gỗ xấu, mọc chằng chịt lẫn lộn. Cũng vì thế, xác định đặc trưng từng loại truyện cổ khác nhau để đi đến phân loại truyện cổ, vẫn là một công việc hứng thú và luôn luôn có ý nghĩa đối với nhiều nhà nghiên cứu và sưu tầm văn học dân gian từ trước tới nay. Tuy nhiên, cho đến lúc này, công việc đó vẫn chưa hoàn thành, và chưa có một kiến giải nào khả dĩ gọi là thỏa đáng.

Nghiêm Toản và Thanh Lãng cũng như một số người đã không dựa trên một tiêu chuẩn khu biệt xác đáng nào trong khi chia truyện cổ thành những loại truyện như truyện mê tín hoang đường, truyện ma quỷ, truyện thần tiên, truyện ái tình, truyện luân lý, truyện tòa án, truyện

nói về người, truyện nói về vật, v.v...[1] Bởi vì trong những loại truyện luân lý ngụ ngôn, truyện phúng thế hài đàm đâu phải không có những truyện có tính chất mê tín hoang đường. Và ngược lại, trong những loại truyện ma quỷ, truyện thần tiên, cũng chẳng phải là hiếm những đề tài có tính chất ái tình, luân lý!

Cách chia của Nguyễn Văn Ngọc trong bài "Mào đầu" quyển *Truyện cổ nước Nam* cũng chưa đem lại cho ta một sự phân biệt dứt khoát[2]. Ông quan tâm nhiều đến tính thống nhất về mặt hình thức của những loại truyện cổ khác nhau. Chẳng hạn những truyện có kết thúc bằng những câu phương ngôn lý ngữ được ông liệt vào một loại; những truyện có xen lẫn câu ca bài hát lại được chia thành một loại khác. Nhưng quá thiên về hình thức, thậm chí không quan niệm được tính chất linh động của truyện cổ về mặt hình thức, tác giả rốt cuộc đã không vượt khỏi chủ nghĩa hình thức đơn thuần.

Có người không phân loại nhưng có ý sưu tập riêng một số truyện, cho đấy là những truyện của trẻ em (đồng thoại) để mặc nhiên phân

1. Nghiêm Toản trong *Việt-nam văn học sử trích yếu* (Nhà sách Vĩnh Bảo, Sài-gòn, 1949, tr.36), chia làm bốn loại: truyện mê tín hoang đường, truyện luân lý ngụ ngôn, truyện phúng thế hài đàm và sự tích các thánh. Thanh Lãng trong *Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân* (Phong trào văn hóa xuất bản, Hà-nội, 1954; tr. 35 - 60) thì chia làm bảy: truyện ma quỷ, truyện anh hùng dân tộc, truyện ái tình, truyện luân lý, truyện thần tiên, truyện phong tục và truyện khôi hài. Tác giả sách *Truyện cổ dân gian Căm-pu-chia chưa hề in* (F. Martini và S. Bernard: *Contes populaires inédits du Cambodge*. G.P. Maisonneuve, Paris, 1946) thì chia những truyện do các ông sưu tầm làm truyện kỳ diệu, truyện về gốc tích (sự vật), truyện ngụ ý, truyện tòa án, truyện vui, truyện nói về vật, truyện vặt, v.v...

2. "a) Những truyện thuộc về cái lối cổ tích hoặc dã sử, cha mẹ hay ông bà tối tối thường kể cho con cháu nghe; b) Những truyện mà kết cục đã thành câu phương ngôn, lý ngữ, hoặc trái lại xuất xứ từ những câu lý ngữ phương ngôn ấy ra; c) Những truyện thuần về văn chương trong có những câu ca lời hát nôm na mà vui thú, giản dị mà tự nhiên xưa kia đâu đó vẫn thường truyền tụng; d) Những truyện ngụ một cái ý cao xa thuộc về triết lý may ra so bì được với Bách tử bên Trung-quốc và sau này có thể đem vào môn học cổ điển của nước nhà; e) Những truyện vui chơi cười đùa có lý thú để tiêu sầu khiển muộn, nhưng chưa quá thuộc về cái thể "tiếu lâm", các nhà đạo đức nghiệt ngọng vẫn quen chê là nhảm nhí..." (*Truyện cổ nước Nam* (A. Người ta), Thăng Long xuất bản, 1952).

biệt với truyện của người lớn. Nếu có thể cho đây là một tiêu chuẩn thì cái tiêu chuẩn phân loại theo đối tượng thưởng thức ấy kể ra cũng không có gì là phân minh, nhất là đối với truyện cổ Việt-nam! Vì khác với các dân tộc phương Tây, người Việt-nam trước đây sáng tác truyện cổ dường như không có ý định dành một loại nào riêng cho trẻ em cả.

Cũ lẽ do chỗ khó khăn trong việc phân loại nên đã có người dựa vào tính chất ảo tưởng khá phổ biến trong các truyện cổ mà chia đại khái làm hai loại lớn: một loại trong đó ảo tưởng chiếm ưu thế, như các truyện động vật, truyện ma quái, truyện thần tiên, v.v... và một loại truyện tương đối ít nhân tố ảo tưởng hơn như các truyện về sinh hoạt, truyện cười, truyện triết lý, v.v...

Trong sách *Văn nghệ bình dân Việt-nam*[1], Trương Tửu cũng theo lối này. Ông chia toàn bộ truyện truyền miệng thành hai loại: thần kỳ và thế sự. Mỗi loại lại được chia thành nhiều hạng. Ví dụ, loại thần kỳ có bốn hạng: truyện thần tiên, truyện anh hùng, truyện ma quỷ và truyện nói về con người. Loại thế sự thì có các hạng: truyện tiếu lâm, truyện khôi hài, truyện ngụ ngôn, truyện nói về nhân tình thế thái, v.v...

Cách sắp xếp này có sự khái quát cao hơn hẳn những người đi trước, song khi đi vào các hạng mục nhỏ cũng vẫn còn dấu vết hình thức. Một truyện triết lý, ngụ ngôn hay khôi hài không nhất định phải ít nhân tố ảo tưởng hơn một truyện anh hùng, truyện động vật. Ngược lại cũng không phải cứ truyện động vật, truyện anh hùng nào cũng đều phải có sự can thiệp của yếu tố thần tiên. Để đạt tới một kết luận định sẵn, tác giả của truyện không từ một biện pháp nào: có thần kỳ hay không thần kỳ đều dùng được cả.

Như vậy, cũng không thể lấy tính chất ảo tưởng làm tiêu chuẩn cơ bản trong việc phân loại truyện cổ. Phân loại như thế, dễ dẫn chúng ta đến một tình trạng khó xử : càng sắp xếp chi li thì những đặc điểm riêng về loại hình, về kết cấu nghệ thuật, và cả những mối liên hệ trong nội dung tư tưởng... của từng loại truyện càng dễ bị lẫn lộn.

Thế thì phải chăng không thể phân loại truyện cổ tích một cách rành mạch được? Chắc chắn không phải. Nhưng để có một ý niệm xác đáng,

1. Hợp tác xã Văn hóa mới xuất bản, Thanh-hóa, 1951; tr.92.

trước khi phân loại cần tìm hiểu thấu đáo *những đặc trưng cơ bản nhất* của từng loại truyện truyền miệng. Đó là phương pháp cần thiết trong khi nghiên cứu văn học dân gian.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH KHÁC VỚI NHỮNG LOẠI TRUYỆN NÀO ?

Trước tiên, chúng ta hãy kiểm điểm lại danh từ "truyện cổ tích" hay "truyện đời xưa" nhiều khi vẫn thường được dùng một cách quá rộng rãi. Người ta dùng danh từ đó để chỉ bất cứ loại truyện nào có thể gắn lên đầu hai tiếng "ngày xưa...". Bây giờ đây chúng ta nên trả lại cái tên **truyện cổ tích** cho môn loại của nó. Còn cái tên dùng để chỉ chung cho tất cả các loại truyện truyền miệng, chúng ta tạm gọi nó là *truyện* khi chưa tìm được tiếng nào thích hợp hơn. Khái niệm "truyện đời xưa" thật ra vẫn không được bao quát, vì ngoài những truyện đời xưa đúng nghĩa ra, không phải không có những truyện mới được sáng tác hôm qua hôm kia, những truyện "đời nay" mà vẫn cứ là *truyện* như thường.

Xác định như thế rồi, chúng ta sẽ gạt ra mấy loại truyện sau đây mà phạm vi bộ sách này không nói tới:

Một là **ngụ ngôn**. Ngụ ngôn là một loại truyện đơn giản, có mục đích rõ rệt là kết cấu câu chuyện phải nói lên một ý nghĩa gì. Cũng có khi nó được người ta dùng để so loại như ca dao, tục ngữ: lấy cái gần nói cái xa, lấy cái dễ nói cái khó, lấy cái cụ thể nói cái trừu tượng. Truyện ngụ ngôn thường rất ngắn, bằng văn vần hay văn xuôi, có một kết luận định sẵn; đó là một bài học luân lý hay một quan niệm về triết lý. Nếu trong cổ tích, dung lượng phong phú của những câu chuyện kể không bắt buộc phải bỏ qua nhiều chi tiết, mà nhiều khi ngược lại, thì đối với ngụ ngôn, do yêu cầu làm sáng rõ cái ý nghĩa đã chuẩn bị sẵn trong truyện, lại cần phải tước bỏ bớt những chi tiết rườm rà. Nói ngoa, nói phóng đại là phương pháp thuyết phục của ngụ ngôn. Tuy nhiên, ẩn sau những hình thức thuyết phục có vẻ vô lý, nội dung ý nghĩa của truyện ngụ ngôn thường lại hợp tình hợp lý. Nhiều truyện cổ tích cũng có ý nhĩa ngụ ngôn nhưng cách xây dựng câu chuyện thì theo một thể tài khác hẳn. Truyện ngụ ngôn có phần giống với truyện tiếu lâm về

nghệ thuật, về ý nghĩa và cả về cười cợt nữa, nhưng lại khác tiếu lâm ở chỗ nó không chuyển thành cái cười phũ phàng, hơn nữa không dâm tục.

Hai là **khôi hài** hay **hoạt kê**. Loại này đặc biệt ở tính chất gây cười. Ngày xưa, những truyện khôi hài được sáng tác có kết thúc trọn vẹn, nghĩa là nhiều truyện cũng có bố cục chặt chẽ, trước sau ăn khớp nhau, có nhiều chi tiết, nhiều sự kiện rườm rà không khác gì thể tài cổ tích. Chỉ có khác với cổ tích là mỗi tình tiết của truyện đều có ý gây cười hoặc mỉa mai bằng cười cợt. Nhưng về sau này thể truyện khôi hài thường ngắn gọn, có khi không đầu không đuôi.

Ba là **tiếu lâm**. Theo đúng nghĩa của nó thì cũng là loại truyện gây cười. Nhưng nếu cái cười ở khôi hài đã có tính chất châm biếm đả kích thì cái cười ở tiếu lâm, châm biếm đả kích còn có phần trắng trợn hơn. Ở khôi hài thì người ta thường kiêng dè những điều dâm tục, nhưng với tiếu lâm, điều đó không thành vấn đề nữa. Khác với nghệ thuật của cổ tích, truyện tiếu lâm cũng như truyện ngụ ngôn thường kết thúc giữa chừng. Nghĩa là câu chuyện bao giờ cũng dừng lại khi mục đích của nó đã đạt, cũng như hình tượng của truyện bao giờ cũng bó hẹp trong khuôn khổ và mục đích quy định.

Điều cần để ý là trong kho tàng truyện cổ tích của bất cứ dân tộc nào cũng đều có một số truyện chứa đựng tính chất vui tươi cười cợt có khi pha lẫn cả tục nữa, nhưng vẫn không có tác dụng gây cười như truyện khôi hài và tiếu lâm. Những truyện đó vẫn là truyện cổ tích vì trước sau chúng vẫn đầy đủ những đặc trưng của truyện cổ tích.

Bốn là loại truyện tạm gọi là **truyện thời sự**. Loại này khác với truyện cổ tích và các loại truyện khác ở chỗ, tác giả của nó không dùng đến tưởng tượng hoặc chỉ dùng rất ít. Nó là truyện có thật, xảy ra ở trong một nước hay một địa phương nhất định. Dưới hình thức một câu chuyện kể ngắn gọn, nó bộc lộ rõ rệt một thái độ. Thường thì bao giờ câu chuyện cũng được chủ quan tác giả hướng tới một kết luận nào đấy. Đó chính là truyện đời chứ không phải mô phỏng, nhại lại truyện đời. Sở dĩ không gọi là truyện đời hay truyện thế sự mà gọi là truyện thời

sự vì loại truyện này vốn xuất hiện nóng hổi và trung thực ngay sau khi sự việc xảy ra, nhanh như một tin báo. Nó cũng là lịch sử mà lại là lịch sử ít bị phóng đại hóa hay thần thánh hóa. Nó khác ngụ ngôn ở chỗ: ngụ ngôn thì châm biếm một cách kín đáo, nhẹ nhàng còn nó khi đả kích thì đả kích táo tợn, nói thẳng nói thật tên tuổi đối tượng mà không sợ vạ miệng chút nào.

Truyện thời sự thường có hai hình thức: có truyện kể bằng văn xuôi, không có hình thức thành văn cố định. Ví dụ những truyện có đề tài về kháng chiến, rào làng, đi dân công, thi đua... gần đây hay là những truyện như: *Tán Cao mổ ruột, Bảo Đại bị Tây bắn què chân*[1] ngày trước. Có truyện đặt bằng văn vần mà ta thường gọi là truyện vè, như vè *Sai đạo* kể chuyện bọn khâm sai núp sau lưng giặc Pháp làm hại đồng bào, hay như vè *Cô Thông Tằm*, vè *Con gái chửa hoang*, v.v... Nên nhớ là không phải bất cứ truyện vè nào cũng đều là truyện thời sự. Có truyện là ngụ ngôn (vè *Con cua*), có truyện là cổ tích (vè *Chàng Lía*).

Đó là bốn loại truyện có hình thức và mục đích rõ ràng, dễ phân biệt.

Ngoài bốn loại này, còn có thể nói đến một số loại truyện khác trong kho tàng *truyện* của chúng ta. Nhưng thời gian và quá trình truyền miệng đã làm cho các đặc trưng của chúng trở nên gần gũi nhau hơn, ranh giới hầu như bị xóa nhòa, nên rất dễ lẫn lộn.

Tuy nhiên nếu đi sâu vào từng truyện, ta vẫn có thể phát hiện ra *thần thoại* và *tiên thoại, phật thoại*. Những loại này tuy giống nhau về hình thức nhưng lại khác biệt về nội dung.

Về **thần thoại** chúng tôi đã có dịp xác định đặc trưng trong quyển *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*[2]. Còn **tiên thoại, phật thoại** hay nói chung là truyện tôn giáo là những loại truyện rất dễ nhìn nhận dù của bất cứ dân tộc nào, vì chúng mang theo dấu ấn rõ nét của một thứ tôn giáo nhất định. Chúng thường xuất hiện từ miệng tăng lữ với mục đích

1. Truyện kể khác với các báo hồi ấy đã đăng. Đại khái: Bảo Đại lên Đà-lạt tằng tịu với vợ một viên quan người Pháp, bị chồng nó ghen bắn què chân. Để che đậy việc đó, Pháp phải cho công bố là Bảo Đại đi săn voi bị sỉa hầm.
2. Nhà xuất bản Văn sử địa, Hà-nội, in lần thứ nhất 1956, lần thứ hai 1957.

tuyên truyền dẫn giải về chủ nghĩa yếm thế. Chủ đề của truyện thường thường là việc nhân quả báo ứng, thoát ly cuộc sống trần tục, v.v...[1].

Gạt tất cả các loại truyện trên ra, chúng ta sẽ chỉ còn lại những loại truyện với cái tên quen gọi là **truyền thuyết, cổ tích**.

Vậy truyền thuyết, cổ tích là gì? Ranh giới giữa truyền thuyết, cổ tích như thế nào?

3. RANH GIỚI GIỮA TRUYỀN THUYẾT VÀ CỔ TÍCH

Truyền thuyết, cổ tích đều là những truyện tự sự nằm trong loại hình tự sự dân gian, do quần chúng tưởng tượng nên, cốt truyện tương đối dài, kết thúc trọn vẹn, các tình tiết được thuật theo trình tự thời gian, và trong không gian ba tầng của người thời cổ: cõi người, cõi trời (bao gồm cả cõi tiên), cõi đất (âm phủ và thủy phủ). Nội dung của chúng, hoặc hoang đường, huyền diệu hoặc không, thường thường đề cập đến những mối quan hệ giữa con người trong xã hội có giai cấp nhiều hơn là giữa con người với tự nhiên. Mục đích là gây hứng thú thẩm mỹ cho người nghe, người đọc, đồng thời cũng để giáo dục họ, nhưng không cốt gây cười, cũng không ngụ ý như các thể loại tự sự dân gian khác.

Truyền thuyết và cổ tích tuy giống nhau trên đại thể, nhưng thật ra vẫn là hai khái niệm cần phân biệt.

Danh từ "truyền thuyết" có một hàm nghĩa cũng khá rộng rãi. Nó thường được dùng để chỉ những câu chuyện cũ, những sự kiện lịch sử còn được quần chúng truyền lại nhưng không bảo đảm về mặt chính xác (có thể do truyền miệng mà sai lạc, đồng thời cũng có thể do tưởng tượng của dân chúng phụ họa thêu dệt mà càng sai lạc hơn). Vì thế, trong quan niệm của nhân dân ta trước tới nay, mấy chữ truyền thuyết có khả năng bao trùm lấy nhiều loại truyện. Cũng do phạm vi quá rộng rãi của khái niệm đó mà đôi lúc người ta còn lẫn lộn nó với cả truyện cổ tích và truyện thời sự nữa.

1. Tiên thoại ở Tây phương (contes des fées) không phải là truyện tôn giáo, đó là cổ tích.

Cho nên, nếu chỉ giới hạn việc định nghĩa truyền thuyết là những truyện trong đó lịch sử bị biến tướng bởi óc tưởng tượng và lãng mạn của nhân dân, nói cách khác những truyện do tưởng tượng cấu thành nhưng có gắn liền với một ý nghĩa lịch sử như quan niệm của một số nhà nghiên cứu nước ngoài[1], thì e không thích hợp với thực tiễn văn học dân tộc. Tình trạng nhập nhằng thường thấy giữa truyền thuyết và cổ tích như trên đã nói, đòi hỏi chúng ta phải có một định nghĩa rạch ròi, dứt khoát hơn.

Giả định rằng truyền thuyết là sự thật được hoang đường hóa còn cổ tích thì hoàn toàn do tưởng tượng tạo nên, nhưng ai mà không nhận thấy có những truyền thuyết như *Sự tích con muỗi, Sự tích hồ Ba-bể*, là hoàn toàn bịa đặt, v.v... Ngược lại, cũng không hiếm gì những truyện cổ tích vốn lúc đầu dựa vào một sự thật khách quan nào đó rồi được tác giả nâng lên thành một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh. Lại giả định rằng truyền thuyết có dính dấp đến lịch sử, còn cổ tích thì không phải như vậy, nhưng trên thực tế, nào hiếm gì những truyện cổ tích có quan hệ ít nhiều đến lịch sử, như các truyện *Chàng Lía, Bùi Cầm Hổ* chẳng hạn?

Theo chúng tôi, điều cần chú ý trước hết là *phần nhiều các truyền thuyết đều chưa được xây dựng thành truyện*. Chúng chỉ mới là từng mẩu truyện. Ví dụ truyền thuyết về Lý Công Uẩn chỉ gồm có hai tình tiết: mẹ vua không chồng mà chửa, sau cho vua làm con nuôi sư Lý Khánh Văn; lúc ở với sư, vua đã đề vào lưng tượng Phật mấy chữ "đày đi viễn châu", đến nỗi hòa thượng trụ trì chùa này nằm mộng thấy Phật từ giã mình đi đày theo lệnh của thiên tử.

Có nhiều truyền thuyết chưa có kết cấu trọn vẹn, chưa nhuần nhuyễn tính nghệ thuật. Ví dụ truyền thuyết ông Đùng bà Đà là chuyện hai anh em ruột lấy nhau bị xử tử, chết thành thần.

Cho nên, *trên từng bước tiến triển của loại hình, nếu truyền thuyết - hiểu theo nghĩa rộng - đạt đến chỗ hoàn chỉnh thì tùy theo nội dung, nó có thể trở thành cổ tích hay thần thoại.* Bởi xét về mặt nghệ thuật, về nội dung ý nghĩa thì tuyệt không có gì khác giữa một truyền thuyết với một cổ tích hay một thần thoại.

1. Cắt nghĩa theo *Bách khoa từ điển La-rút-xơ* (Larousse).

Văn học truyền miệng Việt-nam không có loại anh hùng ca như văn học truyền miệng của đồng bào thiểu số, nhưng có một số truyền thuyết phần nào có mang phong cách anh hùng ca. Theo tìm hiểu của chúng tôi thì có thể ngờ rằng, ngày xưa chúng ta cũng có anh hùng ca với hình thức văn vần. Nhưng có lẽ trải qua bao nhiêu biến thiên lịch sử, đặc biệt là những biến thiên về ngôn ngữ văn tự, loại anh hùng ca đó mất dần đi, chỉ còn lại đây đó những cốt truyện kể bằng văn xuôi mà ta gọi là truyền thuyết. Truyện *Thánh Gióng*, truyện *Khổng Lồ đúc chuông*, truyện *Bố Cái đại vương* chẳng hạn, có thể nguyên xưa đều là những anh hùng ca. Nhưng đã từ lâu, sự lãng quên, sự chuyển hóa của lịch sử... làm cho những thiên anh hùng ca đó chịu những số phận không chút giống nhau. Truyện *Thánh Gióng* trở thành một thần thoại hay một thần tích; truyện *Khổng Lồ* trở thành một cổ tích; còn truyện *Bố Cái đại vương* chẳng hạn thì được các nhà chép sử gạn bớt những yếu tố hoang đường mà trở thành một sự tích lịch sử. Cùng một hiện tượng "tha hóa" kiểu như thế, ngày nay, chúng ta còn có thể lọc được trong thần tích của các làng một số truyền thuyết có dấu vết của phong cách anh hùng ca như *Sự tích thần làng Võng-la*[1], *Sự tích Thánh Chèm*, v.v...

Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, nếu truyền thuyết có thể đứng được

1. Truyện kể rằng có một ông lão đánh cá có ba người con trai đặt tên là Linh, Minh và Cung. Họ có sức khỏe tuyệt trần, có tài võ nghệ. Quân Thục đến đánh. Tản Viên bảo vua Hùng mời ba anh em cầm quân đi đánh. Nhiều trận ác chiến diễn ra. Trong một trận, họ bị quân Thục áp đảo về số lượng, vây bọc tứ bề trong ngoài không thông nhau được. Sau mười bốn ngày nhịn đói, một hôm họ cầu thần, tự nhiên thấy trời đất tối tăm, rồi bỗng xuất hiện trước mặt ba anh em một con bò cái. Anh cả là Linh sai lính hầu vắt được một chậu sữa. Uống xong sữa bò thần, ba anh em thấy sức khỏe tăng lên rất nhiều. Sau đó, hàng đàn bò xuất hiện trên núi cao. Lập tức họ ra lệnh cho mười lăm ngàn quân sĩ vắt sữa uống và sức khỏe quân đội bỗng trở nên vô địch. Họ xông ra đánh cho tan tác địch quân, giết hàng nghìn người, cướp được quân lương khí giới rất nhiều. Khi đoàn quân quay trở về thì chẳng thấy bò đâu nữa. Để nhớ ơn, ba anh em thề từ đấy không ăn thịt bò và hạ lệnh cho dân làng Phao-võng (tức Võng-la, huyện Đông-anh) không được giết thịt bò (X *Võng-la thôn thần tích*). Chúng tôi ngờ rằng những hình tượng uống (hoặc bú) sữa bò thần, và hàng đàn bò xuất hiện để giúp cho mười lăm ngàn quân có sức khỏe vô địch, v.v... là tàn dư của những mảnh thần thoại hoặc truyền thuyết xa xưa lưu lại trong bản thần tích này.

thành một thể loại riêng biệt thì phải gồm những truyện xưa chuyên nói về anh hùng lực sĩ trong thời khuyết sử và thời Bắc thuộc đã được kỳ vĩ hóa, thần thánh hóa. Nhưng số lượng hiện nay biết được cũng không nhiều. Những truyện anh hùng lực sĩ sáng tác trong thời phong kiến tự chủ đương nhiên không thể liệt vào loại truyền thuyết này vì nói chung, trong quan niệm nghệ thuật về con người của chúng, đã có sự khác biệt về chất. Con người ở đây không còn có phong thái chất phác vô tư và khảng khái như các nhân vật anh hùng thời xưa. Nhân vật Lê Phụng Hiểu là một lực sĩ có sức khỏe tuyệt trần, nhưng cái ước muốn của Lê Phụng Hiểu thì chung quy không ngoài ước muốn phục vụ vua chúa phong kiến để cầu danh lợi. Vẻ đẹp của ông đã được một hệ quy chiếu thẩm mỹ khác trước quy định.

Tuy phân biệt truyền thuyết với cổ tích như trên, nhưng ở đây, khi sưu tập, chúng tôi vẫn xếp chung truyền thuyết với cổ tích và coi như là những truyện cổ tích. Bởi vì không những số lượng của chúng ít ỏi, mà về nội dung, những truyền thuyết này cũng đượm ít nhiều phong vị của cổ tích, nếu như không đượm phong vị của thần thoại.

4. ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI CỦA CỔ TÍCH

Như vậy, đặc trưng của cổ tích biểu hiện ở những chỗ nào? Thực cũng khó mà vạch một cách thật dứt khoát ranh giới của thể loại này; vì như ta đã biết, tất cả mọi loại hình tự sự dân gian đều được sáng tạo nên bằng cảm quan nghệ thuật của quần chúng, nên đều mang những kết cấu khá thống nhất, có những mô-típ tương đối ổn định. Thêm vào đó, chúng lại được sáng tác, chỉnh lý và truyền tụng bằng miệng nên cũng ảnh hưởng qua lại với nhau một cách mật thiết. Tuy nhiên, tìm hiểu cho sâu, vẫn có thể phân biệt được loại hình này với loại hình khác trên những nét căn bản. Theo chúng tôi, có ba đặc điểm đáng chú ý hơn cả để nhìn nhận loại hình cổ tích:

Một là, *tính chất cổ của sự việc. Truyện cổ tích được xác định trước tiên ở phong cách cổ của nó.* Gần như bất cứ cổ tích nào cũng không ra ngoài những quy ước về màu sắc cổ của nhân vật và không khí cổ của câu chuyện. Không khí truyền kỳ hoang đường của một số truyện

cổ tích, xét cho cùng cũng xuất phát từ tính chất cổ. Giá thử ngày nay có người phỏng theo cổ tích dựng lên một câu chuyện thậm chí rất hoang đường nhưng lại có những nhân vật ăn mặc theo lối tân thời, đi ô-tô hay xe đạp chẳng hạn, thì dù không hiểu đặc trưng cổ tích thế nào đi nữa, chắc cũng khó có ai ngờ nghệch nhận đấy là một truyện cổ tích được. Dù cho phạm vi hai khái niệm "cổ" và "kim" trong cổ tích không khỏi có lúc lẫn lộn, nhưng mỗi nhân vật, mỗi tình tiết, mỗi hình ảnh của cổ tích đều nhất thiết phải là *một nhân vật, một tình tiết, một hình ảnh vốn có trong truyền thống nghệ thuật xa xưa của văn học dân gian, được nhân dân coi là quen thuộc, đã thấm sâu vào tiềm thức mọi người.* Cũng giống như những miếng trò kiệt tác trong tuồng hay chèo cổ luôn luôn được các đời sau sử dụng lắp đi lắp lại, những mô-típ nghệ thuật đã trở thành tiêu biểu của văn học dân gian, nhất là nghệ thuật vần vè hay truyện kể, cũng *thường xuyên được tái sinh có chuyển dịch ít nhiều trong nhiều thời đại, làm thành kiểu tư duy nghệ thuật đặc trưng của văn học dân gian*, và đó là điều kiện thuận lợi để truyện cổ tích sinh sôi nẩy nở theo phương thức ứng diễn và tìm thấy mối liên hệ loại hình với nhau.

Như vậy, vấn đề xác định tính cổ của truyện cổ tích là *căn cứ chủ yếu vào phương thức cấu tạo hình tượng, sự sắp xếp, xâu chuỗi cốt truyện và mô-típ, mà không nhất thiết căn cứ vào thời điểm lịch sử của câu chuyện.* Những truyện như *Vợ ba Đề Thám* tuy cách ta trên nửa thế kỷ và mang thể tài cổ tích rõ rệt nhưng trong đó có những tên giặc râu xồm, mũi lõ, có súng trường, súng lục... nên vẫn chưa thể nào thừa nhận là truyện cổ tích.

Nó là câu chuyện đã qua nhưng chưa hoàn toàn "cổ". Nó thuộc về loại những truyện mới. Mặc dầu không có mốc giới hạn về thời gian rõ rệt, nhưng một truyện cổ tích cố nhiên không thể là một truyện đời nay và cũng không thể là một truyện dĩ vãng nhưng phù hợp với đời nay hơn là đời xưa, phù hợp với trạng thái sinh hoạt hiện đại hơn là trạng thái sinh hoạt của xã hội cũ. Cái chất liệu dĩ vãng chứa đựng trong đấy thực tình chưa lắng xuống, và chưa được đại đa số nhân dân công nhận là ở bên kia biên giới của cái "mới". Sở dĩ có những câu chuyện mới

sáng tác gần đây có thể liệt vào truyện cổ tích là vì bối cảnh, khí hậu xã hội, phong cách sinh hoạt và tâm lý nhân vật mà chúng được xây dựng, so với bối cảnh, khí hậu, phong cách sinh hoạt và tâm lý của người đời xưa tuyệt không có gì là trái ngược. Cho nên, tính chất cổ là một tiêu chuẩn không thể thiếu được khi nhận định một truyện cổ tích.

Hai là, *trong sự việc được kể đừng có yếu tố gì quá xa lạ với bản sắc dân tộc*. Nghệ thuật cổ tích cho phép tác giả bịa đặt mọi tình tiết, thậm chí bịa đặt những tình tiết không hợp lý. Nhưng đã là cổ tích của một dân tộc thì sự bịa đặt không thể vượt ra khỏi bản sắc dân tộc. Hãy đặt một giả thuyết là có một câu chuyện không kém lý thú và màu sắc cũng rất cổ, lưu hành phổ biến trong khá nhiều người. Có điều, nhân vật trong truyện đáng lý là Bụt, Tiên, hay Ngọc Hoàng thượng đế, thì ở đây lại là... Đức Chúa Trời hay Đức Mẹ Đồng trinh. Chỉ cần thế thôi, câu chuyện đã trở nên xa lạ, đã nhạt đi mất nhiều ý vị của một cổ tích. Nhưng nếu đấy là một truyện ngụ ngôn hay khôi hài thì lại khác. Vai Đức Chúa hay Đức Mẹ vẫn không ảnh hưởng gì đến đặc trưng loại hình của chúng. Miễn câu chuyện có ngụ một ý tưởng sâu sắc hay gợi được cười cợt cho người nghe, người đọc là đủ.

Chúng ta thấy cái tên Đức Chúa hay Đức Mẹ truyền vào Việt-nam từ thế kỷ thứ XVI kể đến nay đã hơn bốn trăm năm mà vẫn chưa thể nào quen thuộc với tâm lý dân tộc. Trái lại, cái tên Bụt, Tiên cũng là mượn của những thứ tôn giáo ngoại lai nhưng đã thành truyền thống, vì từ đã rất xưa, những tôn giáo này từng hóa thân vào đời sống dân tộc, chấp nhận những sự thanh lọc gay gắt, trở thành tôn giáo chung chi phối cuộc sống tâm linh của cả cộng đồng. Đặc điểm này cắt nghĩa tại sao *khi một truyện cổ tích của dân tộc này truyền vào một dân tộc khác, thì phải chuyển hóa thành một truyện mới, hay ít nhất cũng phải mang những mô-típ mới, những màu sắc quen thuộc hoặc gần như quen thuộc với điều kiện sinh hoạt, với tâm hồn của dân tộc mới.*

Cần phải nói thêm là truyện cổ tích thường giàu tính cộng đồng. Giả thử trong truyện có in dấu cá tính của người sáng tác thì cá tính đó cũng phải phù hợp hoặc không phương hại gì đến tính chất chung của tập thể. Có thế, nó mới được tập thể thừa nhận và lưu truyền. Tính

cộng đồng tuy không đồng nhất nhưng có quan hệ khăng khít và là cơ sở của tính dân tộc. Tất nhiên, trong cùng một giai đoạn lịch sử, giữa các dân tộc khác nhau, các tập đoàn người khác nhau vẫn có những ước mơ, hy vọng giống nhau, cho nên thế giới trong truyện cổ tích Đông Tây vẫn thường có những nét gần nhau. Mặc dù thế, truyện cổ tích của mỗi dân tộc vẫn phản ánh xã hội, đất nước, cuộc sống, phong tục, những vấn đề lịch sử cụ thể của dân tộc mình. Dân tộc tính đối với cổ tích quả là một tiêu chuẩn khá quan trọng.

Ba là, truyện cổ tích ít nhiều phải *thể hiện tính tư tưởng và tính nghệ thuật*. Nay ta kể cho nhau nghe một câu chuyện rất xưa về ma. Một con ma gốc đề hiện hình lè lưỡi nát người chẳng hạn. Câu chuyện ấy sẽ không bao giờ trở thành truyện cổ tích được nếu trong đó không bao hàm một ý nghĩa gì về cuộc đời, về con người, hay không có những tình tiết gợi hứng cảm cho người nghe. Không những truyện ma mà ngay cả truyện người, truyện thần, truyện vật cũng chưa hẳn là cổ tích nếu chúng không hướng đến một mục đích nhân sinh cao cả, hoặc có mục đích nhân sinh nhưng lại không tan biến vào trong từng tình tiết của truyện để trở thành một mục đích tự thân, một nhận thức thẩm mỹ sâu sắc. Rõ ràng, truyện cổ tích không phải là một loại truyện suông vô ý nghĩa, cũng không phải là một loại truyện "ngụ ý" tầm thường. Nếu là một truyền thuyết theo nghĩa rộng như trên đã nói, thì lại khác. Truyền thuyết không bắt buộc truyện nào cũng phải có yêu cầu nhân sinh hoặc thẩm mỹ đó.

Tất nhiên, nếu là truyện có ý nghĩa mà lại chỉ đơn thuần chép lại sự thật như truyện thời sự thì cũng không thể gọi là cổ tích. Như chúng ta đã biết, văn học nghệ thuật gắn liền với cái đẹp và do đó nó đòi hỏi sự gia công, sự nỗ lực sáng tạo. Là một loại hình tự sự hoàn chỉnh nhất trong các loại hình tự sự dân gian, yêu cầu sáng tạo này đối với cổ tích rõ ràng là nghiêm nhặt hơn các loại "truyện" dân gian khác rất nhiều. Tác giả truyện cổ tích phải vận dụng trí tưởng tượng, xếp đặt nội dung, bố trí tình tiết, làm cho mạch truyện tiến triển theo một kết cấu nghệ thuật nào đấy để đạt tới kết luận định sẵn. Nói cách khác, truyện cổ tích phụ thuộc rất nhiều vào ý định và tài năng của tác giả chứ không

tùy thuộc hoàn toàn vào những câu chuyện xảy ra tự nhiên trong đời sống hàng ngày. Sở dĩ những sự tích Cố Bu, Ba Vành... không còn mang tính chất lịch sử nữa là nhờ thông qua hư cấu nghệ thuật của tập thể quần chúng nên câu chuyện thực đã được cải biên hoặc cách điệu thành những thiên truyện anh hùng, những nhân vật anh hùng đúng như quan niệm lý tưởng của quần chúng. Tất nhiên, tưởng tượng và hư cấu ở đây sẽ không hạ thấp mà *càng làm cho nghệ thuật truyện cổ tích có giá trị chân thật* hơn hẳn các loại truyện tự sự dân gian khác. Xét về mặt quan niệm nghệ thuật, điều này có khác với phương Tây. Trong cách kể truyện cổ tích của phương Tây, người kể thường vẫn dùng một câu kết nói rõ mình đã "tán dóc", đã "bịa" trong suốt quá trình kể chuyện. Nghĩa là cả người kể lẫn người nghe không ai tin đấy là chuyện thật. Còn ở Việt-nam thì khác: người kể chỉ thực sự thành công khi làm cho người nghe tin rằng chuyện do mình kể đã xảy ra ở đâu đó, tại một địa phương phiếm chỉ nhưng không xa nơi họ đang sống. Cũng chính nhờ tính *chân thật* này mà sau khi đã ngừng kể, câu chuyện vẫn còn sống động, được biến hóa từ địa danh này sang địa danh khác, và truyền đi, qua trí nhớ của nhiều người.

Tóm lại, đặc điểm thứ ba này cho phép ta phân biệt truyện cổ tích với các loại truyện dân gian khác, ở chỗ, nó là một *tác phẩm văn học hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh. Nó là một thể loại đã đạt đến cấp độ cao trong nghệ thuật tự sự truyền miệng, trước khi chuyển sang giai đoạn toàn thịnh của văn xuôi tự sự trong nền văn học viết.*

5. CÓ MẤY LOẠI TRUYỆN CỔ TÍCH ?

Truyện cổ tích bao gồm nhiều thứ: truyện nói về người, truyện nói về vật, về ma quỷ, về Tiên Phật, cả những truyện về Thần Thánh nữa. Nhưng không nên dựa vào đấy mà phân loại. Thực ra đối với cổ tích và ngay cả đối với truyện cổ dân gian nói chung, bất kỳ một sự phân loại nào cũng chỉ có ý nghĩa chính xác tương đối. Nếu cần phải chia, thì theo ý chúng tôi nên chia làm ba loại sau đây:

1. Truyện cổ tích thần kỳ[1].

2. Truyện cổ tích thế sự.

3. Truyện cổ tích lịch sử.

• **Cổ tích thần kỳ** là loại truyện tương đối có nhiều nhân tố ảo tưởng nhất. Những truyền thuyết thần bí, kỳ quái, những truyện người, truyện vật nhưng bên trong đầy dẫy những sự can thiệp của huyền diệu đều có thể xem là cổ tích thần kỳ. Truyện cổ tích thần kỳ còn có một phần là tàn dư của những tưởng tượng gắn liền với mê tín, ma thuật, đồng bóng, và các hình thức tôn giáo của con người nguyên thủy. Tác giả loại truyện này nhiều khi đã dùng những lực lượng siêu tự nhiên để thắt nút, mở nút câu chuyện mà không cần biết có hợp lý hay không. Nhưng chính cái nhân tố ảo tưởng đó tạo nên biết bao tình tiết kỳ thú; nó kích thích cực mạnh trí tưởng tượng của người nghe người đọc, bằng cách đem một thế giới không thực thay thế cho thế giới có thực. Mà trong thế giới không thực đó lại bao gồm những cái nên xảy ra, đáng lẽ phải xảy ra, cho nên chính nó còn giúp người ta hiện thực hóa những ước muốn không tưởng, nghĩa là chỉ trong khoảnh khắc có thể quên bẵng những cái đang xảy ra giữa cõi đời thực để nhập thân vào một thế giới hoàn toàn xa lạ nhưng vốn có những điểm đồng cảm về lý tưởng thẩm mỹ với chính mình. Điều đó giải thích vì sao người nông dân xưa kia có thể tạm quên hết mọi mệt nhọc để theo dõi một cách hứng thú con đường Từ Thức đi tìm động tiên, hay là cùng xuống thăm âm phủ với Thủ Huồn[2].

Trong kho tàng truyện cổ tích nước ngoài, truyện thần kỳ chiếm một phần khá lớn. Đó là đặc điểm của truyện cổ tích dân gian trên thế giới. Hơn nữa có khá nhiều truyện trong đó chứa đựng tàn dư của thần thoại,

1. Trong lần in thứ nhất bộ sách này, chúng tôi dùng khái niệm *cổ tích hoang đường*. Tiếp thu ý kiến của một số nhà nghiên cứu thống nhất với quan điểm phân loại của chúng tôi, chúng tôi xin đổi mấy chữ này thành *cổ tích thần kỳ* cho được rõ nghĩa hơn.

2. Xem các truyện *Sự tích động Từ Thức* (số 130) và *Sự tích sông Nhà-bè* (số 30) ở phần sưu tập truyện.

như truyện cổ tích Ấn-độ, Khơ-me (Khmer) và của một số các nước phương Tây.

• **Cổ tích thế sự** hay **sinh hoạt**, trái với loại truyện trên, là những truyện không có hoặc có rất ít nhân tố ảo tưởng. Đây là những truyện bịa nhưng rất "gần đời thiết thực"; chúng giữ được khá nguyên vẹn sắc thái, âm hưởng, thậm chí, đôi khi cả những hình thức diễn biến chủ yếu của muôn nghìn câu chuyện vẫn xảy ra trong cuộc sống đa dạng của xã hội loài người. Đấy là những truyện như *Của trời trời lại lấy đi... Trộm lại gặp trộm*, *Ông già họ Lê*, *Trọng nghĩa khinh tài*, những truyện mang đề tài kiện cáo, chiến tranh, những truyện phiêu lưu, v.v... hoặc cả những truyền thuyết rất gần với sự thật kiểu *Sự tích dưa hấu*, *Sự tích ông đầu rau*... Truyện cổ tích thế sự chẳng những không làm cho người nghe, người đọc quên mất cõi đời trước mắt mà lại dẫn họ xuyên sâu vào mọi ngõ ngách cuộc đời. Nó không nói đến những cái phi thường, những cái "quái đản bất kinh", nhưng trong cái tầm thường, cái bình dị của các tình tiết, vẫn ẩn giấu một khả năng gây hứng thú mạnh mẽ, hoặc một điều gì đáng thương đáng cảm rất mực.

Nếu có những truyện mà nhân tố ảo tưởng được đem dùng để mở nút hay kết thúc câu chuyện nhưng toàn bộ mạch truyện vẫn không chút xa lạ với lô-gích của đời sống, như truyện *Sự tích chim hút cô* chẳng hạn, thì vẫn có thể xếp vào cổ tích thế sự. Thật ra, tuy kết cục của truyện *Sự tích chim hút cô* có nói đến một đứa bé hóa thành chim, song mạch sống của toàn câu chuyện vẫn không hề chịu chi phối bởi một yếu tố thần kỳ nào. Tác giả vẽ một bức tranh xã hội vẫn thường thấy trong thời đại cũ: hình ảnh thảm thiết của hai cô cháu nhà nghèo giữa tình cảnh đói kém trầm trọng. Tất nhiên, cũng cần phân biệt nó với loại truyện thời sự nói trên kia: một bên là sự thật, một bên là mô phỏng, nhào nặn lại sự thật.

Trong kho tàng truyện cổ tích Việt-nam có khá nhiều truyện loại này. Đây là một đặc điểm mà chúng ta sẽ nói ở phần sau.

• **Cổ tích lịch sử** là những truyện vốn dựa vào một nhân vật lịch sử hoặc một sự kiện lịch sử nào đấy nhưng lại được phát triển thành một câu chuyện hoàn chỉnh, độc lập đối với sự kiện lịch sử ban đầu. Có khi

chỉ mới là một truyền thuyết, một sự tích. Có khi là một truyện hoàn toàn tưởng tượng nhưng nhân vật chính trong đó lại được đội tên của một nhân vật lịch sử. Cũng có thể đấy là một sự thật trăm phần trăm, nhưng không ai bảo đảm phần chính xác. Cố nhiên, cái cốt lịch sử trong truyện phải mang một ít nét đặc biệt phi thường, gợi trí tò mò say mê của người nghe, người đọc.

Loại cổ tích này có mấy hình thức đáng chú ý: có truyện, nhân vật và sự việc bị cường điệu hay phóng đại lên một mức độ nhất định nào đó, như truyện *Rắn báo oán*. Có truyện, yếu tố truyền thuyết vẫn không lấn át mấy yếu tố lịch sử. Yếu tố truyền thuyết chỉ là một ít nét thần kỳ nhẹ nhõm được đem tô vào hay viền vào xung quanh những con người, những sự việc vốn xảy ra trong đời sống thực. Truyện *Bùi Cầm Hổ* là một ví dụ. Có những truyện khác, trái lại, yếu tố truyền thuyết đóng vai trò chủ đạo, còn yếu tố lịch sử thì chỉ chiếm một tỷ lệ rất ít ỏi, như truyện *Khổng Lồ đúc chuông.*

Ngoài ra, như trên đã nói, có một số truyện hầu như không có yếu tố truyền thuyết. Bởi vì nội dung câu chuyện mặc dầu có gắn vào những tình tiết có thể ngờ là bịa đặt, nhưng trước sau cũng rất gần sự thật. Như truyện *Chàng Lía, Hầu Tạo, Quận He....* Những truyện ấy phần nào giống với dã sử, hoặc giống với loại truyện thời sự đã lâu ngày biến thành truyện có tính chất lịch sử. Truyện cổ tích lịch sử có thể là một thể loại mang đậm nét đặc thù của truyện dân gian Việt-nam, bởi lẽ con người Việt-nam xưa nay, do điều kiện lịch sử luôn luôn phải chống ách đô hộ xâm lược để bảo vệ nền độc lập, nên trong tâm thức vẫn gắn bó với "xã tắc", và do đó thường xuyên có cái nhìn "lịch sử hóa" đối với mọi hiện tượng, sự vật.

6. PHÂN BIỆT TRUYỆN CỔ TÍCH VỚI LỊCH SỬ VÀ VỚI TIỂU THUYẾT

Truyền thuyết cũng như cổ tích lịch sử là những truyện có gắn liền với một ý nghĩa, một cái tên lịch sử (tên người, tên đất, v.v...) chứ không phải là lịch sử thực sự. Nhưng *đối với người đời xưa thì truyền thuyết, cổ tích, cả thần thoại nữa, thường bị lẫn lộn với lịch sử.* Khi chép tiểu truyện

Chu An đời Trần, hay Nguyễn Trãi đời Lê, người ta không ngần ngại đưa cả *Sự tích đầm Mực*[1] hay truyện *Rắn báo oán*[2] xen lẫn với sử liệu thực.

Như chúng tôi đã nói "Truyền thuyết có khi là thần thoại bị sửa chữa cho gần với nhân tính, có khi là lịch sử bị thần thánh hóa hay lý tưởng hóa"[3]. Trong những giai đoạn khuyết sử của dân tộc, truyền thuyết, cổ tích lịch sử thường lẫn lộn với lịch sử và sự lẫn lộn này diễn ra từ đã rất lâu, khó lòng còn phân biệt. Có nhiều nhân vật trong thời Bắc thuộc được kể trong sách *Việt điện u linh tập* như Lý Ông Trọng, Lý Phục Man, Trương Hống, Trương Hát hay như bà Bát Nàn, bà Lê Chân, bà Thiều Hoa (theo thần tích đều là nữ tướng của Hai bà Trưng), v.v... ngày nay vẫn làm cho chúng ta ngờ vực không hiểu đó dễ thường là nhân vật lịch sử truyền thuyết hóa hay chỉ là nhân vật truyền thuyết mà thôi.

Điều cần lưu ý là không nên lẫn lộn truyền thuyết, cổ tích lịch sử với những truyện thuộc loại truyện thời sự đã chuyển hóa thành lịch sử, hay những truyện gần như là "liệt truyện" hoặc "giai thoại lịch sử" được ghi vào sách vở ngày xưa, nhưng đồng thời cũng được nhân dân truyền tụng. *Về Ấm Ninh khởi nghĩa*, truyện *Em Tám tự tẩm dầu đốt kho bom Tân-sơn-nhất* đều là những truyện thời sự đã thành lịch sử, truyện *Vua Ngọa Triều* là một liệt truyện, truyện *Công chúa Huyền Trân lấy vua Chàm* là một giai thoại lịch sử.

Nhưng cổ tích lịch sử thường khi là tài liệu bổ ích cho lịch sử. Bởi vì nó là lịch sử do nhân dân kể, theo ý kiến và dư luận của nhân dân. Gor-ki từng nói: "Văn học dân gian có ý kiến riêng của nó đối với hoạt động của Lu-y XI, của I-van Hung đế, và ý kiến đó khác hẳn với cách đánh giá của những pho sử do những nhà chuyên môn viết ra, vì họ không quan tâm lắm đến vấn đề cuộc đấu tranh của các nhà vua chống lại bọn chúa phong kiến đã đem lại những gì cho đời sống của nhân dân lao động"[4].

1. Xem truyện số **29**, tập này.
2. Xem truyện số **158**, tập **IV**.
3. *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, sách đã dẫn; tr.22.
4. Báo cáo đọc ở Đại hội nhà văn Liên-xô năm 1934 (*Gorki bàn về văn học*, tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà-nội, 1970; tr.256 - 257).

Cho nên, cổ tích lịch sử cũng có khi được người xưa coi là dã sử. Có những nhân vật lịch sử như Chúa Thao (đời Mạc), Hầu Tạo (đời Minh Mạng) ta hầu như chỉ được biết qua truyện cổ tích mà thôi. Cũng vậy, nếu không có truyện *Chàng Lía* thì ngày nay mọi người dễ đã quên một anh hùng nông dân khởi nghĩa sống vào khoảng trước thời Tây Sơn, mà sử gia triều Nguyễn chẳng ai buồn chép đến. Nếu khéo sử dụng - nghĩa là không quá lạm dụng - thì cổ tích lịch sử sẽ giúp ích trong một chừng mực nào cho quốc sử.

Sau hết, cũng nên phân biệt truyện cổ tích với tiểu thuyết. Giữa hai loại hình này tuy phương thức biểu hiện có những chỗ giống nhau, nhưng thật ra lại khác nhau trên nhiều nét căn bản.

Tiểu thuyết cũng giống như truyện cổ tích, có thể chia làm hai loại: một loại, câu chuyện bị chi phối bởi yếu tố hoang đường quái đản, và một loại gần với đời sống thực. Tiểu thuyết có khi là những truyện rất dài dòng, với rất nhiều tình tiết, nghĩa là những câu chuyện có một phạm vi bao quát hiện thực rộng lớn, một khả năng tái hiện rất cao mọi diễn biến, màu sắc phức tạp và phong phú của đời sống xã hội mà truyện cổ tích không bao giờ có thể so sánh được. Nhưng tiểu thuyết cũng có khi là những truyện rất ngắn, những cốt truyện đơn giản đến mức sơ sài, hay hơn nữa là những cổ tích được phóng tác.

Khác với truyện cổ tích bắt buộc phải bó hẹp trong tính chất cổ và tính chất dân tộc, tiểu thuyết có thể mở rộng hơn về thời gian và không gian; nhân vật và hoàn cảnh mà nó xây dựng, sống trong thời đại nào và ở bất cứ vùng nào trên trái đất, đều được cả. Nhưng cái "bịa" của tiểu thuyết phải hợp lý. Trái lại, truyện cổ tích gần như lại được phép "phóng túng" về điểm này. Nhiều hình tượng trong cổ tích tưởng như là quá vô lý mà chẳng ai nghĩ đến việc giải thích tại sao lại như thế.

Nếu bằng vào thủ pháp nghệ thuật, chúng ta có thể phân chia tiểu thuyết thành hai loại khác nhau: một là "truyện kể" giống với cổ tích, hai là "truyện tả" khác hẳn với nghệ thuật cổ tích. Thường khi, hai loại vẫn được sử dụng xen lẫn với nhau mà thuật ngữ chuyên môn gọi là trần thuật phối hợp đặc tả. Nhưng dù phối hợp hay không phối hợp thì theo đúng nghĩa của nó, tiểu thuyết phải được tả nhiều hơn là kể. Mô

tả tỷ mỷ nhân vật, sự việc cũng như đi sâu khai thác các cạnh góc khác nhau của cái thế giới bên trong của con người, nhà tiểu thuyết sẽ có vinh dự dựng lại những hình ảnh về đời sống đúng như nguyên mẫu. Và ở đây, đặc trưng loại biệt của một ngòi bút tiểu thuyết trước hết phải là *năng lực tạo hình*. Mỗi nhà tiểu thuyết tạo ra một thế giới riêng, thông qua cái nét riêng không thể lẫn lộn trong thiên bẩm nghệ sĩ của tâm hồn anh ta; nhưng anh ta vẫn phải làm phong phú thế giới ấy bằng phong cách miêu tả, sao cho trong đó cũng đầy đủ mọi diện mạo khác nhau của đời sống, với những tình tiết phức tạp như thế giới ta sống hàng ngày.

Trái lại, thế giới trong truyện cổ tích không cần thiết phải miêu tả chi li. Vì thế mà chúng thường có tính ước lệ. Thời gian, không gian ở đây chỉ còn là những khái niệm phiếm chỉ. Và nếu đứng về một mặt nào đó, chúng bị bó hẹp so với tiểu thuyết, thì đứng về một mặt khác, chúng lại cũng quá rộng, đến nỗi không còn tính cụ thể lịch sử nữa. Cộng thêm vào đó là tính chất truyền miệng, đã làm xích gần thế giới của tất cả các truyện cổ tích Đông Tây lại, khoác lên cho chúng những màu sắc và không khí phảng phất giống nhau. Tất nhiên, truyện cổ tích của mỗi dân tộc vẫn có những điểm đặc thù. Vì cổ tích khác với tiểu thuyết như thế cho nên những truyện cổ tích đã đứng vững xưa nay sẽ không chịu mang hình thức tiểu thuyết hóa. Dĩ nhiên, không phải truyện cổ tích nào cũng chỉ có thể biểu hiện dưới một hình thức khô khan, đơn điệu.

Nói tóm lại, truyện cổ tích là một loại sáng tác văn nghệ của nhân dân. Nó có đặc trưng nghệ thuật riêng biệt không giống với các loại truyện ngụ ngôn, khôi hài, tiếu lâm, cũng như có phần khác với thần thoại, truyện tôn giáo và truyện thời sự. Do tính chất truyền miệng, nó mang hình thức *truyện kể* chứ không mang hình thức *truyện tả*, và do đó cũng không đồng nhất với thể loại tiểu thuyết. Nhưng với khả năng hấp dẫn không kém gì tiểu thuyết, trong một thời kỳ mà tiểu thuyết chưa phải là thứ nghệ thuật phổ cập, thì nó là một trong những loại hình nghệ thuật quan trọng, làm nhiệm vụ giải trí cho dân chúng, đồng thời cũng thỏa mãn nhu cầu cảm thụ thẩm mỹ, nhu cầu giáo dục và đấu tranh trong xã hội.

II

LAI LỊCH TRUYỆN CỔ TÍCH

1. CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN TỪ THẦN THOẠI ĐẾN CỔ TÍCH

Truyền thuyết cổ tích xuất hiện vào thời kỳ nào?

Như ai nấy đều biết, truyền thuyết cổ tích xuất hiện không cùng một thời với thần thoại. Nếu chủ đề của thần thoại thường thiên về giải thích tự nhiên, mô tả cuộc đấu tranh giữa người với tự nhiên là chủ yếu, thì trái lại, chủ đề của truyền thuyết cổ tích thường thiên về giải thích xã hội, mô tả chủ yếu cuộc đấu tranh giữa người với người. Ấy là vì, thần thoại xuất hiện vào một thời kỳ mà mâu thuẫn sau đây nổi lên hàng đầu: con người sống lệ thuộc vào tự nhiên mà lại có khát vọng chinh phục tự nhiên. Trái lại, cổ tích cũng như truyền thuyết xuất hiện vào lúc con người nói chung đã lợi dụng được ít nhiều năng lượng của tự nhiên, nhưng lại vấp phải mâu thuẫn giữa người với người trong sản xuất. Hình thái xã hội mà truyện cổ tích phản ánh, sức sản xuất đã tương đối cao, đời sống con người đỡ chật vật hơn trước, tri thức phát đạt, tình cảm phong phú, nhất là cuộc đấu tranh giai cấp đã có phần gay go quyết liệt.

Nói một cách khác, những truyện cổ dân gian được sáng tác sau thời kỳ nguyên thủy, có nội dung xã hội khác biệt rõ với những truyện ra đời từ trước thời kỳ đó. Mác nói: "Khi con người đã có thể khống chế được thực sự những lực lượng tự nhiên thì thần thoại sẽ biến mất". Có nghĩa là khi mà chủ nghĩa thần linh không còn ngự trị lên mọi lĩnh vực của ý thức; khi trình độ hiểu biết của con người đã được nâng cao; con

người đã tìm được quy luật của một số lớn hiện tượng tự nhiên, biết dùng cái nhân này để tạo thành cái quả kia; thì bấy giờ nghệ thuật thần thoại sẽ phai nhạt ý nghĩa và không còn chức năng thực tế nữa.

Nhưng mặc dù thần thoại mất đi, sự sáng tạo truyện truyền miệng vẫn cứ tiếp tục. Có dân tộc nào mà lại tắt được nguồn cảm hứng nghệ thuật của mình trên con đường phấn đấu gian nan để sáng tạo ra một lịch sử phong phú và một ngôn ngữ giàu có, sinh động? Đương nhiên con đường phấn đấu đó bao giờ cũng đầy huyền thoại, huyền tích. Một nhà nghiên cứu thần thoại có nhận xét: "Truyền thuyết đời cổ chúng ta gọi là thần thoại, thần thoại đời sau chúng ta gọi là truyền thuyết"[1]. Nhận định này về một mặt nào đó đã vạch được mối liên hệ hữu cơ giữa hai loại truyện ở hai thời kỳ. Đúng là đối với bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, ước mơ và khát vọng của quần chúng cũng vượt lên trên thực tại. Ước mơ và khát vọng ấy không những đã chắp cánh cho họ trong sáng tác thần thoại mà còn trong sáng tác cổ tích và truyền thuyết sau này.

Mặt khác, đứng về phương diện thưởng thức thì bên cạnh thơ, truyện là một nhu cầu tất yếu của nhân dân. Loại truyện ngụ ngôn, truyện thời sự thường quá ngắn, thiếu những tình tiết ly kỳ, chưa kết tinh hiện thực một cách đậm đặc, nên không thỏa mãn cảm hứng của nhân dân bằng thần thoại hoặc cổ tích. Nhưng so với thần thoại, thì truyền thuyết hay cổ tích cho phép người ta không những diễn tả dài hơi hơn, mà trình bày được nhiều uẩn khúc hơn, với những nhân vật phức tạp hơn, gần cuộc đời thực hơn. Nói cách khác, nội dung xã hội của mỗi thời kỳ chính là nhân tố hàng đầu quy định sự khác nhau về phương thức tư duy nghệ thuật giữa thần thoại với truyền thuyết và cổ tích. Ở thời đại của truyền thuyết và cổ tích, quan hệ giữa người với người ngày càng phức tạp, đấu tranh xã hội ngày càng gay gắt, thì, kết cấu nghệ thuật của truyền thuyết và cổ tích cũng đòi hỏi phức tạp, nhiều kịch tính hơn nghệ thuật thần thoại.

1. Viên Kha. *Trung-quốc cổ đại thần thoại*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng-hải, 1955.

Truyền thuyết, cổ tích hiển nhiên phải xuất hiện sau thần thoại, tiếp liền với thần thoại. Truyền thuyết hoặc anh hùng ca ra đời vào giai đoạn cuối của thời nguyên thủy chuyển sang thời nô lệ. Truyền thuyết kế thừa nhiệm vụ của thần thoại và phát triển theo hướng xây đắp thêm, làm phong phú và sắc nét dần lên những hình tượng vốn còn mộc mạc của thần thoại. Đây là loại văn học truyền miệng thường được đặt bằng văn vần, có hình thức thành văn cố định. Đồng bào thiểu số nước ta, nhất là đồng bào Tây-nguyên, hiện còn lưu truyền khá nhiều loại truyện cổ bằng văn vần mà họ gọi là *tơ-đrong ha-mon* hay *tơ-lây a-khan* (hay *khan*) mà chúng tôi coi là những truyền thuyết hay anh hùng ca. Vần của những truyện đó rất linh động. Vần liền, vần chân, vần lưng đều có cả. Cũng có những đoạn không cần thiết phải dùng vần. Có những đoạn kể rất vắn tắt, nhưng cũng có những đoạn miêu tả rất dài dòng và văn hoa.

Nhân vật truyền thuyết của người Ê-đê, Ja-rai (Djarai), Ba-na (Bahnar), v.v... hầu hết là những anh hùng lực sĩ, con cháu của các nhân vật thần thoại, có khi chính là nhân vật thần thoại. Ghi-ông Ghi-ở, Rốc, Xét... trong truyền thuyết của người Ba-na đều là dòng dõi của hai ông bà Tạo thiên lập địa. Họ bay lên không trung để đánh nhau, bắt mặt trời mọc lùi trở lại để kéo dài sự sáng mà tiếp tục chiến đấu, v.v... Thế giới của truyền thuyết là thế giới người, nhưng còn đầy dẫy những lực lượng huyền diệu. Hai bản *I-li-át (Ilyade)* và *Ô-đít-xê (Odyssée)* của thi hào Ô-me (Homère)[1] thực chất là những truyền thuyết viết theo hình thức sử thi hay anh hùng ca, trong đó hình tượng thần thoại hãy còn rõ nét.

Càng về sau, truyền thuyết càng gần với cổ tích. Đây là thời đại của những nàng công chúa, ông hoàng tử, thời đại của những tên trọc phú gian tham, những bác nông dân khờ khạo và nghèo khổ. Truyện cổ tích cũng tiếp thu truyền thống của truyền thuyết. Nó được xây dựng trên những mảnh vụn rời rạc của truyền thuyết và thần thoại. Cho nên Grim (Grimm) nhận xét về cổ tích nước Đức có nói: "Những truyện cổ tích dân gian là những tiếng dội cuối cùng của thần thoại ngày xưa". Một nhà nghiên cứu khác là Muyn-le (Max Müller) cũng nói: "Chúng ta biết

1. Nhà thơ cổ Hy-lạp, sống vào khoảng thế kỷ thứ X trước Công nguyên.

một cách chắc chắn rằng phần nhiều những cổ tích về tiên là tàn dư của một thần thoại cổ đã quên mất một nửa, đã hiểu sai và đã xây dựng lại"[1].

Nói chung, tâm lý, tính tình của những nhân vật trong cổ tích đã trở nên phức tạp, không còn mang dáng dấp thô sơ, man rợ mà kỳ thực là giản dị, chất phác của những nhân vật thần thoại nữa. Họ văn minh hơn, đẹp đẽ hơn, thích hợp với những quy chế và lễ nghi của cuộc sống dưới chế độ phong kiến hơn. Nhưng một điều rõ ràng là cùng với những biểu hiện phức tạp trên đây, họ cũng đã mất đi cái bản sắc cũ của họ, những đường nét đẹp đẽ khỏe khoắn vốn có trong những nhân vật thần thoại.

Có thể nói, so với thần thoại và truyền thuyết, tính chất chung của truyện cổ tích là sự đa dạng của tâm lý, tính cách, đặt trong sự phức tạp của những tình tiết. Vì tư tưởng, tình cảm và nguyện vọng của con người gửi gắm vào đây đã lắm uẩn khúc, không đơn giản như trước, và cuộc đấu tranh xã hội thì nhiều màu nhiều vẻ hơn cuộc đấu tranh với thiên nhiên rất nhiều.

2. TRUYỀN THUYẾT, CỔ TÍCH ĐÃ DỰA TRÊN VŨ TRỤ QUAN NÀO ?

Truyền thuyết và cổ tích được thừa hưởng một vũ trụ quan phong phú do người nguyên thủy để lại trong các thần thoại. Nhưng thế giới thần linh lúc này không còn nguyên vẹn tính cụ thể và đơn giản như thời kỳ nguyên thủy. Người ta đem tôn ti trật tự mới có của xã hội loài người áp dụng vào xã hội vốn tự do bình đẳng của thần. Người ta sắp đặt thứ bậc theo chức vụ, phân phối ma quỷ thần thánh theo từng khu vực khác nhau. Lẽ tự nhiên, sau nhiều quá trình "cải tạo" lại, thế giới thần linh dần dần trở thành hình ảnh trung thực của thế giới con người. Vũ trụ quan tự phát của nhân dân kết hợp với hình thức triết lý chính thống, đã chuyển hóa thành một vũ trụ quan mới trong tưởng tượng của dân chúng.

1. Dẫn trong *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* của Cô-xcanh (E. Cosquin: *Contes populaires de Lorraine*, I, Vieweg, Paris; p. IX, X).

Trước hết là *quan niệm luân hồi*. Quan niệm này xuất hiện với loài người từ rất xưa, lúc mới bắt đầu sống định cư bằng nông nghiệp. Từ việc quan sát sự sinh nở của cỏ cây người ta suy diễn ra quan niệm ấy. Con người, và muôn vàn sinh vật khác cũng sẽ cứ chết đi sống lại, hết kiếp này đến kiếp khác, mãi mãi như bánh xe quay! Ở Việt-nam, quan niệm này được bổ sung một cách đầy đủ bằng tư tưởng của đạo Phật. Người ta tưởng tượng ngoài thế giới hiện thực còn có hàng vạn thế giới cũng y hệt như thế giới trần gian, nếu có nơi là nát-bàn thì cũng có nơi là mười mấy tầng địa ngục. Đấy là những chỗ an dưỡng hoặc đày đọa những kiếp người vốn đã có những quá trình tốt hay xấu về đạo đức.

Bên cạnh quan niệm luân hồi, lại có *quan niệm không sinh không diệt*, nảy sinh từ việc quan sát những vật vô cơ trong đời sống, rồi sau đó được đạo thần tiên phát triển thành một thứ tín ngưỡng. Người ta tưởng tượng một thế giới đẹp đẽ, sung sướng, giàu có (Bồng-lai, Dao-trì, v.v...), trong đó những vị Ngọc Hoàng thượng đế, Nguyên thủy thiên tôn, Thái thượng lão quân, cho đến bát tiên, v.v... đều là những nhân vật thoát ra khỏi sự chi phối của luân hồi, trở thành vĩnh viễn không sinh trưởng mà cũng không tiêu diệt. Cõi thế giới đó, người trần nào dày công tu luyện cũng có thể gia nhập được.

Thứ ba là *quan niệm vạn vật tương quan*, có lẽ do tín ngưỡng tô-tem (Totémisme)[1] mà phát triển. Giữa con người với vũ trụ như trăng, sao, sông, núi, mạch đất, cỏ cây, v.v... đều có thể có những mối liên hệ vô hình mật thiết. Quan niệm này thịnh lên với chế độ phong kiến. Ở Việt-nam, quan niệm về phong thủy, cụ thể là việc để mồ mả - một trong những hình thức biểu hiện của quan niệm vạn vật tương quan - có lẽ cũng do phong kiến nước ngoài đưa vào từ thời Bắc thuộc. Nó còn gắn bó với chế độ chiếm hữu ruộng đất.

Chắc chắn ngoài ba yếu tố trên đây, truyền thuyết cổ tích còn mang nhiều quan niệm phức tạp khác. Tất cả hòa hợp với nhau tạo thành một hệ thống quan niệm thống nhất về thế giới mà ta có thể tóm tắt như sau:

1. Thờ vật tổ.

a) Linh hồn bất diệt theo luân hồi.

b) Xác thịt con người cũng như cỏ cây động vật là chỗ trú ngụ của linh hồn.

c) Ngoài cõi trần, chủ yếu còn ba cõi nữa là cõi trời, cõi nước và cõi âm. Mỗi cõi đều có vua quan, có dân chúng, có kẻ giàu sang, có người nghèo hèn.

d) Cõi trần không phải là chỗ ở riêng của người và vật mà còn là nơi trú ngụ hoặc chỗ đi về của thần tiên, ma quỷ.

đ) Thần tiên, ma quỷ, v.v... cũng có phân biệt thiện và ác: có hạng đáng thương, có hạng đáng ghét, có hạng đáng tôn thờ, có hạng đáng sợ mà không đáng thân. Phần nhiều họ cũng chung cảnh vinh nhục sướng khổ như người.

Đó là vũ trụ quan chung của người Việt-nam từ thời kỳ bán khai lại nay. Tất cả mọi thế hệ tác giả và thính giả của những truyện cổ tích xưa và nay đều dựa vào đấy làm nền tảng cho tư duy, để đặt nên truyện và hiểu truyện. Dĩ nhiên, một quan niệm về vũ trụ như thế không còn hoàn toàn giống với vũ trụ quan của thần thoại. Nếu ở một vài truyện thần thoại nào đó có sự đồng nhất về cơ sở thế giới quan với cổ tích thì cũng chỉ là vì những thần thoại này đã được người đời sau tô điểm, thêm thắt, có khi xây dựng hẳn lại.

Tuy nhiên, lại cũng cần phải thấy rằng Thần Thánh Tiên Phật hay ma quỷ trong cổ tích phần nhiều chỉ là phương tiện cần thiết để cho tác giả thắt nút, mở nút câu chuyện mà thôi. Cho nên, không lấy làm lạ khi chúng ta bắt gặp một số truyện về tiên ở châu Âu, trong đó gần như không biểu hiện một vũ trụ quan cổ truyền nào. Nên nhớ tiên thoại (contes des fées) của Tây phương so với tiên thoại của ta có phần khác. Tiên của họ có nhiều phép thuật rất huyền diệu: cưỡi lên chổi để bay, cầm đũa hay xoay chiếc nhẫn chỉ ra vàng bạc, nhà cửa, lâu đài và mọi vật... Họ có tiên tốt phù hộ người trong cơn nguy ngập, lại có tiên ác hãm hại người lương thiện. Nhưng nói chung, thế giới thần tiên của họ không được xây dựng một cách có hệ thống, cũng không liên quan nhiều đến tín ngưỡng như tiên trong tiên thoại hay cổ tích chúng ta.

3. SỰ XUẤT HIỆN VÀ SỰ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyền thuyết và cổ tích có quan hệ không ít đến tín ngưỡng, phong tục của một dân tộc. Ăn sâu vào những tập quán của tư duy, tín ngưỡng và phong tục vốn bao giờ cũng có sức kích thích ảo giác rất mạnh. Cho nên xung quanh phong tục, nhất là tín ngưỡng, thường vẫn có truyền thuyết hoặc cổ tích lưu hành. Nhiều mô-típ hoặc hình tượng trong truyền thuyết và cổ tích còn lại đến nay, mặc dù đã phai nhạt dấu vết nguyên thủy nhưng nếu suy nguyên cặn kẽ và thận trọng, cũng có thể tìm ra các lớp nghĩa tối cổ, phản ánh những phong tục, tín ngưỡng xa xưa mà con người hiện đại rất khó cảm thông (chẳng hạn tục hôn nhân đồng tính ở thời kỳ suy tàn trong truyện *Sự tích đá Vọng-phu;* tục chị em vợ lấy chung một chồng, anh em chồng lấy chung một vợ trong truyện *Tấm Cám*, truyện *Lấy chồng dê*, truyện *Sự tích trầu, cau và vôi;* tục thờ thần rắn và tín ngưỡng hiến tế thần linh trong truyện *Thạch Sanh*, truyện *Tiêu diệt mãng xà*, truyện *Ao Phật*; tín ngưỡng phồn thực trong truyện *Hai anh em và con chó đá*, *Sự tích chim Bắt-cô-trói-cột* (dị bản)...). Có thể nói *tín ngưỡng là vú nuôi của truyền thuyết cổ tích, ngược lại truyền thuyết cổ tích là kẻ tuyên truyền đắc lực cho tín ngưỡng.*

Đặc biệt ở Việt-nam, gần như mỗi một thắng cảnh, mỗi một đền thờ địa phương đều có gắn liền với một hoặc nhiều truyền thuyết, cổ tích. Những sáng tác dân gian đó, bên cạnh nội dung chủ yếu là những sự tích anh hùng hoặc sự nghiệp lớn lao kỳ vĩ của dân chúng địa phương, còn có giá trị là những "bài thơ" rất đẹp, những "tấm bia" nghệ thuật, trong đó ghi chép, ca ngợi, làm thi vị thêm cảnh trí thiên nhiên đất nước của từng vùng. Lẽ cố nhiên, các tác giả dân gian không giới hạn chủ đề tác phẩm ở tính địa phương chật hẹp. Trái lại, bao giờ họ cũng vươn đến những chủ đề có tầm bao quát rộng hơn. Và tính khái quát này không hề ảnh hưởng gì đến giá trị, sắc thái địa phương của câu chuyện. Chủ đề của các truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên, Sự tích đầm Mực, Sự tích bãi Ông Nam, Sự tích đền Còn, v.v...* hầu như là sự biểu dương phẩm chất cao quý của con người. Đó là tinh thần quên cái riêng vì cái chung, quên mình vì nghĩa vụ; đó cũng là tinh thần đấu tranh gian khổ với dục vọng, với bản tính tự nhiên.

Những ý nghĩa giáo dục có tính chất phổ biến như thế, đồng thời lại được biểu hiện trong những hình tượng có nét đặc thù rõ rệt, liên quan khăng khít với lịch sử dài lâu của một con sông, ngọn núi, bãi cát, cánh đồng...; mỗi câu chuyện gây nên lòng tự hào cũng như lòng yêu mến quê hương đất nước của người dân địa phương.

Cũng cần nhớ rằng truyền thuyết cổ tích là lịch sử truyền miệng của những dân tộc chưa có chữ viết; đấy cũng là lịch sử truyền miệng của đại đa số quần chúng không biết chữ. Khi con người có ý thức về sự tồn tại và sự trưởng thành của mình thì việc tìm hiểu quá khứ, bảo tồn ký ức về quá khứ là một nhu cầu tự nhiên và cần thiết. Nhưng cổ tích chép sử theo cách của nó. Nó biết chọn hình ảnh để cô đọng sự kiện; nó biết dùng thủ pháp cách điệu để nhấn mạnh cái mà nó lưu ý. Cây gươm thần trong *Sự tích hồ Gươm* đến với Lê Lợi và trả lại cho rùa vàng là hiện thân của sức mạnh đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm cũng như lòng yêu chuộng cuộc sống thanh bình. Con rắn trong truyện *Rắn báo oán* làm cho chúng ta thấm thía biết bao cái bạo tàn khủng khiếp của chế độ quân chủ chuyên chế đè nặng lên không phải một mà nhiều thế hệ. Cũng thế, những chòm lông xoăn của Ba Vành là một cách hình dung bằng nghệ thuật, cái nhược điểm chủ quan khinh địch của vị đầu lĩnh nông dân trong truyện *Ba Vành*.

Ngoài các sự kiện lịch sử và nhân vật lịch sử ra, một số đặc điểm của hình thái sinh hoạt xã hội đã qua cũng được giữ gìn trong cổ tích. Qua truyện *Chàng rể thong manh*, ta hiểu được tình cảnh gian khổ của người con trai lấy vợ ngày xưa; truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* cho thấy vai trò của cái đình đối với đời sống làng xã, và việc có được một cái đình đĩnh đạc đối với những làng nghèo là một ước mơ, nhiều khi quá sức. Truyện *Hoằng Tín hầu* cho thấy chế độ cung đốn phục dịch trong một thái ấp là cực kỳ vất vả nhọc nhằn đối với người nông dân, v.v...

Cũng như ở thần thoại, trong truyện cổ tích con người vẫn tiếp tục cắt nghĩa những hiện tượng thiên nhiên và xã hội, những hiện tượng lạ lùng bí ẩn mà những hiểu biết về khoa học bấy giờ chưa thể cho phép giải thích rành mạch được. Nhưng khác với cách cắt nghĩa ở thần thoại, lúc này người ta lý luận một cách hóm hỉnh hơn, gần với "tính người" hơn. Nghĩa là đằng sau lời cắt nghĩa có vẻ hoang đường, ngẫu nhiên,

vẫn có ngụ một ý nghĩa sâu sắc về cuộc sống, hoặc có ẩn một mục đích giáo dục.

Dĩ nhiên, không phải những truyện cổ tích nói về thế sự, về sinh hoạt mãi sau này mới có. Nó xuất hiện cũng đã khá xưa, từ lúc con người biết lấy thực tiễn đời sống lao động của mình để trao đổi ý kiến với nhau, giãi bày tâm sự với nhau. Mà cuộc sống lao động của nhân dân thì muôn màu nghìn vẻ, rất phong phú, phức tạp. Chính từ trong bao nhiêu truyện đời phức tạp ấy, người ta rút ra những nét có ý nghĩa điển hình nhất (tức là những nét phổ biến, dễ nhớ, dễ hiểu), những cốt truyện ly kỳ nhất (tức là những truyện dễ gợi tính tò mò say mê của mọi người) để xây dựng nên tác phẩm.

Nhờ những cuộc giao lưu văn hóa, những cuộc gặp gỡ giữa các dân tộc, truyện cổ tích cũng như thần thoại, truyền thuyết được lưu truyền rất rộng. Bằng chứng là có nhiều truyện của những dân tộc sống rất cách xa nhau vẫn mang những nét giống nhau, hoặc phảng phất giống nhau. Truyện *Tấm Cám* không những quen thuộc với nhân dân Việt-nam, mà còn là một cổ tích chung của đồng bào Cham-pa, đồng bào Tây-nguyên, Khơ-me (Khmer), Ấn-độ, Ai-cập, Pháp, Trung-hoa... và vô số dân tộc khác nữa. Nếu đem so sánh tất cả những truyện đó thì sẽ thấy, tuy có khác nhau về chi tiết, nhưng trên đại thể chúng đều giống nhau, chủ yếu là ở đề tài và chủ đề. Điều đó giúp ta phỏng đoán rằng ban đầu chúng đều có chung một cái cốt duy nhất rồi về sau mỗi dân tộc phát triển, hoàn chỉnh câu chuyện theo cách riêng của mình, bằng cách cải tạo và thêm thắt một số tình tiết, hình ảnh phù hợp với đặc điểm dân tộc.

Mặt khác, ngay trong văn học giữa các dân tộc này và dân tộc kia đôi khi cũng có những gặp gỡ đặc biệt lý thú, những sự phù hợp tình cờ về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật. Sự tương đồng giữa một số truyện như *Gốc tích cái nốt dưới cổ con trâu, Sự tích đá Vọng phu*... của ta với những truyện cổ tích dân gian ở các dân tộc châu Á, châu Âu, châu Phi[1] có thể không phải do chúng cùng chung một cốt truyện hoặc do các dân tộc gần gũi nhau nên ảnh hưởng lẫn nhau. Xét cho cùng,

1. Xem dị bản của các truyện số 18, số 32, tập I.

đây cũng là một hiện tượng có tính quy luật. Trong cuộc sống phải phấn đấu với thiên nhiên, phải chống chọi với những thế lực áp bức trong xã hội, nhân loại có những bước đường như nhau, những mục đích, khát vọng như nhau, cho nên trong sinh hoạt và trong tưởng tượng của từng dân tộc cũng tất yếu có những nét trùng nhau hoặc gần giống nhau.

Căn cứ vào đó mà người ta cho rằng trong truyện cổ tích, ngoài đặc tính riêng của từng dân tộc lại còn mang ít nhiều tính chất chung của cộng đồng nhân loại. Có người đã từng nghiên cứu truyện cổ để tìm hiểu bước đường phát triển chung giữa các dân tộc khác nhau. Do mang "tính nhân loại" mà nhiều truyện cổ tích có một giá trị phổ biến, được coi là vốn tinh thần chung cho cả loài người. Mọi dân tộc có thể tìm thấy trong đó một nguồn thông cảm chung. Luôn luôn nó là một cái gì trong trẻo, xinh tươi và lành mạnh.

Hiển nhiên, nói thế không có nghĩa là trong bất kỳ truyện cổ nào cũng đều chứa đựng những nhân tố tích cực, kết tinh sức sống của nhân dân, và phù hợp với xu thế tiến bộ của nhân loại. Không quên rằng giai đoạn thịnh hành của việc sáng tác truyền thuyết cổ tích là thời kỳ công xã thị tộc tan rã, thời kỳ chiếm hữu nô lệ và phong kiến tiếp nối thịnh hành. Trong điều kiện một nền sản xuất lạc hậu, kéo dài triền miên từ cổ đại cho đến hết trung cổ, xã hội loài người đã phải trải qua nhiều nỗi nhọc nhằn vất vả, chịu đựng bao nhiêu thành kiến ngu muội, quằn quại trong bao nhiêu tranh đoạt đầy máu và nước mắt, và bị đe dọa bởi bao nhiêu nỗi lo sợ hữu hình và vô hình. Có thể nói cả một không khí huyền bí tối tăm luôn luôn vây bọc và đè nặng lên đời sống tinh thần của con người. Tất cả những phương diện này đều để dấu vết lại trong các loại sản phẩm tinh thần mà con người còn lưu giữ lại được, trong đó có truyện cổ tích. Và nếu coi đó là hạn chế thì phần tư tưởng hạn chế rải rác trong kho truyện của ta không phải là hiếm.

Sự xuất hiện của truyện cổ tích thường gắn chặt với những đặc điểm về sản xuất, về sinh hoạt, tư tưởng của một thời đại lịch sử, cho nên cũng như thần thoại, nó có thời kỳ phồn vinh và có thời kỳ suy tàn. Thế kỷ của máy móc, của điện tử là thế kỷ suy tàn của truyện cổ tích. Lúc mà tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch bản, điện ảnh, v.v... xuất hiện và trở

nên món ăn tinh thần hợp "khẩu vị" của quần chúng thì cũng là lúc cổ tích bắt đầu lùi xuống địa vị thứ yếu, nếu chưa phải là bước xuống khỏi văn đàn. Huyễn tượng ngày càng được khoa học "giải mã" và tín ngưỡng tuy vẫn còn đầy sức hấp dẫn, cũng thường xuyên bị khoa học tranh chấp và "khoanh vùng" giới hạn. Việc sáng tác những câu chuyện hoang đường vì thế bị hạn chế dần, kết quả là nghệ thuật cổ tích cũng thu hẹp lại.

Tuy có một số ít tác giả bắt chước người xưa đặt nên những truyện tương tự cổ tích, nhưng dù cố gắng đến đâu, nội dung của chúng cũng không tài nào còn mang được cái không khí, cái phong vị của truyện cổ tích nữa. Đó là nghệ thuật của truyện ngắn giả cổ tích, hơn nữa đó lại không phải là những truyện truyền miệng.

4. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích cũng chịu chung cái công lệ của văn học truyền miệng là mọi việc sáng tác, diễn xướng, truyền bá đều có tính chất tập thể. Tác giả của truyện không phải là người của cùng một thời, một xứ, mà là nhiều người, trong những thời gian và không gian khác nhau. Đây là một công cuộc sáng tác và chỉnh lý liên tục, người sau nối tiếp công việc của người trước. Có khi người sau dựa vào cốt truyện của người trước mà đặt ra một truyện khác mới hẳn. Cố nhiên, trong hai truyện đó, truyện nào khỏe mạnh hơn, gợi hứng thú người nghe hơn thì sẽ tồn tại lâu hơn. Cho đến một lúc nào đó, câu chuyện tương đối hoàn chỉnh hay đã được ghi vào sách vở, thì nó sẽ đứng lại.

Đầu tiên, câu chuyện thường xuất phát từ một truyện thời sự hay là một sự thực nào đó. Cốt truyện của nó thường khi rất đơn giản. Truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ*, theo chỗ chúng tôi đoán thì ban đầu hình như là một câu chuyện tình éo le cũng như phần nhiều câu chuyện tình éo le khác vẫn thường xảy ra: con gái một quý tộc nào đó yêu một anh con trai thuộc tầng lớp dưới. Và khi thấy không được cha mẹ ưng thuận, hoặc biết không thể đường hoàng lấy được nhau, cả hai bèn trốn vào rừng hay tìm đến một nơi xa xôi nào đó. Trong khi ấy thì pháp luật triều đình hết sức truy nã họ. Sau cơn tuyệt vọng, họ nhảy xuống một vực sâu hay treo cổ tự tử.

Cốt truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ* đầu tiên có thể ít hay nhiều tương tự thế thôi. Tất nhiên câu chuyện phải đập mạnh vào cảm xúc của nhiều người, và chủ yếu là *làm thức dậy ý thức đẳng cấp tiềm ẩn sâu xa trong lòng đại chúng.* Cái chết của cặp trai gái được quần chúng coi là biểu hiện của tinh thần căm phẫn, của hành động chống đối. Sẵn có đầu óc tín ngưỡng, người ta cho là một cái chết linh thiêng. Từ đó họ lập miếu thờ; mặt khác họ truyền cho nhau nghe thiên tình sử bi đát. Thiên tình sử đó được các nhà văn nhân dân tô điểm và lưu truyền bằng miệng. Vì truyền miệng, nên quần chúng đời sau lại không khỏi thêm thắt sửa đổi ít nhiều cũng như có thể tước bỏ ít nhiều. Khuynh hướng chung là người ta thần thánh hóa nó đi. Rốt cuộc, cặp trai gái đó không chết nữa mà bay lên trời.

Nhiều truyện cổ tích khác như truyện *Hai bà Trưng*, truyện *Vợ chàng Trương* cũng được thần thánh hóa theo hướng ấy. Đó là mong muốn chủ quan của tác giả và cũng là nguyện vọng của nhân dân. Nhân tố chủ quan này đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành một số truyện cổ tích. Nói cách khác, một số chi tiết, một số hình tượng và mô-típ của truyện đều được sửa chữa, thêm bớt một cách có ý thức để tiến đến chỗ định hình. Và, đến đây, *một truyền thuyết, một sự tích được nâng lên địa vị văn học.*

Cho đến sau đời Triệu Quang Phục (ở thế kỷ thứ IV), truyện *Sự tích đầm Nhất-dạ* lại còn được thêm vào đoạn cuối kể chuyện Chử Đồng Tử cưỡi rồng giúp đỡ họ Triệu chiến thắng quân xâm lược. Tóm lại, *trên cơ sở hiện thực và lãng mạn, nhân dân lao động trong một quá trình lâu dài đã dựa vào tưởng tượng, phối hợp giữa tín ngưỡng và nguyện vọng của mình, ảo hóa một câu chuyện thực thành một truyện cổ tích.* Đồng thời, câu chuyện đó cũng được nhân dân dùng để giải thích hiện tượng biến đổi của tự nhiên. Trên thực tế, đầm Nhất-dạ[1] có thể do ảnh hưởng của một cuộc địa chấn, hoặc do một con sông bị bồi lấp mà thành. Nhưng ở đây thực tế đó không có ý nghĩa gì và bị che khuất đi đằng sau một vấn đề xã hội. Nguyên nhân tự nhiên đã được thay thế bằng nguyên nhân xã hội.

1. Nghĩa là cái đầm xuất hiện trong một đêm.

Thiên tình sử Chử Đồng Tử - Tiên Dung được tô điểm sửa chữa đến đây hầu như là đã hoàn thiện. Nhưng từ ngày đạo thần tiên thịnh hành ở Việt-nam thì đám đạo sĩ bèn lợi dụng nó, đem tô điểm cho nó một nước sơn tôn giáo. Tiên Dung và Chử Đồng Tử vốn sẵn có một tâm hồn "coi tình yêu trên hết" sẽ khinh thị tất cả mọi của cải ở trên thế gian và như thế rất lợi cho việc truyền bá thứ tôn giáo yếm thế của Đạo giáo. Hai nhân vật chính đó sau khi thông qua nhãn quan của tầng lớp đạo sĩ, bỗng trở thành những vị thiên thần bất tử, đi mây về gió, ra oai tác phúc trong nhân dân. Chử Đồng Tử thế là thành một vị tổ trong tôn giáo thần tiên, mà người ta gọi là Chử Đạo tổ. Giới đạo sĩ lại còn nối thêm vào truyện một khúc đuôi như sau: khi hai vợ chồng đã thành tiên rồi, một lần đi qua làng Ông-đình (Hưng-yên) họ dùng gậy phép cải tử hoàn sinh cho một số người chết. Và cũng ở làng này, Chử Đồng Tử lại có lấy thêm một người vợ tiên thứ hai nữa tên là Ngãi Hòa, v.v...

Ngoài những truyện có cốt cách hoàn chỉnh như *Sự tích đầm Nhất-dạ* ra, trong kho tàng truyện cổ của ta vẫn không hiếm những truyền thuyết đang giữ nguyên cốt truyện lúc ban đầu, *chưa được trau chuốt tô điểm, hoặc đã được trau chuốt tô điểm, nhưng chưa chuyển hóa đầy đủ thành một áng văn có tính nghệ thuật.* Hãy mượn một truyền thuyết của đồng bào Mường ở Hòa-bình làm ví dụ.

Truyện kể rằng có một đôi trai gái yêu nhau, từng ăn thề với nhau, nhưng không được gia đình hai bên đồng ý. Họ bèn đưa nhau vào rừng tự vẫn. Khi bỏ nhà ra đi người con gái có mang theo một rổ tằm. Vì gặp người, nên họ bỏ chỗ đã định trước, tiến vào sâu hơn rồi cả hai thắt cổ ở Cồn Mòi. Bây giờ, ở nơi đó có nhiều hòn đá giống hình những con tằm và một hòn đá khác giống hình một cái rổ. Làng Khênh là làng sở tại có dựng miếu thờ đôi trai gái. Họ tôn làm thành hoàng của làng[1].

Đây là một sự thật đã bắt đầu được ảo hóa. Để giải thích hình thù lạ lùng của những hòn đá, người ta khéo thêm vào câu chuyện một cái rổ tằm là hình ảnh có sẵn trong sinh hoạt thực tế của nhân dân. Tuy nhiên, câu chuyện chỉ đến đó là dừng lại. Chưa có cơ hội để các nhà

1. Theo Grốt-xanh. *Hòa-bình, tỉnh của người Mường* (P. Grossin: *La province Mường de Hòa-bình*, in lần thứ hai, Hà-nội, 1926; p. 66).

văn nhân dân cải biên, phát triển thêm nữa. Nó chưa phải là một sáng tác hoàn thiện.

Có thể nói tất cả những sự việc hoặc éo le hoặc kỳ lạ, v.v... xảy ra trong cuộc đời thực, trừ trường hợp hãn hữu, đều là tài liệu rất tốt cho nhà văn nhân dân xây dựng thành truyện cổ tích với nội dung và hình thức thường khi được nâng lên rất cao so với khuôn khổ của câu chuyện thực. Cũng có khi từ một số mẩu chuyện hay một số sự việc có thật xảy ra trong nhiều trường hợp cụ thể khác nhau, nhưng đều có tư tưởng và chủ đề tương tự, nghĩa là có những mô-tip đồng dạng với nhau, người ta đem kết hợp lại để thành một truyện dài hơn, sửa chữa cho thống nhất, rồi dùng một nhân vật lịch sử có thật nào đó làm nhân vật trung tâm cho toàn truyện, như một sợi dây hữu cơ gắn các tình tiết lại với nhau. Truyện *Ông nghè Tân* thuộc trường hợp này.

Ông nghè Tân trên thực tế chỉ là một người phóng đãng, không chịu ràng buộc theo lối sống quy củ của nhà nho. Sau khi đỗ tiến sĩ (1842), ông chỉ làm những chức tri phủ, giáo thụ, chứ chưa từng làm thanh tra. Nhưng từ lúc xin thôi chân giáo thụ ở một phủ thuộc Hải-dương, ông nay chơi hạt này, mai chơi hạt khác, quấy nhiễu bọn quan lại địa phương. Hồi ấy có lệ mỗi năm triều đình đặc phái ngự sử từ kinh đô ra xứ Bắc tra xét tình hình quan lại. Nghè Tân thỉnh thoảng đến các hạt làm thơ nôm dạy trẻ em chăn trâu hát. Quan bản hạt nào đó vô phúc để ngự sử sao chép được bài thơ đệ về kinh thì sẽ bị tội. Vì thế, tuy không có chức vụ gì, ông đi đâu ai cũng sợ, phải trọng đãi, tống tiễn hẳn hoi[1]. Tất cả những tài liệu đó đều là đề tài rất quý của nhà văn nhân dân thuở bấy giờ. Chả là hồi đó dân chúng đang vô cùng cực khổ vì nạn tham quan ô lại. Cho nên, ông nghè Tân trong truyện được cường điệu hóa một cách nhanh chóng và bất ngờ, vượt xa hành trạng của một nghè Tân bằng xương bằng thịt. Đó là một viên thanh tra của triều đình cải trang làm cho bọn quan lại sợ mất mật. Đó cũng là một anh chàng nho sĩ ranh mãnh, chơi chữ rất tài tình. Những hoạt động của nghè Tân qua các mẩu chuyện, các bài thơ như "giả danh phó cối đề thơ ở công đường", "ném cáng quan phủ xuống bùn", "vịt biết nói", v.v... đều là

1. Theo Tiên Đàm. *Sự thực về ông nghè Tân*, trong *Tri tân*, số 30 (1942).

những tình tiết biểu lộ tinh thần đối kháng của nhân dân đối với giai cấp thống trị mà tác giả phản ánh trung thành vào truyện. Rồi cuối cùng, người ta sẽ gộp những mẩu chuyện dân gian đó lại và tạo thành một truyện dài có nội dung tư tưởng thống nhất.

Do đấy, suy rộng ra một chút, ta thấy trong sách sử có nhiều câu chuyện hoặc thơ văn được trưng dẫn hiển nhiên như những sự kiện lịch sử có thật, nhưng thật ra có khả năng đấy là sáng tác của nhân dân từ mọi nơi góp lại (tương tự truyện *Ông nghè Tân*) hơn là những sự thật lịch sử. Chẳng hạn như những mẩu chuyện và bài thơ có khẩu khí đế vương đã được gán cho Lê Thánh Tông; một số giai thoại và câu đối hóm hỉnh được gán cho Mạc Đĩnh Chi làm lúc đi sứ Trung-quốc...

5. TÁC GIẢ TRUYỆN CỔ TÍCH

Trước tiên chúng ta sẽ nói đến những phần tử trí thức tức là hạng nho sĩ hay tăng lữ. Bọn họ thuộc nhiều tầng lớp khác nhau và có những khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

Có hạng có vai vế trong xã hội: hoặc chịu tước lộc của triều đình, hoặc làm môn khách, gia thần cho quý tộc địa chủ ở một địa phương nào đó. Họ am hiểu tường tận tâm lý, tính cách tầng lớp thống trị cũng như có vốn kiến thức đáng kể về cuộc sống "hậu trường" sâu kín của tầng lớp này. Chính vì thế, họ sáng tác khá nhiều những truyện xung quanh một ông vua, một ông quan, một thổ hào, một ông sư, hoặc những truyện về thi cử đỗ đạt, về phong thủy, bói toán, cúng dàng, v.v... có khi khá ly kỳ huyền ảo. Nào truyện Gia Long khi bị quân Tây Sơn đánh đuổi đã gặp những cái may gì mà thoát nạn; truyện mả tổ nhà Trần đã "kết" như thế nào để từ một dòng họ đánh cá ở Túc-mặc mà trở nên đế vương, rồi vì sao cũng dòng họ ấy về sau lại trở nên suy đồi, cái ngai vàng lại về tay người khác; truyện Nguyễn Trật nhờ thần giúp đỡ ra sao để cho một kẻ học dốt như ông cũng có tên trên bảng tiến sĩ; truyện mười tám ông sư vì sao đã đâm đầu một lượt xuống nước để trở thành Phật La hán, v.v... Họ còn đứng trên quan điểm chính thống để sưu tập và chỉnh lý truyện cổ dân gian. Những truyện của họ nhìn

chung thường mang dấu ấn khá nặng của chủ nghĩa định mệnh, chủ nghĩa sùng bái cá nhân... Chúng góp phần tuyên truyền cho chế độ quân chủ hay cho tôn giáo yếm thế. Tuy vậy, nhiều truyện cũng hé ra không ít những ý nghĩa tích cực về cuộc sống, mặc dầu có thể ý nghĩa đó đã trở thành kinh điển. Nhất là những truyện của các tác giả sống tương đối gần gũi nhân dân thì vẫn phản ánh được ước mơ và quyền lợi của nhân dân đến một chừng mực nào.

Một hạng nho sĩ khác, thân phận nghèo nàn, sinh hoạt túng bấn, như chúng ta quen gọi là "hàn sĩ" hay "bần sĩ". Họ xuất thân ở nông thôn. Trong thời gian đi học, đi thi, cho đến lúc sinh nhai bằng một nghề nào đó, họ thường sống cuộc đời của kẻ phiêu lãng. Trong cuộc đấu tranh âm ỉ giữa nông dân và địa chủ, họ thường đứng về phía nông dân. Họ rất giàu tưởng tượng, lại là những người hóm hỉnh, thích đùa nghịch, dám chĩa mũi nhọn vào những kẻ khác có khi quyền thế hơn, dám nhìn thẳng vào mọi thói xấu của chúng, dám đem nó ra mà đùa, mà châm chọc, mà thỏa mãn khoái cảm của mình. Những truyện do họ sáng tác nói chung có nhiều loại, kể cả ngụ ngôn, tiếu lâm, v.v... Trong ký ức của họ hẳn chứa rất nhiều những kinh truyện của bách gia chư tử, trong đó có vô số cổ tích, điển cố của nước nhà cũng như của văn học Trung-hoa. Vào thời gian sống lang bạt ở nông thôn hay ở đô thị, họ lại lượm lặt thêm được không ít tài liệu thực tế sinh động. Nhờ có vốn sẵn như thế cho nên họ sáng tác được nhiều truyện vừa ly kỳ vừa ý vị và nói chung được nhân dân ưa thích.

Truyện *Tú Uyên* có thể là một ví dụ. Đây chắc là sáng tác của một nho sĩ, hơn nữa một "bần sĩ". Những truyện cũ như "Người lấy ma", "Ma trêu học trò", những tích xưa như "Thư trung hữu nữ nhan như ngọc", "Lộng Ngọc Tiêu Sử", "Vu Hụu thả lá", v.v... đã gây nhiều cảm hứng rất đẹp cho tác giả và ảnh hưởng ít nhiều đến phương pháp nghệ thuật của câu chuyện. Nhưng điều quan trọng hơn là ở kinh đô Thăng-long thuở ấy quả cũng chẳng hiếm gì những mỹ nhân làm mê hồn nhiều nho sĩ. Và tất cả, mộng và thực, tâm tình và ước vọng lãng mạn của họ, đã được nhào nặn lại để thành một câu chuyện tình duyên, trong đó ảo tưởng được nâng lên đến cao độ.

Truyện *Ông nghè Tân* như trên đã nói, có lẽ là do một số nho sĩ có tư tưởng chống bọn quan lại tham ô đặt ra. Tác giả dựa phần lớn vào các sự kiện có thực để tạo nên tác phẩm, chứ không dùng hay rất ít dùng đến nhân tố hoang đường.

Đáng để ý nhất là những phần tử trong tầng lớp nô tì, tôi tớ, trong đám người phải đi phu, đi lính cho bọn thống trị. Những người có phần được sống tập trung, lại có cơ hội đi nhiều nơi, tai nghe mắt thấy được nhiều sự việc. Nói chung, chẳng những họ là người có điều kiện lưu truyền mà còn có khả năng sáng tác ra truyện. Những truyện do họ kể có khi là sự thật đã bị biến tướng bởi tâm lý chủ quan của chính họ và những người xung quanh họ; có khi là những truyện cổ tích của những vùng xa xôi nào đó được họ sửa chữa cho hợp với phong tục, tín ngưỡng địa phương. Thôi thì phong phú không thể kể xiết!

Có những truyện bí mật từ trong cung cấm: nào là bà chúa nọ tư thông với đầy tớ (*Hà Ô Lôi*); nào là ông vua kia mê người nữ tỳ (*Chị Ả*). Có những truyện từ trên rừng xuống (*Thần giữ của, Ma cà rồng*); từ dưới biển lên (*Giặc Tàu ô, Sự tích đền Cờn*); truyện trong Nam, ngoài Bắc; truyện chiến tranh; truyện kiện cáo; truyện dịch tễ, v.v... Tất cả những loại truyện đó, qua trí tưởng tượng của họ đều được dọn lại cho súc tích, tô điểm thêm cho hấp dẫn và có tính kịch, rồi lan đi rất nhanh. Một khi đã vào trí nhớ nhân dân, nhân dân không bỏ lỡ cơ hội xây dựng, sáng tạo thêm một số tình tiết nữa, rồi phổ biến khắp nơi trong nước.

Những người làm nghề hát xẩm, kể vè cũng là những tay sáng tác và lưu truyền rất đắc lực truyền thuyết và cổ tích. Họ là những nghệ sĩ sống nhờ dân chúng và sáng tác theo truyền thống của dân chúng. Cái nghề của họ không phải mới xuất hiện gần đây mà đã có từ xưa. Giữa xã hội thị tộc trước kia, những người có khả năng hát và nhớ truyện rất được nhân dân quý mến chiều chuộng. Trong những buổi hội họp đông đúc, họ được mời ra biểu diễn, làm cái việc giải trí cho nhiều người. Những truyện mà họ kể cho người nghe có lẽ đều bằng văn vần, do chính họ hay những nhà văn khác, trước họ, sáng tác.

Thời kỳ của chế độ nô lệ, phong kiến, trong cung đình có một hạng nghệ sĩ chuyên phục vụ cho vua chúa, quý tộc. Bên cạnh những "thằng hề", "con hát", bọn họ được trọng dụng không kém. Quyển *Nghìn lẻ một đêm* cho ta thấy cái thói ham nghe kể chuyện của các ông vua Ả-rập, Ba-tư ngày xưa. Những truyện được đưa ra kể ở những nơi thâm nghiêm này thường là góp nhặt từ khắp mọi phương trong dân chúng, không loại trừ những truyện tục.

Trong thời kỳ cận đại, ở Việt-nam cũng như ở Trung-quốc, hạng nghệ sĩ chuyên môn kể chuyện cho dân chúng không hiếm gì. Thường ở nông thôn chúng ta trước Cách mạng, mỗi làng mỗi xóm thế nào cũng có một vài người hát tốt giọng và hay nhớ truyện. Những lúc rỗi rãi, họ kể truyện cổ tích, ngâm *Kiều, Thạch Sanh*, v.v... Tiếng họ cất lên, mọi người trong xóm xúm lại bên ấm nước chè xanh say sưa nghe kể. Những nghệ sĩ đó không sinh nhai bằng nghệ thuật của mình.

Bên cạnh đó, cũng có những nghệ sĩ thoát ly sản xuất, thường trổ tài ở chợ búa, thị trấn. Đây là những người hát xẩm, kể vè rong mà sự phát triển quá nhanh chóng của tiểu thuyết, kịch và chiếu bóng nửa thế kỷ lại đây đã cướp mất nghề của họ. Nói đúng hơn là trong sinh hoạt nghệ thuật của quần chúng Việt-nam, bước vào thế kỷ này, bắt đầu có một sự thay đổi quan trọng về phương thức diễn đạt, truyền bá tác phẩm, cũng như về đối tượng thưởng thức nghệ thuật.

Ngày xưa nghề kể vè của ta chắc chắn rất thịnh. Những chuyện vè dài đặt bằng văn vần, xuất hiện khá nhiều. Ngoài những truyện thời sự là chủ yếu còn có truyện cổ tích. Nhu cầu thưởng thức của quần chúng vốn rất đa dạng, các nhà nghệ sĩ do đó cũng thấy cần thay đổi món ăn. Họ bèn tìm tòi trong lịch sử xem có những anh hùng nông dân nào mà tên tuổi bị chìm đắm bởi thời gian, hoặc rút lấy những sự kiện lịch sử mà mọi người đang thèm khát nhắc lại. Họ sẽ đặt thành truyện như vè *Chàng Lía*, vè *Bà Thiếu phó* [1], vè *Vợ ba Cai Vàng*, vè *Thất thủ kinh*

1. Tức là bà Bùi Thị Xuân, nữ tướng anh dũng của Tây Sơn. Truyện này đã thất truyền, nhưng từng được Bít-xa-se (Bissachère) nhắc trong bản ký sự của ông. Xem May-bông: *Tường thuật về xứ Đường ngoài và xứ Đường trong của đức cha Bít-xa-se* (C.B. Maybon: *La relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mgr. de la Bissachère,* Champion, Paris, 1920; p. 100, chth.1).

đô, v.v... Cố nhiên, nhà nghệ sĩ sẽ không quên đưa quan điểm và tưởng tượng của mình hòa vào chất liệu lịch sử. Và ý kiến của tác giả truyện về thì bao giờ cũng có chỗ khác với ý kiến của các sử gia. Nó hợp với lô-gích tư tưởng của quần chúng hơn. Thế là một truyện cổ tích lịch sử ra đời, được nhân dân thưởng thức và truyền tụng có phần hứng thú hơn những cuốn sử ký cũng chép sự việc đó.

Tóm lại, truyền thuyết và cổ tích xuất hiện sau thần thoại. Lúc này con người đã qua thời đại dã man, sống trong những xã hội có cấp bậc, đặc biệt là xã hội nô lệ và phong kiến. Quan niệm về vũ trụ đã có phần khác với thời kỳ nguyên thủy. Nói chung, con người đã nổi bật lên trước lịch sử và bước vào nghệ thuật với tư cách *vai chủ nhân của truyện*. Mặt khác, nội dung phản ánh của truyện cũng đã thay đổi để thích hợp với vai chủ nhân ấy; từ ý nghĩa "tạo lập trời đất", "đẻ đất đẻ nước" nó chuyển sang *mang nặng ý nghĩa về cuộc đời*. Tác giả truyền thuyết và cổ tích phần nhiều là nhà văn nhân dân; họ sáng tác theo truyền thống và nhu cầu của nhân dân, nhưng cũng mang ít nhiều ý thức tư tưởng của giai cấp thống trị.

III

TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

1. THẦN THOẠI, TRUYỀN THUYẾT, LOẠI TRUYỆN XƯA NHẤT CỦA NGƯỜI VIỆT

Trước khi kể truyện cổ tích Việt-nam, tưởng cũng nên giới thiệu sơ qua quá trình phát triển của nó trong lịch sử văn học truyền miệng của dân tộc.

Người Việt-nam đã có sẵn tâm hồn văn nghệ từ rất xưa. Với trí tưởng tượng chất phác ngộ nghĩnh, với trình độ kiến thức còn thô sơ, họ đã biết đặt câu ca lời hát cũng như đặt truyện. Chưa có chữ, họ lưu hành các tác phẩm bằng miệng. Mãi cho đến sau này, tuy chữ viết đã xuất hiện và đã nhiều lần thay đổi, nhưng vì đại đa số quần chúng nói chung đều thất học nên những truyện cũ, truyện mới hầu như vẫn từ cửa miệng này sang cửa miệng khác mà còn lại.

Cũng như các dân tộc khác, người Việt-nam ngày xưa cũng có nghệ thuật thần thoại. Và những truyện thần thoại Việt-nam tuy đơn giản nhưng khá ý nhị, lý thú. Đây là truyền thống văn học dân tộc, là tài liệu về trạng thái sinh hoạt thời kỳ xưa nhất của người Việt. Nó là nguồn gốc của sử và truyện của chúng ta sau này.

Tiếp theo thần thoại, người Việt vẫn không ngừng sáng tác. Từ những truyện hoang đường đầy màu sắc thần linh chủ nghĩa, tiến lên xây dựng những truyện anh hùng lực sĩ, những sự tích về con người nhưng đã được thần thánh hóa. Điều đặc biệt là ở Việt-nam, tín ngưỡng đa thần có từ thời cổ vẫn còn lưu tàn tích mãi cho đến sau này. Nhờ đấy, chúng

ta có thể dễ dàng tìm hiểu nguồn gốc một số cổ tích và truyền thuyết. Hiện nay, trong thần tích của một số làng ở Bắc-bộ có ghi sự tích một số thần như Phù Đổng thiên vương, Sóc thiên vương, Cao Sơn đại vương, Quý Minh đại vương, ba anh em Linh, Minh và Cung, ba cha con Hầu, Đống và Vực, v.v... Đây có lẽ là những anh hùng lực sĩ thời khuyết sử có công với nhân dân, hoặc tập hợp dân chúng chống xâm lăng như Thánh Gióng (Phù Đổng thiên vương hay Sóc thiên vương), hoặc bày vẽ cho mọi người phương pháp sản xuất mới như Cao Sơn và Quý Minh, nên sau khi chết, họ được nhân dân thần thánh hóa sự tích và tôn thờ. Những huyền tích đã mang dạng truyền thuyết đó được lưu truyền bằng miệng. Cho đến lúc nhân dân địa phương ghi lại được bằng chữ viết thì câu chuyện đã trải qua không phải chỉ một lần sửa chữa; trái lại, chúng đã được đắp thêm rất nhiều lớp, rất có thể đã bị biến tướng hầu hết bởi ý thức và tâm lý xã hội đời sau. Mặt khác, vì không còn nhớ đích xác thời gian xuất hiện của từng nhân vật nên đối với nhân vật nào người ta cũng có khuynh hướng đẩy lên thời kỳ xa xăm nhất của lịch sử, cụ thể là thời Hùng Vương và Thục An Dương Vương.

Đồng thời, vô số những yêu ma quỷ quái được tôn thờ từ trước do tín ngưỡng đa thần cũng trở thành những mô hình đặc thù để nhân dân từng địa phương dựa vào mà xây dựng nên hàng loạt mẩu truyện. Thôi thì những truyện thần Rồng (Chàng Cả, Chàng Hai, Chàng Ba), thần Rắn (Hổ mang đại tướng quân), thần Lợn (ông Ỷ), thần Cọp (ông Ba Mươi), truyện Quỷ Xương Cuồng, truyện Ma cà-rồng, v.v... không sao tính xuể. Nhiều truyện yếu tố tưởng tượng được sử dụng khá dồi dào và tinh tế. Nhân tố kỳ ảo làm cho câu chuyện có những kết cấu biến hóa thú vị. Người, vật, ma, quỷ đều được chuyển hóa thành thần.

Do đây, cũng có thể dễ dàng phân biệt thần thoại với những truyện cổ nói về thần linh. Nếu thần trong thần thoại do tưởng tượng của con người nguyên thủy muốn cắt nghĩa bản thân và ngoại giới mà có, thì thần trong thần tích lại do sự thờ cúng và tín ngưỡng phức tạp tạo nên. Sự phân biệt này giúp ta xác định tính loại biệt về sắc thái và tâm lý của hai loại thần. Loại thần sau hiển nhiên sẽ có hình dạng và tâm lý như người chứ không còn chất phác và vô tư như thần của thần thoại.

Cho đến suốt cả thời Bắc thuộc, trên đà tiến triển, xâm nhập lẫn nhau của các thứ tôn giáo, tín ngưỡng phức tạp khác, càng ngày càng xuất hiện nhiều những truyện thần thánh hoang đường. Các truyện *Man Nương, Cao Biền dậy non, Thần Tô-lịch, v.v...* phản ánh hiện tượng đạo Phật, đạo Lão bấy giờ đã ăn sâu vào tâm lý dân tộc và dung hòa với tín ngưỡng gốc của dân gian.

Ngoài loại truyện hoang đường nói trên, người Việt lúc ấy còn có loại truyện cổ nói về lịch sử, về sự tích những anh hùng lực sĩ như Lý Ông Trọng, Hai bà Trưng, Bà Triệu, Bố Cái đại vương, v.v... Loại truyện ấy phần lớn còn lại dưới dạng những kết cấu mộc mạc, phân đoạn, có thể liệt nhập làm một với truyền thuyết lịch sử. Như trên đã nói, truyền thuyết của ta xuất hiện nhiều nhất vào thời kỳ Bắc thuộc. Truyền thuyết *phản ánh cuộc đấu tranh tích cực của nhân dân nhằm giải phóng khỏi ách áp bức dị tộc. Nó là bài ca biểu dương sự nghiệp chống xâm lăng. Nó cũng là lời than vãn, là tiếng vọng buồn rầu, phẫn uất của cả bộ tộc Việt trong điều kiện sống cùng cực dưới nanh vuốt kẻ thù.*

Mặc dầu ngày nay, trong quần chúng nhân dân chỉ còn truyền từng mẩu chuyện rời rạc nhưng có thể ngờ rằng đây là những truyện vốn có đầu có đuôi, có hệ thống và chắc được đặt bằng văn vần như một số truyền thuyết của đồng bào thiểu số. Nếu cố gắng khôi phục cho thật đầy đủ theo đúng phương pháp văn bản học dân gian thì truyện Hai bà Trưng chắc có thể dồi dào tình tiết hơn nhiều. Đó sẽ là một truyện có đủ các nhân vật, từ hai bà cho đến một đoàn nữ tướng đông đảo và gan dạ như các bà Bát Nàn, Lê Chân, Thiều Hoa, Thánh Thiên, v.v... trong đó, diễn ra biết bao nhiêu trận ác chiến giữa các bà và tướng địch mà chỉ có thần tích là còn có ghi lại. Bà Triệu hiện lên qua một vài ghi chép như là một cô gái kỳ lạ: cưỡi đầu voi, chân đi guốc vàng (có khi vú buộc ra sau lưng), khảng khái hiên ngang, còn tài đánh trận thì thật là vô địch đến nỗi kẻ thù không dám "đối mặt". Bố Cái đại vương trong truyền thuyết còn được gắn liền với hình ảnh một con voi có nghĩa mà các bộ lịch sử không hề nói đến, và cũng không nhất thiết phải nhắc đến, v.v...

Nói chung, tất cả những truyền thuyết sáng tác trong thời Bắc thuộc đều có gửi gắm một tinh thần bất khuất, một ý nghĩa thương yêu nòi giống, căm thù quân giặc xâm lăng giày xéo đất nước.

2. TRUYỆN CỔ TÍCH THỜI PHONG KIẾN TỰ CHỦ

Truyện cổ tích xuất hiện trong thời đại tự chủ có phần đột xuất hơn trước về chất cũng như về lượng. Hầu hết đều thể hiện rõ đặc điểm, tính cách của người nông dân Việt-nam, nói lên quan điểm của họ về số phận và cuộc đời, về cảnh nghèo túng, nỗi đau khổ, những ước mơ và hy vọng. Bên cạnh đó là những truyện phản ánh luân lý, trí tuệ và sức mạnh của người Việt. Ngoài ra, người ta còn sáng tác những truyện cổ tích lịch sử, trong đó hoặc nói về một ông vua (Đinh Tiên Hoàng), một võ sĩ (Lê Phụng Hiểu), một tăng lữ (Từ Đạo Hạnh), hoặc là một thổ hào địa phương (Phạm Bạch Hổ tức vua Mây), v.v... So với truyền thuyết thời Bắc thuộc thì nội dung của truyện bây giờ đã khác trước. Bóng dáng những con người phóng khoáng, hiên ngang, trung thực, vô tư của thần thoại, truyền thuyết đến đây đã quá phai nhạt. Những nhân vật giữ được tầm vóc của quá khứ như ông Khổng Lồ trong truyện *Khổng Lồ đúc chuông* hay *Sự tích trâu vàng hồ Tây*[1] thật là hiếm hoi. Tất nhiên, đấy không phải đơn thuần là một bước lùi. Lịch sử càng đi lên, càng mở rộng tầm thước, thì con người xây dựng nên lịch sử càng phải xuất hiện đúng với vóc dáng của hiện thực, mang sức mạnh của hiện thực.

Nói về nghệ thuật kể chuyện thì thời kỳ này được nâng lên tương đối cao. Ở nhiều truyện, cách miêu tả tuy còn đơn sơ nhưng bố cục đã khá chặt chẽ; có nhiều tình tiết có tính kịch, nhiều tình tiết éo le, ly kỳ, khéo léo đan cài trong các truyện, có khả năng hấp dẫn người nghe ở mức cao. Truyện *Từ Đạo Hạnh* hay *Sự tích Thánh Láng* là bằng chứng cho thấy tác giả truyện cổ tích lúc này không chỉ giàu tượng tượng mà còn sành về thủ pháp biểu hiện.

Có thể khẳng định những loại truyện đó đã kế thừa tốt đẹp truyền thống của nghệ thuật thần thoại, truyền thuyết, và ngoài ra còn chịu ảnh hưởng của truyện cổ tích và phật thoại nước ngoài bấy giờ chắc đã tràn vào đất Việt không hiếm gì. Tuy có một số truyện do những phần

1. Xem truyện số **67**, tập **II**.

tử trí thức phong kiến sáng tác với dụng ý đề cao "đấng bề trên", nhưng lại cũng vì được sản sinh trong thời kỳ tự chủ, chúng vẫn là tiếng vang trung thực của tinh thần độc lập, phong cách cứng cỏi, hiên ngang của cả thời đại (Tô Hiến Thành, Nguyễn Thị Bích Châu).

Đời Trần cũng như đời Lý, đạo Phật trở thành độc tôn. Có khá nhiều truyện đề cao tăng lữ, thường thường là những nhà sư có đạo đức hay có phép thần thông biến hóa (sư Giác Hải, sư Huyền Quang, cuộc đi tu của Trần Nhân Tông, v.v...). Cũng vào thời này còn xuất hiện cả một số tiên thoại, phật thoại, hay cổ tích như những luận đề nhằm chứng minh cho cứu cánh của tôn giáo (truyện con gái Sở Trang Vương, truyện Từ Thức, v.v...), góp thêm vào kho sự tích các bà Tiên ông Phật vốn đã có trong các bộ kinh tôn giáo từ rất lâu đời.

Trong thời kỳ chiến tranh chống ngoại xâm, dân gian còn lưu lại những truyện cổ đầy khí thế yêu nước diệt thù. Nào truyện *Yết Kiêu*, truyện *Người ả đào với giặc Minh*, truyện *Hai nàng công chúa nhà Trần*, truyện *Phạm Nhan*, v.v... Ngoài ra, lại thêm vô số những truyện về giặc Tàu ô, Khách để của, nói lên thói gian ác quỷ quyệt của bọn cướp biển, bọn đô hộ, và bọn lái buôn, v.v...

Đời Lê tiếp theo đời Lý, Trần có thể tạm coi là thời kỳ toàn thịnh của truyện cổ tích. Hồi ấy, tuồng chèo tuy đã xuất hiện nhưng chưa phải là món giải trí phổ biến của mọi địa phương. Những tiểu thuyết dài ngắn của Trung-quốc các đời Tống, Nguyên, Minh tuy đã tràn sang Việt-nam, nhưng hẳn cũng chưa gây cho văn học bác học của giai cấp phong kiến một trào lưu sáng tác và thưởng thức văn chương tiểu thuyết. Chỉ có truyện truyền miệng sáng tác theo truyền thống nghệ thuật dân tộc là được nhân dân ưa thích. Nhu cầu giải trí, nhu cầu khuyên răn, cảnh tỉnh, giáo dục của dân chúng ngày một lên mạnh, đòi hỏi phải có nhiều sáng tác về loại này. Sinh hoạt của nhân dân là nguồn đề tài rất phong phú của cổ tích. Cho nên, trong kho tàng truyện cổ tích chúng ta, ngoài loại cổ tích hoang đường còn có rất nhiều cổ tích thế sự phản ánh sâu sắc đời sống hiện thực.

Đời Lê và cả đời Nguyễn nữa, là thời kỳ Nho học gần như độc tôn. Người ta đã bớt đề cao vua chúa, tăng lữ mà quay sang đề cao nho sĩ

và tầng lớp quan liêu xuất thân nho học. Nhiều truyện đề cao đạo Nho, tán dương việc thi cử đỗ đạt, ca tụng tài năng, đạo đức của cá nhân nhà nho. Một số sự tích của các nho sĩ được truyền thuyết hóa như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Bùi Cầm Hổ, Lê Như Hổ, Giáp Hải, anh em Lê Nại, Lê Đinh, Trạng Me đè trạng Ngọt, Trần Miên khố chuối, Bà Nghè sáu tiền, v.v... nhiều lắm, khó mà kể hết. Tác giả, hoặc dựa trên cá tính có sẵn của nhân vật mà phóng đại lên, như truyện Lê Như Hổ với cái tài ăn hết mười tám cỗ cơm của vua Trung-quốc. Hoặc dựa vào hoàn cảnh cụ thể của nhân vật mà ảo hóa, như truyện Giáp Hải đi du lịch xuống thủy phủ. Cố nhiên, luân lý đạo đức của Nho giáo chính thống thường được dùng làm chuẩn mực để phân định thiện và ác. Phan Đình Tá trước làm tôi nhà Lê, sau làm tể tướng nhà Mạc được coi là bất trung, và vì thế, đã dẫn đến một hậu kiếp bị đát là làm nghề hành khất. Những truyện đền ơn trả oán trong trường thi hay trong giới quan lại cùng kiểu như thế rất nhiều.

Đồng thời, lúc này cũng xuất hiện nhiều truyện cổ tích có tính chất phản đề bộc lộ những mặt trái của tầng lớp nho sĩ: cá tính ươn hèn, lối sống vô dụng và cái tài "mọt sách" không làm lợi bao nhiêu cho dân giàu nước mạnh. Những truyện *Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng, Của Thiên trả Địa*, là những truyện châm biếm tầng lớp sĩ phu chua cay và sinh động.

3. *VIỆT ĐIỆN U LINH TẬP, LĨNH-NAM CHÍCH QUÁI* VÀ NHỮNG SÁCH SƯU TẦM TRUYỆN CỔ SAU ĐÓ

Vào thời Bắc thuộc đã có những viên đô hộ ghi chép một số truyện cổ của người Việt, như sách *Giao-châu ký* của Triệu Công và Tăng Cổn, sách *Lĩnh biểu lục dị* của Lưu Tuân đều ở đời Đường. Họ ghi chép một số ít truyện, do tính hiếu kỳ hơn là do ý muốn sưu tầm. Nhưng nó cũng chứng tỏ rằng truyện cổ của cha ông chúng ta xưa đã được người nước ngoài để ý trong khi tìm hiểu về đất Việt, người Việt.

Đến đời Lý, Trần, nhà văn phong kiến bắt đầu sưu tầm thần thoại, thần tích và truyện cổ tích của dân tộc. Cần để ý là tất cả những loại

truyện cổ nói chung, dù truyền miệng hay đã ghi chép, của dân gian hay của thống trị, đều không được đa số tầng lớp phong kiến nho học liệt vào hàng văn chương. Tuy không coi đó là nhảm nhí, nhưng họ cũng chẳng có biểu hiện gì thật sự xem trọng. Trong giáo dục và trong khoa cử người ta chỉ nói đến thơ phú mà không thèm giảng dạy đến "truyện" dù là tiểu thuyết hay cổ tích. Nhà văn bác học sở dĩ sưu tầm truyện cổ tích, thần thoại nước nhà là vì mục đích tìm tài liệu bổ sung cho quốc sử nhiều hơn là nhằm bảo tồn văn học dân gian. Trong số những loại sách này có *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên và *Lĩnh-nam chích quái* của Trần Thế Pháp. Quyển sách trên chuyên ghi chép những sự tích đã thần thánh hóa về vua chúa, hậu phi và các thiên thần, nhân thần có đền thờ ở khắp nơi trong nước, dựa vào các thần tích cũ. Chẳng hạn như các truyện *Bố Cái đại vương, Mị Ê, Phù Đổng thiên vương, Lý Thường Kiệt,* v.v... Quyển dưới cũng thế. Quyển này tuy có một số truyện chép trùng với *Việt điện u linh tập,* nhưng - thật là may mắn cho hậu thế - nó lại sưu tầm được một số truyện cổ tích và thần thoại đích thực và có giá trị như: *Chử Đồng Tử, Dưa hấu, Sơn Tinh Thủy Tinh, Lạc Long Quân,* v.v... Nói chung tất cả các truyện đều được chép một cách sơ lược. Tuy nhiên, ngày nay, đó là những tài liệu văn học rất quý báu đối với chúng ta. Qua hai quyển sách đó ta có thể thấy được khái quát tình hình truyện truyền miệng trong thời kỳ này. Có mấy điểm đáng chú ý:

a) Những truyện thần thoại cổ tích chứa chất từ trước cho đến lúc bấy giờ quả là phong phú. Nếu Lý Tế Xuyên và Trần Thế Pháp sưu tầm truyện cổ tích với đầy đủ ý thức bảo tồn văn học dân gian thì chắc chắn sách không phải chỉ có bấy nhiêu trang, và chắc sẽ có rất nhiều truyện đã không lâm phải kiếp mai một.

b) Hầu hết các truyện đều được diễn đạt lại theo tinh thần tư tưởng của xã hội quân chủ thời tự chủ, pha trộn với các thứ quan niệm của phép thuật phù thủy, đồng bóng. Do đó, người sưu tầm đã làm giảm mất một phần nào tính chất sinh động của câu chuyện ban đầu. Đây là đoạn tả thần Cao Lỗ: "... thân dài chín thước, đội mũ đâu mâu sao vàng, mặc áp giáp sắt, tay cầm khai sơn đại phủ, đi giày da voi màu

đen, thắt lưng đính vàng, mặt mũi ngạo nghễ, khí thế hiên ngang, vạm vỡ khỏe mạnh, cưỡi con voi chín ngà, dẫn bộ chúng áo xanh theo gió mà đến..."[1]. Một đoạn khác kể về vua tôi Hùng Vương gặp Long Quân: "Vua Hùng nghe báo có giặc Ân bèn triệu quần thần để hỏi mẹo công thủ. Có một phương sĩ tâu: - "Chi bằng cầu với Long Quân để được ám trợ". Vua nghe theo. Bèn lập đàn, trai giới, đặt vàng bạc, lụa là lên đàn đốt hương cúng tế. Được ba ngày, trời nổi sấm mưa, bỗng thấy một ông lão cao sáu thước, râu màu đều bạc..."[2]. Những ví dụ như thế nhiều lắm. Đủ biết không phải là hiếm những truyện cổ tích Việt-nam một khi phổ diễn trên giấy mực thì phần nào đã bị biến dạng: nhiều chi tiết trong đó dễ bị người chấp bút thay đổi vì yêu cầu chính trị của thời đại, vì tâm lý, quan điểm và tư tưởng thẩm mỹ của người ghi đã khác xa so với thời điểm ra đời của câu chuyện.

c) Do chỗ có vài truyện trong sách chịu ảnh hưởng của truyện Trung-quốc, Ấn-độ, Cham-pa, hoặc một vài chi tiết, hoặc toàn phần như *Việt tỉnh*, *Hồ tôn tinh*, *Mị Ê*, *Hậu Tắc*, v.v... ta có thể đoán rằng trong những truyện của nước ngoài từ lâu du nhập vào Việt-nam, có những truyện đã dần dần nhập tịch vào đời sống của truyện cổ dân tộc, pha phách hoặc chuyển hóa toàn bộ thành truyện Việt.

Thế kỷ thứ XVI có Nguyễn Dữ viết bộ *Truyền kỳ mạn lục* gồm 20 truyện. Nên phân biệt trong đó hai loại: một loại truyện sưu tầm từ truyền thuyết và cổ tích lưu hành trong dân chúng, như truyện *Liệt nữ Nam-xương*, truyện *Từ Thức*, v.v... một loại truyện do chính Nguyễn Dữ sáng tác như truyện *Nàng Túy Tiêu*, truyện *Kỳ ngộ ở trại Tây*, v.v... Ở phần này tác giả có chịu ảnh hưởng ít hay nhiều của truyện truyền kỳ Trung-quốc, nhất là sách *Tiễn đăng tân thoại* của Cổ Tông Cát. Những truyện cổ tích qua bàn tay tài hoa của Nguyễn Dữ trở nên thú vị, phảng phất như truyện ma trong *Liêu trai*, có khả năng thu hút người đọc khá mạnh.

Một bộ khác gồm hai quyển, tương truyền của Lê Thánh Tông, nhan đề là *Thánh Tông di thảo*. Đây là tác phẩm chưa mấy người biết, có thể

1. *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập*; "Truyện Lý Phục Man".
2. *Lĩnh-nam chích quái;* "Truyện Phù Đổng thiên vương".

ngờ không phải của vua Lê viết, nhưng cũng chưa hẳn như thế. Chúng tôi sẽ có dịp nói đến bộ sách này. Dầu sao thì nội dung của nó vẫn là những truyện của người Việt. Cũng như *Truyền kỳ mạn lục*, *Thánh Tông di thảo* có hai loại truyện. Trong số những truyền thuyết cổ tích dân gian có nhiều truyện rất hấp dẫn như các truyện *Lấy chồng dê*, *Tinh con chuột*, *Hoa quốc kỳ duyên*, v.v... mà chúng tôi sẽ lựa chọn kể ở phần thứ hai.

Các nhà văn phong kiến vẫn tiếp tục sưu tầm truyền thuyết và cổ tích dân gian. Sau này, hai quyển *Lĩnh-nam chích quái* và *Việt điện u linh tập* còn được nhiều nhà nho đời Lê nhuận sắc, bổ sung và đính chính; lại sưu tầm những truyện khác thêm vào cuối sách. Gần 200 năm sau Nguyễn Dữ, Đoàn Thị Điểm viết *Tục truyền kỳ*[1], nghĩa là nối vào sách *Truyền kỳ mạn lục*. Tác giả nhặt nhạnh được 6 truyện, trong đó có cả truyện ngụ ngôn. Quyển này với quyển của Nguyễn Dữ và quyển *Thánh Tông di thảo* đều cho ta thấy rõ cái sức sống, cái khả năng chinh phục mọi đối tượng của văn học truyền miệng dân gian, biểu hiện ở xu hướng tìm về truyền thuyết dân tộc của khá nhiều nho sĩ, nó tạo nên sự phối hợp giữa thể truyện dân gian và văn học chữ Hán, mở đầu một loại văn tiểu thuyết mới trên văn đàn. Tuy nhiên, nó vẫn không được đẩy lên thành một tư trào sáng tác lớn mạnh.

Vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn có nhiều sách vở xuất hiện, trong đó có loại truyện ký bằng Hán văn. Loại sách này có ghi chép ít hay nhiều những truyền thuyết cổ tích lưu hành trong dân gian. Có thể đếm được những quyển như *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề, *Truyền văn tân lục* của Nguyễn Diễn Trai, *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Nguyên Hanh (tức Vũ Trinh), *Sơn cư tạp thuật* của Bùi Huy Bích (?), *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án, *Tân truyền kỳ lục* của Phạm Quý Thích, *Thoái thực ký văn* của Trương Quốc Dụng, *Bản quốc dị văn lục*, *Thính văn dị lục*, *Đại Nam kỳ truyện*, *Dã sử*... đều không biết tên người làm, v.v...

Những truyện mà nhà nho sưu tầm trong các sách trên, hầu hết là những truyền thuyết hoang đường hoặc những truyện cổ lịch sử. Động

1. Còn có tên là *Truyền kỳ tân phả*.

cơ của người ghi chép góp nhặt thì vẫn thế, vẫn không phải với ý thức sưu tầm văn học mà chỉ là tìm tòi tài liệu cho lịch sử, hay là lưu lại một sự việc chưa rõ căn nguyên. Trong trí óc của họ trước sau vẫn cho rằng những truyện đó có thể xảy ra trên thực tế nhưng cơ hồ như không thể cắt nghĩa được. Vũ Quỳnh khi sửa lại sách *Lĩnh-nam chích quái* để xuất bản có viết trong bài tựa: "... Các việc ấy tuy lạ mà không đến nỗi ngoa, tuy "thần" mà không đến nỗi "yêu", tuy hoang đường mà không đến nỗi quái dị, tung tích còn có thể làm bằng cứ"[1]. Sơn Nam Thúc là tác giả những lời phê phán trong *Thánh Tông di thảo* cũng nói: "Đọc truyện *Lấy chồng dê* mới biết đầy trời đất hễ những giống vật bay, lặn, chạy, núp đều là vật mà chưa hẳn là vật. Có kẻ tiền duyên chưa trọn, có kẻ oán cũ chưa tiêu, có kẻ thác giống vật để đón nhau, có kẻ thoát hình mà ảo hóa, như chim xanh là sứ giả của Tây vương [mẫu], như lợn đen là tiền thân của Tần Cối. [Cũng một kiểu như] hạc Linh uy, cá Bạch long từ xưa đến nay khi nào cũng có. Chúng ta nên để lòng xét kỹ, đâu có phải vì chúng là vật mà coi là vật sao"[2]. Đặc biệt là trong *Lan Trì kiến văn lục* hay trong *Hát đông thư dị*[3], cứ sau mỗi một truyện nào quái lạ, tác giả lại ghi rõ tên người đã mắt thấy tai nghe, làm như đó là chuyện thật.

Những sự việc trên một mặt chứng tỏ giá trị hiện thực hiển nhiên của văn học truyền miệng dân tộc; nhất là cái cốt lõi sự thực vẫn còn dấu vết rất phong phú trong khá nhiều truyện mà những tình tiết hoang đường kỳ ảo không sao có thể che mờ hết. Nhưng mặt khác, nó cũng chứng tỏ đầu óc giáo điều của nhà nho không thể quan niệm nổi rằng trong nhân dân vẫn có một nền văn học truyền miệng không dính dáng

1. Nguyễn Trọng Thuật là người ở thế kỷ XX cũng không phủ nhận quan điểm trên của Vũ Quỳnh. Ông cũng nhân đó nói thêm: "Nay đem mà đối chứng với di tích còn rõ ràng, thì những truyện ấy là sự thật cả, chứ không phải là những lời ngụ ngôn mà cũng không phải là những bài tiểu thuyết, mới biết lời ông Vũ Quỳnh đã có suy xét kỹ lắm rồi" (Tựa sách *Quả dưa đỏ*, in lần thứ ba, Văn hóa thư cục, Hà-nội; tr. 3).

2. Những lời "phê điểm" này đều thấy ghi ở cuối mỗi truyện trong *Thánh Tông di thảo*, bản chép tay của Thư viện Khoa học xã hội, ký hiệu A.202.

3. Của Nguyễn Đình Nam (tức Nguyễn Thượng Hiền). Ký hiệu Thư viện Khoa học xã hội: VHv.2382.

trực tiếp với hiện thực lịch sử. Những con người uyên bác kia chỉ nghĩ rằng đây là sự thật được "truyền ngôn" lại, không tin rằng ai đó có thể dùng tưởng tượng để đặt nên chúng. Nếu có những truyện bịa đặt thì dĩ nhiên không đáng đếm xỉa. Nho sĩ chỉ biết luyện tập thi phú, ngoài ra nữa đều coi là "mách quế".

Cũng vì thế mà trong khi sưu tập và dọn thành sách, họ không khỏi lược bớt ít nhiều tình tiết ly kỳ của truyện. Mặt khác, vì không ghi bằng chữ Việt nên họ đã bỏ mất cái phần tinh túy là cách diễn đạt ngôn từ rất sinh động của cổ tích.

4. THỜI KỲ SUY TÀN CỦA TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

Trong thời kỳ cuối Lê cho đến đầu Nguyễn có bốn sự kiện lịch sử ảnh hưởng đến truyện cổ tích đương thời:

Một là, *phong trào nông dân khởi nghĩa liên tiếp xuất hiện*: cuộc này chưa dập tắt đã có cuộc khác bùng nổ và đã từng có lúc tập hợp thành cuộc khởi nghĩa rộng lớn Tây Sơn, làm nghiêng đổ chế độ ruỗng nát của phong kiến thống trị. Phong trào nông dân khởi nghĩa chẳng những đã để lại những dư âm trong văn học phong kiến, trong văn học thành văn mà còn có những vang hưởng sâu sắc trong truyện truyền miệng nói chung và trong cổ tích nói riêng. Bên cạnh các loại sách *tiếu lâm*, truyện *Trạng Quỳnh*, *Trạng Lợn*, v.v... đã ra đời những truyện *Vua Heo*, truyện *Nói dối như Cuội*, v.v... đều là những mũi dùi sắc nhọn chĩa vào thành lũy phong kiến thống trị; và những truyện *Chàng Lía*, *Bà Thiếu phó*, *Nam Cường*, *Cố Bu*, *Vợ ba Cai Vàng* và nhiều nữa, đều là những bản ca hùng tráng, trong đó người anh hùng nông dân được đề cao. Nó phản ánh ước vọng của người nông dân bị áp bức muốn quật ngã kẻ thù, ít ra là quật lại một đòn trong tưởng tượng, cho hả bớt tâm lý dồn nén căng thẳng.

Hai là, *tín ngưỡng về đạo Tiên lúc này thịnh hành đến nỗi cơ hồ lấn át cả đạo Phật*. Chúng có là ở miền Bắc, cho đến ngày nay, bên cạnh mỗi chùa thường có dựng một phủ để thờ Thánh mẫu và các vị tiên khác. Đạo Tiên thịnh hành làm cho kho tàng truyện cổ của chúng ta

lại chứa đựng thêm biết bao nhiêu là truyện quái dị như *Liễu Hạnh công chúa, Phạm Viên, Trần Lộc, Tú Uyên*, những truyện về *Cuộc giao chiến giữa Liễu Hạnh công chúa với Tam thánh tổ, Nguyễn Lộc gặp tiên*, v.v... Đồng thời, những tín ngưỡng về bói toán, sấm ký, nhất là phong thủy (địa lý) cũng mặc sức tranh giành địa vị, nên trong dân gian còn đẻ ra những truyện *Trạng Trình, Tả Ao*, truyện *Thầy địa lý đốt sách*, truyện để mồ để mả, truyện báo ân báo oán...

Ba là, dân tộc Việt-nam lúc này có công cuộc mở rộng địa bàn mạnh mẽ về phía Nam. Trong xu thế di chuyển liên tiếp và dai dẳng này, kho tàng truyện cổ tích của chúng ta lại tiếp thu được khá nhiều những truyện của các dân tộc anh em và các dân tộc láng giềng như Cham-pa, đồng bào Tây-nguyên, Lào, Khơ-me (Khmer), v.v... Cũng như truyện *Tấm Cám*, những truyện *Thạch Sanh*, truyện *Hai anh em và con chó đá*, truyện *Thỏ và hổ*, truyện *Nàng Út*, truyện *Người thợ săn và bà Chằng*, v.v... đều có nguồn gốc có thể ngờ là từ phương Nam truyền vào. Ngày nay, trong một số truyện cổ tích có những cái tên như *ông hoàng tử, mãng xà vương, bà Chằng, Ác Lai*, v.v... dường như đã được nhập tịch không phải là xưa lắm.

Một hiện tượng lý thú là trong quan hệ giao lưu văn hóa tiếp liền theo cuộc "di thực" nói trên, đã có một số truyện hoặc từ Đường ngoài truyền vào Đường trong, hoặc từ Đường trong truyền ra Đường ngoài, tuy cùng là một cốt truyện, một chủ đề, nhưng mỗi miền kể khác nhau về chi tiết: những tên người, tên đất khác nhau; những sự đổi mới ngay cả về bố cục. Chẳng hạn truyện *Sọ Dừa* ở trong Nam với truyện *Lấy chồng dê* ở ngoài Bắc[1]; truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* (Bắc) với truyện *Thầy Thím* (Nam); hay truyện *Kéo cày trả nợ* (Bắc) với truyện *Nợ không trông trả* (Nam), v.v...

Bốn là, lúc bấy giờ *bên cạnh những truyện cổ được ghi chép lẻ tẻ trong các sách Hán văn, còn có những truyện được tiểu thuyết hóa và diễn ra bằng văn vần.* Văn vần là hình thức dễ thuộc, dễ kể và do đó rất dễ phổ biến. *Thạch Sanh, Chàng Chuối*, v.v... là những truyện nôm với nhiều tình tiết của truyền thuyết, cổ tích đã được hệ thống hóa và cải

1. Truyện *Chàng Chuối* cũng thoát thai từ cổ tích này mà tiểu thuyết hóa nên.

biên lại. Những truyện cổ *Quan Âm Thị Kính, Bích-câu kỳ ngộ, Tống Trân Cúc Hoa* trở nên sống khỏe hơn là khi chưa mang hình thức thành văn. Truyện cổ tích không những chuyển hóa thành tiểu thuyết mà còn chuyển hóa thành vỏ chèo, như *Lưu Bình - Dương Lễ, Trương Viên, Cái kiến mày kiện củ khoai,* v.v...

Từ đây, nghệ thuật tiểu thuyết bắt đầu hình thành, và cũng từ đây nghệ thuật cổ tích bắt đầu bước vào thời kỳ tàn tạ. Tiểu thuyết cũng như tuồng chèo sẽ chiếm địa vị trọng yếu trước đây của cổ tích.

Trong suốt thời kỳ cận đại, nghĩa là từ nửa cuối thế kỷ XIX đến nay, truyện cổ tích truyền miệng xuất hiện ít dần đi. Không phải vì các loại tiểu thuyết và các loại truyện ngắn, sáng tác và dịch thuật đầy dẫy trên văn đàn, đã làm ngừng đọng nguồn văn học truyền miệng. Văn học chữ viết đâu có thể khuynh loát, tiêu diệt, hoặc cản trở sự sáng tác văn học truyền miệng một cách dễ dàng như thế. Trái lại, nó có thể trở thành động cơ thúc đẩy cho các tác phẩm truyền miệng trong dân gian nảy nở là khác. Có điều, khi chữ viết không còn là vật gì bí mật đối với mọi người, khi nghề in và xuất bản thịnh đạt, khi tác phẩm văn nghệ đã trở thành hàng hóa, thì văn học truyền miệng sớm được cố định hóa và được lưu truyền bằng giấy mực. Mà truyện cổ tích cũng như nhiều thể loại văn học dân gian khác, một khi hình thành đều đòi hỏi phải trải qua một quá trình lưu truyền, sửa chữa bằng miệng mới đi đến hoàn chỉnh. Không như vậy thì truyện sẽ không phải là cổ tích, cũng không thuộc về văn học dân gian.

Cho nên, khi nói truyện cổ tích xuất hiện ít dần đi tức là muốn nói những truyện cổ xuất hiện lúc này không mấy truyện còn mang đủ tính chất loại biệt của cổ tích nữa. Như trên kia đã phân tích, nó thiếu đi tính chất cổ là tính chất quan trọng nhất của truyện cổ tích. Nếu muốn tìm một khái niệm tương đối hợp lý để đặt tên cho loại truyện như truyện *Con ma trong nhà thương* hay *Bầu cọp làm hương cả,* v.v... thì ta có thể gọi đó là "truyện mới" hay "truyện đời nay" chứ không thể gọi là "truyện cổ tích". Mặt nữa, nó cũng thiếu hẳn những đặc trưng nghệ thuật của truyện cổ tích. Hầu hết các truyện mới tuy vẫn thiên về kể hơn là tả, nhưng thường khi là những truyện không đầu không đuôi, lại

thường không kể trong một không gian và thời gian nghệ thuật của cổ tích như lệ thường, v.v... Thể tài của chúng giờ đây rất gần thể tài của những "truyện ngắn" hay "truyện vặt" mà ta thường gặp trên các báo chí sách vở.

Thời gian này các nhà trước thuật vẫn tiếp tục làm cái việc sưu tập truyện cổ nước nhà. Trương Vĩnh Ký có *Truyện đời xưa*, Jê-ni-bren (Génibrel) có *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết*. Một nhà sưu tập vô danh có quyển *Sử Nam chí dị* viết bằng chữ nôm[1]. Nguyễn Thượng Hiền có *Hát-đông thư dị*, Phạm Đình Dực có *Vân nang tiểu sử*, Phan Kế Bính có *Nam hải dị nhân liệt truyện*. Rồi đến Nguyễn Văn Ngọc có hai tập *Truyện cổ nước Nam*. Và còn nhiều nữa. Phần nhiều những sách đó góp nhặt lẫn lộn ngụ ngôn, khôi hài xen với cổ tích và truyền thuyết, kể cả một số truyện chưa hoàn chỉnh. Hơn nữa, trong việc sưu tập cũng thiếu sự tìm tòi rộng rãi, thường chỉ đóng khung trong phạm vi một số địa phương. Các nhà trước thuật lúc này sưu tầm truyện với ít nhiều ý thức bảo tồn vốn cũ của văn nghệ dân tộc, nhưng lại thiếu một phương pháp tìm tòi cũng như nhận xét khoa học. Truyện cổ Việt-nam còn được góp nhặt lần lượt và tản mạn trong những quyển sách hoặc tập san viết bằng chữ Pháp, và trong các báo chí cận đại. Trong số này phải kể đến một ít công trình sưu tầm tương đối trung thực và khá phong phú, như của Lăng-đờ (A. Landes) trong tập san *Du lãm và quan sát (Excursions et reconnaissances)* năm 1885-1886; của một nhà sưu tập vô danh đăng rải rác trong *Thực nghiệp dân báo* năm 1923-1924 dưới mục "Nói chuyện cũ"; và của Trương Vĩnh Tống trong *Nông công thương* năm 1938-1939 dưới các mục "Truyện lạ nước Nam" và "Mỹ Ấm tùy bút", v.v... Quyển sách này đã sử dụng chọn lọc một phần số truyện trong các công trình sưu tập trên làm tài liệu[2].

1. Phần nhiều những truyện trong *Truyện cổ tích Việt-nam* của Nguyễn Bính, Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà-nội, 1952, đều rút từ sách này ra.

2. Ngoài ra, cũng nên nói đến những bản khai báo của chức dịch một số làng xã trả lời những câu hỏi điều tra về phong tục Việt-nam do học giả Pháp tổ chức vào những năm 1911, 1938... Những bản khai bằng chữ nôm đó cũng thu thập được một số tài liệu về truyện cổ dân gian, trong đó số lớn dưới dạng thần tích, tuy cách khai báo quá vắn tắt và đơn điệu, và cho đến nay vẫn nằm nguyên ở Thư viện Khoa học xã hội chứ chưa được khai thác.

Đồng thời những truyện chép trong các sách truyện ký bằng chữ Hán trước kia cũng lần lượt được dịch ra tiếng Việt như *Việt điện u linh tập, Lĩnh-nam chích quái*[1], *Truyền kỳ mạn lục*[2], *Lan Trì kiến văn lục*[3], *Tang thương ngẫu lục, Thoái thực ký văn*[4], v.v...

*

* *

Tóm lại, truyện cổ tích truyền miệng của chúng ta cũng có giai đoạn thịnh và giai đoạn suy. Rõ ràng, thời kỳ mà *chế độ quân chủ ngự trị ở Việt-nam, thời kỳ mà tín ngưỡng phức tạp thịnh hành trong dân chúng, thời kỳ mà nghệ thuật tiểu thuyết chưa phát triển trên văn đàn, đều là thời kỳ hoàng kim của truyện cổ tích.* Tác dụng của truyện cổ tích đối với đời sống tinh thần dân tộc lúc đó chẳng khác gì tiểu thuyết ngày nay. Cho mãi đến thời kỳ cận đại, truyện cổ tích mới mất cơ sở để tiếp tục sinh thành, mặc dầu truyện truyền miệng thì vẫn còn được sáng tác. Nếu vẫn còn một số truyện cổ tích nào đấy xuất hiện thì cũng không còn mang đầy đủ đặc trưng của cổ tích. Cho nên, theo ý chúng tôi đây là thời kỳ suy tàn của nó.

Ý nghĩa, giá trị và đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam thế nào? Phương pháp nghệ thuật và nội dung tư tưởng của nó có gì khác với cổ tích Đông Tây? Rộng hơn nữa, mối quan hệ giữa tiếp thu và thanh lọc, kế thừa và cách tân, du nhập và sáng tạo... của cổ tích Việt-nam đối với các mô hình quen thuộc của cổ tích thế giới là thế nào?

Sẽ xin nói tới ở một phần khác cuối bộ sách này. Nhưng trước hết, chúng tôi hãy dẫn các bạn vào xem kho tàng cổ tích phong phú của chúng ta.

---

1. Những truyện trong hai quyển này đã được dịch và công bố trong nhiều sách báo.

2. Từng được dịch ra chữ nôm ở thế kỷ XVIII.

3. Tô Linh Thảo trích dịch, lấy tên là *Đại Nam kỳ nhân liệt truyện*, Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà-nội, 1930.

4. Nguyễn Lợi và Nguyễn Đổng Chi dịch, mới công bố được tập I, Nhà xuất bản Tân Việt, Hà-nội, 1942.

1. *Trong phần kho tàng truyện cổ tích trình bày sau đây, chúng tôi đã gắng chọn lọc lấy những truyện tiêu biểu, sắp xếp theo một hệ thống nhất định, bỏ bớt đi một số những truyện hoặc không phải là truyện cổ tích Việt-nam, hoặc không có giá trị tiêu biểu cho truyện cổ tích Việt-nam. Nói chọn lọc không phải những truyện được đem vào đây là hoàn toàn có tư tưởng tiến bộ. Chúng tôi cũng đem vào một số truyện lạc hậu về phương diện này hay phương diện khác, để bạn đọc thấy được toàn diện truyện cổ tích nước nhà.*

2. *Phương pháp kể chuyện của chúng tôi là không đơn giản hóa, cũng không tiểu thuyết hóa. Chúng tôi cố gắng kể theo một hình thức riêng, để vẫn giữ được ít nhiều phong vị và không khí cổ của câu chuyện; tất nhiên sẽ vẫn dùng một số từ ngữ quen dùng trước đây. Trừ những truyện cần kể một cách vắn tắt trong mục* **Khảo dị** *chúng tôi sẽ chú ý không thêm hoặc bớt những tình tiết quan trọng trong khi xây dựng từng truyện một.*

3. *Những tài liệu mà chúng tôi sử dụng có hai phần:*

- Tài liệu trong các báo chí sách vở (một số lớn là do nhớ lại hoặc do ghi được từ trước, chứ không có trong tay khi viết bộ sách này, cho nên hầu hết các đơn vị không ghi chú được đầy đủ các chi tiết, ví dụ số bài, số trang...). Xem **Thư mục tham khảo** *ở cuối tập* **V**.

- Tài liệu do các người thân và quen biết kể lại (trong đó có một số do phụ thân của chúng tôi lưu lại).

Những tài liệu trên có truyện kể rất vắn tắt, có truyện kể hơi khác nhau về chi tiết. Trong khi xây dựng lại từng truyện, chúng tôi sẽ căn cứ ở tài liệu nào đầy đủ hơn và được nhân dân truyền tụng nhiều hơn, nhưng vẫn không quên tóm tắt dị bản ở các **Khảo dị**.

4. *Chúng tôi có ý tập hợp những truyện giống nhau về một mặt nào đấy vào từng mục riêng như:* **Nguồn gốc sự vật; Sự tích các câu ví; Thông minh tài trí và sức khỏe,** v.v... *để tiện cho việc sắp xếp bộ sách, chứ không phải phân loại truyện cổ tích.*

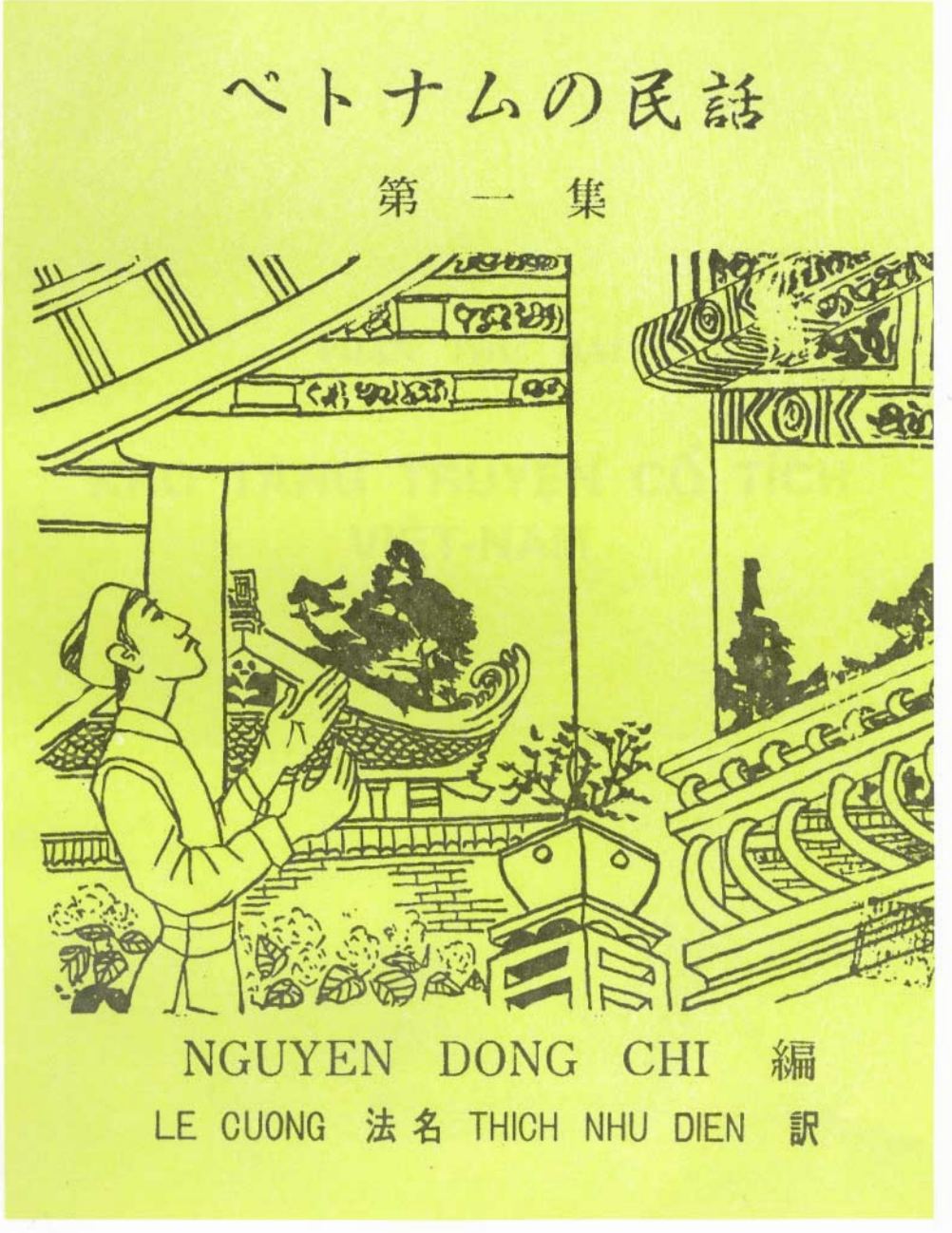

Bìa sách *"Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"* in tại Nhật, Tokyo, 1975.

I

NGUỒN GỐC SỰ VẬT

1. SỰ TÍCH DƯA HẤU

Ngày xưa có một người trẻ tuổi tên là Mai An Tiêm. Chàng là người ở một nước đâu tận vùng biển phía Nam, bị bán làm nô. Một hôm, chàng bị bọn lái buôn chở đến bán cho Hùng Vương. Mai An Tiêm học nói tiếng Việt rất chóng. Chàng nhớ nhiều chuyện, biết nhiều điều thường thức, lại lắm tài nghề. Càng ngày vua càng yêu dấu, không lúc nào rời. Năm ba mươi lăm tuổi, chàng làm quan hầu cận, có một ngôi nhà riêng ở gần cung vua. Vợ Mai là con gái nuôi của vua đã sinh được một trai lên năm tuổi. Mai có đủ mọi người hầu hạ, trong nhà của ngon vật lạ không thiếu thứ gì. Tuy oai quyền không lớn lắm nhưng chàng được mọi người sợ phục. Nhiều kẻ vẫn thường lui tới cầu cạnh. Nhưng thấy Mai có địa vị cao, cũng không hiếm gì những kẻ sinh lòng ghen ghét.

Một hôm, trong một bữa tiệc đãi các quan khách, giữa lúc mọi người không ngớt lời xưng tụng mình, Mai An Tiêm nhún nhường bảo họ:

- Có gì đâu! Tất cả mọi thứ trong nhà này đều là vật tiền thân của tôi cả!

Mai nói rất tự nhiên. Bởi vì tôn giáo xứ sở chàng bảo rằng cái sướng cái khổ hiện tại là kết quả của sự ăn ở tốt hay xấu của tiền kiếp. Nhưng trong số người dự tiệc có mấy viên quan hầu gần vua, vốn ghét chàng từ lâu. Chụp lấy câu nói mà họ cho là ngạo mạn đó, họ bèn vội vàng về tâu cho vua biết.

Vua Hùng nghe nói vô cùng giận dữ. Vua gầm lên:

- Chà! Thằng láo! Hôm nay nó nói thế, ngày mai nó còn tuôn ra những lời bất kính đến đâu. Quân nô lệ phản trắc! Giam cổ nó lại cho ta!

Buổi chiều hôm ấy, Mai bị bắt bỏ vào ngục tối. Bấy giờ chàng mới hiểu chàng lỡ lời. Mai tự bảo: - "Nếu từ nay trở đi ta bị đày đọa là vì kiếp trước ta đã cư xử không phải".

Trong khi đó thì ở triều, các quan họp bàn để xử án Mai. Nhiều người đề nghị xử tử. Có người đề nghị cắt gót chân. Nhưng lời tâu của một ông quan già làm cho Hùng Vương chú ý:

- Hắn bị tội chết là đúng. Nhưng trước khi hắn chết ta nên bắt hắn phải nhận ra một cách thấm thía rằng những của cải của hắn đây là do ơn trời biển của bệ hạ chứ chả phải là vật tiền thân nào cả. Tôi nghe ngoài cửa Nga-sơn có một hòn đảo. Cho hắn ra đấy với một hai tháng lương để hắn ngồi ngẫm nghĩ về "vật tiền thân" của hắn trước khi tắt thở.

Vua Hùng gật đầu chấp thuận. Nhưng sau khi ra lệnh, vua còn dặn: - "Cho hắn lương vừa đủ dùng trong một mùa, nghe không".

*

* *

Hôm đi đày, tuy ai nấy hết lời can ngăn nhưng vợ Mai An Tiêm vẫn nhất quyết theo chồng ra hải đảo. Nàng bồng cả con trai đi theo. Tất cả mọi người đều cho là việc rồ dại. Còn nàng thì tin ở lời chồng: - "Trời sinh voi trời sinh cỏ. Lo gì!".

Nhưng khi bước chân lên bãi cát hoang vu mịt mù, người thiếu phụ đó cũng không ngăn nổi cảm giác tủi thân, nức nở gục vào vai chồng:

- Chúng ta đành chết mất ở đây thôi.

Mai ôm con, bảo vợ:

- Trời luôn luôn có con mắt. Cứ phấn chấn lên. Đừng lo!

Hơn một tháng đầu, đời sống của vợ chồng đã tạm ổn. Nhà ở thì chui trong hốc đá đã được đan phên che sương gió. Nước uống thì đã

có suối. Muối không có thì đã có nước biển. Nhưng còn việc kéo dài sự sống? Hai vợ chồng nhìn vào bồ gạo đã vơi: - "Nếu chúng ta có được một nắm hạt giống thì quyết không lo ngại gì cả".

Tự nhiên, một hôm có một đàn chim lớn bay từ phương Tây lại, đậu đen ngòm cả một bãi cát. Rồi chúng bay đến trước mặt hai vợ chồng kêu váng cả lên, thả xuống năm sáu hạt. Ít lâu sau từ những hạt ấy mọc ra một loại cây dây bò lan xanh um cả bãi. Dây bò đến đâu, những quả xanh non mơn mởn nhú ra đến đấy. Ít lâu sau nữa, vợ chồng ra xem thì quả nào quả ấy đã lớn lên như thổi, da xanh mượt, tròn to bằng đầu người. Mai trẩy một quả, bổ ra thấy ruột đỏ hồng, hạt đen nhánh. Vợ chồng con cái cùng nếm thấy vị thanh thanh dịu ngọt. Càng ăn càng mát đến ruột gan. Mai reo lên:

- Ồ! đây là thứ dưa lạ, chưa từng thấy bao giờ. Hãy gọi nó là dưa Tây, vì thứ dưa này được bầy chim đưa từ phương Tây lại, từ đất liền ra cho chúng ta. Trời nuôi sống chúng ta rồi!

Từ hôm đó hai vợ chồng cố trồng thêm cho thật nhiều dưa. Họ trù tính ăn dưa thay cơm để đỡ phải dùng số gạo đã gần kiệt.

Một hôm vợ chồng Mai bắt gặp một chiếc thuyền đánh cá đi lạc ra đảo. Sau khi giúp họ sửa buồm lái để trở về đất liền, Mai còn đưa biếu một số dưa để họ đưa về cho mọi người nếm thử. Mai bảo họ chở gạo ra đổi lấy dưa. Chỉ cách mấy ngày, con thuyền thứ nhất đã đến cắm neo ở bến, chở ra cho hai vợ chồng khá nhiều gạo. Hai bên y ước: một bên nhận lấy số gạo còn một bên xếp dưa xuống thuyền.

Từ đó trở đi, bữa ăn của họ đã khác trước. Ngồi bên nồi cơm trắng hơi lên nghi ngút, vợ Mai ôm lấy con, lẩm bẩm: - "Trời nuôi sống chúng ta thực!" Cũng từ hôm đó, vợ chồng trồng thêm nhiều dưa nữa. Kết quả là thuyền buôn có, thuyền chài có, lũ lượt ra đổ ở hải đảo đưa gạo, áo quần, gà lợn, dao búa, lại có cả các thứ hạt giống khác, để đổi lấy dưa. Những người trong thuyền nói với Mai:

- Thật quả từ xưa chưa hề có loại dưa nào quý đến thế. Ở vùng chúng tôi ai cũng ao ước được nếm một miếng thứ "dưa hấu" này dù phải đổi bao nhiêu gạo cũng không tiếc.

Ngày ấy người ta tranh nhau mua dưa lấy giống cho nên chỉ trong vài ba năm giống dưa lan tràn khắp nơi. Tên tuổi vợ chồng Mai An Tiêm được truyền đi xa rộng. Dân gọi tôn là "Bố cái dưa Tây".

*

* *

Lại nói chuyện vua Hùng một hôm la rầy viên quan hầu đã vì dốt nát để thợ dựng hỏng một ngôi nhà. Vua buột miệng than thở - "Phải chi có Mai An Tiêm thì đâu đến nỗi". Ngày hôm đó vua nhắc mãi đến chàng. Đã hai lần vua cho hỏi Lạc hầu xem hiện giờ Mai đang làm gì ở đâu. Lạc hầu đáp liều: - "Chắc hắn không còn nữa!".

Nhưng vua không tin. Vua sai ngay một tên nô khác cấp cho lương ăn và thuyền để hắn vào châu Ái tìm Mai An Tiêm. Một tháng sau, hắn ta mang về cho vua một thuyền đầy dưa Tây và nói:

- Đây là lễ vật của ông bà Mai dâng bệ hạ.

Hắn kể cho vua biết rõ những ngày tân khổ và tình trạng hiện nay của hai vợ chồng Mai. Rồi hắn tâu tiếp:

- Bây giờ ông bà Mai đã có nhà cửa ở ngoài ấy khá đẹp, có đến hơn mười người hầu hạ, có bãi dưa, có ruộng lúa và rất nhiều lợn gà...

Vua Hùng càng nghe càng sửng sốt. Vua chắt lưỡi bảo mấy viên quan hầu cận ngày nọ đã tố cáo Mai:

- Hắn bảo là vật tiền thân của hắn, thật đúng chứ không sai!

Vua bèn sai một đoàn lính hầu đi đón hai vợ chồng về, cho Mai trở lại chức cũ. Vua lại ban cho hai người con gái hầu để an ủi chàng.

Bây giờ chỗ hải đảo, người ta còn gọi là bãi An Tiêm. Những người kế tiếp công việc của hai vợ chồng Mai trên đảo vẫn còn dòng dõi đông đúc. Họ lập thành làng gọi là làng Mai-an. Ở ngôi nhà cũ của Mai thì họ lập đền thờ hai vợ chồng chàng. Nhân dân gọi là "Ông bà tổ dưa Tây (hay dưa hấu)"[1].

1. Theo *Lĩnh-nam chích quái* và *Đại-nam nhất thống chí;* "Tỉnh Thanh-hóa".

2. SỰ TÍCH TRẦU, CAU VÀ VÔI

Ngày xưa, một nhà nọ có Tân và Lang là hai anh em ruột, đặc biệt dáng người và mặt mày giống nhau như đúc, đến nỗi chính người nhà cũng nhiều phen nhầm lẫn. Cha họ là một người cao to nhất trong vùng đã từng được vua Hùng triệu về Phong-châu ban thưởng và đặt tên là Cao. Từ đó gia đình lấy tiếng "Cao" làm tên họ.

Hai anh em lớn lên thì cha mẹ nối nhau qua đời. Cả anh lẫn em quyến luyến nhau không chịu rời nửa bước. Người cha trước khi mất có gửi gắm Tân cho một đạo sĩ họ Lưu. Nhưng khi Tân đến theo học thì Lang không chịu ở nhà một mình, chàng cũng cố xin cùng được học với anh một thể. Nhà họ Lưu có một cô con gái cũng cùng lứa tuổi với họ. Để tìm hiểu người nào là anh người nào là em, một hôm cô gái họ Lưu bày ra một mẹo nhỏ. Giữa lúc họ đang đói, nàng chỉ dọn cho họ một bát cháo với một đôi đũa. Đứng sau khe vách, nàng thấy người này nhường cháo cho người kia ăn.

Nàng lẩm bẩm: - "À ra anh chàng vui tính kia là anh!".

Từ đó giữa Tân và cô gái có nhiều cuộc gặp gỡ. Tình yêu giữa hai người mỗi ngày một khăng khít. Thấy thế, đạo sĩ họ Lưu vui lòng gả con cho Tân. Sau khi cưới, hai vợ chồng đến ở một ngôi nhà mới, có Lang ở chung.

Từ ngày lấy vợ, Tân tuy vẫn chiều chuộng em nhưng không âu yếm em như trước nữa. Trước kia Lang thường được anh chăm sóc nhưng bây giờ thì chàng có nhiều ngày cô đơn. Lang nhận thấy nhiều khi Tân muốn lánh mình. - "Phải rồi, anh ấy mê vợ quên ta". Trong lòng Lang đầy chán nản buồn bực.

Một hôm Lang và Tân cùng lên nương đến tối mịt mới về. Lang về trước. Chàng vừa bỏ chân lên ngưỡng cửa thì vợ Tân từ trong buồng

chạy ra ôm chầm lấy mình. Lang kêu lên. Cái nhầm của chị dâu làm cho cả hai người cùng ngượng nghịu xấu hổ. Giữa lúc đó thì Tân bước vào nhà.

Từ đây Lang lại biết thêm một tính tình mới của anh. Tân ghen em. Cái ghen làm tăng thêm sự hững hờ của Tân đối với chàng[1]. Lang vừa giận vừa thẹn. Chàng muốn bỏ nhà ra đi cho bõ ghét. Một hôm trời mới mờ sáng, Lang quyết định khởi hành. Chàng cứ theo con đường mòn đi mãi, trong lòng đầy bực bội oán trách. Đi luôn mấy ngày đường, Lang tới bờ một con sông lớn. Thấy nước chảy xiết, chàng lấy làm ngại ngùng. Xung quanh không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Nhưng Lang quyết không chịu trở lại. Lang ngồi cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nức nở. Sáng hôm sau, Lang chỉ còn là một cái xác không hồn. Chàng đã hóa đá.

Tân thấy mất hút em thoạt đầu không để ý. Mãi sau vẫn không thấy em về, Tân bổ đi tìm các nhà quen nhưng cũng không thấy tăm dạng. Biết là em bỏ đi vì giận mình, chàng lấy làm hối hận. Hôm sau nữa, cũng không thấy về, Tân hoảng hốt để vợ lại nhà, cất bước đi tìm. Sau mấy ngày, chàng đã đến bờ một con sông rộng. Không có cách gì qua được, Tân đi men dọc sông, cuối cùng thấy em đã hóa thành đá. Tân đứng bên cạnh hòn đá khóc mãi cho đến lúc chỉ còn có tiếng nước cuồn cuộn chảy dưới bờ mà thôi. Tân chết và hóa thành một cây thân mọc thẳng lên trời, bên cạnh hòn đá.

Vợ Tân chờ mãi không thấy chồng về, cũng bỏ nhà đi tìm. Nhưng cuối cùng con sông nọ cũng ngăn cản bước chân của nàng. Người đàn bà ấy ngồi lại bên cạnh cây, khóc cạn cả nước mắt. Và sau đó nàng chết hóa thành một cây dây quấn quanh lấy cây kia.

Đợi mãi không thấy ba người về, vợ chồng đạo sĩ nhờ mọi người chia nhau tìm kiếm. Trước hòn đá và hai cây lạ, họ chỉ còn biết dựng miếu thờ cả ba người trẻ tuổi ở ven sông. Nhân dân quanh vùng gọi là miếu "anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa"[2].

1. Theo Trúc Khê. *Tình sử Việt-nam.*
2. Theo *Sử Nam chí dị.*

Về sau, một năm nọ trời làm hạn hán rất dữ. Mọi cây cỏ đều khô héo cả. Duy hai cây mọc bên cạnh hòn đá trước miếu là vẫn xanh mượt. Mọi người cho là linh dị. Vua Hùng một hôm ngự giá qua xứ đó. Khi đi qua trước miếu, vua hơi ngạc nhiên vì cảnh lạ cây lạ: -"Miếu này thờ vị thần nào? Mấy loại cây này ta chưa từng thấy bao giờ?". Để trả lời câu hỏi của vua, Lạc tướng cho gọi mấy cụ già ở quanh vùng đến hỏi.

Hùng Vương càng nghe, không ngăn được sự cảm động. Vua vạch lá trèo lên nhìn khắp mọi chỗ. Đoạn, vua sai một người trèo cây hái quả xuống nếm thử. Vị chát không có gì lạ. Nhưng khi nhai với lá cây dây thì một vị là lạ đến ở đầu lưỡi: nó vừa ngon ngọt, vừa thơm cay.

Tự nhiên có một viên quan hầu kêu lên: - "Trời ơi! Máu!". Mọi người giãn ra kinh ngạc. Thì ra những bãi nhai quả và lá của hai thứ cây đó một khi nhổ xuống đá bỗng đỏ ối ra như máu. Vua sai lấy cả ba thứ nhai lẫn với nhau thì bỗng người thấy nóng bừng như có hơi men, môi đỏ tươi, sắc mặt hồng hào tươi đẹp. Vua bảo:

- Thật là linh dị! Đúng là họ rồi! Tình yêu thương của họ thật là nồng nàn thắm đỏ.

Từ đó vua Hùng ra lệnh cho mọi nơi phải gây giống cho nhiều hai loại cây ấy. Điều đáng chú ý là luật của nhà vua bắt buộc trai gái khi kết hôn thế nào cũng phải tìm cho được ba món: trầu, cau và vôi cho mọi người nhai nhai nhổ nhổ một tý để ghi nhớ tình yêu không bao giờ phai lạt. Vì thế từ đó dân Việt mới có tục ăn trầu[1].

KHẢO DỊ

1. Trong *Lĩnh-nam chích quái* cũng như trong một số sách chép truyện cổ khác không thấy nói đến kết quả của tình tiết "hai anh em giống nhau như đúc". Chúng tôi thấy đó có lẽ là một thiếu sót của người chép truyện, nên ở đây, dựa vào quyển *Tình sử Việt-nam*. Cái ghen của Tân là nguyên nhân của việc Lang bỏ nhà ra đi và cũng là hậu quả của việc hai anh em giống nhau đến nỗi làm cho nhiều người nhầm lẫn.

1. Theo *Lĩnh-nam chích quái*.

2. Cũng theo *Lĩnh-nam chích quái* thì Lang chết hóa làm cây cau, Tân hóa làm hòn đá còn vợ Tân hóa làm cây trầu. Ở đây chúng tôi theo sách *Sử Nam chí dị* chép Lang hóa làm hòn đá. Tân hóa làm cây cau là những hình tượng có mối quan hệ hợp lý hơn (về điểm này chúng tôi đồng ý với ý kiến Trần Thanh Mại trong *Tìm hiểu và phân tích truyện cổ tích Việt-nam*).

Riêng sách *Mỹ Ấn tùy bút* tuy cũng kể như *Sử Nam chí dị*, nhưng lại cho rằng phải đợi sau khi chôn cả ba rồi mới được trời cho hóa. Cũng sách này có kể một số tình tiết hơi khác, nhất là ở đoạn kết:

Hai anh em Tân và Lang giống nhau như tạc, càng lớn càng giống và yêu mến nhau, đi đâu không rời nửa bước; việc đó làm cho người vợ của Tân - Lưu thị - mấy lần nhầm lẫn, rất xấu hổ. Lang sợ có điều không hay bèn xin anh ra ở riêng, nhưng anh không cho. Một hôm Lang bỏ nhà ra đi lên vùng núi, định sống lẩn lút ở đây, nhưng dầm phải sương gió nên chết ở cạnh rừng, được dân địa phương chôn cất thành mộ. Không thấy em về, Tân bỏ nhà đi tìm. Khi Tân đến đây, dân làng ban đầu sợ hãi tưởng người chết hiện ra, vì thấy giống người chết như tạc. Khi nghe nói người em đã chết, Tân ngất đi và chết theo. Dân địa phương bèn chôn bên cạnh mộ người em. Lưu thị cũng bỏ nhà đi tìm, đến đây nghe nói chồng và em chồng đều chết, liền ôm lấy mồ khóc mãi, rồi cũng chết và cũng được chôn bên cạnh.

Hành động của họ cảm động đến Trời. Trời cho em hóa đá (biểu thị sự trong trắng), anh hóa thành cây cau (ngay thẳng độc lập, mở dạ cho ai nấy thấy), Lưu thị hóa thành cây trầu (tiết hạnh thơm cay). Đoạn sau nói về vua Hùng cũng như trên đã kể[1].

3. Cũng theo Trúc Khê, sách đã dẫn, thì ngôi đền thờ ba người hiện nay là đền Tam-khương ở làng Nam-hoa, huyện Nam-đàn (Nghệ-an) mà các triều đại phong kiến vẫn có sắc phong tặng.

Đồng bào thiểu số ở Nghệ-an cũng có *Sự tích trầu, cau và vôi* nội dung khác với các truyện trên:

Một người có chín con gái cùng đi cuốc cỏ dâu. Trưa lại mệt, chị em nói đùa với nhau: - "Giá có ai cuốc hộ thì sẽ lấy làm chồng". Nghe thấy vậy một con quỷ hiện ra nói: - "Phải thế thì hãy nhắm mắt lại, tôi cuốc cho". Quả nhiên khi mở mắt, mấy chị em đều thấy nương dâu đã cuốc sạch làu. Quỷ đưa chín cô về, lần lượt ăn thịt đến cô thứ tám. Cô út là nàng Khăm Xuân sợ quá, bỏ

1. Trong *Nông công thương* (1939).

trốn. Một đàn gà rừng bảo: - "Muốn sống thì chui xuống lỗ khoai mài". Cô xuống, gà bẻ lá phủ cho nên quỷ không tìm ra. Khi quỷ đi khỏi, gà bảo nàng trèo lên tiếp tục đi nữa, hễ gặp người nào thì hỏi đường, người ta sẽ chỉ cho. Một bà tiên hiện ra bảo cô cứ đi theo sợi dây song cho đến ngọn. Đến nơi, hóa ra đó là cõi âm; ở đây cũng có nhà cửa ruộng vườn. Một người đàn ông là Chàng Ngược lấy cô làm vợ. Hắn chuyên làm mưa ở trần gian, nhưng vì có vợ, hắn quên cả chức trách, ba tháng không ra khỏi nhà, nên trần gian ruộng nương khô cạn, người kêu van khắp nơi. Sau đó, hắn phải từ biệt vợ ra đi làm mưa, dặn vợ cứ luôn luôn ở nhà, ai rủ đi đâu cũng đừng nghe.

Ở nhà, hai người vợ cũ của Chàng Ngược đến rủ: - "Có muốn coi voi đánh nhau không?" - "Không" - "Có muốn coi gương lược đánh nhau không?" - "Không" - "Có muốn coi ông bà gia không?" - "Kể từ khi về nhà chồng đến nay tôi chưa biết mặt mũi ông bà gia, cho đi với". Đến nơi, Khăm Xuân chỉ thấy hai con rồng to lớn, sợ quá, chạy về, mắt luôn luôn nhắm lại. Khi chồng về biết chuyện, đành phải trả Khăm Xuân lên trần. Lên đến nơi vẫn thấy vợ nhắm hai mắt, chồng bảo: -"Thôi đến nơi rồi. Chúng ta chia tay ở đây. Lúc nào gặp hoạn nạn gọi tôi, tôi sẽ đến". Khăm Xuân đang đi dọc bờ sông thì gặp chàng Nước. Chàng Nước lại dỗ dành lấy nàng làm vợ. Cuộc tình duyên êm đẹp, chỉ có điều bố chồng không ưa nàng dâu. Một hôm bố chồng bảo con dâu đi bắt cá sông. Khăm Xuân không bắt được. Nàng đến bờ sông gọi tên chồng cũ. Chàng Ngược lên bảo: -"Muốn bắt cá sông thì sáng dậy ra mà bắt, nhưng phải dặn mọi người rằng nếu ai có thấy cây gỗ lạ thì cũng đừng đụng đến". Sáng ra, thấy có một cây gỗ lớn nằm ngang sông mà vực sông ở chỗ đó cạn, cá rất nhiều, Khăm Xuân và mọi người đua nhau đi bắt. Người bố chồng thấy sự lạ cũng ra xem, thấy cây gỗ lạ bèn lấy gậy sắt đâm vào. Không ngờ đó là Chàng Ngược. Bị thương, Chàng Ngược, túc cây gỗ, nổi lên, nước chảy ào ào vào vực, phần lớn người đi bắt cá đều bị chết đuối. Bố chồng đổ tội cho nàng dâu giết dân, Khăm Xuân ra bến ngồi khóc rồi lấy lửa đốt cây gỗ để sưởi. Đốt một lúc bỗng thấy trong đống lửa không phải gỗ mà là Chàng Ngược đã chết cháy. Khăm Xuân thương quá, nhảy vào lửa cháy luôn. Chàng Nước về thấy thế cũng nhảy vào lửa cháy nốt (Tình tiết này giống với kết thúc truyện *Sự tích ông Đầu rau*, số **21**). Bố chồng chôn cất mỗi người một mộ. Về sau cây gỗ hóa thành cây cau. Khăm Xuân hóa thành cây trầu leo lên cây cau. Chàng Nước hóa thành đá vôi. Bố chồng lấy cau ăn với trầu, nhổ nước vào đá thấy nước đỏ đẹp, bèn hái về ăn để giải phiền. Từ đấy có tục ăn trầu[1]

1. Theo *Bản khai của tổng Thanh-xuyên.*

4. Đồng bào Ca-tu (ở phía Tây tỉnh Quảng-nam và Thừa-thiên) có một truyện nói về sự tích trầu, cau và vôi tuy khác truyện của ta nhưng hình ảnh đoạn kết lại có phần tương tự:

Một bà già gả một trong mười cô con gái cho chàng Rắn để trả ơn. Ở với Rắn, cô gái đẻ được một đứa con. Một hôm vì các chị xúi bẩy, cô bị răng rắn cắm vào người, chết ngay. Áo quan trôi theo dòng nước, lọt vào cái đó của ông Na, được ông này cứu cho sống lại. Ông Na lấy cô làm vợ, đẻ được một con nhưng vẫn chưa làm lễ cưới. Ngày cưới, chàng Rắn đến dự. Một cuộc chiến tranh dữ dội diễn ra giữa Rắn và ông Na. Cô gái lấy gói thuốc trong rừng gói thành từng gói chuẩn bị ném cho cả hai bên để bôi cho lành vết thương. Ném cho Rắn, không ngờ Rắn hóa thành cây cau. Ném trúng ông Na, ông Na hóa thành hòn đá. Cô thương quá đứng trên hòn đá ôm lấy cây cau, thì lại hóa thành cây trầu, gốc mọc ở đá, ngọn leo lên cây cau. Truyện còn kể thêm hai đứa con của Rắn và ông Na đến nhặt gói thuốc thứ ba thì hóa thành cối, chày giã trầu. Dân làng chạy đến xem cũng hóa thành những cây chay.

Có một mụ cơ-rúa (đàn bà ngồi lê) đi xúc tép qua đó, thấy cây hay hay, bèn hái lá trầu ăn với quả cau rồi nhổ nước vào đá, đá đang trắng hóa đỏ. Mụ lấy trầu cau, vôi và chay ăn chung với nhau, tự nhiên thấy môi đỏ, người hóa đẹp ra. Nhà vua nghe tin, đòi mụ về triều, thấy mụ đẹp bèn phong làm hoàng hậu. Nghe lời mụ, vua sai lính đến đào các cây cau trầu đem về, nhưng đào đi bao nhiêu cau trầu vẫn mọc nhiều thêm, không bao giờ hết giống[1].

Người Thái cũng có truyện *Tình nhân biến thành trầu cau* nói đến ba người bạn học, trong đó có một cô gái giả trai cuối cùng hóa ra trầu cau và vôi. Truyện này có mô-típ hoàn toàn khác các truyện trên.

1. Theo *Truyện cổ Ca-tu*.

3. SỰ TÍCH TRÁI SẦU RIÊNG

Ngày ấy, vào thời Tây Sơn, có một chàng trẻ tuổi người vùng Đồng-nai. Chàng là người tài kiêm văn võ, đã từng vung gươm hưởng ứng cái bất bình của mọi người. Chàng từng cầm quân mấy lần làm cho tớ thầy chúa Nguyễn chạy dài.

Nhà Tây Sơn mất, chàng lui về quê nhà mượn nghề dạy trẻ để náu hình ẩn tích. Đột nhiên có tin dữ truyền đến làm cho mọi người xao xuyến. Gia Long vừa thắng thế trên đất nước Việt thì cũng bắt đầu giết hại những người đã từng làm quan cho nhà Tây Sơn. Nhà vua cứ dựa vào chức tước lớn hay nhỏ của họ mà gia hình: tư mã, quận công thì lăng trì, tùng xẻo; vệ úy, phân suất thì đánh gậy, phạt roi, v.v...

Dân trong xóm sẵn lòng quý mến, khuyên chàng trốn đi thật xa. Họ giúp tiền gạo và mọi thứ cần dùng, trong đó có cả một chiếc thuyền nhỏ mui lồng để tiện đi lại.

Vì không muốn để rơi vào tay quân địch, chàng ra đi. Ngược dòng sông Cửu-long, chàng tiến sâu vào nước Chân-lạp.

Một hôm chàng cắm sào lên bộ mua thức ăn. Chàng bước vào một cái quán bên đường. Trong quán có một bà mẹ ngồi ủ rũ bên cạnh một cô gái nằm mê man bất tỉnh. Đó là hai mẹ con đi dâng hương trên núi, về đến đây thì con bị ốm nặng. Vốn có biệt tài về nghề thuốc, chàng hết sức chạy chữa, cuối cùng cũng giúp cô gái lấy lại sức khỏe. Và sẵn có thuyền riêng, chàng chở họ về tận nhà.

Nàng là con gái chưa chồng, đã đến tuổi quay xa đạp cửi. Nàng có vẻ đẹp thùy mị. Tự nhiên có anh chàng trai người Việt ở đâu tận xa xôi đến trú ngụ tại nhà làm cho nàng quyến luyến.

Sau một tuần chay tạ ơn Trời Phật, mẹ nàng cho biết là Phật đã báo mộng cho hai người lấy nhau. Chàng vui vẻ nhận lấy cuộc sống mới cho

qua ngày. Từ đây chàng có chỗ ở nhất định. Nhà nàng là nhà làm ruộng nuôi tằm. Những việc đó chàng đều làm được cả.

*

* *

Mười năm thoảng qua như một giấc mộng. Hai vợ chồng quấn quýt với nhau như đôi chim câu. Trong vườn nhà vợ có một cây ăn quả gọi là cây "tu rên" mà ở xứ sở chồng không có. Lần ấy gặp kỳ quả chín đầu mùa, vợ trèo lên cây trẩy xuống một quả, xẻ đưa cho chồng ăn. Quả "tu rên" vốn có một mùi hôi đặc biệt. Thấy chồng nhăn mặt vợ bảo:

- Anh cứ ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây.

Không ngờ một năm kia, vợ đi dâng hương về thì ngộ cảm. Chồng cố công chạy chữa nhưng không sao cứu kịp. Cái chết chia rẽ cặp vợ chồng một cách đột ngột. Không thể nói hết cảnh tượng đau khổ của người chồng. Nhưng hai người vẫn gặp nhau trong mộng. Chồng hứa trọn đời sẽ không lấy một ai nữa. Còn hồn vợ thì hứa không lúc nào xa chồng.

Nghe tin Gia Long đã thôi truy nã những người thù cũ, bà con chàng ở quê hương nhắn tin lên bảo về. Những người trong xóm cũng khuyên chàng nên đi đâu cho khuây khỏa. Chàng đành từ giã quê hương thứ hai của mình. Trước ngày lên đường, vợ báo mộng cho chồng biết là mình sẽ theo chàng cho đến sơn cùng thủy tận. Năm ấy cây "tu rên" tự nhiên chỉ hiện ra có mỗi một quả. Và quả "tu rên" đó tự nhiên rơi vào vạt áo giữa lúc chàng ra thăm cây kỷ niệm của vợ. Chàng mừng rỡ quyết đưa nó cùng mình về xứ sở.

Chàng lại trở về nghề cũ. Nhưng nỗi riêng canh cánh không bao giờ nguôi. Chàng đã ươm hạt "tu rên" thành cây đem trồng trong vườn ngoài ngõ. Từ đây, ngoài công việc dạy học còn có công việc chăm nom cây quý.

Những cây "tu rên" của chàng ngày một lớn khỏe. Lại mười năm nữa sắp trôi qua. Chàng trai ngày xưa bây giờ tóc đã đốm bạc. Nhưng ông già ấy lòng bỗng trẻ lại khi thấy những hàng cây mà mình bấy lâu chăm chút nay đã bắt đầu khai hoa kết quả. Ông sung sướng mời họ hàng

làng xóm tới dự đám giỗ của vợ và nhân thể thưởng thức một thứ quả lạ đầu tiên có ở trong vùng.

Khi những quả "tu rên" bưng ra đặt lên bàn, mọi người thoáng ngửi thấy một mùi khó chịu. Nhưng chủ nhân biết ý đã nói đón: - "... Nó xấu xí, nó hôi, nhưng múi của nó ở trong lại đẹp đẽ thơm tho như mối tình đậm đà của đôi vợ chồng son trẻ...". Ông vừa nói vừa xẻ những quả "tu rên" chia từng múi cho mọi người cùng nếm. Múi "tu rên" nuốt vào đến cổ quả có một vị ngon ngọt lạ thường. Đoạn, ông kể hết đoạn tình duyên xưa mà từ lúc về đến nay ông đã cố ý giấu kín trong lòng. Ông kể mãi, kể mãi. Và khi kể xong, ở khóe mắt con người chung tình ấy long lanh hai giọt lệ nhỏ đúng vào múi "tu rên" đang cầm ở tay. Tự nhiên hai giọt nước mắt ấy sôi lên sùng sục trên múi "tu rên" như vôi gặp nước và cuối cùng thấm vào múi như giọt nước thấm vào lòng gạch.

Sau đám giỗ ba ngày, người đàn ông ấy bỗng không bệnh mà chết. Từ đấy dân làng mỗi lần ăn thứ quả đó đều nhớ đến người gây giống, nhớ đến chuyện người đàn ông chung tình. Họ gọi "tu rên" bằng hai tiếng "sầu riêng" để nhớ mối tình chung thủy của chàng và nàng. Người ta còn nói những cây sầu riêng nào thuộc dòng dõi loại hạt có hai giọt nước mắt của anh chàng nhỏ vào thì mới là giống sầu riêng ngon[1].

1. Theo Phạm Tường Hạnh trong *Xuân 1957*. Một truyện khác cũng do một vài người Nam-bộ kể, bảo quả sầu riêng có từ đời Cao Biền. Nội dung của truyện đại khái đề cao Cao Biền mà hạ thấp giá trị của người Việt, nên ở đây chúng tôi không thuật.

4. SỰ TÍCH CÂY HUYẾT DỤ

Ngày xưa có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường thức dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường, sư cụ thúc chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông làm chừng thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.

Một đêm nọ, sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đứa con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lấy vái để, miệng nói: -"Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!". Sư hỏi người đàn bà: - "A-di-đà Phật! Cứu mạng là cứu thế nào? Bần tăng phải làm gì đây?". Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời: - "Ngày mai xin hòa thượng hãy đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con chúng thiếp rất đội ơn". Nhà sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông.

Lại nói chuyện hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chừng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vãn người rồi. Túc mình vì lỡ mất một buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách sư cụ. Sư cụ bèn đem câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.

Nhưng lúc bước chân về chuồng lợn của nhà thì bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn cái mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ, bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: - "Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn cái đã tìm cách cứu bầy con của mình khỏi chết".

Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy máu biết bao nhiêu là sinh mạng. Trong một lúc hối hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với sư cụ. Bác ta quả quyết cắm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ.

Không rõ bác đồ tể rồi sau đó thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên chắc chịu ảnh hưởng của phật thoại, nó được nhân dân lưu truyền khá rộng. Có thể so sánh với truyện *Rắn báo oán* (số **158**, tập **IV**).

Trong *Bản quốc dị văn lục* có kể truyện trên và cho rằng sư cụ chính là bố của Nguyễn Xí người làng Lê-xá huyện Chân-phúc (tức Nghi-lộc) Nghệ-an, tên là Trị. Cuối đời Trần thi không đỗ, ông bỏ đi tu, trụ trì ở chùa làng, lấy tên là Hòa Nam thiền sư. Sau khi nghi đánh chuông để cứu mẹ con người đàn bà trong mộng, sư bèn bỏ tiền mua lấy đàn lợn ấy của bác đồ tể rồi đem thả chúng vào rừng. Về sau, sư bị hổ giết, mối đùn thành mộ. Nhưng con cháu của sư thì từ đó có địa vị rất cao ở triều đình nhà Lê. Người chép truyện có ý nói đó là nhờ mẹ con con lợn báo ơn một cách huyền bí mới được như thế.

Một truyền thuyết về Nguyễn Nghiễm cũng có nội dung tương tự:

Nguyễn Nghiễm - cha của thi hào Nguyễn Du - một lần về chơi quê nhà, một đêm mộng thấy một người đàn bà đến cầu cứu mình: - "Xin cụ làm ơn cứu mạng. Con đang có thai, được mẹ tròn con vuông là nhờ ơn cụ". Tỉnh dậy, ông không hiểu thế nào cả. Nhưng sau đó bỗng thấy có người đến biếu một con cá chép rất to vừa đánh lưới được. Trông thấy con cá có chửa, ông nhớ đến giấc mộng hôm qua, liền sai người nhà thả xuống sông. Đêm hôm ấy, lại mộng thấy người đàn bà nọ đến cảm ơn mình[2]. Từ đấy họ Tiên-điền có tục kiêng ăn cá chép.

1. Theo lời kể của người miền Bắc.
2. Theo Gia phả Trung Cần công ở Tiên-điền (Hà-tĩnh).

5. SỰ TÍCH CHIM HÍT CÔ

Ngày xưa, có hai cô cháu ở chung với nhau một nhà. Người cô đã già, chồng chết từ lâu. Đứa cháu còn bé chừng mười hai tuổi, mồ côi cha mẹ. Nhà họ nghèo, chỉ có vài sào ruộng, không đủ sống. Cho nên cô cháu ngày ngày phải đi mò cua bắt ốc hoặc mót hái kiếm ăn. Mấy năm trời được mùa, hai cô cháu tuy không lấy gì làm đầy đủ nhưng cũng sống vui. Ngày ngày cháu theo cô xách giỏ ra đồng, miệng hát có vẻ thích chí.

Nhưng không may vụ hạ năm ấy mất mùa. Rồi tiếp đến vụ mùa nắng hạn nên cũng chẳng ăn thua gì. Trời không nắng lắm nhưng nhất định không mưa làm cho các ao hồ đều khô rông rốc. Ruộng nứt nẻ hết. Hai cô cháu cũng như những người nghèo khác đi mò cua bắt ốc ở các vùng cạn nước. Nhưng cua ốc bắt mãi cũng phải hết. Mà trong nhà thì gạo đã kiệt từ lâu. Biết tìm cái gì mà nuôi nhau đây. Người ta có sức khỏe lên rừng chặt củi về đổi lấy những cái ăn được mà sống qua ngày. Riêng hai cô cháu sức yếu đành chịu nằm nhà nhịn đói. Cái chết đang dọa nạt họ.

May sao, buổi sáng hôm ấy có người hàng xóm sang báo tin cho cô cháu biết là có mấy đám lúa ở làng bên cạnh đã bắt đầu gặt. Bà cô thấy mình yếu lắm rồi, đứng lên không vững nữa. Chỉ có cháu là hơi tỉnh. Anh chàng gắng ngồi lên. Một người láng giềng đem cho một bát canh rau. Cháu húp vào thấy khỏe cả người, vội đứng lên đi theo họ.

Họ đến vừa kịp buổi gặt. Nhưng người gặt thì ít mà người mót thì đông vô kể. Tất cả đều đói nhưng mót rất khỏe. Họ đánh liều sấn vào bứt lúa mặc kệ chủ ruộng cầm roi đánh không tiếc tay.

Mãi đến chiều, người cháu mới đem lúa về. Lèo tèo chỉ có một nắm bằng cái chổi xể. Nhưng anh chàng không ngại. Hắn đập, sảy, rang rồi bỏ vào cối giã. Chỉ một lúc sau hắn đã đổ vào nồi bắc lên bếp.

Khi nồi cháo bắt đầu sôi thì người cô bỗng trở mình và rên khừ khừ. Cháu lật đật vào lật chiếu thăm cô. Cô rên rỉ kêu đau bụng, bảo cháu đi xin cho mình một tý gừng. Cháu ngần ngại không muốn đi nhưng thấy cô có vẻ nguy kịch, vội đánh đường vào xóm. Sau khi cháu đi, người cô gắng dậy ngồi vào bếp đun lửa cho nồi cháo. Lúc cháo chín, cô bỏ muối vào nếm thử một lớp. Chất ngũ cốc vào bụng trôi đến đâu, thịt da như sống lại đến đấy. Thấy cháu vẫn chưa về, cô múc ra một bát để dành phần cháu rồi lại ngồi ăn. Loáng một cái, cô đã ăn hết phần của mình. Cô lại chống nằm nhưng trong bụng vẫn thấy thèm. Thấy cháu vẫn chưa về, cô nghĩ: - "Thằng bé có lẽ được người ta cho ăn rồi nên mới lâu thế. Nếu hắn đói thì dù gừng được hay không cũng phải về sớm". Nghĩ vậy, người cô lại lồm cồm dậy ăn xén vào cháo của cháu một tý. Cô đi ra ngoài cửa nhìn. Vẫn không thấy tăm dạng của cháu. -"Chắc nó được ăn rồi còn ngồi lại sưởi. Ta có thể ăn nốt đi cho nó". Nghĩ thế, cô yên tâm lại húp thêm một hớp nữa vào phần của cháu.

Cho đến khi người cháu mang gừng về thì bát cháo chỉ còn một tý nước ở dưới đáy. Cháu hỏi cô. Cô không trả lời. Nhưng cháu cũng đoán được hết. Cháu ôm mặt khóc nức nở. Cháu giận cô, oán cô rồi rủa cô. Được một chốc, cháu bưng bát cháo lại chỗ cô nằm, dí sát vào miệng và nói bằng một giọng cay chua:

- Đó còn ít nữa, hít nốt đi! Hít đi cô, hít cô...

Sáng hôm sau, mãi đến trưa vẫn chưa thấy cháu dậy, cô lại gần đưa tay sờ vào người cháu, thì ôi thôi người cháu đã lạnh toát từ bao giờ.

Từ đó trở đi vào khoảng trời khuya, người ta nghe có tiếng chim kêu não nùng trong không gian: "Hít cô! Hít cô!". Tiếng chim kêu một điệu đều đều như nhắc nhở những ngày sống gian khổ của hai cô cháu[1].

1. Theo báo *Tràng-an*.

KHẢO DỊ

Truyện này theo người Hà-tĩnh, Quảng-bình kể cũng tương tự, nhưng có một tình tiết hơi khác:

Ngày xưa có hai cô cháu nhà nghèo, sống chung với nhau. Một năm nọ đói kém lớn, người chết như rạ. Hai cô cháu hết gạo, sức yếu, đành ngồi nhà đợi chết. Giữa khi đó người cháu bỗng trông thấy một con chuột nhắt. Hắn bảo chuột: - "Thôi từ giã chuột nhé! Chúng tao chết đói đây!". Chuột bảo: - "Gạo đang còn trong bồ sao đã chết vội thế!". Người cháu chạy vào buồng vét mãi trong bồ gạo chỉ thấy còn có mỗi một hạt cuối cùng. Thấy hắn ném xuống đất, chuột bảo: - "Ngọc của trời đấy. Cứ giữ lấy rồi mỗi ngày đưa ra hít ba lần là đủ sống rồi!".

Cháu bèn nhặt lấy, trân trọng đưa cho cô, kể chuyện vừa rồi và nói: - "May quá chúng ta sẽ sống, o[1] ạ". Người cô cho là cháu mê hoảng nói càn không để ý đến. Nhưng mấy ngày sau, trong khi cô cất bước không nổi thì cháu vẫn vui vẻ ca hát. Cô ngạc nhiên về sự mầu nhiệm của "hạt ngọc". Từ đó hai cô cháu cứ đến bữa ăn là đem "hạt ngọc" mỗi người hít một tý, nhờ vậy họ kéo dài sự sống được vài mươi ngày.

Nhưng sau đó một hôm, trong khi hít, người cô buột tay để cho "hạt ngọc" chui tuột vào cổ họng của mình. Cô khạc mãi nhưng "hạt ngọc" vẫn không ra. Cháu giục cô ho, giục cô nôn ọe rối rít. Nhưng tuy cô đã làm đủ mọi cách mà "hạt ngọc" vẫn không chịu vọt ra.

Và sau đó cháu chết hóa thành chim hít cô, luôn mồm nhắc mãi sự bất cẩn của người cô vô ý. Có người lại bảo cháu chết hóa thành chim o ho. Ngày nay con chim đó vẫn còn kêu những tiếng "O ho! O ho!" là tiếng cháu giục cô ho khạc cho ra hạt gạo.

Người Nghệ-an cũng có một truyện kể như trên nhưng thay cho hạt gạo là hạt đỗ. Và ở đây đáng lý người cô hít "hạt ngọc" tuột vào cổ họng, thì lại là cháu. Dĩ nhiên cháu sống mà cô thì chết. Sau đó, cháu thương cô, hễ đến mùa đậu có quả thì van lên rằng: "Cô hỡi, cô hời, về ăn cơm với đậu ương"[2].

Có người kể: cháu sau đó cũng chết hóa làm chim tu hú. Cho nên về sau đến mùa đỗ, loài chim tu hú có cái ăn thì nhớ đến cô, kêu lên:

1. O: cô (tiếng Nghệ - Tĩnh).
2. Theo *Bản khai của thôn Hướng-dương.*

Cô hố cô hố:
Lúa đã trổ,
Đỗ đã chín,
Bay về mà ăn![1]

Có lẽ đây cũng là một dị bản, nhưng người kể đã nhớ lẫn lộn và không được trọn vẹn.

Người Nùng cũng có một truyện ít nhiều giống với truyện của ta:

Có hai cô cháu ở với nhau. Cháu tên là Pít-tu. Gặp nạn đói, trong nhà hết gạo, cô và cháu theo người ta vào rừng đào củ mài. Mãi đến gần trưa mới tìm được một dây. Cô bảo cháu ngồi chờ cho mình đào. Cô đào mãi vẫn chưa thấy củ mà bụng thì đã mấy ngày chưa có miếng gì. Khi đào gần đến củ, cô cúi người xuống móc lên, không ngờ tuột tay đâm đầu xuống hố. Cháu chạy đến kéo cô lên, nhưng vì người bé, sức yếu, lại đói, kéo mãi không lên. Cô chết, Pít-tu sau đó được tiên làm cho hóa thành chim tu hú, luôn mồm kêu "a oi!" (a: tiếng Nùng nghĩa là cô).

Truyện còn thêm tình tiết: chim tu hú bay vào tận cung điện, mổ vào mắt nhà vua là kẻ đã gây ra nạn đói[2]. Có lẽ tình tiết này là do các nhà sưu tập gần đây mới thêm vào.

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam* (B. Muông chim), quyển I.
2. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*.

6. SỰ TÍCH CHIM TU HÚ

Ngày xưa có hai nhà sư Năng Nhẫn và Bất Nhẫn. Hai người cùng cạo đầu xuất gia từ ngày còn trẻ và cùng tu ở một ngôi chùa hẻo lánh. Sau một thời gian dài tu luyện thì bỗng một hôm, Năng Nhẫn được đức Phật độ cho thành chính quả.

Bất Nhẫn thấy mình tu hành không kém gì bạn mà không được hưởng may mắn như bạn thì rất buồn bực. Chàng đến trước tòa sen hết sức kêu nài với đức Phật bày tỏ lòng chân thành tu đạo cùng mọi sự khổ hạnh đã trải qua của mình. Đức Phật bảo chàng: - "Nhà ngươi chuyên tâm cầu đạo, lại là người trong sạch, thật đáng khen ngợi. Nhưng tính tình nhà ngươi vẫn như con trâu chưa thuần, chưa thể đắc đạo được. Vậy hãy cố gắng tỏ rõ tấm lòng nhẫn nhục trong một cuộc khổ hạnh trường kỳ rồi sẽ theo bạn cũng chưa muộn".

Bất Nhẫn nghe lời bèn lên núi chọn một gốc cây bắt chước người xưa ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Chàng cương quyết ngồi im lặng như thế mãi trong ba năm, dù có phải thế nào cũng không chịu dậy.

Và từ hôm đó, Bất Nhẫn như một vật vô tri vô giác. Những con sâu con kiến bò khắp mình chàng. Những con thú cà vào thân chàng. Những con chim ỉa phẹt lên đầu chàng. Chàng đều không hề bận tâm. Chàng chỉ một mực tâm tâm niệm niệm nghĩa lý cao thâm của đạo Phật.

Cứ như thế, trải qua hai mùa hè và sắp sửa qua một mùa hè thứ ba là kết liễu cuộc tu luyện. Một hôm tự dưng có hai vợ chồng con chim chích ở đâu đến làm tổ ngay trong vành tai của Bất Nhẫn. Chàng cứ để yên, mặc chúng muốn làm gì thì làm. Chúng đi về tha rác lên đầu, lên mặt. Rồi chim mái đẻ trứng. Rồi cả một thời kỳ hai vợ chồng thay phiên nhau ấp. Cho đến lúc trứng nở, những con chim non kêu léo nhéo suốt ngày. Nhưng Bất Nhẫn không lấy thế làm khó chịu.

Một hôm, lúc ấy chỉ còn mười ngày nữa thì Bất Nhẫn hết hạn ngồi dưới gốc cây. Hôm đó, đến lượt con chim vợ đi tìm thức ăn cho con. Suốt một buổi chiều nó vẫn không kiếm được một chút gì. Mãi đến gần tối, lúc lượn qua một cái hồ, chim vợ mới thấy một con nhện đang giăng tơ trong một đóa hoa sen. Nhện nhác thấy chim liền ẩn mình vào giữa những cánh hoa làm cho chim mất công tìm mãi. Không ngờ hoa sen vừa tắt ánh mặt trời đã cụp ngay cánh lại, nhốt chim vào trong. Chim cố công tìm lối chui ra nhưng những cánh hoa vây bọc dày quá đành chịu nằm lại đó.

Ở nhà, chim chồng hết bay đi kiếm vợ lại trở về. Đàn con đói mồi nháo nhác suốt đêm. Mãi đến sáng mai, chờ lúc hoa nở, chim vợ mới thoát được bay về tổ. Một cuộc cãi lộn nổ ra bên tai Bất Nhẫn. Ghen vợ, chim chồng mắng nhiếc vợ hết lời. Nhưng chim vợ vẫn hết sức bày tỏ nỗi lòng trinh bạch của mình. Cuộc đấu khẩu kéo dài suốt cả buổi sáng và có cơ chưa chấm dứt. Bất Nhẫn rất khó chịu. Thêm vào đó, đàn con khóc đói chíu chít điếc cả tai. Nhè lúc vợ chồng chim cãi vã đến chỗ găng nhất, Bất Nhẫn bỏ tay lên tai giật cái tổ chim vứt mạnh xuống đất và nói: - "Đồ khốn! Chỉ có mỗi một chuyện đó mà chúng mày làm điếc tai ông từ sáng đến giờ".

Thế là công sức tu luyện của Bất Nhẫn sắp hoàn thành thốt nhiên vứt bỏ trong chốc lát.

Nhưng Bất Nhẫn vẫn không nản chí. Trước tòa sen, chàng hứa sẽ kiếm cách tỏ rõ sự hối lỗi của mình. Chàng tìm đến một khúc sông nước chảy xiết, tình nguyện làm người chèo đò đưa khách bộ hành quá giang mà không lấy tiền. Chàng quyết chở cho đến người thứ một trăm mới chịu nghỉ tay.

Lần này Bất Nhẫn tỏ ra một người rất nhẫn nại. Tuy bến sông thường vắng khách, chàng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Luôn trong hai năm chàng chở được chín mươi tám người mà không xảy ra việc gì.

Một hôm vào khoảng giữa thu, nước sông tự nhiên tràn về chảy xiết hơn mọi ngày. Trời bỗng đổ một trận mưa lớn. Giữa lúc đó có một người đàn bà dắt một em bé đòi qua sông. Hắn có vẻ là vợ một viên quan sở tại; chưa bước xuống thuyền đã dọa Bất Nhẫn:

- Chú nhớ chèo cho vững nghe không. Che mui cho kín. Nếu để chúng ta mà uớt thì liệu chừng kẻo roi quấn đít đó.

Nghe nói thế Bất Nhẫn đã hơi bực, nhưng chàng nín được và vẫn giữ vẻ mặt tươi cười đáp:

- Bà và cậu đừng sợ gì cả. Tôi xin cố sức.

Rồi chàng vận dụng hết tài nghề để đưa hai mẹ con nhà nọ qua bên kia sông được vô sự. Lúc sắp lên bờ, người đàn bà bỗng kêu lên:

- Ta quên khuấy đi mất. Có một gói hành lý bỏ quên ở quán bên kia. Vậy nhà ngươi chịu khó chèo sang lấy hộ.

Bất Nhẫn nín lặng cắm cổ chèo qua sông giữa sóng gió. Mãi đến gần tối, chật vật lắm chàng mới đưa được gói hành lý sang cho người đàn bà. Nhưng khi soát lại gói, người đàn bà nọ lại kêu lên:

- Thôi rồi! Còn một đôi giày của thằng bé bỏ ở gậm giường. Thế nào nhà ngươi cũng phải gắng sang lấy cho ta một lần nữa.

Người đàn bà nói chưa dứt lời thì Bất Nhẫn đã chỉ tay vào mặt:

- Cút đi đồ chó ghẻ! Tao có phải sinh ra để hầu hạ mẹ con nhà mày mãi đâu.

Nhưng người đàn bà ấy vốn là đức Phật Quan âm hiện hình xuống thử lòng người đệ tử khổ tu đó; bấy giờ lại hiện nguyên hình và cất tiếng bảo chàng:

- Nhà ngươi vẫn chưa thực tâm nhẫn nhục, như thế thì tu gì mà tu. Có tu hú!

Bất Nhẫn thẹn quá đành cúi đầu nhận lỗi.

Phật bà Quan âm sau đó bắt Bất Nhẫn hóa thành một giống chim mà người đời sau quen gọi là chim tu hú. Họ bảo thứ chim đó vào khoảng cuối hè sang thu hay xuất hiện, đúng vào lúc xảy ra câu chuyện giữa Bất Nhẫn với Phật bà[1].

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh và theo *Pháp-Á tạp chí*.

KHẢO DỊ

Truyện này có thể bắt nguồn từ một phật thoại hay ngụ ngôn nhà chùa. Nhưng nó đã được nhân dân thêm thắt và truyền tụng khá phổ biến. Thi sĩ Trần Kế Xương đã diễn tả đoạn đầu theo điệu lục bát thành truyện thơ nhan đề là *Năng Nhẫn Bất Năng Nhẫn hành*[1] .Trong ca dao Việt-nam có một bài kể nỗi oan của con chim chích mái, cũng rút từ truyện cổ tích trên:

Ông Tô Tử lên chơi trên đỉnh núi,
Thấy hai vợ chồng con chim chích,
Chín tháng mười ngày đủ cánh mọc lông,
Vợ để con cho chồng, bay đi kiếm chác;
Lạ thung thổ, mồi thời không được,
Bước chân ra về thấy nhện chăng tơ.
Mảng vui chơi bắt nhện nào ngờ,
Khi âm tối, hoa sen cụp lại.
Chồng thì mong, con thì bỏ đói,
Hết dỗ đứng dỗ ngồi, ra ngõ liền trông.
– Kìa kìa gái năm con chửa hết lòng chồng,
Còn say đắm về bên hoa nguyệt.
– Tôi thề có trời xanh nước biếc,
Núi non thề với nước non,
Nào ai phụ rẫy chồng con, đã trời[2]*?*

Xem thêm các truyện *Sự tích con nhái* (số **10**), *Sự tích cá he* (số **13**) và *Sự tích ông bình vôi* (số **22**) đều ít nhiều có tính chất phật thoại và tương tự phần nào với truyện này về mặt chủ đề.

1. Xem sách *Vị thành giai cú tập.*
2. Nguyễn Văn Ngọc. *Tục ngữ phong dao,* tập II

7. SỰ TÍCH CHIM QUỐC

Ngày ấy có đôi bạn chí thân là Quắc và Nhân. Họ đều là con nhà học trò nghèo, lại đều mồ côi cha mẹ, Quắc được học nhiều hơn bạn: anh chàng làm thầy đồ dạy trẻ. Tuy bổng lộc chẳng có là bao nhưng Quắc vẫn thường giúp đỡ Nhân. Đối lại, có lần Quắc bị ốm nặng, giá không có bạn thuốc thang ngày đêm thì anh khó lòng sống nổi. Sau đó cũng vì sinh kế, đôi bạn phải chia tay mỗi người một ngả.

Trong khi Quắc sống cuộc đời dạy trẻ thì Nhân cũng đi lang thang đến các vùng xa lạ làm thuê làm mướn. Trải qua một thời kỳ lang bạt, cuối cùng anh chàng vào làm công cho một phú thương. Thấy chàng thật thà chăm chỉ, phú thương rất tin cậy. Chẳng bao lâu Nhân được phú thương gả con gái cho.

Vợ Nhân có nhiều của riêng. Vì thế Nhân nghiễm nhiên trở nên một phú ông có cơ nghiệp kha khá ở trong vùng.

Nhân giàu nhưng không quên tình bầu bạn. Nhân vẫn nhớ tới lời thề "sống chết sướng khổ có nhau" với Quắc. Nhân cất công đi tìm và sung sướng thấy Quắc còn sống. Tuy Quắc đang dở năm dạy, nhưng Nhân cũng thương lượng được với cha mẹ học trò cho con em chuyển sang một cụ đồ khác rồi đưa Quắc về nhà mình. Nhân dặn người nhà phải coi Quắc không khác gì mình, cơm nước hầu hạ không được bê trễ.

Nhưng tính vợ Nhân không được như chồng. Xưa nay đối với những kẻ rách rưới, chị ta thường tỏ vẻ coi thường. Vả, chị ta không cùng sống những ngày hàn vi với Nhân nên có thấy đâu tình nghĩa giữa Nhân và Quắc như thế nào. Nhưng thấy chồng trọng đãi khách nên lúc đầu chị không dám nói gì. Nhân luôn luôn bảo vợ: - "Đây là người thân nhất trong đời tôi. Nếu không có bạn thì tôi chưa chắc đã sống để gặp nàng". Vợ Nhân chỉ lẩm bẩm: - "Khéo! Bạn với bè! Chỉ có ngồi ăn hại".

Dần dần vợ Nhân bục mình ra mặt. Chị ta khó chịu vì cái ông khách lạ tự dưng ở đâu đến chả giúp ích gì cho nhà mình, chỉ chễm chệ trên giường cao, cơm rượu mỗi ngày hai bữa. Vợ Nhân trước còn nói mát sau thì ngoa ngoắt ra mặt. Có hôm người đàn bà ấy đay nghiến cả chồng lẫn khách:

- Chẳng phải bố già, không phải khách nợ, ở đâu lại rước về thờ phụng: ăn no lại nằm. Thôi liệu mà tống quái đi!

Thấy thái độ vợ ngày càng quá quắt, chồng chỉ sợ mất lòng bạn. Một mặt Nhân thân hành chăm chút bạn chu đáo hơn cả lúc trước, mặt khác Nhân tỷ tê khuyên dỗ vợ. Nhưng vợ Nhân chứng nào vẫn giữ tật ấy. Về phần Quắc thì chàng hiểu tất cả. Đã hai lần Quắc cáo bạn xin về nhưng Nhân cố giữ lại. Thấy bạn chí tình, Quắc lại nấn ná ít lâu.

Nhưng hôm đó Quắc quả quyết ra đi vì chàng vừa nghe được những câu nói xúc phạm nặng nề. Quắc nghĩ, nếu mình không đi sớm thì có ngày bị nhục với người đàn bà này. Mà nếu ra đi như mấy lần trước thì sẽ bị bạn chèo kéo lôi thôi.

Một hôm, trời còn mờ sương, Quắc cất lẻn ra khỏi nhà. Để cho bạn khỏi mất công tìm kiếm, khi đi qua một khu rừng, chàng cởi khăn áo treo lên một cành cây bên đường. Đoạn Quắc lần mò đến xứ khác trở lại cuộc đời dạy trẻ.

Thấy mất hút bạn, Nhân bổ đi tìm. Khi nghe tin có người bắt được khăn áo ở mé rừng phía Nam, chàng lật đật đến xem. Nhận rõ ấy là khăn áo của bạn, Nhân rất thương cảm: -"Ta nuôi bạn thành ra hại bạn! Chắc bạn ta bị cướp giết chết". Nhưng sau đó Nhân lại nghĩ khác: - "Bạn ta ra đi trong túi không có một đồng một chữ thì dầu có gặp cướp cũng không việc gì. Đây một là hùm beo ăn thịt, hai là bị lạc trong rừng sâu".

Nhân bắt đầu vào rừng tìm Quắc. Không thấy có vết máu, chàng lại càng hy vọng. Băng hết chông gai, chui hết bụi rậm, Nhân luôn luôn cất tiếng gọi: "Anh Quắc ơi! Quắc! Quắc!". Nhân đi mãi, gọi mãi, quanh quẩn trong khu rừng mênh mông. Cho đến hơi thở cuối cùng con người chí tình ấy vẫn không quên gọi: - "Quắc! Quắc!". Rồi đó Nhân chết hóa thành chim quốc, cũng gọi là đỗ quyên.

Vợ Nhân đợi mãi không thấy chồng về, lấy làm hối hận. Một hôm chị ta bỏ nhà bỏ cửa đi tìm chồng. Cuối cùng cũng đến khu rừng phía Nam. Nghe tiếng "Quắc! Quắc!", chị ta mừng quá kêu to: - "Có phải anh đấy không anh Nhân!". Không có tiếng trả lời ngoài những tiếng "Quắc! Quắc!". Vợ Nhân cứ thế theo tiếng gọi tiến dần vào rừng sâu. Sau cùng không tìm được lối ra, chết bên cạnh một gốc cây[1].

KHẢO DỊ

Truyện *Sự tích chim quốc* của Trung-quốc khác hẳn truyện của ta. Theo sách *Hoàn vũ ký* thì ngày xưa có Thục vương tên là Đỗ Vũ làm vua mang hiệu là Vọng Đế. Vọng Đế lập Miết Linh làm tướng. Về sau Vọng Đế nhường ngôi cho Miết Linh rồi bỏ đi mất, hóa làm chim tử quy, cũng gọi là chim đỗ vũ hay đỗ quyên[2].

Còn theo *Cầm kinh* thì Miết Linh là bề tôi được Đỗ Vũ (tức Vọng Đế) tin dùng cất làm tướng; về sau bị Miết Linh cướp ngôi, Đỗ Vũ tức và tiếc quá, ngày đêm kêu "Quốc! Quốc!"[3] ra rả. Sau có một ông tiên hiện ra trách: - "Quá tin người để mất nước, kêu mà làm gì?". Đỗ Vũ thẹn quá chui lủi trong bụi cây. Sau hóa thành chim, hễ thấy người là chạy, thỉnh thoảng vẫn kêu "Quốc! Quốc!". Đồng bào Mường ở Hòa-bình cũng có truyện *Sự tích chim quốc* tương tự với truyện của Trung-quốc. Dòng dõi họ Bạch ở Kim-bôi thuộc châu Lương-sơn (Hòa-bình) kiêng ăn thịt chim quốc vì họ cho chim quốc là dòng dõi của Thục đế. Mà Thục đế ở đây lại là Thục An Dương Vương, mất nước, chết hóa thành chim, luôn miệng kêu "Quốc! Quốc!".

Ở Nghệ-an có người kể *Sự tích chim quốc* như sau:

Có đôi vợ chồng hiếm hoi, chỉ được một con trai, hỏi vợ cho đám nào anh cũng chê cả. Sau anh đi buôn nước ngoài, sang đất Thục, các cô gái thấy anh thì phải lòng, trong đó có một cô gái nhà quan. Cô gái về thưa với cha. Quan cho đòi anh ta đến gả cho làm vợ. Hai người yêu nhau rất mực.

1. Theo *Trung Bắc chủ nhật* (1943).
2. Theo *Bội văn vận phủ*.
3. "*Quốc*" là *nước*.

Lấy nhau được một năm thì có thư nhà sang bảo anh về. Về đến nhà, anh bị bố mẹ giữ lại không cho đi buôn xa nữa. Anh ta nhớ vợ ngày một héo mòn. Sau hóa ra chim quốc, miệng lúc nào cũng kêu: "Thục quốc! Thục quốc!"[1].

Đồng bào Nam-bộ lại kể truyện này với chủ đề tình bạn, nhưng hình tượng trong truyện khác với truyện của người Bắc-bộ ở trên:

Ngày xưa có một ông vua Chàm tên là La Hoa. La Hoa chuẩn bị đem quân ra đánh nước Việt. Một người tên là Quốc vừa là bạn vừa là cố vấn, hết sức can ngăn, nhưng không được. Tuy biết chắc thất bại nhưng Quốc cũng xin đi theo để chịu chung số phận. Cuộc chiến đấu diễn ra kịch liệt ở Đèo Ngang. La Hoa bị trúng một mũi tên chết. Quốc thúc quân báo thù, cuối cùng cũng chết.

Hồn của Quốc đi tìm La Hoa nhưng không biết rằng xác La Hoa đã bị kẻ địch đưa đi mất tích. Tìm không được, hóa làm chim, luôn mồm kêu "Quốc Quốc, La Hoa" (ý nói đây là Quốc, La Hoa ở đâu?)[2].

Đồng bào miền Bắc còn một truyện khác nữa với chủ đề mẹ ghẻ con chồng:

Có hai anh em: anh là con vợ cả đã chết, em là con vợ kế. Mẹ ghẻ ghét con chồng tìm cách làm cho chết. Một hôm bảo cả hai: - "Mỗi đứa cầm một túi vừng lên Nam-sơn mà vãi, hạt của đứa nào nẩy mầm mới được về ăn cơm, nếu không thì đừng về". Dọc đường nghỉ ở gốc cây, em thử nhấc túi vừng của anh thấy nhẹ (kỳ thực là do mẹ ghẻ đã đồ chín nên mới nhẹ như thế) bèn đề nghị đổi. Khi vãi xong thì vừng của anh mọc trước rất đẹp. Em bảo anh về trước nhưng anh cứ ngồi chờ em. Em không thấy vừng của mình mọc cũng không chịu về. Cuối cùng cả hai đều chết. Mẹ ghẻ lên núi thấy thế hối hận. Một hôm nghe có tiếng chim kêu: "Khổ quá! Khổ quá! Mẹ đồ chín vừng làm hại con!". Đó là con đẻ của mình đã hóa làm chim đỗ quyên[3].

1. *Bản khai những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma.*
2. Theo Lê Văn Phát. *Cổ tích và truyền thuyết ở xứ An-nam.*
3. Theo *Trung Bắc chủ nhật* (1943).

8. SỰ TÍCH CHIM NĂM-TRÂU-SÁU-CỘT VÀ CHIM BẤT-CÔ-TRÓI-CỘT

Ngày xưa, có một bác lực điền tên là Ba ở trong một xóm dưới chân núi. Bác không có ruộng phải làm rẽ năm sào của một phú ông ở làng bên cạnh. Phú ông là tay giàu có nhất tổng: ruộng đất trâu bò ở rải rác các thôn xóm nhiều không đếm xiết. Thấy bác là tá điền cũ, tính nết thật thà chăm chỉ, lúc nào cũng nộp thóc sòng phẳng, phú ông có lòng tin giao cho bác nuôi trâu. Từ đấy công việc của bác Ba thêm bận rộn. Ngày ngày bác phải chăn một bầy trâu của phú ông từ độ ấy đến giờ sinh nở tổng cộng đã được năm con.

Tự nhiên một ngày nọ, phú ông lăn ra chết. Hắn chết giữa lúc tuổi còn khá trẻ. Phú ông chưa có con trai, chỉ có mỗi một cô con gái nên bao nhiêu ruộng đất trâu bò đều về tay cô. Mà ruộng đất trâu bò của phú ông giao cho các tá điền nhiều thứ linh tinh phức tạp, có thứ đã làm giấy tờ phân minh nhưng cũng có thứ vì cái chết đột ngột xảy đến nên chưa có giấy tờ gì cả.

Cô con gái phú ông rất giống tính cha, lại là một người có mánh khóe vặt. Không bao giờ chịu để mất không cái gì cho người ngoài dù là những vật nhỏ mọn. Sau khi làm ma bố xong, cô gái mới bắt đầu đi kiểm soát một lượt gia sản của bố để lại.

Cô đến nhà bác Ba vào một buổi chiều. Lúc đó bác ta còn đi chăn trâu chưa về. Nhà này có nuôi trâu, cô biết, nhưng tất cả số trâu nuôi trâu đẻ được mấy con và lớn bé như thế nào thì hãy còn mập mờ. Trừ phú ông ra chả ai biết rõ. Mấy người đầy tớ chỉ nhớ mang máng cả mẹ đẻ con đẻ đâu năm sáu con.

Tục ở đây nuôi trâu không có chuồng. Người ta đóng ở góc sân những cái cột, tối về buộc mỗi con vào một cột. Thoạt vừa đến cô gái đếm

ngay số cột được sáu cái: - "Sáu cột vị chi là sáu trâu" cô tự bảo thế. Cô không biết rằng trước đây một hôm vì có một cột gần gãy nên bác Ba phải đóng một cột khác, chưa kịp nhổ cái kia đi.

Lúc bác lực điền đánh trâu về, cô gái đếm đi đếm lại chỉ có năm con, bèn ngẫm nghĩ: - "Quái thật! Sao chỉ có năm. Có lẽ vì không có giấy tờ, nên nghe tin cha ta chết lão này đã bán trộm một con". Bèn nói to:

- Này bác Ba. Còn một con nữa đâu?

Bác lực điền ngạc nhiên:

- Còn trâu nào nữa, tôi nuôi của cụ cả thảy chỉ có năm con.

Cô gái lý sự:

- Năm trâu sao lại sáu cột. Có lẽ bác đánh lạc mất một con trong rừng chứ gì?

Bác Ba đem việc cột gãy ra phân trần, nhưng cô nào có nghe:

- Thôi bác chịu khó đi tìm cho tôi đi. Năm trâu sao lại sáu cột?

Thấy cô ta lẩm bẩm mãi mấy tiếng "năm trâu sáu cột", bác lực điền nổi xung:

- Chỉ có bắt cô trói vào cột này thì họa chăng mới thành sáu được!

Cô gái phú ông không phải là tay vừa, nhảy lên xỉa xói bác Ba. Bác Ba bực mình bỏ đi vào rừng. Cô tiếp theo chân bác. Rồi đó hai câu "năm trâu sáu cột" và "bắt cô trói cột" trở thành lời đối đáp của hai bên.

Cả bác Ba và cô gái về sau đều hóa thành chim. Hai con chim đó xuất hiện ở vùng rừng núi Thái-nguyên, Bắc-cạn là vùng xảy ra câu chuyện. Hai con chim kiếm ăn từ nhá nhem cho đến mờ sáng: một con đàng này núi, một con đàng kia núi, một con kêu: "Năm trâu sáu cột", một con đáp: "Bắt cô trói cột"[1]. Người ta nhận tiếng kêu của từng con một mà đặt tên[2].

1. Có người cắt nghĩa tiếng kêu của loài chim đó là "Bắc-quang Bắc-mục" hay "Hà-giang nước độc" nhưng không kể thành chuyện.
2. Theo Nguyễn Bính. *Truyện cổ tích Việt-nam.*

KHẢO DỊ

Về *Sự tích chim năm-trâu-sáu-cột*, theo lời kể của đồng bào thiểu số ở vùng Hà-giang, Tuyên-quang thì lại có những điểm hơi khác. Truyện này có lẽ là nguồn gốc của truyện vừa kể trên:

Ngày xưa, ở vùng Tuyên-quang, Hà-giang có một thổ lang giàu có nhưng lại hiếm con. Hắn nuôi được hai người con nuôi: một trai, một gái rất xinh xắn và linh lợi. Khi thổ lang chết, người vợ sợ đất đai của cải của mình sẽ bị một thổ lang lân cận có thế lực chiếm đoạt nên cố tìm cách giữ về cho mình. Mụ thấy thổ lang nọ đang khao khát con gái nuôi của mình, mới trang điểm cho nàng và dỗ dành nàng làm thiếp người thổ lang kia. Mụ nghĩ bụng một khi đã trở thành mẹ vợ thì chàng rể kia sẽ để cho mình và tài sản của mình yên ổn.

Không ngờ cô gái nuôi từ trước đã chung tình với người con trai nuôi. Hai bên từng yêu thầm dấu vụng và quyết sống chết với nhau. Vì thế, tuy mẹ nuôi hết sức khuyên dỗ nhưng cô gái nhất quyết không nghe. Thổ lang kia chờ mãi không được, toan dùng mưu chiếm đoạt. Người vợ góa của thổ lang nọ bèn sai người đem trâu bò vàng bạc đến biếu và đoan rằng thế nào cũng tìm cách bắt con gái mình vâng lời.

Một hôm, mụ sai con gái nuôi chăn một đàn trâu năm con, dặn tối về buộc mỗi con vào một cọc cho cẩn thận. Buổi chiều hôm ấy, cô gái sau khi cho trâu ăn no, đánh về, thấy chỗ "chỏi trâu" đã có sẵn sáu cọc bèn buộc mỗi con vào một cọc, còn cọc thứ sáu thì vô tình bỏ cỏ lấp lên, rồi đi nghỉ.

Đến sáng mai người mẹ nuôi giả cách ra soát trâu. Mụ vờ hỏi con gái sao lại để mất một con. Cô gái ngạc nhiên, cãi lại. Nhưng mụ mồm loa mép giải bắt nàng phải đền một con trâu mất. Mụ gọi mọi người tới, bới đống cỏ cho họ thấy cái cọc thứ sáu rồi giả cách phân bua: - "Của tôi sáu trâu sáu cọc rành rành ra đấy. Chiều hôm qua nó làm mất một con trâu rồi cố ý bỏ cỏ lấp cọc để khỏi ai thấy, gian dối đến thế là cùng".

Vì đã có chủ ý nên mụ cố làm to câu chuyện vu vạ. Mụ sai người hầu đến trình với thổ lang nọ để bắt cô gái phải đền trâu. Cô gái sợ hãi kêu khóc hết lời, mong mẹ nuôi thương hại. Mụ làm ra vẻ dàn xếp bảo cô gái bán mình cho thổ lang kia để lấy trâu đền.

Biết là mắc phải mưu độc của người mẹ nuôi, cô gái bèn gọi người yêu ra gốc cây ở mé rừng than thở. Giữa khi cặp bạn tình đang giọt ngắn giọt dài thì người mẹ nuôi sai người hầu đánh đuổi chàng trai và cấm cửa không cho về.

Cô gái vô cùng đau khổ, ngửa mặt kêu trời rồi đâm đầu xuống suối tự tử. Xác nàng trôi theo dòng nước đến một ghềnh đá vướng lại, và được mọi giống chim nhặt lá che phủ.

Từ đó xuất hiện một giống chim ăn đêm, ít ai được thấy hình dạng của chúng. Chỉ biết rằng chúng thường đậu trên cành cây cao nhất rừng, cứ bốn tiếng một kêu dóng dả từ tối đến sáng: "Năm trâu sáu cọc!"... "Năm trâu sáu cọc!"...

Đồng bào thiểu số ở Việt-bắc có truyện *Chim khảm khắc* dường như cũng là một dị bản của các truyện trên nhưng đoạn kết thì lại có phần nào giống với *Sự tích chim bóp-thì-bóp* (xem **Khảo dị** truyện *Sự tích đá Vọng phu*, số 32).

Một ông chúa có hai cô gái xinh đẹp. Nàng Hai là người chất phác hiền lành, một hôm đi chơi rừng bị báo vồ, nhưng nhờ có một chàng trai con nhà dân nghèo tên là Lương kịp thời xông tới cứu. Anh giết chết ác thú và đưa nàng về nhà. Ông chúa thương hại anh áo quần tả tơi, máu me đầm đìa, bảo: - "Mày cứu con tao, tao sẽ nuôi mày". Nhưng Lương chỉ được đãi như đầy tớ. Mặc dầu vậy, anh và nàng Hai vẫn yêu nhau. Khi ông chúa biết chuyện, lập tức đuổi anh đi và dọa nếu còn tơ tưởng đến nàng Hai thì sẽ giết chết. Mặt khác hắn cấm cung cô gái. Nhưng họ vẫn bí mật gặp nhau. Một hôm hai người rủ nhau đi trốn, họ dựng chòi cao ở giữa rừng mà ở. Ông chúa cho quân đến vây chòi và giao hẹn: - "Xuống ngay sẽ cho chết tử tế". Hai người không xuống. Tên bắn lên tua tủa. Lương muốn bắn trả lại nhưng bị người yêu ngăn cản. Lính trèo lên, Lương giơ nỏ nói: - "Đứa nào trèo lên sẽ không được về với vợ con". Nàng Hai lại ngăn cản. Cuối cùng tên bắn lên rát quá, Lương chĩa nỏ vào ngực bắn chết người yêu. Lương cũng bị tên bắn lên giết chết. Chúa bắt đào hai hố cách xa nhau để chôn. Họ hóa thành hai con chim trống mái, thường ban ngày đi ăn, đến chiều thì lạc nhau nên gọi nhau ra rả, khi gặp nhau thì trời vừa sáng. Người ta gọi là chim khảm khắc[1].

Nguyễn Văn Ngọc có kể một truyện *Sự tích chim bắt-cô-trói-cột* của đồng bào thiểu số Hà-giang như sau:

Ở vùng nọ có tục cứ đến ngày vào đám thì đêm đầu tiên là một buổi lễ tắt đèn đuốc. Hễ người nam bắt được người nữ nào thì trói vào cột. Đến lúc đèn đuốc bật lên thì người nam sẽ cưới người nữ ấy làm vợ. Có lần, một người nam

1. Theo *Thiên lôi bị đòn (Truyện cổ tích Việt-nam).*

cột được một người nữ, đến khi đèn đuốc đỏ lên thì hóa ra người ấy là cô ruột mình. Chàng trai xấu hổ chết đi, hóa làm chim, luôn mồm kêu: "Trói cô vào cột"[1].

Đồng bào Ca-tu có một truyện *Sự tích chim vua quan trói cột* (tức là chim bắt cô trói cột ở miền Bắc) nhưng nội dung khác hẳn các truyện kể trên: có một anh dân nghèo là Ca Ngóc được bà thần cho một chiếc còi mầu nhiệm, hễ cầm lấy thổi thành tiếng "Vua quan trói cột", và làm cho người thổi có phép tàng hình. Nhờ tiếng còi của anh, dân chúng nổi dậy đánh giết quan và lính tới làng thu thuế. Sau đó anh lại được bà thần gả con gái và cho viên ngọc "đen như sừng trâu, nặng như hũ nước, thơm như mít chín". Anh và vợ tìm đến cung vua làm cho vua quan và lính tráng bận tâm đi tìm mít; trong khi đó dân chúng xông tới cướp vũ khí, bắt vua quan trói vào cột rồi giết đi.

Ca Ngóc sau đó chết hóa thành giống chim, luôn mồm kêu: "Vua quan trói cột"[2]. Chúng tôi sợ rằng truyện này ít nhiều cũng đã bị hiện đại hóa.

1. Sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ Ca-tu*, đã dẫn.

9. SỰ TÍCH CHIM ĐA ĐA

Ngày xưa có một em bé mồ côi cha từ hồi còn nhỏ. Người mẹ sau một thời gian tang chế cũng đi lấy chồng. Vì bà con thân thích nội ngoại không còn ai nên nó phải theo mẹ về ở với bố ghẻ. Bố ghẻ tính rất vũ phu, coi cả hai mẹ con như kẻ ăn đứa ở. Nhất là thằng bé chưa biết làm gì cả, nên hắn lại càng ghét dữ. Nhiều lúc có việc trái ý, hắn đánh thằng bé thâm tím cả mình mẩy.

Nhà hắn cũng không có gì. Hắn thường sinh nhai bằng cách lên rừng đốn củi. Người đàn bà vừa về với hắn được một ngày đã phải gánh củi của chồng đi bán ở chợ.

Không may, năm đó trời làm mất mùa. Miếng ăn kiếm rất chật vật. Củi rẻ như bèo. Trước kia một gánh củi nuôi sống gia đình được mấy ngày thì bây giờ không đủ nuôi được một bữa. Thằng bé chưa làm được nghề ngỗng gì cả, trở nên một cái gai trước mắt bố ghẻ.

- Thằng bé này chỉ ăn hại đái nát. Chỉ làm cho ta khó khăn thêm.

Hắn bảo vợ thế và khuyên vợ đem con đi bán cho kẻ khác nuôi. Nhưng người đàn bà nhất quyết không chịu. Thà là cả hai mẹ con cùng chết chứ bà không đời nào chịu lìa con.

Người bố ghẻ bèn có ý định muốn giết chết con riêng của vợ. Mạng người lúc này nhỏ bằng cái tơ cái tóc. Huống chi đối với hắn, hắn chẳng coi ra gì. Nạn đói coi chừng đang kéo dài và ngày càng dữ dội. Một gánh củi lớn bây giờ không đổi nổi một bát gạo.

Hôm đó, chờ lúc vợ đi chợ sớm, hắn đưa thằng bé lên rừng. Hắn rủ:

- Mày có muốn trèo ổi và bắt bướm không? Trên ấy thì tha hồ.

Thằng bé nghe thế lấy làm thích, cố xin đi theo cho được.

Cảnh rừng có nhiều cái lạ làm cho thằng bé lon ton chạy theo bố ghẻ không biết mệt. Người đàn ông đưa nó vào rừng sâu. Khi đến chỗ mấy cây ổi rừng, hắn bảo thằng bé:

- Ổi đấy. Và có bát cơm đây. Chốc nữa tao lại tìm.

Thế rồi hắn bỏ mặc thằng bé, lẳng lặng lui ra, đến một chỗ khác kiếm củi. Nhưng buổi chiều, khi bước chân vào nhà hắn lấy làm ngạc nhiên thấy thằng bé đã về trước hắn rồi. Số là thằng bé trong khi đang bơ vơ giữa rừng rậm thì may mắn gặp một bọn đi đào khoai mài về ngang. Thế là họ đưa nó về. Nhờ có bát cơm, nó vẫn đủ sức đi được đến nhà.

Nghe đứa bé kể, hắn bực mình vô hạn. Hắn vờ mắng:

- Chỉ vì mày, làm tao tìm mãi không được!

Một lần khác hắn lại dỗ được đứa bé đi theo lên rừng. Lần này hắn cố tâm đưa nó vào thật sâu, đến những nơi chưa ai dám tìm vào hái củi bao giờ. Khi trốn khỏi thằng bé, hắn nghĩ bụng: - "Không chết vì thú dữ thì cũng chết vì lạc, không chết vì lạc thì cũng chết đói mà thôi".

Mãi đến chiều tối vẫn không thấy bố ghẻ trở lại, thằng bé khóc lóc, kêu gào nhưng chỉ có tiếng vọng của núi rừng trả lời nó thôi. Nó cuống cuồng chạy tìm khắp mọi ngả nhưng không hề thấy một bóng người. Khi đã mệt lử và đói bụng, nó tìm đến chỗ bát cơm của bố ghẻ để lại thì không ngờ đấy là một bát cát trên có rắc một lớp cơm với một quả cà để đánh lừa. Thằng bé nhặt những hạt cơm phủi cát bỏ vào miệng. Cuối cùng đói quá, nó cầm lấy bát chạy khắp nơi và kêu lên : -"Bố ghẻ ơi! Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!". Nhưng tiếng kêu gào của nó chỉ làm cho một vài con chim rừng giật mình mà thôi.

Rồi thằng bé chết, hóa thành chim đa đa, luôn luôn kêu những tiếng "Bát cát quả cà! Bát cát quả cà!".

Đợi mãi không thấy con về, người đàn bà khóc thương vô hạn. Đoán biết thằng chồng tàn bạo đã ám hại con mình, bà ta đứng lên xỉa xói vào mặt hắn. Cuối cùng bà ta bắt hắn phải đi kiếm con mình về ngay, nếu không sẽ lên quan tố cáo. Túng thế hắn phải vào rừng. Hắn tìm mãi. Đột nhiên trong khu rừng hẻo lánh nổi lên mấy tiếng "Bát cát quả

cà". Hắn rụng rời. Đích thị là oan hồn thằng bé đã lên tiếng vạch tội ác của hắn. Nghe luôn mấy tiếng liên tiếp, hắn không còn hồn vía nào nữa, vội bỏ chạy. Nhưng mấy tiếng "Bát cát quả cà" đuổi theo hắn. Hắn chạy mãi, băng hết khu rừng nọ sang khu rừng kia. Tự nhiên hắn vấp phải đá ngã xuống bất tỉnh nhân sự.

Mấy ngày sau, những người tiều phu thấy thi thể hắn nằm vật ở mé rừng[1].

KHẢO DỊ

Về truyện này có hai dị bản lưu truyền ở miền Nam:

a) Một người vào năm đói đi xin con rể một ít thóc về ăn. Lúc đến nơi, chàng rể đi vắng, chỉ có con gái của mình ở nhà. Nhưng con gái từ khi giàu có, quên mất cả bố; cho bố một bị "chép" (thóc lép) trên có rắc một ít thóc. Bố ra về dọc đường gặp chàng rể. Chàng rể tốt bụng cầm bị thóc của vợ cho bố, biết rõ sự thật, bèn dắt bố về lấy cho bố một bị thóc, và trong khi giận dữ đánh vợ một bấp cày, không may vợ chết. Vợ hóa ra chim đa đa luôn mồm kêu câu: "Cách ca ca, bốc chép (hay giẹp) cho cha"[2].

b) Có hai vợ chồng một người kiếm củi đẻ một con trai đặt tên là Đa Đa. Con lên 7 tuổi thì mẹ từ trần. Vợ kế của bố đối đãi với con chồng không tốt, luôn luôn gây chuyện mắng chửi. Một hôm, bố đi kiếm củi về, thấy con khóc trước một bát cơm đầy. Bố toan hỏi con thì dì ghẻ chạy ra lu loa xin chồng dạy con kẻo nó nhục mạ không thể chịu được. Bố giận sẵn rìu đánh con, không ngờ chém vỡ đầu con ở khoảng mặt, con lăn ra chết. Lúc làm lễ "mở cửa mả", tự nhiên có con chim trong mộ bay ra kêu lên: - "Bát cơm cát trả cho cha, đánh chác đầu ra, bạc ác đa đa". Bố về lục tìm xem lại bát cơm dì ghẻ bới cho con, mới thấy là một bát cát chỉ có một ít cơm phủ lên trên. Giận quá, bố lại choảng cho vợ một rìu chết tuốt. Người ta nói ngày nay dòng dõi chim đa đa có một vạch đen từ mắt đến tai đó là dấu tích vết rìu chém phải; còn lông rằn ri trên người nó là vết tích roi đánh lằn ngang lằn dọc của dì ghẻ[3].

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Truyện đời xưa mới in ra lần đầu hết,* và dựa theo lời kể của người miền Bắc.
2. Theo lời kể của người Quảng-ngãi.
3. Theo Lê Văn Phát. Sách đã dẫn.

Cũng có người[1] cho tiếng kêu của chim đa đa là "Bất thục cốc Chu gia" nghĩa là không ăn lúa nhà Chu. Họ cho giống chim này là kiếp sau của Bá Di, Thúc Tề. Đó là truyện do nhà nho kể theo điển tích của Trung-quốc[2].

Xem thêm truyện *Gốc tích tiếng kêu của Vạc, Cộc, Dủ dỉ, Đa đa và Chuột* (số 17).

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Vĩnh-phú và người miền Nam.

2. Bá Di, Thúc Tề là con vua nước Cô-trúc đời nhà Thương. Lúc cha sắp mất bảo lập em là Thúc Tề làm vua. Cha chết, Thúc Tề nhường cho Bá Di, Bá Di không chịu, bảo đó là mệnh cha, rồi trốn đi, Thúc Tề cũng không làm vua mà trốn nốt. Khi Chu Vũ Vương đánh nhà Thương, Bá Di đón đường để can; can không được bèn nói rằng từ nay không ăn lúa nhà Chu nữa; cả hai anh em vào ẩn ở núi Thú-dương và bị chết đói (*Từ hải*).

10. SỰ TÍCH CON NHÁI

Ngày xưa có một vị hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền. Nhà vua nghe tiếng, vô cùng kính trọng, vời về cung, ban tước quốc sư và sai tu bổ một ngôi chùa ở phía Nam kinh thành để cho sư trụ trì. Nhưng hòa thượng từ tạ vua, chỉ xin phép đi xem chùa chiền, cảnh đẹp trong thiên hạ.

Một hôm, hòa thượng một mình tìm đến một ngôi chùa xa ở vùng Bắc. Ở đó có một vị sư bạn trụ trì mà hòa thượng lâu ngày chưa gặp.

Từ lâu Phật bà Quan âm đã nghe tiếng đồn về hòa thượng. Lần này nhân cuộc đi chơi của hòa thượng, Phật bà định bụng thử xem con người đó như thế nào. Nếu quả đúng là chân tu thì Phật bà sẽ đưa về Tây-trúc, độ cho thành Phật.

Lúc hòa thượng sắp qua một con sông rộng, Phật bà hóa thành một cô con gái rất trẻ đẹp chống đò cập bến chờ khách quá giang. Hôm ấy cũng theo phép mầu nhiệm của Phật bà, khúc sông đó trở nên vắng vẻ, người và thuyền bè qua lại rất ít. Khi hòa thượng chui vào trong khoang đò thì cô gái nhổ sào chèo ra giữa sông. Đoạn nàng bẻ lái cho thuyền tiến đến một bãi cát vắng đậu lại. Hòa thượng lấy làm lạ, hỏi cô lái vì sao không đi thẳng qua bờ bên kia. Cô lái chỉ đợi có câu hỏi ấy là buông chèo, cười một nụ cười rất tình tứ rồi cũng chui vào khoang trả lời một cách cợt nhả là thấy sư đẹp trai quá nên cắm sào lại đây cầu xin được ân ái. Hòa thượng vốn nghe nói con gái ở vùng này có nhiều người đáo để nên nghiêm nét mặt lại:

- A-di-đà Phật! Mong người trần giới buông tha cho kẻ tu hành này.

Nhưng cô lái đò đâu có buông tha, cô cố sán lại gần gợi tình. Hòa thượng không nói gì, lẳng lặng mở gói lấy cuốn kinh *Kim cương tam*

muội ra tụng. Tiếng đọc của sư mỗi lúc một lớn, át cả tiếng của cô lái đò. Nhưng cô lái đò vẫn cười nói không thôi. Rồi cô che tay lên quyển kinh. Hòa thượng ngoái cổ nhìn ra ngoài đò rồi nghiêm khắc cảnh cáo:

- A-di-đà Phật! Trong người bần tăng có một tờ lệnh chỉ của hoàng đế. Trong đó hoàng đế đã ra lệnh hễ người nào phạm vào người bần tăng sẽ bị án trảm quyết. Vậy bần tăng mong người đừng phạm vào phép của thiên tử.

Lời dọa của nhà sư không làm cho cô gái nhụt một tý nào. Cô nói:

- Em đang muốn chết đây! Em chỉ mong chàng đoái thương một tý rồi chết cũng thỏa.

Nhưng hồi lâu, thấy lòng nhà sư không chuyển, cô lái đò lại thi hành một mưu khác, cố quyến rũ cho bằng được. Cô bắt đầu cởi áo ra. Khi chiếc yếm cổ đuôi nhạn bỏ xuống thì hòa thượng nhắm mắt lại. Hòa thượng quay về phía cái gói lấy chiếc áo của mình khoác vào người nàng. Trong khoang đò chật chội, tay hòa thượng vẫn lần tràng hạt, miệng vẫn lẩm nhẩm đọc kinh. Trong khi đó những tiếng của cô gái như mật rót vào tai:

- Chàng thương em một tý... Chàng nhìn ra ngoài mà xem, nào có một ai đâu...

Nhưng vô hiệu.

Phật bà Quan âm rất cảm động. Những người con Phật như thế này rất xứng đáng chiếm một chỗ ngồi trên Nát-bàn. Nhưng đã thử thì phải thử cho trót. Lần tấn công thứ chín, cô lái đò vẫn bị cự tuyệt. Hơi thở của cô con gái trẻ và đẹp phảng phất ở trên má, nhưng nét mặt của hòa thượng vẫn không đổi.

Nhưng đến lần thứ mười, cô gái không ngờ thành lũy tưởng là kiên cố lại bị hạ một cách quá bất ngờ. Bàn tay hòa thượng tự nhiên run rẩy bỏ lên mình nàng. Thôi thế là chỉ trong một phút, vứt hết hơn hai mươi năm tu luyện.

Thế là chuyến đó Phật bà Quan âm không được hài lòng. Giận vì hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của "thị dục", mà đã thế

thì thanh danh cũ đâu còn đáng đếm xỉa nữa, nên Phật bà đã nắm lấy cổ hòa thượng vứt ngay xuống sông như người ta vứt một cái rác. Thế mà Phật bà vẫn chưa cho là đáng tội, nên còn bắt hóa làm loài nhái là một loài động vật hạ đẳng. Cũng vì thế mà người ta nói rằng ngày nay dòng dõi của loài nhái vẫn còn giữ cái thói quen của tổ tiên, ví dụ khi chúng bị chặt đầu, chúng vẫn chắp hai chân trước lại với nhau như người đang vái[1].

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện *Sự tích con ếch* có tính chất tiếu lâm:

Xưa có một nhà sư xuất gia từ ngày còn tấm bé. Sư nổi tiếng chân tu lại học rộng, mọi phép sát quỷ trừ tà đều thông thạo. Một hôm Phật báo mộng cho sư biết rằng sư sẽ đắc đạo sau khi dự một cuộc thi ở Thiên đình.

Tỉnh dậy sư rất mừng, từ đó ngày đêm quyết ôn luyện kinh kệ và ấn quyết cho được tinh thục. Một hôm, sư chợt nghĩ: - "Mình lục trí thần thông đều đủ cả, duy chỉ có một việc chưa từng biết là cơ thể đàn bà. Nếu lúc lên trên kia, người ta hỏi đến thì không biết đường nào mà trả lời".

Nhưng muốn biết việc đó không phải dễ. Sau cùng sư đánh liều nhờ thủ tự bí mật giúp cho. Thủ tự đi tìm từ đầu làng đến cuối chợ chả được ai cả, đành về dỗ vợ, ngọt nhạt mãi vợ mới thuận đi.

Tìm hiểu được cơ thể đàn bà rồi, nhà sư rất thỏa mãn.

Nhưng từ đó sư đâm ra ngơ ngẩn, kinh kệ và cúng dàng chả thiết gì nữa. Việc phù phép cũng mất linh nghiệm. Phật biết chuyện đó, nổi giận bèn cho sét đánh chết. Như thế mà Phật vẫn chưa hết giận, còn bắt sư hóa làm ếch. Khi thủ tự mở áo quan để nhặt hài cốt thì chỉ thấy có một con ếch nhảy ra. Vì thế mà có câu tục ngữ:

Đi tu mà chẳng trót đời,
Sinh ra con ếch cho người lột da[2].

1. Theo Làng-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam.*
2. Theo *Tạp chí chúng tôi* (1910).

11. SỰ TÍCH CON MUỖI

Có hai vợ chồng nhà nọ yêu nhau rất mực. Ngày mới lấy nhau, họ đã từng ăn thề hẹn không bỏ nhau. Nếu không may một trong hai người chết đi thì người kia sẽ chết theo để xuống âm ty cho có bạn.

Sau đó không bao lâu, người vợ trẻ tự nhiên bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Không ai có thể tả được hết tình cảnh đau thương của người chồng. Anh chàng đã mấy lần toan tự tử, nhưng bị người nhà ngăn trở và canh phòng ráo riết. Hôm sắp sửa cất đám bỗng có một đạo sĩ đến bày cho chàng phép cải tử hoàn sinh mà theo lời ông ta, đã từng có nhiều người dùng rất ứng nghiệm. Phép của ông ta chẳng có gì khó, chỉ cần người sống gan dạ và kiên trì một chút là được. Nghĩa là người sống mỗi ngày ba lần ôm ấp và truyền hơi ấm của mình vào cho tử thi. Làm luôn như thế không nghỉ ngày nào thì chỉ trong khoảng ba tháng mười ngày là người chết sống lại.

Người chồng cảm ơn đạo sĩ và làm đúng như lời dặn, hy vọng đưa người yêu trở lại cõi thế. Ngày ngày chàng ôm ấp vợ, truyền sức nóng, hơi thở của mình vào cái xác đã lạnh toát.

Nhưng sau đó ba ngày, mùi thối của tử thi bay ra khắp xóm làm cho mọi người không chịu được. Họ kéo nhau đến nhà bắt chàng phải chôn lập tức.

Bất đắc dĩ, người chồng nhờ xóm giềng chặt núa làm giúp một cái bè để mình đưa xác vợ đi một nơi khác. Nhiều người vui lòng giúp anh chàng trong việc này. Chỉ trong nửa ngày, hắn đã chở xác người yêu đi biệt.

Chiếc bè theo dòng nước trôi mãi. Người chồng vẫn ngày ngày ấp ủ vợ không thôi. Cái tử thi đó trông vẫn như người nằm ngủ. Lòng anh

chàng tràn trề hy vọng. Đến một nơi kia, hắn cắm bè lại kề một bãi cỏ rộng, lên bộ nấu ăn.

Tình cờ trong khi đi nhặt củi chàng ta gặp một cụ già. Nhìn thấy ông cụ chống gậy đi một mình giữa cảnh trời nước hoang vu, lại râu tóc trắng xóa, hình dung không có gì là lam lũ, chàng trẻ tuổi lấy làm ngạc nhiên. Hắn đang suy nghĩ thì thoáng cái ông cụ đã đứng trước mặt. Hiểu ngay đó là bậc Tiên Phật, hắn vội phục xuống chân cụ già rồi kể lể sự tình, cuối cùng không quên cầu khẩn ông cụ sinh phúc giúp cho vợ mình sống lại. Cụ già đó chính là đức Phật, thấy anh chàng nài nỉ hết sức, bèn thương tình, đi theo xuống bè, bảo hắn chích máu ngón tay nhỏ ba giọt vào miệng vợ. Tự nhiên người đàn bà mấp máy môi rồi từ từ ngồi dậy như vừa tỉnh một giấc mơ. Trước khi ra về đức Phật có hỏi người vợ:

- Anh chàng này cho vay ba giọt máu để ngươi được hồi sinh. Vậy nhà ngươi có yêu anh ta chăng?

Trước câu thề bồi chắc nịch của người đàn bà, đức Phật bảo:

- Không can gì. Nếu không yêu nữa thì chỉ việc trả lại ba giọt máu cho anh ta là đủ!

*

* *

Thấy bọn họ nóng lòng muốn trở về quê hương, đức Phật gọi một con cá sấu khổng lồ từ dưới vực sâu lên bảo chở họ đi.

Cá sấu vượt sông được nửa ngày đường thì bụng đã đói. Nó bảo hai vợ chồng lên bộ nghỉ ngơi để cho nó đi tìm cái ăn. Hai vợ chồng dắt nhau vào quán cơm. Trong quán hôm đó có một người khách thương sang trọng. Hắn ta thấy nhan sắc người vợ diễm lệ ít ai sánh kịp thì bỗng nảy tà tâm, mưu toan chiếm đoạt. Hắn lân la lại gần, đưa các mẫu hàng tơ lụa và đồ trang sức ra vờ chào khách, kỳ thực là để tán tỉnh người đàn bà đẹp. Hắn nói trong thuyền hắn đậu ở gần đấy còn có nhiều món hàng nữa rất quý và rẻ, muốn mời họ xuống xem.

Nhưng người chồng thì chẳng thiết một tý nào. Cơm nước xong, chàng bỏ mặc người khách thương, dắt vợ ra bến vắng, ở chỗ hẹn với cá sấu,

ngồi đợi. Họ ngồi dưới bóng cây trò chuyện một chốc rồi vì mệt quá, ngủ quên lúc nào không biết. Họ cũng chẳng ngờ sau lưng họ, người khách thương kia vẫn theo hút không rời. Khi thấy hai người nằm ngủ, hắn đi nhẹ đến thức riêng người vợ dậy, mời nàng xuống thuyền đậu kề đó để hắn biếu một món trang sức; - "Thuyền của tôi chỉ cách đây mươi bước. Bà không phải đợi lâu đâu!". Nghe nói thế, lòng người đàn bà bỗng thấy lay chuyển. Nàng đứng lên, đi theo người khách thương xuống thuyền. Chỉ trong nháy mắt, theo ám hiệu của chủ, bọn thủy thủ chiếc thuyền buôn nhổ neo và giong buồm cho thuyền chạy mất.

Lại nói chuyện cá sấu lúc ngoi lên chỗ hẹn thì thấy chỉ có một mình người chồng, bấy giờ vẫn đang ngủ say. Cá sấu thức chàng dậy hỏi chuyện. Anh ta ngơ ngác không hiểu thế nào. Một mất mười ngờ, hắn đổ tội cho cá sấu đã ăn thịt mất vợ. Để giải mối ngờ, cá sấu mới bảo hắn kiếm cây luồn qua miệng mình, khua trong dạ dày xem thử cho biết. Anh chàng làm theo, chỉ thấy trong bụng cá sấu toàn là xương cá và đá cuội, mới biết mình ngờ sai. Tìm khắp mọi nơi chẳng thấy vợ, hắn trở về bến, ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Cá sấu thương tình bèn bảo hắn cưỡi lên lưng rồi phóng đi, đuổi theo những chiếc thuyền vừa qua lại để dò tìm tung tích. Sau mấy lần dò hỏi, người ta cho biết một chiếc thuyền buôn vừa đi qua, trong đó có một người đàn bà trẻ và đẹp. Họ tả nét mặt và hình dạng thì đúng là vợ chàng. Cá sấu bèn cố công đuổi riết.

Khi nhìn thấy vợ ngồi trong thuyền khách thương, người chồng nói với vào:

- Nàng cứ nhảy ra đây... Tôi không thể sống xa nàng được... Tôi sẽ làm cho nàng sung sướng...

Nhưng người vợ trả lời chồng:

- Chàng về đi! Em đành phụ chàng. Chàng tha thứ cho em vậy.

Rồi đưa cho chồng một gói vàng:

- Chàng hãy nhận lấy vật này và coi như em đã chết từ hôm nào rồi.

Vừa bực tức vừa thất vọng, chồng ném gói vàng xuống nước rồi nhờ cá sấu đưa mình trở lại tìm đức Phật. Khi đức Phật gặp bọn họ, liền

giục cá sấu hối hả rượt theo chiếc thuyền khách thương để cho anh chàng thất tình đòi lại ba giọt máu của mình.

Lại nói chuyện người đàn bà sau khi chích máu ở tay để lấy ra ba giọt trả nợ cho chồng thì ngã vật xuống chết ngay. Người khách thương hết sức chữa chạy nhưng vô hiệu. Rồi đó hắn ném xác nàng xuống biển. Nhưng do phép mầu của đức Phật, người đàn bà ấy hóa thành con muỗi. Vì thiếu máu, nên lúc nào muỗi cũng lén lút đi chích trộm của mỗi người một tý để sống[1].

KHẢO DỊ

Việt-nam còn có truyện *Lương Nhân* có lẽ cũng từ truyện *Sự tích con muỗi* phát triển ra.

Lương Nhân quê ở Vĩnh-yên, lấy vợ là Thị Xuân. Vợ chết, Lương Nhân quá thương cũng xác vợ theo mình không rời. Phật thương tình hiện lên phun ba ngụm nước cho Thị Xuân sống lại. Một hôm vợ chồng có việc đi xa, ngủ nhờ ở thuyền. Trong lúc Lương Nhân ngủ say thì vợ bỏ chồng theo ông chủ thuyền. Lương Nhân gặp lại đức Phật. Phật bảo đến đòi ba ngụm nước. Thị Xuân phun xong lăn ra chết.

Sau đó Lương Nhân gặp Hán Chân. Hai người lấy nhau, kiếm ăn rất chật vật. Một hôm Lương Nhân đi vắng, một người khách lạ thấy Hán Chân có sắc đẹp liền ve vãn nhưng bị nàng cự tuyệt. Để mua chuộc, người khách xin hai miếng trầu và đưa cho nàng hai trăm lạng bạc. Hán Chân nhận và khi chồng về kể lại sự thật. Lương Nhân ngờ vợ và định giết vợ. Vợ trốn đi, cải trang làm con trai vào học ở một ngôi chùa tại Sơn-tây. Đã đẹp lại học giỏi nên sư nữ Thị Vân đâm mê Hán Chân, hẹn hò làm vợ chồng.

Được mấy năm Hán Chân đội tên Lương Nhân đi thi đỗ trạng, được vua gả công chúa. Hán Chân xin phép về quê mở hội làm chay, Lương Nhân bấy giờ làm nghề nông, nghe có hội, đem rau đến bán. Vợ chồng gặp nhau. Phật hóa phép cho Lương Nhân thành một chàng trai đẹp để thông thái. Hán Chân đưa chồng về triều tâu rõ sự thật. Vua gả công chúa cho Lương Nhân làm vợ hai. Thị Vân cũng được đón về làm vợ ba[2].

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
2. Theo lời kể của đồng bào Bắc-bộ.

Truyện *Sự tích con muỗi* tương tự với một số truyện cổ tích phương Tây. Trước hết là cổ tích Đức do Grim (Grimm) sưu tập:

Xưa có một người lính can đảm lấy vợ là một nàng công chúa. Ngày mới lấy nhau, hai bên cùng hẹn sống chết có nhau. Nếu vợ chết trước chồng thì chồng sẽ tự chôn sống với người yêu. Ngược lại, nếu chồng chết trước vợ thì vợ cũng sẽ làm như vậy.

Ít lâu sau người vợ mang bệnh qua đời. Người chồng quyết chết theo vợ, chàng tự chui vào huyệt nằm bên cạnh cái xác. Trong lúc đợi chết, chàng bỗng thấy một con rắn bò đến gần vợ, bèn ngồi dậy giết chết con vật. Sau đó, một con rắn khác đến tìm, thấy đồng loại đã chết, liền trở về mang ba cái lá cây đến làm cho sống lại. Người đàn ông bèn nhặt lấy ba lá và bắt chước phương pháp cứu chữa của con rắn làm cho vợ mình cũng sống. Đoạn, chàng đưa vợ về nhà, giao ba cái lá cây quý báu kia cho một người đầy tớ tin cậy giữ.

Từ khi sống lại, người vợ trẻ tự nhiên thay đổi tình cảm đối với chồng. Nàng không yêu chồng nữa. Một lần vợ chồng đi tàu trên biển, người vợ phải lòng viên cai tàu. Giữa lúc chồng đang ngủ say, nàng cùng viên cai tàu nâng bổng người chồng vứt xuống biển. Nhờ được người đầy tớ trung thành vớt lên và dùng ba lá cây cứu cho sống lại, người đàn ông mới thấy lòng dạ bạc bẽo và gian ác của vợ. Cuối cùng hắn đã trị tội vợ đến chết.

Trong kho cổ tích của người Ý (Italia) cũng có hai truyện nói đến việc người chồng làm cho cô vợ trẻ của mình sống lại. Ở truyện thứ nhất, người chồng ban đêm ngồi gác tại một ngôi đền, trong đó có quan tài của vợ. Bỗng dưng hắn thấy một con rắn bò đến cạnh quan tài, bèn giết đi. Nhưng con rắn lại sống lại, nhờ có một con rắn khác đưa đến một thứ cỏ "cải tử hoàn sinh". Anh ta bèn dùng cỏ ấy cứu sống vợ. Ở truyện thứ hai, người chồng giết chết một con thằn lằn đến gần quan tài của vợ nhưng con vật đã được mẹ nó cứu sống nhờ có một thứ hoa hồng. Anh bèn cứu vợ bằng hoa hồng ấy.

Một truyện cổ tích Pháp cũng có nội dung gần giống những truyện đã kể:

Một chàng trẻ tuổi tên là Hoa Hồng lấy vợ nhưng không may hai tháng sau khi cưới, vợ chàng bị bạo bệnh rồi qua đời. Thương nhớ vợ hết sức, anh chàng cứ chiều chiều đến khóc ở mộ vợ. Một hôm, theo lệ thường anh bước vào nghĩa địa, bỗng có một con ma hiện ra trao cho một cái hộp bằng bạc trong có một đóa hoa hồng. Ma bảo anh muốn cho vợ sống lại thì cứ nạy quan tài ra rồi ghé đóa hoa vào mũi vợ ba lần. Anh làm theo lời, vợ bèn sống lại.

Ít lâu sau, người chồng có việc phải đi Pa-ri gặp người em ruột. Lúc đến nơi thấy em đau nặng, anh bận chữa chạy cho em, quên cả việc viết thư cho vợ như đã hứa. Vợ rất lấy làm lạ, chắc chồng đã chết. Cùng lúc đó, có một viên quan ba ở đội quân "đầu rồng" làm một bức thư giả báo tin là người chồng đã chết. Rồi hắn âm mưu lấy được người đàn bà kia làm vợ.

Qua một thời gian, bệnh tình của em có phần đỡ, Hoa Hồng bèn trở về thì vợ đã bỏ nhà đi lấy chồng. Anh rất buồn, bỏ ra tinh đầu quân. Anh không ngờ mình trở thành một người lính đầu rồng và càng không ngờ trở thành thư ký riêng cho viên quan đã đoạt vợ mình. Khi gặp mặt vợ cũ, anh biết vợ không yêu mình nữa.

Một hôm Hoa Hồng được viên quan mời ăn tiệc và trong lúc ăn người ta lén bỏ vào túi anh một bộ thìa nĩa bằng bạc. Tiếp đấy, anh bị người ta lục soát và kết án xử tử vì tội ăn trộm. Trong ngục, anh chàng đút lót tiền cho một người lính già, đưa cho hắn cái hộp bạc của con ma ngày trước, dặn hắn phương pháp làm cho mình được sống lại sau khi bị bắn. Sau khi anh chết, người lính già tiêu hết tiền rồi mới nghĩ đến việc cứu anh, nhưng anh vẫn sống lại khi đóa hoa đặt vào mũi.

Bấy giờ ở một tòa lâu đài gần bên có một nàng công chúa đêm đêm biến thành quái vật giết chết những người lính gác. Hoa Hồng đến cứu nàng thoát khỏi phép độc của mụ phù thủy. Anh lấy nàng làm vợ và sau đó được thừa kế ngai vàng.

Ông vua mới đi khắp nước để duyệt đội ngũ. Duyệt đến đội lính "đầu rồng" cũ, vua bảo họ còn thiếu một người. Khi người ta dẫn người lính già, ân nhân của mình đến, vua tháo lon của viên quan ba, người đã đoạt vợ mình ngày trước, gắn cho người lính già. Đoạn vua bắt viên quan ba cùng với vợ hắn lên giàn hỏa[1].

Người Ả-rập (Arabes) có truyện *Sự gian dối của dàn bà*:

Một người Ít-xra-en (Issraël) có người vợ đẹp, hắn yêu hết sức. Bỗng nhiên vợ chết, hắn đến ở bên mộ không rời. Chúa Jê-su thấy hắn khóc lóc luôn canh bèn hỏi chuyện. Khi nghe hắn kể nỗi lòng, Chúa bảo:- "Có muốn làm cho nàng sống lại không?". Thấy hắn nói không muốn gì hơn thế, Chúa bèn làm cho một người da đen sống lại. Hắn vội nói: - "Ô không phải, vợ tôi ở mộ kia".

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập I.

Chúa lại làm cho người da đen chết mà hà hơi cho vợ hắn sống lại. Hắn mừng quá, sau đó bảo vợ: - "Tôi canh mộ mình bấy lâu quên ăn quên ngủ, bây giờ mệt quá cho nghỉ một tý". Rồi hắn gối đầu lên chân vợ chuyện trò, dần dần ngủ quên. Trong khi đó, một hoàng tử xinh trai cưỡi ngựa đi qua, người đàn bà đặt đầu chồng xuống đất, đi theo. Hoàng tử cho ngồi sau lưng.

Chồng tỉnh dậy không thấy vợ bèn theo dấu, đuổi kịp gót ngựa - "Đây là vợ tôi, hắn nói, xin ngài làm ơn bỏ lại cho!". Vợ hắn nói: - "Tôi thuộc về nhà vua rồi". Hoàng tử dừng ngựa, nói: "Anh ghen với vợ ta ư?" - "Không. Đây là vợ tôi. Chúa vừa mới giúp tôi làm cho nàng sống lại". Bỗng Chúa Jê-su hiện ra, hắn reo lên: - "Có phải Chúa vừa làm sống lại người này cho tôi không?". Vợ hắn lấp liếm: - "Láo, ta là vợ hoàng tử". Chúa hỏi: - "Có phải ngươi là kẻ do ý Chúa mới được sống lại không?" - "Vâng, nhờ hơi thở của Chúa" - "Vậy thì trả lại cho ta cái mà ta cho". Người đàn bà thở ra và chết ngay. Chúa phán: - "Nếu ai muốn thấy một người lần trước chết bất nghĩa, được cứu sống và lần sau chết có nghĩa thì nhìn người da đen kia; còn muốn thấy người lần trước chết có nghĩa, được cứu sống và lần này chết bất nghĩa thì nhìn người đàn bà này". Người chồng thề sẽ không lấy vợ nữa, sau đó ở lại sa mạc tu hành cho đến chết[1].

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Ông hiếu liêm họ Vũ* phần nào giống với *Sự tích con muỗi.* Ở đây kẻ bạc tình lại là người đàn ông. Hắn đi kinh đô tìm công danh, bị bệnh thổ huyết, lại bị đầy tó lừa đảo, sắp chết dọc đường. Nhờ có một người đàn bà - vốn là một hồ ly chung tình - cho một viên thuốc thần khỏi bệnh và từ đó trở nên giàu có, danh giá. Hai người thành vợ chồng. Nhưng sau hắn chê vợ già, đi lấy một người đàn bà họ Vương làm thiếp. Lâu rồi vợ cũng biết tin, bèn tìm đến, kết chị em thân mật với họ Vương. Thấy chồng bạc bẽo lại mưu toan giết mình, vợ đòi lại chồng viên thuốc. Hắn nôn ra xong, thì bệnh cũ dần dần tái phát rồi chết.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có truyện *Sự tích con muỗi* nhưng nội dung khác hẳn:

Ngày xưa loài muỗi được thần Xi-va sáng tạo, mình như mình chim, mõm như mõm chó. Chúng bay hàng đàn, chuyên ăn thịt người làm cho người chết

1. Theo Bát-xê (Basset). *Ngàn lẻ một cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập,* quyển II.

mòn chết mỏi. Một hôm có nàng tiên mách cho loài người đốt lửa xung quanh chỗ ở để ngăn không cho muỗi đến. Không làm gì được người, muỗi bèn nhờ thần Xi-va làm cho mình trở nên thật bé để tiện lén lút ăn thịt. Nhưng cũng không làm gì được người vì hễ thấy ở đâu bị cắn đau là người đánh ngay vào đấy. Muỗi lại đi kêu nài thần Xi-va lần nữa. Thần cho mỗi con một cái vòi thay cho mõm để hút máu vừa lanh lẹ vừa không ai biết. Từ đó mà có giống muỗi ngày nay[1].

1. Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia.*

12. SỰ TÍCH CON KHỈ

Ngày xưa có một người con gái đi ở với một nhà trưởng giả. Nàng phải làm việc quần quật suốt ngày, lại bị chủ đối đãi rất tệ. Cái ăn cái mặc đã chả có gì mà thỉnh thoảng còn bị đánh đập chửi mắng. Vì thế, cô gái tuổi mới đôi mươi mà người cứ quắt lại, trông xấu xí bệ rạc hết chỗ nói.

Một hôm nhà trưởng giả có giỗ, cỗ bàn bày linh đình, họ hàng đến ăn uống đông đúc. Trong khi đó thì cô gái phải đi gánh nước luôn vai không nghỉ.

Lần gánh nước thứ mười, cô gái mỏi mệt quá ngồi lại ở bờ giếng. Tự nhiên cô thấy tủi thân, ôm mặt khóc. Lúc đó đức Phật bỗng hiện ra với trạng mạo một ông cụ già. Ông cụ có vẻ đâu từ xa lại, dáng điệu mệt nhọc đến xin nước uống. Nàng vội quảy gánh xuống giếng vục nước lên cho ông già giải khát. Ông cụ uống xong lại đòi ăn. Cô gái nhớ tới phần cơm của mình chưa ăn, bèn bảo ông cụ ngồi chờ rồi quảy gánh nước về.

Lần sau ra giếng, cô lấy cơm trong thùng đưa cho ông già và nói:

- Họ dành phần cho con toàn cơm cháy cả, cụ ăn một bát này cho đỡ đói.

Ăn xong, ông cụ bảo nàng:

- Hồi nãy làm sao con khóc?

Cô gái ngập ngừng, cúi mặt xuống không trả lời.

- Ta là đức Phật, ông cụ nói tiếp, ta thấy con có lòng tốt. Nếu con muốn gì, ta sẽ làm cho con vui lòng.

Cô gái ngạc nhiên mừng rỡ, kể nỗi lòng với đức Phật. Thấy điều ước muốn của người con gái chỉ là làm sao cho bớt xấu xí, ông cụ bảo nàng

lội xuống giếng, hễ thấy bông hoa nào đẹp mút lấy thì sẽ được như nguyện. Khi xuống nước, cô gái chỉ mút mấy bông hoa trắng. Tự nhiên lúc lên bờ, nàng trở nên trắng trẻo xinh xắn, đồng thời quần áo cũng biến thành những thứ tốt đẹp.

Khi cô gái quảy gánh nước trở về, cả họ nhà trưởng giả vô cùng kinh ngạc. Nàng xinh đẹp đến nỗi họ không thể nào nhận ra. Nghe cô gái kể chuyện, ai nấy cũng muốn cầu may một tý. Họ lập tức đổ xô cả ra bờ giếng mong gặp lại đức Phật để được trẻ lại và đẹp ra. Thấy ông cụ già vẫn còn ngồi ở chỗ cũ, họ sung sướng như người được của. Họ đưa xôi thịt ra mời tới tấp:

- Này cụ xơi đi! Cụ xơi đi. Rồi cụ làm phúc giúp cho chúng tôi với!

Đức Phật cũng bảo họ lội xuống giếng và dặn họ y như dặn cô gái lần trước.

Dưới giếng lúc đó đầy hoa đỏ và hoa trắng. Ai nấy đều cho màu đỏ là đẹp nên khi lội xuống giếng đều tìm hoa đỏ mút lấy mút để. Nhưng không ngờ lúc lên bờ, họ không phải trẻ lại mà già thêm ra: mặt mũi nhăn nheo, người trông quắt lại, lông lá mọc đầy người, đằng sau lưng là cả một cái đuôi. Những người đi gánh nước thấy vậy hoảng hồn: - "Kìa trông con quỷ, nó cắn bà con ôi!". Nhưng lại có những tiếng khác: - "Đánh cho chết chúng nó đi! Sợ gì". Lập tức mọi người cầm đòn gánh xông lại. Cả họ nhà trưởng giả kinh hoàng bỏ chạy một mạch lên rừng. Từ đó, cô gái cùng với số người nghèo hầu hạ trưởng giả được hưởng những của cải do chúng để lại.

Lại nói chuyện trưởng giả và họ hàng đành phải nấp náu trong rừng sâu, ngày ngày kiếm quả cây nuôi thân. Chúng đi lom khom, áo quần rách nát trông rất thiểu não. Nhưng chúng vẫn tiếc của. Cho nên thỉnh thoảng ban đêm chúng lại mò về, hoặc gõ cửa, hoặc ngồi trước nhà kêu léo nhéo suốt đêm, gần sáng mới trở về rừng.

Thấy vậy cô gái và mọi người sợ quá, đêm đêm đóng cửa rất chặt. Họ bàn nhau tìm cách đuổi chúng. Họ bôi mắm tôm vào các cánh cửa, lại nung nóng rất nhiều lưỡi cày đặt rải rác ở cổng các nhà.

Quả nhiên, một đêm nọ chúng lại mò về. Theo lệ thường, chúng đánh đu vào song cửa kêu rít lên. Nhưng lần này chúng vừa mó đến đã bị mắm tôm vấy đầy tay rồi từ tay vấy khắp cả người, hôi hám không thể nói hết. Chúng kinh sợ dắt nhau ra ngồi trước cổng quen như thói cũ. Nhưng vừa đặt đít xuống các lưỡi cày thì chúng đã kêu oai oái, rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy lên rừng. Từ đó chúng kệch không dám về nữa.

Trong những khi lên rừng hái củi, người ta thỉnh thoảng vẫn gặp chúng. Thấy bóng người từ đàng xa, chúng liền chuyền theo nhánh cây, lủi nhanh thoăn thoắt. Người ta gọi chúng là những con khỉ. Ngày nay vẫn có nhiều người cho khỉ là thuộc nòi trưởng giả. Còn những con khỉ sở dĩ đỏ đít là vì chúng chịu di truyền dấu vết bỏng đít của tổ tiên[1].

KHẢO DỊ

Truyện này được nhiều sách chép như *Truyện đời xưa...* của Jê-ni-bren (Génibrel), *Mỹ Ấm tùy bút* của Trương Vĩnh Tống và *Loại cổ tích hay*[2], mỗi sách chép có khác biệt về tình tiết. Theo quyển thứ nhất thì để làm cho cô gái trở nên xinh đẹp, ông Tiên không bảo nàng lội xuống giếng mà bảo đem một cái bánh và một cây nhang cho ông làm phép. Theo quyển thứ hai, ông Tiên làm phép ấn quyết vào thùng nước rồi bảo cô gái tắm. Đối với vợ chồng phú trưởng giả, ông cũng không bảo họ lội xuống giếng mà bảo họ kiếm bốn viên gạch lớn đốt đỏ lên đặt ở mỗi góc nhà một viên rồi hai vợ chồng phải nhảy nhót mãi, đoạn ngồi lên gạch. Cả ba quyển đều không nói đến họ hàng trưởng giả cũng tham dự vào việc này.

Đồng bào Thổ có truyện *Cô gái mồ côi thương người* gần giống với truyện của ta, nhưng kết cục lại không có việc hóa thành khỉ:

Ngày xưa, người nhà trời có thói quen xuống trần để thử con người. Hồi ấy có một cô gái mồ côi đi ở cho người. Vì chủ bạc đãi nên cô gầy gò xấu xí, không ai chơi với. Một hôm có sứ giả nhà trời hóa làm một ông lão ghẻ lở đến chỗ bọn con gái, bảo chúng cõng hộ qua khe. Chúng nó lấy làm kinh tởm,

1. Theo lời kể của người vùng Sơn-tây, Vĩnh-yên.
2. Do Nhà xuất bản Cây thông xuất bản.

nhổ nước bọt chửi rủa ông, chỉ có cô gái mồ côi vui lòng cõng ông sang. Sau khi qua khe, ông lão trao cho cô gái hai cái vảy ghẻ bảo hàng ngày hít sẽ có điều hay. Cô gái làm theo và trở nên béo tốt tươi đẹp. Khi bọn con gái biết được sự tình bèn cố chục đón ông lão. Gặp ông, bọn chúng xúm nhau làm kiệu đưa qua khe. Nhưng khi hít những vảy ghẻ của ông lão cho, chúng trở nên xấu xí hết sức, đến nỗi không được ai lấy làm vợ, trong khi đó cô gái mồ côi nhờ đẹp nên lấy được chồng quan[1].

Đồng bào Thổ ở Thái-nguyên có truyện *Côi, cô gái mồ côi*, lại có chủ đề mẹ ghẻ con chồng khác với các truyện trên:

Côi, vì mẹ chết sớm nên chỉ được ăn mặc rách rưới, đi chăn vịt, trong khi đứa con riêng của dì ghẻ thì ăn mặc tốt đẹp chỉ ở nhà giữ gà. Một hôm chăn vịt ở bờ suối, Côi nhổ tóc bạc cho một bà già - sau mới biết đó là hiện thân của mẹ mình - bà già cho Côi áo quần đẹp, vòng xuyến, v.v... Dì ghẻ thấy sự lạ, hỏi Côi lấy ở đâu ra, Côi đáp như lời mẹ mớm: - "Vịt lội, thì lội theo, vịt lặn, lặn theo, vịt ỉa thì ăn lấy, vịt đái uống lấy, nên như thế". Dì ghẻ cho Côi ở nhà giữ gà, để vịt cho con đẻ mình chăn; nhưng càng làm theo lời Côi thì con lại càng ốm o xấu xí.

Kết thúc câu chuyện chủ yếu là nhằm chĩa vào mụ dì ghẻ:

Một hôm, hai chị em giã gạo, chày của Côi vang lên "phịch côông rôông phịch"... (ý nói sau lấy chồng đẹp sung sướng). Còn chày của con dì lại kêu: "phịch cùng phịch rất" (ý nói sau này cùng khổ). Nghe thế, dì ghẻ nổi giận, buộc cha Côi bỏ Côi vào rừng sâu. Nhờ chim muông và thú rừng nuôi nấng, Côi vẫn sống.

Sau đó, Côi gặp một người thợ săn, hai người lấy nhau trở nên sung sướng. Từ khi giàu có và lập làng xóm đông đúc, Côi nhớ đến cha, bèn trồng một gốc bí, bảo bí bò về nhà. Bí bò mãi về đến nhà bị dì ghẻ chặt đứt, lại mọc ngọn khác bò vào. Mấy lần như vậy. Túc mình, dì ghẻ bảo chồng tìm gốc mà chặt, nhờ đó ông gặp lại được Côi. Khi bố trở về, Côi gửi phần thịt biếu cha, lại gửi phần thịt biếu dì. Được gói thịt, mụ dì chui vào bịch ngồi ăn, nhưng giở ra toàn là rắn rết và ong, chúng cắn cho mụ thất điên bát đảo. - "Cứu tôi với!" mụ hét. Chồng đáp: - "Còn ăn miếng gan". - "Cứu tôi với!" - "Còn ăn miếng dồi" - "Cứu tôi với!" - "Còn ăn miếng xôi". Đến lúc phá bịch ra thì vợ đã chết giấc.

1. Trong *Tạp chí Đông-dương*, tập III (1905).

Từ đó dì ghẻ hối lỗi, đến thăm vợ chồng Côi, được Côi đối đãi tử tế[1].

Đồng bào Ba-na (Bahnar) có truyện *Đam Bơ* có lẽ cũng là một dị bản xa gần của truyện *Sự tích con khỉ*:

Đam Bơ ở với mẹ, nhà rất nghèo, phải đi chăn trâu cho tù trưởng. Bầy trâu không chịu ăn, đói meo, anh sắp bị tù trưởng hành hạ. Nhờ tiếng chiêng của anh ngân vang đến cõi tiên, các cô tiên bèn xuống trần chơi với anh, cho anh một cái lá phép. Anh thổi lên, trâu đang gầy hóa béo. Về nhà thổi lên: mẹ anh đang già hóa trẻ và đẹp. Thấy vậy, tù trưởng bắt anh thổi để mình và vợ con được trẻ và đẹp, nhưng Đam Bơ thổi cho cả nhà thành khỉ. Một con quỷ nhờ anh thổi cho thành người, nhưng anh thổi cho thành đầu người mình gà, v.v... đều chạy vào rừng ở[2].

Truyện *Sự tích con khỉ* của chúng ta tương tự ít hoặc nhiều với một số cổ tích nước ngoài. Truyện của người Băng-la-đex (Bangladesh):

Một người có hai vợ: một trẻ, một già. Hắn rất yêu quý người vợ trẻ. Vì thế, người vợ già bị người vợ trẻ đối đãi như nô lệ. Một hôm đang cơn giận dữ, người vợ trẻ giật đứt luôn nắm tóc còn sót lại trên đầu người vợ già rồi đuổi ra khỏi cửa. Người vợ già bỏ đi vào rừng. Trong khi đi đường, gặp một cây bông, bà ta cầm cành lá quét xung quanh gốc cây rất sạch khiến cây tỏ lời cảm ơn. Bà ta còn quét xung quanh một gốc cây chuối, một cây tu-la-xi và còn quét dọn chỗ ở của một con bò rừng. Tất cả đều cảm ơn bà. Sau đó, gặp một ông thầy tu, bà ta kể nông nỗi đau khổ của mình. Thầy tu bảo bà lội xuống chỉ một lần thôi, dưới một cái ao nọ. Khi lên khỏi ao, bà thấy mình có mớ tóc rất đẹp và trẻ lại. Thầy tu lại cho bà một giỏ quả cây, bảo bà vào nhà mình muốn lấy giỏ nào thì lấy. Nhưng bà không lấy những giỏ to, đẹp, mà chỉ lấy một giỏ tầm thường. Không ngờ về sau, bao nhiêu quả cây trong giỏ ấy đều hóa ra vàng và ngọc quý và dùng không bao giờ hết.

Khi bà về nhà, qua cây tu-la-xi, cây chúc cho bà về được bình an và được chồng yêu thương đến điên cuồng. Con bò rừng cho bà hai cái vỏ ốc ở sừng, dặn bà đeo vào cổ tay, chỉ cần lắc vài cái là có đủ đồ trang sức như ý muốn. Cây chuối cho bà một tàu lá rộng nhất, dặn rằng hễ khi nào đói cứ trải lá ra là có đủ thức ăn ngon. Sau cùng, cây bông cho bà một cành của mình với phép mầu nhiệm là chỉ lắc vài cái sẽ có áo quần đẹp.

1. Truyện *Tua Gia, Tua Nhi* mở đầu giống với phần đầu truyện này nhưng phần sau thì phát triển giống với truyện *Tấm Cám* của ta (xem trang 231).
2. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập I.

Bà bước vào nhà, người vợ trẻ ngạc nhiên vô cùng. Khi nghe kể chuyện, chị ta cũng bỏ vào rừng với ao ước được giàu có và đẹp đẽ. Nhưng điều không may là chị ta lại quên dừng lại ở chỗ ba gốc cây và con bò rừng. Hơn nữa, đáng lý chỉ lội xuống ao một lần thì chị ta lại lội đến hai lần để mong được thật đẹp. Vì thế khi ra khỏi ao, chị ta vẫn không có gì khác trước. Ông thầy tu chả cho cái gì cả. Từ đấy chị ta bị chồng chán ghét, và dần dần trở thành nô lệ cho người vợ kia[1].

Một truyện khác của người Ấn-độ (Pendjab):

Có hai chị em tính tình khác nhau. Chị là Mô-tho, hay gây gổ khó tính; em là Mun-gô, hiền lành dễ bảo. Một hôm em rủ chị đi thăm bố già ở nhà anh. Chị không đi, em đi một mình. Dọc đường qua cây táo, cây bảo bẻ bớt gai cho nó. Cô dừng lại giúp. Sau đó, qua một bếp lửa, bếp bảo cời bớt tro vì làm cho nó ho, cô cũng làm hộ. Lại đến một cây pi-pan, cô buộc hộ cho nó cái cành gãy dở. Đến một suối nước, suối nhờ chùi hộ ở nguồn, vét bùn và nhặt lá rụng. Khi gặp bố, cô nâng đỡ, hầu hạ bố trong lúc người anh đi gặt vắng. Bố cô ưng ý cho một con trâu và nhiều đồ đẹp mang về. Khi qua các vật đã gặp lúc đi, mỗi vật đều cảm ơn và đều biếu cô: dòng suối làm nổi lên mặt nước một tấm vải đẹp; cây pi-pan cho một vòng ngọc treo sẵn ở cành; bếp lửa cho bánh ngon; cây táo thì cho quả chín ngọt.

Cô chị thấy cô em về với quà tặng nhiều liền nổi ghen, cũng đi thăm bố già. Qua các vật trên, các vật cầu xin giúp đỡ, cô đã không giúp còn trả lời

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn, tập II. Truyện này theo sách *Dưới những cây xoài* (truyện cổ tích Băng-la-đex (Bangladesh) của Sát-téc-gi (Chatterji)) kể có khác ít nhiều. Cũng trong sách này còn có truyện *Hai chị em Vui và Buồn* cũng là một dị bản của truyện trên: Vui là con vợ cả, Buồn là con vợ lẽ... Một hôm Buồn đuổi theo một gói bông của mẹ cô phơi, bị một trận gió cuốn đi. Dọc đường gặp một con bò cái, rồi một cây chuối, rồi một cây bông, rồi một con ngựa cái, mỗi vật đều yêu cầu cô giúp cho một việc. Buồn sẵn lòng làm giúp. Đuổi đến lầu bà mẹ Trăng, thì thấy gói bông, cô nói khéo để xin lại. Mẹ Trăng thấy cô lễ phép dễ yêu, bảo cô hụp xuống sông, khi lên hóa đẹp; bảo cô chọn áo quần sang trọng đẹp đẽ, cô chỉ lấy một cái chăn (sa-ri) bông; mời cô ăn, lại bảo cô chọn một trong số những cái giỏ, cô chỉ lấy cái giỏ bé, không ngờ về sau tiền vàng không ngớt tuôn ra. Lúc về dọc đường con ngựa cái cho một con ngựa con, con bò cái cho một con bê, cây chuối cho một nải ngon, còn cây bông thì cho một ôm bông. Còn cô Vui tính cáu kỉnh, ích kỷ, chẳng giúp gì cho bò, ngựa, chuối, bông khi chúng yêu cầu; lại thiếu lễ phép và tham lam nên chẳng được gì cả, không những thế, vì lội xuống sông hai ba lần nên hóa già khọm.

thô lỗ. Đến nhà bố già, ông anh vì không muốn bố tái diễn việc lấy của cho con gái nên phang gậy vào cô, đuổi ra khỏi cửa. Khi qua các vật trên, các vật cũng cho quà nhưng mỗi lần cô đụng tay đến thì chả được gì cả. Cứ thế, vừa đói vừa bị đau cho đến tận nhà.

Truyện của người Na-uy (Norvège) cũng tương tự truyện vừa kể:

Một cô gái kéo sợi đánh rơi mũi quay xuống giếng bị bà dì ghẻ buộc phải trèo xuống lấy lên. Cũng như truyện trên, cô đi dọc đường gặp nhiều vật, mỗi vật nhờ giúp một việc. Cô khéo léo khi vượt qua hàng rào cũ kỹ, không làm nó đổ; cô vắt sữa cho con bò khi vú nó đang căng; cô cắt lông cho một con cừu lông dài quét đất; cô đập cho rụng quả một cây táo nhánh nặng trĩu sắp gãy, v.v... Khi trèo xuống đáy giếng, cô không ngờ rơi vào tay một bà chằng (tơ-rôn). Bà chằng bắt cô làm đầy tớ cho mình, bảo làm nhiều việc khó khăn nhưng cô đều làm tròn, nhờ chịu khó và tốt bụng với những con chim (quẳng những mẩu bánh cho chúng ăn). Bà chằng tức mình vì việc gì cô cũng làm xong, đành phải trả công: cho cô được chọn một trong ba cái hộp. Một con chim giúp cô tránh hộp cóc nhái mà chọn hộp có của quý. Cô ra về. Bà chằng không ngờ cô chọn mất hộp quý, vội đuổi theo toan lấy lại và định "xé cô làm nghìn mảnh". Nhưng cây táo bảo cô nấp dưới nhánh của nó làm cho bà chằng tìm không ra. Sau đó con cừu bảo cô nấp dưới lông, con bò bảo nấp dưới vú, tiếp đến hàng rào cũng bảo cô nấp sau rào, nên cô gái về nhà vô sự.

Con gái bà dì do kiêu ngạo không chịu giúp ai cả nên kết quả bị bà chằng giết chết.

Truyện *Bà Hôn* (Frau Holl) do Grim (Grimm) sưu tập cũng cùng dạng với truyện trên. Ở đây cô gái qua một lò bánh. Những cái bánh gọi cô: - "Đưa tôi ra với kẻo tôi cháy đấy!". Cô lần lượt đưa chúng ra. Đến một cây táo đầy quả, cây táo cầu khẩn: - "Rung cho quả của tôi rụng mấy". Cô gái làm theo...[1]

Một truyện của người Ca-ri-en (Cariels) Miến-điện (Myanmar):

1. Ở một truyện của Phần-lan (Finlande) cũng có việc gặp một lò bánh, một con bò cái cần vắt sữa, một con cừu đòi cắt lông, v.v... Nhưng đây không phải là hai chị em cùng cha khác mẹ với bà dì ghẻ độc ác mà là ba cô gái được vua vời đến làm nữ tỳ. Hai cô đầu không chịu làm giúp vì sợ bẩn tay (đã rửa tay 3 năm với sữa để xứng đáng hầu hạ vua). Chỉ có cô thứ ba không nề hà, giúp đỡ cho mọi vật mà cô gặp. Sau cùng, cô kéo giúp một ông già bị ngã xuống hố. Cụ già cho cô gái một cái gậy, gậy ấy đánh vào đá thì nó cho xe ngựa áo giày đẹp để đi dự lễ nhà thờ, v.v...

Một cô bé ra sông múc nước tuột tay đánh rơi chiếc thùng xuống dòng nước chảy. Cô không biết lội đành chạy men bờ, đuổi theo chiếc thùng trôi. Chạy mãi, đến một đập nước của người khổng lồ, cô bị hắn bắt. Sắp bị ăn thịt, cô kể chuyện của mình cho người khổng lồ nghe. Hắn bèn tha cho cô bé rồi đưa về nhà. Vợ người khổng lồ thấy cô cũng thèm ăn lắm, nhưng cô được khổng lồ chồng bảo vệ và sau thành con nuôi của hắn.

Một hôm, hai vợ chồng khổng lồ đi vắng để con gái ở lại và dặn đừng nhìn vào hai cái sọt để ở góc buồng. Nhưng cô gái không ngăn được tính tò mò: cô thấy một sọt đầy vàng bạc còn một sọt đầy sọ người. Sau đó, cô gái xin phép họ trở về quê hương. Khổng lồ chồng cho phép, nhưng khổng lồ vợ còn bắt cô phải bắt chấy cho mình trước khi lên đường. Cô gái thấy trên đầu mụ là cả một ổ rắn rết rất ghê tởm. Cô đi kiếm một cái búa chém vào lũ rắn rết đồng thời cũng làm cho mụ ta choáng váng. Thế rồi cô được về. Trước khi đi, khổng lồ chồng bảo cô vào buồng, cho chọn lấy một cái gì tùy thích. Cô gái vốn đã biết cái giỏ cũ có thể làm đầy vàng bạc, nên nói: - "Hai ông bà đã già không đan được giỏ, con xin lấy cái giỏ cũ". Khổng lồ vợ cũng dặn: - "Nếu mày muốn đẹp thì khi đến sông nước đen hãy chải tóc và đánh răng, đến sông nước đỏ hãy chùi môi và sau cùng đến sông nước trắng hãy xuống tắm!". Cô gái nghe lời, khi về đến nhà trở nên giàu có và đẹp đẽ.

Bà con nghe tin cô giàu kéo nhau đến thăm. Cô đong cho mỗi người một chén đầy vàng bạc. Nghe cô kể chuyện, một chàng trẻ tuổi quyết định đi thử một phen để cũng được giàu và đẹp như cô. Hắn đến nhà khổng lồ và cũng được nhận làm con nuôi. Cuối cùng hắn cũng được họ cho về quê với một chiếc giỏ. Vì chưa từng nhìn vào giỏ bao giờ nên hắn bắt chước cô gái là chọn một chiếc giỏ cũ. Hắn lại không chú ý đến lời dặn của khổng lồ vợ về những việc phải làm ở mỗi khúc sông mà hắn sẽ lội qua. Hắn trèo lên xe để về cho được mau. Nhưng khi về đến nhà, mở giỏ ra thì thấy đầy những sọ người. Đang kinh ngạc thì người khổng lồ đã đột ngột xông tới bắt hắn ăn thịt[1].

---

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn. Về truyện cổ tích này trong *Miến-điện dân gian cố sự* lại kể như sau: Nàng Nhái tý hon, siêng, đảm và khôn ngoan, một hôm mẹ bảo đi múc nước. Dòng nước cuốn trôi mất ống, cô nhảy xuống vớt, bị trôi, may ôm lấy ống nên khỏi chết. Một mụ yêu ăn thịt người bơi ra bắt về - "Con này bé quá chả bõ ăn, thôi để lại sai vặt". Một hôm mụ bảo cô bắt chấy. Đầu mụ bẩn kinh tởm nhưng nàng nói rất khéo: - "Bà cho phép vào bếp rửa tay sạch sẽ để sờ vào đầu tóc đẹp của bà". Nàng bèn hái quả sung lấy hạt đưa về...

Ở truyện của người Hung-ga-ri (Hongrie) thì cô gái gặp một con chó nhờ lấy hộ mẩu xương mắc trong cổ. Khi gỡ được, nó biếu cô mẩu xương, dặn lúc nào bối rối đặt xương lên miệng nó sẽ bảo phải làm gì. Gặp một cái lò, lò nhờ cô quét hộ tro, quét xong, lò cho cô một cái còi, dặn khi cần chỉ thổi một tiếng là có thể tàng hình. Gặp một con kiến, kiến nhờ đưa lên khỏi hố sâu, và tạ ơn bằng cách dặn cô, hễ nghe có tiếng xào xạc như tiếng gió thì coi chừng có kẻ đuổi theo.

Đến ngôi nhà vàng của mụ phù thủy, cô nói năng rất lễ độ, xin một việc làm. Mụ thuê cô quét dọn mười hai gian buồng, nhưng dặn chớ vào buồng thứ mười ba. Nhờ có mẩu xương con chó tặng, cô thắng được tính tò mò. Sau khi làm việc cho mụ một năm (kỳ thực chỉ có ba ngày), mụ lấy ra ba cái hòm bảo chọn một, cô chỉ chọn hòm gỗ thường. Lúc về dọc đường nghe tiếng xào xạc sau lưng, biết có nguy biến, cô lấy còi ra thổi, lập tức biến hình làm cho mụ phù thủy tìm không ra. Lúc về, giở hòm ra thì là một hòm vàng và áo quần bằng gấm vóc.

Còn cô gái con mụ dì ghẻ độc ác cũng ra đi, nhưng vì chả giúp ích gì cho những kẻ đang yêu cầu giúp đỡ nên cuối cùng tuy không bị mụ phù thủy giết chết nhưng cô cũng phải chạy bán sống bán chết, mình đầy máu me; về chưa đến nhà đã mở hộp vàng (do cô chọn) ra xem, thì một con rắn trườn ra cắn đuổi làm cô chết giấc[1].

Một truyện của Pháp do Pe-rôn (Perrault) kể:

... vờ vạch tóc bắt chấy: - "Thưa bà, đầu bà có nhiều trứng chấy". Mụ thấy hạt sung tưởng trứng chấy, khen giỏi. Một hôm mụ có việc đi xa, dặn cô không được nhìn trộm vào buồng ngủ. Đợi mụ đi rồi, nàng mở cửa nhìn, thấy đầu lâu, thịt người ngổn ngang, bèn đóng chặt cửa buồng. Mụ về thấy không có gì khác, hỏi: - "Có muốn ở vài tháng nữa không?" - "Thưa bà con thật không muốn xa nơi này, nhưng mẹ già chỉ có một mình con, không có ai chăm sóc" - "Có sợ ta không?" ... - "Con kính mến bà nhưng không sợ bà". Mụ hài lòng, cho bảy thoi vàng và cho về. Về nhà cô được các nàng Nhái khác khen ngợi. Láng giềng có nàng Nhái lớn lúc nghe nói cũng bắt chước xách ống ra sông, cưỡi lên ống cho trôi. Mụ yêu ra vớt về - "Con bé này chưa ăn được, dùng để sai vặt". Khi mụ yêu bảo bắt chấy, hắn nói: - "Tóc bà chẳng có chấy" - "Đồ ranh con lười biếng". Mụ đi xa dặn đừng nhìn trộm vào buồng. Hắn mở trộm xem thấy xương thịt thì kêu la hoảng hốt. Nghe tiếng kêu, mụ trở lại thấy cửa buồng mở toang, biết là trái lệnh, bèn bắt ăn thịt.

1. Theo *Truyện dân gian Hung-ga-ri* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

Một người đàn bà góa sinh được hai cô gái. Cô lớn giống mẹ, hợm hĩnh không ai chịu được. Còn cô bé hiền lành xinh đẹp bị mẹ ghét bỏ, cho ăn với đầy tớ và bắt làm ốm xác cả ngày.

Mỗi ngày cô bé phải hai buổi đi gánh nước, xa chừng nửa dặm. Một hôm đến suối, nàng thấy một bà rách rưới đến xin ngụm nước. Nàng rửa sạch gầu, ra tận chỗ xa múc nước trong rồi hai tay nâng gầu cho bà ta uống. Bà già nguyên là nàng tiên giả dạng, uống xong bảo nàng: - "Con đẹp mà tử tế, ta ban lộc cho con từ rày hễ mở miệng nói thì ra hoa, ra ngọc".

Khi cô bé trở về bị mẹ mắng, vội chắp tay xin: - "Con lạy mẹ, mẹ tha cho con!". Vừa nói bấy nhiêu tiếng thì có hai cành hoa và hai viên ngọc sáng ngời từ miệng văng ra. Bà mẹ ngạc nhiên hỏi chuyện; nàng kể hết sự thật. Bà vội giục cô gái lớn là Phăng-xông ra suối. Cô mang bình bạc đi múc nước. Khi đến nơi, bỗng có một bà sang trọng xin giải khát. Chính là nàng tiên vừa rồi hóa thành người khác để thử cô. Cô nói: - "Khéo cái bà này, để tôi đến đây để múc nước cho bà uống đó sao. Mà bà có uống thì ghé xuống đây mà uống". Nàng tiên đáp: - "Con không ngoan một tý nào. Vậy thì ta ban cho là hễ mở miệng nói sẽ nhả ra rắn và cóc".

Thấy con gái lớn về, bà mẹ đon đả: - "Thế nào con?". Cô vừa đáp: - "Mẹ ạ!" thì đã có hai con rắn và hai con cóc từ trong mồm văng ra. Bà mẹ hốt hoảng: - "Trời ơi! Cái gì thế này. Chắc là con ranh con phản chị đây!".

Bà mẹ tìm con gái bé để đánh. Nàng chạy trốn vào rừng. Giữa lúc đó thì hoàng tử đi săn về qua đấy. Hoàng tử thấy cô gái đẹp, dừng ngựa lại hỏi vì sao mà khóc. Nàng đáp: - "Mẹ tôi đánh đuổi tôi". Hoàng tử thấy ở miệng rơi xuống năm hạt trân châu, rất lấy làm lạ. Khi nghe rõ câu chuyện, hoàng tử đưa nàng về cung, tâu trình vua cha xin lấy làm vợ.

Còn cô chị ngày một bẳn tính làm cho mẹ cũng sinh ghét, đuổi đi. Hắn long đong đây đó không ai muốn chứa, về sau vào xó rừng mà chết[1].

Một loạt truyện khác có nội dung gần gũi với loạt truyện kể trên, ở chỗ nhân vật đều là một cặp chị em tốt và xấu và mỗi người chịu kết quả báo ứng tương xứng với tính nết của họ.

Truyện của ta: *Hai chị em*:

1. Theo *Chuyện trẻ con của Sác-lơ Pe-rôn (Charles Perrault)*, bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh.

Có hai chị em, chị giàu bỏ mặc em nghèo không giúp đỡ. Em đi xin không ai cho cả. Đi mót khoai thì có một con rắn chui vào rổ. Em bảo rắn: - "Rắn ơi! Ta và con ta đói lắm, nếu mày cho ta làm thức ăn thì cứ nằm yên để ta đưa về nấu". Nấu xong thì rắn đã hóa thành thỏi vàng. Từ khi giàu, em mời chị tới chơi nhà. Khi biết được nguồn gốc giàu có của em, chị cũng bắt chước cầm rổ đi mót khoai. Cuối cùng cũng có một con rắn chui vào rổ, và chị cũng nói với rắn như trên, rồi đưa về nhà bỏ vào nồi nấu lên. Không ngờ lúc này rắn lại hóa làm nhiều con khác, bò ra đầy một nhà cắn chết chị[1].

Truyện của người Tia-rôn (Tirols):

Một cô gái đi hái quả rừng với người anh. Cô trả lời dịu dàng lễ phép về những câu hỏi của bà thánh Đồng trinh, trái lại, người anh trả lời vô lễ. Bà thánh cho cô em một hộp sách màu vàng, người anh một hộp đen. Anh mở hộp ra thì thấy có hai con rắn bò ra cắn chết, còn em mở hộp ra thì có hai nàng tiên đưa em lên trời.

Truyện của người Ê-cốt-xơ (Écosse):

Một nàng công chúa bỏ nhà ra đi vì bị dì ghẻ xấu bụng, ghen tị và bạc đãi. Dọc đường gặp một ông già, nàng vui lòng chia thức ăn của mình cho ông. Ăn xong, ông rủ công chúa ngồi trên bờ một cái giếng, bống chốc dưới mặt nước trồi lên một cái đầu nhờ công chúa gội và chải tóc hộ. Công chúa sẵn lòng làm việc đó. Khi đã tươm tất, cái đầu khen nàng, hứa cho nàng mỗi lần mở miệng nói rơi ra một viên kim cương. Lần thứ hai một đầu khác cũng nhờ gội và chải hộ rồi trả ơn mỗi lần nói một viên minh châu. Lần thứ ba lại một đầu khác, tặng mỗi lần nói một viên ngọc.

Con gái bà dì ghẻ thấy thế cũng xin đi thử. Nhưng cô đối đãi với ông già không được tốt, chải tóc cho ba cái đầu cũng làm nguệch ngoạc, nên kết quả mỗi lần nói thì văng ra một con cóc một con nhái, v.v...

Truyện của người Xéc-bơ (Serbes):

Một cô gái đối đãi tốt với một con rồng, giúp việc cho nó trong nhiều ngày, được nó thưởng cho một cái hộp do cô tự chọn lấy trong những cái hộp. Cô gái chọn lấy một hộp nhẹ nhưng lúc về mở ra thấy đầy một hộp tiền vàng. Cô gái con bà dì ghẻ cũng đi giúp việc cho rồng nhưng làm những điều không tốt. Lúc về cũng được rồng cho một trong những cái hộp. Cô chọn hộp nặng nhất, về mở ra thì có hai con rắn chui ra, mổ vào mắt cô và mắt bà mẹ.

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

Truyện của người Iếc-lăng (Irlande):

Một cô gái bị dì ghẻ quẳng xuống giếng. Tỉnh lại, cô thấy mình ngồi trong một cái trại rất đẹp. Cô tỏ ra thương người và dễ bảo đối với những người và vật mà mình gặp ở dưới đó. Cuối cùng, đến một chỗ có một mụ phù thủy, cô giúp việc cho mụ, được mụ trả công, cho chọn một trong ba cái hộp. Nhờ có người bảo trước, cô chọn đúng hộp cuối cùng, là hộp có vàng. Cũng nhờ có người bảo trước, cô tránh khỏi bị mụ phù thủy đuổi theo bắt lại. Người con gái bà dì ghẻ thấy thế, cũng bảo mẹ quẳng mình xuống giếng, nhưng vì tính kiêu kỳ khó chịu với mọi người, nên cô chỉ gặp toàn những cái không may. Về nhà, cô suýt chết vì cái hộp vàng mà cô chọn, vì mở ra toàn cóc rắn bò ra đầy nhà.

Truyện của người vùng núi Cô-ca-dơ (Caucase):

Có hai cô gái, một siêng một lười. Cô siêng kéo nước ở giếng không may dây đứt, thùng trôi. Sợ bị mắng, cô nhảy xuống giếng mò cái thùng. Không ngờ ở dưới giếng có một tòa nhà, người chủ tòa nhà nhờ cô giúp việc và cô được trả công một chiếc nhẫn quý, lại được ông cho đầy cô-pếch vào thùng. Cô lười cũng làm theo như lời cô siêng kể lại nhưng chỉ mang về một thùng nước đá.

Truyện của Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie):

Do dì ghẻ xúi giục, một cô gái bị bố bỏ vào rừng sâu. Cô đi lạc vào một cái hang của bà chằng. Cô chào bà chằng bằng "mẹ". Bà chằng thấy cô ngoan ngoãn dễ tính, bèn nuôi cô như con. Trong hang có những con rắn, nhưng do tốt bụng nên chúng không làm hại. Bà chằng rất bằng lòng. Một hôm hỏi cô muốn gì. Cô đáp: - "Muốn về với bố". Bà chằng bèn cho cô về với một cái hộp. Lúc về, không ngờ mở ra được một hộp vàng bạc và đá quý.

Con gái bà dì ghẻ thấy thế cũng muốn được may, nhưng tính khí cô bị mọi người ghét. Lúc về bà chằng cũng cho một hộp, nhưng đến nhà mở ra thì có những con rắn bò ra cắn chết cả hai mẹ con[1].

Truyện của người Nhật-bản *Con chim sẻ bị cắt lưỡi*:

Một ông già không con, nuôi một con chim sẻ làm con mà ông rất yêu. Một hôm, vợ ông đi giặt về thấy mất một món ăn. Hỏi thì chim nói thật là mình đã ăn vì món ăn đựng vào bát của nó. Bà già bèn cắt lưỡi chim và đuổi đi. Ông già đi vắng về thấy mất chim, cất công đi tìm. Tìm được chim, chim

1. Đều theo Cô xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.

đưa ông về nhà mình. Cả nhà chim tiếp đãi rất hậu, cho ông ăn ngon, uống rượu (xa-kê), lại tổ chức nhảy múa điệu chim sẻ cho vui. Lúc ông về, chim đưa ra hai cái sọt kín, để ông chọn lấy một. Ông già nghĩ mình già yếu chọn cái sọt nhẹ. Khi về hóa ra đầy một sọt vàng bạc và vật quý. Nhưng vợ trách chồng sao không lấy cái sọt nặng; sau đó, bà già cũng cất công đi tìm chim sẻ, cầu xin chim cho mình một cái sọt như chồng. Chim cũng đưa ra hai sọt cho chọn một. Bà già chọn cái sọt nặng. Khi về, mở ra thì một lũ rắn rết và quỷ từ trong sọt nhảy ra làm cho bà chết giấc[1].

Một loại truyện nữa giống với *Sự tích con khỉ* nhưng thường kết hợp với một số mô-típ của truyện *Tấm Cám*, cũng phổ biến ở nhiều dân tộc. Sau đây là một ít ví dụ:

Truyện của đồng bào Thái: *Nàng Khao, nàng Đăm*, các truyện *Ý Ưởi, Ý Noọng, Ý Đón, Ý Đăm* (Thái), *Tua Gia, Tua Nhi* (Tày), *Gầu Nà, Gầu Rềnh* (Mèo), *Ò Pẻn, Ò Kín* (Nùng) (xem **Khảo dị** truyện số **154**, tập **IV**) đều có những hình tượng giống nhau, chỉ khác đôi chút về cách kể:

Có hai chị em: chị là Đăm, con riêng dì ghẻ, thì lười, xấu tính, em là Khao, con vợ cả, thì chăm chỉ hiền lành. Vì việc bắt ếch, Đăm đã làm cho bố hiểu lầm, giết chết vợ cả. Mồ côi mẹ, Khao bị dì ghẻ đối xử rất tệ. Cùng nhau đi bắt cá, Đăm không bắt được gì, nhưng lừa Khao bảo Khao xuống tắm cho sạch bùn, rồi đánh tráo giỏ cá. Lần thứ hai bố đi buôn vắng, Khao khóc nước mắt đầy niêu đầy chậu. Còn Đăm không khóc nhưng lại lấy muối hòa đầy chum đầy vại, nói dối với bố đó là nước mắt của mình. Bố nếm thấy mặn khen Đăm có hiếu. Nghe lời xúc xiểm của vợ, bố bỏ Khao vào rừng sâu. Ở đây Khao gặp mẹ bấy giờ đã hóa hổ. Hổ giúp Khao lấy chồng là "tạo" Khun Chương, lập thành bản mường đông đúc giàu có. Đến đây câu chuyện cũng có chi tiết trồng cây bầu, bầu bò về nhà bố. Bố lúc này đói rách, lần theo dây bầu tìm đến nhà Khao, được Khao tiếp đãi rất hậu: lên nhà bằng thang vàng thang bạc, ngồi trên ghế mây ghế song, gắp bằng đũa ngà đũa ngọc, và khi về, cưỡi ngựa bằng yên vàng yên bạc với nhiều tặng vật quý (không có chuyện tặng dì ghẻ thức ăn hóa rắn như truyện *Côi, cô gái mồ côi* nói trên).

Đăm thấy Khao giàu có cũng tìm đến nhà, tuy không bị Khao đuổi, nhưng không được đối đãi tốt: lên nhà bằng thang lau thang sậy, giữa chừng thang

1. Theo Phu-cu-ji-rô Oa-cát-su-ki (Fukujiro Wakatsuki). *Truyền thuyết Nhật-bản.*

gãy bị bọ chó đốt; ngồi ghế gãy, ngã, bị chó, mèo cắn; ăn cơm bằng đũa nứa đũa tre, nứa cứa đứt mồm; khi về được Khao cho cưỡi dê, dê đâm vào bụi này vũng kia rất cực khổ[1].

Về nhà, Đăm xui bố mời Khao về thăm. Đăm bảo Khao trèo cây bồ quân hái quả cho bố rồi chặt gốc. Khao chết, theo phong tục, Đăm thành vợ tạo Khun Chương. Khao hóa làm chim cu quanh quẩn theo chồng. Bị Đăm giết, chim hóa cây tre ngà cho tạo mắc võng nằm. Đăm đốt cây tre. Bà cụ láng giềng đi xin lửa cầm thanh tre về, than rơi vào chậu nước hóa thành cô gái đẹp. Cô gái xin bà cụ giấu kín cho. Nhưng một hôm cô gái dệt vải đánh rơi thoi xuống dưới sàn nhà. Vừa lúc con của tạo (do Khao đẻ ra) chơi gần đấy, nhặt hộ. Con của tạo thấy có bàn tay thò xuống sàn giống tay mẹ nó, liền đi mách bố. Kết quả hai vợ chồng lại gặp nhau.

Lúc này Đăm tuy ở với chồng nhưng không được chiều chuộng nữa. Một hôm hỏi Khao tại sao môi đỏ? Đáp: Vì lúc trước đi chăn vịt ăn phải cứt vịt. Đăm nghe lời, cố nuốt cứt vịt, môi càng thâm sì. Lại hỏi sao có áo đẹp? Đáp: Vì để trâu ăn mất áo nên trời cho áo đẹp. Đăm làm theo, không thấy Trời cho áo. Đăm thò tay vào đít trâu để lấy áo bị trâu lôi đi khắp nơi, cuối cùng không được gì, trần truồng chạy về. Hôm khác lại hỏi: Sao lại trắng trẻo đẹp đẽ? Đáp: Vì tắm nước sôi. Đăm làm theo, bị bỏng chết. Khao làm mắm đem về biếu dì, dì ăn khen ngon. Khi mắm gần hết thấy đầu lâu con, lăn ra chết[2].

Người Miến-điện (Myanmar) còn có một truyện *Quạ vàng* có cả những tình tiết của truyện *Nàng Khao nàng Đăm* trên lẫn những tình tiết của truyện *Cây khế* (xem **Khảo dị**, truyện số **59**, tập **II**).

Một bà góa có cô con gái xinh xắn tính điềm đạm, một hôm mẹ bảo con ở nhà trông sàng phơi lúa ở sân, đừng để chim ăn mất. Bỗng có một con quạ vàng đến ăn, đuổi mấy cũng không đi, chỉ một chốc là hết sạch. Cô òa khóc: - "Mẹ tôi nghèo lắm chỉ trông nhờ vào chỗ thóc này" - "Ta sẽ đền cho. Mặt trời lặn hãy đến gốc me ngoài làng, ta sẽ đưa đi". Đúng hẹn, cô gái đến gốc me thấy

1. Đoạn này có người kể: cho một con dê ghẻ cưỡi về nhưng lại giao cho một gói ớt bột dặn lúc về thỉnh thoảng xoa vào chỗ có ghẻ. Dê bị ớt xót quá chạy tuông khắp nơi, làm cho người cưỡi hết sức vất vả. (Truyện *Y Ưới Y Ót*, xem Đơ-jor-jơ (Degeorge), *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam* trong tạp chí *Nhân loại* (*Anthropos*), XVI-XXII (1921 - 22).

2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV.

có một ngôi nhà vàng nhỏ trên cây me. Quạ thò cổ ra mời lên và hỏi: - "Muốn dùng thang vàng, thang bạc hay thang đồng?" - "Tôi nghèo khổ có thang đồng đã quý". Quạ bắc thang vàng, cô trèo lên. Quạ mời ăn cơm, hỏi: - "Muốn dùng mâm vàng, mâm bạc hay mâm đồng?" - "Tôi nghèo khổ có mâm đồng đã quý". Quạ dọn ăn bằng mâm vàng. Ăn xong, quạ lấy ra ba cái hộp: lớn, vừa và bé cho chọn một đưa về biếu mẹ cô. Cô chọn cái bé nhất, rồi ra về không quên tỏ lời cảm ơn quạ. Đến nhà, cô đưa hộp cho mẹ, mẹ mở ra được 100 hạt ngọc đỏ rất quý. Từ dấy họ trở nên giàu có.

Trong làng có một bà góa khác giàu có, có cô con gái tham lam, nóng nảy. Nghe kể chuyện, cô cũng đem sàng thóc ra phơi. Vì lười nên cô để cho chim chóc ăn mất, khi quạ đến chỉ còn một nhúm. Tuy vậy quạ cũng ăn. Cô bảo: - "Ăn hết thóc nhà tôi phải đem giàu có đến cho nhà tôi". Cũng như trên, quạ cũng dặn cô vào lúc mặt trời lặn đến cây me ngoài làng mà nhận quà. Cô đến, quạ cũng mời lên mà hỏi: - "Thang vàng, thang bạc hay thang đồng?". Cô nói: - "Thang vàng". Quạ chỉ buông thang đồng. Quạ mời ăn, cũng hỏi: - "Mâm vàng, mâm bạc hay mâm đồng?" - "Mâm vàng". Chỉ được mâm đồng. Thức ăn ngon nhưng ít, cô không thỏa mãn. Sau đó quạ cũng đưa ra ba cái hộp. Cô vồ lấy cái hộp lớn nhất rồi hối hả xuống thang trở về không có một lời cám ơn. Nhưng về nhà, mẹ con mở hộp ra thì một con rắn chui ra phun phì phì[1].

Một truyện khác sưu tầm ở vùng Cô-ca-dơ (Caucase):

Một dì ghẻ đối xử tệ với con gái chồng, cô phải ăn đói mặc rách. Một hôm con bò cô chăn thấy cô khóc, hỏi lý do. Cô kể cảnh khổ của mình. Bò bảo: "Trong một cái sừng của ta có mật ong, bên kia có bơ, cứ lấy ăn mặc sức". Dì ghẻ thấy cô ngày một khỏe, lại bắt phải kéo mỗi ngày một thúng len. Một hôm bò chạy lên nóc một nhà kia (nhà nông dân Cô-ca-dơ thường làm dưới đất) cô gái đuổi theo, đánh rơi con quay xuống nhà, cô cúi nhìn xuống thấy một bà già. Cô chào hỏi rất lễ phép, bà già là một mụ phù thủy (đê-vi) bảo cô xuống mà nhặt. Vì cô dễ yêu nên bà già rất mến, bảo cô nhúng đầu rửa tay trong một cái giếng, không ngờ tóc và tay đều trở nên vàng.

Bà dì sai con gái riêng đi chăn bò, và cũng tìm đến nhà bà già. Vì cô vô lễ lại xấu tính nên được rửa vào một thứ nước hóa ra đen như hắc nô và mọc sừng trên đầu. Lúc về dì giận, giết chết con bò. Trước khi chết, bò dặn cô gái

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*.

tóc vàng chôn xương của mình. Một hôm có đám hội, cô gái đào lên được áo quần và giày đẹp, mặc đi dự hội[1]. Và sau đó cũng xảy ra chuyện mất giày, cuối cùng được lấy hoàng tử như truyện *Tấm Cám* (xem truyện số **154**, tập **IV**).

Truyện của người Ác-mê-ni (Arménie):

Một đứa trẻ và chị nó bị bố bỏ vào rừng sâu do bà dì ghẻ xúc xiểm. Thằng bé vì uống nước trong dấu chân chiên nên hóa thành con chiên con. Cô gái hàng ngày phải chăn chiên. Một hôm mũi quay cuốn sợi của cô lăn vào một cái hang. Cô chui vào tìm. Ở đây có một bà già quỷ. Do tính nết đáng mến của cô nên bà già làm cho cô có bộ tóc đẹp, có áo giày bằng vàng lại làm cho con chiên trở lại thành người, rồi chỉ đường cho về nhà.

Con gái riêng của bà dì thấy vậy cũng tìm đến hang, nhưng vì tính khí cục cằn nên bị bà già ghét, làm cho xấu xí.

Sau đó là ngày hội ở cung, vua cho phép mọi cô gái tới dự. Cô gái mang áo vàng giày vàng đi dự, một chiếc giày bị rơi xuống giếng. Vua nhặt được và tổ chức một cuộc thử giày, cuối cùng, cô gái lấy vua, cũng giống như truyện *Tấm Cám*[2].

Một số truyện dưới đây, tuy hình tượng và nhân vật không giống với các truyện trên nhưng vẫn cùng một chủ đề.

Truyện của người Ma-rốc (Maroc):

Một người có hai vợ, mỗi vợ đẻ bảy con gái. Vợ cả muốn giết lũ con vợ lẽ bèn đặt điều nói với chồng đó là điềm xấu, không trừ bỏ sẽ có hại. Ở thành phố ấy có một ngôi nhà có ma (Jơ-nun), ai vào nghỉ đêm là chết. Mụ bèn xui

1. Người Ả-rập (Arabes) (Thượng Ai-cập) có một truyện tương tự với truyện trên: Có hai anh em bị dì ghẻ bắt hàng ngày phải ăn cơm của chó, trong khi con dì thì được ăn uống ngon lành. Đi chăn bò, hai anh em đem cơm ấy cho bò ăn. Đổi lại, bò cho chúng nó bánh sữa nên dần dần chúng trở nên béo tốt, còn con của dì thì gầy gò xấu xí. Dì ghẻ lấy làm lạ, bèn sai con trai đi dò, nhưng nó được ăn bánh, về giấu không nói. Mụ lại sai con gái đi dò, cô này khi ăn đánh rơi vào áo, về mẹ hỏi, cô nói: "Hỏi cái áo thì biết bánh con bò cho như thế nào". Dì ghẻ vờ ốm, bảo nhân tình giả làm thầy thuốc đến nói với chồng chỉ có ăn gan bò đen mới lành. Vì thế con bò bị giết. Hai đứa bé lại thu thập xương bò đem thiêu hóa. Xương bò hóa thành cây lô hội, cây lại cho hai đứa bé ăn uống những thức ngon như trước (không có việc được áo quần và giày như truyện trên). Theo *Báo châu Á* (1885).

2. Đều theo Cô-xanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây.*

chồng thuê nhà đó cho bảy cô gái con vợ lẽ đến ngủ. Bảy cô này tốt bụng, can đảm và khôn ngoan, vâng lời bố đi ngay, chỉ xin cho chổi, cá, sữa và chất thơm. Tới nơi, các cô quét dọn hài cốt rác rưởi, rồi rắc sữa và đốt chất thơm làm cho ngôi nhà trở nên sạch sẽ, thơm tho. Buổi chiều, một cô đang nướng cá thì một bàn tay không có người ngửa ra xin ăn. Cô sẵn lòng cho, sau khi để cho cá nguội. Rồi bảy bàn tay khác cũng lần lượt giơ ra xin cá nướng và đều được thỏa mãn. Tối lại, các cô thắp đèn dọn ăn. Một con ma hai mũi hiện ra, các cô mời nhập tiệc: "Các cô có muốn một người ba mũi, tới dự không?" - "Sẵn lòng". Thế rồi ba mũi, bốn, năm, sáu, bảy mũi lần lượt xuất hiện và đều được tiếp đãi tử tế. Đang ăn bỗng phía ngoài có tiếng: - "Ôi, các chị giúp em xuống với!". Một cô bước ra lấy vạt áo đỡ một cục thịt nằm trên thang xuống đất.

Sáng dậy, bố đến với mười bốn đô tùy và bảy áo quan, nhưng không ngờ các con gái đều khỏe mạnh, lại đeo những trang sức đắt tiền do ma tặng. Vợ cả muốn bảy con gái của mình cũng được như vậy. Nhưng các cô này bẩn và lười. Không nghĩ gì đến chổi, sữa và chất thơm để quét dọn. Khi thấy một bàn tay giơ ra, cô đang nấu ăn kêu ầm lên: "Kinh tởm", rồi gọi các chị xin một cái búa. Bàn tay biến mất. Đang ăn, các ma hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy mũi lần lượt đến xin ăn nhưng họ chỉ được nghe tiếng chửi và chế nhạo. Các cô cũng làm ngơ với tiếng kêu phía ngoài nhờ đỡ xuống cầu thang.

Sáng dậy người bố đến thì bảy cô đã chết cả[1].

Người Man-gát-sơ (Malgaches) có truyện *Người em út* có kết cục là năm người anh xấu không phải hóa khỉ mà hóa thành những con vật chuyên ăn đêm bị mọi người ghét:

Có hai vợ chồng sinh được 6 trai. Năm người cao lớn đẹp đẽ, còn đứa út tên là Pha-ra thì gầy yếu và xấu xí. Năm người anh ghét bỏ em, đánh đập luôn. Khi bố mẹ chết, chúng nó bắt em làm như nô lệ. Em tức giận bỏ đi. Dọc đường thấy vườn mía vắng chủ: - "Chà mía tốt quá!". Nhưng anh chỉ khen thế mà không dám bẻ. Lại đi nữa thấy một đàn cừu, tiếp đến một vườn cam, một vườn dừa rồi một vườn chuối đều không thấy có ai trông nom. Tuy khát và đói, Pha-ra cũng không dám màng. Anh mệt, ngồi lại đó rồi ngủ quên. Bỗng có một ông già áo đỏ thức dậy hỏi: - "Sao lại ngủ ở đây?" - "Tôi mệt quá xin ngủ nhờ". Ông già dắt đến một ngôi nhà xinh xắn, trong nhà đầy hoa quả. Bà

1. Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích ở Phe-đơ.*

chủ bưng sữa ra, anh vẫn không dám đụng đến, chỉ hỏi: - "Xin phép nghỉ lại đây" - "Anh hỏi ông chủ ấy". Ông chủ mời anh uống sữa rồi hỏi: - "Có phải anh vừa đi qua các vườn mía, đàn cừu, vườn cam, v.v... không?" - "Vâng" - "Anh là người thật thà đáng khen, vậy anh có nguyện vọng gì ta sẽ giúp?" - "Chỉ xin được khỏe mạnh" - "Được". Sáng dậy anh thấy mình ngủ ở gốc chuối, bên cạnh có một bọc toàn vàng, còn thân hình thì trở nên to lớn khỏe mạnh.

Năm người anh nghe kể cũng ra đi. Qua vườn mía khát quá, họ bẻ trộm ăn. Khi gặp đàn cừu, nhân đói, họ vật một con làm thịt. Đến các vườn cam, vườn dưa, vườn chuối cũng trộm ăn như vậy, có người ra ngăn, họ còn đọa đánh. Sau đó mệt, họ quay ra ngủ. Ở đây cũng có ông chủ đến thức dậy mời họ vào nhà. Vừa thấy sữa bưng ra, họ vồ lấy uống ngay. Ông chủ hỏi: - "Các anh đi đâu?" - "Đi tìm thần Hạnh phúc" - "Các anh là lũ phá vườn mía, ăn trộm cừu, v.v... đã phá hoại của người lại còn đe đánh chủ". Nói xong, một ánh chớp nổi lên, năm gã biến mất, hóa thành năm con vật: cú, chim lợn, vọ, vạc, dơi. Chúng xấu hổ, chỉ dám đi ăn đêm[1].

Về tình tiết lội xuống giếng trở nên xinh tốt, người Khơ-me (Khmer) có truyện *Bốn chàng hói*:

Có bốn chàng đầu hói thường bị bọn trẻ giễu cợt, bèn không quản đường sá xa xôi tìm đến một vị hòa thượng trên núi Hi-ma-van để nhờ cứu chữa. Vị hòa thượng chỉ cho họ một cái hồ ở sau núi, bảo hụp xuống thì tóc sẽ mọc, và dặn chỉ được hụp một lần thôi.

Bốn chàng hụp xuống hồ, quả nhiên tóc mọc đen nhánh. Nhưng họ còn muốn cho tóc mọc nhiều hơn để cho thông minh hơn nữa, bèn rủ nhau hụp xuống lần nữa. Nhưng khi lên thì mớ tóc vừa mới xuất hiện đã biến mất. Lại rủ nhau hụp nữa thì những sợi còn lại cũng mất sạch.

Trở lại chỗ vị hòa thượng, họ xin giúp lần chót, nhưng hòa thượng lắc đầu, nói: - "Không thể chữa được nữa. Đó là hình phạt đối với những kẻ tham lam không chán"[2].

Có nhiều truyện của nhiều dân tộc nói về sự tích con khỉ nhưng không cùng loại với mô-típ của các truyện trên kia:

Ví dụ một dân tộc ở châu Phi kể rằng: một tù trưởng thấy những người của bộ lạc mình lười biếng không thích làm ruộng, chỉ quen nhờ vả người khác,

1. Theo Đinh Tú. *Cô gái đẹp lấy chồng rắn.*
2. Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia.*

bèn đuổi cả vào rừng giao cho mỗi người một cái cuốc, buộc họ không được đánh mất. Thế nhưng bọn người này không thích làm ruộng, chỉ hái quả mà sống. Sợ mất cuốc, họ buộc chặt cuốc vào sau lưng, về sau cán dính vào người thành cái đuôi, đồng thời lông lá mọc đầy mình, trán nhăn nhó vì mệt mỏi, mà thành khỉ[1].

Người thiểu số ở Nghệ-an có truyện *Sự tích con khỉ* khác truyện của ta:

Có một "ông mo" sinh được nhiều con cháu. Gặp nạn đói, ông xuôi chợ kiếm cái ăn. Ở nhà vợ không chờ được, bèn lấy lúa giống làm gạo nấu cháo cho con cháu ăn. Đói quá, chúng nó tranh nhau bốc ăn khi cháo chưa kịp chín. Người đàn bà lấy đũa bếp gõ mỗi đứa một cái vào đầu. Chúng chạy vào khe núi hóa thành khỉ, lông lá mọc đầy người. Bà ta bèn đi gọi con và cháu về, nhưng đi đến đâu, chúng chạy tán loạn đến đấy. Ông mo về, vợ kể lại và nói: - "Không biết có phải chúng nó giận tôi đánh hay trời làm ra thế". Ông mo vào rừng để gọi con cháu, nhưng chúng đáp: - "Bây giờ trời đã bắt hóa khỉ rồi, xin đừng gọi nữa"[2].

Đồng bào Cham-pa có truyện kể về sự tích con khỉ nhưng lại giống truyện *Tam và Tứ* (xem truyện số **150**, tập **IV**):

Có hai anh em Run và Rai, bố mẹ chết, Run chiếm đoạt cả gia tài. Sau đó Run đưa Rai lên rừng đốn gỗ. Vì đói quá nên Rai hỏi vay Run bát gạo - "Mỗi bát gạo phải đổi một con mắt!". Thằng anh độc ác nói thế. Rai vay một bát bị Run móc một mắt. Nhưng ngày hôm sau lại đói, Rai đành đổi con mắt kia lấy bát gạo thứ hai. Run bỏ em về nhà. Rai lạc trong rừng sâu, bỗng nghe đôi chim cu xanh nói với nhau thương hại cho anh chàng mù. Một con bảo Rai: - "Hãy ngửa mặt lên ta cho mắt", Rai ngửa mặt và chim thả xuống hai hòn ngọc đúng vào hai hố mắt, mắt lại sáng như xưa. Rai xuống nước bắt được con cá thần. Cá bảo đưa mình về nuôi. Sáng dậy, Rai thấy chỗ hố thả cá đầy vàng ngọc. Giàu có, Rai mời Run đến ăn giỗ. Biết vì sao mà em giàu, Run mượn con cá thần về nuôi, nhưng cá chỉ cho giẻ rách và phân. Run giận, bắt cá ăn thịt. Rai đem chôn xương cá ở một mảnh đất do một con gà chỉ cho, tự nhiên mọc lên hai cây tre đầy lụa là gấm vóc vàng bạc. Run lại đến mượn cây tre về

1. Thấy dẫn trong A. *Van Ghen-nép (Van Gennep): Tôn giáo, phong tục và truyền thuyết*, tập II.

2. Theo *Bản khai tổng Quỳ-dương* và *Bản khai tổng Thanh-xuyên* (chữ nôm, tài liệu chép tay lưu ở Thư viện Khoa học xã hội).

trồng, tre chỉ cho giẻ rách nên Run chặt đem đun bếp. Rai đi tìm tre và mang tro về hòa nước tắm: cả hai vợ chồng trở nên đẹp đẽ, Run cũng lấy tro về tắm, nhưng giội xong thì trở nên ngứa ngáy, lông lá mọc đầy người. Rai được thần bảo nung gạch đỏ bỏ gần chỗ Run tắm. Vợ chồng Run ngồi lên bị bỏng đít chạy lên rừng thành khỉ.

Người Khơ-me (Khmer) cũng có một truyện nói vì sao khỉ đỏ đít:

Thỏ là chúa rừng, một hôm thuê thợ rèn tới rèn đuôi rồi phân phát cho các loài vật. Những con vật đến sớm như công, trĩ, v.v... đều chọn được đuôi dài và đẹp. Những con đến muộn như chó, v.v... vớ phải đuôi xấu. Voi và cun cút đến muộn hơn thì đuôi đã hết cả, nhờ thợ rèn lấy cút sắt rèn hộ nên cũng được đuôi nhưng đuôi không xứng với người. Khỉ đến sớm nhưng mải cười chê người khác, quên mất mình chưa có đuôi, mới nhờ thợ rèn vét số cút sắt còn lại rèn cho mình. Nhưng vì vội vã, đuôi đang còn nóng đã lắp vào nên đít bị bỏng, đành chạy vào rừng sống qua ngày[1].

1. Đều theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.

13. SỰ TÍCH CÁ HE[1]

Ngày xưa có một nhà sư trẻ tuổi rất ngoan đạo. Sau hơn ba mươi năm khổ công tu luyện, sư thuộc lòng tất cả các kinh kệ nhà Phật, lại giỏi thuyết pháp. Vậy mà lâu rồi vẫn chưa được thành chính quả. Sư, bụng bảo dạ: - "Phải đến đất phật một phen mới có hy vọng thành Phật". Nghĩ vậy, sư ta quyết chí tìm đường sang Tây-trúc.

Đường đi từ nước nhà sang Tây-trúc thuở đó thật muôn phần vất vả. Việc giao thông hầu hết là đường bộ, mà đi bộ trên con đường mịt mùng thăm thẳm thì mỗi bước là một hiểm nguy. Nhưng nhà sư trẻ tuổi vẫn quả quyết nhằm hướng Tây khởi hành.

Cuộc hành trình đã được năm mươi ngày. Nhà sư đã nhiều lần lạc đường và mấy lần mê man vì sốt, nhưng nhờ được giúp đỡ nên đều qua khỏi. Hễ dứt bệnh là chàng lại tiếp tục cuộc hành trình.

Một hôm, đến một khu rừng thì trời đã chiều. Sư cố bước dồn hòng tìm một nơi nghỉ vì trong người đã thấy ớn rét. May sao giữa rừng sâu, sư bỗng gặp một ngôi nhà. Nghe tiếng gọi cửa, một bà cụ già bước xuống sàn. Sư tỏ ngay ý định của mình là xin ngủ nhờ một đêm. Nhưng bà cụ vừa thấy khách đã xua tay rối rít:

- Đi mau lên! Mau lên! Con ta mà về thì không còn tính mạng đâu.

Sư đáp:

- Tôi bây giờ thật là kiệt sức, không thể nào bước được nữa. Nếu không cho nghỉ thì cũng đành nằm liều trước cửa đây thôi.

Bà cụ bảo:

- Chao ôi! Con ta vốn là Ác Lai hay ăn thịt người. Cố đi nhanh lên, bây giờ nó sắp về rồi đó.

---

1. Tức là cá lợn, cá heo hay hải trư (marsoruin). Ở Nam-bộ còn gọi là cá nược.

Nhưng sư đã vứt tay nải, nằm vật xuống đất. Hai đầu gối va vào nhau chan chát. Bà cụ không biết nói thế nào nữa, đành nắm tay y lôi đến một cái hầm đá lớn. Sau khi đẩy vào, bà cụ bảo y phải giữ cho thật im lặng để tránh một cái chết thê thảm. Đoạn, bà cụ chất củi phủ lá rất kín đáo.

Trời tối hẳn thì Ác Lai về đến nhà, tay xách một con mang. Hắn dừng lại ở chân thang và khịt mũi mãi. Hắn nói:

- Có mùi thịt mẹ ạ!

Mẹ hắn đáp:

- Thì chả thịt mày mang về đấy là gì?

- Không phải. Thịt người. Con biết lắm. Có thịt người.

Bà cụ chưa kịp can thì hắn đã quẳng con mang lên sàn rồi chạy đi tìm. Chả mấy chốc, hắn đã lôi được nhà sư bất tỉnh nhân sự từ dưới hầm về phòng mình.

Khi sư tỉnh dậy thì đã thấy Ác Lai đang cầm một mũi mác lăm lăm ở tay. Hắn quát:

- Mày đi đâu?

Sư nhìn kỹ thấy hắn cũng không khác gì người thường bèn tỉnh táo đáp:

- Tôi đi tìm Phật.

- Tìm để làm gì?

Sư bấy giờ mới nói rõ mục đích của mình. Rồi luôn miệng, sư giảng giải đạo từ bi cho hắn. Sư nói mãi, nói mãi, kể lại bao nhiêu nỗi gian truân dọc đường, và niềm mong muốn cuối cùng là làm sao được nhìn mặt đức Phật để Phật độ cho thành chính quả. Sư nói khéo quá, đến nỗi mẹ con Ác Lai đều cảm động đến rơi nước mắt. Thấy họ thành thật hối lỗi, sư cho họ biết là họ cũng sẽ trở nên "vô sinh vô diệt", sẽ sống một đời sống bội phần sung sướng trên Nát-bàn, nếu họ nhất quyết bỏ ác làm thiện. Tự nhiên mũi mác ở tay Ác Lai rơi xuống sàn. Những đường nhăn hung ác mới đó giờ đã dịu lại.

Sáng hôm sau, khi sư sắp sửa lên đường thì mẹ con Ác Lai vui vẻ sắp sẵn lương thực cho chàng. Họ lại tiễn đưa sư sang tận bên kia một ngọn núi đá. Khi sắp từ biệt, Ác Lai hỏi:

- Tôi biết lấy gì mà dâng Phật đây?

Sư đáp:

- "Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm". Chỉ dâng tấm lòng mình là đủ.

Sư không ngờ Ác Lai đã rút mũi mác, nhanh như cắt tự rạch bụng mình lôi ra cả một mớ ruột gan đưa cho sư và nói:

- Nhờ hòa thượng đưa hộ dâng lên đức Phật.

Sư lấy làm bối rối quá. Chỉ vì Ác Lai hiểu nhầm lời nói của mình. Bây giờ còn biết làm thế nào đây. Cuối cùng sư ta đành nhìn vào cặp mắt của Ác Lai, gật đầu nhận lời rồi gói bộ lòng của con người đáng thương đó lại và quảy lên vai, cất bước ra đi.

Sư vừa đi được mấy ngày thì khu rừng rậm chấm dứt, biển lộ ra trước mặt mênh mông bát ngát. Nước trời một vẻ trông rất vui mắt, nhưng trong bụng sư lại chẳng vui một tí nào. Món lễ vật của đức Phật đè nặng trên vai. Nếu chỉ có thế thì không có gì đáng ngại cho lắm. Khổ một nỗi là mùi thối từ bộ lòng kia xông ra khó tả. Sư đã bọc nó ba tầng bốn lớp mà mùi thối vẫn nồng nặc. Sư lẩm bẩm: - "Như thế này thì các nhà quán dọc đường còn ai dám chứa mình". Qua ngày hôm sau, không thể chịu nổi nữa, sư bèn vứt bộ lòng Ác Lai xuống biển.

Nhà sư đi mãi rồi cũng đến Tây-trúc. Nhưng khi phủ phục trước Phật đài nói lên nỗi thắc mắc của mình vì sao chưa được đắc đạo thì bỗng nhiên trên điện cao có tiếng vọng xuống bảo chàng: - "Còn thiếu một vật nữa mới thành chính quả". Sư rất đỗi kinh ngạc, cố ngước mắt nhìn lên một tí. Trên cao vòi vọi, sư thấy đức Phật ngự giữa tòa sen sáng chói, sau lưng có bóng dáng hai người tựa hồ như hai mẹ con Ác Lai. Sư bỗng hiểu hết: Đức Phật đã rõ sự thiếu thành thực, thiếu tận tâm của mình rồi; còn mẹ con Ác Lai nay đã thành chính quả chỉ là nhờ trong một lúc, ngộ đạo mau lẹ và chân thành. Sư nằm phục vị hồi lâu, lòng thẹn thò vô kể.

*
* *

Nhà sư ta sau đó lại trở về chốn cũ để tìm lại bộ lòng. Tuy biển mênh mông sâu thẳm, nhưng sư cũng cố lặn hụp để mong thấy lại món quà dâng Phật mà Ác Lai gửi cho mình. Sư nghĩ chỉ có làm thế mới dám nhìn lại mẹ con Ác Lai và hy vọng tới gần tòa sen đức Phật. Sư bơi lên lặn xuống mãi. Sau đó sư hóa làm loài cá mà người ta vẫn gọi là cá he[1], cũng gọi là cá nược hay có nơi gọi là cá ông sư. Vì cho đến ngày nay dòng dõi loài cá đó con nào con ấy có cái đầu trọc như đầu ông sư và vẫn làm cái việc của nhà sư, nghĩa là chúng đi hàng đàn, cứ lặn xuống nổi lên luôn không chịu nghỉ.

Những người đánh cá còn nói loài cá he rất ghét những ai trêu chọc mình. Ai trêu chọc nghĩa là gợi lại chuyện cũ của tổ tiên chúng nó, chúng nó sẽ làm cho đắm thuyền rách lưới. Trái lại, ai khen ngợi reo hò thì chúng nó sẽ lặn xuống nổi lên nhiều lần cho mà xem[2].

KHẢO DỊ

Truyện kể trên lưu hành ở miền Nam. Nhân dân miền Bắc kể chuyện này cũng một nội dung nhưng khác tên gọi. Đó là *Sự tích chim bìm bịp*:

Một sư nữ chân tu, ăn chay niệm Phật bao nhiêu năm ròng mà chưa đắc đạo. Một hôm, sư quyết định sang Tây-trúc để hỏi Phật duyên có vì sao.

Sau mấy tháng trời ngày đi đêm nghỉ, một ngày kia sư đến một khu rừng thẳm. Trời đã xế chiều, sức đã kiệt thì may sao, sư trông thấy một cái nhà bên đường. Nghe tiếng gõ cửa, một người đàn bà bước ra vội vã xua tay, bảo khách đi nhanh lên kẻo con mình là yêu, hễ bắt được người là ăn thịt. Nhưng thấy sư nữ năn nỉ quá, chủ nhân lấy cơm cho ăn rồi bảo chui vào trong một cái vại đậy lại cẩn thận.

Yêu con về đánh hơi thấy mùi thịt người, cố tìm cho kỳ được. Yêu mẹ thấy con sắp ăn thịt sư nữ thì hết lời khuyên can: - "Đó là một nhà tu hành. Nếu

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel) và Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
2. Theo *Thực nghiệp dân báo*.

con ăn thịt người ấy Phật sẽ không dung thứ". Nghe nói, yêu con dần dần tỉnh ngộ, bày tỏ sự hối hận của mình cho sư biết. Hắn đã ăn thịt mất rất nhiều người và bây giờ hắn muốn chuộc tội. Cuối cùng, yêu con hỏi sư nữ: - "Tôi muốn sửa lỗi để theo Phật. Chẳng hay dùng cái gì làm lễ ra mắt?" Đáp: - "Phật chỉ cần tấm lòng mà thôi!".

Thế là yêu con rút dao rạch bụng lôi cả ruột gan ra và nói: - "Nhờ chuyển giúp cho tôi vật này làm lễ dâng Phật". Sư nữ không ngờ hắn lại hiểu nhầm như vậy, đành nhận lời, quảy bộ lòng lên đường. Nhưng được mấy ngày bộ ruột nặng mùi quá không sao chịu được, sư nữ quên cả lời hứa, quẳng vào bụi rậm và tiếp tục đi nữa.

Đến Tây-trúc, khi nhà sư vào làm lễ thì đức Phật ở trên tòa sen bảo: - "Còn thiếu một vật nữa mới thành chính quả". Sư nữ hiểu ra, òa khóc, nói mình đã kiệt sức, không biết làm thế nào mà tìm được. Phật cho nàng hai chiếc cánh để đi cho chóng và bắt tìm cho ra.

Nhưng còn biết đâu mà tìm. Sư nữ khóc liên miên, ngày đêm chui rúc hết bụi này đến bụi khác, thỉnh thoảng lại lên tiếng than thở, phảng phất như tiếng "bìm bịp". Tìm không được, nhưng sư cứ phải tìm mãi. Rồi sau đó sư hóa thành một loại chim đầu đen, mình nâu, mắt đỏ như máu, người ta gọi là chim bìm bịp. Đó là hình dạng của sư nữ đầu chít khăn đen, mình mặc áo vải nâu già. Còn mắt đỏ là vì khóc nhiều mà sinh ra thế[1] (Xem thêm một truyện khác về bìm bịp ở mục **Khảo dị**, truyện số **16**).

Truyện *Sự tích cây phướn nhà chùa* cũng có nội dung giống hai truyện trên:

Xưa có một người chuyên môn ăn thịt người. Hắn đã từng bắt giết không biết bao nhiêu nhân mạng. Tuy hung ác vô đạo, nhưng hắn lại thờ mẹ rất có hiếu. Một hôm, có một nhà sư đi quyên giáo qua đó bị hắn bắt. Khi hắn sắp giết thịt thì mẹ hắn ra xin hộ cho nhà sư. Thấy mẹ nằn nì quá, hắn đành buông dao rồi hỏi sư làm gì và đi đâu. Nghe nhà sư kể chuyện, cả hai mẹ con rất hối hận về những tội ác từ trước đến nay. Hai mẹ con cũng muốn kiếm một vật cúng cho nhà chùa nhưng ngặt vì trong nhà chả có gì đáng giá cả. Nhưng người con đã tình nguyện nạp bộ lòng của mình đưa về cúng Phật. Vừa nói hắn vừa rạch bụng moi ruột đưa ra. Nhà sư cũng nhận lấy nhưng đến bờ suối thì quẳng luôn xuống nước. Có con quạ thấy vậy, tha bộ ruột ấy bay đến chùa, đậu trên ngọn cây kêu lên om sòm. Đức Phật rõ chuyện, khen thưởng con quạ mà phạt tội nhà sư. Đồng thời đưa hai mẹ con nhà kia lên trời thành Phật. Từ đó nhà

1. Theo *Trung Bắc chủ nhật* (1943).

chùa làm cây phướn để ghi nhớ việc ấy. Trên cây phướn bao giờ cũng tạc hình con quạ ngậm một tấm lụa dài độ hai ba mươi thước. Tấm lụa tượng trưng cho bộ ruột của người đã rạch bụng cúng Phật[1].

Tóm lại, ba cốt truyện trên có lẽ xuất phát từ một phật thoại và đã được sửa chữa tô điểm thành truyện cổ tích dân gian.

Theo *Mỹ Ấm tùy bút* thì mẹ Ác Lai được Phật độ cho làm Mụ Thiện. Ác Lai trở thành hai vị Hộ pháp được Phật cho giữ chùa mà ta thường gọi là ông Thiện ông Ác. Tại sao một người lại hóa thành hai? Đó là vì tuy là một nhân vật nhưng kể từ khi rạch bụng cúng Phật đã tách thành hai con người khác hẳn. Ông Thiện là hiện thân của quãng đời sau của Ác Lai (thời kỳ ngộ đạo). Ông Ác là hiện thân của quãng đời trước (chưa ngộ đạo).

Nhưng về sự tích cá he, không phải chỉ có mỗi một truyện trên kia. Lăng-đờ (Landes) trong sách đã dẫn, có sưu tập được hai truyện nữa, có những mô-típ khác hẳn với mấy truyện vừa kể.

Truyện thứ nhất tức là truyện *Con mụ lường* (xem truyện số **84**, tập **II**).

Truyện thứ hai:

Xưa có một cô gái con một nhà phú ông. Trong làng có một chàng học trò nghèo thỉnh thoảng đến nhà cô xin ăn. Dần dần cô gái phải lòng anh ta và ước hẹn có ngày nên vợ nên chồng. Nàng lấy trộm của cha mẹ một nén vàng đưa cho, bảo cố học thi đỗ, hứa sẽ chờ đợi. Người học trò cảm ơn và thề bồi với cô gái.

Không ngờ khoa thi năm ấy người học trò bị hỏng. Vừa buồn vừa thẹn, chàng bỏ đi xứ khác, quyết thi đậu mới trở về. Về phần cô gái nghe tin người yêu thi hỏng, lại dị biệt tích nên cũng rất chán nản. Sau cùng không thể chờ mãi được, cô phải kết hôn với một người nhà giàu trong vùng.

---

1. Theo Phan Kế Bính. *Việt-nam phong tục*. Về *Sự tích cây phướn nhà chùa*, ở Nghệ-an có người kể khác với truyện trên:

Xưa, đức Phật sai một người đi sang một nước khác để lấy kinh về cho mình. Người ấy đưa về đến nửa đường thì bị một con hổ ăn thịt (về tình tiết này, một người khác ở Cát-ngạn (Thanh-chương) kể rằng người ấy bị một con rùa lớn làm chìm mất thuyền kinh). Thấy kinh Phật tan tác giữa đường, một con quạ bèn tha về cho đức Phật. Để trả ơn quạ, đức Phật sai làm một cây nêu rất cao cho quạ đỗ trên đó. Về sau, nhà chùa thường trồng cây phướn, trên có quạ ngậm giải dài là vì thế (*Bản khai của xã Đức-mỹ*). Xem thêm **Khảo dị**, truyện số **136**, tập **III**.

Mãi đến bảy năm sau, người học trò mới thi đậu và được bổ làm quan. Tin rằng người yêu vẫn còn chờ mình, anh chàng vui vẻ tìm về quê hương. Khi biết nàng đã có chồng, chàng mới quyết định không gặp nữa.

Về phía người đàn bà nọ, nghe tin người yêu cũ đã đỗ đạt làm nên, lại có ý đi tìm mình, chắc là vẫn trung thành với lời thề xưa nên bỏ chồng tìm đến nhà người cũ. Anh chàng đón tiếp rất tử tế nhưng khi nghe nhắc lại lời ước cũ thì đáp: - "Nàng đến thăm tôi chơi thì được nhưng đến để lấy tôi thì không được. Hãy trở về với chồng cũ đi! Một người đàn bà không thể có hai chồng!". Không ngờ câu trả lời lại như vậy, người đàn bà thẹn quá đáp: - "Tôi tưởng anh còn nhớ lời ước cũ nên đã bỏ chồng đến gặp anh. Bây giờ còn mặt mũi nào trở về nữa". Nói đoạn nhảy xuống sông tự tử và hóa thành cá he. Người ta bảo khi cá nổi trên mặt nước thấy trời thì thẹn với trời phải lặn xuống để giấu đi, nhưng khi xuống nước thấy đất thì thẹn với đất phải nổi lên. Vì thế cá thành thói quen lặn xuống nổi lên không nghỉ.

Truyện thứ ba[1]:

Một ông hoàng có hai cô gái. Cô bé tên là Thị Quy, nhan sắc tuyệt trần. Có nhiều hoàng tử lân bang đến dạm hỏi nhưng đều bị từ chối. Nàng chỉ yêu có mỗi một chàng trai nhà nghèo bấy giờ lưu học ở kinh đô tên là Anh Linh. Hai người chỉ non thề biển hứa lấy nhau sau khi Anh Linh đã đỗ đạt.

Thấy Thị Quy từ chối, bọn hoàng tử lân bang tức giận, cùng cử binh đến đánh báo thù. Nhà vua sai ông hoàng, cha Thị Quy đi đánh và cuối cùng ông ta dẹp được.

Anh Linh thi đậu cao, được vua khen ngợi, ban cho một cái nhẫn quý, trên có khắc một câu đố. Vua bảo nếu giảng được sẽ gả công chúa và cho làm quan to. Thấy nét chữ ngoằn ngoèo, Anh Linh không hiểu gì cả, sau gặp được một người ăn mày, chàng cho ông lão nhiều tiền và nhờ đó được ông lão giảng hộ cho.

Vua ưng ước, cho làm quan đầu triều và gả công chúa cho chàng. Vì vua không có con trai nên ai lấy công chúa thì sẽ được nối ngôi. Biết được điều đó, Anh Linh vội nuốt lời hứa cũ với Thị Quy và nhận lời vua.

Thị Quy thất vọng nhảy xuống sông tự tử. Long vương thương nàng cho hóa thành cá he. Ngày nay cá còn giữ hình thù của cô gái bị phụ tình ở chỗ

1. Jam-mơ (Jammes). *Hồi ức về nước An-nam.*

có cặp vú như vú con gái và có tiếng kêu lao xao như tiếng rên rỉ của người phụ nữ khóc than cho thân phận.

Đáng để ý tình tiết: nhà sư gặp yêu tinh ăn thịt người, nhưng lại nhờ có bà mẹ của yêu tinh cứu cho khỏi chết, v.v... Tình tiết này khá phổ biến ở một số truyện cổ tích phương Tây mặc dầu mỗi nơi lồng vào một cốt truyện khác nhau. Truyện *Ba sợi tóc vàng của chúa quỷ* của Pháp, Bỉ, Đức, Ý, v.v... là một trong những truyện đó (xem **Khảo dị**, số **136**, tập **III**, truyện *Người dân nghèo và Ngọc Hoàng*). Người Nga có truyện *Hoàng tử em rể chó sói* cũng có loại tình tiết này:

Một hoàng tử có người anh rất sợ vợ và thường bị vợ hành hạ. Mỗi lần thấy chị dâu bắt anh mình làm việc gì khó thì hoàng tử thường về nhờ vợ - em gái Sói thần hóa thành người - giúp đỡ. Lần thứ ba, chị dâu bắt người anh phải đi tìm thanh gươm của Sói thần. Hoàng tử tìm đến nhà Sói thần. Bà mẹ Sói thần giúp hoàng tử nấp vào một chỗ kín để khi Sói thần về khỏi bị ăn thịt. Sói thần về đánh hơi thấy hơi người, hỏi mẹ: - "Đã lâu không được ăn thịt người, nào đưa thịt cho con ăn đi". Người mẹ nói: - "Làm gì có người, con bay khắp nơi nên có hơi người đấy". Sói thần tìm tòi một lúc không được bèn nằm nghỉ. Khi thấy con đã dìu dịu, mẹ mới đưa hoàng tử ra. Nhưng Sói thần vẫn đòi ăn thịt. Hai bên đánh bài, hoàng tử thua, sắp bị ăn thịt nhưng nhờ chiếc khăn của vợ nên Sói thần nhận ra là chồng của em gái. Cuối cùng hoàng tử đem được gươm của Sói thần về và chữa cho người chị dâu trở nên hiền lành[1].

1. Theo *Truyện dân gian Nga* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

14. SỰ TÍCH CON SAM

Ngày xưa có hai vợ chồng một người đánh cá nghèo. Một hôm người chồng ra khơi với bạn nghề. Không may có một trận bão rất lớn nổi lên giữa lúc họ đang thả lưới. Không một người nào thoát khỏi tai nạn.

Tin dữ về đến làng, tất cả mọi gia đình đánh cá đều đau khổ. Tiếng khóc lan đi các nhà. Riêng người đàn bà lòng đau như cắt. Như điên như cuồng, bà bỏ nhà ra đi, hy vọng tìm thấy chồng. Bà cứ theo bờ biển đi, đi mãi. Trải qua hai ngày đến một hòn núi lớn. Bà trèo lên rồi vì mệt quá ngủ thiếp dưới một gốc cây.

Đang ngủ bỗng có một tiếng nổ dữ dội. Bà choàng dậy thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ đứng trước mặt mình, hỏi:

- Người là ai mà dám đến nằm trước nhà ta?

Người đàn bà mếu máo đáp:

- Tôi đi tìm chồng. Cụ làm ơn chỉ giúp kẻo tôi nóng lòng nóng ruột quá!

Cụ già nói:

- Ta là thần Cây. Thấy nhà ngươi chung tình ta rất thương. Vậy ta báo cho biết là chồng ngươi còn sống, hiện ở ngoài hải đảo.

Nói rồi, ông cụ trao cho người đàn bà một viên ngọc và bảo:

- Ngươi hãy ngậm viên ngọc này vào miệng thì sẽ bay qua được biển để gặp chồng. Nhưng phải nhớ là nhắm mắt ngậm miệng kẻo rơi ngọc mà nguy đó.

Ông cụ nói xong biến mất. Bà ta lấy ngọc ngậm vào miệng và nhắm mắt lại. Thốt nhiên trời bỗng nổi gió ù ù. Bà thấy người như nhẹ bổng,

hai bên tai nghe tiếng vo vo. Được một lúc sau thấy chân chấm đất, bà mở mắt ra thì thấy mình đang đứng trên một bãi cát lạ mà gió bấy giờ đã lặng. Trông thấy chồng ngồi co ro trên bãi, bà mừng quá. Hai vợ chồng hàn huyên một hồi lâu rồi mới tính chuyện trở về làng cũ.

Người chồng ôm ngang lưng vợ để vợ đưa qua biển cả. Lòng người vợ sung sướng không thể nói hết. Vì thế, bà ta đã quên mất lời của thần Cây dặn. Miệng mắc ngậm ngọc nhưng bà vẫn cố hỏi chuyện chồng. Đột nhiên viên ngọc văng ra giữa không trung. Bà chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi cả hai vợ chồng đều sa xuống biển. Rồi đó họ hóa thành những con sam.

Ngày nay, những con sam thường đi cặp đôi ở dưới nước, lúc nào con sam đực cũng ôm lấy con sam cái như khi chồng ôm vợ để bay qua biển[1].

Có câu tục ngữ "Thương như sam", là do truyện này mà ra.

1. Theo Nguyễn Duy. *Truyện cổ Việt-nam.*

15. SỰ TÍCH CON DÃ TRÀNG

Có hai vợ chồng một ông già tên là Dã Tràng. Trong vườn họ có một hang rắn. Thường ngày làm cỏ gần đấy, ông già vẫn thấy có một cặp vợ chồng rắn hổ mang ra vào trong hang.

Một hôm, con rắn chồng bò ra khỏi hang một mình. Ông nhìn thấy rắn vợ nằm cuộn ở trong. Vì mới lột nên mình mẩy nó yếu ớt không cựa quậy được. Một lúc lâu, rắn chồng bò trở về, miệng tha một con nhái đút cho vợ ăn.

Ít lâu sau, Dã Tràng lại thấy rắn vợ bò ra khỏi hang một mình. Lần này rắn chồng đến kỳ lột nằm im thim thíp, lốt da cũ còn bỏ lại bên hang. Hồi lâu, rắn vợ trở về, theo sau có một con rắn đực khác khá lớn. Dã Tràng thấy hai con bò đến cửa hang thì dừng lại rồi quấn lấy nhau như bện dây thừng. Một lát sau, con rắn đực một mình bò vào hang.

Dã Tràng biết con rắn đực này toan làm gì rồi. Ông cảm thấy ngứa mắt, muốn trừ bỏ con rắn đó đi để cứu con rắn chồng đang lúc suy nhược. Lúc đó bên mình không có cái gì cả, ông bèn rút một mũi tên nhằm con rắn mới, bắn ngay một phát. Không ngờ mũi tên lại trúng vào đầu con rắn vợ chết tươi, còn con kia hoảng hồn chạy mất. Dã Tràng nghĩ cũng thương con rắn cái nhưng trong thương có lẫn cả giận, nên ông chán nản bỏ đi về nhà. Từ đó, ông không thèm để ý đến hang rắn nữa.

Chừng dăm ngày sau, một hôm, Dã Tràng nằm võng thuật chuyện vợ chồng con rắn cho vợ nghe và vui miệng, ông kể luôn những việc mình đã thấy và đã làm. Ông kể vừa dứt lời thì bỗng nghe trên máng nhà có tiếng phì phì. Cả hai người hốt hoảng nhìn lên thì thấy có một con rắn hổ mang rất lớn, đuôi quấn lấy xà nhà, đầu vươn tới gần chỗ ông nằm, miệng nhả một viên ngọc. Ông vừa cầm lấy thì bỗng nghe được tiếng rắn nói:

- Ông là ân nhân mà tôi cứ ngỡ là kẻ thù. Mấy hôm nay tôi đợi ông trên máng này chỉ chực mổ chết để báo thù cho vợ tôi. Nhưng vừa rồi nghe ông kể chuyện rõ ràng, tôi mới biết là lầm. Xin biếu ông viên ngọc nghe này. Đeo nó vào mình thì có thể nghe hiểu được mọi tiếng muông chim ở thế gian.

Từ kinh ngạc đến sung sướng, Dã Tràng nhận viên ngọc quý và từ đó không bao giờ rời.

*

* *

Một hôm, Dã Tràng đang hái rau, bỗng có một bầy quạ đến đậu ở mấy ngọn cau nói chuyện lao xao. Chúng nó bảo Dã Tràng như thế này: - "Ở núi Nam có một con dê bị hổ vồ. Hãy lên đó lấy về mà ăn nhưng nhớ để lòng lại cho chúng tôi với". Dã Tràng làm theo lời quạ, quả thấy xác một con dê trên núi Nam. Ông xẻo lấy một ít thịt xâu lại xách về. Đến nhà, ông vội mách cho xóm giềng biết mà đi lấy, không quên dặn họ để bộ ruột dê lại cho bầy quạ. Nhưng ông không ngờ người trong xóm nghe tin ấy đua nhau đi đông quá, thành ra họ lấy hết cả, chẳng chừa một tý gì.

Lũ quạ không thấy ruột dê, cho là Dã Tràng đánh lừa, bèn đổ xô đến vườn ông réo lên om sòm. Thấy vậy, ông biết là người trong xóm đã làm hại mình không giữ chữ tín với bầy quạ. Ông phân trần mấy lần nhưng bầy quạ không nghe, cứ đứng đó chửi mãi.

Tức mình, ông bèn lấy cung tên ra bắn vào chúng. Chủ ý là để đuổi chúng đi chứ không định giết. Chẳng ngờ bầy quạ thấy vậy cho là ông lấy oán trả ân, liền cắp lấy mũi tên có đề tên Dã Tràng ở đuôi, tìm dịp báo thù. Lúc bay qua sông thấy một cái xác chết trôi, đàn quạ bèn đem mũi tên cắm vào yết hầu xác chết. Khi quan sở tại đến làm biên bản, thấy mũi tên, liền đoán Dã Tràng là thủ phạm, sai lính bắt ông hạ ngục.

Dã Tràng bị bắt bất ngờ, hết sức kêu oan, nhưng mũi tên là một chứng cớ sờ sờ làm cho ông đuối lý, đành chịu chui đầu vào gông. Tuy nhiên, ông vẫn một mực xin quan xét nỗi oan uổng. Thấy vậy, quan sai lính giải ông về kinh để vua phân xử.

Từ đề lao tỉnh, ông lại bị điệu đi. Dọc đường trời tối bọn lính dừng lại quán ăn uống và nghỉ ngơi. Dã Tràng cổ bị gông, chân bị xiềng nằm trên đống rơm buồn rầu không ngủ được. Lúc trời gần rạng, ông nghe có một đàn chim sẻ bay ngang đầu nói chuyện với nhau: - "Nhanh lên! Chuyến này sẽ không lo đói nữa mà cũng chả sợ ai đánh đuổi cả". Một con khác hỏi: - "Của ai mang đến bỏ vương vãi thế nhỉ?". Con nọ trả lời: - "Của vua nước bên kia. Họ toan kéo sang đánh úp nước bên này. Ngày hôm qua quân đội giáo mác kéo đi liên miên không ngớt. Nhưng xe thóc vừa sắp đến biên cương thì bị sụp hầm đổ hết. Họ đang trở về lấy thứ khác, cho nên chúng mình tha hồ chén".

Nghe đoạn, chờ lúc bọn lính đến dẫn ông lên đường, Dã Tràng bảo họ:

- Xin các ông bẩm lại với quan rằng việc của tôi là việc oan uổng và nhỏ mọn không nên bận tâm, mà giờ đây có một việc quốc gia trọng đại và cấp bách nữa, cần tính liệu gấp.

Bọn lính tra gạn ông mãi nhưng ông không nói gì thêm, chỉ nài rằng hễ có mặt quan mình mới tỏ bày rõ ràng.

Khi gặp mấy vị quan đầu tỉnh, Dã Tràng liền cho họ biết rằng vua Hiền Đế ở phương Bắc đã sai tướng cầm quân sang đánh úp nước mình. Hiện họ đang đóng quân đầy ở biên giới, chỉ vì bị sụp hầm, xe lương đổ hết, chưa tấn công được. Bây giờ họ đang vận thêm lương, chờ đầy đủ sẽ vượt cửa ải sang Nam.

Bọn quan tỉnh lấy làm lo lắng nhưng cũng gạn hỏi ông có dám chắc như vậy không. Dã Tràng chỉ vào đầu mình đoan rằng nếu nói sai, ông sẽ xin chịu chết. Nhưng nếu lời của ông đúng thì xin bề trên phóng thích cho ông. Ngay lúc đó, những tên quân do thám được tung đi tới tấp mọi ngả để lấy tin. Chỉ nội ngày hôm sau, Dã Tràng đã được thả vì lời mách của ông quả đúng và vừa vặn để chuẩn bị đối phó với địch.

Được tha, Dã Tràng đi bộ lần về quê nhà. Bóng chiều vừa ngả, ông mới đến vùng Hồng-hoa. Ông tìm vào nhà người bạn rất thân là Trần Anh nghỉ chân.

Gặp lại bạn cũ, vợ chồng Trần Anh vui mừng khôn xiết. Nghe tin ông bị tra tấn giam cùm và suýt mất đầu, hai vợ chồng rất thương cảm.

Thấy bữa ăn tối thết bạn không có gì, Trần Anh xuống bếp bảo vợ:

- Bạn ta đến lại gặp lúc trong nhà chả có gì ăn. Sẵn có cặp ngỗng, con nó đã khôn, ta làm thịt một con, ngày mai đãi bạn lên đường.

Người vợ bằng lòng nhưng dặn chồng sáng dậy sớm bắt ngỗng và cắt tiết vặt lông giúp mình một tay.

Trong khi hai vợ chồng bàn tính thì cặp ngỗng ở ngoài chuồng nghe được câu chuyện. Ngỗng trống bảo ngỗng mái: - "Mình ôi! Mình hãy ở lại nuôi con, tôi sẽ đứng sẵn cho chủ nó bắt". Ngỗng mái không nghe, xin chết thay chồng. Nhưng ngỗng trống nhất quyết hy sinh, nên chạy ra sân từ giã đàn con: - "Con ơi! Các con ở lại với mẹ nghe. Cha sẽ không bao giờ gặp lại các con nữa". Song ngỗng mái vẫn lạch bạch chạy theo, đòi chết thay chồng cho bằng được.

Lúc bấy giờ Dã Tràng nằm trên bộ ván đặt kề cửa sổ nên nghe được tiếng ngỗng than thở. Ông bỗng thấy thương con vật vô tội chỉ vì mình mà phải lìa đàn con bé bỏng. Ông toan nói trước với bạn, nhưng thấy bất tiện. Ông đành nghe ngóng ở chỗ chuồng ngỗng chờ lúc bạn ra bắt thì sẽ cản lại.

Suốt đêm hôm đó tuy mệt mà ông không dám ngủ. Quả nhiên, vào khoảng canh tư, Trần Anh thức dậy bước ra chuồng. Ngỗng trống xua ngỗng mái chạy rồi vươn cổ để cho bắt. Khi Trần Anh sắp cắt cổ ngỗng thì Dã Tràng đã lật đật chạy xuống bếp nắm lấy dao. Ông nói:

- Xin bạn thả nó ra. Tính tôi không hay sát sinh. Tình thân của đôi ta lọ phải cố bàn mới thân. Nếu bạn giết nó thì tôi lập tức đi khỏi chỗ này.

Thấy bạn có vẻ quả quyết, Trần Anh đành thả ngỗng ra, rồi giục vợ chạy đi mua tép về đãi bạn.

Cơm nước xong, Dã Tràng từ giã bạn lên đường về nhà. Đến ao, ông đã thấy vợ chồng ngỗng cùng với bầy con đứng chực ở đấy. Ngỗng đực tặng Dã Tràng một viên ngọc và nói:

- Đa tạ ân nhân cứu mạng. Không biết lấy gì báo đền, chúng tôi xin tặng người viên ngọc này, mang nó vào người có thể đi được dưới nước

dễ dàng không khác gì trên bộ. Nếu đem ngọc này xuống nước mà khoắng thì sẽ rung động đến tận đáy biển.

Ngống lại nói tiếp:

- Còn như con tép là vật đã thế mạng chúng tôi thì từ nay, dòng dõi chúng tôi sẽ xin chừa tép ra không ăn, để tỏ lòng nhớ ơn!

Dã Tràng không ngờ có sự báo đáp quá hậu như thế, sung sướng nhận lấy ngọc rồi về.

Khi đến bờ sông, Dã Tràng muốn thử xem công hiệu của viên ngọc mới, liền cứ để nguyên áo quần xuống nước. Thì lạ thay nước rẽ ra thành một lối cho ông đi thẳng xuống đáy sông. Ông dạo cảnh hồi lâu rồi cầm viên ngọc khoắng vào nước nhiều lần thử xem thế nào.

Hôm đó, Long vương và các triều thần đang hội họp ở thủy phủ bỗng thấy nhà cửa lâu đài và mọi kiến trúc khác bỗng nhiên rung động cơ hồ muốn đổ. Ai nấy đều nháo nhác không hiểu duyên cớ. Vua lập tức truyền cho bộ hạ đi dò la sự tình.

Bộ hạ Long vương đi theo con đường sóng ngầm lọt vào cửa sông thì thấy Dã Tràng đang cầm ngọc khoắng vào nước. Mỗi một lần khoắng như thế, họ cảm thấy xiêu người nhức óc. Tuy biết đích là thủ phạm, họ cũng không dám làm gì, chỉ tiến đến dùng lời nói khéo mời ông xuống chơi thủy phủ.

Gặp Long vương, Dã Tràng cho biết đó là mình chỉ mới làm thử để xem phép có hiệu nghiệm chăng. Long vương và triều thần nghe nói, ai nấy đều xanh mắt. Nếu hắn làm thật thì thế giới thủy phủ sẽ còn gì nữa! Vì thế, Long vương đãi Dã Tràng rất hậu. Ông muốn gì có nấy. Cho đến lúc ông ra về, Long vương còn đem vàng bạc tống tiễn rất nhiều để mong ông nể mặt.

Dã Tràng lên khỏi nước có bộ hạ của Long vương tiễn chân về tới tận nhà mới trở lại. Bà con xóm giềng thấy ông đã không việc gì mà lại trở nên giàu có thì ai cũng lấy làm mừng cho ông. Từ đó Dã Tràng rất quý hai viên ngọc. Ông may một cái túi đựng chúng và luôn luôn đeo ở cổ.

*

* *

Một hôm Dã Tràng đi bộ nửa ngày đường đến nhà một người bà con ăn giỗ. Lúc đến nơi, Dã Tràng sờ lên cổ giật mình mới nhớ ra vì vội quá nên ông đã bỏ quên mất túi ngọc ở nhà. Ông không thể nào còn an tâm ngồi ăn được. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên thấy ông vừa chân ướt chân ráo đến nơi đã vội cáo từ về ngay.

Nhưng khi về đến nhà, ông tìm mãi vẫn không thấy túi ngọc đâu cả. Ông rụng rời cả người. Đi tìm vợ, vợ cũng không thấy nốt. Nóng ruột, ông lục lọi khắp nơi. Cuối cùng ông bắt được một mảnh giấy do vợ viết để lại gài ở chỗ treo áo. Trong đó, vợ ông nói rằng có người của Long vương lên bảo cho biết hễ ai bắt được túi ngọc đưa xuống dâng Long vương thì sẽ được phong làm hoàng hậu. Bởi vậy bà ta đã trộm phép ông đưa túi ngọc xuống thủy phủ rồi, không nên tìm làm gì cho mệt.

Đọc xong thư vợ, Dã Tràng ngất đi. Ông không ngờ vợ ông lại có thể như thế được. Ông cũng không ngờ âm mưu của Long vương thâm độc đến nước ấy. Nghĩ đến hai thứ bảo vật, ông tức điên ruột. Sau cùng, ông dự tính chở cát lấp biển thành một con đường đi xuống thủy phủ để lấy lại túi ngọc vì ông còn nhớ rõ đường lối đến cung điện của Long vương. Mặc dầu mọi người can ngăn, ông cũng không nghe, bèn dọn nhà ra bờ biển để làm công việc đó. Ngày ngày ông xe cát chở đến bờ quyết lấp cho bằng được.

Cho tận đến chết, Dã Tràng vẫn không chịu bỏ dở công việc. Chết rồi ông hóa thành con còng còng hay cũng gọi là con dã tràng, ngày ngày xe cát để lấp biển[1].

Tục ngữ có câu:

Dã tràng xe cát biển Đông,
Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì.

hay là:

1. Theo báo *Tân văn* (1935).

Công dã tràng hàng ngày xe cát,
Sóng biển dồn tan tác còn chi[1].

hay là:

Con còng còng dại lắm không khôn,
Luống công xe cát sóng dồn lại tan.

Người ta nói ngày nay loài ngỗng sở dĩ không bao giờ ăn tép là vì chúng nó nhớ ơn loài tép đã thế mạng cho tổ tiên mình ngày xưa. Họ còn nói loài ngỗng có một cái mào trắng trên đầu là dấu hiệu để tang cho Dã Tràng để nhớ ơn cứu mạng[2].

KHẢO DỊ

Đoạn đầu truyện này tương tự với truyện ngụ ngôn *Con cua* mà một tác giả vô danh đã đặt thành vè gọi là vè *Con cua* hay *Triều đương cố sự phú.*

Ông Trương Thủ Chí đi câu dọc ghềnh thường thấy hai con cua nọ đi ăn với nhau. Một hôm cua vợ đến kỳ lột, non da non thịt, yếu đuối không đi được. Lúc đó chỉ một mình cua chồng tha mồi về cho vợ rồi lại nằm ngoài cửa hang canh gác kẻo sợ những con cua khác đến ăn thịt.

Đến khi cua chồng lột nằm một chỗ, cua vợ đã không chăm sóc lại còn rủ chúng bạn tới ăn thịt chồng[3].

... Cua dực lại tứ chi chuyển lột,
Tay chân yếu mười phần còn một,
Xương thịt mòn muôn mạch đều không,
Lòng những tin có vợ nuôi chồng,
Hay đâu nỗi say trai đắm gái.
Nhớ thù quên ngãi,
Nhớ oán quên ân,

1. Câu này ở Nam-bộ có người đọc: *Sóng ba đào ai xét công cho.*
2. Đoạn này theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
3. Theo Trương Vĩnh Ký. *Chuyện đời xưa*, truyện *Nhơn vật dạo đồng.*

Vào trong hang cắt thịt xé thân,
Ra ngoài cửa ăn tươi nuốt sống...[1].

Ông bèn đem điều thấy được tâu lên vua. Vua có ý định thử xem giữa người với cua có giống nhau chăng, mới cho rao khắp thiên hạ: hễ người nào có gan giết được vợ thì sẽ: "Ngôi nhất phẩm quyền phong nhất thế; chức tam công lộc hưởng thiên niên". Có một anh lực sĩ hám chức cao quyền trọng, liền đến lĩnh bảo kiếm nhà vua về định giết vợ, nhưng khi nhìn vào khe cửa thấy vợ nựng con: thương cha con hiện đang ở chốn sa trường sương gió, v.v... thì không nỡ hạ thủ, bèn trở về cung tự trói mình chịu tội.

Vua lại cho rao khắp thiên hạ: ai giết được chồng chém đầu đem nạp bệ rồng thì sẽ "phong chức hoàng tôn quận chúa". Có một nàng Nữ tố nghe vậy bèn giết chồng, đưa thủ cấp đến nạp mong lĩnh thưởng. Nhưng vua ra lệnh phân thây Nữ tố và tha bổng lực sĩ.

Đoạn giữa truyện *Sự tích con dã tràng* chịu ảnh hưởng của tích Công Dã Tràng trong *Luận ngữ* của Khổng Tử. Thiên V sách đó chép: "[Khổng] Tử bảo Công Dã Tràng là người có thể gả con gái được. [Tràng] tuy bị mắc trong vòng dây trói nhưng không phải tội do mình làm. Bèn đem con gái gả cho [Tràng]".

Người ta giải thích rằng: Công Dã Tràng là người nước Lỗ, học trò Khổng Tử, hiểu biết tiếng chim. Nhà ông nghèo không đủ ăn. Một hôm có con chim bay tới nhà kêu rằng: - "Công Dã Tràng! Công Dã Tràng! Cọp bắt dê ở núi Nam, người ăn thịt, ta ăn gan. Phiên phiến lên, chó dùng dằng!". Công Dã Tràng lên núi bắt được dê đưa về làm thịt ăn. Không ngờ người chủ mất dê từng làm dấu riêng ở sừng. Khi nhận được sừng dê ở nhà Công Dã Tràng, hắn cho là ông đã ăn trộm dê của mình bèn đi cáo với Lỗ công.

Công Dã Tràng kể rõ sự tình cho Lỗ công biết, Lỗ công không tin là thực, bắt ông bỏ vào nhà giam. Khổng Tử biết Công Dã Tràng là người ngay thật, đi minh oan cho ông, nhưng Lỗ công cũng không tha. Khổng Tử than rằng: - "Ở chốn cùm trói, lẽ đâu không có người ngay mắc nạn".

Không bao lâu con chim ấy lại bay tới nhà ngục kêu rằng: - "Công Dã Tràng! Công Dã Tràng! Người nước Tề đem binh sang! Sông Nghi-thủy ở đầu đàng, kíp ngăn ngừa chớ nguy nan!". Công Dã Tràng bèn nói lại với người cai ngục phi báo cho Lỗ công biết. Lỗ công sai quân đi do thám quả có quân Tề

1. Về *Con cua*.

sắp sang đánh. Lỗ công mới biết Dã Tràng bị tội oan, bèn tha cho ông, cấp cho nhiều tiền bạc. Lại phong cho ông làm đại phu, nhưng Công Dã Tràng cho là nhờ chim mới được làm quan nên không chịu nhận[1].

Hoàng Khản giải rằng: Công Dã Tràng là người biết được tiếng chim. Một hôm từ nước Vệ trở về Lỗ thấy một bà già đứng bên đường khóc, ông hỏi vì sao mà khóc thì bà ta nói: - "Tôi đợi con tôi mãi mà không thấy nó về". Công Dã Tràng mách: - "Tôi mới nghe một bầy chim gọi nhau sang làng kia ăn thịt người, vậy có lẽ là con bà đó chăng?".

Người đàn bà liền sang làng ấy tìm con thì quả nhiên có thật. Bà ta kiện quan, cáo Công Dã Tràng vào tội giết người. Dã Tràng kêu oan, quan không nghe, tống giam và hẹn rằng: - "Nếu cho quan trên thấy chứng có, đúng sẽ tha".

Công Dã Tràng ở trong ngục được 60 ngày. Một hôm ông nghe trên mái nhà có bầy hoàng tước nói với nhau chíu chít. Ông cười ầm lên. Chủ ngục hỏi vì sao mà cười. Dã Tràng đáp: - "Tôi nghe chúng nói: Bên bến Bạch-lưu, có xe chở lúa, trâu nọ gẫy sừng, lúa đổ tóe loe. Họ hốt còn dư, ta đi ăn chừ". Chủ ngục tới nơi thấy quả như thế bèn báo với quan. Quan tha bổng cho Dã Tràng.

Về *Sự tích con dã tràng*, người Nghệ-an cũng kể như trên kia, trừ một vài chi tiết hơi khác, ví dụ lúc ông bị giam, không phải nghe chim sẻ nói chuyện, mà nghe một bầy kiến nói với nhau về cái tin kho lúa đổ.

Về chỗ quạ báo tin cho Dã Tràng có thịt dê có một đoạn văn vần:

Ông Dã Tràng, ông Dã Tràng,
Có dê chết bên sông nằm dọc đàng.
Ông ra đem về ông ăn lấy thịt, cho tôi
cái nội tràng.
Cho vội vàng! Cho vội vàng! [2].

Theo sưu tầm của Lăng-đờ (Landes), thì nội dung truyện *Người hiểu tiếng loài vật* chỉ là phần đầu của truyện *Sự tích con dã tràng* nói trên, nhưng có thêm một đoạn như sau:

Sau khi làm chủ viên ngọc do rắn chồng tặng, anh chàng (ở đây không nói tên Dã Tràng) bỗng hiểu được tiếng loài vật, như chim, kiến và các thú vật

1. Theo Paulus Của. *Chuyện giải buồn.*
2. *Bản khai của thôn Hướng-dương.*

khác... Anh không dám nói sự thật với vợ vì nếu nói thì viên ngọc sẽ biến mất. Một hôm, người vợ đang ngồi ở góc nhà, anh nghe những con kiến nói với nhau: - "Sắp có trận lụt, phải lên cao mà ở mới được". Thấy chồng cười một mình, vợ gặng hỏi lý do. Chồng nhất định không nói. Vợ giận quá mà chết. Chồng buồn vì cái chết của vợ mới đến nhà bạn chơi cho khuây khỏa[1].

Nguyễn Văn Tố[2] và Bô-trô Rút-xen (Botreau Roussel)[3] đã kể ra một số dị bản của truyện trên như sau:

Truyện của người Lào: *Ông vua hiểu tiếng loài vật*: Vua Kê-cay-a một hôm đi qua bờ ao thấy con gái của vua Thủy tề (Na-ga-ray-a) tằng tịu với một con rắn nước. Tức mình vua giết chết con rắn và quật cho cô gái mấy gậy vào lưng. Cô gái về khóc lóc với cha. Vua Thủy tề nổi giận, chạy đến định tìm giết kẻ thù, nhưng khi đang rình ở cung vua Kê-cay-a thì bỗng nghe vua kể lại cho hoàng hậu chuyện ông ta gặp con gái mình tình tự với rắn, chuyện nhà vua tự tay giết rắn và đánh công chúa như thế nào. Vua Thủy tề bèn quay về hỏi lại con gái. Cô này thú thật. Thế là đổi giận thành mừng, vua Thủy tề liền tìm đến cung vua Kê-cay-a lần nữa dưới dạng một người bà-la-môn, hỏi vua mong ước gì thì giúp. Vua Kê-cay-a chỉ muốn biết tiếng loài vật. Vua Thủy tề sẵn lòng truyền cho phép lạ nhưng dặn chớ hở cho ai biết, nếu không thì chết tức khắc.

Một hôm vua Kê-cay-a sai đặt ngai vàng trên một cái nền nện chặt trát kín, bỗng nghe một lũ kiến trong nền nói vọng ra: - "Hãy hợp sức nhau lật đổ cái ngai của tên vua này!". Vua cười một mình. Hoàng hậu hỏi vì sao có cái cười bất thường. Vua không nói. Hoàng hậu vật nài mãi. Vua bảo nếu nói ra thì chết mất. Hoàng hậu bảo nếu không chịu nói thì mình cũng chết. Vua đành hứa sẽ nói trong một dịp tới.

Một hôm khác vua đang đi chơi gặp hai vợ chồng con dê. Dê vợ bảo dê chồng lội ra giữa ao lấy cho mình một ít cỏ non, nếu không thì chết. Dê chồng

1. Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn. Theo sưu tầm của Nguyễn Văn Tố thì truyện còn có thêm một đoạn nữa là khi đến nhà bạn, bạn định làm thịt ngỗng đãi anh, nhưng vì nghe tiếng vợ chồng ngỗng than thở nên anh cố chối từ, vì thế ngỗng không bị đưa làm thịt. Cho nên khi anh chết lũ ngỗng để trở có cái mào trắng trên đầu (Một truyện kể của cổ tích *Người hiểu tiếng loài vật* trong tập san của Hội Đông-dương nghiên cứu về con người (*IIEH*) tập VI, 1943).

2. Một truyện kể của cổ tích *Người hiểu tiếng loài vật*, đã dẫn.

3. *Người hiểu tiếng loài vật* (cổ tích Lào và cổ tích Goa-đơ-lúp (Goadeloupe) xuất phát từ *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra) Ấn-độ)* trong *IIEH*, đã dẫn.

mắng ngay: - "Tao chả dại chết đuối trong ao sâu. Mụ cứ chết đi có hơn không. Tao có ngu ngốc như lão vua kia đâu mà cứ chiều vợ đến hy sinh tính mạng vô lý như thế".

Nghe nói vậy, vua Kê-cay-a trở về đuổi vợ vào rừng[1].

Trong *Kinh Tam tạng* có truyện tương tự:

Ngày xưa con gái Long vương đi chơi trên trần bị một người chăn bò trói đánh. Vua nước ấy bắt gặp, sai cởi trói thả về. Về nhà, Long vương hỏi con gái tại sao lại khóc. Cô gái vu cho vua trên trần đánh. Long vương bèn hóa thành rắn tìm lên trần, nấp dưới giường vua, bỗng nghe vua nói với vợ: - "Hôm nay ta đi chơi gặp một cô gái bị đứa chăn bò đánh, được ta giải thoát cho".

Ngày hôm sau, dưới lốt người, Long vương đến gặp vua trần nói: - Ông đã làm một việc tốt là cứu con gái tôi. Nay ông muốn gì tôi sẽ cho nấy". Vua nói: - "Vật quý tôi đã có nhiều. Tôi chỉ muốn hiểu tiếng loài vật" - "Ông cứ trai giới trong 7 ngày sẽ được như ý. Nhưng phải giữ kín đừng cho ai biết". Từ đấy, vua trần quả nghe hiểu được tiếng muôn loài.

Một hôm đang ăn với hoàng hậu, vua bỗng thấy bướm cái bảo bướm đực kiếm cho nó thức ăn. Bướm đực trả lời ai kiếm nấy ăn. Bướm cái nói: bụng nó không muốn thế. Vua cười một mình. Hoàng hậu hỏi, vua nín lặng. Một lần khác, vua ngồi với hoàng hậu thấy hai con bướm gặp nhau, cãi nhau và cả hai đánh nhau rơi xuống đất. Vua lại cười. Hoàng hậu hỏi đến ba lần, vua đều không nói. Nhưng khi hoàng hậu dọa sẽ tự vẫn, thì vua dành bảo chờ mình đi dạo một lát rồi sẽ cho biết vì sao mà cười.

Để cảnh tỉnh vua trần, Long vương hóa thành một bầy dê lội sông. Một con dê cái gọi chồng trở lại đưa mình đi. Dê chồng nói không thể đưa được. Dê vợ cũng đòi tự tử và nói: - "Anh không biết có ông vua nước kia sắp chết vì vợ mình đó ư?". Dê chồng đáp: - "Ông vua ấy chết cho vợ là vì hắn ngốc. Mày cứ chết đi, ta không thiếu gì dê cái". Vua trần nghe nói thế, tự nghĩ mình thua sự sáng suốt của con dê đực. Lúc trở về hoàng hậu lại vật vã đòi tự tử. Vua đáp: - "Cứ chết đi, trong cung ta thiếu gì cung phi, cần gì một thứ mày"[2].

Truyện của Pháp: *Con gà trống dũng cảm*:

---

1. Truyện này từ sách *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra)* của Ấn-độ truyền vào Lào.

2. Sa-van (Chavanes). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn* trích từ *Kinh Đại tạng* Trung-quốc.

Một anh chàng nghèo khổ nhưng hay giúp người. Nhà anh chỉ có hai con cừu anh thường chăn trên đồi. Một hôm, anh đuổi theo đánh chết một con chó sói giành lại con cừu cho một cô gái chăn cừu. Cô gái cảm ơn và tặng anh một con chó. Hôm khác, nhờ có anh báo tin bão kịp thời cho bố cô gái chăn cừu nên ông cất dặt được gọn rơm rạ đang phơi. Ông ta khen anh và tặng một con gà trống. Hôm khác nữa, anh lại cứu một con rắn ra khỏi đống lửa. Rắn bảo anh đưa nó về nhà và dặn khi mẹ nó đền ơn thì cứ đòi biết tiếng loài vật. Mẹ rắn cho anh phép lạ ấy bằng cách thổi vào miệng và dặn anh chó có tiết lộ bí mật mà chết.

Sáng hôm sau, anh nghe hai con vật nói với nhau: - "Nếu anh chăn cừu kia biết có gì dưới chân mình thì anh ta sẽ đào ngay". Anh mượn cuốc đào thử thì được một thùng vàng. Từ đấy, anh trở nên giàu có, mua ruộng đất, làm nhà cửa, v.v... Lại mua trăm con cừu cho chó đi chăn, và một trăm gà mái cho gà trống cai quản. Anh lại hỏi cô gái chăn cừu nói trên làm vợ, và anh yêu vợ rất mực.

Một buổi chiều, anh cùng vợ đi xa về, con ngựa cái do vợ anh cưỡi đi chậm lại sau. Ngựa đực nói: - "Sao không đi nhanh, tao mà là bà chủ thì tao thúc mày" - "Tôi chở bà chủ mà tôi lại có đứa con trong bụng, đi nhanh sao được". Anh cười. Vợ hỏi: - "Sao lại cười". - "Đang nghĩ đến một chuyện" - "Chuyện gì?" - "Không thể nói được!". Vợ làm nũng. Anh lại nghe ngựa cái nói với ngựa đực: - "Mày chưa biết con ta dã lớn tướng rồi ư?! Nếu nó mà chạy được thì nó vượt xa mẹ nó". Anh cười to hơn trước. Vợ anh nổi cáu đòi bỏ chồng nếu chồng không chịu nói thật với mình. Chồng đáp: - "Điều này là điều cấm đối với tôi!" - "Anh hãy nói cho tôi biết đi!" - "Nếu nói thì tôi chết ngay" - "Hoặc anh nói cho tôi biết, hoặc tôi trả nhẫn cưới cho anh". Cuối cùng anh hứa sẽ nói cho vợ biết chuyện bí mật của mình khi về nhà.

Về đến nhà, anh bảo người nhà mang ra một cái hòm thửa sẵn như một cái áo quan. Anh nằm vào hòm rồi nói: - "Mình hãy nghĩ lại, tôi nói ra thì chết, vậy có đòi nói nữa không?" Vợ đáp: - "Không nói gì thì tôi sẽ đi". Theo phong tục, khi chủ sắp chết, người quản gia đặt vào tay chủ một cái bánh và một đồng xu. Mọi người hầu hạ trong nhà vây quanh lấy anh khóc ầm ỹ. Chó và gà cũng ở trong số đó. Nhưng gà đáng lý khóc thì lại gáy to. Chó nói: - "Sao chủ ta đã như thế mà mày còn rống ầm lên được?". Đáp: - "Vì chủ ta dốt nát nên tao muốn nói cho ông ta tỉnh ngộ" - "Mày định nói gì với ông ấy?" Gà

nhảy tới mổ miếng bánh trên tay chủ, rồi nói: - "Tao có một trăm con gà mái ở quanh tao, ấy thế mà không một con nào dám ăn một hạt nếu tao không cho phép".

Nghe đến đây, anh lập tức ngồi nhỏm dậy bước ra khỏi thùng, tháo cán chổi cho vợ một trận nên thân. - "Anh làm gì thế?" vợ nói - "Này, muốn biết ta cười gì này!"

Từ đó vợ anh không tò mò nữa, và làm việc lại hăng hơn trước[1].

Người Pháp ở Lo-ren (Lorraine) kể truyện trên, dưới đầu đề *Tiếng nói loài vật*:

Một người chăn cừu một hôm nằm dưới gốc cây thấy một con rắn nhờ mang mình lên rừng cho vua thú vật rồi muốn gì có nấy. Hắn giúp xong, chỉ xin biết tiếng loài vật. Hắn quả được như ý, với lời dặn: - "Tuyệt đối chớ lộ bí mật, nếu lộ là chết". Đêm lại, đang ngủ, bỗng nghe phía ngoài có con chó sói đang dỗ hai con chó nhà, hứa sẽ chia phần nếu để cho mình vào chuồng cừu. Một con bằng lòng, một con không. Hắn dậy giết chết con chó phản chủ. Hôm khác, hắn thấy một con diều mách cho một con quạ chỗ chôn một thùng vàng. Hắn quả đào được vàng, bèn về trả cừu cho chủ không chăn nữa, tiếp đó hỏi con gái của chủ làm vợ.

Một hôm, hai vợ chồng cưỡi ngựa đi thăm người cô ở làng bên cạnh. Hắn nghe hai con vật nói với nhau, một con nói: - "Mày hẳn là nặng nề vì mụ cưỡi mày có mang". Hắn phì cười. Thấy thế vợ hắn gặng hỏi, hỏi không được thì kêu gào khóc lóc. Cuối cùng hắn nói: - "Nếu nói thì tôi chết mất. Thôi hãy đợi ba ngày nữa để tôi đi từ giã bà con dã rồi sẽ nói cho biết". Ba ngày qua, trong khi hắn uống chén rượu cuối cùng với một người bạn thì một đàn gà trống bay đến cửa sổ gáy lên: - "Nếu chủ nghe ta thì không chết". Kết cục, hắn nghe lời của đàn gà không cần giữ lời hứa trước, và vợ hắn cũng không dám gặng hỏi nữa[2].

Truyện *Người hiểu tiếng loài vật* của người da đen ở Goa-đờ-lúp (Goadeloupe):

Có một người nghèo nhưng sống hiền lành. Một hôm anh cứu sống một con rắn ngắc ngoải về nạn cháy rừng. Được sống lại, rắn cảm ơn anh và

1. Theo Pua-ra (Pourra). *Kho tàng truyện cổ tích*, quyển III.
2. Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tơ-ne-đơ (Tenèze). *Truyện cổ dân gian Pháp*, quyển II.

bảo: - "Anh hãy liếm lưỡi tôi thì sẽ được truyền một phép màu là hiểu tiếng loài vật. Nhưng nếu anh nói với người khác thì sẽ chết ngay". Anh làm theo. Sau đó anh lấy vợ. Một hôm, cùng vợ ngồi trên một hòn đá ở bờ sông, nghe hai con chuột nói với nhau: - "Hai người này không biết rằng họ đang ngồi trên một kho vàng mà một nhà nào đông con cũng không thể ăn hết được". Anh cười một mình, vợ hỏi không được, giận bỏ đi tắm sông. Trong khi đó có hai con dơi nói với nhau: - "Nếu hai người này biết rằng có một luồng nước sắp đổ tới thì họ sẽ không tắm". Chồng vội bảo vợ lên ngay. Vợ vừa lên thì nước sông dâng cao làm trôi hòn đá ngồi lúc nãy. Tuy vậy, vợ cũng không nguôi giận. Dọc đường vợ bảo: - "Nếu anh không nói, tôi bỏ về cho mà xem". Chồng không đáp. Trong khi đó nghe hai con ngựa nói chuyện với nhau, chồng lại cười làm cho vợ càng thêm giận dỗi. Đến nhà, vợ khóc lăn giữa đất và gào lên: - "Mày muốn tao chết, tao đi đây!". Chồng dỗ dành: - "Nếu tôi nói thì tôi sẽ chết mất". Vợ vẫn không nguôi giận, chồng định nói sự thật, mới đi tìm một cái áo quan. Nhưng đúng vào lúc anh sắp nằm vào áo quan, bỗng nghe con chó nói: - "Chủ ta sắp chết vì con mụ ấy". Gà trống đáp: - "Kệ lão ấy. Nếu tôi mà là lão ấy thì tôi sẽ tống tiễn vợ bằng một trận mưa gậy vào lưng, rồi tôi lấy vợ khác".

Nghe thế, anh chàng hiểu tiếng loài vật liền ngồi dậy cầm gậy phang cho vợ một trận dòn dữ dội rồi tống ra khỏi cửa. Anh đi kiếm kho vàng dưới hòn đá chỗ hai con chuột nói lúc nãy, và từ đấy anh giàu có đến nỗi có nhiều người dàn bà chạy theo mình[1].

Có khá nhiều truyện khác tương tự các truyện trên, nổi bật là tình tiết người chồng biết tiếng thú vật nhưng nếu nói ra thì chết và người vợ không nén được tò mò như: truyện *Ha-ri-vam-xa* của đạo Bà-la-môn (vua Bra-ma-đát-ta hiểu tiếng loài vật không nói cho hoàng hậu biết); truyện mở đầu bộ *Nghìn lẻ một đêm* (con lừa, con bò và người cày ruộng); truyện *Bác-lam và Jô-da-phát;* truyện *Nang Tang-trai* của Thái-lan; hay truyện của người Lô-bi (Lobis) châu Phi (ở đây, người chồng biết tiếng loài vật vì thỏa mãn tính tò mò của vợ, nên bị chết[2]).

1. Bô-trô Rút-xen (Botreau - Roussel). Bài đã dẫn.

2. Xem thêm các dị bản truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* số **48**, tập **II**.

Còn có một loạt truyện khác cũng có nhân vật biết tiếng loài vật do ngẫu nhiên ăn được một món ăn thiêng. Ví dụ truyện của các dân tộc ở Xcăng-đi-na-vơ (Scandinave) trong *Et-đát* (Eddas) có nói đến một nhân vật anh hùng là Xi-gua giết một con rồng nấu tim ăn và uống máu của nó, liền đó hiểu được những lời trò chuyện giữa hai con quạ. Hoặc biết tiếng loài vật bằng con đường tiếp thu môn học về tiếng loài vật ở nhà trường. Sau đây là một truyện của người Ma-rốc (Maroc) *Tiếng loài chim*:

Một người lái buôn giàu có ở Phe-đơ (Phez) không con, nhờ một pháp sư cho ăn một thứ quả loài cây lạ, người vợ liền có mang đẻ được một con trai. Ông ta cho con đi học. Cơn lên mười ông mang đến đất Thánh, nhưng đi qua một thành phố Ai-cập, thấy có một trường học dạy tiếng chim, ông bèn để con lại học với một số vàng,định lúc trở về sẽ lại đón con về. Nhưng khi người bố trở về thì lạc đường, không đón được. Mấy năm sau, ông mới lại đi tìm thì con mình đã tinh thông tiếng chim, và đang thay thầy giáo dạy tiếng chim ở trường. Bố đưa con đi tàu về quê. Giữa đường, thấy có ba con chim trò truyện với nhau, người bố hỏi con xem chúng nói gì. Con không trả lời. Mọi người chế nhạo. Mãi sau nài mãi, con mới cho biết: - "Nó bảo con ngày sau sẽ làm vua còn bố thì làm phu khuân vác". Bố giận để bụng, một đêm nọ nhân lúc con ngủ say bèn bỏ hòm đem thả xuống biển, nhưng khi bố về đến nhà thì nhà cháy, hai vợ chồng tay trắng phải đi làm thuê kiếm ăn rất vất vả. Trong khi đó, anh chàng biết tiếng chim được một người đánh cá nước nọ vớt lên nuôi làm con nuôi. Anh đánh bạn với con một viên quan án nước ấy. Vua nước ấy lúc đó bị ba con chim đến kêu quang quác suốt ngày, đuổi mấy cũng không đi. Vua sai các quan đại thần giải thích lý do, hứa ai trả lời được thì chia cho nửa nước, không thì chặt đầu. Đến lượt quan án phải giải thích. Cả nhà buồn rầu khóc lóc vì biết sẽ bị vua xử tử. Thấy bạn buồn và khi biết lý do, anh chàng xin phép vào giảng giải thay quan án. Anh nói với vua: - "Trong ba con chim này, có một con trống ở xứ Đông, một con trống ở xứ Tây. Con mái vốn là vợ con xứ Tây nhưng vừa qua vì chồng đi vắng lâu ngày, nó đã theo con xứ Đông. Bây giờ con xứ Tây mới trở về, nên cả ba đến xin vua phân xử". Vua chưa biết nên phân xử thế nào, bèn nhờ chàng biết tiếng chim xử hộ. Anh bảo hai con trống bay về hai phía, rồi bảo con mái hãy đi theo con nào mình thích. Con mái lại theo con trống xứ Tây.

Thấy phải mất một nửa nước vì một việc quá đơn giản như vậy, vua có ý lật lọng. Anh chàng bèn ra giữa sân gọi mấy tiếng, chim bay tới hằng hà sa số

kêu ầm ỹ ở sân rồng. Vua hoảng sợ, đành làm theo lời hứa. Sau khi vua chết, anh lên nối ngôi. Khi ông vua trẻ bắt phu chở củi đến cung điện để đốt sưởi mùa đông thì người bố cũng ở trong số những phu vác củi. Con nhận ra cha, bèn bảo cha đưa mẹ - bấy giờ làm thợ giặt - đến hoàng cung cùng hưởng phú quý với bố mẹ nuôi[1].

Tóm lại, truyện *Sự tích con dã tràng* của ta có thể bắt nguồn từ loạt truyện *Người hiểu tiếng loài vật* kết hợp với truyện *Công Dã Tràng* gốc từ Trung-quốc để chuyển thành một truyện mới khá lý thú.

1. Theo Mô-ha-mét En Pha-si (Mohamed El Fasi), và Déc-men-ghem (Dermenghem). Sách đã dẫn.

16. GỐC TÍCH BỘ LÔNG QUẠ VÀ BỘ LÔNG CÔNG

Xưa kia Quạ và Công là đôi bạn chí thân. Cũng vì màu lông của chúng giống nhau: con nào con nấy đều xám xịt như vừa rúc ở bùn lên. Lúc ấy chúng làm gì đã có bộ cánh như bây giờ. Cả hai con đều tự biết mình xấu nên không dám chơi với ai cả. Riêng Công dưới mắt Quạ thì lại càng xấu tệ: cái đầu bé tý chẳng cân xứng với con người. Thêm vào đó, một cái cổ dài và ngẳng nghiu, thật khó coi hết sức. Một hôm Quạ bảo Công:

- Đằng kia có người thợ vẽ có thuốc đủ các màu, chúng ta hãy ăn trộm về mà tô chuốt cho nhau, sửa lại bộ cánh cho đẹp.

Công gật gù nhận lời. Hôm ấy, người thợ đang vẽ dở cho người ta một bộ tứ bình, thuốc vẽ còn bỏ lăn lóc bốn bên người. Thừa dịp người thợ ngủ ngày, hai con vật lần lượt mò vào lấy trộm bút lông và thuốc vẽ đưa ra một gò con ở giữa hồ gần đấy. Lần thứ ba chúng nó toan vào lấy một mẻ nữa nhưng người thợ vẽ đã ngủ dậy. Chúng đành trở ra kiểm lại thì thấy chỉ được có một thỏi mực tàu, một gói thuốc xanh và một gói kim nhũ. Quạ bảo:

- Thôi được, ta cứ bắt đầu vẽ cho nhau đi!

Nói đoạn, Quạ bắt Công nằm xuống cho mình tô điểm. Quạ vốn khéo tay, thoạt tiên nó dùng màu xanh tô vào đầu vào cổ và mình Công. Tô đến đâu, rắc kim nhũ đến đấy. Đến cái đuôi, Quạ bắt Công phải cố xòe ra như cánh quạt cho mình vẽ được kỹ lưỡng. Ở mỗi lông đuôi Quạ vẽ những vòng tròn và tô bằng mực tàu và kim nhũ rất đẹp.

Tô xong đắc ý, Quạ bắt Công phơi cái đuôi cho thật khô.

Công vốn vụng về nên khi bắt tay vào tô điểm cho Quạ thì nó lúng túng. Hơn nữa lúc đó màu xanh và kim nhũ đã cạn.

Giữa lúc Công chưa biết trang sức cho Quạ như thế nào thì bỗng có Quạ khoang ở đâu bay đến. Quạ khoang vốn có họ với nhà Quạ. Hồi ấy màu lông của nó trắng toát như vôi. Chưa đỗ xuống, nó đã giục tíu tít:

- Anh Quạ! Anh làm gì đó? Mau đi về phương Đông!

- Để làm gì?

- Có tin cho biết rằng phía đó mới có một trận đánh nhau to, thây chết như rạ. Thật là một dịp may hiếm có.

Quạ nghe nói đến thịt người thì sự thèm muốn làm cho nó không tự chủ được nữa. Quạ bảo Quạ khoang:

- Thế à? Nhưng để nó tô điểm cho tao cái đã. Chịu khó chờ tý nhé!

- Không được. Phải đến trước ban đêm... Ngày mai mới đến thì người ta chôn hết còn gì nữa.

Quạ nóng nảy, giục Công:

- Thế thì phải làm gấp lên mới được!

Quạ khoang thấy Công đẹp nên cũng muốn có một bộ cánh tươm tất. Nó xen vào:

- Anh Quạ! Anh làm ơn cho tôi một tý với. Tôi cũng cần ăn mặc tử tế một chút.

Quạ vui lòng chia sẻ phần thuốc vẽ của mình cho người em họ. Công nhân lúc Quạ vội nên chả cần ngắm nghía gì lôi thôi, trút một nửa số mực tàu lên đầu Quạ. Mực chảy đến đâu, người Quạ đen đến đó. Công còn hữu ý bôi cả vào mỏ vào chân làm cho toàn bộ người Quạ đen nhánh như cột nhà cháy.

Đến lượt tô cho Quạ khoang, Công cũng đổ số mực còn lại lên người nó. Khi nước mực rót xuống đầu, Quạ khoang hơi ngại vội rụt cổ lại, thành thử cổ của nó có một cái ngấn không bị mực thấm đến.

Nhìn thấy Công tô điểm cho Quạ khoang, Quạ mới biết là mình dại, không dưng lại để cho một kẻ vụng về trang điểm. Nhưng việc đã lỡ còn biết làm gì được nữa. Tức mình quá hai anh em nhà Quạ chỉ còn biết mắng cho Công một trận rồi bỏ đi. Từ đó Quạ không chơi với Công nữa.

Cũng vì thế mà ngày nay dòng dõi loài Công có bộ cánh rất sặc sỡ. Đi đâu chúng nó cũng ưỡn ẹo và luôn miệng khoe khoang: "Cuông[1] tốt! Cuông tốt!". Trái lại, dòng dõi loài Quạ thì bộ cánh đen thui như mực, trong đó có Quạ khoang đặc biệt có một cái ngấn trắng ở xung quanh cổ. Vì phải bộ cánh xấu quá nên Quạ rất thẹn thò, đi đâu cũng than thở: "Quạ xấu hổ! Quạ xấu hổ!"[2].

KHẢO DỊ

Người Lào cũng có một truyện cổ tích tương tự với truyện của ta. Đại khái, trước kia Quạ xanh biêng biếc, Công đen. Một hôm hai con quyết định mỗi con rút màu sắc ở lông của mình luyện thành thuốc vẽ để tô lại cho nhau. Màu thuốc của Quạ rất đẹp mà Quạ lại khéo tay nên tô đến đâu bộ cánh của Công rực rỡ đến đó. Lúc Công sắp tô cho Quạ thì vừa có Diều đến rủ Quạ đi ăn thịt trâu. Quạ háu ăn, bảo Công trút cả thuốc vào cho mình. Vì thế người Quạ đen như mực[3].

Trong sách của Lăng-đờ (Landes) có truyện *Quạ và Bìm bịp*. Truyện này có lẽ chỉ lưu hành ở miền Nam, trong đó cũng có tình tiết phần nào giống với truyện vừa kể:

Xưa Quạ và Bìm bịp đều là đầy tớ hầu hạ đức Thánh. Một hôm đức Thánh dùng một trăm thợ đóng một chiếc tàu lớn. Khi tàu đã đóng xong, đức Thánh sai Quạ ra bờ sông xem nước bao giờ lên để hạ thủy. Quạ ra sông thấy ở gần đấy có một cái ao cạn, tôm cá nhiều lắm, bắt rất dễ và ăn rất ngon, bèn lội xuống bắt ăn, say mê quên cả về.

Thấy Quạ đi lâu quá, đức Thánh sốt ruột, sai Bìm bịp đi tìm Quạ. Quạ vừa thấy Bìm bịp đến, đã bảo: - "Ở đây tôm cá nhiều lắm, xuống bắt đi mày, không đi đâu mà vội!". Bìm bịp nghe bùi tai bèn cũng xuống bắt cá, quên cả phận sự đức Thánh giao cho.

---

1. *Cuông* : công, tiếng Nghệ - Tĩnh.
2. Theo lời kể của người miền Bắc, Tờ-ri-e (Triaire) và Trịnh Thục Oanh trong *Con rùa vàng* đã tiểu thuyết hóa truyện này, khiến cho câu chuyện khác với truyện kể trong nhân dân.
3. Theo Bren-gờ (Brengues). *Cổ tích và truyền thuyết Lào*.

Đức Thánh lại sai Bồ câu ra sông để tìm Quạ và Bìm bịp. Bồ câu đi qua ao thấy họ đang mải bắt cá ăn, bèn trở về báo với chủ. Đức Thánh giận vô cùng, quyết định hạ thủy tàu ra đi, không cần đợi Quạ và Bìm bịp nữa.

Quạ và Bìm bịp ăn no mới nhớ đến phận sự. Cả hai đều sợ chủ trị tội nên không dám về. Chúng nó dắt nhau đến nhà Nhị tỳ gần đó. Ở đây có một bọn học trò mượn ngôi nhà công làm nơi trọ học; nghiên mực và son của họ bỏ đầy cả gậm giường. Quạ nghĩ ra được một kế bèn bảo Bìm bịp: - "Chúng ta hãy lấy mực bôi khắp cả người cho lạ đi. Như thế lúc về, đức Thánh trông thấy chúng ta sẽ buồn cười mà không quở nữa". Nói rồi Quạ lấy mực bôi khắp cả mình, Bìm bịp cũng bắt chước Quạ, bôi mực vào người, nhưng mới bôi được cái đầu và cái cổ thì mực đã cạn. Nó bèn lấy son bôi thêm cho trọn phần dưới.

Đoạn cả hai vội đi về hầu chủ. Đức Thánh trông thấy bật cười rồi tha đánh cho cả hai. Nhưng khi tàu sắp nhổ neo thì đức Thánh bắt chúng hóa làm chim, và bắt ở lại không cho theo nữa.

Vì thế mà ngày nay chúng ta thấy bộ lông của Quạ đen thui như mực, còn bộ lông của chim Bìm bịp thì đỏ nâu như màu son, trừ đầu và cổ màu đen.

(Xem thêm truyện *Sự tích chim Bìm bịp* ở **Khảo dị**, truyện số **13**)

Đồng bào Xrê (Xré) ở Tây-nguyên cũng có một truyện nói về bộ lông đen của Quạ nhưng khác với truyện của ta: có một nhân vật tên là Dinh Dang, lúc xuống cõi âm tìm thấy hai chất thuốc nhuộm đen và đỏ, bèn trao cho Quạ là tên nô lệ có phận sự giao thông với cõi trần. Một hôm Quạ vô ý để bình thuốc đen đổ cả vào người nên từ đó lông Quạ không còn trắng nữa. Cũng vì thế, lúc Quạ lên cõi trần truyền lại cho người nghề nhuộm thì thiếu mất chất đen. Người ta đành phải dùng lá cây nhuộm thành một màu xanh sẫm tức màu chàm.

Còn truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) thì giống truyện của người Lào ở trên.

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Ba quả trứng rồng* cũng có nói đến sự tích bộ lông Quạ:

Ngày xưa lông Quạ trắng như tuyết. Công chúa Rồng sai Quạ đi báo tin cho người yêu là mình đã đẻ được ba quả trứng. Người yêu của công chúa Rồng giao cho Quạ một viên ngọc đỏ. Quạ bọc vào trong gói đưa về. Dọc đường, Quạ đói bụng bèn giấu ngọc ở một lùm cây để tìm thức ăn. Không ngờ ngọc bị một người lái buôn trộm mất và thay vào đó một cục cứt trâu. Công chúa Rồng vì thế giận buồn mà chết. Thần mặt trời trị tội Quạ bằng cách đốt

sém lông thành màu đen. Trứng Rồng không nở được bị nước sông Ia-ra-oa-đi cuốn trôi về sau biến thành ngọc đỏ[1].

Một truyện của ta *Vì sao chúc mào đỏ đít* cũng có liên quan đến câu chuyện thuốc nhuộm:

Có hai vợ chồng nhà nghèo làm nghề nhuộm điều. Một năm mất mùa không ai tới nhuộm cả, hai vợ chồng không biết làm nghề gì mà ăn, sinh ra bực bội đánh nhau, bao nhiêu thuốc nhuộm lăn lóc cả sân. Vợ bị chồng đánh ngồi vấy ngồi vá nên thuốc nhuộm dính đỏ cả đít. Vì thế vợ chết hóa thành chim chúc mào, lông đít của nó bao giờ cũng đỏ[2].

Một truyện khác nói về nguồn gốc màu lông các giống chim như sau:

Xưa, Trời mới sinh các giống chim, con nào màu lông cũng trắng toát như vôi. Có giống chim Tối mắt làm bậy mắc tội. Thiên lôi được lệnh Trời xuống trị tội, nhưng vì chim nào chim ấy đều trắng như nhau làm cho Thiên lôi nhầm lẫn. Các giống chim đem việc đó kiện lên Trời. Để dễ phân biệt, Trời bèn sai Long thần thổ địa tô điểm cho mỗi giống mỗi màu sắc khác nhau. Chỉ có giống Cò là lọt lưới. Mãi sau Long thần cũng tóm được, nhưng vì hết mất màu nên chỉ đánh cho một dấu riêng ở mỏ[3].

1. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*.
2. Theo *Bản khai sách Hữu-lập. Sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, tập II.
3. Theo Nguyễn Văn Ngọc, sách đã dẫn.

17. GỐC TÍCH TIẾNG KÊU CỦA VẠC, CỘC, DỦ DỈ, ĐA ĐA VÀ CHUỘT

Xưa Cò, Vạc, Cộc, Dủ dỉ và Đa đa ăn ở với nhau như anh em một nhà. Chúng nó sống một cuộc đời sung sướng và hòa thuận. Con nào con ấy đều có nhà cửa, ruộng đồng riêng, nhưng mỗi khi kiếm được món gì ngon như mớ cá, rổ tép, v.v... trong đồng của mình thì chúng thường chia nhau ăn rất vui vẻ, tử tế.

Không ngờ một ngày kia chúng nó rủ nhau đánh bạc. Trước còn đánh một đồng, hai đồng nhưng sau ăn thua lớn. Trong cuộc bạc hôm ấy, Cò vơ tất cả. Cuối cùng cả mấy con kia phải vay nợ của Cò để gỡ gạc, nhưng chúng chỉ "gỡ vào" mà thôi. Hơn nữa, Cò âm mưu với Chuột viết vào văn tự nhiều hơn số tiền bọn họ đã vay. Vì không biết chữ, không ngờ bị Chuột làm gian nên hầu hết tài sản của Vạc, Cộc, Dủ dỉ và Đa đa đều thuộc về tay Cò cả.

Thua cay hơn hết là Đa đa. Cò bạc đến lúc "khát nước" nó bèn đánh những tiếng rất táo bạo. Vì thế, đến lúc phủi áo đứng dậy, Đa đa đã gán hết từ ruộng đồng cho đến nhà ở của mình cho Cò. Ngay buổi sáng hôm sau, Đa đa trần như nhộng, phải bán xới đi kiếm ăn ở miền núi cao.

Dủ dỉ không thua quá nhiều như Đa đa. Nhưng Chuột đã chơi cho nó một vố khá đau. Trong văn tự, Chuột đã viết là Dủ dỉ sẽ gán tất cả phần đồng điền của nó nếu quá hạn không trả được nợ. Vì thế đến hạn, Dủ dỉ mất hết cả ruộng đồng, chỉ còn lại cái nhà ở. Từ đó nó phải ngày ngày đi làm thuê làm mướn kiếm ăn rất cực khổ.

Còn Vạc chỉ thua có ba mươi quan. Nhưng khi nhờ Chuột làm giấy hộ, Chuột đã viết con số ba thành con số chín. Cho nên cuối cùng Vạc cũng mất gần hết phần ruộng đồng của mình cho Cò. Nhưng Vạc vốn

không sợ Cò. Không dám kiếm ăn công khai thì Vạc ta lại kiếm ăn lẩn lút trên đồng đất của Cò. Đêm đến, chờ khi Cò về nhà nghỉ ngơi, Vạc mới mò ra đồng ăn trộm con tôm cái tép. Nhờ thế cũng đủ sống qua ngày.

Riêng Cộc cũng thua cháy túi như Đa đa. Cuối cùng vốn liếng còn lại chỉ có mười quan định để dành đong gạo, nhưng máu mê cờ bạc xui nó đánh luôn một tiếng vào cửa lẻ. Khi mở bát ra thì bốn đồng tiền trắng xóa làm cho Cộc sững sờ, rồi ngất đi. Cho đến khi những con khác gào vào tai: - "Thua rồi, ó Cộc!" thì nó mới tỉnh dậy, và vì xấu hổ quá nên đâm đầu chạy miết, không ngoái cổ lại.

Còn Cò nhờ cuộc bạc hôm ấy lại nhờ khóe gian của Chuột, nên làm chủ đồng ruộng mênh mông. Hàng ngày nó bay hết đồng này sang đồng khác ăn uống thỏa thích.

Từ đó, dòng dõi của Cò thong dong đi lại kiếm ăn ban ngày. Người ta bảo "ruộng cò bay thẳng cánh" là thế. Trên đầu nó có mấy cái lông "seo" người ta vẫn gọi là "cò văn tự", để chỉ những khế tự giấy tờ của nó mang theo luôn luôn bên người. Dòng dõi Vạc thì chờ lúc tắt mặt trời mới rúc ra khỏi bụi tre và kêu luôn mồm: - "Thua một vác! Thua một vác!"[1]. Trời chưa sáng, chúng nó đã lò mò về tổ, chỉ sợ dòng dõi nhà Cò bắt gặp. Dòng dõi của Dủ dỉ thường kêu những tiếng ai oán: - "Đông Tây tứ chi bán hết! Mần như ri cực cực! Mần như ri cực cực!"[2]. Dòng dõi Đa đa thì không dám trở về quê hương đồng ruộng nữa. Tuy thế, chúng nó vẫn kêu lên những lời tỏ ý tiếc nhớ đời sống sung sướng ở đồng ruộng của cha ông chúng ngày trước: - "Tiếc rổ tép đa đa! Tiếc rổ tép đa đa!"[3]. Dòng dõi Cộc thì thỉnh thoảng lại gào lên mấy tiếng: - "Thua rồi, ó Cộc!" rồi đâm đầu xuống nước, lặn một mạch thật xa mới trồi đầu lên tìm chỗ vắng mà đậu. Còn chuột, người ta bảo trong việc làm gian lận nói trên, nó chả được lợi lộc gì cả. Dòng dõi

1. Ngày xưa, một vác tiền gồm có 5 quan đồng, mỗi quan đồng có 6 quan kẽm, vị chi 30 quan.

2. Có nơi cho tiếng kêu Dủ dỉ là: "Đi mô cũng cực! Đi mô cũng cực!".

3. Có người kể "Tiếc đồng tép cha ta!" hay "Tiếc vùng tép của ta!" Lại có người kể: "Bát cát quả cà!". Về lời kể sau, xem truyện *Sự tích chim đa đa* (số 9).

của nó ngày nay sống trốn tránh lẩn lút chỉ sợ con cháu Vạc và Dủ dỉ báo thù. Miệng vẫn kêu mấy tiếng: - "Chín chục! Chín chục!"[1].

Tục ngữ có câu:

Con vạc bán ruộng cho cò,
Cho nên vạc phải ăn mò cả đêm.

hay là:

Vạc sao vạc chẳng biết lo,
Bán ruộng cho cò, vạc phải ăn đêm.

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Quảng-bình, và Ca-đi-e (Cadière) trong *BEFEO* tập I, số 3, 1901.

18. GỐC TÍCH CÁI NỐT DƯỚI CỔ CON TRÂU

Ngày đó trâu cùng nói một thứ tiếng với người. Nhờ thế người dùng lời nói để sai khiến con vật theo ý muốn của mình rất tiện. Cũng nhờ thế, những gã mục đồng đối với trâu không dám đánh đập tàn tệ hoặc cho ăn thiếu thốn vì sợ trâu mách chủ.

Vào hồi đó có một người làm ruộng nuôi một con trâu cày, đồng thời cũng thuê một cậu bé để chăn con trâu ấy.

Người và vật lúc đầu rất tương đắc. Nhưng sau rồi hai bên bất bình với nhau. Cậu bé này tính ham chơi, nhiều khi quên mất phận sự của mình làm cho trâu nhiều lúc chả được miếng gì vào bụng. Có bữa vì say mê một cuộc đánh khăng hay đánh đáo, nhưng lại sợ trâu ăn lúa, cậu ta đã cột trâu lại một nơi không cho ăn. Những lúc đó, để che mắt chủ, hắn đã dùng một mẹo là lấy mo cau áp một lớp vào bụng con vật, rồi trát đất bùn ra ngoài. Cứ như thế, hắn dắt trâu về chuồng. Chủ nhà nhìn thấy bụng trâu căng lớn tướng thì tỏ ý hài lòng mà không căn vặn gì nữa. Nhờ mẹo ấy, cậu ta đã lừa được chủ nhiều lần nhưng cũng nhiều lần làm cho trâu rất tức tối.

Một hôm, cậu bé mải chơi quá. Hội khăng vui đáo để làm cho hắn quên mất cả. Nhưng trâu thì nhịn từ trưa cho đến chiều. Trâu gọi mãi, nhưng hắn ta nào có để ý đến. Buổi chiều hôm ấy trâu định mách chủ nhưng hắn khôn ngoan dùng lời lấp liếm không cho trâu có dịp mở miệng.

Buổi sáng hôm sau, người chủ dắt trâu ra cày ruộng. Trâu cố làm ra bộ bước không muốn nổi. Chủ gắt:

- Nào có đi mau lên không. Đồ lười!

Trâu trả lời:

- Không phải lười mà tại đói.

Chủ hỏi tiếp:

- Thế nào? Ngày nào mà thằng bé chả cho mày ăn một bụng no căng.

Bấy giờ trâu mới vạch mặt:

- *Cưỡi trâu ra đánh khăng đánh đáo, cưỡi trâu về nói láo trâu no. No gì mà no: trong mo ngoài đất sét. Ỉa cái phẹt, hết no.*

Sự giả dối của cậu bé chăn trâu vì thế bại lộ. Ngay buổi trưa hôm đó người chủ vừa lột những cái mo đầy bùn dưới bụng trâu vừa đánh cho hắn một trận mê tơi. Hắn đau ê cả người. Nhưng trâu thì rất hả hê và từ hôm đó ngày nào cũng được ăn no lại được tắm rửa sạch sẽ.

Qua mấy ngày sau, những chỗ bị đánh hãy còn sưng húp, cậu bé ngồi trên bờ ruộng giọt ngắn giọt dài. Trong khi đó trâu ung dung ăn cỏ. Bỗng dưng có một ông lão hiện ra sau lưng, hỏi cậu bé vì có gì mà khóc. Hắn chỉ vào trâu mà nói: - "Tại nó cả. Vì nó mách chủ...". Đoạn hắn kể cho ông nghe hết đầu đuôi.

Ông lão nghe xong dỗ dành cậu bé và nói: - "Ta rất thương con gặp phải chuyện không may. Bây giờ con muốn gì ta sẽ làm cho con vui lòng". Hắn đáp: - "Vì nó biết nói làm cho con phải đòn. Bây giờ chỉ muốn làm thế nào cho nó không thể nói được nữa". Ông lão bảo: - "Khó gì việc đó. Ta sẽ có phép làm cho con vừa ý". Ông lão bèn rút trong người ra một cây hương đốt lên thư phù vào trâu, rồi bất thình lình ông lấy cây hương đó dí vào dưới cổ con vật. Trâu cố giãy giụa nhưng không kịp. Trâu kêu lên oai oái khản cả cổ. Tiếng nói của trâu dần dần mất hẳn. Cuối cùng, lúc nào muốn nói, trâu chỉ còn phát ra có mỗi một tiếng "nghé ọ..." mà thôi. Chỗ bị thương sau thành một cái sẹo như cái nốt ruồi, từ đó trâu không nói được nữa. Cả dòng dõi nhà trâu sinh ra cũng đều không biết nói và cũng đều mang cái nốt ở dưới cổ cho mãi đến ngày nay[1].

1. Theo *Phụ nữ tân văn* (1931).

KHẢO DỊ

Tơ-ri-e (Triaire) và Trịnh Thục Oanh trong sách đã dẫn, khi phóng tác truyện này có kể đến việc cỏ biết bay. Những người chăn trâu lúc đó luôn luôn phải dùng gậy đánh cho cỏ rơi ruống để cho trâu ăn. Chúng tôi ngờ hình tượng này cũng như hung thần, nàng tiên và con rắn, đều bịa đặt, không đúng như truyện của nhân dân kể.

Một loại truyện cổ tích của các dân tộc sau đây đều là những dị bản của truyện trên.

Truyện của Tiệp-khắc [cũ] (Tchécoslovaquie) ở vùng Bô-hêm (Bohême):

Một anh nông dân có một con dê cái ham ăn. Một hôm, vợ anh đi chăn dê về, anh hỏi dê xem nó có được ăn no không? Dê trả lời: - "Vâng, tốt lắm! Người ta chẳng cho ăn gì cả". Thấy vậy, ngày mai anh cho con gái đi chăn. Lúc về hỏi dê, dê cũng trả lời như thế. Ngày thứ ba, anh tự mình đi chăn lấy. Khi về hỏi dê, dê cũng trả lời như mấy hôm trước. Giận quá, anh nông dân lột sống da dê một nửa người, rồi đuổi đi. Dê trốn trong một cái hang của một con chồn. Khi chồn đi kiếm ăn về, đuổi dê, dê đã không đi, lại còn cố làm cho chồn sợ mình, nhưng một con bọ khoan tai (có nơi kể là con ong, hay kiến, hay dím) giúp chồn cắn vào tai dê, buộc nó ra khỏi hang.

Truyện của Hung-ga-ri (Hongrie):

Người bố sai con đi chăn dê cái. Lúc chăn về, hỏi thì dê nói không được ăn no, bố giận giết chết đứa con. Lần sau đứa con thứ hai đi chăn cũng vậy. Đến lần đứa con thứ ba đi chăn, bố rình xem mới thấy rõ là mình bị dê lừa, bèn cùng với con lột sống da dê.

Truyện của Ý (Italia), của Pháp cũng giống truyện của Hung, nhưng trong truyện của Ý, người chăn dê không phải con trai mà là con gái; còn trong truyện của Pháp thì đến bảy đứa con lần lượt đi chăn một con dê cái. Mỗi lần, trước khi về, đứa nào cũng hỏi dê có no không? Dê đáp: -"Ăn no uống tốt và có nhiều sữa", nhưng khi ông bố hỏi thì dê lại trả lời ngược lại, làm cho người bố chặt đầu cả bảy đứa con. Người bố bèn thân hành chăn dê, lúc trở về hỏi dê, dê cũng trả lời như trước, và điều khác với các truyện trên là trả lời vừa dứt, dê nhảy lên cắn chết chủ nuôi, và trở thành bà chủ.

Truyện của Đức do Grim (Grimm) sưu tập thì người bố không giết con (ba đứa) mà chỉ bắt con ra đứng ngoài cửa.

Một truyện khác của Ý: kết cục có khác hơn:

Một mụ phù thủy sai một đứa trẻ chăn dê cái, bảo phải cho dê ăn no, nhưng dừng cho ăn các thứ hạt. Trở về hỏi dê, dê cũng nói láo. Mụ lần lượt giết chết mười hai đứa trẻ. Đến đứa thứ mười ba thì nó biết vuốt ve dê, lại cho dê ăn các thứ hạt. Vì thế, khi mụ phù thủy hỏi, dê đáp: - "Tôi được ăn no, được chăn tốt, nó cho tôi ăn cả ngày". Và dĩ nhiên đứa trẻ này không chịu chung số phận với mấy đứa trước[1].

1. Dẫn theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập II.

19. SỰ TÍCH CÁI CHÂN SAU CON CHÓ

Ngày xưa có một người đàn bà tên là Thanh Đề rất sùng đạo Phật. Bà ta sùng Phật đến nỗi cho rằng những cơm bánh do lúa gạo người ta trồng ra ở đồng ruộng thì không thể nào tinh khiết được, nên không một thứ nào đáng đem lễ Phật. Vì thế, hằng năm bà ta trồng lúa nếp trong những cái gáo dừa đựng đất sạch. Luôn luôn bà treo cái gáo đó lên một chỗ cao vì sợ có người bước qua. Khi lúa chín, bà thận trọng rứt từng hạt một, giã nó bằng một cán dao mới tinh, rồi mới đưa nắm gạo đó đựng vào bát thờ mà dâng lên chùa.

Một hôm, ở một ngôi chùa lớn trong vùng có mở hội đón tiếp khách thập phương. Vị hòa thượng chùa ấy cắt đặt một số sư tiếp nhận những lễ vật của thiện nam tín nữ đem đến cúng Phật. Bà nghe tin không quản đường xa, vội đưa nắm gạo nếp tinh khiết của mình tìm đến cúng ở chùa đó. Không ngờ mấy vị sư kia chỉ chú ý đến lễ vật hậu hỹ của những người khác, mà chả ai tưởng đến bà và nắm gạo của bà. Chờ suốt một ngày không thấy ai nhận, người đàn bà nọ tức mình, ném nắm gạo xuống đất rồi bỏ ra về.

Ít lâu sau, bà ta sửa một lễ cúng Phật tại nhà mình rồi mời hòa thượng và các sư chùa đó đến tụng kinh. Theo lệ thường, trước khi ra về, chủ nhân phải làm bánh tặng họ ăn đường. Để làm nhục bọn sư bất lương, bà ta giết một con chó lấy thịt băm nhỏ với các thứ rau thơm làm nhân bánh. Sau bữa cơm chay, bà ta đem bánh đó tặng mỗi người một chiếc. Đoán được mưu mẹo của người đàn bà, vị hòa thượng dặn các nhà sư cầm bánh về chứ đừng ăn. Họ đều vâng lời, duy chỉ có một nhà sư là quên mất. Dọc đường thấy bánh thơm ngon, sư ta bèn bóc

ăn kỳ hết. Những người khác khi đưa bánh về biết là nhân thịt chó đều quẳng cả vào gốc cây bồ đề ở trước chùa.

Tất cả những việc đó đều thấu tai đức Phật. Trước hết, đức Phật trị tội bọn sư bất lương và tham lam. Bọn họ bị bắt xuống địa ngục. Con chó chết oan được sống lại. Nhưng vì nó đã bị nhà sư kia ăn mất một chân nên lúc trở về cõi thế chỉ còn có ba chân. Đức Phật thấy thế chắp cho nó một chân giả khác để nó tiện đi lại[1]. Những thứ rau thơm làm nhân bánh bị vứt dưới gốc bồ đề cũng nhờ phép Phật mọc lại xanh tốt. Đó là ba cây rau om, hành và sả. Vì những loại cây ấy bị nhà chùa coi là đã uế tạp cho nên sau này những người xuất gia đều kiêng không dùng. Về phần người đàn bà cũng bị tội nặng: Phật bắt bà ta bỏ vào tầng ngục thứ mười. Có người bảo đó là bà mẹ ông Mục Liên, sau này ông ta từng xuống dưới đó thăm mẹ[2].

---

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
Truyện bà mẹ Mục Liên đại khái như sau:
Xưa có ông La Bốc mồ côi cha rất có hiếu với mẹ... Nhưng mẹ ông ta lại tham lam quỷ quyệt. Ông chịu khó làm ăn được nhiều tiền gửi cho mẹ. Mẹ phung phí hết nhưng lại nói dối với con là đem cúng Phật. Mẹ chết, La Bốc theo đức Phật tu hành, lấy tên là Đại Mục Kiên Liên (hay Mục Liên). Trong một chuyến đi vào nơi âm hồn ở, Mục Liên chỉ gặp bố không thấy mẹ, hỏi Phật thì Phật cho biết vì gian tham nên bị đày xuống địa ngục. Mục Liên xin phép xuống thăm. Qua ngục Hung-giao, ngục Khôi-hà, hết ngục này đến ngục khác, được xem hàng nghìn cách hành hạ tội nhân, nhưng ông vẫn chưa gặp mẹ. Mãi sau một tên quỷ đưa đến ngục A-tỳ mới gặp. Thấy mẹ kêu cứu, ông thương quá toan đưa mẹ đi nhưng quỷ không cho. Sau xin mãi với Phật, Phật biến người mẹ thành chó cái đi theo Mục Liên. Sau đó, Mục Liên hóa phép cho mẹ thành người và khuyên phải sửa đổi tính xấu. Bà mẹ nghe lời và nhờ đó, một hôm, vào ngày rằm tháng Bảy được Phật cho lên trời. Từ đó vào ngày rằm tháng Bảy, người ta quen cúng lễ người chết, nhà chùa thường làm chay "phá ngục" cho tội nhân, cũng gọi là ngày "vong nhân xá tội" (theo *Mục Liên cứu mẫu kinh diễn âm*), xem thêm truyện *Thủ Huồn*, số **30**.
2. Xem thêm *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, phần "Cuộc tu bổ lại các giống vật". Sách đã dẫn; tr.88 - 89.

20. SỰ TÍCH CÁI CHỔI

Ngày xưa ở trên cung điện nhà trời có một người đàn bà nấu ăn rất khéo tay. Bà chế những món bánh trái tuyệt phẩm, làm những thức ăn ngon đến nỗi chỉ nếm qua một miếng là không thể nào quên được. Cho nên Ngọc Hoàng thượng đế cho bà chuyên trông nom công việc nấu ăn cho mình ở thiên trù. Nhưng bà lại hay ăn vụng và tham lam. Lệ nhà trời những người hầu hạ đều có thức ăn riêng, nhất thiết không được đụng chạm đến ngự thiện, dù là Ngọc Hoàng ăn thừa cũng vậy. Nhưng luật lệ đó không ngăn được những người đang sẵn thèm khát. Người đàn bà vẫn tìm đủ mọi cách để làm cho kho thức ăn của nhà Trời hao hụt.

Tuy đã quá tuổi xuân, bà ta lại yêu một lão vốn chăn ngựa cho thiên đình. Đời sống của những người chăn ngựa thì ở cõi trời cũng như cõi đất đều cực khổ không kém gì nhau. Ông ta thích rượu và từ khi gặp người đàn bà này lại thèm ăn ngon. Bà ta say mê ông tưởng trên đời không còn gì hơn được. Mỗi lúc thấy người đàn ông đó thèm thức ăn, đồ uống của nhà Trời, bà ta không ngại ngần gì cả. Đã nhiều phen bà lấy cắp rượu thịt trong thiên trù giấu đưa ra cho ông. Và cũng nhiều phen bà dắt ông lẻn vào kho rượu, mặc sức cho ông bí tỷ.

Một hôm, Ngọc Hoàng thượng đế mở tiệc đãi quần thần. Bà và các bạn nấu bếp khác làm việc tíu tít. Chỉ vào chập tối, các món ăn đã phải làm đầy đủ. Rồi khi ánh nguyệt của đêm rằm sáng lòa là mọi người bắt đầu vào tiệc.

Nhưng giữa lúc cỗ đang bày lên mâm thì từ đàng xa, bà đã nghe tiếng lão chăn ngựa hát. Bà biết ông tìm mình. Bà lật đật ra đón và đưa giấu ông ta vào phía góc chạn. Bà đưa cho ông mấy chén rượu, thứ rượu ngon nhất của thiên tào rồi trở ra làm nốt mẻ bánh hạnh nhân.

Người đàn ông đó mới đi tắm ngựa ở bến sông về. Bưng lấy bát cơm hẩm, ông sực nhớ đến rượu thịt bây giờ chắc đang ê hề ở thiên trù, nên vội lẻn đến đây. Trong bóng tối, ông nuốt ực mấy chén rượu lấy làm khoái. Chén rượu quả ngon tuyệt, hơi men bốc lên làm ông choáng váng. Ông bỗng thèm một thức gì để đưa cay. Trong bóng tối, trên giá mâm đặt ở gần đó có biết bao là mỹ vị mùi thơm phưng phức. Đang đói sẵn, ông giở lồng bàn sờ soạng bốc lấy bốc để...

Khi những người lính hầu vô tình bưng mâm ngự thiện ra thì bát nào bát ấy đều như đã có người nào nếm trước. Ngọc Hoàng thượng đế vừa trông thấy không ngăn được cơn thịnh nộ. Tiếng quát tháo của Ngọc Hoàng dữ dội làm cho mọi người sợ hãi. Bữa tiệc vì thế mất vui. Người đàn bà nấu bếp cúi đầu nhận tội. Và sau đó thì cả hai người cùng bị đày xuống trần làm chổi để phải làm việc luôn tay không nghỉ và tìm thức ăn trong những rác rưởi dơ bẩn của trần gian. Đó là tội nặng nhất ở thiên đình.

Lâu về sau, thấy phạm nhân bày tỏ nông nỗi là phải làm khổ sai ngày này qua tháng khác không lúc nào ngơi tay, Ngọc Hoàng thương tình ra lệnh cho họ được nghỉ ba ngày trong một năm. Ba ngày đó là ba ngày Tết nguyên đán. Bởi vậy đời sau trong dịp Tết nguyên đán, người ta có tục lệ kiêng không quét nhà.

Người Việt-nam chúng ta có câu đố về cái chổi "*Trong nhà có một bà hay la liếm*" mô tả thần tình động tác quét nhà nhưng trong đó chắc còn có ngụ ý nhắc lại sự tích của cái chổi[1].

KHẢO DỊ

Truyện này tương tự một truyện của Trung-quốc trong *Phong thổ ký*. Truyện Trung-quốc không có ông lão chăn ngựa mà chỉ có người đàn bà nấu bếp nhà trời, và khi bị dày xuống trần thì người đàn bà đó hóa làm thần chổi.

Một truyện khác cũng của Trung-quốc chép trong *Sưu thần ký* kể gốc tích tục kiêng quét nhà và hốt rác trong những ngày Tết như sau: Có một người

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

tên là Âu Minh đi qua hồ Thanh-thảo. Nghe hắn than thân trách phận nghèo đói, ông thần hồ thương tình gọi lại và bảo: - "Ta sẽ giúp cho con khỏi đói khổ. Về nhà, cứ gọi mấy tiếng "như nguyện" là sẽ được vừa ý". Về đến nhà, hắn gọi lên mấy tiếng "như nguyện", tự nhiên thấy có một người nữ tỳ tìm đến nhà xin giúp việc. Nàng rất đảm đang và thông thạo mọi việc. Từ đó hắn buôn bán phát tài, buôn gì lãi nấy và trở nên giàu có trong bao nhiêu năm.

Nhưng một năm nọ, vào buổi sáng mồng một Tết, hắn nổi giận vì người nữ tỳ không làm vừa ý mình. Hắn lấy roi vụt lấy vụt để vào người nàng. Nàng la lên và bỏ chạy. Hắn đuổi theo. Thoắt một cái nàng chui vào đống rác trước nhà rồi mất hút. Người nhà hắn tìm mãi không thấy. Họ xúc rác đổ đi, có ý bức nàng xuất hiện. Nhưng rốt cuộc chả thấy đâu cả. Từ đó Âu Minh buôn thua bán lỗ và sa sút dần, đến nỗi sau này bị cùng khổ.

Người đời sau tin theo truyện này nên ngày Tết không quét nhà và hốt rác để mong được phát tài.

21. SỰ TÍCH ÔNG ĐẦU RAU[1]

Ngày xưa, có hai vợ chồng son nhà nghèo. Họ đều sinh nhai bằng nghề làm thuê làm mướn. Tuy nghèo nhưng họ rất yêu nhau. Thường buổi tối sau khi đi làm về, hai vợ chồng ngồi bên bếp lửa hay dưới ánh trăng kể cho nhau những chuyện xa gần mới nghe được, hay hát những câu tình duyên, có khi vui vẻ quên cả cơm nước.

Một năm trời làm mất mùa, hạt gạo kiếm rất khó khăn. Tình trạng đói kém diễn ra khắp mọi miền. Hai vợ chồng theo lệ cũ đi tìm việc ở các nhà giàu nhưng chả mấy ai thuê nữa. Người vay công lĩnh nợ thì đông mà gạo rất khan hiếm nên khó chen vào lọt. Hơn nữa, cổng mấy lão trọc phú lại thường đóng chặt vì chúng không muốn cho ai quấy nhiễu.

Túng thế hai vợ chồng phải đi mò cua bắt ốc, hoặc đào củ, hái rau về ăn. Tuy có đỡ phần nào nhưng tình thế vẫn không mảy may sáng sủa. Cái chết luôn luôn đe dọa họ vì trận đói còn kéo dài. Một buổi chiều, sau khi húp vội mấy bát canh rau má, chồng bảo vợ:

- Tôi phải đi một nơi khác kiếm ăn, không thể ở nhà được.

Nghe chồng nói, người đàn bà đòi đi theo để sống chết cho có bạn. Nhưng người chồng bảo:

- Tôi chưa biết sẽ đi đến đâu và sẽ phải làm những gì. Nàng ở nhà dễ sống hơn tôi, không nên theo làm gì cho vất vả. Chưa biết chừng tôi sẽ nằm lại dọc đường để cho loài chim đến than khóc. Nhưng cũng chưa biết chừng tôi lại mang những quan tiền tốt bó mo về đây nuôi nàng cũng nên! Chao ôi! Số mệnh! Nàng hãy chờ tôi trong ba năm, nghe!

1. Tức là ba hòn đất nung dùng để kê nồi lên mà nấu. Người miền Trung gọi là ông núc. Người miền Bắc gọi hòn ở giữa là cái đầu rau cái, hai hòn hai bên là đầu rau đực, gọi chung là ông đầu rau.

Hết ba năm không thấy tôi trở về ấy là tôi đã bỏ xác quê người. Nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Người vợ khóc lóc thảm thiết như đứng trước cảnh tang tóc thực sự. Nhưng không biết làm thế nào cả, nàng đành phải để chồng ra đi.

Sau khi tiễn chồng, người đàn bà kiếm được việc làm ở một nhà kia. Nhà họ không giàu gì nhưng thương cảnh ngộ nàng, có ý giúp đỡ cho qua những ngày thảm đạm. Ở đây, người đàn bà kiếm mỗi ngày hai bữa, trong đó có một bữa cháo bữa khoai. Nhờ lanh lẹn và xinh xắn nên nàng lấy được cảm tình của chủ. Nhưng hình dáng người chồng thân yêu không bao giờ phai nhạt trong tâm trí nàng.

Thời gian trôi nhanh như nước chảy. Người ta đã bớt nhắc đến trận đói khốc liệt vừa qua. Nàng thì ngày ngày hồi hộp chờ đợi chồng. Nhưng cây bưởi trước sân đã ba lần trổ hoa mà chồng nàng vẫn không thấy tăm dạng.

Giữa lúc ấy người chủ đã từng bao bọc nàng trong lúc đói, vừa chết vợ. Sẵn có cảm tình với nàng, người ấy ngỏ ý muốn được nối duyên cùng nàng. Nhưng người ấy đâu có hiểu được lòng của người thiếu phụ. Câu trả lời của nàng là:

- Chồng tôi hẹn tôi trong ba năm sẽ về. Đến bây giờ tôi mới tin là chồng tôi đã chết. Vậy cho tôi để tang chồng trong ba năm cho trọn đạo.

Ba năm nữa lại trôi qua một cách chóng vánh. Không một nét chữ, một lời đồn về người xấu số. Hàng ngày, những buổi chiều tà, nàng vẫn đăm đăm nhìn bóng người đi lại trên con đường cái quan. Và rồi nàng khóc cạn cả nước mắt. Người đàn ông kia giục nàng quyết định:

- Một là chồng nàng đã chết, hai là còn sống nhưng đã lập một gia đình khác ở một nơi xa xôi hẻo lánh. Đằng nào nàng cũng khó mong tái hợp. Âu là cùng tôi lập một gia đình mới. Sức của tôi và của của tôi đủ bảo đảm cho nàng sung sướng trọn đời.

Nàng sửa lại vành khăn trắng đã ngả màu, cảm ơn hậu tình của anh ta và xin rốn chờ cho một năm nữa. Một năm nữa lại trôi qua không mang lại một tin tức gì mới mẻ. Lần này nàng mới tin là chồng mình chết thật. Sau một bữa rượu cúng chồng và đãi họ hàng làng xóm, nàng đến ở cùng người chồng mới.

*

* *

Đột nhiên sau đó ba tháng, người chồng cũ xách khăn gói trở về quê hương. Chàng không có vẻ gì khấm khá hơn trước. Chàng chỉ ôm một hy vọng là được gặp lại người vợ yêu. Nhưng vườn cũ nay đã thuộc về chủ mới. Chàng lẩm bẩm: - "Thế là hết. Bởi số cả!".

Việc người đàn ông đột ngột trở về làm cho mọi người ngơ ngác. Nhất là đôi vợ chồng mới cưới không còn biết ăn nói làm sao bây giờ. Người đàn bà xấu hổ không dám dàn mặt. Nhưng người chồng cũ đã tìm đến họ và an ủi họ.

- Tôi đi vắng lâu quá. Cái đó hoàn toàn là lỗi ở tôi. Nàng xử sự như thế rất đúng. Tôi chỉ cần về gặp nàng một chút. Thế là đủ. Bây giờ tôi sẽ đi khỏi nơi này mãi mãi.

Mặc dầu người vợ nài nỷ hết sức, mặc dầu người chồng mới đoan xin trả lại vợ, nhưng chàng nhất quyết dứt áo ra đi. Chàng không nỡ phá hạnh phúc của họ. Mà chàng cũng không có gan đi đâu xa vì không thể quên được vợ cũ. Băn khoăn dằn vặt hành hạ tâm trí chàng. Đầu óc rối như mớ bòng bong. Chàng nghĩ đến cái chết và trong một lúc cuồng loạn, chàng tự treo cổ lên cây đa đầu làng.

Cái chết kinh khủng đó như một tiếng sét nổ vào đầu người đàn bà. Nàng cảm thấy chính mình là thủ phạm gây ra cái chết của người chồng cũ. Tại sao ta chờ chồng được bảy năm trời mà không rán chờ thêm ít lâu nữa? Tại sao thấy chồng trở về, ta không dám giáp mặt? Nàng không tự chủ được nữa. Tất cả những câu hỏi như lên án một cách âm thầm nhưng kịch liệt trong đầu óc nàng.

Thế rồi buổi sáng hôm sau, trong khi người ta sắp sửa cất đám người đàn ông bạc mệnh thì người ta lại hoảng hốt kéo nhau đi vớt tử thi người đàn bà dưới cái ao bên cạnh nhà.

Người chồng mới sau khi làm ma cho vợ, trở nên như người mất trí. Hai cái chết đánh mạnh vào đầu óc mọi người, riêng đối với chàng chưa bao giờ có một sự xúc động dữ dội đến như thế. Chàng luôn miệng kêu to: - "Tại sao ta cố ý cướp vợ của người khác!". Rồi một hôm, sau khi đem hết gia sản chia cho họ hàng và cúng vào chùa, chàng uống thuốc độc tự tử.

Lúc xuống đến thế giới bên kia, cả ba người đều được đưa tới trước tòa án của Diêm vương để định công luận tội. Tất cả mọi người một khi đã đến đây đều phải khai rõ sự thật ôm ấp trong lòng.

Theo lời khai của người chồng cũ thì chàng không thể nào xa lìa vợ cũ. Chàng sở dĩ chết ở làng là chỉ mong luôn luôn được gần gũi nàng. Người chồng mới cũng khai rằng chàng có cảm tình rất sâu xa đối với người vợ mới mặc dầu mới chính thức lấy nhau chỉ có ba tháng. Khi Diêm vương hỏi tình của chàng đối với người vợ cũ như thế nào thì chàng giơ ngón tay so sánh rằng một bên mười, một bên chưa được một. Đến lượt người đàn bà thì nàng thú thật rằng cái tình của nàng đối với chồng cũ choán một chỗ rộng rãi trong lòng mình, đồng thời đối với người chồng mới, nàng cũng không thể nào quên được tình cảm nồng nhiệt của chàng.

Diêm vương ngồi nghe rất cảm động. Những người như thế này cũng thật hiếm có. Cần phải làm cho bộ ba ấy sống gần nhau mãi mãi. Sau một hồi lâu suy nghĩ, Diêm vương cho ba người hóa thành ba ông đầu rau để cho họ khỏi lìa nhau và để cho ngọn lửa luôn luôn đốt nóng tình yêu của họ. Đồng thời, vua còn phong cho họ chức Táo quân trông nom từng bếp một, nghĩa là từng gia đình một trên trần thế[1].

KHẢO DỊ

Về *Sự tích ông đầu rau* hay *Sự tích thần Bếp* thì có khá nhiều, nội dung chỉ khác nhau về chi tiết. Một truyện chúng tôi đã kể trong *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, mục "Thần Bếp":

Xưa có hai vợ chồng Trọng Cao và Thị Nhi lấy nhau, đã lâu mà không có con. Một hôm vợ chồng cãi nhau, chồng giở thói vũ phu đánh vợ. Vợ bỏ nhà ra đi, sau đó kết duyên với một người khác tên là Phạm Lang. Về phần Trọng Cao khi vợ bỏ đi rồi thì mới thấy hối, bèn cũng bỏ nhà đi tìm. Tìm mãi không được, hết tiền ăn đường, đành phải ăn xin lần hồi.

Một hôm Trọng Cao tình cờ đến xin tại nhà Phạm Lang. Thị Nhi nhận ra chồng cũ; nhân chồng mới đi vắng, đưa vào thết đãi, rồi vì sợ chồng mới về

1. Theo *Pháp-Á tạp chí* (1952).

bắt gặp, mới dắt Trọng Cao ra nằm ở một đống rơm ngoài đồng. Nhưng nàng không ngờ rằng chỉ một lúc sau, đống rơm ấy lại bị Phạm Lang đốt đi để lấy tro bón ruộng. Cũng như truyện trên, thấy chồng cũ chết, Thị Nhi cũng nhảy vào lửa chết theo. Phạm Lang, rồi người dầy tớ lần lượt xông vào cứu cũng đều chết nốt. Họ đều được Ngọc Hoàng cho làm thần Bếp.

Một truyện khác do người Sơn-tây kể:

Có hai vợ chồng nghèo, chồng làm nghề buôn hương, vợ làm ruộng. Chồng thường xa vợ, thỉnh thoảng mới về nhà một lần. Có lúc ông ta đi suốt năm chỉ gửi tiền về cho vợ tiêu mà thôi.

Một chuyến chồng đi biền biệt không tiền nong tin tức gì cả, người vợ chờ mãi đến gần mười năm mà vẫn không thấy tăm dạng.

Rồi đó, người vợ nối duyên với một người khác chuyên nghề săn bắn và làm ruộng. Người này có nuôi một người dầy tớ tên là Lốc. Người chồng mới rất yêu quý vợ.

Một hôm, trong khi chồng mới và đầy tớ đi săn vắng thì người chồng cũ đột nhiên trở về sau bao nhiêu năm cách biệt. Ông bị giặc bắt lưu lạc trong rừng núi mãi đến nay mới trốn thoát được. Người vợ chỉ còn biết ôm lấy chồng cũ khóc than rồi dọn cơm rượu cho ăn. Khi chồng mới sắp về, vợ đưa chồng cũ ra ngoài đống rơm để tránh tiếng không hay.

Chủ và tớ đi săn về được một con cầy. Chồng giục vợ đi sắm mọi thứ để làm một bữa chén. Trong khi người đàn bà đi vắng thì người đầy tớ đốt đống rơm để thui con cầy. Lửa vô tình đã đốt chết người bán hương đang lúc ngủ say.

Giữa lúc đó thì vợ về. Thấy thế, nàng rất đau đớn, tự coi như mình phạm tội giết chồng cũ, vội nhảy vào đống lửa. Người chồng mới thương vợ cũng dâm đầu vào đó tự thiêu nốt. Người đầy tớ thương chủ, lại thêm hối hận vì tay mình đốt chết người nên cũng nhảy vào lửa chết theo.

Ba vợ chồng sau đó được Diêm vương cho hóa thành ba ông đầu rau. Còn người đầy tớ được hóa thành cái dùng để chặn đống nhấm, người ta quen gọi là thằng Lốc[1]. Trong những bức tranh Táo quân người ta không bao giờ quên vẽ người đầy tớ có nghĩa đứng bên cạnh ba người.

---

1. Ở nông thôn ngày xưa chưa có diêm. Thường về buổi chiều người ta phải đổ một mớ trấu bên cạnh bếp, trên có đè bằng một hòn đất nặn theo hình quả cân để cho nó cháy âm ỉ tới sáng, lúc cần thổi lên thành lửa mà dùng. Đống trấu đó gọi là "đống nhấm", hòn đất dùng để đè gọi là "thằng Lốc".

Một truyện thứ tư thấy chép trong *Dân Việt-nam* (1948):

Người chồng cũ mắc bệnh như bệnh hủi. Chồng khuyên vợ bỏ đi nhưng người vợ không nghe. Một hôm vợ đưa tiền gạo ra cho một người ăn mày, chồng giả cách vu cho vợ có tình ý với người đó. Vợ tức mình nhảy xuống sông tự tử nhưng sau lại được người ăn mày kia cứu thoát. Nỗi oan lại càng khó tỏ, người vợ dành bỏ đi theo người cứu mình và lấy anh ta làm chồng.

Người chồng cũ một thân một mình không ai giúp đỡ, phải đi hành khất. Tình cờ một hôm đến gõ cửa nhà vợ cũ, vợ vô tình đem tiền gạo ra cho. Thấy vợ, hắn bỏ chạy rồi dâm đầu vào một đống lửa. Vợ đuổi theo không cứu kịp cũng nhảy vào để chết theo. Người chồng mới cũng đuổi theo và nhảy luôn vào lửa khi thấy vợ chết. Xuống âm phủ họ đều được làm thần Bếp.

Người Cham-pa có truyện *Vua bếp* trong kết cấu có sự trộn lẫn cốt truyện *Sự tích thần Bếp* với cốt truyện *Ai mua hành tôi* của ta (số **135**, tập **III**):

Một thầy địa lý sắp chết dặn ba đứa con "khi bố chết đừng chôn vội, cứ khiêng xác đi về phương Nam, hễ nơi nào bố tự ý hạ xuống thì chôn ở đó". Bố chết, các con vâng lời, ba ngày vượt đồi leo núi hết hơi, xác mới rơi trên một tảng đá. Không ngờ đấy là hàm con rồng. Đêm lại rồng lần lượt báo mộng cho ba người con và xin biếu người thứ nhất một lọ bạc, người thứ hai một lọ vàng, người thứ ba một lọ nước thần. Nhưng cả ba nhận của biếu mà không chịu đời mộ. Trong khi hai anh giàu có thì người em út treo lọ nước lên xà nhà. Như truyện của ta, người vợ một hôm vô tình lấy xuống đổ ra tay thấy tay trắng, bèn đem tắm, người bỗng đẹp như tiên, hành và ngò mọc gần chỗ tắm lớn vồng lên lạ thường. Thấy người vợ của anh đẹp, vua bắt về cung. Anh chàng nhớ vợ bèn nhổ hành và ngò làm một gánh tiến kinh, rao: - "Ai mua hành cao năm thước hai, ngò cao ba thước sáu". Vợ nghe, biết là chồng cũ, gọi vào tính tự. Mấy lần như thế, vua ngờ vực, dặn lính hễ thấy ai rao như thế là bắt. Khi bắt được người chồng, vua muốn thử vợ, bèn đổi áo quần cho người bán hành, rồi gánh gánh hành ngò đi rao. Không ngờ vua bị lính bắt. Kết cục khác với chuyện *Ai mua hành tôi* của ta là anh hàng hành đang mặc áo của vua liền ra lệnh đốt chết nhà vua trong bộ áo hàng hành. Hoàng hậu tưởng là vua giết mất chồng cũ nên nhảy vào lửa chết theo. Anh hàng hành thấy vậy cũng nhảy vào lửa chết nốt. Về sau họ được phong làm vua Bếp[1].

Người Quảng-đông (Trung-quốc) cũng thờ thần Bếp, và cũng cúng thần vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch. Họ có nhiều truyện thần Bếp khác với truyện của ta.

1. Theo Vũ Lang. *Cổ tích Chàm và cổ tích Việt-nam Văn hóa Á-châu*, số 16 (1959).

Sau đây là một truyện phần nào gần truyện của ta ở một vài tình tiết:

Xưa có Trương Lang lấy vợ là Đinh Hương. Chồng bỏ đi buôn xa không có tin về. Vợ ở nhà chăm nom bố mẹ chồng rất hiếu thảo. Sau mười năm, bố mẹ chồng lần lượt chết cả mà chồng vẫn không thấy về.

Đột nhiên một hôm chồng trở về với nhiều của cải. Vợ không ngờ chồng về đến nhà là viết tờ ly dị. Hắn cho vợ một cỗ xe, một con bò rồi đuổi đi. Vợ gạt nước mắt ra đi không biết về đâu vì bố mẹ thân thích chẳng còn ai; mới bảo bò:- "Bò ơi! Mày đi đến đâu tao sẽ theo mày tới đó". Bò đi mãi, đưa đến nhà một bà lão. Bà lão thấy Đinh Hương tốt nết, bèn hỏi cho con trai làm vợ. Hai vợ chồng rất tương dắc.

Trương Lang sau khi đuổi Đinh Hương, lấy vợ khác. Không may một hôm nhà cháy, của cải không còn lại tí gì, hơn nữa mắt lại bị lòa, đành phải đi ăn xin.

Tình cờ một hôm vào ngày 23 tháng Chạp, hắn đến nhà Đinh Hương. Người ta cho hắn một bát cơm. Ăn hết, hắn xin bát thứ hai, thứ ba. Lần thứ ba Đinh Hương nghe tiếng quen quen, nhìn ra mới biết là chồng cũ, liền đưa cho một bát miến, nhưng hữu ý bỏ cái trâm cài đầu của mình vào đáy bát. Trương Lang ăn đến đó tưởng là miếng bã đậu quẳng đi rồi xin bát khác. Đinh Hương mới lên tiếng cho hắn biết mình là ai.

Trương Lang hổ thẹn lăn ra chết. Sau đó, Ngọc Hoàng thấy hắn là người cùng họ với mình bèn phong cho làm Táo vương. Người ta nể Ngọc Hoàng dành phải cúng hắn, nhưng họ lấy lẽ rằng hắn chết sau khi ăn bát miến của Đinh Hương nên đến ngày đó chỉ cúng có mỗi một bát miến[1].

Một truyện của người miền Nam Ấn-độ về mặt hình tượng có thể xếp gần với truyện của ta:

Có hai người Sô-ma-ray-ia và Bi-ma-ray-ia trở thành bạn chí thiết, tuy họ chưa bao giờ đến nhà nhau. Một hôm Bi-ma-ray-ia thấy vợ bạn (nhưng không biết là vợ bạn) đẹp, mới tha thiết nhờ bạn giúp cho mình được sống một đêm với người đàn bà ấy. Đúng giữa hai quan hệ tình vợ và tình bạn, Sô-ma-ray-ia không dám nói thật với bạn đó là vợ mình, hắn dành hy sinh cho bạn. Vợ

1. Theo tạp chí *Dân gian văn học* (Trung-quốc) (2-1957).

Sô-ma-ray-ia rất đau khổ nhưng không dám trái ý chồng, coi trái ý chồng là một tội lỗi. Nhưng lúc Bi-ma-ray-ia đến nhà thì biết người đàn bà ấy không phải là người trăng hoa, mà là một người có đức hạnh. Và sau đó, nhìn thấy gươm của Sô-ma-ray-ia treo ở buồng, hắn biết thêm nàng chính là vợ bạn. Nhận ra lỗi lầm, hắn bèn tuốt gươm tự dâm cổ chết. Vợ Sô-ma-ray-ia thấy thế cho là mình cũng có tội, bèn cũng dâm cổ chết theo. Sô-ma-ray-ia khi nhìn thấy hai cái xác thì vô cùng hối hận cũng toan dâm cổ tự sát nhưng thần Xi-va đã xuất hiện và mang cả ba lên trời[1].

1. Theo A-lan (Alan). *Gô-pan-pua, một làng ở Nam Ấn-độ.*

22. SỰ TÍCH ÔNG BÌNH VÔI

Ngày xưa, có một người con gái con một nhà giàu có. Cô rất đẹp nhưng cũng rất kiêu. Cô đã từng làm cho các bạn gái xa lánh mình. Cô làm cho các chàng trai ghét cô vô hạn. Cũng vì thế đến tuổi lấy chồng, cô gái vẫn chưa có đám nào vừa ý. Chàng trai nào cũng bị cô sổ toẹt, vì "cao chê ngỏng, thấp chê lùn, lớn chê béo trục béo tròn, gầy chê xương sống xương sườn bày ra".

Nhưng rồi cô cũng lấy được chồng. Chồng cô yêu vợ nhưng lại bực mình vì thói ghen của vợ. Cô ghen chồng làm cho xóm giềng luôn cau mặt vì những lời qua tiếng lại của họ. Cuối cùng hai người không vừa ý nhau và ly dị. Buồn bực vì duyên phận, cô bỏ đi tu.

Cô xuất gia ở một ngôi chùa cổ trên núi suốt hai mươi năm. Những con chim, con thú rừng hầu như quen thuộc bóng dáng của người sư nữ. Hai mươi năm qua, cô vẫn chưa đắc đạo. Cô thắc mắc, vì tự cho mình thông kinh kệ hơn người và chịu đủ mọi sự khổ hạnh của nhà chiền. Một ngày kia cô quyết định sang Tây-trúc một phen để tìm cho ra lẽ. Đường sang Tây-trúc thiên nguy vạn hiểm nhưng cô quyết định đi cho bằng được.

Một hôm, sau khi vượt qua một trái núi, sư nữ tìm vào một ngôi nhà hẻo lánh dọc đường để nghỉ chân. Hai mẹ con chủ nhân tuy người rừng núi quê mùa nhưng vốn là kẻ ăn chay niệm Phật, nên thấy khách là nhà tu hành thì tiếp đãi rất hậu. Khi được nghe kể công trình tu luyện của sư nữ họ càng cung kính, coi như bậc thầy. Và khi biết rõ ý định của sư nữ thì họ cũng xin phép bỏ nhà bỏ cửa đi theo thầy để mong được đắc đạo. Nghe họ cầu khẩn, sư nữ cười: - "Hai mẹ con nhà này cũng muốn thành Phật ư? Được, cứ đi theo ta!". Nhưng bụng nàng bảo dạ: - "Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre".

Từ hôm đó nhà sư có thêm hai người bạn đồng hành. Chân bớt mỏi,

đường bốt dài, họ đi chả mấy chốc đã tới đất Thánh. Từ trước đến sau, hai mẹ con nhà nọ vẫn cung kính, coi sư nữ như thầy. Còn sư nữ đối với họ không được như trước: - "Không biết chừng họ được thành Phật trước ta. Họ sẽ hơn ta... Bọn này mà đắc đạo, thật là một điều nhục cho Thiền môn".

Nói chuyện đức Phật khi vừa nghe tin có người tìm đường đến Tây-trúc cầu đạo, vội hóa thân đi theo dõi. Từ đầu đến cuối, đức Phật vẫn không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ nào của sư nữ. Khi họ sắp qua một con sông rộng, đức Phật hóa phép hiện ra ở bên kia bờ một tòa cổ tự, trước cửa có một cây bồ đề rất lớn, để chờ họ.

Muốn cho hai mẹ con khỏi lẽo đẽo theo mình đến đất Thánh, nên khi qua sông sư nữ giả cách ngạc nhiên, chỉ ngôi chùa và ngôi đền mà bảo rằng:

- Kìa, chúng ta đã tới Tây-trúc. Chóng thật! Chính là cây bồ đề của đức Thế Tôn tu luyện ngày xưa. Thôi! Hai mẹ con cứ việc trèo lên một cành cao niệm kinh rồi buông tay rơi xuống là tức khắc thành Phật!

Tin tưởng ở lời nói của bậc thầy, hai mẹ con mừng rỡ làm theo không chút ngần ngại. Nhưng khi họ buông tay cho người rơi xuống thì đức Phật đã đón họ đưa lên trời. Có bốn vị La hán mang tòa sen đến rước đi. Tay hai mẹ con vẫy vẫy như có ý gọi người bạn đồng hành.

- "Đúng là họ thành Phật rồi!". Sư nữ vừa kinh ngạc vừa mừng, vội trèo lên cây để làm như họ và để mong được như họ. Nhưng đức Phật đã có ý trừng phạt người đàn bà kiêu ngạo và độc ác ấy một cách đích đáng, nên đã để cho cái xác rơi phịch xuống đất, tan xương vỡ sọ. Và sau đó đức Phật lại bắt con người khốn nạn ấy hóa thành bình vôi. Tại sao lại cho hóa thành bình vôi? Có người bảo chính là đức Phật muốn bắt những kẻ trong lòng bất nhân, nhưng lại đeo bộ dạng từ bi, phải để cho người đời luôn luôn móc ruột[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và lời kể của người miền Nam.

KHẢO DỊ

Một truyện khác nhiều tính chất phật thoại cũng nói về sự tích ông bình vôi:

Có một anh ăn trộm từng sống bao nhiêu năm với nghề. Hắn ta không vợ con gia sản, chỉ độc có một túp lều bên cạnh đường cái. Một hôm, có cặp vợ chồng người ăn mày qua đó xin trú chân. Hắn cho họ ở lại và sau đó hắn thấy chồng bảo vợ: - "Hôm nay không xin được tí gì cả. Gần đây có một nương khoai, chờ đến tối tôi sẽ đào trộm về ăn". Vợ can chồng: - "Thôi đi ông! Chỉ vì kiếp trước chúng ta ăn ở thất đức nên mới như thế này. Có lẽ nào phạm thêm vào cho nặng tội kiếp sau. Tôi thà chết không ăn trộm!".

Người ăn trộm nghe chuyện bỗng dưng hối hận. Cuối cùng hắn giao tất cả nhà cửa cho hai vợ chồng người ăn mày rồi bỏ đi. Hắn tìm đến một ngôi chùa trên núi cao xin hòa thượng cho cạo đầu tu hành. Người ta giao cho hắn công việc nấu ăn: một bữa phải nấu từ tinh sương và một bữa từ chiều. Phận sự của hắn là giữ lửa không được để tắt, vì một lần tắt lửa thì lại phải xuống núi xin về, cách xa hàng bao nhiêu dặm.

Từ lúc nhận việc nhà chùa, hắn tỏ ra chu đáo lạ thường, chưa có bữa nào để lửa tắt. Một sư bác trên chùa ghét chú tiểu mới, bèn chờ một hôm tiểu ta ngủ say, tưới tắt lửa nhấm ở bếp.

Gần sáng, chú tiểu dậy thấy không còn lửa, nghĩ đến phận sự, vội vã ba chân bốn cẳng vượt mấy khu rừng tìm xuống làng xin lửa. Giữa đường hắn gặp một con cọp già đòi ăn thịt. - "Tôi vui lòng để ngài xơi thịt - hắn nói - nhưng hãy cho tôi chạy xuống làng xin lửa cho nhà chùa, rồi tôi sẽ tới nộp mạng". Cọp bằng lòng để cho đi. Khi đưa được lửa về, hắn kể sự tình và xin phép hòa thượng cho đi nộp mình cho cọp. Đến nơi, cọp bảo: - "Tao già rồi, răng đã rụng hết mà xương của mày cứng khó nhai. Vậy mày hãy trèo lên cây kia buông mình rơi xuống cho gẫy xương, tao mới ăn được". Hắn vâng lời cọp, nhưng khi buông tay thì đức Phật đã đón sẵn rước lên trời, độ cho thành Phật, tức là Phật Nhiên Đăng.

Vị sư bác kia thấy chú tiểu chỉ bằng vài hành động đơn giản mà được thành chính quả thì cũng muốn được như thế. Hắn bèn xin phép hòa thượng cho mình ra đương việc nấu ăn và giữ lửa. Thế rồi một hôm hắn cũng giả tảng để cho lửa tắt, rồi cũng chạy xuống núi xin lửa. Và hắn cũng gặp cọp, cũng khất cọp xin đưa lửa về cho nhà chùa dùng rồi sau đó sẽ xin nộp mình. Nhưng đức

Phật vốn hiểu rõ những việc làm của hắn xuất phát từ tấm lòng không thành thực, nên khi hắn trèo lên cây và buông tay, thì Phật lập tức bắt hắn hóa thành bình vôi[1].

Một dị bản của truyện trên cũng là một phật thoại, là *Sự tích cái ống nhổ*. Ở đây cũng có hai nhân vật chính là chú tiểu và sư bác. Chú tiểu mới đi tu nhưng rất chăm chỉ, biết lo lắng làm tròn chức trách. Thấy lửa ở đống nhấm tắt (kỳ thực là do sư bác ghen tỵ phun nước cho tắt), tiểu không nề hiểm nguy, chạy xuống núi vào lúc mờ sáng để có lửa về kịp nấu ăn cho nhà chùa. Phật hiện ra với trạng mạo một ông già khuyên can chú tiểu đừng đi, nhưng thấy chú cương quyết đi, bèn bảo chú trèo lên cây buông tay xuống, sẽ có kẻ đưa đi an toàn. Quả nhiên chú tiểu buông tay rơi đúng trên lưng một con muông; nó đưa chú xuống làng, rồi sau khi xin được lửa, lại đưa về vô sự.

Sư bác vốn không phải là chân tu, nhưng thấy chú tiểu gặp Phật, cũng muốn được như vậy, bèn cũng xin ra làm công việc nấu ăn và giữ lửa; sau đó hắn dã để tắt lửa và cũng được gặp Phật. Nhưng khi buông tay thì Phật đã bắt hắn hóa thành cái ống nhổ, miệng luôn luôn há ra cho người ta khạc nhổ vào, để tỏ lòng khinh bỉ[2].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và Vương Hồng Sển, trong *Tập san của Hội nghiên cứu Đông-dương* (*BSEI*), tập XXV, số 1 (1950).
2. Theo Lê Văn Phát. Sách đã dẫn.

23. SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT

Ngày ấy, không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẽ ruộng đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít. Cuối cùng, chúng nó bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là "ăn ngọn cho gốc". Người không chịu. Chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng xương bọc da thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý, Người cơ hồ muốn chết rũ.

Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp Người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng như Phật dặn. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng thể lệ như mùa trước: "Ăn ngọn cho gốc".

Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy những gánh khoai lúc lỉu chạy về nhà Người đổ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhá nổi. Nhưng ác nỗi, thể lệ đã quy định, chúng nó đành cứng họng không thể chối cãi vào đâu được.

Sang mùa khác, Quỷ thay thể lệ mới là "ăn gốc cho ngọn". Phật bảo Người chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quỷ lại hỏng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố "ăn cả gốc lẫn ngọn". Lần này Quỷ nghĩ: - "Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao". Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới. Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi chỗ.

Năm ấy lại một lần nữa Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết, từng gánh ngô đã gánh về chứa từng cót đầy ắp. Về phần Quỷ lại bị một vố cay chua, túc uất hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quỷ nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ: - "Thà không được gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình".

Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hễ bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đó. Ban đầu Quỷ không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời: - "Ồ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu". Chúng nó nghĩ thế. Hai bên làm tờ giao ước: ngoài bóng che là đất của Quỷ, trong bóng che là của Người.

Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn, tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ có sự phi thường như thế; mỗi lần bóng áo lấn dần vào đất chúng, chúng phải dắt nhau lùi mãi, lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông.

Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Người, Quỷ rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần này Người phải chiến đấu với Quỷ rất gay go vì quân đội của Quỷ có đủ một bầy ác thú như voi, ngựa, chó ngao, bạch xà, hắc hổ, v.v... rất hung dữ. Phật cầm gậy tầm xích đánh giúp Người, làm cho quân của Quỷ không tiến lên được.

Sau mấy trận bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì. Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đối lại Phật cũng dò hỏi và biết quân của Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ: máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột.

Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi đem máu chó vẩy khắp mọi nơi. Quân của Quỷ thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy.

Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuối vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn rồi giã tỏi phun vào quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tỏi nên cũng cắm đầu chạy biệt tích.

Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đày ra biển Đông[1]. Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiểu não. Chúng rập đầu sát đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước. Phật thấy chúng khóc váng cả lên mới thương hại, hứa cho.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền, thì người ta theo tục cũ, trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên nêu có khánh đất, mỗi khi gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn luôn nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mỏ hái để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía Đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ[2].

Có câu tục ngữ:

Cành đa lá dứa treo kiêu (cao),
Vôi bột rắc ngõ chó trêu mọi nhà.
Quỷ vào thì quỷ lại ra,
Cành đa lá dứa thì ta cứa mồm[3].

Ngày xưa người ta còn tin rằng những lúc cần đuổi Quỷ như khi có dịch tễ chẳng hạn, thì treo một nắm lá dứa ở trước ngõ hay vẩy máu chó khắp mọi nơi cho Quỷ khỏi quấy. Đàn bà thường buộc tỏi vào giải yếm là cũng có một mục đích gần như vậy.

1. Đoạn giữa này theo *Tạp chí chúng tôi*, đã dẫn (1910).
2. Toàn truyện theo lời kể của người Hà-tĩnh. Đồng bào Mường ở châu Đà-bắc (Hòa-bình) cũng có truyện *Sự tích cây nêu* tương tự như trên nhưng kể có phần sơ lược.
3. Theo lời kể của người Sơn-tây.

KHẢO DỊ

Truyện này có phần tương tự với truyện *Nông dân với Thành hoàng* của người miền Đông tỉnh Chiết-giang (Trung-quốc):

Ngày đó ở miếu Thành hoàng có hội hương khói, ai nấy cố biện lễ vật để cầu thần phù hộ. Thành hoàng sai một tiểu quỷ đi thám thính xem ai cúng nhiều cúng ít. Quỷ trở về cho Thành hoàng biết lễ vật linh đình nhất là của tên nhà giàu trong vùng, còn ít nhất là của một nông dân hay đi qua trước miếu. Thành hoàng nghe nói tức giận, bảo phán quan và tiểu quỷ làm cho lúa của anh nông dân kia "đầu bé dít to" cho bõ ghét.

Cụ già giữ miếu nghe được liền mách với anh nông dân. Anh chàng bèn đổi việc trồng lúa ra trồng khoai môn nên vụ thu hoạch năm đó được rất nhiều. Phán quan và tiểu quỷ thấy thế về tâu lại cho Thành hoàng biết. Thành hoàng tức giận lắm, bàn kế bảo làm cho hoa màu của nó "đầu nhỏ bụng to dít bé". Anh nông dân lại được ông từ mách cho việc ấy, bèn nghĩ ra kế trồng ngô thay cho khoai môn. Năm đó, vụ ngô của anh trúng, làm cho cả Thành hoàng lẫn tiểu quỷ tức đến lộn ruột. Chúng lại bàn tính làm cho hoa màu "từ đầu đến dít đều to như nhau". Lần này anh nông dân lại trồng mía. Kết quả mía mọc tốt như một khu rừng làm cho Thành hoàng tức điên lên, nọc cổ phán quan và tiểu quỷ đánh năm mươi hèo. Phán quan và tiểu quỷ lại hiến kế "đầu to dít bé". Không ngờ anh nông dân lại trở lại trồng lúa. Vụ lúa năm ấy thắng lợi, anh chàng mới sắm sửa làm một ngôi nhà gạch.

Trong khi đó ở miếu, Thành hoàng luôn tay đánh đập phán quan và tiểu quỷ. Bọn này chờ chủ nguôi giận mới dâng một mẹo là dùng thuật tàng hình đến nhà nó chờ khi lắp rầm, hễ thấy thợ lắp dàng này thì tháo dàng kia, lắp dàng kia thì tháo dàng này. Như thế nhà chả bao giờ làm xong, cơm gạo của nó sẽ bị bọn thợ mộc ăn hết. Thành hoàng bằng lòng sai đi.

Ở nhà anh nông dân, thợ mộc lắp rầm mãi không xong, gõ đầu này vào thì đầu kia bị phán quan và tiểu quỷ tháo ra. Tức mình bác phó mộc nói to: - "Gõ mạnh vào đầu phán quan[1] ấy!" Phán quan nghe nói hoảng sợ dắt tiểu quỷ lủi một mạch.

Từ đó chúng không dám quấy nhiễu anh nông dân nữa[2].

1. Thợ mộc Trung-quốc gọi chỗ gác trên hai đầu nóc của cây rầm là "đầu phán quan".
2. Theo *Dân gian văn nghệ tuyển tập*.

Người Pháp có truyện *Nông dân với quỷ*:

Một anh nông dân bình thường nhưng làm việc giỏi, dũng cảm và có mưu trí. Một con quỷ mắt sáng bắt anh làm tá điền. Quỷ đòi "ăn phần ngọn" - "Được!". Hai bên làm giao kèo. Mùa ấy anh ta trồng toàn củ cải và thu hoạch củ bộn bề trong khi đó phần của quỷ chỉ toàn lá. Quỷ bảo: - "Mày không thể chơi tao lần thứ hai. Năm tới tao ăn phần gốc". - "Được!". Anh lại vãi lúa mạch và làm cho phần của quỷ chỉ toàn là rạ. - "Năm tới tao ăn cả gốc lẫn ngọn". "Được!". Lần này anh trồng toàn đậu leo. Quỷ chỉ được rễ và dây lá. Quỷ điên tiết, bảo: - "Cách chia thế này không thể kéo dài được. Phải quyết định ai làm chủ trại. Mai sáng mặt trời mọc hai ta gặp nhau ở cầu Quỷ". - "Để làm gì?" - "Mỗi bên cưỡi lên một con vật rồi thử đoán của nhau xem là con vật gì. Nếu tao đoán đúng con của mày thì tao sẽ hưởng tất cả thu hoạch. Nếu mày đoán đúng con của tao thì mày sẽ làm chủ tất cả".

Sáng mai, anh nông dân thức vợ dậy sớm bảo cởi sơ mi bôi mật từ đỉnh đầu đến gót chân, rồi lăn đi lăn lại trên một cái giường lông mười lần, hai mươi lần, trông y như là một bồ nhìn đầy lông, lại buộc một cái đuôi lừa ở mũi, rồi làm bộ thắng cương đi đến cầu Quỷ, nấp trong lau sậy. Hai bên gặp nhau, anh nông dân đoán ra ngay con vật mà quỷ cưỡi là con lừa, còn về phía quỷ thì hắn nhìn mãi nhưng không thể biết được con vật mà anh nông dân cưỡi là con gì. Nó không đầu không đuôi, bốn chân lông ngỗng mà lại có đuôi ở mõm. Quỷ lắc đầu: - "Lạ quá! Thôi mày giữ lấy trại. Tao không muốn đặt chân lên cái xứ sở có những chuyện kỳ quặc nữa"[1].

Truyện ngụ ngôn *Con cáo và con gấu* của người Nga cũng có những hình ảnh tương tự:

Cáo rủ gấu cày cấy làm chung ăn riêng. Cáo quy định "tao ăn gốc mày ăn ngọn". Vụ hạ năm ấy cáo trồng củ cải nên gấu chả được miếng gì. Tức mình, gấu đòi "lần này tao ăn gốc mày ăn ngọn". Nhưng gấu không ngờ vụ đông lại là vụ lúa mạch, chung quy cũng lại thất bại nốt.

Đồng bào Tày cũng có một truyện giống với các truyện trên nhưng không có kết cục cày nêu:

Chạ thuê trâu của Ngọc Hoàng về cày, điều kiện của Ngọc hoàng cũng là "ăn ngọn cho gốc"; mùa đầu tiên, bao nhiêu thu hoạch về tay Ngọc hoàng. Lần

1. Pua-ra (Pourra): *Kho tàng truyện cổ tích*, quyển III, đã dẫn.

sau, Chạ trồng khoai lang. Ngọc hoàng bị hỏng ăn, thay đổi điều kiện là "ăn gốc cho ngọn". Chạ lại làm cho Ngọc hoàng hỏng ăn bằng cách trồng lúa mạch. Đến khi điều kiện của Ngọc hoàng là "ăn cả gốc lẫn ngọn", Chạ lại trồng ngô. Ngọc hoàng giận đòi lại trâu, Chạ mang lên trả, nhưng sau đó bắt trộm trâu xuống trần bằng cách kéo trâu đi giật lùi. Thành thử Ngọc hoàng không tìm ra dấu vết để truy ra thủ phạm.

Truyện *Sự tích hồ Hai bể* do người Dao kể phần nào cũng giống với truyện của đồng bào Tày (xem **Khảo dị**, truyện số **27**).

Về *Sự tích cây nêu ngày Tết*, Việt-nam còn có một truyện khác cũng kể việc đánh nhau giữa Phật và quỷ nhưng có nhiều chi tiết khác với truyện kể trên kia. Tuy trong đó có mượn những tên Tấn, Ngụy, Hàn, v.v... nhưng cốt truyện vẫn không có vẻ là của nước ngoài:

Xưa có một ông vua nước Tấn hiếm hoi. Ao ước có một mụn con, vua bèn lập đàn khấn trời cầu tự. Lòng thành của vua cảm động đến Ngọc hoàng. Ngọc hoàng hỏi các thiên thần xem ai muốn đầu thai làm con vua Tấn, nhưng các thiên thần đều từ chối. Sau cùng Ngọc Hoàng bắt con gái mình là công chúa Lý Hoa giáng sinh làm con vua Tấn trong một hạn là 40 năm.

Từ đó hoàng hậu vợ vua Tấn có mang sinh được một người con gái. Vua rất yêu quý đặt tên là Ngọc Chân. Khi công chúa đã đến tuổi lấy chồng có nhiều con vua các nước láng giềng đến hỏi làm vợ. Vua Tấn không biết gả cho ai bèn yết bảng ở trước cửa thành rằng: "Ai có *voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, ngan chín mắt và chín mâm ngọc quý* đem đến thì sẽ gả công chúa".

Buổi ấy, ở trên tầng mây thứ ba có chúa quỷ cầm đầu một nước dân quỷ. Ngày 24 tháng Chạp là ngày quỷ xuống hạ giới chơi. Lần ấy, khi chúa quỷ đi qua nước Tấn thấy bảng yết thế bèn hóa phép chi trong một chốc có đủ mọi thứ lễ vật, rồi tự xưng là con vua nước Ngụy đến hỏi công chúa Ngọc Chân.

Vua Tấn y ước gả con. Chúa quỷ ở gửi rể được ba tháng, xin vua đưa vợ về nước. Vua Tấn phái quan quân 500 người hộ tống hai vợ chồng. Khi đến cửa ải, chúa quỷ hóa phép làm cho trời tối tăm mù mịt, bão táp nổi lên dùng dùng, quân gia tán lạc mỗi người một ngả. Thừa dịp đó chúa quỷ dưa công chúa cưỡi voi chín ngà đi biệt. Sau khi bão tạnh, quan quân tìm mãi không thấy hai vợ chồng công chúa, đành trở về triều.

Lại nói chuyện giữa lúc chúa quỷ nổi gió bão thì chính là lúc Phật bà Quan âm đi qua vùng đó. Thấy công chúa mắc nạn, Phật bà hóa thân xuống làm một bà lão bán hàng đón đường chúa quỷ để cứu công chúa. Chúa quỷ đưa công chúa đi một quãng xa thấy đói bụng bèn nghỉ lại rồi bắt voi rút ruột ra ăn. Công chúa trông thấy rất sợ hãi. Ăn xong, chúa quỷ đưa công chúa đi qua mấy khoảng rừng rậm rạp đầy gai góc. Trông thấy một cái quán bán hàng, chúa quỷ bèn gửi công chúa cho bà lão để mình về trước đem quân ra đón vợ. Bà lão bán hàng tức Phật bà Quan âm, sau khi hỏi công chúa, biết rõ sự tình bèn trao cho nàng một cái áo khoác và chỉ lối cho về.

Khi chúa quỷ đưa quân đến nơi thấy mất vợ, nổi giận sai quân bắt bà lão. Nhưng Phật bà đã sai Kim Cương La hán phục sẵn mọi nơi xông ra đánh quỷ. Hai bên đánh nhau mấy ngày đêm chưa phân thắng bại. Quỷ hỏi Phật sợ gì? Phật bảo sợ oản chuối. Phật hỏi lại quỷ sợ gì thì quỷ đáp là sợ cung tên. Quỷ lấy oản chuối ném quân Phật. Các vị Kim Cương La hán nhặt lấy làm lương ăn. Trong khi đó Phật làm cung tên bắn vào quỷ. Quỷ thua. Phật bắt được bỏ vào túi. Thấy chúa quỷ van lạy xin tha, Phật dày cả bọn ra biển rồi cắm nêu bắt chúng phải ở phía Đông, không được tự tiện vào đất của Phật.

Công chúa Ngọc Chân thoát khỏi tay quỷ cứ theo đường Phật chỉ, chạy mãi không kể bụi bờ, gai góc gì cả. Qua mấy khoảng rừng rậm đến bờ sông lớn, công chúa mệt quá bèn trèo lên một hòn đá lớn ngủ thiếp đi. Tình cờ hôm ấy vua Thủy có việc đi qua đó. Thấy một người con gái rất đẹp đang ngủ mê mệt, hai bàn chân đầy gai cắm vào, máu chảy ròng ròng, vua bèn bước lại nhổ gai cho nàng. Đến cái gai cuối cùng cắm sâu quá, nhổ đau, làm cho công chúa thức dậy. Thốt nhiên công chúa có cảm tình với người trai lạ bèn kể mọi chuyện vừa qua cho nghe. Vua Thủy đưa công chúa về Thủy cung làm vợ, yêu chiều hết mực. Cũng vì thế những người vợ khác của vua Thủy nổi ghen, họ lừa khi chồng lên chầu Ngọc hoàng vắng, đẩy công chúa xuống một cái vực sâu thẳm đầy thuồng luồng. Nhưng họ không ngờ công chúa được quân hầu thân tín của vua Thủy cứu thoát. Khi vua Thủy về, công chúa khóc lóc xin trở về trần. Vua Thủy đành để nàng lên đất, lại cho nàng một cành hoa, dặn hễ lúc nào có việc cần cứ đem cành hoa ra gọi, vua sẽ đến giúp đỡ.

Công chúa Ngọc Chân lên trần đúng ngay vào giữa địa phận nước Hàn. Người ta đưa nàng về triều. Vua nước Hàn say mê sắc đẹp của nàng bèn lấy làm vợ, yêu mến hơn tất cả các vợ khác. Các cung tần nhà vua thấy thế lấy làm ghen tức bèn xin vua mở một cuộc thi khâu vá và nấu ăn giữa các vợ vua, ai vụng sẽ phải đày ra lãnh cung. Công chúa không quen việc khâu vá nấu ăn, đành ngồi bó tay. Nhưng bỗng nàng nhớ đến cành hoa bèn cầu vua Thủy.

Vua Thủy đến hỏi chuyện đầu đuôi rồi sai bộ hạ giúp nàng. Vua còn hóa phép làm một trận bão lớn bụi bay mù mịt vào cỗ bàn của các cung tần khác của vua Hàn. Vì thế khi chấm thi, công chúa được giải nhất còn các cung tần khác đều bị đày ra lãnh cung. Nhưng công chúa xin chồng tha cho tất cả. Bọn họ cảm cái ơn của nàng, ai nấy đều xin vua Hàn tôn làm chính cung hoàng hậu.

Công chúa về sau sinh được hai con trai. Nàng đẻ một con nối ngôi Hàn và một con về nối ngôi Tấn. Người ta nói ngày 24 tháng Chạp là ngày quỷ hay vào đất liền, nên trồng nêu vào ngày đó[1].

Đồng bào miền Nam có người kể truyện *Cây nêu ngày Tết* có khác ít nhiều:

Ngày xưa có một con chó nhà Trời tên là Thiên linh cẩu, chuyên ăn hồn người chết. Nó thường xuống trần vào những ngày đầu năm là những ngày hồn người chết thường trở về thăm gia đình. Chó thường lục lọi các nhà, vồ lấy các hồn mới chân ướt chân ráo về thăm con cháu, chén thỏa thích. Vì thế năm hết Tết đến là thời kỳ mà loài người đau khổ vì nạn Thiên linh cẩu.

Một pháp sư tên là Khương Thượng thương hại loài người, bèn hóa phép đánh nhau với Thiên linh cẩu. Trận đánh vô cùng khốc liệt. Cuối cùng Khương Thượng thắng lợi, nhưng thấy bọn chó trời lạy lục cúc bái, nên pháp sư lại thả ra sau khi bắt chúng phải thề thừa nhận quyền lực của mình, nghĩa là không được làm hại những người mà mình bảo vệ - có mang dấu hiệu lá bùa của mình. Cho nên, về sau, hễ thấy nơi nào có bùa của Khương Thượng là Thiên linh cẩu và ma quỷ chạy trốn. Để cho chúng thấy rõ nơi có bùa, đến ngày Tết người ta thường treo lên cây nêu hay treo trước cổng[2].

Về hình tượng Phật tậu Quỷ một miếng đất rộng bằng chiếc áo cà sa, người Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie) cũng có truyện gần giống:

Vua Kút Chum Khan một hôm đi đến bờ sông Tô-bôn. Có ba tên trộm người nước ngoài cầm đầu là Y-éc-mắc tới gặp. Họ nói: - "Xin cho chúng tôi một dám đất rộng bằng tấm áo da bò". Khan bèn hội họp các đại thần lại hỏi

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).
2. Theo Lê Văn Phát. *Đời sống gia đình của một người Việt ở Nam-kỳ và những tín ngưỡng phổ biến*, trong *BSEI*, số 51 - 53 (1906).

nên làm thế nào. Họ đáp: - "Một dám đất bằng tấm da bò có là bao nhiêu. Cứ cho đi!". Y-éc-mắc bèn lấy tấm da cắt thành sợi dây rất mảnh. Đoạn đóng cọc, một đầu dây buộc vào cọc, đầu kia vạch một vòng tròn, nhờ đó được một lãnh thổ rộng rãi.

Theo truyện của người Nga thì Y-éc-mắc là một thủ lĩnh Cô-dắc sống vào thế kỷ thứ XVI, sáng lập một nước ở Xi-bê-ri, nội dung cũng như trên[1].

1. Dẫu theo *Báo châu Á* (1886).

24. GỐC TÍCH BÁNH CHƯNG VÀ BÁNH DẦY

Ngày đó vua Hùng trị vì đất nước. Vua tuổi đã già, ngồi trên ngai vàng đăng đẳng đã bao nhiêu năm. Thấy sức khỏe của mình ngày một suy, vua có ý định chọn người nối ngôi. Các bà vợ của vua sinh được cả thảy hai mươi hai người con trai. Họ đều đã khôn lớn cả. Vua nghĩ: - "Kể về tài cũng có nhiều đứa trội. Nhưng chính vì thế mà cần phải lựa chọn cẩn thận. Nhất là phải làm thế nào cho chúng nó không tranh giành nhau". Đây là điều vua thường bận tâm nhất. Cuối cùng, nhờ có viên quan hầu bày kế, vua mới quyết định mở một cuộc thi để căn cứ vào đó mà kén chọn.

Vua Hùng bèn cho hội họp tất cả các hoàng tử lại. Khi họ đã về đông đủ, vua bảo:

- Cha biết mình đã gần đất xa trời. Cha muốn truyền ngôi cho một trong các con. Bây giờ mỗi con cố kiếm hoặc làm một món ăn lạ để cúng tổ tiên. Ai có món ăn ngon vừa ý ta thì ta sẽ chọn người đó.

Nghe vua cha phán bảo thế, bọn hoàng tử thi nhau cho người đi khắp mọi nơi để tìm thức ăn quý. Họ lần mò thôi thì trên ngàn dưới biển không sót nơi nào. Bất kỳ thứ gì nghe nói là ngon và lạ họ đều cố tìm cho bằng được.

Trong số hai mươi hai hoàng tử có Liêu là hoàng tử thứ mười tám. Vì thuở nhỏ mồ côi mẹ nên Liêu từng sống nhiều ngày cô đơn. Trong khi các hoàng tử khác chạy vạy tìm vật lạ, thì Liêu nằm khểnh ở nhà. Chả có ai giúp đỡ chàng trong việc này. Chỉ còn ba ngày nữa là đến kỳ thi mà Liêu vẫn chưa có gì. Đêm ấy Liêu nằm gác tay lên trán nhớ lại tất cả những bữa ăn ngon xưa nay chàng đã từng được dự. Liêu suy nghĩ mãi và ngủ quên lúc nào không biết. Liêu mơ mơ màng màng thấy mình cùng với hai mươi mốt anh em khác đang làm bánh thi. Mỗi người có

một gian nhà nhỏ mà vua cha đã sai làm sẵn ở đám hội. Liêu chưa biết nên bắt đầu bằng việc gì thì bỗng có một vị nữ thần tự trên trời bay xuống giúp chàng làm bánh. Nữ thần bảo: - "To lớn trong thiên hạ không gì bằng trời đất, của quý báu nhất trần gian không gì bằng gạo. Ta đừng làm nhiều, chỉ hai thứ bánh có ý nghĩa là đủ. Hãy nhặt hộ cho tôi chỗ nếp này, rồi đi kiếm cho tôi một ít đậu". Tự nhiên Liêu thấy thần lần lượt lấy ra những tầu lá rộng và xanh. Thần vừa gói vừa giảng giải: - "Bánh này tượng đất. Đất có cây, cỏ đồng ruộng núi rừng thì màu cũng phải xanh xanh, hình phải vuông vắn. Trong bánh phải bỏ thịt, bỏ đỗ để lấy ý nghĩa đất chở cầm thú, cỏ cây... Rồi đem thứ nếp thơm đồ lên cho dẻo, giã ra làm thứ bánh tượng trời; màu phải trắng, hình phải tròn và khum khum như vòm trời...".

Tỉnh dậy, Liêu bắt đầu làm bánh y như trong giấc mộng.

*

* *

Ngày các hoàng tử đưa món ăn về dự thi là một ngày náo nhiệt nhất ở Phong-châu. Người đông nghìn nghịt. Dân chúng mọi miền đều náo nức về dự một cái Tết tưng bừng ít có: mở đầu bằng một cuộc thi các món ăn và kết thúc bằng lễ đăng quang của vua mới. Đúng vào lúc mặt trời mọc thì vua Hùng đi kiệu đến làm lễ gia tiên. Chiêng trống cờ quạt tưng bừng, rộn tai nhức mắt mọi người. Tất cả đều ngong ngóng trông chờ lúc các vị giám khảo bình giá các món ăn.

Và giờ phút mong đợi đã đến. Tất cả những món "nem công, chả phượng, tay gấu, gan tê, v.v..." của các hoàng tử đều không bằng hai thứ bánh quê mùa của Liêu. Khi mọi người thoạt nhìn thấy cỗ của chàng, số đông đều lắc đầu bĩu môi, vẻ chê bai hiện ra nét mặt. Nhưng sau khi nếm xong, họ bỗng đổi hẳn thái độ, không ai không gật gù tán thưởng. Ông Lạc tướng xoa tay: - "Đây là một thứ hương vị khác thường làm từ những cái tầm thường". Riêng vua Hùng rất lấy làm ngạc nhiên về miếng bánh lạ vừa ăn. Nhà vua lật lên lật xuống ngắm nghía kỹ càng những tấm bánh khác chưa bóc. Vua cho đòi Liêu lên điện, hỏi cách thức làm bánh thế nào. Hoàng tử cứ thực tâu lên, không quên nhắc lại giấc mộng lạ của mình.

Quá trưa hôm ấy, vua Hùng trịnh trọng ban bố kết quả với các con: Hoàng tử thứ mười tám được giải nhất và sẽ được truyền ngôi. Vua cầm hai thứ bánh giơ lên cho mọi người xem và nói rõ cái có khiến cho mình chọn nó đứng đầu các thứ cỗ. Vua nói:

- Nó chẳng những ngon và quý mà còn mang nhiều ý nghĩa đặc biệt: nó bày tỏ lòng hiếu thảo của người con, tôn cha mẹ như trời đất; nó chứa đầy một tấm tình quê hương ruộng đồng. Nó rất dễ làm vì làm bằng những hạt ngọc quý nhất trong những hạt ngọc của Trời Đất, nhưng mà những hạt ngọc ấy mọi người đều làm ra được. Phải là người có tài mới nghĩ được một loại bánh như vậy...

Từ đó thành tục lệ, hàng năm cứ đến ngày Tết, mọi người đều làm hai thứ bánh đó và gọi là bánh chưng bánh dầy để thờ cúng gia tiên. Hoàng tử Liêu sau được làm vua, mang hiệu là Tiết Liêu Vương, tức là Hùng Vương thứ bảy. Lần đó có nhiều hoàng tử hỏng thi sinh ra ganh ghét, ác cảm với Lang Liêu. Cho nên sau khi vua cha mất, người nào người ấy giữ chịt lấy đất của mình. Họ làm hàng rào gỗ xung quanh vùng mình ở để làm kế cố thủ, có ý tranh nhau với Tiết Liêu Vương[1].

1. Theo *Linh-nam chích quái*.

25. GỐC TÍCH RUỘNG THÁC ĐAO[1] HAY LÀ TRUYỆN LÊ PHỤNG HIỂU

Đời Lý, ở vùng Thanh-hóa có Lê Phụng Hiểu. Nhà Hiểu ở gần một hòn núi nhỏ nhô lên ở giữa đồng gọi là núi Bọng (Băng-sơn) nên người ta cũng gọi Hiểu là ông Bọng. Hiểu là người to lớn khỏe mạnh. Mẹ chàng lúc trước lên núi trông thấy một dấu chân to lạ thường. Bà ướm chân mình vào thử, không ngờ tự nhiên cảm động mà có thai, về sau sinh ra Hiểu.

Thuở nhỏ, Hiểu không học chữ, chỉ thích tập ném dao, đánh gậy, cử tạ, múa quyền. Chàng thường dùng một hòn đá tròn ở trên núi làm quả tạ để tập luyện. Hòn đá đó nặng tám người khiêng mới nổi. Năm Hiểu hai mươi tuổi, những tay đô vật trong vùng hết dám tỷ thí với chàng. Hiểu có thể chỉ một đấm vật ngã một con bò mộng.

Thuở ấy, ở vùng Đông-sơn có ông Tuấn tục gọi là ông Vồm, sức khỏe vô địch lại rất giỏi vật. Nghe tiếng Hiểu là tay đô vật mới nổi lên, Vồm tìm đến Băng-sơn đòi thử sức. Vồm đến gặp lúc Hiểu đi kiếm củi vắng. Mẹ Hiểu bảo:

- Ông cần hỏi gì cháu thì rán chờ một lát. Nó sắp gánh củi về rồi đấy!

Mới nhìn thấy Hiểu từ đàng xa do mẹ chàng chỉ cho thì Vồm đã giật mình kinh sợ. Bởi vì bóng Hiểu hiện ra giữa con đường núi là một gã to lớn quảy hai bó củi to như đụn rạ một, chạy vùn vụt như bay. Thấy thế Vồm không đợi nữa, thác kế cáo từ đi thẳng.

Hiểu vừa bước vào ngõ nghe mẹ nói có khách chờ mình lúc nãy, vội quẳng ngay gánh củi bắn tung ra đầy sân, rồi đuổi theo Vồm. Chả mấy

1. *Thác dao* nghĩa là ném dao.

chốc chàng đã theo kịp. Hai bên bắt đầu làm quen nhau bằng một cuộc tỷ thí dũ dội trên hòn Băng-sơn. Đất bay rào rào, cây cối xiêu vẹo vì những cái quật kinh người. Trong keo vật lần thứ tám, không chịu được cái móc của Hiểu, Vồm bị chẹt vào giữa hai tảng đá lớn.

Gần miền lúc đó có hai thôn Đàm-xá và Cổ-bi tranh nhau một bãi đất. Dân Đàm-xá đông gấp hai Cổ-bi, lại thêm lúc này có tay Tá Lực vốn là hào trưởng mới ở Kẻ chợ về tự khoe giỏi võ, nên họ quyết lấy thịt đè người để chiếm đoạt lâu dài bãi đất kia.

Không nói thì ai cũng biết bên Cổ-bi nắm chắc thất bại. Thất bại nhưng họ vẫn không chịu để mất đất. Hai bên đánh nhau trót tháng. Bọn trai tráng Đàm-xá dưới sự điều khiển của Tá Lực ngày ngày cầm gậy tày tay thước tiến sang đất Cổ-bi che chở cho một bọn khác trồng tre đắp bờ ngăn hẳn bãi bồi làm đất của mình. Hễ bên Cổ-bi thò ra người nào thì chúng xúm lại đuổi đánh. Không kể số sứt đầu mẻ tai, những người bị thương nặng nằm la liệt cả một đình làng. Tá Lực vẫn thỉnh thoảng đứng trên gò cao nói vọng vào những câu khiêu khích.

Bấy giờ Lê Phụng Hiểu có việc qua đó. Nghe rõ câu chuyện, chàng bừng bừng nổi giận, Hiểu vung tay áo nói với mấy vị phụ lão Cổ-bi:

- Nó cong, ta thẳng, không thể ỷ chúng hiếp cô như vậy được!

Rồi chỉ vào ngực mình:

- Chỉ một mình tôi có thể đánh tan được bọn nhãi.

Các cụ mừng lắm, sai dọn cỗ mời ăn. Một mình Hiểu tỳ tỳ chén hết một dãy hai mươi cỗ cơm.

Ăn xong Hiểu vỗ bụng đứng dậy, tay không xông thẳng vào trận, trên mình chỉ còn mỗi chiếc khố.

Trước hết, Hiểu rẽ vào lùm cây nhổ những cây gỗ vừa tầm để thành từng đống. Rồi cầm lấy cả cành cả rễ, Hiểu vụt túi bụi vào đám đông địch thủ đang sấn tới trước mặt mình. Cây này gãy, chàng thay cây khác. Cứ thế Hiểu đã quật ngã không biết bao nhiêu người. Nghề võ của Tá Lực và ngọn côn của y không thể trụ nổi những đòn bằng trời giáng của Hiểu. Chưa xong một hiệp, Tá Lực đã ngã quay lơ xuống đất. Các tay võ khác và dân đinh Đàm-xá còn sót đều co chân chạy thục mạng.

Hiểu quay lại giẫm chân lên ngực Tá Lực, bắt hắn phải nhận điều kiện trả lại ruộng đất cho dân Cổ-bi rồi mới chịu cho khiêng về.

Từ đấy tiếng tăm của Hiểu được truyền đi khắp nơi. Ngày đó, vua Lý kén người khỏe mạnh sung vào quân túc vệ. Chỉ một cuộc tỷ thí đầu tiên, Hiểu đã được vua triệu vào bệ kiến và cho chỉ huy một đội quân toàn những tay lực sĩ. Chẳng bao lâu Hiểu được vua cất làm tướng, người ta gọi là Võ vệ tướng quân.

Chưa được mấy năm thì vua thăng hà. Triều thần theo di chiếu định tôn hoàng thái tử lên ngôi báu trước khi làm lễ phát tang. Nhưng lễ đăng quang của ông vua mới chưa cử hành thì ngoài thành cấm đã thấy ồn ào tiếng người, tiếng ngựa. Quân canh cho biết ba hoàng tử: Võ Đức vương, Đông Chinh vương và Dực Thánh vương đem quân ba phủ vây thành đòi chia sẻ ngôi báu với hoàng thái tử.

Bấy giờ trong thành kinh động. Vệ binh được phái đi các nơi phòng thủ. Hoàng thái tử vương tình máu mủ chưa quyết. Lê Phụng Hiểu nghe chuyện, không nhịn được nữa, bèn đi tìm hoàng thái tử đòi một hai sống mái với quân phản nghịch. Chàng vỗ gươm tâu:

- Trước tình thế này xin cho cây gươm của hạ thần ra nói chuyện với chúng.

Rồi đó, Hiểu phi ngựa tiến đến cửa Quảng-phúc, tuốt gươm xông vào, chỉ mặt Võ Đức vương quát:

- Chúng bay cả gan muốn cướp ngôi ư? Đồ bất hiếu bất mục. Tao cho chúng bay nếm lưỡi gươm này.

Võ Đức vương kinh sợ không dám giao phong, quay ngựa toan chạy, nhưng nhát gươm thứ nhất của Hiểu đã làm cho ngựa ngã khuỵu xuống và nhát thứ hai xả đôi người Võ Đức vương. Thế rồi lưỡi gươm của Hiểu múa tít giữa đám quân ba phủ bấy giờ đã chạy tán loạn. Vệ quân của Hiểu được thể mặc sức chém giết. Hai hoàng tử kia chạy trốn biệt tích.

Trận đó, ông vua mới cảm ơn Hiểu vô hạn. Hiểu được vua ban tước hầu với chức Đô thống đại tướng quân, coi hết quân sĩ trong nước.

Lần đánh giặc thắng trận trở về triều, nhà vua định phong thưởng thêm nữa, nhưng Hiểu tâu vua:

- Hạ thần không muốn lĩnh tước. Nhà hạ thần ở chân núi Bơng. Hạ thần chỉ muốn bệ hạ ban cho một số ruộng đất bằng cách đứng trên núi ném dao xuống, hễ dao cắm đến đâu, hạ thần xin lĩnh số đất ấy để về lập nghiệp.

Vua đáp:

- Tưởng là khanh muốn thế nào, chứ đã muốn ruộng đất thì phải ném dao làm gì cho mệt!

Nhưng Lê Phụng Hiểu thì chỉ muốn ném dao. Vua không đợi nói nhiều, bằng lòng ngay. Ngay hôm làm lễ ném dao, mọi người đổ tới xem như đám hội. Trên hòn Băng-sơn chưa khi nào có chiêng trống cờ quạt và quan dân đi lại rộn rịp đến như thế.

Dứt tiếng trống, Hiểu cởi trần đóng khố, cầm dao xoay mấy vòng lấy đà, rồi phóng đi. Chiếc dao bay bổng lên như một con chim được thả. Mọi người ngạc nhiên và say sưa nhìn nó bay mãi như một dấu chấm ở lưng chừng trời, xa đến mười dặm mới chịu hạ xuống. Mũi dao chọc xuống địa phận làng Đa-mỹ. Các quan hầu đi đo đạc đóng mốc, trở về cho biết từ chân núi cho đến chỗ ném dao quy vuông lại được hơn một ngàn mẫu. Vua nhà Lý y ước ban cho Hiểu làm hương hỏa truyền cho con cháu và tha không đánh thuế.

Từ đó, những ruộng thưởng cho công thần, người ta quen gọi là ruộng thác đao[1].

KHẢO DỊ

Về tình tiết đánh giúp cho làng Cổ-bi để giành địa giới, nhân dân ta còn có nhiều truyện giống với truyện trên. Ở đây chỉ kể hai truyện:

1. Truyện *Ông tổ họ Hoàng giúp làng Thượng-nguyên*:

Làng Tinh-thạch và làng Thượng-nguyên (đều thuộc Hà-tĩnh) cách nhau một con sông, hai bên tranh nhau một bãi bồi, kiện tụng đã lâu đời. Quan nào cũng không xử được vì mỗi lần xử, dân làng Tinh-thạch ỷ thế mạnh kéo nhau lên làm ầm ỹ cả công đường, một hai quyết liều mạng. Sau cùng quan

1. Theo *Tân đính hiệu bình Việt điện u linh tập* và báo *Tràng-an*.

phán: - "Thôi, bên nào mạnh thì cho bên đó được!" Dân làng Thượng-nguyên sức yếu phải nhờ đến ông tổ họ Hoàng, một người ở làng Phan-xá bên cạnh đến đây đi làm thuê. Ông này chỉ xin làng Thượng-nguyên cho một vài người dàn bà đi theo, mỗi người mang một bị tro để tung vào kẻ địch. Đến ngày hẹn, chờ ngọn gió nồm thổi lên, ông tay không tiến ra bãi, nhổ hết cây tre này sang cây tre khác dùng làm gậy quật tới tấp vào đối phương đông như kiến, nhưng đã bị bụi tro làm cho mù mắt. Cuối cùng, bên Tĩnh-thạch đành chịu nhường bãi cho làng Thượng-nguyên. Ngày nay cánh đồng ấy còn gọi là đồng Ông-vụ (*vụ*: tung ra, vung vãi ra, tiếng Nghệ - Tĩnh)[1].

2. Truyện *Đô Hùng đại tướng quân* còn có nhiều tình tiết liên quan xa gần với những truyện cổ tích khác, ngoài truyện *Lê Phụng Hiểu*:

Ở làng Thiên-mỗ (Hà-đông) có một nhân vật sức khỏe tuyệt trần, người ta gọi là Đô Hùng. Nhà nghèo đi làm thuê, mỗi lần đi cày một tay ông cắp trâu, một tay cắp cày bừa, bừa xong bồng trâu xuống sông Nhuệ khỏa chân (xem truyện *Ông Ồ* số 70, tập II), rồi lại cắp trâu và cày bừa về nhà.

Làng có giếng thơi trên có vành đá làm bờ, phải mấy chục người khiêng mới nổi. Ông vác ra đặt cách dấy vài trượng để đùa chơi. Cả làng ra hè nhau khiêng về rất chật vật, sau phải nhờ ông vác hộ.

Làng Ỷ-la mở hội có giải vật, một gã lực sĩ giữ giải luôn mấy ngày. Ông tới, chỉ một keo bốc nổi gã ném ra ngoài vòng rồi cho gã giải vật để về nhà làm tiền thuốc.

Thi với Quản tượng dùng gậy bày đánh vào một mô đất, Quản tượng chỉ đánh lở một ít. Ông đánh sạt dài vài trượng. Ngày nay mô đất vẫn còn gọi là Đống Mẻ.

Dân làng Phùng và làng Hiệp tranh nhau bãi bồi, kiện cáo đã lâu mà không phân thắng bại. Cuối cùng họ xin quan cho phép đánh nhau, ai thắng thì được. Dân làng Phùng biết thế yếu, vì vốn chỉ quen nghề nuôi tằm, bèn đến thuê Đô Hùng đánh giúp. Ông chỉ đòi công một gánh tơ nặng. Cũng như truyện *Lê Phụng Hiểu*, ông bảo dân làng sắp sẵn cho mình nhiều tre chắc, mỗi cây dài ước trượng, để thành từng đống ở bãi. Khi đánh, ông cầm tre vụt đối phương, gãy cây này lấy cây khác, cuối cùng giành phần thắng cho dân làng

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh (trong *Văn học dân gian sưu tầm ở xã Ích-hậu*, chưa xuất bản).

Phùng. Đến khi trả công, dân làng đưa ra một gánh to nặng, ông chỉ dùng một ngón tay nhấc lên như bỡn, rồi buộc dân làng phải đưa nhiều to nữa mới đủ sức gánh. Dân làng bóp bụng đem to ra mắc vào hai bên đòn tre trên vai Đô Hùng, nhưng mắc đến khi cả làng đã cạn to mà gánh vẫn chưa nặng. Sau cùng ông phải cho thôi, rồi gánh to về (xem **Khảo dị**, truyện số **63**, tập **II**).

Tiếc của, dân làng kiện quan rằng ông lấy trộm to của họ. Quan sai lính về vây bọc. Đô Hùng sợ phép quan trốn vào một bụi cây. Lính thọc giáo vào các bụi bờ, có một mũi trúng phải Đô Hùng. Ông cắn răng chịu đau lấy áo lau mũi giáo trước khi bọn chúng rút giáo ra (xem truyện *Lê Lợi*, số **99**, tập **III**). Sau đó, căm giận dân làng Phùng, ông chạy tới toan trị tội, nhưng máu ra nhiều quá nên đến thôn Trung-thắng thì té xỉu ở gò đất, gắng về đến làng thì chết. Dân làng lập đền thờ ở gò đất gọi là miếu Đức Ông[1].

1. Theo *Nông công thương* (1939).

II

SỰ TÍCH ĐẤT NƯỚC VIỆT

26. SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam-sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

Hồi ấy ở Thanh-hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như lệ thường. Tự nhiên trong một lần kéo lưới, chàng thấy nằng nặng, trong bụng mừng thầm, chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá, Thận mới biết đó là một thanh sắt. Chàng vứt luôn xuống nước rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận ghé mồi lửa lại nhìn xem. Bỗng chàng reo lên một mình:

- Ha ha! Một lưỡi gươm!

Thận về sau gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam-sơn. Chàng đã mấy lần vào sinh ra tử nơi trận mạc để diệt lũ cướp nước. Một hôm, chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tòng đến nhà Thận. Trong gian nhà tối om, thanh sắt hôm đó chợt sáng quắc lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi

đến gần cầm lấy xem và nhận ra có hai chữ "Thuận Thiên" khắc sâu vào lưỡi. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi vào với chuôi thì kỳ lạ thay, vừa vặn khớp nhau. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với chủ tướng:

- Đây là thần có ý phó thác cho "minh công" làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương da của mình theo "minh công" và thanh gươm thần này để báo đền xã tắc!

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành trên mọi trận địa và làm cho quân Minh bạt vía. Chẳng bao lâu tiếng tăm của quân Lam-sơn ran khắp nơi. Họ không phải trốn tránh trong rừng mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Sau khi đuổi giặc Minh về được một năm, ngày hôm ấy Lê Lợi - bấy giờ đã là một vị thiên tử - cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả-vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền chèo ra giữa hồ thì tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi làn nước xanh. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng lên và nhận thấy lưỡi gươm thần đeo bên mình cũng đang cử động. Con rùa vàng không sợ người, nhô thêm nữa, tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói:

- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân!

Nghe nói thế nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa ngước đầu lên, há miệng đớp lấy ngang lưỡi

gươm. Cho đến khi cả gươm và rùa lặn xuống, người ta vẫn thấy có vệt sáng le lói dưới mặt nước hồ xanh.

Khi những chiếc thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng thì vua liền báo ngay cho họ biết:

- Đức Long quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai rùa lấy lại.

Và từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là hồ Gươm hay hồ Hoàn-kiếm.

KHẢO DỊ

Người Thượng ở Tây-nguyên còn truyền khá nhiều truyện về gươm thần. Tựu trung có bốn truyện giống phần nào với truyện trên:

1. Trong một chuyến đi chơi xa, Pô-thê bị bão đắm thuyền, may giạt vào một hòn đảo khỏi chết. Trên đảo có một cây sung (ha-ra), thường vẫn có một đàn lợn từ biển xa đến ăn quả rụng. Đàn lợn đi trên mặt biển dễ dàng nhờ có một viên đá thần (a-tao) do con lợn chúa đàn ngậm ở mồm. Nhờ có Pơ-tao O-la (vua Lười) mách cho việc đó, Pô-thê tìm cách chiếm lấy viên đá thần, khi con lợn chúa đàn đặt đá xuống gốc cây để ăn. Được đá thần, Pô-thê trở về đất liền gặp một chàng trai có quả cây thần (pô-quy) có thể làm ra mưa gió. Sau đó lại gặp một người khác có sợi dây (tơ-lây ca-a-san) gọi thì nó trói người, và một cái gậy (a-cai-tha) gọi thì nó đánh người. Pô-thê đều tìm cách chiếm được các vật báu ấy. Lại gặp một người khác có hòn đá (pôn-rô-tan pôn-rơ-lo) có thể hóa thành hàng ngàn quân và một cây roi mây (a-tơ-rê-nông) có thể làm cho trời đất mù mịt tối tăm, Pô-thê bèn kết bạn thân với người ấy.

Sau đó, họ đến bờ một con sông lớn. Ở đây có đủ mặt vua các dân tộc như Chàm, Khơ-me (Khmer), Việt-nam, Lào, Ê-đê, Ja-rai (Djarai), v.v... Họ đang bận lặn xuống nước để mò một thanh gươm thần. Gươm ấy từ trên trời rơi xuống, đến đâu sáng chói khắp cả bầu trời đến đó. Lúc ấy tuy gươm còn nằm trong vỏ mà ánh sáng của nó vẫn sáng rực đáy sông. Tuy giỏi lặn, nhưng đáy sông sâu thành vực, họ chỉ lặn xuống được một lúc rồi lại phải lên ngay, vì thế nhiều người lên tay không. Về sau chỉ có vua nước Chàm chiếm được lưỡi gươm đưa lên mặt nước.

Nhưng vua Chàm vừa lên đến bờ thì Pô-thê đã nhanh tay cướp lấy gươm thần trao cho vua Ja-rai. Giữa lúc đó thì vua Khơ-me cũng mò được vỏ gươm đưa về nước họ. Cuộc mò gươm đến đấy là kết liễu.

Tức mình vì mất gươm, người Chàm bèn gây một cuộc chiến tranh dữ dội với người Ja-rai trong bao nhiêu năm tháng. Họ kéo quân đến nước Ja-rai phá làng mạc, giết người, cướp của. Pô-thê nhờ có hòn đá, quả cây, sợi dây và cái gậy có phép mầu nhiệm chiếm được trong lúc đi đường, nên đủ sức giúp người Ja-rai chống chọi lại với địch thủ. Nhưng phép thần của người Chàm cũng rất cao cường. Họ làm cho cuộc chiến tranh ngày càng kịch liệt. Cả hai bên đều chưa phân thắng phụ.

Pô-thê bèn sai giết một con trâu trắng và một con trâu đen làm lễ cúng lưỡi gươm thần rồi nói: - "Hỡi gươm thiêng! Hãy tỏ sự linh dị ra để theo về với một bên cho dứt khoát!". Đoạn cầm gươm thần vào tay, Pô-thê xông vào giữa quân Chàm. Lưỡi gươm tự nhiên khi phun ra lửa, khi dâng đầy nước, làm cho người Chàm hoặc bị chết cháy hoặc bị chết đuối không sao kể xiết. Pô-thê lại dùng roi phép làm cho trời đất tối tăm mù mịt khiến người Chàm chả biết đường nào mà trốn.

Sau khi trao lưỡi gươm thần cho vua Lửa (Li Pa-tao)[1] Pô-thê ra đi, không quên dặn người Ja-rai phải luôn luôn kết hiếu với người Khơ-me là kẻ được Trời giao cho nhiệm vụ giữ vỏ gươm thần[2].

2. Truyện thứ hai của người Ja-rai (Djarai):

Con một vị thần ở trên trời xuống trần, ngồi ở một gò đất gần đường qua lại. Có một gia đình đi qua. Thần nhìn trừng trừng vào một đứa trẻ làm cho nó khóc mãi, ai dỗ cũng không nín. Bố mẹ đứa bé cầu xin thần làm cho nó nín. Thần dòi một số sắt, bố mẹ lấy ra cho. Đứa bé quả nín. Một số gia đình khác đi qua gò, việc cũng diễn ra như vậy. Thế là thần đủ sắt rèn một cây gươm. Nhưng khi người thợ rèn rèn xong, gươm không chịu nguội. Người ấy bèn vứt xuống xông Xê-xan gần thác Y-a-li.

Ít lâu sau có một người đi câu câu được một con cua, càng cua có cắp một lưỡi gươm. Khi sắp sửa lấy thì cua thả ra, lưỡi gươm lại rơi xuống nước. Các làng xa gần nghe tin này đua nhau tới lặn để mò gươm. Một người tìm được, đó là người Ja-rai. Vỏ gươm do người Việt chiếm (có người nói về tay người Lào)[3].

Truyện trên dường như là phần đầu của một truyện khác, nội dung đại lược như sau:

1. Tức trong sách sử cũ của ta gọi là Hỏa-xá.
2. Theo sách *Những dân Mọi ở Đắc-lắc* của Béc-na (Bernard).
3. Theo *Pháp-Á tạp chí* (1951).

Một lưỡi gươm thần do vua Chàm lặn lấy được từ dưới nước lên, giao cho vua Ja-rai vì vua Ja-rai là em vua Chàm. Lưỡi gươm chỉ vào giặc, giặc tan; chỉ vào lụt, lụt cạn; chỉ vào trời hạn thì tự nhiên có mưa. Trừ vua Lửa ra, người nào nhìn vào gươm cũng sẽ bị tan xương nát thịt. Cây gươm thần được lưu truyền mãi và đã nhiều lần cứu vớt người Ja-rai ra khỏi vòng thiên tai nhân họa cho đến đời ông Tú (Tũ), một trong những vua Lửa. Trong khi ông đưa gươm ra chống giặc thì bất thình lình lưỡi gươm tự lìa khỏi chuôi và văng xuống sông. Lưỡi gươm trôi về miền xuôi, người Việt giữ được. Giữa lúc đó thì giặc lại đến xâm lăng. Không có gươm thần, người Ja-rai đành chịu làm tôi mọi cho giặc[1].

3. Truyện thứ ba của người Ba-na (Bahnar):

Dô-dăm Xết bị quỷ Hơ-manh bắt mất vợ và em gái, chưa biết làm thế nào để báo thù. Một hôm, anh lên rừng bỗng thấy trên cây cao có ánh sáng lạ lấp lánh: đó là một cây gươm và một cái khiên bằng vàng. Nhưng khi anh giơ tay lấy những vật trên thì không thể nào nhấc ra khỏi cây được. Theo lời những người già, anh giết dê làm lễ cúng, thần mới cho gươm và khiên. Khi cầm vào tay múa, chiếc khiên bỗng bay vụt lơ lửng giữa không trung, anh nhảy ngay lên khiên, khiên bay lên vùn vụt, sau đó nó đưa anh lên tận sông Ngân-hà đánh nhau với quỷ Hơ-manh. Cuối cùng anh giết chết quỷ, cứu được vợ và em về[2].

4. Truyện thứ tư của người Mơ-nông (Menon) là một dị bản của truyện *Tiêu diệt mãng xà* (xem truyện số **148**, tập **IV**).

Xưa ở vùng người Mơ-nông có hai anh em tên là Pơ-rang và Dang. Một hôm Dang tìm được một hòn đá thiêng có thể ném chết bất cứ con vật gì. Thuở ấy có một con rồng thường hại người, buộc dân trong vùng phải đến kỳ nộp một mạng người mới không quấy nhiễu. Lần ấy đến lượt con gái vua là Nê-ang Pu phải nộp mạng. Nhưng Dang đã dùng hòn đá rèn thành gươm giết được rồng. Lập công xong anh dặn Nê-ang Pu đừng nói với ai rồi trốn về nhà, song lại bỏ quên bao gươm lại. Tìm không ra dũng sĩ giết rồng, vua ra lệnh đem so gươm của mọi người: gươm ai bỏ vừa lọt cái bao do dũng sĩ để lại coi như người ấy là dũng sĩ. Không có gươm của ai vừa bao cả. Khi lính tìm đến

1. Theo lời kể của người Ja-rai.
2. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập I, đã dẫn.

nhà Dang, cả 200 người hè vào khiêng gươm của anh mà không nổi. Dang chỉ một tay cầm gươm lên như bỡn. Gươm bỏ vừa bao, Dang được vua gả con gái, sau đó được làm vua. Bị các nước kéo nhau đến đánh, Dang thua, đi trốn, bỏ vỏ gươm ở nước người Khơ-me, cán ở Thái-lan, lưỡi ở vùng người Ja-rai[1].

Đồng bào Cham-pa cũng có một truyện cổ tích lịch sử về gươm thần. Truyện này đã từng được ghi chép từ thế kỷ thứ III.

Phạm Văn nguyên là nô lệ chăn súc vật của một viên súy huyện Tây-quyển thuộc Nhật-nam. Một hôm dưa dê đi uống nước ở khe, Văn bắt được hai con cá chép mang về định nấu ăn. Lúc sắp sửa nấu thì cá bỗng hóa thành đá này ra ánh sáng kỳ lạ. Văn mang đến thợ rèn, rèn thành gươm. Được gươm rồi, chàng đến trước một tảng đá khấn rằng: - "Nếu chặt vỡ được tảng đá này thì ta sẽ làm vua". Tảng đá quả vỡ đôi trước nhát chém của cây gươm thần.

Rồi đó Văn xin đăng lính. Trận nào chàng cũng tỏ ra rất gan dạ và giết được nhiều giặc. Dần dần Văn được thăng chức và cuối cùng cướp ngôi Phạm Dật, làm vua nước Lâm-ấp. Chàng lại cử binh đánh các lân bang, mở rộng đất đai thành một nước lớn[2].

Truyện của người In-đô-nê-xi-a (Indonésia) dưới đây cũng cùng một mô-típ với các truyện trên, nhất là giống với truyện đầu về các vật ngẫu nhiên tìm được và lưỡi gươm thần:

Xưa ở In-đô-nê-xi-a mỗi một hòn đảo là một vương quốc.

Một ông vua muốn làm bá chủ, nghe nói hễ ai bắt được một con ngựa thần thì nó sẽ cho ngọc và nhờ đó có phép đi được trên mặt biển, bèn sai hoàng tử và mười võ sĩ vượt biển đi tìm. Hồi ấy có một chàng trẻ tuổi một hôm câu được một con cá xanh biếc và bé bằng ngón tay. Cá hứa sẽ chỉ cho nơi có gươm thần vô địch và tặng cho ba vật lạ để được tha: một sợi dây có phép trói người, một cái gậy có phép đánh người nếu dọc lên câu chú, một cái nón nếu đội lên đầu thì trời tối sầm lại. Nhờ sợi dây, anh bắt được ngựa thần theo mình và bảo nó nhả ngọc quý. Ngựa còn mách cho anh có ba vật quý khác: 1. dưới đáy sông ở kinh đô một nước lớn nhất có một lưỡi gươm; 2. trên đỉnh núi cao nhất ở nước lớn thứ nhì có một chuôi gươm; 3. giữa cánh rừng rậm ở nước lớn thứ ba có một vỏ gươm. Ba vật ấy để rời nhau thì không có gì lạ, nhưng lắp vào với nhau sẽ trở thành một sức mạnh vô địch.

1. Theo Mét-tơ-rơ (Maître). *Rừng Mọi*.
2. Theo *Thủy kinh chú* và *Đại-nam chính biên liệt truyện*.

Khi thuyền của hoàng tử và 10 võ sĩ vượt biển đến, anh chàng sai sợi dây trói hoàng tử lại, rồi tha cho bọn võ sĩ, bảo hãy trở về nước lặn lấy lưỡi gươm đưa đến sẽ trả hoàng tử. Bọn họ mang gươm đến cho anh. Anh tìm đến nước thứ hai vừa lúc một con quỷ xông ra và bị anh thần phục. Anh bảo quỷ tìm cho mình chuôi gươm. Tìm được rồi, quỷ toan ăn thịt anh nhưng đã bị gậy thần của anh đánh chết. Đến nước thứ ba, để lọt được vào khu rừng cấm có lính canh, anh đội nón cho trời đất tối mịt mùng. Cuối cùng anh cũng tìm ra được vỏ gươm. Lắp cả ba thứ lại thì vừa như in.

Đến đây anh gặp tên vua hiếu chiến nó bắt anh dẫn đường đi chinh phục các nước. Anh gọi dây trói toàn bộ quân sĩ của vua lại, rồi bảo gậy đánh, lại đội nón làm cho trời mù mịt tối tăm. Vua cả sợ xin tha tội, anh bảo quân sĩ của hắn vứt cha con hắn xuống biển rồi lên làm vua. Ông vua mới cho mời vua của tất cả các vương quốc khác đến kết nghĩa, đem chia lưỡi, chuôi và vỏ gươm thần cho ba nước khác nhau, dặn họ bao giờ có giặc ngoài đến xâm lược thì đem ba thứ lắp làm một, rồi cử một người trong ba nước làm thống lĩnh cầm quân đi đánh.

Ngày nay không ai rõ ba thứ ấy ở đâu cả, nhưng nước In-đô-nê-xi-a thì không ai chia cắt được[1].

Tóm lại truyện cổ tích nói về gươm thần liên quan đến việc bảo vệ đất nước dường như là một đề tài khá phổ biến của loại hình tự sự dân gian ở một số dân tộc vùng Đông nam Á.

1. Theo Đinh Tú. *Truyện cổ tích Nam-dương.*

27. SỰ TÍCH HỒ BA-BỂ

Vào hồi đó ở xã Nam-mẫu có mở một hội "vô già" cúng Phật. Mọi người nô nức đi xem. Ai nấy đều lo ăn chay niệm Phật và làm những việc từ thiện như buông cá, thả chim, v.v... để cầu phúc trong mấy ngày hội.

Hôm ấy, xuất hiện ở đám hội một bà già ăn mày. Người ta không biết mụ ta từ đâu lại. Bộ dạng thật là gớm ghiếc: những mảnh vải vá víu của mụ không đủ che tấm thân gầy còm và lở loét. Mùi hôi thối xông ra rất khó chịu. Đến đâu, mụ cũng thều thào mấy câu: - "Đói lắm các ông các bà ơi!". Rồi cầm cái rá, mụ giơ ra khắp bốn phía, đầy vẻ cầu khẩn.

Nhưng mãi đến chiều, người đàn bà đó vẫn chả được tý gì. Đến đâu mụ cũng bị xua đuổi. Đám trẻ tuổi nhất là các cô gái cho mụ là hủi nên trốn như trốn dịch. Hễ thấy mụ đâu là họ xô nhau chạy đi chỗ khác. Mấy bà đang lễ thì rất bực tức. Họ ngừng những tiếng "Nam mô Phật" lại và quay ra mắng xả vào mụ sao dám đi sát vào người. Cuối cùng bọn hương lý sai tuần phu đuổi mụ đi. Mụ không thể kiên gan trước những trận mưa roi của bọn tuần, đành phải lê mình ra khỏi đám hội.

Sau khi ra khỏi đám hội, người đàn bà ấy thất thểu bước vào xóm. Cũng như ở đám hội, vào nhà nào, mụ cũng bị nghi là hủi và bị đuổi. Mấy nhà giàu có đóng chặt cửa lại và thả chó ra. May sao đến ngã ba, mụ gặp hai mẹ con bà góa vừa đi chợ về. Thấy bà lão ăn mày tội nghiệp, người mẹ đưa về nhà lấy cơm nguội cho ăn.

Khuya hôm đó hai mẹ con đang ngủ thì người đàn bà ấy lại gọi cửa. Mụ xin ngủ nhờ một đêm vì mọi chỗ, người ta đều cấm cửa không cho vào. Hai mẹ con vui lòng đón người ấy vào nhà, lấy cơm cho ăn và trải chiếu ở một cái chõng cho mụ ngả lưng. Còn mẹ con thì nằm tạm ở một chỗ khác.

Người đàn bà vừa nằm là ngủ liền, tiếng mụ ngáy như sấm. Hai mẹ con nhìn ra thấy cái chõng sáng rực lên trong bóng tối. Đây không phải là một mụ ăn mày già yếu lở loét nữa mà là một con giao long đang cuộn mình lù lù một đống, đầu gác lên xà nhà, đuôi thò xuống đất. Người mẹ rụng rời kinh hãi, nhưng vì chỗ ở của mình cách biệt với làng xóm, không biết kêu cứu ai, đành trùm chăn kín mít, phó mặc cho may rủi.

Nhưng đến sáng hôm sau, khi người mẹ nhìn ra thì chả thấy giao long đâu cả. Trên chõng, mụ ăn mày già đã dậy và sắp sửa ra đi. Trước khi từ biệt, mụ bỗng lên tiếng:

- Chúng nó thờ Phật mà kỳ thực là buôn Phật. Chúng nó xứng đáng phải chịu trầm luân. Chỉ có mẹ con nhà ngươi là tốt bụng. Hãy cầm lấy gói tro này, nhớ rắc ngay xung quanh chỗ ở và nội trong đêm hôm nay chớ đi đâu cả. Hoặc nếu có đi thì đưa nhau lên đỉnh núi cao mà tránh.

Người mẹ băn khoăn hỏi thêm:

- Nhưng làm thế nào để cứu mọi người được?

Người đàn bà ấy ngần ngừ hồi lâu rồi lấy từ trong áo một hạt thóc ra cắn tách đôi vỏ trấu đưa cho hai mẹ con và nói:

- Hai mảnh vỏ trấu này sẽ giúp hai mẹ con làm việc thiện.

Người mẹ toan hỏi thêm thì vụt một cái đã không thấy người đàn bà hủi đâu nữa. Hai mẹ con vội làm theo lời dặn rồi đi kể chuyện cho mấy người gần đó biết. Họ nghe nói chỉ mỉm cười cho là một chuyện bâng quơ.

Quả nhiên tối hôm đó giữa đám hội náo nhiệt, lúc thiện nam tín nữ đang tấp nập lễ bái thì bất ngờ có một dòng nước từ dưới đất phun lên ngay chính giữa đàn tràng. Nước càng phun càng mạnh làm lở dần đất ở xung quanh. Người ta ngơ ngác không hiểu thế nào, tưởng là phép Phật hiển hiện nên càng vái lấy vái để. Nhưng dòng nước mỗi lúc một mạnh nuốt hết người và vật. Chỉ trong nháy mắt đã ngập bằng một cái ao. Thấy thế mọi người hoảng hốt bỏ cả lễ bái đua nhau chạy. Nhưng họ không thể chạy được nữa. Ở dưới chân họ đất nứt nẻ, rung động hất họ ngã xuống. Bỗng chốc một tiếng ầm dữ dội phát ra, đất đá, nhà cửa, người vật đều chìm nghỉm, nước tung tóe mù trời. Một con giao long to lớn từ mặt nước nhô lên bay vòng quanh xã Nam-mẫu. Trong khi đó

thì nền nhà, chuồng lợn, chuồng gà của mẹ con người đàn bà từ thiện kia mỗi lúc một nâng cao hơn mực nước.

Đau xót trước cảnh nước lụt, hai mẹ con đem hai mảnh vỏ trấu ra. Vừa đặt xuống nước, họ bỗng thấy hai mảnh vỏ biến ngay thành hai chiếc thuyền. Thế rồi, mặc gió mặc mưa, họ chèo đi mọi nơi cố sức vớt những người bị nạn.

Chỗ đất sụt ấy ngày nay là hồ Ba-bể ở Bắc-cạn, còn cái nền nhà ấy tức là một hòn đảo nhỏ ở giữa hồ mà người địa phương thường gọi là Pò-già-mải[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên có lẽ bắt nguồn từ truyện *Sự tích hồ Ba-bể* của dân tộc Tày, sơ lược như sau:

Xưa, ở xã Nam-mẫu, có một con suối con. Ở đó có một Thủy thần ngự trị. Một lần có một con trâu của Thủy thần lạc lên trần, chạy rông khắp nơi. Một số người đuổi theo đánh chết trâu, lôi về làm thịt.

Thủy thần thấy mất trâu liền lên trần, hóa thành một người bộ dạng nghèo khổ đi tìm. Qua xã Nam-mẫu, Thủy thần gặp một bà lão nghèo sống trong một túp lều, bèn lên tiếng xin ăn. Thấy có người đói rách hơn mình, bà lão lấy cơm cho ăn rồi nói: - "Tôi nghèo lắm không có gì. Gần đây người ta vừa bắt được một con trâu đang xả thịt ăn. Vậy nên đến đấy mà xin".

Thủy thần lần đến đám mổ trâu xin ăn nhưng bị mọi người đuổi không cho dự. Thủy thần bèn trở lại gặp bà lão dặn lấy trấu rắc xung quanh nền nhà. Đêm ấy, Thủy thần dâng nước ào ào ngập cả xã Nam-mẫu, người, vật đều biến mất, duy chỉ miếng đất của bà lão là còn nguyên cho đến ngày nay, người ta gọi là Pò-già-mải[2].

Truyện *Sự tích hồ Hai-bể* của người Mán (Dao) do Trịnh Như Tấu kể trong sách *Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể* cũng giống với hai truyện trên trên những nét lớn. Mặt khác, nội dung truyện này lại có một số chi tiết phần nào tương tự với truyện *Sự tích cây nêu ngày Tết* (số 23):

---

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* và lời kể của dân Bắc-cạn, Pò-già-mải hay Pé-già-mải, tiếng Tày có nghĩa là gò bà góa hay biển bà góa.
2. Theo *Địa dư các tỉnh Bắc-kỳ*.

Trước kia, trên miếng đất bây giờ là hồ Ba-bể và hồ Hai-bể[1] có làng Nam-mẫu rất đông dân cư. Trong số dân làng có một chàng thiếu niên mồ côi cha mẹ từ nhỏ.

Không có nơi nương tựa, hắn phải đi ở chăn trâu bò cho người ta. Lớn lên, hắn có sức khỏe, lại biết làm ruộng nhưng không có bò cày. Thấy hắn đói khổ người ta ngại chả ai dám giao trâu bò cho thuê mượn.

Nghe nói có đức Phật ở gần đấy giàu có nhất vùng, có nhiều trâu bò, hắn bèn đến kêu nài xin thuê một con. Điều kiện cho thuê của Phật đặt ra là người thuê bò phải nộp ngọn cho chủ có bò, còn mình thì ăn gốc. Nhưng hắn ta đem trồng khoai sọ tất cả. Khi thấy hoa lợi chỉ là một đống lá, Phật tức mình nên năm sau bắt nộp gốc cho ngọn. Hắn lại đổi sang trồng ngô. Năm đó Phật không được hưởng gì cả, tức quá bèn đòi bò về không cho thuê nữa.

Không có bò, hắn lập tâm ăn trộm của Phật. Chờ khi Phật đi vắng, hắn lẻn vào chuồng dắt bò ra. Để đánh lừa Phật, hắn nắm đuôi bò kéo ngược cho bò đi lùi ra ngoài xa rồi mới dắt đi. Khi Phật về thấy mọi dấu chân bò đều hướng về chuồng nên không để ý gì cả.

Hắn đem bò về cày bừa xong rồi muốn làm cho phi tang bèn ngả bò ra giết thịt. Thú để ăn, thú đãi họ hàng làng xóm, thú biếu họ ngoại ở xã Bản-vài, dụng ý của hắn là để mọi người đừng mách cho Phật biết.

Mãi về sau Phật mới biết mất bò, bèn sai người đi khắp nơi tìm kiếm. Không may cho hắn, lúc ấy có một người đàn bà góa vốn người ngay thẳng đem việc đó nói ra.

Để trị tội bọn người tham lam, Phật bèn làm cho xã Nam-mẫu sụt xuống thành Ba-bể và hai xóm Bản-vài sụt xuống thành Hai-bể, cuốn theo tất cả mọi người đã có dự vào việc ăn thịt bò của Phật. Những người nào không dự đều được Phật báo trước cho lánh đi nơi khác. Vì thế ngày nay có câu "Nam-ti ni Nam-môn" nghĩa là ở xóm Nam-ti lánh sang xóm Nam-môn. Riêng đối với nhà người đàn bà góa có công với mình, Phật sai rắc tro xung quanh nhà trước khi làm sụt đất thành bể. Vì vậy sau đó, nhà người đàn bà ấy vẫn còn nguyên trên cái gò Pò-già-mải.

1. Người Dao gọi Hai-bể là Pé-vài và Pé-nan, gọi Ba-bể là Pé-lù, Pé-lầm và Pé-lèng cũng như người Tày.

Theo chúng tôi, truyện vừa kể nếu không phải là kết quả của một sự lắp ghép truyện này vào truyện khác, thì người kể cũng đã làm cho sai lạc, vì chủ đề trước và sau mâu thuẫn, mạch truyện không thống nhất; nhưng nó vẫn cho ta thấy giữa truyện của người Dao và truyện của người Việt có sự gần gũi, và có lẽ từ một nguồn gốc mà ra.

Truyện của đồng bào Thái *Đồi Chiềng-on hóa thành ao sâu* cũng tương tự và có lẽ cùng một gốc với các truyện trên:

Ngày xưa thần Băng Uông cai trị thủy phủ, một hôm sai bộ hạ Thuồng luồng đi làm một công việc trên mặt đất. Thuồng luồng hóa làm một con hoẵng, chạy qua các bản đến đồi Chiềng-on. Dân Xá ở đây tuy biết hoẵng là vật của thần nhưng cũng cứ kẻ giáo người lao kéo nhau đi săn. Cuối cùng họ săn được hoẵng làm thịt chia nhau mỗi gia đình một phần. Mọi người đều ăn thịt, chỉ có mẹ con một bà góa đi vắng, phần thịt chia cho treo ở vách không dụng đến. Thấy bộ hạ bị giết, vua Thủy nổi giận, liền ra lệnh dâng nước lên cho chết hết bọn người ăn thịt hoẵng để báo thù.

Bộ hạ vua Thủy bèn dâng nước lên cao. Những người ăn thịt hoẵng chạy đến đâu đất sụt đến đó. Có một người ở vùng Nà-liếng đến Chiềng-on tìm người yêu. Thấy nước dâng, hắn bỏ chạy đưa cả người yêu chạy theo, nhưng đất cứ sụp đuổi chân cô gái làm anh ta có nguy cơ bị chết theo. Cô gái nắm đuôi khỉ anh không rời. Một con chim ở rừng bảo anh: - "Hãy cắt đuôi khỉ không thì chết". Anh không muốn rời cô gái ra, nhưng sau cùng nguy quá, đành phải bỏ. Song anh lại không có dao để cắt đuôi khỉ. Mãi sau anh mới cắn đôi ống sáo tước thành mảnh sắc, cắt được khỉ. Cô gái rơi lại sau, bị thuồng luồng bắt.

Cả vùng Chiềng-on bị sụt thành ao gọi là ao Món. Chỉ có nhà bà góa không việc gì, nay thành hòn đảo.

Người Thanh-hóa có một truyện dường như cũng là dị bản của các truyện nói trên:

Hồi ấy vào đời Trần có một trận lụt to. Lúc mới đổ mưa, dân xã Cổ-linh cũng ra đắp đê ngăn lụt. Tự nhiên có một con cá gáy lớn như con voi giạt vào địa phận của làng. Dân làng kinh sợ, nhưng cũng đưa về đình làm thịt đánh chén, còn lại bao nhiêu chia cho thượng hạ già trẻ trai gái 500 người mỗi người một xâu thịt. Có hai gia đình bà già không ăn, đem treo lên ở xà nhà. Đêm ấy, hai gia đình nằm mộng thấy một ông lão râu tóc bạc phơ tới mượn cái mai

và nói: - "Ta thấy hai người đều treo cá lên không ăn, điều đó rất tốt, đáng được hưởng phúc. Vậy hãy lấy một đôi dũa cả cắm ở giữa nhà, và hai đôi dũa con cắm mỗi góc nhà một chiếc. Đoạn kê giường lên cho thật cao mà ngủ". Rồi ông lão biến mất. Hai gia đình vừa làm xong thì nước dâng lên rất cao, dê vỡ tứ tung cuốn phăng nhà cửa và dân cư chỉ chừa có hai cái nền nhà của hai bà già xung quanh có ánh hào quang, là không lụt. Mỗi bà có một cô gái, hai người này trở thành bà tổ của hai họ Trịnh và Nguyễn ở xã Cổ-linh[1].

Người Tây-nguyên có truyện *Bà chúa Ya Nôm* (của đồng bào Ja-rai) trong đó cũng có hình ảnh một con vật của thần bị người giết thịt:

Ngày xưa ở vùng người Ja-rai ở là nơi thần linh ngự trị, ở đó có bà chúa Ya Nôm cai quản. Một hôm Ya Nôm đi chơi gặp một con lợn còn bé, bèn bỏ vào sọt mang về nuôi. Nhưng cho ăn gì nó cũng không thích, chỉ thích ăn cát. Bà bèn dùng cát nuôi lợn, lợn chóng lớn, không bao lâu đã bằng con trâu. Buổi ấy có vua Rốc đến nhà Ya Nôm chơi thấy con lợn béo bèn bắt về làm thịt ăn, không biết đấy là lợn của thần linh. Thấy lợn của mình bị giết, thần bèn báo thù bằng cách làm cho khu đất nhà vua sụt xuống thành hồ. Riêng khu nhà của bà chúa Ya Nôm thì không việc gì, nhưng bà này sợ quá, trèo lên đỉnh núi, nay là núi Ya Nôm. Vua Rốc may cưỡi voi bà chúa phóng lên núi khỏi chết. Nhưng giữa đường, voi mệt quá không đi được nữa. Vua nhảy xuống chém lấy đầu. Đầu hóa đá ở sườn núi. Vua cắt đôi ngà định mang đi bán cho người Chàm, nhưng nửa đường nặng quá, vứt lại cũng hóa đá, nay là núi Ngà voi.

Một trong những người em gái của Ya Nôm là Y-tia-un vốn là phù thủy được vua Rốc biếu một miếng thịt lợn liền mời làng đến chén. Nhưng đang nướng thịt thì đất đã sụt thành vực sâu, mụ và mọi người đều chết. Hồn mụ sau này thường lang thang trên các đỉnh núi kiếm ăn[2].

Tương tự với các truyện trên của ta, người Tây Phi-châu ở miền Pho Banh-jê (Fort-Binger) có truyện *Sự tích núi thần*:

Ở vùng núi Ni-ê-nô-cu-ê (Niénokoué) bây giờ, lúc đó còn là một miền đồng bằng dân cư sinh tụ đông đúc. Một hôm tự nhiên thấy có một con voi chết, tất cả mọi người đua nhau đến đó xả thịt nấu nướng ăn với nhau.

Trong khi ai nấy đang chăm chú ăn thịt voi thì chợt có một bà già ở đâu đi đến xin một miếng thịt. Họ đều lắc đầu từ chối, có người lại xô đẩy không

1. Theo *Trịnh thị gia phả* (do Lê Đình Sỹ sưu tầm).
2. Theo Mét-tơ-rơ (Maître), sách đã dẫn và *Truyện cổ Tây-nguyên*.

cho bà già len vào. Duy chỉ có một chàng trai tên là U-ô-rô (Ouoro) lấy giấu cho bà già một miếng thịt.

Đêm hôm đó, bữa tiệc vẫn chưa tàn. Mọi người vẫn xúm quanh xác con voi. Bỗng bà già lén tới, dắt U-ô-rô ra một nơi bảo: - "Ta là nữ thần xứ này. Thấy nhà ngươi tử tế, ta bảo cho biết để tránh một tai nạn khủng khiếp. Ngay từ bây giờ nhà ngươi hãy mau lánh khỏi chỗ này, nếu chậm sẽ không kịp". U-ô-rô chỉ còn biết chạy vội về nhà dắt vợ con cứ nhắm hướng Đông mà chạy miết. Khi anh vừa đi khỏi thì trời giáng mưa như trút, liên miên không ngớt. Nước dâng lên rất cao, khắp miền ngập lụt. Mọi người đều chết hết, nhà cửa súc vật trôi nổi chả còn một tý gì. Sau khi ngớt cơn mưa lụt, đất ầm ầm chuyển động rồi nổi lên một quả núi lớn. Người ta gọi núi ấy là núi thần Ni-ê-nô-cu-ê. Từ xưa đến nay không ai dám lên núi, cũng không ai dám đưa đường cho người nào lên núi cả.

Cũng nên kể thêm dưới đây một vài truyện cắt nghĩa nguồn gốc thần bí của những cái hồ, nhưng với những tình tiết khác nhau và khác các truyện trên. Hai truyện của châu Phi:

Sự tích hồ I-kim-ba của người Hay-a giải thích nguyên nhân sinh ra hồ là do thần Nước trừng phạt sự tò mò của phụ nữ. Ngày xưa có một người đàn bà nổi tiếng hào hiệp vì bất cứ khách nào đến chơi cũng được bà đãi ăn cá ngon. Cá ấy do thần Nước cho tại một cái giếng sau nhà, muốn bao nhiêu cũng có, nhưng phải tuyệt đối giữ bí mật. Một hôm bà đi vắng, con dâu bà vì thiếu thức ăn đãi khách nên lục lọi chỗ giếng bà mẹ chồng thường cấm đoán. Thấy tiết lộ thiên cơ, thần Nước bèn cho nước giếng phun lên thành một vòi nước khổng lồ cuốn phăng người, vật, v.v... thành hồ ngày nay[1].

Sự tích hồ Ki-vu của người Công-gô (Congo) giải thích nguyên nhân sinh ra hồ là do thần trừng phạt người đàn bà không giữ bí mật. Nguyên vùng ấy không có bò dực, thần bèn ban ơn riêng cho hai vợ chồng nhà nọ bằng cách dêm đến cho bò thần xuất hiện truyền giống cho bò cái của họ để tăng đàn gia súc, nhưng phải tuyệt đối giữ kín. Một hôm chồng đi vắng, vợ ở nhà tiết lộ bí mật với nhân tình. Thế là sau một tiếng nổ kinh khủng, nước phun lên trong chớp mắt thành một hồ nước[2].

Truyện *Cô gái thương người được cứu thoát nạn lụt* do Duy-mu-chiê (Dumoutier) kể trong *Cổ tích truyền thuyết Trung-Việt*:

1. Theo tạp chí *Nhân loại* (Anthropos), đã dẫn, XXIV(1929).
2. Theo tạp chí *Nhân loại* (Anthropos), đã dẫn, XIV-XV (1919-20)

Một cô gái nhặt được một em bé bị bỏ rơi trong một ruộng dâu. Nàng bế về nhà nuôi trong hai năm, coi như em ruột. Một hôm đứa bé bỗng nói với cô gái: - "Cám ơn chị cứu sống bấy lâu. Nay xin mách chị để tránh một tai nạn sắp xảy ra. Khi nào thấy một dòng nước từ dưới cối giã gạo phun lên thì chạy cho mau về phía Đông mới thoát khỏi". Nói xong em bé biến mất.

Sau đó ít lâu, một hôm cô gái bỗng thấy nước lênh láng cả nhà. Nàng tìm xem thì thấy nước từ dưới cối phun lên mỗi lúc một mạnh. Nhớ lời em bé dặn, nàng bỏ chạy một mạch về phía Đông. Lúc trèo lên một ngọn đồi, nàng ngoảnh cổ lại thì thấy tất cả xóm làng đều ngập thành một hồ nước mênh mông. Sau đó chỉ có một mình nàng là sống sót[1].

Đồng bào Thổ Bắc-cạn kể truyện thần thoại *Ông Tài Ngào* cũng có nói đến nguồn gốc hình thành hồ Ba-bể:

Có hai ông bà Tài Ngào là nhân vật anh hùng hồi tạo thiên lập địa. Họ có thân thể khổng lồ, tay có thể với lên đến tận trời. Họ chuyên giúp dân giải quyết những khó khăn trong đời sống. Một hôm trời rét căm căm, hai ông bà định lấy lửa ở mặt trời cho dân chúng sưởi. Nhưng mặt trời đã lên cao quá. Họ cầm một bó nứa khô châm lửa, nhưng dù kiễng chân cũng không với tới. Tức mình, họ moi ngay đá dưới đất đắp lên thành một đống cao, rồi trèo lên, quả châm được. Nơi hai ông bà moi đá, ngày nay là hồ Ba-bể.

Đống đá mà ông Tài Ngào đứng lên châm lửa là núi Pi-a Bi-oóc[2].

1. Trong *Tạp chí Đông-dương* (1907).
2. Theo *Thiên lôi bị đòn*, và theo lời kể của người Bắc-cạn.

28. SỰ TÍCH ĐẦM NHẤT-DẠ VÀ BÃI TỰ-NHIÊN

Vua Hùng Vương thứ ba có một nàng công chúa rất xinh đẹp. Người ta nói thuở mới lọt lòng, nàng được các bà tiên tô điểm, nên về sau mới có nhan sắc như thế. Vì vậy vua đặt tên là Tiên Dung. Vua Hùng là người hay nuông con. Đối với Tiên Dung vua lại càng yêu chiều, muốn gì được nấy.

Nhưng công chúa Tiên Dung chỉ có mỗi một sở thích là đi chơi mọi nơi trong nước. Vua phải sắm cho nàng một chiếc thuyền rất xinh, có đủ mọi người hầu hạ và mọi thức cần dùng. Mỗi năm vào khoảng cuối mùa xuân, chiếc thuyền công chúa bắt đầu xuất phát. Cho đến lúc những con chim hậu điểu bay từng đàn ở phương Bắc sang thì công chúa mới trở về nơi cung cấm. Cũng có lúc công chúa quá vui quên cả về, làm cho vua lo lắng. Năm nàng mười tám tuổi, từng có một vài hoàng tử ở các nước láng giềng ngỏ ý muốn được kết duyên nhưng công chúa nhất thiết từ chối. Nàng nói với vua Hùng trong một bữa tiệc:

- Cha à! Con sẽ không lấy chồng đâu!

*

* *

Hồi đó ở Chử-xá có một người đánh cá tên là Chử Cù Vân và con trai là thằng bé Chử. Tuy nghèo, họ vẫn sống vui vẻ trong túp lều dựng trên bãi cát.

Không may một hôm trong khi cha con đi câu vắng, ở nhà lửa bén cháy sạch chả còn tý gì. Hai cha con chỉ còn có một bộ đồ nghề và mỗi một chiếc khố vải đang mặc. Chiếc khố độc nhất ấy dùng để làm vật che thân cho cả hai mỗi lần ra ngoài. Khi người này mang khố thì người kia phải chịu cởi truồng nằm co để đợi đến lượt mình.

Cha con họ Chử hết nạn này lại tiếp nạn khác. Chử Cù Vân tuổi già thiếu áo không chịu được lạnh, dần dần sinh bệnh. Bệnh của ông mỗi ngày một nặng. Trước còn gắng gượng đi câu được, nhưng sau nằm liệt ở nhà. Một hôm, biết mình sắp chết, ông gọi con lại dặn dò mọi việc. Qua hơi thở phều phào, ông trối: -"Có mỗi một chiếc khố... con giữ mà mặc... cứ chôn trần là được rồi!". Nhưng thằng bé Chử - sau này người ta gọi là Chử Đồng Tử - rất thương cha, không muốn để người chết lạnh lẽo. - "Rồi ta sẽ cố kiếm nhiều cá để đổi lấy một cái khố khác!". Nghĩ thế, anh quyết định dùng chiếc khố độc nhất đó cuốn cha lại từ đầu đến chân. Rồi chờ đến nửa đêm, anh đưa lên cồn cao vùi lại.

Từ đó không còn có cái gì để che thân, Chử Đồng Tử phải làm việc ban đêm. Cứ đến chiều hôm, khi không còn trông rõ mặt người nữa, anh bắt đầu ra bãi câu cá. Cho đến mờ sáng, anh sẽ lội ngập nửa người, lần mò đến bến đổi cá cho những thuyền buôn lấy gạo. Thế rồi lại lội đến bến vắng người, lẻn về lều của mình nấu ăn và ngủ một giấc đến chiều mới dậy. Rồi lại ăn uống và chuẩn bị đi câu nữa. Đồng Tử đã sống một cuộc đời cô đơn lẩn lút như thế đã hơn hai năm. Có lúc anh câu được nhiều cá, lúc ít cá không chừng. Cũng có lúc không câu được gì cả đành phải men theo các thuyền xin ăn. Nhưng chả có lúc nào câu được một số cá đủ để đổi lấy một cái khố cả. Vì thế anh vẫn phải chịu trần truồng mãi. Một hôm, Đồng Tử đang mang cá đổi gạo thì chợt có tiếng huyên náo. Mọi người kháo nhau có thuyền của công chúa sắp tới địa phương. Từ đàng xa, chiếc thuyền sơn hiện ra mỗi lúc một lớn, có quân gia cờ quạt, chiêng trống đàn sáo vang động cả một khúc sông. Thấy mọi người đổ ra đường, ra bến đi xem rất đông, Chử Đồng Tử bí lối không về lều được. Anh đành rúc vào một bụi lau ở bãi rồi bỗng nghĩ ra được một kế giấu mình kín hơn là bới cát thành một cái huyệt rồi nằm xuống, tự vùi mình lại.

Giữa lúc đó thì Tiên Dung sai cắm sào lại rồi bỏ thuyền lên bộ. Tự nhiên công chúa có ý muốn tắm. Theo lệ thường. người ta quây màn lại một chỗ kín đáo trên đất, rồi đun nước thơm đưa vào để công chúa dùng.

Không ngờ chỗ mà bọn thị tỳ quây màn hôm nay lại chính là chỗ Đồng Tử vùi mình dưới đó. Anh nằm dưới đất chả biết gì hết, chỉ nghe

có tiếng nện, tiếng chân người giẫm thình thịch và tiếng nước dội rào rào. Cho đến lúc anh thấy toàn thân ướt đẫm cả nước. Rồi chỉ một lúc sau, dòng nước dội hẳn vào người anh. Biết là bại lộ, Đồng Tử ngượng ngùng ngồi nhỏm dậy. Công chúa xiết bao kinh ngạc, khi thấy có một người lạ cũng trần truồng như nàng ở trong màn. Thoạt đầu, Tiên Dung tưởng là ma quái, toan la lên để bọn quân hầu vào cứu, nhưng thấy người con trai đó chẳng có chút gì là độc ác, nên nàng cố trấn tĩnh, ôn tồn bảo:

- Người là ai? Tại sao lại vùi mình ở đây? Nói mau!

Nghe người trai lạ kể nông nỗi của mình, công chúa rơm rớm nước mắt. Nàng không ngờ trong đất đai của cha nàng trị vì lại có hạng người đói khổ đến nỗi không có lấy một mẩu vải che thân.

Cảm lòng chí hiếu của người con trai ngồi trước mặt, Tiên Dung nói một mình: - "Những người như thế này chưa chắc bọn con trai trong thiên hạ đã sánh kịp!". Bỗng chốc nàng đưa gáo cho Đồng Tử:

- Thôi anh tắm rửa đi nhé. Lạ thật! Chắc có trời!

Bọn thị tỳ và lính tráng hôm đó rất lấy làm sửng sốt vì thấy từ trong màn bước về thuyền không phải một mình công chúa mà là hai người và người thứ hai lại không phải là nữ mà là một chàng trai khỏe đẹp. Nàng bèn sai lấy một bộ võ phục của một viên quan hầu cho Đồng Tử mặc. Bấy giờ trước mặt mọi người, công chúa thẳng thắn kể cuộc gặp gỡ kỳ dị lúc nãy rồi nói:

- Người này sẽ là chồng tôi!

Nghe thế, Chử Đồng Tử đỏ mặt:

- Tôi không dám, không dám.

Nhưng Tiên Dung bảo:

- Tôi vốn không có ý định lấy chồng. Nay tình cờ gặp gỡ thế này chắc có Trời xui.

Tất cả đều theo ý Tiên Dung. Duy có hai viên quan hầu và một số thị tỳ, lính tráng không cho là cuộc phối hợp tốt đẹp. Nhưng thấy công chúa táo bạo lại thường được vua chiều chuộng cho nên cuối cùng họ cũng không dám cản. Và rồi hôn lễ cử hành ngay trên sông, có một số đông bô lão địa phương tới dự.

*

* *

Nhưng khi tin bắn về cung, vua Hùng không ngăn được cơn giận dữ. Vua bảo quần thần:

- Thà nó không có chồng còn hơn. Thực là đốn mạt! Tại sao nó không chịu hỏi ta. Thôi từ nay nhất thiết cấm cửa. Hễ nó vác mặt về Phong-châu thì cho phép Lạc tướng chém chết trước, tâu sau.

Thuyền của Tiên Dung vừa nhổ neo ra về thì một người em gái của nàng đã lén sai một người đầy tớ trung thành, hỏa tốc báo tin không hay đó cho nàng biết. Nàng nhận tin với một vẻ lo ngại. Nàng đã biết tính vua cha khi thương thì thương rất mực mà khi giận cũng có thể đang tay được. Hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc. Cuối cùng, nàng hội họp tất cả những người dưới quyền mình lại rồi nói rõ ý định:

- Vua cha nay không thương ta nữa. Vậy vợ chồng ta quyết định không về. Cho các ngươi được về với cha ta và về với bà con làng nước.

Hai vợ chồng từ đó sống một cuộc đời mới. Họ giao thiệp với các thuyền buôn nước ngoài vẫn thường ghé vào để bán hàng và cất hàng. Công cuộc buôn bán của họ mỗi ngày một khá. Chỗ bến sông ấy dần dần trở thành một cái chợ quyến rũ được nhiều người.

Một hôm, Đồng Tử mang vàng theo một khách buôn lớn định ra nước ngoài mua hàng tận gốc để kiếm một số lãi to.

Họ dong buồm đi về phương Nam. Chỉ trong năm ngày đến một ngọn núi giữa biển, gọi là núi Quỳnh-viên, thuyền dừng lại lấy nước ngọt.

Đồng Tử bước lên đất rồi vui chân, anh trèo mãi lên tận đỉnh đảo. Đang say sưa ngắm cảnh, bỗng nhiên Đồng Tử thấy mình đứng trước một cái am nhỏ. Trước am có một đạo sĩ ngồi định thần trên một phiến đá. Anh bước tới toan cất tiếng thì người kia đã hỏi trước:

- Thằng bé Chử! Sao lại muộn thế?

Biết là bậc thần dị, anh phủ phục xuống bên cạnh người lạ, xin làm đồ đệ.

Khi bọn lái thuyền đến am tìm Chử Đồng Tử thì anh trao tất cả vàng cho họ và nói:

- Các bác cứ cầm lấy mà buôn bán. Tôi sẽ ở đây cho đến khi thành đạo.

Đồng Tử hiểu đạo rất chóng. Sư phụ còn dạy cho anh nhiều phép mầu nhiệm. Cho đến khi chiếc thuyền buôn trở lại đón, thì anh được sư phụ trao cho một chiếc gậy và một cái nón và bảo:

- Thế là con có thể hạ sơn được. Ta giao cho con những vật này. Tất cả sự linh diệu đều ở đó cả.

Bước xuống thuyền, Đồng Tử không ngờ số vốn của mình hồi trước giờ đây người ta đã làm nảy nở gấp mười. Nhưng nhìn những thoi vàng sáng chóe, anh không thấy thích thú như xưa. Những câu chào hỏi, những lời bàn bạc tính toán nhao nhao của các bạn buôn bấy giờ đối với anh đều nhạt nhẽo.

Về đến nhà, Đồng Tử truyền đạo lại cho vợ. Cũng như chồng, Tiên Dung học đạo rất chóng. Thế rồi một hôm, hai vợ chồng đem tất cả gia sản của mình phân phát cho những người nghèo khổ trong vùng. Mọi người đều lấy làm lạ khi thấy hai vợ chồng công chúa bỏ sự làm ăn đang thịnh để ra đi, không biết là đi đâu.

Hai vợ chồng ngày đi đêm nghỉ cốt tìm thầy học đạo thêm nữa. Một hôm, trời đã tối, họ đi mãi, rất mệt nhưng vẫn chưa gặp một cái quán nào. Chỗ này không nghe qua một tiếng gà gáy chó sủa. Cuối cùng, họ nghỉ lại trên bãi cỏ. Đồng Tử cắm gậy của mình xuống đất rồi úp nón lên che sương. Canh ba đêm hôm ấy, bỗng có tiếng chuyển động dữ dội. Thế là phút chốc họ không phải nằm trên bãi cỏ nữa mà nằm trên một chiếc giường ngọc trong một tòa lầu chăn gối êm dịu như nhung. Quần áo của họ mặc là thứ quần áo màu, lấp lánh như vẩy bạc.

Khi ra dãy hành lang có bao lơn trắng như tuyết, hai vợ chồng mới biết không phải chỉ có một nhà mà là rất nhiều nhà, nhiều lầu. Ngoài xa xa lại có một bức thành chạy dài ôm lấy khu vực này. Đến đâu cũng có người hầu hạ và quân lính canh gác. Họ ăn bận nhiều mầu nhiều kiểu rất đẹp. Tiên Dung hỏi hai người thị nữ:

- Đây là chốn nào?

Họ đáp:

- Đây là giang sơn riêng của công chúa như lời ước muốn của người.

Khi hai vợ chồng bước tới chính đường thì một viên quan từ trong tiến ra, giơ cao một mớ sổ sách, quỳ chào họ:

- Xin dâng lên công chúa tất cả mọi vật ở đây!

Hai vợ chồng cùng giở ra xem thì thấy trong đó kê tất cả bao nhiêu lâu đài nhà cửa, bao nhiêu vật dụng linh tinh, bao nhiêu khí giới, v.v... Trong mười gian nhà kho chứa trữ bao nhiêu châu ngọc, vàng bạc, lương thực. Ngoài ra còn kê tên tuổi bao nhiêu viên quan văn quan võ, bao nhiêu lính tráng, bao nhiêu nô tỳ, v.v... Chồng bảo vợ:

- Thế là từ nay chúng ta làm chủ cái giang san này đây!

Từ đó hai vợ chồng lưu lại đây vui hưởng một cuộc sống khác trước. Nhân dân quanh vùng nghe đồn hai vợ chồng công chúa có phép tiên xây dựng lâu đài thành quách trong một đêm, nên ai nấy rủ nhau đến xin che chở. Họ lũ lượt mang hoa quả, nếp gạo, gà lợn để làm lễ chào mừng những người chủ mới.

Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng và sau cùng đến tai Hùng Vương. Mấy tên quân lính do thám về báo cho vua biết nào quân lính đông hàng mấy vạn, nào giáp sắt trống đồng tề chỉnh, nào nhân dân quy phục mỗi ngày một đông, v.v... Chúng quả quyết rằng hai vợ chồng công chúa không có gì hơn là muốn rạch đôi sơn hà với thiên tử.

Hùng Vương từ lâu đã quên Tiên Dung, nay nghe tin báo, tự nhiên lòng giận lại bốc lên bừng bừng. Những lúc như thế mọi người rất lo sợ. Người ta thấy các Lạc tướng chuẩn bị ráo riết dường như sắp có một cuộc chiến tranh xảy tới. Trong suốt mười lăm ngày các tay nỏ được lệnh ra sức tập luyện. Trống đồng được dùng báo hiệu liên miên không nghỉ. Trước khi đoàn quân xuất phát, vua Hùng bước ra cửa điện nói với họ:

- Nó từ lâu là giặc, hoàn toàn không phải là con ta. Các ngươi cố gắng lấy đầu của hai tên giặc đó về đây sẽ có trọng thưởng.

Nghe tin cáo cấp, tất cả các tướng sĩ bộ hạ của Tiên Dung hội nhau định kế chống lại. Một viên tướng đến trình bày với hai vợ chồng:

- Nếu công chúa muốn, chúng tôi có thể tiêu diệt quân địch trong khoảnh khắc.

Tiên Dung lắc đầu bảo họ:

- Không được. Ta đâu dám cự lệnh vua cha?

Chiều hôm ấy, quân đội của Lạc tướng đã hạ trại ở bên kia bờ sông. Bóng cờ đã thấp thoáng trong lùm cây. Bên này sông, trong giang sơn của công chúa vẫn chưa có lệnh chuẩn bị. Quân canh trên mặt thành luôn luôn đưa tin mới cho hai vợ chồng. Nhưng họ vẫn thản nhiên tươi cười. Cũng như lệ thường, đêm hôm nay họ vẫn ngủ trên chiếc giường ngọc.

Khoảng canh ba, bỗng có tên quân vào báo tin rằng cầu phao bên địch đã bắc xong và hiện nay họ đang nấu ăn. Hai vợ chồng ngồi dậy cùng hướng mặt lên trời. Thế là một trận bão vụt nổi lên, mỗi lúc một dữ dội. Đồng thời đất chuyển động ầm ầm. Gió xoáy một cách kinh khủng đến nỗi có thể bốc tất cả mọi cái trên mặt đất ném đi nơi khác.

Sáng hôm sau, nhân dân quanh vùng cũng như quân đội vua Hùng đều thấy một sự lạ chưa từng có. Bão đã tạnh từ lâu, nhưng thành quách của công chúa, kể cả cung điện, nhà cửa, quân gia, súc vật, đồ dùng đều bay đâu mất cả không còn sót một tý gì. Giữa đó là một cái đầm rộng mênh mông, đầy nước trắng xóa. Duy chỉ có cái nền cung của hai vợ chồng công chúa thì vẫn còn. Người ta gọi cái đầm ấy là đầm Một-đêm (Nhất-dạ) và cái nền ấy là bãi Tự-nhiên. Về sau trên cái nền ấy, người ta có lập miếu thờ hai vợ chồng Chử Đồng Tử[1].

1. Theo *Linh-nam chích quái*.

29. SỰ TÍCH ĐẦM MỰC

Ngày ấy vào đời nhà Trần có một cụ đồ nho ở xã Quang-liệt tên là Chu An. Học vấn của cụ sâu và rộng. Cũng vì tiếng tăm của cụ truyền khắp mọi nơi nên học trò xa gần đến học rất đông.

Về sau nhà vua nghe tiếng, vời cụ về Kinh giao cho trông nom trường Quốc tử và dạy thái tử học. Cụ để nhà lại cho vợ con rồi đi nhậm chức. Nhưng được hơn một năm đã thấy cụ chống gậy trở về. Cụ bảo mọi người rằng:

- Ta không thể chịu được bảy tên quyền thần dối vua hại nước?

Từ đó người ta thấy cụ trở lại nghề dạy học. Lần này những người đến xin "nhập môn" đông vô kể. Cả một cái gò cao ở xóm Văn phải dựng thêm ba bốn mái nhà nữa mới đủ chỗ để chứa học trò. Nhà trong xóm chật ních những anh đồ nho, đủ mặt người kinh, người trại. Đó là chưa kể những người ở quanh vùng hàng ngày cơm đùm cơm gói đi về học tập.

Trong số học trò của cụ có hai anh em con vua Thủy. Nghe tiếng cụ đồ, vua Thủy cũng cho con lên học. Ngày ngày hai anh em đến bờ sông trút lốt thuồng luồng ở nước rồi lên đất, nói năng, cử chỉ không khác gì người trần.

Một hôm cụ đồ đang chấm bài thì anh trưởng tràng đến kể cho biết rằng sáng hôm nay, khi chưa rõ mặt người, anh có việc đi chợ huyện, đến cầu Bưu tình cờ thấy từ dưới sông có hai người đi trên mặt nước tiến vào bờ:

- Đúng là hai anh em nhà Gàn thầy ạ! Con đầu tiên sợ nhưng cũng cố đi theo. Quả nhiên họ vào đây. Thầy bảo bây giờ nên làm thế nào?

Cụ đồ gật gù đáp:

- Con cứ để yên mặc họ, con ạ! Nếu là quỷ thần mà họ chuộng đạo thánh hiền thì lại càng hay chứ sao!

*

* *

Năm ấy vùng Thanh-đàm trời làm đại hạn. Suốt từ cuối năm ngoái cho đến tháng Hai năm nay không có lấy một giọt mưa. Đồng ruộng nứt nẻ. Mấy đám lúa, đám ngô cứ héo dần. Thấy mọi người nhao nhác, cụ đồ sốt ruột không kém.

Một chiều kia sau buổi học, cụ đồ lưu hai anh em chàng Gàn ở lại rồi bảo:

- Thầy muốn các con thương đến dân một chút.

Hai anh em làm bộ ngơ ngác không nói gì. Thấy họ còn giấu mình, ông cụ nói:

- Các con bất tất phải giấu. Thầy đã biết cả. Bây giờ đây chỉ có các con là cứu được dân sự. Các con hãy làm mưa cho họ nhờ.

Hai anh em đưa mắt nhìn nhau, hồi lâu bảo cụ:

- Dạ, nhưng hiềm vì sông hồ đều có lệnh "phong bế" cả thì lấy đâu ra nước bây giờ.

Ông cụ khẩn khoản:

- Các con cố nghĩ thử xem có thể lấy nước ở đâu được không. Không cứu được nhiều thì ta hẵng tạm cứu ít vậy!

Hai anh em ngần ngừ hồi lâu rồi chỉ vào nghiên mực đặt trên án thư, bảo cụ đồ:

- Dạ, oai trời thì rất nghiêm nhưng lời của thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy. Chúng con sẽ dùng nước ở nghiên mực này tạm thấm nhuần trong một vùng vậy.

Cụ đồ mừng rỡ chạy lại án thư bê cái nghiên mực lớn còn đầy nước và cả quản bút lông của mình thường dùng, đưa cho họ. Hai anh em đỡ lấy rồi cả ba người cùng tiến ra bờ sông. Đến nơi họ xắn ống tay áo rồi sau đó em bưng nghiên mực, anh cầm quản bút nhúng mực vẩy lên trời nhiều lần. Đoạn họ vứt cả nghiên lẫn bút xuống nước, cúi vái cụ đồ rồi biến mất.

Đêm hôm ấy quả nhiên mây mù tối tăm rồi mưa một trận như trút. Cụ đồ vừa mừng vừa sợ, suốt đêm chạy ra chạy vào không ngủ. Sáng dậy, điều mà ai nấy đều lấy làm lạ là nước chỉ lênh láng suốt mấy cánh đồng trong vùng Thanh-đàm mà thôi. Hơn nữa sắc nước chỗ nào chỗ ấy đều đen như mực. Trận mưa đêm hôm đó quả cứu vớt được biết bao nhiêu là ruộng lúa, ruộng ngô và các hoa màu khác. Dân vùng Thanh-đàm lại vui vẻ như xưa.

Nhưng lúc đó ở thiên đình, các thiên thần đều lấy làm lạ về một trận mưa bất ngờ. Ngọc hoàng nổi giận sai một thiên thần đi tìm bắt cho được thủ phạm trị tội. Và cả hai anh em đều không thoát lưới trời nghiêm ngặt: cả hai đều rơi đầu dưới lưỡi búa của thần sét.

Xác của họ hiện nguyên hình là hai con thuồng luồng song đầu một nơi mình một nẻo, giạt vào gậm cầu Bưu. Cụ đồ nghe tin rất thương xót. Cụ khóc và cụ bắt tất cả học trò đưa đám chôn hai con thuồng luồng. Khăn áo hôm ấy trắng phau cả một bờ sông. Xác hai con vật được chôn cất một cách tử tế ở bên cầu và cũng đắp thành nấm như mộ của người.

Cái nghiên mực của cụ đồ Chu An sau đó trôi về làng Quỳnh-đô làm đen cả nước đầm ấy, ngày nay người ta vẫn quen gọi là đầm Mực. Còn quản bút thì lại trôi về làng Tó cho nên các cụ thường truyền rằng nhờ thế làng Tó tức là làng Tả Thanh-oai bây giờ, có lắm người học hành đỗ đạt. Còn chỗ ngôi mộ hai con quái vật tức là hai anh em thuồng luồng sau đó người ta lập miếu thờ, ngày nay vẫn còn có tên là miếu Gàn[1].

KHẢO DỊ

Theo Duy-mu-chiê (Dumoutier) trong *Cổ tích truyền thuyết Trung – Việt* thì truyện trên xảy ra vào đời Sĩ Nhiếp:

Hai người con thần Mưa thường đến học ở nhà trường Sĩ Nhiếp ở Tam-á (Bắc-ninh). Một hôm trời nóng đến nỗi tất cả mọi người trong trường đều khó chịu. Vì thầy và bạn kèo nài mãi nên hai người con thần Mưa trộm phép cha gọi mưa xuống và trời quả nhiên mưa thật. Ngọc Hoàng thượng đế thấy vậy nổi giận ra lệnh xử tử ngay hai người con thần Mưa. Hai cái đầu rơi xuống làng Tiên-liệt. Ở đây, người ta đắp mộ xây đền và thờ làm Thành hoàng.

1. Theo *Thần tích* và báo *Tri tân* (1944).

30. SỰ TÍCH SÔNG NHÀ-BÈ HAY LÀ TRUYỆN THỦ HUỒN

Ngày xưa ở Gia-định có một người tên là Thủ Huồn. Hắn xuất thân làm thơ lại. Trong hơn hai mươi năm luồn lọt trong các nha các ti, hắn đã làm cho bao nhiêu gia đình tan nát, bao nhiêu người bị oan uổng; do đó hắn đã vơ vét được bao nhiêu là tiền của. Vợ hắn chết sớm lại không có con cho nên tiền bạc của hắn không biết tiêu đâu cho hết. Ngoài số chôn cất, hắn đem tiền tậu ruộng làm nhà. Ruộng của hắn cò bay thẳng cánh, mỗi mùa thu hoạch kể hàng ngàn "giạ" lúa.

Khi thấy cuộc sống quá thừa thãi, hắn bèn thôi việc về nhà, sống một cuộc đời trưởng giả.

Một hôm, có người mách cho Thủ Huồn biết chợ Mạnh-ma ở Quảng-yên là chỗ người sống và người chết có thể gặp nhau. Muốn gặp người chết, người sống phải chờ đến mồng một tháng Sáu, mang một món hàng vào chợ hồi nửa đêm mà đi tìm. Thủ Huồn là người rất yêu vợ. Tuy vợ chết đã ngoài mười năm nhưng hắn vẫn không lúc nào quên. Hắn bèn giao nhà lại cho người bà con rồi làm một chuyến du lịch ra Bắc, mong gặp lại mặt vợ cho thỏa lòng thương nhớ bấy lâu.

Khi gặp vợ, Thủ Huồn không dám hỏi vì thấy vợ ăn mặc rất đài các. Sau cùng người đàn bà ấy cũng nhận ra được. Thủ Huồn mừng quá vội dắt vợ ra một chỗ kể cho vợ nghe cảnh sống của mình từ lúc âm dương cách biệt. Rồi hắn hỏi vợ:

- Mình lâu nay làm gì?

- Tôi làm vú nuôi trong cung vua. Cuộc đời của tôi không có gì đáng phàn nàn. Tôi có một gian nhà riêng trong hoàng cung, cái ăn cái mặc được chu cấp đầy đủ.

Hắn nói:

- Tôi nhớ mình quá. Tôi muốn theo mình xuống dưới ấy ít lâu có được không?

- Đi được. Nhưng chỉ trong vài ngày là cùng, nếu quá hạn sẽ nguy hiểm.

Thủ Huồn và vợ cùng đi. Qua mấy dặm đường tối mịt, chả mấy chốc đã đến cõi âm. Hắn rùng mình khi lọt qua bao nhiêu cổng trước lúc vào thành nội, qua những tên quỷ gác cổng có những bộ mặt gớm ghiếc. Nhờ có vợ nên chỗ nào cũng vào được trót lọt. Đến một gian nhà thấp, vợ bảo chồng:

- Đây là nhà bếp, đằng kia là nhà ngục, trước mặt là cung hoàng hậu, chỗ tôi túc trực hàng ngày. Qua khỏi đấy là cung vua. Cứ ẩn tạm trong buồng vắng này vì không thể lên buồng tôi trên kia được. Tôi sẽ kiếm cách cho chàng đi xem một vài chỗ, nhưng rồi phải về ngay.

Chiều hôm đó người vợ về trao cho Thủ Huồn một mảnh giấy phép và nói:

- Chỉ có cung vua và cung hoàng hậu thì đừng có vào còn mọi nơi khác chàng cứ đi xem cho thỏa thích.

Hắn lượn mấy vòng xung quanh nhà bếp rồi tiện chân đến nhà ngục. Chưa lọt khỏi cổng mà những tiếng kêu khóc, tiếng la hét ở phía trong làm cho hắn bồn chồn. Qua mấy phòng chuyên mổ bụng, móc mắt, cắt tay, v.v... hắn thấy đây quả là nơi hành hạ tội nhân kinh khủng, đúng như lời đồn ở trên trần thế.

Sau cái bàn xẻo thịt là cả một kho gông. Trong đó có một cái gông đặc biệt: nó vừa to vừa dài, làm bằng những thanh gỗ nặng như sắt. Thủ Huồn lân la hỏi người cai ngục:

- Thứ gông này để làm gì?

- Để chờ một thằng ác nghiệt ở trần xuống đây. Bao nhiêu những cái gông trong này đều đã có chủ cả. Cứ xem gông to hay nhỏ thì biết tội ác của nó.

Thủ Huồn lại hỏi:

- Thế cái thằng sẽ đeo cái gông vừa to vừa dài đó là ai?

Lão cai ngục thủng thỉnh giở một cuốn sách vừa to vừa dày chỉ vào một hàng chữ, đọc:" Hắn là Võ Thủ Hoằng[1] tức là Thủ Huồn". Rồi nói tiếp:

- Thằng cha đó ở Đại-nam quốc, Gia-định tỉnh, Phúc- chính huyện...

Nghe nói thế, Thủ Huồn giật mình mặt xám ngắt. Nhưng hắn vẫn giữ được vẻ bình tĩnh. Hắn hỏi thêm:

- Thế nào? Hắn có tội gì?

Lão cai ngục mắt vẫn không rời quyển sách:

- Khi làm thơ lại hắn bẻ mặt ra trái làm bao nhiêu việc oan khốc đến nỗi tội ác của hắn đen kín cả mấy trang giấy đây. Này nghe tôi đọc này: năm Ất sửu hắn sửa hai chữ "ngộ sát" thành "cố sát" làm cho hai mẹ con thị Nhàn bị chết để cho người anh họ chiếm đoạt gia tài. Việc này Thủ Huồn được mười nén vàng và mười nén bạc, một trăm quan tiền. Cũng năm đó, hắn làm cho ông Ngô Lai ở thôn Bình-ca bị hai mươi năm tội đồ chỉ vì trong nhà có cái áo vải vàng, để đoạt không của ông ta mười hai mẫu ruộng. Năm...

Thủ Huồn tái mặt, không ngờ mỗi một cái cất tay động chân của mình trên kia, dưới này đều rõ mồn một. Hắn ngắt lời đánh trống lảng:

- Thế vợ hắn có cùng đeo gông không hở ông?

- Ồ! Ai làm người ấy chịu chứ! Vợ hắn nghe đâu là người tốt đã xuống đây rồi.

Thủ Huồn lại hỏi gặng:

- Ví thử hắn muốn hối cải thì phải làm thế nào?

Lão cai ngục bỏ sách xuống bàn, đáp:

- Đã vay thì phải trả! Nếu hắn muốn thì phải đem những thứ của cải cướp giật được đó bố thí và cúng lễ cho hết đi.

Từ biệt lão cai ngục và những hình cụ khủng khiếp, Thủ Huồn không còn bụng dạ nào để đi xem nơi khác nữa. Vợ thấy chồng đòi về, lại đưa chồng ra khỏi hoàng cung của Diêm vương và ra khỏi mấy dặm đường tối tăm mù mịt. Lúc sắp chia tay hắn bảo vợ:

1. Theo Trương Quốc Dụng trong *Thoái thực ký văn*.

- Tôi về trang trải công nợ có lẽ ba năm nữa tôi lại xuống. Mình nhớ lên chợ đón nghe!

Về tới Gia-định, Thủ Huồn mạnh tay bố thí. Hắn tập hợp những người nghèo khó trong vùng lại, phát cho họ tiền, lúa. Hắn đem ruộng đất của mình cúng cho làng, cho chùa, chia cho họ hàng thôn xóm. Hắn mời hầu hết sư, sãi các chùa gần vùng tới nhà mình cúng đơm, tốn kém kể tiền vạn. Người ta lấy làm lạ không hiểu tại sao một tay riết róng như hắn bây giờ trở nên hào phóng một cách lạ thường. Ai xin gì được nấy. Có những người trước chửi hắn bây giờ lại đâm ra thương hại hắn. Nhiều người bảo nhau: - "Thứ của vô nhân bất nghĩa ấy không trước thì sau thế nào cũng đội nón ra đi mà thôi!" hay là: - "Có lẽ hắn không con, biết để của cũng chả làm gì nên tự làm cho vợi bớt". Thủ Huồn có nghe rất nhiều lời đàm tiếu về mình, nhưng hắn chẳng nói gì sốt, cứ việc quẳng của không tiếc tay.

Cứ như thế sau ba năm, Thủ Huồn tính ra đã phá tán được ba phần tư cơ nghiệp. Nhớ lại lời hẹn, hắn lại khăn gói ra Bắc tìm đến chợ Mạnh-ma. Ở đây, hắn dỗ khéo được vợ cho hắn xuống thăm cõi âm một lần nữa.

Khi trở lại nhà ngục, Thủ Huồn thấy quang cảnh vẫn như cũ. Lão cai ngục vẫn là lão cai ngục ba năm về trước. Cách bố trí y hệt như xưa: cũng có nơi mổ bụng, nơi móc mắt, cắt tay, v.v... Duy chỗ để gông thì có ít nhiều thay đổi. Bên cạnh những cái vẫn còn nguyên hình như xưa thì lại có những cái trước bé nay đã lớn lên, có cái trước lớn nay nhỏ hẳn đi. Đặc biệt cái gông mà Thủ Huồn chú ý nhất thì bây giờ đã rút ngắn lại tuy vẫn còn to và dài hơn các thứ gông thường một tý. Hắn lân la hỏi lão cai ngục:

- Cái gông để ở nơi này trước kia tôi nhớ hình như to lắm thì phải.

- Đúng đấy! Lão đáp. Có lẽ gần đây ở trên dương thế thằng cha ấy đã biết chuộc lỗi, nên nó đã nhỏ lại. Nếu hắn gắng hơn nữa, thì rồi sẽ có phúc lớn.

Thủ Huồn lại lên đất, trở về Gia-định. Hắn lại làm tiếp công việc bố thí và cúng dàng. Lần này hắn bán hết tất cả những gì còn sót lại, kể

cả nhà cửa của mình. Hắn đến Biên-hòa dựng một ngôi chùa lớn để cúng Phật. Hắn xuôi sông Đồng-nai để làm một việc nghĩa cuối cùng. Hồi đó ở ngã ba sông Đồng-nai và sông Gia-định việc đi lại rất bất tiện. Cũng vì thế mà bên kia sông Đồng-nai người ta còn ngần ngại chưa dám di cư sang để sinh cơ lập nghiệp.

Thủ Huồn bèn quyết định ở lại đây. Hắn kết một cái bè lớn, trên bè có nhà ở, có đủ chỗ nghỉ, có sẵn nồi niêu, đồ dùng và tiền gạo. Những thứ ấy hắn dùng để tiếp rước những người qua lại, nhất là những người nghèo khó. Hắn cho họ trú ngụ tại bè của mình kẻ năm ba ngày, người một đôi tháng mà không lấy tiền. Hắn làm công việc đó mãi cho đến ngày xuống âm phủ thật sự.

*
* *

Sau đó khá lâu, có lần một ông vua tên là Đạo Quang bên Trung-quốc lúc mới lên ngôi có cho sứ sang Việt-nam hỏi lai lịch một người ở Gia-định. Số là khi nhà vua mới sinh, người ta thấy trong lòng bàn tay vua có mấy chữ: "Đại-nam, Gia-định, Thủ Hoằng", nên nhà vua cần biết rõ gốc gác Thủ Hoằng là ai. Sau khi sứ giả cho biết rõ lai lịch Thủ Huồn, vua Trung-quốc có cúng vào ngôi chùa Biên-hòa ba pho tượng vàng. Do việc đó người ta bảo Thủ Huồn nhờ thành thực hối lỗi, chẳng những làm tiêu mất cái gông chờ hắn ở cõi âm, mà còn được Diêm vương cho đi đầu thai làm vua Trung-quốc.

Ngày nay, một ngôi chùa ở Biên-hòa còn mang tên là chùa Thủ Huồn: chỗ ngã ba sông Đồng-nai và Gia-định còn gọi là sông Nhà-bè để kỷ niệm lòng tốt của Thủ Huồn đối với khách bộ hành Nam Bắc qua con sông đó[1]. Có câu tục ngữ:

Nhà-bè nước chảy phân hai,
Ai về Gia-định Đồng-nai thì về.

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn, và tham khảo *Thơ ông Thủ Huồn* của Nguyễn Hữu Rằng.

KHẢO DỊ

Truyện trên giống với truyện *Người đi dạo âm phủ* cũng do Jê-ni-bren (Génibrel) sưu tập:

Có hai vợ chồng một người ở Nam-định, nhà giàu có lớn. Họ sinh được một cô con gái rất xinh và khôn ngoan tên là Trần Thị Xuân. Đặc biệt là mỗi bàn tay có sáu ngón. Không may năm nàng mười ba tuổi thì bị lên đậu trời mà chết. Thương nhớ con gái, hai vợ chồng không thiết làm ăn gì nữa. Nghe nói ở Quảng-yên có chợ Mạnh-ma, ở dấy dương gian và âm phủ có thể gặp nhau được, hai vợ chồng bèn tìm đến, mong được gặp con. Họ có mang theo một cái quả bằng bạc sắm cho cô gái lúc còn sống. Nhằm ngày mồng một tháng Sáu họ đến chợ giả bày hàng ra bán. Lát sau, người con gái đến hàng mua trầu, trông thấy cái quả của mình liền hỏi chuyện. Cha mẹ nhận ra con nhờ có bàn tay sáu ngón của cô và được con mời đi dạo cảnh âm phủ.

Chồng của cô là một viên quan giám thành, đưa cha mẹ vợ đi coi các cửa ngục. Khi đến cửa thứ nhất, hai vợ chồng thất kinh thấy tên tuổi của họ có yết ở cửa ngục. Họ vờ hỏi chàng rể tại sao có tên yết ở cửa, thì hắn bảo:-"Hai người đó ở dương gian cho người ta vay nợ một lốp vốn năm bảy lốp lời làm cho người ta phải bán vợ dợ con nên yết lên để chờ làm tội". Hai vợ chồng lại hỏi:-"Vậy chúng nó muốn khỏi tội thì phải làm thế nào?"-"Phải làm chay bố thí cho hết của đó, mới mong khỏi được".

Trở về làng cũ hai vợ chồng dốc của cải ra đón sư làm chay và mạnh tay bố thí. Sau khi hết của họ lại lần mò ra chợ Mạnh-ma tìm con gái và định dòi xuống âm phủ xem thế nào. Nhưng cô gái vừa gặp cha mẹ đã bảo:-"Cha mẹ đã sạch tội rồi, không còn thấy tên ở cửa ngục nữa. Vậy chả cần xuống làm gì".

Cả hai truyện trên có lẽ chịu ảnh hưởng từ một số phật thoại ngoại lai trong đó có truyện *Mục Liên thăm mẹ ở địa ngục* khá phổ biến ở Việt-nam (xem cuối truyện số 19).

Phần cuối truyện Thủ Huồn tương tự với *Sự tích sư ông Huyền Chân* và *Truyện bà Hiếu*.

Sự tích sư ông Huyền Chân: Xưa, ở chùa Quang-minh, xã Hậu-bổng (Hải-dương) có một hòa thượng nổi tiếng chân tu. Lúc về già, Phật Di-đà hiện

lên báo mộng rằng:-"Nhà người có công với đạo Phật, kiếp sau sẽ cho giáng sinh làm vua Trung-quốc". Khi hòa thượng chết, đệ tử vâng lời thầy viết vào vai mấy chữ "Hòa thượng Huyền Chân chùa Quang-minh".

Về sau có lần sứ bộ Việt-nam sang Trung-quốc. Khi yết kiến, chánh sứ Nguyễn Tự Cường được vua Minh Hy Tông cho biết là mình sinh ra trên vai có mấy chữ, rửa mấy cũng không sạch, không biết đầu duôi vì sao. Nguyễn Tự Cường về dò hỏi mới biết câu chuyện sư Huyền Chân, vội mang nước giếng chùa Quang-minh sang cho vua Trung-quốc. Kết quả, nước rửa đến đâu chữ mất đến đấy[1].

Truyện bà Hiếu: Ở làng Linh-chiểu Dông (Gia-định) có người đàn bà tên là Hiếu nhà giàu, không có con cái. Bà bèn lập chùa Hoa-nghiêm bao vây một khoảng đất rộng để cho kẻ nghèo chôn cất làm phúc. Nhờ có công đức đó nên khi chết được đầu thai làm con gái vua Trung-quốc. Công chúa khi đẻ ra có chữ son "Gia-định, Linh-chiểu-Dông, chùa Hoa-nghiêm" vua Trung-quốc cho là sự lạ, gửi giấy sang hỏi bên ta. Sau đó vua sai cúng vàng bạc vào chùa và xin đưa bài vị sang để thờ. Làng không chịu, chỉ làm một bài vị khác đưa sang cho vua Trung-quốc[2].

1. Theo Vũ Phương Đề. *Công dư tiệp ký*.
2. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

31. TẠI SAO SÔNG TÔ-LỊCH VÀ SÔNG THIÊN-PHÙ HẸP LẠI?

Ngày xưa về đời nhà Lý có một ông vua bị bệnh đau mắt. Mấy ông thầy thuốc chuyên môn chữa mắt ở trong kinh thành cũng như ngoài nội đều được vời vào cung chạy chữa, trong số đó cũng có những tay lương y nổi tiếng, nhưng tất cả mọi cố gắng đều vô hiệu. Cặp mắt của vua cứ sưng húp lên, đêm ngày nhức nhối rất khó chịu. Đã gần tròn hai tháng vua không thể ra điện Kính-thiên coi chầu được. Triều đình vì việc vua đau mà rối cả lên. Những cung giám chạy khắp nơi tìm thầy chạy thuốc, và lễ bái các chùa đền nhưng mắt của thiên tử vẫn không thấy bớt.

Một hôm có hai tên lính hầu đưa vào cung một ông thầy bói từ núi Vân-mộng về. Ông thầy chuyên bói dịch nổi tiếng trong một vùng. Sau khi gieo mấy đốt cỏ thi, ông thầy đoán:

- Tâu bệ hạ, quẻ này có tượng vua rất linh nghiệm. Quả là bệ hạ bị "thủy phương càn tuất" xuyên vào mắt cho nên bệnh của bệ hạ không thể bớt được, trừ phi trấn áp nó đi thì mới không việc gì.

Vua bèn sai hai viên quan trong bộ Lễ đi về phía Tây bắc kinh thành. Thuở ấy ở phía Tây bắc thành Thăng-long có hai con sông nhỏ: Tô-lịch và Thiên-phù đều hợp với nhau để thông ra sông Cái ở chỗ cứ như bây giờ là bến Giang-tân. Họ tới ngã ba sông dựng đàn cúng Hà Bá để cầu thần về bệnh của hoàng đế. Đêm hôm đó, một viên quan ăn chay sẵn nằm trước đàn cầu mộng. Thần cho biết: đến sáng tinh sương ngày ba mươi cho người đứng ở bên kia bến đò, ai đến đó trước tiên lập tức bắt quẳng xuống sông phong cho làm thần thì trấn áp được.

Nghe hai viên quan tâu, vua lập tức sai mấy tên nội giám chuẩn bị làm công việc đó. Một viên đại thần nghe tin ấy khuyên vua không nên

làm việc thất đức, nhưng vua nhất định không nghe. Con mắt của hoàng đế là rất trọng mà mạng của một vài tên dân thì có đáng kể gì. Hơn nữa sắp sửa năm hết tết đến, việc vua đau mắt sẽ ảnh hưởng nhiều đến những nghi lễ long trọng và quan hệ của triều đình.

Ở làng Cảo thuộc về tả ngạn sông Tô hồi ấy có hai vợ chồng làm nghề bán dầu rong, người ta vẫn quen gọi là ông Dầu bà Dầu. Hàng ngày hai vợ chồng buổi sáng đưa dầu vào thành bán, buổi chiều trở ra: vợ nấu ăn, chồng đi cất hàng.

Hôm đó là ngày ba mươi tháng Một, hai vợ chồng định bụng bán mẻ dầu cho một số chùa chiền vào khoảng cuối năm, người ta cần dùng nhiều dầu để thắp Tết. Họ dậy thật sớm chồng gánh chảo vợ vác gáo cùng rảo bước đến ngã ba Tô-lịch - Thiên-phù. Đến đây họ vào nghỉ chân trong chòi canh đợi đò. Đường vắng tanh vắng ngắt chưa có ai qua lại. Nhưng ở trong chòi thì vẫn có hai tên lính canh đứng gác. Vừa thấy có người, chúng liền từ trong xó tối xông ra làm cho hai vợ chồng giật mình. Họ không ngờ hôm ấy lại có quân cấm vệ đứng gác ở đây. Tuy thấy mặt mũi chúng hung ác, nhưng họ yên tâm khi nghe câu hỏi của chúng:

- Hai người đi đâu sớm thế này?

Họ cứ sự thật trả lời. Họ có ý phân vua việc bán dầu hàng ngày của mình chỉ vừa đủ nuôi miệng. Nhưng chúng cứ lân la hỏi chuyện mãi. Chúng nói:

- À ra hai người khổ cực như thế đó. Vậy nếu có tiền thừa thãi thì hai người sẽ thích ăn món gì nào. Nói đi! Nói đi, rồi chúng tôi sẽ kiếm cách giúp cho.

Thấy câu chuyện lại xoay ra như thế, ông Dầu bà Dầu có vẻ ngạc nhiên. Nhưng trước những lời hỏi dồn của chúng, họ cũng phải làm bộ tươi cười mà trả lời cho qua chuyện:

- Tôi ấy à? Người chồng đáp. Tôi thì thấy một đĩa cơm nếp và một con gà mái ghẹ là đã tuyệt phẩm.

Người vợ cũng cùng một ý như chồng nhưng có thêm vào một đĩa bánh rán là món bà ấy thèm nhất.

Thấy chưa có đò, hai vợ chồng lấy làm sốt ruột. Nói chuyện bài bây mãi biết bao giờ mới vào thành bán mẻ dầu đầu tiên cho chùa Vạn-thọ được. Hai người bèn bước ra nhìn xuống sông. Hai tên lính từ nãy đã rình họ, bấy giờ sẽ lén đến sau lưng, thình lình bịt mắt họ và lôi đi sềnh sệch. Họ cùng van lên: - "Lạy ông, ông tha cho chúng cháu, chúng cháu chẳng có gì". Nhưng hai thằng khốn nạn chẳng nói chẳng rằng, cứ cột tay họ lại và dẫn đến bờ sông. Chúng nhấc bổng họ lên và cùng một lúc ném mạnh xuống nước. Bọt tung sóng vỗ. Và hai cái xác chìm nghỉm. Rồi đó, hai thằng cắm cổ chạy.

*

* *

Lại nói chuyện mất vua sáng mồng một tháng Chạp tự nhiên khỏi hẳn như chưa từng có việc gì. Nhưng ông Dầu bà Dầu thì căm thù vô hạn. Qua hôm sau, hai tên cấm vệ giết người không biết vì sao tự treo cổ ở gốc đa trong hoàng thành. Rồi giữa hôm mồng một Tết, lão chủ quán bên kia Giang-tân phụ đồng lên giữa chùa Vạn-thọ nói toàn những câu phạm thượng. Hắn nói những câu đứt khúc, nhưng người ta đều hiểu cả, đại lược là: - "Chúng ta là ông Dầu bà Dầu đây... Chúng mày là quân man rợ bạc ác, chúng mày là quân giết người lương thiện... Chúng mày sẽ chết tuyệt chết diệt ... Họ Lý chúng mày sẽ không còn một mống nào để mà nối dõi... Chúng tao sẽ thu hẹp hai con sông Tô-lịch và Thiên-phù lại... Chừng nào bắt đầu thì chúng mày đừng hòng trốn thoát...".

Những tin ấy bay về đến tai vua làm cho nhà vua vô cùng lo sợ. Vua sai lập một cái đền thờ ở trên ngã ba Giang-tân và phong cho hai người làm phúc thần. Mỗi năm cứ đến ba mươi tháng Một là có những viên quan bộ Lễ được phái đến đấy cúng ông Dầu bà Dầu với những món ăn mà họ ưa thích.

Nhưng đúng như lời nguyền của ông Dầu bà Dầu, ngôi báu nhà Lý chẳng bao lâu lọt về tay nhà Trần. Dòng họ Lý quả nhiên chết tuyệt chết diệt, đến nỗi chỉ người nào đổi qua họ Nguyễn mới hòng trốn thoát.

Sông Thiên-phù quả nhiên cứ bị lấp dần, lấp dần cho mãi đến ngày nay chỉ còn một lạch nước nhỏ ở phía Nhật-tân. Sông Tô-lịch cũng thế: ngày nay chỉ là một rãnh nước bẩn đen ngòm. Duy có miếu thờ ông

Dầu bà Dầu thì hàng năm dân vùng Bưởi vẫn mang lễ vật theo sở thích của hai vợ chồng đến cúng lễ vào ngày ba mươi tháng Một[1].

KHẢO DỊ

Truyện kể trên phần nào khác với *Thần tích làng Xuân-cảo* về cái chết của ông Dầu bà Dầu. Hồi ấy vì con sông Thiên-phù, chỗ gặp sông Tô-lịch, xói vào góc thành nên theo lời thầy bói, vua cứ hay đau mắt. Muốn chữa thì phải lấp sông nhưng lấp không xong. Thầy bói bảo phải ném người xuống đó thì mới lấp được. Hai vợ chồng Vũ Phục, tức là ông Dầu bà Dầu[2] tình nguyện hy sinh để chữa mắt cho nhà vua. Từ đó mới lấp được cửa sông Thiên-phù.

Một truyền thuyết khác cũng gốc từ thần tích lại kể khác đi như sau:

Đời vua Lý Nhân Tông có lần vua Thủy dâng nước sông Cái lên to tràn cả sông Tô-lịch, chảy qua làng Yên-thái và sắp tràn vào cửa thành Đại-la. Cảnh trôi nổi chết chóc sắp diễn ra thật là nguy ngập. Hôm ấy có hai vợ chồng già: chồng tên là Chiêu, vợ tên là Ứng thấy vậy, bèn chạy ra chỗ nước sắp tràn khấn với vua Thủy xin dâng mạng mình cho vua Thủy để cứu dân. Đoạn cả hai nhảy ngay xuống giữa dòng chỗ sông Thiên-phù. Vua Thủy được mạng người bèn nguôi giận cho rút nước về. Nhân dân nhờ đó tránh được thảm họa nước lụt.

Để tỏ lòng biết ơn hai vợ chồng, vua sai lập đền thờ ở nơi họ gieo mình và phong làm phúc thần làng sở tại (tức là làng Giấy), lấy tên của họ, gọi tôn là Chiêu Ứng đại vương[3].

1. Theo *Nước non tuần báo* và theo lời kể của người vùng Bưởi.
2. Có người cho hai ông bà bán trầu chứ không phải dầu nên gọi là ông Giầu (trầu) bà Giầu.
3. Theo Phượng Nam. *Việt-nam thần tích*, trong *Tứ dân văn uyển* (1938).

32. SỰ TÍCH ĐÁ VỌNG PHU

Ngày xưa, có đôi vợ chồng nghèo sinh được hai mụn con: đứa lớn là trai mười một tuổi, đứa bé là gái lên sáu tuổi. Mỗi lần hai vợ chồng đi làm đồng hay đi đâu vắng, thường để hai con ở lại nhà, dặn anh trông nom em gái. Một hôm trước khi đi làm, người mẹ trao cho hai con một cây mía, bảo con lớn ở nhà chặt cho em ăn và đưa em đi chơi. Thường ngày mẹ vẫn nhắc:

- Con đừng làm em khóc, kẻo cha về đánh chết nghe không!

Thằng anh đưa em ra sân cùng em trồng đá bẻ cây làm nhà làm cửa chơi với bạn bè quanh xóm. Chơi chán, anh đưa em vào nhà rồi tìm dao chặt mía. Không ngờ khi nó vừa giơ dao lên chặt, thì lưỡi dao sút cán văng vào đầu em. Cô bé ngã quay ra bất tỉnh nhân sự, máu đỏ lênh láng cả một vạt đất. Thấy thế thằng anh rất sợ, nghĩ bụng: - "Tội ta to lắm. Cha về đánh chết mất!". Thế rồi, anh bỏ em nằm sóng sượt ở giữa nhà mà trốn đi.

Cậu bé đi, đi mãi. Trên bước đường lưu lạc, hắn ở nhà này ít lâu rồi bỏ đi đánh bạn với nhà khác. Trong hơn mười lăm năm, hắn không biết mình đã đi những xứ nào, ăn cơm của bao nhiêu nhà. Cho đến lần cuối cùng, làm con nuôi một người đánh cá ở miền biển vùng Bình-định. Nghề chài lưới giữ chân hắn lại ở đây.

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua. Rồi hắn kết duyên cùng một người đàn bà. Vợ hắn cũng thạo nghề đan lưới. Mỗi lúc thuyền của chồng về bãi, vợ nhận lấy phần cá của chồng, quảy ra chợ bán. Sau hai năm có được mụn con, hai vợ chồng cảm thấy sung sướng vô hạn.

Hôm ấy biển động, chồng nghỉ ở nhà vá lưới. Cơm trưa xong, vợ xõa tóc nhờ chồng bắt chấy. Đứa con đi chập chững trước sân nhà, bốc cát chơi một mình. Thấy vợ có một cái sẹo bằng đồng tiền ở trên tai bên phải, chồng lấy làm ngạc nhiên vì mấy lâu mái tóc đen của vợ đã hũu

ý che kín cái sẹo không cho một người nào biết, trong số đó có cả chồng. Anh liền hỏi về lai lịch chiếc sẹo. Vợ vui miệng kể:

- Ngày đó cách đây hơn hai mươi năm, tôi mới bằng một tý đã biết gì đâu. Anh ruột của tôi chặt mía. Chao ôi! Cái mũi mác tai hại. Tôi ngất đi. Sau này, tôi mới biết, lúc đó hàng xóm đã đổ tới cứu chữa rất lâu cho đến khi cha mẹ tôi về thì mới chạy tìm thầy tìm thuốc. May làm sao tôi vẫn sống để nhìn lại cha mẹ tôi. Nhưng tôi lại mất người anh ruột vì anh tôi sợ quá bỏ trốn. Cha mẹ tôi cố ý tìm tòi nhưng tuyệt không có tin gì. Rồi đó, cha mẹ tôi thương con buồn rầu quá, thành ra mang bệnh, kế tiếp nhau qua đời. Về phần tôi không có người nương tựa, lại bị người ta lập mưu cướp hết của cải và đem tôi đi bán cho thuyền buôn. Tôi không ở yên một nơi nào; nay đây mai đó, cuối cùng đến đây gặp anh...

Sau lưng người vợ, nét mặt của chồng từng lúc mỗi biến sắc khi biết là lấy nhầm phải em ruột. Lòng người chồng càng bị vò xé vì tin cha mẹ, tin quê quán do vợ nói ra. Nhưng chồng vẫn cố ngăn cảm xúc của mình, gói kín sự bí mật đau lòng đó lại, không cho vợ biết.

Qua mấy ngày sau, sóng gió yên lặng. Nhưng lòng người đàn ông thì không thể nào yên lặng được nữa. Như thường lệ, hắn lại chở lưới ra biển để đánh cá. Nhưng lần này một đi không bao giờ trở lại.

Người vợ ở nhà trông đợi chồng ngày một mỏi mòn. Tại sao sau khi đánh cá xong, giữa lúc đêm tối, mọi người đều cho thuyền trở về đất liền, thì chồng mình lại dong buồm đi biệt. Mà chồng mình là người chí thú làm ăn và rất thương con mến vợ. Thật là khó hiểu. Mỗi chiều, nàng lại bồng con trèo lên hòn núi ở cửa biển, con mắt đăm đăm nhìn về phía chân trời mù mịt.

Ba tuần trăng qua. Rồi sáu... rồi chín tuần trăng. Tuy nước mắt bấy giờ đã khô kiệt, nhưng người đàn bà vẫn không quên trèo núi trông chồng. Cái hình bóng ấy đối với dân làng thành ra quen thuộc. Về sau cả hai mẹ con đều hóa ra đá, trở thành hình bóng quen thuộc vĩnh viễn.

Hòn đá ấy ngày nay vẫn còn trên đỉnh núi ở bên cửa biển Đề-di, thuộc huyện Phù-cát, tỉnh Bình-định. Người ta vẫn gọi là đá Trông-chồng hay là đá Vọng-phu[1].

1. Theo lời kể của người Bình-định.

KHẢO DỊ

Loại truyện "đá Vọng-phu"; hay nói một cách khác những truyện có đề tài anh em ruột lấy nhầm phải nhau thành vợ chồng, trong dân gian có khá nhiều, truyện này khác với truyện kia một ít chi tiết. Điều cần để ý là ở Việt-nam những núi đá có hình người dắt con hay bồng con mang tên là đá Vọng-phu, thì ngoài Bình-định ra còn có Lạng-sơn và Thanh-hóa[1]. Mỗi vùng đều có truyện lưu truyền: truyện ở vùng này có khác với vùng kia ít nhiều. Tuy nhiên chúng đều cùng một cốt truyện.

Ở Trung-quốc cũng có đá Vọng-phu trên một hòn núi phía Bắc Vũ-xương và núi Vọng-phu ở các tỉnh An-huy, Giang-tây và Sơn-tây. *Sự tích đá Vọng-phu* của Trung-quốc cũng tương tự với truyện Việt. Theo sách *U minh lục* thì có một người đàn bà chồng bị bắt lính và bị chết trận ở biên giới. Bà ta hàng ngày trèo lên đỉnh núi trông đợi chồng về. Bà đợi mãi mỏi mòn con mắt và sau cùng chết hóa thành đá. Dưới đây là một số dị bản của truyện *Sự tích đá vọng phu* ở các địa phương Việt-nam:

1. Truyện *Tô thị vọng phu* ở Lạng-sơn:

Ngày xưa nhà họ Tô có hai người con: anh là trai lên mười, em là gái lên tám. Một hôm, nhân lúc cha mẹ vắng nhà, anh nhặt đá ném chim, không may trúng phải đầu em, máu chảy lênh láng. Thấy em ngất đi, anh chắc em chết, sợ quá trốn sang Trung-quốc. Qua một thời gian dài trôi nổi, hắn quên hết bà

1. Ngày nay núi đá Vọng-phu (Nai Krao Chao Phò) ở bờ biển Cà-ná (Nam Ninh-thuận) dân địa phương cũng có lưu truyền một truyện của đồng bào Cham-pa. Truyện *Cô Krao Chao Phò* của Cham-pa giống hệt với truyện Việt-nam vừa kể ở trên, chỉ có khác ở đây người anh không phải vô tình làm văng dao vào đầu em gái trong khi chặt mía mà là hữu ý đánh vào đầu em về việc giành nhau miếng bánh; và hai vợ chồng là dân buôn không phải dân chài (Theo Vũ Lang, đã dẫn, số 15, 1959).

Riêng núi Vọng-phu (?) (La mère et l'enfant) ở Khánh-hòa thì đồng bào Ê-đê có một truyện cổ tích đặc biệt khác truyện của ta. Đại khái là:

Giang-mia sau một cuộc đi buôn xa về, nghe nói vợ ngoại tình với Y-siêng và đã có chửa với y sắp đẻ, bèn đánh nhau với y nhiều trận dữ dội. Y-siêng chạy đến Ban Ông-gan, Giang-mia đuổi kịp, chém chết kẻ tình địch. Y-siêng hóa ra đá ở đây. Lúc trở về thì thấy vợ mình đang sinh, có các bạn bè và bà đỡ xúm xít giúp đỡ. Giang-mia cơn giận còn bừng bừng, bèn bắt mọi người hóa đá. Người ta gọi cụm núi này là núi Mẹ và con.

Xong việc, Giang-mia trở về Póc-ai hóa thành lợn lòi móc khoai ăn, bị dân làng bắn chết, cũng hóa đá nốt. (Theo Mét-tơ-rơ (Maître). *Các vùng người Mọi ở phía Nam Đông-dương).*

con làng xóm, chỉ còn nhớ mình là người Việt. Thế rồi, năm ba mươi tuổi hắn mới lần mò về nước. Với một ít vốn liếng nhỏ, hắn ở ngay tại Lạng-sơn lập nghiệp. Ở đây hắn yêu cô con gái một nhà buôn. Hai người sau đó được phép lấy nhau và kết quả là một đứa bé ra chào đời. Chồng rất yêu vợ thương con và chí thú làm ăn.

Một hôm chồng giội nước cho vợ gội đầu, bỗng thấy đầu vợ có một cái sẹo lớn. Câu chuyện vợ kể chính là chuyện ném đá của chồng ngày xưa. Sau khi cha mẹ chết, vợ bơ vơ lưu lạc đi hết nơi này sang nơi khác để nuôi thân. Sau cùng tới đây làm con nuôi nhà này rồi vừa gặp nhau.

Biết đích là em gái mình, chồng rất đau lòng nhưng vẫn không lộ cho vợ biết. Sau đó gặp khi nhà vua bắt lính, chồng ra ứng mộ. Trước khi trẩy, chồng dặn vợ:

- Nếu ba năm mà tôi không về, ấy là tôi đã chết, nàng cứ việc đi lấy chồng khác.

Rồi đó chồng nhất định không về nữa. Ở nhà vợ cũng nhất định không đi lấy chồng khác. Sau ba năm, rồi năm năm, vợ trông chồng mỏi mòn con mắt. Hàng ngày, nàng bồng con lên núi, con mắt luôn luôn hướng về phía chồng trẩy. Một hôm giữa cơn mưa to bão lớn, nàng đứng đợi mãi không về. Đến lúc mọi người lên núi thì đã hóa thành đá. Người ta gọi hòn đá ấy là Tô thị vọng phu[1].

---

1. Theo lời kể của người dân vùng Lạng-sơn. Riêng truyện này có nhiều người kể khác nhau:

a) Nhà nho ngày xưa đã từng cải biên thành một truyện có chủ đề khác hẳn. Tô thị là người Lạng-sơn có sắc đẹp, yêu một chàng họ Đậu là học trò. Giữa lúc đó có người đình trưởng cũng cậy mối dạm nàng làm vợ lẽ. Nhưng Tô thị không bằng lòng. Cuối cùng nàng kết duyên với người học trò, nuôi chồng ăn học. Đình trưởng giận để bụng, nhân dịp vua bắt lính, bèn bắt người chồng phải đi. Đằng đẵng bao nhiêu năm trời không thấy chồng về, mặt khác bị đình trưởng ép lấy mình, Tô thị hóa điên. Một hôm lên núi Tam-thanh trông chồng như mọi ngày, rồi không về nữa. Khi mọi người biết thì đã hóa thành đá.

Nguyễn Thúc Khiêm đã dựa vào cốt truyện này để viết thành một vở chèo nhan đề là *Tô thị chết đứng anh Kỳ lừa (Nam phong,* 1929)

b) Phạm Duy Khiêm thì kể có khác ở đoạn đầu, dùng số mệnh làm chủ đề.

Xưa, trong một làng thượng du có hai anh em mồ côi ở với nhau. Người anh hai mươi tuổi, còn em gái lên bảy tuổi. Một hôm có ông thầy số đi qua đoán cho người anh rằng: Số anh phải lấy em ruột làm vợ, không thể nào cưỡng được.

Hắn cầm lấy lá số ngày đêm khổ tâm vì số mệnh ác nghiệt. Cuối cùng, một hôm hắn đưa em lên núi, rồi nhân lúc bất ngờ, giáng cho em một nhát búa ngã lăn ra. Đoạn, hắn thay tên đổi họ rồi trốn đi rất xa trong bao nhiêu năm trời. Cho đến khi yên lặng mới trở về Lạng-sơn lập nghiệp. Còn cô em sau khi bị anh chém thì nằm chết ngất. Nhờ có một bọn cướp cứu cho sống lại rồi cô được họ nuôi ở trong rừng. Cho đến lúc bọn cướp bị đuổi khỏi sào huyệt cô mới được trở về. Bơ vơ không biết nương tựa ai, cô được một người lái buôn nhận làm con nuôi. Rồi về sau hai người lấy nhau mà không biết là anh em.

2. Theo *Đại Nam nhất thống chí* thì truyện đá Vọng-phu ở Bình-định như sau:

Xưa ở làng Chính-uy có một người đàn bà sinh một trai một gái đều còn nhỏ tuổi cả. Một hôm nhà phơi thóc, mẹ bảo con đuổi gà. Người con trai nhặt đá ném gà, không ngờ trúng phải đầu em, máu ra lênh láng. Mẹ giận mắng nhiếc rồi đuổi con đi. Người con trai sợ quá, trốn biệt đến hơn hai mươi năm mới trở về thì mẹ đã chết, còn em thì lưu lạc không biết đi đâu. Trơ trọi một mình hắn bèn ngụ ở làng ấy. Sau đó, hắn lấy vợ người làng Chính-minh, sinh được một trai một gái. Một hôm vợ chồng nhân thong thả ngồi bắt chấy cho nhau; vết sẹo trên đầu vợ làm cho chồng rõ sự thật.

Sau đó, chồng đáp thuyền đi biệt nói dối là đi buôn. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, thường dắt hai con lên núi trông ngóng buồn thương rồi đều hóa thành đá.

3. Truyện của Lăng-đờ (Landes) (sách đã dẫn) kể cũng giống như truyện ở vùng Bình-định vừa kể. Duy có khác ở chỗ lý do người anh bỏ trốn là vì cờ bạc, còn kết cục thì chồng chết hóa làm sao mai, vợ là sao hôm, con thì làm sao dòn gánh thường ở giữa trời đợi sao hôm và sao mai[1].

4. Ri-sa (Richard) có sưu tầm một truyện, lưu truyền ở một vùng dường như là khoảng biên giới giữa Bình-định với Tây-nguyên, có nội dung hơi khác:

Có hai anh em Chánh và Quýt ở làng Nam-lang. Chánh đã lớn, còn em gái thì còn bé. Lúc còn nhỏ, hai anh em được bố mẹ xăm vào đầu một dấu hiệu của gia đình. Sau đó dân làng này xung đột với làng Ma-cát, và bị làng Ma-cát bắt làm tù binh. Chánh bị đưa đi bán cho lái buôn. Thời gian trôi đi, Chánh cũng qua tay nhiều chủ. Sau Chánh trốn được về làng thì nhà cửa không còn gì nữa, bèn đến cư trú ở làng Nong-hát làm ăn, rồi lấy vợ tại đấy. Vợ là con nuôi một người dân thường. Vài tháng sau làng động. Thầy pháp của làng được thần cho biết có một hiện tượng loạn luân. Khi tìm đến Chánh và vợ, thấy dấu xăm của họ, mới rõ sự thật. Sau đó hai anh em hóa làm chim: một con trống một con mái, chui rúc trong rừng sâu, vì hổ thẹn không muốn cho ai biết[2].

Mãi đến một hôm vợ phơi tóc, chồng thấy vết sẹo, hỏi rõ mới hay. Chồng lẳng lặng tìm cớ bỏ đi biệt. Vợ ở nhà trông đợi mỏi mắt, rồi hóa đá trên núi, v.v... *(Truyền thuyết của đất nước thanh bình).*

1. Về sự tích sao hôm và sao mai, người Trung-quốc kể: gia đình Cao Tân có hai đứa con thường coi nhau như kẻ thù. Nhưng cuộc xung đột của họ đến tai hoàng đế. Hoàng đế bèn chia rẽ họ ra bằng cách giao cho hai người hai phần việc ở hai xứ khác nhau. Sau khi chết, họ hóa làm hai ngôi sao lúc đầu ở gần nhau, nhưng Ngọc hoàng cố ý làm cho họ ngày càng xa dần, cho đến không thể gặp được nhau. Đó là sao hôm và sao mai. (Theo Đuy-mu-chiê (Dumoutier), sách đã dẫn).

2. *Tạp chí Đông-dương* (1904).

5. Về loại truyện có nội dung đề cập đến vấn đề quan hệ luyến ái giữa anh và em ruột, ở miền Trung còn có truyện *Sự tích chim bóp-thì-bóp:*

Xưa có gia đình nọ can tội với triều đình, bị kết án chém cả nhà. Hai chị em ruột nhà ấy trốn được vào rừng sâu. Họ đào củ hái trái kiếm ăn qua ngày. Dần dần người em trai lớn lên; đêm ngủ kề nhau, một hôm em bỗng bỏ tay lên vú chị. Chị dựa chuyện" Trời phạt" ra để ngăn em. Em sợ tội bỏ đi mất. Chị thương em đi tìm, luôn miệng gọi em: "Bóp thì bóp". Sau không tìm được, chị em đều hóa làm chim bóp-thì-bóp[1].

Loài chim này bắt đầu đi kiếm ăn từ hoàng hôn, mái trống gọi nhau, đuổi nhau vòng quanh núi, sắp sửa gặp nhau thì rạng đông, phải trở về tổ[2].

6. Một truyện khác *Sự tích sao hôm, sao mai và sao rua* nói đến hai anh em trai, có chỗ giống và khác với truyện của Lăng-đờ (Landes) nói trên:

Xưa có hai anh em ở với nhau: anh đã có vợ, em còn bé dại. Vừa khi anh bị bắt đi phu, có dặn em ở nhà phải nhớ canh giữ chị. Ở nhà, em nằm buồng riêng nhưng hữu ý khoét một lỗ ở vách, đêm đêm bỏ tay lên bụng chị để canh giữ. Về sau chị bỗng có mang. Anh về, em sợ tội bỏ trốn. Nhưng chị không đẻ ra người mà đẻ ra một cái bàn tay. Anh hối hận, bỏ đi tìm em. Không thấy chồng về, vợ lại bỏ đi tìm chồng. Kết cục, gần giống với truyện mà Lăng-đờ (Landes) đã kể, là anh hóa làm sao mai, em hóa làm sao hôm, còn chị thì hóa làm sao rua (sao rua trông như cái bàn tay)[3].

Người miền Bắc cũng kể như trên, nhưng nói là chị hóa làm sao vượt, còn cái bàn tay đẻ ra thì hóa làm sao rua. Ở Phú-thọ có câu tục ngữ: "*Em hôm, anh mai, chị chả thấy đâu, chị vượt*".

---

1. *Bản khai của làng Quang-lãng.*

2. Truyện này, mỗi địa phương kể có khác một ít về chi tiết, chẳng hạn ở Quảng-bình có người kể: chị em đưa nhau ra giếng, chị tắm cho em, em cọ lưng cho chị (hoặc chị em đi xem hội về khuya) rồi bắt đầu sinh ý nghĩ bậy bạ, chị đánh em, em sợ tội bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v.v... (Theo Ca-đi-e (Cadière), sách đã dẫn). Ở Quảng-nam và một số địa phương ở miền Bắc có người kể: Bố mẹ đi vắng, hai chị em ở nhà, em bắt đầu có ý nghĩ bậy bạ, chị chống cự, em sợ bố mẹ trừng phạt nên bỏ trốn, chị đuổi theo gọi em, v.v... Ở Hà-tĩnh, Quảng-bình cũng gọi chim này là chim tử quy. Có câu ca dao:

Đôi ta như chim tử quy,
Đêm nghe thấy tiếng, ngày đi phương nào.

3. *Bản khai của làng Cát-ngạn.*

Cũng có người kể cái bàn tay ấy sau chôn xuống đất mọc lên một cây, cây sinh quả, quả nào quả ấy như cái bàn tay tức là cây phật thủ[1].

Cô-xcanh (Cosquin) khi nhắc đến truyện *Sự tích đá Vọng-phu* của ta đã truy cứu nguồn gốc đến tận một loạt truyện có chủ đề hôn nhân tiền định với mô-típ vết sẹo mà ông cho là rất gần nhau. Ví dụ một số truyện sau đây:

Truyện của Trung-quốc *Sự tích Nguyệt lão và dây tơ hồng.* Vi Cố làm quan đời Đường được phái đi bình định một thành phố. Ban đêm, anh gặp một ông cụ già đang bận viết lách dưới ánh trăng. Hỏi thì đáp là ghi chép những cuộc hôn nhân của người trần. Ông lão lại nói: - "Những dây đỏ trong dãy dùng để buộc chân nam và nữ đã xe duyên. Buộc rồi là không gỡ nổi". Vi Cố bèn hỏi về đường hôn nhân của mình, ông lão bảo: - "Vợ anh là con một mụ bán rau ở chợ". Thấy người vợ tương lai (mà ông lão chỉ cho anh vào một ngày sau đó) chỉ là một đứa bé dang ẵm, nghèo khổ, xấu xí, Vi Cố sai người giết nó đi, nhưng người đó chỉ làm bị thương ở lông mày đứa bé.

Mười bốn năm sau, Vi Cố lấy được một cô vợ đẹp, con nuôi một quan lớn. Thấy giữa lông mày vợ luôn luôn có một trang sức che kín, Vi Cố hỏi, mới hay đó là vết sẹo hồi nhỏ do mình sai người giết nhưng dâm hụt thành sẹo.

Truyện của người Ấn ở Băng-la-dex (Bangladesh):

Một ông vua nhờ các nhà thông thái bói toán về đường vợ con của hoàng tử. Họ không dám nói sự thật nhưng vì vua giục, họ phải tâu:-"Hoàng tử sẽ lấy một người đàn bà dòng dõi hèn hạ, một người "Pă-lĩ" ở tại một đường phố thuộc thành phố Đuốc-ba-san". Để phá tiền định xấu, hoàng tử cưỡi ngựa đến nhà kia mổ bụng cô gái. Cô này nhờ điều kiện may mắn không chết, vết thương dần dần lành, và sau đó ít lâu được con voi ngự đặt lên lưng mang đến cung vua. Hoàng tử thấy cô đẹp tuyệt trần không biết đó là người mà mình trước dây muốn xa lánh, bèn lấy nàng làm vợ. Ít lâu sau, hoàng tử phát hiện ra vết sẹo ở bụng của vợ mình, hỏi, mới biết kết quả của mối duyên tiền định.

Truyện của Hy-lạp (Grèce):

Một trong ba bà tiên tri cho biết một cô gái mới đẻ sẽ lấy một thương nhân nước ngoài, khách quý của nhà ấy. Giận quá, người khách nọ bồng đứa bé ném qua cửa sổ, đứa bé rơi trên một cái cọc thủng bụng.

---

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I. Bộ sách này gồm 4 tập; hai tập đầu có tên như vừa dẫn, nhưng hai tập cuối lại có chút ít thay đổi: *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*. Vì thế, chú dẫn tên gọi ở đây cũng không thống nhất.

Về sau người thương nhân lấy vợ, nhờ vết sẹo mới nhận ra đó là cô bé mà mình ném ngày xưa nhưng không chết.

Hai truyện khác của người Ác-mê-ni (Arménie) và của người Nga rất giống với truyện Trung-quốc đã dẫn. Ở truyện Ác-mê-ni, có một hoàng tử gặp một cụ già ngồi ghi chép những tội lỗi và số phận con người. Hỏi về mình, ông cụ nói: anh sẽ lấy con một người chăn bò làm vợ. Thấy cô gái nằm trên giường, mụn nhọt khắp mình, hoàng tử bèn sai người giết đi. Nhưng lưỡi dao đã không làm cô chết mà làm cô trở nên đẹp như tiên.

Ở truyện Nga, hoàng tử không phải gặp ông cụ già mà là gặp một người thợ rèn - rèn hôn nhân cho con người - đang dập trên đe hai sợi tóc mảnh dùng để kết duyên (như sợi dây đỏ ở truyện Trung-quốc). Thấy người vợ tương lai mà ông thợ rèn chỉ cho mình là một cô gái từ lâu da thịt bấy nát, hoàng tử tìm đến và đâm một mũi gươm. Không ngờ cô gái nhờ đó trở nên đẹp đẽ.

Cô-xcanh (Cosquin) còn nhắc tới một loạt truyện khác có nội dung hôn nhân tiền định như con vô tình giết cha lấy mẹ, trong đó có truyện Ơ-díp (œdipe) của thần thoại Hy-lạp, cũng coi như gần gũi với các truyện trên[1]. Người Khơ-me (Khmer) cũng có truyện một hoàng tử cứu mẹ, bị vua nước láng giềng bắt cóc, nhưng vì không biết mặt mẹ nên lấy nhầm làm vợ, về sau cũng nhờ có vết sẹo ở trên mình hoàng tử, nên mẹ mới nhận ra[2].

1. Cô-xcanh (Cosquin). *Cổ tích con mèo và cây đèn cầy ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông.*
2. Xem ở mục **Khảo dị** truyện *Sự tích thành Lồi* (số **34**).

33. SỰ TÍCH ĐÁ BÀ-RẦU

Ngày xưa, có gia đình một người thuyền chài có một cô gái rất xinh tươi. Khi cô đã lớn, nhiều chàng trai muốn xin kết duyên với nàng, nhưng chưa có đám nào thành cả. Mãi về sau một chàng trai người Quảng lấy được nàng làm vợ. Anh chàng là người khỏe mạnh, làm nghề buôn hàng bằng thuyền mà ở đây người ta gọi là buôn ghe.

Sau thời kỳ ân ái ngắn ngủi, đôi vợ chồng ấy phải rời nhau vì sinh kế. Người chồng theo thuyền, theo bạn ra đi, để một mình vợ ở lại với gian nhà nhỏ.

Thế rồi, cứ chiều chiều, người vợ lại ra bờ sông trông đợi bóng những cánh buồm tiến vào cửa sông. Nhưng qua ba bốn tuần trăng mà chồng và các bạn của chồng vẫn không thấy về. Những đoàn thuyền khác lần lượt cập bến không nhắc tới họ.

Người đàn bà đâm ra lo sợ: hay là trận bão vừa qua đã nhận chìm thuyền xuống thủy phủ. Hay là chồng mình làm điều gì thất thố, nên bọn quan quân địa phương đã giam tất cả mọi người vào ngục tối...

Năm, sáu tháng qua, người chồng vẫn chưa thấy về. Người đàn bà đó hàng ngày ra đứng bờ sông nhìn những cánh buồm tiến vào cửa biển. Mỗi một cánh buồm đối với nàng là một tia hy vọng, nhưng tia hy vọng ấy vừa lóe lên, thì một chốc sau đó lại tắt ngay.

Đột nhiên chồng về giữa lúc vợ đinh ninh sống một thân một bóng lạnh lẽo. Người lái buôn bước vào nhà làm cho mọi người kinh ngạc và mừng rỡ. Anh kể rất dài về cuộc sống chung đụng với những người khác nòi ở hải đảo. Nếu không có mưu trí thì anh và bạn hữu chưa chắc đã sống sót để nhìn lại quê hương.

Thế là ngày vui trở lại. Thú ái ân lại tràn ngập chăn gối cho bõ những lúc xa nhau. Nhưng vui chưa trọn mà buồn đã xuất hiện. Sự nghi ngờ bỗng nảy nở trong lòng người chồng. Chồng vốn là người cả ghen, lại

cũng đã biết vợ ngày trước có phần nào tự do trong việc giao thiệp. Bây giờ đây, người ta mách nhỏ với anh rằng: trong những ngày vừa qua người đàn bà hay bỏ nhà ra đi từ buổi chiều cho đến tối mịt mới về. Nghe đoạn, máu ghen của anh bừng bừng bốc lên. Hắn không ngờ trong những lúc mình gian lao như thế, thì vợ lại có thể như thế được.

Nhưng lời phân trần của người vợ chẳng ăn thua gì. Trong tình cảnh đó, nàng chỉ đành ngậm miệng. Vì thế chồng không tiếc tay hành hạ vợ. Không một lời oán trách, người đàn bà chỉ biết mình khóc với mình mà thôi. Vợ càng làm thế, thì chồng lại càng lạnh nhạt. Một hôm để cho vợ phải hối hận, người chồng lại cùng bạn dong buồm ra đi, không một lời rỉ tai với vợ.

Người đàn bà ấy không biết chồng đi đâu và bao giờ trở lại.

*

* *

Nhưng một hôm, người chồng lại cùng với các bạn bè trở về quê hương, sau một thời gian buôn bán ở phương xa. Hắn làm ra rất nhiều tiền, nhưng hắn thấy tiền của không đủ lấp sự trống trải trong lòng mình. Hắn ao ước được gặp lại vợ cũ để tìm hạnh phúc trong sum họp. Lần này, chồng dự định lúc về sẽ khuyên dỗ cho vợ mình tu tỉnh để nối lại những ngày thắm đẹp xưa kia.

Nhưng khi bước chân vào nhà, người chồng thấy nhà lạnh lẽo. Xóm giềng cho hay rằng vợ anh bỏ đi đã hơn một tháng. Hắn thấy gánh buồn đè nặng lên người. Hắn vơ vẩn đi lại bờ sông, chỗ mà người ta cho biết là vợ mình lần trước cũng như lần này hay đứng đây trông đợi. Sự hối hận tràn ngập trong lòng người đàn ông.

Tự nhiên hắn reo lên vì xa kia bên cạnh cái tháp Chàm có bóng một người thiếu phụ nổi bật trong ánh chiều giống hệt vợ mình. Mừng quá, hắn cắm đầu chạy tới. Quả đúng là vợ, nhưng vợ bấy giờ đã hóa thành đá, con mắt vẫn đăm đăm nhìn về phía chân trời vô tận.

Thời gian bây giờ đã xóa đi mất tích nhiều sự vật, nhưng bức tượng người đàn bà cô đơn buồn rầu kia ở Quảng-nam vẫn còn. Bên cạnh đó là một ngọn tháp cổ. Cái tượng đó người ta gọi là tượng Bà-rầu. Vì tượng ở cạnh tháp, nên tháp cũng gọi là tháp Bà-rầu[1].

1. Theo báo *Tràng an*.

34. SỰ TÍCH THÀNH LỒI

Ngày xưa, có một ông vua nước Chàm muốn lấy một nàng công chúa nước Đại-việt làm vợ. Nhà vua nghe nói công chúa Huyền Trân nhan sắc tuyệt trần, những phi tần trong cung vua khó bề sánh kịp. Ao ước người đẹp, nhà vua đêm mơ ngày tưởng. Vua nghĩ đến việc dâng vàng bạc, châu báu, kỳ nam và voi ngựa để làm sính lễ, nhưng những món ấy chưa hẳn đã đưa lại kết quả như ý muốn. Một viên nội thị rỉ vào tai vua:

- Muốn chiếm được người đẹp, trừ phi hiến đất không có kế nào khác.

Trước vua còn ngần ngại, nhưng sau đó quả quyết sai một sứ bộ ra cầu hôn với sính lễ hai châu Ô, Rí ở biên giới. Thấy triều thần có người can ngăn, nhà vua ung dung đáp:

- Tất cả đất đai này đều là của trẫm. Mà trẫm thì chả vui gì nếu không lấy được công chúa Đại-việt. Hơn nữa, giữa hai nước máu chảy đã nhiều rồi. Ngày nay trẫm muốn mượn mối nhân duyên để dẹp yên can qua khốc hại.

Trước món sính lễ đặc biệt, triều đình Đại-việt ai nấy đều tỏ vẻ hài lòng. Vua Trần và công chúa Huyền Trân gật đầu ưng thuận. Được lời như cởi tấm lòng, vua Chàm sai quan thái bốc chọn ngày lành tháng tốt, rồi phái một sứ bộ mang năm trăm quân sĩ đi thuyền ra đón vợ về. Đám rước dâu từ kinh thành ra đi, vượt qua muôn trùng sóng nước mới tới kinh đô. Vua Chàm mừng rỡ. Công chúa muốn gì được nấy. Bọn nội thị từ đấy mới thấy hoàng cung rộn rịp tươi vui hơn trước.

Trong khi đó sứ bộ Đại-việt bắt đầu vào nhận đất mới.

*

* *

Nhưng việc đời còn éo le nhiều nỗi. Công chúa cùng vua Chàm hương đượm lửa nồng chưa được một năm thì nhà vua bỗng nhiên mắc bệnh rồi mất. Tin dữ truyền đi khắp hai nước, riêng đối với công chúa thì không khác gì tiếng sét ngang tai. Đầu xanh đã phải chịu cảnh góa bụa. Không những thế, công chúa sẽ chịu tang trong một thời kỳ ngắn để rồi lên hỏa đàn về với vua Chàm bên kia thế giới. Nhập gia tùy tục, tuy công chúa là người Việt nhưng nay đã là hoàng hậu Chàm, không thể không theo đúng tục lệ có tự nghìn xưa.

Vua Trần nghe tin lo sợ, vội sai sứ bộ vào điếu tang và tìm cách cứu công chúa. Nhân lúc mọi người bối rối, sứ bộ Việt giả cách xin phép đưa công chúa ra bờ biển làm lễ cầu hồn rồi lén đưa xuống thuyền nhỏ, một mạch dong buồm ra Bắc.

Việc hoàng hậu bỏ trốn làm cho triều đình nước Chàm nổi giận. Đã thế thì lời hứa cũ không còn có giá trị nữa. Món đồ sính lễ là hai châu Ô, Rí phải được trả lại. Nghĩ thế, ông vua mới nước Chàm bèn sai năm vạn quân mã ra giữ chắc lấy hai châu đó, mặc dầu việc bàn giao đã sắp xong.

Bên Đại-việt không ngờ có chuyện xảy ra như thế chỉ phái tướng quân Đoàn Nhữ Hài mang mấy ngàn quân vào dò động tĩnh.

Một buổi chiều hè, quân Đại-việt mang theo cát bụi từ Đàng ngoài đã tiến vào tới sát bờ sông Trong[1]. Quân do thám về báo quân Chàm đã kéo ra đông vô kể do một viên tướng mặt đen râu xồm tên là Lồi hiện đang đóng trên mấy ngọn đồi ở bên kia sông. Thấy tình thế đã trở nên nghiêm trọng, tướng Việt lo lắng vì sức người sức mình cách nhau một trời một vực. Đoàn tướng quân vò đầu suy nghĩ. Rồi đó người ta thấy quân lính Việt được lệnh cắm trại rải rác suốt mấy dặm dài dọc theo bờ sông. Mỗi trại chia ra từng nhóm quân, nhóm nào nhóm ấy cắm cờ la liệt. Để khoa trương thanh thế, ban đêm mọi nơi thắp đèn đuốc sáng choang, lại đánh trống chiêng và hò reo rầm trời. Ban ngày có một toán quân đã cắt đặt sẵn, vác gươm giáo sáng quắc, nai nịt chỉnh tề đi quanh hòn núi nổi lên bên bờ sông[2].

1. Tức sông Hương.
2. Tức núi có chùa Thiên-mụ bây giờ.

Bên Chàm thấy bên Việt án binh bất động lại thấy quân địch kéo qua núi liên miên không ngớt, nghĩ tới oai hùng của những người đã chiến thắng trăm vạn quân hùm beo Mông-cổ nên sinh khiếp sợ. Song vâng mệnh vua đem đại quân ra giữ biên thùy, không lẽ chưa giao chiến đã vội rút lui.

Sau mấy ngày làm kế nghi binh, Đoàn tướng quân cho quân mang thư mời tướng Chàm ra trước trận để cùng thương lượng. Kết quả, các tướng lĩnh hai bên đi đến một đính ước:"Trong một đêm hai bên đều khởi công, mỗi bên đắp một bức thành cho suốt tới sáng, bên nào hơn thì thắng. Bên thua lập tức lui binh nhường đất, để khỏi giết hại sinh linh".

Trong khi quân Đại-việt còn đủng đỉnh nấu ăn coi bộ chưa nghĩ tới cuộc đấu sức đã bắt đầu, thì quân Chàm đã vội vã kẻ đào, người chuyền đất, đắp một bức thành suốt dọc bờ sông vắt qua mấy ngọn đồi. Tướng Lồi đốc thúc ráo riết. Trời vừa tối hẳn thì quân Chàm đã đắp nổi một quãng khá cao. Cho đến mờ sáng, cả tướng lẫn quân lấy làm mừng rỡ vì mặt thành đã cao hơn trượng.

Chợt nghe một hồi trống đồng từ bên kia vọng đến, quân Chàm bên này trông sang, thì kia, thăm thẳm mấy dặm dài, thành của bên quân Đại-việt đã xây xong từ bao giờ: tường cao dễ đến mấy trượng, cổng thành với cái vọng lâu của nó trông thật là đồ sộ. Chẳng những thế, trong thành lại còn nhà cửa mới xây rất nguy nga: mái lợp ngói đỏ tường quét vôi trắng, trên mặt thành voi ngựa, quân lính dàn ra không biết bao nhiêu mà kể. Thật là bạt ngàn san dã... Hàng ngũ của họ rất tề chỉnh, đứng im phăng phắc dưới bóng cờ như chỉ chờ lệnh là xông ra.

Tướng Lồi ở trên chòi cao đưa mắt nhìn với một vẻ ngơ ngẩn hãi hùng. Quân Việt quả là dồn tất cả lực lượng vào đây. Trêu vào họ chỉ là chác lấy một thất bại thảm hại. Khi nghe tiếng loa bên địch thét lên, tướng Lồi nổi hiệu cho toàn quân rút lui khỏi vùng Ô, Rí.

*
* *

Tuy không phải đánh chác gì, nhưng Đoàn tướng quân cũng báo tin đại thắng về cho vua Trần, không quên nói hết mưu kỳ của mình trong

cuộc đọ trí nguy hiểm này. Bởi vì quân Chàm có biết đâu thành của quân địch toàn bằng phên tre dựng lên, nhà cửa đều bằng nan ghép lại, quân sĩ voi ngựa đều bằng cỏ bện hoặc bằng đất, những mái đỏ tường trắng, cỏ xanh đều là màu thuốc tô điểm.

Ngày nay vẫn còn dấu vết bức thành do quân Chàm đắp dở, thuộc địa phận mấy xã Dương-xuân, Nguyệt-biều (Thừa-thiên). Người ta gọi là thành Lồi để phân biệt nó với thành Phật-thệ ở gần đó và cũng để nhắc nhở cái tên viên tướng thua cay trong cuộc đấu trí vừa hiểm có vừa ly kỳ ấy[1].

KHẢO DỊ

Truyện này phần nào tương tự với một số truyện, trong đó có cả truyện của đồng bào Cham-pa.

Thứ nhất là truyện *Sự tích tháp Nhạn*:

Ngày xưa lúc người Việt dời vào lập nghiệp ở miền Nam, người địa phương ban đầu vẫn không chịu phục. Ở Tuy-hòa (Phú-yên), từ núi Chóp-chài trở về Bắc là khu vực người Việt, từ núi Nhạn trở vào Nam là đất sống của người Chàm. Thế nhưng giữa hai bên ít khi yên ổn.

Một hôm, hai bên đồng ý tổ chức một cuộc thi do người Chàm tự ra đề, bên nào thua thì chịu phận làm đàn em và nhượng bộ bên được cuộc.

Ngày bắt đầu thi, bên phía người Chàm đưa đến một bức họa đồ có vẽ hình một cái tháp đồ sộ, và bảo hai bên cùng xây tháp: một bên xây trên đỉnh núi Nhạn, một bên xây trên đỉnh núi Chóp-chài, hạn ba tháng phải xong.

Người Việt rất vụng trong nghề kiến trúc. Vì thế tháp hồ xây lên cao lại đổ xuống. Muốn lén sang phía bên kia đang xây để học lỏm, nhưng đối phương canh phòng rất ngặt.

Hai tháng trời trôi qua. Trong khi ở núi Chóp-chài vẫn còn trống trải thì ở núi Nhạn, người Chàm đã xây tháp lên được khá cao. Họ vừa làm vừa hò reo tỏ vẻ đắc thắng.

Bỗng một hôm có một đạo sĩ già tìm đến gặp phía người Việt. Theo lời đạo sĩ thì cái tháp bên này sẽ làm rất dễ dàng nhanh chóng, không đầy một

1. Theo *Khai trí tiến đức tập san*, số 4 (1941).

đêm là có thể xong tất cả. Quả nhiên, nhờ đạo sĩ, chỉ trong một đêm, tháp của người Việt mọc sừng sững trên đỉnh Chóp-chài làm cho mọi người dân địa phương đều kinh ngạc. Trong khi đó thì ngôi tháp của người Chàm còn dang xây dở.

Kết quả cuộc thi lần ấy, người Việt được cuộc. Người Chàm không ngờ người Việt xây tháp nhanh chóng như thế. Tuy vậy họ cũng cố xây cho xong tháp của mình[1].

Truyện này đoạn cuối có người kể như sau:

Khi tháp đã dựng xong, đạo sĩ còn gợi ý cho người Việt thách đối phương hãy cùng nhau trổ tài phá cho nhanh, ai phá chậm thì coi như thất bại. Trong khi một bên dùng phép chỉ một loáng là xong, thì bên kia ra sức dập phá cũng chỉ mới thủng một mảng. Biết là thua cuộc, nhân đêm tối họ rút lui về phương Nam.

Hiện nay vẫn còn di tích cái tháp ở trên núi Nhạn. Thân tháp bị thủng một mảng, đó là dấu vết của sự dập phá dở dang như truyện đã kể.

Thứ hai là *Sự tích vua Ko-long Ga-rai xây tháp thi* của đồng bào Cham-pa:

Vua Ko-long Ga-rai (tức vua Lác) lên ngôi nước Cham-pa. Có một vị vua Tây-nguyên là Pô Tầm không chịu thần phục vì cho vua là kẻ không cha. Pô Ko-long Ga-rai sai sứ tới bảo Pô Tầm rằng: - "Hai bên hãy cùng nhau thi đua xây tháp, hễ bên nào xong trước thì bên kia phải thần phục". Sau đó Pô-Tầm phải thần phục vì trong khi tháp Pô Tầm mới xây được một nửa, thì tháp của vua đã xây xong nhưng bằng giấy. Hiện nay ngọn tháp xây dở dang của Pô Tầm vẫn còn ở trên đồi gần ga Sông-lòng-sông.

Lúc vua trở về Pang-da-rang (Phan-rang) thì thấy người Chân-lạp (Ko-ru) đang xây dở ba ngọn tháp lớn ở đấy, dự định chiếm đất của vua. Vua cho sứ sang giao ước xây thi tháp, ai xong trước thì quyền lợi đất đai thuộc về bên đó, không được tranh giành. Cách thi này được đối phương đồng ý. Trong khi người Ko-ru đẽo đá tiếp tục xây tháp, thì chỉ trong một đêm, tháp của vua đã hoàn thành trên đồi On-ha-la. Người Ko-ru không biết đó là tháp bằng giấy, cho là có trời giúp Pô Ko-long Ga-rai, nên bỏ đi khỏi vùng này. Hiện nay ở Phan-rang trên đường số 1 còn có một ngọn đồi gọi là Ba-tháp, tức là nơi tương truyền người Chân-lạp xây tháp dở dang[2].

Chúng tôi ngờ rằng truyện *Sự tích thành Lồi* và truyện *Sự tích tháp Nhạn* phần nào bắt nguồn từ truyện này mà ra.

1. Theo *Tiểu thuyết thứ bảy* và lời kể của người Phú-yên.
2. Theo Bố Thuận. *Bách khoa* (1959).

Người Kho-me (Khmer) cũng có một truyện có kể đến tình tiết xây tháp thi:

Hoàng tử nước Kơ-rung Tê-bo-rây lớn lên tìm cách cứu mẹ bị vua nước láng giềng bắt cóc hồi mình còn bé. Hoàng tử đến thách tên vua nước ấy xây thi với mình một ngọn tháp mười tầng trong một đêm, hẹn đến lúc sao mai mọc thì phải xong, nếu không xong hắn phải trả lại mẹ cho mình. Vua nhận lời.

Khi tháp xây được bảy tầng, hoàng tử cho treo lên trên đó một ngọn đèn. Vua nước láng giềng thấy vậy, tưởng sao mai đã mọc mà công việc mình thì chưa xong nên thất vọng không xây tiếp nữa. Mãi đến khi sao mai thật mọc, thì đối phương đã xây xong tầng thứ mười, nên đành chịu thua cuộc. Tuy thua, hắn vẫn không chịu trả người đàn bà mà hắn đã hai lần dùng mẹo để bắt cóc trước kia. Hoàng tử đi mượn quân đánh nhau với hắn, cuối cùng giết chết được. Nhưng hoàng tử lại không biết mặt mẹ mình. Gặp một phụ nữ xinh đẹp, hoàng tử liền bắt làm vợ, mãi về sau mẹ nhận ra con nhờ vết sẹo trên người hoàng tử có từ lúc bé. Hổi hận, mẹ nhảy xuống sông tự tử. Hoàng tử - sau là vua - cho xây thêm một ngàn ngọn tháp mười tầng nữa để chuộc tội[1].

Ở Quảng-bình và Thừa-thiên còn có một truyền thuyết nói về cuộc thi giữa người Chàm và người Việt ngày xưa nhưng không phải xây thành hay xây tháp:

Hồi đó người Việt bắt đầu vào các châu Bố-chính, Địa-lý và Ma-linh để lập nghiệp. Tuy có lệnh của vua mình, nhưng những người địa phương vẫn không chịu rút khỏi những vùng này. Những vụ tranh chấp luôn luôn xảy ra làm cho cuộc sống ít khi yên ổn.

Một hôm hai bên tán thành dự một cuộc thi, giao hẹn bên nào hơn được ở lại, bên thua phải đi. Người Chàm vốn có tài chạm trổ thì tạc một con bò bằng đá nhưng phải đi được. Bên người Việt khéo trồng cây thì trồng một cây tre gốc lên trời nhưng tre phải sống.

Người Chàm về tạc một con bò bằng đá trông giống như bò thật. Cố nhiên khi chạm xong, đánh mấy bò cũng không chịu đi.

Còn người Việt có trồng tre trở gốc lên trời. Nhưng họ lấy đất ướt bọc rễ tre lại rồi dùng bẹ chuối cuốn bên ngoài. Thừa đêm hôm, họ ra trở đầu rễ tre trở xuống, rồi, để cho người Chàm khỏi nghi ngờ, họ chặt một rễ tre khác cắm

1. Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia.*

lên dầu cây tre này, ngoài cũng bọc đất và bẹ chuối như cũ. Nhờ thế mà tre mọc thành cây xanh tốt[1]. Vì thế, người Chàm phải nhận người Việt được cuộc.

Ngày nay ở huyện Bố-trạch tỉnh Quảng-bình còn có tượng con bò đá của người Chàm. Ở Thừa-thiên do câu chuyện trên, bây giờ còn có thói quen lúc nào trồng tre, người ta cũng bọc đất và bẹ chuối lên đằng đầu và họ gọi là dằng chông tre.[2]

Các dị bản trên, bên cạnh chủ đề chính là ca ngợi sự thông minh tài trí, cũng có để lộ ít nhiều nhược điểm. Chúng tôi đưa vào đây để bạn đọc có thể tìm hiểu về một loại hình cổ tích riêng biệt đã xuất hiện trên quá trình phát triển và thống nhất dân tộc. Trong *Ô-châu cận lục* của Dương Văn An có truyện *Tháp Dương-lệ* phần nào giống với truyện của người Khơ-me (Khmer), dịch như sau:

"Tháp Dương-lệ thuộc xã Dương-lệ, huyện Hải-lăng (Quảng- trị), hãy còn nền cũ. Tục truyền hai tháp Dương-lệ và Trung-dan đều do người Chàm xây nên. Lúc bắt đầu xây, hai nhóm giao ước chỉ một đêm là phải xong. Bên nào xong trước thì đốt lửa ra hiệu cho bên kia biết. Chỉ một mình Dương-lệ theo đúng lời ước. Còn nhóm bên Trung-dan thì không ngay thẳng, đến nửa đêm tuy công việc chưa xong nhưng cứ nối duốc lên trước. Mãi đến sáng mới xây xong. Nhóm bên Dương-lệ thấy lửa bèn thôi không xây nữa. Về sau Dương-lệ vì ngay thẳng được hưởng thái lao. Trung-dan không dự".

Người Nghệ-an có kể một truyện *Xây thành giấy*, như sau:

Xưa có một người được làm vua, trước tiên cho người về quê cha đất tổ xây thành đắp lũy làm nơi đóng quân. Dân phu được ốp tới phục dịch, nhưng công trình thật là đồ sộ, làm đã mấy tháng mà chưa nên cơm cháo gì. Mọi người lấy làm lo vì vua giao hẹn đúng ngày tháng phải xong. Một hôm có một ông lão tới nói rằng: -"Thành xây mãi không xong mà nghe nói nay mai nhà vua đã kéo quân về, không khỏi tội nặng. Hãy cho tôi đảm đương việc xây thành, chắc chắn sẽ xong sớm". Người ta cho rằng ông lão nói khoác. Nhưng kỳ hạn đã đến rồi, dành phải trông cậy vào ông lão họa có được chăng, bèn

1. Theo lời kể của đồng bào Huế thì đoạn này người Việt trồng tre trở gốc lên trời nhưng hữu ý bọc nhiều bùn vào gốc tre ngoài bọc bẹ chuối và năng tưới nước. Tre là loại cây dễ sống nên tuy gốc trở lên trời nhưng chẳng bao lâu mầm đã mọc lên xanh tốt. Không có tình tiết "thừa lúc đêm tối ra trở đầu rễ tre trở xuống" như Ca-đi-e (Cadière) kể.

2. Theo Ca-đi-e (Cadière), *BEFEO*, tập XI (1911).

hỏi:-"Bao giờ thì xong?". Đáp: - "Chỉ nội nhật ngày mai là xong". Ông lão bảo mang thật nhiều giấy đến bắt can lại rồi cắm cọc giăng lên như thể cái thành. Qua ngày mai tự nhiên thành giấy đã hóa ra thành thật, cũng có đá màu xanh như đá thật, nhưng dấu can của giấy vẫn còn nhận được[1].

Đại-việt sử ký toàn thư và *Đại-việt thông sử* có kể một câu chuyện trong cuộc nội chiến giữa Lê và Mạc năm 1570. Hồi ấy quân Lê thua dậm phải rút về giữa miền thượng du Thanh-hóa, chỉ còn giữ được một thành lũy cuối cùng ở An-tràng. Tình thế rất nguy ngập vì lũy rất yếu mà quân địch thì tấn công ngày đêm không nghỉ. Các quan nhà Lê bàn việc đắp lũy cho cao, đào hào cho sâu để phòng thủ. Theo mưu kế của Lê Cập Dệ thì phải làm một cái thành bao bọc bên ngoài lũy. Trong một đêm, quân Lê trưng thu tất cả phên vách của nhà dân, dựng lên làm một cái thành giả, ngoài trét đất bùn, trên cắm chông tre, bao bọc lấy lũy An-tràng dài hơn 10 dặm. Sáng dậy, quân Mạc tưởng là thành thật, kinh hãi không dám đến gần. Sau đó phải rút.

Về tình tiết quân Đại-việt thắp đuốc để khoa trương thanh thế, người Thái ở Điện-biên-phủ có truyền thuyết *Bảy người Kinh*. Truyện kể rằng bảy người Kinh này lên Điện-biên giúp người Thái chống ngoại xâm. Họ đã tỏ rõ mưu trí và lòng dũng cảm trong chiến đấu. Có lần phải đương đầu với một đám giặc quân số khá lớn, bảy người Kinh dùng mẹo đêm đến buộc rất nhiều cà-bong trên sừng của một đàn dê rồi thắp lên làm cho giặc tưởng mình cũng đông quân. Về sau bảy người Kinh cùng bị hy sinh, đồng bào Thái lập đền thờ cúng vào ngày mồng 5 tháng Hai âm lịch. Hiện nay ở Điện-biên còn có bụi tre tương truyền do bảy người đưa lên trồng.

1. Theo *Bản khai của thôn An-trạch, xã Giang-triều*.

35. SỰ TÍCH NÚI NGŨ-HÀNH

Ngày xưa, có một ông cụ già sống một thân một mình trong một túp lều con trên bãi biển vắng. Những người dân gần đó không biết ông cụ đến đấy làm gì và đến từ lúc nào.

Một hôm, tự nhiên ngoài biển khơi có một vùng sóng gió nổi lên dữ dội làm bầu trời tối mịt. Hồi lâu có một con giao long rất lớn ngoi vào bờ, trườn lên đất liền. Giao long quần quại trên bãi cát làm vẹt đất thành từng đường ngoằn ngoèo. Gió thổi ào ào, bụi cát mù mịt. Gian lều của ông già gần đó xem chừng muốn đổ. Cuối cùng một tiếng gào rống lên, rồi một chiếc trứng lớn trong bụng giao long xuất hiện bên cạnh nhà của ông già. Đẻ xong, giao long lại trườn xuống biển đi mất.

Một lát sau lại đến lượt một con rùa vàng to lớn cũng từ ngoài khơi tiến vào. Rùa vàng đào đất chôn trứng vào bãi cát. Đoạn, rùa bò đến trước mặt ông lão bảo rằng:

- Ta là thần Kim quy. Ta muốn ngươi phải hết sức bảo hộ giọt máu này của Long quân!

Ông già trả lời:

- Sức cùng tài tận như tôi thì làm sao mà bảo hộ được.

Rùa liền trao cho ông già một cái móng và nói:

- Ngươi hãy cầm lấy cái này, bao giờ có việc gì khó khăn nguy cấp thì đặt nó vào tai, ta sẽ giúp ngay, không lo gì cả.

- Được, tôi sẽ xin hết sức.

Một hôm từ đàng xa tiến đến một chiếc xe trâu, trên có mấy tên lính hung dữ. Ông già hoảng hốt lo sợ vì chiếc xe cứ nhằm đúng hướng trứng mà lao tới. Ông đứng dậy khoát tay làm dấu cho xe chạy đi ngả khác mà không được. Ông vội đặt móng rùa vào tai. Tự nhiên có một tiếng

nói nhỏ đủ lọt vào tai ông: "Nằm xuống! Nằm xuống!". Ông vừa phủ phục thì hóa ngay một con hổ lớn. Bọn lính trên xe hoảng hốt đánh xe quay trở lại.

Sau đó, ông cụ tháo gian nhà của mình đưa tới dựng lên che cho trứng thần. Nhưng ông không ngờ rằng trứng thần cứ mỗi ngày một lớn mãi. Thoạt tiên nó làm nổi cát lên. Rồi ngày một, ngày hai nó rẽ dần cát ra và nhô lên khỏi mặt đất. Mỗi lần như thế thì cụ già lại hì hục xúc cát lấp lại. Nhưng vô ích vì chỉ ngày mai ngày kia nó đã nhô cao hơn, đến nỗi đội cả gian nhà của ông cụ lên trời.

Trứng càng ngày càng lớn làm cho ông cụ thấy sức của mình bé lại. Tuy nhiên, ông vẫn hết lòng vì trứng thần. Ông đi chặt cây, chặt lá về che cho kín trứng.

Nhưng cây lá cũng không che nổi nữa vì trứng ngày một phình to ra. Không những nó nhô cao lên trời mà còn nở cả bề rộng. Màu vỏ trứng xanh đỏ tím vàng lóng lánh như một hòn ngọc khổng lồ.

Một hôm, gian liều của ông cụ bị những tên vô lại đốt cháy. Ông cụ cầu cứu với móng rùa. Tự nhiên trong lòng trứng hiện ra một cái hang đá có đủ giường chiếu sẵn sàng. Ông già vừa đặt mình xuống là ngủ thiếp ngay.

Giữa lúc đó thì một cô gái bé từ trong lòng trứng ra đời bên cạnh giường của ông già. Sữa ở mạch đá trong hang chảy ra nuôi cô gái bé lớn lên như thổi. Nhưng tuy ông già ngủ mà cô gái cũng không cô quạnh. Hàng ngày có những con khỉ hái hoa quả đến cho cô ăn, có những con chim cu tha bông đến dệt cho cô mặc.

Ông già ngủ một giấc tỉnh dậy lấy làm kinh ngạc khi thấy một thiếu nữ xinh đẹp ngồi bên cạnh mình. Cô gái reo lên: -"Mười lăm năm nay con ngày ngày lắng nghe hơi thở đều đặn của cha. Nay cha đã dậy, con vui mừng biết mấy".

Ông già ngơ ngác nhìn trứng thần bấy giờ đã thành một hòn núi đá to lớn, có cây đã rậm rạp, chim chóc thú vật đã đến sinh hoạt nhộn nhịp. Móng rùa vẫn còn ở đầu giường. Ông vội cầm lấy để vào tai. Móng rùa mách đường cho ông già và cô gái ra khỏi hang và cho biết phải làm những việc gì.

Từ đây ông già lại có thêm chức trách dạy dỗ săn sóc cô gái của Long quân. Trong khi đó, chim chóc và thú rừng đến quấn quýt bên cạnh hai người. Bọn mục đồng cũng không quên lui tới làm quen với bọn họ.

Một hôm có một đội quân không hiểu từ đâu lại, mặt mũi hung ác, gươm tuốt sáng lòe, đến bổ vây chiếm lấy hòn núi mới. Bọn chúng xô tới định bắt cả trẻ lẫn già đi, nhưng móng rùa đã làm cho chúng chết không kịp ngáp. Cả một vòng lửa rất dày ùn ùn bốc lên vây lấy chúng và chẳng cho một tên nào chạy thoát.

Thấy núi và người bỗng dưng xuất hiện ở địa phương mình, nhân dân quanh vùng cho là một sự lạ chưa từng có. Tin là tiên xuống trần cứu dân, họ đến gặp cô gái và ông già để xin thuốc và cầu khẩn mọi việc. Thấy họ cần dùng thuốc, cô gái lấy những mảnh đá có màu xanh, đỏ sáng giấp giới, buộc lại với nhau rồi ném ra xung quanh chỗ ngồi. Trên mặt đất bỗng mọc lên một loài cây có hoa năm cánh dùng để chữa bệnh sốt rét rất hiệu nghiệm. Người ta đua nhau đi hái hoa đó về chữa bệnh. Họ gọi là hoa Tứ quý. Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng. Ai ai cũng nhắc đến nàng tiên bé nhỏ với một tấm lòng trìu mến.

Sau đó chẳng bao lâu, nhà vua nghe tin có nàng tiên xinh đẹp, bèn sai quan quân mang lễ vật đến cầu hôn cho hoàng tử. Khi sứ giả đến thì trông thấy một già một trẻ đang đánh cờ "gánh" trên tảng đá lớn. Sứ giả bước vào đệ trình lễ vật và quốc thư. Giữa khi ông cụ già lúng túng chưa biết nên xử trí thế nào thì rùa vàng đã từ dưới biển hiện lên báo tin cho ông biết là Long quân đã bằng lòng gả. Từ đây núi vắng người tiên. Cô gái từ biệt cha nuôi lên kiệu đi theo sứ giả, có mấy trăm quân sĩ theo hầu. Còn ông già trả móng lại cho rùa thần rồi cưỡi lên lưng rùa đi biệt.

Ngày nay hòn núi đá ấy vẫn hãy còn. Nó là hòn núi đẹp nhất nổi lên ở bờ biển Quảng-nam. Người ta gọi nó là núi Ngũ-hành. Ở phía Tây núi có sông Vĩnh-điện chảy ra cửa Hàn. Người ta bảo sông đó cũng như sông Cẩm-lệ, sông Hàn đều do bà vợ Long quân vô tình làm ra trong khi quẫn quại ở cữ[1].

1. Theo Rich-cơ-bua (Ricquebourg). *Đất rồng*.

KHẢO DỊ

Một truyền thuyết khác về núi Ngũ-hành thì cho đó là năm ngón tay của đức Phật Quan âm đè lên mình Dại thánh. Năm ngón tay đó hóa làm năm hòn núi Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tức là Ngũ-hành sơn[1]. Truyền thuyết này có phần chịu ảnh hưởng của *Tây du ký*.

1. Núi Ngũ-hành có năm hòn: Hỏa-sơn, Kim-sơn, Thổ-sơn một bên; Thủy-sơn, Mộc-sơn một bên; ở giữa là con đường sắt.

III

SỰ TÍCH CÁC CÂU VÍ[1]

36. THẠCH SÙNG CÒN THIẾU MẺ KHO HAY LÀ SỰ TÍCH CON MỐI

Ngày xưa, có hai vợ chồng một người nghèo khó tên là Thạch Sùng. Họ sống chui rúc trong một túp lều gần chợ, xin ăn qua ngày. Cuộc sống thật là vất vả. Nhưng Thạch Sùng là người có chí kinh doanh lớn, lại có nhiều thủ đoạn. Từ lâu hai vợ chồng ăn nhịn để dành, lần hồi góp nhặt một số vốn chôn ở góc nhà. Số tiền ấy ngày một lớn mãi lên. Nhưng họ vẫn giả bộ nghèo khó, làm nghề hành khất như cũ.

Một hôm Thạch Sùng đi ăn xin về khuya. Dọc theo bờ sông ông trông thấy hai con trâu từ dưới nước lội lên và húc nhau chí tử. Đoán biết ấy là điềm trời sẽ mưa lụt to[2], nên từ đó có bao nhiêu tiền chôn, ông đào lên đong gạo tất cả. Quả nhiên, tháng Tám năm ấy trời làm một trận lụt kinh khủng, nước lênh láng khắp mọi miền: mùa màng, nhà cửa và súc vật, v.v... đều trôi nổi. Nạn đói đe dọa khắp mọi nơi. Giá gạo từ một tăng lên gấp mười rồi dần dà tăng lên gấp trăm. Thế mà vẫn không ai có gạo để bán. Thạch Sùng chờ đến lúc dân tình cùng kiệt mới ném số gạo tích trữ của mình ra. Có những nhà giàu phải đổi cho ông ta một thoi vàng mới được một đấu gạo.

---

1. Chúng tôi bắt chước đề mục này của *Sử Nam chí dị*.
2. Xem truyện *Yết Kiêu*, (số 72), *Cố Bu* (số 96) cũng có hình ảnh trâu húc nhau.

Từ khi có vốn, hai vợ chồng Thạch Sùng thôi nghề bị gậy. Họ đem tiền cho vay một vốn năm bảy lớp lãi. Thế rồi chẳng bao lâu Thạch Sùng nghiễm nhiên trở thành một phú ông. Ông ta tậu biết bao nhiêu là trâu bò ruộng vườn, những thứ đó mỗi năm mỗi nhiều lên mãi. Nhưng Thạch Sùng còn có nhiều mánh khóe làm tiền khác. Ngoài việc thu lúa rẽ, cho vay lãi, ông ta còn buôn bán lớn. Thuyền buôn của Thạch Sùng dong buồm đi khắp mọi cửa biển. Rồi hắn thông lưng với bọn cướp trong vùng. Mỗi một chuyến làm ăn, chẳng những được chia phần mà hắn còn oa tàng và tiêu thụ hộ những của bất nghĩa. Cứ như thế sau mười năm, Thạch Sùng trở nên một tay cự phú, tiền của châu báu như nước như non, không ai địch nổi. Những tay thiên hộ bá hộ so với hắn chỉ bằng cái móng tay.

Có tiền trong tay, Thạch Sùng rất dễ kiếm được địa vị. Hắn dâng vua bao nhiêu là vàng bạc ngọc ngà, nên được vua phong tước quận công. Hắn ra ở kinh thành, xây dựng phủ đệ, không khác gì phủ đệ của ông hoàng bà chúa. Trong phủ đệ của hắn có một trăm nàng hầu vợ lẽ, người nào người ấy ăn mặc toàn lụa là gấm vóc. Còn hắn và vợ con thì giờ đây sống một cách xa xỉ, đến nỗi trong nước trừ hoàng đế ra khó có một người nào dám sánh.

Hồi đó ở kinh đô có một người em hoàng hậu họ Vương. Y cũng là tay cự phú nổi tiếng tiền rừng biển bạc và xài phí vào bậc nhất. Một hôm, y gặp Thạch Sùng trong một bữa tiệc đủ các bậc vương công đại thần. Câu chuyện dần dần chuyển thành một cuộc khoe của giữa hai bên. Họ Vương nói: - "Bọn nô tỳ nhà tôi đều mặc đồ tơ lụa. Chúng nó đông đến nỗi năm hết tết đến phải có hàng kho vải lụa để may mặc cho chúng mới tạm đủ". Thạch đáp: - "Bọn nô tỳ nhà tôi thì phải có lúa gạo của cả một huyện mới đủ cho chúng ăn". Vương lại khoe: - "Bếp nhà tôi phải dùng đường thay cho củi". Nhưng Thạch cướp lời: - "Để sưởi ấm các phòng trong mùa đông, chúng tôi phải đốt mỗi ngày hàng hòm nến".

Nghe bọn họ không bên nào chịu bên nào, có một vị quan khách dàn xếp: - "Hai ngài cãi nhau như thế không ích gì cả. Cần phải có chứng có thì chúng tôi mới tin. Âu là một hôm nào đó, hai ngài hãy

trưng của cải ra cho chúng tôi xem. Ai thua phải nộp cho bên được mười thúng vàng. Chúng tôi sẽ làm chứng cho". Cả hai người đều khẳng khái nhận lời.

Đến ngày đấu của, có mấy vị đại thần ra làm chứng cho bọn họ. Hai bên ký vào giấy giao ước. Hoàng hậu lo cho em mình thua cuộc, có phái mấy viên hoạn quan nhiều mưu trí đi theo để giúp sức.

Đầu tiên, Vương sai lấy lụa căng làm màn trần trong tất cả các dinh thự của mình. Đến lượt Thạch Sùng, hắn sai lấy gấm căng che và trần trướng tất cả mọi nhà cửa của hắn. Thấy vậy, Vương sai lấy thủy tinh thay ngói lợp tất cả các nhà cửa phủ đệ của y, khiến chúng trở thành những tòa lầu sáng choang như ngọc. Nhưng đối lại, Thạch Sùng sai lấy ngọc thạch cho thợ đá cắt ra từng phiến lát cái sân ở trước nhà.

Mọi người đều tấm tắc khen ngợi Thạch Sùng.

Cuộc đấu của lại tiếp tục. Thạch hỏi Vương: - "Nhà ngươi có san hô chăng?". Vương đưa ra một cây san hô cao mấy thước, và hỏi lại: - "Nhà ngươi có tê giác không?". Thạch bĩu môi ra hiệu cho một người hầu bưng ra một bộ đồ trà bằng sừng tê nạm ngọc.

Cả hai người còn khoe nhiều nữa, chưa ai chịu thua ai. Đến lượt họ bắt đầu khoe các vật kỳ lạ.

Thạch Sùng nói: - "Ta có con thiên lý mã mua từ bên Thiên-trúc về mỗi ngày chạy được một ngàn dặm". Người ta xúm nhau xem và tán tụng con ngựa quý. Nhưng Vương lại mời họ về vườn của mình thưởng thức một con hươu có hai cái đầu.

Lần này Thạch Sùng yên lặng khá lâu. Tiếng xôn xao nổi lên khắp nơi. Ai cũng tưởng Thạch Sùng đã hết cả vật quý. Nhưng bất ngờ hắn rút trong bọc ra một viên ngọc và nói: -"Ta có một viên ngọc, mùa nóng đeo vào thì mát, mùa rét đeo vào thì ấm. Tôi chắc trong thiên hạ có một không hai".

Thấy thế họ Vương bắt đầu bối rối. Y toan sai người vào mượn hoàng hậu viên ngọc như ý để địch lại, nhưng ngay lúc đó một viên hoạn quan ngồi bên cạnh, nói nhỏ vào tai hắn mấy câu. Thế rồi người ta thấy Vương quay sang hỏi Thạch Sùng: - "Nhà ngươi tuy rất giàu nhưng có

đầy mà không đủ. Ta thì cho rằng thế nào trong nhà nhà ngươi cũng còn thiếu nhiều đồ vật".

Thạch Sùng đang con đắc ý: - "Nhà ta không thiếu một đồ vật gì cả. Nếu nhà ngươi chỉ ra được một vật mà ta thiếu, ta sẽ mất với nhà ngươi không phải mười thúng vàng mà còn tất cả gia sản nữa. Trái lại, nếu ta mà có đủ thì nhà ngươi cũng phải mất cho ta y như vậy!". Thế rồi trong một con kiêu căng đến cực điểm, Thạch bắt Vương cùng mình ký tên vào bản giao ước mới. Khi ký xong, Vương bảo hắn: - "Nhà ngươi hãy đưa mau ra đây cho các vị xem mẻ kho của nhà ngươi đi".

Nghe đến đó, Thạch Sùng giật mình. Mẻ kho là thứ gì hắn cũng đã biết. Đó là thứ nồi đất mẻ mà chỉ nhà nào cùng khổ lắm mới dùng để nấu thức ăn. Ngày xưa hồi còn hàn vi, hắn đã từng đi nhặt vật đó trong đống rác đưa về đánh chùi để kho cá. Nhưng đã từ lâu, lâu quá rồi, hắn không còn nhớ đến thứ đồ dùng hèn hạ ấy nữa. Vì nhà hắn bây giờ toàn dùng đồ đạc bằng vàng bạc, tệ nhất cũng bằng đồng thau, có bận tâm chứa những thứ của ấy để làm gì. Nhưng hắn cũng cố giục bọn đầy tớ lục tìm trong xó vườn góc bếp xem sao. Tìm đi kiếm lại khắp mọi nơi mà vẫn không nhặt được dù chỉ là một mảnh nồi vỡ. Quả là nhà Thạch Sùng không thể làm gì kiếm được những món ấy.

Thế rồi sau đó một lúc lâu, những người làm chứng công nhận sự thắng cuộc về phía em hoàng hậu. Thạch Sùng không ngờ mình bị thua một vố đau như thế. Hắn cay đắng nhìn thấy tất cả gia sản cho đến vợ con, nàng hầu, nô tỳ, v.v... đều chạy sang tay họ Vương. Còn lại một mình ngồi trong túp lều, hắn tắc lưỡi tiếc cho cơ nghiệp tự tay mình gây dựng trong bao năm đến nay tay trắng lại hoàn tay trắng. Rồi hắn chết, hóa thành con mối tức là con thằn lằn, cũng gọi là con thạch sùng. Loài mối thỉnh thoảng lại chắt lưỡi kêu lên mấy tiếng: "Thạch Thạch" là vì thế[1].

Ngày nay người ta còn có câu tục ngữ: *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*[2], có ý nói trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.

1. Theo báo *Những trang về Đông-dương* (1913).
2. Câu này ở miền Nam có người nói *Giàu như ông Thạch Sùng còn thiếu mẻ bác*.

KHẢO DỊ

Một dị bản kể chuyện Thạch Sùng có khác với truyện trên, nhất là đoạn kết:

Thạch Sùng, Vương Khải hai bên giao hẹn đấu của trong một tháng, hễ ai thua thì những của đã đem đấu thuộc về người thắng. Đầu tiên Khải tán hạt tiêu trát vách (tiêu phòng), Sùng sai trải gấm ra đường để đi (cẩm đạo). Khải làm thuyền lớn căng gấm làm mui (cẩm hạm), gỗ ngà làm cột buồm (nha tường) thì Sùng sửa ngôi nhà xâu hạt trân châu làm rèm (châu liêm), treo gấm thêu làm màn (tú hộ). Khải thắp đuốc bằng sáp ong, thì Sùng nấu cơm bằng củi quế.

Vua tưởng nhà Sùng có bao nhiêu trân châu treo rèm hết cả rồi, nên đưa cho Khải hai dấu để thi. Thạch Sùng đem trân châu còn lại ra đong được một hộc. Khải lại đem đọ hai hộc vàng ròng. Sùng dẫn đối phương đến nhà để lấy vàng của mình không hộc nào mà đong cho xiết; đó là chưa nói vàng ở Kim-cốc chưa lấy lên. Vua lại cho Khải hai cây ngọc san hô dài một thước. Sùng dập gãy rồi lấy ra 10 cây dài hai thước. Bấy giờ kho vua đã cạn, nên Khải đành phải thua.

Vừa thẹn vừa căm, Khải xúi tòa ngự sử bới những điều phi pháp của Sùng để dàn hặc. Triều đình bắt Thạch Sùng tội lộng hành, tịch ký hết cả sản nghiệp.

Tuy mất hết của chìm của nổi, nhưng Sùng ỷ có vàng ở hang Kim-cốc. Nhưng khi đào lên thì chỉ thấy toàn là nước trong, chẳng có vàng bạc gì cả, nên Sùng tiếc của mà chết. Và cũng hóa thành thần lằn như truyện trên[1].

Cả hai truyện phần nào chịu ảnh hưởng của sự tích Thạch Sùng bên Trung-quốc: Thạch Sùng sinh ở đời Tây Tấn, là người có nhiều mưu trí. Người cha lúc gần chết chia cho Thạch Sùng phần gia tài ít nhất, nhưng lại tin rằng số Thạch Sùng sẽ giàu sang hơn thiên hạ.

Quả đúng như lời, về sau thấy Thạch Sùng có tài và có công, vua Hán Vũ Đế cho làm đến thái bộc, phong tước hầu. Thạch Sùng bề ngoài làm quan giúp vua dánh giặc nhưng bên trong thì thông lưng với cường đạo cướp của khách buôn nên chẳng bao lâu trở thành đại phú.

Ngày càng giàu có, Thạch Sùng xây dựng nhà cửa, lâu đài, chạm trổ trần trướng rất công phu. Trong nhà đồ quý không biết bao nhiêu mà kể. Hắn lại có lầu Kim-cốc cho người nàng hầu yêu dấu tên là Lục Châu ở.

1. Trương Vĩnh Tống. *Mỹ Ấm tùy bút*.

Bấy giờ có Vương Khải là em hoàng hậu, nhà cũng rất giàu, xa xỉ cũng vào bậc nhất. Một hôm hai người khoe giàu có. Vương Khải nói: - "Tôi lấy đường làm tro". Thạch Sùng bảo: - "Tôi lấy nến làm củi". Vua bèn phán: - "Lời nói không lấy gì làm bằng. Muốn biết ai hơn ai kém thì phải so sánh những của quý nhất. Ai hơn là được".

Vương Khải sai lấy lụa trải được bốn mươi dặm đường. Thạch Sùng trải được năm mươi dặm. Vương lấy phấn đá đỏ làm vôi quét nhà. Thạch thì lại quét bằng hồ tiêu.

Thấy mọi người khen Thạch Sùng, vua cho Vương Khải một cây san hô cao hai thước đưa ra dấu. Thạch Sùng lấy ngọc như ý đập cho cây san hô kia vỡ tan rồi đưa ra năm sáu cây san hô của mình cao bốn thước sáng rực. Đoạn hắn chọn một cây trong đó đền cho Vương Khải. Rồi hai bên cùng hòa.

Về sau Hán Vũ Đế chết, vua nối nhu nhược, bị các bè đảng quyền thần lấn át tranh giành lẫn nhau, thành nội loạn. Trong số đó có Tư Mã Luân mạnh hơn, tự tôn làm tướng quốc. Gia thần của Luân là Tôn Tú nghe tiếng nàng Lục Châu đẹp, có ý muốn chiếm làm của mình. Thấy Thạch Sùng quyết không chịu để mất Lục Châu, Tôn Tú vu cho Thạch làm phản, đem hai trăm quân đến vây nhà. Lúc đó Thạch Sùng và Lục Châu đang ngồi trên lầu. Nghe tin báo, Lục Châu nhảy từ lầu cao xuống tự tử. Còn Thạch Sùng bị bắt giải đến pháp trường. Hắn khóc nói: - "Không biết của của tôi sẽ về ai?". Chúng bảo: - "Dã biết của làm hại người sao không phân tán đi cho sớm". Rồi đó Thạch Sùng bị chém, gia sản bị tịch thu[1].

Về *Sự tích con mối*, chúng ta còn có một truyện khác:

Một chàng trẻ tuổi nhà giàu, ao ước một người vợ đẹp như tiên. Cha mẹ hỏi cho đám nào, hắn cũng không vừa ý. Hắn đáp: - "Con chỉ muốn lấy một người đẹp như tiên mà thôi!". Cho đến mấy năm sau cha mẹ lần lượt qua đời, hắn ta vẫn chưa có vợ.

Cái khó tính của anh chàng truyền đến tai Ngọc hoàng. Thương hại hắn, Ngọc hoàng sai một nàng tiên xuống, bảo: - "Ngươi hãy xuống với nó thử xem nó có biết người biết của không. Nếu nó không thấy được cái đẹp chính đáng thì hãy cho nó một bài học".

Thế là ngày ấy nhà hắn tự nhiên có một người con gái đến xin làm công việc của một người thị tỳ. Cô gái này mặt mũi tầm thường nhưng mọi việc đều

1. Theo *Thiếu vi thông giám*.

thông thạo, tính nết rất tốt. Nàng khéo tay đến nỗi mỗi bữa cơm không có tay nàng nấu nướng là hắn ta ăn không ngon. Gặp ngày giỗ, hắn than thở với nàng rằng không biết nhờ ai làm cỗ bàn bánh trái cho thật ngon để trước cúng cha mẹ sau đãi các quan khách. Nàng hứa sẽ xin cố gắng làm công việc đó. Quả nhiên cả khách lẫn chủ đều ngạc nhiên vì họ được dự một bữa cỗ ngon và lạ chưa từng có. Họ xúm lại khen ngợi nàng. Người chủ trẻ tuổi bắt đầu để ý tới nàng nhưng khi nhìn thấy nhan sắc, hắn lại làng ngay.

Ít lâu sau đó, anh chàng sắm sửa thuyền bè để đi tìm một người vợ đẹp theo ý muốn. Cô gái ở nhà hóa thành một người xinh đẹp tuyệt trần. Khi thuyền của chủ trở về, những người đầy tớ vội báo việc ấy cho chủ biết.

Người chủ vào nhà rất vừa ý vì diện mạo có một không hai của người thị tỳ. Hắn sán lại ngồi gần nhưng nàng bước lùi ra xa. Hắn rối rít xin lỗi, nói là mình dui mù không biết có một vị "tuyệt thế giai nhân" bấy lâu ở trong nhà, và xin lấy nàng làm vợ. Nàng vẫn không đáp. Sau cùng hắn đánh bạo chạy lại ôm nàng.

Hắn ôm hụt vì nàng đã bay lên trời và nói cho hắn biết mình là tiên, nay đã hết hạn ở trần gian phải về thượng giới. Hắn chỉ còn giật được có một chéo áo của nàng.

Từ đó, hắn tiếc mãi và sau hóa thành con mối luôn luôn chắt lưỡi tiếc vì bao nhiêu ngày ở với tiên mà không biết hưởng[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam.*

37. BÒ BÉO BÒ GẦY

Ngày ấy vào thời vua Lê chúa Trịnh có hai vợ chồng một người nho sinh họ Lê, nhân ngày cuối năm dắt nhau về thăm quê quán trong Thanh. Sau mấy năm đi làm ăn xa, họ có để dành được một số bạc nhỏ đưa về định làm vốn sống ở quê nhà.

Qua bến đò Khuốt, họ đi vào giữa làng Đa-giá thượng. Đến đây trời đã xế chiều lại lấm tấm mưa. Thấy thế, người chồng quyết định nghỉ lại trong một cái quán bên đường.

Làng Đa-giá thượng bấy giờ vẫn có một ổ gian phi lớn, chuyên cướp của giết người. Khách bộ hành đi qua đây thường thường nghỉ lại vì chỉ ở đây mới có dân cư quán xá, lại có chỗ ăn chỗ trọ tươm tất. Mà khi khách đã nghỉ lại thì kẻ nào coi chừng tay nải nằng nặng, lại cô đơn, là đêm đến sẽ có người kéo lên núi xô xuống một cái hang sâu và kín gần Kẽm-trống. Thế rồi những món đồ cướp được sẽ tùy công lao mà chia nhau giữa mọi huynh thứ trong làng. Chúng giữ việc đó rất kín. Có những tiếng lóng thay cho tiếng nói thường. Từ bao lâu, hang núi thiên tạo đó như một cái giếng sâu, là mồ chung của bao nhiêu mạng người vô tội. Thế nhưng, bề ngoài đối với vua quan, đối với người các làng khác, chúng vẫn là những kẻ làm ăn lương thiện.

Khi hai vợ chồng bước vào quán, bà hàng chạy ra đỡ chiếc thúng khảo trên tay người đàn bà.

- Ông bà đến vừa đúng dịp! Hôm nay lại đang sẵn rượu ngon và nhắm tốt.

Trời mùa đông, ăn xong thì đã không trông rõ mặt người. Nhà hàng dọn sẵn giường chiếu để cho họ nghỉ. Nhưng khi những cánh liếp vừa hạ xuống được một chốc thì ở ngoài đường có tiếng hỏi vọng vào.

- Nhà hàng mai cho chúng tôi mượn bò với nhé!

- Có!

- Bò béo bò gầy?

- Bò béo.

Bà chủ quán thản nhiên trả lời rồi dọn dẹp đi ngủ. Hai vợ chồng yên tâm trèo lên giường, bỏ cái tay nải ra gối đầu. Và rồi họ ngủ thiếp đi.

Đêm ấy vào khoảng canh hai, trong quán đã có mấy tên lực lưỡng lẻn vào từ lúc nào. Người nho sinh họ Lê vẫn còn mê man trong giấc mộng. Mấy chén rượu có pha thuốc mê làm anh chàng chẳng còn biết gì trời đất. Nhưng người vợ thì vẫn tỉnh táo. Bọn cướp xông lại ấn giẻ vào miệng người chồng và lôi đi xềnh xệch. Người vợ toan la lên thì tên cướp thứ hai đã giơ lưỡi dao sáng loáng. Thấy hắn sắp động vào người, nàng quỳ xuống lẩm bẩm: - "Thiếp cắn rơm cắn cỏ lạy ông. Ông tha cho, thiếp xin nhớ ơn trọn đời".

Ngọn đuốc khoa vào mặt nàng. Nàng còn trẻ và rất xinh đẹp. Tên cướp bỗng thấy động lòng. Hắn giục: -"Thế thì đi. Nhưng khôn hồn hãy ngậm mồm lại. Hễ kêu lên thì chó chết!". Thế rồi, trong khi đi đường, tên cướp nghĩ ra được một kế để được chung chăn gối với người đàn bà có cặp mắt rất xinh kia. Hắn sẽ gửi nàng ở nhà một người thủ hạ tin cẩn, nhờ giấu kín cho, rồi khi về chỉ đưa đôi hoa tai ra trình mọi người là ổn.

Từ đó tên cướp thường lui tới chỗ ở của người vợ mới không cheo cưới của hắn. Thỉnh thoảng hắn biếu nàng một bộ xà tích hay mấy vuông lụa. Nàng không phải lo gì đến cái ăn cái mặc, đã có người hầu hạ chu tất. Nhưng nhất thiết nàng không được bước ra khỏi buồng, luôn luôn cửa đóng kín mít. Người đàn bà ấy đành nhắm mắt tuân theo như một kẻ không hồn. Dần dần nàng hiểu rõ cách sinh nhai của lũ cường bạo. Nhưng nàng vẫn cố nuốt những giọt nước mắt, vui vẻ đón tiếp kẻ thù của mình để hắn thí cho chút sống thừa. Tuy nhiên, chỉ được năm tháng là việc tên cướp giấu nàng ở đây bị bại lộ. Ba ngày trước, xã trưởng rỉ tai bảo hắn: - "Nếu anh không hạ thủ ngay thì đã có những người khác cho anh xuống hang cùng với con mụ ấy". Lệ làng đặt ra ai nấy đều phải tuân theo răm rắp. Tất nhiên hắn không thể phá lệ làng.

Đêm ấy cơm xong, hắn đưa nàng lên núi. Hơn cả lần trước, lần này nàng van lạy hắn rất thảm thiết. Nhưng bây giờ trái tim hắn không còn lay chuyển. Hắn bảo:

- Ta làm phúc cho nàng xuống suối vàng với chồng cho có bạn!

Khi sắp đến miệng hang, người bàn bà bỗng nhiên bỏ chạy. Nhưng hắn đã đuổi theo và bắt được ngay. Đúng vào lúc hắn đẩy nàng xuống hang thì không ngờ nàng cũng níu chặt lấy áo hắn. Cả hai người cùng lăn tòm vào vực sâu. May mắn làm sao nàng lại nhanh tay thả hắn ra và bám được vào một nhánh cây mọc chìa ra ở lưng chừng. Thế rồi người đàn bà ấy lần mò rất khó nhọc, cuối cùng lên được khỏi miệng hang. Và nàng cứ nhằm hướng Bắc đi luôn một mạch.

*

* *

Nói chuyện ngày hôm ấy xa giá chúa đi qua cửa Đại-hưng. Khi đội tiền vệ vừa qua cầu thì vợ của chàng nho sinh họ Lê xấu số từ dưới gầm cầu chạy vụt lên quỳ ngay giữa đường cái. Đầu nàng đội một lá đơn trắng. Bị quân lính xua đuổi, nàng không chịu lùi, chỉ sửa lại vành khăn trắng, bảo họ: - "Lạy các bác, tiện thiếp oan ức tày trời xin cho gặp chúa thượng". Thấy có tiếng ồn ào đằng trước, chúa sai dừng kiệu, cho đòi khổ chủ đến hỏi chuyện. Nghe người đàn bà kể xong, chúa lập tức rút bảo kiếm, sai viên tham tướng mang ngay 2.000 quân mã đi gấp ngày đêm vào Đa-giá thượng với lệnh "tiền trảm hậu tấu".

Thế rồi sau đó hai ngày, có một thầy lang bán thuốc, vai đeo cái tay nải đỏ nặng trĩu đi qua đò Khuốt rồi tiến vào làng. Chưa vào quán, khách đã trao tay nải cho bà hàng và giục rượu inh ỏi. Chỉ một chốc khách đã say mềm, không còn nghe gì những tiếng trao đổi "bò béo bò gầy" giữa chủ quán với người ngoài cổng. Chưa đến lúc đi ngủ, khách đã bị trói giật cánh khỉ và điệu lên hang.

Nhưng lần này vừa sắp đến hang thì một tiếng hô vang làm cho bọn cướp giật nẩy mình. Từ bụi rậm xông ra một toán lính với mã tấu sáng lòe cởi trói cho khách và trói lũ sát nhân lại. Rồi từ bốn phía chân núi, bốn phía làng, tiếng reo hò, tiếng trống, tiếng mõ vang trời động đất của hai ngàn quân sĩ.

Ngày hôm sau, làng Đa-giá thượng bị triệt hạ. Nhà cửa, tre pheo, cây cối đều bị san phẳng. Đất đai và ruộng phân phát cho cả tỉnh: mỗi làng được một mảnh ruộng con, ngày nay vẫn còn gọi là ruộng kỳ tại. Bọn cướp hết thảy bị tử hình: đàn ông đều chém ngang lưng, đàn bà một hạng bỏ rọ trôi sông, một hạng sung làm thị tỳ ở các nhà quan. Người ta có bắt được một quyển sổ ghi từng năm một bao nhiêu bò béo, bao nhiêu bò gầy, bao nhiêu vàng bạc, bao nhiêu tiền và vật hạng. Một số quân sĩ được lệnh dẫn tre làm thang xuống hang rồi thòng dây xúc hài cốt của những người vô tội lên thiêu hóa[1].

KHẢO DỊ

Theo *Sơn cư tạp thuật* thì truyện kể có hơi khác về chi tiết: Một hôm một người con hát, có người vợ rất đẹp qua làng Đa-giá vào trọ ở quán lý trưởng. Lý trưởng là một tên dâm ác, đêm đến hắn nhận mệnh lệnh của đồng lõa bắt người chồng dấy xuống hang rồi giấu người vợ lại một nơi cho mình thỏa dục. Sau đó việc tiết lộ, bị đồng lõa bắt phải giết người đàn bà kia. Khi hắn dấy người đàn bà thì hắn bị người ấy kéo luôn xuống hang và chết cả hai. Người vợ lý trưởng thấy chồng không về, hối hận, bèn đi cáo quan. Việc bại lộ có phần giống như truyện trên vừa kể.

1. Theo lời kể của người Ninh-bình và báo *Tiểu thuyết chủ nhật*.

38. NỮ HÀNH GIÀNH BẠC

Ngày xưa có nhà phú hộ có một người con trai mười lăm tuổi cho đi học tại nhà một cụ đồ trong làng. Anh chàng bẩm tính ngu độn lại thích chơi bời lêu lổng, nhét cho mấy, chữ cũng không vào. Rồi qua năm sau cha mẹ kiếm cho một người vợ. Vợ hắn là con gái một nhà nho, nhan sắc xinh đẹp, đã hay chữ lại tính nết rất đoan chính.

Khi sắp bước chân về nhà chồng, cô gái được một người chị em thân mách nhỏ cho biết rằng người sắp làm chồng mình là một anh chàng dốt nát ngu độn. Nàng rất buồn. Lễ cưới đã xong, họ nhà trai đã đến xin rước dâu, mọi việc đã đâu vào đó, không thể trì hoãn hay giở giáo được. Cuối cùng cô gái quyết định cứ chịu lấy anh chồng dốt, nhưng sẽ cố tìm cách làm cho hắn chăm học nên người.

Cho nên, vừa làm lễ gia tiên, nàng xin với cha mẹ chồng cho hai vợ chồng mình ở riêng một gian nhà nhỏ. Khi đã được ở riêng, nàng vào buồng đóng chặt cửa lại, bảo chồng hãy cố học hành cho kịp chúng bạn thì mới cho chung chăn gối. Hắn ta tức mình bảo vợ: - "Tôi học đã kém ai đâu mà nàng lại bảo phải cho kịp chúng bạn, và kịp như thế nào mới được chứ?". Vợ nói: - "Để thiếp ra một câu này, lúc nào chàng đối được sẽ xin mở cửa mời vào: *Chồng phương Đông, vợ phương Tây, nín lặng cho hay, chớ lòng Nam Bắc*".

Sức học của hắn làm gì có thể đối nổi loại câu đối như thế. Nhưng hắn làm bộ nghĩ ngợi, hẹn đến sáng trả lời. Rồi hắn đành chịu lên ngủ nhà trên, định mai đến trường nhờ thầy gà hộ.

Khi cụ đồ nghe người học trò cho biết chuyện đêm tân hôn của hắn, cũng có phần thương hại, bèn dặn hắn đến lúc tan học chờ cho học trò về hết cả, sẽ mách cho. Chiều hôm đó sau khi học trò giải tán, ông cụ bảo hắn:

- Con cứ đối lại thế này: "*Trai phận cấn, gái phận tốn, không nên cãi lộn, trái đạo càn khôn*".

Bất đồ hôm ấy còn sót một người học trò vì bận chép bài nên ở lại ngồi đằng sau vách chưa về. Hắn ta nghe lỏm được câu chuyện oái oăm của bạn và cả câu đối thầy gà cho bạn, liền nhẩm lấy thuộc ngay. Thế rồi hắn ta không kém khôn ngoan, đoán biết rằng bạn hắn còn phải mất nhiều thì giờ mới thuộc nổi câu đó. Vậy thì nhân khi nhá nhem, hắn sẽ cất lẻn vào trước buồng vợ bạn bắt chước giọng bạn nói lên câu đối ấy, rất có hy vọng bẻ hoa trước tiên. Quả nhiên khi cô gái nghe xong câu đối, tấm tắc khen hay và giữ đúng lời hứa mở cửa cho người mà nàng tưởng là chồng mình vào buồng. Nàng để cho hắn chung chăn gối. Mãi đến nửa đêm hắn mới thác chuyện lên nhà trên rồi đi một mạch về nhà.

Lại nói chuyện về anh chồng thật thì suốt một đêm học mãi mới thuộc câu đối nói trên. Vào khoảng canh ba hắn mới tìm đến buồng vợ. Vợ lại mở cửa đón chồng. Nàng ngạc nhiên khi thấy chồng đọc lại câu đối hồi hôm. Rồi nàng giật mình hỏi dồn chồng:

- Sao chỉ có một câu tối hôm qua đã đối, bây giờ lại còn đối nữa?

Nghe chồng nói tối hôm qua không hề đến, lại nghe giọng nói hai lần có khác nhau, nàng mới biết là mắc mưu một tên vô lại nào đó làm ô nhục, bèn vào buồng kêu trời khóc đất một mình rất thảm thiết. Rồi trong một cơn đau đớn đến mất trí, nàng cắn lưỡi tự tử.

Chồng thấy vợ chết không hiểu thế nào cả. Hắn lẳng lặng tìm đến nhà cụ đồ báo cho thầy biết tin đó. Nghe nói cụ đồ rất đỗi kinh ngạc, nghĩ mãi không biết vì cớ gì, nhưng cũng dặn học trò cứ giữ thật kín câu chuyện để ông cụ tìm cách truy cho ra thủ phạm.

Ngày hôm sau giữa khi các môn sinh tề tựu đông đủ, cụ đồ tươi cười bảo mọi người:

- Thầy có nghĩ được một câu đối cũng vừa sức học của các con. Nếu ai ứng khẩu đối được hay thì thầy sẽ thưởng thỏi mực và một quản bút.

Rồi ông cụ đọc luôn vế câu đối của cô con gái nọ đã ra cho chồng.

Trong khi những người học trò khác đang nghĩ ngợi thì đứa bất lương phản bạn kia đã hý hửng đứng lên đọc lại nguyên văn vế câu đối mà hắn nghe lỏm được chiều hôm qua:

- Thưa thầy con xin đối lại là: - "Trai phận cấn, gái phận tốn...".

Lập tức cụ đồ thét học trò bắt hắn trói lại. Ông cụ vạch tội hắn trước mặt mọi người, vì chỉ có người đàn ông thứ hai nghe lỏm được vế câu đối của mình và nghe lỏm được câu chuyện của bạn mới có thể làm nổi được việc đánh lộn sòng kia. Cuối cùng hắn đành cúi đầu nhận tội.

Trong khi ở nhà người phú hộ đám tang người con dâu bạc mệnh cử hành thì ở bên này người ta cũng giải đứa gian ác lên quan. Nhờ có cụ đồ xin khoan giảm nên hắn khỏi bị trảm quyết, chỉ phải bị án chung thân và phải đền cho khổ chủ một giành bạc.

Từ đó người ta thường truyền cái câu *nữ hành giành bạc* mà cho đến ngày nay nhiều người không rõ nghĩa tiếng "hành" là gì[1].

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).

39. LẨY BẨY NHƯ CAO BIỀN DẠY NON

Ngày xưa ở Trung-quốc có Cao Biền rất giỏi nghề địa lý. Những phép hô thần tróc quỷ, ông đều thông thạo. Tiếng đồn vang khắp nơi. Hoàng đế Trung-quốc nghe tiếng liền triệu Biền vào cung ủy thác cho việc kiếm một ngôi đất xây dựng lăng tẩm. Cao Biền vâng lệnh và sau năm năm tìm tòi, đã kiếm được một kiểu đất quý mà theo ông có thể giữ ngôi nhà Đường vững như bàn thạch.

Sau khi công việc hoàn thành, hoàng đế rất khen ngợi, sai ban nhiều vàng bạc cùng phong tước lớn cho Biền. Nhưng Biền vốn biết trong kho tàng của hoàng đế có một ngòi bút thần có phép mầu nhiệm mà chính hoàng đế và cả triều thần không một ai biết cả. Vì thế Biền không nhận vàng, chỉ nói:

- Tâu bệ hạ, hạ thần không muốn lấy vàng bạc của bệ hạ. Chỉ muốn xin một kho trong trăm ngàn kho đồ dùng của bệ hạ bằng cách là để hạ thần tự tay rút trong chùm chìa khóa kho tàng mà quan tổng quản đang nắm giữ, nhằm đúng chìa kho nào thì được phép lấy kho ấy.

Hoàng đế nghe nói hơi ngạc nhiên nhưng vốn trọng tài Biền, lại thấy ý kiến hay hay nên vui lòng để Biền làm chuyện may rủi xem thử thế nào. Quả nhiên kho mà Biền chỉ, đúng là kho đựng toàn bút lông dùng cho triều đình. Khi được sử dụng hàng vạn cây bút, Biền mang đến một hòn đá, lần lượt đem chọc mạnh từng ngòi lông vào đá. Nhưng chẳng có ngòi nào được toàn vẹn. Mỗi lần thấy tòe ngòi, ông lại vứt đi và tiếp tục chọc ngòi khác vào đá. Cứ thế cho đến lúc trong kho sắp vợi cả bút thì bỗng có một quản bút chọc thủng vào đá mà ngòi lông vẫn còn nguyên vẹn, Biền mừng quá reo lên:

- Ta tìm được ngòi bút thần rồi!

Biền liền cầm bút thần vẽ thử một con rồng lên mặt tường, chừa hai con mắt. Đến khi điểm nhãn, rồng tự nhiên cuộn mình được và tách ra khỏi bức tường. Rồi rồng vụt lên trời, bay biến vào đám mây trước con mắt kinh ngạc của mọi người. Biền lại vẽ thêm nhiều con vật khác và những con ấy đều hoạt động không khác gì những con vật có thực[1].

Sau cùng Cao Biền vẽ một con diều rất lớn, dùng bút thần nhúng mực điểm mắt cho diều. Diều đập cánh bay lên. Lập tức Biền cưỡi lên lưng và diều đưa vút lên trên không. Thế là Biền cưỡi diều vượt qua muôn trùng núi sông sang đến nước Nam. Trên lưng diều, Biền đưa mắt xuống tìm huyệt đất quý. Quả nhiên không bao lâu ông tìm thấy ở gần một con sông, cứ như bây giờ là sông Trà-khúc tỉnh Quảng-ngãi, một huyệt đất phát đế vương. Huyệt đất ấy quý không đâu bằng mà lại chỉ trong một ngàn ngày là phát. Đó là một cái hàm con rồng lấp dưới nước mà chỉ có con mắt của Biền mới khám phá được.

Từ đó, Biền có ý muốn hưởng một cuộc sống sung sướng xa xỉ vào bậc nhất thiên hạ. Nhưng khi nghĩ lại thì hắn rất tiếc là không có con trai mà thân mình lại đã già mất rồi; nếu được làm vua cũng không còn hưởng được mấy nỗi. Biền mới tính sẽ nhường cho rể. Nếu nó làm vua thì ông bố vợ tất cũng được bội phần trọng đãi, mà dòng dõi con gái mình cũng hưởng phúc lâu dài. Nhưng muốn thực hiện công việc "đại sự" này cần phải giữ hết sức bí mật, nếu không sẽ mất đầu như chơi. Nghĩ vậy, Biền trở về Trung-quốc bảo người con rể đào lấy hài cốt cha y đem sang nước Nam để cải táng. Trong việc này Biền chỉ bàn kín với một người học trò mà thôi. Nhưng người học trò mà Biền tin cậy lại muốn miếng đất quý ấy hoàn toàn thuộc phần mình hưởng, nên khi được lệnh thầy mang hài cốt thì hắn cũng đào luôn hài cốt của cha mình sang Nam.

*

* *

Bấy giờ hàm rồng đang thời kỳ há miệng. Biền bảo học trò lặn xuống ném gói xương vào giữa miệng rồng chờ cho nó ngậm lại hãy lên. Người

1. Đoạn này theo Duy-mu-chiê (Dumoutier). *Truyền thuyết Lịch sử Bắc và Trung-kỳ.*

học trò đem gói xương của cha mình đánh tráo vào, còn gói xương kia thì bỏ ở một bên mép.

Xong việc đó, Cao Biền bảo con rể chọn năm giống lúa, mỗi thứ một thúng mang đến huyệt đất nói trên, sai đào đúng vào chỗ vai rồng thành năm cái huyệt. Mỗi huyệt Biền sai rắm một thúng lúa rồi lấp đất lại thành năm ngôi mộ. Hắn giao cho chàng rể một ngàn nén hương, dặn mỗi ngày thắp một nén, đúng hai năm chín tháng mười ngày thì tự khắc quân gia dưới huyệt nhất tề dậy cả. Dặn đâu đấy, Biền trở về Trung-quốc.

Thời gian trôi qua. Hôm ấy chỉ còn mười ngày nữa là hết hạn công việc mà Cao Biền đã dặn, thì tự nhiên con gái hắn ở nước Nam đẻ luôn một lúc ba bé trai, mặt mũi dị kỳ. Vừa mới sinh ra, ba đứa đã biết đi biết nói: một đứa mặt đỏ tay cầm ấn, một đứa mặt màu thiếc, một đứa mặt màu xanh, đều cầm dao sáng quắc. Cả ba nhảy tót lên giường thờ ngồi, đòi đem quân thu phục thiên hạ. Người nhà ai nấy xanh mặt. Chỉ trong một buổi tiếng đồn rầm lên. Mọi người thấy sự lạ đổ tới xem như đám hội. Người rể của Biền sợ quá, bảo vợ: - "Mày đẻ ra ma ra quỷ, nếu không sớm trừ đi thì khó lòng sống được với triều đình. Chẳng qua cha mày làm dại, nên mới sinh ra như thế". Thế rồi y chém tất cả.

Trong lúc bối rối, người nhà của y vì lầm nên đốt luôn một lúc hết thảy những nén hương còn lại. Bỗng dưng mặt đất chuyển động. Ở dưới năm ngôi mộ có tiếng rầm rầm mỗi lúc một lớn. Rồi nắp mộ bật tung ra, bao nhiêu quân gia từ dưới đó nhảy lên. Nhưng vì còn non ngày nên sức còn yếu, đứng chưa vững, người nào người ấy đi lại bổ nghiêng bổ ngửa, cuối cùng đều chết sạch.

Lại nói chuyện Cao Biền chờ cho đến tận ngày hẹn mới cưỡi diều bay sang nước Nam. Nhưng lần này diều bị ngược gió nên sang không kịp. Khi diều hạ cánh xuống thì người con rể đã phá hỏng mất công việc của hắn. Hắn bực mình vô hạn. Sau khi căn vặn để hiểu rõ câu chuyện, hắn rút gươm chém chết cả học trò lẫn rể.

Từ đó Cao Biền sinh ra chán đời, chả thiết gì nữa. "Không được ăn thì đạp đổ", nghĩ thế, hắn bèn cưỡi diều đi khắp nước Nam để êm huyệt và phá tất cả những long mạch của nước này. Ngay chỗ hàm rồng nơi

trên, hắn dùng phép chém đứt cổ con rồng đó đi. Cũng vì vậy mà ngày nay người ta nói nước sông Trà-khúc đỏ như máu là bởi máu tự cổ con rồng chảy ra đến nay vẫn chưa dứt.

Đến Nghệ-an, Biền thấy trên một hòn núi mà ngày nay còn gọi là núi Đầu-rồng ở sát bờ biển có huyệt đế vương. Hắn bèn làm bùa bằng gang đóng vào đỉnh núi. Từ đó trở đi trên đỉnh núi ấy không một cây cối gì còn mọc được.

Ở Thanh-hóa, Cao Biền cũng thấy có huyệt đất quý. Nhưng hắn thấy con rồng đó què một chân, cho rằng nếu có phát đế vương thì không thể phát to được. Cho nên hắn cho diều đi thẳng không ém nữa. Cũng vì thế người ta nói mấy đời vua chúa trị vì ở nước Nam đều phát tích ở Thanh-hóa[1].

Khi diều bay qua làng Thiên-mỗ (bây giờ là làng Đại-mỗ, tỉnh Hà-đông) Biền thấy có cái giếng ở vệ sông mà bây giờ là Nhuệ-giang cũng có huyệt đế vương. Hắn bèn cho diều hạ xuống là là sát mặt đất, đoạn thuận tay ném luôn cây bút thần của mình xuống lòng giếng. Người ta nói cây bút ấy sau rồi hóa thành một khúc gỗ cắm chặt xuống đáy giếng. Không một ai dám động đến nó. Mãi về sau trong làng có một ông thám hoa có tính hiếu kỳ mới tâu vua xin hai con voi về kéo thử khúc gỗ đó lên. Họ tết một chiếc thừng lớn; một đầu buộc vào khúc gỗ còn một đầu buộc vào cổ voi. Nhưng khi voi cất bước thì tự nhiên ở những xóm làng bên cạnh, đất chuyển động ầm ầm, đồng thời nhà cửa phát hỏa tứ tung. Lần ấy ông thám đành bỏ dở công việc vì ông ta sợ con rồng bị đau giãy dụa làm hại đến dân sự. Điều đặc biệt là từ bấy đến nay nước giếng ấy không bao giờ cạn. Mỗi khi nước trong, người ta vẫn thấy có bóng khúc gỗ đen đen ở dưới đáy[2].

Để tâng công với hoàng đế, Cao Biền vẽ bản đồ từng kiểu đất một rồi viết thành sách ghi chú rất tỉnh tường đem dâng lên vua Đường. Đại ý nói tất cả những mạch đất quý nhất của nước Nam, hắn đều đã trấn áp xong. Duy có kiểu đất ở chỗ trung độ (tức bây giờ là Hà-nội) thì

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
2. Theo *Thực nghiệp dân báo.*

hắn đã sai đắp một cái thành gọi là thành Đại-la để chặn long mạch. Lễ trấn áp này Biền làm rất công phu và linh đình. Trên hòn núi ở xa xa về phía Bắc thành Đại-la, hắn cho dựng một cái đàn tràng. Trong thành Đại-la, hắn sai nung một lúc tám vạn cái tháp bằng đất nhỏ. Nung xong, Biền huy động tám vạn quân, mỗi tên quân vai vác giáo, mũi giáo xóc một cây tháp, đi từ Đại-la tiến dần lên núi. Vừa đi họ vừa hô mấy tiếng "Thống vận hoàng đế". Đến nơi đặt tháp xuống đỉnh núi rồi tám vạn quân ấy lại rùng rùng kéo về Đại-la. Cũng vì có những việc kỳ dị như thế nên núi ấy từ đó mang tên là núi Bát-vạn[1].

Hoàng đế Trung-quốc đọc sách của Cao Biền lại càng khen ngợi hắn. Nhưng việc làm của Biền bị dân chúng nước Nam oán ghét. Họ lập tâm chờ dịp giết hắn cho bõ hờn. Một hôm, Biền cưỡi diều bay vào miền cứ như bây giờ là Ninh-bình. Ở đây người ta đã chuẩn bị cung nỏ chờ khi diều của hắn bay qua là là mặt đất, là cả bao nhiêu người cùng nhất tề phóng tên. Diều bị gãy cánh rơi xuống núi. Biền bị trọng thương, sau đó phải đưa về Trung-quốc. Hòn núi ấy ngày nay còn mang tên là núi Cánh-diều, một trong ba ngọn núi ở gần trị sở Ninh-bình[2].

Cao Biền về nước được ít lâu bị thủ hạ giết chết. Người ta theo lời dặn của hắn, đem hài cốt chôn ở một cái gò cát ở mé biển miền Nam cứ như bây giờ thuộc tỉnh Phú-yên. Ở đó mặc dầu sóng dồi gió dập thế nào đi nữa, cát ở mả cũng vẫn không bay đi chỗ khác. Người đi thuyền qua đó vẫn gọi là mả Cao Biền.

Ngày nay chúng ta có câu "*Lấy bẩy như Cao Biền dậy non*" là ý nói nóng nẩy vội vàng sẽ thiếu chu đáo, và thế nào cũng thất bại.

KHẢO DỊ

Về đoạn rấm lúa dưới huyệt, có người kể khác:

Cao Biền sau khi tìm được đất quý bèn tự chôn mình trong huyệt, huyệt đất này gọi là "phượng hoàng ấp noãn" chỉ một trăm ngày là hồi sinh. Trước đó Biền đã giao cho một bà già ở gần đấy một trăm nén hương, dặn mỗi ngày

1. Theo tạp chí *Nam phong* (1925).
2. Theo lời kể của người Ninh-bình.

đốt một nén, đủ một trăm nén tức 100 ngày thì gọi hắn dậy. Nhưng vì hắn quên không nói với thần Đất nên thần Đất ở chỗ ấy giận, bèn khiến chuột đêm lại tha ba nén hương đi. Khi đốt đến nén thứ 97, bà già tưởng đã đủ 100 ngày, mới đào huyệt thức Biền dậy. Hắn dậy, vì chưa "quán khí" thành ra người cứ run lẩy bẩy không làm gì nên chuyện[1].

Truyện này trong từng phần của kết cấu có những mối liên quan với nhiều truyện của các dân tộc khác.

1. Trước hết, phần đầu kể sự tích ngòi bút thần của Cao Biền gần giống với truyện *Mã Lương với cây bút thần* của Trung-quốc: Một em bé thích nghề vẽ, được thần cho một ngòi bút có thể vẽ bất kỳ cái gì cũng hóa thành vật thật. Nhờ ngòi bút đó, em đã giúp đỡ nhiều người nghèo khổ: kẻ có trâu cày, người có nông cụ, v.v... Một tên địa chủ thấy thế, bắt em đến vẽ cho hắn, nhưng em không chịu. Hắn giam em lại, nhưng em vẽ thang trèo ra được, vẽ ngựa cưỡi đi trốn và vẽ cung tên bắn chết hắn. Tiếng đồn đến tai vua, vua bèn chiếm đoạt ngòi bút thần, nhưng ngòi bút vào tay nhà vua mất cả mầu nhiệm. Vua lại phải trả bút cho em rồi bắt em vẽ biển, vẽ cá, và vẽ thuyền cho vua đi chơi. Thuyền cần có gió mới ra khơi được. Mã Lương bèn vẽ gió và vẽ rất nhiều gió làm cho sóng to, thuyền đắm, vua bị chôn vào bụng cá[2].

Người Trung-quốc còn có truyện *Lộ Ban với cây bút thần:*

Lộ Ban quê ở một làng gần tỉnh Phúc-kiến, giỏi nghề mộc và nghề phù phép. Ông tạc ra các con giống như muông chim, v.v... rồi dùng bút thần điểm nhãn, tự nhiên mọi con vật đều hoạt động được. Một hôm, ông tạc một con chim phượng hoàng, điểm nhãn rồi cưỡi lên lưng. Phượng hoàng đưa Lộ Ban lên không trung rồi đổ xuống một tỉnh cách Phúc-kiến 12 dặm. Bố Lộ Ban đem việc của con khoe với mọi người. Cho rằng việc ấy sẽ mang đến tai họa, nên họ xông vào đánh đập bố Lộ Ban. Để báo thù, Lộ Ban tạc một hình nhân điểm nhãn cho bay lên trời, nhưng có một cánh tay chỉ xuống đất. Vì thế, suốt hai năm trời, riêng vùng đó không mưa. Biết là do phép của Lộ Ban làm, mọi người phải đến xin lỗi bố ông. Lộ Ban bèn cắt tay của hình nhân. Tự nhiên một trận mưa đổ xuống[3].

1. Theo tạp chí *Tư tưởng* số 6 và 7 (1972).
2. *Truyện dân gian Trung-quốc*, I, Nhà xuất bản Ngoại văn Bắc-kinh, 1958. Chúng tôi ngờ đây là một câu chuyện đã được tô điểm theo hướng hiện đại hóa.
3. Trong tạp chí *Nhân loại* (Anthropos), XII-XIII (1917-1918).

Có nhiều truyện khác không nói đến cây bút thần nhưng vẫn có chi tiết "điểm nhãn" hoặc phù phép để làm cho một pho tượng thành người thật:

Ở Quảng-ngãi có truyện *Tranh nhau pho tượng*. Một người thợ mộc tạc một pho tượng đàn bà bằng gỗ, rồi một người thợ bạc đúc vòng xuyến đeo vào tay cho tượng; tiếp đến một người thợ may may áo quần mặc vào mình tượng. Cuối cùng nhờ một thầy phù thủy "khai quang, điểm nhãn", tượng bỗng biến thành một cô gái xinh đẹp, hoạt động như người thật. Từ đấy cả bốn người giành nhau, ai cũng kể công lao và đòi lấy cô làm vợ. Hỏi cô gái, thì cô phân xử như sau: người thợ mộc là cha, người thợ may là mẹ, người phù thủy là thầy, còn người thợ bạc mới là chồng. Có người đã diễn thành lời ca toàn bộ thiên truyện này:

Ngó chừng con bóng quá trưa,

Thì ông thày pháp dâu vừa đến ngay.

Ông khai quang điểm nhãn cao tài,

Nhờ ơn trời phật nàng cười nói ra.

Khi đó anh nào cũng muốn nói chuyện nguyệt hoa...

Một truyện trong *Non thúc Pa-ca-ra-man* của người Thái-lan cũng khá tương tự:

Có một người kể cho một nàng công chúa nghe một câu chuyện cổ: Ngày xưa, có bốn người trẻ tuổi, một người là thợ mộc, ông ta chọn một khúc gỗ bào tròn tru. Người thứ hai là thợ vẽ, vẽ vào gỗ hình dạng một cô con gái đẹp. Người thứ ba là thợ chạm, theo nét vẽ mà chạm hình cô gái. Người thứ tư là thầy pháp, nhúng tượng gỗ vào một thứ nước thần làm cho pho tượng hoạt động chẳng khác gì người sống. Kể xong, người ấy hỏi công chúa xem ai xứng đáng là chồng cô gái. Công chúa đáp: chính là người thợ chạm[1]. (Loại truyện phân xử như hai truyện trên, xem thêm ở **Khảo dị**, truyện *Ba chàng thiện nghệ* số **107**, tập **III**).

Giống với truyện *Tranh nhau pho tượng*, thần thoại của người Ba-na (Bahnar) ở Tây nam Ma-đa-gat-xca (Madagascar) có truyện *Nguồn gốc loài người và người đàn bà đầu tiên:*

Lần đầu tiên Tạo vật sáng chế ra ba người: hai người đàn ông là I-ma-nao (chế tạo) và I-ma-na-phi (ăn mặc) và một người đàn bà là I-ma-na-ja-ri (trang trí) ở trên mặt đất, mỗi người ở một nơi cách xa nhau, không biết nhau. Một

1. Dẫn trong *Báo châu Á (Journal Asiatique)*, tập CCV (1924).

hôm I-ma-nao buồn tình tạc một tượng gỗ hình phụ nữ to bằng người thật. Tạc xong thấy đẹp, anh ngắm hàng ngày không chán mắt, ngày đêm trò chuyện với tượng không rời. Khi đi làm anh cũng đặt tượng ở bờ đường chỗ cao sáng để nhìn ngắm cho thỏa thích. Một hôm khác I-ma-na-phi đi dạo đồng, thấy bức tượng thì cảm về sắc đẹp, bèn đem về may mặc cho tượng bằng lụa màu rực rỡ, lại trang sức cho bằng đồ vàng. Chẳng bao lâu I-ma-na-ja-ri vì sống một mình buồn nên đi chơi cho khuây khỏa, lại bắt được bức tượng, mừng lắm, bèn đưa về cầu Tạo hóa cho nó hoạt động, sẽ coi như con. Tạo hóa chấp thuận, bảo đưa về cùng ngủ một đêm, truyền hơi vào là được. Quả nhiên sáng hôm sau, tượng hóa thành người thật, bà ta yêu mến không rời. Mất tượng, hai người đàn ông trước đi tìm, bắt gặp, bèn giành lại. Một cuộc tranh chấp nổ ra, cuối cùng phải nhờ thần phân xử. Thần phán: người tạc ra là cha, người cho nó cuộc sống là mẹ, còn người giúp cho ăn mặc trang sức là chồng. Sau đó I-ma-nao lấy I-ma-na-ja-ri làm vợ. Từ hai cặp này mà có loài người đông đúc. Từ đó mới có tục chồng phải nộp quần áo trang sức cho vợ, nếu trốn tránh phận sự này thì vợ có quyền bỏ[1].

Truyện Hy-lạp (Grèce) sưu tầm ở đảo Át-xti-po-lay-ia (Astypalée): một người thợ mộc, một người thợ may và một thầy tu nghỉ đêm trong một cái lều của người chăn cừu với điều kiện là phải lần lượt thức canh súc vật. Phiên đầu, người thợ mộc tạc một pho tượng đàn bà. Đến phiên người thợ may, anh may cho tượng một cái áo choàng, và cuối cùng đến phiên thầy tu, ông làm cho pho tượng hoạt động bằng cách đọc 40 bài kinh. Đến đây thì trời sáng, cả ba cùng tranh nhau[2].

Về loại mô-típ "điểm nhãn", người Ấn-độ cũng có một truyện chép trong sách *Ba mươi hai truyện về ngai vàng (Shinhâsanadvâtrinçikâ).* Nhân vật chính là Vi-cơ-ra-ma nhận của một ông sư ăn mày ba vật mầu nhiệm: một miếng phấn, một cái gậy và một miếng vải. Nếu dùng miếng phấn vẽ một đội quân, rồi cầm gậy tay phải, người ta sẽ làm cho đội quân hoạt động theo ý muốn, cầm tay trái thì đội quân ấy biến mất. Với miếng vải người ta có thể cầu được ước thấy, v.v...

2. Về tình tiết bỏ gói xương vào hàm rồng, chúng ta còn có truyền thuyết về Đinh Tiên Hoàng rất phổ biến:

Ngày xưa bố Đinh Tiên Hoàng là một con rái cá bị người làng bắt ăn thịt. Bà mẹ nhặt xương gác lên mái bếp. Sau đó một thầy địa lý qua đấy thấy có

1. Trong *Tạp chí dân tộc học và những truyền thống dân gian,* tập II (1921).
2. Theo Van Ghen-nep (Van Gennep). *Hình thành truyền thuyết.*

hàm rồng đang kỳ há miệng. Nhưng hàm rồng ở sâu dưới đáy nước, thầy lại không biết lặn, bèn nhờ một em bé (tức sau này là Đinh Tiên Hoàng) mang gói xương của bố y bỏ vào miệng rồng. Nhưng bé Đinh lại đánh tráo vào đó gói xương rái cá - bố của mình.

Về sau, khi biết được sự thật, thầy địa lý báo thù bằng cách bảo bé Đinh buộc thêm lưỡi gươm vào cổ con rồng, nói rằng ngôi đất ấy phát tướng, cần có gươm mới làm nên sự nghiệp. Nhưng không ngờ Đinh lại mắc mưu thầy địa lý: lưỡi gươm treo vào cổ, lâu ngày gươm cứa đứt mất cổ rồng; ngôi nhà Đinh sau này không được lâu dài là vì thế.

Nói chung cũng như nhiều truyền thuyết mang tính chất mê tín khác, truyền thuyết này chỉ là mượn lịch sử để tô vẽ cho nghề phong thủy.

3. Về chỗ rấm lúa thành binh, dân tộc Kar (Quảng-ngãi) cũng có truyện *Tu-cờ-rơm*:

Tu-cờ-rơm là một thủ lĩnh nhiều lần chống nhau với quan và lính. Có lần ông bị bắt nhưng đêm đến lại cởi trói trốn về. Nhờ được thần sai rùa vàng dưới hồ hiện lên trao cho gươm, rồi lại đến bày cho phép rấm đậu xanh (không phải lúa) trong một hầm đá đóng kín, chờ đủ một tháng mở ra thì đậu biến thành binh. Lại phải chuẩn bị nồi cối giã gạo để cho binh lính làm cái ăn. Tu-cờ-rơm làm theo. Vừa khi ông phải đi đánh kẻ thù, dặn vợ nếu ở nhà có sự gì lạ cũng cứ để yên. Không ngờ vợ ông ở nhà thấy có tiếng lao xao dưới hầm tưởng có kẻ đã lẻn đến phá công việc của chồng, bèn đến nạy cửa hầm ra xem thì ra những hạt đậu đã biến thành người nhưng còn thiếu nhiều bộ phận: kẻ thiếu tay, người thiếu mắt, v.v...

Thấy cửa mở họ liền ùa ra ngoài hò reo nhưng vì còn non yếu nên chết yểu tất cả. Tu-cờ-rơm trở về thấy cơ sự như thế chỉ còn chép miệng thở dài. Nhưng sau đó thần nhân lại hiện xuống hà hơi cho sống lại tất cả và đánh được kẻ địch.

Ngày nay ở làng Ngang (xã Trà-sơn), huyện Trà-bồng (Quảng-ngãi) còn có một hồ nước trong suốt đáy. Bên cạnh có hang đá gọi là hầm rấm binh, ở trong còn có nhiều hòn đá giống nồi niêu, cối chày, v.v... tương truyền là nơi Tu-cờ-rơm rấm binh[1].

4. Xem Khảo dị truyện *Khổng Lồ đúc chuông* (số **67**) cũng có câu chuyện con gái Cao Biền cưỡi diều sang Nam, và Khảo dị truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* (số **123**, tập **III**, truyện *Người học trò với ba con quỷ* (số **131**, tập **III**) đều có truyện rấm binh.

1. Theo *Vỏ quýt chưa dày*.

40. BỤNG LÀM DẠ CHỊU HAY LÀ TRUYỆN THẦY HÍT

Ngày xưa, có một anh chàng vô công rồi nghề, ngày ngày chỉ biết ăn bám vợ và khoác lác. Người vợ rất lấy làm bực mình vì phải nai lưng ra làm nuôi chồng và ba đứa con. Một hôm, chị vợ bắt anh ta phải đi học một nghề gì để nuôi thân vì mình không cáng đáng nổi nữa. Anh chàng đi lang thang suốt buổi, hết đứng bụi này lại ngồi bụi kia chả học nghề ngỗng gì cả, cho đến xế trưa lại về.

Trước khi vào nhà, hắn đứng nấp sau vách có ý nghe ngóng xem vợ có nói xấu gì mình chăng. Vừa khi người vợ đi chợ về mua được năm tấm bánh gói, chia cho ba đứa con mỗi đứa một cái. Còn lại hai cái, mẹ bảo con đưa vào buồng cất vào trong vại gạo cho cha. Nghe thấy thế, anh ta rất thích, chờ một lúc lâu mới giả bộ đi từ phía cổng bước vào nhà. Vợ hỏi:

- Đã tìm được nghề gì chưa?

- Đã, hắn đáp.

- Nghề gì mà học nhanh thế?

- Tao đi dọc đường gặp một ông thầy hít. Ông ấy dạy cho tao bói bằng cách hít. Bây giờ có cái gì cất giấu ở đâu, tao chỉ dùng lỗ mũi hít hít mấy cái là tìm ra ngay. Nào, có cái gì cần tìm để tao làm thử cho mà xem?

Vợ tiếp lời ngay:

- Vậy thì tôi có mua cho hai cái bánh còn cất đi một nơi, cứ hít cho ra mà ăn, như không tìm được thì nhịn vậy!

Thế là anh chàng ngước mũi lên giả bộ hít mấy cái, rồi nói:

- Đúng rồi, nó ở trong vại gạo.

Rồi hắn chạy vào lấy bánh ra ăn trước con mắt kính phục của vợ con.

Người vợ tưởng thật, mừng quá, vội chạy đi loan báo với xóm giềng rằng chồng mình học được nghề thầy hít, thử đoán một việc thấy hay như thần. Từ nay ai có mất cái gì cứ đến nhờ anh ấy tìm hộ.

Hôm ấy, trong xóm có một bà mất một ổ lợn con, kiếm khắp mọi nơi không thấy. Nghe nói thế, bà ta vội chạy đến khẩn khoản nhờ tìm. Thật là may cho anh chàng, vì lúc đứng nghỉ ở một bụi tre dọc đường, hắn đã trông thấy bầy lợn con chạy lạc vào đó. Hắn ta mừng quá, bảo bà già: - "Nếu kiếm được thì bà sẽ cho tôi những gì?". Bà ta hứa cho hai con lợn con. Anh ta cũng giả vờ hít mấy cái rồi dắt bà đến ngay chỗ có lợn. Bầy lợn được tìm ra ngay và sau đó anh được chia hai con như lời chủ nhân đã hứa. Vợ thấy chồng chỉ học một nghề giản dị mà làm ra của dễ dàng thì sung sướng quá, vội chạy về khoe với cha mẹ đẻ. Người cha nghe nói con rể học được phép lạ cũng có ý hâm mộ. Ông ta nói riêng với vợ : - "Bà cứ bảo gọi rể sang đây. Nếu nó chỉ đúng món tiền chôn ở gốc táo sau vườn thì cho nó một nửa". Ông ta không ngờ chàng rể của ông đã lén theo vợ sang từ lúc nãy và đứng nấp ở một góc nhà. Nghe cha vợ bảo thế, anh ta lén chạy một mạch về nhà rồi giả cách nằm ngủ. Khi vợ và mẹ vợ về, phải thức mãi hắn mới chịu dậy. Thế là anh chàng theo sang nhà ông nhạc, chỉ đúng chỗ chôn của, và được thưởng một nửa số tiền chôn.

Từ đó tiếng đồn về thầy hít lan đi rất nhanh. Cũng vào thời gian ấy trong hoàng cung bỗng xảy ra một vụ trộm lớn. Nhà vua mất trộm một con rùa vàng và một con rùa bạc là hai món bảo vật của vua Trung-quốc tặng. Trong cung rối rít cả lên. Chả có cách gì tìm ra thủ phạm cả. Vừa nghe tiếng đồn có thầy hít đại tài, vua vội sai quân lính đi mời về cho bằng được.

Khi thấy sứ giả đến nhà triệu mình, anh chàng vô cùng hoảng hốt. Chót đánh lừa mọi người, anh ta không còn biết than thở với ai cả. Nằm trong cáng dọc đường về kinh đô, anh ta nghĩ bụng: - "Thôi phen này thì bay đầu đến nơi rồi!". Anh chàng buồn quá, tưởng tượng những nhục hình đang chờ mình ở cung vua mà rụng rời chân tay. Vì thế khi qua

sông, anh ta nhảy đại xuống nước, nghĩ rằng thà chết ở đây còn hơn bị kìm kẹp khổ thân. Hai người lính khiêng cáng sợ rằng hắn chết thì tai vạ sẽ đổ lên đầu mình, bèn chia nhau lặn xuống nước tìm và cuối cùng cũng lôi được anh chàng lên bờ. Khi tỉnh lại, hắn ta rất thất vọng, nhưng cũng làm bộ giận, mắng hai người đó:

- Tao xuống để hỏi vua Thủy tề xem ai là thủ phạm chứ có can gì mà chúng mày hốt hoảng lên như thế.

Nhưng trong bụng anh ta nghĩ: -"Thế là muốn thoát cũng không thoát nổi. Biết tính làm sao bây giờ?". Anh chàng lại nằm lên cáng cho hai người kia khiêng đi, miệng lẩm bẩm mấy tiếng:

- Bụng làm dạ chịu, chớ khá than van!

Không ngờ hai người khiêng cáng mà vua sai đi: một người tên là Bụng và một tên là Dạ. Hai đứa đã đồng mưu ăn trộm hai con rùa của vua. Tang vật hiện còn giấu trên máng nhà, chưa đưa đi thoát được. Nay nghe thầy hít lẩm bẩm như thế, tưởng là thầy đã hỏi vua Thủy tề biết rõ cơ sự rồi, bọn họ bèn hạ cáng xuống và lạy thầy như tế sao. Cả hai thú tội cho thầy nghe rồi cuối cùng xin thầy làm ơn giấu giùm, nếu không sẽ khó mà thoát án tử hình.

Nghe đoạn, thầy như mở cờ trong bụng, vội hứa để bọn họ an tâm. Khi gặp vua, anh chàng lại giở giới phép hít của mình và quả nhiên tìm được hai bảo vật còn giấu ở trên ống máng. Nhà vua thán phục tài năng của anh, tặng thưởng rất hậu, lại ban cho tước lớn.

Anh ta về nhà chưa được bao lâu thì bỗng một hôm được sứ Trung-quốc tìm đến tận nhà ngỏ lời mời mọc khẩn khoản. Số là trong cung cấm của hoàng đế Trung-quốc vừa xảy ra một mẻ trộm rất lớn. Nhiều món bảo vật quý giá nhất trần đời đều bị bọn người táo gan lấy mất. Nhiều thầy bói được vời đến cung nhưng chả nên tích sự gì cả. Nay nghe tiếng có thầy hít Việt-nam đại tài nên phái sứ giả sang mời tìm hộ. Nếu tìm được bảo vật, hoàng đế sẽ ban tứ rất hậu.

Anh chàng lần này lại lo sốt vó, có thể nói hơn cả mấy lần trước. Vừa qua một khúc sông, anh ta đã nhảy ngay xuống nước định tự vẫn như lần trước. Không ngờ người ta lại cứu được lên. Nhưng lần này

không hiểu anh ta nhảy thế nào mà khi lên bị sứt mất một bên mũi. Hồi tỉnh lại, anh chàng chỉ cái mũi sứt nói với sứ giả Trung-quốc rằng: - "Tôi nhờ có cái mũi này mới làm ăn được. Nay con cá nóc đã cướp mất sự mầu nhiệm của tôi rồi, còn gì mà sang nữa". Sứ giả không biết nói thế nào, đành phải để cho anh ta trở lại nhà[1].

KHẢO DỊ

Nhiều người chỉ kể có một phần của truyện trên: hoặc kể phần đầu nhưng không nói đến việc hít, mà chỉ nói đến một nhành tre do anh chàng cầm về, nói là có phép tìm ra vật giấu kín, hoặc kể phần cuối nhưng thay cho "Bụng làm Dạ chịu" là "Quýt làm Cam chịu", v.v... Truyện của ta tương tự với khá nhiều truyện của các dân tộc trong nước và trên thế giới.

Trước hết là truyện của dân tộc Vân-kiều *Thầy mo ngửi*, cũng có một nhân vật vì trót giả điên lừa vợ và cả làng rằng mình có phép dùng mũi hít có thể tìm ra vật bị mất. Cũng gần như truyện của ta, đầu tiên anh tìm cho vợ một dụng cụ làm cỏ mà anh cố ý giấu đi một nơi. Sau đó, anh tìm ra chum bạc của bố vợ chôn ở gốc mít (do anh đến nhà nấp kín một chỗ nghe được). Nhưng khác với truyện của ta, anh lần lượt giải đáp đúng hai cuộc đố với hai bọn lái buôn bằng cách trước khi vào cuộc, cải trang tới làm quen với họ, để tìm ra điều bí mật. Cuộc đố thứ nhất là bắt hai con mèo buộc vào cổ hai con voi, xem con nào đực con nào cái. Cuộc thứ hai đem một khúc gỗ chỉ dàng nào gốc dàng nào ngọn, v.v... Anh đều thắng lợi và chiếm được của cải hàng hóa bộn bề. Nhà vua cũng nghe tiếng anh, triệu về không phải để tìm bảo vật bị mất mà để bắt anh trị một con hổ dữ. Anh đi cùng với một toán lính, nhưng vừa thấy hổ thì đã chết ngất. Bọn lính đuổi hổ đi, ném anh vào giữa một bụi tre rồi bỏ về. Tỉnh dậy anh thấy hổ gầm ghè xung quanh bụi tre. Chờ khi hổ ngồi thò đuôi vào bụi, anh lẳng lặng chẻ lạt, dùng lạt buộc đuôi hổ vào gốc tre. Hổ lồng lộn vẫn không rút được đuôi, lại bị anh thò dao cắt mất đái, lăn ra chết. Thế là anh trở về tâu vua đã giết được hổ và cải chính cái tin chết ngất do bọn lính tung ra; anh nói lúc đó mình nằm xuống làm phép, v.v... Lần thứ hai vua bắt anh cầu đảo gọi mưa, làm được vua sẽ nhường ngôi cho, nếu không thì chém đầu. Anh trở về hoảng quá, đái cả ra khố. Không ngờ nước đái rơi vào đầu một con cóc. Cóc sợ anh xối nước mặn vào hang của nó, xin

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và Trương Vĩnh Ký: *Chuyện đời xưa.*

tha, và báo cho anh biết ngày nọ tháng nọ sẽ mưa lụt. Anh về bày đàn làm bộ cầu cúng, quả nhiên có mưa to. Vua giữ lời hứa nhường ngôi[1].

Thứ hai là truyện của đồng bào Tày:

Khọn, một anh chàng chỉ có một con trâu, một hôm không biết chăn thế nào để trộm lấy mất. Anh bèn chặt một ống cọn[2] rồi về bảo với vợ rằng mình đã đổi trâu lấy cái ống này có phép tìm ra vàng bạc. Vợ về mách bố, bố sợ rể có phép lấy mất vàng bạc của mình, bèn mang chôn giấu ban đêm. Không ngờ chàng rể đã ngồi rình trên ngọn cây, thấy hết. Nhân bố vợ thách tìm của, Khọn bèn làm bộ nhờ cái ống mà phát hiện ra những của cải đó, và được bố vợ chia cho một nửa.

Sau đó vua mất cái ấn vàng, đòi Khọn - bấy giờ đã nổi tiếng - đến tìm. Cũng như truyện của ta, ngồi trên kiệu về cung, Khọn than thở: - "Thằng đầu chết, thằng bụng cũng hết sống". Không ngờ ăn trộm ấn vàng lại là hai người khiêng kiệu; thấy anh nói thế tưởng anh đã biết, vội lạy anh để anh giấu đi cho. Do đó mà Khọn tìm ra ấn và được vua thưởng hậu.

Nhưng rồi về sau Khọn thấy phải tống khứ cái ống nguy hiểm có thể làm anh mất đầu. Một hôm anh làm một mâm cỗ linh đình đặt sẵn trong hang kín. Rồi anh nói với một bọn lái trâu về sự mầu nhiệm của cái ống có thể làm ra cơm rượu. Bọn lái trâu thấy anh gõ vào ống và thấy có cơm rượu thật, bèn gạ đổi đàn trâu. Dĩ nhiên là Khọn ưng thuận[3].

Đồng bào Tày còn có truyện một người dốt đặc cán mai nhờ may mà đỗ Trạng. Tất cả những hành động của Trạng đều là nhờ vợ vô tình làm cho, mà kết quả, tiếng khen lại dồn vào Trạng.

Sau đó một hôm, Trạng được làng cử đi đánh chiêng làm lễ cầu mát. Trạng cột một sợi dây vào chân nhờ vợ giật để ra hiệu đánh cho đúng lễ nghi: không ngờ người ta đi lại vấp dây lia lịa. Tưởng vợ nhắc, Trạng cũng vội đánh chiêng lia lịa. Dân đang ngơ ngác vì thấy Trạng đánh loạn xạ thì bỗng thấy sau xóm có đám cháy, nên cho là Trạng tiên tri: đánh chiêng cho dân đi chữa cháy. Phần sau cũng như truyện trên, nghe nói Trạng tiên tri, vua bèn cho gọi về triều để tìm cái ấn vàng. Trạng lo quá bảo vợ: - "Thôi đêm nay ta quyết tử cho rồi!". Không ngờ con "quỷ cốt tử" là kẻ ăn trộm ấn vàng nghe vậy, tưởng

1. Theo Mai Văn Tấn. *Truyện cổ Vân-kiều.*

2. *Ống cọn:* ống của bánh xe tưới nước, bánh xe này nhờ sức đẩy của dòng nước mà tự động quay.

3. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II.

Trạng biết sự thực, bèn tìm tới xin Trạng tha đừng tâu vua. Trạng chỉ mong có thế[1].

Truyện Miến-điện (Myanmar) *Chàng lừa phỉnh và chàng nói khoác:*

Có hai chàng túng đói tìm cách làm ăn. Một người đánh cắp một con trâu giấu đi, rồi tìm đến chủ có trâu nói có ông thầy bói giỏi. Chàng lừa phỉnh làm bộ bói, chỉ đúng được thưởng 10 đồng. Lúc ấy thôn trưởng mất một hộp thuốc lá bằng vàng, nghe tiếng, gọi đến, bắt bói và dọa nếu chạy trốn sẽ ra lệnh cả làng đuổi bắt. Đành phải ở lại than với nhau: - "Chỉ nên trách thời vận thôi". Không ngờ kẻ trộm vốn tên là Thời Vận, nghe thế tưởng thầy đã biết, sụp lạy xin tha. Thế là hai người chỉ cho thôn trưởng chỗ giấu hộp. Nhà vua nghe tin bói giỏi, gọi họ về triều vì có một bọn lái buôn chở tới bảy thuyền châu báu đánh cuộc với vua, nếu đoán được trong một cái hộp có gì họ sẽ mất tất cả thuyền hàng, trái lại thì vua mất vương quốc. Hai chàng lần này lo sốt vó, tính nhảy xuống nước chết cho rồi, nhưng họ lại biết bơi, đành bảo nhau cứ bơi ra khơi cho đến khi không bơi được nữa là chết. Không ngờ khi bơi qua bảy chiếc thuyền, bỗng nghe đứa con đầu bếp của bọn lái buôn đang hỏi bố nó trong hộp có gì. Bố nó đáp: - "Trong hộp sắt là hộp đồng, trong hộp đồng là hộp bạc, trong hộp bạc là hộp vàng, trong nữa là một lạng chất thơm thượng hạng". Nghe thế hai chàng lại bơi trở vào, nói cho vua hay và vua thắng cuộc.

Sau đó một hôm trong khi chàng nói khoác vào cung, thì chàng lừa phỉnh ở nhà đốt quách nhà và làm bộ bị bỏng. Lành rồi, hắn vào tâu vua là sách bói đã cháy mất không thể làm ăn được nữa. Vua bèn cho họ làm quan[2].

Một truyện của Ấn-độ cũng rất gần với truyện của ta, chỉ có khác là không nói tới việc hít, và ở đoạn cuối tình tiết có hơi khác. Chẳng hạn, khi vợ sang khoe tài chồng mình ở nhà bố mẹ đẻ, anh chàng tự xưng đoán giỏi cũng chạy sang trốn ở một xó, nhìm trộm người ta ăn uống. Đêm đến hắn làm bộ mới ở nhà mình sang, nói với mẹ vợ: - "Tôi có thể biết những người khác ăn gì". Mẹ vợ bảo hắn: - "Thế thì ngày hôm nay mấy đứa con tôi ăn những gì nào?". Hắn kể ra vanh vách. Mẹ vợ rất thán phục. Tin hắn giỏi đoán truyền đến vua . Vua cho gọi đến. Trong tay cầm một con dế, vua bảo hắn: - "Nghe nói mày giỏi đoán, vậy phải nói cho ra trong tay tao cầm gì?". Hắn sợ quá buột miệng kêu lên: - "Pi-la-găng-ti ơi! Giờ chết của mày đã điểm rồi!". Pi-la-găng-ti là tên của hắn mà cũng là tiếng Ấn chỉ con dế. Vua tưởng hắn có tài, trọng đãi và cho về. Ít lâu sau, vua mất một chuỗi ngọc, cho gọi hắn vào cung bắt nội trong 15

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*.
2. Theo *Truyện dân gian Miến-điện* (Minh Trí, Văn Minh, Hoàng Hải dịch).

ngày phải tìm cho ra, nếu không sẽ treo cổ. Hắn bỏ cả ăn uống, chỉ mếu máo kêu tên mẹ và bà: "Ối Xu-ni-da, ối Mu-ni-da ôi, biết làm sao đây!" - Chính hai người hầu của vua có tên như thế đã ăn trộm chuỗi ngọc. Chúng nó nghe thầy hô danh mình thì sợ quá, bèn thú thật với thầy và chỉ chỗ giấu ngọc.

Thế là hắn thành công và được vua ban rất hậu.

Một truyện Ấn-độ khác từng chép trong sách *Biển truyện (Kathâ Sarit-Sâgara)* từ thế kỷ thứ XII:

Một người bà-la-môn nghèo tên là Ha-ri-xác-măng. Vì không nuôi nổi một đàn con, phải đi ở với một người giàu. Người này làm lễ cưới cho con gái mà không mời anh ta. Anh chàng giận lắm, dặn vợ: - "Có dịp cứ mách với họ là ta bói giỏi". Bèn vào chuồng ngựa nhà chủ dắt một con giấu vào rừng. Nhà chủ mất ngựa, tìm mãi không thấy. Người vợ bèn mách rằng chồng mình bói giỏi. Thấy họ khẩn khoản, anh chàng giả vờ làm như kiểu thầy bói thực thụ, và cuối cùng dĩ nhiên tìm ra được ngựa. Từ đó mọi người phục chàng như thần. Tiếng đồn lan ra khắp nơi. Một hôm trong cung vua có vụ trộm lớn mất nhiều vàng ngọc và của quý. Vua gọi anh ta đến và bắt tìm cho ra. Hắn xin khất đến mai. Của cải của vua vốn bị một tên thị tỳ trong cung tên Đô-ri-hô-va (cái lưỡi) lấy trộm. Người thị tỳ ấy đến nghe ngóng ở buồng chàng. Giữa lúc đó Ha-ri-xác-măng đang chửi cái lưỡi của mình đã làm mình khốn khổ. Thị tì tưởng thầy đã biết, liền mở cửa chạy vào thú tội và xin thầy thương cho. Sáng mai anh chàng chỉ cho vua những của đã mất. Vua toan thưởng thì một viên quan cố vấn không chịu tin, bắt thử lại. Người ta mang đến một cái chậu úp, trong có một con cóc, bắt đoán. Anh chàng tưởng nguy đến nơi. Hắn nhớ hồi nhỏ cha mình thường gọi mình bằng cóc nên kêu lên: - "Cóc ơi! Ít ra trước kia mày cũng tự do hơn bây giờ". Vua nghe nói ngỡ hắn đoán đúng, khen ngợi và thưởng rất hậu.

Người Ai-cập cũng có truyện một anh lái buôn vỡ nợ, do vợ xúi giục đi ra nước ngoài làm nghề bói bất đắc dĩ. Được vua gọi vào cung thử tài, hắn lo sợ đến mất mật. Nhưng hắn vô tình đoán trúng chỗ giấu con châu chấu và con chim sẻ bằng cách gọi tên mình và tên vợ ra để than thở. Một lần khác, để tìm một vụ trộm lớn trong cung, hắn giao cho vợ một túi sỏi và vợ hắn tình cờ ném trúng mấy lần vào đầu những tên trộm đứng rình nghe ngóng. Thế là bọn trộm tưởng thầy đã biết, vội tặng hắn tiền để hắn đừng làm cho chúng phải treo cổ.

Phần cuối còn có tình tiết: một hôm các vua láng giềng gọi bọn thầy bói của mình đến để thi tài với hắn. Các vua cho bí mật chôn dưới đất: một nồi sữa, một nồi mật và một nồi đậu. Các thầy bói kia chịu không đoán ra. Đến

lượt hắn, hắn ngoảnh bảo vợ: - "Tất cả đều tại mình, thôi chúng ta có thể khuân đồ đạc đi khỏi nước này, lần thứ nhất là sữa, lần thứ hai là mật, lần thứ ba là đậu". Đó là hắn kể những thức ăn mà vợ hắn mới mua. Các vua tắc lưỡi và thưởng hắn rất hậu.

Ở phương Tây cũng có nhiều truyện cổ tích gần giống với truyện của chúng ta. Dưới đây là truyện *Ông thầy pháp*, của người Pháp, mà người Bồ-đào-nha (Portugal), người Anh, người Ý (Italia), Tây-ban-nha (Espana) cũng kể tương tự:

Một chàng trẻ tuổi một hôm bỗng tự xưng là thầy pháp, có khả năng tìm thấy những vật bí mật. Một bà chúa mất một chiếc nhẫn quý, gọi hắn đến bắt tìm cho ra thủ phạm. Ông chúa hỏi: - "Mày đòi công bao nhiêu?" - "Ba bữa ăn", hắn đáp - "Được".

Người đầu bếp mang đến cho hắn bữa ăn đầu tiên. Hắn nói : - "Đó là một". Thì chính tên đầu bếp ấy lại là một trong những tên trộm chiếc nhẫn của chủ. Nó trở về nói lại với đồng lõa. Lần sau người thứ hai lại mang thức ăn đến. Hắn lại nói: - "Đó: đã hai rồi". Lần thứ ba cũng thế. Cả ba tên trộm sợ quá, vì tưởng hắn đã biết, bèn đến gặp hắn thú thật, và hẹn nếu không mách chủ, chúng sẽ tặng một nửa của cải. Hắn bày một mẹo là bắt một con gà cho nó nuốt chiếc nhẫn vào bụng.

Tuy được nhẫn quý, ông chúa vẫn không tin, lại sai bắt một con dế để lên dĩa, trên úp một cái chuông con, rồi bảo hắn: - "Trong ấy có gì nói ngay, nếu không hai khẩu súng lục đây tao sẽ bắn mày vỡ óc!". Hắn không còn biết làm thế nào đành than một mình: - "Thân ta như con dế bị bắt". Đó là hắn nói theo một câu tục ngữ "tình trạng bối rối như con dế bị bắt" nhưng cũng làm cho ông chúa tưởng là thầy đoán giỏi.

Truyện của người Na-uy (Norvège) đại khái cũng như truyện của người Pháp:

Một người đốt than một hôm mua được cái áo cũ của một ông thầy cả. Anh ta mặc vào người và tự cho mình là tiên tri. Vua mất cái nhẫn quý. Anh ta gõ cửa nhà vua, nói mình có thể tìm được. Vua hẹn cho ba ngày phải tìm cho ra, nếu không sẽ đuổi. Chiều hôm đầu tiên một người hầu - chính là một trong những tên trộm - mang thức ăn đến. Khi ăn xong, nó bưng mâm đi, anh ta nói: - "Đó là một đã đi rồi" (tức là một ngày đã qua). Việc cũng diễn ra như thế đối với hai người hầu sau đều là đồng lõa ăn trộm chiếc nhẫn. Họ cho là thầy đã biết hết và tìm đến thú thực với thầy. Anh ta bảo kiếm một con lợn to cho nó nuốt chiếc nhẫn.

Sau đó, vua lấy một cái bình bạc có nắp đi ra bờ biển, một lúc sau vào gọi anh ta đến đoán cái gì trong bình. Anh ta than một mình: - "Ôi cua tội nghiệp! Xảy ra cho mày bao nhiêu là thử thách". Đúng là con cua mà nhà vua đã bỏ vào bình để đố.

Một loạt truyện sau đây tuy hình tượng đã đổi khác nhưng câu nói dẫn đến sự hiểu lầm vẫn giữ nguyên, cũng đều là dị bản của các truyện trên.

Truyện của người Đức:

Một người đàn bà có thói quen ngáp ba lần trước khi đi ngủ. Một hôm có ba tên trộm toan vào nhà khoắng của. Khi một đứa trèo thang nhìn vào cửa sổ thì vừa đúng lúc người đàn bà ngáp. Mụ nói to: - "Đó là một". Tên kia cho là bị lộ chạy ra nói với đồng bọn. Tên thứ hai thấy yên yên lại trèo lên, vừa vặn lúc mụ ngáp cái thứ hai: - "Đó là hai!". Lúc sau, tên trộm thứ ba sắp trèo thì cái ngáp thứ ba cũng đến với mụ ta cùng câu nói: - "Đó là ba!". Ba tên chạy mất mật.

Truyện của người Pháp:

Một người mẹ có đứa con ăn không ngồi rồi. Một hôm mẹ bảo con: - "Khi người ta muốn có một ngày tốt thì phải dậy sớm". Đứa con nghe lời, dậy rất sớm đi ra khỏi thành phố, đứng ở cửa thành. Có ba anh dêm qua dào được một kho của bí mật đem về. Người thứ nhất gặp anh chào: - "Bông jua" (tiếng chào này cũng có nghĩa là ngày tốt). Anh chàng nói: -"Đó là một"[1]. Người kia tưởng việc bí mật của mình đã bị lộ. Sau câu chuyện cũng lần lượt diễn ra như thế đối với người thứ hai, thứ ba. Tưởng là anh chàng đã biết cả, ba người bèn chia cho anh một phần tư kho của.

Những truyện sau đây có thể xếp vào một nhóm, vì cùng chung một loại hình tượng làm trung tâm cho câu chuyện:

Truyện từ sách *Chú giải về Phật pháp (Dhammapadattha Kathâ)*:

Một người Ba-la-môn đi từ Bê-na-rếx đến xứ Tắc-ca Si-la để học khoa học, hy vọng trở thành bậc thánh. Thầy giáo hắn có 500 đồ đệ mà trung thành tận tụy nhất là anh này vì hắn hầu hạ thầy bao nhiêu năm không tiếc sức. Nhưng hắn lại quá khờ khạo, nhét mấy cũng không vào. Thầy bụng bảo dạ: -"Phải giúp cho nó một cái gì để trả ơn. Khi một đứa dốt đã học được cái gì nhập tâm là nó không quên". Bèn dạy cho câu chú bắt phải nói đi nói lại hàng ngày: - "Mày xát, mày xát, tại sao lại xát? Ta biết hết ý định cả rồi!". Học xong anh trở về quê hương.

1. Ý nói: đó là một ngày tốt.

Hồi ấy vua Bê-na-rex thường cải trang đi khắp thành phố để nghe ngóng ý dân, một đêm vua dừng lại trước nhà anh chàng đúng lúc bọn trộm đào ngạch rồi chui vào nhà. Chàng trẻ tuổi đang ngủ chợt tỉnh giấc, miệng quen thói nói ngay câu trên. Bọn trộm hoảng hồn, linh mất.

Vua điều tra biết anh chàng học khoa học từ Tắc-ca Si-la về, nên ngày mai cho gọi anh đến bảo dạy cho mình cái môn học được. Học xong, vua thưởng cho một ngàn đồng vàng. Từ đó vua luôn mồn học câu nói kia. Ít lâu sau một quan đầu triều âm mưu giết vua, hắn đồng mưu với người phó cạo sẽ cắt cổ vua khi cạo gáy, và hứa sẽ cho y làm quan đầu triều nếu mình làm vua. Sắp cạo, vua đọc "câu chú" trên. Người phó cạo toát mồ hôi trán, vứt dao, sụp lạy. Vua bảo: - "Có gì cứ nói đừng sợ". Hắn kể lại mọi việc. Vua nghĩ bụng: "Nhờ thầy ta, ta mới sống được". Bèn bắt quan đầu triều đi đày rồi cho anh chàng thế chân[1].

Một truyện ở Bắc Âu:

Một chàng vô công rồi nghề, em của một nhà thông thái nghèo khổ, một hôm đến nhà vua xin việc làm. Vua hỏi: - "Anh biết gì?". Đáp: - "Biết làm thơ và chơi quạt". Vua nhận lời. Một hôm để có bài thơ dâng vua, anh ta đến ngồi dưới một gốc cây tìm tứ. Đang ngồi bỗng có một đàn lợn đến cọ vào người. Anh bật ra một câu: - "Chúng mày cọ đi cọ lại, ta biết âm mưu của chúng mày rồi". Cho là câu hay, anh về đọc. Vua nghe đúng vào lúc phó cạo hoàng cung đang liếc dao để cạo cho vua. Phó cạo bỗng tái mặt, sụp xuống chân vua, thú rằng lưỡi dao đã tẩm thuốc độc do một quan coi kho xúi hắn. Thế là quan coi kho bị xử tử, chàng vô công rồi nghề được thế vào. Lần khác để tỏ ra biết chơi quạt, anh ta vô tình cứu được vua lần nữa về trò chơi của mình. Được cất nhắc làm đại thần, anh ta gọi ông anh của mình đến nhà để giúp đỡ và nói: -"Lúc này định mệnh đang cai quản thế giới, thông minh và cố gắng của anh chả được tích sự gì".

Truyện Xây-lan (Sri Lanka):

Trong số đại thần của một ông vua, có một ông tính giản dị, không biết chữ, nhưng được vua yêu còn bọn kia thì ganh tỵ. Một hôm, chúng gợi ý cho vua là bắt mọi người làm thơ chúc tụng. Đại thần ta bối rối, nhưng cũng đến ngồi trên một hòn đá ngoài đồng để suy tứ. Bỗng có một con trâu đến cà cổ và mài sừng ở hòn đá ấy. Tự nhiên một câu vụt đến: - "Ta há lại không biết mày đang mài lưỡi dao đó sao?". Hắn đọc cho vua nghe, vua thích thú và cứ

1. Trong *Tạp chí Đông-dương* số 1-2 (1974).

ngâm đi ngâm lại nhiều lần. Ở đây cũng có phó cạo cùng đồng lõa âm mưu cắt cổ vua và cũng sụp lạy thú tội khi nghe vua ngâm câu ấy.

Một truyện của Hy-lạp (Grèce) và một truyện của Ả-rập (Arabie) cũng gần như thế. Một ông vua mua của một lái buôn ba câu cách ngôn khôn ngoan: câu đầu là: - "Dà, mày làm gì cũng phải thận trọng và nghĩ đến hậu quả". Vua sai viết câu ấy lên khắp nơi, ngay cả áo quần. Phó cạo đang có âm mưu cắt cổ vua (ở truyện Ả-rập thì là thầy mổ xẻ âm mưu chích huyết bằng mũi kim có thuốc độc) thấy câu trên ở khăn quấn cổ của vua (ở truyện Ả-rập thì thấy khắc trên bể nước) bèn sụp xuống thú tội[1].

Truyện của người Ca-ma-ôn ở chân núi Hy-mã-lạp (Himalaya):

Một người Bà-la-môn sống bằng nghề hành khất. Một hôm, người vợ nghe tin có một ông vua tốt bụng, ai đến xin cũng cho một đồng vàng và một con bò cái. Vợ giục chồng đi. Chồng bảo: - "Biết nói gì với vua đây?" - "Cứ nói những gì mình thấy dọc đường", vợ đáp. Lần đầu, anh ta thấy từ trong một cái lỗ, một con mối kêu "Cúc... Cúc", liền lặp đi lặp lại ngay cho nhớ. Đi một lát thấy một con rắn ăn sâu, anh đứng lại nhìn và nhắc đi nhắc lại: -"Ngẩng cổ thấy hay hay". Xa nữa thấy một con lợn đang rúc trong bùn, anh lặp lại câu: - "Ghi... Ghi... nó đến, nó đi". Cuối cùng, anh nhờ một người ghi lên giấy, rồi đưa cho vua khi vua cho tiền.

Vua quý tờ giấy ấy, dán ở đầu giường, luôn luôn tụng niệm. Một hôm vua đang ngủ, có kẻ trộm vào cung. Bọn trộm nghe thấy vua nói lắp bắp những câu trên, tưởng vua biết, bèn bỏ chạy. Lính gác trong cung bèn đuổi theo bắt được cả bọn. Vua tra hỏi, bọn trộm thú nhận: - "Chúng tôi vào cung định trộm, nhưng mỗi một cử động đều bị bệ hạ biết cả". Vua bảo: - "Tại sao ta lại biết?" - "Khi chúng tôi đục tường, bệ hạ nói: -"Cúc... Cúc". Chúng tôi nghển cổ nghe ngóng, bệ hạ nói: -"Ngẩng cổ thấy hay hay". Chúng tôi đi từ chỗ này sang chỗ khác, bệ hạ nói: -"Ghi... Ghi. Nó đến, nó đi". Do đó chúng tôi tin rằng bệ hạ đã biết cả"[2].

Một số hình tượng trong truyện trạng Bói (tức trạng Lợn) của ta có lẽ đều rút ra từ truyện *Bụng làm Dạ chịu*. Xem thêm truyện *Chàng ngốc học khôn*, số **189** tập V.

HẾT TẬP I

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin), *Truyền thuyết của quan hầu Thánh Ê-li-da-bét ở Bồ-dào-nha*.

2. Đều theo *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* của Cô-xcanh (Cosquin).

NGUYỄN ĐỔNG CHI - *TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIENS*[*]

Dans une première partie (p. 1-72) M. Nguyễn Đổng Chi étudie les contes et légendes en général. Il essaie d'en délimiter le domaine et les genres, passe en revue les classifications données avant lui pour les critiquer et en constater les faiblesses. Il rappelle différents essais de classifications: d'abord celle de Nghiêm Toản dans son Việt-nam văn học sử yếu *(Précis d'histoire de la littérature vietnamienne) en: 1. Contes moraux et fables (truyện luân lý ngụ ngôn); 2. Contes superstitieux et invraisemblables (truyện mê tín hoang đường); 3. Contes satiriques (phúng thế) et amusants (hài đàm); 4. Légendes des génies et des saints (tích các thần thánh). Puis celle de Thanh Lãng dans son* Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân *(Ébauche d'une littérature: La littérature populaire) qui divise les contes, légendes, histoires en sept catégories: 1. Génies et immortels (thần tiên); 2. Démons et revenants (ma quỷ); 3. Héros nationaux (anh hùng dân tộc); 4. Amour (ái tình); 5. Morale (luân lý); 6. Mœurs (phong tục); 7. Comiques (khôi hài).*

M. Nguyễn Đổng Chi donne ensuite la classification également toute formelle, de Nguyễn Văn Ngọc dans Truyện cổ nước Nam *(Histoires anciennes du Viet-nam): légendaires, morales, populaires avec couplets, chants - philosophiques, comiques - celle de Trương Tửu dans* Văn nghệ bình dân Việt-nam *(L'art populaire du Vietnam). Ce dernier tente de grouper les contes et légendes en deux grands ensembles: les contes merveilleux (thần kỳ) et les contes de ce monde (thế sự)*[1]*. Malheureusement dans ces deux grands en sembles Trương Tửu introduit des divisions multiples qui nous ramènent aux classifications précédentes.*

M. Nguyễn Đổng Chi a senti la difficulté d'une classification rationnelle des contes. Il essaie de restreindre leur domaine en les isolant de la fable,

---

* 1[è] tome. Édition de Văn sử địa, Hanoi, 1958; 255 pages.

1. Mot à mot *thế sự* "choses de ce monde" ce sont les contes dont les personnages, l'action et le cadre sont vrai semblables et non merveilleux et irréels.

de la satire, des histoires pour rires, des histoires d'actualité et en leur fixant trois conditions: être anciens, ne pas être éloignés de la tradition populaire, viser à un but moral.

Cependant M. Nguyễn Đổng Chi n'approfondit pas le problème posé par la première condition: en effet quelle est la frontière entre le "nouveau" et "l'ancien". Est-ce que les contes qui se rapportent à l'époque de Tự Đức (1848 - 1883) doivent être considérés comme anciens ou nouveaux? Or, beaucoup de contes sont attribués à l'époque des Nguyễn (XIX^e siècle), cf. les contes recueillis par Landes[1].

Après toutes ces restrictions, M. Nguyễn Đổng Chi donne à son tour son classement qui à notre avis, *demeure tout aussi formel que ceux de ses prédécesseurs: 1. Contes merveilleux (truyện cổ tích hoang đường); 2. Contes de ce monde (truyện cổ tích thế sự); 3. Contes historiques (truyện cổ tích lịch sử).*

M. Nguyễn Đổng Chi ne nous parle pas d'une possibilité de classification par thème, classification qui permet de définir et de rapprocher les thèmes des contes anonymes et non datés, d'en suivre la transmission et les variations.

La fin de cette première partie est consacrée par M. Nguyễn Đổng Chi à l'évolution des contes et légendes à travers les époques de l'histoire vietnamienne.

Dans la phase protohistorique les contes sont surtout merveilleux avec des personnages qui sont des génies ou des héros génifiés (Phù Đổng thiên vương, Cao Sơn đại vương, Thục An Dương Vương, etc...), ou des génies animaux (dragons, serpents, tigres, etc...). La domination chinoise introduit les croyances du bouddhisme et du taoïsme et les contes en subissent l'influence.

D'autre part les héros nationaux qui ont lutté contre les Chinois (Sœurs Trưng, Bố Cái đại vương, etc...) inspirent contes et légendes. Sous les dynasties vietnamiennes les contes et légendes ont un grand succès. Sous les Trần (1225 - 1400) l'introduction du théâtre yuan et des siao-chous chinois laissent intact l'engouement du peuple pour les contes. Sous les Lê et les Nguyễn (XV^e - XIX^e siècles) l'influence des classes dirigeantes,

1. Dans les manuscrits l'aissés à la Société Asiatique et en partie utilisés dans *Excursions et reconnaissances.*

mandarins issus des concours se manifeste dans la vogue des héros de contes qui se trouvent souvent être des docteurs ou des lettrées. Sous les Nguyễn, les soulèvements des classes populaires et surtout de la classe paysanne vont de pair avec une littérature orale plus agressive: les contes deviennent crittiques et satiriques.

Dans la seconde partie (p. 75-255), M. Nguyễn Đổng Chi donne un recueil de contes qu'il classe dans un ordre apparent: contes et légendes qui expliquent l'origine de certains objets ou animaux (pastèque, arec et bétel, dourion, dragonnier, différents oiseaux, grenouille, singe, marsouin, limule, paon, corbeau); de certaines particularités de la nature ou des animaux (cris des oiseaux, pratique du Tết); contes et légendes concernant les sites ou accidents géographiques du Vietnam: lac Ba-bể, lac de l'Épée, marais d'Une Nuit, marais de l'Encre (đầm Mực), fleuves Nhà-bè, Tô-lịch, Thiên-phù, Cẩm-lệ, Hòn Vĩnh-điện (pour ceux-ci, p. 254-255); rochers de la Mère et de l'Enfant, rocher de Bà-rầu, mont Ngũ-hành et quelques tours chames (thành Lồi, tháp Nhạn, tháp Dương-lệ).

A chaque légende, quand il le peut, M. Nguyễn Đổng Chi ajoute un commentaire et des textes développant des thèmes semblables ou proches. Les commentaires sont, à notre avis, trop minces. Ils auraient pu comporter plus de rapprochements, ou, du moins, indiquer plus de références; le folklore vietnamien est assez riche pour le permettre. D'autre part si l'ouvrage de M. Nguyễn Đổng Chi doit servir à des chercheurs et non au très grand public, il présente l'inconvénient que les contes et légendes sont racontés dans la version de l'auteur qui, souvent, amalgame plusieurs versions. Peut être aurait-il été préférable de livrer au lecteur les versions recueillies de première main, sans les modifier.

Par contre M. Nguyễn Đổng Chi est resté très prudent dans l'interprétation des contes et légendes. Il ne construit rien, n'exploite pas les données, à moins qu'il le fasse dans les tomes suivant annoncés.

Quoi qu'il en soit, nous ne pourrons juger de l'entreprise de M. Nguyễn Đổng Chi que l'orsqu'il aura publié son travail au complet.

MAURICE DURAND

(B.E.F.E.O , N° 1 - 1964; P. 243-244)

ĐỌC *KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM* TẬP I*
CỦA NGUYỄN ĐỔNG CHI

Trong phần đầu (tr. 1-72), ông Nguyễn Đổng Chi nghiên cứu cổ tích và truyền thuyết nói chung. Ông thử vạch ranh giới của lĩnh vực nói đây và của những thể loại thuộc lĩnh vực ấy, điểm qua những hệ phân loại đã được đề xuất trước ông, nhằm phê bình và nhận ra các mặt yếu. Ông nhắc lại các thể nghiệm phân loại khác nhau. Thoạt tiên là thể nghiệm của Nghiêm Toản trong *Việt-nam văn học sử yếu*, với cách phân chia như sau: 1.Truyện luân lý ngụ ngôn; 2.Truyện mê tín hoang đường; 3.Truyện phúng thế và hài đàm; 4.Sự tích các thánh. Rồi đến thể nghiệm của Thanh Lãng trong *Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân*, trong đó cổ tích, truyền thuyết, truyện, được phân thành bảy loại: 1.Truyện thần tiên; 2.Truyện ma quỷ; 3.Truyện anh hùng dân tộc; 4.Truyện ái tình; 5.Truyện luân lý; 6.Truyện phong tục; 7.Truyện khôi hài.

Sau đó, ông Nguyễn Đổng Chi lại đưa ra cách phân loại cũng hoàn toàn hình thức của Nguyễn Văn Ngọc trong *Truyện cổ nước Nam:* truyện thần kỳ; truyện luân lý; truyện dân gian với những câu ngạn ngữ, ca khúc triết lý; truyện khôi hài... Rồi thì cách phân loại của Trương Tửu trong *Văn nghệ bình dân Việt-nam* : tác giả này thử tập hợp các cổ tích và truyền thuyết lại thành hai tổng thể lớn, truyện thần kỳ và truyện thế sự[1]. Đáng tiếc là trong hai tổng thể lớn đó Trương Tửu lại đưa vào vô vàn phân cắt, khiến ta lại bị dẫn dắt về các cách phân loại đã nói trên.

Ông Nguyễn Đổng Chi đã cảm thấy nỗi khó khăn trong việc phân loại truyện đời xưa sao cho duy lý. Ông thử thu hẹp lĩnh vực các truyện

(*) Nhà xuất bản Văn sử địa, Hà-nội, 1958, 255 tr. Chúng tôi tạm đổi đầu đề chút ít để bạn đọc dễ theo dõi (N.D).

1. "Truyện thế sự" dịch từng chữ là "chose de ce monde", gồm những truyện mà các nhân vật, diễn biến và khung cảnh đều như thực, chứ không thần kỳ và hư ảo.

ấy bằng cách tách chúng khỏi truyện ngụ ngôn, truyện khôi hài, truyện tiếu lâm, truyện thời sự, và bằng cách quy cho chúng ba điều kiện: phải có phong cách cổ; không tách xa khỏi truyền thống dân gian; nhằm một mục đích luân lý[1].

Tuy nhiên, ông Nguyễn Đổng Chi lại không đi sâu vào vấn đề do điều kiện thứ nhất đặt ra: quả vậy, đâu là ranh giới giữa cái "kim" và cái "cổ"? Những truyện cổ tích có liên quan đến thời Tự Đức (1848 - 1883) phải được xem là "cổ" hay là "kim"? Ấy thế mà nhiều truyện cổ lại được quy vào thời Nguyễn (thế kỷ XIX): xem những truyện do Lăng-đò (Landes) thu thập[2].

Sau tất cả những hạn chế nói trên, đến phiên ông Nguyễn Đổng Chi đưa ra cách sắp xếp của mình, mà, theo ý chúng tôi, cũng hình thức không kém gì của những người đi trước ông: 1.Truyện cổ tích hoang đường; 2.Truyện cổ tích thế sự; 3.Truyện cổ tích lịch sử.

Ông Nguyễn Đổng Chi không đề cập đến khả năng phân loại theo đề tài, một cách phân loại cho phép định nghĩa và nhích lại gần nhau những đề tài của các cổ tích vô danh và thiếu niên đại, còn cho phép theo dõi quá trình truyền đạt và những biến đổi của chúng.

Chương cuối của phần thứ nhất nói đây được ông Nguyễn Đổng Chi dành cho việc nghiên cứu bước đường tiến hóa của cổ tích và truyền thuyết qua các thời kỳ của lịch sử Việt-nam.

Trong giai đoạn sơ sử, cổ tích chủ yếu là truyện hoang đường mà nhân vật là thần, hay anh hùng được thần thoại hóa (Phù Đổng thiên vương, Cao Sơn đại vương, Thục An Dương Vương, v.v...), hoặc thần súc vật (rồng, rắn, hổ, v.v...). Cuộc đô hộ của Trung-hoa đã du nhập những tín ngưỡng của Phật giáo, Đạo giáo, và cổ tích cũng chịu ảnh hưởng của các tín ngưỡng ấy.

---

1. Thực ra, trong nguyên tác, điều kiện thứ hai là: *truyện cổ tích không được xa lạ với bản sắc dân tộc,* và điều kiện thứ ba là: *truyện cổ tích phải có giá trị tư tưởng và nghệ thuật* đạt đến một cấp độ cao trong văn xuôi tự sự truyền miệng. Xin xem các trang 48-52 bản in lần này (N.D).

2. Trong các bản viết tay để lại cho Hội Á châu (Société Asiatique), và đã được sử dụng một phần trong tạp chí *Du lãm và quan sát* (Excursions et Reconnaissances).

Mặt khác, những anh hùng dân tộc từng đấu tranh chống lại người Trung-hoa (Hai bà Trưng, Bố Cái đại vương, v.v...) cũng gây cảm hứng cho cổ tích và truyền thuyết. Dưới các triều đại Việt-nam, cổ tích và truyền thuyết đạt được thành tựu lớn. Dưới triều Trần (1225-1400), sân khấu Nguyên và các tiểu thuyết Trung-hoa được du nhập, nhưng lòng mê say của dân chúng đối với truyện cổ vẫn nguyên vẹn. Dưới các triều Lê và Nguyễn (thế kỷ XV-XIX), ảnh hưởng của các tầng lớp thống trị, của quan lại xuất thân từ thi cử, lộ ra qua sự thịnh hành của các nhân vật cổ tích nhiều khi đã đỗ trạng nguyên hoặc là nhà nho. Dưới triều Nguyễn, những cuộc nổi dậy của các tầng lớp dân chúng, nhất là của nông dân, lại đi song song với một nền văn học truyền miệng nặng chất công kích hơn: truyện cổ bắt đầu mang tính phê phán và trào phúng.

Trong phần thứ hai (tr. 75-255), ông Nguyễn Đổng Chi cung cấp một sưu tập những truyện cổ tích mà cứ nhìn bề ngoài thì ông đã sắp xếp lại theo một trật tự nhất định: những cổ tích và truyền thuyết giải thích nguồn gốc một số vật hay loài vật (dưa hấu, trầu cau, sầu riêng, huyết dụ, các loài chim khác nhau, ếch nhái, khỉ, cá heo, con sam, con công, con quạ); những cổ tích và truyền thuyết giải thích nguồn gốc một số đặc thù của thiên nhiên hay loài vật (tiếng kêu của một số loài chim, tục ăn Tết); những cổ tích và truyền thuyết có liên quan đến một số thắng cảnh hay địa mạo bất thường ở Việt-nam: hồ Ba-bể, hồ Gươm, đầm Nhất-dạ, đầm Mực, sông Nhà-bè, sông Tô-lịch, sông Thiên-phù, sông Cấm-lệ, sông Hòn Vĩnh-điện (tr. 254-255); tảng đá Mẹ-con, tảng đá Bà-rầu, núi Ngũ-hành, và một vài tháp Chàm (thành Lồi, tháp Nhạn, tháp Dương-lệ).

Khi nào có thể, ông Nguyễn Đổng Chi lại thêm vào từng truyền thuyết một vài lời bình và một số dị bản cũng phát triển những đề tài tương tự hoặc gần như thế. Theo ý chúng tôi thì các lời bình có phần còn mỏng quá. Đáng ra chúng phải bao gồm nhiều mảng đối chiếu hơn, hay ít nhất cũng chỉ ra nhiều điểm tham chiếu hơn: văn học dân gian Việt-nam cũng đủ phong phú để cho phép làm thế. Mặt khác nếu cuốn sách của ông Nguyễn Đổng Chi nhằm phục vụ các nhà nghiên cứu, chú

không phải công chúng rộng rãi, thì nó lại phô ra nỗi bất tiện sau đây: cổ tích và truyền thuyết được kể ra theo các dị bản của tác giả, mà tác giả lại thường phối hợp nhiều dị bản với nhau. Có lẽ tốt hơn là cứ trình với người đọc tất cả những bản mà mình trực tiếp sưu tầm được, chưa có biến cải gì.

Trái lại, ông Nguyễn Đổng Chi rất thận trọng trong việc minh giải các cổ tích và truyền thuyết. Ông không kiến tạo gì cả, không khai thác bằng cứ, trừ khi ông sẽ làm trong các tập sau đã được thông báo.

Dù sao, chúng ta chỉ đánh giá được việc làm của ông Nguyễn Đổng Chi một khi ông đã công bố trọn vẹn công trình của mình.

MAURICE DURAND
Tập san trường Viễn Đông bác cổ
[B.E.F.E.O.], số 1-1964; tr. 243-244.

NGUYỄN TỪ CHI *dịch*

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH
VIỆT NAM

TẬP II

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT- NAM

(Tiếp theo)

III

CÁC TÍCH CÁC CÂU VÍ[1]

(Tiếp theo)

41. ĐỒNG TIỀN VẠN LỊCH

Ngày xưa có người lái buôn tên là Vạn Lịch. Hắn ta buôn to, giàu có vào hạng nhất nhì trong nước. Hắn có ngót một trăm chiếc thuyền dùng vào việc chở hàng. Chiếc thuyền riêng của Lịch có buồng ăn, buồng nằm,... không khác gì nhà ở trên đất. Xung quanh chỗ ngồi trang sức bằng gấm vóc. Đồ dùng toàn bằng vàng bạc.

Lịch có một người vợ trẻ và đẹp là Mai thị. Trong những lúc đi buôn bán xa, hắn thường ngờ vợ không thực lòng với mình. Hắn hay xét nét từng ly từng tý làm cho nàng tuy sung sướng nhưng cũng rất khổ tâm.

Một hôm thuyền của Lịch đậu ở một bãi vắng. Mai thị ngồi trước mũi nhìn ra ngoài. Bỗng có một người đánh giậm ở đâu đến cạnh thuyền xin một miếng trầu. Mai thị thấy người đó đóng khố, mình mẩy lấm láp thì thương hại, hỏi thăm mấy câu rồi lấy mấy miếng trầu trong cơi vàng đem cho. Lịch đang ngủ chợt thức giấc thấy thế, cơn ghen nổi lên đùng đùng. Chờ cho anh đánh giậm đi khỏi, hắn gây chuyện với vợ rồi xỉ vả nàng thậm tệ. Mặc dầu Mai thị thề thốt hết lời nhưng hắn không nghe. Hắn trả xống áo cho nàng, vứt cho một thoi vàng, một thoi bạc và đuổi đi ngay.

---

1. Chúng tôi bắt chước đề mục này trong *Sử Nam chí dị*.

Mai thị bơ vơ một mình trên bãi biển. Nàng gặp lại người đánh giậm bèn gạt nước mắt kể lể sự tình. Anh chàng đánh giậm ngẩn ngơ cả người, không hiểu ra làm sao cả. Khi biết anh ta chưa có vợ lại sống một thân một mình, nàng bảo:

- Hắn bảo tôi dan díu với anh. Âu là số tôi không lấy được kẻ giàu sang, tôi xin lấy anh làm chồng, dù có khổ sở thế nào đi nữa tôi cũng chịu được. Chúng ta sẽ làm ăn nuôi nhau.

Anh chàng đánh giậm không biết từ chối thế nào, cuối cùng dẫn người đàn bà kia về túp lều của mình dựng bên bờ sông. Và họ trở nên vợ chồng. Hàng ngày chồng vẫn làm nghề cũ, còn vợ thì ở nhà chăn nuôi gà vịt. Tuy nghèo nhưng họ sống êm ấm, không xô xát với nhau bao giờ.

*

* *

Ba năm trôi qua. Một hôm trời mưa, chồng rỗi việc ở nhà, vợ ngồi vá áo. Chồng thấy đàn gà thi nhau mổ thóc ở thúng, sẵn có thỏi vàng của vợ trong thúng khâu, hắn không biết là vật gì liền cầm lấy ném đàn gà. Chẳng may ném mạnh quá thỏi vàng văng luôn xuống sông. Thấy vậy, vợ trách chồng:

- Kìa, người sao mà ngu đần thế! Anh có biết anh vừa ném cái gì không?

Chồng đáp gọn lỏn:

- Chả biết.

- Đấy là vàng quý nhất ở trên thế gian đấy.

- Thứ ấy thì thiếu gì. Những lúc bắt cá ở một vũng kia tôi vẫn nhặt được luôn nhưng không biết dùng làm gì nên lại vứt bỏ.

Đến lượt vợ lại ngẩn cả người, liền hối hả giục chồng đi lấy về. Quả nhiên đó là vàng thực và lạ thay mỗi thỏi đều có dấu hiệu riêng của Vạn Lịch. Nguyên do Vạn Lịch từ ngày đuổi vợ, buôn bán có phần thua lỗ. Một chuyến bị bão, thuyền đắm, Lịch chỉ thoát được thân còn bao nhiêu vàng bạc của cải đều chìm xuống nước và trôi dạt vào đây. Thế là kho vàng của Lịch lại thuộc về tay vợ chồng Mai thị.

Từ khi có của, Mai thị bèn xây dựng nhà cửa và sắm ăn sắm mặc cho chồng. Thấy chồng quá ngờ nghệch, vợ bảo phải năng chơi bời với người ta để học khôn học khéo hòng mở mặt với đời.

Chồng nghe lời, vào xóm gạ chuyện với mọi người để làm quen nhưng chả có ai thèm chơi với thằng nghèo lại nổi tiếng đần độn. Luôn mấy hôm liền, hắn đi không về rồi. Vợ hỏi: -"Đã chơi được với ai chưa?" - "Chưa". Mai thị lắc đầu nói một mình rằng: -"Người đâu u mê đến thế. Suốt mấy hôm trời mà không làm quen được một ai. Họa có chơi với phỗng thì được!". Nghe nói thế, chồng tưởng vợ bảo mình không chơi với người thì chơi với phỗng, bèn tìm đến một ngôi đền vắng ở xa xóm. Hắn lân la toan làm quen với mấy bức tượng phỗng đặt ở hai bên sân đền. Thấy tượng phỗng nhe răng cười, hắn cũng cười theo, rồi lại quàng vai bá cổ làm như chơi đùa với người thật. Sau đó hắn đi mua bún lòng về mời ăn, nhét cho mỗi tượng một miếng vào miệng. Cuối cùng chẳng thấy phỗng nói gì, hắn tức mình xô phỗng từ trên bệ lăn kềnh xuống đất rồi bỏ ra về. Khi vợ hỏi, hắn kể lại tình thực. Mai thị giẫm chân kêu trời, đành giữ chồng lại nhà để dạy khôn cho hắn.

Không ngờ ngôi đền mà anh chàng đánh giậm đến chơi lại là nơi phát tích của nhà vua. Tự nhiên, sau khi anh đánh giậm xô đổ tượng phỗng, nhà vua bị đau bại một nửa người. Bao nhiêu danh y được triệu vào cung chữa bệnh cho thiên tử đều lắc đầu bó tay. Một ông quan thái bốc gieo quẻ báo tin rằng ngôi đền này động. Lập tức triều đình phái quan tỉnh về làm lễ tạ. Pho tượng phỗng đổ xuống đất làm cho họ chú ý. Nhưng khi định dựng tượng dậy thì lạ thay, hàng chục người mó vào đều nâng không nổi. Quan truyền cho mấy cơ lính dùng đòn dây xúm vào cùng khiêng nhưng rốt cuộc tượng vẫn không hề nhúc nhích. Tin ấy bắn về kinh đô, nhà vua rất lo, liền sai yết bảng cho tất cả thần dân ai có phép gì dựng được phỗng lên bệ thì sẽ hậu thưởng. Hôm ấy Mai thị đi chợ qua đó thấy bảng yết thế, bèn về hỏi chồng:

- Hôm ấy anh làm thế nào đẩy ngã pho tượng xuống được?

Hắn đáp:

- Tôi chỉ khẽ ẩy một cái là đổ ngay.

- Thế bây giờ có dựng lên được không?

- Làm gì mà chả được!

Vợ bèn cùng chồng ra giật bảng xin quan cho vào nâng thử. Quả nhiên khi người đánh giậm mó tay vào tượng liền đứng lên được.

Từ hôm đó nhà vua khỏi bệnh. Vua sai lấy vàng bạc thưởng cho vợ chồng Mai thị nhưng họ không nhận, chỉ xin làm một chân tuần ty ở sông Cả. Chức vụ tuần ty chỉ ngồi thu thuế không cần biết chữ. Vua ưng cho ngay. Hai vợ chồng liền đi nhậm chức. Sẵn vàng bạc, họ đưa ra xây dựng nhà cửa rất nguy nga ở bên cửa sông. Từ đó họ nổi tiếng giàu có trong vùng.

Một hôm, thuyền của Vạn Lịch đi qua đấy, đỗ lại ở cửa tuần cho người lên nộp thuế. Mai thị biết vậy liền ra lệnh bắt chủ phải thân đến nộp. Tiến vào công đường, Lịch xiết bao kinh ngạc khi thấy ngồi trước án là người vợ cũ của mình cùng anh chàng đánh giậm ngày xưa. Mai thị mỉa mai bảo hắn:

Biết rằng anh vẫn đi buôn,
Em về kiếm chốn nha môn ngồi tuần.
Dù anh buôn bán xa gần,
Làm sao tránh khỏi cửa tuần em đây.

Nghe câu ấy, Vạn Lịch vô cùng xấu hổ. Hắn từ tạ trở về thuyền. Vừa thẹn vừa uất, hắn nghĩ không còn mặt mũi nào nhìn lại vợ lần nữa. Đoạn hắn làm giấy kê khai tất cả của cải đem biếu Mai thị nói là để chuộc lỗi xưa, rồi đâm cổ tự tử. Mai thị thấy vậy lấy làm hối hận. Sau đó nàng đem bao nhiêu tài sản của Vạn Lịch, tâu vua xin đúc một thứ tiền gọi là "tiền Vạn Lịch" rồi đem phân phát cho những người nghèo khổ.

Ngày nay thỉnh thoảng người ta vẫn còn nhặt được một vài đồng tiền đó. Người ta còn có câu hát:

Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng,
Anh tiếc công anh dan díu với nàng bấy lâu [1].

KHẢO DỊ

Theo người khác kể thì truyện trên còn có một đoạn đầu như sau:

1. Theo *Nước non tuần báo*.

Vạn Lịch người đời Tống nhờ vốn liếng của vợ mà buôn bán trở nên giàu có lớn. Nhưng khi làm nên, hắn thấy vợ không còn nhan sắc nữa nên có ý định tống cổ vợ đi, bèn nhân một hôm vợ trò chuyện với anh đánh giậm, vu cho là ngoại tình, rồi truyện tiếp diễn cũng như trên vừa kể, trừ một vài tình tiết đại đồng tiểu dị[1].

Người Nghệ-an kể truyện này như sau:

Một người làm nghề câu cá hàng ngày đứng câu ở chỗ núi đá cửa biển. Ở đó có hòn đá to cao hình người gọi là đá Tượng Bụt. Lúc nào câu xong ra về, người ấy cũng chào tượng đá: - "Kính ông ở lại". Có vợ một người buôn mành giàu có, nhân thuyền đỗ gần đấy thấy anh câu đói rét nên thương hại, bị chồng đạp ngã xuống nước đuổi đi. Người đàn bà đành phải lấy người đi câu (nhưng không có chuyện được vàng). Từ đấy làm ăn khấm khá, cho là tượng Bụt giúp.

Ai ngờ Bụt đá mà thiêng,

Nhờ ơn đặt gánh đặt triêng[2] *cho mình.*

Lúc đã giàu có, nhớ ơn tượng Bụt, anh câu mới bảo vợ làm bữa rượu thết. Đoạn rồi cũng: - "Kính ông ở lại". Không ngờ đá say ngã xuống nước và cũng "động" đến nhà vua. Vua cũng hứa phong chức quan cho kẻ nào dựng được đá dậy. Người đi câu lại làm bữa rượu nữa đưa đến: - "Ông say đã tỉnh chưa, mời dậy uống với tôi". Đá tự nhiên trở lại chỗ cũ. Người đi câu được làm quan trấn thủ, rồi hai vợ chồng cũng gặp người chồng cũ vào nạp thuế, v.v...[3]

Một truyện khác *Thiên lực không phải nhân lực* có nội dung tương tự nhưng chủ đề thì hầu như trái ngược. Đây là một truyện có bàn tay của nhà nho nhằm đề cao chủ nghĩa định mệnh:

Có một người làm quan lớn trong triều. Hắn cho rằng sở dĩ mình làm nên là nhờ ở sức mình chứ không nhờ ai cả. Vì thế hắn có làm một cái biển đề hai chữ "Nhân lực" treo ở giữa nhà. Người vợ bé của hắn không cho là đúng, chờ lúc chồng đi vắng mới viết vào hai nét ở chữ "nhân" thành chữ "thiên". Chồng về hỏi vợ. Vợ nói: -"Người ta sinh ra mệnh hệ ở trời, mọi sự nhờ trời, chứ không phải sức người mà được". Chồng tức mình, nói: -"Tao đây cực khổ từ bé tới lớn, học hành hết hơi hết sức mới được như vầy, có thấy trời giúp gì đâu. Mày đã nói thế để coi sức trời giúp cho mày thế nào". Bèn đuổi vợ đi.

1. Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ* (1941).
2. *Triêng*: đòn gánh, tiếng Nghệ - Tĩnh.
3. Theo *Bản khai xã Vĩnh-an*.

Vợ bèn khấn: -"Hễ chính ngọ ra đường gặp người đàn ông nào, sẽ lấy người đó làm chồng". Sau đó nàng kết duyên với một người đi câu cá. Từ đây câu chuyện giống với truyện trên nhưng không có việc được vàng. Vợ lấy tiền riêng sắm ăn sắm mặc cho chồng; lại bảo đi chơi với người ta cho hiểu việc đời. Chồng vào chùa đánh bạn với tượng Phật. Câu chuyện cũng kết thúc bằng việc xô ngã tượng Phật và sau đấy trong vùng bỗng sinh ra ôn dịch. Vua ra lệnh ai dựng được tượng lên sẽ cho làm quan to. Chồng dựng lên được. Lúc hai vợ chồng trẩy kinh thì gặp người chồng cũ [1].

Truyện thứ hai gần giống với cả hai truyện trên:

Một ông quan huyện một hôm hỏi ba vợ xem họ nhờ ai. Khác với câu trả lời của hai người vợ trước, người vợ thứ ba cho là nhờ trời. Cũng như hai truyện trên, người vợ thứ ba bị đuổi và sau đó kết duyên với một người đánh giậm. Khi hai vợ chồng trở nên khá giả (không có chuyện được vàng), vợ khuyên chồng nên tìm người hiền - người không hay nói - mà kết bạn. Chồng kết bạn với phỗng, cho phỗng uống rượu say, xô ngã phỗng và chỉ mình anh ta mới làm cho phỗng đứng dậy được. Đoạn kết có thêm tình tiết là: Về sau có giặc, vua hạ chiếu cầu hiền. Vợ giục chồng ứng mộ. Nhờ phỗng giúp ngầm, chồng thắng được giặc; vua bắt dân đi đón cả hai vợ chồng về triều. Nhìn thấy võng kiệu của người vợ cũ đi qua, quan huyện đâm đầu xuống sông tự tử[2].

Một truyện khác do người Hà-tĩnh kể nhan đề là *Người đốt than*:

Một phú ông một hôm hỏi ba cô con gái: -"Các con nhờ vả ai nhiều nhất?". Chỉ có cô con gái út trả lời:

Nhỏ thì nhờ mẹ nhờ cha,
Một mai khôn lớn nhờ ra lộc chồng.

Phú ông tức lắm, định gả con gái út cho một người nào nghèo đói nhất để xem nó nhờ cậy vào đâu. Gặp một người ăn mày, phú ông hỏi cuộc sống sướng khổ thế nào? Người ăn mày đáp:

Bị cắp nách, gậy cầm tay,
Trăm nghề không gì sướng bằng ăn mày.

Phú ông cho là còn sướng, không gả. Gặp một người đốt than, hỏi, thì anh ta đáp:

1. Theo Trương Vĩnh Ký. Sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.

Nhờ trời cứ nắng chang chang,
Cha con kiếm củi đốt than no lòng.
Trời làm một trận mưa giông,
Cha con đắp chiếu nằm không suốt ngày.

Bèn gả con gái cho người ấy. Bà mẹ thương con cho giấu một quả cau bằng vàng. Một hôm vợ đi vắng, chồng ở nhà chơi với con. Thấy con khóc, chồng lấy quả cau vàng cho con chơi. Không ngờ con đánh rơi mất. Bị vợ nhiếc móc, chồng cho biết trên rừng có một chỗ không thiếu gì thứ của ấy. Kết quả hai vợ chồng trở nên giàu có như các truyện trên. Phú ông thấy con giàu, tới thăm, con nói:

Vàng cha, cha để trên đền,
Vàng con, con để ngoài thềm đốt than.

Phú ông thẹn chết ngay giữa sân[1].

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Mê-a-dơng*, cũng là một dị bản của truyện *Đồng tiền Vạn Lịch*:

Một người đánh cá thật thà và nghèo khổ có một người vợ rất đẹp nhưng tham và lười. Một hôm hai vợ chồng đi kiếm cá nhưng không được gì cả. Cạnh đấy có một chiếc thuyền của hai vợ chồng người nhà giàu. Thấy họ bắt mãi không được cá, người vợ tỏ ý thương hại. Chồng bảo: -"Mày thương thì đi với nó, tao đổi mày lấy người đàn bà kia!". Nói rồi hắn làm ngay, gọi người đánh cá lại, đòi đổi vợ và buộc phải đổi vì hắn thấy vợ người kia đẹp.

Vợ người nhà giàu tay không về với chồng mới, nhưng chẳng bao lâu nàng đã làm cho chồng trở nên khá giả. Có tiền, nàng kiếm cho chồng một chân lính hầu ở triều đình. Một hôm, vua đi săn, người chồng theo hầu vua. Vợ sắm sửa thức ăn cho chồng mang theo và dặn nếu vua có lạc đường thì cố đi theo mà bảo vệ. Quả nhiên vua bị lạc, anh ta lẽo đẽo đi theo xa xa; vua gọi anh là Mê-a-dơng (chú kia). Anh chạy tới quỳ dâng cơm rồi nước, trầu mời vua ăn, vua ăn mỗi thức đều khen ngon. Vua ngủ ở một ngôi đền của một hung thần; hung thần bàn với bộ hạ báo thù vua. Anh đánh cá nghe được lời bàn của họ, vội đánh thức vua dậy, đưa vua về. Nhờ anh, vua thoát được ba cái nạn lớn do hung thần gây ra. Nạn thứ ba mà anh cứu là giết một con rắn hổ mang bò vào toan cắn vua. Thấy máu rắn bắn lên ngực hoàng hậu, anh không dám chùi

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh và *Cổ tích và tiểu dẫn* (bản thảo của Mạnh Sào Quan). Xem thêm truyện *Trạng Ếch* ở **Khảo dị** truyện *Lê Như Hổ* (số **63**).

chỉ dùng lưỡi liếm trong khi hoàng hậu ngủ. Hoàng hậu tỉnh dậy hô hoán, vua lập tức truyền đao phủ đưa anh ra pháp trường xử tử, nhưng vì đêm khuya, dắt ra bốn cửa thành đều bị quân canh ngăn trở (Ở đây có thêm ba câu chuyện và một bài thuyết lý của bốn người gác cổng đều ngụ ý nói về việc giết oan kẻ vô tội, sau ăn năn thì đã muộn). Giữa lúc ấy nhà vua nghĩ lại công lao của anh, vội truyền lệnh cho đao phủ ngừng chém. Thoát chết, Mê-a-dơng và vợ trở thành người có quyền thế giàu sang. Trong khi đó thì người nhà giàu và vợ cũ của người đánh cá phung phí hết của cải, phải đi ăn xin. Một hôm, đến ăn xin ở nhà Mê-a-dơng, bị vợ chồng nhà này nhận mặt, cả hai xấu hổ vô cùng[1].

Người Ba-na (Bahnar) có truyện *Bi-a Nát* giống với truyện *Người đốt than* của ta:

Hai vợ chồng nhà giàu có tám con gái. Một hôm mẹ hỏi các con muốn lấy ai? Ai nấy đều nói ước muốn của mình là làm vợ một người giàu có quyền thế, chỉ riêng cô út thích lấy người đốt than. Mẹ giận, cho một cục vàng và đuổi đi. Bi-a Nát lên rừng, tìm mãi, cuối cùng mới gặp được một anh đốt than nghèo khổ, ngờ nghệch và "đen như lông quạ". Họ ăn ở như vợ chồng. Một hôm chồng lấy cục vàng của vợ ném gà. Khi bị vợ la, anh chỉ cho vợ chỗ lắm vàng. Từ đó hai người trở nên giàu có. Anh đốt than còn được tiên ông bày cách làm cho thân mình trở nên trắng trẻo, đẹp đẽ. Anh mặc áo khố đẹp cưỡi ngựa về làng vợ, mời bố vợ và cả nhà lên dự lễ cưới. Lễ cưới tổ chức bảy ngày bảy đêm. Nghe con gái nói chồng mình làm nghề đốt than, bà mẹ hối hận và xấu hổ vô kể[2].

Người Xơ-đăng có truyện *Bốc Cơ-lốc* cũng giống với truyện trên nhưng có phát triển thêm một số hình tượng khác: Một tù trưởng một hôm hỏi bảy con gái: - "Thích ở với bố mẹ hay thích theo chồng?". Chỉ có cô gái thứ tư trả lời thích ở với chồng, bị bố đuổi đi. Mẹ thương con, dúi cho con một hạt vàng. Cô gái lấy anh chàng đốt than tên là Cơ-lốc. Thế rồi chồng cũng ném vàng cho gà ăn vì không biết giá trị của vàng, nhưng sau đó lại mách cho vợ một chỗ có nhiều vàng. Khi giàu có, vợ muốn làm ngôi nhà bằng vàng bèn sai chồng về kinh thành mua khuôn đúc. Dọc đường, trong khi trọ ở nhà hàng, Cơ-lốc đã dùng mưu trộm được đôi giày thần và chiếc gậy thần của một con quỷ. Với chiếc gậy thần, anh đã giết quỷ và cứu người; với đôi giày thần, anh bay lên trời rồi về kinh. Anh đã đổi đôi giày cho vua lấy một ngàn con trâu

1. Pa-vi (Pavie). *Truyện dân gian Căm-pu-chia, Lào và Thái-lan*.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV.

và đưa đàn trâu ấy về bằng cách nhổ mỗi con một cái lông nhét vào đục đạc, rồi khi đến nhà lắc đục đạc, mỗi chiếc lông tung ra biến thành một con trâu. Từ ngày trở nên giàu có, vợ Cơ-lốc mời bố mẹ mình đến chơi. Tù trưởng bắt phải làm một con đường lát bằng nồi đồng. Khi đến thấy con giàu có hơn mình, tù trưởng phát tức mà chết[1].

Một truyện khác của người miền Bắc cùng một kết cấu với các truyện trên nhưng đã được nho sĩ tô điểm để đề cao việc học hành thi cử.

Xưa ở Phủ-lý (Thanh-hóa) có một người con thầy chùa nhà nghèo, tuổi đã ba mươi không được đi học. Cùng làng có một cô gái con phú ông có nhan sắc, nhiều nơi hỏi mà không chịu lấy. Phú ông một hôm mắng con và bảo: - "Bao nhiêu đám môn đăng hộ đối không lấy, phải chăng muốn lấy con thầy chùa?". Con gái đáp: -"Cha mẹ đặt đâu, con xin ngồi đấy!". Bố giận lắm, lập tức gọi con thầy chùa đến gả ngay, không cho một tý hồi môn nào cả, trừ người mẹ có dấm dúi cho ít nhiều.

Khi về nhà chồng, cô gái đòi ở riêng một mình và buộc chồng phải đi học, mình sẽ dệt vải nuôi chồng. Nghe có thượng thư Lê Văn Hưu về hưu mở trường dạy học, cô tới hỏi thầy: -"Thiếp có thóc cũ 30 năm có thể làm giống được chăng?". Thầy chưa hiểu nhưng cũng đáp: -"Miễn là lúa tốt!". Người con thầy chùa vốn người thông tuệ, học một biết mười, về sau, đậu tiến sĩ[2].

Truyện *Tống Trân-Cúc Hoa* cũng phần nào giống với truyện vừa kể. Có lẽ tác giả là nhà văn bình dân đã dựa vào cốt truyện cổ tích để hư cấu thêm:

Tống Trân nhà nghèo dắt mẹ vào nhà phú ông ăn mày. Một trong ba cô gái của phú ông - Cúc Hoa - đem cho một đấu gạo. Đang trò chuyện thì bị phú ông bắt gặp. Nổi giận, phú ông đem cô gái gả ngay cho Tống Trân. Cúc Hoa đem nén vàng của mẹ cho nuôi chồng ăn học. Tống Trân học giỏi, đi thi đậu trạng. Ở đây phú ông không chết thẹn mà xun xoe nhận chàng rể, người mà trước đây hắn hất hủi.

Ở đoạn sau, truyện phát triển vượt ra ngoài khuôn khổ của truyện cổ tích: Vì không chịu lấy công chúa, nên Tống Trân phải đi sứ Trung-quốc mười năm. Ở đây chàng lại đậu trạng lần nữa, lại một lần nữa từ chối đề nghị kết hôn của con vua Trung-quốc. Nhờ tài trí chàng đã thoát chết mấy lần và mấy lần xử kiện tài tình[3] làm cho người nước ngoài kính phục.

1. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.
2. Theo tạp chí *Nam phong* (phần chữ Hán) (1929).
3. Xem truyện *Kiện ngành da* (số **57**).

Ở nhà, chờ mãi không thấy rể về, phú ông bắt Cúc Hoa gả cho đình trưởng. Cúc Hoa nhờ sơn thần liên lạc được với Tống Trân, nhờ đó chàng được giảm hạn năm tháng. Giữa hôm đình trưởng làm lễ cưới Cúc Hoa thì Tống Trân về. Chàng trị tội người bố vợ bất lương, sau khi đã cải trang giả làm ăn mày đến với từng người để tìm hiểu sự thực[1].

Người Nùng có truyện *A Sún Phàng Khim*: cũng cùng một chủ đề nhưng có chỗ hơi khác về hình tượng.

Phàng Khim nhà nghèo, mồ côi bố mẹ, ở với bà nội. Bà cháu chung nhau một cái quần, thay nhau mặc khi phải ra chợ. Sau góp tiền đi củi mua được một cái quần, một con dao. Vì bắt con tinh rái cá cứu người, anh bị mất cả quần lẫn dao. Sau đó đi làm nghề nhặt phân, ngủ ở vỉa hè nhà một ông quan tên là Dèn Vản. A Sún, cô con gái Dèn Vản thấy anh rét mướt thì thương tình bèn lấy áo dắp cho, không ngờ lấy nhầm phải áo mới. Sáng dậy Dèn Vản bắt được anh, tưởng có tình ý với con gái, toan chém. Cô gái nhân lúc vắng, cởi trói cho anh, rồi cả hai rủ nhau đi trốn, và kết làm vợ chồng. Vợ có đất lưng được 2 thoi vàng. Khi hết lương ăn, vợ giao vàng cho chồng đi mua bán, chồng đem ném chó làm mất vàng. Bị vợ mắng, anh nói có một chỗ có rất nhiều thứ đó. Bèn dẫn vợ đến một cái hang. Vợ lần lượt nhặt về nhưng không cho chồng biết. Giàu có, vợ thuê thợ làm nhà. Nhà làm xong nhưng không có cửa nào vừa cả. Phàng Khim ngủ ở phiến đá, phiến đá báo mộng bảo đưa đá về lắp thì vừa. Anh làm theo. Không ngờ từ đấy mỗi lần mở cửa, vàng bay vào rào rào. Vợ phải đóng chặt kẻo sợ vàng về nhiều quá.

Một hôm hai vợ chồng mời bố mẹ vợ đến nhà. Dèn Vản dòi có chiếu hoa trải dường mới đi. Đến nơi còn dòi mở cửa chính mới vào. Cửa mở ra, vàng rơi vào đầu, Vản chết. Mẹ vợ vui vẻ ở lại với chàng rể và con gái[2].

Giống với các truyện của ta, người Triều-tiên có truyện *Vợ người nô lệ*:

Một quan thượng có cô con gái dẹp cấm cung, không ngờ tới tuổi biết yêu, cô lại yêu một nô lệ. Hay tin, quan xử tử người nô lệ và đuổi cô ra khỏi nhà. Thấy con không chịu đi, quan bèn sai lính đi tìm một người nghèo nhất. Lính đưa về một người kiếm củi. Quan hỏi: - "Có muốn lấy con ta không?", Người kia trả lời: - "Có". Bèn gả ngay, bắt đưa vợ về rừng. Đến nhà chồng cô thấy trống rỗng. Bà mẹ bảo cô hàng ngày gánh củi đi đổi lấy kê. Một hôm vợ phát hiện thấy móng tường toàn dắp bằng vàng khối, bèn bảo chồng gõ một hòn

1. Theo *Tống Trân - Cúc Hoa.*
2. *Theo tạp chí Nghiên cứu văn học* số 10 (1961).

ra tinh bán. Chồng mang về được nhiều tiền. Từ đấy bán tất cả. Vợ nuôi thầy dạy chồng học.

Sau mười năm chồng trở nên giỏi hơn cả bố vợ. Vợ lại mua cho chồng một chân thượng thư. Sau đó bố vợ phải muối mặt đến mừng chàng rể[1].

Người Mèo có truyện *Hòn gạch nên vợ nên chồng:*

Có hai bố con nhà nghèo sáng đi làm thuê tối ngủ nhờ ngoài hè nhà người. Con đã lớn nhưng chưa vợ vì con gái không ai thèm lấy. Khi bố sắp chết, dặn con chôn mình tại một gò nọ, hễ thấy gì lạ thì mang về mà sinh sống. Thoạt đầu, mộ mọc cỏ rất tốt, anh cắt về bán cho các nhà nuôi ngựa. Sau đó hết cỏ, trên mộ lại mọc lên một đống gạch màu vàng. Anh lấy một hòn để gối đầu. Con gái lão nhà giàu cấm cung, thấy chàng trai ngủ nhờ ở hè có phát ánh sáng, bèn lấy áo từ trên lầu quẳng xuống cho đắp. Sáng dậy, cô hỏi tung tích hòn gạch gối đầu. Anh chỉ nơi có ngôi mộ, đến xem thì chỉ là những hòn gạch bình thường. Tuy vậy cô cũng xin bố cho lấy anh chàng. Người bố can không được, đuổi đi.

Hai vợ chồng đưa nhau đi nơi khác ở. Lần lượt họ đưa đống gạch về xây được chín gian nhà. Gạch còn thừa bỏ lại một đống chỉ ít lâu hóa thành vàng bạc. Hai vợ chồng giàu có, đưa vàng bạc về cho bố mẹ vợ chở lên lưng 3 con ngựa. Thấy anh đến từ đàng xa, người bố vợ sai đóng cửa lại thật chặt vì ngỡ rằng rể đến đòi tiền. Vợ chồng thấy cửa đóng, phá cửa vào đặt bạc ở bàn rồi đi. Bố mẹ hoa cả mắt, nhưng từ đấy ăn tiêu phung phí, dần dần trở nên nghèo đói, phải cải trang làm người Xạ Phang đi làm thuê kiếm ăn mỗi người một phương. Còn vợ chồng con gái thì ngày một giàu có, bản làng ngày một đông vui. Ba năm sau một bà Xạ Phang đến làm thuê. Ba năm sau nữa lại một ông già Xạ Phang đến làm thuê. Họ nhận ra nhau là vợ chồng nhưng lại không nhận ra nơi ấy là nhà của con gái mình. Về phía con gái cũng không biết là bố mẹ.

Sau đó một thời gian họ mới nhận ra nhau. Bố vợ xấu hổ quá ăn lá ngón mà chết[2].

Người Ấn-độ có một truyện nội dung tuy khác nhưng cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một ông vua sinh được bảy công chúa. Một hôm, vua hỏi: -"Các con yêu cha ra làm sao?". Sáu công chúa trả lời: -"Ngọt như đường", trừ một công chúa út trả lời là: -"Như muối". Vua giận sai người cáng bỏ vào rừng sâu.

1. Theo Ga-rin (Garine). *Truyện cổ tích Triều-tiên.*
2. *Theo Doãn Thanh Thương, Nguyễn Hoàng Thao. Truyện cổ dân tộc Mèo.*

Công chúa đi lần mò bỗng gặp một tòa lâu đài, bạo dạn tiến vào thì thấy có một người nằm bất động, xem lại thấy bị kim đâm khắp cơ thể. Công chúa bèn ngồi xuống nhổ kim ra, và làm việc đó quên ăn quên ngủ suốt một tuần. Vừa khi có một người bán một nữ tỳ, công chúa lấy vòng vàng ra mua người nữ tỳ cho có bạn. Lại nhổ trong hai tuần nữa mới hết kim, nhưng không biết rằng trong con mắt còn có kim chưa nhổ hết. Cho là đã xong hẳn, công chúa bảo nữ tỳ tắm cho người ấy. Trong khi tắm thì người nữ tì phát hiện ra kim ở mắt, bèn nhổ nốt. Nhổ vừa xong người đó liền ngồi dậy thì ra là một vị vua. Vua hỏi: - "Ai cứu ta?". Nữ tỳ đáp: - "Tôi". Vua cảm ơn và lấy nữ tỳ làm vợ. Khi công chúa vào, nữ tỳ bảo vua đó là nữ tỳ của mình.

Một hôm, vua sắp sửa đi đổi gió, bảo vợ cần gì để mình mang về. Vợ bảo: - "Mang về cho tôi áo xống và trang sức đẹp!". Vua lại hỏi nữ tỳ (tức công chúa) muốn gì. Nữ tỳ đáp: - "Cái mà tôi muốn, vua không thể tìm được đâu, nên tôi không xin" - "Cứ xin đi, cái gì ta cũng có thể lấy được" - "Vậy thì cho tôi xin một hộp nữ trang của mặt trời".

Vua đi khắp nơi không tìm được vật người nữ tỳ cần, cuối cùng nhờ phép của một đạo sĩ, và sự giúp đỡ của một nàng tiên mà có hộp nữ trang của mặt trời.

Khi được hộp, nàng vào rừng, nửa đêm mở hộp ra. Từ trong hộp có bảy nàng tiên nhảy ra: người thì chải tóc, người sửa áo, người hát, người múa, trong khi đó, nàng khóc sướt mướt suốt đêm. Sáng dậy, các nàng tiên hỏi vì sao mà khóc. Nàng kể lại sự việc người nữ tỳ tranh công và thay đổi địa vị. Các nàng tiên an ủi rồi chui vào hộp.

Đêm sau, nàng lại đi. Sự việc diễn ra như đêm hôm qua. Nhưng không ngờ trên ngọn cây có một người hái củi vì về muộn nên trèo lên nghỉ ở đó. Người hái củi nghe và thấy mọi việc. Đêm sau nữa lại thấy như thế, nên chàng vào cung mách vua. Vua được người tiều phu đưa đi nấp trên ngọn cây, tận mắt thấy sự thật, bèn xuống cây, bảo nàng: - "Ta vốn ngờ nàng là công chúa không phải là nữ tỳ". Lại hỏi nàng có muốn làm vợ vua không? Nàng đáp: - "Có".

Lúc cử hành lễ cưới, công chúa cho mời bố mẹ và các chị tới dự. Cả một tuần liền, nàng chỉ dọn cho họ ăn những món ăn nấu với đường làm họ ngấy hết sức. Sau đó dọn một món ăn nấu với muối, mọi người cảm thấy ngon lành. Vua cha bấy giờ mới hiểu rõ ý nghĩa câu con gái nói ngày xưa: Công chúa yêu cha mặn mà vì muối là một vật mà người ta không thể nào bỏ được.

Người Bec-be-rơ (Bebères) ở Ma-rốc (Maroc) cũng có truyện nói về một ông vua hỏi ba con gái xem có thương mình không. Câu trả lời của cô thứ

nhất là: - "Con yêu cha như vàng". Cô thứ hai: - "Yêu như kim cương". Cô thứ ba: - "Yêu như muối". Vua cũng đuổi con đi, bảo: - "Cút ngay! Mày không phải con tao!".

Cô gái đi lang thang, cuối cùng vào làm việc rửa bát cho một ông vua khác và học nghề nấu ăn, dần dần thành người nấu ăn cho vua.

Một hôm vua này mở hội mời vua láng giềng, cha cô gái, tới ăn. Cô này xin được nấu ăn cho khách và không bỏ muối vào thức ăn. Dọn dĩa ra, cô bỏ nhẫn của mình vào, bưng lên cho khách. Vua ăn lấy làm ngạc nhiên vì quá nhạt. Xem lại dĩa, thì tìm thấy chiếc nhẫn, vua nói: -"Dẫn cô gái nấu dĩa thức ăn này ra đây". Nhận ra con, vua ôm lấy âu yếm và đưa về nhà[1].

Cái ngốc của anh chàng đánh giậm hay của anh chàng câu cá ở hai truyện trên kia cũng có phần giống với cái ngốc kể trong một loạt truyện cổ tích có tính chất khôi hài sau đây:

Truyện *Jăng, thằng ngốc* của Pháp:

Một chàng ngốc được mẹ sai ra tỉnh bán một tấm vải và dặn mua một cái kiềng ba chân. Dọc đường, hắn vào quỳ trong nhà thờ thánh Jăng. Thấy pho tượng, hắn cho là ông ta rét run, bèn quàng tấm vải vào cho tượng. Gần tượng ấy có một tượng khác có điệu bộ giơ tay mà một người đàn bà nào đó đã bỏ vào lòng bàn tay một đồng xu. Tưởng là tượng ấy trả tiền hộ hắn bèn nhận lấy. Khi về, qua một hiệu bán đồ sắt, hắn chọn một cái kiềng, quẳng lại đồng xu, rồi chạy. Trèo lên một đoạn đường dốc, hắn mệt quá nói: - "Mình ngu quá, hắn (cái kiềng) có những ba chân, mà mình thì chỉ có hai, tội gì mà phải khiêng nó". Nói rồi bỏ kiềng ở giữa đường mà về không.

Truyện của người Nga:

Một người trẻ tuổi đi bán một con bò. Qua một cây cổ thụ, bỗng có một trận gió rung. Anh ta tưởng cây hỏi mua bò, bèn để con vật lại, mai sẽ đến lấy tiền. Mai đến thì bò đã mất; đòi nợ cây, cây không trả lời. Tức mình anh cầm búa chặt cây thì không ngờ trong gốc cây có cả một kho của mà một bọn trộm giấu trong đó.

Truyện kể trong sách *Pen-ta-mơ-ron* (Pentameron):

Một người mẹ bảo con tên là Jăng ngốc mang vải ra chợ nhưng dặn đừng bán cho những người lắm lời. Con đáp: - "Mẹ cứ yên trí". Thế là bao nhiêu người đến hỏi mua, hắn không bán vì cho rằng ai cũng lắm lời cả. Xách vải

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây.*

về đến nhà thờ thấy có một tượng đá, hắn đến gần giơ vải ra hỏi: - "Có mua không?". Nhờ gió thổi làm cho đầu tượng đá hơi đưa đi đưa lại, hắn tưởng là người đó bằng lòng mua, bèn đặt vải vào tay, rồi về kể chuyện cho mẹ hay và nói: - "Con bán cho ông ấy vì ông ấy không hay nói". Mẹ bảo hắn chạy ngay đi lấy vải về. Hắn chạy đến thấy vải vẫn còn ở tay pho tượng bèn nói: - "Trả mau!". Lúc này gió lay đầu hơi lắc về phía trái làm cho hắn tưởng là tượng không muốn trả - "À, không trả à!". Hắn nói thế, rồi cầm gậy vụt túi bụi vào tượng, đoạn cướp lấy vải chạy về.

Chàng ngốc trong truyện do người miền Buốc-gô-nhơ (Bourgogne) kể, thì sau khi bán vải cho tượng, trở lại dòi tiền không được, hắn đập vỡ pho tượng, không ngờ thấy ở đế tượng có một kho vàng.

Truyện của người Brơ-tông (Breton) cũng tương tự nhưng còn thêm một đoạn kết: Mẹ Vac-đi-en-lô sợ con ngu ngốc làm lộ chuyện tìm thấy kho vàng ở đế tượng, sẽ bị quan trên tịch thu, bèn nghĩ ra một mẹo. Sau khi lấy kho vàng về, bà bảo con ngồi chơi trước cửa nhà rồi đứng nấp từ trên cao, vãi xuống những quả vả và nho khô cho nó nhặt.

Sau con quả làm lộ chuyện, việc mang đến trước quan án. Người ta tra vấn đứa con tìm được vàng vào hôm nào? Nó đáp: -"Vào hôm trời mưa ra nho khô và vả". Người ta tưởng nó điên nên không tra gạn nữa[1].

Truyện của Việt-nam *Ngốc buôn mắm tôm*:

Một chàng ngốc vô công rồi nghề, mẹ bảo đi buôn. Ngốc ta nghe nói buôn mắm tôm có lãi bèn đi mua về một gánh. Rao khắp nơi chẳng ai gọi. Qua một ruộng khoai môn, sau khi cất tiếng rao thấy lá khoai môn đung đưa, Ngốc hỏi: - "Mua hả?". Lá vẫn đung đưa như kiểu gật đầu. Ngốc tưởng là bằng lòng liền múc cho mỗi lá một muôi. Múc xong, hỏi: - "Tiền?". Thấy lá đung đưa Ngốc hỏi: -"Chịu hả?" bèn quảy gánh về.

Sáng dậy, Ngốc đến ruộng đòi tiền: -"Giả tiền đây!" Lá dung đưa như kiểu lắc đầu. -"À, chúng mày quỵt hả?". Nói đoạn cầm đòn gánh vụt cho tan tác. Bắt đồ người chủ ruộng khoai môn đi qua thấy vậy, bèn nắm lấy áo Ngốc bắt bồi thường[2].

Về tình tiết làm đổ tượng không nâng dậy được, xem thêm truyện *Vua Heo* (số **104**, tập **III**).

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren.*
2. Theo lời kể của người Nam-định.

42. CỦA THIÊN TRẢ ĐỊA

Ngày xưa, có Thiên và Địa là hai anh chàng cày thuê cuốc mướn cùng ở một làng. Họ giống nhau ở chỗ anh nào anh ấy đều nghèo rớt mùng tơi và đều mồ côi cha mẹ. Nhưng Thiên rất sáng dạ, bảo gì hiểu nấy. Một hôm Địa bảo hắn:

- Nếu hai ta cùng như thế này cả thì không biết bao giờ mới cất đầu lên được. Sẵn anh là người có khiếu thông minh, nếu được học hành chắc ngày sau sẽ thi đậu làm quan to. Vậy từ nay anh đừng đi làm nữa, tôi sẽ cố sức làm thêm để lấy tiền nuôi anh ăn học. Lúc nào anh làm nên, đôi ta sẽ chung hưởng phú quý.

Thiên nhận lời nhưng Địa còn dặn: Lúc nào hiển đạt anh đừng có quên tôi nhé!

Rồi đó Địa trần lực đêm ngày làm thuê để nuôi bạn. Thấy Thiên học mỗi ngày một tiến, anh chàng lại càng hăng hái làm việc, không quản gì cả. Cứ như thế sau mười năm đèn sách, Thiên đậu khoa thi hương rồi vào thi đình đậu luôn Trạng nguyên. Hắn được nhà vua bổ làm quan to, có kẻ hầu người hạ đông đúc, có dinh thự nguy nga, được mọi người trọng vọng.

Được tin, Địa rất sung sướng. Lập tức, anh chàng đem trâu cày về trả chủ. Rồi anh bán phăng cái nhà ở lấy một số tiền mua đồ lễ tìm vào dinh bạn. Địa có ngờ đâu khi đến nơi thì Thiên đã thay lòng đổi dạ không muốn nhận lại bạn cũ nữa. Hắn dặn quân canh cấm cửa không cho Địa vào. Địa bị đuổi tủi thân, lủi thủi ra về. Vừa đến bờ sông, anh chàng ngồi lại, nước mắt rơi lã chã nghĩ đến lòng người đen bạc, số phận hẩm hiu, vả bấy giờ về làng cũng không biết ở vào đâu nữa vì nhà đã bán mất rồi. Tự dưng Bụt hiện lên làm một người khách qua đường dừng lại hỏi anh: -"Con làm sao mà khóc?". Địa kể lể đầu đuôi cho Bụt nghe. Bụt bèn hóa phép cho anh một chiếc đò và dặn rằng: -"Con cứ

ở đây chở khách qua lại trên sông này cũng đủ ăn, không phải đi làm thuê nữa".

Địa nghe lời, ở lại đó làm nghề chống đò ngang. Nhưng anh chàng chỉ kiếm vừa đủ nuôi miệng, không để dành được một đồng tiền nào. Cho nên đến ngày giỗ cha chẳng biết lấy gì mà cúng. Chiều hôm ấy, sau khi chở cho mấy người khách sang bờ bên kia, Địa vừa chèo về đến nửa sông đã lại nghe có tiếng gọi đò. Anh lại cho đò trở lại. Khách là một người đàn bà còn trẻ tuổi và rất xinh đẹp. Trời lúc ấy đã nhá nhem, người đàn bà nói với Địa:

- Trời đã tối mà đường còn xa, anh làm ơn cho tôi nghỉ nhờ một đêm.

Nhà Địa chỉ là một túp lều bên sông, trong nhà chỉ có một cái chõng, nhưng anh cũng nhường cho người đàn bà ấy nằm. Thấy Địa toan đi kiếm một nơi khác ngủ, người đàn bà bỗng hỏi anh:- "Anh đã có vợ chưa?". Địa trả lời: -"Chưa" - "Tôi xin làm vợ anh!". Địa rất ngạc nhiên và bỡ ngỡ, không biết trả lời ra thế nào cả. Nàng lại nói: -"Tôi là người trên cung tiên. Trời thấy anh là người tử tế mà chịu khổ chịu sở đã nhiều rồi nên cho tôi xuống giúp anh sung sướng". Nói rồi nàng hóa phép biến túp lều bên bờ sông thành một dinh cơ rất đẹp: nhà ngói, tường dắc, hành lang, sân gạch, trong nhà đồ dùng thức đựng đầy đủ, kẻ hầu người hạ từng đoàn.

Địa vừa kinh lạ vừa vui sướng. Nàng tiên lại hóa phép làm ra cỗ bàn linh đình để cho anh chàng làm giỗ cúng cha. Sáng hôm sau, nàng tiên bảo Địa hãy mặc đồ gấm vóc, ngồi kiệu đến mời Thiên sang nhà mình ăn giỗ. Lần này Địa được Thiên tiếp đãi có phần tử tế. Nhưng khi nghe nói mời đến nhà ăn giỗ, hắn bĩu môi bảo Địa:

- Chú muốn ta đến chơi thì hãy trải chiếu hoa từ đây tới nhà, ta sẽ đến.

Địa về kể chuyện lại cho vợ nghe. Nàng tiên lại hóa phép thành chiếu hoa trải một đoạn đường dài từ nhà mình đến dinh Thiên ở. Thiên không ngờ trong thời gian vừa qua Địa cũng trở nên giàu có lớn, mới đến xem cho biết sự tình. Đến nơi, hắn rất lấy làm lạ khi thấy nhà cửa và mọi thứ đồ đạc của Địa ít có nhà nào bì kịp. Khi ăn giỗ, vợ Địa thân hành ra mời rượu. Thấy nàng đẹp quá, Thiên đâm ra ganh tỵ với hạnh phúc của Địa. Rượu say, hắn nói:

- Chú đổi vợ chú cùng cơ nghiệp này cho tôi thì tôi nhường chức quan cùng dinh cơ của tôi cho chú.

Không bao giờ Địa lại muốn như thế, nhưng nàng tiên bảo nhỏ xui Địa bằng lòng. Hai bên cùng làm tờ giao ước. Thế rồi sau đó Địa lên võng về dinh, còn Thiên say rượu nằm ngủ một giấc ly bì. Nhưng đến sáng hôm sau, khi bừng mắt tỉnh dậy, hắn ngơ ngác thấy mình nằm ở giữa một túp lều bên sông. Người vợ đẹp cùng là dinh cơ của hắn ngày hôm qua đã biến đâu mất cả. Từ đó hắn làm nghề chống đò thay Địa. Còn Địa hóa ra thông minh khôn ngoan, làm quan sung sướng mãi[1].

Ngày nay câu *Của Thiên trả Địa* là do sự tích trên mà có.

KHẢO DỊ

Đồng bào Xạ-phang có truyện *Người con gái cá* dường như là một dị bản của truyện trên, chỉ có khác ở đoạn đầu.

Siển Lở mồ côi nghèo khó đi ở cho Sơ Sán nhưng bị đối đãi không tốt, trừ có vợ Sơ Sán thường cưu mang anh. Một hôm Sơ Sán mua được con cá chép bảo Siển Lở làm thịt. Thấy cá chảy nước mắt khóc, anh động lòng thương, bèn thả cá xuống suối, vì thế bị Sơ Sán đánh đập và đuổi đi. Nhưng bấy giờ con cá đã hóa thành người con gái đẹp; thấy anh khóc than, cô gái hỏi tình cảnh của anh, rồi hóa phép thành nhà cửa của cải, đầy tớ hầu hạ và mọi của ngon vật lạ khác. Cô gái xui anh mời Sơ Sán đến ăn cơm và dặn nếu hắn có đòi đổi thì cứ nhận lời.

Sơ Sán thấy Siển Lở bị đuổi mà lại trở nên khá giả, nên nhận lời đến ăn cơm. Đến nơi, hắn không ngờ người đầy tớ của mình bây giờ giàu có lớn, lại có người vợ đẹp gấp mấy vợ mình, bèn gạ đổi cho nhau, kể cả vợ. Nhớ lời dặn của cô gái, Siển Lở bằng lòng, hai bên bèn làm giấy ký nhận. Siển Lở lĩnh lấy cơ nghiệp Sơ Sán và người vợ hắn mà trước đây vẫn có bụng tốt đối với mình. Còn Sơ Sán say rượu ngủ một giấc, khi tỉnh dậy thấy một mình nằm dưới gốc cây, người đẹp đã biến đi đâu mất. Đang ngơ ngác thì một trận gió thổi mạnh dâng nước lên cuốn hắn đi mất tích[2].

1. Theo *Truyện cổ tích Việt-nam* của Nguyễn Bính.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.

43. NỢ TÌNH CHƯA TRẢ CHO AI, KHỐI TÌNH MANG XUỐNG TUYỀN ĐÀI CHƯA TAN

Ngày xưa ở huyện Thanh-trì có một anh chàng học trò nghèo họ Nguyễn. Anh ta mồ côi cha, cửa nhà sa sút. Người mẹ làm nghề chống đò ngang cố nuôi cho con ăn học. Nhưng nghề đó không đủ nuôi cả mẹ liền con. Nhiều lúc anh ta phải nghỉ học trở về chống đò thay mẹ tuổi già sức yếu. Nhà anh ta là một túp lều dựng bên sông. Anh có giọng hát rất hay lại rất đẹp trai làm cho những cô gái vùng đó phải say mê ngây ngất.

Ở bên kia sông có nhà phú ông họ Trần. Phú ông có một cô gái chưa chồng. Thỉnh thoảng cô gái vẫn gặp anh chàng học trò chống đò qua lại cho khách bộ hành. Thấy người hàn sĩ trẻ tuổi, nàng đâm ra quyến luyến. Nhất là những buổi chiều hè, nghe tiếng hát của anh văng vẳng bên sông, nàng không thể cầm lòng được. Một hôm nàng đánh bạo nhờ một con nhài thân tín mang một cái trâm và một chiếc quạt đến tặng người mà mình thầm mơ trộm tưởng. Nàng còn dặn chàng cứ nhờ người đến dạm hỏi, đã có mình tay trong, việc hôn nhân chắc thế nào rồi cũng sẽ thành.

Anh chàng nhận được tặng vật vừa mừng vừa lo. Anh ta thưa lại với mẹ để nhờ mẹ tìm cách lo liệu. Bà mẹ bảo con:

- Con đừng có chơi trèo, mang lấy một tiếng cười vô ích.

Nhưng anh ta thì rất tin tưởng:

- Mẹ cứ cố liệu cho con đi. Cô ấy đã thương con thì dù có một trăm chỗ lệch cũng kê được bằng mẹ ạ.

Bà mẹ chiều con, nhờ một người khéo ăn khéo nói mang trầu cau sang thưa chuyện.

Khi phú ông vừa nghe người mối ngỏ lời cầu thân, vẻ khinh thị đã hiện ra trên nét mặt. Hắn không đợi hỏi ý con gái, trả ngay lễ vật lại. Người mối nói: - "Thưa cụ, anh chàng họ Nguyễn bẩm tính thông minh và khôi ngô". Hắn đáp một cách mỉa mai: - "Con gái tôi ngu đần, xấu xí, đâu dám sánh duyên với người tài mạo tót vời". Người mối vẫn bền chí ngồi lại, nhắc đến tương lai tốt đẹp của đôi vợ chồng một khi chàng trai hiển đạt. Nhưng phú ông vẫn gạt đi:

- Con gái của tôi không có số làm bà đâu, đừng nhiều lời vô ích.

Rồi hắn đuổi khéo người mối về với câu thách:

- Muốn lấy con gái ta hãy mang ba trăm lạng vàng đến làm sính lễ.

Nghe người mối kể lại anh chàng vừa buồn vừa thẹn. Qua ngày hôm sau, anh ta thưa với mẹ:

- Mẹ cứ tin ở con, con sẽ đi lập nghiệp để kiếm tiền về cưới vợ cho mẹ xem.

Nói rồi bỏ nhà đi biệt.

Lại nói chuyện cô gái phú ông thấy cha không thuận lấy làm buồn rầu, chưa biết tính thế nào. Đang cơn phiền muộn lại nghe tin người yêu đi mất, nàng vô cùng chua xót. Nàng đâm ra tưởng nhớ anh chàng chống đò không có cách gì nguôi được. Dần dần vì thế sinh bệnh. Phú ông cố tìm thầy chạy thuốc, nhưng người nàng ngày một gầy mòn. Nụ hoa mới nẩy cành không ngờ đã sớm héo tàn và rơi rụng. Phú ông thương tiếc sai người hỏa táng theo như lời trối của con. Khi gạt đống tro của người bạc mệnh, người ta tìm được một khối bằng cái đấu, đỏ như son và trong suốt như thủy tinh. Phú ông đưa về rồi sau đó thuê thợ tiện tiện thành chén trà dùng làm đồ thờ con gái. Mỗi lần pha nước vào chén trà người ta thấy có bóng anh con trai chống đò ngang ở trong đó. Biết là con gái chết vì tương tư anh học trò khó đến hỏi ngày nọ, phú ông rất lấy làm hối hận.

*

* *

Anh chàng họ Nguyễn cất chân ra đi với hai bàn tay trắng. Trải qua khá nhiều ngày gian truân, cuối cùng anh làm môn khách cho một ông

quan trấn tướng của triều đình đóng ở Cao-bằng. Anh là người có nhiều tài nên dần dần lấy được lòng tin cậy của chủ. Anh đã giúp chủ nhiều việc quan trọng ở biên thùy rất đắc lực, và cũng do đó kiếm được rất nhiều tiền. Sau ba năm anh đã để dành được 300 lạng vàng. Thấy trong tay đã có đủ tiền để cưới người yêu, một hôm anh xin phép trấn tướng trở về quê hương.

Trên đường về, anh chàng họ Nguyễn lòng mừng khấp khởi. Không ngờ khi về đến nhà thì nghe tin người yêu đã không còn nữa. Anh sang nhà phú ông, nước mắt đầm đìa cả tay áo gấm. Phú ông hết lời từ tạ rồi đưa chén trà cho anh xem. Nghe kể chuyện, anh chàng lại càng thổn thức. Nhưng khi những giọt nước mắt rơi vào chén, chén tự nhiên tan ra huyết ướt đẫm cả tay.

Từ đó xuất hiện câu ca dao:

Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan [1].

KHẢO DỊ

Truyện trên rất giống với truyện *Trương Chi*:

Ngày xưa có một cô gái tên là Mỵ Nương nhan sắc xinh đẹp con một ông thừa tướng. Nàng ở trong một ngôi lầu gần bờ sông. Bấy giờ có một chàng trai con nhà thuyền chài, tên là Trương Chi, cứ ngày ngày đến thả lưới ở khúc sông đó. Chàng mặt mũi xấu xí nhưng có tiếng hát rất quyến rũ. Mỗi khi chèo thuyền, tiếng hát của chàng cất lên văng vẳng làm cho Mỵ Nương nghe mà mê mệt. Có một dạo Trương Chi không đến đánh cá ở khúc sông đó, Mỵ Nương trở nên sầu tư. Ít lâu sau, chàng lại đến. Mỵ Nương lại vui vẻ mở cửa sổ trông xuống và lắng nghe tiếng hát. Dần dần nàng đâm ra say mê anh chàng thành bệnh tương tư, thuốc thang chữa mãi không khỏi. Cả nhà lấy làm lo lắng vì bệnh ngày một nặng. Thừa tướng tra gạn, biết chuyện, bèn cho người đi gọi Trương Chi vào dinh. Chàng ngồi sắc thuốc và hát cho nàng nghe. Mỵ

1. Theo *Lan trì kiến văn lục* của Vũ Nguyên Hanh và *Thực nghiệp dân báo* (1924).

Nương nhìn thấy mặt chàng xấu xí bèn sượng sùng làng tránh. Từ đấy nàng tự nhiên khỏi bệnh và cũng không tương tư nữa.

Nhưng lại đến lượt Trương Chi phải lòng Mỵ Nương. Giận cho duyên phận hẩm hiu, chàng nhảy xuống sông tự tử. Hồn Trương Chi nhập vào cây bạch đàn được thừa tướng vô tình mua về, sai tiện làm một bộ đồ trà. Mỗi lần rót nước vào chén, người ta thấy trong đó có bóng dáng anh chàng đánh cá ngày xưa. Mỵ Nương cầm chén, nhớ đến chuyện cũ rưng rưng giọt lệ. Khi bị những giọt nước mắt của Mỵ Nương rơi vào [1], tự nhiên cái chén tan ra nước.

Người Cham-pa cũng có truyện *Anh chàng mê công chúa*:

Xưa có một người dàn bà nhà nghèo có một người con trai. Nhà của họ ở gần cung vua. Anh chàng thường ngày trông thấy những nàng công chúa đi dạo trong vườn ngự và đâm mê nàng công chúa thứ ba trẻ nhất và đẹp nhất. Một hôm hắn xin mẹ kiếm cho một con trâu trắng để hắn kiếm cách gần gụi nàng. Được trâu, hắn cưỡi lên lưng đi vào vườn ngự cho ăn cỏ. Công chúa thấy con trâu lạ thích mắt, ra nhìn và làm quen với anh chàng, tặng anh một cái nhẫn.

Nhưng cuối cùng biết không thể lấy được nhau, người con trai sinh ra ốm tương tư. Bệnh ngày càng nặng. Thấy mẹ đi tìm thầy pháp, hắn trối: - "Không có thần nào làm đau cả đâu mẹ ạ! Chỉ vì con mê nàng công chúa nên mới như thế này. Khi con chết mẹ nhớ móc lấy buồng gan phơi khô rồi bỏ vào trong một cái hộp cất đi một chỗ". Nói xong hắn chết.

Không bao lâu nhà vua bỗng bị bệnh đau mắt rất nặng không có thuốc gì chữa khỏi. Thầy bói cho biết rằng mắt của vua sẽ lành nếu có gan người phơi khô lâu năm ngâm nước rồi dùng nước ấy rửa mắt. Nhà vua lập tức sai quân hầu đi tìm khắp mọi nơi, xem ai có thứ của lạ ấy thì sẽ trọng thưởng. Bà mẹ chàng trai kia nghe tin liền mang hộp đến dâng vua. Vua làm y lời thầy bói và quả nhiên lành bệnh. Nhưng vua trông thấy trong chậu có bóng dáng một chàng trai rất xinh ở ngón tay có đeo chiếc nhẫn. Thấy sự lạ, vua gọi các con gái đến xem. Nàng công chúa thứ nhất đến xem không thấy gì cả. Nàng công

1. Theo *Truyện Trương Chi*. Nhà in Phúc Chi xuất bản. Theo *Sử Nam chí dị* và *Truyện cổ tích Việt-nam* (của Nguyễn Bính) thì Trương Chi không nhảy xuống sông. Chàng thất tình thành bệnh mà chết. Được ba năm người ta bốc mả thấy một khối bằng quả cam trong như thủy tinh. Sau đó thừa tướng trông thấy mua về sai tiện làm chén uống nước.

chúa thứ hai cũng thế. Đến lượt công chúa thứ ba thì nhận ra ngay anh chàng cưỡi trâu trắng ngày xưa. Anh chàng giơ tay cho công chúa bắt, rồi hắn lôi nàng vào chậu và cả hai biến mất. Thấy mất con gái, vua sai thầy bói đoán xem số phận của con thế nào. Thầy bói cho biết đó là lá gan của một anh chàng ngày xưa chết vì tương tư công chúa. Bây giờ nhân việc vua chữa mắt, nó lại hiện ra và đưa công chúa đi. Thầy bói còn cho biết rồi đây hắn sẽ đầu thai làm con vua, còn công chúa sẽ đầu thai làm con người đàn bà mẹ chàng trai kia. Sau đó, hoàng hậu đẻ ra một hoàng tử ở tay có đeo chiếc nhẫn. Còn người đàn bà kia thì đẻ ra một cô gái cổ có đeo hai chuỗi hạt vàng. Lớn lên họ lấy nhau và trị vì đất nước[1].

1. Theo lời kể của đồng bào Cham-pa, và Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*.

44. NỢ NHƯ CHÚA CHỔM

Vào thời nhà Lê, có một ông quan lớn trong triều tên là Mạc Đăng Dung có chí muốn cướp ngôi vua. Nhà vua biết được tin đó nhưng thế lực của Mạc rất lớn: ông ta cầm binh quyền, bè đảng lại đông nên không thể làm gì được. Cuối cùng nhà vua cất lẻn trốn đi nhưng chẳng được bao lâu đã bị Mạc Đăng Dung bắt đem về giam lại.

Hồi ấy ở trại giam có một cô hàng rượu vẫn thường gánh rượu đến bán cho lính canh ngục. Một hôm, cô hàng đưa rượu vào bán, thấy có một phạm nhân mới mặt mũi khôi ngô bị giam riêng ra một nơi. Khi biết người đó làm vua, cô hàng có ý muốn làm quen. Mỗi lần bán rượu cho ngục tốt nàng đều rót rượu cho vua uống. Dần dà giữa hai người một mối tình nhóm lên. Một hôm cô hàng cất một mẻ rượu rất ngon lại có pha thuốc mê đem đến chuốc cho quân canh. Chờ cho họ nằm gục xuống, nàng bèn vào tình tự với vua.

Từ đó cô hàng rượu có thai. Nhà vua biết mình không thoát khỏi bàn tay tàn bạo của Mạc, bèn giao ấn ngọc lại cho nàng và nói:

- Nàng hãy giữ vật này làm tin, nếu sau này đẻ con trai, sẽ có ngày nó phục thù cho cha.

Không bao lâu, nhà vua quả bị họ Mạc sai người vào ngục giết chết. Tất cả hoàng hậu, thái tử, công chúa, phi tần của vua đều chịu chung số phận. Xong việc đó, Mạc chiếm lấy ngôi Lê làm vua nước Đại-việt.

Cô hàng rượu được tin không còn hồn vía nào nữa. Nàng trốn đi nơi khác làm thuê làm mướn, sống một cuộc đời lẩn lút. Đủ ngày đủ tháng, nàng sinh được một người con trai đặt tên là Chổm. Lớn lên, Chổm được vào chùa ở với sư cụ Thạch Toàn học kinh kệ. Hắn rất sáng dạ nhưng phải cái nghịch ngợm thì không ai bằng.

Một hôm đi chơi về đói, Chổm thấy trước tượng Mụ Thiện có bày một mâm bồng đầy chuối và quýt. Anh chàng rón rén đến bẹ, bịt mắt Mụ Thiện lại và bẻ chuối ăn. Bất đồ sư cụ ở đâu đi vào trông thấy liền nọc cổ Chổm ra đánh. Chổm tức lắm, chờ lúc sư đi vắng lấy giấy viết mấy chữ "Mười tay, mười mắt không giúp được gì cho ta. Thật là vô ích. Phải đày đi phương xa". Viết xong dán vào ngực Mụ Thiện. Đêm hôm ấy sư cụ tự nhiên mộng thấy Mụ Thiện bảo mình rằng: -"Nhà vua đói nên mới ăn, sao lại đánh ngài để ngài đuổi ta đi? Phải mau mau tìm cách xin lỗi ngài, để ngài tha cho ta". Tỉnh dậy, sư cụ rất phân vân, mới gọi chú tiểu Chổm vào kể chuyện cho biết và bảo bóc giấy đi. Sư cụ hỏi anh chàng: -"Cha mày đâu?". Chổm đáp: -"Tôi lớn lên chưa từng nghe nói có cha".

Sau đó Chổm trở về hỏi mẹ: -"Cha con đâu?". Mẹ sợ không dám nói sự thật cho con biết, đáp: -"Cha con là họ Lê, bị hổ ăn thịt chết rồi". Nghe nói Chổm rất buồn. Từ hôm đó anh chàng lập tâm giết hổ để báo thù cho cha.

Một hôm, Chổm vào rừng chơi, thấy một con hổ đang ngủ dưới gốc cây, liền rón rén cầm một hòn đá lớn ném mạnh vào đầu hổ, hổ vỡ óc chết tươi. Đang nắm đuôi hổ lôi về thì Chổm bỗng gặp một con hổ khác xông ra. Chổm sợ quá, quẳng xác hổ cắm đầu chạy. Nào ngờ khi hổ sắp đuổi kịp thì tự nhiên có một ông già tay cầm côn sắt ở trong rừng hiện ra đánh chết con hổ dữ. Chổm thoát chết, sụp lạy ông già. Ông già trao cho chàng cái côn, bảo: -"Con hãy học một ít miếng võ để mà hộ thân". Chổm sung sướng vâng lời. Dạy xong, ông già cho Chổm cái côn rồi đi mất.

Từ đó, Chổm dùng côn làm vũ khí tùy thân. Một hôm đi qua một cái miếu, nghe đồn có nhiều yêu quái hại người, Chổm bèn cầm côn trèo tường nhảy vào tìm yêu quái. Một lát, ở trong hang sâu bò ra một con rắn lớn mắt sáng như sao, miệng phun khí độc toan vồ lấy Chổm. Chổm giơ thần côn vụt lấy vụt để vào đầu rắn. Rắn chết, từ đó trong xóm được yên ổn.

Hai mẹ con Chổm về sau thấy yên lại trở về chốn cũ. Hằng ngày anh chàng đi kiếm củi hoặc làm thuê làm mướn nuôi mẹ. Những lúc bụng

đói, Chổm thường vào ăn cơm hay mua thức ăn ở các quán cơm tại cửa ô. Hàng nào được Chổm vào ăn là hôm đó bán đắt như tôm tươi, còn các hàng khác chỉ ngồi xua ruồi. Người ta cho là Chổm nhẹ vía nên hàng nào cũng muốn mời anh ta vào ăn, dù bán chịu cũng được. Chổm được thể ngày nào cũng đánh chén loang toàng và tiêu pha bạt mạng. Toàn là ăn chịu mua chịu. Ai hỏi nợ, hắn đều bảo:

- Đến ngày tôi làm nên, sẽ xin trả chu tất!

Hồi bấy giờ có một vị quan tên là Nguyễn Kim trốn sang Lào mưu đồ việc diệt Mạc. Vua nước Lào nhường cho ông miếng đất Sầm-châu làm căn cứ để lo việc khởi nghĩa. Qua mấy năm chiêu binh mãi mã, Nguyễn Kim đã gây được lực lượng. Nhưng ông ta còn muốn tìm một người thuộc dòng chính thống để bá cáo với thiên hạ. Khốn nỗi, con cháu vua Lê đã bị Mạc giết hại hầu hết. Một đêm nọ Nguyễn Kim thấy một vị thần nhân hiện ra trong giấc mộng bảo ông: -"Thiên tử ra đời đã lâu sao không đón về còn chờ gì nữa". Ông hỏi: -"Ở đâu?" -"Cứ đi về phía Tây kinh thành, ở dãy hàng cơm đúng ngày thìn giờ ngọ, hễ thấy rồng đen quấn cột là chính thị thiên tử".

Sau khi tỉnh dậy, Nguyễn Kim rất mừng, bèn mang theo một ít bộ hạ cải trang đi tìm con cháu nhà Lê theo như lời thần nhân đã mách. Hôm đó, Chổm đang ngồi ở hàng cơm, thấy có mấy người khách lạ đi qua bèn đứng ôm lấy cột nhìn ra. Nguyễn Kim rảo qua một lượt chỉ thấy quấn cột là một chàng trai trẻ tuổi da đen sì, nhưng thấy dáng điệu hèn hạ nên cũng không để ý.

Đêm hôm đó Nguyễn Kim lại mộng thấy thần trách: -"Ta đã mách cho biết thiên tử mà không nghe. Ngày mai ra bờ sông hễ thấy ai đội mũ sắt, cưỡi thuyền rồng là đúng". Ngày mai Nguyễn Kim chực ở bờ sông nhìn những thuyền bè qua lại, nhưng chờ mãi chả thấy ai đội mũ sắt cả. Mãi đến gần tối có một chuyến đò ngang, trong đó có Chổm và một người bán chảo gang. Gặp khi trời đổ cơn mưa, Chổm không có nón, phải mượn chiếc chảo úp lên đầu cho đỡ ướt. Nhưng Nguyễn Kim không chú ý vì thấy y không có vẻ gì là người quyền quý. Thần lại xuất hiện trong giấc mộng của Nguyễn Kim trách ông ta không nghe lời mình rồi bảo: -"Ngày mai cứ đến chỗ quán cơm cũ tìm người nào "đi chữ đại, trở lại chữ vương" thì đón về".

Qua ngày sau, Nguyễn Kim và bộ hạ lại kéo nhau đi tìm. Họ quả thấy anh con trai hôm nọ bây giờ đang rượu say nằm trong quán cơm, đầu gối lên ngọn côn, hai tay bỏ xuôi xuống, hai chân dạng ra hai bên như chữ "đại" (大). Bỏ đi một chốc, đến lúc trở lại họ thấy Chổm cựa mình, lúc này ngọn côn trật lên khỏi đầu, hai tay bỏ ra trước ngực còn hai chân thì xếp bằng tròn như chữ "vương" (王). Bấy giờ Nguyễn Kim mới tin chắc anh chàng này là người thần có ý mách cho mình, bèn giả cách vào quán ăn uống, chờ Chổm dậy sẽ đến làm quen.

Chổm chợt tỉnh, thấy một người khăn áo có vẻ quyền quý đến sát giường mình, thì cầm côn chực bỏ chạy. Nhưng Nguyễn Kim đã giữ Chổm lại thưa rằng:

- Xin điện hạ đừng sợ.

Chổm ngạc nhiên đáp:

- Ô hay! Điện hạ nào. Tôi là thằng Chổm đây!

Nhưng thấy người quyền quý ấy có vẻ ân cần khi hỏi thăm cha mẹ và chỗ ở, Chổm an tâm hơn trả lời:

- Tôi họ Lê, cha bị hổ ăn thịt, còn mẹ ở nhà.

Nghe nói là họ Lê, bọn Nguyễn Kim mười phần đã chắc đến bảy tám, liền theo Chổm về đến tận nơi. Trước những người khách lạ, mẹ Chổm nửa mừng nửa sợ. Mãi đến khi biết được thiện ý của bọn họ bà mới đưa ấn ngọc ra và kể rõ tình đầu.

Thế là từ đó Chổm cùng mẹ từ giã ngôi nhà nát ở ngoại thành lên đường đến Sầm-châu lo việc phục thù cho cha. Thanh thế quân Lê mỗi ngày một to. Vua Mạc nghe tin sai tướng đem sáu mươi vạn quân vào đánh. Qua bao nhiêu trận kịch chiến, quân Lê đại thắng. Rồi không bao lâu, quân của Chổm tiến đánh ra Bắc. Quân Mạc hễ thấy quân Lê đến đâu là chạy trốn như vịt. Bấy giờ Chổm đường đường là một vị chúa uy thế lẫy lừng.

Đến ngày khải hoàn, trở về kinh thành, khi quân gia đang trên đường tiến vào cửa ô thì bỗng có một số người chủ hàng cơm ngày xưa bán chịu cho Chổm, từ đâu kéo ra để chào người quen và để đòi nợ cũ. Thấy thế, bọn lính tiền đạo toan bắt tội vô lễ. Nhưng chúa Chổm ngăn

lại rồi kể chuyện ăn chịu ngày còn hàn vi cho các tướng tá nghe. Đoạn bảo quan hầu lấy tiền ra trả cho họ. Lúc đó có nhiều người thấy kẻ kia đòi được nợ cũng xúm lại kể ơn nghĩa cũ: kẻ tính thành năm quan, người kể thành mười, v.v... biến thành một cuộc truy nợ đông như đám hội. Bọn quan hầu đếm tiền mãi không xiết vì con số chủ nợ mỗi ngày một tăng. Bọn họ bèn nghĩ ra được một kế là đứng trên kiệu vung tiền xuống cho ai nhặt được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu. Mọi người thấy thế đổ xô ra cướp. Dần dần quan quân tiến đến phố cứ như bây giờ là vườn hoa cửa Nam. Một viên đại tướng nghĩ chúa mình sắp lên ngôi tôn mà khách nợ cứ chạy theo réo mãi như thế này thì còn thể thống gì nữa, mới viết vào một tờ giấy hai chữ "cấm chỉ" dán ở giữa phố và sai một toán quân đóng lại đó, ra lệnh hễ thấy ai còn đòi nợ chúa nữa thì chém ngay. Nhờ thế, người ta mới thôi réo và thôi đuổi theo xe Chổm.

Chúa Chổm vào đến hoàng cung thì trời sắp tối. Thấy văn võ bách quan ai cũng mong muốn mình lên ngôi ngay để yên lòng thiên hạ, Chổm bèn ngửa mặt khấn trời rằng: -"Hỡi thượng đế, nếu tôi xứng đáng nối nghiệp nhà Lê thì xin quay mặt trời trở lại chính ngọ, bằng không thì tôi sẽ trở về chốn cũ làm ăn, giao quyền vị lại cho người khác". Khấn được một lúc, quả nhiên trời sắp tối bỗng sáng hẳn, mặt trời lại treo giữa đỉnh đầu. Chổm đường hoàng bước lên đàn làm lễ đăng quang tự xưng hoàng đế. Lễ tất, mặt trời tự nhiên kéo một mạch về phương Tây lặn mất. Trời bỗng lại tối sầm như mực; lúc mọi nhà vừa thắp đèn lên thì gà vừa gáy canh[1].

Ngày nay còn có câu tục ngữ *Nợ như chúa Chổm* và có câu phong dao:

Vua Ngô ba mươi sáu tán vàng,
Thác xuống âm phủ chẳng mang được gì.
Chúa Chổm mắc nợ tỳ tỳ,
Thác xuống âm phủ kém gì vua Ngô.

Ở chỗ vườn hoa cửa Nam bây giờ, cũng do sự tích trên mà người ta còn gọi là "Ngã tư Cấm chỉ".

1. Theo Vũ Khắc Minh và Phan Hàn Khanh. *Truyện Chúa Chổm*.

KHẢO DỊ

Truyện này rõ ràng đã được nhà nho tô điểm để đề cao "thiên mệnh", đề cao "thuyết dòng giống", nhưng vẫn không xóa mờ được tính chất dân gian của nó. Chúng tôi kể vào đây để bạn đọc tiện so sánh với những truyện khác như *Vua Heo* (số **104**, tập **III**),v.v... Về đoạn đội nón sắt cưỡi thuyền rồng có sách kể là đội nón sắt đi kiệu: "Chổm đội chảo lên đầu che mưa, đến nhà hàng bị chó đuổi phải chạy lên cối xay ngồi"[1].

Đoạn cuối có lẽ mượn lại một mô-típ của thần thoại hoặc anh hùng ca thời cổ: mô-típ kéo mặt trời lùi lại. Có phần tương tự với truyện *Anh hùng Ghi-ông* của đồng bào Ba-na (Bahnar): Ghi-ông cùng em là Ghi-ở luôn luôn là kẻ chiến thắng trong các cuộc đọ sức với các lực sĩ khác. Mọi người đều phải hàng phục họ. Một hôm Ghi-ông lên trời đánh Thần Sét và làm cho Thần Sét bị thương. Hôm khác, Ghi-ông đến xứ sở của Đam Da-rai bắt lấy vợ của y đem về. Đam Da-rai đuổi theo đòi Ghi-ông bồi thường nhưng y chỉ nhận được những lời chửi rủa. Cuộc giao chiến bèn nổ ra lúc mặt trời mọc với một khí thế rất dữ dội. Ghi-ông càng đánh càng khỏe làm cho Đam Da-rai có phần suy nhược. Nhưng lúc ấy trời đã sắp tối mà anh chàng vẫn chưa kết liễu được trận thắng. Ghi-ông bèn nhảy lên trời gọi tất cả các thần kéo lùi mặt trời trở lại thành buổi trưa để cho hắn đánh nốt. Mặt trời quả được kéo lên, mặt đất đang tối tự nhiên lại sáng. Ghi-ông hạ được đối phương, chiếm được người đẹp. Đam Da-rai ngã xuống chiến trường sau thành một ngôi sao, ngày nay còn gọi là sao Đam Da-rai[2].

Trung-quốc cũng có một truyện thuộc kiểu truyện *Anh hùng Ghi-ông*: Lỗ Dương Công đem quân đánh nhau với quân nước Hàn, nhưng chưa phân thắng phụ. Trời đã chiều, ông không muốn bỏ dở trận đánh. Bèn giơ ngọn giáo vẫy mặt trời lên. Mặt trời quả vâng theo lời lùi lại ba xá (mỗi xá là 30 dặm, tức là 90 dặm) cho ông kết liễu trận thắng[3].

Xem thêm truyện *Người học trò với ba con quỷ* (số **131**), tập **III**.

Về tình tiết Chổm đày Mụ Thiện, ở truyện *Trạng Hiền* (số **81**), truyện Lý Thái Tổ (của ta), truyện Minh Thái Tổ (của Trung-quốc) đều có, tuy đối tượng bị đày có thay đổi: truyện *Trạng Hiền* thì đày Phật, truyện Lý Thái Tổ đày Hộ pháp, truyện Minh Thái Tổ đày Già lam[4].

1. *Chúa Chổm tân truyện*.
2. Theo lời kể của đồng bào Ba-na.
3. Theo *Hoài Nam tử*.
4. Theo *Sơn cư tạp thuật*.

45. HỒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT

Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung-quốc. Buổi ấy ở Trung-quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vò đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cưỡi mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xóa, mặt mũi không có vẻ là người trần chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: - "Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: -"Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: -"Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống". Nói đoạn, cưỡi mây bay về trời.

Từ đó, Trương Ba thỉnh thoảng lại dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc. Nhưng một hôm Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa. Thấy có nén nhang giắt ở mái nhà, chị ta vô tình lấy xuống đốt lên cắm trước bàn thờ chồng. Ở thiên đình, thần Đế Thích nhận được tin bằng mùi hương liền xuống ngay. Thấy vắng mặt Trương Ba, Đế Thích ngạc nhiên:

- Trương Ba đâu?

Vợ Trương Ba sụt sùi:

- Nhà tôi chết đã gần một tháng nay rồi!

- Chết nỗi! Sao lúc mới tắt nghỉ không gọi ta xuống liền, để đến bây giờ còn làm thế nào được nữa.

Suy nghĩ một chốc, Đế Thích lại hỏi thêm:

- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?

Vợ Trương Ba đáp:

- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua. Thần Đế Thích bảo chị ta dẫn mình đến nhà người hàng thịt rồi bảo nhỏ với chị: - "Ta sẽ kiếm cách làm cho chồng nhà ngươi sống lại". Nói xong thần hóa phép rồi trở về trời.

Nói chuyện trong nhà người hàng thịt lúc đó, mọi người đang xúm quanh linh sàng khóc lóc kể lể thì tự nhiên thấy người chết ngồi nhỏm dậy. Hắn ta vứt tất cả mọi đồ khâm liệm rồi chẳng nói chẳng rằng đi thẳng một mạch về nhà Trương Ba. Vợ Trương Ba thấy người hàng thịt biết là thần Đế Thích đã làm cho chồng mình sống lại, mừng rỡ đón vào. Giữa lúc đó thì vợ con người hàng thịt cũng chạy theo níu lấy chồng. Nhưng không những họ bị vợ Trương Ba giằng lại, mà ngay chính chồng họ cũng nhất định không chịu về. Đôi bên cãi cọ nhau cuối cùng biến thành một cuộc đấu khẩu rất kịch liệt. Xóm làng không biết phân xử ra sao, đành đem việc đó lên quan.

Quan cho đòi các nhà hàng xóm tới hỏi cung thì ai cũng bảo người sống lại đó là anh hàng thịt. Nhưng chỉ có vợ Trương Ba thì nhất định nhận là chồng mình. Quan hỏi rằng: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: -"Chồng tôi chỉ thạo đánh cờ mà thôi". Quan lại hỏi vợ người hàng thịt: -"Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: -"Chồng tôi chỉ thạo nghề mổ lợn".

Nghe đoạn, quan sai đem một con lợn vào công đường cho anh hàng thịt mổ, nhưng anh ta lúng túng không biết làm thế nào cả. Quan lại sai mấy người giỏi cờ vào tỷ thí với người hàng thịt thì không ngờ con người đó đi những nước cờ rất cao không ai địch nổi. Quan bèn phán cho về nhà Trương Ba.

Vì thế mới có câu *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* [1].

KHẢO DỊ

Một dị bản vốn gốc từ thần tích kể rằng Trương Ba là nho sĩ người đời nhà Lý, ở làng Liên-hạ (Hải-dương). Trương Ba ở đây không đánh cờ với Kỵ Nhu mà thường đánh với Trang Ứng Long vốn là bạn cờ. Trong truyện cũng có việc quan thử thách để tìm ra chân lý. Người chết sống lại cũng không mổ được lợn, nhưng lại làm được thơ phú thao thao bất tuyệt, và khi người bạn cờ Trang Ứng Long cùng đánh một ván, thì ông này nhận ngay đó chỉ có thể là Trương Ba.

Đoạn kết truyện còn kể: vì thấy vợ người hàng thịt khóc lóc thảm thiết nên Trương Ba tái sinh đã bàn với vợ và khi được vợ ưng thuận, anh ta lấy luôn người đàn bà kia làm vợ lẽ [2].

Trung-quốc cũng có truyện *Xác công tử, hồn ông sư*:

Một ông sư ở chùa Vạn-phúc tu hành đắc đạo, tuổi hơn 80 mới chết. Hồn sư đi vơ vẩn gặp một công tử con nhà quan đi săn cùng mười người hầu, bất thình lình ngã ngựa chết. Hồn sư nhập vào xác mới làm cho xác sống lại. Bọn người hầu tưởng chủ tỉnh lại, chạy tới chăm sóc, nhưng sư ta trừng mắt hỏi: - "Làm sao ta lại ở đây?". Người ta đưa về nhà công tử. Ai đến thăm cũng niệm: -"Nam mô a di-đà phật, làm sao ta lại đến đây?". Người ta đưa cơm cho thì ăn, còn thịt thì không đụng đến. Đêm ngủ một mình, hễ thấy bóng đàn bà đến gần là chạy. Cả nhà ngạc nhiên tưởng công tử hóa điên.

Được ba ngày, sư ta đi bách bộ lẻn ra ngoài hỏi thăm chùa Vạn-phúc, tìm đến, nói mình vốn là hòa thượng ở chùa này. Các sư tiểu trong chùa cho là nói đùa, nhưng sư ta kể lại mọi việc đều phù hợp. Cuối cùng ở lại chùa tu hành như cũ[3].

---

1. Theo Vũ Nguyên Hanh, sách đã dẫn. Ở *Sử Nam chí dị* thì chép: *Hồn phách Trương Ba, xương da hàng thịt.*
2. Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tập những bài mới.*
3. Theo Bồ Tùng Linh. *Liêu trai chí dị.*

46. SINH CON RỒI MỚI SINH CHA, SINH CHÁU GIỮ NHÀ RỒI MỚI SINH ÔNG

Ngày xưa có Giáp và Ất là hai người kết bạn với nhau. Nhà Giáp có của ăn của để, còn Ất thì túng bấn lắm, thường phải nhờ vả Giáp. Một hôm, để có vốn, Ất nằn nì vay của Giáp mười nén bạc rồi bán nhà cửa đưa vợ đi chỗ khác làm ăn. Đến một cái chợ vùng Nam, hắn và vợ hắn xoay ra buôn bán và cho vay lấy lãi. Hắn rất hà tiện và chịu khó trong mọi việc. Gặp mấy dịp may, hắn phất to, tiền của đổ về như nước. Không đầy mươi năm vợ chồng hắn trở nên khá giả, có cơ nghiệp lớn ở vùng đó. Tuy làm nên, nhưng hắn cố tình quên mất người bạn cũ và số tiền nợ của bạn.

Nói chuyện Giáp, từ ngày bạn bỏ ra đi, mãi không nhận được một tin tức gì, Giáp ngờ là bạn bị số nghèo đeo đẳng mãi chưa thôi, nên sống vất vưởng ở một nơi nào đó. Hơn nữa, lại vì nợ của mình một số tiền nhiều chưa có cách gì trả được, nên vợ chồng bạn không dám ghé về chơi hay nhắn tin tức gì. Nghĩ thế, Giáp rất thương bạn. Một hôm ông ta mang theo mấy nén bạc đánh đường đi tìm Ất, hy vọng gặp bạn để giúp bạn thoát cơn chật vật. Giáp hỏi thăm mãi mới tìm đến nhà Ất. Ông ta ngạc nhiên và mừng rỡ khi thấy vợ chồng bạn không phải nghèo đói sa sút như mình tưởng, mà trái lại có nhà ngói cây mít, có ruộng đất ao chuôm, v.v... Ông nghĩ bạn mình bây giờ không cần đến mình giúp đỡ nữa. Cho nên trước khi vào nhà, ông ta đào đất chôn số tiền mang theo ở cổng nhà bạn.

Ất gặp bạn, ngoài mặt vui vẻ chào mừng nhưng trong bụng chỉ nghĩ đến món nợ mình còn thiếu của bạn. Hắn vừa ngượng mặt vừa tiếc của. Tự nhiên phải bỏ ra một số tiền lớn để trả một món nợ từ đời nảo đời nào, hắn thấy xót ruột. Nghĩ thế, hắn bỗng có bụng muốn nuốt trôi số

bạc thơm thảo bạn ứng cho làm vốn ngày xưa. Thế là đến nửa đêm, hắn đánh thức vợ dậy, bàn với vợ. Được vợ đồng tình, hắn làm ngay. Nhân lúc Giáp ngủ say ở nhà ngoài, cả hai vợ chồng lén tới cầm dao đâm chết. Đoạn hắn và vợ hắn mang xác Giáp bí mật đào lỗ chôn dưới một gốc khế sau vườn.

*

* *

Cây khế nhà Ất từ đó tự nhiên xanh tốt rườm rà hơn trước. Nhưng lạ thay năm ấy chỉ có một quả rất lớn. Hai vợ chồng có hơi ngạc nhiên nhưng cũng chẳng mấy quan tâm. Khi quả khế chín, vợ Ất hái ăn. Và trong năm đó vợ Ất có thai, đến kỳ sinh ra một đứa con trai. Vì hiếm con nên Ất rất mừng thấy thằng bé khôi ngô và chóng lớn. Nhưng đứa con của hắn có một tật câm, lên bảy tuổi mà không biết nói, làm cho hai vợ chồng hết sức lo buồn. Ất cố tìm thầy chạy thuốc, lễ chùa lễ đền nhưng đều vô hiệu.

Một hôm vợ Ất xới cơm cho con, nhân than với con rằng:

- Con ôi! Mẹ mong con khôn lớn để học hành đỗ đạt cho cha mẹ mở mày mở mặt. Sao con chẳng nói chẳng rằng làm cho mẹ khổ.

Tự nhiên thằng bé bật ra một câu: -"Mẹ cứ mời một ông quan về đây, ông ta sẽ làm cho con nói được".

Thế rồi nó lại nín bặt, hỏi mấy cũng không nói nữa. Túng thế, hai vợ chồng Ất nghe lời con, sắm lễ vật đi mời quan huyện về xem thử thế nào.

Nể lời mời mọc khẩn khoản của hai vợ chồng, quan huyện cho sắp võng, dắt một đoàn lính tráng theo hầu về thẳng nhà Ất. Thằng bé thấy mặt quan quả nhiên nói được. Nó tự xưng là Giáp, kể hết tình đầu cho mọi người nghe: nào cho Ất vay tiền, nào mang tiền đi kiếm bạn để toan giúp bạn, nào giấu tiền ở đâu, bị giết như thế nào, v.v... Nghe thủng câu chuyện, quan huyện sai lính đào gốc khế và đào ở mé cổng nhà Ất, quả thấy đúng như lời thằng bé.

Lập tức quan sai giam cổ vợ chồng Ất lại chờ ngày ra pháp trường. Còn bao nhiêu tài sản của tội nhân đều giao cả cho thằng bé. Và, thằng bé, vốn là Giáp tái sinh, sau đó lại trở về nhà Giáp.

Khi Giáp ra đi đứa cháu nội của mình mới đẻ, bây giờ thì nó đã lên 8, hơn mình một tuổi. Vì thế mới có câu:

Sinh con rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông[1].

KHẢO DỊ

Truyện này có nơi kể khác:

Có hai người bạn nghèo là Đông và Nam. Trước khi chia tay mỗi người một ngả làm ăn, họ hẹn nhau nếu người này khá thì nhớ giúp đỡ người kia. Đông làm ăn ngày một giàu, có một con trai đi học thi đậu làm đến tri phủ. Con sinh ra cháu, hạnh phúc gia đình không ai bì kịp.

Một hôm, Đông sực nhớ tới bạn cũ, nhờ người tìm hỏi thì ra Nam đang sống một cuộc đời chật vật. Đông bèn lấy ba nén bạc gói vào mảnh vải cho vào đòn ống rồi giả bộ áo quần rách rưới tìm đến thăm bạn. Ra về, Đông vờ bỏ quên đòn ống lại nhà Nam. Thấy đòn ống nặng, Nam bổ ra được bạc, từ đó sẵn vốn, làm ăn ngày một thịnh lên. Khi thấy bạn khá, Đông lại giả nghèo đến chơi. Nam sợ bạn kể việc đòn ống, bèn giết chết lôi ra sau vườn vùi lại rồi trồng cây lên cho mất tích.

Vợ Nam sinh ra một con trai. Khác với đứa bé con Ất ở truyện trên, nó suốt ngày khóc nhè. Và khi biết nói, nó luôn mồm chửi cha mắng mẹ, dỗ mấy cũng không nghe. Lớn lên, nó bảo cha mẹ muốn khỏi bị chửi thì đem lên quan mà từ, nếu không, còn khốn với nó nhiều nữa. Và cũng như truyện trên, khi gặp quan nó tố cáo tất cả tội lỗi của cha mẹ. Khi nó về nhà cũ thì người cháu đã 30 tuổi...[2]

Về chủ đề hết lòng giúp bạn vốn liếng nhưng bị bạn phản bội, người Nghệ-an còn kể một truyện khác, giống mở đầu mà khác kết thúc như sau:

Có hai người bạn ở cách tỉnh, một giàu một nghèo. Cũng như truyện trên, người giàu cho người nghèo vay 300 quan làm vốn. Sau ba năm không thấy bạn đến, người giàu ngờ bạn thất cơ lỡ vận rồi không dám đến nhà, bèn giắt 3 thoi bạc định giúp nữa nếu bạn quả làm ăn thất bại. Đến nơi mới biết tình

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam (A. Người ta)*, tập I.
2. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1923).

hình của bạn không như mình tưởng. Về phần người kia thấy bạn đến sợ bạn đòi nợ cũ, bèn phục rượu say, giết chết, đem vùi sau hồi nhà, rồi trồng lên đó một cây quỳ. Không ngờ cây quỳ mọc tốt một cách lạ thường, hoa nó to bằng cái nón. Thiên hạ lấy làm lạ rủ nhau đến xem. Vợ người chết lúc ấy đang đi tìm chồng, nghe nói hoa lạ cũng vào xem. Vừa đến nơi thì tự nhiên hoa héo cây đổ, bị người kia bắt vạ kiện lên quan. Quan về khám cho đào gốc thấy có xác người còn cả ba thoi bạc. Người vợ lăn ra khóc nói chồng tôi đây rồi. Bèn kể đầu đuôi cho quan nghe. Quan sai gông lại để chờ ngày ra pháp trường [1].

Về hình ảnh ông đầu thai sinh ra cháu, sách *Lan trì kiến văn lục* có truyện *Nguyễn Khắc Hoành*:

Làng Mìn (Hưng-yên) có một người tên là Nguyễn Khắc Hoành lấy vợ sinh được một người con trai đặt tên là Khoan, Khoan lớn lên thông minh học rất giỏi. Năm 20 tuổi thi đậu ông nghè. Vinh quy cùng với vu quy một ngày, nỗi sung sướng của gia đình ấy kể sao cho xiết.

Năm con nghè Khoan lên 6 tuổi thì Nguyễn Khắc Hoành chết. Khắc Hoành được vua Diêm vương cho đầu thai làm con một người mõ ở làng Dương-trạch. Đứa bé này sinh ra không biết nói nhưng lại biết mọi việc của kiếp trước. Một hôm - lúc đó đứa bé đã lên 6 tuổi - làng Dương-trạch làm đình, định rước nghè Khoan đến làm lễ cất nóc, lúc cha đứa bé rao làng để cho dân đinh mang cờ quạt đi đón ông nghè thì tự nhiên đứa bé nói lên được. Nó bảo cha nó: -"Cha đi mượn một cái sập, một chiếc chiếu cạp điều về kê giữa nhà cho con". Người mõ chiều theo ý con xem nó định làm gì. Khi nghè Khoan đi qua nhà, nó đứng sẵn ở cổng gọi: -"Nghè Khoan vào đây tao bảo". Khoan nghe lời hỗn xược, nổi giận bước vào nhà đã thấy thằng bé ngồi trên sập, dõng dạc bảo: -"Nghè Khoan! mày có biết tao là ai không?". Khoan chắc là ma quỷ hiện vào nó, đáp: -"Không. Nếu nhà ngươi có tiền oan nghiệp chướng gì thì cứ nói" -" Tao là Nguyễn Khắc Hoành đây!". Thấy Khoan không tin, đứa bé lại nói: -"Mày cho người về mang hai cái tủ sách đến đây tao đọc cho mà xem!".

Khi mang sách đến, nó đọc vanh vách từng quyển từng bài cho Khoan dò và vạch đoạn nào sửa, đoạn nào chấm câu, v.v... của mình dạy con ngày xưa. Khoan ngạc nhiên vì chỉ có ông ta và cha ông ta mới biết rõ như thế. Ông bèn sụp lạy xin lỗi. Rồi sau khi làm lễ cất nóc, Khoan rước cha - tức là đứa bé - và người mõ về nhà phụng dưỡng.

1. *Bản khai làng Vĩnh-an.*

Vợ Hoành bấy giờ đã 70 tuổi. Nghe đứa bé xưng là chồng mình, bà cụ nhất định không chịu, nhưng khi nghe nó kể những việc mà chỉ có chồng quá cố của mình với mình biết thôi thì mới chịu nhận. Hoành sau đó sai dọn một chỗ ở riêng, luyện tập văn bài với cháu nội. Năm 20 tuổi, đi thi đậu ông nghè.

Một truyện khác của Trung-quốc:

Ở Dương-châu có một người họ Trần làm nghề nuôi ngựa, năm 50 tuổi bỗng bị bệnh, thấy có một người cưỡi ngựa xông vào đánh cho một gậy, rồi bỏ lên lưng ngựa kéo đi, ông kêu la không được. Đi mãi đến Thiểm-tây, Hàm-dương, thấy hắn quẳng mình vào một cái buồng có đàn bà đẻ. Tự nhiên thấy người bỗng bé choắt lại, rồi được người ta cho bú. Ký ức lúc này yếu hẳn đi. Dần dần lớn lên biết ông bố làm nghề bán lụa. Một hôm bố cho mẹ một tấm lụa nói đó là lụa quý. Anh ta lúc này lên 6 tuổi lấy xem. Mẹ bảo: -"Lụa quý của bố đấy!" -"Quý gì thứ ấy". Mẹ kể lại với bố. Bố hỏi con. Con nhân đó kể lại kiếp trước, khai cả tên bố mẹ, v.v... Lại nói: -"Tôi đã có đứa con trai ngoài 20 tuổi". Thấy bố mẹ không tin, anh nói: -"Cứ về Giang-nam dò tìm thì biết". Bố con bèn đưa nhau đến Giang-nam thì con anh ta hồi trước nay đã già, râu rậm rì, mà anh ta (tức là bố) hãy còn trẻ con. Kể lại việc nhà nhiều người không tin, anh kể rõ mắc nợ bao nhiêu, lại chỉ chỗ chôn 300 lạng vàng chỉ có mình mình biết, v.v... Bấy giờ người nhà mới chịu là đúng. Khi từ biệt ra về ai nấy đều khóc.

Mười năm sau Trần lớn lên kế nghiệp bố. Lại đi Giang-nam hỏi đến chỗ cũ. Lúc này người con đã chết, để lại người cháu. Vợ Trần vẫn sống nghèo nuôi cháu. Trần cho vợ 300 lạng vàng để sắm hậu sự và dưỡng lão. Khi ra về còn mua rượu thịt cúng ở mộ cũ [1].

1. Theo *Tân tề hài*, quyển 7.

47. CON VỢ KHÔN LẤY THẰNG CHỒNG DẠI NHƯ BÔNG HOA LÀI [1] CẮM BÃI CỨT TRÂU

Xưa, có một người đàn bà làm nghề dệt vải. Nàng bẩm tính thông minh tháo vát, nhưng lấy phải người chồng đần độn không làm được nghề gì nên thân. Một hôm, vợ đưa cho chồng mấy tấm vải bảo mang ra chợ bán. Vợ dặn: -"Nếu không được bốn quan mỗi tấm thì đừng có bán, nghe!".

Chồng mang vải ra chợ đi khắp nơi, rao khản cả cổ mà chả có ai mua cả. Mãi về sau có một ông cụ già mua cho hai tấm. Nhưng ông ta lại không mang tiền theo. Ông cụ bảo hắn:

- Chốc nữa anh đến nhà tôi lấy tiền nhé! Nhà tôi cũng ở trong xã này thôi.

Hắn hỏi:

- Nhà ông ở đâu?

- Tôi ở chỗ "chợ đông không ai bán, chỗ kèn thổi tò le, chỗ cây tre một mắt". Đến đó tôi sẽ trả tiền ngay.

Đến chiều hắn đi tìm người mua hàng chịu của hắn. Gặp ai hắn cũng hỏi thăm "chỗ chợ đông không ai bán, chỗ kèn thổi tò le, chỗ cây tre một mắt" là ở đâu, nhưng chẳng một ai biết thế nào mà trả lời. Người ta chỉ nói với hắn:

- Thôi rồi, anh mắc phải tay bịp bợm nào đấy thôi!

Hắn đi loanh quanh mãi đến tối mịt không tìm được nhà, đành phải trở về ôm mặt hu hu khóc.

Vợ hắn hỏi tại sao thì hắn kể cho vợ nghe tất cả câu chuyện. Người vợ bảo:

---

1. *Lài:* nhài, tiếng Trung-bộ và Nam-bộ.

- Cũng dễ tìm thôi! "Chố chợ đông không ai bán" là cái nhà trường, "chố kèn thổi tò le" là bụi lau bởi vì khi gió thổi nghe như tiếng kèn sáo, "chố cây tre một mắt" là bụi hành hay tỏi gì đó. Vậy anh phải kiếm người đó ở một cái trường học, gần đó có bụi lau, trước cửa có vườn trồng hành tỏi.

Qua ngày sau, anh chồng lại cất bước đi tìm. Quả đúng như lời người vợ nói, hắn gặp ông lão hôm qua. Đó là một thầy đồ dạy học trò. Thấy hắn đến, ông đồ liền hỏi xem nhờ ai mách cho mà biết được chố ở của mình. Hắn đáp: -"Tôi tìm ông suốt cả một buổi chiều hôm qua. May nhờ có vợ tôi mách cho đấy". Ông thầy nghĩ: - "Người đàn bà này hẳn là một cô gái thông minh tài trí, ít người sánh kịp". Hôm đó nhân nhà có giỗ ông đồ mời hắn ngồi lại ăn cỗ. Hắn ta cắm đầu chén một bữa no nê lại được ông đồ gửi phần về biếu vợ. Nhưng khi trả tiền, ông đồ còn gửi hắn một cái gói khác bảo đưa cho vợ. Trong đó chỉ có một cục phân trâu giữa có cắm một cánh hoa nhài. Hắn ta chẳng hiểu gì cả cứ việc cầm lấy về nhà.

Người vợ trông thấy, hiểu ý ông thầy muốn mỉa mai mình:

Con vợ khôn lấy thằng chồng dại,
Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu.

Càng ngẫm nghĩ về gói "quà" nàng càng buồn bực, trách chồng dốt nát để mang về cho mình một lời trêu chọc cay chua, rồi nghĩ tới duyên phận hẩm hiu, nước mắt nàng lã chã. Nàng vứt cái thoi, bụng bảo dạ: -"Thân thế ta thật chả ra gì. Trên đời có bao nhiêu người khôn ngoan tài giỏi, còn ta thì lấy nhầm phải một thằng chồng u mê đần độn!". Trong một cơn phiền muộn, nàng chạy ra bờ sông, toan nhảy xuống dòng nước trẫm mình cho rồi một đời.

Lại nói chuyện ông thầy học sau khi tiễn chân anh chàng bán vải ra khỏi cửa, nghĩ đi nghĩ lại thấy sự trêu chọc ác nghiệt của mình thật là không phải. Ông đâm ra lo câu chuyện đưa tới một kết quả không hay: -"Không biết chừng người đàn bà ấy phẫn chí liều thân hoại thể thì ta sẽ có tội rất lớn với danh giáo". Nghĩ thế, ông đồ bèn đi mượn một cái giỏ đựng cá thủng trôn, rồi mang ra bờ sông cùng với chiếc cần câu làm bộ câu cá. Ông cứ men theo dọc bờ sông gần làng, đi lại trông

chừng. Khi thấy một người đàn bà ngồi trên bờ vắng đang ôm mặt khóc thút thít, ông biết ý vội tiến đến gần, cố ý chìa giỏ cho nàng thấy và nói:

- Chị này ngồi tránh đi chỗ khác cho tôi câu cá nào.

Người đàn bà đó đúng là vợ anh chàng bán vải. Nàng ngước mắt trông lên thấy có một người đàn ông đầu đã hai thứ tóc mà lại mang cái giỏ rách đi câu. Nàng tự nghĩ: - "Người nào đây ngu quá là ngu. Chồng mình tuy khờ dại nhưng cũng chưa đến nỗi này". Rồi nàng kết luận: - "Vậy ra chồng mình vẫn còn có những chỗ hơn người". Nghĩ vậy, nàng bỏ ý định tự tử mà trở về nhà[1].

KHẢO DỊ

Truyện này cùng một cốt truyện với truyện *Anh chồng ngốc* ở miền Bắc, tuy mỗi bên có một số hình tượng khác nhau:

Ở Bắc-ninh có cô gái thông minh lấy phải anh chồng đần độn con một phú ông.

Một hôm vợ bảo chồng đi chợ bán con chó nhà. Vợ dặn: -"Quan tám tiền ngay, quan tư tiền chịu". Khi nghe hắn đòi như vậy ai cũng cho là ngốc: mua tiền mặt lại đắt hơn là mua chịu. Một cụ đồ nghe hắn đòi, nghĩ bụng: - "Ý muốn của người bán chó là bán chịu để có dịp đi đòi tiền mà thăm con chó của mình, như vậy là con người có nghĩa". Bèn mua chịu. Nhưng địa chỉ của cụ đồ là: "Tìm đến một làng đầu làng có "hữu thủy vô ngư, hữu ngư vô thủy", vào một nhà có "hữu kim vô chi, hữu chi vô kim". Cũng như truyện trên, khi đi đòi tiền người mua chịu, hắn không biết đàng nào mà tìm, đành về khóc với vợ. Vợ giúp hắn đi tìm, bảo đến làng nào đầu làng có giếng (hữu thủy vô ngư), lại có điếm canh có mõ cá (hữu ngư vô thủy); rồi tìm đến nhà nào có rào găng (hữu kim vô chi), có dây tơ hồng (hữu chi vô kim).

Ở đây cũng có câu chuyện cụ đồ mời ăn cơm và gửi quà về biếu vợ nhưng quà tặng là một gói cơm nắm gạo tám xoan, giữa có nhét mấy quả cà ủng. Vợ hắn nhận gói cơm biết ý nghĩ kín đáo: *"Tiếc thay hạt gạo tám xoan; Thổi nồi đồng điếu lại chan nước cà"*. Khác với truyện trước, người đàn bà này không có ý định trẫm mình mà chỉ định bỏ nhà ra đi. Khi đến sông thì đã có ai cất mất ván cầu, gần đó thấy có một cụ đồ đang lội bì bõm, hỏi thì cụ trả lời là

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

đi tìm một cái kim: -"Cái kim là vật bao nhiêu mà cụ mất công như vậy?" -"Nhưng nó là vật kỷ niệm của vợ tôi; cần phải có thủy có chung chứ!". Cô gái thông minh suy nghĩ lại, bỏ ý định trên [1].

Người Nùng có truyện *Chàng ngốc đi học* kết hợp một phần truyện *Cuộc phiêu lưu của chàng Ngốc*, (số **190**, tập **V**) với một số tình tiết của hai truyện trên:

Ngốc mồ côi bố, xách túi bạc đi tìm thầy để học. Theo hai ông thầy thuốc rong chuyên làm cái việc đánh cồng "phèng phèng"; sau ba năm chỉ nhớ có môn thuốc chữa mắt. Trở về chữa lành cho con gái phú ông đau mắt đã ba năm, được phú ông gả cho làm vợ. Từ đó cứ nằm dài ở nhà. Vợ giục đi buôn, trước hãy "buôn đầu chợ, ăn cuối chợ". Hắn ta mua bánh ở đầu chợ ra khỏi chợ thì ăn hết, rồi về. Lần sau, vợ bảo đi bán vải. Hắn hỏi: -"Bán ở đâu?" -"Chỗ nào đông người thì bán". Thấy nhà trường đông người hắn đặt gánh chào nhưng chẳng ai hỏi cả. Sau ba tiếng trống học trò vào học, hắn thấy vắng lại quảy hàng về. Vợ nghe kể bực mình, một hôm trao cho chồng thoi vàng bảo đổi bạc chuẩn bị đi buôn chuyến khác. Thấy ngỗng phủ nhau giữa sông, hắn thương con vật bị chìm bèn thuận tay cầm thoi vàng ném. Mất vàng nhưng về lại khoe với vợ là đã cứu được con ngỗng. Vợ than thân trách phận lấy phải chồng ngu đần bèn bỏ đi. Thấy hai chàng trai cắm một bông hoa "coi" trắng trên một bãi phân trâu, nàng biết là họ mỉa mình. Vì có câu hát: "*Bióoc nọong dây lại chắp khỉ vài, Mi cần sau chỉnh vải pây đai*" (Hoa em đẹp cắm bãi phân trâu, không người săn sóc héo đi không). Càng thêm tủi phận, nàng toan tự vẫn, đến bến gặp một người đang múc nước sông lên để sàng -"Sàng nước để làm gì vậy?". Nàng hỏi. - "Để tìm cái kim khâu". Nàng nghĩ bụng: -"Vậy ra trong thiên hạ còn có kẻ ngu hơn chồng ta".

Bèn trở về cố công dạy chồng học. Cuối cùng chồng đỗ trạng[2].

Đồng bào Cham-pa có truyện *Trạng*, trong đó có một đoạn nói Trạng đi tìm một người vợ lý tưởng mà mãi chưa gặp được người nào vừa ý. Một hôm đến bờ một con sông, muốn sang mà không thấy có đò, cũng không thấy bến. Trong khi chưa biết hỏi ai, bỗng gặp một cô gái ở bên kia bờ. Trạng cất tiếng hỏi thì cô gái đáp: -"Hỏi người đi cùng thì rõ". Trạng thấy người cùng đi với mình không có ai khác hơn là một cái rựa cán dài mà mình cầm tay, mới hiểu ra là dùng rựa dò đường sẽ lội được. Biết cô gái khôn ngoan, qua sông, Trạng hỏi nhà để ghé chơi. Cô gái chỉ nói mấy câu: - "Cổng làng có một giếng thơi,

1. *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II.
2. Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày Nùng*.

Một người có chửa đứng chơi trước làng. Nhà thì giữa đám mây xanh; Trên từng mây trắng, xung quanh sao vàng". Trạng không hiểu ra sao, bèn đi theo cô gái. Cô gái nói: -"Tôi đang đi". Trạng hiểu ra là muốn đến nhà cô gái thì phải đi ngược đường. Trạng tìm đến một làng trước cổng có giếng nước, hai bên bờ giếng có cây chuối sắp trổ hoa. Trạng lại tìm vào một ngôi nhà xung quanh có giàn mướp hoa vàng, trên mái nhà là dây bầu hoa trắng, biết là nhà cô gái [1] (Xem thêm **Khảo dị** truyện *Em bé thông minh,* số **80**).

Người In-đô-nê-xi-a (Indonésia) có truyện *Người chồng tội phạm,* đoạn đầu có cùng mô-típ với các truyện trên:

Ở Xu-ma-tơ-ra (Sumatra) có 4 cô gái xinh xắn thông minh hẹn nhau nếu không gặp được người thông minh thì không lấy làm chồng. Gặp một chàng trai, họ mời đến chơi nhà -"Nhà các cô ở đâu?" Chàng trai hỏi. Cô thứ nhất trỏ vào tóc, cô thứ hai trỏ vào lông mày, cô thứ ba trỏ vào hai vú, cô thứ tư lấy tay đập nhẹ vào váy. Nói đoạn mỗi cô đi một ngả. Anh chàng không làm sao hiểu được. Đang suy nghĩ bỗng gặp một người có tội bị trói phơi nắng, lưng còm, máu me đầm đìa. Sau khi xin nước giải khát, người bị trói hỏi: - "Trông anh có việc gì bận tâm thì phải?". Anh kia kể lại mấy câu đố của bốn cô gái. Người ấy nói: -"Khó gì. Nhà cô thứ nhất kéo sợi, nhà cô thứ hai có hàng rào trúc, nhà cô thứ ba trước cửa có cây thanh yên có hai quả, nhà cô thứ tư có khung dệt vải". Anh kia tìm đến quả đúng. Bốn cô hỏi ai bày cho, anh nói thật - "Thế thì, các cô nói, anh không phải là người chúng tôi mong đợi". Anh kia thẹn bỏ đi.

Đoạn sau truyện phát triển gần giống với truyện *Người ăn trộm và bốn cô gái* của người Khơ-me (Khmer) (Xem **Khảo dị** truyện số **107**, tập **III**). Ở đây bốn cô góp tiền lên quan chuộc tội cho anh bị trói về. Sau đó cô thứ nhất vào rừng tìm thuốc, cô thứ hai tìm kiếm thức ăn ngon, cô thứ ba trổ tài nấu nướng, cô thứ tư lau rửa vết thương. Lành mạnh rồi, các cô hỏi anh vì sao bị tội. Anh đáp: -"Bạn tôi có bố mẹ già, con dại, trót đi ăn trộm để lấy tiền về nuôi. Tôi phải nhận tội thay để cứu anh ấy và gia đình". -"Sao lại chơi bời với người xấu?" -"Không phải xấu đâu. Ít hôm nữa việc xong, anh ấy sẽ đến chịu tội thay".

Bốn cô thấy anh vừa có tài lại có đức, bèn ngỏ lời xin anh chọn một người làm vợ. -"Biết chọn ai bây giờ", anh đáp. Trong khi bốn cô tranh công nhau

1. *Truyện cổ dân gian Việt-nam,* tập I. Theo chúng tôi có lẽ không nên dịch mấy câu đối đáp thành thơ lục bát làm mất đi sắc thái riêng của ngôn ngữ Cham-pa.

thì người bạn quả đến chịu tội thay. Bốn cô nhờ người này phân xử hộ. Hắn đáp: -"Cô tìm thuốc có tình cảm của một người bố, cô tìm thức ăn có tình cảm của một người chị, cô nấu nướng là mẹ, cô chăm nom săn sóc thì mới đúng là tình cảm của người vợ đối với chồng". Bốn cô chịu là phải[1].

Còn nhiều truyện khác nói về những nhân vật thông minh, có thể giải mã những dấu hiệu hoặc những câu nói mang ý nghĩa như là một câu đố, gần giống với nội dung của những truyện trên. Ví dụ truyện của Ả-rập (Arabie):

Một người trẻ tuổi thông minh, có ý định đi tìm một người đàn bà thông minh để lấy làm vợ. Dọc đường gặp một ông lão làm bạn đường. Đang đi anh hỏi: -"Ông mang tôi hay tôi mang ông?". Đáp: -"Hỏi gì lạ vậy? Tôi cưỡi ngựa còn anh cũng vậy, còn mang cái gì". Người kia không nói gì. Đến một đồng lúa tốt, anh hỏi: -"Mùa này có thể được ăn hay không?". Đáp: -"Ngốc thật. Sắp gặt mà còn hỏi". Lại đi nữa thấy một đám ma, anh hỏi: -"Người nằm trên đó chết hay không chết?" -"Chẳng ai dó dẩn như chú". Tuy vậy đến chỗ chia tay, lão cũng mời anh về nhà nghỉ. Con gái lão hỏi bố về người khách, bố đáp: - "Ồ, đó là một thứ dở hơi hỏi những câu ngây ngô, chả ra làm sao cả". Rồi kể lại cho con nghe. Nghe xong, cô gái nói: -"Chả phải dở hơi đâu bố ạ. Về câu hỏi thứ nhất có nghĩa là: ông kể cho tôi hay tôi kể cho ông nghe một câu chuyện để đường bớt dài. Về câu thứ hai nghĩa là chủ ruộng đã "bán non" lúa và đã ăn mất số tiền ấy chưa? Về câu thứ ba nghĩa là người chết ấy có được kẻ hậu sinh nhắc đến trong ký ức hay không...". Lão bèn chạy ra giảng cho khách biết. Chàng trẻ tuổi hỏi: -"Đây không phải ông nghĩ ra, vậy thì ai bày cho ông?" -"Một cô gái". Cuối cùng anh chàng kết duyên với con gái lão [2].

1. Theo Đinh Tú. *Truyện cổ tích Nam-dương.*

2. Theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một truyện cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Ả-rập,* quyển II.

48. CỨU VẬT VẬT TRẢ ÂN, CỨU NHÂN NHÂN TRẢ OÁN

Ngày xưa, có một anh chàng không có tài nghề gì cả, chỉ được cái hiền lành hay thương người. Từ lúc vợ chết, anh ta trở nên túng bấn tọn. Có dạo phải ngửa tay ăn xin. Thấy nghề này hèn hạ lại không nuôi nổi tấm thân, anh chàng mới xoay sang đi làm thuê. Nhưng chỉ làm được một ngày anh đã thấy nhọc mệt và bị chủ la mắng nhục nhã, nên lại dự định làm nghề đi câu là nghề anh cho là thong thả tự do hơn. Chiều hôm đó, người ta trả công cho ba mươi đồng kẽm. Anh chàng bèn lấy số tiền đó làm vốn, mua lưỡi mua dây quyết chí làm ăn bằng nghề nghiệp mới.

Sáng hôm sau, anh ra ngồi ở bờ sông câu cá. Nhưng mãi đến trưa chả kiếm được một tý gì. Mồi cứ mất toi. Mãi đến chiều mới thấy phao chìm xuống, anh giật lên thì được một con rắn nước. Lấy làm bực mình, anh chàng gỡ con rắn ra rồi quẳng xuống sông. Lần thứ hai giật lên thì lại chính con rắn nước hồi nãy mắc vào lưỡi.

Anh than thở với rắn: - "Rắn ôi! Tao nghèo lắm, chỉ được ba mươi đồng kẽm thôi. Mày đừng hại tao hết cả mồi, rồi đây biết lấy gì kiếm ăn". Anh chàng lại quẳng rắn xuống nước. Lần thứ ba cũng lại con rắn đó mắc lưỡi câu. Lần này hắn giận lắm không thả rắn xuống nước nữa mà nắm lấy cổ rắn định mang đi giết. Qua cửa đền bà thần Khai Khẩu, tự nhiên con rắn nước kêu lên:

- Đừng giết tôi. Tôi là con vua Thủy phủ, vì muốn đánh bạn với anh nên mới tự cắn câu nhiều lần như thế. Hãy cho tôi đi theo, tôi sẽ giúp anh vượt qua cảnh nghèo.

Anh nghe lời, cho rắn theo mình. Từ đó anh câu được nhiều cá: thứ ăn, thứ bán, cuộc sống rất dễ chịu. Anh chàng với rắn ngày một tương đắc.

Một hôm rắn cho anh biết chỉ ba ngày nữa sẽ có một trận lụt lớn xưa nay chưa từng có. Anh nghe lời rắn đóng một chiếc bè nứa để phòng tai nạn. Anh lại còn loan báo cho mọi người xung quanh biết. Nhưng chả một ai thèm nghe. Ba ngày sau, quả nhiên gió bão nổi lên đùng đùng, mưa to như trút, nước dâng lên như biển cả.

Người, vật, đồ đạc và mùa màng, v.v... đều trôi băng băng mất tích.

Mãi đến ngày cơn bão tạnh, anh mới dám chống bè tìm về chốn cũ.

Thấy một cái tổ kiến đang lênh đênh trên dòng nước, con rắn bảo anh chàng:

- Anh hãy cứu chúng nó một chút.

Anh trả lời:

- Vớt làm gì bầy kiến nhỏ mọn ấy để nó bò khắp bè.

Nhưng rắn khẩn khoản:

- Không, anh hãy nghe lời tôi đi. Rồi chúng nó sẽ trả ơn anh.

Nghe lời rắn, anh chàng vớt cái tổ kiến lên bè của mình.

Đi được một đoạn, lại gặp một con chuột đang lội bì bõm sắp chết đuối. Rắn lại giục anh vớt lên. "Ồ - hắn đáp - Con chuột thì cho nó chết chứ cứu nó mà làm gì?" - "Không, anh hãy nghe tôi đi. Rồi nó sẽ trả ơn anh". Nghe lời rắn, anh chàng vớt con chuột lên bè của mình.

Đến một chỗ khác họ lại gặp một con trăn đang nằm cuộn tròn trên một ngọn cây giữa dòng nước đợi chết. Rắn cũng giục anh giúp trăn thoát nạn. - "Ồ - hắn đáp - Con trăn kinh lắm, cứu nó mà làm gì?" - "Không. Anh hãy nghe tôi đi. Rồi nó sẽ trả ơn anh". Nghe lời rắn, anh chàng lại giúp cho con trăn lên bè.

Sau cùng họ gặp một người đàn ông đang bám vào một cây gỗ nổi bập bềnh giữa dòng nước. Anh không đợi rắn bảo, định vớt lên bè, nhưng con rắn cản lại:

- Anh đừng vớt nó lên làm gì. Nó sẽ làm hại anh đấy.

Anh đáp:

- Người ta thường nói cứu một người dương gian bằng một ngàn âm ty. Sao lại chỉ cứu vật mà không cứu người kia chú.

Nói đoạn, mặc kệ lời rắn can ngăn, anh nhất định thực hiện ý nghĩ của mình, vớt người sắp chết đuối đó lên bè, cho sưởi lửa ấm và cho ăn uống tử tế.

Sau mấy ngày nước rút đi hết, anh thả tất cả những con vật lên bờ. Còn người nọ vì gia đình phiêu bạt, nhà cửa trôi mất cả nên anh cho ở lại với mình cùng câu cá nuôi nhau và coi như em ruột.

*

* *

Đến lúc con rắn nước trở về Thủy phủ thì nó mời anh cùng đi theo xuống giang sơn của cha mình. Dọc đường, rắn bảo bạn: - "Nếu cha tôi có cho gì thì anh nhớ đừng nhận, mà chỉ xin lấy cây đàn thất huyền. Đàn ấy nếu có giặc, gảy một bài là có thể làm cho giặc phải tan". Vua Thủy thấy có bạn của con tới chơi lấy làm mừng rỡ, đãi anh chàng rất hậu. Khi vua Thủy sai quân hầu mang vàng bạc châu báu đến biếu, anh nhớ lời rắn cố khước từ, chỉ xin có mỗi một chiếc đàn thất huyền. Vua Thủy nể chàng, thuận cho ngay. Anh trở về cõi đất, quý chiếc đàn vô hạn.

Một hôm anh có việc phải đi xa. Trước khi đi, anh giấu chiếc đàn thần dưới cót thóc, dặn người bạn chớ có bén mảng đến chỗ cót thóc đó. Nhưng người kia nghe dặn, đồ rằng dưới ấy tất có vật quý bèn cố tâm kiếm tìm, quả bắt được cây đàn. Hắn đã biết sự mầu nhiệm của cây đàn ấy bèn lấy trộm rồi trốn đến kinh đô để lập công danh.

Hồi ấy quân đội nhà vua phải đối địch với một nước láng giềng luôn luôn kéo quân sang quấy nhiễu bờ cõi. Hắn vào xin vua đi tiễu trừ giặc dữ. Nhờ có chiếc đàn thần, hắn đã làm cho quân đội của đối phương thua liểng xiểng. Lúc thắng trận trở về, hắn được nhà vua hết lời khen ngợi, phong làm đại tướng, ban lộc rất hậu. Được giàu sang, hắn không còn nghĩ gì đến ân nhân của mình nữa. Nhà vua toan gả công chúa cho đại tướng nhưng vừa hứa hôn thì bỗng dưng công chúa bị câm. Vì thế hôn lễ đành phải hoãn lại chờ lúc công chúa lành bệnh mới cử hành.

Lại nói chuyện anh chàng câu cá khi trở về thấy mất bạn lại mất cả cây đàn thất huyền thì vội bỏ nhà đi tìm. Vào đến kinh đô, một hôm

anh gặp người kia bây giờ đang ngồi trên kiệu sơn son thiếp vàng, có quân gia theo hầu đông nghịt. Anh đón kiệu lại, cất tiếng hỏi thăm bạn cũ. Nhưng người kia vừa gặp ân nhân của mình đã vội thét lính bắt trói lại. Thế rồi, để khỏi lộ chuyện, hắn vu cho anh làm giặc, sai nhốt một chỗ kín đáo, không cho ăn, để chờ ngày đưa ra pháp trường.

Trong ngục tối, giữa khi anh chàng đang than thân trách phận thì bầy kiến ngày xưa đã tìm được cách lọt vào hỏi thăm: -"Tại sao ông bị giam ở đây?". Anh chàng ngơ ngác không hiểu tiếng ai hỏi mình, bèn hỏi lại: -"Ai đó? Tại sao tôi chỉ nghe tiếng mà không thấy người?" - "Chúng tôi là bầy kiến mà ông cứu khỏi nạn lụt ngày xưa, hiện đang ở dưới chân ông đây!". Anh chàng cúi xuống tìm kiến rồi kể chuyện cho kiến nghe nông nỗi của mình. Kiến nói: -"Chúng tôi không thể làm được gì nhưng để chúng tôi đi kiếm con chuột ngày ấy, may chuột có kế gì chăng".

Lũ kiến bèn chia nhau mỗi con một phương đi kiếm chuột và báo tin không may của ân nhân cho chuột biết. Chuột bảo: -"Bây giờ chắc ông ấy đói lắm, để tôi mang vào ngục một ít thức ăn đã. Rồi tôi sẽ đi kiếm con trăn xem thử nó có mưu mẹo gì chăng". Chuột liền đưa khoai và bánh lấy trộm được của một nhà hàng vào ngục cho anh chàng ăn. Anh tỏ lời cám ơn. Rồi cả gia đình nhà chuột lại kéo nhau đi tìm trăn. Lúc sắp đến nhà trăn, cả bầy chuột sợ trăn ăn thịt bèn trèo lên cây cao gọi xuống: -"Bác trăn ơi! Bác trăn ơi!". Khi trăn ra, một con chuột già đánh bạo xuống kể chuyện cho trăn biết. Trăn nhả ra một viên ngọc bảo chuột đưa về cho ân nhân mà rằng: -"Viên ngọc này mài ra thành bột có thể chữa lành câm. Ân nhân của chúng ta có thể đem chữa bệnh cho công chúa rồi nhờ đó mà thoát nạn".

Khi được ngọc, anh chàng gọi người cai ngục đến nói mình có phép cứu công chúa khỏi câm. Người ta dẫn anh đến trước vua. Quả nhiên sau khi công chúa uống nước ngọc mài bỗng nói được, và câu đầu tiên của nàng là đòi lấy người cứu mình làm chồng. Vua rất khen ngợi, hỏi anh ta vì sao có thứ thuốc thần diệu đến thế.

Anh chàng kể lại đầu đuôi câu chuyện, từ lúc câu được rắn, cứu được các con vật và người, cho đến lúc bị người phản bội, còn các con vật

lại tìm cách trả ơn, trong đó có con trăn cho mình viên ngọc quý. Vua nghe xong tắc lưỡi: -"Thật là bụng dạ con người sâu hiểm hơn cả những con vật nguy hiểm!". Lập tức vua sai lính bắt giam tên đại tướng bất nghĩa kia để chờ ngày phán xử. Còn anh chàng đi câu được vua cho làm quan và gả công chúa. Anh ta sống một cuộc đời sung sướng hơn trước[1].

Ngày nay câu *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* dùng để mỉa mai những người lấy oán trả ân, thua kém cả loài vật.

KHẢO DỊ

Ở Hà-tĩnh có truyện *Bạc hơn cầm thú*, nội dung tương tự:

Một người nghèo làm nghề bắt ếch. Một hôm bắt được một con ếch lớn. Sắp làm thịt, bỗng nghe ếch nói: -"Xin ông làm phúc tha cho. Tôi sẽ biếu ông một vật quý". Dứt lời, ếch nhả ra một viên ngọc và nói hễ ai nhắm mắt tắt hơi, mài ngọc này cho uống thì sẽ sống lại.

Từ đó anh câu ếch dùng ngọc cứu sống được rất nhiều người và vật. Trong số những người được anh cứu có một người nhà giàu chết đuối. Được sống lại, hắn tình nguyện làm con nuôi của anh.

Tiếng tăm anh câu ếch truyền đi xa rộng. Ngày nọ, nghe tin vua sắp băng hà, anh toan đem ngọc cứu vua, nhưng thằng con nuôi đã ăn cắp ngọc vào kinh. Hắn chữa cho vua sống lại và biếu luôn vua viên ngọc nên được vua cho làm quan. Đến đây câu chuyện giống truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán*. Sợ việc làm của mình bị bại lộ nên tên con nuôi bắt anh câu ếch giam lại, không cho ăn uống gì cả. Các loài vật được anh cứu sống thấy thế, bèn họp nhau lại tìm cách cứu ân nhân. Chim cu báo tin cho biết là ngọc đã vào tay vua. Vua ban ngày thì kẹp vào nách, đêm thì nhét trong lỗ mũi. Chuột bèn tình nguyện bò vào chỗ vua ngủ dùng đuôi ngoáy vào lỗ mũi làm vua hắt hơi, viên ngọc văng xuống nền nhà. Rắn đã chực sẵn dóp lấy đưa về cho anh câu ếch.

Thế rồi rắn lại trở vào cung cắn chết vua. Giữa lúc trong cung đang nhốn nháo vì vua tắt hơi thì chim cu đến nóc điện gáy lên mấy tiếng: "Cục cù cu,

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

thằng tù có thuốc...". Thế là triều đình mở ngục cho anh câu ếch vào chữa. Vua quả sống lại, còn đứa con nuôi phản bội thì vua giao cho anh câu ếch phân xử. Anh ta tha tội cho hắn, nhưng về đến nửa đường hắn bị sét đánh chết [1].

Ở Nghệ-an, có người kể đoạn sau của truyện này là:

Sau khi thấy ân nhân của mình bị bắt, chó và chuột tha thức ăn vào cho ăn. Vừa khi có giặc, vua sai rao ai đánh đuổi được thì phong quận công. Chuột bảo ân nhân hãy nhận lời rồi gọi con rắn và bầy ong (mà ân nhân cứu sống trước đây) đi theo giúp đỡ. Người câu ếch lên đường sau khi xin vua cho mình 10 vò mật, 10 bình nước và 10 lồng cóc (nhưng người kể lại không nói rõ công dụng của những vật có số lượng giống nhau này). Khi xông trận rắn kêu bạn bè tới, mỗi con quấn vào chân một tên giặc, ong cũng xua bộ hạ tung ra đốt vào mắt giặc. Trong khi đó anh câu ếch tiến công và kết quả thắng lớn[2].

Hai truyện trên phần đầu giống với phần đầu truyện *Trạng Ếch* (xem **Khảo dị** truyện số **63**) còn phần cuối lại giống truyện *Thạch Sanh* (số **68**).

Một truyện khác nhan đề là *Rắn, chuột trả ơn*, cũng bắt nguồn từ hai truyện trên mà ra, nhưng không có nhân vật phản diện:

Ở phường Yên-phụ (Hà-nội) có một ông già nghèo sống ở một cái lều ngoài đê. Nước lụt lớn, ông gác sàn để ở. Thấy có một con rắn và một con chuột ngoi ở bụi cây, ông vứt cơm cho ăn, nhờ thế chúng khỏi chết. Hết lụt, rắn bảo chuột đục kho nhà vua lấy 50 hốt vàng đem bỏ trước sân nhà ân nhân. Ông già cất vào hũ chưa kịp giấu kín, thì bị quan coi kho dò tìm bắt được và

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

2. Theo *Bản khai của thôn Hướng-dương*. Trong phần cuối một truyện của đồng bào Tày, *Chàng Ếch*, có nói đến một chàng Ếch (không phải người câu Ếch) cũng cứu nước khỏi nạn ngoại xâm. Thấy chỉ là một con ếch, vua thoạt đầu tỏ ra khinh thị, nhưng vì tình thế nguy ngập nên phong chàng làm tướng. Chàng Ếch chỉ xin một số vò mật và thịt trâu, bò, lợn. Chờ cho giặc tới cửa thành, chàng hóa làm người, phất cờ ra lệnh, tự nhiên có một đoàn quân hổ xông ra cắn xé quân giặc. Sau đó quân hổ hơi núng, lại một đoàn quân ong theo hiệu cờ xông ra cắn vào mặt mũi quân giặc còn lại. Cả hai đoàn góp sức làm nên chiến thắng. Thu quân, chàng Ếch đưa mật và thịt ra chiêu đãi ba quân hổ ong của mình và cuối cùng được vua cho cai quản cả nước. Cả hai truyện đều có những hình ảnh tương tự nhưng mở đầu thì khác nhau. Về truyện *Chàng Ếch* xem **Khảo dị** truyện *Lấy chồng dê* (số **128,** tập **III**).

đem bỏ ngục. Đêm đến, rắn bèn bò vào cung cắn vào bụng vua rồi cho ông già một thứ thuốc chữa. Vua quả lành, hỏi ra đầu đuôi và ban thưởng cho ông già rất hậu[1].

Truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* của ta có phần giống với truyện cũng nhan đề đó của Trung-quốc:

Có ông cụ già một hôm tiếp đón rất cung kính một nhà sư đến quyên giáo. Sư bảo cho biết là lúc nào con sư tử đá trước đền gần dấy khóc chảy máu mắt thì sẽ có một trận lụt kinh khủng, vậy phải gấp rút chuẩn bị lánh nạn. Sư còn viết mấy câu vào giấy đại ý bảo gặp vật thì cứu nhưng gặp người thì đừng vì nó sẽ gây ra tai vạ cho cụ.

Ông cụ lo sắm thuyền bè, lại báo cho mọi người biết nhưng họ chỉ cười nhạo. Một người hàng thịt muốn chọc chơi, một hôm lấy huyết lợn bôi vào mắt sư tử. Thấy vậy ông cụ hối hả chuyển đồ đạc xuống thuyền. Không ngờ trời quả làm mưa lụt rất lớn đến nỗi người, vật, của cải, v.v... trong vùng đều trôi theo dòng nước.

Trong mấy ngày lánh nạn, ông cụ vớt được một con khỉ. Tiếp đến vớt một ổ quạ. Nhưng ông cụ không nghe lời nhà sư dặn, cứu một người sắp chết đuối và nuôi làm con nuôi.

Một đêm, một vị thần báo mộng cho ông cụ biết chỗ chiếc nhẫn của hoàng hậu đánh rơi và dặn ông cụ cho con vào kinh tìm mà lĩnh thưởng. Hùng Liêu - đứa con nuôi ông cụ - xin đi thay. Hắn đến và làm xong việc, được vua cho làm quan tại triều.

Thấy Hùng Liêu không về, ông sai con trai đi tìm. Không ngờ khi gặp, Hùng Liêu sai bắt giam con ông cụ lại, không cho ăn. Khi nghe tin trèo vào ngục đưa hoa quả cho anh rồi tiếp đó quạ lại đưa thư của anh về cho cha hay.

Ông già vào kinh giãi bày nỗi khổ với Bồ công là thượng thư bộ Hình. Sau cuộc điều tra, Bồ công mời Hùng Liêu tới dự một bữa tiệc chỉ có nước lã thay cho rượu. Thấy Hùng Liêu trách, Bồ công nói: -"Uống một vài chén nước chả hơn là uống cả một bụng nước ở sông Hoàng-hà ngày xưa ư?". Hùng Liêu toan gây sự nhưng cha nuôi hắn đã bước ra vạch mặt hắn. Hắn cúi đầu nhận tội và sau đó quan tước của cải của hắn lại chuyển sang tay cha con ông cụ [2].

1. Theo sách *Thính văn dị lục*.
2. Theo *Phụ nữ tân văn* (1931).

Người Lào có truyện *Con rùa vàng* cũng tương tự với truyện của ta nhưng thay vào rắn nước là một con rùa:

Một đôi vợ chồng già không con. Một hôm vợ câu được một con rùa vàng. Quẳng đi mấy lần rùa vẫn mắc câu. Rồi đó, hai vợ chồng giữ rùa làm bạn. Một hôm rùa báo tin mưa lụt: hai vợ chồng cũng theo lời rùa cứu một con hổ, tiếp đến một con rắn, nhưng họ lại quyết chí cứu một người sắp chết đuối trái với lời rùa.

Nước rút, hổ và rắn trở về chỗ cũ. Xảy gặp khi có nàng công chúa đi thăm bà hoàng nước bạn, qua một khu rừng nghỉ lại, hổ bèn cắp lấy hộp nữ trang của công chúa đưa cho hai vợ chồng để trả ơn. Họ bày đồ nữ trang giữa nhà khoe với mọi người. Anh chàng được cứu thấy thế đi báo vua lấy công. Rắn nghe tin vợ chồng ông già bị hạ ngục bèn bò vào cung châm nọc vào mắt làm cho công chúa bị mù. Thấy con đau đớn, vua hứa sẽ chia nửa nước cho ai chữa được. Tất cả thần dân đều phải đến chữa. Đến lượt hai vợ chồng già, rắn trao cho một thứ rễ cây thuốc. Nhờ đó họ làm cho mắt công chúa sáng lại và được vua cho trị vì nửa nước[1].

Truyện của người Xi-xin (Sicile) hơi khác một ít: Một hoàng tử đi săn rơi xuống một hố sâu trong đó có một con sư tử và một con rắn. Một người đốt than đi qua. Hoàng tử kêu cứu, hứa sẽ chia cho một phần ba tài sản. Người kia tìm cách đưa cả lên bờ. Sư tử biếu anh chàng một miếng thịt nai ngon để trả ơn. Con rắn biếu một viên đá quý. Nhưng khi người đốt than đến hoàng cung nhắc lời hứa với hoàng tử thì bị đuổi. Nhờ vua cha bắt gặp biết chuyện nên vua bắt hoàng tử phải giữ lời hứa.

Ở truyện của người Ý (Italia) thì người rơi vào hố không phải là hoàng tử mà là một ông chúa. Ở đây cũng có một con sư tử, một con rắn và cũng gặp một người đốt than. Chúa hứa thưởng cho ân nhân 500 đồng (ta-lăng). Nhưng khi anh đốt than tới Vơ-ni-đơ để lĩnh thưởng thì bị ông chúa vu cho là điên, sai bắt bỏ ngục. Anh trốn thoát, và cũng gần như truyện Trung-quốc, đến tòa trình bày với quan tòa rồi lấy hòn đá quý của rắn cho làm chứng, lại dẫn quan chức đến chỗ ở của sư tử và rắn để thấy được lòng biết ơn của hai con vật. Quan tòa buộc ông chúa phải trả tiền cho anh như đã hứa và còn bồi thường thiệt hại cho anh.

Người châu Phi[2] cũng có truyện tương tự: Một người kéo ra khỏi hố một con chuột, một con rắn và một người đàn bà. Để trả ơn, chuột đào hang vào

1. Theo *Pháp Á tạp chí* và *Truyện dân gian Lào*.
2. Ở Côte des esclaves.

cung vua lấy đồ quý ra biếu ân nhân. Người dàn bà trái lại, tố cáo ân nhân ăn trộm đồ quý nên vua bắt người kia hạ ngục. Rắn nghe tin, làm cho người con vua phải đau rồi bày cho ân nhân phương pháp cứu chữa. Nhờ đó anh được tha bổng.

Các dân tộc Ấn-độ (Pendjab), Bro-tông (Breton), An-ba-ni (Albanie), Hy-lạp (Grèce), Nga, người Mác-din (Mesopotamie) các dân tộc nói tiếng Ả-rập, người Ca-ri-en (Cariels) (Miến-diện) đều có truyện gần giống với truyện *Bạc hơn cầm thú* của ta. Đại thể nhân vật chính của truyện làm chủ một chiếc nhẫn thần (hay một viên ngọc, v.v...). Nhẫn này sau nhiều phen thăng trầm bị một nhân vật phản diện cướp đi. Nhưng nhờ có ba con vật mà nhân vật chính từng cứu giúp, nên lấy lại được. Tất cả các truyện đều có hình ảnh con chuột, trong đêm tối thò đuôi ngoáy vào mũi kẻ thù của ân nhân làm hắn hắt hơi, chiếc nhẫn hắn giấu trong mồm văng ra nhờ đó lấy lại được [1].

Người Triều-tiên có truyện *Ông lão lái đò* cũng cùng một mô-típ nhưng cách cấu trúc hơi khác.

Một ông lão lái đò lần lượt vớt một con rắn rồi một con dê sắp chết đuối ở sông. Dê cũng như rắn chạy thẳng vào rừng.

Một ngày mùa đông có một con dê chạy đến trước mặt ông lão lấy chân cào cào vào đất. Ông lão bảo một người đi đường đào lên. Đào quả được vàng, ông lão chia hai, cho hắn một nửa, nhưng hắn đòi cả, cho đó là trời cho mình. Cãi nhau chán đưa lên tòa. Tòa xử vàng về người đi đường, lại giam ông lão vì tội nhận xằng. Một con rắn đến cắn sưng chân ông lão, rồi lại tha một thứ lá cây rịt vào khỏi ngay. Rắn lại đến cắn vào chân vợ quan tòa làm mụ sắp chết. Lính gác ngục mách cho quan tòa biết ông lão cũng bị rắn cắn mà chữa được lành, quan đòi ông lão đến chữa cho vợ, sau khi vợ lành, hỏi ông: -"Vì sao biết chữa lành?" -"Vì con rắn mang lá đến". -"Tại sao rắn lại mang lá đến?". -"Vì tôi cứu nó khỏi chết đuối". Nói rồi ông lão kể lại câu chuyện cũ. Quan hỏi: -"Thế dê có trả ơn ông gì không? -"Chồng nó đến chỉ vàng cho tôi, nhưng quan lại xử cho người đi đường được vàng, còn tôi thì bị giam".

Quan sai đòi người đi đường bắt trả lại vàng [2].

Tất cả những truyện trên có lẽ bắt nguồn từ những truyện của Ấn-độ còn chép trong sách *Năm sách dạy trẻ* (Panchatantra):

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Nghiên cứu văn học dân gian (tìm hiểu sự thiên di của các truyện cổ dân gian và điểm xuất phát).*
2. Theo Ga-rin (Garine). Sách đã dẫn.

Một người Bà-la-môn qua một khu rừng, thả xuống giếng một cần song để múc nước. Tự nhiên từ cái cần trèo lên một con khỉ. Nó bảo dưới giếng còn có một con hổ, một con rắn và một người thợ kim hoàn nhưng chỉ nên đưa hai con vật kia lên mà bỏ con người lại vì nó không tốt. Người Bà-la-môn không nghe, tìm cách cứu lên tất cả. Ít lâu sau, ông đi qua rừng, được hổ trả ơn bằng cách biếu một hộp nữ trang của một công chúa mà nó đã ăn thịt. Ông đưa đến người thợ kim hoàn kia nhờ đúc. Nhưng người này tố cáo với vua, và người Bà-la-môn liền bị bắt. Bấy giờ rắn tìm vào buồng vua cắn cho một công chúa ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Tất cả các thầy thuốc đều bó tay, chỉ trừ người Bà-la-môn, nhờ rắn bày cho cách chữa. Sau đó vua gả công chúa cho ông làm vợ và bắt tội người thợ kim hoàn.

Trong *Lục độ tập kinh* có 2 truyện:

1. Ở vương quốc Ma-thiên-la có ông vua đi tu trong rừng trên 30 năm thành sư. Một hôm có người đi săn rơi vào hố sâu; một con quạ và một con rắn sợ hãi cũng rơi luôn xuống. Thấy chúng kêu cứu, sư cầm duốc soi rồi dòng dây cho lên. Lên được rồi, cả người và vật lạy tạ hứa sẽ đền ơn. Người đi săn mời đến nhà để hắn dâng cúng. Quạ nói: -"Tôi tên là Bạt, nếu gặp việc gì khó, gọi tôi sẽ đến". Rắn cũng nói: -"Tôi tên là Trường gặp nguy thì cứ gọi tôi".

Sau đó sư đến nhà người đi săn. Trông thấy ân nhân từ xa, người đi săn bảo vợ: -"Mình hãy làm một bữa cơm ngon để đãi sư, nhưng cứ làm đềnh dàng cho quá bữa, ông ta sẽ không ăn". Quả nhiên vì quá bữa nên sư cáo về. Dọc đường gặp quạ, sư gọi tên. Quạ đáp xuống hỏi sư đi đâu. Đáp: -"Đến nhà người thợ săn". -"Đã ăn gì chưa?" -"Họ có dọn nhưng quá bữa, ta không chờ được" -"Nó có thực bụng đâu. Tôi không có gì, nhưng ông cứ chờ đây". Nói rồi, quạ bay đến vương quốc Ban-thứ, vào hậu cung thấy vợ vua đang ngủ say, bèn cắp lấy hòn ngọc để trên đầu, tha về cho sư.

Vợ vua tỉnh dậy thấy mất ngọc, báo cho chồng biết. Vua bố cáo cho thiên hạ ai tìm được sẽ thưởng 1.000 vàng, 1.000 bạc, 1.000 bò, 1.000 trâu, nhưng nếu ai giấu sẽ giết cả bà con. Sư cho người đi săn hòn ngọc ấy. Hắn bèn trói sư lại báo cho vua biết. Vua hỏi sư vì sao có ngọc? Sư nghĩ rằng nếu nói thật thì quạ sẽ tuyệt nòi, nếu nói mình lấy thì không xứng đáng là con Phật. Bèn nín lặng, chịu hàng ngàn roi đòn tra tấn. Sau cùng vua sai chôn sư chỉ chừa có cái đầu, ít hôm nữa sẽ chém. Sư cầu cứu rắn. Rắn đến bảo: -"Tôi sẽ cắn hoàng tử đứa con độc nhất của vua, rồi tôi mang thuốc đến đây, ân nhân xin

chữa, chữa lành sẽ được tha". Hoàng tử bị rắn cắn chết. Vua cho rao ai chữa sống lại sẽ được ban nửa nước. Lúc người ta mang xác hoàng tử đi qua chỗ nhà sư đang chịu cực hình, sư xin cho mình chữa. Chữa lành, vua y ước chia cho nửa nước. Thấy sư từ chối, vua nghĩ: - "Một nửa nước mà chối thì sao có thể là kẻ ăn trộm ngọc được". Vua bèn tới hỏi: -"Ông là ai mà lại đi tu?". Sư kể lại sự thật. Vua khóc. Cho gọi người đi săn bảo đem bà con đến để lĩnh thưởng. Khi họ đến, vua phán: - "Lòng độc ác và vô ơn là tội nặng nhất". Sai chém tất cả.

2. Bồ-tát là người giàu có lớn, một hôm đi chợ thấy có người bán một con rùa, bèn lại hỏi giá. Biết Bồ-tát giàu có, người ấy đòi một triệu đồng nếu không thì đem rùa về làm thịt. Bồ-tát bằng lòng mua, băng bó cho rùa, rồi thả xuống sông. Ít lâu sau, rùa báo tin cho Bồ-tát phải sửa soạn tàu bè, sẽ có trận lụt lớn. Bồ-tát tin cho vua hay để đưa đồ dạc, kho tàng lên cao. Đến ngày lụt, rùa đến với Bồ-tát. Thuyền chèo đi, cứu được một con rắn, rồi một con chồn. Sắp cứu một người thì rùa cản lại. Hỏi: -"Sao lại cứu vật mà không cứu người?" -"Rồi sẽ hối cho mà xem". Nước cạn rùa về. Rắn, chồn cũng mỗi con một ngả. Chồn tìm được 100 cân vàng trong lỗ chôn, đưa tặng Bồ-tát. Người được cứu đòi phải chia cho hắn một nửa. Bồ-tát nói là để cho người nghèo, chỉ chia cho hắn 10 cân. Hắn tố cáo lên quan. Bồ-tát bị bắt. Ở đây rắn cũng cho một vị thuốc chữa rắn cắn, rồi đi cắn chết hoàng tử và cuối cùng Bồ-tát cũng được vua tha vì chữa lành. Truyện kết thúc bằng sự trừng phạt tên vô ơn, còn Bồ-tát thì trở thành cố vấn của nhà vua.

Một truyện thứ ba cũng từ kinh Phật mà ra:

Bốn con vật: một sư tử, một rắn, một chuột, một chim cú rơi vào một hố sâu cùng với một người đốn củi. Tất cả đều được một người đi săn cứu lên. Để trả ơn, sư tử tặng một con nai, chim cú tặng một chuỗi hạt lấy của vợ vua Diêu Dạt. Do người được cứu tố giác nên anh thợ săn bị bỏ ngục. Con rắn bèn cắn vua, người thợ săn được chuột đến bày cho cách chữa, anh vào cung xin chữa và cuối cùng được tha [1].

Nhiều sách Phật khác, ví dụ kinh *Ra-sa-va-ni-ni* (Rachavanini) (tiếng Pa-li)

1. Đều theo Sa-van-nơ (Chavanne). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung-quốc*. Theo Sa-van-nơ thì kinh này được dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán vào khoảng năm 240 - 280.

(Pali) và kinh *Các-ma-xa-ta-ca* (Karmaçataka) (tiếng Tây-tạng) cũng chép truyện này, bảo là từ miệng Phật nói ra để nhắc đến một hành động vô ơn bạc nghĩa [1].

Người ở Ta-phi-lét (Tafilelt) (Nam Maroc) có truyện *Cây sáo và cái trống biết nói* kết hợp truyện *Cứu vật vật trả ân...* với truyện *Nhà vua tai lừa*. Đại thể là:

Xưa có một ông vua đầu mọc hai cái sừng mà dân không ai biết cả. Tóc mọc quá dài, vua muốn cạo nhưng chỉ sợ người ta biết. Cuối cùng vua sai tìm một phó cạo ở xứ khác đến hứa thưởng hậu để cắt tóc nhưng buộc phải thề tuyệt đối giữ bí mật. Phó cạo đồng ý, lúc đầu hắn giữ được bí mật, nhưng sau thấy khó chịu quá vì cái bí mật "lên đến tận môi" buộc phải nói ra. Bèn chạy ra ngoài thành đến một cái giếng cúi xuống miệng giếng nói ba lần: - "Nhà vua có sừng". Đoạn hắn mới yên tâm trở về.

Ngày ấy vua có hai đứa con: đứa đầu da đen, đứa thứ hai da trắng. Vua bảo chúng đi săn, hễ đứa nào bắt về được một con hoẵng và một con hươu thì sẽ truyền ngôi. Đứa da trắng không được gì bèn đón đường giết anh nó lột da treo lên cây rồi dắt các con vật do anh nó săn được về cung. Vua hỏi: -"Có thấy anh con không?". Hắn đáp bình tĩnh: - "Không".

Bấy giờ có một người hát dạo tìm đến thành phố ấy. Khi đi qua cái giếng nói trên, thấy một cây sậy đẹp, liền cắt làm ống sáo. Lại đi nữa, thấy có da treo trên cây bèn trèo lên lấy xuống bịt một cái trống. Lại đi nữa, đến một cái giếng khác, thấy một con sư tử, một con rắn và một người; cả ba đều tỏ ý cầu cứu, hứa sẽ hậu tạ. Anh dòng dây cho lên. Sư tử biếu một sợi lông, rắn biếu một miếng da lột, bảo: - "Khi cần đến chúng tôi thì đốt lên". Còn người thì khi lên khỏi giếng, lập tức đấm cho ân nhân mấy cái vào mắt, mũi và mồm rồi bỏ đi mất. Người hát dạo chùi máu, đi đến kinh thành ngồi thổi sáo. Bống sáo kêu lên: - "Vua có sừng" ba lần. Anh lại đánh vào trống, trống kêu vang: - "Em tôi cắt cổ tôi vì con hoẵng và con hươu con". Cảnh sát liền bắt anh đến cung vua, vua sai tống ngục. Anh đốt da rắn để cầu cứu. Cũng gần như truyện trên, rắn đến bảo anh: - "Vua có một công chúa rất yêu dấu, mai tôi sẽ vào quấn cổ nó. Nếu vua cho người đi tìm người dỗ rắn, thì anh cứ nhận lời rồi vào bắt lấy tôi bỏ ở đồng, đừng sợ". Mọi việc xảy ra như lời rắn. Vua tha bổng cho anh nhưng bắt anh phải kể lại vì sao tìm được những nhạc cụ biết nói như

1. Sách *Nghìn lẻ một đêm* cũng có một truyện tương tự với truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán*.

vậy. Anh kể lại sự thật. Kể xong vua thưởng tiền, cho đi.

Sau đó vua cho đòi phó cạo ra tra hỏi. Thấy hắn chối, vua sai đưa sáo cho thổi. Hắn thú thực và xin tha vì cho rằng: -"Nói ở trong giếng không ai biết". Vua nói: - "Trời biết". Bèn giết hắn.

Vua lại cho đòi người con thứ đến hỏi: - "Anh mày đâu? Có phải mày đã giết anh mày không ?" -"Không". - "Đánh vào trống đi". Nghe tiếng trống, hắn thú thực và nói: -"Con nghĩ rằng việc làm một mình như vậy thì không ai biết". -"Trời biết". Vua đáp. Cuối cùng vua cũng cho xử tử đứa con [1].

Một loạt truyện sau đây dường như là dị bản thoát thai từ truyện trên với hình tượng con rắn và viên ngọc (hay vị thuốc) tặng ân nhân.

Truyện của Thụy-sĩ (Suisse):

Một con rắn một hôm kéo chuông đặt trước cổng vua để kiện một con cóc vì cóc chiếm chỗ ở của nó. Ông vua xứ ấy vốn bị mù. Vua xử cho con rắn được kiện và ra lệnh giết cóc. Ít lâu sau con rắn biết ơn bò vào cung vua, mang trong mồm một hòn đá (la-pi-dem). Hòn đá ấy thả rơi trúng vào mắt vua làm cho mắt sáng lại[2].

Truyện người Bắc Ấn-độ:

Công chúa Phu-ăng bị dì ghẻ đem bỏ vào rừng sắp chết đói. Một hôm thấy một con rắn tìm đến cầu cứu và nói: - "Cứu ta, ta sẽ cho ăn". Công chúa lấy áo mình che chở cho rắn. Sau đó, có con chim ga-ru-đa (loại chim thù địch với loài rắn) tìm đến bảo công chúa: -"Thả đứa ăn trộm đây cho ta!" Công chúa đáp: -"Không có ở đây". Khi chim bay đi chỗ khác, rắn tặng công chúa một hòn ngọc và bảo: -"Khi cần một cái gì thì san bằng một đám đất, đoạn, đặt ngọc lên mà cầu sẽ được như ý".

Truyện của người Xắc-xông (Saxon) ở Tơ-răng-xin-van-ni (Transylvanie):

Một người trẻ tuổi chuộc một con rắn nhỏ từ tay bọn trẻ con đang hành

1. Theo *Báo châu Á*, đã dẫn, tập XIII.

2. Trong một truyền thuyết về vua Pháp Sác-lơ-ma-nhơ (Charlemagne) có nói đến một con rắn biết ơn vua, tặng vua một hòn đá mầu nhiệm làm nhà vua có tình yêu không phai lạt với kẻ mình trao đá quý, nhưng vua thì không biết tác dụng của viên đá. Khi hoàng hậu chết, vua bỏ đá vào miệng hoàng hậu, vì thế vua không thể nào xa lìa được xác vợ, nên nhất định không cho chôn. Mãi sau khi ném hòn đá ấy xuống cái đầm, từ đó tình yêu của vua la-sa-pen (Aix la Chapelle). chuyển sang cái đầm này. Do đó nhà vua cho xây dựng kinh đô Ách la-sa-pen (Aix la Chapelle).

hạ. Khi rắn lớn, nó nói: - "Tôi là con gái vua rắn; hãy trèo lên lưng, tôi mang đến gặp cha tôi, cha tôi sẽ thưởng hậu". Đến nơi, nhờ có rắn mớm, vua rắn tặng anh một viên ngọc sáng và một con ngựa trắng của mặt trời có tám chân. Con ngựa vừa chở anh đi vừa trở thành cố vấn của anh. Còn viên ngọc chiếu sáng cho anh trong một cuộc du lịch đến một nước nọ. Ở đây, anh phục vụ cho một ông vua. Nhờ con ngựa, anh chiếm được một công chúa xinh đẹp tóc vàng. Sau đấy diễn ra một cuộc chiến đấu giữa con ngựa của anh với con ngựa khác rất lợi hại của công chúa. Ngựa của anh được bọc một cái áo làm bằng bảy tấm da trâu. Ngựa của công chúa làm thủng lần lượt sáu tấm, nhưng đến tấm thứ bảy thì kiệt sức, bị ngựa mặt trời cắn ngã.

Truyện của người Xây-lan (Sri Lanka):

Một hoàng tử mua một con rắn để giải phóng cho nó, không ngờ rắn ấy là con Long vương (Na-ga). Rắn cũng đưa hoàng tử về nước mình, và dặn hoàng tử cố xin cha mình một cái nhẫn có đá quý. Với cái nhẫn này có thể cầu được ước thấy.

Ở truyện của người An-ba-ni (Albanie) thì con rắn báo ân nhân phải xin cha nó những cái gì có ở dưới lưỡi. Người kia nhìn thấy tặng vật không phải là cái gì quý như hắn tưởng mà là một viên đá thì tỏ ý chán nản, nhưng khi vô tình cọ phải viên đá, bỗng thấy xuất hiện một hắc nô nói: -"Thưa ông chủ, ông chủ muốn bất cứ việc gì, con xin tuân lệnh".

Truyện của người Nga:

Mác-tanh, con của một bà góa, đi qua một bãi cỏ đang cháy rần rật, ở giữa có một cô gái đẹp kêu cứu thảm thiết. Anh dập tắt lửa, cô gái biến thành rắn nói: - "Cha tôi cai trị một vương quốc ở dưới đất, xin mời ân nhân theo tôi về chơi, và cố xin chiếc nhẫn mà ông ta đeo ở ngón tay út".

Truyện của người Đức:

Một kỵ sĩ cứu vua rắn ra khỏi lửa. Vua rắn bỏ vào miệng anh ta một mẩu rễ cây. Hắn nuốt vào, từ đấy hiểu tiếng loài vật.

Ở truyện của người Hy-lạp (Grèce) thì rắn đã chuyển thành cá:

Một người trẻ tuổi hàng ngày đi ăn xin ở bờ biển, thường ném bánh cho một con cá ăn. Một hôm, cá trả ơn: -"Hãy giơ ngón tay lên trước miệng tôi!". Anh ta được cá nhả cho một hòn đá bé nhưng rất sáng. Hòn đá này ai ngậm vào miệng thì hiểu được tiếng loài vật [1].

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*, đã dẫn.

(Về những truyện rắn đền ơn bằng cách truyền cho phép mầu biết tiếng loài vật, xem **Khảo dị** truyện *Sự tích con dã tràng*, số **15** tập **I**)

Sách *Sưu thần ký* Trung-quốc (thế kỷ V) cũng có kể truyện một ông quan, một hôm thấy ở bờ ruộng một con rắn bị thương. Ông dừng lại một lát để thăm rồi nhỏ vào miệng rắn một giọt thuốc mà ông ta mang theo. Lành rồi, rắn mang đến tặng viên quan một hòn dá quý.

Trong sách *Dị uyển* của Lưu Kính Thúc đời Tống cũng có nói đến truyện một con chuột biết ơn. Đời Cảnh Bình có lụt dâng lên xứ Đồng-dương, nhân dân dắt díu nhau chạy. Trong đó có một người là Thái Hi Phu dọn nhà lên một đống cao sau chùa. Ông thấy một con chuột to cũng tránh lụt trốn dưới giường. Thương hại cùng cảnh ngộ, ông không giết nó mà còn cho nó ăn thức ăn thừa. Sau đó trở về làng, con chuột mang đến cho ông một cái gói bọc giấy đỏ trong có nhiều hạt ngọc quý.

Tóm lại, loại truyện có hình tượng con rắn đền ơn kẻ cứu nó bằng cách tặng một viên ngọc quý (hay vị thuốc thần, v.v...) hầu như phổ biến ở các dân tộc trên thế giới.

Cũng hình tượng cứu vật được ơn, còn có một loạt truyện của các dân tộc, nội dung nói về việc liều mình cứu những con vật gặp nạn hiểm nghèo mà không cần biết ơn, hoặc được trả ơn một cách vô tình. Các truyện này theo nhà nghiên cứu truyện cổ tích Ben-phây (Th. Benfey) thì chịu ảnh hưởng của một phật thoại (Phật - tiền kiếp - cắt thịt mình cho một con chim cắt để chuộc đời sống một con bồ câu sắp bị cắt mổ).

Ví dụ truyện của Tiệp-khắc [cũ] (Tchécoslovaquie) ở Bô-hêm (Bohême) có kể một nhân vật cứu một tổ kiến sắp bị tiêu diệt vì nạn cháy. Lại giết con ngựa của mình để nuôi hai con quạ bị đói. Rồi lại bỏ tiền chi tiêu đi đường để chuộc một con cá từ tay người đánh cá và thả nó về biển, v.v... [1].

Đoạn nói về anh chàng xuống chơi thủy phủ, xem thêm truyện *Thạch Sanh* (số **68**), truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* (số **92**), và truyện *Giáp Hải* (số **149**, tập **IV**).

Xem thêm một loạt truyện khác nói về việc cứu vật nhưng được trả oán trong **Khảo dị** truyện *Người học trò và con hổ* (số **160**, tập **IV**).

1. Ben-phây (Th. Benfey). *Năm sách dạy trẻ.*

49. ĐỨA CON TRỜI ĐÁNH HAY LÀ TRUYỆN TIẾC GÀ CHÔN MẸ

Xưa có một người đàn ông tính rất vũ phu. Đối với vợ con, hơi động một tý là hắn đánh đập không tiếc tay. Hắn ham chơi gà chọi, ham đến nỗi trên đời ngoài gà ra, hắn cho không còn thú gì tiêu khiển hơn thế được. Lần đó hắn mua được một con gà thật tốt. Con gà ấy có nước đá rất hay, đã từng đoạt được nhiều giải. Hắn quý gà vô cùng, chăm sóc từng ly từng tý một.

Một hôm hắn đi chơi xa, dặn vợ ở nhà trông nom con gà cho mình. Hắn dọa:

- Mạng của nó tức là của mày đó!

Ngày hôm ấy gà mấy lần chạy ra ăn đỗ phơi ở sân. Người vợ ngồi chặt củi gần đấy đuổi mãi không được. Một lần, sẵn con dao chặt củi, chị cầm ném đuổi gà. Không ngờ dao trúng vào cổ, con gà giãy lên đành đạch, một lát thì chết.

Thấy con gà cưng của chồng chẳng may vì mình mà chết, người vợ xanh cả mặt. Nghĩ đến những trận đòn của chồng, nàng gạt nước mắt khóc. Nàng bảo mẹ chồng:

- Con không may đánh chết gà. Chồng con về chắc sẽ không để yên cho nào. Nhưng con đã có mang được bốn tháng nay, biết làm sao bây giờ?

Bà cụ đáp:

- Con đừng lo, để mẹ nhận là mẹ ném cho. Chả lẽ nó lại ăn thịt mẹ nó hay sao?

Người chồng trở về, vừa bước chân vào nhà đã hỏi vợ:

- Con gà đâu?

Vợ run rẩy chưa kịp đáp thì người mẹ đã bảo:

- Tao nhỡ tay trót ném chết nó. Rồi tao sẽ đền tiền cho mày mua con khác.

Hắn ta nổi giận đùng đùng, hất hàm bảo vợ:

- Mày thổi cơm mau mau cho bà ấy ăn no đi!

Cả nhà tưởng hắn dọa hẩm bà cụ. Nhưng cơm nước xong hắn cầm thuổng đi trước, bảo vợ lấy dây trói tay mẹ lại, dắt đi sau. Ra đến cánh đồng, hắn hì đục đào một cái huyệt, quyết định chôn người đã làm chết con gà quý của mình. Nhưng ở trên thiên đình, Ngọc Hoàng đã thấy hết được tội ác của thằng con bất hiếu, bèn sai Thần Sét xuống trị tội ngay. Vì thế, huyệt vừa đào xong bỗng đâu trời nổi một cơn gió lớn, giữa đồng có một tiếng nổ rất to. Thần Sét đã nhảy xuống từ khi nào, đánh hắn ngã xuống một bên huyệt và thích mấy chữ vào mặt.

Thiên hạ nghe tin đổ xô đến xem rất đông. Khi quan về khám, sai lấy dấm bôi vào mặt, thấy nổi lên tám chữ: "*Quý gà chôn mẹ, tội ác không tha*". Ngày nay ở vùng Bắc-ninh còn có cái bia ghi câu chuyện trên[1]. Câu rủa *Con trời đánh* cũng là do truyện ấy mà có.

1. Theo *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề.

[50]. GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

Ngày xưa có hai anh em nhà kia, anh có lắm tiền nhiều bạc, còn em thì cam phận túng bấn. Nhưng người anh vẫn không mấy khi đoái hoài tới em mình, trái lại chỉ thân thiết với bọn vô lại, nay rượu chè mai cờ bạc làm vui. Hắn riết róng với em bao nhiêu thì lại hào phóng với bọn chúng bấy nhiêu. Mặc dầu thế, người em vẫn không oán anh nửa lời. Chỉ có vợ người anh vẫn thường khuyên chồng nên tránh bạn xấu, vì họ chẳng qua "*Khi vui thì vỗ tay vào; Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai*". Chồng ra sức cãi:

- Các bạn tôi đều là những người tốt bụng tử tế cả. Đừng nhầm!

Vợ thấy can không được, đành tìm dịp cho chồng một bài học.

Một hôm chồng đi vắng, vợ ở nhà đánh chết một con chó to đem chiếu cuốn lại, cột dây thật chặt rồi để ở xó vườn. Tối đến, khi chồng về, vợ giả làm bộ sợ hãi, nói:

- Ban trưa, lúc mình đi vắng, có một thằng bé đến xin ăn. Tôi chưa kịp cho nó đã chửi rủa ầm ĩ. Tức mình, tôi phang cho một đòn gánh, không ngờ nhằm chỗ phạm, nó lăn ra chết. Tôi đành lấy chiếu bó xác để ở góc vườn. Bây giờ phải nhờ một người nào thân tín đến chôn giúp cho và giữ kín miệng, đừng để cho đầy tớ và xóm làng biết.

Chồng nghe nói đến xác chết, sợ hết hồn. Song hắn cũng yên tâm vì nghĩ đến mấy ông bạn thiết. Hắn vội chạy đi tìm họ kể hết tình thực và nhờ họ chôn hộ. Nhưng khi nghe thủng câu chuyện của hắn, ông bạn nào cũng tái mặt đi. Sợ liên lụy tới mình nên ông nào cũng tìm cớ thoái thác. Cuối cùng năn nỉ khắp lượt mà không được gì cả, hắn tiu nghỉu trở về nói cho vợ biết. Vợ bảo:

- Thế thì sang nhờ chú nó xem sao.

Hắn chạy đi gọi em, em đến ngay. Khi biết rõ chuyện, người em giục làm gấp. Đoạn em xắn áo giúp anh một tay, không nề hà gì cả.

Xong việc, chị vợ bảo chồng:

- Đó, đã thấy chưa! Nào mình còn mong chờ bạn hữu nữa thôi. Nếu không có chú nó thì làm sao lo liệu được cho ổn thỏa.

Chồng nghe vợ nói có ý hối hận. Từ đó đối với bạn hữu có vẻ lạnh nhạt. Không ngờ mấy người bạn thấy thế đến nhà giở mặt dọa nạt, đòi phải cho chúng tiền chúng mới chịu im việc này đi cho. Nghe thế, chồng hoảng sợ, toan đưa tiền bạc ra khấn khứa chúng, nhưng người vợ nhất định không chịu, bảo họ muốn làm gì thì làm. Quả nhiên bọn vô lại thấy không xơ múi gì cả, liền đem việc tố cáo với quan trên. Quan tin là một vụ án mạng thực, bèn xuống trát bắt hai vợ chồng. Trước công đường, người vợ khai rõ đầu đuôi câu chuyện giết chó để thử bạn chồng và em chồng, cùng là kết quả như đã thấy. Quan sai người đến chỗ bãi hoang quật xác lên thì quả nhiên chỉ là một cái xác chó.

Quan bèn tha cho hai vợ chồng về và sai đánh đòn mấy tên nguyên đơn xấu bụng. Từ đó người chồng mới cạch mấy người bạn xấu và giúp đỡ em ân cần tử tế[1].

KHẢO DỊ

Có một truyện của đồng bào Thái giống với truyện trên:

Thấy chồng thân với bạn mà ghét em, một hôm nhân chồng săn được nai, vợ bảo thử xem lòng bạn tốt, xấu thế nào, bằng cách nói dối với bạn là mình bắn nhầm phải người. Kết quả các bạn của chồng sợ bị liên lụy đều từ chối cả. Chỉ có người em nghe nói thế vui lòng giúp đỡ anh. Thế là hai anh em đi khiêng nai về chén thịt. Chồng từ đó yêu em hơn trước.

Truyện *Giết chó khuyên chồng* bênh vực thứ tình thân gia tộc trong một xã hội phương Đông còn nhiều dây mơ rễ má với chế độ tông pháp là thứ chế độ coi trọng pháp luật gia tộc và quan hệ tập truyền hơn pháp luật của xã hội,

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

nên tư tưởng rất lạc hậu, ít bắt gặp trong cổ tích các nước phương Tây. Mặc dầu thế, mô-típ giết súc vật giả người để thử thách quan hệ tình cảm, tâm lý lại khá gần với một số truyện của nước ngoài. Truyện của người Xi-xin (Sicile):

Một anh chàng thường khoe với bạn rằng mình có một người vợ tính hạnh có một không hai trên trần thế: biết thương chồng chiều chồng. Bạn bảo hắn thử xem. Một hôm, anh chàng mua ở chợ về một cái đầu dê bọc trong những tầng khăn dẫm máu và bảo vợ: -"Tôi có giết một người, bây giờ cần phải làm cho mất tích. Nàng giấu kín cho nhé!". Không bao lâu, vợ tố cáo chồng lên quan, quan cho bắt chồng về tra tấn. Hỏi chỗ chôn xác, hắn đáp là quẳng xuống giếng. Một tên lính được lệnh lặn xuống. Khi sờ phải đầu dê, nó kêu lên rằng đã tìm thấy. Quan có ý mừng. Nhưng rồi tên lính đưa đầu lên, nói thêm "mà có sừng". Quan lặng ngắt.

Truyện *Sự bí mật* của người Pháp:

Nhà nọ có một người vợ có tật mách lẻo, việc gì trong nhà chưa tỏ thì ngoài ngõ đã tường. Chồng kiếm dịp cho vợ một bài học. Một hôm, chồng mua một con lợn giết chết và chôn trong rừng. Về nhà, bảo vợ: -"Tôi nhỡ tay giết chết một người bạn và chôn ở mé rừng kia. Mình dừng có mách với ai cả nhé!". Chỉ một khắc sau đó, vợ không giữ được mồm miệng, đã tỷ tê việc ấy cho láng giềng biết và có dặn thêm: -"Này bà giữ kín hộ nhé!". Từ miệng người láng giềng, câu chuyện "bí mật" truyền đi khắp mọi nơi, ai cũng dặn: "Dừng kể cho ai cả nhé!". Và cuối cùng tin đó đến tai sở cảnh sát. Quan sai lính bắt người chồng dẫn đến chỗ chôn xác người, nhưng họ tiu nghỉu khi thấy đó chỉ là xác một con lợn.

Người Đức, người Anh và người Nga cũng có truyện tương tự như của người Pháp.

Truyện của dân tộc Can-múc (Kalmouk) ở Mông-cổ và Liên-xô [cũ]: Ma-hăng-sa-da trở thành quan đầu triều và được lấy con gái vua làm vợ. Một hôm, vua hỏi các quan: -"Nếu ta có việc bí mật thì nên thổ lộ với ai?". Ý kiến của Ma-hăng-sa-da là không nên thổ lộ với ai cả, nhất là vợ lại càng không nên. Thấy mọi người bác đi, ông nói: -"Rồi tôi sẽ chứng minh cho mà xem".

Ít lâu sau, một con công của nhà vua bay ra. Ông ta bắt lấy, giấu đi một chỗ, và kiếm một con khác đưa về cho vợ, bảo: -"Đây là con công của nhà vua sổ lồng. Ta làm thịt nấu ăn đi và mình hãy giữ bí mật, đừng nói với ai cả nhé!".

Sau đó ông chọc tức vợ, quả nhiên vợ đem việc giết công về kể cho vua cha biết. Nghe kể, vua sai bắt ông ta giam lại. Và mặc dầu biết ông ta cốt chứng minh với mình câu chuyện ngày trước, vua cũng sai đao phủ xử trảm. Trước khi chịu cực hình, Ma-hăng-sa-đa đã làm mấy câu thơ ý nói: "Vua không bao giờ là một người bạn; người đao phủ thì không biết ai với ai cả; và không nên nói điều bí mật với vợ mình".[1]

Truyện của người Ấn-độ và Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan): một người cha trước khi tắt thở có dặn con ba điều: chớ nói việc bí mật với vợ, chớ kết bạn với lính, chớ trồng cây có gai ở trong vườn. Người con không cho là đúng, hắn cố ý làm trái lời cha để thử xem thế nào. Hắn kết bạn với một người lính, và trồng một cây có gai ở giữa vườn. Và sau cùng một hôm để thử vợ, hắn giết một con cừu quẳng xuống cái giếng cạn, rồi nói với vợ là có nhỡ giết một người, nhờ giữ kín hộ. Chẳng mấy lúc, tật mách lẻo của người vợ đã làm cho câu chuyện đến tai láng giềng. Từ láng giềng, chuyện được truyền đến tai vua. Bấy giờ người lính bạn anh chàng nọ đã thăng đến chức tuần cảnh. Hắn đến nhà bạn túm cổ bạn lôi đi. Lúc ấy bạn hắn đang ngồi dưới bụi gai trong vườn. Bị lôi kéo cái khăn mắc vào những cành gai nhọn khiến hắn phải đến yết kiến vua bằng đầu trần. Nhưng rồi chẳng ai thấy xác người đâu cả ngoài xác con cừu, nên chàng ta cũng được tha bổng[2].

Câu "*Giết chó khuyên chồng*" thường tiếp liền với câu "*Mài dao dạy vợ*". *Mài dao dạy vợ* cũng có sự tích:

Xưa có một gia đình, mẹ chồng ở với nàng dâu thường hay xô xát, lục dục. Người con trai ở giữa khổ tâm vô hạn. Một hôm hắn mua một con dao bầu về mài. Vợ hỏi làm gì, hắn đáp rằng bởi mẹ chồng nàng dâu, không ở được với nhau, mà mẹ thì đã gần đất xa trời, chi bằng giết quách đi cho rảnh, khỏi phải nghe tiếng mắng chửi suốt ngày. Vợ nghe nói cảm động, từ đó có bớt nóng này. Một bữa khác, thấy chồng lại mài dao làm bộ giết mẹ thật, vợ hoảng hốt can chồng và xin ăn ở tốt với mẹ chồng. Ngược lại, mẹ chồng thấy con dâu đổi tính nết, cũng bỏ hẳn thói cũ[3].

---

1. Nguyễn Văn Ngọc có kể một truyện của ta, có phần nào giống truyện này *(Nem công chả phượng râu rồng, Có hai vợ chồng chẳng hết lòng nhau)*. Xem sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren* của Cô-xcanh (Cosquin).
3. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

51. CHA MẸ NUÔI CON BỂ HỒ LAI LÁNG, CON NUÔI CHA MẸ KỂ THÁNG KỂ NGÀY

Xưa, có hai vợ chồng một nhà nọ làm ăn chí thú. Họ sinh được ba người con, đều là con trai. Hai vợ chồng nuôi con rất chăm chút. Từ lâu, tay họ làm ra rất nhiều tiền của, ruộng vườn, nhưng có miếng gì cũng ăn nhịn để dành, những mong gây dựng cho mỗi con một cơ nghiệp riêng. Cho đến ngày cưới vợ cho đứa thứ ba xong, chồng bảo vợ:

- Chúng ta nhờ trời "con có của nên". Nay chúng ta đã đến kỳ răng long tóc bạc mà con thì đã khôn lớn cả. Vậy cũng nên chia tài sản cho chúng nó làm ăn, đứa nào lo phận nấy, để khỏi có sự tranh giành sau này. Có vậy mới yên hưởng tuổi già được!

Thấy vợ ưng thuận, ông già bèn cho mời họ hàng làng nước lại lập chúc thư. Ông chỉ để lại cho mình và vợ mình một phần nhỏ tài sản để dưỡng lão, còn bao nhiêu của chìm của nổi đều chia hết cho các con.

Tuy đã ngoài 60 tuổi, nhưng ông già vẫn còn khỏe mạnh và chưa chịu để tắt chí kinh doanh. Vì thế, sau khi phân chia tài sản cho các con xong, hai vợ chồng lại lao vào công việc làm ăn. Với phần của dưỡng lão, họ lại đưa ra buôn bán. Không ngờ thần tài còn vượng, lãi mẹ đẻ lãi con, tiền bạc lại tuôn về như nước chảy. Không đầy bảy tám năm sau, họ lại trở nên giàu có như trước. Trong khi đó thì ba đứa con của ông phần thì thiếu kinh nghiệm, phần thì siêng ăn nhác làm, nên cơ nghiệp mới nhen lên chưa được bao lâu đã trở nên sa sút.

Một hôm, cả ba đứa con đều tìm đến gặp bố mẹ rồi nói:

- Bây giờ bố mẹ ngày một yếu hèn. Theo ý chúng con, bố mẹ chỉ nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng cho khỏe, để phần tài sản lại cho chúng con quản lý, chúng con sẽ xin phụng dưỡng bố mẹ đến mãn đời.

Ông già trả lời:

- Bố mẹ cũng muốn như vậy lắm. Nhưng ngặt vì xưa nay cha mẹ nuôi con thì được, còn con nuôi cha mẹ có phải dễ đâu!

- Bố mẹ đừng lo gì cả, bọn con nói tiếp. Người ta không có của cha mẹ để lại cũng nuôi được cha mẹ thay, huống hồ phần tài sản của bố mẹ như thế thì lo gì mà chẳng nuôi được!

Ông già nghĩ ngợi hồi lâu rồi hẹn ba tháng nữa sẽ trả lời.

Xung quanh nhà ông già là một vườn cây ăn quả. Ở đây có rất nhiều tổ chim. Một hôm ông bảo trẻ con lối xóm trèo lên cây muốn tìm cho mình một tổ chim. Đứa trẻ trèo một chốc bắt xuống cho ông một tổ trong có bốn con: một cặp vợ chồng chào mào và hai con chim con. Ông già thả bố mẹ nó ra rồi làm một cái lồng đẹp, bỏ hai con chim non vào đó. Đoạn cho treo lồng lên cây. Và ông thấy hàng ngày chim cha và chim mẹ ríu rít mang mồi về bám vào lồng, thò cổ vào mà đút cho con. Ông già ngẫm nghĩ: - "Loài chim rất yêu con, dù con có bị bắt cũng không chịu bỏ".

Khi hai con chim đã khôn, ông già lại sai bọn trẻ tìm cách bắt cho được hai con chim cha và mẹ lại. Bắt được rồi, ông bỏ chúng vào lồng mà thả hai con chim kia ra. Nhưng vừa được phóng thích hai con chim con bay một mạch mất hút, không hề trở lại. Việc đó làm cho ông suy nghĩ nhiều: -"Đồ bội bạc! Chẳng có con nào nhớ tới bố mẹ của nó cả, nói gì tới chuyện đút mồi nữa". Và sau đó ông già kết luận: -"Con người ta cũng vậy thôi. Chỉ có trả nợ xuống mà không trả nợ lên!".

Ba tháng trôi qua, ba đứa con của ông già lại đến giục bố mẹ trả lời. Ông già kể cho họ nghe chuyện chim chào mào vừa qua, nói lên những nhận xét của mình rồi đáp:

- Bố mẹ chẳng phải muốn giữ của lại làm gì đâu! Khi hai tay buông xuôi rồi, có mang được tý gì xuống âm phủ đâu mà giữ. Nhưng bố mẹ nghĩ rằng những đứa con thường chăm chút cho con mình hơn là cho bố mẹ. Vả chăng khi đang có ăn thì còn có tình có nghĩa, khi đã túng thiếu rồi thì nào biết bố mẹ là gì nữa. Vì vậy, bố mẹ muốn ở riêng ra như thế này cho đến khi nhắm mắt tắt hơi, làm được gì ăn nấy, không phải làm phiền đến các con!

Nghe nói thế ba đứa con hết lời thề thốt. Đứa thứ nhất thề rằng dù các em có bỏ bố mẹ chăng nữa thì nó cũng sẽ chăm lo cho bố mẹ đầy đủ. Đứa thứ hai thề rằng nó sẽ không để cho bố mẹ phiền hà lấy một câu. Đứa thứ ba thề rằng dù nó có nghèo khổ đến đâu, thì cũng đi ăn xin về nuôi bố mẹ. Bà vợ ông cũng bảo:

- Con nó đã thề thốt như thế, ông nên nghĩ lại. Chim khác, người khác, ông ạ!.

Cuối cùng thấy vợ con nói đi nói lại mãi, ông già dần dần xiêu lòng, bèn lại mời họ mời làng một lần nữa chia phắt tất cả tài sản còn lại cho ba đứa con mà không dành lại cho mình một tý gì.

Trong những năm đầu, ba anh em phụng dưỡng bố mẹ rất tử tế. Miếng ngon vật lạ hễ nghe đâu có bán là cố tìm mua cho bố mẹ ăn. Nhưng từ năm thứ ba trở đi việc hầu hạ đã có phần chểnh mảng. Thêm vào đó, công việc làm ăn của họ lại không khấm khá gì. Cả ba đứa con ông cụ đều là những tay "phá gia chi tử" không kém cạnh gì nhau, nên số tài sản của bố mẹ chia cho không mấy chốc lại đội nón ra đi mất cả. Sự khó khăn ngày một in sâu trên nét mặt họ. Và việc chăm sóc bố mẹ lại càng chểnh mảng. Hơn nữa, ba anh em họ, nhất là ba chị em dâu thường ganh tỵ nhau từng đồng tiền bát gạo. Trước kia cả ba hàng năm góp tiền lại cho một người để nuôi bố mẹ. Dần dần sự đóng góp không được đầy đủ như trước. Thấy kẻ này thiếu một vài quan, người nọ cũng nhất định giữ lại chừng ấy không chịu đưa. Về sau, họ bàn nhau mỗi người luân phiên nuôi bố mẹ một năm. Nhưng người anh cả sợ rằng lỡ ra bố mẹ chết sớm thì người chưa nuôi có lợi, mà người đã nuôi sẽ bị thiệt thòi, nên rút xuống nửa năm, rồi lại rút xuống ba tháng. Cuối cùng họ đồng tình mỗi người nuôi một tháng, nhưng không theo thứ tự nào cả mà bằng cách rút thăm. Càng già gân cốt càng suy, đi lại không được, do đó càng đòi hỏi phải chăm chút nhiều hơn. Thế mà trái lại, mỗi ngày sự nuôi nấng cha mẹ mỗi tệ, thậm chí con chỉ mong mau đến kỳ hạn để tống bố mẹ đi.

Cứ như vậy chưa đầy ba năm bố mẹ vì không chịu được đói và rét, lần lượt qua đời. Do truyện này mà có câu:

Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể,
Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày.

hay là:

Cha mẹ nuôi con bể hồ lai láng,
Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày[1].

KHẢO DỊ

Việt-nam còn có truyện *Bù chì*:

Có bốn anh em trai đều ở riêng nuôi một cha già. Họ chia nhau mỗi người nuôi một năm. Về sau ganh tị nhau, rút xuống còn ba tháng và giao hẹn trước khi nhận bố về nuôi thì phải cân, nếu ai để bố nhẹ cân thì người sau không nhận, bắt người trước phải nuôi cho đến lúc lên cân.

Trong đám con có một người rất keo kiệt không cho bố ăn đầy đủ. Khi sắp đến phiên bàn giao, hắn biết rằng sẽ sút cân, nên đúc sẵn một cục chì để lúc cân bắt bố giắt vào cho nặng. Vì vậy có câu tục ngữ: *"Còn cha, pha chì nốt"*.

Một dị bản của truyện *Bù chì* kể có hơi khác. Đại thể cũng có bốn anh em trai nuôi một bố già, cũng hẹn nhau mỗi người phải nuôi ba tháng và khi bàn giao cũng phải cân. Cân không đầy đủ thì phải nuôi cho đến lúc lên cân.

Trong số đó có một đứa nhà rất nghèo, nuôi bố bữa đực bữa cái. Sắp đến kỳ bàn giao, rất lo bố sẽ sút cân. Bố thương tình đúc một hòn chì đeo vào cho nặng. Vì vậy có câu tục ngữ *"Cha mẹ bù chì cho con"*[2].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và lời kể của người Nam-bộ.
2. Theo Trương Vĩnh Tống. *Mỹ Ấm tùy bút.*

52. CHƯA ĐỖ ÔNG NGHÈ ĐÃ ĐE HÀNG TỔNG

Ngày xưa có một người học trò nghèo nhưng học giỏi, được Thiên đình rất chú ý. Trong sổ thiên tào hồi đó đã ghi cho anh chàng đậu tiến sĩ, làm quan đến thượng thư. Mỗi lần anh đi học thường qua một ngôi đền thờ thần ở làng bên cạnh. Vị thần làng đó vốn đã có đọc ở sổ thiên tào nên tỏ vẻ cung kính người học trò ấy. Những khi anh đi qua đền thì tượng thần đang ngồi trên bệ lật đật đứng dậy rất lễ phép.

Một hôm người từ giữ đền nằm mơ thấy thần bảo: -"Ngày mai ngươi phải quét dọn đền cho sạch sẽ tử tế vì có quan lớn đến chơi nhà ta". Người từ làm y như lời và suốt ngày hôm ấy hắn đứng chực ở cổng đền chờ đón vị khách quý của ông thần. Nhưng đợi mãi, hắn ta chả thấy một ai cả, trừ ra anh học trò xác nói trên hôm đó vô tình có ghé vào đền nghỉ chân một lúc. Người từ cho làm thường không để ý gì đến.

Ít lâu sau, người từ cũng lại chiêm bao thấy ông thần dặn dò như trước. Lần này, hắn cũng chả thấy ai lạ hơn là anh học trò hôm nọ đến đây ngâm một bài phú rồi lại đi. Nhưng hắn vẫn không tin. Đến lượt thứ ba cũng thế. Bấy giờ người từ mới cho là quả phù hợp với lời thần dặn, bèn kể chuyện cho người học trò nọ nghe và bảo:

- Đã ba lần như thế, nên tôi chắc rằng nhà thầy sau này sẽ đỗ đạt làm quan to chứ chẳng chơi.

Nghe nói, người học trò như mở cờ trong bụng. Anh ta quyết chắc cầm sự vinh hoa phú quý trong tay. Hắn nghĩ ngợi rất nhiều về tương lai của mình. Một hôm, khi ngắm lại nhan sắc vợ mình, hắn thấy không được đẹp tí nào cả. Thế rồi đêm hôm ấy nằm dưới bóng trăng, hắn mơ tưởng một người đẹp như chị Hằng. Hắn bụng bảo dạ: -"Rồi ta sẽ cho vợ ta về đi thôi! Một khi đỗ đạt thì thiếu gì nơi ngấp nghé muốn làm bà. Lúc đó ta sẽ tìm những đám con vua cháu chúa; đã da trắng môi son lại vừa lắm của". Nghĩ thế, qua ngày hôm sau hắn kiếm cớ gây sự

với vợ và đòi bỏ cho kỳ được. Mọi người đều lấy làm lạ và tỏ vẻ khinh bỉ một người có học như hắn lại có thể nhẫn tâm đến thế được. Nhưng hắn chỉ cười khẩy mà không kể gì dư luận.

Một hôm khác có một người đến đòi nợ hắn. Vừa mới bước vào sân, người ấy đã bị hắn chỉ tay vào mặt mắng cho một trận:

- Ta chưa có trả. Không khéo nay mai ta sẽ cắm đất vào vườn ở của mày cho mày biết mặt[1].

Hắn còn đe dọa nhiều người nữa. Gặp ai không vừa ý, hắn nói:

- Rồi chúng mày sẽ biết tay ông!.

Tất cả những hành động của người học trò đều được tâu báo về Thiên đình. Ngọc hoàng nghe nói rất phật ý. Cho nên ít lâu sau đó, người từ giữ đền lại nằm mơ thấy ông thần tin cho biết là không phải kính sợ đối với người học trò nữa vì trên Thiên đình đã tước sổ mất rồi, không cho đỗ đạt.

Ông từ hỏi: -"Tội của nó như thế nào?" - "Nó bị kết án là "dưới trăng bỏ vợ, trước sân đòi nhà, chưa làm nên đã thất đức"[2]. Bây giờ nó không được hưởng phúc nữa".

Quả nhiên người học trò đó thi mãi không đỗ, muốn nối duyên lại với vợ cũ cũng không được. Cửa nhà hắn ngày một sa sút dần. Do đó mà có câu tục ngữ: "*Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng*"[3].

KHẢO DỊ

Có người kể hơi khác về chi tiết: Người học trò đi qua cổng đền, ở đó có hai con chó đá đều vẫy đuôi mừng, hỏi thì đáp là vì biết ông sắp sửa đỗ ông Nghè. Từ đó người học trò ấy luôn luôn dọa dẫm những người không vừa ý mình. Về sau, hắn gặp chó không vẫy đuôi nữa. Chó bảo: vì ông ăn ở xấu nên Thiên đình không cho đỗ, bây giờ chỉ có cách làm việc thiện mới thay đổi được

1. Ngày xưa ai đỗ tiến sĩ được phép lấy ba mẫu đất làm nhà ở, muốn cắm vào đâu cũng được.
2. Nguyên văn "Nguyệt hạ phóng thê, đình tiền tỷ trạch, vị đắc ý cố thất đức".
3. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

ý trời. Một hôm hắn qua sông thấy một bầy kiến trôi giữa dòng nước, bèn lội xuống vớt tất cả lên. Nhờ thế về sau hắn lại đậu[1].

Có hai truyện khác nội dung gần giống với truyện trên:

Truyện *Hai anh em họ Lê ở Thần-đầu*: Xưa có hai vợ chồng một người tiều phu họ Lê. Vì nghèo khổ cô đơn nên bị bọn hương lý trong làng đối đãi rất tệ: phu phen sưu dịch lúc nào cũng tróc vào họ, hơi chậm một tý là bị chúng đánh phạt. Tức mình, vợ chồng cầu khẩn mong có một mụn con để sau này rửa hờn. Thượng đế sai hai Trạng xuống đầu thai. Hai vợ chồng mừng lắm, cố kiếm củi cho nhiều, lấy tiền cho con đi học. Về sau cả hai anh em đều đậu Trạng. Lúc vinh quy, voi ngựa quân gia đầy đường, đi đến đâu các quan và hương lý địa phương đều phải đón rước tấp nập. Những người khinh bỉ đánh đập hai vợ chồng ngày xưa bây giờ cũng đến chào lạy họ. Hai vợ chồng rất hả hê và bảo con: - "Ngày xưa chúng nó lấn áp nhà ta đủ điều, bây giờ các con cố làm cho chúng nó biết mặt". Con nghe lời, nhưng sau đó ít lâu, hai ông Trạng làm bậy, có một vị thần bèn tâu lên Thượng đế. Thượng đế liền đòi hai Trạng về.

Một truyện *Thần với Thần đồng*: Làng Cẩm-lâm từ xưa chưa có người đậu đạt làm quan. Một hôm trên Thiên đình phái một ông Trạng đến làng ấy, cho đầu thai vào nhà hai vợ chồng đốn gỗ. Họ ngoài 40 tuổi mới sinh con trai. Thằng bé lên 7, nổi tiếng thần đồng. Gần nhà có đền thờ Thành hoàng, đứa bé thường ngày chơi với các bạn ở đó. Một đêm, ông từ mộng thấy thần bảo: -"Trạng hay đến đây bắt buộc ta vì kính lễ phải đứng dậy luôn. Vậy bảo làng làm cho ta một cái bình phong che trước ngại cho ta ẩn".

Làng nghe nói không tin, cho một người ra ngủ ở đền cầu mộng. Thần lại cho biết như trước. Hương lý bèn xây một cái bình phong để không ai được nhìn vào tượng thần. Và từ đó trở đi nhiều người đâm ra ghen ghét nhà thần đồng, họ gây sự với bố mẹ và làm tình làm tội đánh đập dọa nạt luôn. Thiên đình thấy dân làng vô lễ đối với Trạng, bèn phạt họ bằng cách đòi Trạng về. Cho nên ít lâu sau thần lại báo mộng cho ông từ rằng: -"Chúng mày có thể phá bình phong được rồi vì Thiên đình quyết định không cho Trạng ở làng chúng mày nữa". Vài ngày sau thần đồng chết[2].

1. Theo *Tạp chí chúng tôi* (1910).
2. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Gả em thế chị (Tỳ muội dịch giá)* có nói tới một người học trò chưa đỗ đã toan đổi vợ.

Một anh học trò họ Mao, bố trước làm nghề chăn trâu, được nhà họ Trương tư cấp và hứa gả con gái lớn cho. Nhưng cô gái không muốn kết duyên với con nhà chăn trâu, nên đến ngày cưới cương quyết không chịu về. Cô em khuyên dỗ bị chị mắng: - "Đừng lắm lời, mày sao không lấy nó đi!" - "Nếu bố mà gả, em đáp, thì em sẽ lấy". Cuối cùng người bố phải đánh tráo người em thế chị.

Tuy biết có sự đánh tráo, lại vợ mới có bệnh chốc đầu, người học trò họ Mao cũng không phàn nàn, hai vợ chồng ăn ở với nhau tương đắc. Chồng sau đó, một hôm đi thi, qua quán họ Vương được tiếp đãi tử tế. Họ Vương cho biết đêm qua thấy thần báo mộng rằng sáng mai có giải nguyên họ Mao qua đây, sẽ giúp mình khỏi tai ách. Nghe tin này, người học trò họ Mao có vẻ hý hửng. Cũng như truyện trên của ta, hắn bắt đầu nghĩ đến vợ mình đầu tóc xấu xí, nay mai chơi với người sang không khỏi bị họ chê cười. Sau này khi phú quý sẽ thay đi thôi. Nhưng đến lúc treo bảng thấy không có tên mình, hắn rất buồn thẹn, bỏ về, không dám ghé lại quán họ Vương.

Ba năm sau, hắn lại đi thi; và lại được họ Vương tiếp đãi tử tế như trước. Hắn trách họ Vương lần trước nói không nghiệm. Nhưng họ Vương đáp: - "Hồi ấy thần có báo mộng cho tôi biết vì ngài có âm mưu đổi vợ, nên bị âm ty phạt, không cho đỗ". Người học trò họ Mao tỉnh ngộ, tỏ lòng hối hận, nên khoa ấy, thi đậu giải nguyên, rồi thi đình đậu tiến sĩ, làm quan đến tể tướng. Vợ anh tóc cũng mọc dài tốt hơn trước. Còn người chị lấy chồng trọc phú, lười biếng lại hay cờ bạc, vận nhà ngày một suy. Không may chồng chết, trong khi đó em gái trở nên bà giải rồi bà nghè, cô chị càng thẹn, bèn cắt tóc đi tu.

53. DÌ PHẢI THẰNG CHẾT TRÔI, TÔI PHẢI ĐÔI SẤU SÀNH

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi kiết xác, chưa có vợ. Nhà anh ta lại ở bên cạnh nhà một phú ông có cô con gái đến tuổi lấy chồng. Anh ta cũng võ vẽ năm ba chữ, có ý ngấp nghé con gái phú ông, nhưng ngặt vì nhà phú ông với nhà hắn như trời với vực; đời nào phú ông lại chịu gả - "Lấy được cô ả mới gỡ được nạn nghèo, mà muốn lấy cô ả phi dùng mẹo không xong!". Nghĩ thế, hắn mới quyết chí tìm cách để lấy cho được.

Một hôm anh ta thấy có người bán hai con sấu bằng sành, một thứ đồ cổ không đáng mấy hột tiền. Hắn bỗng nghĩ ra một kế, bèn mua về chôn xuống đất, được ít lâu lại moi lên. Ít bữa sau, hắn sang nhà phú ông mượn cái cân. Phú ông thấy hắn vô cớ mượn cân, hỏi: - "Mượn làm gì?". Hắn đáp: -"Cháu mượn về cân ít đồ vặt". Buổi chiều hắn mang cân sang trả, phú ông thấy cân có dính đất, trong bụng lấy làm ngờ vực. Sự ngờ vực của phú ông tăng lên khi thấy sau đó vài ngày hắn lại lọt tọt chạy sang mượn cân lần nữa. Lần này khi hắn mang trả cân, phú ông thấy cân của mình không những dính đất mà còn dính cả những cái gì như là gỉ đồng. Lần thứ ba cũng lại thế. Phú ông từ đó để ý rình mò anh hàng xóm của mình thì thấy đêm đêm hắn vác cuốc thuổng đi, sáng tinh sương lại mò về. - "Chắc là hắn đào được của". Nghĩ thế, một hôm phú ông giả mượn cớ sang nhà dò xem thế nào. Một điều làm phú ông lấy làm lạ là xưa nay chưa từng thấy hắn chơi đồ cổ bao giờ cả, thế mà nay trên bàn thờ nhà hắn có bày hai con sấu sành còn dính đất chưa chùi sạch. Thấy phú ông hỏi, hắn ta giả bộ ấp úng và sau cho biết là mua ở chợ.

Phú ông về bảo vợ:

- Thằng này hẳn là đào được kho vàng hũ bạc chi đây. Hắn ranh khôn lắm. Nhưng bộ hắn không thể giấu được mắt ta.

Từ đó phú ông có cảm tình với hắn. Từ cảm tình tiến lên thân tình. Thấy hắn cũng có vẻ nho nhã, phú ông có ý muốn gả con gái cho hắn, mới mượn mối đánh tiếng. Anh chàng nhận lời nhưng cho mối biết là mình nghèo quá không biết lấy gì dẫn cưới được. Phú ông cười, cho là hắn giấu của nhưng cũng cam đoan xin chịu tất cả phí tổn cưới xin.

Thế là anh chàng bỗng chốc ngẫu nhiên là chồng cô gái phú ông. Hôm về nhà chồng cô gái thấy chồng chỉ khư khư giữ độc có một chiếc hòm gỗ rất nặng, trong bụng đoán chắc là của ở đấy rồi, nên không nói gì hết. Nhưng ngày một ngày hai, vợ thấy chồng không có vẻ gì là giàu có thì nảy mối ngờ vực. Nhân một hôm chồng đi vắng, nàng trộm chìa khóa mở ra xem thì chỉ thấy một hòm toàn là đá cuội, chẳng có đồng sứt nào hết.

Biết là bị lừa, người vợ chỉ còn ngồi mà khóc. Nhưng sau đó nàng bảo chồng:

- Kể ra anh cũng cao mưu thật. Nhưng bây giờ anh phải làm cách gì lấy được một cô gái nào thật giàu hơn tôi. Được như vậy tôi sẽ ăn ở với anh trọn đời, bằng không tôi nhất định không cho nằm cùng giường đâu.

Nghe nói, hắn ta gật đầu rồi bỏ nhà ra đi.

Anh chàng đến một tỉnh khác làm đầy tớ cho một nhà phú thương. Phú thương là một tay giàu có nứt đố đổ vách. Cả một dinh cơ, vườn tược rất đồ sộ ở bên bờ sông. Phú thương lại có ba cô con gái chưa chồng, cô nào cô ấy rất xinh đẹp. Anh chàng mới đến ở làm việc tất lực. Không bao lâu hắn được chủ rất tin cậy. Một hôm vào khoảng chập tối có một cái thây trôi qua bến nhà phú thương. Hắn bỗng nghĩ được một kế, bèn vớt trộm thây lên bờ giấu ở một chỗ kín trong vườn. Đoạn hắn đi tìm một người quen bảo y giả xưng là chú ruột mình đến thăm cháu. Người ấy đến, hắn lên nhà trên xin phép chủ cho chú mình ở chơi ít ngày. Phú thương nể hắn nên tiếp đãi chú hắn tử tế, sai dọn cơm nước ra mời. Đến nửa đêm hắn cho ông chú giả của mình cất lẻn ra về rồi lấy quần áo mặc vào xác chết, vực lên giường. Thế rồi hắn làm bộ tri hô lên. Hắn nói với chủ:

- Không biết ông cho chú tôi ăn uống những gì mà bây giờ chú tôi nằm chết cứng không dậy được nữa.

Nghe nói, phú thương thất kinh lại thấy hắn định làm to chuyện thì không còn hồn vía nào nữa. - "Nếu hắn làm ra chuyện thì chuyến này gia tư điền sản của mình sẽ đội nón ra đi mà thôi. Bọn quan lại chỉ béo bụng nhờ những dịp này". Nghĩ vậy, phú thương đấu dịu, đưa hắn vào buồng thương lượng. Ông bảo hắn muốn gì được nấy miễn là hắn giấu gọn chuyện này cho là được. Bấy giờ anh chàng mới nói toạc nguyện vọng thầm kín của mình là chỉ muốn lấy một trong ba cô con gái làm vợ. Phú thương thấy mặt mũi anh chàng cũng không đến nỗi hèn kém lại thấy hắn làm việc đắc lực nên vui lòng đem cô con gái lớn gả phứt cho hắn.

Thế là anh ta lại được vợ mới. Người vợ này của riêng bộn bề, ăn đứt người vợ cũ. Lấy nhau được ít lâu, hai vợ chồng đưa nhau về thăm nhà. Khi hai người đàn bà gặp nhau, họ kể chuyện cho nhau biết. Nghe cô con gái phú thương nói hết ngọn nguồn, cô con gái phú ông lắc đầu, bảo nàng rằng:

- Vậy là dì phải thằng chết trôi, còn tôi phải đôi sấu sành đó![1].

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện *Con nghê ngói* (con nghê ngói tức là con sấu bằng sành) cũng là một dị bản của truyện trên (nhưng người kể chỉ nhớ có mỗi một đoạn đầu). Trong truyện này, cô gái phú ông lúc biết mình bị lừa đành chỉ ngồi ôm con ru rằng:

Con nghê là con nghê ngói,
Bố mày khéo nói, nó hóa ra con nghê vàng.
Ông ngoại mày nghe quàng, gả con cho bố.

Và cả hai truyện, về hình thức đều tương tự với truyện *Hữu Ké* từ xưa đã được diễn thành văn vần, nhan đề là *Hữu Ké tân truyện*:

1. Theo *Phụ nữ tân văn* (1930).

Huyện Thạch-hà có một chàng trai nhà nghèo tên là Hữu Ké muốn lấy cô Ngọc Dong, con gái của một cụ huyện hưu trí cùng một xã. Biết cụ huyện không đời nào gả con cho mình, hắn cũng bắt mẹ mang trầu cau tới hỏi để cho người khác biết hoa đã có người để ý. Sau đó, hắn bàn với chú là xã trưởng, mời làng, trong đó có cụ huyện, lập khoán ước hễ bắt được trai gái tình tự thì buộc hai bên phải kết làm vợ chồng.

Đây là mấy câu khoán:

Hoàng hiệu năm nay,
Trên dưới đều hay:
Khoán lập ra đây,
Cho nghiêm phong hóa.
Trai lớn lấy vợ,
Gái lớn lấy chồng;
Duyên bởi tơ hồng,
Lề thông mối lái.
Có cheo có cưới,
Phải đạo vợ chồng;
Nhược bằng gian thông,
Nương dâu bến bộc.
Không kỳ thế tộc,
Chẳng quản sang hèn;
Bắt được hiện tiền,
Kết làm phu phụ....

Một hôm, làng làm lễ kỳ phúc, ban đêm có chèo hát, trai gái trong làng đều đổ xô ra xem. Chú của Ké đã lập mưu sẵn đang cầm chầu bỗng dưng nổi hiệu trống họp làng. Khi mọi người đổ xô đến, chú của Ké nhân danh xã trưởng nói mình thấy bóng một cặp trai gái tình tự ở bụi rậm sau đình nên mời làng lại thi hành khoán lệ. Người ta ra đấy thấy dưới một gốc cây ké có một cái ổ bằng rơm ngồi đã nhẵn chỗ. Họ đoán cặp trai gái tuy đã chạy trốn nhưng trên đầu vẫn dính trái ké, vậy cứ tìm người nào trên đầu có trái ké thì bắt. Liền đó người ta tìm thấy chỉ có Hữu Ké và Ngọc Dong đầu và áo đều dính đầy ké. Cụ huyện đành phải cắn răng gả con cho Hữu Ké theo đúng lệ làng, rồi tức

uất mà chết. Vì không có con trai, gia tư điền sản về tay con gái - tức là về tay Ké cả. Nhưng Ngọc Dong cũng ra điều kiện: nàng không chịu nằm chung với hắn, nếu hắn không lập mưu lấy được một cô gái khác cũng giàu, cũng đẹp như nàng. Hũu Ké vâng lời nhưng bắt vợ phải ăn thề và giao rằng lúc nào mình về với người lạ thì nàng phải giả nhận làm chị ruột mình. Ké còn cho người làng tiền và dặn lúc nào mình về phải đứng dậy chào hỏi cung kính.

Ké đi ở với một phú ông, hắn làm việc rất đắc lực. Hắn hát gợi tình làm cho cô con gái phú ông phải cảm. Rồi một hôm hắn xin về giỗ mẹ. Phú ông phú bà đi theo hắn và rất ngạc nhiên khi thấy mọi người chào hắn bằng ông, bằng cậu; lại thấy hắn có người chị - tức Ngọc Dong - rất đẹp, đón tiếp rất xứng ý.

Thế là phú ông cho Ké là con quan huyện trá hình đi kén vợ, bèn đem con gái cấm cung gả cho hắn. Ké làm bộ từ chối đôi ba lần mới nhận. Phú ông mở tiệc linh đình cho hai bên làm lễ kết hôn. Ba ngày sau, Ngọc Dong mới cho cô nàng biết sự thật. Nàng khóc lóc trách cha trách mẹ, nhưng ván đã đóng thuyền còn nói gì được nữa. Ngọc Dong cho biết mình còn khổ hơn nàng, chỉ vì một nắm ké mà bị buộc phải lấy hắn.

54. CÁI KIẾN MÀY KIỆN CỦ KHOAI

Ngày xưa, có một anh chàng sinh trưởng trong một gia đình giàu có. Nhà hắn có ao thả cá, có trâu bò, ruộng vườn khá nhiều. Ngày ấy ở gần làng hắn có một cô gái nết na, nhan sắc xinh đẹp, chỉ phải cái tội nghèo. Hàng ngày cô gái phải làm thuê làm mướn kiếm ăn. Anh chàng nhà giàu kia từng ngây ngất vì nhan sắc của cô. Mặc dầu không môn đăng hộ đối, nhưng hắn ao ước được cùng nàng kết làm bạn trăm năm. Sau đó nhờ có một người đàn bà làm mối, hắn được gặp nàng nhiều lần và chỉ non thề bể quyết lấy nàng làm vợ. Nghe hắn nói thế, cô gái vô cùng sung sướng và hiến thân cho hắn không tiếc gì nữa.

Nhưng người đàn bà mối lái vốn là người chỉ biết có đồng tiền. Được tiền của anh nhà giàu cho, mụ vẫn chưa thỏa mãn. Đối với cô gái nhà nghèo, mụ không "xơ múi" gì. Bấy giờ ở gần vùng đó có một cô gái nhà giàu ế chồng. Mụ bèn tìm tới tỷ tê với cô nọ bảo nếu cho mình nhiều tiền, mình sẽ đánh tiếng cho anh chàng nhà giàu kia. Cô gái nọ nghe nói mừng lắm, đút tiền cho mối để mụ ta liệu bề tác thành cho mình.

Từ đó mụ mối luôn luôn buông lời gièm pha cô gái nhà nghèo: - "Con này - mụ nói - thế mà không được đoan chính. Đã nhiều lần tôi bắt gặp nó tằng tịu với Đồ Vân. Đồ Vân học giỏi nay mai sẽ đỗ đạt...".

Thế rồi mụ ta nhen nhóm thêm lòng ghen tuông và tức giận của anh chàng, đồng thời nói tốt cho cô con gái mà mụ bòn lần hồi khi năm quan, khi ba quan không biết mỏi. Và mưu kế của mụ có hiệu quả; anh chàng kia từ ghen tức đến chán ghét người tình cũ. Cuối cùng anh chàng cho người đưa trầu cau dạm hỏi cô gái nhà giàu kia làm vợ.

Ngày cưới của hai bên, cô gái nhà nghèo nọ bị tình phụ, lòng đau như cắt. Trong một phút tủi phận hờn duyên, nàng nhảy xuống sông tự tử. Cái chết của nàng đã làm cho cặp vợ chồng mới trở nên hối hận và lo sợ. Nhất là mụ mối thì như sét đánh ngang tai.

*

* *

Khi tất cả mấy người đó lần lượt chết xuống âm phủ, Diêm vương đã đọc hồ sơ, hiểu rõ nỗi oan uổng cũng như tội trạng của từng người và bắt họ phải trở lại dương thế để đền "nợ" hay báo "oán" của chính mình một cách xứng đáng. Mụ mối được thác sinh vào nhà một phú ông, anh chàng phụ tình lại thác sinh làm một người học trò nhưng không đất cắm dùi. Còn người bạc mệnh thì được ở lại cõi âm để theo dõi chúng mà báo thù.

Cái Kiến, cô con gái phú ông rất đẹp và thông minh. Nhưng cha của nàng thì tính khí biển lận. Ông ta chỉ biết có tiền tài và danh vọng, còn ngoài ra ông chả coi ai ra gì. Chàng thư sinh rất khôi ngô, học giỏi, văn hay, nhưng nghèo rớt mồng tơi. Chàng đã từng vác lều chiếu đi thi. Văn tài của chàng nổi tiếng khắp kinh kỳ, thế mà cứ hễ vào trường nhất hay giỏi lắm vào đến trường nhì là bị loại ra ngay. Không làm cho đau bụng thì cũng bắt phạm "trường quy", oan hồn của người bạc mệnh quyết không cho hắn đỗ. Mỗi lần không đỗ là một lần sự buồn bực kèm thêm với sự khốn khó dằn vặt anh chàng. Thế nhưng chàng vẫn lọt vào mắt xanh của cô Kiến. Cô gái phú ông vẫn tin tưởng rằng người học trò đó sẽ làm nên. Nàng ao ước sẽ được sánh duyên với chàng mới phỉ dạ. Hai người đã gặp nhau và thề bồi với nhau quyết giữ một lòng son sắt. Khi nghĩ đến cha mình, cô gái phú ông rất buồn vì biết ông khó tính. -"Không đời nào ông ấy lại gả con gái cho một người nghèo xơ nghèo xác". Nghĩ thế, nàng lập mưu ăn trộm tiền bạc của cha, mua vàng đúc thành một khối hình củ khoai. Không gặp nhau được, nàng nhắn người yêu giả làm người ăn xin đến nhà mình xin khoai, nàng sẽ tận tay trao cho món ấy để dùng làm sính lễ.

Anh chàng y hẹn đã cải trang, mang bị gậy đến nhà phú ông xin ăn. Cô con gái mang khoai ra cho, trong đó có giấu củ khoai bằng vàng.

Rồi đó, người mối của anh chàng xin chạm ngõ cái Kiến. Phú ông nghe nói sính lễ là một củ khoai bằng vàng mười thì ngạc nhiên. Nhưng rồi ông cũng nhận lời.

Đến ngày cưới, khi họ nhà trai bưng sính lễ đến, họ nhà gái đổ xô ra xem để biết chàng rể của phú ông giàu có ngầm như thế nào. Củ khoai vàng được gói ba bốn tầng vải hồng điều. Không ngờ khi mở ra xem thì chả thấy vàng đâu cả mà chỉ là một củ khoai lang luộc thực sự.

Oan hồn cô gái cố ý làm ra như vậy cho bõ ghét. Cả hai họ bật cười. Phú ông tức giận chửi mắng om sòm. Rồi để chế nhạo, ông cắt khoai biếu mỗi người một miếng.

Chàng học trò không ngờ có sự lạ lùng ấy, vừa buồn rầu vừa xấu hổ đi luôn một mạch không trở về nhà nữa. Còn cái Kiến tưởng người yêu là một tay đại bợm: đã lấy mất vàng lại bày ra trò diễu cợt đó nên tức tối thành bệnh mà chết.

Lúc xuống âm phủ lần này, nàng kiện với Diêm vương về việc củ khoai vàng, nhưng Diêm vương đã giở sổ vạch cho hắn biết những tội lỗi kiếp trước. Vì thế mới có câu:

Cái Kiến mày kiện củ khoai

Và sau này những anh con trai nhà nghèo thường thêm vào:

Mày chê tao đói lấy ai cho giàu.
Nhà tao chín đụn mười trâu,
Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.

Để mỉa mai những cô gái bắc bậc kiêu kỳ[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên phần nào giống với truyện *Vừng khoai lang* về đoạn cuối:

Một nhà giàu có người con gái đẹp, nhiều nơi tới dạm nhưng chưa quyết định nơi nào. Một hôm cô gái để bò mình ăn mất khoai nhà người và do đó có tình ý với con trai nhà kia. Hai bên từ đó gắn bó, định lấy nhau.

Thấy nhà người con trai nghèo khó đến dạm hỏi, cha mẹ cô gái không thuận, nhưng cuối cùng thấy con quyết chí quá phải chịu gả. Tuy gả nhưng họ rất khinh nhà trai nên không giúp đỡ gì cả. Nhà trai dẫn cưới chỉ có ít trầu cau và một vừng khoai lang. Để chế nhạo, cha mẹ cô gái mời họ hàng làng nước đến rồi mở đồ dẫn cưới chia cho mỗi người một miếng trầu và một củ khoai. Mọi người cười ồ và bỏ ra về. Tuy vậy cặp vợ chồng vẫn không xấu hổ nên người nhà giàu đành phải cho cưới[2].

1. Trong báo *Trung Bắc tân văn*.
2. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

55. VẬN KHỨ HOÀI SƠN NĂNG TRÍ TỬ, THỜI LAI BẠCH THỦY KHẢ THÔI SINH[1]

Ngày xưa, có một ông lang xem mạch chữa bệnh rất giỏi. Các môn nội khoa cũng như ngoại khoa ông đều thành thạo. Ông lại là một người chính trực. Mọi nơi tôn ông làm danh sư, vì vậy nổi tiếng một thời.

Ở vùng ông hồi đó có một người đàn bà ngoại tình. Thấy chồng bị cảm, mụ ta muốn nhân cơ hội ấy giết luôn đi để có thể tự do lấy người nhân ngãi. Mụ nghĩ ra một mưu kế giết chồng thật êm thấm là đến nhà ông lang xin ông ngầm cắt cho một chén thuốc làm sao cho chồng uống vào không dậy được nữa. Đáp lại, mụ sẽ biếu ông một món tiền lớn. Nghe nói thế, ông lang một mực từ chối, nói mình không bao giờ nhúng tay vào việc thất đức, nhưng người đàn bà nọ rất kiên nhẫn, vật nài mãi cố làm cho ông xiêu lòng. Khi thấy người đàn bà quả quyết quá, ông giả bộ nhận lời, nhưng chỉ cắt cho một chén thuốc bổ trong đó có món hoài sơn là vị thuốc chính. Cắt xong, ông nói dối với người đàn bà rằng chỉ về sắc một chén cho chồng uống là chết ngay. Người vợ trở về làm theo lời dặn, sắc thuốc rót ra chén, gác lên chạn chờ cho thuốc nguội để cho chồng uống. Không ngờ có một con rết bò qua trên xà nhà để rơi nọc độc vào chén thuốc. Vì thế người chồng vừa uống thuốc vào tự nhiên vật vã, chỉ được một lúc là chết.

Nghe tin con bệnh - chồng người đàn bà nọ - ngộ nạn sau chén thuốc của mình, ông lang vô cùng ngạc nhiên. Ngồi một mình ông ngẫm lại chén thuốc mình cắt hôm ấy hoàn toàn không có vị gì công phạt, dù có mắc chứng bệnh hiểm nghèo đi nữa cũng không thể chết được. Ấy thế mà lại hóa ra chết thật. Vô tình muốn cứu người thoát chết ông lại trở thành một kẻ giết người.

---

1. Nghĩa là vận đen thì vị hoài sơn cũng làm chết người được; gặp thời thì nước lã cơ thể làm cho dễ đẻ. Tuy phần nào có mang tư tưởng may rủi, số mệnh, nhưng chủ yếu truyện này muốn đề cao lòng ngay thẳng, lương tâm trong trắng của con người.

Tuy không xảy ra việc gì lôi thôi đến bản thân, nhưng lương tâm ông lang luôn luôn cắn rứt không nguôi. Tức bực đến phẫn chí, ông bèn khóa tất cả các ô thuốc của mình lại, rồi cầm chùm thìa khóa vứt xuống sông thề rằng: -"Tôi làm thuốc đã bốn mươi năm nay chưa từng làm hại đến mạng người. Nay bỗng dưng có con bệnh vì tôi mà chết. Tôi nguyện trên có trời, dưới có Hà bá, nếu chùm chìa khóa còn trở về tay tôi thì tôi sẽ làm nghề thuốc trở lại, bằng không thì xin bỏ hẳn nghề này". Và từ đó ông cương quyết không đụng đến ô thuốc dao cầu hay kê đơn cho một ai nữa.

*
* *

Ít lâu sau có một người làng chài, vợ đến kỳ sinh không may thai nghịch không sổ được. Người chồng thấy vậy hoảng hốt, không kể đêm khuya chạy đi mời mấy ông lang gần đấy, nhưng không một ông nào dám bốc thuốc cả. Tình thế sản phụ rất nguy ngập. Sau cùng có người bảo người chồng cố tìm đến nhà vị danh sư nọ, hết lời cầu khẩn may chi còn có hy vọng.

Lúc đó trời đã gần sáng, ông lang đang nằm. Người nhà cho biết ông lang không chữa bệnh nữa. Nhưng người làng chài cố tìm đến trước cửa sổ nói vọi vào phía giường ông, kể lể bệnh hoạn của vợ và xin thầy cứu cho. Hắn ta nói mãi. Song ông lang nào có để ý gì đến. Lúc đó ông đã dậy, bèn gọi người nhà "múc nước để rửa mặt". Hắn ta nghe không rõ, tưởng ông cụ bảo "múc nước đổ vào mặt". Thế là hắn ba chân bốn cẳng chạy về nhà, múc cả gáo nước thình lình hắt vào mặt vợ. Người sản phụ đang nằm đợi chết, bỗng bị nước lạnh dội vào, giật mình chuyển cả thân thể. Tự nhiên cái thai sổ ra một cách dễ dàng. Tất cả mọi người trong nhà đều khoan khoái như trút được gánh nặng. Họ tấm tắc phục tài nhà danh sư. Qua ngày hôm sau sẵn mẻ lưới bắt được con cá chép rất to, chồng người sản phụ vội xâu lại đưa đến biếu thầy thuốc.

Khi thấy hắn ta cảm tạ công ơn mình đã giúp cho vợ hắn mẹ tròn con vuông thì ông lang rất lấy làm lạ. Ông bảo:

- Hơn một năm nay tôi có làm thuốc cho ai đâu mà lại có sự lạ lùng này.

Nghe hắn kể, ông ta vẫn chối, nhưng người làng chài nhất định không chịu mang cá về. Cuối cùng thấy chối mãi không được. Ông lang bèn xin nhận một nửa và nói:

- Bây giờ tôi chặt con cá làm đôi: một nửa mừng cho bác gái, một nửa tôi xin lạm nhận.

Nói rồi ông lấy dao thớt chia con cá làm hai khúc. Nhưng khi đang chặt, ông bỗng thấy trong ruột cá có cái gì cộm lên, moi ra được một chùm chìa khóa. Ông nhìn lại thì lạ thay! Chính đó là chùm chìa khóa của mình ngày trước. Từ đó ông lang bỏ ý định cũ, lại bốc thuốc chữa bệnh như xưa[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên, miền Bắc có người kể khác về chi tiết. Một ông lang nổi tiếng được vua phong chức điều hộ. Một hôm cũng có chị đàn bà đến xin cắt một thang thuốc giết chồng, vì "sắt cầm không đẹp". Ở đây ông lang không từ chối mà làm trái lại, lập tức bốc một nắm hoài sơn, bảo người đàn bà mua vài con "chim bồ câu ra ràng hầm với thuốc ăn trong nửa tháng sẽ chết". Chủ ý của ông là cắt thuốc bổ. Không ngờ hóa ra chết thật (mặc dù không có việc con rết nhả độc). Rồi ông lang cũng khóa tất cả các ô thuốc và ném chùm chìa khóa xuống sông với câu thề độc như trên. Phần tiếp theo sau cũng có một người làng chài có vợ khó đẻ đến cầu ông. Người làng chài nghe ông lang bảo thằng nhỏ: - "Đun siêu nước sông pha uống" lại tưởng là bảo mình làm cho vợ như vậy, bèn trở về đun nước sông cho vợ uống thì không ngờ vợ đẻ được ngay. Đoạn kết cũng như trên[2].

Ở Nghệ-an, có một câu chuyện nội dung nói về lai lịch một vị thuốc "thôi sinh"; đây cũng là một dị bản của phần thứ hai của truyện trên:

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Nam-định.
2. Trong *Trung Bắc tân văn* (1920).

Xưa có một người đàn bà đến kỳ sinh, chuyển bụng đã bốn năm ngày mà thai chưa ra. Người chồng vội vã đi tìm thày thuốc để cắt một chén "thôi sinh". Thầy thuốc bảo rằng: - "Anh không nghe người ta nói sao, "Thai sinh như hoa, đến kỳ thì hoa nở". Anh cứ về rồi tự nhiên nó sẽ sinh". Người chồng trong lúc hốt hoảng nghe câu được câu mất, cứ ngỡ là thầy bảo về lấy hoa cây tự nhiên mà ăn thay thuốc là thai sẽ ra. Bèn đi kiếm một nhánh hoa tự nhiên đem về cho vợ ăn. Vợ vừa cầm lấy thì thai sổ liền.

Từ đấy người ta tin rằng hoa cây tự nhiên là loại thuốc quý đối với trường hợp khó sinh, hay sinh rồi mà rau chưa ra[1].

Về tình tiết người đàn bà bí mật xin ông lang cắt cho thang thuốc giết chồng xem thêm truyện *Ăn mề gà mù mắt*, **Khảo dị** truyện số **191**, tập **V**.

1. *Bản khai của xã Hoàng-nghỉa. Cây tự nhiên:* loại cây ký sinh như phong lan, cây vàng có từng mắt, khúc eo khúc nở, thuộc nòi thạch hộc.

56. TRINH PHỤ HAI CHỒNG

Ngày xưa có một gia đình nọ có một người con gái xinh xắn nết na. Lúc nàng lớn lên có một người học trò nghèo họ Đỗ đưa trầu cau đến hỏi làm vợ. Chàng là tay văn hay chữ tốt, tính nết rất hiền lành. Thấy thế, người cha cô gái vui lòng hứa hôn. Cô gái sung sướng được người chồng xứng đôi vừa lứa. Lễ cưới vừa xong thì cha nàng nhuốm bệnh qua đời.

Cô gái về nhà chồng một niềm trinh thuận. Chồng là người mồ côi cha mẹ. Gia tài chỉ có một đám vườn nhỏ với mấy quyển sách, nhưng hai vợ chồng son sống trong một bầu không khí hòa nhã yêu thương. Chồng đọc sách, vợ quay tơ, thú gia đình tưởng không ai hơn được.

Đột nhiên ít lâu sau đó người chồng bỗng mắc bệnh hủi. Người vợ lo lắng tìm thầy chạy thuốc. Nàng bán luôn nữ trang của mình, bán cả đám vườn đang ở để dùng vào việc chữa chạy cho chồng. Nhưng bệnh mỗi ngày một nặng, cho đến lúc hết phương điều trị. Chân tay người chồng cứ sưng lên và bắt đầu lở loét. Không một ai dám đến gần. Duy chỉ có người vợ ngày ngày hầu hạ chu tất không chút quản ngại. Thấy thế, anh chàng thương vợ quá. Chàng cho phép vợ ly dị để mặc mình với số mệnh. Nhưng người vợ nhất định không nghe. Nàng nói:

- Vợ chồng là nghĩa lâu dài, còn bệnh tật của chàng chẳng qua là sự không may. Thiếp xin cùng chung số phận với chàng, không đi đâu cả.

Nhưng bệnh của người chồng ngày một đáng sợ hơn. Luôn luôn chồng cố khuyên vợ trở về với mẹ đẻ để khỏi vì mình mà khổ thân, tuy vậy vợ vẫn kiên quyết ở lại. Một hôm, để cho vợ khỏi chịu thiệt thòi, chồng cất lẻn ra đi. Chồng để lại cho vợ một phong thư, nói mình sẽ không bao giờ trở về nhà nữa và cho phép vợ tự do đi lấy chồng khác.

Sau khi chồng đi biệt, người vợ chảy không biết bao nhiêu là nước

mắt. Mẹ đẻ của nàng khuyên con đi lấy chồng khác nhưng nàng quyết ở vậy đến già.

Ba năm trôi qua, tin tức của chồng vắng bặt. Nhiều người đoán rằng chàng đã quyên sinh cho khỏi đau khổ. Rồi đó, người vợ trả nhà cửa lại cho họ hàng nhà chồng, trở về với mẹ đẻ, lập bàn thờ coi như chồng đã chết. Nhưng mẹ nàng luôn luôn bảo nàng:

- Con thủ tiết với chồng như thế là trọn đạo. Con không nên bỏ phí xuân xanh một đời.

Thấy nàng xinh đẹp lại có đức hạnh, nhiều người muốn hỏi làm vợ, trong đó có một người học trò họ Nguyễn. Tin qua mối lại xôn xao làm cho nàng không tự chủ được. Hơn nữa mẹ nàng có ý ép con, bà con thân thích cũng hết lời khuyên dỗ. Cuối cùng, nàng đành nhận lời đi bước nữa cùng với anh chàng họ Nguyễn. Về ở với chồng mới được ba năm, nàng sinh được hai người con trai. Hai vợ chồng rất tương đắc. Người học trò họ Nguyễn sau đó thi đậu tiến sĩ và được bổ làm án sát Sơn-tây.

*

* *

Năm ấy, ở Sơn-tây và các trấn lân cận mùa mất to, giá thóc cao lên vùn vụt. Khắp mọi nơi đều có người chết. Đường sá, chợ búa đầy những đoàn người đói khổ đi kiếm miếng ăn. Quan án được lệnh đi phát chẩn cho dân đói.

Lại nói chuyện anh chàng họ Đỗ từ khi trốn vợ ra đi, nhất quyết không trở về quê hương nữa. Chàng không muốn vì mình làm khổ đời một người đàn bà. Chàng cứ đi lang thang nay đây mai đó, sống bằng nghề bị gậy. Cứ như thế sau năm năm, bệnh của chàng vẫn như cũ và chàng vẫn sống một cuộc đời đơn độc và đau khổ. Hôm ấy, nghe tin có cuộc phát chẩn, chàng lần mò tìm tới, nhập vào đội quân lĩnh chẩn. Bọn lính lần lượt phát gạo hết hàng này sang hàng khác. Khi sắp sửa được lĩnh, chàng kêu lên: - "Tôi là học trò yếu đuối tàn tật, không rá không mủng, không nồi không niêu nên không muốn xin gạo, chỉ muốn xin một ít tiền cho tiện...". Nghe hắn nói thế, quan án cho gọi tới hỏi

mấy câu về văn chương, quả nhiên anh chàng bề ngoài tuy rách rưới tiều tụy nhưng đối đáp rất trôi chảy, thơ làm ra thao thao bất tuyệt. Sẵn có tính yêu người tài, ông bèn đặc biệt lấy tiền ra cho, có phần hậu hơn những kẻ khác.

Khi về dinh, ông ta thuật chuyện vừa rồi cho vợ hay. Nghe tả hình dạng, người đàn bà ngờ rằng đó là người chồng cũ. Nàng ra chợ tìm cách đứng nấp để xem mặt, thì đúng là người chồng ngày xưa. Tự nhiên lòng thương chồng cũ nay lại bừng bừng bốc lên. Nàng phải nuốt thầm những giọt nước mắt vì mình đang ở vào một tình thế khó xử. Suy đi nghĩ lại mãi, cuối cùng nàng dùng lời nói khéo cố khuyên chồng mới đưa "người học trò khó mà có tài" đó về dinh, cho ở một gian lều sau trại. Như thế vừa làm được một việc nghĩa vừa có người làm bạn văn chương. Được chồng mới ưng thuận, nàng sung sướng vô hạn. Từ đó ngầm sai người hầu chu cấp chăm nom rất tử tế. Nhưng nàng không bao giờ để lộ một hành động gì cho chồng biết và cũng không bao giờ cho người chồng cũ thấy mặt.

Một hôm vào khoảng đêm khuya, người chồng cũ một mình đau bụng đi tả. Nhân khát quá, chàng bèn lần ra một cái chum ở gần trại múc nước uống. Hôm sau, chàng mới biết là mình uống lầm phải một thứ nước trong đó có một con rắn trắng chết. Nhưng thật không ngờ, một thời gian sau những mụn hủi lở tróc bay hết và dần dần bệnh tự nhiên lành hẳn, da thịt của chàng trở lại trắng trẻo như xưa.

Rồi đó, chàng lại ôn luyện kinh sử và nhờ có sự giúp đỡ hậu tình của quan án, chàng lại quẩy lều chiếu đi thi.

Tất cả những việc đó xảy ra làm cho người đàn bà vừa mừng vừa đau khổ. Nàng thấy mình không thể chịu đựng âm thầm mãi như vậy được. Khi nghe tin chồng cũ thi đậu tiến sĩ sắp sửa vinh quy, nàng viết một bức thư rất dài kể hết nông nỗi của mình cho người chồng mới biết. Nàng xin chồng tha lỗi về sự giấu giếm của mình từ bấy lâu nay. Có hai đứa con trai, nàng xin một đứa cho làm con nuôi ông nghè mới. Đoạn nàng trốn chồng con, bỏ đi biệt[1].

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1923).

KHẢO DỊ

Người Hải-dương kể truyện này có khác một vài tình tiết:

Khi chồng bỏ đi biệt, người vợ cũng bỏ nhà đi tìm. Sau một thời gian tìm kiếm không ra, một nho sĩ mà nàng gặp cho biết mình có thấy xác một người hủi trôi sông, vậy chắc là đã chết. Đoạn bảo nàng: -"Thôi hãy cùng tôi lập một gia đình mới". Nàng đáp: -"Cám ơn, để tôi để tang chồng ba năm cho trọn đạo". Sau ba năm, chàng nho sĩ đến nhà nhắc lại lời hẹn. Nàng cảm kích nhận lời. Hai bên trở thành vợ chồng. Sau đó chồng cũng thi đậu làm quan.

Đoạn sau cũng nói đến việc nàng tình cờ tìm được người chồng cũ, bấy giờ là ăn mày rách rưới ở một chợ nọ. Vẫn không ra mặt, nàng chỉ nói khéo để chồng mới đưa người "hàn sĩ" đó về ở một gian nhà cất sau huyện đường để tiện hỏi han nghĩa lý sách vở. Đặc biệt nàng có cho đào một cái giếng riêng cho chồng cũ dùng. Không ngờ giếng có mạch nước tiên, chàng uống vào tự nhiên lành bệnh và cuối cùng đi thi đậu trạng. Đứng trước cảnh ngộ khó xử, một hôm nàng bèn nhảy xuống giếng tự tử. Chồng mới, rồi tiếp đó chồng cũ hết sức xúc động lần lượt nhảy xuống chết theo. Không ngờ giếng tiên biến bộ ba thành thần và cuối cùng được Ngọc Hoàng phong làm Táo quân.

57. KIỆN NGÀNH[1] ĐA

Ngày xưa có hai vợ chồng một người lái buôn hương. Họ chưa có con cái gì cả. Chồng vắng nhà liên miên, chỉ thỉnh thoảng mới về một lần. Có lần chồng đi khá lâu. Vợ ở nhà lọt vào mắt một tên xã trưởng. Dựa vào quyền thế, xã trưởng tìm cách quyến rũ người đàn bà đó và cuối cùng hai người tằng tịu với nhau. Nhưng hắn rất khôn ngoan, thỉnh thoảng mượn cớ đi tuần đến với người đàn bà một lần. Vì thế trong xóm ngoài làng chả một ai ngờ cả.

Lần ấy ông lái hương mải mê buôn bán nên không tiện về nhà. Ông cất hàng đi rất xa và làm ra rất nhiều tiền. Sau ba năm, một hôm gần ngày giỗ cha, ông mới sực nhớ đến vợ bèn thu xếp tiền nong tìm về quê cũ. Sắp về tới làng thì trời đã tối, ông sực nghĩ tới số tiền công lao mồ hôi nước mắt trong mấy năm trời - "Ta đi vắng lâu quá! Không biết chừng ở nhà có sự thay đổi". Nghĩ thế, ông đem 120 lạng bạc trong bồ ra buộc làm một gói. Khi đến cây đa đầu làng, ông ta trèo lên và đem số bạc ấy giấu vào hốc cây. Ông khấn:

- Tôi là dân làng này, tôi làm ăn dành dụm được có chừng ấy, tôi gửi cho ngài, trăm sự nhờ ngài giữ hộ.

Vợ thấy chồng về lăng xăng cơm nước tiếp đón hết sức thân mật. Nhưng khi nhìn thấy chiếc bồ không, liền hết lời trách móc:

- Anh buôn thua bán lỗ làm sao mà bỏ vợ dại ở nhà ba năm đằng đẵng không đoái không hoài gì cả. Tiền nong anh vứt đi đâu? Trời ơi sao mà tệ thế!

Thấy tình hình không có gì đáng ngại mà vợ vẫn có vẻ một lòng một dạ với mình, người lái hương yên tâm, nên đêm ấy khi nằm lên giường, ông tỷ tê kể hết việc làm ăn khấm khá của mình cùng là việc gửi bạc ở hốc cây đa đầu làng cho vợ nghe.

---

1. *Ngành*: cành cây.

Không ngờ đêm ấy, xã trưởng theo thói quen tìm đến nhà nhân ngãi. Hắn quen chó, lại thuộc cách mở cổng nên chả mấy chốc đã lọt vào thềm nhà. Sắp bước vào buồng, hắn bỗng nghe tiếng trò chuyện nhỏ to. Biết là chồng cô ả đã về, hắn đứng lại nghe ngóng. Và khi biết rõ người lái hương giấu bạc ở cây đa, hắn mừng quá, vội lủi một mạch ra đầu làng, cuốm ngay gói bạc. Hắn lấy một cách ngon lành, chả một ai biết cả.

Rạng ngày hôm sau, khi người lái hương ra lấy bạc thì ôi thôi, bạc đã không cánh mà bay mất tự bao giờ. Xót lòng vì mất của mà không biết kêu van với ai, ông ta đấm ngực kêu trời rất thảm thiết. Mãi về sau nghe tin gần miền có một ông Trạng xử kiện nổi tiếng, ông bèn chặt lấy một cành đa mang đến kiện với Trạng. Tuy thấy sự tình éo le, Trạng cũng nhận lấy cành đa rồi bảo người lái hương về, sáng mai lại đến. Lập tức, Trạng sai quân hầu rào bốn bên cây đa lại, không cho một ai đến gần, rồi ngầm sai đào hố ở gốc, cho người xuống nấp dưới đó.

Sáng hôm sau, Trạng đến đóng dinh ở gần cây rồi trước mặt bàn dân đông đủ, Trạng bắt nguyên cáo và bị cáo ra đối chất. Cây nhận có giữ gói bạc nhưng không biết người nào lấy đi. Hỏi mãi cây vẫn không khai được một điều gì. Quân hầu của Trạng được lệnh khảo đả cây túi bụi. Mọi người đứng trước dinh Trạng đều nghe bị cáo van khóc rối rít. Mãi đến ngày thứ ba, bị cáo mới tả cho biết mặt mũi người ăn trộm, nhưng chỉ nói riêng cho Trạng nghe mà thôi. Liền đó, Trạng cho người lái hương về, ba ngày sau sẽ bắt tên trộm hoàn lại số tiền, nhưng trước đó phải dọn cỗ bàn tạ thần minh và mời làng nước đến ăn mừng về việc tìm lại được của. Trạng còn ghé tai dặn nhỏ ông ta: -"Trong nhà có bao nhiêu chó dữ phải thả ra trong khi khách đến".

Người lái hương tin lời Trạng, về nhà mổ trâu khoản đãi bà con làng nước. Mỗi một người đến ăn cỗ lại làm cho mấy con chó cũi một phen sủa hết hơi. Duy chỉ có xã trưởng vì ba năm lui tới nên chó không còn lạ hơi nữa. Khi thấy mấy con chó vẫy đuôi mừng xã trưởng, lập tức những người của Trạng, chực sẵn ở sau nhà, ra bắt lấy giải đi.

Trước mặt Trạng, ban đầu xã trưởng chối lấy chối để. Nhưng sau thấy Trạng vạch tội hắn có ngành có ngọn và cho biết thêm là cây đã

thú thật mặt mũi người lấy trộm như thế như thế nên hắn đành cúi đầu nhận tội.

Ngày nay, người Nghệ - Tĩnh có câu: "*Kiện ngành đa*" ý nói kiện một cách gián tiếp, nghĩa là kiện một sự việc này nhưng chính nhờ đó làm nẩy ra ánh sáng một sự việc khác[1].

KHẢO DỊ

Theo một người khác kể, thì truyện này không nói đến người nhân tình và vợ của người buôn hương, chỉ nói đến một người ngủ dưới cây đa với một tay nải. Tỉnh dậy, thấy mất tay nải, hắn bèn chặt một cành đa kiện với quan. Quan cũng sai bí mật đào hố ở sân, cho người nấp dưới đó rồi truyền lệnh cho người khảo đả cành đa. Trong khi dân chúng đứng ở phía ngoài xem đông như hội, thì ở trong này, cành đa cung xưng: -"Xin quan tha đánh, tôi sẽ chỉ mặt tên phạm tội". Rồi nói tiếp: -"Tôi biết rõ mặt nó dù nó đứng lẫn vào đâu tôi cũng nhận ra được. Nhưng công bố tên nó ở đây thì rất xấu hổ, và nó sẽ bị quan trị tội. Ngày mai cũng vào hồi này, tôi sẽ mách tên nó, nếu nó không chịu thú với quan".

Trong số những người đi xem hôm đó có tên trộm. Nghe nói vậy, hắn sợ quá, vội mang tay nải của người kia, thừa lúc vắng, ném trả ở cửa công đường. Vì vậy ngày mai, quan hạ lệnh bãi cuộc tra[2].

Trong *Bao Công kỳ án* cũng có truyện *Chôn tiền bị mất*:

Có hai vợ chồng mới lấy nhau được một năm, chồng vì sinh kế, bỏ đi tỉnh khác làm công cho một hiệu buôn. Ba năm sau mới về với số tiền công của

1. Theo *Tống Trân - Cúc Hoa* và lời kể của người Hà-tĩnh. Về việc tra khảo cây, xem thêm truyện *Tra tấn hòn đá* (số **110**) và truyện *Nguyễn Khoa Đăng* (số **111**) tập **III**.

2. Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ* (1941, đã dẫn. Nguyễn Văn Ngọc trong *Truyện cổ nước Nam*, tập I, thì: tiếng đồn cây đa biết nói sắp xưng tên đứa lấy tay nải làm cho tên gian lo lắng sợ tội, bèn đến công đường "tiên năng tự thú". Cũng theo ông thì truyện *Cây đa biết nói* này ngày xưa trong dân gian đã diễn thành vở chèo.

mình. Sắp tới nhà thì trời tối, sợ bị cướp giật nên đào hố chôn ở chân cầu thứ ba. Về nhà, thấy vợ ra vẻ lạnh nhạt vì thấy không tiền, chồng nói thật để lấy lòng vợ, không ngờ tình nhân của vợ đêm ấy nấp dưới giường nghe rõ cả, liền đi đào lấy về.

Sáng dậy chồng đến đào không thấy. Bị vợ mỉa mai, chồng đi kiện với Bao Công. Bao Công hỏi: -"Việc chôn tiền đã nói với ai chưa?". Hắn đáp chỉ nói với vợ. Quan sai đòi vợ đến tra khảo. Vợ không nhận. Chồng thấy vợ bị tra khảo lấy làm thương, xin quan tha, nói là mình không cần số tiền đó nữa. Bao Công lại thả vợ giam chồng, cho là có tội đùa với quan trên.

Tối hôm ấy, tình nhân vợ lẻn đến nhà nói cho biết là số tiền ấy đã vào tay mình. Hắn vừa trao tiền cho nhân tình thì liền bị sai nha do Bao Công phái đến rình sẵn, tóm cổ.

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Vua Dao* trong đó có một chi tiết giống với truyện trên.

Một anh chàng có số làm vua hai nước. Lúc trẻ được một nhà sư dạy cho câu châm ngôn: "Tìm của chó ngủ, nằm với vợ chó nói". Anh đi nhờ thuyền buôn ra nước ngoài định nhờ vả ông anh làm quan to ở đấy, nhưng ông anh chỉ cho có mỗi một vuông vải. Lúc trở về ngồi thuyền, trùm vuông vải lên đầu, nhờ đó (và nhờ không ngủ theo câu châm ngôn), anh đã tóm lấy râu con quỷ Yắk buộc nó phải cho dây, gậy và nồi thần. Bị thuyền trưởng gạt anh lên đảo rồi cho thuyền chạy để chiếm các vật quý, anh lại dùng mẹo chiếm được viên ngọc có phép "đi trên biển như đi trên đất liền" của một con lợn thần, nhờ đó, anh đuổi kịp thuyền buôn; sau đó anh lấy lại các đồ vật đã mất, rồi vượt biển một mình về đến nhà. Đến đây truyện bắt đầu giống với truyện *Kiện ngành đa*:

Trước khi gõ cửa cho vợ mở, anh chôn mọi vật quý dưới chân cầu thang. Vợ đang hú hý với nhân tình, nghe tiếng chồng gọi, vội giấu nhân tình vào một nơi, rồi đón chồng vào. Lúc lên giường, vợ hỏi tình hình nước ngoài ra sao; anh nhớ câu châm ngôn không đáp. Nhưng do vợ nỷ non mãi, anh buột miệng kể hết cho nghe, kể cả chỗ giấu vật quý. Anh nhân tình nghe được liền đào lấy mang đi.

Sáng dậy, thấy mất vật quý, anh chàng vật vã kêu trời rồi đóng gông cái thang lên kiện quan. Quan không xử, anh lại đưa tới kiện với vua. Ở đây cách

tra xét của vua khá đặc biệt. Vua bảo anh về, cho anh một cái áo choàng đẹp, bảo lúc nào vua mở hội thì trao cho vợ mặc đi dự, còn bản thân thì đừng đi. Đến hôm nhà vua mở hội, vợ thấy chồng cáo ốm thì mang áo ấy cho nhân tình mặc để cùng mình đi dự hội. Người của vua đặc phái đi tìm người mặc áo choàng đẹp, nhận ra được ngay và bắt cả cặp giải về. Họ thú nhận tất cả. Vua giao cho anh chàng phân xử, anh chỉ xin vua bắt hai người lấy nhau.

Đoạn sau, anh biếu vua tất cả các vật quý mà chỉ đổi lấy một con dao sắc. Anh bỏ nước đến một nước khác làm con nuôi một đại thần. Và nhờ câu châm ngôn trên, một đêm nọ, anh thức đêm canh gác cho nhà vua chu đáo (trước đó những ông quan khác đi canh đều ngủ quên và bị vua xử chém) được vua khâm phục về sự cần mẫn và tài năng, gả công chúa cho, rồi cho thay vua trị vì. Trở về nước, anh lại được ông vua cũ trọng đãi vì phục tài và cũng gả cho công chúa, rồi nhường luôn ngai vàng.

Cuối cùng, anh không quên đi gọi người anh mình về và cho làm quan[1].

Đồng bào Tày có truyện *Bút Bời* cũng là một dị bản của *Kiện ngành đa* nhưng hình tượng xây dựng khác hẳn:

Có hai người bạn, một khôn ngoan một dại dột, đều nghèo đói không con, một hôm rủ nhau đi tìm Bút Bời (Ngọc Hoàng) để xin cho được con có của nên. Mỗi người quảy một gánh gạo, chàng Khôn đi trước Dại đi sau. Khi ngủ ở rừng có ma hiện ra quấy nhiễu, chàng Khôn bảo bạn hãy nín thở, tay trái cầm một nắm đất để lên đầu và cầu Bút Bời phù hộ. Ma liền chạy mất. Đi đã nhiều ngày mà không gặp Bút Bời, chàng Dại toan về nhưng được bạn khuyến khích lại đi. Đêm tối, hai người nằm mộng thấy có người đến khuyên nên trở về vì đường còn rất xa. Sáng dậy, họ gặp một người (tức Bút Bời cải trang) hỏi họ muốn gì? - "Xin cho đẻ con trai" - "Được, muốn gì nữa?". Chàng Dại xin một gánh bạc, chàng Khôn xin một gánh ba phần bạc một phần vàng. Bút Bời đều hứa cho, chỉ dặn ba điều nên nhớ: 1) Khi lội sông chó lội thẳng. 2) Thấy cầu chó luồn phía dưới. 3) Về đến nhà trước ba ngày chó trèo lên thang.

Lúc về chàng Dại đi trước chàng Khôn. Qua sông anh muốn lội thẳng,

1. Theo Mác- ti- ni (Martini) và Béc- na (Bernard). *Truyện cổ dân gian Căm-pu-chia chưa hề in* và *Truyện dân gian Căm-pu-chia.*

Khôn can mãi không được bèn bảo hãy đặt gánh ở bờ, cả hai cùng lội thử. Mới lội được một quãng bỗng thấy có cây chuối rừng trôi quấn lấy cẳng. Khôn chém một nhát thấy chuối chảy máu, mới hay đó là rồng. Lật đật trở lại quảy gánh lội men qua sông vô sự. Khi gặp một thân cây ngã chắn ngang đường, Dại không nghe lời can của bạn, luồn xuống phía dưới để qua, bị cây đổ đè lên một bên gánh, đánh mất nửa số bạc. Nửa đêm về đến nhà, anh vẫn không nghe lời dặn, đặt gánh dưới nhà, gọi vợ ầm ĩ bảo đốt đuốc cho mình lên. Không ngờ vợ có nhân tình. Thấy chồng cô ả về, hắn lẻn xuống rình, nhân thấy gánh bạc liền quảy đi mất. Đến khi anh chàng xuống tìm thì không thấy nữa. Anh ta cho rằng vì mình không nghe lời nên Bút Bời lấy lại số bạc.

Về phần anh chàng khôn ngoan, anh giấu gánh ở rừng mà về không. Đến nhà nghe có tiếng nói chuyện tỷ tê với vợ mà không phải giọng của mẹ mình, anh đoán là nhân tình của vợ. Anh giận lắm trở về rừng mài dao định đâm chết cả hai. Đêm sau lại về, lại nghe trò chuyện nhỏ to, nhưng nhớ lời dặn của Bút Bời, tuy ghen mà không dám lên. Lại trở về rừng mài dao, định khuya lại vào lúc gà gáy sáng vừa đủ thời hạn ba ngày, sẽ lên giết chết. Về đến nhà, trời bỗng nổi sấm đầu năm. Người Tày vốn có tục nhân nghe tiếng sấm gọi hồn của người đi xa trở về. Khôn nghe tiếng khấn của mẹ, rồi tiếng khấn của mẹ vợ, rồi tiếng của vợ đều gọi hồn mình về. Anh mới biết rõ sự thật. Chờ gà gáy xong, anh trèo lên cầu thang, kể hết mọi chuyện cho gia đình nghe, rồi nói: -"Nếu không nghe lời Bút Bời thì có lẽ tôi phạm tội giết oan vợ và mẹ vợ". Đoạn, bảo vợ cùng mình đi lấy của giấu ở rừng về.

Chàng Dại đến kể chuyện mất bạc với chàng Khôn. Sau khi trách bạn không nghe lời dặn, chàng Khôn hứa tìm cách lấy lại số bạc đó. Anh bảo bạn phải giữ thật kín, rồi bảo về tìm xem ở sàn nhà có cái lỗ nào vừa một người chui lọt không. Dại về tìm thì thấy ở chỗ đống củi có một lỗ, lại có dấu chân. Khôn lại bảo mang mây đến nhà mình để đan một cái rọ. Đan xong, Khôn bảo bạn về nói với vợ giả cho một gánh gạo để đi xin Bút Bời lần nữa, rồi gánh tới đây.

Vợ chàng Dại tưởng chồng lại đi thật, đêm ấy gọi nhân tình sang. Không ngờ Khôn và Dại đi nửa chừng lẻn về buộc rọ vào chỗ có lỗ, đoạn Dại gọi cửa ầm lên. Quả nhiên anh nhân tình chui đầu vào rọ, bị trói lại. Cuối cùng hắn không những trả lại gánh bạc còn giấu ở trong rừng chưa dụng đến, mà

còn phải nhấn người nhà mang bạc - cân vừa đúng sức nặng của người hắn - đến chuộc tội gian dâm. Chàng Dại tặng chàng Khôn số bạc này để đền ơn[1].

Người Ả-rập (Arabes) có truyện *Ngoại tình bị bại lộ*:

Vị Kha-líp En Măng-xua thấy có một người mếu máo đến thưa rằng mình đi buôn xa có số tiền giao cho vợ giữ; vợ vừa cho biết bị mất trộm, không tìm ra dấu vết. Hỏi: -"Vợ lấy đã bao lâu?" - "Mới được một năm". -"Có con riêng không?" -"Không" -"Còn trẻ hay già?" -"Trẻ". Kha-líp liền giao cho hắn một lọ nước hoa đặc biệt, bảo: -"Đưa cái này về mà giải sầu".

Rồi đó, ông sai bốn người hầu mỗi người đứng gác một cửa thành, dặn ai đi qua nếu ngửi thấy có đúng mùi nước hoa như thế, thì giải đến. Người kia về đưa nước hoa cho vợ bảo: -"Kha-líp cho ta đấy". Vợ bèn ngầm biếu nhân tình. Sau đó anh nhân tình bị bắt. Hỏi: - "Nước hoa lấy ở đâu ra?" -"Mua" - "Đưa người bán đến đây?". Hắn ta bối rối. Kha-líp bảo cảnh sát: -"Hãy giam lại nhưng đừng đánh, bao giờ nó trả đủ số tiền hãy tha, nếu không thì đánh 1.000 roi". Hắn trả đủ tiền. Kha-líp gọi người mất tiền đến phán: -"Tiền của ngươi đây; còn vợ thì phú về"[2].

Truyện *Con chồn bị giết oan* của người Lào khác với truyện trên về mô-típ nhưng vẫn có liên hệ về ý nghĩa:

Một người Bà-la-môn mang về cho vợ một con chồn đèn (panpong), vợ nuôi ở nhà, người và vật quen thuộc. Một hôm vợ xuống sông tắm, để con còn

1. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, tạp chí *Nhân loại*, đã dẫn (1921-1922).Về tình tiết chàng Khôn nhờ nghe lời Bút Bởi nên tránh được việc giết oan vợ và mẹ vợ, trong bộ *Kinh luật dị tướng* có truyện *Người mua khôn* như sau: Một người nghèo vượt biển kiếm ăn trở về có nhiều của. Anh ta có vẻ đắc chí. Một hôm gặp một người bạn, người bạn bảo: - "Gần đây có một người dạy khôn, khắp thành phố người ta đi mua khôn của ông ta. Dù đắt mà được khôn còn hơn". Anh ta nghe lời tìm đến. Người dạy bày cho một phép: khi có việc gì đó nghi ngờ hãy tiến lên bảy bước rồi lùi lại bảy bước. Làm ba lần như thế, trí khôn sẽ xuất hiện. Anh ta trả 1.000 đồng vàng. Một hôm anh đi xa về khuya. Vào buồng vợ thoáng thấy vợ và một người nữa đang ngủ. Anh ta ngờ vợ nằm với nhân tình, cơn ghen bốc lên rút dao toan giết. Chợt nhớ đến trí khôn mới mua được, lập tức làm theo. Giữa lúc ấy người lạ trên giường vợ đã dậy, hóa ra đó là mẹ vợ. Hắn kêu lên: -"Thật là khôn! Một ngàn đồng vàng là quá rẻ!". Bèn đến nhà người dạy trả thêm 3.000 đồng vàng (Theo Sa-van-nơ (Chavanne). Sách đã dẫn).

2. Theo Bát-xê (Basset), quyển II, đã dẫn.

bé trên bờ với con chồn. Bỗng một con rắn bò tới toan làm hại đứa bé, nhưng bị chồn vồ chết. Người Bà-la-môn chợt đến, thấy miệng chồn có máu, tưởng nó cắn con, bèn giết ngay. Nhưng khi nhìn kỹ mới hay sự thật. Hối hận, hắn quyết định đi Ba-la-nại (Bénarès) sám hối để lại cho vợ cái khánh (ga-tha) trên có khắc câu: "Chớ hành động thiếu suy nghĩ, nếu không sẽ ăn năn như người Bà-la-môn với con chồn".

Ở làng ấy có một người lái buôn xa nhà để lại người vợ có chửa. Đứa con trai lớn lên cũng làm nghề buôn. Một hôm vợ người Bà-la-môn vì túng tiền nên bán cái khánh cho mẹ con người lái buôn. Đọc câu châm ngôn, họ lấy làm thích thú; người con bèn cho họ khắc câu châm ngôn vào lưỡi gươm mình thường đeo. Người lái buôn lâu năm vắng nhà, một đêm nọ về bất chợt. Vào buồng vợ, ông thấy một người ngủ bên cạnh cây gươm, gần vợ. Giận quá người ấy cầm gươm toan giết người mà ông ta đinh ninh là tình nhân của vợ. Nhưng đọc được những dòng trên lưỡi gươm, ông bèn dừng tay lại. Giữa lúc ấy, người vợ tỉnh dậy, thấy chồng, vội chỉ đứa con mà ông vừa toan giết: -"Con ta đấy!". Người lái buôn bèn đưa hậu lễ đến người Bà-la-môn vì đã bán cho mình một câu châm ngôn vô giá[1].

Phương Tây còn có một truyện *Ba điều dạy của Xa-lô-mông*, hình tượng và ý nghĩa tương tự với truyện của Lào:

Một người đầy tớ của Xa-lô-mông một hôm xin thôi việc và được chủ trả công là 300 duy-ca. Từ giã chủ rồi, nhưng anh ta nghĩ rằng có biết bao nhiêu người vẫn thường đến mua lời dạy khôn của chủ, nên cũng muốn xin chủ một điều dạy, bèn trở lại thưa: -"Xin ngài cho một điều dạy". Xa-lô-mông đáp: -"Phải trả đủ 100 duy-ca như mọi người" -"Xin vâng" -"Dừng bao giờ đi đường mới mà bỏ đường cũ, nhớ lấy!". Vì chưa thỏa mãn, nên đã về rồi, anh ta lại trở lại xin một điều thứ hai. -"Phải trả đủ 100 duy-ca" - "Xin vâng" - "Việc làm hôm nay đừng để đến ngày mai, nhớ lấy". Vẫn chưa vừa lòng nên Xa-lô-mông lại thấy hắn ta trở lại xin một điều dạy nữa -"Phải trả đủ 100 duy-ca" -"Xin vâng" -"Hãy suy xét việc định làm rồi hãy làm, nhớ lấy!". Hắn vừa bước đi thì chủ gọi lại nói: -"Bây giờ con đi thì chắc hết tiền, vậy chờ đây ta cho ít bánh".

Ra về, hắn gặp một người buôn dầu làm bạn đường. Trước mặt họ có hai con đường: cũ và mới. Người buôn dầu bảo: -"Có đi đường mới với tôi không?" -"Không. 100 duy-ca lời dạy của chủ, tôi cứ theo đường cũ". Hắn bằng lòng

1. *BEFEO*, tập XVII, số 5 (1917).

với lời dạy vì chả mấy chốc đã thấy người buôn dầu mếu máo quay trở lại vì bị cướp lấy hết cả của cải. Về đến nhà vừa đêm tối, cửa đóng. Nhìn qua lỗ khóa, thấy vợ mình đang ngồi ở bàn ăn với một thầy tu, hắn định rút súng ra bắn chết. Chợt nhớ tới lời dạy thứ hai của chủ, hắn bèn nuốt giận gõ cửa. -"Ai?" -"Tôi". Vợ nhận ra ngay: -"À, chồng tôi đã về!". Vào nhà, hắn hỏi: -"Thầy tu kia là ai?" -"Con anh đấy chứ ai; chúng tôi cho nó mặc kiểu thầy tu". Hắn reo: -"Ồ, lời dạy quý hóa!". Sắp vào ăn, bỗng nhớ tới miếng bánh chủ cho, hắn bèn lấy ra cắt, thì trong đó có 300 đuy-ca. Hắn lại reo to: -"À, chủ ta trả lại tiền cho ta!" Mọi người vui vẻ vào bàn. Vợ hắn nói: -"Hãy gượm, để tôi bảo thợ gặt mai khoan hãy đến, vì là ngày vui của chúng ta". Hắn đáp: -"Không. Việc làm hôm nay chớ để đến mai". Gặt xong, bỗng có trận mưa đá, làng xóm mùa màng hư hại nặng, trừ nhà hắn. Hắn ngẫm nghĩ: -"Lời dạy của chủ quý vô kể!"[1].

1. Theo tạp chí *Muy-dê-ông (Le Muséum)* (1884).

58. TO ĐẦU MÀ DẠI, NHỎ DÁI MÀ KHÔN

Một hôm voi đang đủng đỉnh đi chơi bỗng gặp hổ. Hai bên chào hỏi chuyện trò chán chê, đoạn hổ bảo voi:

- Bác với tôi đều là bậc anh hùng ở chốn sơn lâm, mỗi lần đi đến đâu, mọi thú vật đều khiếp sợ. Nay tôi muốn thi tài với bác một chuyến chơi, nếu bác vui lòng thì hai chúng ta cùng nhảy qua một cái ngòi trước mặt đây, hễ bên nào không nhảy được thì sáng mai đến đây đưa thân cho kẻ được cuộc tha hồ mà chén thịt hay chà đạp thế nào tùy ý. Nào bác xem chừng có đủ sức đọ tài với tôi chăng?

Nghe hổ nói khích, voi khảng khái đáp ngay: -"Được, tôi sợ gì mà không thi". Nói rồi cả hai cùng nhảy qua ngòi. Hổ làm một vọt sang bờ bên kia như bỡn. Nhưng voi vốn nặng nề cất mình không nổi, bị sa xuống dòng nước. Chân voi tụt xuống bùn lầy làm cho hổ phải xuống kéo mãi đến tối ngày mới đưa lên được. Rồi đó cả hai ai về nhà nấy.

*

* *

Giữ đúng lời hẹn, sáng hôm sau voi phải đi nộp xác cho hổ ăn thịt. Biết hổ chẳng tha cho nào, voi thấy chân rã rời, bước không muốn nổi. Bỗng thỏ từ sau một gốc cây lớn tiến đến trước mặt voi. Thỏ chào hỏi, voi không buồn đáp lại. Thấy voi buồn thỉu buồn thiu, thỏ hỏi:

- Bác voi! Sao bác buồn thế? Có việc gì đáng lo xảy ra hay sao? Bác cứ kể cho tôi biết đi. Chưa biết chừng tôi sẽ giúp ích cho bác ít nhiều...

Voi dừng lại, kể cho người bạn nhỏ nghe câu chuyện nhảy thi với hổ ngày hôm qua và nói:

- Đêm về tôi nghĩ lại biết mình thi nhảy với hắn là khờ. Nhưng bây giờ đã lỡ thì biết làm thế nào?

Thỏ bảo:

- Thế sao bác không trốn đi, đừng ra đây có hơn không?

- Không được - voi trả lời - Tôi thà chết chứ không muốn sai lời đã hẹn.

Thỏ nghĩ một lát, nói: -"Tôi có một kế cứu bác nếu bác bằng lòng làm theo đúng lời tôi dặn" - "Kế ấy thế nào?" - "Kế này cốt yếu nhất là tôi bảo sao bác phải làm đúng như thế mới được". Nói rồi, thỏ đi kiếm lá cây trùm lên đầu lên mình, cải trang thành một con vật khác hẳn. Đoạn cả hai con cùng đến chỗ hẹn với hổ. Thỏ bắt voi nằm ngửa giơ bốn chân lên trời không cụ cựa.

*

* *

Lại nói chuyện hổ từ hôm qua được cuộc, trong bụng vô cùng mừng rỡ. Sáng mai ngủ dậy, hổ hí hửng chờ đến lúc được chén thịt voi. Nhưng khi sắp sửa đến chỗ hẹn, hổ nhìn thấy một cảnh lạ mắt mà hắn không bao giờ ngờ tới. Trước mặt hổ, voi đã nằm chết chỏng cẳng và trên mình voi có một con vật nào là lạ đang hùng hục chén thịt. Mà con vật ấy chỉ bé bằng đầu vòi voi mà thôi.

- Lạ thật! Không biết con vật nào kia chỉ có một tý tẹo thế mà dám cả gan vật voi ăn thịt. Voi còn thế, huống chi là mình, không khéo nó nhìn thấy thì bỏ xác.

Nghĩ vậy hổ rụt rè không dám tiến nữa, rồi rón rén quay trở lại, lủi một mạch về nhà. Dọc đường bỗng có khỉ ở trên cây hỏi vọng xuống:

- Bác hổ, sao bác vội thế? Có việc gì đấy?

Nghe khỉ hỏi, hổ hoàn hồn dừng lại, kể chuyện vừa rồi cho nghe. Kể xong, hổ chưa hết sợ hãi toan bỏ đi. Nhưng khỉ vội giữ hổ lại mà nói:

- Bác đừng sợ! Đây chắc là có mưu mẹo gì đấy thôi! Bác cứ trở lại chỉ cho tôi thấy đi.

Thấy hổ còn ngần ngại, khỉ lại nói:

- Nếu bác sợ tôi đánh lừa thì bác cứ buộc người tôi vào chân của bác, hễ bác ở đâu có tôi đó, bác đừng ngại!

Nói xong, khỉ đi lấy dây nâu buộc thân mình nối liền với chân sau hổ rồi cả hai cùng trở lại. Khi thỏ thấy hổ và khỉ dẫn nhau tới, biết ngay có khỉ làm quân sư liền không để cho chúng kịp giở mưu mô, vội cất tiếng the thé mắng phủ đầu rằng:

- Này khỉ kia, sao mày chậm thế? Cha mày xưa nợ của tao tính ra đến mười con hổ, vậy mà mãi đến bây giờ mày mới đưa đến được một con. Tại sao mày chây lười đến thế. Muốn tốt phải trả cho đủ số, nếu không tao sẽ xé nhỏ xác mày ra.

Nghe nói, hổ tưởng khỉ đánh lừa đem mình đi gán nợ cho con vật dữ tợn kia, bèn hốt hoảng cong đuôi chạy một mạch không dám ngoảnh cổ lại. Hổ chạy mãi, chạy mãi, cho đến lúc thấy mồ hôi toát ra đầy người, mệt hết sức, mới đứng lại, nhìn lại khỉ thì khỉ đã chết nhăn răng từ bao giờ rồi. Thế mà hổ tưởng là khỉ còn sống liền mắng cho một trận, và nói:

- Đã thế mà mày còn nhăn răng ra mà cười à[1].

Có câu tục ngữ "*To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn*". Lại có câu "*Nợ mười hùm chưa đủ, mưu một khỉ thấm chi*" đều do truyện trên này mà ra.

KHẢO DỊ

Truyện trên còn thấy ở một vài dân tộc khác như đồng bào Tây-nguyên, v.v... Trong truyện của Tây-nguyên, chẳng hạn của người Ba-na (Bahnar), cũng như của Khơ-me (Khmer), thay cho voi là người:

Một con hổ thấy con chim bói cá kiếm ăn một cách dễ dàng khỏe khoắn (từ trên cao chỉ liệng xuống nước một cái rồi bay lên là có cá ăn) cũng muốn bắt chước. Bèn trèo lên cây rình khi có cá ở suối thì buông người xuống. Chẳng ngờ đã không bắt được cá mà suýt nữa chết đuối. Một người kiếm mật ong đi qua thấy vậy cười nhạo hổ hết lời. Hổ thẹn, xin người ấy giấu cho, mình sẽ tặng mỗi ngày một con thịt. Người ấy nhận lời. Từ đó anh ta rất mực sung sướng. Nhưng vợ anh ta lại cứ nài nỉ anh cho biết lý do vì sao luôn luôn may

1. Theo *Hữu thanh tạp chí*.

mắn. Lúc đầu anh giấu, nhưng sau buột miệng nói hết ra. Sáng mai lên rừng gặp hổ, hổ bắt người ấy phải nộp mạng vì đã nuốt lời hứa. Người ấy vâng lời nhưng xin hổ cho về nhà từ giã vợ mai sáng sẽ đến nộp mình.

Sáng hôm sau anh chàng thất thểu ra đi, trên đường gặp thỏ, và chuyện cũng xảy ra như chuyện vừa kể.

Trong một dị bản của người Ba-na (Bahnar) ở vùng Kon-tum thì thay cho chim bói cá là diều:

Một hôm hổ vớ được một con heo rừng sau khi đã rình mò khá vất vả. Hổ bèn xé xác heo thành mấy mảnh để ăn; những mảnh chưa ăn tới thì ngồi lên giữ, vì sợ mất. Từ trên cao diều nhìn xuống rất thèm. Diều nghĩ được một kế, bất thình lình bay vụt xuống mổ một cái vào hạ bộ hổ. Hổ đau nhói, vội chồm lên, gầm thét vang trời. Thế là diều liền chóp ngay một miếng gan heo và bay lên cành cao đánh chén. Vừa lúc hổ đang bị diều đớp, một người thợ săn đi qua thấy thế cười sặc sụa. Hổ ngượng quá bèn ngỏ ý xin anh ta giữ kín cho câu chuyện xấu hổ này. Đáp lại, hổ sẽ kiếm thịt hươu, nai đem đến nhà cung đốn. Anh thợ săn chấp nhận lời thỉnh cầu; từ đó anh luôn luôn có thịt rừng để ăn, khỏi phải mất công lặn lội, tìm kiếm. Nhưng một hôm vui bạn, anh chàng nói toạc với bạn câu chuyện hổ bị diều chơi lõm. Đang lúc ấy hổ vác thịt đến nhà. Biết chuyện, hổ nổi giận, đòi anh thợ săn thực hiện lời đã cam kết: nếu nói hở chuyện ra thì phải nộp mạng cho hổ. Anh thợ săn khất hổ bảy ngày sau sẽ đến chỗ hẹn. Đang trong những ngày buồn tẻ nhất, anh bỗng gặp thỏ. Thỏ hỏi thăm, biết chuyện, bàn mưu với anh làm một chiếc nỏ lớn và hai mũi tên tẩm thuốc độc, để mình tìm cách cứu. Đến ngày hẹn, theo lời thỏ dặn, anh thợ săn bảo hổ phải cùng nhau tới gặp thần Dang Công (thần núi) ở một gốc đa trong rừng sâu để nghe phán bảo tội trạng, rồi mới được thực hiện lời hứa. Hổ đã biết tiếng thần Dang Công nên rất sợ, dành nhận lời.

Khi cả hai kéo nhau đến dưới gốc đa thì đã thấy một vị thần to lù lù đứng đấy, hoa lá phủ đầy người. Thỏ nấp bên trong, cất giọng ồm ồm, bắt cả hai khai thực đầu đuôi để mình phân xử. Muông thú nghe tin thần Dang Công hiển hiện xử vụ kiện giữa người thợ săn và hổ nên cũng nườm nượp kéo nhau đi xem. Thần Dang Công truyền bảo mỗi bên nhận một mũi tên thần, và dùng nỏ thần bắn vào bên kia, ai có tội kẻ đó sẽ chết. Nhưng thỏ đã ranh mãnh trao nỏ cho chàng thợ săn bắn trước mặc dầu hổ ra sức phản kháng. Chàng thợ săn được nỏ bèn gắng sức giương hai cánh nỏ cứng nhằm vào hổ bắn một phát. Mũi tên độc trúng đầu hổ, hổ lăn ra chết liền. Muông thú thấy vậy xô nhau chạy tán loạn, giày đạp lên nhau mà chết. Từ trong đám lá ngụy trang,

thỏ nhảy phóc ra, hiện nguyên hình, bảo anh thợ săn đem thịt thú rừng về đánh chén.

Cũng cốt truyện này ở một số làng bản Ba-na (Bahnar) khác lại kể rằng: khi anh thợ săn đưa hổ đến gặp thỏ, thỏ thách hổ nuốt thi với mình một cái xương trâu dựng ngang trong miệng, nếu hổ nuốt được thì mới chứng tỏ anh thợ săn có lỗi. Hổ đồng ý há mồm cho thỏ bỏ xương vào, nhưng bị xương nhọn chống hàm lên, đau không sao nuốt được. Đến lượt thỏ, thỏ nhanh nhẹn bỏ xương ra sau đít. Hổ tưởng thỏ đã nuốt trôi xương dễ dàng, hốt hoảng bỏ chạy. Người thợ săn thừa dịp giương cung bắn chết hổ[1].

Ở Việt-nam có nơi kể khác đoạn đầu. Đó là truyện *Con hổ, con cóc tía và con khỉ.*

Cóc tía thấy hổ thường năng đi qua về lại trước nhà, sợ nó giẫm phải, mới tính kế làm cho hổ phải tránh xa. Một hôm chờ hổ đi ngang trước nhà, cóc bèn xông ra nạt: - "Đứa nào đấy, đừng có ló xó qua đây mà tao giết chết uổng mạng". Hổ giật mình hỏi ai thì cóc đáp: - "Tao đây! Tao là cóc tía đây!". - "Ái chà - hổ nói - mày bằng nắm tay có tài nghệ gì mà dám láo thế?". Thấy cóc nói nghề gì cũng biết, hổ mời nhảy thi. Cóc nhận lời và nói: -"Tao không thèm đứng ngang mày, tao đứng sau mày mà nhảy xa hơn mày mới tài". Cũng như truyện *Cóc kiện trời* trong *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*, cóc chờ khi hổ dập đuôi sắp nhảy thì vội cắn lấy đuôi hổ. Hổ sang đến nơi thì cóc đã văng xa trước hổ một quãng. Hổ thua cuộc, cóc nói: - "Tao mới sang đây mà đã ăn thịt một hổ rồi!". Rồi há miệng cho hổ thấy một dúm lông mà cóc đã cắn ở đuôi hổ lúc nãy. Thấy thế, hổ sợ quá cong đuôi chạy. Giữa đường hổ gặp khỉ và kết cục cũng y như truyện vừa kể[2].

Người Nghệ-an kể truyện này cũng giống như trên, nhưng còn có thêm một tình tiết: trước khi hổ mời cóc nhảy thi, hổ đòi ăn thịt cóc. Cóc bảo: - "Chà chà! quân mày đông hay quân tao đông mà mày dám dòi ăn thịt tao. Này bây giờ mày với tao mỗi bên gọi lên một tiếng xem bên nào có người "dạ" nhiều". Hổ kêu lên một tiếng nhưng chẳng thấy ai ứng cả. Còn cóc kêu một tiếng thì cả cánh đồng đều "dạ" rân. Hổ ngạc nhiên, bắt đầu sợ cóc[3].

Người Quảng-bình kể truyện *To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn* như sau:

Voi thi với hổ không phải bằng cách nhảy qua suối, mà bằng cách gầm thét

1. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II.
2. Theo lời kể của người miền Nam.
3. *Bản khai của thôn Bùi-ngọc.*

sao cho hươu nai sợ chạy trốn (có người kể là làm sao cho chim rừng sợ bay đi). Dĩ nhiên tiếng gầm của voi không làm cho hươu nai sợ bằng tiếng của hổ. Voi cũng hẹn qua ngày sau đi nộp xác như trên, nhưng ở đây kẻ cứu voi và giả bộ ăn thịt voi, đòi nợ khi, không phải là thỏ, mà là con chim chuyền chuyện (có người kể là thỏ), nhưng khi khi buộc dây dẫn hổ đến thì chim mắng: -"Đồ chó chết, mày vay của tao ba hổ béo nay trả một hổ gầy nhom". Hổ sợ chạy làm khi chết nhăn răng. Hổ dừng lại mắng khi rồi chén thịt luôn. Vì thế sau này dòng dõi khỉ hễ hặp hổ là trốn chạy và kêu la ầm ĩ.

Người Quảng-bình cũng kể cả truyện *Con hổ, con cóc tía và con rùa* (không phải con khỉ) như sau:

Cóc thách hổ chạy thi (không phải nhảy) rồi khi sắp bắt đầu, cóc cũng ngậm chót đuôi hổ. Hổ chạy qua hết năm núi, mười khe về dừng lại, đập đuôi thì cóc đã văng ra phía trước. Thấy hổ ngoảnh đằng sau tìm cóc, cóc mắng: -"Tao đứng trước mày đây rồi còn ngoái lại sau làm cái gì!". Hổ sợ cóc, bỏ đi, bỗng gặp rùa. Rùa bày cho hổ buộc vào chóp đuôi một hòn đá thì cóc hết chỗ ngậm. Hổ làm theo, quả nhiên lần này cóc không ngậm được đuôi hổ. Nhưng khi nhảy qua suối, hòn đá kéo hổ xuống vực, hổ chết[1].

Còn có một truyện khác của ta trong đó cũng có hổ và khỉ. Diễn biến của truyện như trên, nhưng thay cho thỏ và voi (hay cóc tía) là một người ăn trộm.

Một người ăn trộm đến rình ở chuồng ngựa nhà nọ định ăn trộm ngựa. Không ngờ đêm ấy có một con hổ cũng đến rình. Trong nhà bỗng có tiếng mẹ dọa con: - "Có nín không, kẻo ông Ba bi bị bùm đến cắn chết". Nghe nói, hổ đâm ra lo sợ ông Ba bi bị bùm cắn nên ngập ngừng toan rút. Trộm ta ngủ quên chợt tỉnh dậy thấy hổ tưởng là ngựa, vội nhảy phóc lên lưng hổ . Hổ bị một cú nhảy bất thình lình tưởng là ông Ba bi bị bùm vồ, bèn cong đuôi chạy một mạch. Còn tên trộm khi biết là hổ, sợ quá, vừa gặp cành búa dọc đường liền bíu lấy đu lên.

Từ đây truyện lại giống với các truyện trên. Thấy hổ chạy không ngoái cổ lại, khỉ chặn lại hỏi. Nghe hổ kể, khỉ tình nguyện đi dò xem ông Ba bi bị bùm là thế nào. Khi biết chỉ là một người như người thường, khỉ vội về mách hổ. Thấy hổ không tin, khỉ bảo hổ buộc mình vào đuôi để đưa hổ trở lại xem. Trộm thấy hổ trở lại sợ quá, ngã từ cây búa xuống đầu hổ. Hổ tưởng ông Ba bi bị bùm vồ, bèn lại co giò chạy một mạch làm cho khỉ chết nhăn răng.

1. Theo Ca-đi-e (Cadière). *BEFEO*, tập I, số 3 (1901).

Đoạn sau còn nối thêm nhiều diễn biến buồn cười, do những cái nhầm của vợ người có ngựa và vợ người ăn trộm[1].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Vì sao hổ và khỉ trở nên thù địch*:

Hổ và voi thách nhau không phải nhảy mà là gầm thét, ai hơn sẽ được chén thịt kẻ thua. Tiếng thét của hổ làm cho các con vật chết khiếp, còn tiếng rống của voi thì không. Bảy ngày sau voi đi nộp mình. Thỏ gặp thấy voi buồn, hứa cứu voi. Thỏ bảo các giống vật khác làm bộ hốt hoảng nói thỏ đánh bạt voi và sắp ăn thịt hổ. Hổ không tin, bảo ai đi chén thịt voi với mình thì đi; nhưng không ai đi cả, trừ khỉ. Hai con thắt đuôi lại với nhau. Hổ đến thấy thỏ ngồi trên đầu voi, ăn chuối bảo là ăn óc voi. Hổ sợ thì khỉ trấn an bảo đó là chuối. Thỏ nói: -"Mày nói đưa đến cho tao một hổ béo sao lại nộp hổ gầy". Hổ sợ quá bỏ chạy, hai con co kéo nhau đến khi vấp gốc cây đứt đuôi mới rời nhau được. Từ đấy khỉ và hổ thù nhau[2].

Người Tày có truyện *Hổ, voi sợ cóc*. Ở đây các vai trò có thay đổi: cóc thay vào thỏ, còn voi không phải là nạn nhân của hổ:

Cóc ăn gỗ mục, ăn dom dóm rồi đến mộc nhĩ. Đang ăn, bỗng có hổ đi qua hỏi cóc ăn gì? Đáp" -"Sang chụ su chạng" (toi vai tai voi). Vì mộc nhĩ giống tai voi, nên hổ sợ quá, toan chạy. Chưa hết sợ thì lại thấy cóc nhả ra từng con dom dóm, mới hỏi: -"Ăn gì đấy?" -"Thưa tha tha thưa" (mổ hắt mắt hổ). Lần này thì hổ sợ thật, liền cắm đầu chạy. Gặp voi, voi hỏi hổ vì sao mà chạy. Hổ cũng kể chuyện vừa rồi. Voi bảo: -"Đừng sợ, để ta trở lại xem". Rồi cũng buộc hổ vào chân. Hai con sắp tới. Cóc đã nói to: -"Mày nợ tao ba hổ, hẹn sáng nay trả đủ sao chỉ có một". Hổ chạy kéo cả voi cùng chạy. Cuối cùng hổ chết hộc máu. Thấy thế voi mắng: - "Chạy mệt bỏ cha lại còn ăn trầu". Lại chạy nữa, một lát ngoảnh lại, thấy hổ nhe răng, voi lại mắng: -"Suýt chết mất mạng mà còn cười ư?".

Ở truyện *Hổ và cáo* của người Mèo thì cáo thay vào hổ, nhưng vai trò và tính cách của các con vật đã biến đổi dần so với truyện của ta:

Một đàn dê kéo nhau đi ăn, tối ngủ ở hang. Một hôm gặp cáo, cáo thấy dê râu dài lấy làm lạ, hỏi: -"Cái này dùng làm gì?". Đáp: - "Đó là thứ dùng làm nước chấm để ăn thịt cáo". Cáo sợ, bảo: -"Vậy anh làm ơn giữ chặt lấy nó để tôi chạy khỏi nơi này!". Trong khi cáo chạy thì dê thét đằng sau: -"Đuổi kịp rồi!" làm cho cáo sợ. Một con hổ vằn gặp, ngăn lại, hỏi: -"Sao chạy nhanh

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I.
2. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*. Sách đã dẫn.

thế?". - "Một túm dài dài dưới hàm, nó bảo làm nước chấm ăn thịt cáo khỏe". -"Ồ, sợ gì, đưa tao trở lại xem!". Cáo lắc đầu. -"Nếu thế thì buộc đuôi nhau". Cáo chỉ dám đứng từ xa mà trỏ cho hổ thấy. Khi biết là dê thì hổ xông lại, nhưng dê chụm sừng húc rất hăng làm cho hổ lăn xuống chân hang, đồng thời cáo cũng ngã theo. Nghe một tiếng "huych" cáo ngã lên lưng, hổ giật mình tưởng con gì vội chạy như bay. Cáo chết. Hổ ngoảnh lại thấy, mắng: -"Mày còn cười tao à?". Rồi đào lỗ chôn cáo nhưng lại quên cởi đuôi nên khi hổ bước đi thì lại kéo cáo lên khỏi lỗ, bèn mắng: -"Mày còn theo tao làm cái gì?". Nói rồi ăn thịt cáo. Chỉ khi nhai đuôi cáo mới sực nhớ là đuôi nó còn buộc vào đuôi mình[1].

Người Trung-quốc có truyện ngụ ngôn *Hổ già và khỉ*:

Một con hổ già muốn ăn thịt khỉ. Khỉ biết ý bèn bảo hổ: -"Thân tôi bé nhỏ không đủ bữa của ngài. Trên núi đối diện có con vật lớn lắm, ngài sẽ bắt chén thỏa thích. Tôi xin đi trước dẫn đường". Hai con cùng đi. Đến chỗ có con nai, nai vừa thấy đã nói trước: -"Này anh bạn khỉ, mày hứa trả cho tao 10 da hổ, nay chỉ có một, còn chín". Hổ nói với khỉ: -"Tao không ngờ mày ác thế, mày đem tao đi trả nợ ư?"[2].

Người Mông-cổ có truyện *A-lát và sư tử* khác nội dung nhưng cũng giống kết thúc:

A-lát một hôm ra ngoài lều, thoáng thấy bóng sư tử vội chạy về bảo vợ: -"Làm thế nào bây giờ?". Đáp: - "Dù to xác đến đâu cũng không bằng trí khôn. Cứ vác cái gậy thòng lọng ra đi, nó hỏi cứ đáp: -"Bắt con sư tử về ăn trưa". A-lát làm theo. Sư tử cười: -"Bắt ta thế nào được, ta tóp một cái là chết toi". -"Thế thì chúng ta thử sức, ai mạnh hơn thì được bắt kẻ thua hầu mình". Sư tử bằng lòng. A-lát nhặt một hòn đá bảo nó bóp nát. Trong khi sư tử không làm được thì anh bóp quả trứng vỡ tan. Sư tử chịu để anh xỏ dây vào mũi, đặt yên lên lưng cưỡi.

Nhưng lâu dần, sư tử tỏ ý khinh thường; A-lát lo, lại hỏi vợ, vợ bảo: -"Mai nó đến, mình cứ hỏi tôi làm gì buổi sáng". Thấy sư tử sắp đến, A-lát cất to tiếng hỏi vợ. Vợ đáp to: -"Hãy nấu thịt sư tử mẹ và ninh xương sư tử con cũng tạm đủ ăn". Nghe nói, sư tử ở ngoài sợ quá bỏ chạy. Gặp cáo, sư tử kể cho cáo biết chuyện. Cáo ngăn lại nói: -"Chúng nó lừa đấy, ta hãy trở lại xem sao?". Khi hai con sắp sửa đến nơi, vợ A-lát lại nói vọng ra: -"Đồ cáo khốn kiếp, bảo

1. Theo Doãn Thanh... Sách đã dẫn.
2. Theo *A-va-da-na, truyện ngụ ngôn và cổ tích Trung-quốc*.

mày đưa một sư tử béo, mày dẫn thứ ấy đến làm gì?". Nghe thế, sư tử vả vào đầu cáo một cái chết, rồi cắm cổ chạy mất[1].

Truyện ở Xây-lan (Sri Lanka):

Mẹ con nhà hoẵng một hôm dọn đến một hang báo khi báo vắng nhà. Trở về, báo bỗng nghe tiếng mẹ hoẵng quát với đàn con: -"Sao chúng mày không biết gì cả. Đã ăn thịt báo no nê chê chán mà còn chưa vừa lòng ư?". Báo kinh hoàng, quay đàng sau chạy, đến hỏi chồn. Chồn hứa sẽ đến cắn cổ cả hai mẹ con hoẵng, lại buộc dây nối người báo với cổ mình để cùng đi. Nhưng cuối cùng báo sợ, chạy nhanh đến nỗi chồn chết tươi.

Truyện trong *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra)*:

Một dê dực già một hôm gặp sư tử, quát: -"Tao đây là chúa dê tôn thờ thần Xi-va; ta đã cầu thần cho giết 101 hổ để cúng dâng người, cùng với 15 voi và 10 sư tử". Sư tử hoảng sợ chạy dài; sau đó trở lại cùng với chồn. Nhưng khi nghe tiếng dê dực quát lên như trước, thì cả hai chỉ còn co chân chạy thục mạng.

Ở châu Âu phổ biến là truyện *Dê dực, chồn và gấu* do anh em Grim (Grimm) sưu tập, giống hai truyện vừa kể:

Dê dực nhân khi chồn đi vắng, choán lấy hang làm chỗ ở. Chồn về, thấy trong hang của mình long lanh hai con mắt to thì hoảng lên, bỏ chạy. Dọc đường, gấu ngăn lại, hỏi lý do. Chồn đáp: -"Có một con vật ghê gớm ở trong hang của tôi có hai con mắt thật là kinh khủng". Gấu nói: -"Ồ, tôi sẽ tống khứ hắn ra khỏi hang cho mà xem!". Nhưng khi gấu đến thì thấy hai con mắt sáng, đến lượt mình cũng vắt chân lên cổ mà chạy[2].

Người Nga có truyện *Hổ, ngựa và chó sói* cũng có những nét tương tự. Thay vào voi là ngựa. Lần đầu tiên thi nhảy, ngựa thua. Nhưng ngựa đòi thi lần nữa: ai lấy chân dập vỡ đá thì thắng. Lần này hổ thua cuộc. Thấy móng ngựa đánh vào đá làm tóe những tia lửa, hổ hoảng sợ bỏ chạy một mạch.

Dọc đường hổ gặp chó sói. Sói giữ hổ lại hỏi duyên cớ. Nghe hổ kể chuyện một cách sợ sệt, sói không tin, ngờ đó là thứ ngựa tầm thường mà mình thường chén thịt. Hổ và sói trở lại. Ở đằng xa, hổ hai tay nhấc sói giơ lên cao để sói nhìn xem có thật là ngựa chăng. Không ngờ móng của hổ đã đâm sâu vào thịt sói làm sói chết không cụ cựa. Thấy sói chết, hổ lầm bầm: -"Mày mới nhìn từ đằng xa mà đã sợ đến chết cứng như thế, thế mà dám nói phét là đã từng ăn thịt ngựa"[3].

1. Theo Nắng Mai Hồng. *Truyện cổ tích Mông-cổ.*
2. *Đều dẫn theo Các-đông (Cardon). Truyện chú hoẵng Pơ-lăng-đốc, vua xứ rừng.*
3. Theo *Truyện dân gian Nga* (Nguyễn Hải Sa dịch).

59. NHÂN THAM TÀI NHI TỬ, ĐIỂU THAM THỰC NHI VONG

Ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ đều chết cả. Họ ở chung với nhau một nhà. Người anh tính nết tham lam, còn em đang ít tuổi có phần khờ dại. Rồi đó người anh lấy vợ. Cũng như chồng, người đàn bà ấy vừa tham lam vừa độc ác. Không muốn cho em ở chung với mình, hai vợ chồng quyết định chia gia tài, lấy cớ rằng để ai lo phận nấy. Khi chia của, họ chiếm hết gia tư, điền sản quý giá của cha mẹ để lại, chỉ để cho em một gian nhà nhỏ, với mấy thửa ruộng xấu.

Nhưng người em không chút ganh tỵ, vui vẻ nhận lấy phần của mình. Anh ta cày bừa tất lực. Không có lúa giống, anh tìm đến nhà anh ruột mình năn nỷ xin vay. Hai vợ chồng bằng lòng cho vay, nhưng trước khi giao lúa cho em, người đàn bà đem luộc lên tất cả. Người em vô tình cứ thế đem gieo. Và thế là những hạt lúa ấy đều không nảy mầm, trừ có mỗi một hạt vì sót trong mủng không luộc đến. Thấy lúa không mọc, người em buồn quá, nhưng không biết làm thế nào. Anh đành đem cây mạ độc nhất ra cấy ở ruộng. Anh chàng chăm chút tưới bón và bắt sâu cho lúa.

Không ngờ cây lúa mỗi ngày một cao lớn vùn vụt. Nó vượt lên quá đầu người, gốc tỏa ra không biết bao nhiêu là nhánh. Dần dần nó to như một cây đại thụ, bông nở chi chít che kín cả ruộng. Anh chàng sung sướng không nói hết, hàng ngày vun tưới chẳng rời. Đến ngày lúa chín, anh ra ở luôn ngoài ruộng canh giữ.

Tự nhiên một hôm có con chim đại bàng ở đâu sà xuống bên cạnh cây lúa của anh mổ lấy mổ để. Tiếc công sức vun trồng, anh cầm gậy xông đến toan đánh nhau với chim. Chim bỗng nói to lên: -"Đừng đánh ta, ta ăn ta sẽ trả ơn cho!". Anh chàng dừng tay hỏi: -"Trả ơn như thế nào?". -"Tối nay ta sẽ đưa đến một nơi có nhiều vàng bạc, lấy về mà

tiêu". Quả nhiên, đêm ấy chim đại bàng đến bảo anh ôm lấy chân mình, rồi vỗ cánh bay mãi ra tận một hòn đảo ở ngoài biển Đông. Từ trên cao, anh đã thấy vàng ngọc sáng rực cả một vùng. Nhưng hòn đảo này ở gần chỗ mặt trời đi qua, mỗi lần mặt trời mọc, ánh nắng thiêu đốt dữ dội không một giống vật nào có thể chịu nổi. Vì thế chim đại bàng vừa đặt anh xuống, đã giục anh lấy nhanh mà về để tránh tai nạn xảy ra. Nghe nói, anh chàng lượm vội một ít vàng ngọc giắt vào người rồi nhờ chim đưa về.

Từ đó, anh tậu ruộng làm nhà, sắm đồ ăn thức mặc, mượn kẻ hầu người hạ, trở nên giàu có, sung sướng. Hai vợ chồng người anh thấy em tự nhiên có nhiều của thì lấy làm lạ, bèn đến nhà chơi hỏi thăm cho biết. Nghe kể rõ đầu đuôi, người anh cũng muốn được may mắn như em. Hắn hỏi mượn bụi lúa khổng lồ của em để may chi có thể gặp con chim đại bàng. Người em không đợi anh nài nỉ, vui vẻ ưng thuận.

Quả nhiên chim lại đến ăn lúa. Người anh cầm gậy xông ra, chim cũng hứa với hắn như đã hứa với người em và sau đó đưa hắn đi lấy vàng ngọc. Được rơi xuống giữa một quả núi đầy châu báu, hắn hoa cả mắt. Không biết nên lấy thứ gì và nên bỏ thứ gì, hắn loay hoay tìm tòi mãi trong tối, quên mất cả lời chim dặn. Trời gần sáng mà chim vẫn chưa thấy người trở lại để bay về. Thời gian đã kíp lắm rồi vậy mà hắn vẫn còn mải mê chọn lựa, không nghe tiếng chim gọi. Mãi đến khi cơn nóng bắt đầu làm rát cả lưng, hắn mới trở lại tìm chim thì chim đã bay đi từ lúc nào rồi.

Không thấy anh về, người em rất lo lắng. Anh chàng tìm gặp chim đại bàng, cố nhờ chim bay ra biển Đông lần nữa, có gì không hay thì mang hộ xác anh mình về. Chim lại đến hải đảo, đã thấy xác của người nọ bị thiêu chín như thịt quay. Con vật ngửi thấy mùi thịt chưa bao giờ thơm và ngon đến thế, bèn sà xuống rỉa lấy rỉa để. Ngon miệng, chim mải mê ăn quên mất cả về. Khi mặt trời nhô lên, chim muốn cất cánh nhưng không kịp nữa. Bộ lông bén lửa rất mau và chỉ một chốc toàn thân đều bốc cháy.

Do truyện này mà người ta có câu "*Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong*[1]".

1. Theo lời kể của người miền Nam.

KHẢO DỊ

Người miền Bắc kể truyện trên trong hai dị bản, đều khá tiêu biểu:

Một là truyện *Cây khế*: Có hai anh em, cha mẹ mất sớm, người anh tham lam, bủn xỉn còn em thì hiền lành. Khi chia gia tài, anh chiếm hết cả, chỉ để cho em độc mảnh vườn trong đó có một cây khế ngọt. Em vẫn không trách móc gì anh, chỉ lo chăm chỉ làm thuê cuốc mướn nuôi thân. Đến mùa khế có quả, bỗng một hôm có một con chim rất lớn từ đâu bay đến, chọn quả nào chín mổ ăn bằng hết. Người em buồn phiền, kêu xin với chim, chim đáp: - "*Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*". Anh làm theo lời. Chim bèn vượt biển, đưa anh đến một hải đảo đầy vàng bạc châu báu. Anh chỉ lấy vừa đầy túi, rồi lại được chim chở qua biển, về nhà yên lành.

Thấy em phút chốc trở nên giàu có lớn, người anh hỏi biết sự tình, liền đòi đổi gia sản của mình lấy cây khế của em. Ít lâu sau, chim lại đến cây khế tìm ăn, câu chuyện diễn ra như lần trước, và chim cũng dặn hắn may túi ba gang theo mình vượt biển. Nhưng muốn lấy được thật nhiều vàng nên hắn đã làm trái lời chim dặn, may một cái túi chín gang. Khi xuống hải đảo, hắn lấy đầy túi xong còn giắt vàng ngọc vào khắp người, đến nỗi lúc chim cất cánh, chỉ bay ra đến giữa biển là chao đảo sả cánh, vì quá nặng. Người anh rơi khỏi mình chim, lăn tòm xuống nước mà chết[1].

Thứ hai là truyện *Chim phượng hoàng* có thêm một đoạn kết nói về cái chết của con chim:

Người anh trong chuyện này cũng hết sức tham lam và biển lận. Mà theo tục truyền, ruột gan người biển lận thường có chứa nọc độc rất mạnh. Hắn cũng chia cho em một cây khế (hay cây ổi), người em cũng gặp chim phượng hoàng và việc cũng xảy ra như truyện *Cây khế*. Nhưng ở đây người anh rơi xuống đất tan xác, ruột gan lòi cả ra ngoài. Chim thấy ruột người, xuống ria ăn kỳ hết. Ăn xong nọc độc thấm vào, chim ngã lăn ra chết nốt[2].

---

1. Truyện này theo Nguyễn Văn Ngọc (*Phượng hoàng đậu cây khế*) thì con chim (phượng hoàng) không đưa người em đi lấy vàng ngoài hải đảo, chỉ "nhả trong mồm ra rơi xuống một cây khế khác, bao nhiêu hoa tinh là bạc, bao nhiêu quả tinh là vàng cả". Đến lúc người anh đổi cả ruộng vườn cho em lấy cây khế. Những ước mong phượng hoàng lại đến ăn quả, và cho cây khế bằng vàng bằng bạc như em. Nhưng hắn đợi mãi chẳng thấy phượng hoàng nào đến, chỉ có một bầy quạ đen ngày nào cũng rủ nhau kêu "xấu hổ! xấu hổ!".
2. Theo *Tạp chí chúng tôi* (1910).

Ở Trung-quốc cũng có truyện cổ tích giống hệt truyện *Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong*[1].

Người Mèo có truyện *Người tham vỡ bụng* giống truyện của ta và truyện Trung-quốc, nhưng kết thúc có khác. Một người anh đã có vợ chiếm hết gia tài của bố mẹ rồi đuổi em đi. Em phát nương khỏe, nhưng không có hạt giống, đến xin anh chị ngô giống rồi thóc giống, nhưng người chị dâu có dã tâm, tuy có cho em hạt giống song lại ngầm rang lên tất cả. Hai lần trỉa không mọc, anh bỏ đi tìm Bụt để hỏi lý do. Bụt cho biết tình thực và bảo cứ về nhặt thóc lép sau nhà anh chị mà trỉa cũng đủ. Cuối cùng mọc lên ba cây lúa khổng lồ, hạt to bằng cái chĩnh. Khi chim đến tha hạt, anh đâm bổ đi tìm. Đến một cái hang gặp một bà tiên, bà thú thực là chim của mình trót ăn mất, muốn gì bà sẽ đền. Anh không mong gì hơn là được một ít ngô giống. Nhưng bà tiên lại cho anh một cái cối xay bé tí có thể cầu được đủ thứ kể cả thóc ngô giống. Từ đấy anh trở nên giàu có, nương ngô tốt như mây.

Hai vợ chồng người anh đi qua nương ngô của em thì ngợp mắt, vội tìm đến nhà để hỏi lý do. Biết em có cái cối xay mầu nhiệm, anh liền mượn về, hy vọng xay ra tiền ra bạc, nhưng hắn chỉ xay ra rắn ra rết, bèn quẳng cối xuống suối vỡ tan. Khi em đến hỏi thì ở chỗ ném cối đã mọc lên thành cây, em bèn chặt về dục làm máng lợn ăn. Không ngờ lợn nào ăn vào máng cũng lớn như thổi. Người anh thấy lạ lại mượn máng về, nhưng lợn của y ăn vào máng đều trở nên gày gò, cuối cùng chết cả. Tức giận, y bèn đốt quách. Người em đến chỉ còn vài miếng gỗ cháy dở, bèn nhặt về làm lược chải đầu; chải bao nhiêu đầu tóc trở nên đẹp bấy nhiêu. Còn anh chị khi mượn lược chải, càng chải tóc càng rụng cho đến trọc cả đầu. Khi em sang đòi lược thì lược đã bị đốt thành tro. Em bới tro nhặt được một hạt đỗ tương bèn bỏ vào mồm nuốt. Sau khi đi ngoài, hạt đỗ mọc thành bụi, từ bụi ấy tỏa ra đầy nương chi chít những quả. Anh chị cũng đến xin mỗi người một hạt nuốt vào. Hạt đỗ không chịu ra mà trương lên làm cho chúng vỡ bụng chết[2].

1. Trong *Thiếu niên tạp chí*. Ở đây câu tục ngữ trở thành "Nhân vị tài: tử, điểu vị thực: vong".
2. Theo Doãn Thanh... Sách đã dẫn.

60. NÓI DỐI NHƯ CUỘI

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi tên là Cuội. Từ thuở nhỏ, Cuội mồ côi cả cha lẫn mẹ phải đi ở với chú thím. Hắn ta là tay láu lỉnh, đặc biệt về môn lừa người thì rất thành thạo. Một lão trọc phú ở trong miền nghe tiếng đồn về Cuội tỏ vẻ không tin. Một hôm, hắn cho người gọi Cuội đến và bảo:

- Nghe nói mày lừa người giỏi lắm. Bây giờ tao ngồi ở đây, đố mày lừa tao cho tao ra ngoài cổng thì tao lập tức thưởng cho mày năm quan. Đấy có mọi người làm chứng đấy!

Cuội ta gãi đầu gãi tai đáp:

- Ông ngồi ở đây, lại có đề phòng sẵn thì làm sao mà lừa ông ra ngoài kia được. Nếu ông ra đứng ngoài cổng tôi mới có cách lừa được ông vào nhà.

Nghe nói thế, lão trọc phú chạy ra cổng. Nhưng khi đến nơi, Cuội đã vỗ tay reo:

- Đấy tôi đã lừa được ông ra cổng rồi!

Trọc phú bị tên vì thua cuộc đành phải y ước đem tiền cho Cuội.

Nhà chú thím Cuội có nuôi một con lợn béo. Một hôm nhân lúc mọi người đi vắng cả, Cuội gọi người hàng thịt đến nhà bán rẻ con lợn đó lấy tiền tiêu. Cuội chỉ dặn người ấy giấu kín cho mình và xin lại cái đuôi lợn sống. Hắn đã tìm ra được một mưu để nuốt trôi con lợn. Hắn đào một cái lỗ nhỏ ở đám đất gần chuồng lợn, cắm cái đuôi vào đó rồi nện đất rất chặt. Chờ lúc người thím đi làm về, hắn làm vẻ mặt hốt hoảng, nói:

- Thím ơi! Thật là số không may. Ông gì ấy ông bắt mất lợn nhà ta. Nó xuống âm phủ mất rồi.

Rồi Cuội dắt thím ra chuồng lợn, nói tiếp:

- Nó đã xuống cả hai chân sau rồi, chỉ còn cái đuôi, bây giờ thím hãy giữ lấy cái đuôi đừng cho nó xuống mà cũng đừng giật mạnh kẻo đứt mất là hỏng việc. Cháu sẽ lấy thuổng đào đất xung quanh, may chi bắt nó trở về.

Người thím nghe nói tưởng ông gì bắt lợn thật, vừa lo sợ vừa tiếc của, giục Cuội làm nhanh. Cuội lẳng lặng lấy thuổng đào đất. Đất bở ra, cái đuôi không kéo tự nhiên rời khỏi mặt đất. Thấy thế hắn la to lên:

- Thôi! Thế là lợn xuống âm phủ mất rồi. Còn làm ăn gì được nữa.

Một hôm, Cuội cùng chú đi chợ. Cuội xách một cái thúng không. Đột nhiên, Cuội chạy lên trước bỏ quá chú một quãng rồi lấy thúng úp một bãi cứt trâu ở dọc đường. Khi người chú vừa đến nơi, Cuội khư khư giữ chịt lấy thúng, bảo:

- May quá! Cháu vừa úp được một con chim ngói to lắm! Nhưng nếu bây giờ thò tay vào bắt thì nó trượt mất. Vậy chú mau mau về lấy tay lưới giăng chung quanh để bắt cho chắc. Con này mà đánh chén thì tuyệt!

Người chú vốn có máu tham, nghe hắn nói thế tưởng thật, vội vã trở về nhà lấy lưới đến giăng bốn bên thúng rất cẩn thận. Mọi người xúm lại xem rất đông. Nhưng khi Cuội giở thúng ra, ai nấy đều phì cười vì chỉ thấy một bãi cứt trâu, chả có chim đâu cả. Riêng người chú bị Cuội đánh lừa, giận thâm gan tím ruột, bèn không đi chợ nữa, dắt Cuội về đánh cho một trận thừa sống thiếu chết.

Một hôm khác, Cuội cùng chú đang cuốc cỏ ngoài đồng. Trời nắng như thiêu như đốt. Khát quá, người chú bảo hắn về nhà lấy nước mang ra. Vừa đến nhà, Cuội đã làm vẻ hốt hoảng, nước mắt giàn giụa, miệng mếu nói không ra tiếng:

- Khốn khổ lắm thím ơi! Chú bị trâu húc lòi ruột gan ra một đống. Hiện đã tắt thở, còn nằm trên cồn...

Người thím nghe nói chỉ còn biết kêu trời khóc đất rồi bươn bả ra đồng, vừa đi vừa ôm mặt than khóc rất thảm thiết. Cuội ta lại lẻn theo đường tắt, ba chân bốn cẳng chạy ra đồng. Sắp đến nơi, hắn cũng làm bộ đau đớn, bảo chú:

- Chú ơi! Trời hại ta Thím ở nhà không biết leo trèo thế nào bị ngã từ trên gác xuống, chết tím cả mặt, không một ai biết cả.

Người chú nghe nói, tưởng thật, đấm ngực kêu trời rồi chạy về kêu khóc suốt cả dọc đường. Đến khi hai vợ chồng đâm sầm vào nhau mới biết là thằng cháu ác nghiệt đánh lừa. Hai vợ chồng tức giận điên cuồng bèn đan một cái rọ bỏ Cuội vào rồi một mình chồng vác ra sông định vứt xuống nước.

Đến bờ sông, Cuội ta cầu khẩn: - "Cháu có tội với chú thím, chú thím bắt chết cũng đáng. Có điều ở dương gian cháu nói láo kiếm ăn được là nhờ có một quyển sách nói láo bấy lâu nay vẫn gác trên sàn bếp. Nay chú làm ơn nghĩ đến chút tình máu mủ về lấy giùm quyển sách đó đặng cháu mang theo xuống âm phủ kiếm ăn". Nghe hắn nói có vẻ thảm thiết, người chú tưởng thật, nghĩ bụng, tay hắn mình đã trói, rọ lại buộc chặt không thể trốn đi đằng nào được, bèn tất tả chạy về lấy sách.

Đang ngồi co ro trong rọ bỗng trông thấy một thằng hủi đi qua, Cuội gọi giật lại:

- Này hủi ơi! Tao trước cũng sưng da thối thịt như mày, nhưng trời run rủi cho tao ngồi vào đây, thế rồi tao được người ta đưa xuống nước chạy chữa, rồi lại khiêng lên, bây giờ lành hẳn cả rồi. Mày cứ mở cho tao ra mà xem.

Hủi tưởng thật, mở rọ cho Cuội ra, tấm tắc khen phép chữa mầu nhiệm rồi mừng rỡ nói:

- May cho tôi quá! Thế anh cho tôi ngồi vào đây rồi anh buộc hộ cho tôi với. Có mấy quan tiền xin được nhân thể tôi biếu anh.

Được tự do, Cuội chờ cho hủi vào, buộc rọ lại cẩn thận rồi cầm tiền đi thẳng.

Lại nói chuyện người chú về nhà tìm mãi trên sàn bếp chẳng thấy gì cả, mới biết là mình lại bị lừa lần nữa, giận quá, hầm hầm trở ra, chẳng nói chẳng rằng đạp rọ lăn xuống sông. Thế là hủi ta mất tích.

Cuội theo dọc sông đến một cái cầu, nhân trời nóng nực mới cởi áo xuống tắm. Mấy quan tiền của hủi cho, hắn sợ để trên bờ có người lấy mất nên mang cả xuống sông. Một ông quan cưỡi ngựa đi qua trên cầu, thoáng thấy có thằng bé lặn ngụp dưới nước, một tay giơ lên cao có

cầm cái gì giống như là quan tiền. Quan động lòng tham, dừng ngựa lại hỏi:

- Bé kia, mày làm gì ở dưới đó?

Cuội làm bộ tìm tòi, nói với quan:

- Tôi mang đi cho cha tôi một thoi vàng, một thoi bạc và mấy quan tiền, lúc đứng chơi ở cầu không may lỡ tay đánh rơi xuống mất cả. Nay tôi lặn lội tìm chỉ được có mấy quan tiền mà thôi. Giờ tôi mà về, cha tôi thì đánh chết.

Nói đoạn, Cuội hu hu khóc. Ông quan bèn xuống ngựa, cởi quần áo bảo Cuội:

- Mày bước lên mau đi, để tao còn xuống tắm. Cút mau!

Ý của hắn là muốn một mình mò tìm, tìm được thì giấu đi một chỗ để số vàng bạc ấy về tay hắn hưởng. Vừa nói hắn vừa lội xuống nước.

Cuội bước lên bờ vội lấy ngay quần áo của viên quan ra mặc. Quan hỏi:

- Mày làm gì thế?

Cuội đáp:

- Tôi rét quá, nhờ áo ông mặc đỡ một tý cho ấm.

- Thế tên mày là gì? Quê quán ở đâu?

- Tôi họ Bái, tên Dưng, ở Bông lông xã, Ba la huyện.

Mặc xong, Cuội chờ lúc quan lặn xuống nước, lên ngựa phi nước đại. Viên quan lặn tìm mấy lần không thấy gì cả, nhìn lên bờ thì đã mất cả ngựa lẫn áo quần. Biết là bị thằng bé đánh lừa, hắn vừa tức giận vừa hoảng hốt. Cuối cùng hắn dùng mấy cái đồ rách của Cuội bỏ lại, che tạm hạ bộ để chạy đi tìm Cuội. Gặp ai hắn cũng hỏi: - "Có thấy tên Bái Dưng vừa chạy qua đây không?". Nghe hỏi thế mọi người chỉ tủm tỉm cười. Mãi đến khi gặp một người đàn bà, người này đồ hắn là một tên vô lại chọc ghẹo mình, mới quay lại mắng cho một trận. Hắn biết là dại, đành phải im mồm, rồi sau đó nuốt giận lần về nhà.

Lại nói chuyện Cuội phi ngựa về nhà chú thím. Cả hai vợ chồng, nhất là người chồng rất lấy làm ngạc nhiên không hiểu tại sao mình đã xô nó xuống sông hai năm rõ mười, thế mà bây giờ nó lại trở về được mà lại ăn mặc đàng hoàng như kia. Hỏi thì Cuội tươi cười đáp:

- Cháu xuống dưới ấy gặp được tất cả mọi người: ông, bà, cha, mẹ, nội ngoại đầy đủ. Cha mẹ cháu giàu có lớn lắm. Nhưng cháu nhớ chú thím quá nên chọn lấy một bộ quần áo, một con ngựa và ít quan tiền trở lên trên này.

Rồi Cuội lại nói thêm:

- Ông bà vẫn nhớ chú thím lắm đấy và có dặn cháu mời chú thím xuống chơi!

Hai vợ chồng người chú nghe nói mừng quá, hỏi Cuội:

- Chúng tao xuống có được không? Cuội trả lời:

- Có khó gì đâu, chú thím cứ làm rọ y như lúc cháu xuống. Nhưng cháu thì không vác nổi đâu, phải mang ra bờ sông, chui vào rọ rồi cháu sẽ lăn xuống thôi!

Người chú vội vàng đan hai chiếc rọ đem ra bờ sông. Đoạn người chú chui vào một chiếc bảo nó buộc chặt lại, vứt xuống. Thấy tăm nước sủi lên sùng sục, Cuội vỗ tay reo:

- A ha! Chú đang lấy đấy!

Nghe nói thế người thím giục Cuội rối rít:

- Cháu cho thím xuống ngay đi!

Người thím lại chui vào rọ để cho Cuội vứt luôn xuống sông. Thế là từ đó Cuội thừa hưởng cơ nghiệp của chú thím để lại.

Nhưng Cuội ăn chơi loang toàng chả mấy chốc đã bán hết gia tư điền sản. Hắn muốn đi chơi một phen cho thật xa, bèn sắm sửa lương thực rồi một hôm bỏ nhà ra đi.

Cuội đến một vùng rừng núi trùng điệp. Ở đây có rất nhiều voi, Cuội bèn nghĩ kế bắt cho được một con. Hắn ta đào một cái hố rất rộng và rất sâu ở chỗ voi hay qua lại. Trên miệng hố có bắc tre nứa lát phên và ghép cỏ rất khéo. Quả nhiên sau đó ba hôm có một con voi bị sa hố đầu chúc xuống dưới, đít chổng lên trời, không cựa quậy được. Cuội dùng đất lấp voi lại chỉ chừa có cái lỗ đít. Và khoét đít voi thành một cái lỗ lớn hơn, rồi cứ để yên tại đó, chỉ thỉnh thoảng đến trông chừng. Hắn bụng bảo dạ: - "Rồi ta sẽ có một con voi biết bay, đi chu du thiên hạ!".

Sau khi voi chết, quạ và diều ngửi thấy mùi thịt liền rủ nhau tới ăn. Chúng nó chui qua lỗ đít tiến sâu vào thân con voi để rỉa lần thịt ở trong đó. Trước còn năm con mười con, sau dần dần có hàng trăm con ngày ngày chui vào chén thịt và lòng rất thỏa thích. Cuội ta chờ đến lúc thịt voi đã gần kiệt, rình khi chim chóc chui vào khá nhiều, mới thình lình đút nút đít voi lại.

Thế rồi Cuội đào đất lên cho cái xác da voi nằm ngay ngắn. Hắn cưỡi lên lưng, dùng gậy đánh nhẹ ở dưới bụng voi. Tự nhiên bầy chim ở trong cái xác da voi bay vụt cả lên, mang cái xác da voi và Cuội lên trời.

Cái xác da voi bay giữa không trung qua những núi dài sông rộng làm cho Cuội nhìn không chán mắt. Cuội cứ để cho bay mãi suốt ngày, cuối cùng nhìn thấy một kinh thành rộng lớn, trong đó nhà ngói san sát, người qua lại đông không biết bao nhiêu mà kể. Cuội muốn xuống xem thử cho biết. Hắn vỗ mấy cái trên lưng voi, chim chóc thấy động phía trên thì sợ hãi xếp cánh không bay nữa. Cái xác da voi từ từ hạ xuống. Nó rơi xuống trúng giữa sân rồng có các quan đang làm lễ bái mạng.

Nhà vua và tất cả triều thần thấy có một người cưỡi voi từ trên trời xuống thì kinh hãi bội phần, vội vàng sụp xuống lạy Cuội như tế sao. Họ đón Cuội như đón một vị thần vừa giáng hạ. Nhà vua thân đưa Cuội vào nội điện và không dám ngồi ngang hàng.

Cuội sung sướng hưởng những cỗ bàn lễ vật của mọi người đem dâng.

Khi nghe Cuội nói đến sự màu nhiệm của con vật, nhà vua cất tiếng run run hỏi: - "Ngài có thể cho quả nhân cưỡi lên voi đi ngắm cảnh gấm vóc trong thiên hạ được chăng?" Cuội đáp: - "Được lắm, nhưng cần phải làm hai việc: một là nhà vua phải thay đổi áo quần cho tôi, vì con vật nó hay lạ hơi người, hai là khi ra giữa biển phải nhớ mở cái nút đằng sau cho nó uống nước".

Không một ai ngăn cản được lòng ham muốn của nhà vua. Cuối cùng cái xác da voi đưa vua lên không trung. Ra giữa biển, vua nhớ tới lời Cuội dặn, mở nút đằng đít để cho voi giải khát. Lũ quạ và diều mấy lâu bị giam cầm, nay thấy có chỗ hở lục tục bay ra tất cả. Cái xác da voi rơi xuống biển và chả mấy chốc nhà vua đã lọt vào bụng cá.

Còn Cuội mặc áo hoàng bào lên làm vua nước ấy[1].

KHẢO DỊ

1. Người Quảng-bình kể chuyện Cuội, ngoài những tình tiết giống như trên, còn có thêm một đoạn Cuội đánh lừa hổ (trước khi lừa voi).

Cuội vào rừng chặt mây gặp một con hổ đen. Hổ hỏi: -"Làm công việc gì mà lấy nhiều mây thế!". Đáp: -"Trời sắp lụt to đến nơi, lấy về để treo họ hàng bà con lên kẻo chết đuối". Tin là thật, hổ cầu khẩn nhờ Cuội treo giúp mình và bà con mình, Cuội nhận lời, hứa sẽ làm sẵn dây rồi định ngày bảo hổ đến một khu rừng nọ tự thò đầu vào dây để mình kéo lên kẻo mình làm không nổi vì hổ nặng quá. Rồi đó, Cuội lấy mây làm rất nhiều thòng lọng. Đến ngày hẹn, hổ và bà con nhà hổ đến rừng lần lượt chui đầu vào thòng lọng. Cuội đâm chết hết bà con nhà hổ. Còn lại một con hổ cái hết lời cầu khẩn xin tha mạng. Cuội bằng lòng tha nhưng với điều kiện là hàng ngày phải tìm mồi cho mình ăn.

Một hôm hổ cái gặp voi. Hổ bảo voi phải trốn ngay không thì Cuội giết chết. Voi nói mình có ngà không sợ, sẽ tìm đến giết Cuội cho xem. Đoạn hỏi chỗ ở của Cuội để hôm sau đến. Lúc hổ cái về nộp thịt cho Cuội, kể lại câu chuyện như trên. Cuội bèn đào hố trên phủ cây cỏ. Voi đi tới thấy Cuội định xông lại bắt, nhưng bị sa hố. Câu chuyện đến đây giống như trên đã kể.

2. Truyện *Nói dối như Cuội* còn được một vài quyển sách khác (như *Sử Nam chí dị* và *Truyện cổ tích Việt-nam*[2]) chép nhưng không đầy đủ và có chỗ hơi khác về chi tiết. Theo sách sau thì thay vào thằng hủi là bác xẩm mù. Cuội thấy xẩm qua đó, gọi lại bảo: - "Xẩm ơi! xưa kia tao cũng như mày, chui vào rọ này được sáng mắt ra". Cũng như hủi, xẩm tưởng thật, mở rọ cho Cuội ra rồi chui vào cho hắn buộc lại. Khi người chú không tìm được sách nói láo của Cuội, hầm hầm nổi giận chạy ra, tưởng Cuội nằm trong rọ, mắng rằng: - "Sắp chết đến nơi mà còn nói láo!". Xẩm ta nghe nói thế sợ hãi kêu lên: - "Lạy ông, tôi là xẩm đây". Người chú tưởng Cuội lại còn lừa nữa, gắt: - "Xẩm, ông cũng không tha!". Miệng nói chân đạp rọ lăn xuống sông.

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Quảng-bình.
2. Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà-nội, 1957.

Chỗ Cuội lừa ông quan thì sách này chép là lừa bà lão gánh hàng tấm. Cuội bảo bà lão: -"Bà thì già, gánh thì nặng. Bà đưa tôi gánh đỡ, đến chợ bà cho tôi bữa ăn là đủ". Bà lão hỏi tên họ quê quán, Cuội cũng khai là Bông lông xã, Ba la huyện, còn tên mình thì nói là Cha Căng Chú Kiết. Được gánh hàng Cuội chạy vùn vụt làm bà lão đuổi không kịp, gặp ai cũng hỏi: - "Có thấy thằng Cha Căng Chú Kiết đâu không?". Khi bà lão biết là mình bị lừa thì Cuội ta đã xấp ướt gánh hàng đem về nhà chú, nói dối là hàng lấy được từ dưới sông lên, v.v...

Xem thêm truyện *Mưu trí đàn bà* (số **109**, tập **III**).

3. Có người kể lẫn lộn truyện *Nói dối như Cuội* này với truyện *Sự tích thằng Cuội cung trăng* (số **127** tập **III**). Ví dụ tác giả sách *Sơn cư tạp thuật* ở truyện *Mạn tử* , v.v...

4. Đoạn Cuội bán lợn rồi cắm đuôi xuống đất lừa thím, tương tự với sự tích vua Đinh Tiên Hoàng: lúc nhỏ vua ở chăn trâu cho người chú. Một hôm giết trâu đãi các bạn ăn, cắm đuôi xuống đất rồi về bảo chú là trâu chui xuống đất. Chú lên núi thấy đuôi, nắm kéo bị ngã ngửa. Giận quá, chú đuổi cháu. Cháu chạy đến bến đò, ở đó có người chèo đò tên là Rồng, bèn gọi: - "Rồng mau mau đưa tao sang sông". Bỗng nhiên có con rồng hiện lên đưa ông qua... Truyền thuyết Nguyễn Chích (sưu tầm ở Thanh-hóa) cũng giống như trên, chỉ có khác là không phải con rồng mà là một con rùa đưa ông qua sông. Sự tích vua Minh Thái Tổ (Trung-quốc) cũng có một đoạn tương tự.

5. Truyện *Nói dối như Cuội* của ta tương tự ít hay nhiều với một số cổ tích Đông Tây. Gần gũi nhất là truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) ở Tây-nguyên và truyện của người Khơ-me (Khmer). Chúng tôi chỉ kể ra đây một ít truyện tiêu biểu: Trước hết là truyện của người Ja-rai, nhan đề là *Cơn và Nắc*. Đó là hai người bạn. Bị Nắc chơi ác cho mượn rùa làm gối để nó cắn mình, Cơn quyết trả thù. Hắn lừa chồng nói là vợ chết, lại lừa vợ nói là chồng chết, làm cho hai vợ chồng Nắc vì thương nhớ quá lưu ly thất lạc, thân tàn ma dại một thời gian. Khi hai vợ chồng gặp nhau biết mình bị lừa, bèn bắt Cơn bỏ rọ trôi sông, nhưng Cơn đã lừa được một người hủi chết thay cho mình, v.v...

Thứ hai là truyện của đồng bào Xơ-đăng và Hrê tương đối phong phú về tình tiết hơn cả. Trong đó, Cuội lừa cọp, lừa quan và cũng như truyện của ta, Cuội cưỡi xác voi biết bay bay lên trời[1].

1. Xem truyện *Quậy* của dân tộc Hrê ở *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I, đã dẫn. Trong truyện này, người kể đã gần như lẫn lộn *Cuội* trong *Nói dối như Cuội* với *Cuội* trong *Sự tích thằng Cuội cung trăng*.

Truyện của người Khơ-me (Khmer): Một anh chàng tìm cách ăn thịt con lợn của người mẹ. Một hôm, hắn cầm thúng dắt mẹ đi, nói là để kiếm vàng. Đến một nơi nọ, thình lình hắn úp thúng xuống đất, bảo mẹ giữ cho chặt rồi ngồi chờ cho hắn về kiếm thuổng để đào. Hắn về giết lợn đãi bạn bè hàng xóm. Mẹ chờ lâu, đói quá mở thúng ra chả thấy gì cả, về nhà thì thấy mọi người đang ăn thịt lợn. Mẹ giận quá bảo em mình bỏ hắn vào bị định quăng sông. Câu chuyện cũng xảy ra như truyện của ta. Hắn nhờ ông cậu về kiếm cho quyển sách nói láo và cũng gặp một người hủi. Nhưng chỗ khác là khi trốn ra khỏi bị, hắn gặp một người khác hỏi làm sao có lắm tiền. Đáp: xuống dưới ấy mọi người đều giàu có và số tiền này là do đánh bạc mà được... Nghe vậy, người kia cũng nhảy xuống nước, nhưng chỉ một lúc hắn đã nổi lên với cái mũi bị thương, nói: - "Tao cũng có đánh được bạc nhưng hỏi thì họ bảo lên trên mày mà đòi. Tao nói mãi họ cho một đấm chảy máu mũi như thế này". Anh chàng nghe nói, biết là gặp tay lừa dối cũng vào hạng khá, nhưng cũng vui lòng chia tiền cho và kết làm bạn.

Người Khơ-me còn có truyện *Thơ-mênh Chây* có nhiều tình tiết giống với truyện *Trạng Quỳnh*, trong đó cũng có một số tình tiết gần giống truyện *Cuội*. Ví dụ tình tiết sau đây:

Thơ-mênh Chây hay lừa người. Vua nghe tiếng gọi đến bảo hãy lừa mình xem. Đáp: - "Việc lừa của tôi là nhờ vào một quyển sách nói dối. Tiếc rằng quyển sách lại để ở nhà mẹ tôi". - "Cho phép ngươi về lấy". - "Vì hôm qua chữa cháy nên bị bỏng chân, đi lại khó khăn. Xin phái một viên quan về lấy". Khi viên quan trở lại nói rằng mẹ Thơ-mênh Sây bảo xưa nay trong nhà không hề có quyển sách đó, vua nổi giận hỏi Thơ-mênh Chây, hắn ung dung đáp: - "Vậy là tôi đã lừa được nhà vua rồi đó"[1].

Đồng bào Mường cũng có truyện Cuội, có truyện rất dài, có truyện ngắn, nội dung có truyện gần giống với truyện Cuội của ta, cũng có truyện kết hợp thêm một số tình tiết giống truyện *Trạng Quỳnh* (hay *Thơ-mênh Chây* của người Khơ-me). Chúng tôi kể ra đây vài truyện (xem thêm truyện *Eng Cuội* trong *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I):

Cuội chơi cho lang một vố rất đau (giả nói là đi bắt rùa rồi tìm cách nằm với hai con gái lang. Khi bị lang hỏi tội thì tìm cách chối bằng cách nhúng b... vào bột nhà lang) nhưng lang chưa có lý do để buộc tội.

Sau đó, Cuội lại chơi cho lang một vố thứ hai: thường ngày mang đến biếu lang những chiếc bánh ngon. Lang hỏi ở đâu ra thì đáp là do con chó quý của

1. Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*.

mình ia ra. Lâu không thấy Cuội đến, lang tìm đến nhà Cuội hỏi bánh. Cuội lôi chó vào buồng đánh ba roi rồi đưa ba vắt bánh ra biếu lang. Thấy thế lang hỏi mua con chó. Cuội đòi đổi một con trâu mộng. Giao chó, Cuội dặn đừng đánh vội, phải để cho chó nghỉ ngơi một thời gian để quen hơi đã. Chưa được hai ngày lang đã bắt chó ra đánh. Khi ăn thấy không phải là bánh, lang mang chó đến nhà Cuội trả để đòi lại trâu. Cuội hỏi được mấy ngày? - "Hai ngày". - "Thế là tại lang vội vàng nên hỏng mất phép mầu của con chó". Cuội nói thế, nhất định không trả trâu lại.

Lập mưu giết Cuội, lang bảo dân chuẩn bị nứa vát nhọn. Có một hố sâu từ lâu không ai dám xuống. Lang bảo chỉ có Cuội là xuống được. Trước khi xuống, Cuội quẳng xuống hố một gốc chuối. Rồi khi xuống đến đáy hố, Cuội chui vào một ngách, cởi áo của mình ra trùm vào gốc chuối. Ở trên lang bắt mọi người phóng nứa xuống. Tưởng Cuội đã chết, ai nấy bỏ về, nhưng đến chiều lang lại gặp Cuội.

Lang định đan rọ để dìm Cuội xuống sông cho chết. Cuội biết ý nói với người ta rằng: - "Ngâm tôi xuống nước, tôi sống ba năm, còn đặt trên cạn tôi chỉ sống được ba ngày". Lang nghe lời, bèn đặt rọ nhốt Cuội ở chuồng trâu chờ trâu về chuồng sẽ giẫm chết. Ngồi một lúc, Cuội gặp một bà già nhà lang đau mắt đi tìm thuốc qua đó. Cuội bảo cứ vào đây ngồi khắc khỏi. Chiều lại, trâu về chuồng đạp chết bà già.

Thấy Cuội vẫn chưa chết, lang định bỏ rọ Cuội ném sông. Cuội cười vang lên cố làm cho lang tin rằng "bè bưởi thì chìm, bè đá thì nổi". Vì thế lang cho trẩy nhiều bưởi buộc cùng với rọ Cuội ném xuống sông. Rọ Cuội trôi một quãng xa xuống bến dưới nhờ bưởi lại nổi lên . Cuội bèn đóng một gánh xuống mường dưới tìm đến nhà một lang khác nói bưởi của lang mình đưa đến biếu và xin mượn một con trâu đực về làm giống. Được trâu, Cuội trở về mường mình nói dối là xuống nước biếu bưởi cho vua Thủy được vua Thủy tặng lại một trâu đưa về. Cuội lại nói thêm: Giá có một bè đá cho vua Thủy thì vua sẽ tặng voi. Lang động lòng tham chui vào rọ có buộc đá để Cuội ném xuống sông.

Trong sách *Truyện cổ tích miền núi* có truyện *Nhà lang với anh Tới* của đồng bào Mường cũng là một dị bản của truyện Cuội, có phần giống với truyện của các dân tộc khác hơn là truyện của ta.

Một người dân tên là Tới làm cho một tên lang nọ tức điên ruột vì những hành động chống đối của mình. Lang muốn bỏ Tới vào túi ném xuống sông. Tới bảo: - "Túi bằng vải sẽ không ngăn được hồn ma trở về, chỉ có túi giấy là

ngăn được". Lang bèn làm túi giấy, Tới nhờ vậy không chết. Tới bắt trâu lang dắt đến nhà lang, nhận là trâu mình do vua Thủy cho. Lang không chịu, Tới hỏi: - "Trâu của lang có mấy hàm răng?" -"Hai hàm" - "Vậy trâu này đích là của tôi vì khi cho, vua Thủy đã sai vặn răng mất một hàm". Lang chịu mất trâu.

Thấy Tới nhiều trâu, lang và Ậu cũng muốn xuống xin trâu vua Thủy, Tới bảo: - "Chỉ có dân mới vào túi giấy, còn lang thì phải vào túi gấm, Ậu thì túi vải". Vợ lang không thấy chồng về, Tới bảo: -"Có lẽ lang và Ậu vui quên về vì dưới ấy lắm con gái đẹp". Vợ lang nổi cơn ghen đòi chui vào túi. Cuối cùng Tới cũng cho mụ đi theo chồng và chiếm cả tài sản.

Người Tày có truyện *Hột Nhồi*:

Hột Nhồi ở với chúa đất (quàng). Thấy chúa nói ăn không biết ngon, bèn đưa chúa vào rừng tìm thuốc chữa. Anh dắt hắn qua năm suối mười khe cho đến khi chúa kêu đói, anh cho hắn ăn bát cơm nguội, hắn khen ngon. Lần khác, chúa bắt dâng buồng chuối chín, anh dâng một buồng, quả chỉ có vỏ không ruột. Hỏi thì anh đáp: -"Không thấy chúa dặn có lõi hay không". Lần khác, chúa lại đòi cá chép to lấy cả trong lẫn ngoài, anh đưa lên một con to nhưng đã ươn ỉnh. Hỏi thì đáp: - "Không thấy chúa dặn phải lấy cá tươi". Cả ba lần chúa đất giận lắm, nhưng không có lý do để bắt tội.

Một hôm chúa ngồi lên bắt anh lạy. Vì dưới giường lúc ấy có con chó nên lạy xong anh nói: - "Tôi lạy ông cũng như lạy chó". Nói rồi chỉ con chó dưới giường. Chúa giận quá bắt trói ở cửa. Nửa đêm, chúa đau bụng đi ngoài, anh ôm lấy chân, nói: - "Tôi yêu ông lắm, ông đi đâu tôi cũng đi". Nói rồi không chịu thả. Chúa mót quá phải cởi trói cho anh.

Một hôm nhà chúa có người chết, sai anh lên rừng chặt gỗ làm áo quan. Anh chặt cây mọc ở vách đá rồi buộc dây bảo con cháu chúa kéo. Cây đổ đè lên chết cả. Về thấy chúa khóc, anh nói: - "Chết một đống không khóc, đi khóc một người". Gặp kỳ giỗ anh đốt than thả trên nguồn nước, về bảo nhà chúa rằng: - "Ai muốn xem bọ hung đi buôn thì ra mà xem". Mọi người đua nhau đi xem, nhân dịp ấy anh xếp xôi thịt làm một gánh vào rừng chén đẫy. Lần này chúa nhất định bắt anh phải chết. Từ đây truyện giống với *Cuội* của ta. Chúa bắt Hột Nhồi bỏ bị đặt ở miệng vực, đợi ăn xong sẽ xô xuống. Một chúa đất khác cưỡi ngựa đi qua, hỏi thì đáp: - "Tôi bị ghẻ kinh niên nằm vào đây để có người mang đi chữa". Chúa xin nằm thay vì hắn cũng có ghẻ. Hột Nhồi đợi hắn bị người ta xô xuống sông, mới cưỡi ngựa về, kể với chúa cảnh

sống sung túc ở dưới nước, làm cho chúa thèm rỏ dãi. Chúa hỏi: - "Ta và người nhà ta có xuống được không?" - "Càng nhiều càng tốt. Hãy làm cho chúa lồng song, người nhà lồng tre". Mấy ngày sau khi làm cho cả họ nhà chúa chết sạch, Hột Nhồi lại đến kể với vợ chúa hành trình xuống thủy phủ. Ngày thứ nhất qua bản Chăng (chìm), ngày thứ hai qua bản Phù (nổi), ngày thứ ba qua bản Phong (trôi) ngày thứ tư qua Háng ngày cá (chợ quạ) rồi mới đến Xứ sở tổ tiên nhà chúa. Tổ tiên nhà chúa không cho về nữa. Vợ chúa nghe nói thế đi lấy chồng khác[1].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Cậu bé nói dối*:

Một thằng bé hay đi lừa, người ta gọi là Thánh Cuội. Một hôm cùng đi với bố có mang theo một túi cơm thịt để đi đường mà ăn, hắn tụt lại sau, chén hết sạch, vứt túi. Khi bố bảo đưa túi thì hắn đáp: - "Con tưởng mang đi đường ăn, nên con vứt cho đường ăn lúc nãy rồi!". Bị bố đuổi, Cuội về lu loa với mẹ rằng bố đã bị rắn cắn chết, may có mấy người làng khiêng xác về hộ. Thấy mẹ bận than khóc, hắn nói: -"Nên quay con lợn nhà để đãi những người mang xác bố về". Mẹ bằng lòng, hắn làm ngay và ngồi chén hết một nửa. Đến chiều bố về thấy vậy, đánh cho một trận, bảo: - "Cho mày nốt chỗ lợn kia rồi cút đi khuất mắt không được về nữa!". Gặp một lão hà tiện đang cuốc vườn, hắn vác lợn đến, nói: - "Bác ơi, cháu biếu bác một nồi đầy thịt quay đây, nhưng phải cho cháu xin chiếc nồi đất, được không?" - "Được". Hắn lại nói: - "Không phải phiền bác trở về nhà làm gì, để cháu gặp bác gái, nhờ bác ấy lấy nồi cho". Khi gặp vợ lão hà tiện hắn lại nói khác đi: - "Đây là thịt quay, bác trai đồng ý đổi một túi vàng đấy!". Thấy bà này tỏ vẻ không tin, hắn gọi to cho lão chồng nghe: - "Bác ơi, bác gái không chịu đưa đây này". - "Cứ đưa ngay cho nó đi!". Lão hà tiện quát. Thế là Cuội chuồn với túi vàng. Đi thật xa, Cuội móc túi lấy bốn năm đồng vàng chôn làm bốn năm chỗ trên đường đi, rồi bẻ một cành cây cầm tay. Một người cưỡi ngựa đi qua, hắn vụt roi xuống đất nói: - "Đưa đây đồng vàng!". Rồi làm cho người kia thấy mỗi một cái vụt roi lại được một đồng tiền vàng. Người kia đòi đổi ngựa lấy roi, hắn để cho người kia nằn nì chán mới chịu đổi, rồi phóng ngựa đi mất. Đến một nhà giàu, Cuội xin gửi con ngựa vào chuồng. Đêm lại lấy một ít tiền vàng rắc vào cứt ngựa, sáng dậy mượn chủ cái rổ. Lão nhà giàu cho người rình, thấy hắn sàng phân ngựa ra vàng thì đòi mua ngay con ngựa, ngã giá một ngàn đồng vàng. Hắn lấy tiền đi thật xa. Gặp hai ông bà già, hắn khoe mình có phép "cải lão hoàn đồng". Để cho họ tin, hắn dùng nhiều tiền thuê hai mẹ con nhà nọ: trong khi cho cô gái núp

1. Theo Đức Hùng, Phù Ninh. *Nàng Ái Kao* (truyện cổ tích).

sau màn, ở ngoài này hắn làm bộ gõ chày vào người bà mẹ, đoạn bảo người ấy bước vào sau màn, chốc sau cô gái bước ra nói những lời cảm ơn thầy đã làm phép cho mình trở nên trẻ và đẹp. Thấy vậy, hai ông bà già kỳ kèo xin hắn làm phép cho. Hắn đòi một ngàn đồng vàng. Sau khi gõ xong, hắn bắt họ phải ngồi im trong hai tiếng đồng hồ thì phép mới nghiệm, nhân dịp đó hắn ba chân bốn cẳng chạy trốn.

Hành động của Cuội đến tai nhà vua, vua ra lệnh bắt hắn bỏ vào túi ném sông. Trong khi chờ mặt trời lặn (là lúc thực hiện cuộc hành hình), bọn lính treo túi lên cây rồi đi uống rượu. Nghe tiếng chân voi đi tới hắn kêu: -"Ta không làm thái tử đâu!". Người cưỡi voi hỏi: - "Gì thế?". Đáp: - "Vua không có con nối, bắt tôi về nuôi làm thái tử, mà tôi thì không muốn tí nào" - "Tôi thay vào có được không!" - "Được, nhưng phải chịu treo lên cây như thế này người ta mới đưa về cung" - "Được". Thế là Cuội đánh voi đi thật xa, đâm cho voi chết, rồi khoét rộng bụng voi cho kền kền chui vào ria thịt. Như truyện của ta, khi chim vào đông thì lấy giẻ nút lại. Cuội cũng được chim đưa lên không trung và sau đó đặt xuống giữa sân rồng. Vua nhận ra Cuội: - "Hôm trước ta đã sai dìm ngươi rồi kia mà!". Đáp - "Quả có thế, nhưng vua Thủy (na-ga) đã cứu tôi lên và tặng con voi bay". - "Ta có thể cưỡi đi đây đi đó được chăng?" - "Nếu cho tôi làm thái tử thì được". Vua thích thú khi xác voi đưa lên không, nhưng khi tò mò rút cái nút giẻ thì chim lục tục bay ra làm cho hắn rơi xuống chết. Cuội lên ngôi, từ đó bỏ thói đi lừa, người ta gọi là vua anh minh [1].

Người Ấn-độ có hai truyện:

a) Một anh chàng có nuôi một con chim rất khôn. Khi đi làm đồng, vợ chồng anh buộc một cái điếu vào chim, thế là chim mang thức hút đến cho chủ. Có sáu người đi qua thấy vậy, bèn mua con chim 300 ru-pi. Một hôm, họ buộc 300 ru-pi vào chim, bảo chim mang đến một nơi nọ. Chim không mang đến đó mà lại mang tiền về cho chủ cũ. Anh chàng lấy ra trong số đó 100 ru-pi cho con bò của mình nuốt. Sáu người kia đến đòi chim và tiền, nhưng thấy bò ỉa ra tiền vàng thì lại bỏ ra 5.000 ru-pi để chiếm lấy con bò quý. Lại đến lượt họ mang bò đến trả và đòi lại tiền vì thấy bò không còn mầu nhiệm như trước. Anh chàng mời họ ngồi ăn. Đang ăn anh bỗng cầm gậy đánh vợ và bảo: - "Biến thành con gái đi lấy đĩa khác lại đây!". Một cô gái (kỳ thực là con anh ta) đi vào với đĩa thức ăn. Sáu người kia lại bỏ ra 600 ru-pi mua lấy cái

1. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*. Sách đã dẫn.

gậy thần. Về đánh vợ, không thấy trẻ lại, bọn họ bèn chạy đến đòi lại mọi thứ. Anh chàng không có đủ để trả bị họ đốt mất nhà. Anh chàng bèn nhặt tro bỏ vào nhiều bao chở lên lưng trâu đưa đến Răng-pua. Dọc đường, anh ta gặp một toán người chở những bao bạc cho một ông chủ kho bạc. Thừa dịp họ ngủ, hắn đánh tráo hai bao của mình lấy bao của họ rồi trốn về, dùng tiền của đó ăn tiêu rất sung sướng. Sáu người kia hỏi làm sao có bạc thì hắn đáp là tiền bán tro nhà của mình. Nghe hắn nói đưa loại tro đó ra tỉnh bán mấy cũng hết, sáu người thi nhau đốt nhà lấy tro, đóng bao chở ra tỉnh, nhưng chả được gì hơn là rơi quất vào đít. Tức quá, bọn họ trở về, trói tay chân hắn lại bỏ vào bao quẳng xuống sông ở gần đấy, nhưng bao trôi vướng phải cọc. Thoáng thấy có người cưỡi ngựa đi qua đó, hắn kêu cứu, hứa xin cắt cỏ ngựa cho anh ta không lấy tiền. Nhưng khi được cứu thoát, nhè lúc người kia vô ý, hắn thình lình nhảy lên ngựa phi mất. Về nhà, hắn cho sáu người kia biết là dưới nước có rất nhiều ngựa, cuối cùng sáu người tình nguyện xuống nước như các truyện trên.

b) Một anh chàng đi theo kiếm ăn với một bọn trộm. Một hôm cãi nhau, bị chúng đánh trói và đem đi buông sông. Dọc đường bọn chúng đói bụng bèn bỏ anh dưới gốc cây, đi kiếm cái ăn. Một người chăn bò qua đấy hỏi duyên cớ, hắn đáp: -"Ta là con vua, người ta ép lấy công chúa con vua một nước khác, nhưng tao không chịu, bị họ trói đi, bắt lấy cho được". Cũng như truyện trên, người chăn bò xin thay đổi địa vị. Anh chàng dắt bò về nhà và bọn trộm lại nhờ hắn quẳng hộ xuống sông, v.v...

Người Ap-ga-ni-xtăng (Afghanistan) cũng có hai truyện:

a) Một đứa bé để bò phá vườn bị chủ vườn cắt mất lưỡi bò. Bò chết. Hắn lột da đem về. Chưa đến nhà, trời đã tối, hắn trèo lên một cây cổ thụ nghỉ đêm. Đêm ấy có một bọn trộm ở đâu đến dưới gốc cây chia của, chúng chia không đều, đánh nhau loạn xạ. Anh chàng sợ quá, để rơi tấm da bò xuống. Bọn trộm hoảng hồn bỏ của lại chạy mất. Hắn xuống, vơ lấy rồi về nói dối với mọi người là mình bán da bò được rất nhiều tiền. Mọi người đua nhau giết bò của mình lột da đi bán, bán không được họ trói hắn ném xuống sông và rồi việc cũng xảy ra như trên.

b) Hai anh em nhà nọ, anh là Tay-ga Khan một hôm bảo em dắt dê ra chợ. Dọc đường, em lần lượt gặp sáu tay đi lừa; đứa nào gặp em cũng bảo đấy là con chó chứ không phải dê, đến nỗi cuối cùng người em phải bỏ lại con vật, chạy về không. Tay-ga Khan nghe kể quyết bắt chúng phải bồi gấp trăm. Mai sáng, anh chàng cưỡi một con lừa trên lưng trải chăn rất đẹp đi chơi chợ. Bọn

kia gặp, hỏi: -"Tại sao lại tô điểm con lừa đẹp thế?" - "Không phải lừa đâu, đó là con bu-sa-ki" - "Là con gì?" - "Là con vật sống trên 100 tuổi, có phép ỉa ra vàng". Hôm ấy người anh nấn ná ở lại và được bọn kia mời về nhà nghỉ. Tay-ga Khan giấu một ít tiền vàng ở đống phân. Sáng dậy cho lừa ra đống phân ỉa và làm bộ nhặt thấy tiền vàng. Sáu người kia mua ngay con lừa 500 ru-pi.

Người anh trở về dặn vợ cứ làm như thế như thế, nếu bọn kia đến. Bọn kia quả tìm đến và kêu ca về con lừa. Người vợ nói: -"Chồng tôi còn đi vắng, để tôi sai con thỏ đi gọi về ngay cho các ông". Bèn thả một con thỏ xám và bảo: - "Đi gọi ông chủ về ngay". Được một chốc, Tay-ga Khan quả về, trong tay cầm con thỏ xám và nói: - "Đang giỏ bận, vì nó giục quá phải về". Bọn kia tấm tắc về con thỏ quý, mua ngay 600 ru-pi. Hôm sau, chúng lại đến kêu ca. Tay-ga làm bộ đang cơn giận dữ, cầm dao giết vợ, rồi lại làm bộ hối hận, vào buồng lấy cái gậy chỉ vào người vợ làm cho vợ sống lại. Bọn kia choáng mắt, bỏ ra 500 ru-pi để mua cái gậy. Lúc về bọn chúng nhân cơn giận mẹ, bèn cầm dao giết mẹ, nhưng lúc nguôi giận thì dĩ nhiên gậy không làm sống được. Lại chạy đến đòi, Tay-ga đã trốn biệt.

Truyện của người Xây-lan (Sri Lanka):

Lô-ku Áp-pu vay tiền của một bọn đánh trống mà không chịu trả. Biết họ lại đến đòi, cũng như truyện Ấn-độ trên, hắn dặn trước một bà già và một cô con gái, rồi một mình ngồi gọt một cái gậy. Bọn chủ nợ tới, hắn mời ngồi rồi bỗng đánh vào bà già một gậy bảo bà biến thành con gái và mang trầu ra đây. Một chốc từ trong buồng một cô gái bước ra. Bọn chủ nợ nài để lại cho họ cái gậy mầu nhiệm không được, bèn cướp lấy mang đi. Về nhà họ đánh chết bà già mà không thấy trẻ lại. Bọn họ lại đến hỏi, hắn bảo là vì đánh sai đầu gậy. Lại về đánh, không được, họ bèn đến nhà bắt Lô-ku Áp-pu bỏ vào một cái túi định quẳng xuống sông. Vừa đến bờ, nghe tiếng trống, họ bỏ túi xuống đất, chạy đến chỗ có tiếng trống để xem việc gì. Vừa khi có một người Hồi-hồi buôn vải qua đó. Thấy hắn kêu: - "Ta không biết đọc biết viết sao cứ bắt ta đi cai trị nước", người lái buôn gạ hắn cho thay đổi địa vị và sau đó cũng như các truyện trên, anh Hồi-hồi bị quẳng xuống sông.

Bọn kia lại gặp Lô-ku Áp-pu đang giặt vải, hỏi thì đáp lấy ở dưới sông lên, vì lắm bùn nên phải ngồi giặt. Bọn họ lại nhờ hắn bỏ mình vào túi ném hộ xuống sông.

Người Tác-ta (Tartare) ở miền Nam Xi-bê-ri (Sibérie) cũng có ba truyện:

a) Một người cưỡi con lạc đà đi chơi và được một người nọ ở dọc đường mời vào nhà chơi: - "Không, anh ta nói, tôi sợ bốn con lạc đà của ông ăn mất

con lạc đà của tôi!" - "Nếu nó ăn thì chúng tôi sẽ đền cho cả bốn con". Việc quả xẩy ra, và anh ta được đền bốn con vật. Lúc về nhà anh ta nói dối với hai anh là mình giết con lạc đà của mình đem bán, sau đó đến một nơi khác dùng tiền đó mua được bốn con. Hai anh tin lời, bèn giết lạc đà đem đi bán nhưng chỉ được gậy vào lưng. Người em lại giết mẹ, buộc mẹ lên ngựa chở đi. Thấy một người lái buôn sắp đi qua, hắn bảo dừng lại kẻo mẹ mình lòa có thể ngã ngựa. Người lái buôn không nghe cứ đi, cái xác ngã xuống, phải bồi 1.000 rúp. Lúc về, em bảo anh giết vợ sẽ bán được nhiều tiền. Không được gì, anh trói em lại toan đốt sống. Trong khi anh vào rừng lấy củi thì em gặp một nhà giàu đi qua. Nhà giàu hỏi, hắn đáp: -"Ai chịu trói vào đây sẽ trở thành đại phú". Người kia chịu để trói và phải trả mất 1.000 rúp. Hai người anh đốt xong không ngờ lại thấy em ở đâu về có nhiều tiền. Hai anh bèn nhờ em đốt hộ mình. Hai người anh chết, em chiếm cả gia tài.

b) Một người bị trộm lấy hết cả chỉ còn lại 2 đồng rúp và một con ngựa. Hắn tìm cách lừa ba người anh bằng cách giả làm cho ngựa ỉa ra tiền. Khi hai người anh đến kêu ca thì hắn lại bán cho họ một cái vò có thể tự động làm sôi nước ở trong, không phải đun. Sau hai lần bị lừa, ba người anh trói hắn đặt ở bờ sông rồi đi tìm sào để đẩy. Cũng như các truyện trên. Sắp chết thì hắn gặp một người ăn mặc sang, cưỡi ngựa đi qua, hắn trả lời người kia: - "Người ta muốn tôi làm hoàng tử ở một nước nọ mà tôi thì không muốn". Hai bên cũng đổi cho nhau. Khi ba người anh thấy hắn nói lấy được ngựa ở dưới nước lên, cũng nhảy xuống sông, chết đuối.

c) Một tay lừa gạt một hôm đến xin cày giúp cho một nông dân. Trong khi người này đi lấy thức ăn, hắn bắt bò giao cho một đồng lõa dắt đi, chỉ cắt cái đuôi cắm sâu giữa ruộng. Người nông dân về hỏi bò, hắn nói: tự nhiên đang cày thì bò rúc xuống đất, cố lôi mãi không được, chỉ còn nắm được cái đuôi. Thế rồi, cả hai cùng kéo và ngã lăn với cái đuôi. Sau đó, hắn ở nhờ và ăn cơm tại nhà một người khác. Hắn từ giã ra đi vào lúc chủ nhân đang cày ở một đám ruộng tương đối gần nhà. Trước đó, hắn đã đưa mũ của mình cho đồng lõa và ra đi đầu trần. Đi qua đám ruộng, người chủ nhà hỏi: - "Sao mũ ở đâu? Ông quên ư?". Đáp: - "Không phải quên. Vợ ông giữ lấy vì tôi không có tiền trả bữa ăn". - "Ai lại làm thế. Anh cứ về nói với vợ tôi trả lại mũ. Nếu nó không trả thì gọi tôi, tôi bảo cho". Hắn trở lại nói với vợ người kia rằng: - "Ông chủ gả cô gái cho tôi đấy!". Nói rồi bắt cô gái đi. Vợ chủ nhà ngăn lại, hắn chạy ra cửa nói to lên: - "Bà ấy không cho tôi lấy!". Ở ngoài đồng, người chủ nhà giơ cái xẻng quát: - "Cho đi, cho đi, nếu không thì tao giết chết!". Thế là hắn đưa cô gái đi luôn.

Trong sách *Nghìn lẻ một đêm*, người Ả-rập (Arabes) cũng có truyện một người hắc nô lừa chủ y như đoạn Cuội về nhà lừa thím rằng chú chết và ra đồng lừa chú rằng thím chết.

Trung-quốc có truyện *Long vương mời tiệc* cũng có tình tiết trên:

Trường Công đi làm cho địa chủ, một hôm ở đồng về tháo cánh cửa, nói dối bà chủ là để khiêng ông chủ về vì đã chết; lại vội vã chạy ra đồng lừa ông chủ nói nhà bị cháy nên cứu được cánh cửa chạy ra đây. Hai vợ chồng địa chủ bị tên, kiện lên quan. Quan toan bắt tội thì Trường Công nói nhà mình có một cái giá rất quý, ai trèo lên sẽ nghĩ ra cách "xỏ" được người khác. Quan sai người đi lấy giá về, rồi lại sai đập cửa công đường, vì Trường Công bảo hắn giá ấy rất to, không đưa vào lọt. Mắc lừa, quan sai lính đem Trường Công đi dìm ở biển. Dọc đường, Trường Công nhổ gốc một cây rồi lấp lại như cũ. Đến nơi nói: -"Tiếc quá, tôi có một kho châu báu ở chỗ gốc cây nhổ lúc nãy, chưa đào lấy được". - "Mày chỉ lừa dối", lính bảo thế. - "Cứ trói tôi lại, rồi về lật gốc cây lên xem tôi có nói dối hay không". Chúng trói lại cặp vào ván thuyền rồi bỏ về tìm của. Lúc ấy, có một lão địa chủ, dẫn dê đi qua đấy, Trường Công bảo lão sẽ khỏi tật gù lưng nếu bị trói vào ván thuyền. Lão xin thế chân. Trường Công trói lão vào ván thuyền rồi dẫn dê đi. Trong khi lính nhà quan không tìm thấy châu báu chạy ra ném tên địa chủ xuống biển, thì Trường Công đã đem dê về lừa quan rằng: Long vương đang đặt tiệc và chuẩn bị một xe ngọc báu chờ quan xuống! Quan tin thật và hám của, cuối cùng nhảy xuống biển để tìm Long vương [1].

Truyện của người Mông-cổ: Một người ăn mày tìm cách giúp một bác dân nghèo bị sói ăn mất ngựa chỉ còn có cái đuôi. Hắn cắm chặt cái đuôi ở cửa hang cáo rồi ngồi ngoài, nắm chặt bằng hai tay. Lão quan đi qua, hỏi: - "Làm gì đó?" Đáp: - "Không ngờ ngựa của tôi chui tuột vào hang, cũng may nắm được cái đuôi". - "Ngựa thế nào?" - "Một ngày có thể vòng quanh quả đất 7 vòng" - "Ai cho phép mày chăn ngựa cạnh lều ta. Cút đi!" - "Thưa ông, chân tôi bị đau không đi nổi" -"Con khỉ, cưỡi ngựa ta mà đi, đưa đuôi đây!". Thế là hắn phi một mạch tìm bác dân nghèo giao ngựa. Gặp một lão nhà giàu đầu đội nồi thịt, hắn lại làm quen: - "Đố anh lừa được ta". -"Tôi lừa thế nào được. Kìa trông trời cháy rừng rực". Hắn làm bộ hốt hoảng đến nỗi lão kia phải ngửa mặt trông, do đó đổ mất nồi thịt. Hắn chạy đi gặp vua (Kha Hãn). Vua hỏi: -"Mi biết làm gì? Lều vải đâu?" - "Không có lều nhưng muốn gì là làm được ngay". - "Nói láo, tao còn chưa được nữa mày. Có giỏi thì làm tao xuống ngựa thử

1. Theo *Bức gấm thêu*.

xem". Cũng như truyện của ta, hắn vờ gãi tai nói: - "Tôi làm sao lại bắt được vua xuống ngựa, nếu vua xuống tôi làm cho lên thì được". -"Được". Khi thấy vua xuống ngựa, hắn vỗ tay: - "Đấy, tôi đã lừa được rồi đấy". Vua lại nhảy tót lên ngựa, hắn tiếp: - "Đấy, đã làm cho ngài lên ngựa rồi đấy" [1].

Ở châu Phi có truyện của người An-jê-ri (Algérie): Một đứa bé mồ côi có một con bê. Bê bị giết, hắn bán da chỉ được một đồng tiền sút. Ở chợ, gặp hai người ngồi trước một đống bạc, hắn quẳng đồng tiền sút của mình vào đó rồi hô hoán lên rằng hai người ấy đã lấy mất tiền mình. Người ta xúm lại, hắn nói của mình có những 100 đồng với một đồng sút. Hai người kia thề: - "Chúng tôi cam đoan là tiền của chúng tôi không có đồng nào sút cả". Cuối cùng người ta tìm được đồng sút và xử cho hắn được kiện. Cũng như truyện Ap-ga-ni-xtăng, hắn về lừa chú là tiền bán da bê, chú cũng giết bò của mình để đi bán da. Và sau cũng bắt cháu định ném xuống biển. Cuối cùng lại nhờ cháu đẩy xuống biển để mong có được bầy cừu như cháu, v.v...

Truyện của người Man-gát-sơ (Malgaches) (Madagascar) thì lại là một người ăn trộm bị bắt quả tang và bị người ta bó chiếu định ném xuống sông. Hắn thuyết khéo một người đàn bà đi qua đó để người kia thay hắn chui vào chiếu, sau đó hắn lại trở về mang theo một món nữ trang mà hắn trộm được, nói dối là lấy từ dưới nước lên. Nghe nói thế người ta tự cuốn chiếu lại để nhờ hắn quẳng xuống nước...

Ở châu Mỹ, truyện của thổ dân thuở trước sống trên quần đảo Ăng-ti (Antilles): Một người bị rơi vào tay địch thủ và sắp bị quăng xuống biển. Hắn hát đi hát lại câu: - "Ta còn trẻ quá chưa lấy con vua được!". Trời nóng mà người hắn lại nặng, bọn chúng đặt hắn ở một nơi, rồi tìm quán nghỉ chân. Một người chăn dê đi qua nghe hát thế đòi cho mình thế chân. Người chăn dê bị chết còn hắn đánh lừa được kẻ địch, cuối cùng làm cho bọn chúng chết đuối.

Ở phương Tây tiêu biểu nhất là truyện của người Pháp nhan đề *Ren-nê với ông chúa*: Một người tên là Ren-nê vừa có con bò chết. Hắn lột da để cả đầu bò đội lên vai đem đi bán. Một bọn cướp đang chia tiền ở một khu rừng thấy hắn tưởng là ma, sợ quá bỏ tiền chạy mất. Hắn lấy tiền rồi mua một con lừa, cho lừa ăn cám trong có một ít tiền vàng. Ông chúa nghe đồn lừa ỉa ra vàng đến hỏi mua, hắn đòi hai ngàn đồng vàng. Mua về ngày đầu lừa có ỉa cho một ít vàng nhưng sau chẳng có gì cả. Ông chúa đến trách, giữa lúc Ren-nê đang đun sôi một nồi xúp. Thấy bóng chúa hắn đem nồi đi chỗ khác rồi nói với

1. Theo Nắng Mai Hồng. Sách đã dẫn.

chúa: - "Tôi có một phép khi nào cần, cho một roi vào nồi là sôi ngay". Thấy hắn làm đúng như lời nói, ông chúa lại mua roi với giá hai ngàn đồng vàng. Mua về chúa đánh mấy cũng không sôi, giận lắm đến trách hỏi. Ren-nê biết trước, làm sẵn một bọng máu bảo vợ đem giấu vào bụng. Khi chúa đến, hắn làm cách đánh đập vợ rồi vờ đâm chảy máu. Đoạn thổi một tiếng còi, người vợ đã được dặn trước, tự nhiên ngồi dậy, Ren-nê lại bán còi cho chúa lấy hai ngàn đồng. Một hôm chúa ngồi buồn đâm chết vợ, nhưng thổi còi mãi vợ không sống lại. Tức mình, chúa đi xe đến bắt Ren-nê, sai người trói tay chân mang quăng xuống hố nước. Đến đây, truyện giống như truyện trên: bọn kia dừng lại vào quán nghỉ, Ren-nê gặp một người chăn bò bèn bảo: - "Người kia bắt tao làm mục sư mà tao không biết đọc biết viết gì cả". - "Còn tao - người kia nói - thì lại biết đọc biết viết". Hai bên cùng thay đổi địa vị cho nhau và cuối cùng Ren-nê lừa ông chúa nhảy xuống hố với hai người hầu để mình trở thành ông chúa.

Một truyện khác của Pháp, *Ri-sơ-đô*, đoạn đầu có hơi khác:

Ri-sơ-đô đông con, nhà nghèo quá phải nghĩ cách gạt ông chúa. Mới sai một đứa nhỏ đến mượn ông chúa một cái đấu. Chúa hỏi: -"Mượn để làm gì?" - "Để đong bạc". Lúc trả ông chúa thấy có ba lu-i vàng dính ở đáy đấu thì sửng sốt hỏi: - "Tại sao mày có nhiều tiền thế?" - "Tôi lột da con bò cái, một cái lông người ta mua một lu-i" - "Đúng không?" - "Đúng". Ông chúa sai lột da 50 con bò của mình nhưng mang ra chợ chẳng được gì cả. Thấy chúa đến hỏi tội, Ri-sơ-đô bảo vợ nằm xuống giường giả chết. Chúa đến thấy vậy bỏ về. Ít bữa sau thấy vợ Ri-sơ-đô còn sống, chúa hỏi thì vợ Ri-sơ-đô đáp: - "Tôi chết nhưng chồng tôi thổi vào tai nên lại sống". Chúa về giết vợ, thổi vào tai nhưng không thấy nghiệm.

Nổi giận, chúa cho một cỗ xe tới bắt Ri-sơ-đô bỏ vào túi chở đi. Đến đây truyện lại giống với truyện trên nhưng Ri-sơ-đô không gặp người chăn bò mà gặp người chăn cừu. Hắn lừa người chăn cừu để khỏi bị vứt xuống hố. Trở về, hắn lại lừa ông chúa để cho ông chúa tham lam ngu ngốc nhảy xuống hố mất mạng, còn Ri-sơ-đô lên làm chúa.

Một truyện khác cũng của Pháp *Cor-na-chiu*:

Cor-na-chiu nhà nghèo chỉ có một trai một gái và một con bò cái. Con gái anh chăn bò để bò chạy vào vườn vua. Vua sai giết con bò. Anh lột da đi chợ, gọi con trai đi theo. Người con nghe không rõ tưởng bố bảo mang cánh cửa nên mang cả theo. Dọc đường gặp một bọn cướp. Bố con trèo lên cây để ẩn. Không ngờ bọn cướp lại nghỉ ở dưới gốc. Vì cánh cửa quá nặng đứa con làm

rơi, gãy cả cành cây, làm bọn cướp hoảng hồn: - "Trời sập rồi!". Đoạn bỏ chạy tán loạn. Bố con nhặt được vàng về. Cũng như truyện trên anh sai con gái đi mượn cái đấu của vua để đong vàng, nghe tin vua sai đầy tớ giết đàn bò lột da đi bán. Không được gì, vua sai bỏ Cor-na-chiu vào túi để đi ném sông, nhân bọn đầy tớ đi giải khát anh cũng lừa được một lão buôn lợn chui vào túi thay mình để dẫn đàn lợn về. Anh sai con gái múa nhảy trước cửa nhà vua, vua đến ngạc nhiên thấy đàn lợn: - "Lấy ở đâu ra mà nhiều thế?" - "Lấy ở dưới nước" - "Đưa tao đi xem". Anh dẫn vua và cả đàn lợn ra bờ sông. Thấy bóng lợn dưới nước, lão vua ngốc nhảy xuống, chết. Cor-na-chiu trở thành chúa lâu đài[1].

Một truyện khác nữa của Pháp ở một địa phương Lo-ren (Lorraine):

Một cô gái bỏ nhà ra đi, nách cắp một con quạ tình cờ bắt được. Vào một nhà nọ vắng chủ, cô nhìn trộm vào khe cửa. Khi người chủ về, chủ hỏi con vật gì? - "Đây là một thầy bói biết hết mọi việc." -"Có bán không?" - "Bán, nhưng để tôi thử cho ông xem". Bèn đánh vào đầu quạ mấy cái cho nó kêu. -"Nó bảo có một người nào trốn ở buồng bên". Chủ nhà quả tìm thấy người trốn. - "Nó lại nói có thức ăn và rượu cất trong tủ ăn". - "Đúng là một thầy bói có tài, dù đắt mấy ta cũng mua". Chủ nhà trả cho nhiều tiền vàng và một con lừa.

Cô gái lại đem lừa bán cho một người chủ cối xay bột và nói rằng: - "Có con lừa này khi mắc nợ chỉ cần đưa đến gán là đủ". Cô còn làm cho khách tin rằng lừa ỉa ra vàng. Sau đó cô đi mượn đấu của người mẹ đỡ đầu. Khi trả đấu người ta thấy có ba đồng vàng. Để cắt nghĩa tại sao có vàng, cô gái nói là mình bán một con bò cái, mỗi cái lông một xu. Mọi người đua nhau giết bò để bán lông. Cuối cùng vỡ lẽ, người ta trói cô gái định quẳng xuống sông nhưng kết cục cũng xảy ra như truyện trên.

Truyện của người Ê-cốt-xơ (Écosse):

Hai người láng giềng của Đôm-hơ-nun báo thù, vứt mẹ anh ta xuống giếng. Anh vớt lên mặc cho cái xác một bộ đồ rất đẹp rồi chở đến một thành phố, đặt mẹ ở sau hoàng cung cạnh bờ giếng ra vẻ đang ngồi chơi. Một người hầu gái của nhà vua đi qua va phải, cái xác rơi xuống giếng. Anh ta kêu khóc rầm rĩ và bắt vạ. Vua phải bồi thường 500 đồng bảng.

Đôm-hơ-nun về kể chuyện là ở thành phố người ta mua xác chết các bà già giá rất hời. Hai người láng giềng vội giết mẹ họ nhưng khi đưa ra thành

1. Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). *Truyện dân gian miền Ô-véc-nhơ.*

phố không được gì cả. Bèn trở về định ném anh xuống nước. Việc cũng xảy ra như truyện của Pháp[1].

Một truyện khác mà chúng tôi quên mất xuất xứ, có lẽ cũng là một loại dị bản của truyện trên:

Có hai anh bạn, Cu lớn, Cu bé, người cùng làng, vì Cu bé hay trêu chọc, nên bị Cu lớn giết mất con ngựa. Cu bé không nói gì cả, làm thịt con ngựa rồi lột da đem ra chợ bán. Đến trước một cái quán, nhân ngồi bán da ngựa, vô tình Cu bé nhìn thấy vợ lão chủ quán lừa chồng, nhốt nhân tình của mình ở dưới hầm, chờ chồng đi vắng, thị đưa hắn lên quán ăn, rồi trước khi chồng về lại đưa hắn xuống nấp ở hầm. Chờ cho lão chủ quán về, Cu bé dạm bán da ngựa, bảo nó biết bói tất cả mọi việc. Chủ quán bảo bói thử. Cu bé giả cách ấp tai vào da ngựa rồi nói: - "Da ngựa mách nhà bác có một người nhân tình nấp ở dưới hầm". Khám phá ra việc "tầy trời" ấy xong, chủ quán mua tấm da ngựa một đấu bạc.

Lúc về Cu bé đem bạc ra khoe với Cu lớn, bảo ở chợ người ta đang cần mua da ngựa giá đắt, có mấy cũng bán hết. Cu lớn giết ngay hai con ngựa của mình, đưa đi bán, dĩ nhiên là không ai mua. Về nhà Cu lớn giận, đập chết người bà của Cu bé. Cu bé bọc kỹ xác bà bỏ vào xe, đẩy ra chợ vào một quán khác, gọi các món rồi bảo chủ quán ra gọi bà của mình nằm ngoài xe vào ăn. Chủ quán ra gọi mãi không được, sẵn gậy liền đập vào bà cụ để lay dậy. Cu bé lập tức hô hoán lên, bảo chủ quán đã đánh chết người bà của mình. Việc lên quan, cuối cùng chủ quán phải chịu mọi phí tổn tống táng và đền cho Cu bé một đấu bạc. Về nhà Cu bé bảo Cu lớn rằng ở ngoài chợ người ta mua xác bà già rất đắt tiền. Cu lớn lại đập chết bà của mình, chở lên xe đưa ra chợ, nhưng chả ai mua.

Nổi xung, Cu lớn về đan một cái rọ bỏ Cu bé vào, mang đi, định ném xuống sông. Đến bờ, hắn mót quá, bèn đặt xuống đấy rẽ vào bụi. Trong khi đó có một lão chăn bò đi qua hỏi Cu bé ngồi làm gì trong ấy - "Người ta đưa đi cưới con gái cụ Bá mà tao thì không muốn lấy". Lão chăn bò vốn chưa có vợ, khẩn khoản xin đổi chỗ, Cu bé nhận lời dắt bò đi biệt. Cu lớn ra đạp rọ xuống sông nhưng lúc trở về đã thấy Cu bé vô sự với bầy bò ở nhà rồi.

Cũng như truyện trên, Cu bé đã miêu tả cho ông bạn của mình thấy cuộc sống giàu sang sung sướng ở dưới nước và nói "bố mẹ Cu lớn đang mong con

1. Phần nhiều các truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.

xuống để cho rất nhiều trâu bò và của cải". Cuối cùng Cu lớn cũng chui đầu vào rọ để cho Cu bé đạp xuống sông mất tích.

Đại thể, truyện *Ren-nê với ông chúa* và các dị bản của nó rất phổ biến ở các dân tộc phương Tây như Anh, Đức, Đan-mạch (Danemark), Thụy-điển (Suède), Na-uy (Norvège), v.v... Ở châu Âu từ thế kỷ XII, truyện đã được ghi lại qua một bài thơ La-tinh trong có nhân vật là U-ni-bốt, chàng nông dân ranh ma, láu lỉnh, đã tìm cách trả thù được tên chúa đất từng giết chết con bò của mình. Loại mô-típ này riêng ở Pháp đã có 130 dị bản[1].

Trương Vĩnh Ký kể truyện Cuội có đưa thêm vào một tình tiết:

Cuội tới nhà chú mượn vạc đồng để nấu bánh cúng. Chú tưởng thật, lấy cho mượn. Cuội xách vạc bán lấy tiền tiêu. Chú đòi không được, kiện lên quan. Cuội sai vợ mua một con chim vạc đưa lên quan, nhận lỗi là có mượn vạc đồng, nay xin trả trước mặt quan. Chú Cuội không biết làm sao để cãi cho mình thắng, đành nhận con vạc về, trong bụng căm tức vô hạn. Bèn nghĩ cách bắt Cuội bỏ rọ dìm xuống sông...[2].

Tóm lại, truyện *Nói dối như Cuội* gần như một loại hình cổ tích phổ biến của số đông các dân tộc trên thế giới.

1. Theo Mê-ra-vi-ơ (Méraville). Sách đã dẫn.

2. Truyện *Cháu nói láo hại chú trả thù,* trong sách đã dẫn. Chúng tôi nghi ngờ rằng truyện *Vạc đồng* trên là lẫn lộn với các tình tiết của tiếu lâm.

61. CỦA TRỜI TRỜI LẠI LẤY ĐI, GIƯƠNG ĐÔI MẮT ẾCH LÀM CHI ĐƯỢC TRỜI

Ngày xưa, có một người nghèo khổ quá. Ngày ngày ông ra bãi biển cố sức mò cua bắt ốc để đổi lấy miếng ăn, nhưng không bao giờ đủ. Thấy người ta sung sướng giàu có, ông ao ước được như họ. Luôn luôn ông cầu Trời khấn Phật xin cho đỡ khổ một ít, dù có bị giảm tuổi thọ đi bao nhiêu cũng được. Ông cầu khẩn như thế trong ba năm liền. Tuy không thấy thân phận khá hơn chút nào nhưng ông vẫn kêu xin không mỏi.

Một hôm, trong khi đào cua ở một cái hang, ông bỗng bắt được một thỏi gì vuông vuông nặng nặng và sáng chói. Vừa lạ vừa mừng, ông mang về hỏi hàng xóm. Người hàng xóm cho biết đó là vàng. Mừng quá ông lại cố công đào tìm thêm nữa. Kết quả được cả thảy mười thoi vàng. Ông hết lời cảm tạ Trời Phật. Ông định giấu kỹ rồi đưa về quê tậu ruộng làm nhà và lấy một người vợ. Không ngờ người hàng xóm không giữ kín miệng, nên tin đồn được vàng lan đi rất nhanh. Một tên trọc phú ở gần đó vừa nghe thế, vội tìm đến làm quen. Hắn dùng những lời đường mật gạ đổi ruộng đất của hắn để lấy vàng. Thấy ông chưa có vợ, hắn gả em gái cho. Nghe bùi tai ông vui lòng kết thân với hắn. Từ đó, ông làm ăn ngày một khấm khá: có vợ đẹp, có ruộng cày, có nhà cửa, cuộc sống rất dễ chịu. Nhưng do mưu mô xảo quyệt của tên trọc phú, cuối cùng mười thoi vàng về tay hắn cả.

Tuy vậy, tên trọc phú nuốt số vàng không trôi. Tin đồn "một người bắt cua được vàng" bay nhanh đến tai mọi người, và đến tai một viên quan huyện. Nghe nói vàng về cả tay tên trọc phú, viên quan huyện không kìm được lòng ham muốn. Hắn gọi lão trọc phú đến tư thất và gạ chia cho mình một nửa. Nhưng lão trọc phú đời nào lại chịu mất

không như thế. Viên quan đành giận để bụng. Nhân bắt được một đám cướp lớn, hắn bèn bảo chúng khai vu cho tên trọc phú và do đó hắn khép y vào tội "thông phỉ". Trọc phú bị kìm kẹp đánh đập rất khổ cực, đành phải nhả của ra để mua lấy sự yên thân. Cuối cùng không những 10 thoi vàng nọ lọt vào tay viên quan huyện mà nhiều tiền gạo khác của hắn cũng đội nón ra đi để đấm mõm bọn hương lý, bọn sai nha, v.v...

Lại nói chuyện viên quan huyện chỉ dùng một mẹo nhỏ mà chiếm được số vàng lớn thì mừng quá. Hắn sai con cùng với một người lão bộc bí mật đem số vàng đó về quê để tậu thêm ruộng đất. Nhưng đứa con của hắn là một tay có máu mê cờ bạc. Trong khi đi thuyền, thấy có canh bạc to, hắn định đem một số ít vàng của bố để mong "dậy hóa". Mặc dầu người lão bộc can gián hết lời, hắn vẫn không nghe. Quả nhiên chỉ trong một đêm hắn thua hết cả chẳng còn một đồng dính túi. Thế là bao nhiêu vàng của viên quan huyện tự nhiên lọt vào tay một lão lái buôn. Nhờ ngón cờ gian bạc lận, lão lái buôn và một tên đồng đảng đã vét sạch bàn, và qua ngày hôm sau hai người hý hửng mang số tiền chiếm được một cách khỏe khoắn, trong đó có 10 thoi vàng của con quan huyện về nhà, mặc kệ kẻ mất của kêu trời khóc đất.

Không ngờ hôm ấy có bốn tên ăn cướp đang lảng vảng ở khu rừng gần đấy. Thấy có hai người bộ hành mang tay nải nặng đi qua, chúng bèn đuổi theo không rời một bước. Khi hai con mồi đến chỗ vắng, chúng nhảy xổ ra giết chết và cướp lấy tay nải. Nhìn thấy những thoi vàng sáng chóe, chúng mừng rú lên, vội chia nhau cứ hai đứa năm thoi, còn số tiền lẻ bạc vụn thì giao cho hai đứa trong số bốn đứa, đi mua rượu thịt về chén một bữa.

Lại nói chuyện hai tên cướp được cử đi chợ tự nhiên sinh lòng tham, muốn chiếm lấy tất cả số vàng để chia nhau mỗi đứa năm thoi, chả cần phải cắt phải chặt, cân đi lường lại mất công. Chúng bỗng nảy ra một kế là mua thuốc độc bỏ vào rượu cho hai tên kia uống. Thế là hai đứa vào chợ ăn uống no say, đoạn mua bún lòng và rượu có pha thuốc độc mang về.

Trong khi đó thì hai đứa ở nhà cũng bàn mưu tính kế để độc chiếm số vàng. Cuối cùng chúng quyết định chờ cho hai tên kia về đến nơi,

bất thình lình mỗi đứa cầm dao hạ thủ một tên. Và rồi chúng làm y như lời chúng đã bàn. Vừa đi chợ về đến nơi, hai đứa kia đã bị mỗi đứa một nhát dao vào lưng ngã vật ra. Xong việc, hai tên còn lại mới giở rượu thịt ra đánh chén. Nhưng chỉ một lát, sau khi rượu ngấm, chúng cũng vật vã và nằm chết luôn bên cạnh.

Mười thoi vàng bỗng trở nên vô chủ. Nhưng chỉ nội ngày hôm đó, một người khách thương tình cờ đi qua chỗ nọ đã nhanh tay chiếm lấy làm của mình. Được món của lớn bên cạnh những xác chết, hắn vội vã tìm về thuyền, và mặc dầu chưa cất được hết hàng, hắn đã sai nhổ neo vượt vời để tránh mọi lôi thôi xảy đến.

Thuyền đi ra biển đến ngày thứ hai thì tự nhiên có một cơn bão nổi lên rất dữ dội. Cột buồm bị gãy và thân thuyền bị sóng đánh vỡ làm nhiều mảnh. Tất cả mọi thứ đều chìm xuống đáy biển hoặc lọt vào bụng cá.

Duy chỉ có một số người ôm được ván và nhờ sóng đánh dạt vào đất liền. Trong số đó có cả người khách thương. Khi được người dân địa phương cứu cho hồi tỉnh, hắn chép miệng than thở:

Của trời, trời lại lấy đi,
Giương đôi mắt ếch làm chi được trời.

KHẢO DỊ

Truyện này có nhiều nơi kể khác nhau, hình như nguồn gốc của nó là một phật thoại. Ở một phật thoại Việt-nam *Sự tích mười tám ông Phật La hán* có những tình tiết tương tự:

Một người đàn bà đẻ được mười tám người con trai, lớn lên chúng rủ nhau đi ăn cướp. Hồi đó có một phú trưởng giả hay bố thí, nhất là đối với học trò nghèo. Một hôm có một anh học trò đến xin tiền, phú trưởng giả cho luôn một lúc 50 quan và còn cho mượn ngựa trở về, hẹn lúc đến nhà cứ thả ngựa ra là ngựa sẽ tìm về chuồng cũ. Bất đồ đi được nửa đường, ngựa sinh chứng, không chịu đi nữa, quăng người và tiền xuống đất rồi quay trở về.

Anh học trò chưa biết tính thế nào, bỗng có bốn tên ăn cướp đến đánh chết, đoạt lấy của. Như truyện trên, chúng chia nhau mỗi người 10 quan còn

10 quan cắt hai đứa đi mua rượu thịt. Kết cục cũng giống như trên, nghĩa là hai đứa bị đồng lõa đâm chết, còn hai đứa kia uống rượu có thuốc độc cũng chết nốt.

Thấy ngựa trở về quá sớm, phú trưởng giả sinh nghi mới sai người nhà đi tìm. Khi biết được sự thật, phú trưởng giả suy tính: -"Năm mươi quan làm chết năm mạng, vậy trong nhà mình có 300 ngàn quan thì sẽ làm chết bao nhiêu người mà kể". Bèn sai người mang tiền lên thuyền chở đi đổ sông. Vừa gặp mười tám tên ăn cướp đến toan cướp, họ kể đầu đuôi cho hay. Mười tám người kia ăn năn liền nhảy xuống sông chết một lượt. Phật đưa lên Nát-bàn thành mười tám La hán[1].

Người Triều-tiên có truyện *Ba anh em*:

Có ba anh em rủ nhau đi kiếm nhân sâm về làm giàu. Họ đào được nhiều lắm. Ngốt lên vì của, hai thằng anh giết ngay em thứ ba. Đoạn mỗi đứa lại nghĩ cách giết đứa kia để độc chiếm số nhân sâm. Anh cả bảo: - "Chú về mua rượu đến đây ta uống, tôi ngồi chờ". Em mang rượu tới, anh bất thình lình giết ngay, rồi một mình ngồi uống rượu. Không ngờ rượu có thuốc độc vì đứa em đó cũng toan hại anh. Thế là cả ba đều chết, còn số nhân sâm vô chủ. Từ đó người ta cho rằng tình nghĩa anh em là quý hơn cả nhân sâm hay tiền bạc[2].

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Truyện dời xưa mới in ra lần đầu hết.*
2. Theo *Ông lão dưới giếng.*

IV

THÔNG MINH TÀI TRÍ VÀ SỨC KHỎE

62. HAI ÔNG TƯỚNG ĐÁ RÃI

Dưới thời nhà Lý, có một ông vua, nhân một hôm đi du ngoạn về miền núi xứ Đoài, tự nhiên thấy ở sườn núi nứt ra một khe rộng, rồi từ trong đi ra hai người to lớn lạ thường, mỗi người vác trên vai một phiến đá tảng như cái bồ, coi bộ không có tý gì là mệt nhọc.

Lấy làm lạ quá, ông vua cho gọi hai người đến hỏi: - "Các ngươi quê ở đâu ta?". Họ đáp: - "Chúng tôi là hai anh em sinh đôi ở trên núi này". - "Các ngươi có tài nghề gì chăng?" - "Chúng tôi chỉ giỏi môn vật!". Nhà vua bèn đưa họ về kinh thành cho tỷ thí với các đô vật khỏe nhất của mình. Nhưng không có một tay nào trụ nổi họ. Hễ ai hở cơ để cho họ mó phải một chỗ nào ở trên người là y như chỗ ấy không gãy xương cũng nát thịt. Nhiều người thấy thế run sợ lảng tránh, không dám đọ sức.

Nhà vua rất kính phục và mừng rỡ, cho họ làm thị vệ, lúc nào cũng bắt hầu bên mình. Người ta gọi họ là Đô Nghê và Đô Voi. Họ không quen mặc phẩm phục của triều đình; dù trời nóng hay lạnh, lúc nào cũng trần mình đóng khố như lúc họ mới về triều. Nhà vua cũng không thể nào bắt buộc họ được. Nhiều lúc vua đi về các hành cung ở địa phương sai họ canh cửa. Hai ông đứng canh luôn mười mấy ngày giữa mưa nắng gió sương mà không mệt mỏi, không đau ốm. Bởi thế người ta cũng gọi là hai ông tướng Đá Rãi. Thường thường vào những ngày hội ở triều đình, họ vật nhau và múa nhảy cho người bốn phương thưởng ngoạn.

Trong những năm chinh chiến, hai ông lập được nhiều công trạng. Giữa chiến trận, hai ông đóng khố bao, đầu đội mũ lưỡi búa, mỗi tay cầm một cây roi xông xáo giữa đám thiên binh vạn mã như vào chỗ không người. Bởi vì gươm giáo chém vào mình họ chỉ quần lại chứ thịt da không hề xây xát. Nhà vua phong cho họ làm tướng và yêu mến vô cùng.

Thấy điều trái tai gai mắt, hai ông tướng Đá Rãi thường nói thẳng không kiêng nể ai cả. Bởi vậy trong triều có nhiều người kính phục nhưng cũng có nhiều kẻ ghen ghét.

Buổi ấy nhà vua rất sùng đạo Thích Ca. Những công trình đúc chuông tô tượng làm chùa mỗi ngày một nhiều. Theo lệnh vua, giữa kinh đô bắt đầu dựng lên một cái tháp đồ sộ có thể đứng trên tháp nhìn thấy khắp bốn phía ngoài thành. Có hàng ngàn người phải bỏ nhà đến đấy phục dịch. Hai ông tướng Đá Rãi một hôm đi qua đó thấy mọi người xúm nhau lại khiêng một cây cột lớn lên tường cao. Không may nửa chừng dây đứt, cây cột rơi xuống nghiến nát mấy người. Hai ông bước tới, cùng một lúc nhấc bổng cây cột lên, vứt đi chỗ khác và than thở:

- Phật chỉ làm chết dân!

Không ngờ câu nói đó vô tình lọt vào tai một tên nịnh thần. Hắn vốn căm ghét hai ông từ lâu. Hắn về kể chuyện cho vua biết và nói thêm:

- Thần thấy hai tên đô vật ấy ngày càng lộng quyền. Sự lộng quyền sẽ dẫn tới sự thoán nghịch. Nếu không sớm trừ đi ắt về sau sẽ có họa lớn.

Thế là qua hôm sau, hai ông bị đưa ra pháp trường. Nhưng đao phủ chém chặt băm vằm thế nào cũng không thể nào làm họ chết được. Người ta lại cho bốn ngựa phanh thây, nhưng ngựa không chạy nổi. Cho là thần linh, ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi, sợ xanh cả mắt. Mãi về sau có một tên hung đồ, tay chân của viên nịnh thần, hiến một kế là vót một thanh nứa lấy đẳng cật thật sắc, rồi tống ngược từ hậu môn đến mồm.

Viên nịnh thần nghe theo, quả nhiên hai ông chết thật, nhưng hai ông còn lớn tiếng chửi rủa bọn tham quan ô lại trong triều cho đến lúc tắt thở[1].

1. Theo lời kể của người Bắc-ninh, Hưng-yên. Đoạn cuối có người kể: việc dùng nứa giết hai ông Đá Rãi là do hai ông chỉ cho chúng, chứ không phải do tên hung đồ bày mưu.

KHẢO DỊ

Về đoạn kết của truyện (hành hình hai ông tướng Đá Rãi bằng cách thọc cây nhọn vào hậu môn), một truyền thuyết của người Thái cũng có hình tượng tương tự:

Ăm Poi là tướng của người Xá rất gan dạ, đặc biệt là bắn không thủng, đâm không vào, chém không đứt. Vì vậy, địch thủ cho ông là người thần, hết sức khiếp sợ, tấn công nhiều lần mà không ăn thua. Cuối cùng tướng người Thái là Lạng Chượng phải xin kết hôn với con gái Ăm Poi là nàng Pha Nhắng để dùng mưu độc. Trong bữa tiệc cưới, Lạng Chượng đề nghị: hai bên nay đã hòa hiếu nên đem tất cả giáo mác cung nỏ đặt ở giá. Nói rồi tự mình làm trước. Ăm Poi tin là thật cũng làm theo, không ngờ chàng rể lật lọng, bất thình lình cho quân bắt sống bố vợ và đem hành hình ngay. Sau khi làm đủ cách mà Ăm Poi không chết, hắn mới chuyển sang dùng cây nhọn thọc vào hậu môn ngược lên, mới giết được[1].

1. Theo *Quắm tô mướn* (Cầm Trọng và Cầm Quynh dịch).

63. LÊ NHƯ HỔ

Ở làng Tiên-châu bây giờ thuộc về tỉnh Hưng-yên, ngày trước có một anh học trò họ Lê. Người anh to cao, ăn khỏe như hổ, bởi thế người ta gọi là Như Hổ. Cha mẹ anh nhà nghèo nhưng cũng cố gắng nuôi con ăn học. Từ lúc Hổ biết làm văn bài, mỗi bữa cha mẹ cho ăn một nồi bảy cơm. Nhưng chỉ được nửa năm trong nhà hết veo cả gạo, phải cho anh chàng đi ở gửi rể.

Nhà ông nhạc Hổ là một nhà giàu ở làng Thiện-phiến. Khi rể mới đến, cha vợ cho ăn mỗi bữa một nồi năm, nhưng vẫn thấy Hổ ăn rồi lại nằm khểnh không chịu học hành gì cả. Một hôm ông nhạc đến tìm ông thân sinh ra Hổ, hỏi: -"Ông bảo con ông là người chăm học làm sao từ khi nó đến nhà tôi, chẳng thấy nó học một tiếng nào?". Cha Hổ hỏi lại: - "Mỗi bữa ông cho cháu ăn bao nhiêu?" - "Một nồi năm" -"Thế thì cháu không học là phải. Nhà tôi dẫu túng kiết cũng phải cho cháu ăn một nồi bảy".

Từ đó cha vợ bảo thổi cho anh chàng mỗi bữa một nồi bảy, mới thấy Hổ cầm sách học được một hai tiếng. Người mẹ vợ thấy vậy tỏ ý không bằng lòng. Một hôm bà phàn nàn với chồng:

- Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống, ông chọn phải đồ ăn hại, chả làm nên được tích sự gì cả.

Chồng đáp:

- Nó có sức ăn hơn người chắc có tài hơn người. Đừng lo!

- Nếu thế thì chúng ta có mấy mẫu ruộng hoang, thử bảo nó ra đấy võ xem có làm nổi hay không thì biết.

Người cha vợ liền bảo Hổ võ ruộng giúp. Hổ nhận ngay, nói rằng:

- Được, ngày mai cứ nấu nhiều cơm cho ăn, con sẽ xin làm chu tất.

Qua ngày mai, ăn xong, Hổ cầm con dao lớn ra đầu làng ngồi dưới gốc đa. Nhân có gió mát chàng thiu thiu ngủ và rồi làm luôn một giấc ngon lành. Đến khi mẹ vợ đi chợ về qua thấy Hổ vẫn còn ngáy rống dưới bóng cây, tất tả chạy về bảo chồng:

- Ông còn thổi nhiều cơm cho nó ăn nữa thôi!... Ông ra mà xem nó đang vỡ ruộng dưới gốc đa kia kìa. Thật là đồ ăn hại đái nát!

Không ngờ khi bà mẹ vợ gặp Hổ, chính là lúc Hổ sắp tỉnh giấc. Anh chàng vươn vai rồi cầm dao xuống ruộng, chỉ trong một buổi phát luôn ba mẫu cỏ. Hổ phát nhanh đến nỗi cá chạy không kịp, chết trôi nổi đầy đồng, bắt không biết bao nhiêu mà kể. Đến khi cha mẹ vợ ra ruộng thăm, thì ruộng cỏ đã phát xong lại được thêm mấy thúng cá. Họ mới biết chàng rể nhà mình là người có tài, tấm tắc khen ngợi.

Khi lúa chiêm đã chín vàng, người mẹ vợ bảo Hổ đi mượn lấy hai mươi công gặt. Anh chàng bỏ đi chơi đâu một lúc rất lâu rồi về cho biết là không mượn được một người nào cả. Nhưng lúc bấy giờ ở nhà đã thổi xong một nồi ba mươi cơm, chỉ còn đợi thợ gặt đến ăn. Hổ bảo: - "Họ không chịu đến gặt, âu là con xin cố sức giúp thầy mẹ". Thế là Hổ ngồi một mình tỳ tỳ chén hết cả một bung lớn tướng cơm. Thấy mẹ vợ có ý không bằng lòng, anh chàng thưa: - "Mấy mẫu lúa ấy mẹ cứ để mặc con gặt và gánh chỉ trong một ngày là xong hết". Nói đoạn Hổ cầm dao chặt tre chẻ lạt mang đi. Hổ gặt độ nửa ngày là xong hai mẫu lúa, thế rồi bó tất cả lại thành bốn năm gánh lớn tướng lần lượt quảy về. Và chỉ đến chập tối là xong tất. Từ đó người mẹ vợ mến phục con rể, cho Hổ ăn đầy đủ để chàng an tâm học tập.

Hổ học đến đâu nhớ đến đấy, không bao lâu thi đậu ông nghè.

Trong thời gian đi thi Hổ đánh bạn với một anh chàng cũng nổi tiếng ăn khỏe tên là Nguyễn Thanh, người trong xứ Thanh. Khi chia tay, bạn mời đến chơi nhà, Hổ hỏi bỡn:

- Nhà bác có đủ cho tôi ăn một tháng không?

Nguyễn Thanh trả lời:

- Bác đừng lo. Cứ đến chơi, thế nào cũng đủ.

Sau đó ít lâu, Hổ cùng một người đầy tớ y hẹn đến chơi nhà Nguyễn Thanh. Bấy giờ ông Thanh đi vắng. Hổ bảo vợ bạn:

- Ông nhà ta có hẹn tôi đến chơi. Nay tôi có việc qua đây, thầy tớ độ 30 người, nhờ bác biện cho một bữa.

Vợ ông Thanh lập tức bảo người nhà thổi một nồi 50 cơm và mổ một con lợn to dọn thành sáu mâm cỗ bưng lên. Trước mặt người đàn bà, Hổ sai người hầu làm bộ lăng xăng vờ ra gọi tất cả thầy tớ vào ăn. Nhưng cuối cùng chỉ có một thầy một tớ ngồi chén tỳ tỳ hết mâm nọ đến mâm kia. Xong đâu đó, Hổ cáo từ lui về.

Hôm sau, ông Thanh trở về nhà, người vợ kể chuyện lại cho biết, ông Thanh nói:

- Thôi đích là Lê Như Hổ rồi!

Năm sau, ông Thanh một mình tìm đến chơi nhà Hổ, Hổ sai mổ hai con lợn và bốn mâm xôi làm cỗ đãi khách. Người nhà bưng cho chủ và khách mỗi người một con lợn và một mâm xôi. Ông Thanh chỉ ăn hết có một góc con lợn và một góc mâm xôi. Còn Hổ ngốn hết phần cỗ của mình rồi lại ăn trèo sang mâm của bạn. Nguyễn Thanh cả sợ nói:

- Sức ăn của bác thật là như hổ. Cơ nghiệp nhà tôi giàu lắm cũng chỉ thết quan bác được mươi bữa mà thôi!

Về sau, Lê Như Hổ làm quan to trong triều. Một lần vâng mệnh vua đi sứ Trung-quốc, Hổ đưa theo một người hàng thịt có tài biện bác để theo hầu. Khi sứ bộ đến kinh đô, vua Trung-quốc nghe tiếng sứ giả nước Nam là người ăn khỏe khác thường, mới sai dọn yến để xem thử thế nào. Vua bảo đặc biệt sai dọn 18 mâm cỗ đặt lên 18 tầng cao. Cỗ ở tầng thứ 18, vua sai đầu bếp giỏi lấy đầu cá làm thành một cái đầu người trông như thật để dọa sứ giả. Đoạn sai mời riêng Hổ vào ăn. Hổ đập bụng ăn hết cỗ tầng dưới rồi trèo lên ăn cỗ tầng trên, liên tiếp một mạch không nghỉ. Ăn đến cỗ ở tầng thứ 18, Hổ thấy cái đầu người, nhìn qua biết là đầu cá, liền cầm đầu đũa móc con mắt giơ lên cho mọi người xem rồi bảo người hầu:

- Ta xưa nay chưa biết mùi thịt người là thế nào, nay được hoàng đế cho ăn đầu người phương Bắc thật là quý. Vậy hãy đem dao lại đây cho ta.

Mọi người đứng dưới đều bịt mắt không dám trông lên. Việc đến tai vua, vua rất kinh phục, nhưng cho câu nói của Hổ xúc phạm đến quốc thể, mới sai những người hầu bưng đầu đi. Rồi vua sai lấy sơn gắn mắt Hổ lại, giữ riêng ở một nơi. Ba hôm sau, vua sai dắt Hổ đi khắp mọi nẻo trong hoàng thành rồi lại dắt trở về chỗ ăn yến cũ, hỏi: - "Chỗ này là chỗ nào?". Hổ đáp: - "Đây là chỗ tôi ngồi ăn yến hôm nọ". Vua khen là người có tài, bèn tha cho Hổ không phải gắn mắt nữa.

Bấy giờ ở Trung-quốc trời làm hạn hán suốt ba bốn tháng không có lấy một giọt mưa. Nhân có sứ giả các nước bốn phương đến chầu, vua mới hạ chiếu cho các sứ thần làm lễ cầu đảo. Ai cầu được ứng nghiệm sẽ được phong tước và trọng thưởng. Hổ nhờ người hàng thịt xem tượng trời biết là còn lâu mới mưa, nên tâu rằng: - "Nước chúng tôi là nước bé, xin để sứ giả các nước lớn cầu đảo trước đi đã". Vua y theo. Sứ giả các nước lần lượt vào làm lễ đều chả ăn thua gì. Đến lượt sứ giả Việt-nam, Hổ tâu vua rằng: - "Trong sứ bộ chúng tôi có một người có phép hô phong hoán vũ. Nếu bệ hạ muốn dùng xin để gọi vào". Vua lập tức cho đi gọi. Hổ đưa người hàng thịt đến cho vua. Người hàng thịt thấy trời chưa có dấu hiệu gì tỏ ra sắp có mưa nên lúc đến nơi, tâu vua: - "Xin bệ hạ cho xây một cái đài cao 10 trượng: trên đó phải sắm đủ lễ vật cần thiết. Thần sẽ chọn ngày tốt trai giới lên đàn rồi gọi mưa đến". Công việc cứ dềnh dàng mãi cho đến lúc rễ si và cỏ gà đều đâm nõn trắng, họ mới tâu vua xin bắt đầu làm lễ. Cúng ngày hôm trước thì hôm sau trời liền đổ mưa suốt hai đêm ngày. Người Trung-quốc từ vua chí dân đều mừng rỡ, khen sứ giả Việt-nam có bụng chân thành làm cảm động được trời đất. Vua Trung-quốc bèn phong cho người hàng thịt làm "Luỡng quốc quốc sư" còn Hổ thì phong làm "Luỡng quốc thượng thư".

Thấy Hổ có tài, vua Trung-quốc lưu lại bắt dạy hoàng tử. Hổ tuy muốn về lắm nhưng không thể chối được, bất đắc dĩ phải ở lại dạy học. Theo phép dạy của Hổ thì "trước học lễ, sau mới học văn". Hễ hoàng tử hơi có tý lỗi là Hổ cầm roi vụt ngay vào đít. Hoàng hậu thương con hay phải đòn, mới xin vua chọn một ông thầy khác. Vì thế Hổ ta được trở về nước. Lúc hai thầy trò Hổ về, vua Việt-nam cho là họ có công lao, phong thưởng rất hậu. Khi Hổ chết, vua Trung-quốc sai sứ sang điếu và ban một cái áo quan bằng đồng[1].

1. Theo Vũ Phương Đề. *Công dư tiệp ký.*

KHẢO DỊ

Trong *Công dư tiệp ký* còn có truyện *Hai anh em Lê Nại, Lê Đỉnh* trong đó có Lê Nại sức ăn rất khỏe phần nào giống với Lê Như Hổ. Nhà Nại nghèo được ông thượng Vũ Quỳnh gả con gái cho. Trong khi ở gửi rể, Nại hết ăn no lại nằm không chịu học hành gì cả. Cha vợ tìm đến nhà cha Nại, hỏi: - "Nghe nói con ông là một người chăm học thế mà từ khi đến ở nhà tôi thì hết sức lười". Cha Nại hỏi: - "Mỗi bữa, ông cho nó ăn bao nhiêu?" - "Một nồi hai cơm" - "Thế thì nó không chịu học là phải. Ngay như nhà tôi mà mỗi bữa cũng phải thổi cho nó ăn nồi năm".

Ông thượng rõ chuyện, mới về bảo người nhà thổi một nồi ba cơm cho chàng rể ăn thì ông Nại học đến canh ba, sau lại cho ăn nồi tư thì học đến canh tư, cho ăn nồi năm thì học đến sáng. Ông thượng mừng, nói: -"Rể ta có sức ăn hơn người tất có tài hơn người". Từ đó sai thổi cơm nồi mười cho rể ăn. Quả nhiên ông Nại học thâu đêm suốt sáng, ít khi ngớt tiếng. Về sau ông đi thi đậu Trạng cùng làm đến thượng thư như cha vợ. Cha vợ có làm thơ tặng con rể:

Tiên sinh Mộ-trạch, ăn khỏe nổi danh,

Mười tám bát cơm, mười hai bát canh.

Đi thi đỗ Trạng, tên trùm làng Nho,

Chứa vào càng khỏe, phát ra càng to.

Đồng bào Tây-nguyên có truyện *Bót Rơ kén rể* và truyện *Chàng Rá*, cũng nói đến một nhân vật đi làm rể, ăn khỏe và ngủ nửa ngày mới dậy, nhưng làm việc thì như thần (hoặc nhờ có phép thần):

Trong truyện *Bót Rơ kén rể* (của người Bahnar) thì ông Rơ có bốn cô gái, ông sai con gái đi làm đổi công cho các gia đình để tìm một người rể lao động khỏe. Đầu tiên, ông gặp Néc Ne, rồi gặp Hơ-le Hờ-lép. Những anh chàng này chỉ nhờ thức khuya dậy sớm lao động hùng hục nên ông không vừa ý. Sau ông gặp Ma-toong Ma Oắt lao động cừ, ông gả ngay hai cô gái đầu. Sau gặp Đam Trong cũng giỏi, gả cô thứ ba cho y. Còn cô gái út xinh nhất ông không thấy có người nào vừa ý cả. Có anh chàng Rết xấu xí ăn mặc lôi thôi, lại ngủ trưa mãi đến mặt trời mọc cao mới đi làm. Ấy vậy mà khi làm anh ta nhờ phép thần có một sức mạnh không ai bì kịp, võ cả một khu rừng mênh mông trong một loáng, lại đốt rất nhanh. Qua nhiều lần thử thách ông Rơ biết Rết có tài

phép bèn gả con gái cho chàng tuy hình thức bề ngoài khù khờ xấu xí bị mọi người dè biu.

Ở truyện *Chàng Rá* (của người Hrê) thì có một bà cụ nghèo sinh một đứa con xấu xí tròn như quả bầu đặt tên là Rá. Rá ăn rất khỏe, mới lọt lòng đã ăn hết đấu gạo. Lớn lên đi ở với một tù trưởng, ai cũng ghét trừ có cô Tám là thương Rá, nhận hằng ngày đưa cơm cho anh. Khi đến nơi thấy Rá còn ngủ, tiếng ngáy như sấm. Cô gái chờ Rá dậy, đưa cơm cho Rá ăn, rồi đứng rình xem thì thấy Rá bỗng tách đôi hóa thành nhiều người rất khỏe, đẹp, hát hay và chia nhau chặt cây, chỉ một loáng là xong. Sau cô gái ốm tương tư đòi lấy chàng Rá. Bố mẹ thuận gả nhưng đuổi hai vợ chồng ra khỏi nhà. Nhờ có phép, Rá trở nên giàu có, còn tù trưởng thì sau hóa thành hổ.

Truyện *Sọ dừa* và một số truyện khác của các dân tộc anh em cũng có hình ảnh tương tự truyện *Chàng Rá* (xem truyện *Lấy chồng dê*, số **128**, tập **III**).

Phương Tây có một loạt truyện phần nào giống với truyện *Lê Như Hổ* ở phần đầu. Đây là truyện của Pháp:

Một nhà nghèo có đứa con tên là Phước (Bénédicité), 18 tuổi mà không ra khỏi giường. Một hôm, người bố bảo: - "Dậy con! Đã đến lúc làm việc!". Phước dậy đến làm công cho một chủ trại trong vùng và đề nghị ba điều: 1. Không dậy trước năm giờ sáng; 2. Ăn đủ no; 3. Cuối năm trả thóc vừa đủ sức mình mang. Chủ trại thấy điều kiện có lợi cho mình nên chấp nhận.

Sáng hôm sau các đầy tớ khác của chủ trại dậy từ hai giờ sáng đi chặt củi. Phước cứ ngủ đúng giờ mới dậy. Chủ cho dọn một bát xúp nhỏ, anh đáp: - "Không được! Phải một nồi xúp và 3 ổ bánh tướng kia". Chủ cho ăn đủ. Ăn đoạn, chủ sai thắng xe năm ngựa đi chở củi về. Dọc đường, anh nhổ 4 cây vứt lên xe, ngựa kéo ỳ ạch. Lại bỏ thêm 2 cây nữa, ngựa không kéo nổi. Phước tháo ngựa bỏ cả lên xe, rồi tự tay kéo về, mà lại về trước mọi người.

Chủ ngạc nhiên về sức khỏe của anh, bèn sai đi chặt một ruộng củi nếu không xong thì đuổi. Phước đến rừng, nằm nghỉ ở gốc cây. Cô ở gái mang cơm trưa đến, vẫn thấy ngủ chưa dậy. Nhưng đến chiều thì đã chặt xong. Hôm sau chủ sai đi canh cối xay. Ở đây có quỷ dữ, người nào đã đến thì không thể trở về, nhưng khi quỷ nhảy ra khỏi lò sưởi liền bị anh giết chết. Chủ lại sai anh mang thư cho con mình cách đấy 30 dặm, dặn con cho Phước ăn đầy đủ rồi giết đi. Anh vác ngựa lên vai 15 dặm rồi cho ngựa mang mình 15 dặm. Con lão chủ bắn súng nhỏ vào anh, anh nói: -"Ở đây có loài ruồi cắn khó chịu, nhưng không độc lắm". Bắn súng lớn cũng không ăn thua. Anh lại trở về vô

sự. Chủ lại sai anh lau giếng sâu. Đang lau, chủ ném xuống một cối xay 1.000 cân. Cối quàng vào cổ thành cái vòng. Lại ném một cái chuông nặng 2 vạn cân. Chuông úp lên đầu. Lên khỏi giếng, Phước cất chuông chào, nói: đây là cái mũ ngủ, lại cất cối, bảo: đây là khăn quàng cổ.

Chủ phải cho về, anh đòi tiền công. Chủ đưa hai bao thóc, anh không lấy; đưa 8 bao, anh chỉ nhấc bằng một ngón tay; đưa 32 bao, nhấc bằng hai ngón. Cuối cùng chủ phải đưa 100 bao, anh mới nhận và vác về.

Truyện của Đức do Grim (Grimm) sưu tập cũng nói tới một "Khổng lồ trẻ" khi thức không chịu dậy, đòi ăn trước khi lên rừng, ngốn hết khoảng trên 20 lít đậu và làm xong việc trước mọi người. Truyện của Hy-lạp (Grèce) có nhân vật là Jăng ra đồng làm việc với bố và các anh. Anh nằm dưới đất ngủ đến chiều mới bắt tay làm, nhưng lại xong trước mọi người[1].

Đoạn cuối của truyện *Lê Như Hổ* gần giống với truyện *Trạng Ếch*:

Xưa có một ông quan có người vợ lẽ rất đẹp nhưng phải ly dị vì người vợ cả của ông có máu ghen. Người vợ lẽ sau đó lấy một người bắt ếch ăn ở với nhau rất vui vẻ. Một hôm, chồng mổ ếch bắt được ngọc. Ngọc đó chàng dùng chữa mắt cho nhà vua nên được làm quan. Một lần trời đại hạn, vua hứa ai cầu được mưa sẽ phong cho làm Trạng. Người chồng nhờ xem đùi ếch biết trước ngày mưa, vội xin vào cầu. Quả nhiên đúng ngày tháng trời mưa to. Anh chàng được phong Trạng nguyên và mang tên Trạng Ếch.

Trong khi đi sứ, Trạng Ếch đã làm cho người nước ngoài kính phục về nhiều cử chỉ vô tình của mình, nên còn được vua Trung-quốc phong làm Lưỡng quốc Trạng nguyên[2]. Xem tiếp phần sau ở **Khảo dị** truyện *Nhà sư và người thợ giày*, (số **192**, tập **V**).

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.
2. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

64. CHÀNG LÍA

Ngày xưa có một nhà nông phu nghèo ở Gò Sặt, tỉnh Bình-định có một đứa con trai tên là Lía. Từ thuở lọt lòng, Lía đã mồ côi cha nhưng chóng lớn và khỏe mạnh. Năm lên bảy, một mình Lía có thể hạ bọn trẻ cùng lứa tuổi trong những keo vật. Một vài năm sau tất cả những đứa trẻ trong vùng đó đều sợ Lía.

Một hôm, Lía đấu võ với một đứa lớn tuổi. Lía dồn địch thủ vào một thế rất nguy làm cho nó hốt quá phải van lên:

- Tôi lạy anh, anh tha cho, tôi xin gọi anh là vua!

Từ đó cái tên "Vua Lía" được bọn trẻ hay dùng. Chúng nó ngày ngày làm kiệu khênh Lía đi chơi khắp nơi.

Một người hàng xóm mách tin đó cho mẹ Lía biết và nói:

- Chao ôi! Bà liệu chừng cái đầu của mẹ con bà đó!

Mẹ Lía đâm hoảng:

- Chết tôi! Lạy trời cho nó đừng sinh ngụy.

- Bà cho nó đi học đi. Đem gửi nó cho ông đồ, ông ấy kèm cho!

Từ đó, Lía phải đi học. Ông đồ tuy dữ đòn nhưng Lía không sợ. Chàng thích học võ hơn là học chữ. Chàng thường lén thầy ra vườn, đi những bài quyền học lỏm được của người khác. Mấy luống rau của ông đồ chả còn một cây nào mọc được. Một hôm, giữa lúc bị thầy nọc cổ xuống đánh, Lía giật lấy roi bẻ vụn ra từng khúc. Ông đồ nhìn Lía tắc lưỡi. Ngay hôm đó ông dắt đứa học trò cứng đầu ấy đến trả cho mẹ nó.

Lía khoái chí vì ngày ngày khỏi phải ê a chán ngắt. Chàng lại cầm đầu bọn trẻ đùa nghịch như xưa. Một hôm, Lía chọn mấy đứa lớn khỏe, cùng mình lên núi vắng đón những người lạ mặt đi chợ về cướp lấy gánh gồng tay nải. Được thứ gì, Lía thường chia cho anh em cùng hưởng.

Người ta lại mách cho mẹ Lía biết. Lần này mẹ Lía hết đánh con đến van vái con. Lía thề xin chừa. Chàng rất thương mẹ, không muốn để mẹ cực khổ về mình. Nhưng rồi chứng nào vẫn giữ tật ấy. Cuối cùng mẹ Lía bắt Lía đi ở chăn trâu cho một nhà giàu ở một làng khác thật xa.

Ở đây Lía lại có bạn mới. Mỗi ngày chàng và bạn phải lùa đàn trâu lên núi cao cho ăn. Sau những cuộc đua chọi bằng đánh cù đánh vật, bọn trẻ ở đây tôn Lía làm đàn anh. Dần dần chàng cùng bọn chúng đón đường cướp giật tay nải của những người bộ hành đi lẻ tẻ trên những con đường vắng vẻ.

Một hôm, Lía hứa với bạn ngày mai sẽ đãi tiệc. Chúng chỉ phải chuẩn bị dao nồi và mắm muối. Hôm sau, khi chúng tập hợp đầy đủ, Lía bảo: - "Chúng mình làm thịt nghé ăn chơi!". Chúng nói - "Không sợ chủ nó bắt đền à?" - "Cứ ăn ngay con nghé của chủ tao, tội vạ tao chịu". Nói rồi giết ngay con nghé tơ xẻ thịt nấu ăn. Chàng bảo chúng:

- Về nhà cứ nói hộ tao rằng cọp tha mất nghé là đủ.

Lần ấy quả có "động rừng" cho nên mưu của Lía đắt. Người nhà giàu tìm nghé mãi không được, tin là bị hổ vồ nên không căn vặn gì lắm. Được ăn quen mùi, chúng giở mưu đó làm đi làm lại hết nghé chủ này đến bò nhà khác. Cuối cùng bọn chủ biết được. Chúng bắt đền cha mẹ bọn trẻ. Người ta hay chuyện, ai cũng giận Lía, toan bắt giải quan. Nghe tin không hay, Lía bỏ trốn biệt.

Khi bước về nhà, Lía thấy mẹ đang nằm trên giường bệnh rên khừ khừ. Chàng lại dùng lối cướp giật kiếm tiền mua thuốc. Được của ngon vật lạ, Lía đều đưa cho mẹ ăn. Mẹ hỏi: - "Mày lấy ở đâu ra thế?". Lía nhất định không nói, chỉ năn nỷ mẹ ăn cho là đủ.

Sau khi mẹ chết, Lía không còn kiêng nể một ai nữa. Đói thì đi cướp giật để ăn, siêng thì ra đồng luyện võ nghệ. Một hôm, Lía giật cái thúng trong đó có mấy quan tiền của một người qua đường. Thấy người ấy òa khóc, chàng gạn hỏi mới biết là anh ta vừa bị một tên chánh tổng cướp đoạt gia sản nay bị đuổi ra khỏi nhà, lưng vốn chỉ còn có bấy nhiêu. Nghe kể chuyện, Lía bừng bừng nổi giận. Mặc dầu bụng đói, chàng trả tiền cho người lạ rồi dò hỏi tìm đến đánh võ đầu tên chánh tổng. Quan

trên vì việc ấy sai một toán lính về bắt Lía. Nhưng khi về đến làng, bạn của chàng đã tin trước cho chàng đi trốn.

Lía không có họ hàng thân thích nên khi bỏ nhà ra đi, chàng không có chỗ ở nhất định. Tối lại ngủ chùa ngủ đình, đói ở đâu thì cướp ở đó.

Một hôm đi qua truông Mây, Lía thấy một bọn cướp chặn đường đòi tiền mãi lộ. Chàng vờ sợ hãi đưa tay nải ra. Nhưng bọn cướp vừa xông lại liền bị chàng cho mỗi đứa một đá văng ra bốn phía. Cả bọn cướp ở trên núi kéo xuống bổ vây nhưng bị Lía nhổ cây làm gậy đánh cho thất điên bát đảo. Chủ trại thấy võ nghệ chàng tuyệt trần bèn mời chàng nhập bọn. Lía vui lòng dừng chân lại đây để chấm dứt cuộc đời lang thang.

Ba người chủ trại tên là Hồ, Nhẫn và Chân có tiếng võ nghệ cao cường không ai địch nổi. Trong mấy năm họ đóng ở truông Mây mọi người đều sợ. Cả đến quan tỉnh quan huyện cũng đều kiềng mặt. Người ta gọi tôn là "cha Hồ, chú Nhẫn, mẹ Chân". Từ lúc Lía nhập bọn, bọn cướp truông Mây càng thêm vây cánh và càng lộng hơn trước.

Một hôm, bọn họ kéo nhau ra Bồng-sơn cướp một tiệm buôn lấy được của cải và hàng hóa bộn bề. Trở về trại, họ mở tiệc ăn mừng. Khi chia những của cướp được, bọn cha Hồ toan chiếm lấy phần nhất. Nhưng Lía nhất định không chịu: - "Nếu không có tôi - chàng nói - thì các chú đã dám vào nhà chưa?". Rồi Lía đòi ba chủ trại hãy ra sân cùng mình tỉ thí. Quả nhiên, trong cuộc đọ sức, sức khỏe và võ nghệ của Lía mười phần, bọn cha Hồ không được một. Thấy Lía toàn tài, cả trại đồng thanh tôn chàng làm chủ.

Từ ngày Lía làm tướng, hành động của bọn cướp truông Mây có phần thay đổi. Lía cấm lâu la không được cướp giật của những người qua lại, không được cướp của cải của người nghèo: - "Đã cướp - chàng nói - chúng ta làm những mẻ cho to, gõ vào đầu bọn trọc phú, cần gì đi vét hầu bao của những kẻ khố rách?". Thường khi cướp được nhiều của, Lía bắt trích một nửa phân phát cho những người nghèo trong vùng. Chẳng những thế, mỗi lần trong tỉnh xảy ra việc gì mà Lía cho là trái lẽ, chàng liền kéo bọn truông Mây đến can thiệp.

Từ đó, cái tên truông Mây, cái tên Lía được dân nghèo ca tụng. Trái lại, bọn quan lại, bọn nhà giàu trong tỉnh thì sợ mất mật. Quan tỉnh nhiều phen phái quân đến tiễu trừ nhưng mỗi lần xuất quân đều bị họ biết trước và bị họ đánh cho tan tác. Bọn quan tỉnh không làm thế nào được, muốn báo về triều đình nhưng lại sợ tội trút lên đầu nên đành để mặc Lía và thủ hạ tung hoành.

*
* *

Ít lâu sau, nghe tin nhà vua mở khoa thi võ, Lía có ý muốn trổ tài với thiên hạ, lập chút công danh. Bọn cha Hồ không cản được, đành ở lại giữ trại cho Lía cải trang ra đi.

Khoa ấy ở trường Bình-định có một viên chánh chủ khảo ăn tiền như rái. Thí sinh ai có lo lót ít nhiều, hắn mới chịu nhận đơn. Thấy Lia nạp đơn không có "vi thiềng", chánh chủ khảo đập bàn, quát: - "Mày là thằng nào mà không biết lệ trường thi. Đơn từ làm dốt nát thế này. Lính đâu, đuổi cổ thằng này không cho thi nữa". Nghe mấy lời đó, Lía căm tức vô hạn, nhưng giữa nơi quân lính đông đảo, gươm giáo sáng lòe, chàng đành nuốt giận không dám ra tay. Chàng đi gấp về sơn trại kể việc đó cho bọn cha Hồ nghe và nhất định đem lâu la xuống núi rửa hờn. Cả bọn cải trang rất khéo và hoạt động rất kín đáo. Chỉ vào khoảng nửa đêm, quân của Lía đã lọt vào thành và phục sẵn, chờ lệnh Lía là hành sự. Chánh chủ khảo đang ngon giấc với nàng hầu thì bị một nhát dao vào cổ. Vợ hắn chỉ còn biết dập đầu van lạy. Thấy nàng đẹp, Lía bắt luôn đưa về sơn trại làm vợ.

Mọi việc quá êm lẹ nên mãi đến gần sáng quan quân mới biết. Suốt tỉnh náo động. Sau cùng dò la mãi người ta mới biết rằng bọn cướp truông Mây gây ra việc đó. Lần này không thể giấu được triều đình, bọn quan tỉnh phải làm só tâu vua và xin thêm quân để tảo trừ.

Bên phía quân truông Mây cũng lo đắp đồn luyện quân để phòng thủ sơn trại. Vì thế quân đội triều đình mấy lần xông xáo đều bị thất bại. Các quan ai cũng lấy làm lo. Nếu không lập mưu diệt Lía thì bọn họ không thể nào còn ngồi ấm chỗ.

Nghĩ rằng nếu dỗ được vợ Lía làm nội ứng hẳn rất có lợi, các quan đầu tỉnh bàn nhau sai ba tên lính giả làm lái buôn lụa để dò bụng nàng. Ba tên này nhờ lo lót với bọn canh cửa nên lọt qua truông Mây vào bán hàng cho vợ Lía để dò ý. Giữa khi giở các súc gấm vóc cho vợ Lía xem, bọn chúng cố ý để lộ cho nàng thấy một chiếc nhẫn của chánh chủ khảo để lại. Người đàn bà hiểu ý, sai đuổi kẻ hầu ra ngoài. Bọn chúng đưa mắt cho nàng và nói nhỏ: - "Chúng tôi lặn lội lên đây là vì mối thù của bà lớn". Đoạn chúng móc trong tầng áo lót, đưa ra một phong thư của quan tỉnh hứa với nàng nếu làm nội ứng trừ được giặc, sẽ có trọng thưởng. Vợ Lía nhận lời và hẹn ngày thi hành kế độc.

Đến ngày ấy, vợ Lía sắm sửa một tiệc rượu rất linh đình mời bọn cha Hồ, chú Nhẫn, mẹ Chân đến dự, nói là ăn giỗ mẹ. Nàng ăn mặc rất đẹp, liếc mắt đưa tình và chuốc chén mời mọi người. Bọn Lía không ngờ là độc kế, cứ uống tràn. Rượu đã có tẩm thuốc mê nên chưa tan tiệc mà bốn chủ trại đã say khướt, không còn biết gì trời đất. Vợ Lía cho bọn lâu la hạ tiệc xuống, ra sau trại ăn uống cùng nhau. Còn lại một mình, nàng lấy thừng lớn trói bọn cha Hồ với nhau làm một đống. Về phần Lía, biết chàng có sức khỏe phi thường nên nàng dùng mười lớp dây thừng buộc chặt vào tấm phản. Xong đâu đó, nàng cho người tâm phúc ra khỏi sơn trại báo tin.

Nghe báo, quân triều đình lập tức tiến công. Quân truông Mây không có tướng nên tan vỡ rất chóng. Quân triều đình kéo ùa vào trại như vào chỗ không người. Bấy giờ Lía đã hơi tỉnh. Thấy nguy biến, chàng định vùng dậy chạy, nhưng toàn thân mắc cứng vào tấm phản. Biết là đã rơi vào bẫy, Lía bèn dùng hết sức bình sinh giãy đứt dây buộc chân rồi đứng dậy mang cả tấm phản lớn sau lưng. Chàng húc mấy cái vào cột nhưng dây buộc chặt quá không thể làm gì được. Thấy đã quá gấp, Lía cứ để vậy chạy ra phía cửa trại phá vòng vây xông ra. Tấm phản là một chướng ngại lớn cho chàng, nhưng cũng là tấm mộc rất tốt. Mấy tên lính thứ thì bị cái đá của Lía, thứ thì bị tấm phản húc vào đầu nên toáng đảm không dám đuổi, đành trở vào bắt bọn cha Hồ, chú Nhẫn, mẹ Chân giải nạp.

Thoát vây, Lía cứ rừng già chạy một mạch. Mãi đến xế chiều bụng quá đói, sức quá mệt, chàng mới dừng lại nghỉ bên bụi cây. Gặp một ông già gánh củi từ rừng sâu xăm xăm bước ra, Lía nhờ ông cởi trói giúp. Khi tấm phản rơi xuống, ông già rút mo cơm ra cho chàng ăn. Lía không từ chối đón lấy ăn ngay. Ăn xong chàng vái ông già và nói:

- Tôi là thằng Lía, lâu nay vẫy vùng một cõi không ai làm chi nổi, nay mắc mưu một đứa nhi nữ, thân thế phải đến nỗi này sống làm chi nữa cho thêm nhơ nhuốc. Lía này nhờ được ông cởi trói lại nhịn bữa cho ăn, ơn ấy không biết lấy gì mà trả. Vậy Lía xin dâng vật này, ông hãy mang xuống nạp quan mà lĩnh thưởng.

Cụ già vừa nghe dứt lời thì đã thấy thủ cấp của Lía nằm ngay trước mặt. Ông cụ vốn hâm mộ Lía. Ông toan giúp Lía đi trốn để khôi phục cơ đồ nhưng không ngờ Lía quá nóng nảy tự hủy tấm thân. Than khóc hồi lâu, ông chỉ còn biết đem thi thể của chàng chôn cất một nơi kín đáo không cho ai biết.

Ngày nay vẫn có ca dao:

Chiều chiều[1] *én liệng truông Mây,*
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành[2].

KHẢO DỊ

Truyện trên được đồng bào ở Đề-gi thuộc Bình-định kể lại, dựa theo *Vè chàng Lía*. Nhưng Trần Việt Ngữ còn sưu tầm được một bài *Vè chàng Lía* thứ hai do một người ở Quảng-ngãi đọc. Bài vè này không nói đến việc Lía đi thi và những biến cố bi đát xảy ra kết thúc cuộc đời chàng. Đại thể ở đây cũng nói đến thời trẻ của Lía: nhà nghèo, mồ côi bố, tính hung dữ nhưng lại có hiếu với mẹ. Mấy lần đi ăn xin về nuôi mẹ bị bọn phú hộ và chức dịch xua đuổi, tức mình Lía bèn đi ăn trộm. Một hôm đang trộm bị bắt quả tang, bị xã trói, đóng gông, nhờ có một hương sư xin tha, đưa về cho đi chăn trâu. Chơi với trẻ chăn trâu, Lía cũng bày trò làm vua, khênh kiệu, nhưng không có

1. Cũng có người đọc là *Xập xè*.
2. Theo *Vè chàng Lía*.

chuyện ăn thịt trâu của chủ. Nhân một hôm có một con cá lóc từ dưới nước nhảy lên bờ, Lía bắt chước tập miếng võ nhảy cao. Về sau Lía bỏ trốn vì lỡ tay đánh một đứa trẻ vỡ đầu.

Bước vào nghề cướp bóc, Lía giết chết một tên phú hộ và rạch trán người vợ hương quản để báo thù việc chúng đã xử tệ lúc mình đến nhà chúng ăn xin. Vì nhớ mẹ - mẹ đã chết lúc nghe tin con giết người - Lía lần về quê hỏi tin, bị bọn làng vây bọc, Lía chống đỡ suốt một đêm, rồi dùng miếng võ "cá lóc" trốn được.

Ở đây cũng có việc Lía thắng bọn cha Hồ chú Nhẫn và cũng được suy tôn chủ trại. Mấy lần đón gánh hát bội lên trại mua vui, Lía đều giết bầu gánh vì chúng coi thường khả năng thưởng thức nghệ thuật của Lía, trừ có một gánh được Lía thưởng rất hậu vì hát hay.

Về sau Lía chiêu binh mãi mã củng cố trại. Bọn trọc phú, bọn quan lại đều là đối tượng của Lía. Tin đến tai vua, vua sai đại tướng đem 10 vạn quân đi đánh. Lía đánh cho tan tành, chiếm lấy thành trì, nhưng sau đó bị tên đô đốc vây thành rất ngặt, Lía phải dùng miếng "cá lóc" nhảy khỏi vòng vây, trở về căn cứ thủ hiểm. Đô đốc đánh không nổi, đành xin vua bãi binh[1].

Theo lời một người Bình-định khác kể thì mỗi lần Lía đi thăm các sơn trại, thường có thói quen phóng một cái mâm thau lên trời. Phóng vừa xong Lía đã nhảy theo ngồi trên mâm thau để mâm chở mình đi. Mô-típ trên chắc là phần nào chịu ảnh hưởng của loại mô-típ phổ biến trong các truyện anh hùng ca của người Ba-na (Bahnar), Ja-rai (Djarai)... (ví dụ truyện *Ghi-ông Ghi-ở*). Nhân vật anh hùng ở đây thường ném cái khiên lên trời để nó chở mình đi khắp nơi[2].

1. Theo *Dân ca miền Nam Trung-bộ*, tập II.
2. Xem *Truyện cổ Ba-na*. Sách đã dẫn.

65. ANH EM SINH NĂM

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà nọ chỉ sinh được có mỗi một người con gái. Vì thế họ nuôi nấng dạy dỗ rất chăm chút. Khi cô gái lớn lên, cha mẹ dạy cho đạo thánh hiền. Năm nàng mười lăm tuổi vẫn bị cấm cung không được tiếp xúc với người ngoài. Một hôm người mẹ lên chùa lễ Phật. Lần đầu tiên bà ta đưa con gái ra khỏi nhà. Bấy giờ có một vị thiên thần muốn mượn cô gái đồng trinh làm chỗ đầu thai, mới nhân lúc cô gái ra vườn chùa vãng cảnh, hiện làm một bông hoa có năm cánh rất đẹp. Cô gái thích quá ngắt lấy ngắm nghía hồi lâu, rồi bỗng dưng bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó cô gái tự nhiên không chồng mà chửa. Cha mẹ nàng ngạc nhiên và xấu hổ vô cùng. Hết tra hỏi đến dụ dỗ nhưng cô gái ngây thơ ấy cũng chả làm sao mà hiểu được. Tất cả mối ngờ của cha mẹ đều đổ dồn vào nhà chùa. Đoán là có một sư ông đã quyến rũ con gái mình trong ngày lễ Phật dạo nọ, họ bèn đuổi con lên chùa và nói: - "Mày lên đó mà ở với sư, đừng vác mặt trở về bôi nhọ nhà tao nữa". Hòa thượng trụ trì chùa đó không biết làm thế nào, đuổi đi cũng không nỡ, đành phải nhận nuôi nàng và dựng một túp lều sau chùa cho nàng ra đó ở.

Khi gần đến ngày sinh, cô gái bỗng nằm chiêm bao thấy có một thiên thần đến trước mặt dặn rằng: - "Đừng đặt tên con vội, cứ để đến lúc chúng nó biết nói, tự chúng sẽ cho biết tên".

Thế rồi, cô gái sinh một lúc năm người con trai, đặc biệt khuôn mặt giống nhau như tạc. Cả năm anh em đều lớn nhanh như thổi, đứa nào đứa ấy sởn sơ mạnh khỏe. Khi chúng biết nói, người mẹ hỏi đến tên con, thì đứa thứ nhất trả lời: - "Sức con có thể vác nổi một quả núi, con là Mạnh mẽ". Đứa thứ hai nói: - "Người con dù có đao băm búa bổ cũng không chết, con là Mình đồng da sắt". Đứa thứ ba tiếp: -"Con có

thể ngồi một nơi biết được mọi việc trong thiên hạ, tên con là Vén mây xem trần". Đứa thứ tư: - "Con có thể sống dưới nước cũng như trên cạn, tên con là Khô". Đứa cuối cùng nói: - "Con thì dù ngồi trong lửa cũng cứ dễ chịu như thường, tên con là Ướt".

Năm anh em lớn lên lo làm việc nuôi mẹ. Hàng ngày Mạnh mẽ lên rừng kiếm củi về đổi lấy gạo. Mỗi một gánh củi của chàng chứa đầy một sân. Tiếng tăm của anh chàng truyền khắp mọi nơi trong nước. Hồi ấy nhà vua cần nhiều củi để dùng vào một lễ rất long trọng của triều đình. Vua cho triệu Mạnh mẽ đến, bảo kiếm củi cho mình và hứa cứ mỗi gánh củi đưa đến sẽ đổi cho một gánh gạo.

Mạnh mẽ kiếm củi mau như chớp. Rừng tuy xa nhưng mỗi một ngày chàng đi đi về về không biết bao nhiêu lần, mỗi lần đưa củi đến lại gánh gạo đi. Đến nỗi lúc viên quan trông nom kho gạo cho nhà vua thấy gạo kho đã vơi quá nửa, hắn lật đật đến báo cho vua biết. Vua nói: - "Thế thì phải bắt nó chết mới được!". Bèn cho đòi Mạnh mẽ đến và bảo:

- Nhà ngươi làm việc như thế chắc là mệt. Thôi cho về nghỉ sức; mười ngày nữa sẽ đến đây phục mệnh.

Mạnh mẽ về nhà kể chuyện cho anh em nghe. Vén mây xem trần vốn đã đọc được những ý nghĩ không tốt trong đầu nhà vua bèn bảo Khô đi thay cho Mạnh mẽ. Mười ngày sau, Khô đến gặp vua. Vua cứ tưởng hắn là anh chàng gánh vơi kho gạo của mình hôm nọ, bèn thét ngay lính bắt dìm xuống bể cho chết. Khô cứ để mặc cho bọn lính vây bắt trói lại và dìm xuống nước, nhưng dìm lần đầu lôi lên, Khô vẫn sống trơ trơ. Dìm lần thứ hai, thứ ba, Khô vẫn vui vẻ ca hát. Họ lại dìm nữa, nhưng dù dìm thế nào cũng không làm cho chàng chết được. Túc mình, lại sợ mệnh vua, bọn chúng mới làm một cái cũi bỏ Khô vào cùng với rất nhiều đá tảng dòng dây đem thả xuống đáy biển, nhưng mấy tuần sau vớt lên vẫn thấy hắn sống như thường. Cuối cùng chúng phải đưa anh chàng về kể chuyện cho vua hay. Vua chưa tìm ra cách gì giết được, bèn bảo anh về, hẹn mười ngày sau nữa lại đến.

Vén mây biết lần này vua dùng mưu độc đốt chết nên bảo Ướt đi thay. Ướt đến nơi thì vua đã sai dọn sẵn một căn lầu bằng gỗ dựng riêng biệt sau vườn, xung quanh chất đầy củi. Vua cũng tưởng Ướt là

anh chàng hôm nọ, bèn mời gã lên lầu sai dọn mâm cỗ đầy rượu và thức ăn ngon cho ăn. Đoạn bảo quân lính đóng chịt mọi cửa lại rồi phóng hỏa. Lửa liếm rần rật cháy khắp mọi nơi. Nhưng Ướt ta vẫn ngồi một nơi chén tỳ tỳ. Và khi cánh cửa đổ xuống, chàng nói vọng ra cho chúng nghe: - "Ồ! Ở đây mát quá!".

Vua lắc đầu, chưa biết làm thế nào để giết cho được, đành bảo anh về nhà, mười ngày sau nữa lại đến.

Lần này Vén mây bảo Mình đồng da sắt đi. Khi anh chàng này đến nơi, vua thét đao phủ mang ra xử trảm. Nhưng bao nhiêu gươm đao đụng vào người đều quằn cả lại mà không làm cho anh chàng chết được. Đao phủ tức giận đâm mũi mác vào nách gã, gã chỉ cười rú lên như bị ai cù. Thấy vậy, vua rất bực mình, nhảy xuống rút bảo kiếm, cầm bằng cả hai tay chém xuống rất mạnh, nhưng bảo kiếm chỉ gãy đôi mà tội nhân thì không việc gì. Cuối cùng vua bảo anh về nhà mười ngày nữa lại đến.

Thấy chàng kiếm củi có phép lạ nên lần này vua không có ý định làm hại nữa. Vén mây biết được ý đó nên mười ngày sau cùng với bốn người kia dắt nhau đến kinh đô. Vua thấy cả năm anh em giống nhau như tạc, hỏi chuyện mới biết họ đều là con thiên thần. Vua dắt Vén mây lên ngai vàng, nhường ngôi và gả con cho, rồi bỏ đi tu[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên có người kể hơi khác: Một người đàn ông lần lượt lấy một trăm người vợ đều không có con, cuối cùng chỉ sinh được một mụn gái. Khi chết, cha dặn con dan díu cho đủ một trăm người đàn ông khác nhau để báo thù việc cha làm ngày trước. Người con gái nghe lời, sau đó một thời gian nàng đã có chín mươi chín anh nhân tình. Một hôm có một ông thần hiện đến với nàng trong hình dáng một người hủi. Đêm đến, người con gái vui lòng hiến thân cho người đàn ông thứ một trăm kia. Nhưng người hủi chỉ để một ngón tay lên bụng nàng.

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

Cô gái từ đấy tự nhiên có thai và đủ ngày tháng đẻ ra một lúc năm đứa con trai: Chúng khỏe mạnh và lớn như thổi. Đứa con đầu có mình đồng da sắt; đứa thứ hai có nhiều mưu trí, đứa thứ ba thính tai nghe được lời nói của người ở xa, đứa thứ tư có thể sống được dưới nước và đứa cuối cùng có thể đi vào nước sôi lửa cháy mà không chết. Cả mấy mẹ con đều sống trong rừng sâu.

Một hôm, nhà vua yết bảng hứa kẻ nào giết được bà Chằng quấy nhiễu trong vùng thì sẽ gả công chúa cho.

Đứa thứ ba nhờ có tai thính tìm được chỗ bà Chằng ở, bèn bảo anh chàng có mình đồng da sắt và anh chàng mưu trí đi trừ khử bà Chằng. Quả nhiên họ tìm đến nơi, qua mấy lần chiến đấu dữ dội, giết được bà Chằng và chặt đầu đưa đến cho vua. Khi đặt đầu xuống sân rồng, đầu tự nhiên thụt vào trong đất. Vua làm bộ khen ngợi, bảo họ sáng mai đến sẽ gả con gái cho. Cũng như truyện trên, anh chàng thính tai biết ý định không tốt của vua, bảo anh có mình đồng da sắt đi. Mình đồng da sắt đến, vua sai bắt ra chém. Chém không được, vua lại cho về bảo sáng mai lại đến. Sáng hôm sau, người thứ tư đến bị bắt quẳng xuống biển nhưng cũng không chết. Sáng sau nữa người thứ năm đến bị đem thiêu sống, nhưng vẫn chả ăn thua gì. Lần cuối cùng anh chàng thính tai đến được vua gả công chúa cho.

Người Mèo có truyện *Chín chàng trai kỳ tài*:

Một người vợ bị chồng la rầy vì đã già mà không hề chửa đẻ, một hôm buồn quá chạy lên rừng. Gặp tiên, tiên cho 9 tấm bánh dầy dặn mỗi năm ăn một. Không ngờ đưa về ngon miệng chén tất. Sau đó đẻ được một lúc 9 đứa con trai khỏe mạnh. Gặp tiên lần thứ hai hỏi về cách đặt tên con, tiên bảo: đứa ra đầu đặt tên là Nghe gió, đứa thứ hai là Hai đẩy xà nhà, ba là Ba vác dao, tư là Tư lột da, năm là Năm bừa ruộng, sáu là Sáu bụng to, bảy là Bảy dài cẳng, tám là Tám giã cối, chín là Chín nấu rượu.

Chẳng bao lâu đàn con đã lớn. Một hôm Nghe gió biết vua đang xây dựng cung điện, bèn sai em Hai đi giúp vua. Chàng tay xách xà đẩy lên, không ngờ làm đổ nhà, bị vua sai giam để hôm sau đem chém. Nghe gió biết, bèn sai em Ba đi lén thay anh. Lính xẻo thịt suốt ngày mà anh không việc gì. Lại sai giam để mai lột da nhồi trấu. Nghe gió sai em Tư đến thay, Lính lột bao nhiêu da mọc bấy nhiêu. Lại sai giam để vút cho trâu lôi. Đến lượt anh Năm thay. Vua sai trói rồi buộc anh vào ba con trâu mộng cho chúng lôi đi khắp nơi suốt ngày; trâu mệt nhoài còn anh không việc gì. Anh kéo một cái ba con trâu va vào nhau chết. Vua lại sai giam lại, mai làm thịt cả ba con bắt ăn kỳ hết. Anh Sáu bụng to đến thay, chén sạch sanh mà vẫn tỏ ra thòm thèm. Vua lại sai

giam lại, mai mang đi quẳng xuống vực. Đến lượt Bảy dài cẳng nhón chân nước chưa ướt gấu quần. Lại sai giam để bỏ vào cối giã. Tám giã cối đến, vua sai bỏ vào cối có 9 người đạp chày mới cất nổi. Giã một ngày chỉ mỏi chân. Lại sai giam để mai nấu rượu. Chín nấu rượu bị bỏ vào chõ dưới đốt lửa, anh lấy dây gai mang theo ra đan. Khi lính mở vung anh đan được 99 chiếc hài xảo, bước ra làm bọn lính hết hồn. Khi vua chịu là tài thì Nghe gió đem tám người em tới. Vua nhường ngôi cho anh[1].

Truyện của người Trung-quốc:

Một bà già có năm người con trai giống nhau như tạc mà mỗi người có một tài lạ. Người con đầu có thể nuốt được biển lớn vào bụng, người thứ hai có da cứng như thép, người thứ ba có cặp giò có thể kéo dài ra vô tận, người thứ tư lửa đốt không cháy, người thứ năm có thể không thở mà vẫn sống được. Từ lâu xóm giềng chẳng ai biết là họ có tài.

Những người hàng xóm thấy người anh cả lúc nào cũng bắt được nhiều cá, nên một hôm nhờ anh dạy cho bọn trẻ cách bắt cá kiếm ăn. Anh đưa bọn chúng ra bờ biển và sau khi nuốt biển vào bụng, ra hiệu cho chúng xuống bắt cá mắc cạn. Lũ trẻ mải mê quá, nên khi anh mệt, ra hiệu cho chúng mau mau lên bờ, mà chúng vẫn không biết. Cuối cùng không chịu nổi nữa, anh phải nôn thốc nước biển ra, và thế là bọn trẻ con chết đuối cả.

Mặc dầu anh hết sức phân trần nhưng bố mẹ bọn trẻ cứ lôi anh ra tòa. Anh bị án trảm quyết. Trước khi thi hành bản án, anh được phép về nhà từ giã mẹ già. Nhưng khi bước ra pháp trường thì lại là người em thứ hai đi thay nên dao mác không thể phạm vào được. Sau đó, quan tòa sai ném tội nhân xuống biển thì người em thứ ba thay vào. Cặp giò của anh vừa xuống nước lập tức mọc dài ra, đầu lúc nào cũng nổi lên khỏi mặt sóng. Người ta lại dùng cực hình vạc dầu, thì người em thứ tư đến thay. Anh làm bộ rét bảo họ chụm thêm lửa. Cuối cùng người ta nghĩ ra cách bỏ tội nhân vào một tấm bánh khổng lồ và hầm cho kỳ ngạt thở, nhưng lúc này người em thứ năm đến thay, vẫn vô sự. Cuối cùng được tha bổng[2].

Xem thêm truyện *Bốn anh tài* (số **66**) dưới đây.

1. Theo Võ Quang Nhơn. *Chàng Đam Thi.*
2. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây* (đã dẫn).

66. BỐN ANH TÀI

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà nghèo mà không có con. Hai người khấn vái hết đền này đến chùa khác, mãi sau mới sinh được một mụn con trai. Thằng bé lớn lên như thổi. Nhưng càng lớn hắn càng ăn rất tợn: bung kia, chảo nọ nấu lên bao nhiêu cũng vợi. Hai vợ chồng cố sức làm lụng để nuôi con nhưng nuôi không nổi. Trong nhà có vật gì đáng tiền, họ đều bán sạch để cho con chèn dạ dày. Sau rồi họ nghĩ chỉ có cách cho con đi tha phương cầu thực thì mới đỡ khốn vì nó. Một hôm, người cha gọi con lại bảo rằng:

- Nay con đã khôn lớn mà cha mẹ thì gần đất xa trời, yếu đuối không làm gì sinh lợi được nữa. Ngày xưa lúc nhà ta còn khá giả, có cho hoàng đế Trung-quốc vay vàng và bạc đến hơn 70 vạn lạng. Bây giờ con tìm cách sang bên đó đòi lấy mà ăn.

Nghe nói, người con vâng lời đi ngay. Chàng cứ dọc bờ biển đi lần về phương Bắc. Một hôm đến một xứ kia, bỗng gặp một người khổng lồ đang tát biển, anh chàng tiến lại, hỏi:

- Anh làm gì đấy?

Khổng lồ đáp:

- Tôi tát cho cạn biển, để tìm vàng ngọc ở dưới đó.

- Sức lực một mình làm sao mà tát cạn được.

- Ta có sức khỏe không ai bì kịp. Không tin anh cứ thử lại xách cái gầu của ta xem.

Nhưng khổng lồ lấy làm lạ vì thấy hắn cũng nhấc nổi cái gầu của mình, bèn mời về nhà kết nghĩa anh em. Anh chàng bèn rủ: - "Anh hãy đi theo tôi đòi nợ vua Trung-quốc lấy tiền ăn tiêu ngay, còn như tát

biển thì chờ lúc nào về sẽ lại tiếp tục". Khổng lồ nghe bùi tai liền cùng nhau ra đi.

Một hôm, họ đi đến một hòn núi. Thấy một anh chàng trẻ tuổi đang ngồi trên một tảng đá lớn có vẻ nhàn hạ, hai người tiến đến hỏi hắn làm gì mà ngồi đấy. Hắn đáp:

- Tôi ngồi đây thỉnh thoảng lại thổi một hơi làm cho ngã cây ngã cối đưa về làm củi!

Nghe nói lạ, hai người bảo anh làm thử cho xem. Quả nhiên hắn vừa phùng má thổi một hơi thì cây cối ở trước mặt tự nhiên ngã rạp xuống như bị một trận bão nặng nề. Hai người bảo anh rằng:

- Bác có tài như thế sao không đi khắp thiên hạ làm cho nổi tiếng một phen, chứ lại sống chui rúc ở xó rừng này làm gì? Thôi! Bác hãy cùng với chúng tôi đi đòi nợ vua Trung-quốc ngó chừng còn thú vị hơn ở đây!

Anh chàng nghe nói bằng lòng ngay. Rồi đó cả bọn cùng lên đường.

Mười ngày sau, bọn họ lại đến một khu rừng khác. Thấy từ trong rừng sâu bước ra một người cao lớn vai gánh một đôi voi đi như bay, cả bọn kinh phục vội gọi giật lại, hỏi:

- Bác gánh voi đi đâu thế?

- Tôi hằng ngày vào rừng tìm voi mà bắt. Bắt được con nào thì trói giò lại gánh về để cho rữa thịt lấy một hai cây ngà bán kiếm tiền ăn tiêu.

Cả bọn bảo:

- Thôi! Sức khỏe như thế thì tội gì cặm cụi trong rừng cho khổ. Hãy đi với chúng tôi đòi nợ vua Trung-quốc về chia nhau đi?

Nghe nói anh chàng vừa ý vội bỏ voi lại nói:

- Ừ, thì đi.

Đến kinh đô Trung-quốc, bốn chàng tìm vào hoàng cung. Một toán lính gác cổng cản lại không cho vào. Cả bọn nổi xung lên, nói:

- Chúng ta sang đây đòi nợ chứ có phải đi chơi đâu mà không cho vào.

Và họ toan giã cho chúng một trận, nhưng anh chàng ăn khỏe cản lại rồi biên một bức thư đòi nợ, bảo tên lính đem vào cho vua. Hoàng

đế Trung-quốc đọc xong lấy làm lạ, liền sai một viên cận thần ra xem thử người nào mà to gan đến như thế. Viên cận thần ra một lát trở vào tâu rằng:

- Có bốn tên dị hình dị dạng ở nước An-nam sang, đứa nào cũng quyết đòi được nợ mới về. Chúng nó toan đánh cả lính.

Hoàng đế nghe nói không vui, nhưng cũng truyền dọn yến đãi đằng tử tế trước khi gặp họ.

Bốn chàng được mời vào phòng riêng ăn uống nghỉ ngơi trong vài ba ngày. Nhưng họ ăn uống hung quá đến nỗi qua ngày thứ ba, mấy viên quan trông nom về ngự thiện phải vào báo với vua rằng kho thức ăn của hoàng đế vì việc tiếp đãi bốn người khách lạ đã vợi hết già nửa. Hoàng đế nghe nói giật mình, vội bảo mấy viên đại thần tìm cách ám hại họ đi cho khỏi phiền. Người ta được lệnh mời bốn anh chàng đi thuyền chơi hồ, rồi nhè lúc thuyền ra giữa hồ thì đánh đắm cho chết đuối tất cả.

Quả nhiên bốn anh em không ngờ sa vào mưu gian bị chìm xuống nước. Nhưng giữa lúc nguy cấp thì anh chàng khổng lồ đã nắm lấy chiếc thuyền như một chiếc gầu rồi tát lấy tát để. Chỉ trong một chốc đáy hồ khô cạn, cứu được ba bạn khỏi chết đuối.

Thấy họ sống yên lành, hoàng đế tức giận, vội sai dọn yến khoản đãi, rồi chờ lúc họ no say mới sai mấy đội quân xông vào vây chém. Hôm ấy bốn chàng vô tình cùng nhau chén tạc chén thù không nghi ngờ gì cả. Bỗng nhiên một tiếng hô vang, phục binh xông ra như kiến. Cả bọn toan chạy, nhưng anh chàng thổi khỏe đã ngăn lại mà rằng:

- Các anh cứ ngồi yên, để tôi cho bọn chúng xiêu giạt một phen!

Nói rồi phùng má thổi mấy hơi. Bọn lính chịu không nổi với sức gió, bay văng đi như những cái lá khô. Thế là ở trong này, bốn chàng vẫn cứ ung dung ngồi chén tỳ tỳ cho đến mãn tiệc.

Lần này hoàng đế Trung-quốc lo lắng hết sức. Vua sai triệu các vị Cơ mật đến tính cách đối phó. Nhưng mọi người khuyên vua nên trả quách đi, cho êm chuyện. Vua nói:

- Bảy mươi vạn lạng thì nhiều quá. Các khanh có cách gì bắt chúng giảm bớt được không?

Một viên tâu lên:

- Bệ hạ cứ giả cách bằng lòng trả, nhưng bắt các thần dân, các thuyền bè xe cộ, khắp trong nước không ai được gánh thuê, chở thuê cho chúng nó và bắt chúng nó không được chuyên chở làm nhiều lần. Như thế dù có sức như Hạng Vũ cũng chỉ mang ra được chừng dăm bảy trăm cân là hết nước.

Vua bằng lòng theo cách đó. Đến ngày nhận vàng bạc, người ta thấy một mình anh chàng gánh voi quảy hai sọt lớn vào kho. Chúng không ngờ chỉ một người đó mà thôi, đã thừa sức gánh 70 vạn lạng. Bọn quan coi kho không biết làm thế nào, đành cắm đầu cân lấy cân để, vợi hẳn cả kho vàng bạc.

Được của, bốn anh chàng cúi chào hoàng đế rồi ung dung đi ra khỏi cung. Về nước, họ chia nhau tiêu xài sung sướng trọn đời[1].

KHẢO DỊ

Truyện của ta gần giống với một số cổ tích các dân tộc, trong đó có truyện *Sáu tài tử*, cổ tích nước Đức do Grim (Grimm) sưu tập là tiêu biểu: một bác lính đi đánh giặc, mãn hạn về được vua trả cho ba đồng bạc. Túc vì bị bạc đãi, bác bèn đi lập nghiệp. Dọc đường, bác gặp một người cao lớn đang nhổ cây dễ như nhổ cỏ, bèn rủ đi với mình. Người ấy bằng lòng theo đi. Đến một chỗ khác họ gặp một nhà thiện xạ có thể bắn trúng một con ruồi cách xa hai dặm. Nhà thiện xạ nghe lời rủ, cùng đi với họ. Tiếp đến, một người chỉ dùng một lỗ mũi thổi quay bảy cái cối xay, một người khác đi nhanh như gió nếu lắp cả hai chân vào; một người khác nữa có thể làm cho một vùng lạnh toát nếu đội ngay ngắn chiếc mũ chỉ bằng cái nắm tay: cả mấy người đều theo họ đi lập nghiệp. Đến một nước kia, họ thấy có bảng yết ai chạy thi múc nước nhanh hơn công chúa thì công chúa sẽ lấy làm chồng, trái lại thua thì bị chém. Anh chàng có thuật "phi hành" ra thi. Chàng vượt lên trước rất xa, đến máy múc

1. Theo Trương Vĩnh Ký, sách đã dẫn, và lời kể của người miền Bắc.

đầy bình rồi chạy trở về. Dọc đường hơi mệt, chàng gối đầu lên một bộ xương sọ ngựa và ngủ quên lúc nào không biết. Đến lúc công chúa chạy về qua đó thấy hắn ngủ, liền đổ bình nước của hắn rồi chạy về trước. Từ xa nhìn thấy thế nguy, nhà thiện xạ bắn một phát vỡ bộ xương sọ ngựa làm cho hắn bừng tỉnh dậy. Thấy bình nước của mình đã đổ mà công chúa thì sắp về tới nơi, hắn mới lật đật mang bình chạy trở lại máy, múc đầy nước rồi chạy về. Thế mà hắn vẫn đến đích trước công chúa.

Thấy con thua, vua bực mình, định bụng trừ cả bọn cho rảnh. Bèn sai dọn tiệc mời họ vào phòng ăn uống rồi sai đốt lửa ở dưới hầm cho chết. Nhưng nhờ có "Anh chàng đội mũ" sửa chiếc mũ của mình ngay ngắn lại nên họ vẫn không việc gì cả. Biết họ có tài, vua rất sợ, đành phải thương lượng với họ cho họ một số vàng bằng một người vác nặng, để khỏi phải gả công chúa. Bác lính ta bèn gọi bao nhiêu thợ may lại may một cái túi vải khổng lồ và giao cho "anh chàng nhổ cây" đến lấy vàng. Vua không ngờ tất cả vàng trong kho mang đến đều lọt thỏm vào túi của hắn mà vẫn chưa đầy. Bọn họ ra đi, vua cho binh mã đuổi theo định bắt lại. Nhưng "chàng thổi khỏe" đã làm cho chúng bay mọi ngả. Họ đưa vàng về xứ sở, chia nhau sống sung sướng.

Một dị bản khác của người Đức ở So-va-ben:

Vua nước Phổ đau nặng, thầy thuốc bảo nếu trong 8 giờ nữa mà không có thứ cỏ hồi sinh lấy được ở Thụy-sĩ thì vua sẽ chết. Vua sai rao người nào mang được cỏ về chữa cho vua, muốn lấy bạc bao nhiêu tùy ý.

Có bốn anh em: một người Bắn giỏi, một người Chạy tài, một người Thổi mạnh, một người Nhổ cây. Nghe vua rao, Chạy tài đi lấy cỏ và mang về cho vua. Lành bệnh, vua giữ lời hứa, nhưng chỉ cho bạc vừa đủ một người mang nặng. Nhổ cây bèn vét hết kho của vua vào cái túi khổng lồ của mình, và Thổi mạnh làm cho mấy đại đội của nhà vua - vì tiếc của sai đuổi theo - rơi xuống hồ chết đuối (không thấy nói đến sự trổ tài của Bắn giỏi).

Truyện của người Mô-rơ (Maures) ở An-jê-ri (Algérie):

Một anh chàng nhà nghèo có giọng hát hay. Một hôm có một thầy pháp (ha-kim) đến bảo anh đi hỏi công chúa làm vợ, ông ta sẽ giúp cho thành công. Anh nghe lời, lập tức đến trước cung công chúa giữa ban đêm hát một bài. Công chúa nghe mê mệt. Khi người hát ra về, công chúa ngất đi. Sau khi tra xét, vua bắt anh hạ ngục, sai lính canh giữ nghiêm ngặt. Hôm sau, nhờ phép

mầu của thầy pháp, anh vượt khỏi ngục mà lính canh không biết. Tối lại, anh lại đến hát ở cửa cung. Công chúa đang mê tự nhiên tỉnh dậy, chạy đến cửa sổ nghe, rồi lại ngất đi. Thấy anh trốn thoát, vua rất bực, thề không gả con cho tên khốn nạn. Nhưng anh chàng theo lời thầy pháp đến gặp vua xin lấy công chúa. Trước mặt bách quan, vua đặt điều kiện nếu có "một chiếc tàu đi trên đất không cần ngựa hoặc gió" làm sính lễ, sẽ gả.

Nhờ thầy pháp, anh chàng tìm đến một vị thần; ở đây anh lần lượt nhận được một chiếc tàu và hai chiếc đũa vàng, khi cưỡi lên chỉ cần mỗi bên một chiếc đũa gõ vào là tàu chạy. Đưa tàu về đến bờ sông, anh gặp một người uống cạn nước sông, anh mời đi theo; lại gặp một người thứ hai có tài ăn một bữa một đống bánh ngọt to như đống rơm; lại gặp một người thứ ba có tài chạy nhanh như gió tuy mỗi chân đeo một hòn sắt nặng; người thứ tư có thể ghé tai "nghe được quả chín"; và người thứ năm có thể bẻ gãy đại thụ và nhổ bật rễ. Họ đều theo lời mời của anh, lên tàu cùng đi.

Vua tuy thấy có sính lễ như ý muốn nhưng vẫn chưa chịu gả "vì sợ các vua khác chế giễu". Cố vấn của vua bày cho vua đặt điều kiện mới: phải uống cho hết nước các giếng trong vườn. Ông bạn đường "uống cạn sông" giúp anh làm mấy tu khô cạn ngay. Vua lại bắt phải ăn 10 đĩa, trên mỗi đĩa có một con cừu. Ông bạn tài ăn ngốn sạch, còn hỏi vua xem có còn mươi đĩa nào nữa không. Lần thứ ba vua và cố vấn ghé tai nói nhỏ với nhau mấy câu, bảo đoán. Ông bạn "nghe được quả chín" giải quyết được việc này. Lần thứ tư vua bắt chạy thi với một kỵ sĩ cưỡi con ngựa phi nhanh như chim bay. Ông bạn tài chạy nhường cho ngựa chạy trước rồi mới lê hai hòn sắt đuổi theo, thế mà đuổi kịp ngựa, lại đỡ kỵ sĩ ngã ngựa trèo lên ngựa, xong rồi vẫn chạy về được trước. Điều kiện lần thứ năm là phải nhấc bổng và di chuyển một cột đá hoa, cắm thỏ. Ông bạn "bẻ gãy đại thụ" mời tất cả các người làm chứng ngồi lên cột, rồi nâng lên và đi lại trước mọi người.

Vua và quần thần bối rối, hẹn ba ngày nữa trở lại. Nhờ phép thần của thầy pháp, anh chàng được bí mật chứng kiến cuộc họp kín của vua quan. Một tên quan tâu xin ám sát anh cho đỡ phiền, nhưng cố vấn gạt đi, chỉ ra một điều kiện khó hơn là phải làm sao cho tàu chở được tất cả thần dân bao gồm già trẻ lớn bé và quân đội trong nước, mới gả.

Nhờ thầy pháp, anh lại có cách làm cho tàu chở mấy cũng vừa. Đến ngày hẹn, vua cho rao khắp mọi nơi bắt tất cả dân trong nước tập họp lại để lên

tàu. Tàu chạy. Vua giảng cho dân biết lý do gả công chúa cho anh chàng, và nói điều kiện mà vua đặt ra "từ xưa chưa hề có vua nào đặt ra như thế cả". Lễ cưới tổ chức xong, chàng trẻ tuổi chặt đầu viên đại thần đã tâu xin vua ám sát mình.

Truyện của Ấn-độ:

Trên đường đi tìm một công chúa để kết hôn, một hoàng tử gặp một vị hung thần có tài đi như bay, vượt sông vượt núi, gọi là Tiểu hành giả. Hoàng tử gọi hắn bằng bác và thuyết phục được hắn đi theo giúp đỡ mình. Đi được ít lâu lại gặp một hung thần thứ hai có tài ăn gọi là Tiểu thực giả; lần thứ ba gặp một hung thần khác có tài uống gọi là Tiểu ẩm giả. Khi đến kinh đô một nước nọ, gặp lúc nhà vua (Rát-ja) ở đây đang kén rể với điều kiện: kẻ nào ăn một lúc một buồng đầy bánh ngọt, rồi nhảy qua được một con sông, rồi lại uống hết tất cả nước trong một bể nước thì được lấy công chúa. Hoàng tử vào cung nhận lời thách cưới của vua. Nhờ có ba người bạn đường biến hình giống hoàng tử lần lượt vào thực hiện xong các điều kiện vua nêu nên vua y ước gả công chúa cho hoàng tử.

Truyện của người Xen-tờ (Celtes) ở Ê-cốt-xơ (Écosse):

Ba công chúa con vua Lôch-liu mất tích. Một nhà thông thái cho biết có tên Khổng lồ đã mang nàng xuống dưới mặt đất, và chỉ có một điều kiện cứu thoát là làm cách nào chế một chiếc tàu đi trên đất cũng dễ dàng như đi dưới biển. Vua cho rao khắp nước, hứa gả công chúa đầu cho người nào cứu được cả ba chị em. Con trai một bà góa lật đật đi đến bờ sông chặt gỗ đóng tàu. Đang làm, có một dị nhân hiện ra xin một miếng bánh ngọt. Anh ta không cho; kết quả việc đóng tàu thất bại. Việc cũng xảy ra như thế đối với người em thứ hai. Riêng người em út đã chia phần bánh của mình cho dị nhân. Người đó bảo anh hãy trở lại sau một năm và một ngày. Đến ngày hẹn, anh tới nơi thì thấy tàu đã đóng xong, mọi thứ đều sẵn sàng. Lập tức anh nhổ neo đi tìm. Cũng như truyện trên, tàu đi đến bến gặp một người uống cạn nước sông, sau đó gặp một người ăn tất cả bò của một cái trại, rồi gặp một người thứ ba ghé tai sát đất nghe được cỏ mọc. Anh ta lần lượt thuyết phục họ và mời lên tàu. Tàu đang chạy, bỗng thấy người thứ ba báo tin là đã đến nơi có khổng lồ và công chúa. Đất ở đây có một lỗ hổng to, cả mấy người tụt xuống trong một cái sọt. Đến nhà tên khổng lồ thứ nhất. Tên này bảo phải mang đến một người uống thi, nếu nó thua sẽ xin trả công chúa. Tên khổng lồ uống quá sức vỡ bụng chết. Đến nhà tên thứ hai cuộc thi giữa nó với người ăn bò cũng làm

cho nó vỡ bụng trong khi anh này mới no được một nửa. Đến nhà tên thứ ba, nó buộc anh chàng phải ở hầu nó một năm và một ngày. Đến hẹn, tên này cho diều mang anh ra khỏi thế giới dưới đất.

Truyện của người Xéc-bi (Serbie) có đoạn kết giống với các truyện trên:

Một anh chàng nằm chiêm bao thấy được làm rể nhà vua. Trải bao gian khổ, giấc mộng được thực hiện. Có ba đứa con của một lão đại thần (vi-dia) thấy thế thì ghen tức tìm cách bắt lấy công chúa. Chúng mời anh ăn một bữa tiệc và ra điều kiện nếu ăn không hết thì phải gán vợ và lính hầu lại. Trong khi đi dọc đường đến nơi ăn tiệc, tình cờ anh lần lượt gặp một người có thể nghe cỏ mọc, một người chạy như bay, một người ném lao lên trời chờ ba tiếng đồng hồ mà chưa thấy lao rơi, một người ăn khỏe và một người uống cạn hồ. Thế là vào tiệc người ăn khỏe đã ngốn sạch mọi món ăn. Ba người kia lại đòi ra điều kiện nữa, nếu thua thì chúng sẽ gán cho họ vợ và toàn bộ của cải. Điều kiện thứ nhất là vào ngồi trong một lò lửa. Anh uống cạn hồ đã nhảy vào lò sau khi tuôn tất cả nước hồ vào lò. Những điều kiện ra sau làm cho anh chạy như bay và anh ném lao có dịp trổ tài. Cuối cùng chàng trẻ tuổi trở về với vợ và ba người dàn bà kia cùng tất cả của cải của lũ con đại thần.

Truyện của người Ác-mê-ni (Arménie):

Một chàng trẻ tuổi nằm chiêm bao thấy mình một lúc làm rể hai ông vua. Tỉnh dậy anh cười, ai hỏi cũng không nói. Sau đó anh trở thành con nuôi vua phương Đông, lấy công chúa con vua này. Cưới xong, anh lại lên đường lấy công chúa con vua phương Tây như lời vua đã hứa. Trên đường, anh đã lần lượt gặp và đưa đi theo một người nghe giỏi, một người chạy nhanh, một người bạo ăn, một người khỏe đến mức "bỏ lên vai cả thế giới và nâng lên", một người uống khỏe, và cuối cùng một người chăn cừu chơi một chiếc sáo có thể làm cho người, vật, núi, đồi đều nhảy nhót. Vua phương Tây ra điều kiện khó khăn để nuốt lời hứa. Nhưng người bạo ăn đã giải quyết xong. Vua lại mời mọi người vào nghỉ trong một ngôi nhà rồi đốt lửa cho chết, nhưng người uống khỏe đã phun ra một hồ nước cứu thoát. Sau đó, người nghe giỏi lần lượt báo tin cho chàng trẻ tuổi biết những âm mưu khác của vua cùng quần thần. Nhưng người khỏe đã nâng lâu đài nhà vua lên và mang đi. Người chăn cừu làm cho núi đồi nhảy nhót, và người chạy giỏi cũng có công việc của mình. Vua đành phải gả con cho chàng trẻ tuổi. Trở về, anh mới kể lại câu chuyện chiêm bao của mình cho mọi người biết.

Truyện của người Xi-xin (Sicile):

Một chàng trẻ tuổi nhờ có Thánh Jô-dép giúp đỡ, đã gặp được nhiều vị anh tài, và nhờ họ, anh chàng đã thực hiện được những thử thách gay go của nhà vua. Vua không thể sai lời hứa, đành phải gả công chúa cho anh, nhưng ra lệnh rằng của hồi môn chỉ cho vừa đủ một người mang ra mà thôi. Anh bèn giao nhiệm vụ ấy cho vị anh tài "có thể đặt lên vai một nửa cánh rừng khiêng đi", và vị này đã mang tất cả những gì trong cung, kể cả cái mũ miện của vua rồi chất lên tàu. Tàu đưa công chúa và của cải về nước. Ở đây vua cũng sai một hạm đội đuổi theo hòng cướp lại, nhưng lại không có sự việc nhận chìm đối phương bằng cách thổi gió. Một trong những vị anh tài đi theo chàng trẻ tuổi chuyên môn thu thập mây vào túi, được thánh Jô-dép ra lệnh cho mở túi, nhờ thế tàu được mây trùm kín, thoát khỏi sự tìm tòi của hạm đội, và cuối cùng về nước vô sự.

Hai truyện sau đây lại giống với truyện của ta ở chi tiết đòi nợ vua. Truyện của người Ru-ma-ni (Roumanie) ở Tờ-răng-xin-van-ni (Transylvanie):

Một công chúa trái ý vua cha, yêu một viên tướng trẻ, hai bên muốn lấy nhau. Cuối cùng, vua bằng lòng và gả với điều kiện là viên tướng phải đi đòi nợ hoàng đế Thổ một số tiền lớn vay từ lâu. Viên tướng nhận lời ra đi. Dọc đường anh ta đã gặp nhiều anh tài và đưa họ đi theo. Vua Thổ sẵn sàng trả nợ nếu viên tướng hoàn thành trót lọt một số thử thách. Tất cả đều làm xong nhờ có các vị anh tài. Sau đó vị anh tài Nhổ cây đặt lên lưng mình tất cả số tiền nợ nặng khoảng 100 tạ và khuân lên tàu. Khi tàu kéo buồm, vị anh tài Mất nhìn thấu mọi nơi báo tin hoàng đế Thổ đã cho một hạm đội đuổi theo để đòi lại. Vị anh tài Thổi bèn gây ra một trận bão dữ dội làm tan tành hạm đội. Kết quả, viên tướng thắng lợi trở về được lấy công chúa.

Truyện do bà Ôn-nôi (madame d'Aulnoy) sưu tầm:

Một kỵ sĩ tốt số được vua sai đến vua Ma-ta-pa để đòi một kho tàng mà vua giành được trong một trận chiến tranh. Kỵ sĩ ra đi, và cũng như các truyện trên, dọc đường lần lượt gặp các anh tài và đưa họ đi theo. Đến nơi vua Ma-ta-pa liên tiếp buộc anh phải làm mấy việc, nhưng nhờ anh tài Ăn và Uống giải quyết xong. Không thể sai lời hứa, vua bảo kỵ sĩ hay một người nào đó một mình mang kho vàng ra. Chỉ một mình anh tài Cứng xương đã vét sạch cung vua. Khi ra về, anh tài Tai thính báo tin có một đội kỵ mã do nhà vua sai đuổi theo lấy lại. Anh tài Nhắm giỏi có con mắt nhìn thấu mọi nơi thấy họ

đang trèo lên thuyền để qua sông. Anh tài Thổi vội vàng phồng má thổi một hơi làm cho thuyền lật, nhận chìm đội kỵ mã[1].

Một truyện của đồng bào Tày *Người bảy ống* dường như là một dị bản của truyện ta, trong đó cũng có nói đến tình tiết đòi nợ nhưng diễn biến và kết quả thì lại khác hẳn:

Hai vợ chồng nhà nọ không con. Người vợ một hôm ngồi ở sàn nhà nhìn ra thấy có một đứa bé từ đâu rơi xuống ao, trong khi đó có một con bò đang uống nước ao. Đứa bé rơi qua con bò thuận tay thoi một thoi vào mạng sườn, con bò gãy xương chết ngay. Người vợ ra vớt đứa bé lên đưa về mớm cơm nuôi làm con. Lớn lên mỗi bữa nó phải ăn bảy ống gạo mới no, nên có tên là Bảy ống (Chết hảy).

Đứa bé lớn lên lại càng khỏe và hung dữ. Một đứa trẻ chơi với nó, nó chỉ búng một cái chết tươi. Người bố nuôi nghĩ rằng phải tìm cách giết đứa bé mới khỏi khốn vì nó. Một hôm bảo con cùng lên núi đi chặt cọc rào. Bố ở trên cao chặt cọc, vát nhọn, nhằm vào con mà lao, bảo nó bắt. Lao bao nhiêu con bắt lẹ bấy nhiêu, rồi vác tất cả về nhà. Hôm khác, bố lại rủ con đi chặt cây làm cối. Chặt một cây kè từ sáng đến chiều, cây sắp ngã, bố bảo con cúi xuống để nhặt quả rụng. Cây đè lên con, nhưng không ngờ đứa bé vác ngay cây về. Đến làng nó dựng đứng cây ở bãi, gọi bọn trẻ lại nhặt quả. Khi bọn trẻ đến đông đủ, nó thả cho cây đè chết tất cả.

Bố lại bảo con: - "Ở một làng nọ có một ông già tên là Su-si-lá-nặm, ông ấy có vay của bố 10 thỏi bạc to bằng cột nhà, 9 thỏi vàng dài bằng cây tre và một *mụn*[2] bạc vụn. Con đến đòi hộ cho bố!". Chủ ý của bố là muốn mượn tay ông già này giết chết đứa trẻ vì ông ta có sức khỏe phi thường. Hắn đến nơi, ngồi chờ đến tối, bỗng thấy trời u ám, gió bay tung, nhìn ra thấy ông già gánh mỗi bên một bó củi to bằng quả núi, mỗi bên lại có treo ba con hươu gạc. Su-si-lá-nặm quăng xuống sân tiếng kêu như sấm, bảo con gái: - "Con hãy đi nướng sáu con nhái này (chỉ sáu con hươu) ta ăn!" Ăn xong ông ngủ ba ngày ba đêm. Kêu và lay mãi không được, Bảy ống dùng mõ trống đánh bên tai, rồi đi múc sáu ống nước đổ vào mũi cũng không ăn thua. Sau lấy lửa quạt vào

1. Dẫn theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.
2. Một *mụn* độ 12 ki-lô.

mũi mới dậy. Nghe nói chuyện đòi nợ, Su-si-lá-nặm bảo: - "Đi mau không tao giết!". Hai người bắt đầu đánh nhau, cuộc chiến đấu kéo dài từ trên rừng xuống đến biển mà chưa biết ai thua ai được.

Lúc này ở biển có một ông Khổng Lồ (Cồm phả) đang cúi lom khom bắt cá nhưng lưng đụng trời. Thấy có hai người đánh nhau, Khổng Lồ nói: - "Sao lại có hai con nhái đánh nhau thế này!". Nói rồi khươ tay bắt lấy cả hai bỏ vào giỏ đeo sẵn ở lưng. Hai người vào giỏ vẫn còn đánh nhau làm cho dây buộc giỏ đứt, giỏ rơi mất. Vì vậy, khi bắt được cá, Khổng Lồ phải ném lên ruộng gần đó, mỗi lần ném, cá đầy một đám ruộng cấy hai ngàn môi mạ. Một người tên là Sắc Sưa (giặt áo) đang giặt áo gần đó, hỏi xin cá. Khổng Lồ đáp: - "Muốn lấy bao nhiêu thì lấy". Nhưng Sắc Sưa chỉ bốc một bốc là hết cả cá[1].

Về hình tượng một cái túi bỏ lọt hàng kho của mà không đầy, xem thêm truyện *Khổng Lồ đúc chuông* (số 67) sau đây.

1. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge), đã dẫn, XVI - XVII (1921 - 1922). Theo chúng tôi, đoạn kết của truyện này không thống nhất với đoạn đầu, dường như là hai đoạn của hai truyện khác nhau kết hợp lại.

67. KHỔNG LỒ ĐÚC CHUÔNG HAY LÀ SỰ TÍCH TRÂU VÀNG HỒ TÂY

Vào đời nhà Lý có một người gọi là Khổng Lồ. Nhìn thấy thân thể ông, các tay lực sĩ trong triều ngoài quận đều khiếp sợ, mặc dầu ông chưa từng đọ sức với ai. Từ trẻ Khổng Lồ đã đi tu, ông thường đi chu du thiên hạ. Vật tùy thân của ông có một cây gậy sắt nặng không thể tưởng tượng được. Lại có một cái đãy rất mầu nhiệm. Đãy trông không khác gì những đãy thường nhưng có thể bỏ lọt vào đó bao nhiêu đồ vật to lớn, cồng kềnh. Dù chất chứa thế nào đãy cũng không đầy và cũng không to thêm.

Buổi ấy nhà vua cần rất nhiều đồng để đúc các khí vật thờ Phật, nhưng ngặt vì ở đất Việt không có đồng đen. Nghe tiếng Khổng Lồ, nhà vua cho triệu đến kinh nhờ sư đi sang Trung-quốc quyên giáo. Khổng Lồ nhận lời và xách đãy đi về phương Bắc.

Sau bao nhiêu ngày trèo non lội suối, Khổng Lồ đã đến kinh đô Trung-quốc. Thấy một nhà sư to lớn xin vào yết kiến, vua Trung-quốc lấy làm lạ hỏi:

- Hòa thượng từ phương nào lại và đến đây làm gì?

Ông đáp:

- Chúng tôi đến cầu bệ hạ một ít đồng đen để về mở rộng Phật pháp trong nước Đại-việt.

Vua ngỡ là còn có nhiều người theo ông nữa, bèn hỏi:

- Quý quốc cần dùng bao nhiêu đồng? Hòa thượng đem sang cả thảy bao nhiêu đồ đệ?

Khổng Lồ giơ đãy lên và tâu:

- Kẻ hạ thần chỉ sang có một mình và chỉ xin một đãy này là đủ.

Thấy cái đãy bé tý, vua Trung-quốc mỉm cười:

- Hòa thượng có lấy cả trăm đãy, trẫm cũng vui lòng huống gì là một đãy.

Đoạn vua sai nội thị mang lệnh chỉ cho quan giữ kho, mở kho đồng đen cho Khổng Lồ muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Trước khi vào kho phải đi qua một cái sân rộng. Ở đó có một cái nền gạch, trên nền dựng tượng một con trâu bằng vàng to như một cái nhà, sáng chóe cả một vùng trời đất. Quan giữ kho chỉ vào trâu hỏi đùa Khổng Lồ:

- Hòa thượng có cần dùng cả con trâu này không?

- Không, tôi chỉ cần một ít đồng đen mà thôi.

Rồi đó Khổng Lồ trút tất cả đồng trong kho lọt thỏm vào đãy của mình mà đãy vẫn còn vơi. Đoạn Khổng Lồ mắc đãy vào một đầu gậy quảy về nước.

Quan giữ kho thấy hết nhẵn cả đồng, vội vã đem sự tình tâu cáo cho vua mình biết. Vua Trung-quốc không ngờ có sự phi thường như thế, lấy làm hối và tiếc bèn sai năm trăm quân sĩ đuổi theo Khổng Lồ. Lúc ấy mặc dầu gánh nặng đè lên vai, nhưng sư cũng đã đi được ba trăm dặm đường. Vừa đến một khúc sông rộng, ông bỗng nghe có tiếng reo dậy trời ở sau lưng. Ông ngoảnh cổ lại thấy bụi bốc mịt mù, đoán biết là vua Trung-quốc đã cho quân đuổi theo. Ông lật đật thả chiếc nón tu lờ xuống nước, đặt đãy lên, rồi vừa bơi vừa đẩy qua sông. Bọn quân sĩ vừa đến bờ thì Khổng Lồ đã ra đến giữa sông rộng. Bọn chúng đánh lừa nói rằng:

- Hòa thượng hãy chờ một tý, hoàng đế cho chúng tôi khiêng giúp đồng và hộ tống ngài về.

Nhưng Khổng Lồ nói với lên:

- Bần tăng gửi lời về cám ơn lòng tốt của hoàng đế. Còn như cái đãy này để mặc bần tăng mang lấy, đâu dám làm phiền đến thiên sứ.

Bọn lính biết là không thể đuổi nổi bèn quay trở lại.

Sau đó Khổng Lồ cứ theo dọc bờ biển đi bộ lần về phương Nam. Đến một cửa sông, ông gặp một chiếc tàu lớn sắp sửa kéo buồm sang nước Việt. Khổng Lồ đặt đãy ở bến, đến gặp người chủ tàu xin cho đi

nhờ. Chủ tàu thấy một mình hòa thượng với một chiếc đãy, ước lượng không nặng thêm cho tàu bao nhiêu nên vui lòng cho ông đi.

Nhưng khi một thủy thủ xuống bến xách đãy hộ cho nhà sư lên tàu thì anh ta cảm thấy chưa có vật nào nặng đến như thế. Người thứ hai nữa xuống giúp cũng chịu. Người thứ ba, người thứ tư cho đến khi tất cả mọi thủy thủ trên tàu cùng hè nhau khiêng, ai nấy đều phải lắc đầu vì chiếc đãy vẫn không hề nhúc nhích. Bấy giờ Khổng Lồ ở trên tàu xuống, cười và bảo:

- Để bần tăng tự mang lên cho, không phiền đến các người!

Nói rồi một tay xách đãy, một tay cầm nón và gậy bước lên tàu trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Thấy tàu quá nặng, nước mấp mé then, mọi người ngần ngại không dám nhổ neo. Khổng Lồ bảo họ: - "Các người chớ ngại, ta quyết không để cho tàu chìm đâu".

Thuận buồm xuôi gió, tàu rẽ nước đi băng băng. Được mấy ngày bỗng xảy ra một trận phong ba dữ dội. Một con ngô công mình dài trăm trượng miệng há đỏ như lửa đang vẫy vùng giữa sóng gió chồm đến toan nuốt cả tàu. Mọi người ngồi trên chiếc tàu chòng chành, vô cùng kinh sợ. Khổng Lồ nói to:

- Các người cứ ngồi yên mặc ta diệt trừ con quái vật!

Nói đoạn sẵn có quả bí lớn, ông cầm lấy đứng ở mũi tàu ném vào miệng ngô công. Ngô công vừa đớp lấy thì ông đã nhảy xuống nước cầm gậy đánh vào mình nó. Ngô công chạy không kịp bị gãy xương, đứt làm ba đoạn và hiện thành ba hòn đảo nổi lên giữa biển. Ngay sau đó, sóng gió yên lặng, tàu lại đi một mạch về tới đất Việt.

Về tới kinh đô, Khổng Lồ vào chầu vua và kể lại mọi việc. Vua sai sư đem đồng ra đúc bốn thứ bảo khí thờ Phật để cho mọi người ngưỡng mộ và truyền lại ngàn đời sau. Khổng Lồ bèn cho gọi bao nhiêu thợ đúc tài giỏi trong nước đến, rồi mở đãy lấy đồng ra chia làm bốn phần. Đầu tiên ông đúc một cái tháp cao 9 tầng gọi là tháp Báo-thiên. Tháp đúc xong hiện ra giữa kinh thành vòi vọi đứng đâu cũng thấy. Khổng Lồ lại đúc một tượng Phật cao vừa 6 trượng, một cái đỉnh to vừa bằng 10 người ôm. Rồi còn lại bao nhiêu đồng, Khổng Lồ cho đúc một quả "hồng chung"... Chuông đúc xong to lớn không thể tưởng tượng được,

đến nỗi khi đánh lên hồi đầu tiên, tiếng ngân vang cùng khắp bốn cõi, vang sang đến tận bên Trung-quốc.

Lại nói chuyện con trâu vàng nằm trước kho đồng của vua Trung-quốc khi nghe tiếng chuông, tự nhiên như được thức tỉnh dậy. Vì đồng đen là mẹ của vàng cho nên do tiếng ngân, nó biết là mẹ nó đã ở nước Việt. Nó bèn đứng dậy vươn người rồi ba chân bốn cẳng chạy một mạch sang Nam, không một sức nào có thể cản nổi. Cuối cùng nó tìm đến quả chuông do Khổng Lồ mới đúc, hôn hít hồi lâu rồi nằm xuống bên cạnh.

Thấy việc không ngờ lại xảy ra như thế, Khổng Lồ tự nghĩ nếu để chuông lại thì mỗi lần đánh chuông, vàng trong bốn biển sẽ quy tụ cả vào nước mình. Như thế sẽ rất nguy hiểm vì sẽ gây hiềm khích với tất cả mọi nước. Ông bèn tâu vua xin đem quả chuông ném cho mất tích để tránh một cuộc binh đao tai hại có thể xảy tới. Nhận thấy lời tâu có lý, vua cũng bằng lòng. Ngày ném, Khổng Lồ đứng trên núi xách quả chuông vứt xuống hồ Tây. Chuông bị tung lên không bay ra giữa hồ, vang lên một hồi rất dữ dội. Con trâu vàng nghe tiếng, vội theo mẹ nó nhảy ngay xuống hồ. Từ đó về sau thỉnh thoảng những lúc thanh vắng người ta vẫn thấy quai chuông nổi lên mặt nước. Còn con trâu vàng thì đôi lúc lên bờ hồ đi dạo, hễ thoạt thấy bóng người là lặn xuống ngay. Cũng vì câu chuyện trên mà hồ Tây còn có tên là vực Kim-ngưu (Trâu vàng). Riêng Khổng Lồ về sau được thợ đồng thờ làm thần nghề đúc đồng[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên được nhiều người truyền là sự tích thiền sư Dương Không Lộ hay Nguyễn Minh Không với nhiều tình tiết phụ thuộc khác nữa (xem thêm truyện *Từ Đạo Hạnh,* số **120**, tập **III**).

Về chỗ trâu vàng, sách *Truyện đức Lý quốc sư* kể rằng: Con trâu vàng của nhà Tống được người cháu Cao Biền đem bút thần điểm nhãn nên trâu trở nên có cảm giác và hoạt động như trâu thật. Khổng Lồ biết vậy nên khi về nước đúc chuông xong, đánh một hồi rất dài và rất kêu. Trâu nghe tiếng liền lồng sang đất Việt. Khi đến kinh đô Thăng-long thì tiếng chuông vừa dứt, trâu đi vẩn vơ không biết chuông đâu mà tìm cả. Bấy giờ Cao Thị Na là cháu Cao

1. Theo lời kể của người miền Bắc.

Biến làm một con diều giấy rất lớn, dùng bút thần điểm nhãn, diều quả bay lên cao, Cao thị liền cưỡi lên đi tìm trâu vàng. Diều bay đến hồ Tây, trâu vàng sợ bèn lặn xuống hồ[1].

Ở đoạn kết có người kể khác: chuông không bị ném xuống hồ Tây nhưng đến đời Lê, vua Chiêu Thống ra lệnh lấy hết chuông khánh đem về đúc tiền, trong đó có quả chuông của Khổng Lồ. Khi quân sĩ mang qua sông Lục-đầu, chuông tự nhiên lặn xuống nước không có sức gì có thể kéo lên được. Từ đó những khi thanh vắng, người ta thấy chuông nổi lên rồi lại lặn xuống.

Người ta truyền rằng gia đình nào một vợ một chồng mà có mười người con trai thì có thể kéo được chuông lên. Bởi thế có câu tục ngữ:

Người nào một vợ một chồng.
Đẻ mười trai cả, chuông đồng thánh cho[2].

Những truyện trên có lẽ người kể đã nhớ lẫn lộn, chắp vá mẩu chuyện này vào với mẩu chuyện kia.

Sê-ông (Chéon) kể truyện trên có nói đến con trâu vàng. Đường đi của nó ở Thăng-long về sau thành con sông Tô-lịch. Còn quả chuông thì được Khổng Lồ ném không phải xuống hồ Tây mà xuống sông Lục-đầu. Cũng tại sông này ở chỗ gần Phả-lại còn có hòn đá tròn mấp mé giữa dòng, người ta nói đó là cái đó Khổng Lồ. Còn con trâu vàng tìm mãi không thấy mẹ nó đâu cả, thì nó bực mình vùng vẫy làm cho cả một đám rừng sụt xuống hóa thành hồ, gọi là hồ Kim-ngưu[3].

Về chỗ cái dãy bỏ vật gì vào bao nhiêu cũng không đầy và không to thêm, truyền thuyết Cham-pa có truyện *Vua Kơ-long Ga-rai*. Ông vua này lúc còn hàn vi cùng bạn lên vùng Tây-nguyên đi buôn trầu. Ông có hai cái sọt có phép lạ làm cho người bán hái trầu trồng trên ba đám ruộng bỏ vào mà không đầy. Người bạn đồng hành thấy vậy sợ quá, không dám cùng ăn cùng uống. Để hắn ta cùng ăn với mình, Kơ-long Ga-rai lấy tay rẽ đôi cơm trên lá chuối cho hắn ăn (cho nên từ đấy lá chuối có cái sọc trắng ở giữa) lại bóp bầu nước chia ra cho hắn uống (cho nên từ đấy quả bầu nậm nào cũng bị eo ở khoảng giữa)[4].

Về Khổng Lồ thần của nghề đúc đồng, xem thêm truyện *Người thợ đúc và anh học nghề*, số **122**, tập **III**.

---

1. Xem thêm truyện *Lấy bẫy như Cao Biền dậy non* (số **39**).
2. Đoạn này tương tự với một truyện trong mục "Thần núi" ở *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*.
3. *Sưu tầm 100 bài An-nam*.
4. Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*.

68. THẠCH SANH

Ngày xưa ở quận Cao-bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con. Nhà họ nghèo, hàng ngày phải lên rừng chặt những bó củi về đổi lấy gạo nuôi thân. Họ ham giúp người như đắp đường khơi cống, đỡ đần kẻ già người yếu mà không nề hà gì cả. Thấy họ tốt bụng, Ngọc hoàng bèn sai thái tử xuống đầu thai làm con. Từ đó người vợ có mang, nhưng trải đã mấy năm mà không sinh nở. Giữa khi ấy, người chồng lâm bệnh rồi chết. Mãi về sau người vợ mới sinh được một đứa con trai.

Thằng bé khôn lớn thì người mẹ cũng theo chồng từ giã cõi trần. Nó sống côi cút trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. Người ta gọi là Thạch Sanh. Giang sơn của Thạch Sanh chỉ có mỗi một lưỡi búa của cha để lại hàng ngày đưa lên rừng đốn củi. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, có thiên thần được Ngọc hoàng phái xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

Một hôm có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua ngồi nghỉ ở gốc đa. Hắn thấy Thạch Sanh vừa gánh về một gánh củi lớn tướng, nghĩ bụng: - "Người này khỏe như voi. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi biết bao nhiêu". Bèn lại lân la gạ chuyện rồi đòi kết làm anh em. Thấy có người lạ tự nhiên săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và sau đó chàng từ giã gốc đa đến sống chung dưới mái nhà họ Lý.

Nhà họ Lý vốn chuyên môn cất rượu. Thạch Sanh đến, mẹ con hắn quả được một tay đỡ đần rất tốt. Bấy giờ trong vùng có một con Chằn tinh, có nhiều phép biến hóa lạ kỳ, thường bắt người ăn thịt. Quan quân nhiều lần đến bổ vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Cuối cùng người ta đành phải lập cho nó một cái miếu, hàng năm khấn một mạng người để cho nó đỡ phá phách.

Không may năm ấy đến lượt Lý Thông nạp mình.

Nghe tin, mẹ con Lý Thông hoảng hốt lo sợ, nhưng sau đó mẹ con hắn nghĩ ra được một mưu là lừa cho Thạch Sanh đi chết thay: - "Hắn

không cha mẹ, lại vừa mới đến, lạ nước lạ cái chắc là việc sẽ trót lọt". Nghĩ vậy, chiều hôm đó Lý Thông chờ lúc Thạch Sanh đi kiếm củi về, dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

- Đêm nay đến lượt anh đi canh miếu thờ, ngặt vì giỏ cất mẻ rượu, vậy em chịu khó đi thay cho anh một đêm, đến sáng lại về.

Thạch Sanh không ngờ vực gì cả, thuận đi ngay.

Nửa đêm hôm ấy, Thạch Sanh đang lim dim đôi mắt thì Chằn tinh sau miếu hiện ra, nhe nanh giơ vuốt định vồ lấy chàng. Thạch Sanh với lấy búa đánh lại. Chằn tinh hóa phép thoắt biến, thoắt hiện, nhưng Thạch Sanh không núng, chàng cũng giở phép tấn công liên tiếp. Chỉ một lúc sau, yêu quái bị lưỡi búa của chàng xả làm đôi, hiện nguyên hình là một con trăn lớn. Chàng vội chặt lấy đầu và nhặt bộ cung tên bằng vàng của yêu quái xách về.

Canh ba hôm ấy, mẹ con Lý Thông đang ngủ bỗng nghe tiếng Thạch Sanh gọi cửa, ngỡ là oan hồn của hắn hiện về, hồn vía lên mây, vội cúi đầu lạy lấy lạy để. Khi Thạch Sanh vào nhà kể cho nghe chuyện giết Chằn tinh, mẹ con hắn mới thật hoàn hồn. Nhưng Lý Thông bỗng nảy ra được một kế khác. Hắn nói:

- Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để mặc anh ở nhà lo liệu!

Nghe nói, Thạch Sanh kinh hoảng, vội từ giã hai mẹ con họ Lý ra đi. Chàng lại trở về gốc đa cũ kiếm củi nuôi miệng. Còn Lý Thông thì đem thủ cấp của yêu quái trẩy kinh, tâu vua là mình đã hạ thủ được Chằn tinh. Vua khen ngợi và phong hắn làm đô đốc.

Lại nói chuyện công chúa con vua hồi ấy đã đến tuổi lấy chồng. Nhưng nàng vẫn chưa chọn được người nào xứng đáng. Bọn hoàng tử các nước cũng có nhiều người sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không một ai vừa ý nàng. Cuối cùng, vua cha tổ chức một ngày hội lớn cho hoàng tử các nước láng giềng và con trai trong thiên hạ tới dự để công chúa từ trên lầu cao ném quả cầu may: hễ quả cầu rơi trúng vào người nào thì sẽ lấy người ấy làm chồng.

Nhưng khi công chúa sắp sửa ném quả cầu thì bỗng có Đại bàng đi qua trông thấy. Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi có nhiều

phép thần dị. Thấy công chúa đẹp, liền sà xuống bắt thình lình cắp đi. Bấy giờ Thạch Sanh đang ngồi dưới gốc đa. Tình cờ thấy Đại bàng bay qua, chân có quắp một người, sẵn cung tên chàng bắn theo một phát. Mũi tên trúng cánh Đại bàng. Hắn đau quá phải hạ xuống cắn răng nhổ mũi tên đi rồi lại tha công chúa về hang. Thạch Sanh lần theo vết máu, tìm được chỗ ở của quái vật.

Thấy con bị mất tích, nhà vua xiết bao đau đớn, vội sai đô đốc Lý Thông đi tìm, hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho. Vừa mừng vừa sợ, Lý Thông không biết tính thế nào. Cuối cùng hắn nghĩ, chỉ có người em kết nghĩa cũ họa may có thể gỡ bí cho mình, bèn một mặt cho quân lính đi khắp nơi dò hỏi, mặt khác truyền cho nhân dân mở hội hát xướng mười ngày để nghe ngóng tin tức Thạch Sanh. Nhưng tám chín ngày trôi qua mà vẫn chưa có tin gì mới mẻ. Mãi đến ngày thứ mười, hắn mới tìm thấy Thạch Sanh trong đám người đi xem hội. Thấy Lý Thông nói đến việc tìm công chúa, Thạch Sanh liền thật thà kể chuyện mình bắn Đại bàng cho nghe. Lý Thông mừng quá, lập tức nhờ chàng dẫn đường cho quân sĩ trẩy đến sát hang đá. Cửa hang ăn thông xuống đất sâu thăm thẳm không một ai dám xuống. Thạch Sanh tình nguyện buộc dây ở lưng cho người dòng xuống hang thám thính.

Đại bàng từ hôm bị thương về nằm liệt một nơi, bắt công chúa phục dịch. Thạch Sanh xuống đến nơi ẩn vào một xó, chờ lúc công chúa một mình đi qua, mới ra hiệu cho nàng biết. Thấy người trai lạ kia liều chết cứu mình, công chúa vừa ngạc nhiên vừa hết sức cảm phục. Thạch Sanh lấy thuốc mê bảo nàng cho Đại bàng uống. Chờ lúc Đại bàng ngủ say, chàng buộc công chúa ở đầu dây ra hiệu cho quân của Lý Thông kéo lên. Chàng đang chờ đến lượt mình lên thì không ngờ Lý Thông đã ra lệnh cho quân sĩ vần đá lớn lấp kín cửa hang lại, rồi kéo nhau về. Thạch Sanh không ra được, tức mình vô hạn. Chàng đập phá khắp nơi để kiếm lối thoát. Giữa khi đó Đại bàng tỉnh dậy. Thấy có người lạ, lại thấy mất công chúa, hắn bừng bừng nổi giận xông ra toan giết Thạch Sanh. Thạch Sanh cũng giỏi phép mầu chống lại rất kịch liệt. Đại bàng bị thương sẵn nên chả mấy chốc đã chuốc lấy thất bại. Sau khi giết chết con yêu tinh, Thạch Sanh đi lục lọi khắp mọi nơi. Thấy có một người con trai bị nhốt trong cũi sắt, chàng hỏi ra mới biết đó là thái tử con vua Thủy. Ngày

đó cách đây hơn một năm thái tử đi du ngoạn, tình cờ bị Đại bàng bắt đem về nhốt lại ở đây. Thạch Sanh bèn dùng cung vàng bắn tan cũi sắt cứu thái tử ra. Thái tử thoát nạn hết lời cảm tạ chàng và mời chàng xuống chơi Thủy phủ. Vua Thủy sung sướng được gặp lại con, lòng rất biết ơn Thạch Sanh. Vua đãi chàng rất hậu và khi chàng về, vua tống tiễn thật nhiều vàng ngọc nhưng Thạch Sanh không nhận, chỉ xin có mỗi một cây đàn. Thế rồi, chàng lại trở về gốc đa sinh nhai bằng nghề cũ.

Lại nói chuyện Chằn tinh và Đại bàng sau khi chết, hồn chúng nó không được ai cúng tế, đành đi lang thang để kiếm miếng ăn. Một hôm chúng tình cờ gặp nhau và mỗi bên kể cho nhau biết vì đâu gặp phải số phận long đong. Hai bên bàn nhau tìm cách báo thù Thạch Sanh cho bõ ghét. Chúng bèn lẻn vào kho vua ăn trộm của cải mang tới quẳng ở gốc đa để vu vạ. Quả nhiên sau đó bọn nội thị cứ theo dấu đi tìm, đến gốc đa thì bắt được tang vật. Thạch Sanh liền bị hạ ngục.

*

* *

Lại nói chuyện công chúa từ khi được Lý Thông đưa về cung thì tự nhiên hóa câm. Suốt ngày mặt hoa rầu rĩ không nói không cười. Vua đành hoãn việc cưới xin và bảo Lý Thông lập đàn cầu nguyện cho nàng lành bệnh. Lý Thông bèn cho mời các pháp sư có đủ phép thuật cao cường về cúng cấp nhưng cầu mãi vẫn không ăn thua. Công chúa ngày ngày ngồi im lặng làm cho hắn vô cùng sốt ruột. Giữa lúc đó thì Thạch Sanh bị bắt và thuộc quyền hắn xét xử. Lý Thông không ngờ người mà hắn cố ý hãm vào chỗ chết lại vẫn sống nhăn. Hắn nghĩ: - "Nếu để nó sống, nó sẽ tranh mất công ta và tố cáo ta". Vì thế Lý Thông quyết định khép Thạch Sanh vào tội chết.

Ngồi trong ngục, Thạch Sanh nhân buồn tình đem đàn của vua Thủy cho ra gảy, không ngờ đấy chính là cây đàn thần, tiếng văng vẳng phát ra lúc này như oán, như than, như tức, như bực. Càng gảy tiếng đàn càng trách sự hững hờ của công chúa và vạch tội ác của Lý Thông. Tiếng đàn thoát khỏi nhà ngục và truyền đi rất xa. Nó bay vào hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Bấy giờ công chúa đang ngồi trên lầu. Vừa nghe tiếng đàn, tự nhiên nàng đứng dậy cười nói huyên thuyên. Câu đầu tiên của nàng là xin vua cha cho gọi người gảy đàn vào cung.

Nhà vua lấy làm lạ, cho đòi Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi thân phận của mình từ lúc mồ côi cha mẹ đến lúc kết bạn với Lý Thông: nào chém Chằn tinh, bắn Đại bàng, nào cứu công chúa bị lấp cửa hang, nào cứu con vua Thủy tề và bị bắt đến đây, v.v... Vua và hoàng gia càng nghe càng thương cảm. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha cho chúng về quê nhà làm ăn. Nhưng đi về được nửa đường thì chúng bị sét đánh chết.

Nhà vua vui lòng gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kỳ, chưa bao giờ vui đến như thế. Thấy vậy, bọn hoàng tử các nước chư hầu trước kia bị công chúa từ hôn lấy làm tức giận. Họ hội họp binh lính cả mười tám nước lại, sang hỏi tội vua tại sao lại đem con gái cành vàng lá ngọc gả cho một đứa khố rách. Nhưng khi nghe tiếng đàn thần thánh thót của Thạch Sanh, tự nhiên quân sĩ của mười tám nước không còn ý chí đánh trận nữa. Cuối cùng bọn hoàng tử đều nhất tề cuốn giáp. Thạch Sanh sai dọn cơm cho họ ăn. Cả mấy vạn quân sĩ thấy niêu cơm quá nhỏ, ai nấy bĩu môi không buồn cầm đũa. Biết ý, chàng đố họ ăn hết được niêu cơm sẽ trọng thưởng. Quả nhiên chúng ra sức ăn mãi, ăn mãi nhưng ăn hết bao nhiêu cơm lại đầy bấy nhiêu. Sau khi ăn no họ rập đầu lạy tạ và kéo nhau về nước.

Về sau vua không có con trai nên nhường ngôi cho Thạch Sanh[1].

KHẢO DỊ

Đồng bào Tày cũng kể chuyện *Thạch Sanh* như của người Kinh. Đặc biệt ở Hòa-an (Cao-bằng) dân địa phương coi nguồn gốc truyện *Thạch Sanh* là của mình[2]. Không những họ căn cứ ở câu "Ngày xưa ở quận Cao-bình", mà còn căn cứ vào một cái hang tương truyền là nơi Thạch Sanh chém Chằn tinh, và những đền thờ thờ Thạch Sanh ở một số làng xã, và vào một số phong tục, ngôn ngữ liên quan đến tình tiết của truyện, v.v...

1. Theo *Truyện Thạch Sanh*.
2. Xem thêm Phan Nhật. *Tìm hiểu Thạch Sanh ở Cao-bình, Hòa-an, Cao-bằng, Tạp chí Văn học* số 6 (1972).

Cần chú ý là truyện của ta cũng cùng một "thoại" với truyện *Thạch Sanh chém chằng* trong các vở "dù kê" của đồng bào Khơ-me (Khmer) nên lại có người cho rằng có lẽ nguồn gốc truyện *Thạch Sanh* là từ *Thạch Sanh chém chằng* của người Khơ-me mà ra[1].

Người Mèo có hai truyện:

1. *Sinh Lữ cứu con Ngọc Hoàng:*

Sinh Lữ mồ côi bố, nhà nghèo nhưng có sức khỏe. Vua nghe tin muốn mượn tay anh đón giết rắn lớn sắp bắt con gái Ngọc hoàng đi qua, hứa sẽ gả cho cô gái ấy nếu cứu được. Anh mượn gươm vua ra đi, nhưng rắn quá lớn, sức chém của anh đối với nó chả mùi mẽ gì. Anh theo dấu rắn đến một cái hang sâu. Vua sai dòng dây cho anh xuống. Gặp cô gái, cô can anh đừng trêu nó mà nguy hiểm. Nghe lời cô anh thử nhấc mũi kiếm của nó lên thì không nổi. Anh buồn phát khóc. Tự nhiên một giọt rượu từ trên trời rơi vào miệng, anh nuốt vào thấy khỏe ra, lại nhấc thử thì thấy nổi. Anh lần lượt xin cô gái hai bát rượu cái, cuối cùng nhấc lên nhẹ như lông, anh tung mũ nó lên trời rồi giơ đầu hứng lấy đội vào. Cô gái lại dặn anh phải chém quái vật vào lúc nó mở mắt vì chính lúc ấy là lúc nó ngủ thật sự. Anh làm theo quả chặt được rắn lớn thành chín khúc. Xong anh giật dây cho cô gái Ngọc Hoàng lên trước. Nhưng thấy cô gái đẹp, vua giữ cô gái cho mình mà không kéo anh lên. Giống như truyện của ta, ở lại dưới hang rắn, anh đi lục lọi khắp nơi, và tìm ra được thái tử không phải con vua Thủy mà là con Ngọc hoàng bị rắn giam vào hang đá trong bao nhiêu năm, hang đá đã liền lại như bức tường. Sinh Lữ đục được tường cứu chàng con vua trời ra. Thái tử đưa anh lên trời, anh được Ngọc hoàng đối đãi rất hậu, nhưng anh nhất thiết chối từ mọi tặng vật, chỉ xin một con chó bếp theo lời mớm của Thái tử. Khi về cõi trần, nhờ chó bếp anh có nhà cửa lâu đài, người hầu kẻ hạ đẹp như tiên, trong đó có một cô đẹp nhất làm vợ Sinh Lữ. Anh đón mẹ về ở, cuộc đời sung sướng bắt đầu. Một hôm, anh bảo mẹ mời vua đến nhà ăn cơm. Thấy những người hầu đẹp đẽ, nhất là thấy vợ anh dung nhan không ai sánh kịp, vua ngây ngất, bèn gạ anh đổi lấy chín vợ của mình cùng cả cơ nghiệp.

Kết cục gần giống truyện *Của Thiên trả Địa* (xem truyện số **42**). Vợ anh ghé tai bảo nhỏ cứ đổi, nhưng đi một đoạn thì giả vờ quên cái này hay cái khác để trở lại ba lần, sẽ thấy sự lạ. Khi Sinh Lữ trở lại lần thứ ba thì vợ anh đập vào đáy chảo ba cái, tự nhiên một tiếng sét nổ vang, nhìn lại thì vua đã

1. Võ Xuân Phổ. *Góp ý kiến về nguồn gốc truyện Thạch Sanh,* tập san *Văn sử địa,* số 19 (1956).

cháy đen, còn nàng vợ tiên cùng đoàn người tiên hầu hạ đã biến mất cả. Sinh Lũ bèn về cung lấy chín người vợ của vua và lên ngai vàng.

2. *Hai chàng rể:*

Có hai anh em mồ côi chưa kiếm được vợ, chuyên sống bằng nghề bẫy chim và thú nhỏ. Một hôm đi về thấy bao nhiêu thức ăn để dành đều bị mất trộm, mới để ý rình mò thì bắt được một ông lão chui vào rọ. Ông lão xin thả, hứa sẽ đưa đến nhà gả cho hai cô gái xinh đẹp, nhưng khi đến thì lão dùng quạt thần làm cho hai anh em bay lên đỉnh núi. Nhờ có tiếng sáo họ đã làm cho các thú rừng say sưa nghe, và cõng giúp xuống núi. Lúc này họ làm quen với hai cô gái ông lão, đem quạt giả để đánh tráo chiếc quạt thần, rồi họ quạt cho lão bay đi rất xa và chiếm hai cô làm vợ. Do sự trù rủa của lão, người anh lấy cô chị bị sa xuống hang rồng, còn người em lấy cô em thì sa xuống hang thỏ. Hai chị em thấy chồng mất tích bèn chạy khắp nơi tìm, khi thấy dấu vết ở miệng hang thì ném xuống mỗi người một chiếc lược. Lược của em bằng gỗ thông ít lâu sau mọc thành cây thông, người em trèo lên thoát nạn. Còn lược của chị là lược tre, cũng mọc lên thành cây nhưng khi người anh trèo lên, vì tre non mềm dễ gẫy, nên cuối cùng lại rơi xuống đáy hang sâu thăm thẳm. Đó là lý do làm cho người anh hùng phải ở lại dưới mặt đất.

Người anh đi khắp nơi để tìm lối lên nhưng vô hiệu. Dân cư dưới này là một giống người bé bằng ngón tay. Một hôm anh đi đến một nơi thấy một đoàn người đang hè nhau lay một cây ké (loại cây thảo, quả có gai hay bám lên đầu tóc, áo quần) mà không đổ. Anh cúi xuống làm giúp cho họ đắc lực. Nhưng bọn họ lại tỏ thái độ lo sợ hoảng hốt, kháo nhau: -"Nguy rồi! Quan về thì nguy!". Anh để ý nhìn xem thì thấy chim gõ kiến, rồi sóc, gà, cáo lần lượt tìm đến với thái độ hách dịch. Mỗi lần chúng đến, bọn người tí hon lại thì thào - "Nguy rồi! Quan về!", v.v... Biết đó là kẻ thù của họ, anh lần lượt đánh chết chúng. Từ đó họ chơi thân với anh, cùng nhau sống chung rất vui vẻ.

Ở được ba năm anh muốn về mà vẫn không có cách gì cả. Sau cùng gặp một vị tiên. Tiên bảo anh cứ đi mãi về phía mặt trời lặn, sẽ gặp một cây lim (lem), trên có tổ diều hâu, khi thấy lũ con đang tập bay thì trói lại với nhau, rồi yêu cầu bố mẹ chúng cõng lên mặt đất. Ở đây kết thúc gần giống với các dị bản sẽ kể ở dưới. Bố mẹ chim về thấy con không bay được, mới đi hỏi tiên. Tiên bảo đấy là do ma làm, phải đi đón thầy ở nơi nọ nơi kia mà chữa. Thầy chữa tức là anh, anh đòi trả công bằng cách cõng hộ mình lên mặt đất. Anh chữa bằng cách cởi dây trói, nhưng diều hâu lật công. Anh lại nhân lúc bố mẹ chim đi vắng trói lũ con lại. Bố mẹ chim lại đến cầu, năm lần bảy lượt anh

mới nhận. Anh xếp ba bồ thịt khô (do bọn người tí hon săn bắt) lên lưng chim để cho chim có sức bay. Khi sắp lên đến nơi, anh reo mừng làm cho chim giật mình sà cánh, anh lại rơi xuống như cũ. Thấy anh buồn phát khóc, cả bố mẹ và đàn diều hâu lại cõng anh lên. Thịt trong ba bồ đều cạn, anh phải cắt thịt tay và thịt chân mình đút cho chúng. Cuối cùng chúng đưa anh về đến nơi vô sự[1].

Truyện *Thạch Sanh* về cục bộ có phần tương tự với một số truyện cổ tích khác của ta (xem truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* (số **48**), truyện *Con chó, con mèo với anh chàng nghèo khổ* (số **92**), đều ở tập này, truyện *Ba chàng thiện nghệ* (số **107**), truyện *Từ Đạo Hạnh* (số **120**) ở tập **III**, truyện *Tiêu diệt mãng xà* (số **148**) tập **IV**, v.v...) Loại truyện nhân vật anh hùng có sức khỏe vô địch chui vào hang sâu giết quái vật cứu người và lưu lạc ở dưới đó một thời gian như Thạch Sanh, các dân tộc ở trên thế giới có rất nhiều. Chúng tôi chỉ nhặt ra sau đây một số truyện mà hình tượng và diễn biến gần với truyện *Thạch Sanh* hơn cả.

Trước hết là truyện của bộ lạc Giô (Dzo) ở Băng-gan (Bengale) (Ấn-độ):

Có hai chàng trẻ tuổi tên là Hờ-pô-tia và Hờ-răng-san giải phóng một cô gái là Cun-gô-ri ra khỏi nanh vuốt một con người hổ. Giữa lúc họ đánh người hổ gần chết thì Cun-gô-ri lại bị Cu-a-vang bắt. Hắn đưa nàng về làng mình ở dưới mặt đất mà mỗi lần xuống phải đi qua một cái lỗ. Để mách lối cho người đi tìm, cô gái cầm một ống chỉ cho sợi rơi ra dọc đường, Hờ-pô-tia và Hờ-răng-san theo dấu tìm được đến lỗ. Họ nạy hòn đá lớn chui vào hang, bí mật lẻn tới làng Cu-a-vang. Hờ-pô-tia tìm được cô gái và khó khăn lắm mới đưa nàng ra được. Nhưng khi đến mặt đất, cô gái sực nhớ mình bỏ quên mất cái lược quý. Hờ-răng-san không dám trở xuống. Hờ-pô-tia vui lòng đi lấy, thừa dịp Hờ-răng-san bắt lấy cô gái đem về và lấp lỗ lại. Về đến nhà cha mẹ mình, cô gái bị ép lấy hắn, coi như ân nhân cứu mạng. Còn Hờ-pô-tia trốn ra không được, buộc lòng phải ở lại làng Cu-a-vang và lấy con gái hắn làm vợ. Anh chàng gieo một hạt cây "côi" ở gần nhà, cây mỗi ngày một mọc cao. Một hôm nhân vợ đi vắng, anh trèo lên cây, tự nhiên tìm được lối ra khỏi xã hội dưới đất. Về đến nhà cô gái, anh thuật lại mọi việc vừa qua. Sau đó cô gái cầm dao cắt cổ Hờ-răng-san rồi lấy Hờ-pô-tia.

Truyện *Chàng Gấu* của Pháp:

1. Theo Doãn Thanh... Sách đã dẫn.

Xưa, có vợ một người tiều phu mang thức ăn cho chồng bị một cành cây cản đường. Đang gõ cành để kiếm lối đi thì nàng bị một con gấu bắt về hang làm vợ. Sau đó nàng đẻ được một đứa con nửa gấu nửa người gọi là Chàng Gấu. Hắn còn bé quá chưa nâng được hòn đá lớn mà bố hắn dùng lấp kín cửa hang. Lên 7 tuổi hắn nâng lên được và cùng mẹ trốn về nhà lão tiều.

Chàng Gấu đi học nhưng khỏe nghịch ngợm. Một hôm hắn đánh một thoi làm cho các bạn văng đi rất xa. Thầy giáo mắng hắn, hắn quăng qua cửa sổ. Bị đuổi khỏi trường, hắn đi học rèn. Thấy người chủ lò rèn đối đãi không tốt, hắn tìm đến một chủ thứ hai. Rồi lại đến ở với một chủ khác. Được chủ cho phép, hắn dồn tất cả sắt trong lò lại rèn một cái gậy ngót 500 cân.

Chàng Gấu từ giã chủ đi chơi gặp Chàng Cối đang tung mấy cái cối coi bộ rất nhẹ nhàng. Anh rủ hắn theo mình. Gặp một anh chàng đang trục một hòn núi, anh bảo thả cho núi lăn xuống rồi theo mình. Người thứ ba họ rủ là một anh chàng đang bện một cây "sên" làm thừng buộc củi.

Họ đi được hai ngày hai đêm đến một tòa lầu. Bước chân vào một buồng, họ thấy cỗ bàn dọn sẵn, bèn ngồi vào ăn. Ăn rồi cả bọn vào rừng đi săn, trừ Chàng Cối trúng thăm ở nhà nấu ăn. Đang nấu bỗng có một người khổng lồ xông vào hỏi làm gì rồi đánh cho ngã lăn, đoạn bỏ đi mất. Khi cả bọn về hỏi thì hắn nói dối là khói bếp làm cho hắn khó chịu. Ngày mai đến lượt Chàng Trục núi ở nhà. Hắn cũng bị khổng lồ đến đánh cho ốm đòn nhưng khi hỏi, hắn cũng nói dối như Chàng Cối. Ngày thứ ba nhằm phiên Chàng Bện cây và việc cũng xảy ra như trước. Hôm sau nữa đến lượt Chàng Gấu và khi khổng lồ đến, anh cho hắn một gậy xả làm hai mảnh. Bọn kia lúc về thấy vậy rất phục.

Chàng Gấu đi thăm dò tòa lầu. Nhờ gõ gậy, anh biết nền nhà có chỗ rỗng có lỗ chui xuống. Cả bọn tìm cách xuống. Họ lấy dây buộc Chàng Cối ngang lưng và dòng xuống với một cái chuông lắc. Vừa xuống hắn đã kinh sợ lắc chuông lia lịa xin lên. Đến lượt Chàng Trục núi, rồi Chàng Bện cây cũng thế, cuối cùng Chàng Gấu xuống. Gặp một bà tiên, anh kể cho biết mình đã giết chết tên khổng lồ. Bà tiên chỉ cho hai cái buồng, một buồng trong có quỷ ở và một buồng khác có ba chị em công chúa bị bắt giam. Chàng Gấu phá cửa vào buồng đầu, giết hết lũ quỷ. Khi giải phóng cho ba công chúa thì mỗi nàng tặng anh một viên sắt nạm ngọc và kim cương. Chàng Gấu buộc dây ra hiệu cho bạn lần lượt kéo lên. Mỗi người giành lấy một công chúa. Đến lượt Chàng Gấu lên được nửa chừng thì bọn họ cắt đứt dây làm cho ngã gãy chân. Nhờ có bà tiên, anh lại lành chân và lên được mặt đất.

Thấy bọn phản bạn sắp sửa ra về, Chàng Gấu nổi xung cầm gậy đánh đuổi. Ba công chúa cố mời anh về cung chơi nhưng anh hẹn một ngày khác sẽ đến. Sau đó Chàng Gấu đi chơi đến giang sơn ông vua, cha ba công chúa nói trên, đang trị vì. Chàng giúp việc ở một chủ lò rèn. Giữa lúc ấy vua bắt người chủ lò phải rèn ba viên sắt nạm kim cương và ngọc đúng như kiểu mẫu, nếu không sẽ trị tội. Chàng Gấu hứa với chủ sẽ làm được. Đến hẹn, anh đưa ba viên sắt của ba công chúa cho trước kia ra. Ba công chúa thấy vật cũ của mình thì nhận ra người cũ. Lập tức vua cho người đi gọi Chàng Gấu đến. Chàng được vua gả cho công chúa trẻ nhất làm vợ. Lễ cưới cử hành suốt ba tháng. Còn ba tên phản bạn sau đó bị lên giàn hỏa.

Rất nhiều truyện của các dân tộc trên thế giới có nội dung tương tự với truyện *Chàng Gấu* trên đây, chúng tôi kể ra một số:

Người La-đơ (Lazes) ở Ít-xtăm-bun (Istanbul) có truyện *Hoàng tử ở cõi âm*. Trong vườn một ông vua có một cây táo. Mỗi năm táo chín thì có một con quỷ (đip) đêm đến ăn trụi. Một năm hoàng tử cả định giết quỷ, nhưng nghe tiếng nó hét lúc bám vào cây như tiếng sấm thì sợ hãi, sáng dậy nói không thấy gì cả. Năm sau đến lượt hoàng tử hai cũng thế. Năm sau nữa đến lượt hoàng tử thứ ba tuy còn bé cũng đi rình và đâm được hai nhát trúng tim. Sáng dậy theo dấu máu tìm đến một giếng sâu dòng dây. Hoàng tử cả đòi xuống trước nhưng nửa chừng đã đòi kéo lên. Hoàng tử thứ hai cũng thế. Hoàng tử thứ ba xuống thấy tối như mực, mãi sau mới có ánh sáng. Theo dấu máu đến một buồng thấy có một cô gái đẹp đang thêu. Cô cho biết mình là con vua, bị bắt được ba năm. Thấy có mùi người, quỷ vội đi mài răng. Lúc nó vào, hoàng tử đóng mạnh cánh cửa làm cho nó bị kẹt đầu và bị chặt luôn. Hoàng tử nhường cho cô gái lên trước. Cô nhổ hai sợi tóc đưa cho, bảo nếu có việc gì thì cọ hai sợi vào nhau sẽ có hai con cừu xuất hiện: một trắng, một đen, cưỡi con trắng thì lên được cõi trần, cưỡi con đen thì nó đưa xuống thế giới ở tầng dưới nữa.

Hai ông anh khi kéo được công chúa lên liền bỏ em lại dưới âm. Hoàng tử ba vì tối quá không nhận ra màu lông cừu nên cưỡi nhầm phải con đen. Xuống đến tầng dưới thấy mọi người đang than khóc, anh hỏi thì đáp là có quỷ dữ. Đến gặp một bà già xin nghỉ và ăn, anh ngửi thấy mùi thức ăn lạ mà không có nước bèn hỏi tại sao lại thế. Đáp: - "Chúng tôi không có nước". - "Thế nấu ăn bằng gì?" - "Nước đái ngựa" - "Vì sao?" - "Ở đây có con quỷ nếu được ăn thịt một cô gái thì nó cho lấy nước một lần trong một năm. Ngày mai đây đến lượt công chúa". Sáng dậy hoàng tử đến chỗ cô gái làm vật hy sinh, trong lúc

mọi người ai nấy đều cầm bình đợi lấy nước. Anh bảo cô đứng sau lưng mình. Quỷ hét lớn mồm há to như cái thúng, anh lấy dao chống hàm, cuối cùng quỷ chết nhưng anh cũng mất hút. Vua giao cho mọi người đến để công chúa nhận ra ân nhân. Mấy lần đều không thấy. Vua sai tìm xem còn sót ai chăng. Người ta báo tin có một chàng trai lạ mặt ngủ ở nhà bà già. Khi gặp vua âm, hoàng tử chỉ xin vua giúp cho mình trở lại mặt đất. Vua thú nhận là bất lực. Buồn rầu hoàng tử xin phép đi từ làng này qua làng khác trải ba năm trời. Một hôm anh ngủ dưới một gốc cây, thấy chim kêu xao xác, ngẩng nhìn lên thì thấy một con rắn đang leo cây toan ăn thịt chim non. Anh nhổm dậy giết chết rắn rồi lại ngủ. Một lát chim mẹ về, thân to như đại bàng toan ăn thịt anh. Lũ chim con cản lại: - "Chớ! chớ! Nó là ân nhân", rồi kể cho mẹ nghe chuyện vừa rồi. Khi hoàng tử thức dậy, chim mẹ bảo muốn gì nó sẽ đền ơn. Đáp: - "Xin cho tôi ra khỏi thế giới này". Nghĩ ngợi một lúc, chim mẹ đáp: - "Trước kia tôi lên xuống một ngày hai lần, nay già yếu rồi, nhưng tôi sẽ cố. Hãy chuẩn bị cho tôi một bát-man[1] thịt, hai bát-man nước. Khi tôi nói "ga" thì đút thịt, nói "ghi" thì cho nước. Thế rồi anh leo lên lưng chim, để chim bay lên trần. Trên đường đi, hết thịt rồi mà chim vẫn cứ nói "ga" luôn mồm. Anh bèn cắt thịt ở đùi mình đút cho nó. Khi đến cõi trần chim nhè ra cho anh một miếng thịt. Anh hỏi: - "Sao lại có thịt này?" - "Khi anh đút, ta biết là thịt của anh nên không nuốt; bây giờ kẹo quần lên ta dán vào cho" (Vì thế bây giờ thịt sau bắp đùi chúng ta mềm mại như là dán vào vậy). Khi chia tay, chim cho anh một trong những cánh của nó, bảo: - "Khi có việc gì anh lấy lông này cọ với lông kia sẽ có một hắc nô xuất hiện, sai gì nó sẽ làm nấy".

Hoàng tử ba về đến nơi vào lúc hai anh mình đang giành cô gái chưa ngã ngũ. Cô hẹn: - "Tôi sẽ lấy người nào mang đến một áo cưới có thể gấp bỏ vào trong một cái hạt quả". Hai người đốc thúc các thợ may trong nước bắt một tháng phải có áo, nếu không thì chặt đầu. Hoàng tử đi qua một hiệu may thấy một cô gái khóc lóc, hỏi thì cô trả lời như trên và nói chỉ đêm nay nữa là hết hạn. Anh nói: - "Đừng sợ, mang cho tôi vài đấu hạt đến đây, mai khắc có". Cho đến gần sáng anh vẫn đập hạt ăn luôn mồm nên cô gái rất lo nhưng sáng mai quả có áo đưa nộp. Nàng công chúa nhận được áo cưới, biết là ân nhân mình đã lên cõi trần vì tin rằng chỉ có anh mới làm được.

Hôm làm lễ cưới, có 50 kỵ sĩ chuẩn bị phi ngựa nhảy qua các hố đào ở giữa đồng. Hoàng tử ba cọ lông chim và ước: -"Đưa cho ta một con ngựa có thể nhảy qua 15 hố". "Hắc nô dẫn đến một con ngựa trắng". Các con kia chỉ có thể

1. Một bát-man bằng 7,7 ki-lô.

nhảy qua từng hố một. Hoàng tử xuất hiện cho ngựa nhảy qua 15 hố một lúc. Mọi người kinh ngạc. Vua hỏi: - "Chàng trai này là ai? Dẫn đến đây cho ta". Anh đến nói: - "Thưa cha con là con cha!".

Đoạn kể lại mọi chuyện. Đám cưới của hoàng tử anh trở thành đám cưới của hoàng tử út[1] .

Người A-va-rơ (Avares) ở phía Bắc núi Cô-ca-dơ (Caucase) cũng có truyện *Chàng Gấu,* nhưng trong truyện, mẹ của Chàng Gấu là một công chúa bị gấu bắt làm vợ. Chàng Gấu này có đôi tai như tai gấu nên gọi là Tai gấu. Khi nghe mẹ kể chuyện hắn liền đẩy bố gấu rơi xuống đường hẻm chết, rồi dắt mẹ về. Tai gấu vào hầu vua. Vua sợ sức khỏe của hắn, sai làm nhiều việc nguy hiểm. Tai gấu đi gặp một người nhổ cây, rồi lại gặp một người quay cối trên đầu gối, đều rủ đi theo mình. Đến một nơi, cả ba dừng lại đi săn. Hai người bạn lần lượt bị một người lùn râu dài lấy râu trói lại. Tai gấu đến tóm lấy hắn chẹt râu vào cây, rồi người lùn kéo bật cả cây mà đi. Theo dấu chân, Tai gấu tìm xuống một ngôi đền, trong đó có một công chúa bị tù. Anh chiến đấu giết chết người lùn cứu công chúa và hai người bạn rồi tìm cách đưa họ lên, và anh cũng bị bọn bạn làm phản, cắt dây, phải ở lại dưới đất.

Ở đây vốn có một con rồng 9 đầu luôn luôn tác quái. Nó buộc dân cối âm mỗi năm phải dâng cho nó một cô gái. Tai gấu giết chết con rồng này. Sau đó anh cứu bầy con của con quạ khỏi bị mãng xà cắn, nhờ đó quạ mẹ đưa anh lên mặt đất. Về đến nhà thấy bọn phản bạn đang tranh nhau công chúa, Tai gấu giết chết chúng, đưa công chúa về nước và được vua gả cho làm vợ.

Truyện của người Can-múc (Kalmouks):

Một anh hùng tên là Mát-xang mình người đầu bò. Anh đi chơi đến một khu rừng gặp một người đen do rừng đẻ ra. Được ít lâu lại gặp một người xanh do bãi cỏ đẻ ra. Xa hơn nữa lại gặp một người trắng do núi thủy tinh đẻ ra. Mát-xang đều kết bạn và rủ đi với mình. Đến một nơi, họ ở trong một ngôi nhà, mỗi ngày cử ba người đi săn để một người giữ nhà và nấu ăn. Đầu tiên là phiên người đen ở nhà. Đang nấu, bỗng có một bà già đến xin nếm tý bơ và thịt. Được ăn, bà già lấy tất cả bơ và thịt rồi biến mất. Người đen bèn in dấu chân ở khắp nơi, chờ khi mọi người về nói láo rằng có một toán quân cưỡi ngựa đến đánh mình và cướp thức ăn. Hôm sau đến lượt người xanh, hôm sau nữa đến lượt người trắng cũng gặp chuyện như thế và đều lập mưu nói láo để khỏi xấu hổ. Đến lượt Mát-xang ở nhà, anh đã đánh bà già chảy máu.

1. Theo Đuy-mê-din (Dumézil). *Truyện cổ tích La-đơ.*

Khi các bạn về, anh mắng họ và giục họ đuổi theo dấu máu. Đuổi đến chỗ hang đá thì thấy bà già và một kho của. Mát-xang một mình xuống hang đá bằng một sợi dây và chuyền hết của lên. Lấy xong, anh bị bọn phản bạn rút dây bỏ lại dưới hang. Mát-xang tưởng nguy đến nơi, nhưng sau đó anh tìm thấy thức ăn và ba hạt anh đào. Anh đúc ba hạt ấy và cầu cho nó chóng lớn. Đoạn anh kê đầu vào xác bà già mà ngủ một giấc mấy năm liền. Khi tỉnh dậy thì ba cây anh đào đã cao, anh theo cây trèo ra khỏi hang. Anh gặp lại bọn phản bạn nhưng không giết, mà bỏ đi chơi khắp nơi. Anh lên trời với cây cung sắt chống các hung thần.

Truyện của người Xi-gơ-mi ở Trung Á[1]:

Một hoàng tử đi tìm một con chim trĩ trắng mầu nhiệm. Dọc đường, gặp một kỵ sĩ bèn rủ đi theo. Họ đến một lâu đài vắng giữa sa mạc. Sáng dậy kỵ sĩ bảo hoàng tử ở nhà nấu ăn để mình đi săn. Đang nấu, hoàng tử bỗng thấy cửa mở, một người lùn vào nhổ một sợi râu trói tay chân hoàng tử và quẳng xuống đất, chén hết thức ăn rồi đi. Hoàng tử lần cởi được dây trói đuổi theo, thì thấy người lùn chui vào một cái giếng và biến mất. Hôm sau, kỵ sĩ ở nhà dùng mưu chém đứt đầu người lùn nhưng liền đó đầu và mình của y lại tìm nối với nhau như cũ, rồi trốn mất. Hoàng tử tết một sợi dây rồi trèo xuống đáy giếng nhưng chỉ được một tý đã kêu lên: -"Kéo mau kẻo tôi cháy mất!". Đến lượt kỵ sĩ trèo xuống đến tận đáy. Ở đây anh gặp nhiều đàn súc vật của người lùn. Đến một thành phố, anh gặp một người ngồi ở cửa một ngôi nhà bày cho anh cách chiến thắng tên lùn là nấp vào giữa hai hòn đá lớn ở gần đấy.

Tên lùn chết, anh tìm được 40 chiếc chìa khóa. Mở buồng cuối cùng, anh gặp một cô gái đẹp bị tên lùn bắt hồi lên 7 tuổi. Sáng dậy anh nhặt nhạnh của cải và ra hiệu cho hoàng tử lần lượt kéo của cải và cả cô gái đẹp lên trước mình. Sau đó, anh buộc một con cừu nhưng nửa chừng bị hoàng tử cắt đứt dây. Tuy vậy, cuối cùng hoàng tử biết hối hận và dòng dây cho lên. Lên đến nơi, anh tha tội cho cả hai người, cho họ tất cả của cải và bỏ đi tìm con chim trĩ trắng mầu nhiệm.

Truyện của người Xy-ri (Syrie):

Một hoàng tử trẻ canh gác cung điện, bắn bị thương một tên khổng lồ tới ăn trộm. Mọi người theo vết máu xuống một bể cạn ngầm dưới đất. Người em vua, rồi hoàng tử anh đòi xuống, nhưng vừa xuống được một chốc đã kêu

1. Ở chân cao nguyên Pa-mia (Pamir).

toáng, nhờ kéo dây cho lên ngay, chỉ có hoàng tử em là xuống được. Ở dưới đáy mở ra ba cái hang, mỗi hang có một tên khổng lồ ở với một cô gái mà chúng bắt xuống đây. Trong đó có cô thứ ba đẹp hơn cả. Nhân khi bọn khổng lồ ngủ, các cô bày cho hoàng tử cách giết chúng, và quả sau đó, hoàng tử đã diệt được. Khi trở lại, hoàng tử ra hiệu lần lượt đưa các cô gái lên. Trước khi cho cô thứ ba lên, hoàng tử thấy cô đang nghịch một con gà vàng và một con gà bạc mổ hạt ngọc. Cô mặc một bộ áo quần không có vết may cắt và mang một chiếc giày vàng đi không bén đất. Cô lưu ý hoàng tử rằng có thể những người thân của hoàng tử sẽ hãm hại, không cho chàng lên. Trong trường hợp đó hoàng tử hãy cưỡi một con chim mà cô tặng, nó sẽ đưa lên mặt đất. Nhưng trước hết, chàng hãy đi tìm ba con ngựa, nhổ mỗi con một cái lông đuôi, cất đi, sẽ có việc dùng sau này. Cô còn tặng thêm ba cái vòng: cái đầu sẽ cho gà vàng gà bạc, cái thứ hai sẽ cho áo quần không có vết may cắt, cái thứ ba sẽ cho một chiếc giày vàng. Tất cả những điều xảy ra về sau đúng như lời cô gái. Hoàng tử bị ông chú và ông anh cắt dây không lên được và hoàng tử làm như cô gái dặn.

Khi được con chim thần đưa lên mặt đất, hoàng tử chụp vào đầu mình một cái bong bóng giả làm người hói để không ai nhận được mặt, đoạn tìm vào kinh đô. Lúc này người ta sắp tổ chức đám cưới của ông em vua lấy cô gái thứ ba. Để mua vui, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa. Hoàng tử rút lông ngựa ra, xuất hiện trước mặt một con ngựa đen rất đẹp, chàng liền nhảy lên phi theo đám kỵ sĩ và về hàng đầu. Hoàng tử lại lần lượt rút các lông khác, xuất hiện ngựa trắng và sau đó ngựa hung, mỗi một con giúp hoàng tử dự một cuộc đấu. Cuối cùng khi ngựa phi qua chỗ cô gái ngồi, hoàng tử giật lấy mũ của cô, rồi phi ngựa đi mất không ai đuổi kịp. Sau đó hoàng tử vào làm việc cho một người thợ bạc. Lúc này cô gái đã biết là ân nhân của mình trở về, cô đòi muốn cưới cô phải có một con gà vàng một con gà bạc biết mổ hạt ngọc. Vua ra lệnh cho người thợ bạc phải làm cho được những vật kia, nếu không sẽ cắt cổ. Thấy người thợ bạc kêu trời khóc lóc, người hói - tức hoàng tử - hứa làm hộ và chỉ quay cái vòng thứ nhất là có ngay để nộp vua. Được gà, cô gái lại đòi một bộ áo quần không có vết may cắt. Bấy giờ hoàng tử đã đến làm việc cho một phó may. Việc cũng diễn ra như trên. Khi được áo quần, cô gái lại đòi một chiếc giày vàng. Hoàng tử lại đổi đến làm việc cho một người thợ giày và cũng quay vòng giúp người thợ giày.

Cô gái bấy giờ mới tâu vua xin lấy người làm chiếc giày vàng làm chồng. Người được phái đi điều tra về nói với vua rằng đấy là một thằng hói. Cô gái đáp: - "Không phải, tâu bệ hạ, đó là con của bệ hạ, người đã cứu tôi". Vua cho gọi anh chàng hói vào cung, anh lột cái bong bóng ra, hiện thành hoàng tử em kể lại mọi việc, và sau đó được lấy cô gái làm vợ.

Truyện của người Tây-ban-nha (Espana):

Một ông vua Xi-ri (Syrie) nhốt ba công chúa trong một cái tháp không có cửa, không có cửa sổ, và phán rằng hễ ai vào được thì gả cho một trong ba cô. Có ba anh chàng đi thử, trong đó có một chàng dùng đinh đóng để trèo lên, trèo đến đâu nhổ đinh đến đấy và đóng chỗ khác để trèo lên nữa. Nhờ đó vào được trong tháp và đưa các cô gái ra bằng dây cho hai bạn dỡ. Khi dỡ xong bọn kia giật mất dây để tranh công.

Nhưng trước khi đưa các công chúa ra khỏi tháp, các công chúa có dặn ân nhân vào trong một cái buồng ở đó có ba con ngựa đẹp, nhổ mỗi con một cái lông đuôi giữ lấy khi có nguy cấp thì đốt lên sẽ được cứu. Cô thứ ba còn tặng một chuỗi hạt. Thấy mình bị phản bội, anh chàng vào chuồng ngựa nhảy lên con của cô thứ ba. Ngựa đưa vào một sa mạc, ở đó anh đổi áo quần cho một người chăn dê và lấy tên là Ju-a-ni-lô.

Công chúa thứ ba vẽ mẫu chuỗi hạt của mình rồi truyền rằng hễ ai làm được đúng mẫu sẽ lấy làm chồng. Vua ra lệnh cho một người trong đám luyện đá thành vàng phải làm xong trong hai tháng, nếu không sẽ cắt cổ. Lúc đó Ju-a-ni-lô tới làm công với người kia, nhận làm rồi lấy chuỗi hạt ra nộp. Công chúa nhận ra chuỗi hạt cũ đòi lấy cho được người làm chuỗi hạt, mặc vua rất tức giận.

Truyện của người Tác-ta (Tartare) ở Nam Xi-bê-ri (Sibérie):

Một anh hùng Kan Sen-tơi sau khi lấy vợ, trở về quê với 40 thanh niên, 40 thanh nữ và 60 lạc đà. Một hôm có một quái vật bảy đầu từ dưới đất chui lên cõi trần, nuốt mất vợ anh và tất cả rồi chui xuống. Có ba anh hùng khác đi theo Kan Sen-tơi để trừ quái vật. Nhưng khi họ thò tay thò chân xuống lỗ thì bị chặt đứt, đành phải ở lại. Kan Sen-tơi tự buộc mình dòng dây xuống. Đến đây thấy một thế giới mới. Anh đi mãi về phía Đông đến một nơi có nhiều súc vật giữa có ngôi nhà cao như núi. Đó là nơi có quái vật ngủ một giấc bảy ngày bảy đêm. Gần đó vợ anh đang ngồi khóc. Thấy chồng, nàng không tin rằng anh đủ sức đánh lại quái vật. Anh giơ dao chặt một đầu nó, nó vùng lên đánh với anh bảy ngày bảy đêm rồi nghỉ. Nhờ có một người râu xanh đánh

quái vật một dùi chết, anh mổ bụng quái vật, những người bị nó nuốt đều sống lại. Anh buộc dây cho mọi người và cả đàn súc vật lên. Nhưng ba người bạn què bỏ anh ở lại. Anh đang nằm ngủ, bỗng bị thức dậy bởi một tiếng động dữ dội, mở mắt thì thấy trên ngọn cây có ba con chim kêu thét vì có một con rồng toan bắt chén thịt. Anh rút gươm chém chết rồng. Chim cám ơn bảo anh kể lai lịch, rồi lúc chim mẹ về, chúng nó kể lại và bảo mẹ chúng đưa anh lên trần. Chim mẹ bắt anh phải chuẩn bị thật nhiều thịt cho nó ăn đường. Anh bắt rất nhiều hươu chất lên lưng. Trước khi bay cho nó ăn 30 con. Trong khi bay nó ăn 30 con nữa mà vẫn đói, anh phải cắt thịt đùi mình cho ăn. Khi đặt anh xuống, nó thấy anh què, hỏi mới biết sự thật, bèn trả thịt đùi lại cho anh, chân anh lại lành như cũ.

Truyện của người Ấn-độ chép trong sách *Biển truyện (Kachâ Sarit-Sâgara)*:

Một anh hùng tên là Xắc-di-dô-va săn một con lợn lòi trốn trong một cái hang. Anh bắn một phát rồi đuổi theo con mồi, cuối cùng cũng lạc vào một thế giới khác, trong đó gặp một cô gái. Anh hỏi thì cô nói mình là công chúa bị quỷ bắt tù. Công chúa còn cho anh biết là con quỷ vừa bị một nhà thiện xạ bắn một mũi tên và đang nằm rên. Anh cho biết nhà thiện xạ đó là mình. Sau đó, anh tiêu diệt con quỷ và lấy cô gái làm vợ[1].

Truyện của đồng bào Treng vùng Kon-tum dường như cũng là một dị bản của truyện *Thạch Sanh* mặc dầu tình tiết có biến cải:

Một anh chàng trong khi yêu một cô gái, kình địch với một tên tù trưởng có sức mạnh và quyền thế nhất trong vùng. Tù trưởng buộc chàng vào hang Ốp-thua hái quả "xa" của thần Kê-rẹo - ăn vào gái sẽ đẹp như tiên, trai sẽ khỏe vô địch - hái được thì cho lấy cô gái.

Anh chàng thuận để cho hắn buộc dây dòng xuống hang sâu. Nhưng hắn dòng nửa chừng cắt dây rồi về cướp cô gái làm vợ. Anh chàng đi lần trong hang tối, trải qua bao nhiêu nguy hiểm mới đến được nơi thần Kê-reo ở, xin được năm quả "xa", lại xin được chiếc lông của thần để soi đường ra cửa hang trở về nhà. Nhờ ăn hai quả, anh đủ sức giao chiến với tên tù trưởng và cuối cùng quật chết nó, xác nó hóa thành rắn độc. Anh lấy cô gái làm vợ và tặng cô ba quả "xa" còn lại để cô trở nên xinh đẹp mãi mãi[2].

---

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, đã dẫn.
2. *Truyện cổ tích dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III.

69. ĐẠI VƯƠNG HAI HAY LÀ TRUYỆN GIẾT THUỒNG LUỒNG

Ngày xưa, ở làng Hoa-viên, bây giờ thuộc tỉnh Hà-tĩnh, có một anh chàng tên là Hai. Lúc còn trẻ, cha mất sớm, anh chàng mặc sức chơi bời, mẹ không thể ngăn cản nổi. Hàng ngày ra đồng, anh lên một mô đất cao cùng với chúng bạn tập nhảy, tập vật.

Trong nhà có nuôi một con trâu đực dữ, hay chọi, hay lồng. Vì thế đứa ở đi cày thường bị gãy cày. Một hôm Hai đi đâu về. Người mẹ trách con:

- Mày hay nghịch hay ngợm, suốt ngày đi mất biệt không làm được việc gì.

Hắn trả lời:

- Được, mai con sẽ đi cày cho.

Qua ngày mai, Hai vác cày đánh trâu ra đồng. Vừa cày được một vạt đất, trâu quen mui tha cày chạy. Anh chàng giận quá vứt cày, chạy vượt lên trước trâu, nắm lấy sừng. Trâu nổi xung húc luôn vào người. Anh chàng thuận tay thoi cho mấy cái, trâu ngã lăn quay xuống đất.

Thấy trâu chết, hắn không hoảng hốt; sẵn dao bên lưng bèn xả trâu làm bốn quày. Đoạn, hắn gọi người làng nhờ khiêng hai quày về cho mẹ mình, còn hai quày nữa buộc vào đòn quảy đi. Khi người mẹ thấy kết quả việc đi cày của con như thế thì giận lắm, vội thuê một người đuổi theo để đánh cho con một trận. Hai đang đi, bỗng thấy một người đuổi phía sau, vẻ hung hăng muốn gây sự, liền đặt gánh xuống vào bụi bẻ một cây lớn, xắn ống tay áo và nói : - "Muốn nếm thử một cây này thì cứ việc lại đây!". Thấy thế, người kia sợ quá, lùi một mạch.

Hai cứ hướng về phương Bắc đi miết. Lúc nào đói bụng thì xẻo thịt nướng ăn. Miếng thịt cuối cùng vừa hết thì chàng đã ngao du ở tỉnh thành Nghệ-an. Chàng đi lang thang khắp nơi; cuối cùng vào dinh quan

bố đánh bạo xin làm thuê. Thấy chàng khỏe mạnh, vợ quan bố nhận cho vào làm. Chàng vỗ bụng xin ăn. Vợ quan bố đưa cho một rá cơm nguội. Chàng ngồi một chốc ngốn hết rá cơm. Thấy hắn ăn quá tợn, vợ quan bố phàn nàn:

- Ăn dữ như thế, chả biết làm việc có ra gì không?

Hai không nói gì cả chỉ hỏi:

- Bây giờ bà bảo làm việc gì?

- Đi gánh cho tôi ít gánh nước!

- Trong nhà có cái gì để gánh nước không?

Vợ quan bố chỉ một dãy vò và bảo:

- Đó, chọn lấy một đôi mà đi!

Hai bĩu môi:

- Nhỏ quá! gánh mất công.

- Thế thì có đôi cong, chỉ sợ anh gánh không nổi.

- Cũng còn nhỏ - hắn đáp.

Vợ quan bố hơi ngạc nhiên, chỉ vào một đôi chum:

- Anh có gánh được cái này không?

- Cũng còn bé.

Thấy vợ quan bố ngơ ngác, anh chàng bảo:

- Bà ra bến mua cho một đôi song lớn, một cây mét[1] già và chọn trong nhà cho tôi một đôi chum kiệu. Có như thế gánh mới phỉ sức.

Hôm đó ở tỉnh có mở hội lớn. Anh chàng gánh hai chum kiệu nước về, thấy có đám vật liền đặt gánh, đứng lại xem. Giữa khi ấy có một đô vật vô địch, từ sáng đến chiều đã hạ luôn một lúc mười mấy người. Hắn đang múa tay thách thức tất cả mọi đô vật khác với một vẻ kiêu ngạo. Thấy anh chàng gánh được đôi chum kiệu đầy nước, lại có dáng mạnh khỏe, mọi người giục vào đấu. Ban đầu Hai chối từ, sau vì nhiều người nói vào mãi, đành nhận lời, nhưng chàng bắt đối phương phải làm giấy cam đoan: sống hay, chết bỏ.

Mới lượn được vài vòng, Hai đã nhảy vào quật ngã đối phương xuống

1. *Mét:* một loại tre lớn.

đất rồi nắm hai chân hắn quẳng ra ngoài vòng. Đoạn anh chàng vỗ đùi nhảy lên nóc nhà. Khi người ta nhìn lại người kia thì hắn đã sặc máu mà chết.

*

* *

Ở sông Lam gần bến đò Lách hồi đó có một con thuồng luồng rất lớn. Mỗi lần có thuyền bè đi qua, nó thường cuộn mình gây thành sóng gió dữ dội làm cho thuyền đắm; bao nhiêu mạng người chìm xuống nước đều không thoát được miệng nó. Bởi thế khúc sông ấy vắng bóng thuyền bè qua lại. Triều đình cũng bó tay. Cuối cùng nhà vua sai yết thị cho mọi miền, hễ ai có cách gì giết được con thủy quái thì sẽ phong cho quan tước.

Hai nghe tin liền ra mắt quan trên, xin tự mình đi diệt trừ con vật. Chàng chỉ xin quan rèn cho mình ba cái khuy sắt và chín chiếc dao găm. Khi đã có những vật cần thiết, chàng sai nối ba dây song tốt, mỗi dây song buộc vào một khuy. Khuy ấy buộc vào người, hai cái ở hai nách, một cái đằng sau lưng. Đoạn chàng buộc thắt lưng vào người, giắt chín lưỡi dao quanh bụng. Trước khi xuống nước, chàng trao đầu dây song cho những người trên thuyền, dặn họ hễ thấy đầu dây giật giật thì kéo lên ngay. Chàng lại dặn họ nấu cho một nồi nước sẵn sàng để tắm.

Hai xuống nước đi mãi đến tận đáy sông mà không thấy thuồng luồng. Chàng len lỏi tìm khắp các vực. Cuối cùng bắt gặp con thủy quái đang nằm lù lù một đống trong một cái hang. Thấy động, thuồng luồng xông ra há miệng rất to toan vồ chàng. Chàng tránh rất lẹ rồi nhảy lên lưng, giơ dao đâm vào cạnh sườn. Con vật đau quá tức tối cuộn đi cuộn lại nhưng chàng vẫn bám sát không rời. Những người trên bờ chỉ trông thấy nước ùn ùn sủi lên, sóng từ bên này cuộn sang bên kia, đập dồn dập như ngày có bão táp.

Mãi đến trưa, Hai đã đâm được 6, 7 con dao vào thân thuồng luồng. Chàng giật dây cho họ kéo lên. Người chàng và khố của chàng đầy nhớt con quái vật. Phảng phất một mùi tanh lợm mửa. Chàng bảo họ:

- Tôi còn phải lấy thêm dao xuống đâm cho kỳ chết hẳn mới thôi!

Lần này, thuồng luồng đã bị thương nên sức lực yếu ớt. Hai đâm bồi cho mấy nhát vào bụng nó, con quái vật giãy giụa chết, máu lênh láng đỏ cả mặt sông.

Hai sung sướng chặt thủ cấp quái vật đưa lên khỏi mặt nước. Chàng nhờ mấy người bạn kỳ cọ rất kỹ cho hết máu và nhớt của thuồng luồng dính vào người. Không ngờ nhớt độc của thuồng luồng đã lọt vào hai lỗ mũi chàng, không có cách gì làm cho sạch được. Nhớt độc lại từ chỗ đó thấm dần lên óc. Cuối cùng, Hai bị thối óc mà chết.

Mọi người rất thương chàng. Người ta lập đền thờ gọi là đền Đại vương Hai. Miếng đất chàng luyện tập hồi nhỏ nay vẫn còn, người ta gọi là hòn mô Đại vương, hoặc cũng gọi là hòn mô Cầu Hàn[1].

KHẢO DỊ

Người Phú-thọ cũng có một truyện *Ông Hộ giết thuồng luồng* gần như là dị bản của truyện trên:

Con sông Thao, nơi có vực Dậu-dương, chỗ vùng kẻ Nung, Phú-thọ, ngày xưa có một con thuồng luồng chuyên môn làm sóng to dắm thuyền để ăn thịt người. Quan trên cũng yết thị tặng thưởng cho người nào giết được quái vật, nếu chẳng may mà chết thì dân sẽ lập miếu thờ, luôn năm hương khói. Rao đã lâu mà không ai dám nhận. Mãi về sau có một ông Hộ người to khỏe đến xin dân Kẻ Nung đánh cho hai con dao bầu to và sắc. Dao rèn xong, ông cầm hai tay hai dao cởi trần lội xuống sông. Thuồng luồng lao tới nuốt vào bụng. Trong bụng con quái vật, ông Hộ dùng dao xẻ dạ dày chui ra rồi rạch nó làm ba khúc. Thuồng luồng chết xác trôi lên bãi, nhưng sau đó người ta mổ bụng quái vật thì ông Hộ cũng đã hết sống. Để biết ơn người ta lập miếu thờ ông ở nhiều nơi[2].

Trong *Truyền thuyết Hùng Vương*[3] có kể thêm rằng: mỗi năm thuồng luồng bắt dân vùng Dậu-dương phải khấn cho nó một mạng người thì nó sẽ để cho mọi người và thuyền bè qua lại yên ổn. Thấy vậy, ông Hộ quyết chí liều mình tiêu diệt con quái vật. Ông bèn nói với dân năm đó đem mình nộp cho thuồng luồng để nhân thể giết chết nó. Thế rồi ông sắm dao nhảy xuống nước cho thuồng luồng nuốt, rồi rạch bụng nó, như trên vừa kể.

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.
2. Theo lời kể của người Phú-thọ. Hiện nay ở gần vực (xã Thượng-nông, Vĩnh-phú) có miếu ông Hộ.
3. Của Nguyễn Khắc Xương.

70. ÔNG Ồ

Ngày xưa ở cửa Sót thuộc Hà-tĩnh có một người làng chài có sức khỏe hơn đời. Ông ta làm việc gấp đôi gấp ba người thường, sức ăn mỗi bữa có thể hết một nồi mười cơm. Nghề vật thì rất giỏi, những tay đô vật trong vùng đều hàng phục. Ông ta vẫn lấy thế làm kiêu hãnh.

Nghe tiếng đồn về một người kẻ Ngật tên là ông ồ có sức khỏe đặc biệt, nên ông có ý muốn tìm đến đọ tài một phen. Nghĩ vậy, một hôm ông quảy hai chum kiệu nước mắm tìm đường đến kẻ Ngật để nhân bán nước mắm dò hỏi cho ra ông Ồ, xem thử mặt mũi thế nào.

Ông đến kẻ Ngật thì trời vừa trưa. Thấy có một ông già đang cày ruộng bên đường, ông bèn dừng lại hỏi thăm:

- Cụ làm ơn chỉ giúp đường vào nhà ông Ồ.

Ông già đáp:

- Chính tôi là ông ồ đây! Ông muốn hỏi việc gì?

Khách chưa biết ông Ồ là người thế nào nên không muốn nói vội mục đích của mình là thi tài, chỉ đáp:

- Tôi nghe tiếng nên muốn đến làm quen.

- Ông chịu khó chờ một tý, ông già đáp, chỉ còn vài đường cày nữa là xong, tôi sẽ đưa ông về nhà chơi!

Nói rồi ông già giục trâu cày nhanh. Người làng chài đặt gánh bên vệ đường chờ.

Bỗng nghe "rắc" một tiếng, nhìn lại thì ra cái náp[1] cày bị gãy, người làng chài nghĩ bụng: - "Thôi gãy náp rồi, thế nào ông này cũng phải về thôi!". Nhưng ông ta lấy làm ngạc nhiên khi thấy ông Ồ thò ngón tay

1. *Náp*: miếng gỗ hay tre như cái chốt dùng để điều chỉnh cày sâu hay cạn. Ở Bắc-bộ gọi là "cá cày".

trỏ của mình vào chỗ vẫn xỏ cái náp để thế cho cái náp, rồi giục trâu đi, như không có việc gì xảy ra. Người làng chài chột dạ, nghĩ bụng: - "Trời ôi! Ông này phải là xương đồng da sắt thì mới dám dùng ngón tay thay cho cái náp".

Sau khi cày xong, người làng chài thấy ông Ồ thôi cày, tháo ách cho trâu nghỉ, rồi rửa cày đưa lên bờ ruộng. Bống lại thấy ông Ồ xuống ruộng dùng hai cánh tay nhấc bổng trâu lên khỏa chân trâu mấy cái ở vũng nước cho sạch bùn rồi bỏ lên bờ. Ông kia thấy vậy từ chột dạ đến kinh ngạc, nhưng vẫn nghĩ bụng: - "Nhấc bổng trâu như vậy chưa chắc đã là khỏe". Nghĩ vậy, không hỏi gì thêm, ông ta chỉ lẳng lặng quảy hai chum kiệu theo ông già về xóm.

Ông Ồ đưa khách về đến nhà rồi nói: - "Chẳng mấy khi ông quá bộ tới chơi, mời ông ở lại ăn cơm với chúng tôi". Đoạn, ông lấy chiếc bung ra bắc lên bếp, đổ gạo vào rồi đi nhóm lửa. Một đứa cháu của ông đang ngủ bỗng thức dậy khóc ré lên, ông phải chạy lại ẵm cháu rồi bảo khách:

- Trong nhà hết mất củi, ngoài góc vườn đàng Đông có một gốc tre khô, nay tôi bận thằng cháu, phiền ông ra lôi nó vào đây ta đun.

Khách đi ra được một lát lại trở vào mượn cái thuổng để xắn gốc tre. Ông Ồ nói:

- Thằng con tôi nó mang đi làm chưa về. Cái gốc tre khô ấy cũng dễ nhổ thôi!

Nói đoạn ông chạy ra vườn, một tay vẫn bế cháu, một tay lay gốc tre khô chỉ vài lần là đã bật gốc. Đến đây khách từ kinh ngạc đến thán phục, nhưng vẫn không nói gì.

Cơm vừa chín, ông Ồ đặt mâm, dọn cà mắm và mời khách ăn thực tình cho. Người làng chài cố nuốt lắm mới hết một phần ba bung cơm. Nhưng ông ta lấy làm kinh ngạc khi thấy chủ nhân cứ ngồi tỳ tỳ chén hết số cơm còn lại trong bung mà coi bộ vẫn còn thòm thèm.

Ăn xong, chủ khách ngồi uống nước. Ông Ồ lúc này mới hỏi khách:

- Chẳng hay ông đến gặp tôi có việc gì?

Người làng chài không còn dám nói ý định của mình trước đây nữa, chỉ múc ra một vò nước mắm và nói:

- Tôi nghe tiếng ông khỏe nên mang đến tặng ông một vò nước mắm làm quen.

Rồi đó người làng chài quảy hai chum kiệu đi thẳng[1].

KHẢO DỊ

Truyện này ở Hà-tĩnh có nhiều địa phương kể khác nhau về một ít tình tiết. Ví dụ có người kể:

Một người quảy hai chum kiệu nước mắm đi tìm một người (ở đây tên là ông Cồ) để đọ tài. Cũng gặp một cụ già cày ruộng. Cụ này (không phải là ông Cồ) lúc cày xong cũng nhấc bổng trâu lên để khỏa chân trâu vào vũng nước cho sạch làm cho khách chột dạ nghĩ rằng không phải ông Cồ mà khỏe như thế, chắc ông Cồ còn khỏe đến đâu. Đến nhà ông Cồ thì chủ nhân đi vắng, chỉ có một người trẻ tuổi ra tiếp. Người này nấu lên một bung cơm thết khách nhưng cũng như truyện trên, khách chỉ ăn được một phần ba, còn bao nhiêu người trẻ tuổi ăn hết cả. Khách lại thêm một ngạc nhiên, nghĩ bụng nếu là ông Cồ thì ăn còn khỏe đến đâu. Đang trò chuyện thì bỗng có hai con trâu húc nhau trước ngõ. Người trẻ tuổi xin phép đi gọi ông bác để nhờ ông can giúp hai con trâu. Ông bác đến, mỗi tay ông nắm chắc lấy một sừng con vật rồi đẩy lùi chúng ra xa. Trong này khách kinh sợ nghĩ rằng không nổi tiếng như ông Cồ mà họ khỏe đến thế, nếu là ông Cồ thì còn khỏe đến đâu. Nghĩ vậy, nhân lúc người trẻ tuổi chưa về, khách quảy hai chum kiệu nước mắm tếch thẳng.

Hay lại có người kể:

Ở Dông-kèn có một người bán nước mắm tự cậy mình có sức khỏe. Nghe tin ở Dinh-lự (đều thuộc Hà-tĩnh) có một người khác khỏe nổi tiếng bèn cũng gánh hai chum kiệu nước mắm định đến thử sức. Đến nơi cũng gặp một người đi cày và sau khi hỏi thăm nhà, người cày bảo hãy đặt gánh chờ một lát. Nhưng người kia không chịu đặt cứ để gánh trên vai mà chờ. Lát sau người đi cày mở trâu và cũng nhấc bổng trâu khỏa chân rồi khi về qua một chiếc cầu tre, ông ta cũng nhấc bổng trâu đưa trâu qua cầu. Thấy vậy, người gánh nước mắm đã biết sức khỏe của đối phương như thế nào rồi, vội cáo từ trở về.

Xem thêm truyện *Đô hùng đại tướng quân* ở **Khảo dị** truyện *Gốc tích ruộng thác dao* (số **25**, tập **I**).

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

71. ÂM DƯƠNG GIAO CHIẾN

Ngày ấy, có một trận mưa lụt rất dữ dội; khúc đê ở xã Thọ-triền bị vỡ, mùa màng hư hại, nhà cửa, súc vật trôi nổi theo dòng nước bạc. Một ông quận công họ Điền được lệnh vua đi đốc suất dân phu hàn lại đoạn đê đó. Thuyền của ông sắp đến khúc sông làng Kim-lũ, bọn thủy thủ bảo ông rằng: - "Ở đây có miếu Thủy thần rất thiêng, ai có thuyền qua đây phải ghé vào làm lễ mới có thể đi được. Vậy xin ngài hẳng cúng Thủy thần để đi cho được yên ổn". Quận công vốn là một nhà bác học uyên thâm lại thông thạo phép phù thủy nên vừa nghe nói thì trừng mắt bảo họ: - "Ta đây phụng mệnh vua đi làm việc nước. Dù hắn là thần đi chăng nữa, dám cản ta ư". Nói xong cứ thúc thủy thủ chèo đi mà không ghé vào đền.

Lúc đó Thủy thần đang ở bờ sông nghe nói thế, tức mình bèn hóa phép bắt thuyền đứng lại. Bọn thủy thủ cố chèo mãi nhưng mấy chiếc quan thuyền không tiến lên được bước nào. Biết là Thủy thần bắt đầu ngăn trở công việc của mình, quận công sai ghé thuyền lại gần đền, rồi đứng trước mũi thuyền lớn tiếng gọi Thủy thần mà mắng rằng:

- Nhà ngươi ngự trị ở một phương này, bàn dân hương khói luôn năm không khi nào tắt. Vậy mà đã không biết giúp dân để cho đê vỡ làm sinh linh trôi nổi khốn khổ, lại còn ngăn cản công việc hàn đê của ta là nghĩa thế nào? Nhà ngươi biết điều thì hãy giúp ta làm cho xong việc, nếu không ta sẽ cho người phá đền đi đó.

Nghe nói thế Thủy thần nổi giận bèn sai xuất hiện trên sông năm chiếc thuyền đầy những quân hình người mặt cá cầm giáo mác vây xung quanh mấy chiếc quan thuyền. Quận công họ Điền không lấy thế làm lo sợ, liền giở phép phù thủy: ngồi trong thuyền chỉ gươm, đánh quyết, niệm chú, vẽ bùa rồi ra lệnh cho lính tráng của mình bắn tên lao thương

vào địch. Hai bên giao chiến kịch liệt. Thủy thần thấy khó lòng thắng nổi, bèn làm trời đất mịt mù khắp cả một vùng ước đến một trống canh. Khi trời sáng ra, mọi người thấy năm chiếc thuyền kia đã biến mất. Rồi sau đó đoàn quan thuyền cũng tiến được đến chỗ đê vỡ.

Nhưng Thủy thần vẫn tức mình, cố sức theo đuổi để phá cho được. Quận công đốc suất dân phu thuyền bè quyết đắp nổi đê. Khi đê vừa hàn xong, mọi người sắp sửa ra về thì Thủy thần sai các giống cá lớn húc vào chỗ đê mới đắp làm cho đất long lở trôi đi. Riêng Thủy thần hóa làm một con cá chép rất lớn, nổi lên trên mặt nước giương vây như cánh buồm. Cá vùng vẫy mấy cái, sóng nổi ầm ầm, nước đánh vào chỗ hàn đê rất dữ. Thế là công phu khó nhọc của bao nhiêu người lại trôi theo dòng nước. Quận công vẫn không nản chí, lại bắt dân mấy phủ huyện khác đổ tới đắp. Cũng như lần trước, lần này sắp thành công lại bị Thủy thần ngấm ngầm phá hoại.

Mọi người nản lòng, khuyên quận công hãy đấu dịu để khỏi khổ dân. Quận công đành phải đến miếu Thủy thần khấn rằng:

- Hôm trước tôi qua miếu trót nói mấy câu xúc phạm. Vậy mong ngài nguôi giận phù hộ cho muôn dân đỡ khổ. Đắp xong tôi sẽ lễ tạ ngài.

Lần này đê hàn rất nhanh và rất chắc, to gấp hai đê cũ. Công việc chả mấy chốc hoàn thành. Khi tất công, quận công cho thuyền đến trước đền, nói to lên:

- Bố Thủy thần! Lần trước ta lừa ngươi đó thôi. Ta đâu có sợ ngươi. Bây giờ đê ta hàn xong rồi và rất vững, dù có trăm Thủy thần cũng không làm gì nổi.

Nghe nói thế, Thủy thần giận tràn hông, đêm ấy làm nổi sóng lên rất dữ, vì thế đê lại sạt một đoạn lớn. Quận công tức mình nói rằng: - "À đã thế, tao quyết trị đến nơi cho mày biết tay!".

Nói rồi ông sai mấy thủy thủ giỏi lặn lặn xuống điều tra kỹ địa thế khúc sông đó. Họ về cho ông biết ở gần đoạn đê vỡ có một cái vực sâu là sào huyệt của thủ hạ Thủy thần. Quận công lập tức sức cho các làng nạp tre, gỗ để đóng cừ xung quanh vực. Đoạn dựng mấy lò vôi, sai quân

và dân đi lấy đá trắng về nung, mẻ này tiếp mẻ khác. Quận công còn trưng dụng tất cả các thuyền bè đi chở đá tảng, gạch ngói cùng cối đá thủng, v.v... đưa về chất bên này vực cao như một hòn đồi. Bên kia vực đá vôi nung cũng đổ cao như một hòn đồi. Rồi đó quận công sai một bên ném đá vôi, một bên ném gạch đá vụn. Nước sôi lên sùng sục. Bọn thủ hạ của Thủy thần đội lốt thủy tộc không kịp chạy trốn, chết nổi lềnh bềnh trên mặt nước vô số. Đoạn ông mới quay sang hàn đê. Quả nhiên nhờ có việc lấp vực nên đê gắn xong ngay.

Thủy thần thù Điền quận công vô hạn. Hắn quyết chí ám hại ông ta. Hơn một tháng sau hắn làm cho quận công ốm nặng. Trên giường bệnh người quận công cứ nóng như lửa. Nhà vua phải các danh sư tới nhà thuốc men điều trị, nhưng bệnh ngày càng trầm trọng. Sau đó thì chết. Quận công có một người chị là Ngô Thuận Phi lấy vua. Một hôm quận công ứng đồng ở làng mình nói: - "Ta mắc kế độc của Thủy thần mà chết. Ta quyết báo thù chứ không chịu thua. Hãy báo giúp với chị ta sắm sửa voi ngựa khí giới để ta trả thù". Nghe tin báo, Ngô Thuận Phi làm theo lời em và khấn: - "Dầu được hay thua, em cũng tin cho chị biết với!".

Từ khi được voi ngựa, thuyền bè, khí giới, quận công giao chiến với Thủy thần nhiều trận kịch liệt. Người ta thấy trước đền Thủy thần sóng gió ầm ầm, nước bắn tứ tung, bọt nổi trắng xóa cả một vùng mặt sông. Các loài tôm cá tập họp rất đông, thỉnh thoảng chạy rạt từ nhánh sông này sang nhánh sông kia.

Sau cùng lại thấy sóng im gió lặng, các loài thủy tộc chết nổi lên nhiều lắm, những con còn lại cũng bỏ trốn khắp nơi. Khúc đê sạt ở làng Thọ-triền sau đó không thấy vỡ thêm nữa.

Ít lâu sau đó, quận công báo mộng cho chị biết mình mấy lần đánh với Thủy thần thắng thì có thắng, nhưng thế lực của hắn vẫn còn mạnh. Vậy nhờ chị hãy lập cho một ngôi đền để ở, hẳng tạm đình chiến một thời gian.

Từ đó ngôi đền của Thủy thần cũng không thiêng như trước[1].

1. Theo *Thần tích*, *Công dư tiệp ký* và *Thực nghiệp dân báo* (1924).

KHẢO DỊ

Theo Phương Nam trong *Việt-nam thần tích* thì lúc bị Thủy thần làm sạt đê lần thứ ba, quận công tức giận vua Hà bá (tức Thủy thần), bèn quyên sinh và báo mộng về cho mẹ và vua Lê biết rằng ông chết không phải bị Hà bá làm chết mà muốn đi xuống dưới đó thao luyện quân sĩ đánh Hà bá để rửa mối hận. Và xin vua giúp cho 4 vạn chiếc thuyền, 5 vạn lính và 3 vạn con ngựa cùng mọi đồ khí giới. Sau khi nhận đầy đủ những thứ mình cần, quận công bắt đầu cuộc chiến. Hai bên đánh nhau dữ dội, phần thắng cuối cùng về phía quận công họ Điền.

Người Phú-thọ có kể truyền thuyết một vị thần tên là Tuấn Cương ở Bạch-hạc đánh nhau với Thủy thần. Nguyên vua Thủy cho một Thủy thần cai trị vùng sông Thao, một hôm hạ lệnh cho thần dâng nước để lấy của lấy người về thủy phủ. Tuấn Cương được lệnh Tản Viên đi đánh. Ông có một đôi sọt thần mỗi gánh bằng cả một quả đồi, chỉ trong một buổi là đắp chặn được hai bờ sông cao như núi. Thủy thần thấy vậy, bèn dâng nước sông phá công việc đang dở dang của Tuấn Cương, và bắt lấy Quế Hoa.

Từ đây trở xuống truyện phát triển gần giống với truyện *Đại vương Hai* (số **69**, tập **II**). Căm giận Thủy thần bắt mất vợ yêu, Tuấn Cương bèn ra lệnh cho quân bủa lưới vây chặt lấy chỗ ở của Thủy thần rồi một mình cầm dao nhọn xuống đánh. Đánh nhau ba ngày ròng rã, Thủy thần - chính là một con thuồng luồng - bị giết, máu nhuộm đỏ cả khúc sông. (Xem thêm *Truyền thuyết Hùng Vương*, đã dẫn, có kể truyện này với một số tình tiết hơi khác về cách kể).

72. YẾT KIÊU

Ngày xưa có một người tên là Yết Kiêu ở làng Hạ-bì làm nghề đánh cá.

Một hôm, ông ta đi dọc theo bờ biển về làng bỗng thấy trên bãi có hai con trâu đang ghì sừng húc nhau dưới bóng trăng khuya. Sẵn đòn ống, ông cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó. Tự dưng hai con trâu chạy xuống biển rồi biến mất. Ông rất kinh ngạc đoán biết là trâu thần. Khi nhìn lại đòn ống thì thấy có mấy cái lông trâu dính vào đấy. Ông mừng quá bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. Đặc biệt là có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

Hồi ấy có quân giặc ở nước ngoài sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn-ninh vây bọc, bắt tất cả thuyền bè, đốt phá chài lưới. Đi đến đâu, chúng cướp của giết người gây tang tóc khắp mọi vùng duyên hải. Chiến thuyền nhà vua ra đối địch bị giặc đánh đắm mất cả. Nhà vua rất lo sợ, sai rao trong thiên hạ ai có cách gì lui được giặc dữ sẽ phong cho quyền cao chức trọng.

Yết Kiêu bèn tìm đến tâu vua rằng: - "Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá". Vua hỏi: - "Nhà ngươi cần bao nhiêu người? bao nhiêu thuyền bè?" - "Tâu bệ hạ - ông đáp - chỉ một mình tôi cũng có thể đương được với chúng nó". Nhà vua mừng lắm, liền phong cho ông làm Đô thống cầm thủy quân đánh giặc.

Ông đến Vạn-ninh cho quân sĩ nghỉ ngơi, chỉ bảo họ sắm cho mình một cái khoan, một cái búa. Đoạn, một mình ông lặn xuống đáy biển đi ra chỗ tàu giặc. Ông tìm đến đáy tàu vừa khoan, vừa đục. Ông làm

rất lẹ và im lặng, tàu giặc cứ đắm hết chiếc này đến chiếc khác. Trong một hôm, chúng bị đắm luôn một lúc hơn hai mươi chiếc. Thấy thế, quân giặc hoảng loạn cả lên. Chúng sai những tên quân có tài bơi lặn lặn xuống nước do thám. Mấy tên quân đó tìm mãi mới thấy Yết Kiêu đang khoan một chiếc tàu. Bọn chúng xông lại nhưng chúng đâu có phải là địch thủ của ông, cho nên cuối cùng ông không để cho một đứa nào trở về.

Quân giặc vô cùng sợ hãi. Mãi về sau tên tướng giặc đem một cái ống dòm thủy tinh có phép nhìn được thấu qua nước đến đáy biển. Chúng thấy ông đi lại thoăn thoắt như đi trên bộ. Chúng bèn đem cái vó bằng sắt nhân lúc ông đang mải đục một chiếc tàu, buông xuống chụp lấy ông. Nhờ thế chúng bắt sống được Yết Kiêu. Lập tức chúng tra khảo ông: - "Trong nước mày những người lặn như mày có bao nhiêu người?". Ông bảo chúng: - "Không kể những người đi lại dưới nước suốt 10 ngày không lên, còn như hạng ta thì một trăm chiếc tàu của chúng bay cũng không thể chở hết. Hiện giờ ở dưới đó hết lớp này xuống lại lớp kia lên không mấy khi vắng người". Nghe nói thế, bọn giặc kinh sợ, cuối cùng chúng dỗ dành: - "Mày muốn tốt phải đưa chúng tao đi bắt sẽ có hậu thưởng, bằng không thì sẽ giết chết" - "Được, theo ta, ta chỉ cho!".

Quân giặc tưởng thật, bắt ông cùng với mười tên quân đem vó sắt ngồi trên thuyền nhỏ ra biển dò tìm. Thừa lúc chúng vô ý, ông nhảy tòm xuống nước trốn đi. Chúng nó trông nhau ngơ ngác. Bấy giờ quân giặc đã bị thiệt hại khá nặng, lại nghe Yết Kiêu nói nước Nam có nhiều người tài lặn nên cuối cùng chúng đành phải quay tàu trở về không dám quấy nhiễu nữa.

Nhà vua mừng quá, khen ngợi Yết Kiêu vô cùng, phong ông làm đại vương. Sau khi ông mất, mọi người nhớ ơn lập đền thờ ở cửa Vạn-ninh và ở nhiều cửa biển khác[1].

1. Theo Vũ Phương Đề, sách đã dẫn.

73. LÝ ÔNG TRỌNG
HAY LÀ SỰ TÍCH THÁNH CHÈM

Ngày xưa, ở làng Chèm có một người họ Lý khỏe mạnh lạ thường. Đặc biệt thân thể của anh to quá khổ, đo được hai trượng sáu thước bề cao. Vì thế đi đâu ai cũng kính sợ, người ta gọi là Ông Trọng.

Bấy giờ khúc sông Cái ở gần làng Chèm có một con giải rất lớn không biết đến đấy từ bao giờ. Con vật thỉnh thoảng bắt mất người và súc vật tắm ở bến. Một hôm người mẹ Ông Trọng đi múc nước bị giải tha đi mất. Chàng vô cùng đau đớn, quyết tâm diệt trừ con ác vật. Chàng đắp đê chắn ngang khúc sông đó lại rồi cày cục tát cạn hết cả nước. Khi đáy sông và vực đã khô kiệt chàng xuống nắm cổ con giải lôi lên. Tự tay Ông Trọng phanh thây con giải làm lễ tế mẹ. Chàng khóc một bữa rất thảm thiết, rồi sau đó cũng một mình chàng ăn hết cả thịt con giải.

Hồi đó nhà vua cần dùng nhiều phu phen để xây dựng các công trình và cung điện. Lý Ông Trọng ở trong số những người bị bắt đi phu. Số phận những người bị bắt đi phu thật là trăm tình nghìn tội. Chàng bị bọn lính tráng quất roi vào đít những lúc chúng ốp đi làm. Chàng kêu lên:

- Tài trai như ta phải chịu nhục như thế này ư!

Than đoạn, bỏ trốn đi mất. Chàng đi rất xa, vừa học chữ vừa làm việc nuôi thân. Nhưng chẳng bao lâu trong một cuộc ẩu đả, chàng đã phạm tội giết chết kẻ địch. Người ta giải chàng về kinh cho nhà vua phán tội. Vua thấy thân thể chàng như hộ pháp thì không nỡ xử tử, bèn ra lệnh tha chết cho chàng. Vua cho làm thị vệ và dần dần yêu về sức khỏe, cho hầu bên mình ngự.

Hồi đó nhà vua phải thần phục hoàng đế nước Tần. Tiếng tăm của Lý Ông Trọng không ngờ lan truyền sang đến phương Bắc cho nên ít lâu sau đó hoàng đế nước Tần cho sứ sang đòi nộp Lý Ông Trọng làm cống vật. Nhà vua không có cách gì từ chối, bất đắc dĩ phải để cho chàng về tay kẻ khác.

Được Lý Ông Trọng, vua Tần mừng lắm, phong làm Tư lệ hiệu úy sai đi dẹp giặc. Cuối cùng vua cho chàng làm trấn thủ xứ Lâm-thao. Từ lâu người Hung-nô vẫn xâm phạm vào bờ cõi nước Tần. Quan quân tiến đánh thì họ rút lui, quan quân rút lui thì họ tiến đánh, luôn năm can qua không bao giờ lặng. Họ làm cho quân lính nước Tần rất cực khổ.

Nhưng khi người Hung-nô vừa thấy mặt Lý Ông Trọng thì cho là một vị thần linh giáng hạ. Họ khiếp sợ đến nỗi hễ thấy bóng dáng của chàng ở đâu là ở đấy không đánh tự nhiên vỡ. Vì thế, sau mấy năm liền, ở một dải biên thùy, người Hung-nô không dám quấy nhiễu. Vua Tần lại càng kính trọng chàng, phong tước và gả con gái cho.

Rồi đó, Lý Ông Trọng xin phép hoàng đế nước Tần cho trở về quê hương. Chàng rất sung sướng khi gặp lại bà con làng nước. Nhưng ít lâu sau, người Hung-nô thấy vắng mặt Ông Trọng lại rủ nhau vào cướp bóc vùng biên giới. Hoàng đế nước Tần lấy làm lo lắng, lập tức sai sứ sang đòi chàng trở lại trấn thủ Lâm-thao.

Nhưng lần này chàng không muốn đi nữa. Chàng thà sống khổ cực nhưng được ở quê nhà còn hơn là làm quan cho nước Tần. Bà con làng nước có người khuyến khích chàng hãy ra đi cho trọn công danh, nhưng Lý Ông Trọng cương quyết không đi. Vua Tần tuyên triệu không được, toan cất quân sang hỏi tội. Thấy thế, nhà vua hoảng sợ đành phải cho sứ sang nói dối là chàng không may đã bị bệnh tả mà chết. Vua Tần nghe nói không tin, phái một viên cận thần sang khám. Người ta dùng nhiều cách để đánh lừa sứ giả phương Bắc. Lúc đào mộ và nạy ván thiên lên, sứ giả cũng không ngờ rằng trong những tầng vải liệm chỉ là một cái xác bằng gỗ. Nhưng nghe sứ giả về tâu trình, vua Tần vẫn không tin, lại sai sứ sang đòi phải đưa hài cốt của Ông Trọng sang làm chứng. Thực là khó xử. Không đi cũng dở mà đi cũng dở; đằng nào cũng khó thoát tội "khi quân". Túng thế chàng phải tự đâm cổ hy sinh để yên việc nước.

Hoàng đế nước Tần thấy hài cốt Lý Ông Trọng mới tin là thực. Nhưng còn việc đánh dẹp Hung-nô nếu không có Ông Trọng thì thật là rầy rà. Cuối cùng vua Tần cho gọi tất cả thợ đúc lại rồi mở kho đồng ra, sai

đúc một cái tượng của Ông Trọng. Trong tượng rỗng, có máy móc điều khiển bốn tay chân. Tượng đúc xong, vua sai đặt ở trước cửa Tư mã tại Hàm-dương. Rồi vua sai người chui vào bụng tượng vặn máy cho tay chân cử động y như người thật. Người Hung-nô nghe sứ giả đi về kể chuyện, tưởng đó là Ông Trọng đang sống, từ đó lại thần phục như trước[1].

Người ta còn nói từ lúc Ông Trọng bắt giải tế mẹ, một khúc sông từ làng Chèm về Đại-la, nòi giống giải không bao giờ dám đến đấy trú ngụ nữa[2].

KHẢO DỊ

Về chỗ Lý Ông Trọng giết con giải, *Sự tích xã Bộ-đầu*[3] cũng có tình tiết tương tự:

Một bà cụ đi gánh nước ở bến sông bị con giao long bắt, bà chỉ còn kêu được mấy tiếng. Thiên vương (có người kể là con bà cụ) từ trên trời nghe tiếng vội xuống trần rồi lặn xuống sông, xách cổ hai con giao long lên bờ, lấy chân giẫm chết, rồi lại lên trời. Nhưng dấu chân của Thiên vương vẫn còn lại, in trên đá, đo được hai thước một tấc chiều dài. Từ đó xã lấy tên là xã Bộ-đầu[4].

1. Theo *Lĩnh-nam chích quái*.
2. Theo lời kể của người vùng Chèm.
3. Thuộc huyện Thường-tín (Hà-tây).
4. Theo Vũ Phương Đề. Sách đã dẫn.

74. BẢY GIAO, CHÍN QUỲ

Ngày xưa ở làng chợ Cả-sê bây giờ thuộc tỉnh Mỹ-tho có hai anh em ruột: một người tên là Bảy Giao, một người tên là Chín Quỳ. Cha mẹ họ mất sớm chỉ để lại cho vài mẫu ruộng xấu. Vốn người lực lưỡng, hai anh em có chí muốn đưa sức ra thi thố với đời. Nghe nói ở Bình-định có nhiều tay giỏi võ, họ mới bán hết số ruộng của mình rồi đeo khăn gói ra ngoài đó học. Họ đã học với rất nhiều thầy, chẳng bao lâu thông thuộc đủ mười tám ban võ nghệ. Hai chàng nức chí muốn lập công danh. Nhưng gặp lúc triều đình mở rộng cửa văn khép chặt cửa võ, nên cuối cùng họ không biết làm gì kiếm ăn, đành phải trở về quê cũ. Về đến làng, hai chàng dạy võ cho người ta để kiếm ăn nhưng tiếc thay tài nghệ không đủ nuôi miệng.

Túng thế, họ rủ nhau đi làm cái nghề khoét vách trèo tường. Dần dần bạo dạn, họ trở thành những tay đón đường cướp của rất thạo. Nhưng họ chỉ lấy tiền bạc của bọn nhà giàu rồi đem của đó chia cho những người nghèo khó mà họ gặp.

Sau mười năm làm nghề lục lâm, áo rách vẫn hoàn áo rách, Bảy Giao bảo Chín Quỳ rằng:

- Chúng mình toàn đem tài sức giúp thiên hạ nhưng không gặp thời. Sống trốn tránh lẩn lút thế này không thích. Thôi chúng mình hãy bỏ cái nghề này, đi chỗ khác làm ăn!

Hồi ấy ở Côn-tàu chưa được khai phá; nửa cồn trên toàn là cây "gừa", nửa cồn dưới thì là dừa nước, cây mọc chi chít rậm như rừng. Ở đó có một vị thần rất thiêng, có hai bộ hạ là hổ và lợn rất dữ tợn, hoành hành trong một vùng. Từ lâu, thần ta đã báo cho biết: hễ ai đến chặt phá khoảng rừng đó thì phải nộp một mạng người. Có nhiều người vô ý chỉ đến chặt một gánh củi nhưng chưa ra khỏi cồn đã bị thần sai bộ hạ quật chết. Vì thế đã lâu rồi không ai dám lai vãng. Một nhánh củi khô của thần cũng còn nguyên vẹn.

Hai anh em nghe được tin ấy liền đến Cồn-tàu khấn với thần rằng: - "Chúng tôi nghe tin ngài linh thiêng, hễ ai phá rừng phải dâng một mạng. Nay chúng tôi cũng xin cúng một mạng, nhưng chỉ xin ngài rộng cho trong ba năm đừng phá quấy gì hết. Đủ ba năm rồi, ngài muốn lựa bắt đứa nào cũng được; hay bắt cả hai chúng tôi cũng xin vui lòng". Thấy họ cam đoan như thế, thần ta bằng lòng cho họ đến.

Rồi đó, họ sắm một chiếc ghe chèo đến đẩy chặt cây, chặt lá chở ra chợ bán. Hết chuyến này họ làm chuyến khác. Chẳng bao lâu chặt trọc một khu rừng hoang. Thần lỡ lời hứa, phải để cho họ làm nhưng trong bụng rất căm tức. Sắp sửa đúng ba năm, hai anh em nhớ tới lời hẹn, bèn nhờ thợ rèn, rèn cho hai cái côn sắt nặng hàng trăm cân. Đoạn, họ đến Cồn-tàu khấn với thần rằng: - "Chúng tôi y ước tới nộp mạng. Mời thần cho người đến lấy!".

Nói rồi cởi áo, mỗi người một côn sắt đứng đấu lưng lại với nhau thủ thế. Thần sai bộ hạ thứ nhất là hổ đen ra lấy mạng. Hổ đen từ trong hang tiến đến nhảy ngay vào mình Chín Quỳ. Chín Quỳ nhanh tay choảng cho một côn, hổ đen ngã lăn ra chết giấc. Thấy thế, thần nổi giận xung thiên, sai ngay bộ hạ thứ hai là lợn lòi ra hạ thủ. Lợn to bằng con nghé, răng nanh dài hơn gang tay, miệng đầy bọt, chạy xộc xộc xông vào người Bảy Giao. Chàng vụt luôn một côn trúng vào đùi. Lợn tuy què một cẳng nhưng được thần tiếp sức cho nên vẫn rất dũng mãnh, nhảy xổ vào Bảy Giao toan cắn. Chín Quỳ quay người lại cứu anh, và cả hai người chật vật lắm mới hạ được con lợn dữ.

Thần ta thấy một lúc mất luôn hai bộ hạ đắc lực của mình thì sợ quá không dám làm gì nữa. Hai anh em đợi mãi đến chiều mới trói lợn và hổ lại đưa xuống ghe và khấn rằng: -"Nay ngài thương chúng tôi, đã không giết lại thưởng cho thịt, chúng tôi rất cám ơn. Vậy từ nay hủy bỏ hết những lời hứa trước". Khấn đoạn, đem về nhà xẻ thịt cho làng xóm ăn.

Người ta nói từ đó thần hết thiêng. Mọi người đổ xô đến Cồn-tàu khai phá, cấy lúa làm ăn và bây giờ trở nên một vùng ruộng đất phì nhiêu[1].

1. Theo báo *Tân-văn* (1935).

75. NGƯỜI Ả ĐÀO VỚI GIẶC MINH

Làng Đào-đặng thuộc tỉnh Hưng-yên khi xưa có một thôn, trong thôn có nhiều con gái người đẹp hát hay, hầu hết đều làm nghề ả đào.

Vào hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta. Sau mấy năm hành binh, chúng đặt đồn đóng quân khắp nước. Riêng thôn ấy cũng có một đồn lớn. Đồn rất kiên cố, xây bên một cái ngòi. Đây là một vùng đầm lầy lắm muỗi mà quân Minh thì rất sợ muỗi. Theo thói quen, chúng bắt dân nộp vải rồi mỗi người may một cái túi lớn, miệng túi có dây rút. Tối lại, toán quân ở trong đồn mỗi người chui vào túi của mình, chỉ để một kẻ thức ở ngoài thắt dây túi khi chúng đi ngủ và cởi dây khi chúng trở dậy.

Quân Minh đi đến đâu chó gà vắng đến đấy. Chúng tha hồ cướp bóc và chém giết. Chúng bắt đàn bà con gái vào đồn hầu hạ và làm đồ chơi cho chúng. Trong thôn bấy giờ có một người ả đào nhan sắc rất đẹp. Nàng hát hay múa khéo nổi tiếng một vùng. Quân Minh vừa đến đã bắt được nàng. Chúng rất thích; thường bắt hát để mua vui. Nàng khéo chiều chuộng, dần dần chiếm được lòng tin cậy của giặc. Mãi về sau, chúng giao cho nàng công việc thắt miệng túi hộ, lúc nào dậy lại nhờ cởi ra.

Bấy giờ vì nạn giặc Minh nên những trai tráng trong thôn đều bỏ trốn hết, chỉ còn lại có bảy người. Một hôm nàng bàn với họ mưu kế giết giặc. Nàng sẽ tìm cách làm cho họ lọt vào đồn rồi nhân lúc chúng ngủ say trong túi, khiêng ra ném xuống ngòi cho trôi ra sông Cái là mất tích.

Và từ hôm ấy nàng cùng mấy người làng cứ theo cách đó đêm nào cũng giết được một số giặc. Họ làm cho quân giặc đến đóng ở đồn chết dần chết mòn mà chúng vẫn không biết gì cả. Lâu ngày mấy tên tướng chỉ huy thấy số quân có phần hao hụt nên chúng phải đắp bên cạnh

đồn một cái đấu để đong quân. Từ khi có đấu, chúng mới biết quân mình ngày một vợi dần. Chúng ngờ có quỷ thần ám hại nên dời đồn đi một nơi khác. Người dân vùng ấy nhờ vậy mà được thoát nạn[1].

KHẢO DỊ

Tương tự như truyện trên, sách *U linh lục* có chép truyện một bà Lương ở làng Chuế-cầu, huyện Ý-yên (Nam-định). Hồi ấy quân Minh đóng ở thành Cổ-lộng. Bà lập tâm dựng một ngôi hàng bên thành, dùng sắc đẹp để dò tình hình giặc báo cho nghĩa quân. Giặc Minh sợ rét; chúng thường ngủ trong túi vải lớn thắt miệng lại bằng một nút dây, sáng dậy đạp tung cho tuột nút ra. Bấy giờ bà được lòng các tướng sĩ nên chúng thường nhờ thắt nút. Khi biết rõ tình hình địch, bà bí mật tin cho vua Lê. Ngày hẹn, bà làm rượu thịt mời chúng ăn uống no say; chúng ngủ ngon bên cạnh những cô gái do bà mới đưa về. Tối lại bà thắt túi hai ba nuộc thật chặt, cho bọn con gái ra mở cửa thành cho quân mai phục ùa vào. Thế là tướng soái Minh dành chịu nằm trong túi, phó cho nghĩa quân mặc sức tiêu diệt. Bà Lương sau đó được vua Lê khen thưởng.

Cũng nên kể thêm ở đây một truyện ở Bắc-bộ tuy không phải dị bản của truyện trên nhưng có phần gần gũi:

Hồi ấy có tên tướng Đăng Diên ở phương Bắc đem hơn một trăm tàu chiến vượt biển sang đánh ta. Mỗi tàu của chúng có đại bác bắn lên bờ rất lợi hại. Triều đình sai Ninh quận công đi đánh, có Vũ Duy Hài đi theo làm tham mưu. Duy Hài kén độ 300 à đào nhan sắc xinh đẹp chia nhau bơi thuyền nhỏ ra các tàu giặc làm bộ là lợi, nhưng mỗi người đều có thủ sẵn một vuông vải đỏ thừa dịp đêm tối thấm ướt nước rồi vắt nước cho chảy vào miệng súng. Sau đó họ tìm cách lên bờ trở về. Sáng hôm sau, quân ta bày trận thành hàng chữ nhất bắn xuống tàu giặc. Đại bác giặc bị ướt thuốc không bắn trả được phát nào bị đại bác ta nhận chìm rất nhiều, chúng hoảng sợ kéo buồm rút lui[2].

1. Theo Vũ Phương Đề. Sách đã dẫn.

2. Theo Xôm-xthay (Sombsthay). *Ba mươi cổ tích và truyền thuyết của người Bắc-kỳ.*

76. BỢM LẠI GẶP BỢM
HAY BỢM GIÀ MẮC BẪY CÒ KE

Ngày ấy, chợ Xuân là một nơi đô hội lớn của trấn Hải-dương. Vào khoảng ngày phiên, khách buôn bán, người qua lại đông nghìn nghịt.

Ở gần chợ có một tay đại bợm sống về nghề ăn sương đã hơn mười năm. Hắn rất tài, mưu mẹo trăm khoanh; khi đã có ý định lấy của ai thì dầu giữ gìn thế nào hắn cũng cuỗm được.

Một hôm, có một ông khách đến trọ ở một quán nhỏ trong chợ. Thấy tay nải nặng, hắn theo dõi khách từ lâu. Chủ quán bảo khách:

- Ở đây kẻ trộm như rươi. Tôi đã có sẵn một cái hòm lớn để khách trọ ai có đồ đạc gì thì gửi vào đây khóa chặt lại rồi nằm lên trên. Vậy ông cứ đưa tay nải để chúng tôi cất vào hòm cho.

Người khách cười, trả lời:

- Tôi có của mà lại không giữ được của hay sao? Không phải phiền ông làm gì.

Nói xong ông ta giở tay nải ra kiểm lại tiền nong rồi để ở đầu giường, gối đầu lên mà ngủ. Lúc ấy bợm ta lảng vảng ở ngoài, dòm vào thấy khách lạ lắm của, quyết định thế nào cũng làm một mẻ.

Nửa đêm hôm ấy, đợi cho mọi người ngủ say, hắn khoét ngạch vào, chui xuống gầm giường. Ban đầu hắn làm y như tiếng mèo bắt chuột. Dần dần hắn làm những tiếng sột soạt ở bên cạnh chỗ khách nằm như kiểu mèo vồ chuột. Thỉnh thoảng hắn lại cào mấy cái vào chân khách. Khách bỗng tỉnh dậy co chân đạp và lớn tiếng mắng mèo. Đến đây hắn làm y như tiếng mèo bỏ chạy đi mất.

Chờ cho khách chợt ngủ đi, hắn lại giả làm mèo đến cào vào chân như trước. Lần này ông khách tỉnh dậy tức quá ngồi lên rình bắt mèo. Nhưng lúc đó hắn đã lẻn lại đầu giường vớ lấy tay nải ra đi êm như ru.

Người kia đợi mèo một lúc không thấy lại nằm xuống toan nối lại giấc ngủ, nhưng khi ngả đầu xuống gối mới biết là đã mất tay nải, liền đánh thức chủ quán hô hoán mất trộm. Chủ quán thắp đèn lên và trách:

- Đấy, ông không nghe lời tôi nữa thôi.

Khách đáp:

- Khá khen hắn có tài nghệ. Nhưng ông cứ để mặc tôi tự tìm của đã mất, đừng trình báo lôi thôi.

Đoạn ngước mắt lên xà nhà thấy có một cái lờ bắt cá gác trên đó, ông ta bảo chủ quán:

- Phiền ông cho mượn cái này một lát, tôi sẽ kiếm cách đi lấy tay nải của tôi về.

Nói đoạn, ông ta cầm lờ ra cửa thấy một cây cao bèn trèo lên ngọn trông ngóng. Nghe tiếng chó cắn râm ran ở xóm phía Bắc, khách tụt xuống hướng theo tiếng chó đi tìm. Đi mãi ra tận chợ quanh co hồi lâu thấy một ngôi nhà đang còn thắp đèn, ông đoán là tên trộm, bèn chui qua giậu mà vào rồi mở cổng ra. Dòm qua khe cửa, quả thấy bọm ta đang giở tay nải của mình ra khoe với vợ. Giữa lúc hai vợ chồng đang thích thú mân mê những thỏi bạc trắng tinh thì ông đứng ngoài sẽ cười lên một tiếng. Bọm ta ngạc nhiên, ngước mắt hỏi:

- Đứa nào ngoài ấy.

Đáp:

- Đàn em tin anh đêm nay được cái bổng to nên đến xin chia một tý.

- À! Thằng nào đấy, mày định đến trêu ông phải không?

Nói xong bảo vợ cất bạc đi, rồi vác gậy ra toan đánh. Ông khách già cách bỏ chạy nhưng sau đó lại núp vào bụi. Bọm ta chạy ra đến cổng thấy cửa mở rộng, bèn cứ thẳng đường đuổi mãi. Người khách từ bụi lén vào nhà lấy cái lờ úp vào đầu người đàn bà rồi phá hòm của nó lấy lại tay nải. Đoạn, ông cứ theo đường bờ ruộng lần về đến quán.

Sáng hôm sau, ông khách đang ngồi chải đầu bỗng thấy bọm ta đội đến một mâm xôi và một con gà luộc. Gặp ông ta, hắn sụp lạy và nói:

- Tôi theo nghề này đã hơn mười năm nay, thường tự nghĩ tài nghệ của mình thế này đã là rất mực, không ngờ ngoài ngọn núi này còn có ngọn khác cao hơn. Vậy tôi có chút lễ mọn đến xin làm học trò ngài.

Ông khách vui vẻ trả lời:

- Tôi cũng chơi cái nghề này từ hồi còn nhỏ, nhưng vì thấy nó không có hậu, nên giải nghệ đã lâu. Vì hôm qua anh đến lấy của tôi nên bất đắc dĩ tôi phải đem nghề mọn ra đối phó. Học làm gì nghề ấy. Hiện nay ngoài biên có giặc, anh nên cùng tôi ra đầu quân giúp nước thì hơn.

Nghe nói bọm ta tỉnh ngộ, vui vẻ theo ông khách ra đi[1].

1. Theo Vũ Nguyên Hanh. Sách đã dẫn.

77. QUẬN GIÓ

Ngày xưa vào đời vua Lê Thánh Tông ở kinh thành Thăng-long có một tay đại bợm. Hắn đã định tâm lấy của ai là thế nào cũng có kết quả. Hắn từng làm cho bọn quan lại và bọn trọc phú mất ăn mất ngủ. Đã nhiều lần các quan Phủ-doãn cho dò bắt nhưng hắn ẩn hiện như thần không tài nào tóm được. Vì hành tích của hắn nhanh như gió chỗ nào cũng vào lọt nên người ta gọi là Quận Gió.

Một hôm vào dịp gần Tết, nhà vua ăn mặc giả làm một người học trò nghèo đi dạo phía ngoài kinh thành để xem xét dân sự. Tình cờ vua đến gõ cửa nhà Quận Gió. Vua làm bộ túng bấn nói:

- Tôi ngồi dạy học ở phường Đồng-xuân, năm hết Tết đến được ít tiền về quê, chẳng may bị kẻ trộm lấy mất hết cả, nay xin cho trú chân một đêm mai lại đi.

Quận Gió thấy khách nói thế bèn đáp:

- Tôi sẽ vì ông mà giúp đỡ ít nhiều để làm tiền ăn đường.

Vua thấy nhà y cột xiêu vách nát, hỏi:

- Nhà ông, tôi coi bộ cũng không giàu có gì, làm sao mà giúp tôi được.

- Chả giấu gì ông tôi vốn là Quận Gió đây, nghe nói ông gặp vận đen, tôi rất thương tình, vậy để đêm nay tôi cố thu xếp cho ông một món.

Nói rồi đưa rượu mời khách uống và nói thêm:

- Tôi chỉ lấy của nhà giàu giúp người nghèo thôi, mà phải là của bất nghĩa tôi mới lấy, còn như những người làm ăn lương thiện tôi không bao giờ động đến. Bây giờ ông thử xét xem có nhà nào giàu mà gian ác bất lương cứ cho tôi biết, tôi sẽ vì ông giúp đỡ. Lấy của chúng nó không có tội vạ gì hết.

Vua nghĩ một lát nói:

- Có nhà ông Bá Vân ở phía Đông thành đây, hắn có cửa hàng buôn bán giàu to, giàu có cự vạn.

Quận Gió đáp:

- Nhà ấy cho vay một lớp vốn năm bảy lớp lãi, lấy được. Nhưng ta cứ nuôi cho béo rồi sẽ lấy sau.

Vua lại nói:

- Tôi thấy nhà ông gì gần đây ruộng sâu trâu nái, nhà ngói tường dắc, coi chừng thế nào?

- Không được! Nhà ấy trần lực làm ăn; trời chưa sáng đã dậy ra đồng, mặt trời lặn mới về thổi cơm, cần cù như thế, không nên lấy. Thôi! Có anh quan coi kho kia hay ăn bớt của công. Hôm nay nhân thể tôi đi lấy cho.

- Thực thế à?

- Tôi đã tra xét kỹ. Hắn lấy của công mỗi ngày một ít, đưa về quê tậu vườn tậu ruộng có đến hàng trăm mẫu.

Vua tò mò muốn biết xem tài nghệ của Quận Gió bèn đi theo. Quận Gió trước ngần ngại nhưng sau cũng bằng lòng, và bảo:

- Trước khi lấy, tôi sẽ cho ông thấy đủ tang chứng là của phi nghĩa, nhưng ông phải giữ cho thật im lặng mới được.

Đoạn bảo thầy đồ giả nai nịt gọn ghẽ, rồi cả hai cùng ra đi trong đêm khuya. Đến nhà viên coi kho, Quận Gió bảo vua đứng chờ ở bụi, rồi cắt giậu tìm cách mở cửa vào nhà. Sau đó, chàng dắt vua vào buồng mở hòm lấy ra năm nén bạc đưa cho vua xem và nói: - "Đây là bạc hắn mới trộm của kho về để riêng chưa dùng đến. Thôi ông cầm lấy về quê ngay đi mà ăn Tết, đừng có la cà đâu để chúng bắt được. Tôi sẽ tìm cách làm cho hắn không biết là đêm nay có trộm".

Vua nhìn thấy trên mỗi nén bạc có mấy chữ "ngự khố bạch kim", tin lời Quận Gió là đúng và thầm khen hắn có tài. Vua đi luôn về cung, giấu bạc dưới chân thành. Sáng hôm sau là ngày nguyên đán, trăm quan vào chầu chúc vua muôn tuổi. Vua cho gọi chủ kho đến hỏi:

- Nhà ngươi đêm qua mất trộm phải không?

Thấy hắn không đáp, vua lập tức sai viên Trung sứ đến dưới chân thành lấy năm nén bạc về. Vua đưa cho hắn xem, hắn cứng lưỡi không trả lời được, đành cúi đầu nhận tội.

Quận Gió sau đó được vua vời vào cung ban cho hiệu là "ăn trộm quân tử" và ban thưởng rất hậu[1].

1. Theo *Dã sử* và *Thực nghiệp dân báo* (1924). Sách *Dã sử* chép Quận Gió là "Phong lậu quận công".

78. CON MỐI LÀM CHỨNG

Ngày xưa có hai vợ chồng một nhà nghèo đói nọ, có một đứa con, chừng mười một, mười hai tuổi nhưng thông minh lanh lợi hơn người. Thiếu ăn, nhà ấy thường phải đâm đầu đi vay nợ. Một năm nọ trời làm đói kém, hai vợ chồng phải vay nhà cụ Bá cả vốn lẫn lãi là ba mươi quan. Tuy hạn vay đã hết, họ vẫn không thể góp đủ số tiền để trả. Chủ nợ mấy lần cho người đến đòi, hai vợ chồng nhà ấy một mực van nài xin khất.

Một hôm, đích thân cụ Bá tới nhà thúc nợ. Lúc tới nhà thấy đứa bé đang ngồi chơi một mình ở sân, hắn hỏi ngay:

- Bố mẹ mày đâu?

Thấy em bé làm thinh, hắn lại hỏi dồn:

- Có phải bố mẹ mày trốn nợ hay đi đâu thì phải nói cho thật?

Bấy giờ em bé mới lên tiếng:

- Bố tôi đi chém cây sống trồng cây chết. Mẹ tôi đi bán gió mua que.

Nghe nói, cụ Bá đứng ngẩn người, chẳng hiểu ra làm sao cả, lại hỏi dồn một thôi. Em bé tủm tỉm cười:

- Ông cứ đoán đi, dễ lắm mà!

Thấy cụ bá lại hỏi nữa, em bé nói:

- Nếu ông không đoán ra thì phải cho tôi gì, tôi giảng cho.

- Mày cứ giảng đi, nếu đúng, có bao nhiêu tiền nợ nhà mày tao tha cho tất.

- Có thật không? Ông không nói chuyện đưa trâu qua đò đấy chứ.

Cụ Bá dõng dạc:

- Lời tao là lời vàng ngọc, mày lại khinh tao à?

- Nếu thế thì tôi phải đi mời một người làm chứng mới được!

Lão chủ nợ nghĩ bụng: - "Thằng này cũng đáo để lắm, nhưng ta cũng phải kiếm cách gì giã lã với nó cho qua, chả lẽ nói rồi lại thôi". Vừa thấy có một con mối đang bò ra đớp mồi, lão bèn nói:

- Con mối kia cũng làm chứng được đấy, mày cứ giảng đi, nếu đúng, tao hứa sẽ xóa nợ cho nhà mày.

Bấy giờ em bé mới thong thả nói:

- Bố tôi đi cấy, đi cấy chả phải chém cây sống, trồng cây chết là gì. Còn mẹ tôi thì bán quạt mua tre, bán quạt mua tre chả phải "bán gió mua que" là gì.

Thấy em bé giải đáp đúng, cụ Bá khen nó một câu rồi ra về.

*

* *

Mấy hôm sau nữa, cụ Bá lại cho người đến đòi nợ. Lúc này bố em bé ở nhà. Thấy bố nó phải nằn nì xin khất, em bé nói riêng với bố:

- Bố không cần phải khất khứa gì nữa. Hôm nọ cụ Bá đã hứa cho con tất cả nợ rồi đấy.

Người nhà của cụ Bá mắng:

- Trẻ con nói nhảm nhí, ai lại cho không mày, chứng cớ đâu?

- Có chứng có hẳn hoi tôi mới nói.

- Thế thì chứng cớ đâu?

- Trước mặt cụ Bá tôi sẽ đưa.

Cãi nhau một hồi, người đòi nợ tức mình, nói:

- Thôi, tao không thèm nói chuyện với trẻ con. Còn ông, ông hãy liệu trả đi, nếu không thì mời ông lên quan.

Nói đoạn, hắn vùng vằng ra về.

Khi người đòi nợ ra khỏi nhà, người bố mới quay trở lại hỏi con:

- Chứng cớ thế nào con hãy nói bố nghe. Đừng có dại mà chơi với lửa đấy con ạ!

Em bé bèn kể lại đầu đuôi câu chuyện hôm nọ rồi nói:

- Bố đừng lo trả nợ nữa, cứ để mặc con!

*

Cuối cùng rồi chủ nợ cũng buộc con nợ đi hầu kiện. Lên đến công đường, đã nghe quan đập bàn mắng bị cáo:

- Tên kia, mày quỵt nợ của cụ Bá đây phải không?

Nghe theo lời dặn của con, bị cáo đáp:

- Bẩm quan, cụ Bá đã hứa cho con tôi số nợ ấy, chứ tôi không dám quỵt.

Cụ Bá nói:

- Anh đừng nói láo. Tôi hứa cho con anh bao giờ? Chứng cớ như thế nào? Xin quan cho đòi thằng bé lên hỏi thử.

Quan lập tức cho lính đòi em bé đến. Trước mặt mọi người em bé kể lại đầu đuôi câu chuyện hôm nọ mình nói chuyện với cụ Bá như thế nào, cụ Bá hứa cho những gì, v.v... Nghe xong, quan hỏi:

- Vậy lúc ấy có ai làm chứng cho câu nói của cụ Bá hứa cho mày hay không?

- Bẩm quan, có kẻ làm chứng phân minh. Chính lúc ấy cụ Bá trỏ vào con mối đang leo cột nhà bảo nó làm chứng. Có vậy tôi mới giải đố cho cụ ấy.

Nghe nói vậy, cụ Bá vội cướp lời:

- Mối đậu đũa cả chứ làm gì có mối leo cột nhà.

Quan liền phán:

- Như vậy lúc ông hứa với nó quả thị có con mối làm chứng, thế là đủ. Vậy ông phải làm theo lời đã hứa.

Cụ Bá cứng họng tiu nghỉu đi ra. Còn cha con nhà nọ ra về sung sướng vì thắng lợi[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên có một dị bản là truyện *Vũ Công Duệ*:

Vũ Công Duệ thuở nhỏ, bố mẹ rất nghèo. Một hôm cả nhà đi vắng chỉ có một mình ông. Có một chủ nợ tới đòi nợ, cũng hỏi cha mẹ ông đi đâu. Đáp: - "Bố tôi đi giết người, mẹ tôi đi cứu người". Người chủ nợ hỏi gặng nhưng

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

ông không đáp. Sau hắn dỗ ông nói thật sẽ tha nợ cho. Ông đưa ra một cục đất dẻo bảo người chủ nợ in bàn tay vào làm tin. Đoạn ông cho hắn biết: - "Bố tôi đi nhổ mạ chả là đi giết người là gì; mẹ tôi đi cấy, chả phải đi cứu người là gì".

Hôm khác chủ nợ lại tới đòi, ông đưa miếng đất có in bàn tay của hắn ra làm hắn cứng lưỡi[1].

Mô-típ trên cũng rất phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Sau đây là một số truyện.

Truyện của Pháp vùng Pi-các-đi (Picardie):

Một ông chúa sai đầy tớ đi đến các nhà đòi nợ. Đến một nhà nọ chỉ có một đứa bé giữ nhà. Người đòi nợ hỏi: - "Bố mày đâu?" Đáp: - "Bố tôi đi săn: những gì giết được ông để lại, những gì không giết được ông mang về". Người kia không làm sao hiểu nổi nhưng cũng không thể cạy miệng em bé, đành về báo lại cho Chúa biết. Chúa lại sai người kia đến bảo tha hết nợ cho nhà em bé nếu nó giải đáp cho câu ấy. Em bé nói: - "Bố tôi săn rận".

Truyện trên cũng phổ biến ở Nam Âu như Ý (Italia), Thụy-sĩ (Suisse) và Ti-rôn (Tyrols), v.v...

Một truyện khác *Vua Xa-lô-mông và Mác-côn* phổ biến ở nhiều nước châu Âu tuy rằng mỗi vùng kể khác nhau một vài chi tiết:

Vua Xa-lô-mông đi săn qua nhà Mác-côn, nghỉ lại đây, và hỏi anh này một số câu hỏi. Anh ta trả lời theo kiểu câu đố làm cho vua ngạc nhiên. Vua lần lượt hỏi: - "Bố mày đâu, mẹ mày đâu, anh mày đâu?", v.v... Trả lời: - "Bố tôi ở ngoài đồng, ông ta làm một thiệt hại thành hai". Vua chịu, không hiểu nổi, bắt anh giải. Anh cho biết: bố anh ở ngoài ruộng muốn rấp một con đường đi băng qua ruộng ấy, nên cắm gai góc ở đường, và kết quả là người ta lại đi ra hai bên thành thêm hai lối không trồng trọt được. Về mẹ thì Mác-côn đáp: - "Mẹ tôi đến làm cho bà hàng xóm cái điều mà bà ta không tự làm lấy được" (tức là vuốt mắt cho bà hàng xóm chết, việc đó không có ai tự làm cho mình bao giờ)[2]. Về anh, Mác-côn đáp (gần giống với câu trong truyện trên): - "Anh tôi ngồi ở ngoài nhà, gặp ai là nó giết tất" (tức là bắt rận). Về truyện kể vua Xa-lô-mông và Mác-côn còn xem thêm ở Khảo dị truyện số 84.

1. Theo *Tài trẻ nước Nam*.

2. Một dị bản khác kể: Về mẹ thì Mác-côn trả lời: - "Mẹ tôi nấu một nồi bánh đã ăn hết" (nghĩa là trước đó bà vay bánh để ăn và đã ăn hết, nay nấu nồi khác để trả nợ).

Một truyện của Ấn-độ:

Ma-hăng-sa-da đi tìm một người vợ tương lai. Trên đường anh gặp một cô gái đẹp thuộc đẳng cấp cao hơn và có vẻ khiêm tốn. Qua câu chuyện, anh biết tên cô là Vi-xa-ka. Tìm cách thử xem cô có thông minh không, anh hỏi: - "Bố cô đi đâu?". Cô đáp: - "Bố tôi đi làm một đường thành hai đường" (gần giống với truyện trên có nghĩa là ông ta đi kiếm cành cây và bụi gai để rấp con đường; nhưng cũng vì thế mà thành ra có hai đường)[1].

Truyện của Ả-rập (Arabie):

Một người nọ dự định sẽ lấy làm vợ cô gái nào trả lời được câu đố "8, 4, 2," của anh. Anh hỏi nhiều người, ai cũng trả lời là "14". Một hôm đi đêm gặp một người cõng một cô gái đẹp như trăng rằm. Anh đem câu ấy ra hỏi, cô trả lời: 8 là vú chó cái, 4 là vú lạc đà cái, 2 là vú dàn bà". Anh bèn hỏi cô làm vợ. Hôm cưới, người của nhà chồng hỏi cô: -"Bố cô ở đâu?". Đáp: -"Bố tôi làm gần cái đã xa và làm xa cái đã gần". Lại hỏi: - "Mẹ cô ở đâu?" - "Mẹ tôi chặt một linh hồn thành hai". Lại hỏi: - "Anh ruột ở đâu?" - "Anh tôi giữ mặt trời". Người nhà về báo lại, chàng rể đoán biết đó là bố cô ấy kết nghĩa với một bộ lạc chống lại một bộ lạc khác. Mẹ cô ấy đang đi dỡ đẻ cho một người đàn bà. Anh cô ấy đi chăn súc vật và đang chờ mặt trời lặn để trở về, v.v...[2]

Truyện của người Ma-rốc (Maroc) cũng gần như trên: Mẹ tôi làm cho một linh hồn ra khỏi linh hồn (dỡ đẻ) và anh tôi thì phải đưa kẻ không trở lại nữa (dẫn người chết ra mồ).

Truyện ở Băng-la-đex (Bangladesh): Mẹ tôi đi làm hai người từ một người (dỡ đẻ).

Truyện của người Ka-bi-lo (Kabyles): mẹ tôi đi nhìn kẻ mà nó chưa nhìn thấy bao giờ (một đứa mới đẻ).

Truyện Ấn-độ ở Ban-nu (Bannoue): cha tôi đi ngăn cách đất với đất (đào huyệt chôn ma).

Truyện Ấn-độ ở Ca-sơ-mia (Cachemire): Mẹ tôi đi bán lời nói (làm mối)[3].

Vân vân...

---

1. Một dị bản khác kể như sau: Ma-hăng-sa-đa hỏi người vợ tương lai: - "Bố cô làm gì?" - "Bố tôi làm một thành hai". - "Ông ấy cày phải không?" - "Vâng" - "Cày ở đâu?" - "Ở nơi mà ai đến đó đều không trở về" - "Ở bãi tha ma phải không?" - "Vâng".

2. Theo Bát-xê (Basset), tập **II**, sách đã dẫn.

3. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). Sách đã dẫn.

79. BÙI CẦM HỔ

Vào thời nhà Lê có một anh chàng nghèo khổ quê ở Kẻ-treo sát chân núi Hồng-lĩnh tên là Hổ. Lúc còn nhỏ Hổ có đi học dăm ba chữ với một cụ đồ già. Lớn lên Hổ sống một thân một mình không cha mẹ anh em gì cả. Cuối cùng chàng phải sinh nhai bằng nghề giữ trâu bò cho xóm, gia sản chỉ có một cái tù và, một con dao và một cái giỏ. Chàng được xóm làng dựng cho một túp lều ngã ba địa đầu sát chân núi. Trước lều có treo một cái mõ lớn. Hằng ngày sáng dậy cơm nước xong, Hổ đánh một hồi mõ ra hiệu cho tất cả các nhà đem trâu bò ra ngã ba để chàng đưa lên núi cho ăn cỏ. Chiều lại khi mặt trời vừa gác núi, Hổ lùa đàn súc vật về làng. Đến ngã ba là chàng hết phận sự vì con nào tự động về nhà con nấy không lạc nữa.

Tuy có khó nhọc, nhưng Hổ cảm thấy vui thích. Ngoài tiền gạo chàng còn có lộc. Tháng Giêng, ngày Tết hay mỗi khi nhà nào có giỗ, họ thường đem thức ăn đến biếu chàng. Vì thế, Hổ vẫn được chè mật cơm nếp ăn luôn.

Một hôm trời tối, có ông thầy địa lý đi tìm huyệt đất lỡ độ đường, ghé vào túp lều của Hổ xin nghỉ chân. Hổ vui vẻ nhường chiếu nhường giường cho ông nằm, lại nhân sẵn có chè xôi dọn ra mời ông ăn. Luôn mấy ngày, ông thầy sáng đi tìm đất, tối về ăn ở trong lều của Hổ. Thấy anh chàng tốt bụng, ông thầy mới tính chuyện tạ ơn. Ông hỏi Hổ: - "Anh có muốn làm quan không?" -"Tôi thế này - Hổ đáp - cũng đủ chán, còn làm quan làm gì nữa". - "Ồ, làm quan sướng nhiều chú! Còn võng lọng ngựa xe, kẻ hầu người hạ, còn vợ con ruộng vườn, chú có phải như thế này đâu". Nghe thầy địa lý nói bùi tai, Hổ tiếp: - "Người như tôi thì làm quan thế nào được". Ông thầy đáp: - "Ta làm nghề địa lý, ta có tìm được một kiểu đất "chân trắng làm ngự sử?" chỉ độ vài mươi ngày là phát. Ta thấy anh tốt lại có phúc tướng, ta muốn cho anh kiểu đất đó". Thấy Hổ không nói gì, thầy lại hỏi: - "Anh có biết mả cha mẹ ở đâu không?" -"Có biết mả mẹ".

Qua ngày sau, thầy địa giao cho chàng một quan hai tiền bảo đi sắm ngay đồ cải táng. Chàng nghe lời, lập tức trả bò cho xóm không chăn nữa để cùng thầy địa cất mả mẹ. Luôn mấy ngày cả xóm rất phiền vì thiếu người chăn trâu bò cho. Cuối cùng họ cũng kiếm được người thay. Và họ đuổi Hổ ra khỏi lều để cho người kia ở [1].

Hổ cũng quyết định không ở làng nữa. Có bao nhiêu tiền, chàng giắt lưng khố làm lộ phí đi ra Bắc. Sáng đi tối nghỉ, luôn mấy ngày ròng, Hổ đã đến kinh đô. Sờ vào lưng thấy chỉ còn có sáu tiền. Hổ cũng bước vào hàng cơm. Hôm ấy khách ăn đang bàn tán xôn xao về một vụ án giết chồng. Hổ nghe rõ đầu đuôi. Một người lái buôn đi xa về, người vợ mua lươn nấu canh cho ăn. Chồng ăn xong thì chết. Người ta giải mụ lên quan, cho là mụ ngoại tình lập mưu giết chồng. Sau bao nhiêu ngày tra tấn, mụ vẫn kêu oan. Mãi đến gần đây mụ đã thú nhận và người ta sắp đem cho voi giày.

Nghe thủng câu chuyện, Hổ tìm đến bộ Hình xin vào gặp mặt quan thượng thư. Thấy chàng ăn mặc lôi thôi, bọn lính đuổi ra khỏi cửa. Hổ kêu to lên và cuối cùng chàng được vào. Gặp quan Thượng, chàng hết sức kêu oan cho người đàn bà vô tội. Quan Thượng bảo Hổ: -"Nhà ngươi có cách gì tỏ rõ trắng đen không?". Hổ quả quyết:

- Có, tôi sẽ làm cho mà xem. Nhưng trước hết hãy hoãn thi hành cái án tử hình kia đã.

Hai ngày sau, Hổ mang cho quan Thượng một con rắn trông không khác gì những con lươn thường; chỉ có khác là nó hay cất đầu lên cao. Hổ nói: - "Tôi từng biết loại rắn này, nó thường ở chân núi, trông giống lươn nhưng có nọc độc, ăn vào là chết!". Đoạn ông làm thịt và nấu canh y như người đàn bà kia đã làm. Canh chín đem cho chó ăn, chó lăn ra chết quay lơ; cho một tử tù khác ăn, người tử tù ấy cũng chết nốt. Vụ án tự nhiên được tỏ rõ. Người đàn bà mắc oan được tha bổng. Tin ấy truyền đến tai vua. Lập tức vua sai triệu Hổ tới, khen ngợi chàng hết lời. Và cho chàng làm quan ngự sử. Từ đó chàng lấy tên Bùi Cầm Hổ.

Thấy Hổ còn ít tuổi lại không do thi cử mà được làm quan to, bọn triều thần nhiều người không phục. Chúng thường chơi khăm, cố ý làm cho chàng phạm lỗi để làm nhục. Một hôm có kỵ ở nhà Thái miếu, một

1. Đoạn này theo Mạnh Sào Quan. Tài liệu đã dẫn.

mình Hổ đến phiên túc trực kiêm làm mọi việc trong khi vua lễ. Chúng đốt trầm trong lư hương không lót tro để khi Hổ bưng lên cho vua cầm, phải bỏng tay. Như thế một là Hổ phải vứt lư xuống đất, hai là đứng im không dám động đến lư, ba là trao lư nóng lại cho vua bị bỏng, đằng nào cũng mắc tội "khi quân".

Khi nghe tiếng "dâng hương", Hổ vừa mó đến lư thì đã rụt tay lại vì nóng quá. Đang lúng túng không biết làm thế nào để bưng cái lư đến trao cho vua làm lễ, chàng chợt sáng ý xé ngay thân năm của chiếc áo tế dùng làm một thứ giẻ lót rất tốt và sau đó cả Hổ và vua đều cầm lư hương mà không việc gì.

Đến khi Hổ vào quỳ đọc "chúc văn" được nửa chừng thì cây nến đang đỏ bị chúng thổi tắt, Hổ rất bối rối vì ngừng lại là vô lễ. Nhưng nhờ có trí nhớ tuyệt vời, chàng cứ đọc thẳng một mạch cho đến lúc nến được thắp lại. Nhờ thế, vua lại càng khen ngợi Hổ.

Ở quê hương chàng thường bị nạn hạn hán, ruộng đất có cấy nhưng ít khi được ăn. Một lần về thăm quê, Hổ trèo lên núi Hồng-lĩnh ngắm lại cảnh xưa. Chàng biết có một khe nước trên núi Đụn chảy ra phía Đông bắc. Để bắt khe nước đó chảy về phía Tây bắc tưới vào đồng điền, Hổ cho gọi tất cả các viên quan sở tại đến hội họp trên hòn Đụn. Hôm ấy cờ quạt võng lọng rực rỡ cả núi rừng. Chàng cho chọn những con trâu mộng cùng với cày bừa tốt, rồi bắt những viên quan ấy cày cho mấy đường từ khe sâu trên núi Đụn, men theo sườn dốc xuống thẳng phía Kẻ-treo. Lại bừa cho mấy đường từ phía núi Đồng-trùy ở phía Đông bắc, dồn đất lấp tịt ngọn khe cũ không cho nước chảy lan xuống đó. Tự nhiên một ngọn khe mới lập thành, dòng nước cuồn cuộn tưới cho hàng vạn mẫu đất. Từ đó một vùng Kẻ-treo năm nào cũng được mùa, bao nhiêu đất hoang đều biến thành ruộng tốt. Nhân dân vùng đó rất cảm ơn Hổ. Họ dựng đền thờ Hổ ở ngay chân núi bên cạnh khe[1].

1. Theo truyện kể của người Hà-tĩnh và sách *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án.

KHẢO DỊ

Ở Hà-tĩnh, Nghệ-an có người kể hơi khác một vài chi tiết: Ví dụ người đi chăn trâu bò bầy và được thầy địa lý để cho ngôi đất quý không phải là Bùi Cầm Hổ mà là bố của ông. Bùi Cầm Hổ lúc trẻ được bố cho đi học ở kinh đô, nhân có vụ án mạng xử ba năm không xong, ông tiếp xúc với người đàn bà thấy tính nết hiền lành, mới xin quan xử lại vụ án. Ông sai xây một bể vuông ba bốn mươi thước, đổ nước đầy, rồi cho người đi bắt thật nhiều lươn bỏ vào bể. Thấy có hai con nổi lên, ông sai bắt nấu cho tử tù ăn, tử tù quả chết. Ông tâu vua rằng: -"Con lươn sống được một trăm năm thì hóa thành con hoàng xà, có nọc độc, ăn vào là chết. Người đàn bà này mua lầm phải hoàng xà chứ quả không có bụng giết chồng, v.v..."[1].

Về đoạn Hổ thân oan cho người đàn bà mang tội giết chồng có phần giống với một "thoại" trong sách *Tẩy oan lục* của Trung-quốc. Theo sách này thì: huyện Duyện-sơn có người dân ăn lươn bị đau bụng mà chết. Xóm giềng cho là vợ giết chồng, giải quan. Quan duyệt án, ngờ là trong lươn có nọc độc, bèn bảo làng chài bắt lươn được vài trăm cân đều bỏ vào vò. Có loại ngẩng đầu lên khỏi mặt nước chừng hai ba tấc. Nhặt ra được bảy con. Quan lấy làm lạ biết là loài vật đó chính là rắn giống lươn, bèn hết lòng cứu xét. Mối oan của người đàn bà từ đó mới rõ.

1. Theo lời kể của người Kẻ-treo (Hà-tĩnh) và theo *Bản khai những truyện dân gian: cây cỏ, chim muông, yêu ma.*

80. EM BÉ THÔNG MINH

Ngày xưa có một ông vua sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu cũng đưa ra những câu đố oái oăm để hỏi mọi người, nhưng tuy mất nhiều công mà chưa thấy có người nào thật lỗi lạc.

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng: cha đánh trâu cày, con đập đất. Ông bèn dừng ngựa lại hỏi:

- Này ông lão kia! Trâu của lão cày một ngày được mấy đường?

Người cha đứng ngẩn ra chưa biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan rằng:

- Thế xin hỏi ông câu này đã. Nếu ông trả lời được ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường.

Viên quan nghe hỏi lại như thế thì há hốc mồm sửng sốt, không biết đáp sao cho ổn. Ông thầm nghĩ bụng nhất định nhân tài ở đây rồi, chả phải tìm đâu nữa mất công. Quan bèn hỏi tên họ làng xã quê quán của hai cha con rồi phi ngựa một mạch về tâu vua.

Nghe nói, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng để biết đích xác hơn nữa, vua bèn sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.

Khi dân làng nhận được lệnh vua ai ấy đều tưng hửng và lo lắng, không thể hiểu thế là thế nào. Bao nhiêu cuộc họp làng, bao nhiêu lời bàn tán, vẫn không nghĩ ra được cách gì giải quyết cả. Từ trên xuống dưới mọi người đều coi là một tai vạ. Việc đến tai em bé con người thợ cày. Em liền bảo cha:

- Chả mấy khi được lộc vua ban, bố cứ thưa với làng ngả thịt hai trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một trận cho sướng miệng. Còn một trâu và một thúng gạo, ta sẽ xin làng làm phí tổn cho bố con ta trẩy kinh lo liệu việc đó.

- Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm dại mà bay đầu đi đó, con ạ!

Nhưng đứa con quả quyết:

- Cha cứ mặc con lo liệu, thế nào cũng xong xuôi.

Người cha vội ra đình trình bày câu chuyện. Cả làng nghe nói vẫn còn ngờ vực, bắt cha con phải làm giấy cam đoan, mới dám ngả trâu đánh chén.

Sau đó mấy hôm, hai cha con khăn gói tìm đường tiến kinh. Đến hoàng cung, con bảo cha đứng đợi ở ngoài, còn mình thì nhân lúc mấy tên lính canh vô ý, lẻn vào sân rồng khóc um lên. Vua sai lính điệu vào phán hỏi: - "Thằng bé kia mày có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?" - "Tâu đức vua - em bé vò vĩnh đáp - mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ".

Nghe nói, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán:

- Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho bố mày, chứ bố mày là giống đực làm sao mà đẻ được!

Em bé bỗng tươi tỉnh:

- Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi ba con trâu đực cho đẻ thành chín con để nộp đức vua? Giống đực thì làm sao mà đẻ được kia chú!

Vua cười, bảo:

- Ta thử đấy thôi mà! Thế làng chúng mày không biết đem trâu ấy ra ngả thịt mà ăn với nhau à?

- Tâu đức vua, làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.

Vua và đình thần chịu thằng bé là thông minh lỗi lạc[1], nhưng vua vẫn còn muốn thử cho đến cùng. Qua hôm sau, khi hai cha con đang

1. Theo Nguyễn Văn Ngọc. Sách đã dẫn.

ăn cơm ở nhà công quán, bỗng có sứ nhà vua mang tới một con chim sẻ với lệnh chỉ bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé bảo cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả, bảo:

- Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Vua nghe nói, từ đó mới phục hẳn.

Lập tức vua cho gọi cả cha con vào ban thưởng rất hậu.

*

* *

Hồi đó, có một nước láng giềng lăm le muốn chiếm bờ cõi của nhà vua. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ mới sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đố làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy tức là tỏ ra thua kém và phải thừa nhận sự lép vế của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vò đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút mong cho sợi chỉ lọt qua; có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ xâu, v.v... nhưng tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu các ông trạng, các nhà thông thái triều vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành tìm cách mời sứ thần tạm nghỉ ở công quán để có thì giờ đi hỏi ý kiến em bé thông minh ngày nọ.

Một viên quan mang dụ chỉ của vua đến nhà em bé vào lúc em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe quan trình bày ngọn ngành câu đố của sứ giả ngoại quốc, em bé không đáp, chỉ hát lên một câu:

Tang tình tang! Tính tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng
Bên thời lấy giấy mà bưng,
Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
Tang tình tang...

Rồi bảo: - "Không cần tôi phải về triều làm gì. Cứ theo cách đó là xâu được ngay!".

Viên quan sung sướng lật đật trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói như mở cờ trong bụng. Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt kính phục của sứ giả nước láng giềng.

Rồi đó, vua phong cho em bé làm Trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung cho em ở để tiện hỏi han[1].

KHẢO DỊ

Trong truyện *Trạng Quỳnh* của ta cũng có đoạn kể chuyện nuôi dê dực chửa và việc Trạng Quỳnh đối đáp với vua Lê y như đoạn đầu của truyện *Em bé thông minh* [2]. Truyện *Thơ-mênh Chây* của người Khơ-me (Khmer) cũng có một vài chi tiết tương tự, như đoạn vua bắt dọn ba mâm cỗ với một con chim sẻ, v.v...

Loại truyện có chủ đề em bé thông minh cũng là loại truyện phổ biến của một số đông dân tộc. Dưới đây, kể sơ lược vài truyện tiêu biểu:

Một là truyện *Trạng* của đồng bào Cham-pa:

Một ông vua chỉ sinh có một nàng công chúa, ra lệnh cho các quan đi tìm người tài giỏi để kén làm phò mã. Cũng như truyện của ta, gặp một người cày ruộng, quan hỏi: - "Từ sáng tới giờ được bao nhiêu đường cày?". Người ấy không trả lời được bị quan đánh, rồi đi. Con người cày ruộng biết chuyện vội đuổi theo quan, hỏi vặn lại: - "Từ lúc ra đi đến nay các quan đã qua bao nhiêu làng, bao nhiêu cánh đồng và gặp bao nhiêu người?. Ngựa quan phi được bao nhiêu nước đại nước tiểu?". Các quan không không trả lời được, bị em bé đánh trả.

Các quan về tâu vua, vua sai bắt em ấy phải nộp một sợi dây bằng tro dài 20 sải, "nếu không có thì chém ba họ". Em bé bảo mẹ bện rơm thành dây khoanh vào chum cho thò hai đầu dây ra ngoài đốt cháy tất cả rồi mang đến cho vua. Vua lại sai đưa một con chim én cho em, bảo dọn mười món khác nhau mỗi món một dĩa. Em bé bảo mẹ đưa tới cho vua một cái kim nhỏ nhỏ đánh cho một cây dao làm thịt chim.

1. Theo lời kể của người miền Bắc.
2. Xem Văn Tân. *Văn học trào phúng* , tập I.

Vua phục tài nhưng còn thử nữa. Từ dây trở xuống truyện khác với truyện của ta. Ví dụ vua bảo làm một bánh biết nói. Em bé bèn nằm khoanh trên mâm, úp lồng bàn lại ngoài dán giấy, bảo mẹ bưng lên cho vua. Hay là vua đố: - "Gai cam không ai vót mà sao lại nhọn?". Em bé hỏi lại: -"Cây chuối không ai bào mà sao lại tròn?". Tiếp đó, vua bắt một con chim bỏ vào tay hỏi: - "Đố ngươi, ta muốn nắm con chim hay là thả?". Em chạy đến ngưỡng cửa, hỏi lại: - "Đố bệ hạ tôi muốn vào hay ra?". Vua ép lấy công chúa nhưng em không lấy, phải thả cho về.

Phần cuối, ngoài những lời đối đáp mưu trí khác của Trạng chọi lại những cuộc đố của vua và đại thần còn có việc Trạng đi tìm vợ, v.v... Trong phần này có chỗ giống với truyện *Con vợ khôn lấy thằng chồng dại, như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu* và truyện *Người đàn bà bị vu oan* (xem **Khảo dị** truyện số **47** và **109**).

Người Nùng cũng có một truyện *Chiếc áo lông chim* giống với cả hai truyện *Ai mua hành tôi* và *Em bé thông minh* của ta. Ở đây thông minh không phải là một em bé mà là người vợ đẹp của một anh nông dân. Anh có bức chân dung của vợ hàng ngày mang đi theo để ngắm. Một hôm bức chân dung bị gió bay mất, một tên chúa nhặt được đưa lên cho vua. Cả triều đình họp nhau để bàn cách chiếm lấy người đàn bà đẹp vẽ trong đó. Vua phái quan hỏi anh nông dân đang cày: - "Cày được bao nhiêu luống, không trả lời được thì phải nộp vợ, v.v...". Vợ anh gà cho anh hỏi lại quan: - "Ngựa ông chạy được bao nhiêu bước?". Vua lại ra lệnh phải sơn đen ba quả đồi. Vợ anh bảo anh đốt cháy trụi cây cối ba quả đồi đó. Vua lại ra lệnh xe một sợi dây bằng kiến. Vợ anh bảo bôi mật cho kiến bâu đầy dây. Vua lại ra lệnh bện một sợi dây thừng bằng tro. Vợ anh lấy giẻ bện giây đặt lên đá rồi đốt cháy.

Vua không đố nữa, sai lính bắt cóc người đàn bà về cung. Từ đây truyện chuyển hướng. Trước khi đi, vợ giao cho chồng lúa và táo tiên dặn tria lúa và trồng táo. Khi nào thu hoạch lúa đem cho chim ăn rồi xin mỗi con một cái lông làm thành một cái áo rồi gánh táo đi bán. Chồng làm theo lời, mặc áo lông chim và gánh táo đến cung vua. Người đàn bà đang câm bỗng nói được vì nghe tiếng rao của chồng. Vua cho gọi vào, và nghe lời người bán táo, vua đổi áo mình lấy cái áo lông chim mặc vào dính bụng làm cho người đàn bà vui cười nhưng chó dữ trong cung tưởng ai lạ xông ra cắn chết [1].

Người Tày cũng kể như trên nhưng có thêm một đoạn đầu có mô-típ giống với truyện *Tú Uyên* (số **118**, tập **III**).

1. Theo *Truyện cổ tích miền núi.*

Một anh chàng nhà nghèo thường đi làm thuê kiếm ăn. Anh có con chó khôn đi theo chủ khi làm việc. Một hôm chó bới ở bụi, anh tới nhìn thấy một quả trứng lạ, bèn đem về bỏ vào chĩnh. Từ dấy mỗi khi đi làm về lại thấy có cơm canh sẵn sàng. Một hôm lén về rình, anh bắt gặp một cô gái từ quả trứng chui ra làm công việc nội trợ. Anh ném vỡ chĩnh và trứng làm cho cô gái không có chỗ biến hình. Cô gái từ dấy là vợ anh, sau khi cho cô nuốt dũa cả và dũa con để làm xương, v.v... gọi là nàng Kháy (Kháy = trứng). Thấy vợ đẹp, anh cũng bỏ công ăn việc làm, vợ phải vẽ chân dung như truyện trên.

Về đoạn kết, ở đây vợ ra đi giao cho anh không phải táo mà là hạt giống cam và cũng dặn làm áo lông chim lông thú rồi gánh cam đến cung vua. Anh làm theo. Con chó theo anh và nhờ có chó anh mới vượt được sông rộng. Nhưng khi đến bờ bên kia thì chó tắt thở vì mệt quá. Lại đến lượt một đàn ong từ miệng chó bay ra đưa anh đi. Nhờ có ong báo tin, nàng Kháy biết chồng tới, từ dấy mới mở miệng nói cười. Trước đó vua đã cho nàng một thanh gươm và cho phép được giết ai tùy ý; khi vua thay đổi áo mũ cho người bán cam thì lập tức nàng Kháy ra lệnh chém chết.

Người Tày còn có truyện *Lai lịch ông Sấm:*

Xưa có một người đàn bà đẻ ra một người con trai không tay chân, toan bỏ cho chết, nhưng người làng bảo cứ nuôi. Đứa bé rất thông minh. Một hôm bố đi bừa về bảo con: - "Có một vị thần hỏi mỗi ngày bừa được bao nhiêu đường, bố không biết làm sao mà trả lời" - "Ông ta còn dấy nữa không?", con hỏi -"Đi rồi". - "Nếu có đến hỏi nữa thì gọi con ngay". Mai thần lại đến hỏi như trước. Hôm sau nữa, bố mang con theo, thần lại đến hỏi, con đáp: - "Tôi hỏi ông thế này nếu ông trả lời được thì tôi sẽ trả lời câu hỏi của ông: Tại sao trời không cho tôi làm đất, đá, cỏ, cây, mà lại bắt làm một người không tay không chân, thế thì tôi làm sao mà sống? Ai nuôi tôi?". Thần ta không trả lời được, bèn bay về kể chuyện ấy với Trời. Trời bảo thần đưa đứa bé lên xem. Đến nơi, Trời sai lấy khuôn đân bỏ đứa bé vào đúc, khi tháo khuôn thì thiếu mất chân. Lại bỏ vào khuôn quan thì thấy mất đầu. Lại bỏ vào khuôn vua thì thiếu tay. Trời bực mình bảo mang loại khuôn riêng của Trời ra đúc. Lần này thì thành công nhưng đứa bé bây giờ lại có quyền phép như Trời. Nó mới đuổi Trời đi chiếm lấy ngai vàng. Từ độ ấy, ông Trời cũ phiêu bạt đó đây. Nhưng ông Trời mới vụng về không biết cách cai quản trần gian, nên mưa nắng nóng rét không phải thì, làm cho hạ giới mất mùa. Trời cũ thấy vậy giận, giẫm chân quát: - "Cái thằng không tay không chân không biết cách cai quản

làm tội dân!". Mỗi lần như thế hạ giới thấy có đá rơi và có tiếng sấm sét. Từ đó mới có ông Sấm[1].

Hai là truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) nhan đề là *Vua Rơ, anh Hơ-rít và con thỏ*. Vua Rơ thấy con bò cái nhà Hơ-rít đẻ được một con bê rất đẹp, mới manh tâm chiếm đoạt. Vua bắt lấy bê bảo là do bò đực của mình đẻ ra. Thỏ giúp Hơ-rít lấy lại bê, bèn kiếm mủ cây "rơ nghiêng" bôi vào áo rồi đến nhà vua Rơ, nói "cha tôi mới đẻ em bé tối hôm qua thành ra mất ngủ". Thấy

1. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge), đã dẫn.
Về truyện này, người Lào và người Thái kể có khác về chi tiết. Người Lào kể: một vị thần Bơ-ra-ma đầu thai thành một đứa bé chân tay ngắn ngủn. Thần In-đơ-ra muốn cải tạo lại bèn mang lên trời giao cho Ngọc Hoàng (Then). Ngọc hoàng đúc khuôn đồng không thành. Lại đúc khuôn bạc, rồi vàng, rồi thủy tinh, đều không thành. Ngọc Hoàng trả lại. In-dơ-ra bèn đúc khuôn kim cương hóa ra tốt đẹp như In-đơ-ra. Mừng lắm bèn cho đầu thai vào lòng nàng Ma-li-ka 10 năm mới đẻ đặt tên là Ra-pha-na-xu-an. Lên ba hắn đã học hết khoa học. Hắn đòi vua một nước nọ phải gả công chúa cũng mới lên ba. Ông vua này thấy hắn hỗn xược, cũng đành phải gả nhưng xin thiên thần cho mình một đứa trai khác để chế ngự hắn. (Truyện *Ramayana* của Lào).
Người Thái kể đoạn đầu như của người Tày. Khi đứa bé (ở đây tên là Lan Phắc) gặp Thiên Thần (ở đây là Ngọc hoàng = Then) thì nó hỏi vặn lại: - "Ngựa của ông đã để lại bao nhiêu dấu ở dọc đường?". Ngọc hoàng cứng họng bèn đến gần, nhìn rồi nói: - "Tại sao cục thịt này lại nghe được nói được?". Lan Phắc đáp: -"Khi đã là người thì ai cũng muốn đẹp. Còn tôi thì rất xấu hổ. Vậy tôi muốn ông làm cho tôi tốt đẹp như mọi người". Ngọc hoàng y lời đúc lại, lại cho hắn mượn ngựa cưỡi lên trời dạo chơi. Bọn trẻ con Ngọc hoàng nói với nhau: -"Sao có kẻ nào cưỡi ngựa của bố ta". Lan Phắc quay trở về bảo Ngọc hoàng: - "Ông làm cho tôi được đẹp như ông". Ngọc hoàng lại đúc lại. Hắn lên trời vẫn nghe bọn trẻ con thì thào: -"Người này giống bố nhưng không phải bố". Hắn lại về xin làm cho giống Ngọc hoàng như đúc. Lần này lúc lên, Lan Phắc được vợ con Ngọc hoàng quấn quýt vì tưởng chính Ngọc hoàng đã về.
Sau đó Lan Phắc lại xuống bảo Ngọc hoàng: - "Ông hãy chịu khó ở dưới đó vì ông chưa phải là thần tối linh: người nghèo quá nghèo, người giàu quá giàu". Đoạn trở về thừa hưởng mọi thứ của Ngọc hoàng.
Ngọc hoàng giận vì bị phản bội, giẫm chân thì đất sụt rơi xuống thế giới Diêm vương. Từ đó vì có cơn giận của Ngọc hoàng nên thỉnh thoảng lại có một lần động đất dữ dội. Về sau khi nghe có người nói: -"Xin ngài bớt giận, dẫu sao Lan Phắc vẫn còn sống". Ngọc hoàng thẹn không làm động đất dữ dội nữa. (Theo La-phông (Lafont): *Cổ tích Phu-thai, BSEI*, tập XLVI, số 1-1971).

vua Rơ nói trên dời không thể có giống dực dẻ được, thỏ mới vặn lại: - "Sao bò dực nhà vua lại dẻ được bê?". Vua Rơ cứng họng phải trả bê cho Hơ-rít, nhưng hắn bắt Hơ-rít mang chó đến đấu với chó mình, nếu thua thì phải làm tội. Chó vua Rơ chết. Lại bảo mang lợn đến đấu, lợn vua Rơ cũng chết. Đến lượt bò cũng thế. Vua Rơ tức giận bắt voi mình ra đấu với bò. Bò chết nhưng voi cũng không sống được. Trước khi chết, bò bảo chủ đem một nửa xác của mình bỏ xuống nước, một nửa bỏ lên núi và sau đó cả hai nửa con bò đã giúp Hơ-rít thoát những nạn do vua Rơ bày ra như: một mình phải ăn hết cả thịt voi, chặt cây 15 hòn núi, trỉa giống trên núi đá, v.v... Lần cuối cùng Hơ-rít phải làm một cái nhà trên mặt nước. Cá nghe lời bò giúp Hơ-rít làm một cái nhà rất lạ bằng tất cả giống thủy tộc kết lại mà thành. Vua Rơ thích quá ra dấy ở, nhưng đến khi nấu ăn, loài thủy tộc sợ nóng nhảy xuống nước cả. Vua Rơ chết dưới, tài sản thuộc về Hơ-rít [1].

Ba là truyện của người Nga: Một người em nghèo có con ngựa cái vừa đẻ được một con. Con ngựa con chui sang nằm ở gầm cỗ xe của người anh. Sáng dậy người anh chiếm lấy, bảo là do xe mình đẻ ra. Kiện nhau lên quan, anh vì giàu có nên được kiện. Vụ kiện đưa lên vua, vua ra bốn câu đố. Câu trả lời của người em do con gái lên bảy tuổi gà hộ, được vua chú ý. Vua lại đố em bé nhiều câu oái oăm nữa, trong đó có lần giao cho 150 quả trứng bắt phải ấp trong một đêm nở con đem nộp. Cha nghe lời con luộc ăn tất cả rồi vào xin vua một thứ kê từ khi gieo đến khi có quả chỉ trong một ngày, để nuôi gà. Vua chịu thua. Cuối cùng trước mặt vua, em bé gái nói cha mình làm nghề đánh cá trên mặt đất khô. Thấy vua ngạc nhiên "vì xưa nay chưa từng có cá sống trên đất bao giờ", em bé gái hỏi vặn lại "xưa nay cũng chưa từng có xe đẻ ra ngựa bao giờ". Vua khen thông minh, bắt người anh trả lại ngựa và ban thưởng cho cha con em bé [2].

Người Nga còn có một truyện khác, truyện *Người vợ thông minh*.

Một hoàng tử đi săn lạc đường vào nhà một cô gái. Cô xin lỗi: -"Vườn không có tai, nhà không có mắt nên không biết có khách đến". Hoàng tử hỏi: - "Bố mẹ và anh cô đi đâu?". Đáp: - "Bố mẹ tôi đi khóc đồi, anh tôi đem 100 đồng đi lấy 5 hào". Hoàng tử cầu khẩn cắt nghĩa, cô gái cho biết: - "Vườn không tai là nhà không có chó, nếu có nó sẽ sủa mỗi khi có người lạ tới. Nhà không mắt là không có trẻ con, nếu có nó sẽ báo tin. Còn bố mẹ tôi đi đưa đám ma người ta, lúc nào trăm tuổi người ta sẽ tới khóc chia buồn nên gọi là khóc đồi. Anh tôi thì cưỡi ngựa đáng giá 100 đồng để đi săn thỏ đáng giá 5 hào".

1. Theo *Mọi Kon-tum* của Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đổng Chi.
2. Theo *Gà đắt hơn trâu*, bản dịch của Thục Đoan.

Hoàng tử về nằng nặc đòi vua phải hỏi cô gái cho mình làm vợ. Thấy thế, vua ra ba điều kiện, cô gái thực hiện được mới cho lấy nhau. Lần thứ nhất vua giao một cây gai rất nhỏ bảo lấy sợi của nó dệt cho vua một cái áo. Cô gái bẻ một cái que bảo về đưa cho vua làm cho một khung cửi và thoi để dệt. Lần thứ hai như truyện trên, vua giao 100 trứng luộc bảo ấp để đến ngày cưới lấy đủ số gà dọn tiệc. Cô gái đưa một nhúm bột lúa mạch ở nồi cháo bảo vua gieo cho đủ thức ăn nuôi gà. Lần thứ ba vua bảo cô gái tới xem mặt nhưng không mặc áo mà cũng không cởi trần, không cưỡi ngựa mà cũng không đi không, có tặng vật mà cũng không có. Hôm ấy cô gái đến, trên người cô khoác một tấm lưới sắt nhỏ mắt, tay cầm dây cương nhỏ buộc vào một con thỏ và tặng vua một con chim nhưng mở bàn tay thì chim đã bay mất. Vua chịu thua, đành phải cho con lấy cô gái đó.

Thứ tư là truyện của người Lô-bi (Lobis) (châu Phi):

Một người đàn bà tự nhiên có chửa nhưng không phải ở bụng mà ở đầu gối. Một hôm đang lấy nước ở suối, bỗng đầu gối mở ra, một đứa con trai rơi xuống. Thằng bé đứng dậy và nói được ngay, nó tự xưng tên mình là Xê-puốc-goa.

Khi theo mẹ nó đi qua đám cỏ tranh, nó hỏi: - "Của ai đám tranh này?" - "Của tù trưởng Tăng-goa đấy!" - "Có đốt được không?" - "Của người ta không thể đốt được!". Xê-puốc-goa cứ đốt, đám cỏ tranh cháy hết.

Tăng-goa biết tin, giận lắm, gọi mọi người lại hỏi: - "Ai đốt?" Xê-puốc-goa trả lời: - "Tôi". Tăng-goa giao cho em một hạt mì, bảo ngay ngày mai phải có rượu để cúng thần. Về nhà, Xê-puốc-goa tìm một hạt bầu đưa cho Tăng-goa bảo: - "Vậy mai phải có một bầu nậm từ hạt giống này để đựng thứ rượu tôi làm". Tăng-goa dành thôi.

Sau đó Tăng-goa lại giao cho em một con bò đực bôi mỡ ở dít, bảo Xê-puốc-goa nuôi, khi bò đẻ sẽ chia nhau. Mai lại, Xê-puốc-goa chặt một cây sào dài đi chọc lá cây bao-ba (loại cây có lá to dùng để lót ổ). Tăng-goa hỏi:- "Lấy lá làm gì?" - "Tôi lấy lá về cho cha tôi mới đẻ đêm qua" - "Đàn ông sao lại đẻ được?" - "Thế bò đực của ông sao lại đẻ con được?".

Tăng-goa cứng họng, bảo: - "Mày giỏi hơn tao". Bèn tha tội[1].

Thứ năm là truyện của người Ma-rốc (Maroc) *Cô con gái người thợ mộc:*

Một người thợ mộc, vợ chết để lại một cô con gái bé thông minh tên là Ai-sa. Hồi ấy có ông vua thường ra những câu đố hiểm hóc bắt phải trả lời,

1. La-bua-rê (Labourer). *Những bộ lạc người Ra-mô (Lô-bi).*

nếu trúng thì thưởng tiền, sai thì chặt đầu. Nhiều người đã bị chết oan. Đến lượt người thợ mộc nhờ con gái nên không việc gì. Lần đầu cô giúp bố trả lời hai câu đố của vua. Sau đó để thực hiện việc "đặt một vườn rau lên lưng lạc đà", cô bảo bố lấy đất trộn phân bỏ trong một cái máng lợn gieo một số hạt rau để độ một tuần rồi cho lạc đà chở vào cho vua. Lần sau, vua bắt ông đến hầu "vừa cưỡi, vừa đi, vừa cười, vừa khóc", cô bảo bố tìm một con lừa con ngồi lên lưng chân chấm đất, lại lấy hành bôi làm chảy nước mắt, rồi cứ thế đến trước vua mà cười. Lần sau nữa, vua lại bắt ông may một cái áo với một khối đá cẩm thạch. Cô bảo bố dòi vua đưa đến sợi chỉ bằng cát để may. Vua chịu, và thưởng hậu, đoạn hỏi: -"Ai bày cho ngươi"- "Con gái tôi". Vua bèn lấy cô làm vợ chính.

Một hôm có hai người tranh nhau một con ngựa mới đẻ, một người chủ con ngựa đực, một người chủ con ngựa cái, hai con vật cùng ở một chuồng và hai người luân phiên chăm sóc. Khi đẻ thì đến lượt người chủ ngựa đực chăm. Hắn nói ngựa con do ngựa đực đẻ ra vì thấy ở dưới bụng ngựa đực. Vua xử cho hắn được. Người chủ ngựa cái đứng khóc dưới cửa sổ buồng hoàng hậu ở ngay trên tòa án. Biết chuyện, hoàng hậu mách cho anh này tâu với vua: -"Tôi trỉa hạt lúa mì trên một dám đất ở bờ sông bị cá ăn mất cây". - Vua hỏi: - "Đời nào lại có cá ăn cây lúa". Hắn tiếp luôn: - "Vậy làm sao lại có ngựa đực đẻ con". Vua cứng họng hỏi: - "Ai bày cho đấy?"- "Tôi nghe có tiếng nói vọng qua cửa sổ, không rõ là ai". Biết là hoàng hậu mớm, vua giận, đuổi hoàng hậu về nhà bố mẹ đẻ, chỉ cho phép mang một cái hòm về, bỏ gì vào hòm cũng được. Đêm lại hoàng hậu cho vua ăn một chất thuốc ngủ. Chờ vua ngủ say, nàng bỏ vua vào hòm, sai khiêng về nhà bố. Khi vua tỉnh dậy hoàng hậu nói: -"Theo lệnh của vua tôi chỉ được mang một cái hòm. Vậy thì tôi bỏ vào hòm cái mà tôi quý nhất" [1].

Thứ sáu là truyện của người Mèo *Hoàng tử Cam:*

Một ông vua có hai vợ. Thứ phi không có con thường bị vua ghét. Bà ta buồn, bỏ đi cầu tự. Một lần đi trẩy cam cùng mọi người. Thấy trên một cây cam có một quả chín mọng, bà hái ăn, từ đó có mang sinh được một hoàng tử thông minh, nhưng vì chính phi ghen vu cho bà chửa hoang nên mẹ con bị đuổi ra ngoài cung để chờ ngày xét xử.

Một hôm vua cho gọi các quan lại, phán: - "Hãy làm một bữa cỗ có thịt dàn bà có râu". Các quan không ai hiểu nổi ý vua. Một ông quan già trở về

1. Theo Mô-ha-mết En Pha-si (Mohamed El Fasi) và Đéc-men-ghem (Dermenghem). *Truyện cổ tích xứ Phe-đơ (Ma-rốc).*

đi qua chỗ giam hai mẹ con thứ phi. Em bé chạy ra hỏi: - "Có gì mà ông có vẻ lo lắng?". Ông này không đáp nhưng sau thấy em hỏi gặng bèn kể cho nghe: - "Cũng dễ tìm thôi", em nói - "Tìm ở đâu?" - "Đàn bà có râu là con dê cái". Về kể với vua, vua khen lão quan thông minh. Vua lại ra lệnh tìm hoa bốn mầu. Lão quan lại đi hỏi em bé - "Đó là hoa cây thuốc phiện (trắng, hồng, xanh, tím nhạt)". Vua lại ra một câu khác: - "Món gì ăn có đủ năm vị?". Cũng nhờ có em bé mà lão quan trả lời được đó là trầu (nồng, cay, đắng, chát, ngọt). Vua lại bắt tìm cho vua một thứ gì "tam biến hiện hóa". Lão quan lại được em bé cho biết đó là mây. Cuối cùng vua lại đố: Cái gì nhọn nhất? Em bé giảng cho là nước nhọn nhất.

Mấy lần giải đáp thông suốt, lão quan được vua khen ngợi và ban cho quyền cao chức trọng. Sợ để em bé lại thì có ngày lộ chuyện, nên một hôm lão quan nhắc vua xử ngay vụ án thứ phi chửa hoang kẻo để lâu e mất danh giá. Vua bèn sai dọn tiệc linh đình mời hoàng tử (tức em bé) về dự, trong tiệc có chén rượu thuốc độc. Không ngờ hoàng tử uống xong bỗng lớn phổng như thổi làm cho vua quan sợ quá bỏ chạy ra ngoài thành. Cuối cùng bị hổ ăn thịt. Hoàng tử mời mẹ về cung [1].

Người Miêu (Trung-quốc) lại có truyện *Nàng dâu thông minh* hoàn toàn khác với truyện trên:

Một chàng trai lấy được vợ thông minh nhưng lại không được lòng mẹ chồng. Bà này cai quản trong nhà, thường buộc làm nhiều cái oái oăm. Một hôm bà bắt họ phải mua thịt nhưng "không nạc, không mỡ, không xương". Nàng dâu bèn mua cỗ dạ dày. Lần khác, bà bảo làm một công việc "dưới sạch quang, trên vàng ánh". Vợ bảo chồng đi nhổ cỏ vườn chè. Lần thứ ba bắt làm một việc mà "phía trên như mặt trời mọc, phía dưới như hoa tuyết rơi". Vợ cùng chồng đi cưa gỗ (trên mặt gỗ trắng và nóng, dưới mùn cưa rơi). Lần khác, bà bảo phải dun cơm cho người ta ăn, những người này "qua sông bằng cầu nhưng không cất bước". Nàng dâu bèn làm cơm nắm đưa cho người đi đò ngang ăn. Vào ngày Tết, bà bảo giã bột làm bánh nhưng phải đong gạo nếp ba dấu ba, bốn dấu bốn, một dấu một, rồi lại một dấu hai. Nàng dâu đong vừa đúng một thạch (10 dấu) gạo nếp, đồ xôi rồi giã thành bánh giầy. Sau Tết, bà bảo dâu về thăm quê ngoại nhưng phải mang về ba thứ quà: củ cải trắng lòng dỏ, ba ba không chân, đầu tôm hàm không ngạnh. Nàng dâu trở về mang một giỏ trứng gà, một chiếc bánh giầy, và một nắm bánh phồng.

Thấy dâu làm đúng không cãi được, mẹ chồng tức uất lên mà chết.

1. Theo Doãn Thanh... Sách đã dẫn.

Nhưng lại đến lượt ông vua phải lòng cô gái thông minh. Để có có bắt nàng, lần đầu vua buộc nàng phải tìm một tấm vải che kín trời. Nàng nhận lời nhưng hỏi lại vua xem trời rộng và dài bao nhiêu để may cho đúng. Lần khác, vua bắt nộp một con lợn đầu to như đỉnh núi, mình dài như sườn núi. Nàng hỏi lại trọng lượng của đỉnh núi và chiều dài của sườn núi. Vua chịu, lại bắt nộp một con gà trống đẻ trứng. Cũng gần như truyện của ta và các truyện vừa kể, nàng theo lính về triều. Vua hỏi: - "Sao chồng nàng không cùng đến?". Đáp: - "Chồng tôi đang ở cữ". - "Sao đàn ông lại đẻ con được?" -"Vậy thì làm gì lại có gà trống đẻ trứng". Vua choáng váng, đành để người đàn bà tự do trở về[1].

Về chi tiết xâu chỉ qua đường ruột ốc, Trung-quốc có truyện *Sứ giả vua Tạng đi cầu hôn*, có nói đến tài trí của một viên sứ thần thay mặt vua cha đi cầu hôn con gái vua Đường. Vua Đường ngại xa không muốn gả công chúa nhưng cũng không tiện từ chối, mới ra những chuyện đố oái oăm để cho sứ ta nản chí. Nhưng qua năm lần đố là năm lần sứ giả được cuộc. Trong đó có một lần vua Đường sai đưa ra một viên ngọc trong có lỗ quanh co xuyên qua, bảo sứ thần hãy xâu cho được một sợi chỉ. Cũng như truyện của ta, sứ giả nước Tạng buộc chỉ vào lưng một con kiến càng, mặt kia bôi mật. Kiến quả ngửi thấy mùi mật bò sang, mang theo cả sợi chỉ [2].

Người Triều-tiên có truyện *Khổng Tử và cô gái*:

Một hôm Khổng Tử đi chơi có 3.000 học trò đi theo, thấy ở giữa đồng có một cây ăn quả, hai bên cây có hai cô gái ngồi hái quả ăn. Cô ngồi phía mặt trời lặn mặt trắng, đẹp, còn cô ngồi phía đối diện mặt vàng, nhan sắc kém thua. - "Ồ, chị này đẹp thật!", Khổng Tử chỉ vào cô thứ nhất nói thế - "Vâng, nhưng khi phải xâu sợi chỉ qua 90 lỗ của một cái khóa thì sẽ biết là người phía Đông chứ không phải phía Tây", cô kia đáp. - "Cô ấy da xấu lại có vẻ khờ dại". Nói rồi ông đi. Nhưng khi vào chầu, không ngờ vua đưa cho ông một cái khóa đục 90 lỗ, bảo: - "Ông là bậc thánh hãy xâu sợi chỉ vào các lỗ này cho ta". Khổng Tử bối rối, sực nhớ tới cô gái ngồi phía mặt trời lặn nhưng lúc đến thì cô này đi vắng. Khổng Tử nhờ cô kia giúp. Cô gái liền cầm lấy khóa nhúng vào mật. Đoạn buộc một sợi tơ vào cẳng kiến. Kết quả khi ăn mật kiến đã xâu qua các lỗ. Khổng Tử mừng hỏi: - "Cô là ai mà giải được bài toán khó này". Cô kia đáp - "Tôi là người nhà Trời xuống giúp ông, vì ông phải là người

1. Theo *Truyện dân gian Trung-quốc* (Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên dịch).
2. Theo *Trung-quốc dân gian cố sự tuyển* của Giả Chi và Tạ Kiếm Băng.

trả lời được thông suốt những cái mà người ta hỏi"[1]. Đoạn cô bay lên trời trước mặt Khổng Tử.

Người Nhật-bản cũng có hai truyện cùng một chủ đề nhưng nhân vật chính không phải em bé mà là người già.

Truyện thứ nhất, từng chép trong sách *Makura no sôshi (Thẩm thảo chỉ)*, ở thế kỷ X:

Ngày xưa có một ông vua không ưa người già, ra lệnh bắt những kẻ đến tuổi bốn mươi phải chết. Một ông tướng có hiếu thấy thế bèn đào lỗ trong nhà làm chỗ trốn cho bố mẹ đã gần bảy mươi. Vua Trung-quốc toan chiếm nước này, trước hết tìm cách xem nước ấy có người tài hay không, mới đưa một khúc gỗ bào trơn, hai đầu bằng nhau, hỏi đằng nào ngọn đằng nào gốc. Không một ai trả lời được. Ông tướng nhờ bố mách nên tìm ra một cách là ném khúc gỗ xuống dòng nước chảy, đàng nào hướng ngược lại dòng nước là ngọn[2]. Vua Trung-quốc lại cho đưa sang hai con rắn giống nhau hỏi con nào cái con nào đực. Được bố mách, ông tướng lại bảo lấy cành lá nhỏ cọ nhẹ vào đuôi, con nào cựa quậy là cái. Về sau vua Trung-quốc lại sai mang một viên ngọc bắt phải xâu một sợi chỉ qua đường ruột ốc. Ông tướng lại theo mưu kế của bố, buộc chỉ vào hai con kiến lớn, một đầu bôi mật và quả thành công.

Nhận thấy tài năng của ông, vua Nhật toan ban cho chức tước, nhưng ông ta chỉ xin phép cho bố mẹ mình đang trốn tránh được về ở kinh đô.

Trong truyện thứ hai cũng có một ông chúa ra lệnh thủ tiêu tất cả người già. Một chàng hiếu tử cõng mẹ vào rừng sâu đi trốn. Bà già thả cành lá ở những chỗ đường rẽ. Con hỏi mẹ, mẹ cười không đáp, nhưng khi con về nhờ có cành lá mới nhận ra đường.

Sau đó con lại cõng mẹ về giấu ở chạn lúa. Lúc này chúa ra lệnh phải nộp một dây bằng tro và một thân cây làm sao cho đầu và đuôi to nặng bằng nhau. Mọi người không làm sao nghĩ ra. Chàng hiếu tử hỏi bà mẹ. Mẹ bày cho con bện dây rơm rồi đốt để có dây bằng tro; và đánh nhiều vào đằng đầu cây rồi đem nhúng nước, ngấm nước thân sẽ phồng to như đằng gốc, thả xuống nước nặng ngang như gốc. Khi đưa nộp, chúa hỏi ai bày, anh không dám giấu sự thực. Chúa mới nhận ra một sự thực: kinh nghiệm của người già giúp ích cho xã hội. Bèn bãi lệnh giết người già và bảo chàng hiếu tử về chăm sóc mẹ[3].

1. Theo Ga-rin (Garine). Sách đã dẫn.
2. Tình tiết này giống với tình tiết trong Truyện *Trạng Quỳnh* của Việt-nam.
3. Theo Nắng Mai Hồng. *Chàng láu giết rồng.*

Giống với truyện Nhật-bản, người Bun-ga-ri (Bulgarie) cũng có truyện *Tại sao phải kính trọng người già*? Ở đây cũng có một ông vua tàn bạo hạ lệnh giết người già. Chỉ còn sót lại một người bố của một quý tộc giấu ở một nơi bí mật. Vua có con ngựa quý bất kham, theo lời mụ phù thủy, vua bắt các quý tộc phải nộp dây thòng lọng bằng cát mới thuần được. Nhờ người bố bày mưu "tâu với vua xin một cái làm mẫu", nên vua đình chỉ lệnh ấy. Sau đó gặp đại hạn kho lẫm trống rỗng, vua ra lệnh tìm cho được hạt giống, nếu không sẽ xử tử. Nhờ người bố bày mưu bảo nông dân đi đào các tổ kiến nên kiếm được hạt giống. Vua khen, hỏi: - "Ai bày?" - "Nếu tôi nói thật, bệ hạ sẽ giết tôi mất". - "Ta sẽ không chạm đến sợi tóc của ngươi".

Khi biết sự thật, vua bãi lệnh giết người già, lại bắt dân không được coi thường người già; ra đường phải nhường họ đi trước[1].

Ba truyện trên đều có nguồn gốc từ Ấn-độ. Trong *Đại tạng kinh* có kể: xưa có một nước tên là Khí-lão (loại bỏ người già). Một viên quan có hiếu cũng đào lỗ cho bố trốn tránh, có một vị thần bắt ông vua nước ấy phải giải đáp các câu hỏi, nếu không trả lời được thì trong bảy ngày sẽ phá tan tành cả nước. Cũng như trên, ông vua ấy nhờ có bố viên quan mà giải đáp được: lần đầu chỉ đúng hai con rắn đực cái, lần thứ hai chỉ đúng gốc và ngọn của khúc gỗ. Và cũng nhờ đó cái lệnh duổi người già bị bãi bỏ[2].

Trong *Tạp bảo tạng kinh* có đến hai truyện cũng một chủ đề như trên nhưng ở đây lại dùng kinh điển tôn giáo để giải đáp một số các câu đố, v.v...[3].

Một loạt truyện khác tuy hình tượng không giống với các truyện trên nhưng lại cùng một chủ đề tức là dùng thông minh để biện bạch giúp những người bị phân xử bất công. Sau đây là một vài truyện:

Truyện Mã-lai (Malaysia):

Một người mượn búa của người khác. Khi người này đòi, hắn nói búa đã bị mối ăn mất. Vua sai hoẵng Pơ-lăng-đốc xử. Hoẵng dội nước uốt lông rồi lăn lên trên tro. Vua hỏi: - "Sao lại bẩn thế?" -"Tôi đi tắm thấy biển nổi lửa, tôi phải giập cho tắt nên lông đầy tro". - "Làm sao lại có biển nổi lửa được nhỉ". Người kia nói theo: - "Tôi chưa từng thấy bao giờ". Hoẵng liền đáp: - "Đúng

1. Theo Nắng Mai Hồng. *Chàng láu giết rồng*.
2. Theo *BEFEO*, tập XV, số 3 (1915).
3. Theo Sa-van-nơ (Chavannes). Sách đã dẫn.

thế. Cũng giống như búa sắt vậy, tôi chưa từng thấy mối ăn bao giờ". Vua bắt người kia phải bồi.

Truyện Ấn-độ:

Một tên trộm bắt trộm một con ngựa đang buộc ở cây, người ta đưa nó ra quan tòa chồn, hắn đổ cho cây ăn mất ngựa. Quan tòa nói: - "Đêm qua biển nổi lửa ta phải ôm từng ôm rạ quẳng vào lửa để giập tắt, nay ta mệt không xử được, hãy để đến mai". Tên trộm nói: - "Làm sao ngài lại làm tắt lửa bằng rạ được?" - "Thế thì làm sao lại có cây nuốt ngựa được".

Truyện Ấn-độ (vùng Păng-jáp (Pendjab)):

Một con ngựa con mới đẻ trong đêm. Sáng ra thấy nó đứng ở gần một cái máy ép dầu, chủ máy này nhận là của mình. Vua xử cho hắn được. Chủ ngựa cầu cứu với chồn. Chồn đến trước vua làm bộ ngã hai ba lần, ngất đi. Vua hỏi lý do. Đáp: - "Đêm qua biển bốc lửa, tôi phải múc nước dội để giập tắt nên mệt quá!" - "Mày nói gì lạ lùng vậy. Làm gì có biển bốc lửa". - "Cũng vậy thôi! Làm gì có máy ép dầu đẻ ra ngựa"[1].

Truyện Căm-pu-chia:

Có hai người đặt bẫy thú: một người đặt dưới đất, một người đặt trên cây. Sáng dậy người sau đi thăm trước, thấy bẫy người trước được một con hươu, còn của mình không có gì cả. Bèn bắt hươu bỏ vào bẫy của mình. Việc đưa lên quan, quan xử cho người có bẫy trên cây được. Thỏ bày giúp người đặt bẫy dưới đất nói với quan rằng vì thấy một đàn cá leo lên cây hái quả ăn, nên đến hầu chậm. Quan đập bàn: - "Nói không thể tin được. Đời thuở nào có cá trèo cây". - "Vậy thì, thỏ đáp, đời thuở nào có hươu trèo cây chui vào bẫy"[2].

Xem thêm truyện *Trạng Hiền* (số **81**) sau đây, và truyện *Gái ngoan dạy chồng* (số **88**).

1. Dẫn theo Các-đông (Cardon). Sách đã dẫn.
2. Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*, đã dẫn.

81. TRẠNG HIỀN

Vào thời nhà Trần, ở một làng nọ bây giờ thuộc về Nam-định có một em bé tên là Hiền. Hiền được cha mẹ cạo đầu làm tiểu, cho ở với một ông sư trên chùa. Hàng ngày, Hiền phải hầu hạ sư, quét dọn chùa và làm các công việc vặt rồi mới được sư dạy cho học. Thế nhưng Hiền học một biết mười, chả mấy chốc đã nổi tiếng thần đồng.

Một hôm, Hiền quét chùa, nhân đề nghịch vào lưng một pho tượng mấy chữ "đày ba ngàn dặm". Đêm ấy hòa thượng trụ trì nằm mộng thấy một vị tôn giả đến từ giã mình, bảo rằng có việc phải đi xa. Tỉnh dậy hòa thượng trong bụng lấy làm phân vân, khi nhìn thấy lưng tượng Phật có mấy chữ Hán, đoán biết là chữ của Hiền, vội quát bắt phải lấy nước rửa ngay. Đêm hôm ấy hòa thượng lại mộng thấy vị tôn giả tới cảm ơn mình. Từ đấy cả chùa đều đoán Hiền sẽ làm nên sự nghiệp hơn người.

Năm 12 tuổi, Hiền đi thi và đậu luôn Trạng nguyên. Khi Hiền vào bái mạng trước sân rồng, vua thấy Trạng bé loắt choắt trong bộ áo mũ quá khổ, bèn phán hỏi:

- Trạng học với ai?

Hiền đáp ngay:

- Tâu bệ hạ, tôi lúc nhỏ ở chùa không học với ai cả, chỉ khi nào không hiểu mới hỏi nhà sư một vài chữ mà thôi.

Vua thấy Trạng đối đáp cộc lốc, cho là trẻ con chưa biết lễ phép, bèn cho Trạng về nhà học lễ phép trong ba năm, sẽ lại cho làm quan.

*

* *

Hồi ấy có sứ nhà Nguyên đưa sang ta một câu đố để thử xem nước Nam có nhân tài chăng. Triều đình nhà Trần mở quốc thư ra chỉ thấy có bốn câu thơ chữ Hán:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,
Tứ sơn điên đảo sơn.
Lưỡng vương tranh nhất quốc,
Tứ khẩu tung hoành gian[1].

Cả vua lẫn quan đều ngẩn ra, không biết làm sao mà đoán được. Mấy ông cụ già trong Viện Hàn lâm, trong Quốc tử giám vắt óc suy nghĩ nhưng lâu lắm vẫn không tìm được câu trả lời. Mãi về sau có người nhớ tới Trạng Hiền, vua vội sai một viên quan văn đi mời ngay Trạng về triều để may ra có thể giải quyết được điều bối rối cho cả triều thần.

Viên quan không quản ngày đêm, phi ngựa nước đại tìm về làng Trạng. Thấy một lũ trẻ đang đùa nghịch ở gốc đa đầu làng, quan thử ra một câu đối để dò xem Trạng có mặt trong đám ấy chăng:

- Tự (字) là chữ, cất giằng đầu, chữ tử (子) là con: con ai con ấy?

Hiền tay vẫn chơi đùa, miệng đáp lại ngay:

- Vu (于) là chưng, chặt ngang lưng, chữ đinh (丁) là đứa: đứa nào đứa này.

Đáp đoạn, bỏ chạy về nhà. Khi viên quan tìm được vào nhà thì thấy Hiền đang đun bếp. Hắn lại ra một câu đối:

- *Ngô văn quân tử viễn bào trù, hà tu mị táo* (Tôi nghe người quân tử xa chỗ bếp núc, sao lại nịnh ông Bếp).

Hiền đối lại:

- *Ngã bản hữu quan cư đỉnh nại, khả tạm điều canh* (Ta vốn ở ngôi khanh tướng nhưng nay tạm nêm canh).

Biết đích là Trạng, viên quan đưa chiếu chỉ của nhà vua ra, mời Trạng về triều để hỏi một việc quan trọng. Nhưng Hiền lắc đầu nói: - "Trước

1. Bốn câu thơ này nghĩa là:
Hai mặt trời bằng đầu nhau (đồng thời có nghĩa là có hai chữ nhật (日)).
Bốn hòn núi nghiêng ngả (tức là có bốn chữ sơn (山)).
Hai vua tranh một nước (tức là có hai chữ vương (王)).
Bốn miệng ngang dọc trong khoảng đó (tức là có bốn chữ khẩu (口)).

đây vua bảo ta không biết lễ phép, nhưng chính vua cũng không biết lễ phép nữa là ai". Nói rồi nhất định không chịu đi.

Về sau vua phải cho quân gia mang cờ quạt võng lọng đến đón Hiền vào triều. Trước mặt sứ thần của một cường quốc, ông trạng nhỏ tuổi ấy cầm cục than viết ra một chữ "điền" (田) giữa sân rồng. Thấy giải đáp đúng, sứ thần lặng lẽ rút lui. Vua và đình thần thở dài khoan khoái. Về sau, vua ban thưởng cho Trạng rất hậu và tuy Trạng còn ít tuổi cũng phong chức thượng thư[1].

1. Theo *Nam hải dị nhân liệt truyện* của Phan Kế Bính. Xem thêm truyện *Nợ như chúa Chổm* (số **44**).

82. THẦN GIỮ CỦA

Ngày xưa ở vạn Lai-triều thuộc trấn Sơn-nam có một người lái buôn nước ngoài sang ta sinh cơ lập nghiệp. Sau mấy chục năm nhờ có mánh khóe tích trữ: buôn lúc đầu mùa, bán khi giáp hạt, lãi mẹ đẻ lãi con, hắn trở nên giàu có lớn. Trong nhà hắn vàng bạc châu báu kể có ức vạn, những tay vương hầu cơ hồ không có ai ăn đứt.

Khi trong tay đã có tiền ròng bạc chảy, hắn nghĩ đến chuyện chuyển của về nước để cho con cháu ở bên đó hưởng. Nhưng ngặt một nỗi hồi ấy triều đình ta có lệnh cấm rất nghiêm, không cho khách buôn nước ngoài đưa vàng bạc ra khỏi bờ cõi. Đã có nhiều người lén lút đưa ra nhưng không che được mắt nhà chức trách nên của cải bị tịch thu, còn người thì bị đuổi ra khỏi nước. Vì thế, hắn mới nghĩ cách chôn giấu một số vàng bạc ở bên này để rồi ngày sau, chờ khi có cơ hội tốt, con cháu hắn sẽ sang lấy về. Hắn chuẩn bị việc đó rất kỹ lưỡng. Lấy cớ thờ Phật, hắn sẽ xin phép làng sở tại dựng một ngôi chùa trên một cái đồi hoang ở gần nhà. Và trong khi đào móng làm chùa, hắn sẽ bí mật xây một cái hầm chôn của ăn sâu xuống dưới đất. Còn việc bảo đảm cho của khỏi mất, hắn sẽ tìm một người con gái đồng trinh chôn luôn bên cạnh vàng bạc để làm thần giữ của. Nếu không phải là người hô đúng tín hiệu mà hắn ước hẹn với thần thì đừng hòng đưa một ly của cải lên khỏi mặt đất. Thần sẽ vật chết bất cứ một người lạ nào đến cửa hầm. Khi mưu tính đã kỹ lưỡng, hắn bèn để ý đi tìm một người con gái đồng trinh.

Hồi ấy ở trong vùng có một ông giám sinh, nhà không một mảnh đất cắm dùi. Ông có một người con gái tuổi mới mười tám, chưa có chồng. Nghe tin, người khách buôn vội mang cau rượu đến hỏi cô gái về làm

vợ lẽ. Tuy biết hắn giàu có, con mình có thể được nơi nương tựa, nhưng ông giám sinh không chút bằng lòng vì không những ông không muốn gả con cho người nước ngoài mà ông còn ghét cái thói con buôn, cho vay nặng lãi của những bọn như hắn. Hắn cũng biết thế, bèn đặt lên mâm một trăm lạng vàng, nói là xin đưa làm sính lễ. Trông thấy những nén vàng sáng chói, ông giám sinh nghĩ đến mấy món nợ chưa cách gì trả được. Cuối cùng ông đành nhận lời gả con cho hắn.

Từ khi lấy vợ về, người khách buôn cho nàng ở một buồng riêng. Hắn rất chăm chút, rất ghen tuông, nhưng có một điều là chẳng bao giờ ăn nằm với nàng. Cả đến cá thịt hành tỏi, hắn cũng không cho ăn, lấy có là phải ăn chay niệm Phật. Ba tháng một lần, hắn lại cho nàng một bộ xống áo mới.

Cứ như thế sau hai năm, cô gái vẫn phòng không bóng chiếc.

Một hôm, nàng cố xin phép chồng về nhà thăm cha. Từ chối mãi không được, bất đắc dĩ hắn phải để cho đi nhưng căn dặn phải kiêng khem và phải trở về ngay. Cha con lâu ngày gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Ông giám sinh tỉ tê hỏi:

- Từ khi con ra đi, cha rất hối hận. Nếu nhà ta không túng đói thì con đâu chịu cảnh lẽ mọn này. Vậy thường ngày nó đối đãi với con ra làm sao? Vì sao về đã hai năm vẫn chưa sinh nở gì cả?

Nghe cha hỏi thế, cô gái khóc lóc kể hết sự tình. Ông giám sinh ngạc nhiên:

- Thôi rồi! Chắc là nó chọn con làm thần giữ của, không nghi ngờ gì nữa. Vậy con có thấy trong nhà nó có chuyện gì lạ không?

- Trước kia, ăn cơm tối xong là nó khóa cửa ngủ ngay. Chỉ có độ vài tháng nay tối nào cũng thấy bố con nhà nó vác cuốc thuổng đi, gần sáng mới lại về.

Nghe nói, ông giám sinh kêu lên: - "Thế là việc sắp đến nơi rồi đó!". Suy nghĩ một chốc, ông đi lấy hạt vừng và hạt cải gói lại một gói đưa cho con và dặn rằng:

- Con hãy về sớm cho nó khỏi ngờ. Hễ lúc nào nó đem con đi đâu thì nhớ rắc những hạt này xuống bên lối đi, để cho cha biết mà tìm.

Từ đó, ông giám sinh đến thăm con luôn: có khi ba ngày một lần, có khi năm ngày một lần. Ông không vào nhà rể, chỉ đứng ngoài cổng nhìn vào. Hễ thấy mặt con gái, ông mới yên tâm lui gót.

Một lần ông giỏ bận chút việc chưa đến được. Mãi mười ngày sau mới tới thì đã không thấy bóng con đâu nữa. Chờ lâu sốt ruột, ông vội bước vào nhà rể, làm bộ tới thăm. Người lái buôn thấy ông đến, lăng xăng tiếp đón ra chừng thân mật. Hắn cho ông biết là vợ mình còn bận lên kinh đô cất hàng chưa về. Ông giám sinh vẫn giữ vẻ mặt tự nhiên, nhận lời mời của rể ngồi lại ăn cơm trưa. Thừa dịp đi tiểu, ông ra sau vườn nhìn quanh nhìn quất, quả thấy hai bên lối đi dẫn ra đồng, vừng và cải đã mọc xanh lăn tăn như đánh dấu.

Lập tức, ông đi một mạch đến dinh trấn Sơn-nam. Trước mặt quan trấn thủ, ông trình bày mọi việc xảy ra. Quan trấn thủ liền điểm lấy năm trăm quân sĩ đi suốt đêm về vạn Lai-triều. Cho đòi người lái buôn nước ngoài đến đối chất thì hắn chối lấy chối để. Người ta theo chân ông giám sinh lần theo con đường mà vừng và cải đã kín đáo mách hộ, đi cách nhà người khách chừng nửa dặm, thì đã thấy một cái am con vừa mới xây xong trên một cái đồi hoang. Ông giám sinh thưa: -"Hắn chỗ này chú không sai. Xin cho đào lên để khám!". Nhưng người rể của ông nhất định không chịu. Hắn lấy có động mạch đất có quan hệ với vận mệnh nhà hắn nên cố tình không cho lính đào.

Liền đó, quan trấn thủ bắt hai bên làm tờ cam kết. Nếu đào không thấy gì thì ông giám sinh phải bỏ tiền ra xây lại am và phải bồi thường thiệt hại cho chàng rể. Trái lại, nếu phát hiện được tiền nong của cải gì thì người chủ cái am đó không được nhận. Giấy làm xong, người khách buôn không chịu ký, nhưng cũng nhất định không chịu thú nhận. Thấy thế, quan lại càng ngờ vực, liền hạ lệnh cho lính cứ đào ngay, sự chủ muốn hay không cũng mặc.

Mới đào được một khoảng rộng bằng cái nong thì đã thấy hiện ra một bờ gạch xây chìm. Bờ gạch chạy dài chừng một gian nhà, sâu xuống ngập đầu người, trên xây theo lối cuốn bằng gạch Bát-tràng rất kiên cố.

Trong khi người khách buôn lăn ra khóc nức nở thì một toán lính đã tìm được cửa hầm. Lớp gạch vừa đổ xuống đã hiện ra ánh sáng le lói

của hai ngọn đèn. Họ đi lần vào thì thấy cô gái ngồi bên cạnh đèn, trên một cái ghế dựa bằng đá, đầu gục xuống, hai chân dạng ra hai bên, mỗi chân đạp lên một cái cong lớn. Ông giám sinh mếu máo ôm chầm lấy con. Nhưng ông không sao nhấc con lên được vì hai tay cô gái đã bị trói vào bành ghế mà miệng thì bị gắn kín bằng nhựa. Nậy nhựa ra thấy trong có một củ nhân sâm chưa tan hết. Ngực nàng vẫn còn đập thoi thóp. Người ta vội vực lên để cứu chữa, đồng thời đóng gông tên lái buôn gian ác giải đi.

Khi toán lính soát mọi vật thì thấy hai cái cong mà cô gái đạp chân lên, mỗi cong có đề mấy chữ: "Một nghìn cân hoàng kim". Bên tả bên hữu có hai dãy cong nhỏ mỗi dãy mười cái, ngoài đều có chữ đề: "Năm trăm cân bạch kim". Mở ra điểm lại, đúng như số đã đề. Hai cây đèn cũng một bằng vàng, một bằng bạc.

Nhờ được sự chăm sóc chu đáo nên cô gái dần dần tỉnh lại. Nghe kể chuyện, người ta mới biết là cô bị chôn sống đã được mười ngày. Quan trấn thủ chia số của cải đó ra làm ba: cha con ông giám sinh được hưởng một phần, còn bao nhiêu tịch thu làm của công. Còn người lái buôn bị đem ra pháp trường xử trảm[1].

1. Theo *Sơn cư tạp thuật.*

83. KẺ TRỘM DẠY HỌC TRÒ

Ngày xưa có một tay ăn trộm lành nghề. Lão ta thấy mình tuổi già sức yếu nên muốn truyền cái bí quyết của lối sinh nhai "trèo tường khoét vách" cho một vài đồ đệ. Có nhiều người tới xin nhập môn, nhưng đối với ai lão cũng buộc một điều kiện là phải chịu một cuộc thử thách bằng cách đi "ăn sương" với lão một đêm để cho lão xem thử bản lĩnh ra sao rồi mới chịu dạy.

Cách xã có một anh chàng tên là Được mang một mâm xôi gà tới xin theo học. Thấy hắn có vẻ khờ khạo, chậm chạp, lão ăn trộm không muốn nhận. Nhưng vì hắn nài nỉ dữ quá nên lão bảo: -"Thôi được! Tối nay con đến đây, chúng ta cùng đi một chuyến. Có thế nào sẽ hay".

Tối hôm ấy, thầy bảo trò nai nịt chỉnh tề rồi dẫn nhau sang thôn bên cạnh. Sau khi cắt giậu, hai người lẻn vào một nhà nọ. Thầy ghé vào tai trò: -"Đây là nhà một người đàn bà góa. Nhà nó buôn vải. Hôm nay chúng nó đi vắng cả, chỉ có một người con gái giữ nhà. Cái bọc vải để ở đầu giường, con tha hồ mà chọn".

Thế rồi thầy khoét vách cho trò chui vào. Được quả tìm thấy chỗ cất vải. Nhưng giữa khi hắn đang sờ soạng để phân biệt giá trị từng tấm thì bỗng nghe tiếng thầy ở ngoài cổng kêu toáng lên: -"Có trộm! Có trộm!". Hắn hết hồn, toan tìm đường tháo thân thì cô gái đã choàng dậy ôm chặt lấy hắn. Hắn chống cự lại nhưng cô gái đã kịp thời nắm lấy búi tóc hắn vừa sổ ra, đồng thời kêu cứu rất dữ dội.

Được bối rối không biết làm thế nào cả, đành mếu máo gọi thầy:

- Thầy ơi! Nó nắm lấy tóc con rồi!

- Con đừng sợ - tiếng lão ăn trộm trả lời - chỉ sợ nó nắm lấy mũi không cắt được, còn như nắm tóc, con cứ cắt phăng đi là thoát.

Nghe nói thế cô gái vội buông tóc mà nắm lấy mũi. Nhưng cũng chính nhờ thế, Được đã giật ra được ngay, và hắn vùng trốn thoát một cách dễ dàng.

Bấy giờ, nghe tiếng kêu cứu, bốn phía đổ ra rất đông đuổi theo tên trộm. Trong lúc nguy cấp, Được không quản ngại gai góc chạy tuông vào một bụi tre bên vệ đường. Tuy bị gai tre cào rách cả da thịt nhưng Được yên tâm vì chẳng một ai tìm thấy mình cả.

Khi yên lặng đã trở lại với hắn, hắn tìm lối ra nhưng bụi tre kín quá không tài nào lách mình được. Mấy lần hắn toan liều chui ra, nhưng thấy gai tre tua tủa đâm rất đau lại thụt trở vào. Cuối cùng hắn đành chịu nằm chết dí trong đó suốt đêm.

Tờ mờ sáng hôm sau hắn vẫn không dám chui ra. May làm sao bỗng thấy vợ thầy học đi chợ qua đó, hắn bèn ra hiệu cho vợ thầy lại gần rồi nói nhỏ nhờ về báo tin cho thầy biết để tìm cách cứu mình một tý. Chẳng ngờ lão ăn trộm tới, đã chẳng giúp được hắn chút gì, lại còn đột ngột la làng mấy tiếng: -"Ối làng nước! Có tên trộm trốn ở đây!". Thấy thế, Được không còn hồn vía nào nữa, chui nhào chui nháo ra khỏi bụi tre và lủi về nhà một mạch.

*

* *

Người thứ hai thụ giáo với lão ăn trộm là một chàng thông minh lanh lợi tên là Lâu. Tuân theo đúng thể lệ của thầy, hắn vui lòng chịu trải qua một cuộc thử thách như những kẻ khác. Đêm ấy, hai thầy trò dắt nhau đến rình ở nhà một phú ông gần miền. Nhờ có tài nghệ của thầy nên mặc dầu nhà phú ông tường cao cửa kín, Lâu cũng lọt vào buồng một cách dễ dàng. Khi đã vào đến nơi, Lâu thấy thầy cầm chiếc chìa khóa mở một cái rương sập[1] rồi bảo mình chui vào: - "Đấy! Đồ quý vật lạ của nhà nó đều để ở trong đó cả, con muốn chọn thứ gì thì chọn!". Lâu nghe lời chui vào. Nhưng khi Lâu đang sờ soạng thì bỗng nhiên thầy đã đậy sập nắp rương lại. Hắn chưa hiểu thế nào cả thì đã nghe tiếng chìa khóa rút khỏi ổ và tiếng chân thầy lui gót. Không ngờ thầy lại thử mình một cách ngược đời như thế, Lâu điếng người, thầm nghĩ đến những hình phạt sẽ đón chờ mình chỉ vì ông thầy lập tâm chơi ác.

1. Một thứ hòm lớn trên mặt rộng bằng tấm phản có thể nằm lên để giữ, dưới có bốn bánh xe để di chuyển, nên cũng gọi là "rương xe".

Nhưng sau một lúc lâu ngồi thù trong rương, hắn bỗng nghĩ ra được một kế để thoát khỏi chốn nguy hiểm. Hắn bèn lấy một cái áo thụng mặc vào, trên đầu trùm một cái mũ quan viên che lấp cả mắt. Thế rồi Lâu co chân đạp đùng đùng vào thành rương, vừa đạp vừa thét theo bộ điệu của con đồng bị thánh ốp:

- Hỡi hỡi gia chủ! Mau mau dậy cho ta truyền bảo!

Nghe tiếng động, cả nhà phú ông hoảng hốt tỉnh dậy và chạy đến bên rương. Họ rất lấy làm kinh ngạc khi nghe trong đó có tiếng nói huyền bí phát ra: -"Ta là tài thần từ lâu nay đã làm cho chúng mày giàu có... Nay ta hiện về đây ban lộc cho chúng mày... Chúng mày hãy mở khóa rương đón ta ra...". Phú ông chưa bao giờ lại thấy có sự lạ lùng như thế, vừa sợ vừa mừng, vội vái lấy vái để, khấn xin tài thần hãy lưu lại một chốc để mình biện cỗ bàn rước đi.

Nói xong, một mặt hắn hối hả giục người nhà giết lợn đồ xôi, một mặt cho con đi mời làng tới dự. Người ta đổ xô tới đông nghịt. Ai nấy đều hồi hộp đợi chờ; trong lúc cả nhà phú ông mỗi người một nén hương cầm tay hướng về phía rương mà vái lạy xì xụp. Và khi nắp rương vừa mở, thì anh chàng Lâu, khăn đỏ trùm kín mặt, nhảy phóc ra, thét với mọi người: -"Hãy theo ta ra đình!". Đoạn hắn khoa chân múa tay rồi chạy một mạch ra khỏi cổng, có cả đoàn người theo sau với một dáng điệu vô cùng kính cẩn.

Đến đình làng. Lâu ung dung bước vào thượng điện rồi nhảy lên ngồi trên ngai thờ, mặt vẫn trùm khăn kín mít. Hắn phán: -"Đặt cỗ xuống đấy rồi lui ra ngoài sân. Đứa nào vào trong điện sẽ phạt hộc máu tức khắc!".

Nghe nói thế, mọi người chen nhau ra ngoài. Bấy giờ, trong đám đông có anh chàng Được thấy chuyện lạ cũng tìm đến xem. Nhưng khi nghe giọng nói tài thần thì hắn lấy làm ngờ, đoán chắc là bạn học của mình ở đây rồi, mới chạy vào để xem cho biết. Tuy mọi người can gián, nhưng Được không nghe, quyết vào cho được. Khi thấy rõ tài thần chẳng phải ai khác mà là Lâu, hắn cười hì hì, đòi chia phần. Lâu ra hiệu bảo im và nói: -"Được rồi! Anh đừng làm ầm ỹ lên. Tôi thề rằng thế nào cũng chia cho anh một phần" - "Thề thế nào?" -"Anh thè lưỡi tôi liếm rồi tôi thè lưỡi anh liếm. Nếu kẻ nào làm sai thì trời tru đất diệt".

Nhưng Được vừa kịp trèo lên bệ và thè lưỡi ra thì đã bị Lâu dùng răng cắn cho hắn một cái rất mạnh. Mọi người thấy hắn hốt hoảng từ trong điện chạy ra mồm nói ú ớ, máu trào đỏ ngầu thì lại càng bội phần sợ hãi, cho là thần rất thiêng, vội chạy tản tác mỗi người một nơi. Nhờ thế Lâu thừa cơ trốn về nhà vô sự[1].

KHẢO DỊ

Trương Vĩnh Ký có kể một truyện khôi hài giống với truyện trên ở phần đầu:

Một anh mê gái nhưng lại nhút nhát, mới nhờ một người thạo đời giúp đỡ. Đêm lại, cả hai đi đến nhà cô gái; thầy bảo trò cứ vào mà ghẹo, có mình giúp sức ở ngoài. Hắn lọt được vào giường cô gái giữa lúc cô đang nằm ngủ. Không ngờ cô gái tỉnh dậy và chộp lấy tóc. Hắn sợ quá kêu lên: - "Thầy ơi, nó nắm lấy đầu tôi!". Ở ngoài trả lời: - "Không lo gì, nó nắm mũi mới sợ kia". Cô gái nghe vậy liền buông tóc nắm lấy mũi, hắn ta giật ra được chạy về [2].

Về chỗ thầy nhốt Lâu vào rương, người Nùng có truyện *Hai tên ăn trộm* cũng có tình tiết tương tự:

Có hai tên ăn trộm thiện nghệ là Vạt Cỏ Dàu và Dàu Cỏ Vạt quen nhau, cùng rủ nhau đi ăn sương. Vạt Cỏ Dàu không có bụng thành thật, ngầm mưu làm hại bạn ba lần, nhưng không ngờ Dàu Cỏ Vạt lại cao tay hơn, thoát được, trừ lần thứ ba thì cả hai cùng bị nạn.

Lần thứ hai, hai người vào một nhà giàu, Vạt Cỏ Dàu mở được một tủ bạc cho bạn vào lấy rồi thình lình khóa tủ lại, bỏ về. Cũng tương tự như chàng Lâu trong truyện của ta, Dàu Cỏ Vạt nghĩ kế thoát thân nhưng không quên khoắng một mẻ. Hắn bèn buộc hai gấu quần rồi tuồn đầy vàng bạc vào, lại xé áo mình thành từng dải nhỏ như tiền giấy. Đoạn giả vờ rên thành tiếng mỗi lúc một to. Cả nhà đang ngủ, nghe tiếng, sợ quá, đoán có lẽ vì để lâu không cúng nên vàng bạc hóa thành tinh, bèn trở dậy chuẩn bị lễ vật để cúng. Nhưng khi mở tủ thì Dàu Cỏ Vạt đầu trùm kín nhảy vụt ra, tay cầm bốn thoi vàng bạc múa tít. Ánh vàng bạc sáng chói làm cho cả nhà hoa mắt tin là tinh vàng bạc đã xuất hiện bèn sụp lạy khấn khứa hết lời. Nhè lúc cả nhà không chú ý, Dàu Cỏ Vạt chạy biến đi, vô sự.

1. Theo Lăng-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam.*
2. Trương Vĩnh Ký. *Chuyện khôi hài.*

Lão chủ nhà thấy bạc mất hút, khóc lóc rầm rĩ:

- Ối vàng bạc ôi! Sao nỡ bỏ ta mà đi [1].

Đồng bào Tày cũng có một truyện tương tự với truyện vừa kể.

Có hai tay đại bợm kết làm bạn thân, một người là Trăm Mưu một người là Nghìn Kế, người sau tỏ ra vượt lên trên người trước một bậc. Sau những lần cùng rủ nhau đi "ăn sương", một hôm Trăm Mưu theo Nghìn Kế vào một nhà phú hộ. Ở đây Nghìn Kế mở tủ chui vào bảo Trăm Mưu khóa lại đi về, hẹn chiều mai vào lúc tắt bóng mặt trời đợi nhau ở bãi tha ma.

Ngày hôm sau, khi phú ông toan mở tủ thì bỗng nghe tiếng rên ở trong. Hắn hốt hoảng hỏi: - "Ai trong đó?" - "Ta là tổ nhà mày, bao nhiêu lần phù hộ cho chúng mày giàu có, chúng mày mau mau cúng lễ để đưa ta ra mồ". Phú ông và cả nhà xì xụp quỳ lạy. Tiếng ở trong tủ lại nói: - "Chập tối chiều nay mang mọi thứ theo ta, không được chậm trễ".

Chiều lại, phú ông mở tủ ra, Nghìn Kế đã trùm kín mặt, nhảy vọt ra khoa chân múa tay, đi ra khỏi cổng. Phú ông hối hả bảo con cháu gánh gồng lễ mễ đi theo. Đến bãi tha ma phú ông càng ngạc nhiên khi nghe ông tổ gọi bà tổ, và nhìn vào bụi cây quả có một cái bóng khác hiện ra cũng trùm vải kín. Ông tổ còn nói: - "Bà nó xem có cần giữ đứa nào trong đám con cháu lại hầu hạ không thì giữ". Nghe nói thế, phú ông và con cháu hoảng quá, quẳng gánh lại, ba chân bốn cẳng chạy mất. Hai tên bợm chỉ còn việc khiêng về chia nhau[2].

Về chỗ hai nhân vật thè lưỡi liếm nhau làm tin, truyện cổ tích thế giới cũng có tình tiết tương tự, tuy rằng nội dung nhiều truyện khác của ta.

Truyện của người Khơ-me (Khmer):

Một người đàn bà láu lỉnh chơi cho bốn tên ăn trộm một vố, và giam chúng trong một chiếc tàu của một người Trung-quốc. Bà ta trở về nhà được nửa đường, gặp trời tối, bèn leo lên cây đợi sáng. Không ngờ bốn tên trộm tìm cách thoát ra khỏi tàu rồi cũng đi đến đấy vào lúc nửa đêm. Trời tối như mực, ba đứa trèo lên những cành phía dưới, chỉ có một đứa trèo lên ngọn. Gặp lại người đàn bà, hắn toan báo thù. Người đàn bà cho hắn tiền và hứa sẽ lấy hắn làm chồng. Bợm ta chấp thuận nhưng đòi phải có gì để làm tin. Người đàn bà bảo hai bên hôn nhau bằng lưỡi, sau đó người đàn bà cắn đứt chót lưỡi của

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*.
2. Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày Nùng*.

hắn và xô hắn xuống. Bọm không còn nói được, chỉ kêu lên những tiếng: "lon...lon...". Ba tên kia tưởng người ta đuổi theo bắt, nên bỏ chạy thục mạng (xem thêm ở **Khảo dị** truyện số **191**, tập **V**).

Truyện của người Ấn ở Păng-jáp (Pendjab) cũng gần giống với truyện Khơ-me về chỗ nhân vật chính là một người đàn bà mưu mẹo, chơi cho một bọn trộm nhiều vố cay chua. Vố cuối cùng cũng vào đêm tối, người đàn bà ấy cũng nấp ở trên cây trong khi bọn trộm lại ẩn ở dưới gốc. Biết chúng là đối thủ cũ của mình, người đàn bà hát lên một giọng nho nhỏ, còn tay thì cầm một mảnh vải trắng phe phẩy làm như kiểu tiên xuất hiện. Tên đầu đảng bọn trộm trèo lên cây để tỏ tình với tiên. Người đàn bà nói: - "Con người là chúa lường gạt, hãy thè lưỡi liếm nhau xem thử có thật chăng?". Hắn vừa thè lưỡi thì bị người đàn bà cắn đứt. Lăn xuống gốc cây, hắn chỉ còn kêu được những tiếng: "Bun-a-bun-un-un...". Mấy tên đồ đảng tưởng là bà tiên trừng phạt thói xấu của hắn, bèn bỏ trốn mất cả.

Một số truyện của các dân tộc khác như Xây-lan (Sri Lanka), v.v... cũng có nội dung gần với truyện trên, nhưng tình tiết cắn lưỡi tên trộm được thay bằng việc dùng dao cắt lưỡi [1].

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren.*

84. CON MỤ LƯỜNG

Ngày xưa, có hai vợ chồng một người phú thương trẻ tuổi. Chồng thường dong buồm chạy khắp trong Nam ngoài Bắc và các nước xa xôi, chuyên bán hàng đi và cất hàng về.

Một ngày kia, thuyền đã chứa đầy hàng, chồng từ giã vợ ra đi. Chàng chưa từng đến Hạ-châu bao giờ nhưng vốn nghe xứ này buôn bán dễ dàng, có thể phất to, nên quyết định đi thử một chuyến.

Thuyền đi ra biển suốt năm ngày đêm mới tới thị trấn này. Chàng bảo thủy thủ bỏ neo ở một bến tấp nập nhất, rồi lên bộ tìm nơi nghỉ trọ và tìm mối bán hàng. Nhưng vừa lên bờ, đã thấy một ngôi lầu đồ sộ trên bến. Đang đứng ngẩn ra nhìn thì bỗng cửa lầu mở toang. Chủ nhân là một người đàn bà sang trọng bước ra vái chào rất cung kính và cất tiếng nói dịu ngọt mời mọc: - "Chúng tôi nghe nói ngài có một thuyền hàng mới cập bến. Chúng tôi mong muốn được làm quen và được giao thiệp lâu dài. Nếu không chê tệ xá nhỏ hẹp, xin mời lên nghỉ ngơi trong những ngày thuyền đỗ lại đây".

Đang khi chưa biết nên trả lời thế nào thì đã thấy kẻ hầu hạ của chủ nhân, nam có nữ có, người nào cũng ăn mặc lịch sự ra đón. Phú thương bụng bảo dạ: - "Ta mới đến chân ướt chân ráo chưa hiểu thế nào cả, nhưng trông cung cách người này có vẻ tốt bụng. Biết đâu chả là sự may mắn cho ta trong chuyến đi này".

Nghĩ vậy, chàng vui vẻ nhận lời và cố sức làm cho chủ nhân biết mình không phải là kẻ ngờ nghệch. Lập tức, bọn người hầu không cần chờ lệnh chủ, tỏa ra dọn dẹp lăng xăng khắp nơi. Họ làm cho phú thương và một số gia nhân của mình rất đẹp lòng, vì chưa bao giờ được tiếp đãi nồng hậu đến thế. Chủ dẫn khách đi thăm nhà. Các phòng bày biện nói lên sự giàu có quá sức: những cây đèn bằng vàng, những độc

bình cổ, những đồ dùng quý giá. Phú thương sờ tay vào một con rùa vàng bày trên một chiếc bàn. Nhân thế, chủ nhân liền giới thiệu kỹ món gia bảo đặc sắc đó của tiền nhân mình.

Đêm hôm ấy, một tiệc lớn bày ra, chủ nhân ăn mặc rất mỹ lệ, chuốc chén mời mọi người. Xong tiệc, họ được mời đi nghỉ ở một buồng có những chiếc giường xinh xắn. Không thấy có điều gì đáng ngờ, phú thương và kẻ tùy tùng nằm xuống đánh một giấc ngủ rất ngon lành.

Sáng hôm sau, khi mọi người trở dậy, sự mời mọc lại càng niềm nở. Lại những mâm thức ăn ngon lành bưng ra với những câu mời quyến rũ làm cho phú thương không thể từ chối được.

Thế nhưng, khi phú thương cáo từ trở ra, vừa bước về thuyền thì bỗng thấy cả nhà chủ nhân đổ xô tới: -"Thưa các ngài, nhà chúng tôi vừa mất con rùa vàng mà các ngài đã biết. Vậy có vị nào cầm nhầm hãy cho xin lại".

Mọi người tưởng như nghe tiếng sét. Song phú thương biết tính nết mấy người tùy tùng của mình vốn chả bao giờ cắp trộm gì của ai, nên rất vững tâm. Chàng có ngờ đâu người đàn bà kia chính là con mụ lường gạt nổi tiếng. Hắn có một đám thủ hạ rất đông, chuyên môn cướp của bằng cách bẫy người vào tròng một cách bất ngờ và êm thấm. Mỗi lần làm, hắn làm những món rất to, và thường nhằm vào những khách giàu sang, nhất là những khách nước ngoài mới tới. Ngón độc của hắn đã từng khiến nhiều kẻ mất đứt cả của lẫn người vào tay hắn, nên của cải nhà hắn chứa chất không biết bao nhiêu mà kể.

Hôm đó mụ Lường - tên người ta thường gán cho mụ - thấy có một thuyền buôn mới tới đầy ắp những hàng, mà trông chủ nhân lại chẳng ra vẻ là tay thạo đời. Cho nên mụ quyết cho anh chàng vào tròng. Trong khi phú thương và tùy tùng ăn nghỉ ở nhà mụ, mụ đã sai một số thủ hạ xuống thuyền giả cách xin xem hàng. Chúng mang con rùa vàng theo và lén bỏ vào trong một tấm đoạn.

Thấy mọi người trở mặt vu cho mình ăn cắp và đòi khám thuyền, phú thương nóng mặt, nhất định không cho. Khám thuyền thì phải dỡ hàng mà dỡ hàng là một điều rất phiền và tối kỵ khi chưa bán được một tý gì. Cho nên chàng cũng lý sự:

- Thưa bà, trừ phi có quan chức đến đây, chúng tôi không thể để cho một ai xuống thuyền được.

Mụ Lường vội cho người đi trình quan. Khi bọn quan và lính ở thị trấn đến, mụ trình bày việc mất cắp, đổ riệt cho người nhà phú thương lấy mang đi, và nhất định xin khám thuyền. Phú thương bày tỏ sự thẳng thắn của mình và gia nhân mình, rồi nói:

- Nếu khám không có thì bà tính sao đây?

- Tôi xin "cược" cái nhà lầu và mọi vật ở trong đó. Còn quả có rùa ở trong thuyền ngài thì làm sao?

Phú thương nóng nảy tiếp theo lời mụ:

- Nếu có, tôi cũng xin mất cả thuyền hàng lẫn người ở đây cho bà.

Hai bên lập tức làm giấy ký kết trước mặt quan. Cuộc khám xét bắt đầu. Chỉ một chốc sau, bọn lính đã lôi được con rùa vàng từ trong tấm đoạn ra. Phú thương và gia nhân đờ đẫn cả người. Không còn đường chối cãi, họ đành phải làm theo lời đã ký kết. Thế là cả một thuyền hàng trị giá đến vài trăm vạn quan đều về tay mụ Lường. Phú thương, bọn tùy tùng và thủy thủ đều bị sung làm nô. Theo như luật pháp Hạ-châu quy định, họ phải làm khổ dịch cho chủ nếu không bị bán và nhất thiết không được rời khỏi nơi làm việc.

Từ hôm đó, phú thương phải làm việc quần quật suốt ngày. Chàng bị cắt giữ việc chăn ngựa. Công việc mệt nhọc đó làm cho chàng rã rời tơi tả. Chàng chỉ buồn một nỗi là mụ Lường bắt mỗi người ở một phương, không bao giờ được gặp nhau. Cứ như thế sau ba năm trời, chàng bặt tin của quê hương xứ sở. Nhưng chàng cũng dần dần hiểu rõ mưu mô gian giảo và tình hình trong nhà mụ Lường.

Một hôm đang cho ngựa ăn cỏ ở bến sông, chàng bỗng gặp một đạo sĩ ngồi bên vệ đường. Thấy trước mặt đạo sĩ có bày một quả bưởi, chàng lấy làm lạ, lại hỏi mua ăn. Đạo sĩ lắc đầu:

- Bưởi này không phải bán để ăn đâu.

- Thế thì dùng làm gì?

- Nó dùng để nhắn tin tức với bất cứ một người nào trong thế gian.

Nghe nói thế, chàng nhớ đến người vợ yêu của mình sau ba năm đằng đẵng không một tin tức và chắc đã khóc kiệt nước mắt. Cho nên chàng xoắn xuýt:

- Ngăn sông cách núi, chả biết có dễ đưa đến nơi chăng?

Đạo sĩ đáp:

- Hãy viết một bức thư, dùng dao rạch một chỗ ở đằng cuống rồi nhét thư vào. Đưa ra trước bến này, khấn to tên và chỗ ở của người mà mình muốn nhắn, rồi vứt xuống nước và nói: "Bó bưởi, hãy đi cho được việc!" tự khắc nó sẽ vượt sông vượt biển đến tận tay người đó, dù xa bao nhiêu cũng không thất lạc được.

Tuy không tin gì lắm nhưng chàng cũng mua lấy quả bưởi để cầu sự may rủi. Chàng viết một bức thư rất dài kể tất cả mọi việc xảy ra. Và khi nhìn thấy quả bưởi vượt sóng trôi về phương Bắc, lòng chàng mới thực tràn trề hy vọng.

*

* *

Từ ngày người chồng thân yêu vượt vời thấm thoắt đã ba cái Tết mà không thấy trở về, vợ phú thương hết sức lo buồn. Cả đoàn người trên thuyền không hiểu sao cũng mất bặt không một tin tức. Có lẽ thuyền đã gặp bão, hoặc đã gặp bọn cướp biển và không một mạng nào sống sót. Nghĩ thế nên mọi nhà đã thiết bài vị và để tang. Và nàng đã rơi không biết bao nhiêu là giọt lệ. Dầu vậy, nàng vẫn không chịu tuyệt vọng, hàng ngày vẫn kiên nhẫn ra ngóng những cánh buồm ngoài xa tít.

Một hôm như lệ thường, nàng đang đứng trên bến, chợt trông thấy một quả bưởi trôi ngược dòng. Lấy làm lạ, nàng vội chạy xuống bến đứng xem. Thì lạ sao, quả bưởi lại trôi ngay vào bến và lọt vào tay nàng.

Khi đọc những dòng chữ của chồng, nàng mừng rỡ xiết bao. Nàng rất đỗi căm giận trước những mưu mô điên đảo của con mụ Lường, quyết chí sẽ đến tận nơi cứu chồng và trị cho con mụ một mẻ. Sáng hôm sau, nàng giao nhà cửa con cái cho cha mẹ và xin phép đi tìm chồng. Nàng mang theo một thuyền đầy tơ lụa gấm vóc. Lần này, ngoài số gia nhân và thủy thủ nàng còn đem theo một người thợ kim hoàn. Lại có hai con chuột nhắt nuôi trong một cái lồng sắt nhỏ.

Thuyền lại rẽ sóng tìm đến Hạ-châu, thả neo đúng vào nơi ba năm trước đây thuyền chồng nàng đã đỗ. Mụ Lường thấy có thuyền hàng nước ngoài cập bến mà chủ nhân lại là đàn bà thì mừng quá, quyết làm một mẻ không ngần ngại gì nữa. Tấn tuồng cũ lập tức lại được diễn.

Cũng chào mời đon đả, tiệc tùng chơi nhởi, chị chị em em rất thân mật. Cũng có những người lén đưa rùa vàng xuống thuyền định thực hành kế vu vạ. Nhưng lần này, người thợ kim hoàn đã có lệnh sẵn của chủ, nấp kín một nơi rình từng cử chỉ của chúng. Chờ cho chúng ra về, anh ta bèn trổ hết tài nghệ, thụt bễ một chốc, rùa vàng chảy ra nước và sau đó hóa thành những thoi vàng nén nằm gọn dưới đáy hòm. Cho nên, khi mụ Lường mời quan đến khám thì hắn rất kinh ngạc vì lục soát hết từ mũi chí lái đến mấy lần, vẫn không thấy tăm dạng "con rùa" đâu cả.

Biết là gặp phải tay kình địch "tương kế tựu kế", mụ Lường đành nhận thua cuộc, nhưng liền đó lại nảy ra một mẹo khác. Mụ bảo vợ người phú thương:

- Chúng ta nhận rằng đã mất ngôi lầu này. Nhưng các người phải đánh cuộc với ta một lần thứ hai. Các người có tin rằng ta có cách bắt hai con mèo đội đèn suốt đêm cho một canh bạc không?

Người vợ phú thương, qua thư chồng, đã biết chuyện hai con mèo đội đèn này rồi, song cũng làm bộ ngạc nhiên:

- Làm gì lại có mèo đội đèn được suốt đêm?

- Vậy thì - mụ Lường tiếp - các người có dám cuộc với ta: nếu ta sai khiến được cả hai con mèo đội đèn suốt một đêm thì ngôi lầu kia lại thuộc về chúng ta, nhược bằng không có mèo đội được đèn, hoặc đang đội nửa chừng bỏ dở thì ta lại mất thêm một dinh cơ thứ hai cũng ở trong thị trấn này. Có dám không?

Vợ phú thương vui lòng nhận cuộc. Hai bên lại ký vào giấy và trình quan. Mọi người lại kéo nhau lên lầu nhà mụ Lường vừa đánh bài vừa luôn thể chứng kiến sự việc. Quả nhà mụ có hai con mèo rất khôn được luyện tập từ lâu, mỗi con có thể ngồi uốn người suốt đêm không cụ cựa, trên đầu đội một chiếc đèn thắp ba ngọn nến. Cuộc sát phạt bắt đầu và kéo dài đến canh một, canh hai. Hai con mèo vẫn đội đèn, chưa tỏ dấu hiệu gì là mỏi mệt. Nhưng người vợ phú thương vẫn tỉnh táo. Trước lúc vào cuộc, nàng đã bỏ hai con chuột nhắt vào một cái túi vải. Thế rồi, đến bây giờ nàng mới kín đáo thả thuột ra. Hai con mèo thoáng thấy chuột thì lập tức nhảy tới vồ. Hai cây đèn đổ tung tóe giữa chiếu bạc. Thế là một lần nữa con mụ Lường lại cay đắng thua cuộc.

Nhưng mụ còn cố gỡ. Mụ lại đứng lên, nói:

- Chúng ta đang còn rất nhiều ruộng đất, trâu bò, voi ngựa. Chúng ta còn có rất nhiều thuyền buôn đang tung ra khắp mọi bến. Vậy nếu các người dám đánh cuộc với ta, ta sẽ trồng một cây đã chết khô, chỉ trong một đêm lại xanh trở lại. Nếu làm được như thế, các người phải trả lại tất cả lầu và dinh cơ của ta cho ta. Nếu không, ta sẽ mất với các người tất cả người cũng như mọi của cải. Có dám không?

Người vợ phú thương, cũng qua thư chồng, đã biết đấy là một miếng đất mầu nhiệm ở bên tả cây táo sau nhà. Và cũng ngay trong đêm đánh bài, nàng đã sai gia nhân bí mật lẻn tới đào đất ấy đổ đi một nơi rồi thay vào đó một lớp đất khác. Cho nên nàng nhận cuộc ngay. Phép lạ của mụ Lường vì thế lại mất linh nghiệm. Mụ tái mặt khi thấy qua một đêm, cây khô chẳng xanh lên một tý nào.

Thế là quan chứng nhận ba lần thất bại đều về phần mụ và mụ phải mất cả của lẫn người cho vợ phú thương. Nhờ thế phú thương và những kẻ tùy tùng được trả tự do. Chồng có ngờ đâu có ngày được gặp lại vợ và có ngờ đâu lại giàu gấp mấy trước. Trong một chuyến chở mụ Lường và gia nhân của mụ về nước làm nô lệ, mụ nhảy xuống biển tự tử, vì nghĩ rằng mình không kham được công việc nặng nhọc. Đức Phật cho mụ hóa làm cá he. Người ta nói vì mụ xót của nên lúc nào cũng cứ ngoi lên lặn xuống mãi. Nòi giống cá he sau này vẫn mang thói quen đó[1].

KHẢO DỊ

Có người kể: mụ Lường tức là bà "đầu nậu" làm nghề bắt mối các ghe từ phương xa. Ngoài con rùa, mụ còn có một nải chuối bằng vàng cũng lén bỏ vào thuyền để vu vạ. Ở đây không có việc người thợ kim hoàn thụt bễ biến rùa và chuối vàng thành vàng thoi, mà chỉ là do một người gia nhân vứt xuống biển[2].

Dân tộc Ba-na (Bahnar) (Tây-nguyên) có truyện *Con Dơn* là một dị bản của truyện *Con mụ Lường*:

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
2. Theo Sơn Nam. *Chuyện xưa tích cũ*.

Một anh chàng ghẻ tình cờ tìm được đường lên trời, được ông Trời gả cho cô gái đẹp đem về làm vợ. Một hôm chàng đi chơi lên vùng Con Dơn, nghỉ ở nhà một người nhà giàu, được hắn khoản đãi rất hậu. Nhưng nhè lúc chàng ngủ say, hắn sai người bỏ rùa vàng vào chăn, rồi sáng dậy vu cho chàng lấy cắp có tang chứng. Vì vậy chàng bị bắt giữ làm nô. Vợ chàng ghẻ không thấy chồng lên trời, mới biết là chồng mắc nạn, lại biết được mưu mô xảo quyệt của tên nhà giàu bèn trở về, rồi tìm đến Con Dơn. Đến nơi cũng được tên nhà giàu khoản đãi hậu hĩ. Khi hắn bỏ con rùa để sáng dậy vu vạ thì nàng lén đem rùa bỏ ra sau vườn, nhưng dưới bụng có đặt thêm mấy quả trứng chim. Sáng dậy, hắn đến thì không còn tìm ra rùa, đành phải mất tài sản cho nàng như lời giao ước. Sau đó, khi cùng hắn ra vườn thấy rùa, nàng lại đánh cuộc với hắn, nếu rùa đẻ trứng thì hắn phải thả tất cả mọi người đang bị giam giữ ra. Quả tìm thấy trứng dưới bụng rùa, hắn đành phải thả tất cả những người nô lệ của hắn, trong đó có anh chàng ghẻ. Từ đó hai vợ chồng trở nên giàu có [1].

. Dân tộc Thái cũng có truyện một người vợ thông minh, dùng mưu mẹo, tương kế tựu kế, lấy lại tài sản mà một tên phú thương trước đây đã cướp đoạt, do vu cho chồng mình ăn cắp. Vật môi giới ở đây không phải là con rùa vàng mà là con mèo bạc. Truyện cũng xảy ra gần giống như trên.

Truyện của ta trên kia khá phổ biến ở nhiều dân tộc trên thế giới với hình tượng con mèo và cây đèn. Cô-xcanh (Cosquin) trong quyển *Cổ tích con mèo và cây đèn cầy ở châu Âu thời trung cổ và ở phương Đông* có kể khá nhiều truyện thuộc loại này. Ở đây chỉ thuật một ít:

Trước hết, có hai truyện của người Tây-tạng và Ả-rập (Arabes), gần với truyện của ta hơn.

Truyện của người Tây-tạng:

Một anh lái buôn trẻ tuổi sang Ấn-độ với nhiều hàng hóa. Một buổi chiều anh dừng bước trước một ngôi nhà lớn xin ở trọ. Chủ nhà khoản đãi anh rất hậu. Trong bữa ăn chiều, chủ kể những chuyện mà khách không thể tin được. Chủ nói: -"Tôi sẽ làm đúng như lời tôi nói, ví dụ đêm nay tôi sẽ bảo mang ra một cây đèn cầy nhưng không phải người mà là do một con mèo cầm đèn. Ông có dám cuộc chăng?". Khách cười nhạo và dự cuộc với điều kiện nếu đúng thì bao nhiêu hàng hóa sẽ thuộc về chủ. Nếu sai, tất cả gia sản của chủ đều về khách. Mèo quả cầm đèn ra và khách mất hết tất cả, đành phải làm đầy tớ cho chủ để sinh sống.

1. Theo *Truyện cổ Ba-na,* tập II, đã dẫn.

Vợ anh lái không thấy chồng về, cải trang làm đàn ông đi tìm. Lại đến ngôi nhà lầu, được tiếp đãi tử tế và cũng đánh cuộc với chủ nhân về chuyện con mèo. Nhưng khi ra sân thì nàng gặp chồng, được nghe tất cả câu chuyện. Rồi khi mèo cầm đèn sắp bước vào cửa, chồng nấp sẵn thả một con chuột, mèo còn ngần ngừ; thả con thứ hai, mèo dúng lại và thả con thứ ba thì mèo quẳng đèn vồ chuột. Thế là khách thắng, được chiếm tài sản của chủ và vợ chồng lại đoàn tụ.

Truyện của người Ả-rập ở Tuy-ni-di (Tunisie):

Một người lái buôn trẻ tuổi ở Tuy-ni đi Xtăm-bun bán hàng, bảo người yêu cùng đi. - "Không - nàng đáp - chàng cứ mang những áo xống đẹp nhất của em theo, tức là có em đi cùng rồi".

Đến nơi, anh chàng trọ ở một nhà nọ, được tiếp đãi tử tế. Chủ chỉ vào một con mèo: - "Anh xem, con mèo này có thể cầm nến suốt đêm". Khách đáp: - "Tôi hoàn toàn không tin" - "Vậy thì ta hãy cuộc nhau: nếu tôi nói đúng, anh sẽ mất tất cả hàng: nếu tôi thua, anh cứ lấy tất cả nhà của tôi".

Cũng như truyện trên, mèo đã làm cho chủ được cuộc. Còn người lái buôn thì đi bán bánh nuôi thân.

Một hôm hắn nhớ người yêu quá, đến vật nài chủ cho xem áo xống của người yêu. Thấy hắn ôm lấy áo xống ấy hôn hít khóc lóc, người chủ liền đem dâng vua. Vua đoán hẳn đấy là y phục của người đàn bà đẹp nên gọi người lái buôn đến hỏi thăm nhà cửa quê quán người tình nhân của hắn. Hắn nói xong, vua sai giam lại và phái bảy người đi tìm cách dỗ cô gái về. Bọn họ đến Tuy-ni giả làm người của anh lái buôn nhắn nàng sang Xtăm-bun. Nàng xin bốn ngày để sửa soạn. Bèn đào một cái hố sâu ở giữa nhà, trên có nắp và lót nệm. Bọn kia đến, bị lăn cổ xuống hố. Nàng dọa chúng nếu không nói sự thật sẽ để cho chết đói.

Khi biết sự thật, nàng cải trang làm đàn ông, sang Xtăm-bun mang theo hai con chuột. Như truyện trên, nàng được cuộc và lấy lại tất cả. Vẫn giả trang như vậy, nàng vào làm thư ký cho vua và được vua tin cẩn. Được một năm xin về Tuy-ni. Vua cho tiền, nàng không nhận chỉ xin tha tất cả tù phạm ra. Vua bằng lòng tha, trừ anh chàng Tuy-ni thì vua hứa rằng lúc nào người yêu nó sang mới thả.

Nàng nói: - "Cho tôi mang nó theo, tôi sẽ quẳng nó xuống biển". Vua bằng lòng. Cặp tình nhân thế là đoàn tụ. Về đến Tuy-ni, nàng thả bảy người đã bắt

trước ra, cho lên tàu trở về Xtăm-bun và nhờ cầm về cho vua một bức thư. Vua đọc xong, tức đến chết giấc.

Truyện lưu hành ở Trung Á và miền Nam Cô-ca-dơ (Caucase):

Vua Mi-ren gọi một lão lái buôn nước ngoài vào đánh bạc. Như các truyện trên, vua có một con mèo cầm đèn suốt sáng. Điều kiện đặt ra cũng tựa như trên: vua thắng thì lão lái buôn mất hàng hóa và bị tù. Nếu lão thắng thì vua mất nửa giang sơn. Kết quả lão lái buôn thua và bị giam vào ngục.

Vợ lão nghe tin ấy, cải trang làm đàn ông mang đến một thùng chuột sống và chỉ xin vua cái chìa khóa nhà tù nếu mình thắng. Mèo đang cầm đèn thấy chuột thả ra nhiều quá vội vứt đèn để vồ. Thắng cuộc, vợ mở cửa nhà lao tha cho chồng và các tù phạm khác.

Truyện dưới đây phổ biến ở châu Âu:

Mác-côn là người từng cho vua Xa-lô-mông nếm nhiều vố cay chua. Vua giận lắm, bắt ông phải thức đêm với mình nếu không thức được sẽ xử tử. Trong đêm ấy, mỗi lần thấy ông ngáy, vua hỏi: -"Mày ngủ phải không?" - "Tôi không ngủ nhưng tôi suy nghĩ" - "Nghĩ cái gì nói mau!".

Mác-côn liền nói ý nghĩ của mình. Vua hăm dọa: - "Nếu mai mày không chứng thực được điều mày nghĩ thì mày phải chết!".

Cứ thế đến năm lần. Lần cuối cùng, tức là lần thứ năm, Mác-côn trả lời vua: - "Tôi nghĩ rằng tính tự nhiên mạnh hơn giáo dục". Vua lại nói: - "Nếu mai mày không chứng thực được điều đó thì mày sẽ chết".

Bấy giờ, tương tự như những truyện trên, vua cũng có con mèo biết cầm đèn. Mỗi lần vua ăn tối, nó cầm đèn hầu bữa ăn. Mác-côn sau khi đã chứng thực được bốn câu suy nghĩ đầu, còn lại câu thứ năm. Chờ khi vua ăn xong, ông đến mang sẵn ba con chuột nhắt trong ống tay áo. Thả con đầu, mèo toan chụp nhưng nó thấy vua trừng mắt lại thôi. Thả con thứ hai cũng vậy. Nhưng đến con thứ ba thì mèo vứt đèn vồ chuột. Mác-côn tâu:

- Tâu bệ hạ, tôi đã chứng thực xong.

Tương tự với truyện trên, một truyện ở Pa-lét-xtin (Palestine) kể đại khái như sau:

Một ông vua có hai đại thần: một người Do-thái, một người theo đạo Gia-tô, hai người thường xung khắc. Một hôm vua hỏi hai đại thần rằng: - "Có hai người: một kẻ vốn dòng hèn hạ nhưng được dạy dỗ tốt, còn một kẻ bẩm tính tốt nhưng lại nghèo hèn, vậy thì nên chọn ai?". Đại thần người Do-thái cho là

bẩm tính hơn, người kia nói giáo dục hơn. Người Gia-tô đưa ra một con mèo bưng mâm để chứng minh cho ý kiến của mình, nhưng người Do-thái vứt một con chuột giấu trong ống tay áo ra để chứng minh ngược lại. Mèo quả vứt mâm đuổi theo chuột.

Truyện của người Ả-rập ở An-jê-ri (Algérie):

Một ông vua muốn lấy vợ, hỏi đại thần (vi-dia) là một người thông thái. Người này can: - "Hãy chờ ít lâu để sửa chữa cái tính tự nhiên, vì tính tự nhiên của bệ hạ không tốt" - "Được", vua đáp. Mấy ngày sau vua quên việc lấy vợ. Một hôm vua mời đại thần ăn cơm. Vua cũng có một con mèo cầm nến ngồi chầu. Vua nói: - "Có phải con mèo này luyện được tính tốt và thông minh không?" Đáp: - "Vì đâu bệ hạ cho là tính tốt?" - Vua nói: - "Hễ đã luyện được tính tốt thì không bao giờ còn quên".

Hôm sau vua cũng mời ăn. Vị đại thần mang mấy con chuột bỏ trong hộp thuốc bằng bạc. Mở hộp, chuột chạy ra. Mèo quẳng nến làm nhà tối om. - "Dấy bệ hạ xem - đại thần nói - bệ hạ cho rằng đã uốn nắn được cái tính tự nhiên của con mèo, kỳ thực chuột vừa chạy qua là nó bỏ cả nến để đuổi". Mặc dầu nói thế, đại thần cũng cưới vợ cho vua. Tiếp đoạn đó, truyện còn nhiều diễn biến khác mà ở đây miễn kể.

Còn khá nhiều những truyện cổ tích khác, trong đó, con mèo không đóng vai cầm đèn hay đội đèn mà tham gia cùng với chủ để bịp trong những ván bạc.

Ví dụ mấy truyện của Ấn-độ:

1. Một hoàng tử đi săn lạc vào nhà một bà chằng. Bà chằng rủ chơi súc sắc. Hắn có một con mèo khôn biết làm tắt đèn khi chủ sắp thua, cho nên phần thắng lúc nào cũng về bà chằng. Và cuối cùng hoàng tử thua bạc bị bắt làm đầy tớ.

Người em hoàng tử nhờ được một vật báo tin rằng anh mình đang bị nguy, vội đi cứu. Nó biết ngón bịp của bà chằng liền mang theo một con chó. Mèo thấy chó thì bỏ chạy. Nhờ vậy người em thắng, cứu được anh khỏi nạn và chiếm lấy tiền của của bà chằng.

2. Hoàng tử Ra-sa-lu nghe tiếng vua Si-ri-káp giỏi đánh bạc, thường ra điều kiện là lần đầu đặt cược ngựa, áo quần, đất đai, lần sau cược cả người. Ra-sa-lu bèn tìm đến. Dọc đường hoàng tử cứu một bầy kiến con sắp chết đuối. Sau đó, nghe có tiếng nói: - "Ta biết người tốt bụng, ta bày cho một cách để thắng vua Si-ri-káp: cứ đi dọc sông, hễ thấy có con chuột đầu trắng thì bắt lấy". Tiếng

nói đó là của công chúa con vua Si-ri-káp bị giam trong một cái hang. Công chúa còn vạch cho hoàng tử thấy mưu gian của cha mình: ông ta có một con mèo thần thường giấu trong tay áo, trên đầu mèo có một vầng ánh sáng, nó vừa làm cho người ta lóa mắt vừa làm cho nó trở thành vô hình để nó thay đổi con bài cho chủ.

Trong cuộc bạc, Ra-sa-lu lén thả chuột cho mèo nhìn thấy, mèo nhảy vồ, ánh sáng rơi xuống, kết quả Si-ri-káp thua đậm.

3. Hoàng tử Gô-ôn thích đi săn không muốn lấy vợ. Một hôm đi săn vào lúc trời nóng, dừng lại bên giếng xin một cô gái cho mình uống nước ở thùng. Bị cô gái chế nhạo, hoàng tử giận, biết cô gái là con thợ rèn, bèn hỏi làm vợ để về đánh cho sướng tay.

Một hôm cầm roi đánh vợ. Vợ nói: - "Hay gì đánh con gái thợ rèn. Lấy được con vua về mà đánh mới giỏi".

Nghe nói, hoàng tử thề sẽ không trở về nếu không lấy được con vua. Đến một vương quốc có một công chúa rất đẹp. Điều kiện để lấy công chúa là phải thắng ba ván bạc, thua thì phải làm nô. Hoàng tử thua, phải làm đứa chăn ngựa ở hoàng cung.

Không thấy chồng về, vợ cải trang làm đàn ông, cưỡi ngựa đi tìm. Dọc đường cứu được một con chuột sắp chết đuối. Chuột cho biết công chúa có con mèo thần - cũng như truyện trên - trên đầu có ánh sáng làm cho vô hình, do đó chủ nó có thể đánh tráo bài mà không ai biết. Người đàn bà mang chuột theo. Mèo vồ chuột làm hỏng việc nên công chúa bị thua, phải giao tài sản và nô lệ cho người thắng. Hoàng tử theo chủ mới về nước. Cuối cùng người vợ bỏ lốt ra, tha tội cho chồng và cho phép chồng lấy công chúa làm vợ hai.

4. Sau khi cưới vợ, một hoàng tử đòi vợ phải để cho mình giẫm lên người để tỏ quyền làm chồng, nhưng người đàn bà khất, nói: -"Tôi chịu rằng ở với cha nhờ cha, lấy chồng nhờ chồng, chồng chết nhờ con; nhưng anh đang ăn nhờ vào bố anh thì có quyền gì. Muốn giẫm, anh hãy làm ra tiền của về nuôi tôi, tôi mới chịu". Hoàng tử bèn đưa một tàu hàng ra nước ngoài buôn bán.

Đến một bến cảng, có một người què đến níu áo đòi lại cái chân què, nói rằng vì bố hoàng tử ngày xưa đã lấy của hắn mất cái chân. Nếu không trả chân thì phải bồi tiền. Hoàng tử không biết làm thế nào cả, đành phải trả tiền cho êm chuyện.

Đến một bến cảng khác, một người mất một con mắt cũng tới níu áo đòi như trên, và hoàng tử cũng phải cho y tiền để được yên ổn.

Đến một bến cảng khác, một người đàn bà có vẻ tử tế lại gần, tự xưng bà con, mời mọc cơm nước rất ân cần. Cũng như truyện của ta, mụ lén bỏ vào túi hoàng tử không phải con rùa vàng mà một chùm chìa khóa để vu vạ. Hai bên cược nhau nếu mụ đúng thì hoàng tử mất cả tàu hàng lẫn người, nếu không thì mụ sẽ mất hết của cải. Mụ quả thắng cuộc, bán hoàng tử cho một hiệu buôn. Nhờ có con bồ câu mang theo, hoàng tử viết thư cho bố kể hết mọi chuyện xảy ra, và viết cho vợ một bức khác nhờ bố chuyển, thì lại giấu hết, chỉ nói công việc đang tiến triển rất tốt. Nhưng chim lại không bay về nhà bố mà về nhà vợ, nên vợ biết rõ mọi chuyện của chồng.

Vợ bèn cải trang làm một hoàng tử, chở một thuyền hàng ra đi. Đến bến cảng thứ nhất, người què tiến đến níu áo bắt trả cái chân. Hoàng tử giả nhận lời, nhưng bắt hắn phải cắt chân kia cân đo để về lấy cho đúng kẻo ở nhà có nhiều chân, không biết đằng nào mà chọn. Hắn cứng họng lĩnh mất. Đến bến cảng thứ hai cũng thế, người mất mắt cũng lĩnh mất khi hoàng tử giả đòi móc con mắt còn lại để cân. Đến bến cảng thứ ba, cũng như truyện của ta, hoàng tử giả sau khi tinh ý lén để lại chùm chìa khóa tại nhà con mụ lường gạt, đã thắng cuộc. Kết quả, mụ mất tất cả của cải. Hoàng tử giả sai người đi chuộc chồng về nhưng không cho chồng biết mình là ai, chỉ lấy ở hắn chiếc nhẫn. Đoạn, thu xếp cho tàu về nước.

Được tự do, hoàng tử trở về nước. Hắn lại làm phách đòi giẫm lên người vợ, nhưng vợ đã giở cho hắn xem chiếc nhẫn và giấy tờ chuộc, cho biết hắn bây giờ là nô lệ của mình, không còn có quyền hành gì nữa[1].

Truyện sau đây phổ biến ở Băng-la-đex (Bangladesh) cũng như ở Nam-tư và ở Ý (Italia):

Một ông vua có năm đứa con. Đứa thứ năm là Un-mu-lúc, khi sinh, thầy bói đoán nếu vua nhìn nó thì sẽ bị mù. Vì thế đứa bé bị vua nuôi cách biệt ở trong một cái lầu rất xa. Nhưng rồi vua cũng bị mù vì gặp lại Un-mu-lúc lúc ấy đã lớn nên không nhận ra. Thầy thuốc bảo chỉ có hoa hồng của Ba-ka-oa-li mới chữa lành. Bốn hoàng tử đều bèn đi tìm. Dọc đường họ gặp Un-mu-lúc mà không biết là em. Và Un-mu-lúc tuy không nhập bọn với họ nhưng cũng theo họ.

Đến một tinh nọ, bốn hoàng tử vào nghỉ ở lầu của một kỹ nữ là Lắc-kha, và được Lắc-kha rủ đánh bạc. Nhờ có con mèo nên Lắc-kha chiếm lấy hết cả

1. Truyện này theo Sô-vô-na Đê-vi (Chauvona Dévi). *Những hòn ngọc phương Đông*.

tiền bạc và bắt bốn người làm nô. Khi Un-mu-lúc đến, biết mưu gian con mèo nên đánh thắng và chiếm lấy Lắc-kha làm nô tỳ, Lắc-kha kể chuyện mình cho anh nghe và nói hoa hồng hiện nay ở tay một nàng tiên là Ba-ka-oa-li. Nhờ có thần giúp, anh vào được đền của Ba-ka-oa-li lấy trộm hoa và nhẫn. Đưa về, anh gặp bốn hoàng tử đang làm nô cho Lắc-kha, bèn giải phóng tất cả. Nhưng khi nghe anh kể chuyện hoa của Ba-ka-oa-li và thử làm cho một người mù trở nên sáng, thì họ xúm lại đánh anh chết giấc và cướp lấy hoa về chữa cho vua cha lành.

Ba-ka-oa-li mất hoa và nhẫn, cất công đi tìm. Tìm đến Un-mu-lúc, Un-mu-lúc lại dẫn nàng đi tìm bốn hoàng tử. Cuối cùng bọn chúng bị lột mặt nạ vì dấu sẹo của Lắc-kha còn in trên vai khi nàng bắt họ làm nô. Un-mu-lúc được vua cha nhận là con và hỏi Ba-ka-oa-li cho chàng làm vợ.

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères) ở Nam Tuy-ni-di (Tunisie):

Một cô gái có hai người đến dạm. Một người là cháu gọi mẹ cô bằng cô, một người là cháu gọi bố cô là bác. Cô bảo bố: tốt hơn cả là giao cho mỗi người một chiếc tàu và hàng hóa, ai tỏ ra thông minh thì cô lấy làm chồng. Hai người chở hàng ra đi. Xa-ít - cháu của mẹ - đến một nước nọ, trên cảng có một bọn cờ bạc mời anh dự cuộc đỏ đen - "Chơi thế nào?" anh hỏi - "Chúng tôi có con mèo cầm nến bằng hai chân trước, mèo cầm được như thế suốt đêm. Nếu nó đánh rơi nến, chúng tôi nộp cho anh một trăm tàu, nếu không, anh nộp tàu của anh cho chúng tôi". Xa-ít bằng lòng. Rồi cũng như các truyện trên, anh chàng thất bại, phải đi học nghề ở một quán cơm.

Mười ngày sau, Ác-mét - cháu của bố - đến, nhưng có mang theo hai con chuột giao cho một đứa bé đã dặn dò sẵn. Tối lại lúc con mèo của bọn cờ bạc đang cầm nến thì đứa bé chạy vào thả một con chuột, rồi con thứ hai, mèo nhảy vồ làm đổ nến. Anh được một trăm tàu.

Đi chơi phố, anh gặp Xa-ít, hứa trả chiếc tàu cho hắn nhưng với điều kiện là đóng dấu sắt đỏ ở lưng. Xa-ít bằng lòng. Hắn về nước trước được cô gà con gái cho. Đúng vào ngày cưới thì Ác-mét về. Đám cưới đi qua nhà, Ác-mét cướp lấy cô dâu. Mọi người xôn xao, Ác-mét gọi Xa-ít tới lột áo hắn và bảo mọi người hãy đọc những chữ của dấu ấn trên lưng. Đọc xong, họ bảo Xa-ít: - "Người đàn bà này không thuộc về anh" - Ác-mét bèn lấy cô gái làm vợ.

Truyện của người Ru-ma-ni (Roumains) ở Tờ-răng-xin-van-ni (Transylvanie):

Một anh chàng vừa cưới vợ thì bỏ đi buôn. Vợ hỏi đi xa có quên mình chăng? Anh đem câu ấy hỏi lại vợ. Vợ bảo anh ngồi rồi cạo râu cho, và nói: - "Nếu râu mọc lại là dấu hiệu tôi có quan hệ với người khác". Lại đưa một sơ mi trắng như tuyết cho mặc và nói: -"Sơ mi mà đen cũng là dấu hiệu như thế".

Chàng trẻ tuổi đến một thành phố, dừng lại ở quán. Ở đây cũng có chủ quán có con mèo hai chân, mang được ngọn lửa sáng suốt đêm. Cũng đánh cuộc. Anh chàng cũng thua, phải nộp tất cả tiền và bị giam trong một cái hầm, trong đó đã có sáu người khác.

Mọi người thấy anh bị giam lâu mà sơ mi vẫn trắng, mặt anh càng giống với mặt con gái, lấy làm lạ, họ tần mần hỏi, anh kể cho họ nghe câu chuyện riêng giữa hai vợ chồng. Một số người xin với chủ quán cho mình đi lừa người đàn bà. Buổi chiều một ngày nọ họ tìm đến làng anh ta, gõ cửa, tự xưng là bộ hành nghèo lỡ độ đường. Người đàn bà thương hại cho ăn nhưng khi họ xin nghỉ lại, một ý bỗng nẩy ra. Nàng bèn cho họ vào ở buồng tốt nhất rồi khóa trái lại. Sáng hôm sau hỏi qua khe cửa mới biết tình hình của chồng, nàng bèn cải trang làm một thầy tu ra đi, có mang theo ba con chuột. Đến nơi, thắng được chủ quán, buộc hắn phải nộp tất cả tài sản. Nàng lấy chìa khóa mở hầm tha cho mọi người, trả của cải cho họ, và cứu được chồng.

Về sự tích cá he, xem lại truyện số **13**, tập **I**, và các dị bản.

85. CON SÁO VÀ PHÚ TRƯỞNG GIẢ

Ngày xưa có một con sáo nói được tiếng người và hiểu được ý người. Từ lâu, sáo làm bạn với một bác nông dân rất nghèo. Hôm ấy, bác đi cày bắt được sáo ta bị thương nằm nép trong bụi lúa, bèn đưa về chăm sóc, dần dần dạy sáo học, sáo biết đủ mọi thứ. Đối với sáo bác rất tận tình; mỗi khi có miếng ăn đều dành phần cho sáo. Bác bảo sáo: - "Tao già rồi mà không có con nên tao nhận mày làm con!". Sáo được tự do muốn đi đâu mặc ý, không bị nhốt trong lồng. Nhưng sáo rất quyến luyến bác, không muốn rời.

Gần đấy có phú trưởng giả giàu nứt đố đổ vách. Nhà hắn tiền ròng bạc chảy đến nỗi thỉnh thoảng hắn lại đem vàng ra phơi nói là cho đỡ ẩm. Một hôm sáo bay qua nhà phú trưởng giả gặp kỳ hắn đang phơi vàng. Sáo biết là của quý vội sà xuống cắp lấy mấy thoi đưa về cho bố nuôi. Từ đấy bác nông dân sống dễ chịu hơn trước.

Phú trưởng giả từ ngày mất vàng không biết nghi cho ai được, vì hắn phơi tận trên nóc nhà lại nghiêm cấm không cho một ai tới gần, nên hắn đành nín lặng. Nhưng hắn vẫn để tâm rình mò quyết tìm cho ra. Một hôm khác, hắn lại phơi vàng. Sáo bay qua trông thấy lại sà xuống lấy, nhưng không may bị phú trưởng giả nhanh tay chộp được. Lập tức hắn tra khảo sáo để mong tìm lại những vàng đã mất lần trước. Hắn hỏi sáo:

- Mày ở nhà nào?

Sáo đáp:

- Tôi ở trên rừng.

- Ai dạy mày trộm vàng của tao?

- Chả ai dạy cả.

- Mày trộm về cho ai?

- Tôi quẳng lên rừng.

Tức tối vì không tìm ra được manh mối, phú trưởng giả liền sai gia nhân vặt lông sáo cho kỳ trụi để cho sáo chết một cách đau đớn. Nhưng mới nhổ được mấy cái lông thì sáo đã giả bộ chết, nằm ngay đơ, cánh sã ra, không cựa quậy. Phú trưởng giả sai vứt sáo ra ngoài bụi tre. Chỉ một chốc sau sáo đã đứng dậy và gượng lần về nhà.

*
* *

Mấy tháng sau, ở một ngôi đền của làng bống xảy ra một việc rất lạ. Mỗi lần người thủ từ vào thắp hương đều nghe trên tượng Đức Ông có phát ra tiếng gọi: -"Sắp có nạn lớn, hãy bảo phú trưởng giả đến cho ta bảo". Người thủ từ trước còn hồ nghi, nhưng nghe đến lần thứ hai thì hốt hoảng, vội đi báo tin cho phú trưởng giả biết. Nghe thủ từ nói, phú trưởng giả cũng không kém hốt hoảng, vội mang khăn áo tới đền với một mâm cỗ để nghe Đức Ông phán bảo. Khi hắn đang lễ xì xụp thì tiếng ở trên tượng truyền xuống bảo hắn phải cạo đầu quy y một thời gian mới mong tai qua nạn khỏi. Hắn toát mồ hôi, vâng vâng dạ dạ. Cuối cùng, hắn đành nhờ người cạo phăng mớ tóc và mặc đồ nâu sồng xin hòa thượng cho vào ở chùa để mong Phật che chở như lời Đức Ông truyền.

Nhưng được mấy ngày sau, Đức Ông lại bảo người từ giữ đền gọi hắn đến. Khi lão phú trưởng giả và mọi người đang quỳ lom khom đợi Đức Ông bảo ban, thì sáo ta từ bức tượng bay ra nói với chúng:

- Hãy mở mắt ra mà nhìn đây! Tao đây chả phải thần thánh gì cả. Chỉ vì mày làm tao đau đớn suýt chết nên tao phải báo thù mày một phen.

Nói đoạn, sáo cười lên một thôi rồi sà xuống mâm mổ lấy mổ để.

Cái đầu trọc của phú trưởng giả ngửng lên, và khi thấy được sự thực, hắn giận tràn hông, nhảy xô lại định bắt giết con sáo cho hả giận, nhưng sáo ta đã bay ra khỏi đền và đi mất [1].

1. Theo lời kể của người Vĩnh-phú, Thái-bình, và Hà-tĩnh.

KHẢO DỊ

Có người kể hơi khác về chi tiết. Đại thể, lúc sáo vào nhà người ta thấy có mâm cỗ cúng thì trộm giò chả về cho chủ. Người mất của đuổi theo đến nhà thì bắt được quả tang bèn lên trình quan. Quan cho đòi cả người và sáo lên tra hỏi. Sáo nhận hết tội lỗi, bị quan xử tội vặt lông. Sáo cũng giả chết thoát được. Đoạn sau, sáo cũng mượn miệng Đức Ông báo thù không phải chỉ phú trưởng giả mà là cả bọn quan, chánh tổng, lý trưởng, v.v... đều phải cạo trọc đầu cả lũ[1].

Người Nghệ-an kể truyện này cũng có một vài tình tiết hơi khác. Ví dụ, thay cho phú trưởng giả là quan huyện. Khi bị quan vặt lông, sáo lần được về nhà nói với chủ xin nuôi cho mau sinh lông sinh cánh để báo thù. Đủ lông cánh rồi, vừa gặp khi làng của quan huyện tế thần, nó lén bay vào linh tọa mượn miệng thần vạch tội quan huyện ngày xưa hay ăn tiền dân, bảo làng phải đòi quan ra vặt tóc, rồi vặt râu quan, v.v...[2].

Truyện trên cũng phổ biến ở nhiều dân tộc. Người Lào có truyện *Con Vẹt của Ích-va-ra*[3] dường như là một dị bản của nó:

Xưa có một anh chàng tên là Ích-va-ra yêu một cô gái. Bố cô gái đòi phải cầu thần, thần có ưng thuận mới gả. Nhưng khi hai họ đến đền hỏi ý kiến thần, thì con vẹt của Ích-va-ra đã bay vào đền nấp sau pho tượng nói: - "Được lắm, hợp lắm, xứng đôi lắm". Nhờ thế, bố cô gái bằng lòng gả, hai họ cưới hỏi linh đình.

Sau cô gái biết không phải thần mà do vẹt, liền bỏ về nhà bố tìm cách bắt được con vẹt vặt trụi lông định nướng ăn. Song vẹt đã trốn được vào rừng, và trở nên vua các loài chim.

Khi nghe nhà vua yêu con thứ bỏ con trưởng, vẹt đeo một cái chuông bay về đậu trên nóc hoàng cung, tự xưng là sứ giả của thần In-đơ-ra, bảo vua phải gọi hoàng tử con trưởng về truyền ngôi, nếu không sẽ bị thần phạt. Nghe thế, nhà vua sợ, bèn gọi con trưởng về cho lên ngai vàng làm vua. Nhờ công đó, vẹt được phong làm quan nhất phẩm. Vẹt bèn tố cáo bố con cô gái. Ông vua mới ra lệnh gọi bố con cô gái tới, bắt cạo trọc đầu để trả thù cho vẹt[4].

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).
2. Theo *Bản khai thôn Chính-đích, xã Mỹ-lợi.*
3. Một trong 16 truyện Xa-cu-na-pa-con.
4. Theo Hoàng Lâm, Xu-văn-thon. *Truyện dân gian Lào.*

Người Chăm-ho-roi cũng có truyện *Em bé và chim vàng anh* cũng phần nào giống với truyện của ta:

Hai vợ chồng một người kiếm củi có đứa con trai múa giỏi, đồng thời có nuôi một con chim vàng anh hót hay. Thấy con chim quý, một lão nhà giàu đến cướp lấy đưa về định nuôi cho nó hót. Nhưng chim không chịu hót, ủ rũ không ăn mấy ngày liền. Lão nhà giàu bèn vứt chim ra bụi. Đứa con trai người kia lại nhặt chim về chăm sóc, chim béo khỏe, lại hót vui như trước.

Nghe nói chim đã sống lại, lão nhà giàu liền đến nhà giành con chim, nhưng chim đã mổ vào mắt hắn túi bụi [1].

Dân tộc Mèo có hai truyện:

1. Hoàng tử Mua Lình Khú nuôi được một con sáo khôn. Để báo thù cho cha bị người giết chết và tranh ngôi, anh đi ra nước ngoài, lấy con gái nhà giàu, rồi lại lấy con gái vua Trời. Ở đâu, anh cũng luyện tập quân lính chuẩn bị đánh kẻ thù, nhưng không ngờ anh bị kẻ thù bắt giam. Nghe tiếng anh khóc, chim sáo tìm vào hầm đá hỏi thăm. Anh nhờ sáo đi báo tin cho hai vợ mình đem quân đến cứu. Quân nhà Trời được tin kéo xuống đánh. Tên cướp ngôi bỏ chạy, hỏi sáo cách thoát. Sáo bảo hắn cạo trọc đầu ẩn trong một cái miếu hoang. Quân nhà Trời tìm không được, rút về. Sau đó, quân của con gái nhà giàu kéo đến. Mua Lình Khú hỏi con sáo về tung tích kẻ thù và khi được sáo mách, anh chém đầu y rồi lên làm vua.

2. Seo Mèo Chư mồ côi đi ở cho người. Anh giúp đỡ cho một con chim đang ấp trứng, được chim trả ơn cõng anh lên lưng chở đến cung vua bảo vua gả công chúa cho anh. Nhưng vua nổi giận đuổi Seo Mèo Chư và vặt trụi lông chim. Cũng như truyện của ta, chim chui vào bàn thờ ở cung vua, ăn các thức cúng, rồi khi mọc đủ lông cánh, chim lại lấy lời thần linh bảo vua nếu không gả công chúa cho Seo Mèo Chư sẽ có tai nạn. Vua bất đắc dĩ cho công chúa một con chó quý, một con mèo, một con ngựa thồ bạc và đồ đạc đi lấy chồng.

Lấy nhau được ít lâu, công chúa giao cho chồng ngựa thồ bạc đi dong gạo, có chó quý đi theo. Đến một làng nọ, anh vào nghỉ ở nhà một mụ phù thủy. Mụ cho anh nghỉ và giao hẹn nếu chuột cắn mà khóc thì anh mất tất cả cho mụ. Trái lại, thì mụ mất tất cả cho anh. Ở đây truyện tương tự với truyện *Con*

1. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV.

mụ Lường, chỉ có khác về vai trò của mèo. Nửa đêm đang ngủ, đàn muỗi bay tới cắn, anh nhịn được, nhưng khi đàn chuột xồ ra cắn, anh kêu khóc, thế là bị mất của cải và bị làm nô. Chó chạy về báo cho công chúa sự tình. Công chúa mang theo con mèo đến xin trọ ở nhà mụ phù thủy và cũng nhận giao ước như trên. Mụ cho đàn muỗi, rồi cho đàn chuột ra cắn, nhưng chuột bị mèo chén thịt. Cuối cùng nàng cứu được chồng về [1].

Trung-quốc cũng có truyện *Con khướu*:

Một ông già tốt bụng tên là Già Vương đi ở chăn bò cho Ương Ngược. Vì già yếu bị đuổi, phải làm nghề kiếm củi. Một hôm ông bắt được một con khướu hót hay. Ông đưa ra chợ cho nó hót, được người ta thưởng cho nhiều tiền. Ương Ngược thấy thế bắt lấy khướu và cũng đưa ra chợ bắt người đi chợ nộp tiền để nghe khướu hót. Nhưng khướu không hót, lại mắng lại Ương Ngược. Hắn bảo đầy tớ giết đi để nhắm rượu. Chim bảo đầu bếp tha cho mình rồi bắt một con quạ chết làm thịt thay vào.

Ở đây, chim cũng bay tới miếu Ngọc hoàng nấp vào chỗ kín, lấy lời Ngọc hoàng bảo ông từ gọi Ương Ngược đến, truyền cho y làm Ngọc hoàng, cả vợ con và dâu đều vinh hiển, nhưng với điều kiện là sáng mai cả nhà phải mặc đồ giấy đến miếu. Trời rét, sau khi gia đình Ương Ngược đến, chim sai khóa chặt cửa miếu lại, rồi bay đến cây cao giữa làng truyền bảo dân làng chia đôi tài sản của Ương Ngược: một nửa cho Già Vương và người đầu bếp, còn lại đem phân phát cho những người nghèo.

Sau đó, khi ông từ mở cửa miếu vào thì Ương Ngược và vợ con đã chết cóng[2].

1. Theo Doãn Thanh, Thương Nguyễn, Hoàng Thao. *Truyện cổ dân tộc Mèo*.
2. Theo báo *Tân Việt hoa* (1958) dẫn trong sách *Đánh chết Diêm vương* của Lê Bá Cơ.

86. CON THỎ, CON GÀ VÀ CON HỔ

Thỏ, hổ và gà có lần ở chung với nhau để hợp sức phát nương rẫy. Ngày đầu tiên, thỏ và hổ đi cắt tranh, giao cho gà nhiệm vụ trông nhà và nấu ăn.

Sau khi quét dọn trong nhà ngoài ngõ, gà nấu cơm. Cơm chín, gà bắc một nồi nước lên bếp. Nước sôi gà nhảy lên miệng nồi, đẻ vào nồi một quả trứng, rồi cất lên mấy tiếng "cục ta cục tác".

Trứng vừa chín thì thỏ và hổ cũng vừa về. Gà bắc trứng ra. Thỏ, hổ vừa mệt vừa đói nên ăn rất ngon miệng. Thỏ hỏi: "Chị gà ơi! Chị làm thế nào mà có món ăn thích khẩu thế?". Gà nói thực cho biết cung cách mình đã chế ra món ăn đó. Sáng hôm sau, họ lại dậy sớm tiếp tục đi cắt tranh. Lần này hổ đi cùng gà, còn thỏ đến lượt ở nhà nấu ăn. Hổ còn dặn thỏ cố lo làm sao có bữa ăn ngon như gà đã làm hôm qua. Thỏ đáp: "Việc đó không khó, bác cứ tin ở tôi!".

Sau khi nấu cơm, thỏ cũng bắc một nồi nước sôi rồi cũng đứng lên thành bếp chìa đít vào nồi và rặn như kiểu gà đã dạy. Xong việc, thỏ hý hửng ra cửa đón hổ và gà về.

Bữa ăn hôm ấy, hổ đói bụng háu ăn, gắp ngay trước mấy miếng bỏ vào miệng. Nhưng chưa kịp nuốt thì hổ đã vội khạc nhổ rối rít và gầm lên đuổi đánh thỏ. Thỏ vùng chạy nhưng không kịp nữa, bị hổ tóm được, đánh cho một trận mê tơi. Hổ dần đầu thỏ xuống đất mấy lần làm thỏ toạc cả da miệng. Sau lần bị đòn ấy thỏ giận hổ vô cùng, quyết nghĩ cách báo được thù mới hả. Mấy ngày sau, thỏ và hổ lại tiếp tục công việc. Lúc này tranh cắt đem phơi đã khô, phải đánh đống lại đưa về lợp nhà. Trong khi chưa biết làm thế nào để chuyển tranh về thì thỏ

đã hiến kế bảo hổ: - "Trong ba ta, tôi thấy bác có sức khỏe hơn cả. Vậy bác hãy nằm xuống để tôi chất tranh lên lưng, dùng dây buộc chặt vào lưng rồi cứ thế bác chở về nhà, chừng một chuyến là xong tất cả". Hổ nghe có lý, nằm ngay xuống cho thỏ chất cỏ tranh lên. Khi đã đầy lưng, thỏ lấy dây cột quàng mấy chục vòng xuống bụng, xuống cổ, quàng cả vào các chân của hổ, v.v... Thế rồi thỏ nhảy lên, lấy đá đánh lửa đốt cho bén vào tranh rồi nhảy xuống chạy mất. Tranh khô được lửa, cháy rất thỏa thích. Hổ vẫn vô tình lo làm xong công việc, đến khi lửa liếm xuống gần lưng, nóng quá, mới hoảng hồn, gầm lên, lăn lộn. Nhưng đống lửa vẫn dính chắc lấy lưng hổ vì dây cột nhiều và chặt quá. Hổ càng chạy, lửa càng như được quạt mạnh, bùng to lên.

Khi hổ giãy được khối lửa khỏi lưng thì da đã bị bỏng, lông đã bị cháy sém loang lổ. Hổ giận tràn hông bỏ đi tìm thỏ thì thỏ đã biến đi đâu mất.

Cũng vì thế mà ngày nay người ta nói nòi giống của thỏ và hổ còn mang những vết tích của cha ông chúng để lại: một loài bị xẻ môi trên; một loài lông vẫn còn những vết cháy sém.

KHẢO DỊ

Một truyện khác có tính chất ngụ ngôn, nói về *Nguồn gốc bộ da con hổ và hàm trên con trâu*:

Một hôm, hổ thấy trâu bị người thọ cày mắng chửi đánh đập mà vẫn cứ cúi đầu phục tùng, bèn chờ lúc trâu được nghỉ, đến gần hỏi: "Tại sao mày lại chịu nhục nhã như thế?". Trâu đáp: "Vì người có trí khôn".

Hôm khác, hổ lân la đến xin trí khôn của người. Người đáp: -"Trí khôn ta để ở nhà. Nếu mày muốn, ta sẽ về lấy cho. Nhưng phải để ta trói vào gốc cây đã, nếu không mày ăn mất trâu của ta". Hổ chịu để trói. Trói xong, người mang rơm lại đốt; vừa đốt vừa nói: - "Trí khôn của ta đây!". Hổ giãy giụa mãi mới thoát, nhưng lửa đã cháy sém bộ lông. Còn trâu thấy thế cười bổ xiêu bổ ngả

đến nỗi hàm trên va vào đá gãy mất cả một dãy răng. Vì thế mà ngày nay nòi giống của hai loài ấy còn mang vết tích của tổ tiên[1].

Về gốc tích bộ da con hổ, người Thái có một truyện:

Xưa, trời đặc biệt dành riêng cho người một sự ưu đãi: biết nói và có quyền ăn thịt mọi giống vật. Thấy thế, hổ và rắn không chịu, vây lấy người định đánh. Người làm một cái chòi để rắn và hổ chui vào rồi bịt lại châm lửa đốt. Hổ và rắn hoảng hốt: một con va phải những thanh gỗ đã cháy đen nên bộ da có vằn, một con bò trên đống than nên bộ da lấm chấm đen [2].

Người Nùng kể về *Gốc tích bộ da con hổ* như sau:

Hổ bị thỏ dùng mẹo lừa làm toạc cả da. Đau quá, hổ bỏ chạy. Gặp một người làm hương, hổ nhờ chữa giúp. Người này bốc một nắm mùn cưa nhét vào các vết thương và dặn đến thợ rèn mà hơ cho khô vết thương. Không ngờ, đến nơi, tàn than bay lên bắt vào mùn cưa, cháy âm ỉ mà không biết. Đến lúc nóng, hổ lồng lộn, chạy lung tung khắp nơi. Một con gà gô thương hại mách: - "Tắc tà tà" (ý nói nhảy xuống sông). Nghe lời, hổ nhảy tùm xuống sông mới thoát chết. Nhưng từ đấy da hổ có vết cháy. Cũng từ đấy hổ với gà gô thành đôi bạn chí thân. Ở đâu có gà gô là ở đấy thường có hổ[3].

---

1. Theo truyện kể của người miền Bắc và miền Trung. Người Miến-điện (Myanma) có truyện *Vì sao trâu không có hàm trên*, hơi khác: Trâu với bò là hai anh em chú bác, rất thân nhau. Bò chỉ có hàm dưới, một hôm mượn hàm trên của trâu để đi xem ngựa biểu diễn. Ngựa múa hát hay quá làm bò cười như nắc nẻ. Ngựa thấy răng bò đẹp bèn hỏi mượn để múa hát cho hay hơn. Bò vô tình không biết mưu ngựa, nên cho mượn ngay. Ngựa nhảy múa mỗi lúc một xa rồi ba chân bốn cẳng chạy mất. Bò đuổi không kịp đành chịu mất. Ngày nay trâu thường kêu: "Răng của tôi!", bò kêu: "Bác nói đúng!", còn ngựa thì trả lời: "Hì hì hì hì" *(Truyện dân gian Miến-điện*; bản dịch của Minh Trí, Văn Minh và Hoàng Hải).

Về đề tài này người miền Nam kể như sau: Xưa trâu có đủ hai hàm răng mà ngựa chỉ có một. Một hôm trâu được mời đi ăn giỗ. Lúc trở về gặp ngựa. Ngựa bảo trâu cho mình mượn hàm răng trên để đến lượt mình ăn giỗ, rồi sẽ trả lại sau. Trâu không ngờ gì cả cho mượn ngay, nhưng cũng như truyện trên, ngựa đã có dụng ý xấu giữ hàm răng của trâu lại không trả. Một hôm gặp ngựa trâu đòi, ngựa bảo: - "Chúng ta hãy chạy thi, anh hơn tôi, tôi sẽ đưa ngay". Nói rồi ngựa chạy, trâu đuổi không kịp và từ đấy đành chịu mất hàm răng trên (Theo lời kể của đồng bào Mỹ-tho và Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn).

2. Theo lời kể của người Thái.

3. Theo lời kể của người Nùng ở Cao-bằng.

Truyện của người Miến-điện (Myanmar) có những tình tiết hơi khác:

Thỏ và hổ cũng rủ nhau đi cắt rạ. Hổ mang một túi đựng cơm thịt, còn thỏ thì một túi phân bò và cát. Đang làm, thỏ đòi ăn trước nhưng hổ thì chờ làm xong mới ăn. Thỏ nói: nhà hiền triết có nói: đến trước ăn cơm thịt, đến sau chỉ có ăn cát ăn phân. Rồi chén hết túi cơm của hổ, đoạn tìm gốc cây mà ngủ. Hổ làm xong, tìm đến túi chỉ thấy cát và phân bèn mắng thỏ, thỏ nhắc lại câu của nhà hiền triết. Hổ tin lời lại cắt và chuyển rạ. Thỏ vờ lên cơn sốt được hổ cho ngồi lên bó rạ đã chất lên lưng. Đi được một quãng thỏ đánh lửa lên đốt. Hổ bị sém da, hoảng hốt bỏ chạy. Thấy thỏ ngồi bên vệ đường, hổ mắng thì thỏ cãi: - "Tôi đã gặp bác lần nào đâu". Hổ xin lỗi, thỏ nói: - "Tôi chả trách bác vì anh em tôi giống nhau như đúc, nhưng lưng bác có nhiều vết bỏng, tốt hơn là cọ vào gốc cây". Hổ làm theo, vết bỏng tóe máu, đau quá bỏ chạy. Lại gặp thỏ và mắng, thỏ lại đáp: - "Tôi đã gặp bác lần nào đâu. Kìa sao bác có máu, hãy lăn lên cát thì lành". Hổ làm theo, đau nhức nhối, chạy như cuồng; lại gặp thỏ nữa, mắng thì thỏ đáp: - "Tôi không hề quen bác. Ở đây có giếng thần, bác đến đấy có thể lành". Rồi đem hổ đến, thình lình xô xuống giếng[1].

Về gốc tích cái môi con thỏ, người châu Phi kể:

Mặt trăng lúc tạo thiên lập địa sai rận xuống trần phán bảo cho loài người biết là người được hưởng lệ "sẽ chết và sẽ sống lại". Thỏ nghe được sứ mệnh bí mật ấy, vội xuống trước tuyên bố ngược lại là "người sẽ chết và chết là chết luôn".

Rồi đó, thỏ lên trời khoe công. Giận thỏ làm sai ý mình, mặt trăng đánh thỏ sứt môi, nên từ đó thỏ truyền lại cho dòng dõi mình cái môi sứt[2].

1. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*, đã dẫn.
2. Theo Rê-vi-dơ (Révise). *Tôn giáo của các dân tộc lạc hậu*, quyển I.

87. CON THỎ VÀ CON HỔ

Hổ bị thỏ chơi một mẻ mất mật, thề từ nay không đội trời chung với thỏ.

Một hôm, hổ đi chơi gặp thỏ đang trèo cây ăn mật ong. Hổ đứng đón dưới gốc, trừng mắt bảo thỏ:

- Mày đừng có hòng chạy nữa nhé! Tao tìm mày lâu lắm rồi. Muốn tốt xuống đây nộp mạng!

Thỏ bèn làm kế hoãn binh:

- Ông làm ơn cho tôi đánh một hồi trống rồi tôi xin xuống để ông bắt tội.

- Được, hổ trả lời.

Thỏ giơ tay giả làm điệu bộ đánh trống liên hồi vào tổ ong. Bấy giờ tiếng ong bay vù vù, văng vẳng có âm thanh phát ra làm cho hổ nghe tưởng là trống thật. Thích quá, hổ bảo thỏ:

- Mày cho tao đánh với.

- Ông đánh cũng được thôi - thỏ đáp - nhưng có điều, ông mà đánh thì tôi sẽ điếc tai long óc mất. Vậy ông làm ơn để tôi đi thật xa đây đã, bao giờ không nghe tiếng hú của tôi nữa thì hãy đánh.

Thế là hổ ta quên mất việc trị tội thỏ, để cho thỏ nhảy xuống chạy trốn mất. Khi không còn nghe tiếng hú, hổ mới trèo lên cây, đánh mạnh vào tổ ong. Tổ ong vỡ ra, cả bầy ong xông tới đốt cho hổ tối mày tối mặt. Hổ kinh hoàng sẩy chân rơi xuống đất đau điếng cả người. Nhưng ong vẫn không tha, hổ chạy đến đâu chúng đuổi theo đến đó, đốt cho mặt sưng húp mới chịu thôi. Hổ biết là mắc mưu thỏ, giận bầm gan tím ruột.

Hôm khác hổ tình cờ gặp lại thỏ đang đứng bên bụi tre. Hổ chặn đường hét:

- Mày làm ông khốn nạn bao nhiêu phen rồi! Thôi, đúng đó cho ông trị tội.

Thỏ nghĩ ra được một kế khác, nói:

- Ông hãy cho tôi gảy một khúc đàn cho ông nghe đã rồi tôi sẽ để ông bắt tội. Tôi không dám trốn đâu mà ông lo.

Hổ bằng lòng. Thỏ liền nhảy lên bụi tre giả làm như cách gảy đàn. Kỳ thực, lúc nào gió thổi hai cây tre sắp cọ vào nhau thì nó rút chân ra, lúc hai cây tre rời nhau thì nó đút chân vào.

Tiếng tre cót két làm vui tai hổ, cho nên hổ lại bảo thỏ:

- Mày để cho tao gảy một lúc chơi.

Thỏ nói:

- Ông cứ gảy tùy thích, nhưng chơi cho khéo kẻo hỏng mất đàn của tôi đi!

- Mày dạy tao cách gảy thế nào đã.

- Tay ông to quá đánh hỏng đàn mất. Vậy ông hãy cứ đánh bằng đuôi thì tốt hơn. Đây này! Cứ lúc nào hai cây tre rời nhau thì ông cho đuôi vào giữa, thế là nó bật thành tiếng nghe rất thú. Nhưng ông hãy chờ cho tôi đi xa đây đã.

Nói rồi, thỏ nhảy xuống, ba chân bốn cẳng chạy mất. Còn hổ làm đúng như lời của thỏ, bị tre nghiến đứt mất một khúc đuôi. Hổ đau đớn không thể nói hết, gầm rống vang trời, trông bộ dạng rất thiểu não. Hắn quyết bắt cho được thỏ xé xác ra mới hả dạ.

Bẵng đi một ít lâu, hổ lại gặp thỏ. Nhưng lần này đang lúc thỏ vô ý sa xuống một cái hố sâu không làm sao lên được. Thấy mặt hổ, thỏ vội gọi:

- Trời ơi! Ông còn chưa biết ư? Mau lên không thì nguy khốn đến nơi rồi!

Hổ nghe nói thế, cuống lên hỏi lại thỏ:

- Thế nào? Nói mau!

- Ông ơi - thỏ đáp - ông có thấy gió thổi ào ào, cây cối rung chuyển đó không, đó là dấu hiệu trời sắp sập rồi, chỉ còn một cách nhảy xuống đây mới có thể thoát được mà thôi!

- Thật thế à? Cho tao xuống với nhé!

- Ông xuống ngay đi! Ở lại trên đó là chết bẹp xác.

Thế là hổ không suy nghĩ gì nữa nhảy ngay xuống hố sâu, trong lòng lo ngay ngáy không còn nghĩ gì đến chuyện trị tội thỏ nữa. Thấy thế, thỏ tìm cách chọc hổ chơi. Bèn dùng tay cù vào nách hổ. Hổ không chịu được lối đùa nghịch của thỏ, mắng:

- Yên! Mày nghịch như quỷ ấy! Nếu còn như thế nữa tao sẽ không đánh mày mà quẳng mày lên trên kia, cho trời sập đè bẹp xác.

Thỏ chỉ yên lặng được một chốc rồi lại lẻn tới cù hổ. Tức mình, hổ nắm lấy hai chân thỏ vứt lên miệng hố. Thỏ đắc mưu, chạy một mạch vào làng báo cho mấy ông thợ săn biết. Lập tức họ vác cung tên giáo mác đến hố giết chết hổ, quảy về xả thịt.

KHẢO DỊ

Truyện *Mưu con thỏ* của người Cham-pa gần với truyện của ta. Nó kết hợp 3 truyện: *Con thỏ, con gà, con hổ* (số **86**); *Con thỏ và con hổ* (số **87**) và truyện *To đầu mà dại nhỏ dái mà khôn* (số **58**).

Thỏ cùng cất tranh để lợp nhà với các con vật khác, nhưng không phải chỉ có gà, hổ, mà còn có thêm voi và rái cá. Chúng nó cắt phiên lần lượt nấu cơm. Lần đầu là hổ. Hổ đi một chốc bắt hươu, nai, cầy cáo mang về, thứ nấu thứ quay, rồi gọi cả bọn về chén. Họ đều khen ngon và ca ngợi hổ. Qua ngày sau đến lượt rái cá. Rái cá xuống nước bắt những loại cá ngon, thứ nướng, thứ kho, thứ làm mắm, rồi gọi cả bọn về ăn. Họ đều khen ngợi rái cá. Qua ngày sau nữa đến lượt gà rồi lại đến lượt thỏ đều giống truyện của ta. Gà đẻ trứng cũng được cả bọn khen ngợi. Thỏ không biết làm thế nào cũng bắt chước gà són cứt vào nồi, gia mắm muối vào quấy lên, nói dối là canh cá *ha-kan*, cá tan ra trong nước. Rồi thỏ làm bộ đau đầu, lên nằm không ăn. Cả bọn lúc đầu khen ngon, nhưng thỏ chốc chốc lại ngáp và kêu lên mấy tiếng: "*Hay ê ta-put... hơ-vút ê ta-pay*"[1]. Cả bọn mới biết ăn phải cứt thỏ, nhưng ở đây không có cơn giận của hổ cũng như các con vật khác, vì cả bọn đang chuẩn bị chỏ tranh về.

1. Tiếng *hay ê ta-put* không có nghĩa. Nói lái lại là *hơ-vút ê ta-pay* nghĩa là ngửi cứt thỏ.

Ăn xong chúng hội nhau lại chia việc: voi thì làm xe, hổ và rái cá làm "bò", gà dẫn đường, còn thỏ thì kêu đau, được đẩy xe. Sắp tranh lên lưng voi rồi, chúng lấy dây chằng lại, buộc dây vào cổ voi, một đầu buộc vào cổ hổ và rái cá. Đi được nửa đường, thỏ làm bộ lên cơn sốt xin phép trèo lên xe. Rồi nó xin mồi lửa của gà để sưởi vì "cơn rét không thể chịu được". Kết quả là tranh cháy dữ dội trên lưng voi; thỏ còn xui hổ và rái cá kéo voi ra trước gió. Cuối cùng rái cá kéo được xuống nước, lửa tắt nhưng voi cũng chết.

Thỏ bỏ trốn đi chỗ khác nhưng lại bị trăn quấn ngồi im một nơi trong bụi. Hổ bắt gặp, hỏi thỏ: - "Mày làm gì đó?" -"Tôi thắt dây lưng hoa của ông bà để lại" thỏ đáp. Hổ không biết có trăn, liền mượn dây lưng để thắt. Thỏ ban đầu làm bộ không cho nhưng sau bảo hổ kiếm cho một cái gai để gõ nút thắt rồi sẽ cho mượn. Được gai, thỏ chích vào mũi trăn, trăn đau, giật nảy mình, thỏ thừa cơ chạy mất, nhưng trăn cũng kịp thời quấn lấy hổ. Thỏ gọi người đến bắt. Thấy người đến, hổ sợ, cắn đứt đuôi trăn rồi bỏ chạy.

Lần thứ hai, thứ ba, và thứ tư cũng như truyện của ta, hổ đều bị thỏ chơi cho những vố cay chua như "đánh trống", kỳ thực lừa hổ đánh vào tổ ong vò vẽ để ong đốt; "gảy đàn sa-ra-nai", kỳ thực lừa hổ thè lưỡi vào giữa hai cành cây sắp cọ vào nhau; và nhảy xuống giếng khô, v.v...

Sau khi bị hổ ném lên khỏi miệng giếng, thỏ đi gọi người ra bắt hổ. Lúc ấy có đám ăn mừng, người ta nghe nói kéo nhau đi xem. Thừa dịp ấy thỏ ăn hết bánh, ăn xong sắp bát đĩa lại một đống rồi trùm chiếu lên. Lại lấy khăn đỏ quấn đầu rồi đánh trống inh ỏi. Trong khi đó ở dưới hố, thấy bóng người, hổ chạy vụt lên được khỏi miệng giếng. Mọi người trở về thấy mất bánh. Nhìn thấy một đống lù lù dưới chiếu, họ tưởng là thỏ bèn lấy gậy đánh, làm vỡ hết bát đĩa. Thấy thỏ trên nóc nhà họ rủ nhau vây bắt. Thỏ nhảy từ nóc này sang nóc khác. Họ lấy mồi lửa ném thỏ, thỏ tránh được nhưng nhà cháy.

Thỏ giả chết nằm giữa đường, một người đàn bà đi chợ về đội một rổ bánh, chuối, đường, v.v... để về làm đám. Tưởng là con thỏ bị đánh chết, bà ta nhặt bỏ vào rổ, nhưng về đến nhà thì thỏ đã nhảy xuống trốn đi sau khi chén hết bánh trái trên rổ.

Thỏ lại gặp một con voi đang khóc. Từ đây trở xuống giống với truyện *To đầu mà dại*... của ta. Cũng vậy, voi thi với hổ bị thua phải nộp mình cho hổ chén thịt, nhưng ở đây không phải thi nhảy qua khe mà là thi hét làm sao cho chim chóc thú vật phải sợ. Thỏ cũng bảo voi làm đúng như lời mình dặn, đặc biệt là têm sẵn cho mấy miếng trầu. Với nước quết trầu, thỏ làm cho hổ tưởng là thỏ đánh voi chảy máu nên bỏ chạy. Rồi hổ không gặp khỉ mà gặp rùa. Rùa

cũng buộc dây vào mình nối với chân hổ và đưa hổ trở lại. Bị thỏ dọa, hổ cũng bỏ chạy kéo cả rùa đi khắp nơi làm cho rùa chảy máu mồm[1].

Một truyện của người Ca-tu *Thỏ rơ-pai* có những chi tiết khác:

Đi-dít đóng thuyền, thỏ làm bộ khôn tới bày vẽ, cuối cùng thuyền hỏng, bị Đi-dít giận ném vào đống ván bằng cây *i-dơ* đầy nhựa, thỏ bị dính chặt. Đang lúc không biết làm thế nào, thấy voi, thỏ nói: -"Không biết sức chú có kéo co được với anh một keo không?". Bị khích, voi thò vòi cuốn tung thỏ lên. Thế là thỏ thoát nhưng lại rơi xuống một cái hố sâu. Gặp hổ, thỏ gọi: -"Mau xuống đây kẻo giặc sắp tới giết thịt". Hổ nhảy xuống. Cũng như truyện của ta, thỏ cầm que chọc vào tai, vào mũi, rồi vào đít hổ để hổ tức, hy vọng hổ ném mình lên khỏi hố. Nhưng hổ vẫn không giận thỏ. Sau cùng thỏ bảo hổ há miệng cho mình nhổ nước bọt sẽ được bữa chén. Nhưng khi hổ há miệng thì thỏ ỉa vào một bãi. Giận quá, hổ quẳng thỏ lên. Thỏ thoát được và gọi dân làng ra bắt hổ. Bắt được hổ, dân làng đem rượu thịt mời thỏ ăn. Nhưng khi cả làng say rượu, thỏ cởi trói, cho hổ ăn no, rồi cả hai bỏ chạy.

Thỏ sai hổ đi tìm lửa về phía mặt trời mọc. Vắng hổ, thỏ ở nhà chén hết thịt rồi lấy đu đủ, bắp chuối nấu một nồi, khi hổ về cho hổ ăn bảo đấy là thịt.

Ở đây cũng có tình tiết thỏ chỉ cho hổ tổ ong vò vẽ nói là chiêng, hổ lên đánh bị ong cắn ngã xuống đất. Lại lần khác, chỉ cho hổ hai cây tre cọ nhau bảo là kèn, hổ ghé lưỡi vào bị cây kẹp, hổ lăn ra chết.

Thỏ tìm đến dê rừng nói dối là có con nai chửi nó, lại đến nhà nai nói là dê rừng chửi, làm cho hai con giận nhau, vì vậy húc nhau chết cả đôi.

Thỏ bị mùi chuối trong một cái bẫy rất thơm quyến rũ, bèn xin bẫy một quả. Bẫy trả lời: -"Ta chỉ biết trương lên sập xuống thôi!". Mấy lần xin không được, thỏ cáu tiết đạp bẫy một đạp, bị bẫy chụp lấy người, không rút ra được[2].

Loại truyện mang chủ đề con thỏ ranh mãnh của ta cũng như của Cham-pa và của Tây-nguyên, (xem thêm **Khảo dị** truyện số **88** sau đây) nói chung cũng đại đồng tiểu dị với truyện của Mã-lai (Malaysia), Khơ-me, Lào, Thái-lan, v.v... Các-đông (Cardon) có viết một quyển *Truyện chú hoẵng Pơ-lăng-đốc, vua xứ rừng*, thu thập và hệ thống hóa những truyện loài vật loại này của người Mã-lai (Malaysia) nhưng ở đây hoẵng đóng vai trò của thỏ. Xem thêm truyện *To đầu mà dại...* (số **58**) và truyện *Em bé thông minh* (số **80**). Tóm lại, truyện con thỏ là một mô-típ phổ biến ở Đông nam Á.

1. Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa.*
2. Theo *Truyện cổ Ca-tu.*

88. MƯU CON THỎ

Ngày ấy trên rừng không có miếng gì ăn, một chú thỏ mò xuống một ruộng khoai bới trộm. Ngờ đâu chủ ruộng đã nấp sẵn ở túp lều bên cạnh, ập đến tóm ngay lấy thỏ. Thỏ ta giả bộ chết nằm sóng soài. Chủ ruộng khoai lật đi lật lại mấy lần không thấy thỏ động cựa, tin là chết thật, vội nắm lấy tai xách về. Đến một cái quán bên đường, hắn vứt thỏ xuống gốc cây, thỏ cũng không chạy. Nhưng thừa dịp người ấy vào hàng uống nước, thỏ ta chồm dậy trốn mất.

Qua mấy ngày đi thất thểu, thỏ không làm sao kiếm được miếng gì vào bụng. Đói quá, thỏ lại lần xuống ruộng khoai hôm nọ bới trộm. Không may, lần này lại bị chủ ruộng tóm được. Biết thỏ ranh mãnh hay giả chết, hắn trói nghiến thỏ lại mang về nhà. Đến nơi, hắn bảo vợ:

- Bu mày nhốt nó vào nơm, mai kia ngày giỗ ta giết thịt!

Thế là thỏ bị nhốt kín trong nơm, trên nơm đè một hòn đá nặng. Thỏ loanh quanh luẩn quẩn vùng vẫy mọi cách, nhưng không thể nào thoát được. Đang khi hết cả mưu kế thì chợt trông thấy gần nơm mình có một chậu nước. Trong chậu có một con cá quả lớn đang quẫy, thỏ khẽ gọi:

- Cá ơi! Mày có biết mày sắp đến ngày tận số rồi không? Mai là ngày giỗ, chủ nhà nó bắt mày làm thịt đó! Có muốn thoát hãy vùng mạnh lên nữa cho vỡ chậu mà lóc ra ao.

Cá nghe nói, càng quẫy mạnh, quả nhiên, chậu vỡ làm ba mảnh. Nước lênh láng cả mặt đất. Cá ngoe nguẩy cố lóc ra phía bờ ao. Thỏ chờ cho cá lóc gần đến bờ ao mới làm bộ hốt hoảng gọi chủ nhà mau mau ra bắt cá. Cả vợ chồng lẫn con cái cuống quýt khi trông thấy cá đã trườn xuống ao. Đứa con chủ nhà giật vội lấy cái nơm nhốt thỏ chạy ra úp cá. Thỏ không đợi dịp nào may mắn hơn thế nữa, hướng lên phía rừng chạy một mạch.

Chạy một lát, thỏ gặp một con sông rộng. Thật là cùng đường vì chả có cách nào vượt qua cả. Trong khi bối rối thì vừa gặp một con cá sấu đang ghếch mũi lên bãi sông, miệng thở phì phì. Thỏ tươi cười gọi to:

- Anh sấu ơi! Hãy cõng tôi qua sông rồi tôi sẽ gả chị tôi cho anh. Chị tôi đẹp lắm kia.

Nghe thỏ tán bùi tai, sấu gật đầu. Thỏ nhảy lên ngồi trên lưng sấu. Sấu rẽ sóng bơi sang bờ bên kia. Gần đến nơi, thỏ đã làm một phóc nhảy lên bờ. Thỏ rảo bước nhưng không quên chọc tức sấu:

- Cảm ơn nhé! Nhưng chị tao còn để gả chỗ khác chứ có phải thừa đâu mà gả cho mày, sấu ơi!

Bị gạt, sấu giận điên cuồng, nghĩ bụng phải báo thù cho được. Một hôm, thỏ đi chơi, nhân khát nước cồn cào mới mò ra sông uống. Sấu đã trông thấy thỏ từ xa, liền đội một đống cỏ lên đầu, khẽ bơi đến gần thỏ. Ngỡ là đống cỏ trôi trên mặt nước, thỏ nhảy lên toan kiếm miếng ăn. Nào ngờ sấu đã tóm ngay được. Sấu ngậm thỏ vào răng, gầm gừ tỏ bộ tức giận. Thỏ bỗng cười phá lên:

- Cái giống nhà mày, "hừ hừ" như dọa trẻ con, chả ai sợ cả. Chỉ có "hà hà" thì tao mới sợ thôi!

Nghe nói, sấu vội mở miệng "hà hà" mấy tiếng, nhưng thỏ đã nhanh chân làm một phóc lên bờ. Thỏ dừng lại cười khanh khách hồi lâu rồi ung dung đi thẳng[1].

KHẢO DỊ

Cả ba truyện thỏ ở trên rất giống với những truyện cùng một đề tài của đồng bào Tây-nguyên và của người Khơ-me (Khmer). Dưới đây là một truyện (hoặc có thể nói là hai ba truyện gộp lại) mà từ người Xơ-đăng, Ba-na (Bahnar) ở phía Bắc cho đến người Mạ, Xtiêng ở phía Nam đều kể không khác nhau bao nhiêu:

Một em bé đi bắt ốc, trông thấy một con hổ và một con diều đánh nhau rất dữ dội. Hổ bị diều từ trên cao sà xuống mổ vào mắt tối tăm mặt mày phải

1. Cả ba truyện số **86, 87, 88** đều theo truyện kể của người miền Nam và theo Lăng-đờ (Landes). *Cổ tích và truyền thuyết An-nam*, đã dẫn.

van lạy xin tha. Sợ xấu hổ với loài người, hổ bèn biếu em bé một rổ cá, nhờ giấu kín việc ấy cho. Nhưng em bé lại về mách với mẹ, và từ người mẹ, chuyện hổ bị thua diều truyền đi khắp thôn xóm. Hổ giận, tìm em bé hẹn ngày bắt nó phải đến cho mình ăn thịt. Đến ngày ấy em bé buồn bã ra đi, dọc đường gặp thỏ. Khi biết chuyện, thỏ hứa sẽ cứu giúp em bé. Gặp hổ, thỏ bắt hổ thi với mình nuốt một cái chốt gỗ, nếu hổ thắng mới được ăn thịt em bé. Thỏ giả bộ nuốt nhưng cho chốt kín đáo rơi ra phía sau. Đến lượt hổ nuốt không nổi, bị thỏ đuổi chạy và bị em bé bắn tên vào đít.

Để đền ơn, em bé mời thỏ tới chơi nhà. Thỏ lên nhà bị chó rượt, và dù được em bé bảo vệ, ngồi ăn cũng không thấy ngon.

Một hôm, thỏ đến uống nước "giọt" rồi ngồi đấy chờ. Một con dê khát nước, tìm đến, bị thỏ ngăn lại, bảo rằng loài người dặn mình canh giữ, không cho uống. Sau đó, một con lợn đến, thỏ cũng bảo thế. Cả hai con đều sợ, lủi thủi ra đi. Một con voi đến, thỏ cũng bảo thế, nhưng voi chẳng nói chẳng rằng vứt thỏ xuống một cái hố sâu.

Thỏ không sao lên được. Vừa gặp hổ đi qua, thỏ gọi lại. Cũng như truyện của ta, thỏ lừa rằng trời sắp sập làm hổ hốt hoảng nhảy xuống. Thế rồi, thỏ dùng kế dánh rắm để hổ nổi giận quẳng mình lên miệng hố.

Nhưng rồi hổ cũng nhảy lên được. Hổ bảo thỏ giúp mình cột tranh vào lưng để đưa về. Cột xong, thỏ cũng thả một mồi lửa, tranh bắt cháy làm cho hổ bị sém da, giãy giụa mãi mới thoát.

Biết bị thỏ chơi ác, hổ cố tìm thỏ để giết. Lần thứ nhất hổ cũng gặp thỏ ở tổ ong và bị thỏ lừa "đánh chiêng của mẹ nó". Lần thứ hai gặp thỏ bên bụi tre và bị thỏ lừa "chơi tù và". Lần này hổ nghe lời thỏ, thè lưỡi vào bị tre nghiến gần đứt. Lần thứ ba, hổ gặp thỏ đang trèo lên một cây gỗ mục. Thỏ bảo hổ trèo lên để "xem ngoài biển có nhiều cảnh rất đẹp". Hổ trèo lên nhưng không thấy. Thỏ giục trèo lên cao nữa. Hổ trèo mãi cho đến lúc cây gãy, hổ ngã lăn xuống đá gần chết. Lần thứ tư, hổ lại gặp thỏ, thỏ chỉ vào một con rắn mang hoa gần đấy bảo hổ đó là một thứ khố rất đẹp. Hổ quấn vào, bị rắn cắn chết.

Sau đó ít lâu, gặp một bà già đang cắt cỏ lúa, thỏ bảo nấu cơm cho mình ăn, mình sẽ làm giúp. Bà già nghe lời, thỏ cắm cúi cắt cả cỏ lẫn lúa. Thỏ ăn xong, bà già ra thăm lúa thấy thế nổi giận, cầm gậy phang thỏ. Thỏ trốn bên cạnh vại nước. Bà già nhỡ tay đánh vỡ vại. Thỏ trốn vào trong một tổ mối, bà

già lấy đá chặn lỗ lại rồi về lấy lửa định tâm đốt chết. Thỏ dỗ dành cho đứa cháu bà già chui vào, còn mình thì trốn biệt. Lúc bà già mang lửa ra đốt, đứa cháu van lên:

- Bà ơi! Cháu đây!

Bà già tưởng bị thỏ lừa nữa, đáp:

- Cháu, tao cũng đốt!

Đứa cháu chết, bà già đi chợ mua thức ăn để cúng cháu. Thỏ giả chết cứng nằm giữa đường, bà già trông thấy nhặt thỏ vào rổ rồi đội lên đầu đi về. Thỏ nằm trên rổ ăn hết thức ăn rồi nhảy xuống. Khi bà già biết thì thỏ đã chạy mất. Ngày mai bà già lại đi chợ. Thỏ lại giả chết nhưng lần này bị bà già phang cho một gậy chết tươi.

Về truyện của người Ba-na (Bahna) xin xem thêm **Khảo dị** truyện *To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn* (số **58**).

Truyện con thỏ của người Khơ-me (Khmer) cũng y như những đoạn truyện của người Tây-nguyên vừa kể, có thêm một vài tình tiết. Chẳng hạn thỏ giao ước chạy đua với ốc sên; trước khi chạy, ốc sên bảo cả nhà mình chia nhau đứng rải rác dọc đường. Vì thế thỏ chạy đến đâu đã thấy ốc sên lên tiếng ở đấy. Cho đến khi sắp tới đích đã thấy ốc sên đứng chực ở đích rồi. Mẹo của ốc sên làm cho thỏ đành chịu thua cay.

Trong truyện *Rùa và hổ* của người Ba-na thì cuộc chạy thi lại diễn ra giữ hổ và họ hàng nhà rùa. Cũng như truyện rên, rùa bày mẹo chia nhau đứng mỗi nơi một con làm cho hổ chạy đến đâu cũng đã thấy rùa đến trước, cuối cùng đành chịu thua cuộc [1].

Một tình tiết khác là thỏ giúp cho người lấy lại cá:

Có hai người: một người đặt đó của mình xuống sông đón cá. Người thứ hai nửa đêm ra ăn trộm rồi bỏ cá vào một cái đó khác, vì lụt mắc trên ngọn cây. Sáng mai cả hai người cùng ra thăm. Người chủ của cái đó dưới sông kiện lên quan. Quan xử cho anh chàng có đó ở trên cây được kiện. Người kia trở về buồn bã, gặp thỏ và kể đầu đuôi cho thỏ nghe. Thỏ đến quan kể cho quan biết có một con chim công đang ăn cá trên ngọn cây. Thấy quan nhất định không tin, thỏ thừa dịp hỏi quan: - "Nếu cá không thể ở trên ngọn cây thì cá

1. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II, đã dẫn.

cũng không thể có trong dó trên cây được". Quan biết là mắc mưu thỏ, đành phải xử lại cho người kia lấy lại số cá của mình[1].

Người Khơ-me (Khmer) còn có một truyện *Thầy bói với hai ông bà già* giống với truyện của ta (số **88**) về đoạn đầu:

Một thầy bói nổi tiếng trong vùng. Gần đấy có hai ông bà già không muốn tin. Một hôm họ đi câu bắt được một con cá lớn, trên đường về lại bắt được một con thỏ sắp chết đuối. Về đến nhà, họ nhốt thỏ trong một cái nơm ngoài vườn còn cá thì bỏ giỏ ngâm ở ao gần chỗ nhốt thỏ. Rồi đi hỏi thầy bói xem mấy hôm rày nhịn đói, nay sẽ được ăn gì. - "Chỉ được ăn mắm trong vại thôi!". Thấy thầy nói thế, họ về bắt cá làm thịt định làm cho thầy thấy mình đoán sai. Chẳng ngờ khi bắt, cá quẫy buột tay rơi xuống ao, lật đật giật lấy nơm để nơm cá thì thỏ vuột chạy nốt. Chồng dành bảo vợ: -"Thôi đành ăn cơm với mắm vậy!"[2].

Lăng-đờ (Landes) kể truyện *Cuộc chiến đấu giữa hổ và diều* của người Cham-pa (sách đã dẫn) có một số tình tiết khác những truyện trên:

Hổ mang rổ đi tát ao bắt cá, từ sáng đến chiều mới cạn. Cá nhiều nhưng hổ bắt rất vụng. Một con diều được hổ cho xuống bắt hôi thì lại bắt rất giỏi. Thấy bao nhiêu cá lớn diều nhặt hết, hổ bèn đánh đuổi diều. Diều từ trên cao mổ cho hổ những cú bất ngờ và đau điếng. Hổ bèn cầu cứu với một người chặt cây gần đó, nhờ vậy mới đuổi được diều. Hổ xin người ấy giữ kín câu chuyện cho mình, đổi lại sẽ cho hươu nai để trả ơn, nhưng nếu tiết lộ thì nó sẽ ăn thịt.

Được nhiều hươu nai, vợ người ấy muốn biết lý do. Cuối cùng vì vợ van nài mãi, chồng bèn kể sự thật. Không ngờ lúc ấy, hổ rình ở phía ngoài nghe được liền buộc người kia phải đến chỗ hẹn cho mình ăn thịt.

Dọc đường người ấy gặp thỏ, kể hết đầu đuôi cho thỏ nghe. Thỏ hứa sẽ tìm cách cứu. Ở đây thỏ không thi với hổ trò nuốt chốt mà chỉ dọa hổ nếu không cho mình người ấy thì sẽ gọi diều đến đánh hổ nữa. Nói rồi thỏ vật vã giả chết. Chỉ một lát đã thấy diều lượn đến. Hổ thấy bóng diều, ba chân bốn cẳng bỏ chạy.

---

1. Theo Pec-sơ-rông (Percheron). *Cổ tích và truyền thuyết Đông-dương.*
2. *Theo Mác-ti-ni (Martini) và Béc-na (Bernard). Truyện dân gian chưa hề in của Căm-pu-chia.*

Một truyện khác của người Cham-pa cũng có nội dung thỏ cứu người, không phải khỏi tay hổ mà khỏi tay vua cá: Anh Han-uây đi gánh nước thuê, vô tình dẫm chết một con cá lòng tong. Vua cá cùng bộ hạ nổi giận kéo đến hàng ngàn hàng vạn toan giết anh. Anh khất một đêm để về giã từ cha mẹ anh em. Dọc đường anh khóc, thỏ thấy hỏi vì sao, rồi bày cho anh ngày mai chở đến một xe cây thuốc cá (ra-móc) nó sẽ cứu cho. Sáng mai, thỏ bày cho anh cạo vỏ cây bỏ thành đống ở suối rồi đứng giữa suối mà gọi vua cá đến. Vua cá và bộ hạ kéo đến hàng vạn nhưng đều nhiễm chất độc chết hết. Thỏ bảo anh chất lên xe đem về phơi và làm mắm. Từ đó anh trở nên giàu có[1].

Về quan hệ giữa thỏ và cá sấu, người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Sấu mất lưỡi*, đại thể như sau:

Quạ lừa sấu đến một sa mạc nói là đến một con sông có thể kiếm ăn tốt, rồi bỏ mặc sấu giữa bãi cát hoang vu. May làm sao nhờ được một bác đánh xe đi qua chở trở về chỗ cũ. Nhưng khi đến sông thì sấu lại dóp luôn chân con bò kéo xe. Thỏ bày cho người quất roi túi bụi khiến sấu phải nhả.

Giận thỏ, sấu một hôm giả làm khúc gỗ trôi sông. Cũng như truyện của ta, thỏ nhảy lên kiếm ăn bị sấu chụp được. Sấu kêu "hì hì" cho mọi loài thú biết đã bắt được thỏ, thỏ bảo: kêu "hà hà" có hơn không. Sấu làm theo, thỏ nhảy một phóc lên bờ. Ở đây khác với truyện của ta là lúc nhảy thỏ quắp cả lưỡi sấu lên theo giấu vào một bụi cây, rồi đi tìm mèo chỉ cho mèo biết để chén. Nhưng mèo tìm không ra vì lưỡi sấu đã hóa ra cây lưỡi mèo (ky-ong-sa)[2]. Vì vậy ngày nay sấu không có lưỡi.

1. Cũng theo Lăng-đờ (Landes), đã dẫn ở trên.
2. Theo *Truyện dân gian Miến-điện*, đã dẫn.

89. BỢM GIÀ MẮC BẪY HAY LÀ MƯU TRÍ ĐÀN BÀ

Ngày xưa có một anh chàng, nhà giàu có nhưng phải cái ngu ngốc thì không ai bằng. Một hôm, nghe nói trong vùng có đám hội lớn mở luôn mười đêm ngày, hắn vội vã thắng bộ cánh rất sang: áo gấm, quần lụa, khăn điều, nón lông, giày hạ. Hắn lại cưỡi một con ngựa có yên khấu trang sức đắt tiền. Dọc đường gặp ai hắn cũng hỏi: - "Ông (hay bà) xem tôi có đẹp hay không!" và hắn lấy làm đắc chí khi thấy người ta trầm trồ khen ngợi mình.

Lúc đến dãy quán quanh đám hội, hắn gặp một tay đại bợm đang tránh ngựa đứng bên vệ đường. Cũng như mấy lần trước, hắn dừng lại hỏi:

- Ông xem tôi có đẹp hay không?

Hắn không ngờ người kia lại trả lời:

- Đẹp thì đẹp đấy, nhưng chưa biết cách ăn mặc cho ra lối nhà quan.

Nghe nói thế, hắn bèn dừng ngựa, cầu khẩn:

- Ông vui lòng bảo giúp tôi một tí, tôi sẽ không quên ơn ông.

Bợm ta lớn tiếng:

- Thế thì hãy xuống ngựa đi! Cởi áo quần ngoài ra đưa đây ta bày vẽ cho!

Ngốc ta không ngần ngại, lần lượt cởi mọi thứ đang mặc trao cho hắn. Còn tên bợm mỗi lần mặc một cái vào người, hắn lại nói:

- Hãy nhìn đây! Như thế này mới là lối nhà quan.

Cuối cùng hắn nắm lấy cương ngựa, vừa trèo lên yên, vừa nói:

- Mở mắt ra mà nhìn cho kỹ cách người nhà quan họ cưỡi ngựa!

Hắn cho ngựa tế quanh hai vòng, rồi sau đó ra roi cho ngựa tếch thẳng.

Ngốc ta vùng chạy theo la làng. Nhưng chẳng có một ai tin lời hắn cả vì không thể nào có một tên cướp lại đủ thì giờ thắng bộ cánh đã cướp được vào người một cách chững chạc như thế kia.

Thế là anh chàng ngốc mất hết cả ngựa nghẽo và bộ cánh, đành khoác bộ quần áo tàng của tên bợm bỏ lại mà kéo bộ trở về nhà.

Nghe hắn kể chuyện, vợ hắn mắng cho một trận. Qua hôm sau, người đàn bà bắt chồng phải đưa mình đến đám hội tìm cho ra tên bợm. Nhưng nàng dặn chồng hễ bắt gặp nó thì đừng có hô hoán, chỉ ra hiệu cho mình biết mặt là đủ.

Lại nói chuyện tên bợm từ hôm được ngựa và áo quần thì đắc chí, cho là dầu kẻ bị mất có thấy hắn cũng không thể làm gì được nữa. Bởi vậy hắn ung dung cưỡi ngựa và mặc đồ lề vào, đi dự hội.

Khi gặp tên bợm, người đàn bà theo hút không rời. Nàng đã có chủ ý mang sẵn trong người một gói, trong đó có một chiếc hoa tai, một vòng đeo tay bằng vàng. Rồi nàng đứng chực sẵn ở một cái giếng, chờ lúc tên bợm sắp đi qua, lên tiếng khóc rưng rức. Nghe tiếng khóc, hắn bỗng để ý đến nàng, vội dừng ngựa lại hỏi: - "Tại sao lại khóc?". Nàng giơ cho hắn xem những đồ trang sức bằng vàng lóng lánh, rồi đáp: - "Trời ơi! Khổ thân tôi quá! Tôi buột tay để rơi xuống giếng một chiếc hoa tai và một chiếc vòng. Biết làm sao bây giờ?". Rồi nàng nói tiếp: - "Chồng tôi mà biết thì nó làm tội tôi đến khổ. Chàng có biết lội làm ơn mò giúp cho tôi một tí. Rồi tôi xin trả ơn chàng!".

Bợm ta thấy nàng đẹp, lại đánh hơi thấy việc có thể kiếm chác được, bèn xuống ngựa rồi cởi quần áo ngoài ra. Sắp lội xuống giếng, hắn còn hỏi tên người đàn bà. Nàng bảo hắn:

- Chồng tôi là Ngộ Văn Quá, tôi là Lại Thị Coi cũng ở miền này cả thôi!

Đáp xong, chờ lúc hắn ta hụp xuống nước, người đàn bà lập tức vơ lấy tất cả áo quần của tên bợm rồi nhảy lên ngựa phi nước đại về nhà. Bợm vừa nhoi lên thấy mất hút cả người lẫn ngựa, chỉ còn biết hai tay che lấy hạ bộ rồi chạy theo ngựa kêu van inh ỏi:

- Ôi làng nước! Bắt hộ tên Ngộ Quá, Lại Coi!

Nghe thế, những người đi đường xúm lại mắng cho hắn một trận. Hắn biết dại đành câm miệng lủi về nhà[1].

KHẢO DỊ

Người Nùng có truyện *Cá bống nuốt cá trê:*

Một ông lão mang mười lạng bạc đi chợ mua lợn giống, bị một tên đại bợm lấy mất cả. Về, vợ chồng cãi lộn. Đứa con mười ba tuổi mượn bố một chiếc nhẫn vàng và một chiếc nhẫn đồng mạ vàng để tìm cách đi lấy lại bạc. Đứa bé đeo nhẫn thật vào tay làm bợm ta theo hút không rời. Em giả bộ nhờ hắn chỉ chỗ để bán chiếc nhẫn. Bợm ta tận mắt thấy cửa hiệu vàng thử nhẫn của em bé, nhận đúng là vàng mười, trả giá mười lạng bạc. Đứa bé chê rẻ không bán, rồi rủ tên bợm ra bờ giếng uống nước, nhân lúc bợm ta ngoảnh mặt, em rút nhẫn thật giấu đi, đoạn giả lóng ngóng đánh rơi chiếc nhẫn mạ vàng xuống giếng. Thấy đứa bé nhờ mình lấy giúp chiếc nhẫn, bợm ta đắc ý cho là cơ hội tốt đã đến để chiếm lấy chiếc nhẫn, bèn cởi áo quần (trong có mười lạng bạc chưa tiêu) lội xuống giếng. Đứa bé chỉ chờ lúc ấy, vội vơ quần áo chạy và móc túi lấy số bạc của bố mình đã bị nó lấy cắp lúc sáng.

Bợm lội xuống tìm được nhẫn, vùi xuống bùn, định lên nói là không tìm ra. Lên bờ, thấy mất quần áo bèn lội xuống lần nữa lấy nhẫn, định đem đi bán hòng bù vào chỗ mười lạng bạc bị đứa bé lấy mất. Nhưng khi thử vào lửa thì mới biết đó chỉ là chiếc nhẫn đồng[2].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn và theo lời kể của người Bình-định. Xem thêm truyện *Nói dối như Cuội* (số **60**) cũng có tình tiết Cuội gạt một ông quan để chiếm lấy ngựa và áo quần.
2. Theo Hoàng Quyết, đã dẫn.

90. GÁI NGOAN DẠY CHỒNG

Ngày xưa có một người nhà giàu, vợ chết sớm, chỉ có độc một người con trai, đứa con vốn người xấu nết, đần độn, lại là tay chơi bời lêu lổng không chịu học hành hay làm ăn gì cả. Thấy con không lo nối nghiệp nhà, người nhà giàu rất buồn phiền, biết rằng của cải của mình sẽ có một ngày đội nón ra đi mà thôi. Bởi vậy, ông mới tính chuyện kiếm cho con một người vợ khôn ngoan đảm đang, để may chi nó sẽ ngăn chặn tay chồng, bảo vệ một phần nào cơ nghiệp. Nghĩ vậy, ông cất công đi khắp nơi tìm kiếm, nhưng đi đã nhiều nơi mà vẫn chưa thấy một người nào vừa ý.

Một hôm, đến một vùng kia, nhân mỏi chân, ông nghỉ lại một gốc cây bên đường. Ông bỗng thấy ở một cây táo gần đấy có một bọn trẻ đang tranh nhau trẩy ăn. Một chốc sau, một cô gái tuổi chừng đôi tám, cũng đến trẩy táo. Ông mới lân la lại gần hỏi xin ăn. Lúc này, táo chín đã bị bọn người trước trẩy hết, chỉ còn những quả xanh, nhưng cô gái cũng cố chọn lấy những quả ương ương đưa cho khách.

Thấy cô gái tốt bụng, ông ta nghĩ: -"Sởi lởi, trời gởi của cho, quăn co, trời gò của lại. Chỉ có người nào tốt bụng với mọi người mới xứng đáng được hưởng giàu có sung sướng". Bởi vậy ông bèn tìm đến nhà cô gái, giả làm một người lỡ độ đường xin nghỉ trọ một tối. Và rồi ông được gia đình cô gái ân cần tiếp đãi.

Để thử xem cô gái có khôn ngoan không, ông lân la làm quen với nàng. Khi biết cô sắp đi chợ, ông đưa ra một quan tiền, nhờ mua hộ cho mình "một nắm gió, một bó lửa". Cô gái chẳng nói chẳng rằng, mua về cho ông một cái quạt và một con dao đánh lửa. Thấy thế, ông thầm khen ngợi, nhưng vẫn định thử thêm cho biết.

Qua ngày mai ông dậy sớm, giở tay nải đưa cho cô gái mấy bát gạo nếp, nhờ nàng thổi giúp cho mình một nồi vừa cơm vừa bánh để ăn và đem đi ăn đường. Cô gái không từ chối, vội lấy gạo ra vo. Trước khi

cho vào nồi, nàng bớt lại một ít giã làm bột vắt bánh rồi hấp luôn vào cơm. Khi nàng bưng ra, ông già lấy làm vừa ý, cho là con người đó đủ cả đức hạnh, khôn ngoan, đảm đang ít có. Bèn quyết định trở về sửa lễ hỏi cho con trai làm vợ.

*

* *

Đứa con trai của ông từ ngày có vợ lại càng thêm lêu lổng; hắn thường bỏ nhà đi đánh đàn đánh đúm với bọn vô lại, làm cho ông hết sức buồn. Và điều làm cho ông lo lắng nhất là hắn thỉnh thoảng lại trộm tiền của ông, khi dăm bảy quan, khi một vài vác, tung vào cuộc đỏ đen. Mặc dù ông đánh đập, mặc dù vợ khuyên lơn, nhưng hắn chứng nào vẫn giữ tật ấy. Dần dần ông buồn phiền thành bệnh. Một hôm, biết mình sắp chết, ông gọi con dâu đến bên giường dặn nhỏ:

- Nay cha đã gần đất xa trời. Chồng con là một thằng "phá gia chi tử", cơ nghiệp này chỉ còn một sớm một chiều mà thôi. Cha rất thương con xấu số. Từ lâu cha làm ăn dành dụm, có để được một hũ vàng chôn ở sau vườn. Vậy cha cho riêng con hũ vàng đó, đừng cho chồng con biết. Sau này, chồng con có thật sự ăn năn hẳng giúp cho nó làm lại cuộc đời.

Đứa con trai ông sau khi người cha qua đời, lại càng chơi bời mặc sức. Vợ hết khuyên lơn đến cầu khẩn, hắn chẳng những không nghe, lại còn phũ phàng với vợ. Mỗi lần thua bạc, hai người lại càng xô xát. Nhiều lần vì vợ cản trở, hắn đánh đập vợ không tiếc tay và làm nhục nàng trước mặt mọi người. Một hôm để khỏi vướng, hắn viết giấy cho vợ đi lấy chồng khác rồi đuổi nàng ra khỏi cửa.

Từ đó, hắn phỉ chí tung hoành không một ai dám cản. Quả như lời đoán của bố hắn, mấy chục mẫu ruộng đều lần lượt "nướng" vào sòng bạc. Hết ruộng vườn tới nhà ở, chẳng bao lâu tất cả cái cơ nghiệp mấy đời truyền lại đều sạch sành sanh. Cuối cùng, không một đồng dính túi, không một nghề cầm tay, hắn đành bỏ làng mạc quê quán đi lang thang khắp đầu đường xó chợ, ngửa tay ăn xin qua ngày.

Lại nói chuyện người đàn bà sau khi bị chồng đuổi, bèn đổi tên họ tìm đến trấn thành mở một ngôi hàng nước. Sau ít lâu, kiếm được một số vốn nhỏ, nàng bắt đầu buôn hàng tấm. Số vốn của nàng ngày một lớn dần lên. Một hôm, gặp hai em bé mồ côi đi ăn xin, nàng thương tình đưa về nuôi làm con, coi như ruột thịt. Cuộc đời dần dần nở hoa trước mắt nàng. Trong một dịp đi kiếm củi, hai con nàng nhặt được một khúc gỗ mục, về chẻ ra thấy có mấy thoi vàng. Có vốn lớn lại có tài kinh doanh nên chẳng bao lâu nàng trở nên giàu có, nổi tiếng trong trấn. Tiền bạc tuôn về như nước. Tuy sống sung sướng nhưng nàng vẫn ở một thân một mình. Thấy nàng giàu có, nhiều kẻ ngấp nghé muốn "gá nghĩa Châu Trần", nhưng người đàn bà ấy nhất thiết từ chối mọi lời đường mật. Mặc dầu người chồng bạc bẽo và mặc dầu mười lăm năm xa cách, nàng vẫn không quên được tình xưa nghĩa cũ. Đã nhiều lần nàng thuê người lần đi các chợ búa phố phường dò hỏi, nhưng tin tức của chồng càng hỏi càng bặt tăm.

*

* *

Năm ấy, sau mấy tháng hạn, lúa khoai chết dần chết mòn trên những cánh đồng nứt nẻ. Giá gạo cứ lên vùn vụt. Ngoài đường, người đi xin ăn kéo từng đoàn. Người đàn bà lúc này đã là bà chủ hiệu. Bà xin phép quan trên cho mình đem tiền gạo ra phát chẩn cho kẻ khó. Làm như thế, nàng còn mong một khi thấy yết thị dán khắp thôn xóm thì chồng mình tất sẽ lần mò về, nếu hắn còn sống. Y như thế thật, ngày bắt đầu phát, nàng đã thấy bóng dáng của chồng ngồi ở xa xa, lấp ló trong đội quân lĩnh chẩn. Đúng là hắn. Từ ngày bắt đầu cầm bị gậy đến nay, hắn vẫn chưa có cách gì để sống khá hơn và đỡ hèn hạ hơn trước. Bây giờ nghe nói có phát chẩn, hắn vội mò đến đây và ngồi về đầu hàng phía tả. Thế nhưng khi phát, những người giúp việc cho bà chủ hiệu lại được lệnh phát từ phía hữu lại. Khi sắp sửa đến lượt hắn thì bọn họ tự nhiên nói lớn: - "Hôm nay đã hết gạo, mời bà con về đợi đến ngày mai!". Hắn buồn bực trở ra. Qua ngày mai, hắn cố tìm đến thật sớm, ngồi vào đầu hàng bên hữu. Nhưng hắn không ngờ những người phát chẩn hôm nay lại bắt đầu phát từ phía bên kia. Lúc sắp phát đến hắn thì chúng lại

giơ thúng không lên: - "Hôm nay thế là lại hết gạo, bà con hãy đợi đến mai".

Hắn thở than cho số đen đủi, lần trở ra về. Qua hôm sau, lại lần mò đến thật sớm. Lần này hắn len vào ngồi đúng chính giữa đội quân lĩnh chẩn. Trong bụng hắn nghĩ lần này thì không thể mất phần được. Nhưng đến giờ phát hắn không ngờ người nhà của bà chủ hiệu hôm nay lại phát hai đầu phát lại và cuối cùng người không được gì cả vẫn lại là hắn. Ba lần hỏng cả ba, hắn rất ngao ngán, bèn đánh liều tìm đến dinh cơ bà chủ để xin ăn. Gặp hai đứa con gái nuôi của vợ, hắn ngả nón kêu van hết lời. Ở trong nhà, người đàn bà nhìn ra biết là chồng đã do mưu của mình mà đến đây, bèn sai người hầu ra hỏi, xem hắn có biết làm việc gì không để thuê mượn. Nghe hỏi thế, hắn vội trả lời:

- Xin ông bẩm với bà lớn rủ lòng thương cho tôi được ở hầu bà, rửa bát, quét nhà, mọi việc tôi đều xin hết sức. Chỉ cho tôi ăn ba miếng là đủ rồi!

Người nhà trở ra cho hắn biết bà chủ nhận lời. Từ đó, hắn chăm chỉ làm lụng, cố làm vừa lòng chủ. Nhưng chung quy hắn vẫn không biết chủ chính là vợ cũ của mình. Về phần người vợ cũng không để lộ một tý gì cho hắn biết, chỉ dặn hai con và người nhà đối đãi tử tế mà thôi.

Sau một thời gian, thấy hắn chịu khó làm ăn, người đàn bà mừng lắm. Một hôm, nàng cho gọi hắn lên nhà hỏi xem có biết chữ nghĩa gì không! Hắn đáp:

- Tôi lúc nhỏ được đi học có biết ít nhiều.

- Vậy từ mai trở đi anh không phải hầu hạ nữa, cho anh ở gian nhà khách dạy đám trẻ học phóng, tôi sẽ trả mỗi năm ba mươi quan.

Nghe nói, hắn sung sướng bội phần, cảm thấy lòng nhân đức của bà chủ đối với mình bằng trời bằng biển, vội nhận lời ngay. Từ đó, hắn đóng vai thầy đồ, cố sức làm cho chủ tin cậy. Nhưng người vợ vẫn thử mãi không thôi.

Một lần, gặp ngày Tết, bà chủ sai lấy tiền ra cho kẻ hầu người hạ. Nàng nói:

- Ta cho mỗi người năm quan, hãy mang đi đánh bạc cho vui, nếu hết sẽ cho thêm.

Thầy đồ ta cũng được năm quan tiền. Nhưng trong khi mọi người đem tiền nướng vào xóc đĩa bài mười, thì trái lại, hắn mang nguyên vẹn số tiền đó về gửi cho chủ. Bà chủ hỏi:

- Tại sao anh không thích đánh bạc?

Hắn trả lời:

- Bẩm bà, tôi ngày xưa vì cờ bạc mà đến nông nỗi này. Cho nên bây giờ buộc chỉ cổ tay thề rằng không đụng đến nó nữa.

Thế rồi luôn miệng hắn kể hết cho chủ nghe, từ cuộc đời cũ có ruộng nhiều, có vợ ngoan như thế nào, rồi bán ruộng đuổi vợ ra sao, cho đến lang thang đói rách, và ngày nay đã ăn năn hối lỗi, v.v... Bà chủ hỏi:

- Anh còn thương vợ nữa không?

Hắn rầu rĩ:

- Tôi đã nhiều lần dò tìm mà không thấy.

- Nghe anh nói tôi rất thương tình. Vậy tôi cho anh năm quan để anh đi tìm vợ. Nếu hết tiền mà vẫn chưa thấy, anh cứ về đây tôi sẽ cho thêm mà tìm cho ra.

Hắn mừng rỡ vâng vâng dạ dạ, mang tiền đi tìm. Nhưng sau ba tháng trở về với bộ mặt thiểu não, hắn cho chủ biết không hề thấy tung tích đâu cả, chắc là vợ đã chết.

Từ đấy, vợ thấy chồng chí tình, lại có lòng tu tỉnh, nên rất mừng. Nhưng nàng vẫn chưa ra mặt vội, chỉ an ủi hắn hãy ở lại đây, may chi sẽ có ngày hội ngộ.

Một hôm, nhân ngày giỗ cha chồng, bà chủ nhờ thầy đồ chép bài văn tế. Hắn ta ngạc nhiên và khôn xiết mừng rỡ khi thấy bài vị của tổ tiên nhà chủ chính là bài vị tổ tiên mình. Lập tức, hai vợ chồng ôm nhau khóc lóc. Rồi sau khi cúng xong, họ mời làng xóm và người nhà ngồi lại kể rõ sự tình. Ai nấy đều cho là một cuộc tái ngộ hiếm có.

Về sau, hai vợ chồng dựng vợ gả chồng cho hai con nuôi, giao cửa hiệu lại cho chúng cai quản. Sau đấy, họ dắt nhau trở về quê hương xưa, chuộc lại vườn tược nhà cửa cũ. Và sau khi đã sống yên ổn ở quê nhà, vợ mới sai đào hũ vàng của bố chồng cho mình ngày xưa lên. Nàng nói:

- Có vàng chắc gì đã có hạnh phúc. Cho nên trong những cơn túng thiếu nhất, tôi vẫn không cần đến nó.

Nói đoạn, đem số vàng ấy cúng cho đền chùa để bố thí cho người nghèo.

Từ đấy hai vợ chồng sống với nhau đến đầu bạc[1].

Câu tục ngữ:

Làm trai rửa bát quét nhà,
Vợ gọi thì: - "Dạ, bẩm bà tôi đây!".

là do truyện này mà ra.

KHẢO DỊ

Ở đoạn ông già thử cô gái nấu cơm, người Hà-tĩnh kể:

Ông già đưa ra một bát gạo bảo cô gái nấu cho mình "*cả cơm, cả cháo, cả bánh cỗ khảo, lại cả nước chè*". Cô gái liền thổi một nồi cơm, chắt ra một ít nước cơm làm cháo, rồi đốt nhiều than vần cho có cháy, lấy ra một tấm cháy tròn và giòn ở đáy nồi làm bánh cỗ khảo. Đoạn, lấy một ít cơm cháy khác rang lên rồi đổ nước vào nấu thành một loại nước chè uống rất thơm mát. Khi tất cả bưng lên, ông già lấy làm vừa ý.

Người Hải-dương thì lại kể như sau:

Ông già đến nhà đưa ra một bát gạo đỏ nhờ nấu "tý cơm tý cháo". Trong khi người chị (truyện ở đây kể rằng nhà ấy có hai chị em) mắng ông già dở hơi "một nhúm gạo đỏ đòi nấu cả cơm cả cháo thì nấu sao được", thì cô em nhận lời. Đoạn cô lấy bát gạo nấu hơi nhiều nước. Khi sôi chắt lấy một ít nước cơm làm cháo, xong, gạo trong nồi còn lại thì cô ghế thành cơm.

Tiếp đó, ông già lại đưa ra ba đồng tiền bảo: - "Nhờ mua cho lão một cái quạt cầm tay, một cái nón đội đầu và tấm bánh ăn trưa". Cô chị lại bĩu môi chế nhạo ông già tiền đưa có ít đồ mua muốn nhiều. Nhưng cô em thì nhận lấy tiền mua về cho ông mấy tấm bánh đa (bánh đa khi nắng có thể che đầu, khi nóng nực có thể dùng để quạt, khi đói có thể ăn tạm). Ông già rất xứng ý.

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924) và theo lời kể của người Hà-tĩnh, Hải-dương, Sơn-tây.

Ở đoạn sau, khi cưới con dâu về rồi, người Sơn-tây còn kể thêm chuyện ông già thử nàng dâu kiêng tên "Chín" của gia đình. Ông già đưa cho cô dâu chín đồng tiền, bảo đi chợ mua "chín nén nhang về cúng chín ông tượng". Đoạn bảo con trai kín đáo đi theo xem con dâu có thực sự kiêng tên không. Cô dâu đến nhà hàng nói: -"Tôi có "thất nhị" đồng tiền, bà bán cho tôi "ngũ tứ" nén nhang". Nhà hàng hiểu ý bán cho nàng đúng số. Khi về, ông già lại bảo con dâu thay mặt gia đình làm lễ rồi nấp ở một xó để xem khấn vái thế nào. Thì nghe con dâu thực sự kiêng tên đến nơi đến chốn: -"Lạy chư vị, tôi là con dâu ông "bát nhất", vợ chồng tôi có "nhị thất" đồng tiền, mua "ngũ tứ" nén nhang về cúng "lục tam" thánh tượng...".

Ông già khen dâu giỏi.

Ở truyện do người Hà-tĩnh kể còn nói đến một số thử thách khác của ông già đi kiếm vợ cho con trai.

Lúc đến một xóm nọ thấy có nhiều cô gái đi múc nước suối, để thử có người nào thông minh không, ông bèn mang đôi giày vốn cầm ở tay, vào chân để lội qua suối. Các cô thấy thế đều cười ồ cho ông già dở hơi, đường khô không đi giày lại đi vào đường lội. Nhưng có một cô bảo: - "Cụ ấy rất có ý tứ. Đường khô mắt nhìn thấy rõ không cần phải đi giày, chỉ có lội suối mới đi giày vào, sợ giẫm phải gai góc, mảnh sành, mảnh chai què chân. Vậy đi giày là đúng".

Lần thứ nhất ông già chú ý đến cô gái ngoan.

Ở ngoài đường cái, ông già không che ô, nhưng khi vào đến cổng làng đi dưới bóng cây rậm, ông già lại giương ô lên che. Các cô gái lại được một phen cười khỏe. Nhưng cô kia nói hộ cho ông lão: -"Cụ ấy là người cẩn thận. Đi ngoài trời chẳng có gì đáng ngại, nhưng đi dưới cây rậm, che ô là sợ con sâu con rắn rơi xuống, hoặc có con chim con chóc nó ỉa xuống đầu. Vậy che ô là đúng".

Một lần nữa cụ già để ý đến cô gái ngoan[1].

Tình tiết vừa kể tương tự với tình tiết trong một vài truyện của Ấn-độ:

Một người bà-la-môn đi tìm vợ cho con quan đầu triều của vua Kô-sa-la. Một hôm đi đến gần suối thấy một toán con gái sắp lội qua suối. Các cô khác

1. Sưu tầm của Thanh Minh.

đều lột giày ra cầm tay, chỉ có một cô tên là Vi-sa-ca để cả giày mà lội. Sau đó ông tiến lại hỏi, thì cô đáp:

- Trên đất, người ta có thể nhìn thấy rác rưởi, gai, đá, que nhọn, vảy cá, rắn rết, nhưng dưới nước thì chẳng thấy gì cả, vì vậy mà tôi đi cả giày.

Truyện ở vùng Ca-sơ-mia (Cachemire) cũng có một chàng trẻ tuổi con một quan đại thần (vi-dia) làm bạn đường với một nông phu già trở về làng. Dọc đường, anh này có nhiều câu nói thông minh kiểu câu đố làm lão già không hiểu nổi. Cuối cùng lão thấy khi lội qua một con suối anh ta đi cả giày. Về đến nhà, lão cho con gái mình hay là người bạn đường trẻ tuổi là một người dở hơi, đã nói những câu ngớ ngẩn, lại chẳng phân biệt chỉ suối với giày. Nhưng cô cho bố mình biết là anh rất thông minh, việc mang cả giày lội suối là để tránh giẫm những vật mà mắt không trông thấy có thể què chân[1].

Người Nam Trung-bộ cũng có truyện *Gái ngoan dạy chồng* nhưng có một số tình tiết khác với truyện kể ở miền Bắc. Ví dụ ở đoạn người nhà giàu đi tìm dâu, thì ông ta không nhằm vào con gái nhà giàu mà tìm nhà nghèo. Ông lấy nhọ nồi và bùn bôi khắp người giả bộ nghèo khó, lại lấy giẻ rách buộc vào ống chân giả bộ ghẻ lở, đi ăn xin khắp nơi. Một hôm, gặp hai mẹ con một người ăn mày, ông trải chiếu nằm cạnh chỗ ở của họ, làm bộ rên đau. Cô gái, con người ăn mày động lòng thương, thăm hỏi và xua ruồi nhặng cho ông. Ngày hôm sau ông lại đến nằm rên dói. Cô gái nấu cơm cho ông ăn. Một hôm khác, ông làm bộ nằm mê, đánh rơi tiền quanh người, cô gái nhặt trả lại đầy đủ. Thấy con người tốt, ông mời về nhà mình, nói rõ sự thật, và sau đó cưới cô gái cho con trai làm vợ.

Ở đoạn chồng gặp lại vợ sau ba lần phát chẩn, thì chồng không đóng vai thầy đồ, mà được vợ cho đi chăn bò. Mỗi ngày vợ cho chồng một mo cơm mang đi ăn trưa. Nhưng chồng lúc này vẫn chưa hết thói cờ bạc, nên hôm nào cũng nhịn ăn, đổi mo cơm lấy tiền để đánh bạc, lúc về nói dối với vợ là đã ăn no. Một hôm vợ làm một mo cơm trong có bỏ một món đồ nữ trang bằng vàng, chồng lại bán mo cơm để đánh bạc, không biết trong đó có vàng. Khi đánh bò về vợ hỏi:

- Mo cơm đâu rồi!

- Ăn rồi!

- Có thấy gì không?

1. Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren.*

Thấy chồng ngơ ngác, vợ hiểu ra là chồng chưa động đến cơm. Tra gạn mãi mới biết là mo cơm đã gán cho một người ở dám bạc. Vợ lập tức cho người đi chuộc về, rồi dỡ nắm cơm ra cho chồng thấy vàng. Chồng từ đó hối hận, tu tỉnh thực sự[1].

Đồng bào Tày có truyện *Cô gái ăn mày* cũng là một dị bản của các truyện trên:

Xưa, có một phú ông góa vợ, trong nhà có một trăm trâu, một trăm dám ruộng và mười chum vàng chôn ở gốc táo. Đứa con trai độc nhất chơi bời loang toàng không chịu làm ăn gì cả. Phú ông định tìm một người vợ đảm cho con nhưng chưa có đám nào vừa ý.

Một hôm, có hai cha con một người ăn mày đêm đến ngủ nhờ cạnh đống rơm trước cổng nhà phú ông. Cô gái thấy trong đống rơm còn sót nhiều thóc mới nhặt và nhẫn từng hạt lấy gạo. Làm như vậy suốt đêm được một nhúm gạo, sáng dậy cô nấu cháo cho bố ăn! Bố hỏi làm gì mà có gạo, cô gái kể lại việc đã làm đêm qua. Phú ông đi qua nghe lỏm được câu chuyện, tấm tắc khen cô gái là một người hiếu hạnh và chịu khó, mới đón người ăn mày vào hỏi cô gái làm vợ cho con.

Từ ngày có vợ, đứa con phú ông lại mặc sức phá của. Về sau chê vợ, hắn mang theo một số vàng bỏ nhà đi biệt. Hắn đi rất xa, theo đàn theo đúm tiêu hết vàng, và cuối cùng lưu lạc làm nghề ăn xin.

Ở nhà, phú ông buồn bực ốm nặng. Trước khi chết, ông chỉ cho dâu chỗ chôn vàng. Sau khi chôn cất bố chồng, cô dâu giao nhà cho bố đẻ, rồi giắt một ít vàng bạc vào người, cải trang làm một người khác hẳn, ăn mặc rách rưới đi tìm chồng.

Sau khi tìm thấy chồng, vợ làm bộ không quen biết, giả cùng làm bạn ăn xin, lần hồi ăn ở với nhau như vợ chồng. Từ ngày ở với người dàn bà mới mà hắn không biết là vợ cũ, nhờ sức cảm hóa của vợ, hắn dần dần tu tỉnh. Để thử thách, một hôm vợ đưa cho chồng một số tiền nói dối là tiền chắt lót được, bảo thích gì cứ tiêu cho thỏa. Chồng cảm động không tiêu, từ đấy thức khuya dậy sớm làm hàng đi bán, bỏ nghề đi ăn xin.

Từ ngày có vốn liếng, chồng tỏ ý muốn về thăm nhà. Vợ cứ vờ như không biết, chuẩn bị cho chồng hành trang, trong đó có giã 500 chiếc bánh dầy cho

1. Theo lời kể của người Phú-yên.

chồng làm quà biếu bố, nhưng trong mỗi cái bánh có bỏ một ít vàng. Chồng đi rồi, vợ gửi nhà cho hàng xóm và đi đường tắt về trước. Đến nhà, vợ bỏ cải trang, trở thành người cũ. Chồng về thấy vợ, vẫn không biết là người bạn ăn xin vừa qua. Hắn tỏ lời hối hận, định cho vợ đi lấy chồng để mình trở về chỗ cũ. Nhưng vợ đã kể lại mọi việc, rồi bẻ bánh đầy cho chồng thấy vàng ở trong ruột, lại dắt chồng đào mười chum vàng ở gốc táo. Chồng mừng rỡ thương yêu vợ hơn trước[1].

Đồng bào Cham-pa có truyện *Chàng ngốc*, dường như cũng là dị bản của các truyện trên:

Hai vợ chồng giàu, có một con trai ngốc, nghĩ rằng nếu họ chết đi, đứa con không làm sao giữ được của. Bèn đào một lỗ giữa vườn chôn vàng bạc, rồi trồng lên trên một cây lựu, một cây ổi, một cây vải, một cây cam và một cây dừa. Lại đúc cho con một cái roi bằng vàng có bảy khúc. Trước khi chết, họ dặn con lấy vợ; lại đọc một câu đố bảo con học thuộc, và dặn đưa câu đố ấy ra đố vợ; vợ đoán ra thì chớ, nếu không đoán được thì bỏ, và đền cho một khúc roi vàng. Câu đố là: "Cái nhúc (?) ở dưới cây vải ai thấy vua ở dưới cây cam?"

Sau khi bố mẹ mất được vài năm, đứa con quả bị người ta lừa lấy hết cả của cải. Không biết cách làm ăn, hắn đành đi xin qua ngày. Hắn lần lượt lấy ba người vợ rồi lần lượt bỏ cả ba, vì không ai đoán được câu đố. Mỗi lần bỏ vợ hắn đều đền bù bằng một khúc roi vàng. Sau đó, người ta mách cho một dám khác: một cô con gái nghèo mồ côi, đi ở cho người. Sau ngày cưới, hắn đưa câu đố ra đố. Nghe xong, người vợ liền hỏi: -"Nơi vườn cũ của cha mẹ ở trước đây có hàng rào không?" - "Người ta đã phá hết", hắn đáp. -"Còn cây gì không?" -"Có các cây ăn quả" - "Đưa tôi đến đấy" - "Để làm gì?" - "Cứ đưa đi, đừng hỏi". Thấy các cây, đoán biết ở dưới có của chôn, cô gái không nói gì, chỉ bảo chồng đào cây lựu lấy rễ -"Sao vậy?" - "Cứ việc làm đừng hỏi". Đào lên được một đống tiền, vợ bảo chồng lấy tiền mua một đôi trâu, một cái xe và thuê hai người lạ chở xe về. Chồng làm như lời. Vợ bảo hai người ấy chặt cây rào xung quanh vườn và mua gỗ làm một cái nhà. Làm xong, bảo chồng đào các cây lên và lấy được vàng bạc. Vợ chồng Ngốc lại trở nên giàu có[2].

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, đã dẫn.

2. Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*, đã dẫn. Trong truyện này, người kể chưa giải thích rõ ý nghĩa câu đố và do đó chắc có bỏ đi một số tình tiết hay của truyện.

Truyện *Mã Sài Lao Pản* của người Mèo tuy diễn biến có phần khác nhưng chắc chắn có mượn một phần cốt truyện của loại hình *Gái ngoan dạy chồng*:

Hai vợ chồng nhà giàu nọ chỉ có một con trai, cưới vợ cho con xong thì họ qua đời. Đứa con trai thường đi buôn xa. Một hôm, vợ hắn cho một khách buôn nước ngoài ngủ trọ trên gác. Đêm lại khách dòng dây thả những thoi bạc xuống chỗ người đàn bà dệt vải, hy vọng nàng ưng thuận. Lần lượt thả đến 100 thoi mà không ăn thua, người đàn bà chỉ cho hắn ăn rồi phục rượu say để bảo toàn trinh tiết. Khách buôn ra đi, tiếc của, tình cờ gặp chồng người đàn bà, hắn nói: -"Tôi ngủ ở nhà một cô gái nọ, nó quyến rũ tôi lấy mất một trăm thoi bạc". Nghe nói, chồng nghi cho vợ không trung thành, bèn đến bạc cho hắn rồi về đuổi vợ. Từ đây, truyện giống với truyện của ta:

Vợ bỏ đi, lần hồi ra nước ngoài, ăn mặc giả đàn ông, buôn bán trở nên giàu có lớn, người vùng ấy gọi là ông chủ. Từ khi đuổi vợ, chồng trở nên buôn thua bán lỗ, của cải lần lượt phá tán. Hiểu nỗi oan của vợ, hắn bèn bỏ làng đi làm thuê, lưu lạc ra nước ngoài vô tình đến chỗ vợ ở mà không biết, nuôi thân bằng nghề kiếm củi. Một hôm vợ gặp, biết là chồng, liền mua gánh củi, dặn hàng ngày mang đến bán. Ít lâu sau thuê hắn làm công ở trong nhà, nhưng không cho hắn biết mình là ai. Thấy hắn ky cóp để dành tiền, hỏi thì đáp là để đi tìm vợ; nói rồi hắn kể hết chuyện nhà và tỏ ý hối tiếc hành vi ngày xưa của mình.

Một hôm vợ thử chồng bằng cách rủ hắn đi chơi rồi rủ đánh bạc, nhưng hắn không nghe. Lần thứ hai lại thử bằng cách xin Trời cho hóa hổ rồi vác hắn lên lưng đặt vào nhà một bà góa, sau đó lại đặt vào nhà một cô gái đẹp và giàu, nhưng hắn đều không xiêu lòng. Hắn bỏ chạy về nhà "ông chủ", thì vợ đã trút lốt hổ đồng thời trút bỏ cải trang. Hắn dần dần nhận ra vợ, hai vợ chồng từ đó lại sống hạnh phúc[1].

1. Theo *Truyện cổ tích dân tộc Mèo*. Sách đã dẫn.

91. BÀ LỚN ĐƯỜI ƯƠI

Trong vùng rừng núi miền Tuyên-hưng có giống khỉ gọi là dã nữ. Thỉnh thoảng người ta bắt được vài con đem về tập cho nói một vài tiếng người. Họ nuôi chơi làm cảnh, và quen gọi là đười ươi.

Ngày ấy ở kinh thành Thăng-long phố xá buôn bán đã mọc lên san sát. Nhiều cửa hiệu to lớn cất đủ mọi thứ hàng như gấm vóc, tơ lụa, pha lê, đồ sứ, v.v... Bọn chủ hiệu chỉ trông nhờ vào sự mua sắm của của đám quan lại. Hồi bấy giờ hàng quan võ được coi trọng, mà quan võ thì phần nhiều là người đàng trong, quê hương nhà chúa. Vợ con họ cũng theo đòi kiểu cách nhà quan: cũng hoa tai vành cánh, cũng cáng xá, cũng con hầu, đầy tớ xúm xít từng đoàn, v.v... Bọn chủ hiệu chỉ thích họ có mỗi một điều là khi mua hàng khai bao nhiêu họ giả bấy nhiêu, ít có sự cò kè bớt một thêm hai như bọn nhà quan xứ Bắc. Cho nên bọn chúng coi họ là khách bở, chào mời rất mực đon đả, nhiều khi cứ đưa hàng đến nhà rồi mới lấy tiền sau.

Chợt một hôm kia, trên đường phố có một cái cáng mui luyện, lá sắn buông kín mít, khiêng qua. Vẻ lộng lẫy của những người hầu: áo nỉ đỏ, cổ viền kim tuyến, làm cho người ta choáng mắt. Cáng dừng lại trước một dãy phố. Một người hầu tiến lại khúm núm bên cáng. Một lát sau, hắn tìm vào một hiệu buôn mà chủ nhân đã đón sẵn, chào mời những tiếng ngọt như mật.

Hắn nói nhỏ với bà hàng:

- Bà lớn tôi khó ở, không tiện xuống cáng xem hàng được. Bà lớn tôi muốn mua rất nhiều các thứ gấm, vóc, the, đoạn cùng một số đồ sứ, pha lê như kê trong giấy này. Vậy hiệu đây có những thứ hàng gì tốt hãy đưa để bà lớn tôi mua.

Đánh hơi thấy món hời, chủ hiệu mừng quá, vội dốc tủ đưa ra những thứ đắt tiền nhất. Hàng nào không đủ thì hắn lại sai người đến các cửa hiệu quen lấy về. Người đầy tớ hầu lần lượt mang hàng đến bên cáng để bà lớn xem và nói giá cả để bà lớn biết. Thứ hàng gì đưa vào cũng được bà lớn khen "được, được", "tốt, tốt". Chủ hiệu chưa bao giờ thấy một người khách sang dễ tính đến thế, trong lòng mừng khấp khởi, nhẩm tính tổng cộng số hàng có đến mấy trăm lạng bạc. Xong đâu đấy người hầu bảo:

- Bà lớn đây là vợ một quan lãnh mới ra kinh lĩnh chức. Dinh quan lớn tôi cách dinh quan tổng đốc mười ba ngõ về phía Nam. Nhà hàng muốn lấy tiền hoặc bạc nén hãy chịu khó đến đó mà nhận.

Chủ hiệu vâng vâng dạ dạ rối rít. Thế rồi chỉ một lát sau, bọn quân hầu kẻ ôm vóc nhiễu, người cắp gấm đoạn, kẻ mang đồ lặt vặt chạy rầm rập theo sau cáng bà quan.

Đến nơi, bọn phu cáng dừng lại toan vén màn mời bà lớn xuống. Tên hầu gắt:

- Bà lớn đang ngủ! Chúng mày hãy lấy "ngạc" mà đặt cáng lên rồi đứng trông đây chờ bà lớn dậy. Chủ hiệu thì hãy vào ngồi trong hàng nước kia, đợi chúng tôi mang hàng vào để quan lớn xem đã, rồi sẽ gọi vào nhận tiền.

Sau đó, một toán mang hàng vào dinh. Chờ một hồi lâu, bọn phu cáng cũng lần lượt đi mỗi người một ngả. Cuối cùng chỉ còn trơ lại chiếc cáng với chủ hiệu. Sinh nghi, chủ hiệu bèn tiến lại gần xem sao thì vẫn nghe thấy tiếng ngáy đều đặn của bà lớn. Tuy vậy hắn bạo dạn khẽ vén lá sắn lên xem thì thấy trong cáng chỉ có một con đười ươi mặc quần áo đàn bà bị buộc chặt với võng, chả có bà lớn nào cả. Đười ươi thoáng thấy người thì nói lên mấy tiếng "được, được", "tốt, tốt". Biết là bị mắc lừa, hắn hốt hoảng chạy vội vào dinh thì mới hay đấy là mấy ngôi nhà, trước kia cũng là nơi đóng quân của đội túc vệ, nay bỏ hoang, phía sau có cổng bỏ ngỏ thông với các lối khác.

Sau một thời gian thuê người tìm kiếm mà không thấy tăm hơi lũ bợm đâu cả, hắn đành ôm hận trở về với chiếc cáng cũ và con đười ươi[1].

KHẢO DỊ

Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút* cũng có kể một mẹo lừa của bọn lưu manh đời Lê mạt ở kinh thành Thăng-long tương tự với câu chuyện kể trên, chỉ khác là kẻ nằm trong võng không phải là con đười ươi mà là một bà già ăn mày mù. Các truyện này phần nào phản ánh thái độ của nhân dân đối với tầng lớp thương nhân, trong điều kiện một xã hội thương nghiệp không phát triển như nước ta.

1. Theo *Đại Nam đồng văn nhật báo*.

92. CON CHÓ, CON MÈO VÀ ANH CHÀNG NGHÈO KHỔ

Ngày xưa có hai mẹ con một anh chàng nhà nghèo rớt mùng tơi. Anh chàng lang thang đi kiếm việc làm nhưng chả có ai thuê cả. Mãi sau có một chủ thuyền buôn thấy anh khỏe mạnh lại biết bơi lội mới thuê làm thủy thủ. Hắn hứa cho anh cơm một ngày ba bữa và bốn mươi quan tiền trả trước. Anh chàng mừng rỡ tưởng không có hạnh phúc nào hơn thế nữa, vội cầm ba mươi quan đem về cho mẹ tiêu, còn mười quan thì mang theo định để dành may mặc.

Thuyền cất hàng, vượt biển luôn năm ngày đến một thị trấn lớn. Trên bến người mua kẻ bán chen chúc như hội. Bọn thủy thủ bảo chàng: -"Ở đây thứ gì cũng buôn được. Cứ mua một ít đưa về quê nhà bán là tự khắc có lãi".

Anh chàng xưa nay không quen buôn bán nên cầm mười quan tiền trong tay chưa biết nên mua thứ hàng gì. Bỗng chốc anh thấy có một người mang ra bến một con chó bị trói toan vứt xuống sông. Lấy làm thương, anh vội ngăn lại và hỏi duyên cớ. Người ấy cho biết chó này là của chủ mình. Hôm nay chủ đi chợ mua thịt về dọn tiệc, không rõ cất đặt thế nào để chó ăn vụng mất cả. Chủ tức giận trói chó đánh một trận thừa sống thiếu chết rồi sai đi buông sông. Nghe kể thế, anh chàng xin mua lại con chó. Người kia cười mà rằng:

- Nó chỉ chuyên môn ăn vụng, anh mua về làm gì?

Chàng đáp:

- Thây kệ, cứ bán cho tôi đi!

Cuối cùng anh chàng xỉa ra ba quan mua lấy con chó, cởi trói cho nó; đoạn xích lại bên chỗ mình làm việc.

Sau đó một chốc, anh lại trông thấy có một người đàn bà mang một con mèo toan vứt xuống sông. Anh chàng vội ngăn lại và hỏi duyên cớ. Khi biết tội trạng của mèo cũng chỉ là ăn vụng, anh nài nỉ để con vật lại cho mình. Thấy người đàn bà khuyên can không nên mua thứ mèo xấu nết, anh không nghe và nói:

- Thây kệ! Chị cứ bán cho tôi đi!

Thế là cuối cùng mèo cũng thoát chết. Và người chủ mới của nó sau khi xỉa ra ba quan để mua, đem buộc lại gần bên con chó.

Ngồi một mình trên thuyền, thấy buồn, anh chàng bèn bỏ thuyền lên bộ đi dạo bờ sông. Bỗng chốc anh thấy có ba đứa trẻ chăn trâu bắt được một con rắn nước, toan dùng roi xử tội. Anh chàng vội chạy lại ngăn cản:

- Các em đừng đánh nó, nó là rắn nước, có làm hại ai đâu?

- Mặc kệ chúng tôi - bọn trẻ đáp - Chúng tôi bắt được nó, chúng tôi đánh, ông cản làm gì?

Thấy bọn chúng khăng khăng cố tình giết rắn, anh chàng lại dùng đến tiền để cứu con vật vô tội. Chúng đòi năm quan. Mãi sau anh mới bớt được một. Thế là tất cả số tiền mang theo đều lần lượt vợi đến hết. Mua được con rắn, anh vội thả xuống sông cho nó trở về xứ sở. Bọn thủy thủ khi nghe anh kể lại những việc mua bán của mình thì đều cười ngất, cho là một người khờ dại ít có. Anh chỉ ngồi lặng yên không nói gì cả.

Khi thuyền bắt đầu trở về, vào khoảng nửa đêm, anh đang chèo bỗng thấy con rắn nước từ dưới sông bơi lên trao cho mình một viên ngọc và nói: - "Cha tôi là Long vương cảm ơn anh cứu mạng tôi, cho tôi đem biếu anh một viên ngọc "băng xuyên" để mời anh xuống chơi. Mang ngọc vào mình, anh có thể đi được dưới nước cũng dễ dàng như đi trên bộ". Anh chàng nghe nói vội buông chèo đi theo rắn nước xuống Thủy phủ. Quả nhiên, anh được vua Long vương tiếp đãi rất hậu, tống tiễn ngọc vàng châu báu rất nhiều. Sau đó anh được người của Long vương đưa về đến tận nhà.

Chủ thuyền thấy mất hút anh, tưởng anh đã rơi xuống nước. Bèn đỗ thuyền lại, lên bộ trình với xã sở tại. Nhưng khi mọi người về đến quê hương thì họ rất lấy làm ngạc nhiên, vì anh thủy thủ trẻ tuổi đã về đến nhà ba ngày trước rồi.

Từ đó anh trở nên giàu có. Nhưng anh vẫn sống một cuộc đời bình thường với người mẹ già. Con chó, con mèo được anh cứu vẫn theo anh không rời. Về sau, anh lấy vợ. Vợ anh là một cô gái đẹp. Nàng rất thích đeo nữ trang. Thấy viên ngọc "băng xuyên" chiếu sáng một góc tủ, nàng thích lắm nên một hôm lấy trộm mang đến cho một người thợ kim hoàn bảo đánh cho mình một chiếc nhẫn. Không ngờ, người thợ kim hoàn biết là ngọc quý ít có trong thế gian, bèn đi kiếm một viên khác tương tự như thế đánh tráo vào mà cướp lấy món bảo vật.

Khi biết rõ chuyện mất cắp, anh chàng thủy thủ trở nên buồn bã. Hàng ngày anh ra bờ sông mong tìm lại con rắn nước nhưng chả làm sao gặp được. Chó và mèo thấy chủ không vui, một hôm nói với chủ xin đi tìm viên ngọc.

Đường đi đến nhà người thợ kim hoàn phải qua một con sông rộng. Không có cách gì để vượt cả, hai con vật cứ loanh quanh ở trên bờ. Về sau chúng nó tìm được vào nhà một con rái cá. Chúng kể sự tình cho rái cá nghe và nhờ nó đưa giúp qua sông. Rái cá vui lòng gọi các bạn bè của nó đứng sát vào nhau, kết thành một cái bè cho chó và mèo ngồi lên lưng, chở qua sông yên lành.

Khi đến nhà người thợ kim hoàn, mèo bảo chó:

- Để tao trèo lên nóc nhà kêu lên mấy tiếng cho những con chó trong nhà xúm lại sủa. Thế là mày cứ đường hoàng theo cổng mà vào không ai biết.

Quả nhiên, bầy chó nhà của người thợ kim hoàn nghe mấy tiếng mèo kêu vội xông ra đuổi. Mèo dẫn chúng đi thật xa nên chó ta lẻn vào nấp dưới một cái hầm, vô sự.

Khi hai con vật gặp nhau lại, chúng tìm tòi khắp trong nhà. Tất cả của cải của lão thợ kim hoàn đều bỏ trong một cái rương xe, luôn luôn khóa kín, không dễ gì lọt vào được. Mèo bèn cố sức tìm tòi, chụp bắt

được một con chuột. Chuột van lạy xin tha mạng. Mèo bảo nó dẫn mình đến gặp chuột chúa đàn. Mèo nói rõ cho chuột chúa biết việc mình đến đây, và nhờ hắn giúp mình lấy cho được viên ngọc; đổi lại, mèo hứa sẽ luôn luôn để ý không phạm đến tôn tộc nhà chuột ở đây. Chuột chúa đàn vâng lời ngay: - "Để tôi bảo lũ con cháu, tôi tớ trong nhà khoét chiếc rương của nó ra, tìm cho các ông".

Nhưng đến khi lọt được vào trong rương, lũ chuột tìm mãi vẫn không thấy ngọc. Chuột chúa đàn ra báo lại cho mèo biết, và nói:

- Trong rương này có một cái hộp bằng bạc. Có lẽ nó giấu ngọc trong đó; cái hộp đó thì khó lòng mà gặm được.

- Vậy làm thế nào bây giờ? - Mèo hỏi.

- Chỉ có cách là chúng tôi sẽ nhờ xóm giềng hợp sức cùng chúng tôi khoét rộng lỗ thủng làm sao đưa lọt cái hộp ấy ra đây cho các ông tìm.

- Thế thì làm gấp lên đi!

Chỉ trong một đêm, cả xóm nhà chuột đã gặm nát rương, lấy được cái hộp đưa ra cho mèo. Hai con vật tìm cách phá hộp ra, quả thấy viên ngọc của chủ. Chúng vô cùng mừng rỡ.

Sau khi ra khỏi nhà người thợ kim hoàn, chó tranh mèo mang ngọc. Nhưng đến lúc sắp sửa sang sông, vì mắng nhau với một con chó khác, nên chó đã để ngọc văng xuống nước. Một con cá trông thấy ngọc sáng vội bơi tới đớp và nuốt ngay.

Thấy chó để mất ngọc, mèo giận quá mắng chó một trận thậm tệ. Chó biết lỗi, lặng thinh, cuối cùng mếu máo:

- Biết làm sao bây giờ?

Suy nghĩ một lát, mèo tìm được một kế bảo chó:

- Chúng ta sẽ tìm đến một nhà thuyền chài ở vùng này xin ở với họ. Thế rồi chờ khi họ câu được con cá đã nuốt viên ngọc thì sẽ kiếm cách cướp lấy đem về.

Chó khen mưu kế hay, bèn cùng mèo tìm đến một gia đình ông chài đang đỗ thuyền lại ở bờ sông phơi lưới. Hai con vật tỏ ra rất khôn ngoan, hiền lành nên được cả nhà đối đãi tử tế.

Mấy hôm sau, ông chài đánh mẻ lưới được một con cá chày rất lớn, mổ ruột ra, thấy có viên ngọc. Chó và mèo khấp khởi mừng thầm. Trong khi cả nhà đang trao ngọc cho nhau để xem của lạ, thì mèo lẹ làng tiến lại cọ người vào chân chủ. Nhân khi chủ sơ ý, nó nhảy lên ngoạm lấy viên ngọc và lập tức cong đuôi nhảy lên bờ chạy mất. Thấy thế, chó cũng ba chân bốn cẳng chạy theo làm mấy bố con ông chài ngơ ngác chẳng hiểu vì sao.

Lần này mèo tranh chó mang ngọc. Mèo lên mặt khôn, bảo chó:

- Lần trước ngậm bị rơi mất, lần này có cách rất hay là đội lên đầu. Sắp đến nhà rồi, chả sợ gì nữa.

Nó nói thế nào thì làm như thế.

Nào ngờ mới đi được một quãng đường, bấy giờ có một con quạ đang bay trên không trung, nhác thấy có cái gì lấp lánh trên đầu mèo, thình lình sà xuống đớp lấy rồi bay lên đậu trên cành cây cao. Thấy ngọc lại mất, chó đến lượt mắng chửi mèo rất dữ, rồi nói:

- Ngọc rơi xuống nước còn có thể lấy được, chứ bay lên trời thì đừng có hòng.

Mèo buồn rầu, nhưng ngẫm nghĩ một lát, nó lại bảo chó:

- Đúng rồi. Tao đã nghĩ ra được một kế.

Chó hỏi:

- Kế gì?

Đáp:

- Giả chết bắt quạ.

Nói xong mèo chạy xuống bờ sông uống một bụng nước đầy căng. Đoạn trở về xua chó trốn đi một chỗ, còn mình thì tới nằm dưới gốc cây phơi bụng trắng hếu giả vờ chết.

Quạ đang ngậm ngọc đậu trên ngọn cây nhìn xuống thoáng thấy có bóng con vật chết, vội vàng bay xuống toan rỉa thịt. Nhưng khi quạ vừa đáp tới thì mèo đã nhảy xổ lên vồ lấy quạ. Quạ van lạy xin trả lại viên ngọc cho mèo để được tha mạng. Mèo chỉ đợi có thế, ngoạm lấy viên ngọc, ra đi.

Lần này, cả hai con đưa ngọc về đến nhà vẹn toàn. Anh chàng thủy thủ lấy lại được món tặng vật của Long vương hết sức vui mừng. Hắn càng thêm quý mến hai con vật có tình có nghĩa[1].

KHẢO DỊ

Ở Nghệ-an, có người kể truyện *Con chó, con mèo và con chuột* cũng có thể là một dị bản của truyện trên.

Một người nghèo nuôi một con chuột, chuột thường sang bên nhà giàu hàng xóm kiếm ăn. Người kia hỏi chuột vì sao nhà ấy giàu. Đáp: - "Nó có một nén vàng" - "Có lấy được không?" - "Được". Chuột bèn khoét hòm tha vàng về cho chủ. Người nhà giàu mất của, thấy lỗ khoét mới sai mèo đi tìm. Mèo bắt các con chuột đến đo ở lỗ khoét thì có một con vừa tầm. Tra hỏi thì nó thú tội và nhận đi lấy về trả, có chó với mèo đi theo. Chuột lấy được trao cho mèo. Đến sông mèo để rơi vàng xuống nước. Mèo nhờ con tấy (rái cá) lặn xuống tìm hộ. Được vàng rồi, đến lượt chó mang đi. Dọc đường mệt quá, chó nghỉ dưới bóng cây. Mèo nhận việc trèo cây để canh giữ. Nhưng khi chó ngủ quên, mèo trộm lấy mang về trước, giành công một mình[2].

Một truyện khác ở Nghệ-an cũng là một dị bản thứ hai:

Có hai anh em nghèo khổ, ăn không đủ no, sống bằng rượu kê và hàng ngày đi làm thuê. Một ngày nọ họ đào được một cái bình đẹp. Anh cầm lấy xem và nói chơi rằng: - "Trời đã cho ta, ước gì được một bữa no". Hôm ấy đi làm về tự nhiên thấy hai cỗ cơm bày sẵn, anh em ăn no. Lại ước một người vợ. Sáng hôm sau quả có cô gái tìm đến làm vợ. Rồi sau ước vàng bạc của cải và nhờ vậy trở nên giàu có. Lại nuôi được một con mèo, một con chó rất khôn.

Có chủ đất làng khác nghe tin, bèn đến trộm lấy cái bình. Mất bình, anh em buồn rầu, chó mèo thấy thế bèn xin đi tìm. Đến nơi thì cửa đóng chặt không vào được. Bắt được một con chuột to, mèo bảo nó hễ lấy được bình ra sẽ tha. Chuột tìm lần đầu không thấy, lần sau khoét ruơng lấy được bình cho mèo. Chó mang bình lội qua sông, một con tấy (rái cá) nổi lên đột ngột làm chó hoảng sợ để bình chìm xuống sông. Mèo giả chết nằm bên bờ sông, một

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.
2. Theo *Bản khai của thôn Hướng-dương.*

con cộc bay đến bị mèo chụp, cộc phải lặn tìm bình để chuộc tội. Cuối cùng lại tìm thấy bình, cộc bèn đưa cho mèo về nộp chủ[1] .

Tương tự với truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*, ta còn có truyện *Con tôm vàng*:

Một người nhà giàu nuôi một con mèo. Con vật hết lòng với chủ. Một hôm chủ mất một con tôm bằng vàng, bảo mèo đi tìm. Mèo bắt một con chuột ra tra gạn. Chuột cho biết có anh thợ bạc vào lấy trộm. Mèo bảo chuột cùng đi tìm. Ở đây tình tiết của truyện giống với truyện trên kia nhưng không có chó, mà chuột thì kiêm luôn cả việc đục hòm lấy tôm vàng. Cũng không có việc nhờ rái cá đưa qua sông. Việc tìm tôm vàng dưới nước được giải quyết bằng cách dọa một con cá trong khi nó lóc lên bờ, bắt nó xuống tìm. Đoạn cuối, mèo dội tôm lên đầu bị quạ tha mất và mưu kế của mèo giả chết bắt quạ y hệt như truyện đã kể[2].

Người Khơ-me (Khmer) có truyện *Chàng Cơm Cháy* rất giống với truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* của ta.

Một đứa trẻ nhà nghèo phải đi xin từng miếng cháy mà ăn, nên người ta gọi là Cơm Cháy. Cơm Cháy ở với bà. Một hôm, nó đi câu nhưng không được gì. Thần Dế Thích thương tình cho ba con cá lần lượt mắc vào lưỡi. Y như truyện của ta, khi Cơm Cháy đưa cá về thì gặp một người toan vứt xuống sông một con mèo ăn vụng của chủ. Chàng xin đổi hai con cá. Lần thứ hai cũng gặp một cảnh gần như thế, chàng đổi được một con chó. Hai con vật hàng ngày chia nhau, con đi trộm cơm, con đi trộm thịt về cho chủ.

Một hôm Cơm Cháy đem chó lên rừng lùng rùa. Bắt được hai cái trứng rất lớn, Cơm Cháy mừng lắm mang về bảo bà mượn cho mình cái nồi lớn để luộc. Không ngờ đấy là trứng của vợ Long vương đẻ ra trong một cuộc lên chơi cõi trần. Lần thứ nhất Cơm Cháy không luộc được trứng, vì người làng thấy trứng lạ không cho luộc trong làng; lần thứ hai sắp luộc thì hai trứng đã nở, có hai con rồng lật đổ nồi bò ra. Cơm Cháy bắt về bỏ vào chậu. Sáng mai thấy lớn đầy cả chậu. Đem bỏ vào vại sáng mai thấy lớn đầy cả vại, lại phải bỏ ra ao. Đến ngày thứ bảy hai con vật to lớn không thể tưởng tượng được. Cơm Cháy không đủ thức ăn mà nuôi nữa. Nhưng hai con của Long vương (Naga) ấy đã

1. Theo *Bản khai của tổng Thanh-xuyên.*
2. Theo Nguyễn Văn Ngọc. *Truyện cổ nước Nam* B. Chim muông.

rủ Cơm Cháy về nhà chúng. Truyện còn kể, trước khi gặp bố mẹ, hai anh em còn kéo chân mẹ đang tắm và tỷ thí với cha để sau đó được nhận là con. Để trả ơn, Long vương cho Cơm Cháy một viên ngọc ước.

Cơm Cháy trở về bắt bà đi hỏi con gái vua làm vợ. Vua thách làm một nhà vàng, một cầu bạc. Cơm Cháy nhờ ngọc, có đủ mọi thứ cần thiết. Cuối cùng chàng lấy được công chúa một cách dễ dàng.

Nghe tin ở Kho-me (Khmer) có nhà vàng cầu bạc, vua Xiêm đem quân sang cướp. Cơm Cháy xin đi dẹp , và chàng đã làm cho quân địch tan tác không còn mảnh giáp. Một tên tù binh giặc vào hầu ở nhà Cơm Cháy đã nhân lúc chàng sơ hở, đánh cắp lấy ngọc trốn về nước, nộp lên vua. Cơm Cháy bảo mèo và chó đi tìm hộ. Từ đây câu chuyện gần giống với truyện của ta.

Đại thể, mèo cũng ra lệnh cho chúa chuột bảo quân lính của mình thi nhau gặm tủ sắt vua Xiêm trong có viên ngọc. Chúng gặm hăng quá nên con nào con ấy gãy cả răng, (thành ra bây giờ giống chuột chỉ còn mấy chiếc răng cửa). Được ngọc, chó giành mèo mang về, nhưng lại để rơi xuống nước lọt vào bụng cá. Mèo đến bờ sông chộp một con rái cá và bắt nó đi tìm. Rái cá tra tìm được ngay. Chó lại tranh mèo mang đi. Gặp diều, chó sủa ầm ỹ nên đánh rơi, viên ngọc lọt vào tay diều. Mèo lại phải dùng kế: bắt một con rắn hổ mang buộc nó phải mổ chết một con bò. Thấy có bò chết, diều sà xuống ria nhưng mèo đã rình sẵn, chộp lấy diều và bắt nó phải nhả viên ngọc. Chó lại giành mèo mang ngọc, nhưng lại đánh mất lần thứ ba. Lần này nhờ mưu mèo đưa mật biếu kiến chúa để kiến tung quân đi tìm.

Được ngọc trở lại, Cơm Cháy làm cho kẻ thù tan tác, và sau khi thắng lợi, được vua nhường ngôi[1].

Phần nhiều các dân tộc ở Tây-nguyên đều có truyện trên nhưng mỗi dân tộc kể một khác.

Truyện của đồng bào Ca-tu thì con thuồng luồng thay cho con rắn. Anh chàng nghèo khổ trong truyện cứu được con thuồng luồng con vua Thủy tề bị đá đè phải lưng. Lúc vua Thủy tề trả ơn, nhờ thuồng luồng mách, anh xin vua quyển sách ước. Có quyển sách mầu nhiệm, anh ước ra gạo, ước một con chó giữ nhà và một con mèo bắt chuột.

Lão chủ làng tình cờ đến nhà anh lục được quyển sách ước bèn đánh cắp. Mất sách, anh sai chó và mèo đi tìm. Cũng như các truyện trên, đến nơi, mèo

1. Theo Péc-sơ-rông (Percheron). Sách đã dẫn.

buộc chuột phải tìm sách ước. Tìm thấy rồi hai con vật mang về, nhưng chó lội sông để cho sách ước trôi, bị cá nuốt vào bụng. Hai con vật lại đến nhà thuyền chài, xin ruột cá để lục tìm. Cuối cùng cũng lấy được sách ước đưa về cho chủ.

Đoạn sau là cuộc chiến đấu giữa chủ làng và nhân vật chính. Nhờ có sách ước, anh bắn chết chủ làng và đồng bọn.

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai):

Y Rít kết bạn với một con rắn mà anh cứu khi nó sia vào bẫy của một con hổ. Rắn là con vua Thủy tề. Rắn cũng rủ anh về thủy phủ, và dặn anh cố xin cho được chiếc quạt thần mà chủ nhân là một cô gái xinh đẹp. Nhờ quạt thần, anh trở nên giàu có, có vợ đẹp tức là nữ thần quạt.

Trong thời gian Y Rít đi vắng, có vua Y Oéc đưa quân đến cướp của cải, kể cả quạt thần và bắt vợ anh. Y Rít trở về quyết đi tìm, có cả mèo và chó cùng đi. Dọc đường, mèo và chó rủ được chuột bạch và nhím đi theo. Nhờ có con ốc - mà anh cướp được ở tay một con lợn thần - hút cạn nước biển, anh tới nơi ở của Y Oéc. Trước hết chuột bạch nhận công việc đi dò xét. Sau đó Y Rít chia việc: nhím đào hầm, chuột đục thủng hòm sắt để lấy quạt thần. Trong khi đó thì chó và mèo cố dùa giỡn để đánh lạc hướng Y Oéc.

Được quạt, Y Rít vượt biển cạn về nhà. Xong, anh bảo ốc trả lại nước cho biển. Rồi anh dùng quạt quạt lên: vợ anh và của cải lại trở về, cả kẻ thù của anh và của cải của y cũng bị gió đưa tới. Hắn bị anh chém làm ba khúc và chiếm lấy mọi của cải.

Anh chàng nghèo khổ nhân vật chính trong truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) cũng là Y Rít. Rít ở với bà. Nhân đi chợ, anh mua được con mèo gầy, một con rắn bị đánh gần chết và một con chó ghẻ. Cả mấy con được Rít nuôi dưỡng, chúng kết bạn với anh. Anh muốn có rìu và rựa. Chó và rắn đi lấy nhưng không kết quả, chỉ có mèo là thành công. Được rìu và rựa, lại nhờ chó chỉ cho một cây mai, Rít chặt về. Trong cây có một cô gái hàng ngày hiện ra nấu cơm, cho lợn gà ăn và dọn dẹp nhà cửa, sau trở thành vợ Rít.

Đồng bào Ba-na (Bahnar) còn có một truyện khác là *Bót Hét* có thể xem là một dạng kết hợp giữa truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* với truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* (số **48**, tập **II**) của ta:

Ông Hét lần lượt dỗ các em bé nín khóc, được bố mẹ chúng cho mác, cuốc và dao. Ông lại dùng những vật này lần lượt đổi lấy một con mèo, một con

chó và một con trăn đều sắp sửa bị giết vì tội ăn vụng và trộm. Những con vật ấy đi theo ông làm bạn. Nhưng con trăn là con vua Thủy tề, nó đưa Hét xuống thăm thủy phủ và được vua tặng một chiếc nhẫn thần. Từ đó ông giàu có, lấy được vợ, sống rất sung sướng.

Nhưng một hôm vợ Hét để cho tên cướp lấy mất nhẫn quý. Thấy chủ buồn, chó mèo tình nguyện đi tìm. Được thần linh chỉ cho chỗ ở của tên cướp ngoài hải đảo, chó mèo tìm cách ra đấy. Đến nơi, mèo bắt một con chuột đi tìm, chuột lấy đuôi quệt vào miệng tên cướp, tên cướp há miệng trong có giấu chiếc nhẫn, mèo lập tức lấy được đưa về. Dọc đường nhẫn cũng rơi xuống nước và nhờ sự giúp sức của chim bói cá, mèo lấy lại được nhẫn quý đưa về cho chủ[1].

Người Bắc-ninh lại có một truyện dưới dạng kết hợp giữa truyện *Sự tích con dã tràng* (số **15**, tập **I**) với truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*:

Dã Tràng một hôm bắn chết một con rắn vợ ngoại tình, được rắn chồng tặng một viên ngọc, ngậm nó có thể nghe được tiếng loài vật (nhưng nếu để dàn bà ngậm thì ngọc sẽ tan ra nước). Một hôm, anh được dàn quạ mách chỗ có con nai chết; anh quên để bộ lòng cho quạ, bị quạ chửi, anh bắn nó, nó cắp lấy mũi tên có đề tên anh cắm vào xác một công chúa chết trôi. Vì thế anh bị bắt vào ngục. Ở trong ngục có lần Dã Tràng nghe bầy kiến gọi nhau chuẩn bị chạy lụt. Anh báo cho vua biết tin ấy kịp thời và nhờ đó giảm bớt thiệt hại cho dân. Vua hỏi chuyện anh, rồi đòi xem viên ngọc, nhưng khi ngọc quý lọt vào tay, vua chiếm đoạt luôn.

Thấy chủ than thở với vợ, chó và mèo nghe chuyện bèn tình nguyện đi tìm ngọc. Ban đầu mèo vào cung dùng đuôi ngoáy vào mũi vua đang ngủ, vua hắt hơi, viên ngọc ngậm trong mồm văng ra, mèo cướp lấy mang trở về, chó đòi mang thay nhưng chó tham ăn làm rơi ngọc xuống sông rồi về trước vu cáo mèo với chủ. Trong khi đó thì mèo ở lại, giúp việc cho ông chài và cuối cùng

1. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II, đã dẫn. Giống với truyện Ba-na, người Nga cũng có truyện *Chiếc nhẫn thần*. Nhân vật chính cũng cứu được một con chó, một con mèo và một con rắn. Con rắn đưa anh xuống một vương quốc dưới đất và xui anh xin vua cha một chiếc nhẫn thần. Có nhẫn, anh bảo mẹ đi hỏi con vua, và nhờ nhẫn, anh có đủ mọi món mà vua thách cưới. Nhưng công chúa không ưa anh, tìm cách lấy trộm nhẫn thần rồi ước cho anh mất hết cả, còn mình thì ước đến xứ sở nhà chuột. Chó và mèo nhận nhiệm vụ đi tìm. Mèo bắt vua chuột phải tìm cho ra. Chuột dùng đuôi ngoáy vào mũi công chúa chiếm được nhẫn. Nhưng khi mang về, nhẫn cũng bị rơi xuống sông, nhờ được vua tôi nhà tôm tìm, lấy lại, cuối cùng hai con vật mang về cho chủ.

tìm được ngọc ở trong ruột cá. Được lại viên ngọc quý, Dã Tràng thưởng cho mèo, hất hủi chó (thành ra bây giờ người ta cho mèo ăn vào dĩa bát, còn với chó thì đổ cơm xuống đất cho ăn).

Nhưng về sau ngọc tan ra nước vì vợ Dã Tràng dòi ngậm. Dã Tràng tiếc quá, đi thơ thẩn ra biển rồi chết hóa thành con dã tràng hàng ngày cứ vo cát như kiểu viên ngọc[1].

Nội dung truyện *Chàng Sơn* của đồng bào Mường cũng tương tự với truyện vừa kể, nhưng ở đây chỉ có mèo mà không có chó, và phần cuối diễn biến cũng có những xáo trộn và thay đổi:

Chàng Sơn nhờ cặp vợ chồng rắn trắng cho nước bọt làm tên thuốc nên sống sung túc. Một hôm anh định bắn chết một con rắn đen để cứu rắn trắng. Không ngờ bắn nhầm phải con rắn trắng vợ. Rắn trắng chồng trước toan báo thù, nhưng sau biết ý định tốt của Sơn, bèn tặng Sơn một viên ngọc nghe được tiếng loài vật.

Một hôm, vì quên để dành bộ lòng cho quạ nên chàng Sơn bị quạ báo thù bằng cách sai chuột đến lấy trộm viên ngọc của anh. Chuột đã thành công nhờ mưu ngoáy đuôi vào mũi Sơn, khiến Sơn hắt hơi làm văng viên ngọc ngậm ở miệng lúc ngủ.

Mèo giúp Sơn đi tìm viên ngọc. Mèo tóm lấy chuột, buộc chuột phải khai sự thật. Khai xong, chuột còn bày cho mèo kế "giả chết bắt quạ". Quạ thấy mèo nằm chết, tưởng có món bở, sà xuống định mổ. Không ngờ mèo chộp được quạ, giành lấy viên ngọc, rồi đưa cho chủ. Quạ giận lắm, một hôm nhân cấp được mũi tên có khắc tên của Sơn, bèn cắm vào xác chết trôi sông. Sơn do đó bị hạ ngục. Nhưng nhờ có ngọc, Sơn đã tìm thấy ấn ngọc của vua bị mất, nên được tha và được vua gả công chúa[2].

Truyện của người Mèo cũng tương tự hai truyện vừa kể, nhưng có thêm một ít tình tiết: khi nhân vật chính - Cù Minh Sàng - bị hạ ngục, để giải mối ngờ của vua, anh ta phải lần lượt nói cho vua biết câu chuyện của một đàn kiến, một đàn lợn và một đàn chim sẻ, v.v... Khi vua chiếm được ngọc, không bỏ ngọc vào miệng mà bỏ vào hòm, nên để đoạt lại viên ngọc, mèo và chó phải nhờ đến tài đục khoét của chuột (như truyện của ta đã kể)[3].

1. Do Ngô Thượng Ẩn sưu tầm.
2. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II.
3. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, đã dẫn.

Ở truyện In-đô-nê-xi-a (Indonésia) thì không phải mèo với chó mà là mèo với chuột, trong đó công lao tìm nhẫn chủ yếu là của chuột.

Có hai anh em Khi-na và Ma-đa cứu hai con rắn, được rắn rủ về nhà chơi và được bố rắn tiếp đãi hậu hĩ. Do hai rắn con mách, họ xin được bố rắn một chiếc nhẫn, hễ đeo vào tay thì có phép sờ vào vật gì đều biến thành vàng. Bị một người lái buôn đánh tráo mất nhẫn, hai anh em bèn nhờ một con mèo nhà đi tìm. Mèo rủ chuột cùng đi. Nhờ có chuột khoét hòm nên tìm được nhẫn mang về, nhưng mèo lại đánh rơi xuống biển, nhờ có chuột lặn xuống lấy lên. Lần thứ hai, mèo đánh rơi nhẫn xuống kẽ nứt dưới đất. Lại nhờ có chuột đào lỗ lấy lên. Nhưng lần này được nhẫn, chuột một mình mang về cho chủ[1].

Người Miến-điện (Myanmar) cũng có truyện *Những con vật biết ơn* cũng là loại dị bản của truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*, nhưng ở đây một mình mèo cáng đáng công việc tìm nhẫn, còn chó thì làm việc khác.

Có bốn chàng trẻ tuổi theo học một ông thầy. Một hôm, họ xin thầy giảng cho biết hậu quả của việc ăn ở tốt và tình thương đối với loài vật. Thầy kể cho họ một câu chuyện như sau:

Có bốn người đều giàu có khôn ngoan, cùng kết bạn và hứa sẽ giúp đỡ lẫn nhau. Ít lâu sau, một trong ba người chết đi để lại một đứa con. Mẹ thấy con còn trẻ người non dạ, bèn bảo con đi học khôn với ba người bạn của bố.

Anh chàng đi dọc đường thấy có một người dắt một con chó, hỏi mua, người kia đòi một trăm đồng, anh không mặc cả, mặc đầu con chó gầy gò. Mua xong cho người dắt về cho mẹ. Cũng vậy, hôm khác anh mua một con mèo, rồi một con ích-nơ-mông[2] đều với giá mỗi con một trăm đồng, trả ngay không kỳ kèo, và đều bảo đưa về cho mẹ.

Chó và mèo được mẹ anh chăm sóc tử tế. Còn con vật kia bà không dám nuôi trong nhà, cho ở một góc vườn. Bà sợ nó quá, trở nên ốm o gầy mòn. Một hôm, một người Bà-la-môn coi về phần hồn của bà đến quyên giáo, thấy vậy, hỏi lý do và khi biết sự thật, bảo bà thả con thú vào rừng. Bà thả nhưng đặt bên cạnh nó một vại thức ăn có ruồi dầu béo. Con vật thấy mẹ con người ấy đối với mình tốt nên mang đến tặng người con một cái nhẫn ngọc có phép cầu được ước thấy.

1. Theo *Truyện cổ tích In-đô-nê-xi-a*.
2. Một loại chồn chuyên ăn rắn.

Được nhẫn, anh chàng ước một lâu đài bảy tầng làm cho vua và mọi người ngạc nhiên. Vua gả công chúa cho chàng.

Lấy nhau được ít lâu, một người Bà-la-môn coi về phần hồn của công chúa đến chơi vào dịp anh đi vắng. Hắn gặng hỏi về tình yêu giữa hai vợ chồng và nói nếu quả là yêu nhau thì sao chồng lại không cho vợ deo nhẫn. Sau đó, nghe công chúa cầu xin, anh chàng nhẹ dạ tháo nhẫn thần đeo cho vợ, chỉ dặn chó trao cho bất kỳ một người nào khác. Hôm khác, người Bà-la-môn lại đến xin công chúa cho y ngắm cái nhẫn chỉ trong chốc lát. Nhưng khi có nhẫn trong tay, hắn lập tức hóa thành quạ bay đến một hòn đảo giữa biển, ở trong một tòa lâu đài bảy tầng.

Mất nhẫn, chồng buồn nhưng không trách vợ. Mèo tìm cách lấy lại nhẫn cho chủ. Ở đây, cách làm của mèo đặc biệt hơn các truyện khác: mèo chờ một hôm có các nàng tiên xuống tắm ở hồ, cởi chuỗi ngọc để trên bờ, bèn trộm lấy giấu đi, buộc các nàng tiên phải làm một con đường ra đảo mới chịu trả. Đến nơi, thấy tên Bà-la-môn đang ngủ say, mèo tháo lấy nhẫn cắp về cho chủ, trong khi đó tên Bà-la-môn rơi xuống biển chết.

Ít lâu sau bỗng có một bọn cướp xông vào toan giết chết hai vợ chồng anh để chiếm lấy chiếc nhẫn thần. Nhưng nhờ có con chó cắn cổ tên tướng cướp làm cho bọn đồ đảng thất kinh, chạy tán loạn, cứu được chủ vô sự.

Sau đó cả ba con tranh công. Việc đưa đến công chúa Thu-đam-ma Sa-ri xử. Công chúa phán: Công của chó là hơn cả vì nó bảo vệ được tính mạng của chủ, nhưng không coi nhẹ công của hai con vật kia[1].

Người Miến-điện (Myanmar) còn có truyện *Hai người đầy tớ trung thành* cũng là dị bản của truyện trên nhưng tình tiết lại khác:

Một bà góa nghèo sinh nhai bằng nghề bán bánh kẹo, đẻ được một trai đặt tên là Lười. Một hôm, Lười nằm nhà thấy có người dắt chó và mèo đi quẳng sông vì tội ăn vụng cơm vua. Thương hại, Lười lấy trộm một đấu gạo ra đổi. Mẹ về thấy hết gạo kêu trời. Lười hứa tìm cách đi làm nuôi mẹ. Ở đây, mèo và chó lại tình nguyện đi tìm một viên ngọc đỏ dưới đáy biển có phép cầu được ước thấy. Chúng xuống thế giới dưới ấy ban đầu tìm không thấy, nhưng lại bắt được con chuột, chuột xin tha chết để đi tìm hộ. Cuối cùng cũng biết được ngọc nằm trong miệng nhà vua. Chuột cũng thò đuôi ngoáy vào mũi vua

1. Theo *Truyện cổ tích Miến-điện*.

cho vua hắt hơi để ngọc văng ra. Chuột mang ngọc đến cho mèo và mèo được chó cõng lên thế giới trần gian.

Được ngọc, Lười xin mẹ hỏi công chúa cho mình. Ở đây cũng có tình tiết nhà vua hứa gả cho với điều kiện là phải có một cầu vàng một cầu bạc trước khi mặt trời mọc, nhưng lại không có đoạn cuối với tình tiết công chúa phản lại chồng như truyện trên[1].

Người Chi-lê (Chili) có truyện *Lâu đài và hoa huệ*:

Có hai ông bà già nuôi cháu mồ côi, một hôm sai cháu đi bán hoa quả. Như truyện của ta, ba lần cháu đổi lấy một con chó, một con mèo và và một con rắn bị trẻ đánh. Lần cuối cùng anh thả rắn ra rồi vì sợ ông bà mắng, bỏ đi tìm rắn. Đến một cái giếng thấy nàng công chúa tự xưng là con rắn nọ biến thành. Nàng biếu anh một quả trứng bé có thể cầu được ước thấy. Đem về anh ước một tòa lâu đài, và được như nguyện. Thấy anh giàu có quá sức vua kính phục gả con gái cho anh làm vợ. Nhưng vợ anh vốn có tư tình với một hắc nô; tên này xúi nàng hãy tìm cho ra bùa phép của chồng. Công chúa quả làm cho anh phải phun ra mọi bí mật và chiếm được trứng thần. Được trứng, vợ anh làm biến mất lâu đài để sống với hắc nô. Thấy mất lâu đài vua bắt anh hạ ngục, bảo trong ba ngày phải tìm lại bằng được nếu không sẽ trị tội. Mèo tìm vào nhà ngục được anh giao cho việc đi tìm lâu đài cùng với chó. Hai con đi mãi tới một đồn toàn lính chuột. Lại tới một đồn khác toàn lính mèo, chẳng ai biết lâu đài ở đâu. Lại một đồn nữa toàn lính khỉ, hỏi thì có con biết và nó dẫn đến nơi. Mèo dùng đuôi ngoáy vào mũi công chúa đang ngủ làm cho nàng hắt hơi văng trứng ra. Chó ngậm lấy mang về. Ở đây chó cũng làm rơi vật quý xuống nước sau nhờ mua được con cá nuốt quả trứng nên lại tìm lại được.

Được trứng, anh chàng cho vua thấy tội lỗi của công chúa và hắc nô. Anh nhờ trứng giải chúng về nộp vua còn mình thì đi tìm công chúa rắn. Cuối cùng hai người lấy nhau[2].

Người Xác-tơ (Sartes) ở Trung Á có truyện *Chàng đánh cá trở thành vua* phần nào giống truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ* (ở đoạn cuối) và truyện *Bốn anh tài* (ở đoạn giữa).

Hai cha con một người đánh cá, một hôm câu được một con cá vàng. Không nghe lời can của cha, người con đem dâng vua, được vua cho làm cận thần.

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*.
2. Theo *Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian*, tập IV (1923).

Bọn quan triều đình không ưa anh đánh cá, xui vua bắt anh đi tìm một chậu thủy tinh để "có thể ngắm cá từ mọi phía". Anh hẹn bốn mươi ngày. Về nhà bị cha mắng, nhưng rồi cha cũng bảo đến nhà cô nhờ cô giúp. Cô anh là một mụ phù thủy. Cô nuốt cháu vào bụng rồi nhả ra thành quả cây để cho lũ con mình khỏi ăn thịt. Sau đó, đợi khi lũ con ngủ say cô lén thức đứa thứ hai dậy, bảo nó đưa anh đến nhà người bà con để xin chậu. Được chậu đưa về, vua khen anh và thăng chức. Bọn quan trong triều lại xui vua bắt anh đi tìm một cái giường vàng để "nằm ngắm cá". Cũng như lần trước, anh lại đến nhờ cô. Được giường mang về, vua cho anh làm quan đầu triều. Bọn quan ghen ghét lại xui vua bắt anh đi tìm một công chúa đẹp nhất thế giới để chia sẻ hạnh phúc với vua trong việc nằm giường ngắm cá. Cô anh lại sai con mình đưa anh đi tìm. Dọc đường anh gặp một chàng khỏe hai tay cầm cây lớn ném như ném cầu. Anh tỷ thí với hắn, nhấc bổng hắn lên rồi ném xuống đất mạnh đến nỗi hắn ngập đến thắt lưng. Thấy hắn xin tha, anh kéo lên cho đi theo. Lần lượt gặp người thứ hai tài ăn, tay cầm một cái gương, hễ có vật nào đi qua rọi gương vào là bị quay chín rồi chui tọt vào mồm hắn, ăn bao nhiêu cũng không đủ no. Người thứ ba tài uống cạn nước sông, anh đều thắng họ trong những cuộc đấu và rủ họ đi theo.

Cả bốn người đến một hòn núi cắm đầy đầu lâu, trên đỉnh có một cái trống lớn. Anh bảo người thứ nhất đánh trống. Tiếng trống làm rung trời chuyển đất, làm chết chim chóc thú vật. Một bà già bước ra bảo muốn tìm công chúa phải thực hiện ba điều: một là biến một ngàn cân sắt thành bột với cái búa gỗ. Anh sai người thứ nhất làm xong ngay. Hai là, nuốt một đống rác rưởi và giẻ rách đầy một sân. Người bạn đường thứ hai giúp anh ngốn hết. Ba là, chui vào một cái lò khổng lồ mà bà lão đã đun nóng trong bốn mươi ngày. Người bạn đường thứ ba nốc cạn nước sông phun vào, cả bọn vào tắm ở trong vô sự, lại giục bà lão đun thêm kẻo rét. Cuối cùng, bà lão trao cho anh một cái hoa thần có thể cầu được ước thấy.

Sau khi chia tay với những người bạn đường, anh cứu một con mèo, một con chó và cho chúng đi theo. Từ đây truyện phát triển gần giống với truyện Miến-diện kể trên. Khi đi tới gần nước của công chúa, anh đặt hoa vào miệng ước có lâu đài nhà cửa, thành lũy, có người hầu kẻ hạ như một vương quốc. Anh chọn một số người đóng vai sứ giả đến yêu cầu vua nước ấy nếu muốn yên ổn hãy gả công chúa cho mình. Vua đòi sính lễ là một tòa lâu đài lơ lửng giữa không trung. Nhờ có bông hoa nhiệm màu, anh làm được ngay. Vua dành phải gả nhưng buộc anh nán lại vài tuần.

Có một hoàng tử con vua nước láng giềng vốn cũng muốn lấy công chúa, nay được tin này, bèn rao trong nước ai có cách gì bắt công chúa về sẽ trọng thưởng. Một mụ già xin đi. Mụ đến trước lâu đài làm bộ đói khát, được anh cho ăn uống và nghỉ lại. Rồi mụ làm quen với công chúa, bảo công chúa hỏi chồng làm cách gì mà có tòa lâu đài lạ như thế. Công chúa nghe lời, cuối cùng trộm hoa thần đưa cho mụ xem. Được hoa, lập tức mụ ước chuyển lâu đài về nước hoàng tử, bỏ anh chàng cùng chó và mèo lại.

Thấy chủ than thở, chó và mèo xin đi tìm. Mèo vào thành khi mọi người còn đang ngủ. Nó dùng đuôi ngoáy vào mũi làm mụ già hắt hơi văng bông hoa ngậm trong mồm ra. Mèo chộp lấy mang về. Ở đây cũng có tình tiết mèo đánh rơi hoa xuống sông, nhờ có chó kêu gọi vua loài nhái và vua loài cá bảo thần dân của họ đi tìm. Một con cá đã vô tình nuốt hoa thần, bèn nhả ra trả cho chó. Hai con lại mang về cho chủ. Chàng đánh cá lại ước cho lâu đài trở về chỗ cũ. Anh giết mụ già, giết luôn cả hoàng tử và đưa công chúa về cho vua mình. Nhưng công chúa chỉ biết anh là chồng mà không chịu lấy vua. Câu chuyện kết thúc bằng tình tiết: công chúa có một cây roi thần, khi vua ra đón, liền dùng roi biến vua thành một con lừa dực. Lừa dực vừa trông thấy một con lừa cái thì đuổi theo ngay. Còn công chúa và chàng đánh cá thì trèo lên ngai vàng[1].

Một truyện ở đảo Cor-xơ (Corse) cũng có diễn biến phần nào giống với truyện vừa kể nhưng đã loại bỏ nhiều tình tiết rườm rà. Ở đây công lao lấy lại vật mầu nhiệm là của chuột.

Một mẹ một con nuôi một gà mái, mỗi ngày nó đẻ cho một trứng. Con là Jô-van-ni mỗi ngày kiếm củi bán ở chợ vừa đủ tiền mua bánh về ăn với trứng làm thức ăn. Họ cứ sống như thế. Một hôm gặp ngày hội, con bàn bán quách con gà. -"Thế thì ăn bằng gì?" mẹ hỏi -"Con sẽ làm bó củi rõ to là có thức ăn". Bèn đưa gà ra chợ bán cho một mục sư. Mục sư mua, nhờ anh mang về hộ. Dọc đường anh nghĩ: -"Ta nuôi gà mà chẳng được ăn, bèn cắt lấy cái đầu. Tự nhiên trong cổ gà thòi ra một chiếc nhẫn. Anh đeo vào ngón tay, nhẫn bỗng nói: -"Sai tôi đi!". Anh biết là nhẫn mầu nhiệm. Sau khi đưa gà cho nhà mục sư, anh về nhà sai nhẫn dọn một bữa ăn, rồi lại sai làm một cái nhà đẹp trước cung vua, có đủ tiện nghi sang trọng. Công chúa nhìn sang, lấy làm ngạc nhiên,

1. Theo Da-sác-cô (Zacharko). *Truyện cổ tích Xác-tơ,* tạp chí *Muy-dê-ông (Le Muséum),* tập 39 (1926).

bảo vua cha mời chủ nhà ấy sang thết đãi. Jô-van-ni bắt nhẫn soạn một bữa thịnh soạn để đáp lễ. Công chúa yêu anh, hai bên lấy nhau sung sướng.

Mục sư về hỏi đầy tớ mới biết gà đã mất vật quý bèn đem một hộp đầy nhẫn ngọc vừa đi vừa rao: - "Nhẫn cũ đổi lấy nhẫn mới không?". Công chúa không biết chiếc nhẫn của chồng là mầu nhiệm bèn đổi quách, trong khi ấy chồng cùng vua cha đi săn vắng. Mục sư được nhẫn, sai nhẫn làm biến mất nhà của Jô-van-ni. Anh chàng này cất công đi tìm. Gặp một bà già, anh hỏi chỗ ở của mục sư. Bà già không biết , giới thiệu anh với một người chị. Người này biết được mục sư hiện đang ở giữa biển. Người đó lại cho anh một con mèo, bảo dùng mèo bắt chuột mới có cách lấy lại nhẫn thần. Anh bắt được vua chuột dọa nếu không tìm được nhẫn sẽ cho mèo ăn thịt. Vua chuột cho hội họp toàn dân lại. Thiếu mặt một con chuột cái què. Khi tìm được con này, nó xin một cuộn chỉ và một quả bầu. Nó buộc một đầu sợi chỉ vào cây ở đất liền, một đầu vào bầu. Đoạn, ngồi vào quả bầu bơi ra biển. Đến nơi nó nấp dưới giường mục sư. Đến tối, mục sư bỏ nhẫn vào mũi. Chuột cũng dùng đuôi ngoáy, mục sư hắt hơi, nhẫn văng ra. Chuột bèn tha ngay lên quả bầu rồi kéo sợi chỉ để trở về. Về đến nơi đưa cho vua chuột. Vua chuột trả lại cho Jô-van-ni. Jô-van-ni cho phép chuột được tự do cư trú (vì vậy ngày nay chuột có mặt ở khắp nơi).

Jô-van-ni tìm vợ và bố vợ, trả lại con mèo cho bà già, đoạn về tìm lại mẹ, đưa mẹ về sống với nhau sung sướng[1].

Có một loạt truyện cũng có thể coi là dị bản của truyện *Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ*, tuy rằng các nhân vật chó và mèo đã được thay thế bằng những con vật khác. Một vài truyện tiêu biểu:

Truyện của người Ca-ma-ôn, ở gần núi Hy-mã-lạp (Himalaya):

Một nàng tiên trở thành vợ một hoàng tử bị vua cha đuổi, một hôm đến gội đầu ở con sông gần một thành phố. Con vua xứ ấy sau đó đi tắm bắt được sợi tóc dài của nàng. Hắn nói với vua cha rằng mình muốn lấy một người có tóc như thế. Vua sai quân đi bắt nàng tiên về. Hoàng tử chồng nàng tiên tìm đến cung vua, có mang theo một con nhái và một con rắn - những con vật chịu ơn - một con dưới dạng một bà-la-môn, một con dưới dạng một phó cạo. Để trừ khử anh, vua ra lệnh cho anh phải lấy cho được một cái nhẫn mà vua

1. Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tơ-ne-dơ (Tenèze). *Truyện cổ dân gian Pháp*, quyển II.

sai người hầu quẳng xuống sông, nếu không sẽ bị bắn vào đầu. Người phó cạo trở lại hình nhái nhảy xuống gọi vua nhái cùng lũ nhái rồi huy động cả vua cá và triều thần, cuối cùng tìm được chiếc nhẫn. Vua toan đánh nhau với chồng nàng tiên nhưng bị người bà-la-môn trở lại hình rắn, cắn chết.

Truyện của người Ý (Italia):

Một ông vua già theo lời xui giục ra lệnh cho Li-vơ-rét-tô phải đi bắt công chúa Ba-li-san-dra về cho mình. Dọc đường, theo lời dặn của một con ngựa thần, anh đã cứu một con cá và một con chim ưng. Anh bắt được công chúa, nhưng trước khi lấy ông vua già, công chúa bắt anh phải mang về một cái nhẫn mà mình đánh rơi ở sông, và đi tìm một lọ nước thần có phép hồi sinh. Nhờ cá và chim ưng, anh đã lấy được hai thứ trên. Ba-li-san-đra giết anh, cắt ra làm nhiều mảnh quẳng vào chảo. Đoạn nhúng tất cả vào lọ nước hồi sinh. Tự nhiên, anh chàng trở dậy đẹp và khỏe hơn hơn trước. Thấy vậy, ông vua già nhờ công chúa làm cho mình trẻ và khỏe lại. Công chúa giết và quẳng xác xuống hố, sau đó lấy Li-vơ-rét-tô[1].

Về mô-típ người cứu rắn và được rắn đền ơn bằng cách đón về nhà tặng vật mầu nhiệm, xem thêm truyện *Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán* (số **48**) và truyện *Giáp Hải*.(số **149**, tập **IV**).

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Nghiên cứu văn học dân gian (tìm hiểu sự thiên di của các truyện cổ dân gian và điểm xuất phát).*

93. NGƯỜI HỌ LIÊU VÀ DIÊM VƯƠNG

Ngày ấy có dòng họ Liêu, không hiểu do nguyên cớ nào mà người trong họ thường bị nạn chết non. Bọn lính tráng của Diêm vương luôn luôn để ý rình mò dòng họ này, hễ thấy người nào chừng quá ba mươi tuổi là bắt đi ngay. Người nào may mắn có sót lại thì cũng chỉ đến bốn mươi là hết hạn. Bởi vậy, những ai trót sinh vào nhà họ Liêu thường bảo nhau cứ đến ba mươi tuổi là trối trăng và sắm hòm ván sớm đi, nếu không là y như vất vả.

Ngày ấy, cũng lại có một ông lão họ Lã sống được hơn ba trăm tuổi. Tuy tuổi nhiều mà sức ông vẫn khỏe, hàng ngày ông vẫn ra ngồi ở bờ biển câu cá. Nhưng ông lão ít nói, không thích giao thiệp với ai.

Bấy giờ trong họ Liêu có một người, thấy cả họ mình chịu số phận như vậy thì tức lắm. Cho nên ông ta quyết kiện Diêm vương bằng được. Ít lâu sau, năm ông ba mươi mốt tuổi quả đến lượt bị lính Diêm vương đến gõ cửa. Ông xin họ cho mình thong thả một tí, nhưng bọn lính xông bừa vào lôi ông đi. Ông chỉ còn biết trối lại với con một câu là bỏ vào áo quan cho mình ít tờ giấy và đốt cho mình một ít tiền. Rồi đấy ông tắt thở.

Khi xuống đến âm phủ, ông xin vào yết kiến Diêm vương nhưng bọn quỷ không cho. Sẵn có giấy bút, ông viết một lá đơn kiện rồi sẵn có tiền, ông đút lót cho bọn quỷ nhờ chuyển lá đơn ấy đến tận Diêm vương.

Quả nhiên chỉ ít lâu sau, Diêm vương cho quỷ sứ triệu ông vào cung. Gặp Diêm vương, ông tâu bày rõ ràng nỗi khổ tâm của dòng họ mình, rồi ông nói:

- Tâu bệ hạ, có sao bệ hạ bất công đến thế! Có người chỉ được sống có ba mươi năm như chúng tôi. Trái lại, lại có người như ông già họ Lã ba trăm tuổi rồi mà vẫn sống trơ trơ thế mãi.

Diêm vương nghe nói thì ngẩn người ra, không ngờ lũ quan dưới quyền mình lại làm việc cẩu thả như thế. Nhưng vua cũng không vui lòng vì có người đến bới xấu ngay trước mặt mình. Vua làm mặt giận nói:

- Làm gì có người sót sổ như vậy. Mày chỉ nói càn. Nếu mày tìm đủ bằng chứng, tao sẽ xá tội cho cả họ nhà mày. Bằng không thì chớ trách ta phũ tay!

Nghe nói, họ Liêu rất mừng nhưng cũng rất lo, vì ông chưa biết làm cách nào cạy miệng ông lão họ Lã bản tính kín đáo ấy để ông ta tự khai ra. Khi đưa tên quỷ sứ đến chỗ ông lão ngồi câu, ông bỗng nghĩ ra được một cách, bèn bảo quỷ sứ nấp ở sau hòn đá, rồi một mình tiến đến trước ông lão, chắp tay chào và hỏi:

- Thưa cụ, cháu nghe nói đời ông nội cháu có tìm được ở bờ biển này một hòn đá nổi lên mặt nước, hòn đá ấy đặc biệt có nhiều hốc, nhiều rêu, nhiều màu sắc, lúc nào cá cũng xúm quanh, câu được nhiều lắm. Nhờ thế mà từ đời ông nội cháu rồi đến đời cha cháu có của ăn của để. Bây giờ đến đời cháu không hiểu tại sao không thấy hòn đá ấy nữa; tìm xuôi tìm ngược mãi vẫn không ra. Vậy cụ thường ngồi câu ở đây có thấy hòn đá ấy trôi đi đâu, bảo giúp cho cháu biết để cháu kiếm ăn.

Ông cụ họ Lã thấy có người nói chuyện kỳ khôi mới quay lại mắng:

- Cái anh này chỉ nói điêu. Đã ba trăm năm nay lão ngồi câu ở đây chưa hề thấy có một hòn đá nào biết trôi cả. Thôi anh đi đi, cho lão làm việc!

Người họ Liêu chỉ cần có chừng ấy, vội cáo từ lui ra rồi cùng quỷ sứ trở về. Diêm vương cứng lưỡi vì bằng chứng đã rõ ràng. Từ đó dòng họ Liêu không bị quỷ sứ ám ảnh nữa nên đỡ bị nạn chết non hơn trước[1].

(HẾT TẬP II)

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

TRÉSOR DES CONTES VIETNAMIEN DE NGUYEN DONG CHI*

Cet ouvrage en plusieurs volumes (dont 2 parus en 1957 et réedités en 1961) a l'ambition de réunir l'essentiel des contes et légendes du Vietnam traditionnel: c'est en quelque sorte l'équivalent de ce qu'a fait Henri Pourra pour la littérature populaire de la Vieille France (Trésor des contes, *Gallimard*).

Plusieurs auteurs contemporains, français et vietnamiens, se sont déjà donné pour tâche de recueillir et de faire connaître les contes vietnamiens mais Nguyễn Đổng Chi semble être le premier à accomplir ce travail de façon assez scientifique et adéquate. Son ouvrage comporte trois parties dont la première et la troisième sont deux études très utiles pour la compréhension et l'apréciation de ce domaine de la littérature orale vietnamienne: les contes. Nous ne pouvons pas actuellement analyser la troisième partie de l'ouvrage de Nguyễn Đổng Chi relative à la signification, à la valeur et aux caractéristiques des contes vietnamiens des points de vue de l'art littéraire et de la pensée philosophique, cette partie se trouvant dans le dernier volume à paraître. Analysons donc ce qui a été publié - la première et un morceau de la deuxième partie.

La deuxième partie de l'ourage est constituée par la masse des contes choisis par l'auteur suivant des critères qui les distinguent assez nettement des autres genres de la littérature orale. Les volumes 1 et 2 renferment 80 contes qui sont, non pas classés mais groupés sous certaines rubriques qui facilitent l'ordre dans la lecture: rubriques "contes explicatifs de l'origine

* Édités par Institut d'Études historiques en plusieurs volumes, Hanoi, 1961, 2è éd., 2 volumes parus: 221 p. et 196 p. in-12.

des bêtes et des choses", contes explicatifs des sites célèbres du pays (légendes topographiques et toponymiques), contes tirés des histoires vécues (et devenues exemplaires pour le discernement du bien et du mal et donnant lieu à des locutions proverbiales allusives), légendes exaltant la force, la vertu ou l'intelligence des personnages historiques ou pseudo-historiques.

Cette deuxième partie de l'ouvrage, quoique partiellement publiée, est remarquable par plusieurs qualités: d'abord le style *de l'auteur est, quand il raconte, simple, alerte, primesautier, tantôt humoristique, tantôt réaliste, tout à fait adapté au genre du conte narré. A ce point de vue il faut reconnaître la supériorité de Nguyễn Đổng Chi sur les autres auteurs contemporains des recueils de contes. Il possède les dons d'un écrivain qui sait transcrire fidèlement la verve, la naïveté et l'émotion des conteurs et poètes populaires. Certains contes, sous sa plume, sont devenus de purs petits chefs - d' œuvre òu la posésie et le réalisme de l'existence sont fondus dans une unité d'intérêt (Cf. : la légende de la dame triste, I, p. 205 - 207; la légende du neveu impie transformé en oiseau, I, p. 80-82). D'autres contes sont admirables par la drôlerie et la qualité de l'humour qui jaillissent des circonstances critiques d' une réalité riche en péripéties mouvementées, dramatiques ou tragico - comiques (Cf. la légende explicative de la cicatrice sous le cou des buffles, I, p. 136 - 138; la légende explicative de l' origine des rizières dites "thác đao" (litt. "lancer le couteau"); légende du héros populaire paysan Chàng Lía, II, p. 125 - 132).*

Remarquable aussi est la diversité de la documentation qui a fourni à Nguyễn Đổng Chi la substance des contes. Cette documentation s'appuie d' abord sur des sources orales recueillies directement par l'auteur dans plusieurs régions, du Nord ou Sud du pays, et aussi chez certains peuples minoritaires tels que les Proto-Indochinois des Haut - Plateaux du Centre Vietnam. Elle s'appuie ensuite aussi bien sur les textes écrits en langue chinoise (Bội văn vận phủ, Thiếu vi thông giám, Dân gian văn nghệ tuyển tập) *que ceux écrits en langue vietnamienne (travaux de Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Ngọc) et franqaise (travaux de Cosquin, Landes, Cesbron, Génibrel, Dumoutier, etc.).*

Un des grands mérites de l'auteur du Trésor des Contes Vietnamiens *est d'avoir été le premier à établir, après le texte de chaque conte, des*

"variantes", rapprochements et compléments puisés non seulement dans le domaine Vietnamien mais aussi dans le domaine des contes de plusieurs peuples de l' Ancien Monde: Chine, Inde, Afghanistan, Afrique, Madagascar, Europe, Sicile, Russie, Arabie. Ce travail, prolongeant les recherches de Cosquin, de Przyluski, etc... sur la parenté des contes, sur leur circulation d'un continent ou d'un sous-continent à l'autre, est appliqué pour la première fois aux contes vietnamiens, dépassant le stade analytique, thématique et pour ainsi dire morphologique. Ce travail de recherches sur les sources et les origines des contes sera utile et peut être indispensable à la connaissance de la genèse et du développement de la civilisation vietnamienne aux origines composites multiples.

Précédant la deuxième partie de l'ouvrage qui renferme le texte des contes dont nous venons d'analyser brièvement le style, le travail de documentation et de présentation, une importante partie introductive s'intitule "les Contes en général et les Contes Vietnamiens" òu la part des considérations théoriques et générales est d'ailleurs fort réduite en regard des considérations particulières à la nature, à l'origine et à l'évolution des contes vietnamiens (I, p. 7-64).

Le chapitre I traite de la nature des contes: l' auteur y aborde successivement: la critique des systèmes de classification qui ont été proposés avant lui pour les contes vietnamiens; la distinction des contes d'avec les autres genres de la littérature orale et écrite vietnamienne, l'exposition d'une nouvelle classification et la mise en évidence des caractéristiques de ce genre littéraire. Avant de faire la différence parfois fort complexe entre contes et légendes (légendes historiques notamment), fables, histoires drôles, histoires bouffonnes (tiếu lâm), histoires d'actualité (truyện thời sự), roman et histoire, l'auteur a écarté les classifications traditionnellement proposées quand elles ne tiennent pas compte des critères logiques critères qui doivent être recherchés dans l'essence même des contes. Selon lui, les caractéristiques les plus importantes en sont les suivantes: 1. le caractère ancien des faits racontés, la vétusté des traits prêtés aux personnages, de l'ambiance dans laquelle ils se meuvent, bref une image qui doit être autant que possible immémoriale, familière au peuple dont l' inconscient est fortement imprégné;

2. le caractère populaire, conforme au génie de l' ethnie vietnamienne, des faits racontés: ceux-ci ne doivent pas comporter des éléments étrangers à la mentalité du peuple et sortant de la vision du monde traditionnellement adoptée par lui. Les contes sont d'ailleurs une œuvre collective, réflétant le terroir, les coutumes et les mœurs du peuple. Nguyễn Đổng Chi a insisté sur ce caractère "ethnologique" (dân tộc tính), des contes; 3. le caractère artistique et la signification "philosophique" des contes: ne peuvent être considérés comme des contes que les histoires qui impliquent un intérêt pour l'auditeur ou le lecteur, une signi- fication relative à l'existence humaine, une conclusion, idée, pensée tacite ou clairement exprimée, mais toujours significative. En plus du contenu de la pensée, les contes doivent répondre à une exigence de l'esthétique littéraire, être des histoires pourvues d'une intrigue qui débute, se développe, se dénoue vers une conclusion prévue (ou imprévue mais vraisemblable et satisfaisante pour l'imagination de l'auditeur) et d'une psychologie qui fait mouvoir des personnages dans les limites raisonnables de la pitié, de la terreur, de la désapprobation ou de l'admiration. Un conte doit être donc une œuvre littéraire relativement élaborée avec un certain talent.

Après avoir dégagé ces caractéristiques des contes, l'auteur a proposé une classification en trois catégories: les contes fabuleux, les légendes historiques et les histoires vraisemblables.

Le chapitre II de la première partie aborde le problème de l'origine des contes. L'auteur y examine notamment: le chemin parcouru des mythes aux légendes et aux contes, la genèse d'un conte à partir d' un fait historique ou d'un fait d' actualité courante, la vision du monde sous-jacente à l'univers des contes qui est aussi celle qu'adopte le peuple vietnamien traditionnel depuis le début de son évolution jusqu'à maintenant. Cette vision du monde peut se résumer dans les traits suivants: l'âme est immortelle grâce à la métempsycose, elle réside soit dans le corps humain, soit dans les animaux, soit dans les végétaux. En dehors du monde terrestre il existe aussi trois autres mondes: ceux du Ciel, des Eaux et de l'Enfer. Le monde terrestre n'est pas seulement l'habitat des humains et d'autres êtres vivants mais aussi le lieu de passage des divinités, immortels démons et diables.

Ces êtres surnaturels se divisent en deux espèces: ceux qui sont bons et ceux qui sont mauvais; on peut encore distinguer ceux qui sont aimables et adorables et d'autres suspects ou haïssables mais dont il faut néanmoins se concilier les faveurs. Ces êtres surnaturels ont des passions, des qualités et des défauts en tous points semblales aux manifestations du caractère humain.

Le chapitre III examine l'évolution des contes vietnamiens à travers les âges: le premier âge des contes se situe après celui des mythes. Leur naissance date sans doute de l'époque de la domination chinoise qui suit l'époque du régime tribal des Protovietnamiens: des héros et athlètes sont idéalisés, divinisés, et donnent lieu à des légendes qui consolent le peuple en esclavage et nourrissent son désir de s'émanciper, de vaincre. Le deuxième âge corespond à l'époque de la féodalité indépandante: pendant cette époque, contes et légendes foisonnent, réflétant d'une part l'existence du paysan, ses conceptions sur la destinée, la vie et le monde et, d'autre part, la vertu, la force et l'intelligence d'un certain nombre de personnages populaires qui représentent le génie national. Les contes subissent l'influence des religions officielles d'importation étrangère (bouddhisme, taoïsme) les êtres qu'ils mettent en scène n'ont plus le caractère spontané, primesautier, insouciant ou insolent des personnages de la mythologie, mais l'art littéraire qui caractérise ces contes et légendes est supérieur à celui des mythes. L'intrigue, les péripéties du récit comportent un enchaînement plus logique, la psychologie des personnages se fait plus complexe, plus nuancée, plus conforme aux traditions humanistes des hommes civilisés. Sous les dynasties Lê et Nguyễn, les contes subissent l'influence du confucianisme, notamment sur le plan moral. Après avoir atteint l'apogée de leur évolution au cours des périodes monarchiques, ils s'acheminent vers une décadence et durant ces derniers siècles sont concurrencés par le développement d'une littérature populaire et savante, fertile en romans, nouvelles et pièces de théâtre, puis par celui des moyens d'information de masse tels que le cinéma, le journal. L'âge de décadence des contes est aussi celui où ils commencent à être collectés et fixés par des chercheurs qui essaient ainsi de sauvegarder cette part du trésor de la littérature populaire.

A vrai dire le travail de collecte des contes a commencé depuis l'époque de la dynastie des Trần avec l' auteur du Việt điện u linh tập, *mais les anciens auteurs se sont intéressés à ce travail moins pour les contes*

eux-mêmes que pour la documentation historique et religieuse. Nguyễn Đổng Chi a donné une liste qui semble exhaustive de tous les recueils de contes que nous a laissé la longue tradition des collecteurs d' obédience confucéenne depuis Lý Tế Xuyên jusqu'à Phạm Đình Dục (I, p. 54-58). Il a évoqué enfin quelques auteurs contemporains qui cherchent à préserver le patrimoine culturel populaire du Vietnam en recueillant et en publiant des contes et légendes (I, p. 63). Le travail de ces auteurs animés de la meilleure volonté présente pourtant des faiblesses provenant, de leur méthode de recherche et des critères qu'ils apportent dans l'appréciation des contes, tant au point de vue de la forme qu' au point de vue du contenu. Ces auteurs ont effectué surtout un travail de pionniers. Dans son Trésor des Contes et Légendes Vietnamiens, *Nguyễn Đổng Chi s'est efforcé de combler les insuffisances de ses prédécesseurs en présentant pour la première fois une introduction assez développée aux problèmes relatifs à l'origine et à l'évolution de ce genre littéraire populaire. La partie concernant l'appréciation de la signification et des valeurs des contes est à paraître, mais avec la publication des deux premiers volumes de ce long ouvrage, l'étude des contes vietnamiens a déjà marqué un net progrès.*

LÊ VĂN HẢO

(*BEFEO*, N° 1- 1964; p. 275-278)

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM CỦA NGUYỄN ĐỔNG CHI*

Tác phẩm gồm nhiều tập này (trong số đó 2 tập đã được công bố vào năm 1957 và được tái bản vào năm 1961) có tham vọng tập hợp lại phần chính yếu của cổ tích và truyền thuyết Việt-nam cổ truyền; có thể nói công trình này cũng tương đương với những gì Hăng-ri Pua-ra (Henri Pourra) đã hoàn thành về văn hóa dân gian của nước Pháp xưa (*Kho tàng cổ tích* (Trésor des contes), Nhà xuất bản Ga-li-ma (Gallimard)).

Nhiều tác giả đương đại, cả Pháp và Việt-nam, đã tự đặt cho mình nhiệm vụ thu thập và phổ biến truyện cổ Việt-nam, nhưng hình như Nguyễn Đổng Chi là người đầu tiên theo đuổi công việc ấy một cách khoa học và hoàn chỉnh hơn cả. Tác phẩm của ông gồm ba phần, mà phần thứ nhất và phần thứ ba là hai công trình nghiên cứu rất bổ ích để hiểu và đánh giá lĩnh vực truyện cổ tích trong văn chương truyền miệng Việt-nam. Hiện nay, chúng tôi chưa phân tích được phần thứ ba trong tác phẩm của Nguyễn Đổng Chi, phần đề cập đến ý nghĩa, giá trị và những đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam, xét từ quan niệm nghệ thuật văn chương và tư tưởng triết học: phần thứ ba ấy thuộc tập cuối, tập sẽ được công bố sau. Như vậy, ta hãy phân tích những gì đã được công bố - phần thứ nhất và một phần của phần thứ hai.

Phần thứ hai của tác phẩm gồm khối lượng những truyện cổ do tác giả chọn ra, theo những tiêu chuẩn qua đó có thể phân biệt một cách khá rõ cổ tích với các thể loại khác trong văn chương truyền miệng. Các

* Do Viện Sử học xuất bản thành nhiều tập, Hà-nội, 1961, lần xuất bản thứ hai, hai tập đã ra mắt, 221 tr. và 196 tr., theo khổ 12.

tập I và II chứa 80 truyện cổ, không phải được phân loại, mà được tập hợp lại dưới một số tiêu đề, để tạo điều kiện dễ dàng cho trình tự trước - sau trong khi đọc: những truyện giải thích "nguồn gốc sự vật"; những truyện giải thích gốc gác các thắng cảnh danh tiếng trong nước (truyền thuyết về địa thế và địa danh); những truyện được rút ra từ các chuyện có thực (và đã trở nên mẫu mực để phân biệt chính với tà, đồng thời đã đẻ ra một số thành ngữ mang chất ngạn ngữ và tính ẩn dụ); truyền thuyết tán dương sức mạnh, đạo đức hay trí thông minh của các nhân vật lịch sử hoặc á-lịch sử.

Phần thứ hai này của tác phẩm, tuy mới được công bố có một phần, lại rất đáng lưu ý vì mang nhiều ưu điểm, mà thoạt tiên, khi tác giả kể chuyện, là *văn phong* giản dị, linh lợi, vọt lên một mạch, khi thì hài hước, khi lại hiện thực, hoàn toàn phù hợp với tích truyện được kể. Về mặt này, phải công nhận ưu thế của Nguyễn Đổng Chi so với các tác giả đương đại khác cũng viết sưu tập truyện cổ. Ông có năng khiếu của một nhà văn biết cách diễn dịch lại một cách trung thành lòng nhiệt hứng, tính chân chất và nỗi rung cảm của những người kể chuyện và nhà thơ dân gian. Dưới ngòi bút của ông, một số truyện cổ đã hoàn toàn trở thành những kiệt tác nho nhỏ, trong đó thi cảm và hiện thực cuộc sống hòa hợp vào nhau thành một thể thống nhất về ý vị (xem: truyền thuyết về đá Bà-rầu, I, tr. 205 - 207; truyền thuyết về đứa cháu vô đạo bị biến thành chim, I, tr. 80 - 82). Một số truyện cổ khác lại tuyệt vời, vì tính buồn cười và phẩm chất hài hước nẩy sinh từ các hoàn cảnh nguy cấp của một hiện thực đầy dẫy những sự biến cấp tập, hoặc mang tính bi kịch, hoặc vừa bi vừa hài (xem truyền thuyết giải thích vết sẹo dưới cổ loài trâu, I, tr. 136 - 138; truyền thuyết giải thích gốc gác của loại ruộng "thác đao" mà nghĩa đen là ruộng ném dao; truyền thuyết về người anh hùng dân gian và nông dân mang tên Chàng Lía, II, tr.125 - 132).

Cũng đáng lưu ý là tính phong phú đa dạng của hệ tư liệu tham khảo đã cung cấp cho Nguyễn Đổng Chi chất liệu của các cổ tích. Hệ tư liệu ấy thoạt tiên dựa trên các nguồn truyền miệng mà tác giả trực tiếp thu thập tại nhiều vùng từ Bắc chí Nam của đất nước, và cả tại một vài dân

tộc thiểu số, chẳng hạn người Tiền Đông-dương[1] trên các cao nguyên miền Trung Việt-nam. Tiếp đó, hệ tư liệu ấy còn dựa trên các văn bản viết bằng chữ Nho (*Bội văn vận phủ, Thiếu vi thông giám, Dân gian văn nghệ tuyển tập*), cũng như bằng tiếng Việt (các công trình của Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Văn Ngọc) và tiếng Pháp (các công trình của Cô-xcanh (Cosquin), Lăng-đờ (Landes), Xét-xbrông (Cesbron), Jê-ni-bren (Génibrel), Đuy-mu-chi-ê (Dumoutier), v.v...

Một trong những ưu điểm lớn của tác giả *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam*: ông là người đầu tiên đã sắp xếp, sau văn bản của từng truyện, một loạt "dị bản", cũng như các mặt đối chiếu và điểm bổ sung, trích ra không chỉ từ lĩnh vực truyện cổ Việt-nam, mà cả từ lĩnh vực ấy của nhiều tộc ở Cựu Thế giới: Trung-hoa, Ấn-độ, Áp-ga-ni-xtăng (Afghanistan), châu Phi, Ma-đa-gát-xca (Madagascar), Xi-xin (Sicile), Nga, Ả-rập (Arabie). Công việc này nối dài những nghiên cứu của Cô-xcanh (Cosquin), của Prơ-di-luyt-xki (Przyluski), v.v... về mối quan hệ bà con giữa các truyện ấy, về con đường truyền bá các truyện ấy từ lục địa này qua lục địa kia, hay từ tiểu lục địa này qua tiểu lục địa kia, lần đầu tiên được đem ra áp dụng vào truyện cổ tích Việt-nam, và như thế là đã vượt qua giai đoạn phân tích chỉ liên quan đến chủ đề, có thể nói là giai đoạn hình thái học. Công việc nghiên cứu đó, về ngọn nguồn và gốc gác của truyện cổ sẽ rất có ích, và có lẽ là cần thiết nữa, để hiểu biết sự hình thành và phát triển của nền văn minh Việt-nam, một nền văn minh có nhiều nguồn gốc bác tạp.

Trước phần thứ hai của tác phẩm, phần chứa văn bản các truyện xưa mà ta vừa phân tích một cách tóm tắt, cả văn phong, việc sưu khảo tư liệu và cách giới thiệu, còn có một phần mở đầu quan trọng mang tên *Nghiên cứu truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích Việt-nam*, trong đó số trang dành cho các nhận xét lý thuyết và tổng quát là rất kiềm chế, nếu ta so chúng với những nhận xét đặc thù về bản chất, nguồn gốc và quá trình phát triển của truyện cổ tích Việt-nam (I, tr.7 - 64).

1. Các tác giả Pháp, hay viết bằng tiếng Pháp, thường dùng từ "Tiền Đông-dương" (proto - Indochinois) để chỉ những tộc hiện nay ta quen gọi là Thượng (người dịch).

Chương I luận về bản chất truyện cổ tích. Ở đây tác giả lần lượt đề cập đến các vấn đề sau: phê phán các hệ phân loại đã được đề xuất về truyện cổ Việt-nam trước khi công trình của ông ra đời; phân biệt truyện cổ tích với các thể loại văn chương Việt-nam khác, cả truyền miệng và viết; trình bày một hệ phân loại mới và nêu bật lên những đặc tính của thể loại văn chương này. Trước khi nêu rõ sự khác biệt có lúc vô cùng phức tạp giữa cổ tích và truyền thuyết (trong đó có truyền thuyết lịch sử), ngụ ngôn, truyện khôi hài, truyện tiếu lâm, truyện thời sự, tiểu thuyết và lịch sử, tác giả đã gạt ra một bên những hệ phân loại từng được đề xuất trước đấy, chừng nào các hệ đó không hề tính đến những tiêu chuẩn lô-gích, những tiêu chuẩn ta phải tìm ngay trong bản chất của truyện cổ. Theo ông, sau đây là những đặc điểm quan trọng nhất: 1. Tính chất cổ của các sự việc được kể ra, những nét cổ kính gán cho các nhân vật, cho môi trường trong đó họ hoạt động, nói tóm lại, một hình ảnh càng lùi xa về quá khứ càng tốt, hình ảnh quen thuộc với dân chúng vì cõi vô thức của họ đã thấm nhuần nó rồi; 2. Tính chất dân gian của các sự kiện được kể ra, mà phù hợp với thiên tài của tộc người Việt-nam: các sự kiện ấy không được bao gồm những yếu tố ngoại lai so với tâm lý dân gian, những gì thoát ra khỏi cách nhìn thế giới mà dân chúng đã chấp nhận qua truyền thống. Vả chăng, truyện cổ là một tác phẩm tập thể phản ánh vùng đất bản địa, những tập quán và phong tục của dân chúng: Nguyễn Đổng Chi đã nhấn mạnh "dân tộc tính" của các truyện cổ; 3. Tính chất nghệ thuật và ý nghĩa "triết lý" của truyện cổ: chỉ có thể xem là truyện cổ những tích bao hàm một niềm hứng thú đối với người nghe hay người đọc, một ý nghĩa có liên quan đến cuộc sống con người, một lời kết, một ý niệm, dù là tư tưởng tiềm tàng hay được biểu hiện rõ rệt, nhưng bao giờ cũng có ý nghĩa. Ngoài nội dung tư tưởng ra, truyện cổ còn phải đáp ứng một đòi hỏi về thẩm mỹ văn học, phải là các tích chứa đựng những tình tiết hợp thành một chuỗi diễn biến có mở đầu, có phát triển, có mở nút để đi đến một kết luận mà người ta đã đoán trước (hoặc bất ngờ, nhưng cũng hợp với sự thực, và làm mãn nguyện được trí tưởng tượng của người nghe), đã thế lại mang một tâm lý khiến cho các nhân vật hoạt động trong những ranh giới phải chăng

của lòng trắc ẩn, của nỗi kinh hoàng, của thái độ không tán thành hay của lòng khâm phục. Như vậy, một truyện cổ phải là một văn phẩm tương đối được tinh luyện với một tài năng nào đó.

Sau khi đã lọc ra được các đặc điểm trên của truyện cổ, tác giả đề xuất một hệ phân loại gồm ba loại: truyện cổ tích hoang đường; truyện cổ tích lịch sử; và truyện cổ tích thế sự.

Chương II của phần thứ nhất đề cập đến nguồn gốc truyện cổ tích, qua đó tác giả xem xét đặc biệt vấn đề sau đây: con đường dẫn từ thần thoại đến truyền thuyết và cổ tích; sự hình thành của một truyện cổ từ một sự kiện lịch sử hay một sự kiện thế sự thông thường; cách nhìn thế giới làm nền cho vũ trụ của truyện cổ, mà cũng là vũ trụ được dân chúng Việt-nam truyền thống chấp nhận từ buổi đầu của quá trình phát triển cho đến hôm nay. Cách nhìn thế giới ấy có thể được tóm tắt thành mấy nét như sau: linh hồn nhờ luân hồi mà bất tử, và ở trong thân thể con người, hoặc trong các loài vật và các loài thực vật; ngoài trần thế này ra, còn có ba thế giới khác nữa, thế giới trên Trời, thế giới dưới Nước và Âm phủ; trần thế không chỉ là nơi cư trú của con người mà còn là nơi qua lại của thần linh và quỷ quái bất tử; những thực thể siêu nhiên ấy tự phân thành hai loại, tốt và xấu, mà ta cũng có thể phân biệt thành những vị dễ thương và đáng yêu và những kẻ đáng ngờ hoặc đáng ghét, nhưng dù sao ta vẫn phải tranh thủ những kẻ ấy để họ phù hộ cho; các thực thể siêu nhiên nói trên cũng đam mê, cũng có tính tốt và tính xấu, y hệt về mọi mặt với các biểu hiện của tính tình con người.

Chương III xét đến quá trình tiến hóa của truyện cổ Việt-nam qua các thời đại. Thời đầu tiên được định vị sau thời thần thoại. Buổi ra đời của truyện cổ hẳn khớp với thời kỳ Bắc thuộc tiếp sau thời kỳ chế độ bộ lạc của người Tiền Việt-nam: các anh hùng và lực sĩ được lý tưởng hóa, thần linh hóa, từ đó mà ra đời những huyền tích có tác dụng an ủi dân chúng bị cầm trong vòng nô lệ, nuôi dưỡng ý muốn thoát ly và chiến thắng của họ. Thời thứ hai khớp với thời kỳ chế độ phong kiến độc lập: trong thời kỳ này, cổ tích và truyền thuyết sinh sôi nảy nở, một mặt thì phản ánh đời sống của người nông dân, các quan niệm của họ

về số kiếp, cuộc sống và thế giới, mặt khác lại nói lên đạo lý, sức mạnh và trí thông minh của một số nhân vật dân gian đại diện cho thiên tài của dân tộc. Truyện cổ chịu ảnh hưởng của những tôn giáo chính thức được du nhập từ bên ngoài (Phật giáo, Đạo giáo): những nhân vật được dàn dựng không còn giữ được tính cách bột phát, tự sinh, vô tâm hay xấc xược của các nhân vật thần thoại nữa. Nhưng nghệ thuật văn chương in dấu lên các cổ tích và truyền thuyết ấy lại cao hơn nghệ thuật của thần thoại. Diễn biến và các tình tiết của tích truyện được nối liền lại một cách lô-gích hơn, tâm lý của các nhân vật trở nên phức tạp hơn, được điều hòa một cách tinh tế hơn, cho phù hợp hơn với các truyền thống nhân bản của con người văn minh. Dưới các triều Lê và Nguyễn, truyện cổ tích chịu ảnh hưởng của Nho giáo, nhất là trên bình diện luân lý. Sau khi đã phát triển đến đỉnh cao qua các giai đoạn quân chủ, truyện cổ tích đi dần đến tình trạng sa sút: qua các thế kỷ cuối cùng đó, nó bị cạnh tranh do bước phát triển của một nền văn chương dân gian và bác học, với vô vàn truyện dài, truyện ngắn và kịch bản, rồi sau đó lại chịu sự cạnh tranh của các phương tiện thông tin đại chúng, như chiếu bóng, báo chí. Thời suy thoái của các truyện cổ tích cũng là thời mà chúng bắt đầu được các nhà nghiên cứu sưu tầm và cố định lại, trong một cố gắng nhằm cứu vớt phần đang nói đây của kho quý văn chương dân gian.

Thực ra mà nói, việc sưu tầm truyện cổ đã mở ra từ dưới triều Trần, với tác giả của *Việt điện u linh tập*. Nhưng các tác giả thời xưa quan tâm đến công việc này không phải vì bản thân truyện cổ là chính mà chủ yếu vì tư liệu lịch sử và tôn giáo. Nguyễn Đổng Chi đưa ra một danh sách có vẻ đã cùng kiệt về mọi bộ sưu tập mà ta thừa hưởng từ truyền thống lâu dài của những nhà sưu tầm tuân phục đạo Nho, từ Lý Tế Xuyên đến Phạm Đình Dục (I, tr. 54 - 58). Cuối cùng, ông nhắc đến vài tác giả đương đại đã ra sức bảo vệ gia tài văn hóa dân gian Việt-nam bằng cách thu thập và công bố cổ tích và truyền thuyết (I, tr. 63). Việc làm của các tác giả đầy thiện chí ấy, tuy nhiên, vẫn để lộ ra những nhược điểm xuất phát từ phương pháp nghiên cứu của họ, và từ những

tiêu chuẩn họ đề xuất trong việc đánh giá truyện cổ, cả về hình thức lẫn nội dung. Các tác giả ấy là những người đi tiên phong. Trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* của mình, Nguyễn Đổng Chi đã cố gắng bổ khuyết các thiếu sót của những người đi trước, bằng cách đề xuất lần đầu tiên một phần dẫn luận khá phát triển về những vấn đề có liên quan đến nguồn gốc và cuộc tiến hóa của thể loại văn chương bình dân này.

Phần dành cho việc đánh giá ý nghĩa và các giá trị của truyện cổ rồi đây sẽ ra mắt. Nhưng với việc công bố hai tập đầu của tác phẩm dài hơi này, khoa nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam đã ghi lại một bước tiến rõ rệt.

LÊ VĂN HẢO
Tập san Trường Viễn Đông bác cổ
***[B.E.F.E.O]*, Số 1 - 1964, Tr. 275-278.**

NGUYỄN TỪ CHI *dịch*

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH
VIỆT NAM

TẬP III

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT- NAM

(Tiếp theo)

V

SỰ TÍCH ANH HÙNG NÔNG DÂN

94. CỐ GHÉP

Ngày xưa, ở dưới chân núi Hồng-lĩnh về phía Đông nam, có một xóm nhỏ gồm mấy gia đình đánh cá. Họ luôn năm sống giữa những tiếng gầm thét của sóng biển. Nhưng không may, một ngày kia, một trận bão lớn đã cuốn đi khá nhiều nhân mạng cùng thuyền mảng và lưới chài xuống thủy phủ. Những người sống sót hết đường sinh nhai, đành rủ nhau ngày ngày lên núi kiếm củi đem về bán ở chợ. Đó là nghề ít vốn nhất nhưng lại là nghề mệt nhọc nhất đối với họ, vì sườn núi phía họ ở mọc dựng đứng như bức tường, muốn leo núi với gánh củi trên vai không thể không đi đường vòng ngoắt ngoéo qua bao nhiêu thôn xóm khác. Thành ra, rừng thì rất gần nhưng đường thì lại quá xa. Cho nên mọi người ước làm sao có một con đường từ xóm thẳng lên núi để đi được nhanh chóng.

Bấy giờ trong xóm có một ông lão nhà nghèo sống với vợ con trong một túp lều. Người ta gọi ông là cố Đương, là vì hễ gặp việc gì khó khăn, bất kỳ việc của ai, ông đều ra đương lấy và quyết làm kỳ được. Thấy việc trèo núi phải đi đường vòng rất xa, cố Đương cho là việc vô lý hết sức. Thường những lúc rảnh rỗi, ông vẫn một mình lần mò bám đá leo cây để tìm một con đường đi kiếm củi gần nhất.

Nhưng mỗi khi đứng trước sườn núi cheo leo ông vẫn bực mình, nghĩ bụng: - "Nếu không ghép đá thành bậc thang thì đừng có hòng vượt lên khỏi mấy cái dốc này!". Ông đem ý ấy hỏi vợ. Vợ ông cho là việc rồ dại. Ông hỏi thử một vài người làng, họ đều lắc đầu bảo:

- Không được đâu cố Đương ạ! Chúng ta còn phải lo miếng ăn hàng ngày đã chứ!

Cố Đương trầm ngâm bảo họ:

- Cứ mỗi lần phải đi "năm xóm cây đa, ba xóm cây thị" để vào nơi lấy củi, tôi lại muốn lộn tiết lên được!

Năm tuần trăng trôi qua. Nghề kiếm củi đã trở nên nghề chính của mấy gia đình đánh cá thất bại kia. Họ đã yên tâm với nghề nghiệp mới. Chỉ trừ có cố Đương là chưa thật yên tâm. Một hôm cố bảo vợ:

- Từ ngày mai trở đi, bà gắng đi kiếm củi một mình. Còn tôi, tôi sẽ tìm cách trổ một con đường mới lên núi. Ngày nào tôi làm xong, hai vợ chồng mình tha hồ đi củi.

Người vợ vốn biết tính chồng hễ nói là làm, nhưng lần này thì bà hết sức can ngăn:

- Ông đừng có địch với vua, đừng có đua với trời. Già kề miệng lỗ rồi chú còn trẻ trai gì nữa đâu!

Nhưng cố Đương an ủi:

- Bà đừng lo! Biển kia rất rộng người ta cũng vượt được. Dãy Giăng-màn rất cao người ta cũng trèo qua. Bạt núi này thành đường thực ra không khó. Một mình tôi cũng làm được. Bà hãy chịu khó ít lâu. Mai kia ta sẽ đi đốn củi gấp đôi gấp ba hôm nay, lúc ấy cả xóm chúng ta sẽ sung sướng.

- Ông định ghép bao lâu thì xong?

- Không nói trước được. Một năm chưa xong thì hai, hai năm chưa xong thì bốn. Nếu tôi chết đi mà vẫn chưa làm xong thì sẽ có người khác tiếp tục...

Thế là từ hôm đó, cố Đương ngày ngày mang một mo cơm lên núi. Ông bạt đất. Ông nhổ cây. Ông khiêng đá. Và ông ghép đá thành con đường tam cấp hướng thẳng lên núi. Công việc biết bao nặng nề! Nhưng quả không có gì cản được cái chí con chim hồng chim hộc. Ông càng làm càng khỏe, càng nhọc càng hăng. Cứ thế trong năm sáu tuần trăng, ông vẫn sớm đi tối về như không biết mỏi là gì. Người vợ không nhịn được nữa, một hôm kêu lên:

- Tội gì để cho mình ông đầu tắt mặt tối, cả nhà ông nheo nhóc rách rưới như thế. Ốc mang mình ốc chưa nổi lại còn mang cả cọc! Đường làm thành thì ai cũng đi, đâu có riêng mình ông. Thôi! Từ nay ông đi đâu thì đi, đừng có về nhà này làm gì nữa.

Nghe nói thế, cố Đương lựa lời dỗ dành vợ. Nhưng người đàn bà cố tình làm cho chồng nản chí. Bà ta nhất định không nuôi báo cô ông nữa.

*
* *

Từ đấy ông thôi không về nhà, dựng một túp lều ngay bên chỗ mình làm việc. Hễ ghép được đến đâu ông lại dời lều đến đó. Thấy ông đói, những con vượn mang hoa quả đến cho ông. Thấy ông đuối sức, những con bò rừng, những con nai ghé sừng nạy những tảng đá giúp ông. Rồi những con chim thay nhau ca hát suốt ngày để cho ông quên mệt. Về sau có mấy người trong xóm cũng tình nguyện đến làm với ông. Thấy thế, cố Đương như tăng thêm sức mạnh, càng miệt mài với công việc.

Cứ như thế, sau năm lần sim có quả, cố Đương đã mở được một con đường truông ngắn nhất từ xóm mình thông lên đến những đỉnh cao trên dãy Hồng-lĩnh. Ông đã ghép đá thành tam cấp của ba dốc núi khó đi nhất. Dân xóm lên núi xuống núi rất tiện và từ đó họ có thể trong một ngày kiếm được mấy lần củi.

Ngày nay, ở phía Nam Hồng-lĩnh, chỗ giáp giới hai huyện Nghi-xuân và Can-lộc có một cái truông gọi là truông Vắn[1] hoặc gọi là truông Ghép. Cái tên cố Đương người ta quen gọi là cố Ghép[2].

1. *Vắn*: ngắn, tiếng Nghệ - Tĩnh.
2. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

KHẢO DỊ

Tương tự với truyện của ta, trong cổ tích Trung-quốc có truyện *Ngu Công dời núi:* Xưa ở Bắc-sơn có một ông già 90 tuổi tên là Ngu Công. Ông rất bực bội vì trước nhà mình có hai hòn núi Thái-hàng và Vương-ốc ngăn trở tầm mắt không cho nhìn đến chân trời bát ngát. Ông quyết định hạ núi cho bằng. Ngày ngày ông đào núi đổ đi nơi khác. Có người cười, ngăn ông. Ông đáp: - "Tôi chết đã có con, con tôi lại có cháu, cháu tôi còn sinh nở nữa. Còn như núi thì có thêm gì đâu. Vậy thì tôi sợ gì mà không dời nó đi chỗ khác".

Bấy giờ có thần Táo Xà thấy vậy mới tâu lên Ngọc Hoàng thượng đế. Thượng đế phục chí Ngu Công, sai hai con của Nga thị xuống giúp. Sau khi xuống, một người đội một hòn đặt ở Sóc-đông, một người đội hòn kia đặt ở Ung-nam[1].

1. Theo *Liệt tử*, thiên "Lục mệnh".

95. ÔNG NAM CƯỜNG

Vào thời ấy chẳng rõ là thời nào, ở làng Quần-anh có một người phù thủy có nhiều phép thuật lạ lùng. Thường mỗi lần nằm ngủ, ông ngủ liền ba ngày ba đêm, tiếng ngáy như sấm. Tỉnh dậy một cái, người nhà đã thấy ông lật đật ra đi, không ai rõ là đi đâu.

Cũng thời kỳ này, nhiều nơi trong nước nổi lên đánh phủ phá thành làm cho quân đội của triều đình phải đi đánh dẹp luôn năm không nghỉ. Hành tung của ông phù thủy rất bí mật. Tuy nhiên, cũng có lúc vào khoảng nửa đêm, người ta nhìn ra ngoài đồng thấy âm binh của ông thao diễn rất đông mà ông là tướng cưỡi ngựa chỉ huy. Bên cạnh có ngọn cờ to tướng đề hai chữ "Nam cường" nghĩa là nước Nam mạnh. Bởi vậy, người ta quen gọi ông là Nam Cường.

Nam Cường hay đánh bạc, mà đánh đâu được đấy. Mỗi lần đánh, ông thường vét cả bàn. Số tiền được, không mấy khi ông đưa về nhà mà phân phát ngay cho những người nghèo ở chợ. Bởi vậy ông đi đến đâu người vây lấy ông đến đấy.

Một hôm ông đi đến chợ huyện. Ngày ấy đói kém, người ăn xin kéo nhau đi từng đoàn. Ông ghé vào một quán rượu đã thấy đông đặc những người vây lấy mình. Trong đãy của Nam Cường bấy giờ không còn một đồng một chữ. Ông chợt thấy trong nhà trong, bên mâm rượu có lão lý trưởng đang ăn uống nhồm nhoàm. Hắn mới đi thu thuế về. Bên người hắn có một đãy đầy căng những tiền. Bỗng chốc Nam Cường đứng dậy bảo chủ quán:

- Phiền chủ quán cho xin một ít trấu.

Chủ quán chỉ vào bếp. Nam Cường đi vào xúc đầy đãy của mình rồi trở ra nhà ngoài dằn mạnh đãy lên chõng. Ông dằn sấp dằn ngửa năm lần bảy lượt, lần cuối cùng đã thấy tiếng kêu loẻng xoẻng. Ông cười khà

khà vẫy tay bảo những người ăn xin đến gần mình, rồi thò tay vào bốc ra từng nắm tiền phân phát cho họ.

Đồng tiền cuối cùng vừa cho xong, Nam Cường cũng ung dung đi ra khỏi quán. Khi lão lý trưởng ăn xong và cất đãy lên vai, hắn hết sức ngạc nhiên thấy đãy vẫn căng phồng nhưng không nặng một tý nào cả. Mở ra, hắn thấy đầy một đãy trấu. Mặt như chàm đổ, hắn hốt hoảng chạy đi tìm thì Nam Cường đã biến mất đằng nào rồi.

Tiếng đồn về Nam Cường ngày một lan rộng. Những vụ phát tiền bất ngờ làm cho những người dân nghèo rất mong ngóng ông, coi ông như một vị cứu tinh. Nhưng ngược lại, bọn quan lại to nhỏ cũng rình ông như cáo rình gà mong lập công với triều đình.

Một hôm, đang lúc ông vơ tiền trên chiếu bạc thì tự nhiên thấy bốn mặt gươm giáo chĩa vào người. Bọn đầu trâu mặt ngựa xông đến rất đột ngột khiến ông không tài nào quay trở, đành để cho chúng bắt. Sợ ông có phép xuất quỷ nhập thần, chúng mang đến một cái áo quan, bỏ ông vào, đóng nắp lại, chỉ dùi cho một lỗ để thở. Nhưng lúc khiêng về phủ, lính mở nắp áo quan ra thì không ngờ đó là một cái áo quan rỗng, chỉ còn mấy bãi nước trầu, dấu vết của phạm nhân để lại.

Quan phủ bị tên, giận sôi cả người. Hắn cho mời một đạo sĩ nhờ luyện cho mình một thứ bùa phép để quyết bắt cho được Nam Cường. Mấy tháng sau, được tin báo, hắn lại mật sai lính đến vây bắt. Nhưng khi chúng vào, đã thấy nhà ông vắng teo, cửa ngõ mở toang. Lính sục sạo mãi không thấy gì cả. Sau cùng chúng nghe ở ruộng lúa sau nhà có tiếng thở phì phào, chú ý nhìn xem thì chả thấy bóng người, chỉ thấy có một cây đòng đòng to gấp ba các cây đòng đòng khác. Biết đó là nơi Nam Cường ẩn, chúng bèn dùng chỉ ngũ sắc trói cả cụm lúa lại rồi nhổ lên đưa về phủ. Dọc đường chúng vẫn nghe tiếng thở phát ra từ bụi lúa nên rất yên tâm, chắc chắn chuyến này sẽ được hậu thưởng. Bọn quan lại nghe nói bắt được Nam Cường hý hửng đến xem mặt. Nhưng khi sợi chỉ ngũ sắc vừa tháo, ông đã từ trong bụi lúa hiện nguyên hình nhảy vọt ra, chửi cho bọn chúng một thôi một hồi rồi biến mất.

Hai lần bị tưng hửng, bọn chúng nghĩ ra được một kế thâm độc là bắt vợ để truy chồng. Lần thứ ba, sau khi được mật báo có Nam Cường

mới trốn về nhà, bọn chúng cho rất nhiều quân lính và cả một lão đạo sĩ cao tay kéo về, quyết bắt kỳ được. Chúng ập đến nhà ông lúc mờ sáng. Nam Cường biết được mưu mô của chúng nên khi chúng sắp đến, ông đã kịp biến vợ thành một người bé bằng ngón tay, đem đút lên một ống tre sau mái nhà. Còn mình thì chạy vội ra sông.

Cũng như mọi lần, bọn lính sục sạo khắp xó vườn góc bếp. Nhờ có lão đạo sĩ nên một lúc sau chúng khám phá ra được trên ống tre sau mái nhà có thò ra một tý dải yếm. Chúng cầm lôi ra, người vợ Nam Cường lại trở lại nguyên hình. Chúng tra hỏi: - "Chồng mày đâu?". Hỏi đến mấy lần, người đàn bà vẫn lắc đầu nói rằng không biết. Sau cùng chúng phải giở lối "kìm nóng, kìm nguội", người đàn bà yếu đuối không thể chịu nổi, mới thú thực: - "Chồng tôi hiện ở ngã ba sông trước nhà, trong một con ốc!". Nghe nói thế, bọn quan bèn sai lính đắp chặn ba phía sông lại rồi mới ra sức tát cạn. Nhờ có lão đạo sĩ, chúng bắt được một con ốc rất to, đập vỏ ốc ra quả bắt được Nam Cường[1].

1. Theo lời kể của người Hà-nội, Nam-định.

96. CỐ BU

Ngày xưa ở làng Phan-xá thuộc Hà-tĩnh - một làng ngay sát nách con sông mà nước thủy triều vẫn thường lên xuống đều đều - có một người nghèo tên là Bu. Lúc Bu mới lọt lòng mẹ, người ta thấy dưới gan bàn chân có ba cái lông trắng, dấu hiệu của tài bơi lặn. Lớn lên quả nhiên ông lặn lội rất tài, có thể ở được lâu dưới nước. Không những có tài bơi lặn, Bu còn có một sức khỏe tuyệt trần. Bu đi học võ với một ông thầy. Thấy là người có tài lạ, thầy truyền cho mười tám ban võ nghệ và các môn nhâm cầm độn toán. Bu không có chí làm quan với triều đình, chỉ đi lang thang hết xứ Đông đến xứ Đoài, ở đâu ông cũng có rất nhiều bè bạn.

Cho đến năm năm mươi tuổi, Bu đã đi hầu khắp sông hồ, nghe được nhiều, thấy được rộng. Sau một thời kỳ lang bạt, Bu lại trở về quê hương. Lúc này ông đã để râu, một bộ râu rất đẹp. Người ta bảo nhau: "Râu như râu cố Bu". Ông bí mật chiêu mộ tráng sĩ, luyện tập võ nghệ, chứa lương thực, có ý muốn lập nên một giang sơn riêng, lấy núi Hồng-lĩnh làm đồn trại. Nhờ có phép thuật và võ nghệ, ông hoạt động rất kín nhẹm. Lại nhờ có bè bạn ở các nơi làm tai mắt tay chân nên tuy ở trong núi sâu, Bu vẫn nắm được tình hình mọi nơi. Trong những năm mất mùa đói khát, mỗi lần có tin báo, Bu đem các tráng sĩ đến lấy thóc tiền của bọn trọc phú. Lấy xong, Bu đem chia cho tất cả những người nghèo khổ trong vùng. Bu làm rất kín đáo và chóng vánh, không giết chóc, không đốt phá, chỉ bắt buộc bọn chúng phải bỏ thóc bỏ tiền ra giúp mọi người. Cứ như thế, Bu đã cứu nguy cho không biết bao nhiêu thôn xóm đói khổ. Bọn nhà giàu sợ Bu mất mật, nhưng tất cả những người nghèo khổ coi Bu là vị cứu tinh. Quan quân tuy lùng bắt ráo riết nhưng chẳng kết quả gì. Đã hai lần chúng sắp tóm được Bu, nhưng một lần Bu nhảy xuống sông trốn thoát, một lần khác nhờ phép thuật của ông nên chúng mù tịt, chả còn tìm ra manh mối.

Một hôm, Bu bí mật về làng cũ thăm bà con họ mạc. Bọn hào lý đã đánh hơi thấy ông nên chúng cấp tốc đi báo huyện. Huyện sợ bắt không nổi nên vội vàng đi báo tỉnh. Biết Bu không phải là người tầm thường nên bọn quan tỉnh điểm ngay hai nghìn quân sĩ với hai con voi và hai lưới sắt đi suốt đêm về làng. Bấy giờ, vào khoảng canh năm, quân gia chia nhau vây bọc bốn phía trùng trùng điệp điệp. Bu đang ngủ. Mọi người sợ nguy đến ông nên vội đánh thức ông dậy để bàn cách trốn. Nhưng Bu khoát tay bảo họ: - "Cứ bình tâm! Ta sẽ có cách". Đoạn ông hỏi thăm tình hình ở mọi nơi. Người ta cho biết là ở xóm phía Nam có một đám ma đang chuẩn bị kèn trống ra đồng. Bu bèn hướng về phía Nam trèo lên một cây cao, đứng im trên đó để nghe ngóng. Vừa khi đám ma đi qua, Bu liền tụt xuống xen vào đám đông, lấy vạt áo che mặt, kỳ thực là che bộ râu, giả bộ khóc lu loa. Thấy có đám ma, bọn lính rẽ ra cho đi. Nhưng khi ra khỏi vòng vây, Bu đã chìa bộ râu, cười lớn, bảo chúng: - "Tao là Bu đây! Chúng mày hãy nói với chủ tướng đừng có vây bọc mất công nữa".

Nghe nói thế, quan quân xô nhau đuổi theo, nhưng Bu đã nhảy ngay xuống sông. Bọn quan tỉnh sai lấy lưới sắt giăng chặn hai đầu sông lại và cho hai con voi xuống giẫm. Nhưng chúng chỉ làm việc mệt nhọc vô ích vì Bu vốn là tay giỏi lặn, lặn luôn một mạch hàng trăm dặm, nên đã biến mất từ lâu.

Một lần khác, Bu đi một mình. Nhân trời tối, ông vào nghỉ ở một làng nọ. Một người dân trong làng có giỗ khẩn khoản mời Bu đến ăn. Chưa xong bữa rượu thì quan quân đã kéo về rầm rộ vây kín tất cả các nẻo. Người ta đưa ông đến một cái hầm kín. Trước khi xuống hầm, Bu còn làm phép để đánh lừa quan quân. Bu sai múc một bát nước, đặt lên một chiếc đũa rồi niệm chú bước qua. Lần này bọn quan quân có đưa theo một thầy độn. Khi sục sạo các nhà không tìm thấy Bu, bọn tướng bảo thầy độn bấm xem thử thế nào. Thầy độn giở phép của mình ra nhưng hắn bị mắc lừa vì bát nước, chiếc đũa của Bu, nên sau khi bấm xong, hắn ngơ ngác trả lời rằng: - "Thằng giặc ấy đã đi qua một chiếc cầu tre bắc qua đầm trốn thoát mất rồi!". Bọn chúng tin lời, cho quân đi lùng sục các chỗ khác. Thế là một phen nữa, Bu lại thoát vòng nguy hiểm.

Một lần khác, Bu đang phát thóc cho dân một xóm gần bãi. Chia vừa xong thì quan quân đã bổ vây bốn mặt. Bu lại được mọi người dẫn đi trốn ở một nơi kín. Nhưng trước khi trốn, Bu cũng xin một mảnh chiếu trùm lên người làm phù phép, khiến cho thầy độn của quan quân một lần nữa lại bị lừa, bảo rằng ông đang trốn ở một bụi lác ngoài bãi. Quan quân nghe lời tất tả đổ xô ra bờ sông. Bu thừa dịp lại trốn đi vô sự.

Quan quân cứ mấy lần tưng hửng như thế, chả làm gì được Bu. Còn Bu thì hết đi vùng này sang vùng khác, đến đâu cũng bí mật giúp đỡ dân nghèo và được họ che chở. Về sau không rõ Bu đi đâu.

Ngày nay ở động Dang trên núi Hồng-lĩnh còn có dấu vết cột cờ, thành lũy và nền nhà, nền kho, tương truyền là đồn trại cũ của cố Bu[1].

KHẢO DỊ

Phần đầu truyện này theo như một số người địa phương Hà-tĩnh kể, thì lúc trẻ nhà nghèo Bu phải làm nghề chăn vịt, thường đưa vịt đi ăn ở cánh đồng gần bờ sông. Cũng như truyện *Yết Kiêu* (số **72** tập **II**), một hôm vào khoảng nửa đêm, Bu thấy hai con trâu từ dưới nước lên bờ húc nhau. Thấy sự lạ, Bu vác gậy đánh đuổi. Khi trâu biến mất, Bu thấy có mấy cái lông dính ở đầu gậy. Biết đó là lông trâu thần, ông bỏ vào miệng nuốt, nên từ đó bơi lặn rất tài.

Về tình tiết này, trong *Thiên-lộc huyện phong thổ chí*[2] có một truyện tương tự, nhưng lại khác hẳn về kết cục:

Xưa có người tên là Trần Hồ làm nghề đánh cá, thường đậu thuyền ở ngã ba sông Hoàng. Một đêm nọ bỗng thấy một cặp trâu từ dưới nước lên bờ và húc nhau ở gần mũi thuyền. Ông bèn cầm gậy đánh đuổi, hai con trâu lặn xuống nước. Ông nhìn lại thấy có lông dính ở đầu gậy, liền nhặt lấy nhưng không nuốt như Cố Bu mà đeo vào nách. Từ đấy lặn xuống nước như đi trên đất liền, nhờ thế bắt được cá không biết bao nhiêu mà kể. Tiếng đồn ngày một rộng. Khi vua Lê Thánh Tông đi qua đấy, nghe tiếng ông, bèn gọi đến

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel).*Chuyện đời xưa mới in ra lần đầu hết* và lời kể của người Hà-tĩnh.

2. Của Lưu Công Đạo.

thử tài. Ông lặn ngược dòng vài dặm, bắt được một con cá lớn, bề ngang chín tấc, đem lên dâng vua. Sau đó, ông cho là còn bé, lại thả cá xuống sông, lặn xuôi dòng ba bốn dặm bắt được con cá thước tư. Vua khen ngợi. Lúc vua hỏi nguyện vọng, ông chỉ muốn được một khu đất riêng để phơi lưới. Vua bèn ban cho ông một nơi gần đó gọi là hồ Thám.

Về chỗ Bu che râu đi theo đám ma vượt khỏi vòng vây, có người kể: Bu bảo người ta bó chiếu lại như bó người chết, cắt hai thủ hạ khiêng, một thủ hạ khác cầm đuốc đi trước, còn mình thì vác cuốc thuổng theo sau, làm thành một đám ma giả, rồi cứ thế tiến đến chỗ quân lính vây bọc, xin phép ra đồng chôn. Lính thấy có người chết, không cần căn vặn mà còn cho đi ngay, thế là mắc lừa Bu.

Về câu chuyện "qua cầu tre, nằm bãi lác", trong sự tích Cố Nghinh cũng có tình tiết tương tự. Cố Nghinh (tức Nguyễn Hữu Nghinh) quê ở Vạn-phúc-đông, (Đức-thọ, Hà-tĩnh), là người đời cuối Lê, khi nhà Nguyễn lên không chịu đi thi. Gia Long nghe tin cố học giỏi cho sú triệu ra làm quan, song cố nhất định không chịu. Về sau, Minh Mạng sai Nguyễn Công Trứ đem quân đi bắt. Ai cũng lo thay cho cố, song cố vẫn điềm nhiên. Một lần quân đến vây bọc, cố lấy một chiếc chiếu lác bước qua chậu nước, rồi vào nằm trong nhà, đắp chiếu ấy lên. Nguyễn Công Trứ đến, bấm một quẻ độn, nói rằng: - "Nghinh đã chạy qua một con sông, hiện giờ còn trốn trong một bãi lác". Bèn cho quân vượt sông đi tìm. Ở bên này, Nghinh trốn thoát[1].

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

97. QUẬN HE

Vào thời nhà Lê, có hai vợ chồng một nhà nghèo ở làng Đồng-lủi, sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Hữu Cầu. Thuở trẻ, Cầu mồ côi bố, người mẹ túng bấn phải cho chàng đi ở, nhưng sau cũng cố gắng cho đi học. Trong lớp, chàng là người ngỗ nghịch không chịu kém ai. Bấy giờ có một bạn học kình địch với Cầu là Phạm Đình Trọng. Hắn là người thường được thầy khen nết na chăm chỉ, nhưng Cầu thì nhất định không phục.

Một hôm thầy đi đám, có cho Cầu và Trọng cùng theo. Lúc về, nhà đám biếu thầy một cái thủ lợn. Hai người ganh tỵ nhau không chịu xách. Thầy liền ra một câu đối: *Huề trư thủ* nghĩa là "xách đầu lợn", bảo ai đối hay thì được miễn. Trọng đối lại là *Phan long lân* nghĩa là "vin vẩy rồng". Còn Cầu thì đối là *Phá Tần diệt Sở*. Thầy gõ một giáo quạt vào đầu Cầu, chê Cầu đối gì mà lại thừa chữ. Nhưng Cầu cố cãi:

- Tôi dẫu đối sai, nhưng tôi không muốn vin vẩy rồng mà lóc vẩy rồng kia!

Thầy mắng:

- Thế thì tội to đấy, không phải chơi đâu, con ạ! Cuối cùng, chàng bị thầy bắt phải xách thủ lợn về nhà.

Hôm khác, thầy lại ra một câu đối: *Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo*. Trọng đối: *Tháng Giêng rét đài, tháng Hai rét lộc*. Câu của Cầu là: *Tháng Mười sấm rạp, tháng Chạp sấm động*. Thầy bảo cả hai người:

- Thằng Trọng có khẩu khí làm quan to, còn thằng Cầu thì chỉ làm giặc!

Lúc ra chơi, Trọng bảo Cầu:

- Tao sẽ cầm quân tiêu diệt mày.

Cầu đáp:

- Nếu tao làm giặc thì tao sẽ đánh tan xác những đứa vào luồn ra cúi.

Được ít năm, Cầu lại đi học với một thầy đồ khác. Một hôm nhà thầy có việc phải mổ trâu thết khách, nhân ra cho học trò câu đối: *Tể hoàng ngưu*, Cầu đối: *Trảm bạch xà*. Thầy cho biết như thế là sai luật. Cầu đáp:

- Tôi chỉ nhìn vào ý mà không nhìn vào chữ. "Giết trâu vàng" chính là đối với "chém rắn trắng" đó ạ!

Thầy tấm tắc khen:

- Thằng bé này ngày sau có chí lớn. Hãy cố lên con ạ!

Nhưng rồi sau đó ít lâu Cầu bỏ văn học võ. Năm mười tám tuổi, người chàng khỏe như voi, tiếng to như sấm, có thể hai tay cầm hai cối đá ném xa vài trăm thước. Chàng lại giỏi nghề bơi lặn, lặn suốt một hơi, từ tả ngạn sông Bạch-đằng đến bãi huyện Yên-phong mới lên.

Bấy giờ chúa Trịnh chuyên quyền làm nhiều điều bạo ngược: trăm tình nghìn tội đều đổ vào đầu dân. Dân tỉnh Đông rủ nhau làm giặc. Cầu cũng gia nhập vào đám giang hồ. Dần dần, chàng là bộ hạ đắc lực của Nguyễn Cừ. Bấy giờ Cừ xưng hùng một dải Hải-đông. Cừ rất yêu tài chàng, gả con gái cho và phong làm quận công.

Có lần Cầu bị quan quân bắt được. Chúng đưa chàng ra xử trảm. Sắp bị chém, chàng nói với quản ngục:

- Chém thì chém nhưng hãy lập đàn chay, dựng cột phướn cho ta lễ Phật, rồi sẽ chịu hành hình. Như thế ta sẽ thỏa cái linh hồn mà không quấy nhiễu ai nữa.

Bọn quan quân nghe nói cũng sợ, bèn cho lập đàn bên sông. Cầu được cởi trói, thong thả vào lễ Phật rồi trèo lên đài, quan quân vây bọc kín ở dưới. Chúng thấy Cầu chắp tay niệm "nam mô" hai tiếng rồi vụt một cái, đã đâm đầu xuống sông. Chúng hốt hoảng rải quân vây đón hai đầu, nhưng tìm mãi không được. Trong khi đó thì Cầu đã lặn suốt theo dọc sông hơn ba mươi dặm mới bỏ lên bộ. Khi quan quân biết,

thì chàng đã cướp được một con ngựa chạy như bay, không còn ai đuổi kịp.

Cừ thất bại, Cầu tự lập thành một đảng riêng, tiếp tục công việc của bố vợ. Chàng đem đồ đảng chiếm Đồ-sơn làm căn cứ. Khi tế cờ, chàng bắt kỳ dịch trong làng ấy phải dọn đền thờ Thành hoàng, vứt hết bài vị của thần đi, rồi dựng bài vị mới đề danh hiệu của mình vào mà thờ. Chàng bảo họ: - "Trên có trời, dưới có đất, giữa chỉ có mình ta là hơn cả, thứ thần linh này không đáng thờ bằng ta!".

Hôm khởi nghĩa có con cá he lớn vào sông nên người ta gọi Cầu là "quận He". Thấy chàng lặn giỏi và có tài đánh thủy, người ta cũng tôn làm "thần cá biển". Tuy vậy, chàng đánh bộ cũng rất cừ. Hồi ấy có một con ngựa thần thỉnh thoảng cứ vào buổi trưa lại từ dưới sông hiện lên rồi lững thững tiến vào một cái miếu ở ngoài đồng. Biết là ngựa quý, Cầu đến miếu nấp định bắt nhưng ngựa lạ hơi vừa động vào đã bị nó đá. Cầu bèn lấy thóc mang đặt ở miếu rồi ngồi rình. Ngựa lúc đầu không chịu ăn. Về sau mon men tới ăn. Mấy lần như thế. Cầu bắt đầu làm quen và dần dần ngựa chịu để cho Cầu cưỡi. Ngựa thần ngày đi ngàn dặm, hang sâu khe lớn vượt qua như bay. Ngựa lại rất mến chủ. Có khi người và ngựa bị bại trận lìa nhau mấy ngày trời, nhưng chỉ một thời gian sau, ngựa lại tìm về với chủ.

Triều đình cho Cầu là giặc nguy hiểm, cố lo diệt trừ. Chúng sai một quan thủy đạo đốc lĩnh rất thiện thủy chiến đem binh thuyền đến đánh. Cầu cho mười chiếc thuyền giả cách thua chạy. Bao nhiêu quan thuyền được lệnh ra sức rượt đuổi theo. Thuyền của Cầu lui vào bến Cát-bạc. Ở chỗ đó gió to sóng dữ, quan thuyền cao to lại nặng không tài nào lái được, bị dạt sang bờ bên Đông. Cầu chỉ chờ có lúc ấy liền đem thuyền nhẹ đến vây đánh. Quan quân tan vỡ, thủy đạo đốc lĩnh giơ tay chịu trói.

Nhà vua rất lo, phái mười đạo quân, cầm đầu là một viên đại tướng nổi tiếng tới đánh. Cầu tìm chỗ hiểm đặt quân phòng giữ, nhưng bề ngoài thì cho dàn những quân già yếu để lừa địch. Đại tướng khinh thường, dẫn mười đạo quân tiến vào. Tiến đến đâu, quân Cầu giả thua quăng khí giới bỏ chạy đến đấy. Cầu chờ cho chúng tiến đến chỗ phải

nối đuôi nhau mà đi, nổ một phát súng hiệu, quân mai phục bốn bề xông ra diệt một lúc hết cả mười đạo quân. Đại tướng chỉ còn chạy thoát lấy thân.

Mãi về sau, Phạm Đình Trọng bấy giờ đã là tướng tâm phúc của chúa Trịnh, tình nguyện xin đi đánh Cầu. Trọng trước lúc xuất quân, gửi cho Cầu một vế câu đối: *Thổ tiệt bán hoành: thuận giả thượng, nghịch giả hạ* (nghĩa là chữ "thổ" cắt đi một nửa ngang, để xuôi là chữ "thượng", để ngược là chữ "hạ"). Ý bảo Cầu nếu thuận sẽ để yên, nếu nghịch thì tiêu diệt. Cầu nghĩ ngay vế đối gửi lại cho Trọng: *Ngọc tàng nhất điểm: xuất vi chúa, nhập vi vương* (nghĩa là chữ "ngọc" giấu trong mình một chấm, đưa ra là chữ "chúa", cất đi là chữ "vương"). Ý bảo ta một là làm chúa, hai là làm vua, chứ không thèm đầu hàng.

Hai bên dàn quân giao chiến luôn mấy trận, quân của Trọng bị đánh tơi bời. Nhưng Trọng cố xin chúa cho mình tập hợp quân xứ Bắc như rươi, quân xứ Đoài như trấu để vây bọc Cầu. Quân của Cầu ít, lại đóng rải rác ở cuối ghềnh đầu bãi, sau đó bị quân địch dần dần dồn lại trong vòng vây. Những kẻ xông xáo định tìm cách vượt ra đều bị chết dần chết mòn. Tình thế rất nguy ngập. Một hôm, Cầu lặn đến thuyền Trọng. Mặc dầu lính canh gác vòng trong vòng ngoài, chàng cũng bám được vào bánh lái trèo được lên quan thuyền trong đêm tối. Bấy giờ Trọng đang ngủ say. Cầu quẳng vào một bức thư đại ý nói: "Ta có thể lấy đầu nhà ngươi như thò tay vào túi lấy một vật gì. Nhưng nghĩ tình bạn đồng học nên ta tha cho. Đổi lại, nhà ngươi hãy mở cho quân ta một lối thoát". Sáng dậy, Trọng đọc thư sợ quá. Hắn một mặt trưng thu tất cả các chiếu trong vùng kết liền với nhau làm một, rồi trải ra trên mặt sông để đề phòng Cầu lại lẻn đến. Mặt khác, "tương kế tựu kế" hắn mở một lối cho quân Cầu rút lui, nhưng lại phục binh đợi khi quân Cầu rút được nửa chừng thì hai mặt xông vào ập đánh. Trận ấy quân của Cầu thứ bị giết, thứ bị đắm đuối, thứ chạy trốn, tan tác khắp nơi[1]. Một bộ phận thoát được theo chủ tướng chạy vào Nghệ-an. Đến đây không may

1. Đoạn này theo lời kể của người Nam-định.

cho Cầu, thuyền bị bão lớn đắm gần hết phải bỏ lên bộ. Đi qua vùng Hoàng-mai, chàng bị thuộc tướng của Trọng bắt được. Chàng than lên: - "Nếu trời không hại ta thì lũ chó chết đừng có hòng mó đến người ta!"

Lúc Cầu bị tử hình, vợ yêu của chàng là Nguyễn Thị Quỳnh đến gặp mặt và rút dao đâm cổ, quyết theo chồng về cõi âm cho có bạn. Con ngựa của chàng cũng bỏ ăn ba ngày, rồi đi đâu mất biệt.

Ngày nay dân Đồ-sơn còn thờ Nguyễn Hữu Cầu. Người ta bày ra tục chọi trâu để nhớ lại sức mạnh vô địch của Quận He đã từng một thời làm cho quân triều run sợ. Người ta thường nói "gan Quận He" để chỉ những người nào gan góc dũng cảm[1].

1. Theo Phan Kế Bính. *Nam hải dị nhân liệt truyện* và *Thực nghiệp dân báo* (1924), tạp chí *Nam phong* (1919).

98. HẦU TẠO

Ở làng Tuần-lễ thuộc xứ Nghệ có một anh chàng tên là Tạo. Tạo sinh ra có một nốt đỏ trong vành tai, người ta cho là có tướng lạ. Chàng chẳng những có sức khỏe như voi mà còn có mưu lược hơn người. Thuở nhỏ, Tạo đi học thường được thầy khen văn hay và viết nhanh. Nhưng anh học trò ấy chẳng thích chuyện thi cử đỗ đạt mà chỉ muốn đua sức mạnh, nên sau đó bỏ văn xoay sang học võ. Sau mấy năm luyện tập đủ nghề khiên mộc giáo roi và binh thư đồ trận, chàng để mẹ và vợ ở nhà, đi lang thang khắp mọi miền. Chàng kết giao với nhiều bạn ở các vùng sông La, sông Lam, đi lại khoảng ngàn Trươi, ngàn Hống. Và chàng đã tai nghe mắt thấy rất nhiều những việc bất bình trong thiên hạ.

Thấy con nay đây mai đó, mẹ Tạo gọi con về, bắt phải chăm lo việc nhà. Chàng xưa nay rất thương mẹ và không muốn làm trái ý mẹ, đành trở về cày ruộng làm ăn. Nhưng tuy cầm lấy cái cày, bụng chàng còn nghĩ đến những hảo hán, bạn chàng ở bốn phương. Một hôm, trong một canh xóc đĩa, chàng thua rền: có bao nhiêu tiền để dành của mẹ, chàng trộm ra nướng sạch. Đêm ấy, vì không muốn để mẹ than phiền, Tạo tính chuyện vào nhà một tên trọc phú bên cạnh làng làm một mẻ. Nhà này đường ngang ngõ tắt, chàng đã biết hết. Cũng tưởng lọt vào êm như ru, nhưng không may cho chàng, vừa khoét vách lọt vào đã bị chúng phục sẵn chẹn bắt ngay, không kịp chống đỡ gì hết. Sa cơ, chàng bị chúng trói lại và giải lên quan.

Nhưng Tạo không để mình bị giam lâu. Ở nhà ngục, chàng tìm cách bẻ được xiềng sắt rồi trèo tường vượt ra ngoài. Thấy người ta truy nã mình ráo riết, chàng không dám về nhà nữa. Chàng rủ bạn bè đi làm giặc. Từ đó, chàng làm cho bọn nhà giàu và bọn quan lại sợ mất mật.

Mọi người theo chàng rất đông. Chàng tự xưng tước hầu và lập đồn trại ở truông Mây.

Nhà vua nghe tin quân truông Mây nổi loạn, sai Lê Văn Duyệt ra trấn Nghệ-an tìm cách tiễu trừ. Bao nhiêu lần quan quân tiến vào truông Mây là bấy nhiêu lần bị quân của Tạo đánh cho tan tác. Lê Văn Duyệt kinh sợ bèn yết bảng treo giải một trăm nén vàng và chức tước lớn cho kẻ nào bắt sống hoặc giết chết Tạo, người có nốt đỏ ở tai.

Tạo nghe tin, bèn cho quân sắm đủ cờ quạt võng lọng, rồi chọn lấy năm mươi người cải trang làm một đoàn quân đặc mệnh của nhà vua phái đi thanh tra các trấn. Tạo mặc áo gấm rất oai vệ, nằm trên cáng có diềm xanh diềm đỏ, có kẻ hầu tráp, hầu điếu, v.v... rồi cả đoàn tiến vào thành Nghệ-an. Quân sĩ của Duyệt thấy một đội quân gươm tuốt trần, giáo mác súng ống tề chỉnh, đi trước có một lá cờ đề hai chữ "khâm sai" thì không nghi ngờ gì nữa, vội vã rước vào rồi chạy đi báo cho quan trấn thủ biết. Lê Văn Duyệt tưởng thật ra khúm núm lạy chào, đưa Tạo cùng vào quan sảnh. Duyệt chưa nói câu nào thì Tạo đã bảo ngay:

- Nhà ngươi mấy lâu ra trấn xứ Nghệ đã biết mặt Tạo ra thế nào chưa?

Duyệt cung kính đáp:

- Dạ, chưa biết mặt.

- Tao đây chính thị là Hầu Tạo. Đây, nốt đỏ trong vành tai tao đây này.

Duyệt lấm lét nhìn, kinh sợ, chưa biết nên làm thế nào, thì Tạo đã nói:

- Hãy ngồi im, hễ rục rịch tao giết. Nghe tao hỏi đây. Tao có tội gì mà treo giải bắt?

Duyệt trấn tĩnh đáp:

- Ta thay mặt triều đình làm trấn thủ một phương, ai ai cũng thần phục, chỉ có mình ngươi là không quy thuận, nên ta phải vâng lệnh nhà vua tầm nã. Bây giờ xin tặng ngươi một trăm nén vàng và ba trăm nén bạc, ngươi hãy làm bạn với ta, ta sẽ tâu nhà vua tha tội, và cho làm một chức quan.

Tạo cười, bảo:

- Nên nhớ là bọn chúng tao cũng giúp triều đình một việc rất lớn là trừ khử lũ tham quan ô lại và lũ trọc phú cướp của hại dân đấy! Tao đến đây không phải vì chức quan mà cốt nói cho chúng mày biết, đừng có tầm nã nhọc công vô ích. Không những thế, chúng tao còn có thể lấy đầu chúng mày như thò tay vào túi đó thôi!

Đoạn, Tạo lại nói:

- Các ngươi cho tiền, ta xin nhận. Nào, hãy đưa mau ra đây!

Lê Văn Duyệt thấy hắn cầm lăm lăm thanh gươm thì sợ nguy đến tính mạng, đành phải sai lấy vàng bạc ra cho Tạo. Tạo sai thủ hạ nhận đủ, rồi bắt Duyệt phải đi cùng mình ra khỏi nơi nguy hiểm mới thả cho về, và nói:

- Ta không muốn giết mày mang tiếng thất tín. Hãy coi chừng cái đầu tao gửi trên cổ đó!

Được thả về dinh, Lê Văn Duyệt vừa xấu hổ vừa giận sôi gan. Hắn bắt chém ngay tên lính gác vì đã phạm tội lơ đễnh. Rồi từ đó, hắn dồn toàn lực vào việc trừ diệt Tạo. Thấy dùng binh mã đánh nhau với Tạo không nổi, Duyệt dùng đến mưu độc. Hắn sai thám tử đi dò tìm quê quán của Tạo và ra lệnh bắt gia quyến Tạo đem về dinh trấn để trả thù.

Khi bắt được mẹ và vợ Tạo, Duyệt mừng lắm. Hắn sai dựng một cái chòi rất cao, nhốt hai người lên đó để cho mọi người thấy mặt. Đoạn hắn bắn tin cho Tạo biết, nếu quy hàng sẽ để cho mẹ và vợ được yên ổn trở về, bằng không sẽ cho đầu lìa khỏi cổ. Nghe tin này, Tạo rất buồn. Chàng bảo chúng bạn:

- Đạo trời chỉ có cha với mẹ là lớn nhất. Ta một đời chưa lúc nào làm cho mẹ ta vui sướng. Nay ta ngựa cưỡi dù che mà để mẹ chết một cách oan khốc thì sống cũng bằng thừa.

Nói rồi trói tay chịu hàng Lê Văn Duyệt.

Bắt được Tạo một cách khỏe khoắn, Lê Văn Duyệt trở mặt, sai giam chàng lại chờ ngày ra pháp trường. Trong ngục tối, chàng viết những vần phú lời lẽ hùng tráng nói đến cái chí ngang trời dọc đất của mình,

chỉ vì thương mẹ mà chịu chết chứ không sợ ai cả. Duyệt đọc bài phú lại càng lộn ruột, hắn sai lính hành hình ngay. Ngày chàng rơi đầu dưới lưỡi gươm của đao phủ là một ngày hết sức buồn đối với dân Nghệ: không ai là không rủa thầm Lê Văn Duyệt. Có những người bỏ cơm ba ngày vì cảm thương chàng. Nhà vua nghe lời tâu của Duyệt, không bằng lòng, lấy có là hắn đã tự tiện giết mất một người con hiếu, đáng lý phải chờ xin mệnh lệnh của mình. Vua bèn phạt Duyệt một năm lương[1].

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn, và lời kể của người Hà-tĩnh.

99. LÊ LỢI

Hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta, đối đãi với dân ta vô cùng tàn ác. Không một ai là không nghiến răng chau mày. Bấy giờ có Lê Lợi nổi quân đánh lại chúng; nhưng trong lúc mới khởi nghĩa, quân ít lương thiếu, mấy lần bị giặc đánh đuổi, mỗi người chạy một nơi. Nhưng ông không ngã lòng nản chí. Ít lâu sau, được mọi nơi giúp của giúp người nên thanh thế lại dần dần nổi lên.

Một hôm, đội quân của Lê Lợi bị thua nặng. Một mình ông thoát được vòng vây chạy về một xóm kia. Nhưng một toán quân Minh đã phát hiện ra, đuổi theo rất gấp. Khi đi qua một lùm cây, ông bỗng thấy hai vợ chồng một ông già đang be bờ bắt cá ở ruộng. Ông liền chạy xuống nói với ông lão:

- Cụ làm ơn cho tôi bắt cá ở đây với, lũ chó Ngô sắp tới bây giờ!

Ông lão cởi ngay chiếc áo đang mặc ném cho ông, và ra hiệu bảo ông cứ xuống mà bắt.

Lê Lợi vừa thò tay xuống bùn thì cả toán quân giặc đã sồng sộc chạy tới. Một đứa trong bọn nhìn quanh nhìn quất rồi dừng lại bên cạnh đám ruộng:

- Này lão kia có thấy Lê Lợi chạy qua đây không?

Ông lão lắc đầu:

- Từ khi chúng tôi tát cá ở đây chả có người nào chạy qua cả.

Trong lúc những tên giặc khác đang lục bờ soát bụi, thì Lê Lợi cũng ngẩng đầu lên nhìn theo. Ông lão quát:

- Thằng bé kia, mày không bắt đi để còn về ăn cơm, nhìn ngó cái gì?

Lê Lợi biết ý, lại cúi xuống bắt cá như cũ. Quân giặc đứng trên bờ tưởng là người nhà ông lão nên không hỏi thêm gì nữa. Một chốc sau, chúng rút đi nơi khác.

Tối hôm ấy, ông lão đưa Lê Lợi về nhà mình. Một đám quân bị lạc chủ tướng lúc này cũng tìm được đến đây với Lê Lợi. Đây là một thôn ở gần núi, dân cư rất nghèo, thường ngày ăn uống rất kham khổ. Trong nhà ông lão có nuôi một con khỉ. Thấy không có gì đãi quân khởi nghĩa, mà đi mua bán thì sợ không giữ được kín tiếng, hai ông bà già bàn nhau giết thịt con khỉ kho lên cho mọi người làm thức ăn, riêng Lê Lợi thì có thêm một đĩa cá chép vừa bắt lúc chiều. Cơm dọn ra. Cả tướng lẫn quân vừa mệt vừa đói nên ăn rất ngon lành. Mờ sáng hôm sau trước khi từ giã, Lê Lợi nắm lấy tay ông lão, nói:

- Chúng tôi không bao giờ quên ơn lão. Sau này lúc nước nhà hưng phục, sẽ mong có dịp báo đền.

*

* *

Lần thứ hai, Lê Lợi lại bị thua to, quân sĩ không chống nổi với lực lượng hùng hậu của giặc nên xiêu bạt mỗi người một nẻo. Lê Lợi một mình trốn về rừng già, có ba tên giặc đuổi theo sát nút. Qua một đoạn đường rẽ ông bỗng bắt gặp thây một cô gái bị giặc hãm hiếp và giết chết. Ông vẫn còn đủ thì giờ dừng lại khấn: -"Xin vong hồn nàng hãy cứu ta lúc này, ta sẽ vì nàng ra sức báo thù lúc khác".

Khấn đoạn lại chạy, nhưng bấy giờ nguy cấp quá, ông đành chui liều vào một bụi cây. Quân Minh đuổi theo đến khoảng đó thì dừng lại nhìn ngó quanh quất, chưa biết nên tìm ngả nào, chúng xuýt chó đi sục sạo. Thấy con chó cắn vang ở phía bụi có Lê Lợi nấp, chúng liền lấy giáo thọc vào bụi, đâm phải đùi ông. Lê Lợi cắn răng để khỏi phải kêu lên, và trước khi ngọn giáo rút ra, ông vẫn không quên dùng vạt áo lau máu dính ở giáo.

Nhưng chó vẫn cứ nhằm bụi cây cắn inh ỏi. Lũ giặc tin chắc có người nấp trong đấy; chúng toan lao giáo vào một lần nữa, thì bỗng trong bụi nhảy vụt ra một con chồn. Chó thấy chồn lập tức đuổi theo cắn râm

ran. Lũ giặc thấy vậy đánh chó và mắng: - "Chúng tao nuôi mày để săn người An-nam chứ có phải săn chồn cáo đâu?". Và rồi chúng kéo nhau bỏ đi nơi khác. Nhờ thế Lê Lợi lại được thoát nạn.

*

* *

Sau những ngày chiến đấu gian khổ, quân đội khởi nghĩa bắt đầu thu hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, quân Minh cũng tiếp tục mất hết thành nọ đến thành kia. Cuối cùng bọn giặc phải bó giáp quy hàng. Lê Lợi lên ngôi vua ở Thăng-long. Nhưng ông chẳng bao giờ quên những người đã cứu giúp mình và nghĩa quân ngày trước. Ông mới sai đại thần mang một mâm vàng bạc về tận nhà hai ông bà già để tặng. Song bấy giờ cả hai vợ chồng đều đã chết cả. Ông bèn sai dựng một ngôi đền ở ngay trên nền nhà cũ. Hàng năm ông bắt các quan phải tới đây làm lễ quốc tế. Cỗ cúng rất đơn giản, chỉ có một đĩa xôi, một bát thịt khỉ và một đĩa cá chép nướng, đúng như lúc hai vợ chồng ông lão dọn cỗ cho nghĩa quân ăn.

Còn chỗ có thây cô gái chết, ông cũng sai lập một miếu thờ vì nghĩ rằng chỉ có hồn thiêng của nàng đã hóa làm chồn đánh lạc hướng bầy chó của giặc thì ngày ấy mình mới qua cơn hiểm nghèo. Không biết tên của nàng, ông sai gọi nàng là Hộ quốc phu nhân, nghĩa là bà phu nhân giúp nước. Người ta cũng gọi là Hồ Ly phu nhân [1].

KHẢO DỊ

Người Nghệ-an có truyền thuyết *Núi Phù Lê:*

Ở một hòn núi thuộc huyện Hương-sơn (Hà-tĩnh) ngày ấy có một cây đa sống lâu đến tám, chín trăm năm, ruột rỗng thành lỗ. Bị giặc Minh đánh đuổi, Lê Lợi chui vào cái lỗ ấy ẩn nấp. Giặc xuýt chó đi tìm. Đến cây đa, chó đánh hơi sủa mạnh. Từ trong lỗ bỗng vụt nhảy ra một con chồn. Chó đuổi theo và giặc cũng theo chân chó, nhờ vậy Lê Lợi thoát nạn. Khi bước ra khỏi lỗ một quãng thì thấy có thây một người đàn bà chết. Lê Lợi nghĩ rằng chính người đàn bà ấy đã hóa thành chồn để cứu mình, bèn bảo quân chôn cất. Và khi

1. Theo Phạm Đình Hổ. *Vũ trung tùy bút*, đã dẫn.

dẹp xong giặc nước, vua phong cây đa ấy là cây Phù Lê, núi cũng mang tên ấy. Người đàn bà được phong thần, sau dân lập đền thờ[1].

Người Nghệ-an còn có một truyện khác cắt nghĩa nguồn gốc cái tên làng Cẩm-bào (nay thuộc xã Diễn-trường, Diễn-châu, Nghệ-an):

Khi đánh quân Minh, Lê Lợi có lần bị giặc đuổi, chạy qua đây. Lúc này có một người đang làm ngoài đồng. Người ấy bảo: -"Hãy cởi áo bào tôi cứu cho". Nói xong người ấy đổi áo cho Lê Lợi. Giặc đến thấy người mặc áo bào tưởng là người mà mình đang tìm bèn giết chết. Còn Lê Lợi thì lẩn vào trong xóm thoát được. Khi lên ngôi vua, ông sai đặt tên làng ấy là Cẩm-bào để nhớ ơn. Nay còn cái cầu gần ga Yên-lý mang tên ấy[2].

1. Theo *Bản khai xã Thanh-tân*. Cũng có người cho núi này sở dĩ mang tên Phù Lê, là do công lao mẹ con bà Bạch Ngọc, hoàng hậu nhà Trần khai thác điền trang ở vùng Hương-sơn, giúp vua Lê nên có tên ấy.

2. Theo lời kể của người Nghệ-an.

100. LÊ VĂN KHÔI

Ngày xưa vào triều Minh Mạng, có một chàng trai nhà nghèo nhưng có sức khỏe tuyệt trần. Anh chàng thường chống đò ngang ở bến đò Thiên-tả kiếm ăn. Lúc mới sinh, anh có ba cái nốt đỏ ở bụng, ai nấy đều bảo là tướng rất quý. Tiếng đồn thổi mỗi ngày một rộng. Quan trên nghe tin, cho là tướng nghịch, toan bắt nộp triều đình để lấy thưởng. Biết được tin ấy, anh bỏ lên miền núi rừng tỉnh Cao-bằng. Từ đây, anh kêu gọi các hào kiệt nhóm họp lại, làm giặc chống lại triều đình. Trong số đồ đảng của anh có Nguyễn Hựu Khôi, một chàng trẻ tuổi, nhưng sức khỏe và gan dạ thì được mọi người trầm trồ khen ngợi.

Dần dần thế lực của họ rất mạnh. Họ chiếm được tỉnh Cao-bằng, rồi đánh lan ra các nơi. Quân đi đến đâu các tỉnh hàng phục đến đấy. Nhà vua lo sợ, sai Lê Văn Duyệt cầm quân đi đánh, nhưng quân của họ chiến đấu rất dũng cảm, mấy lần đánh lui những đạo binh đông đảo của triều đình. Chẳng mấy chốc họ tiến sát Bắc-thành. Quân triều đình rút vào cố thủ. Bấy giờ vào tiết tháng Bảy, nước sông lên to. Thấy thế nguy khốn, Lê Văn Duyệt vô cùng lo lắng. Hắn bèn biện lễ vật cầu thần giúp đỡ. Thần báo mộng cho biết: tối hôm sau hễ thấy nơi nào có ngọn lửa xanh thì dồn toàn lực đánh ập vào chỗ đó, thần sẽ "âm phò" cho được thắng lợi. Được lời thần, Lê Văn Duyệt ra lệnh cho các đạo quân sẵn sàng. Vào lúc nửa đêm, bỗng nhiên có một tiếng sét vang, một ngọn lửa xanh xuất hiện ở chỗ quân giặc đang đóng. Quân sĩ triều đình biết là có thần giúp, lăn xả vào chỗ có ngọn lửa. Quả nhiên, họ phá tan được giặc, bắt sống được hàng trăm người trong đó có anh lái đò Thiên-tả và Nguyễn Hựu Khôi.

Khi đưa hàng trăm tội nhân ra pháp trường xử trảm, Lê Văn Duyệt liếc thấy một tù binh dáng người vạm vỡ khỏe mạnh, tướng mạo khôi ngô, thì đem lòng thương hại, mới gọi đến hỏi: - "Ngươi tên là gì"? -

"Nguyễn Hựu Khôi" - người ấy đáp. - "Ngươi có tài nghề gì không?" - "Lên rừng trói hổ, xuống sông bắt sấu, làm gì cũng được!".

Lê Văn Duyệt bèn bảo lãnh cho chàng để được "đái tội lập công" rồi đưa vào Nam-kỳ.

*

* *

Chẳng mấy chốc Nguyễn Hựu Khôi đã chiếm được lòng tin của Lê Văn Duyệt. Bất cứ công việc gì khó khăn nặng nhọc chàng đều làm cho chủ vui lòng. Sức khỏe và lòng gan dạ của chàng đã làm mọi người khiếp phục. Những tay đô vật cũng như những nhà côn quyền đều coi chàng là bậc đàn anh. Bao nhiêu công việc hàng voi phục hổ, chàng chẳng coi ra mùi mẽ gì.

Một hôm có sứ thần nước Xiêm đến Gia-định. Để sứ thần biết oai thượng quốc, Lê Văn Duyệt sai Khôi cải trang làm lính, trà trộn trong đám quân sĩ đợi lệnh ra trổ tài cho sứ thần xem. Ở Gia-định hồi ấy, người ta có nuôi hổ trong những cái chuồng đặt trong các "khại" rào kín xung quanh. Lê Văn Duyệt truyền mở hội đấu hổ cho mọi người tới xem rồi mời sứ thần Xiêm và các quan chức cùng mình lên ngồi trên vọng đài.

Dứt tiếng trống, Duyệt truyền lệnh bắt đầu cuộc đấu. Khôi mình trần trùng trục, một tay cầm côn sắt, một tay cầm đùi lợn sống tiến lại chuồng hổ mở cửa cho nó ra. Không ngờ gặp phải con hổ quá dữ, vừa ra khỏi chuồng là chồm ngay lên mình Khôi. Chàng sợ nguy đến tính mạng, đành cho nó một côn, hổ ngã lăn ra tắt thở.

Trong khi sứ thần và mọi người đều vừa run vừa phục tài Khôi, thì Duyệt làm bộ nổi giận lấy cớ tại sao lại tự tiện giết mất hổ quý, liền rút lệnh tiễn truyền quân đao phủ dẫn Khôi ra chém. Khôi sụp lạy xin tha tội để cho mình đi bắt trói con khác. Thế rồi chàng lại cầm đùi lợn vào "khại" mở cửa một chuồng hổ khác. Giữa những tiếng trống, tiếng reo dậy đất, chàng cùng hổ quần nhau giờ lâu. Cuối cùng một miếng đá của chàng làm cho hổ lăn ra ngã ngửa. Sẵn dây ở khố, chàng lấy ra trói lại, vác đưa đến trước đài phục mệnh. Trên vọng đài Lê Văn Duyệt hài lòng, sứ thần Xiêm vô cùng thán phục[1].

1. Đoạn này theo Nguyễn Bính. *Truyện cổ tích Việt-nam.*

*

* *

Lê Văn Duyệt từ chỗ trọng tài đến chỗ tin yêu, nhận chàng làm con nuôi. Về phần Lê Văn Khôi - tên họ mới của người tù - cũng cảm ơn tri ngộ của chủ. Từ ngày trở thành người thân của quan Tổng trấn, chàng muốn gì có nấy. Cởi áo tù binh khoác áo võ quan, dần dần từ Phó vệ lên Chánh vệ: bước đường công danh tiến nhanh vun vút. Nhưng không bao giờ Khôi quên những bạn nằm gai nếm mật đã rơi đầu dưới lưỡi dao của đao phủ. Được Lê Văn Duyệt che chở, vây cánh của Khôi mỗi ngày một đông. Nhưng giữa lúc đang thuận buồm xuôi gió thì không may Lê Văn Duyệt chết.

Lại nói chuyện, trước kia vua Minh Mạng vốn có tỵ hiềm với Lê Văn Duyệt. Gia Long trước khi nhắm mắt có ý định bỏ trưởng lập thứ, nên cho đòi các quan đại thần về kinh để hỏi ý kiến. Riêng Lê Văn Duyệt tỏ ý bênh cho dòng đích. Nghe được tin này, Minh Mạng xiết bao căm tức. Từ khi lên làm vua, ông muốn ăn gan uống máu Lê Văn Duyệt cho hả giận. Nhưng hồi đó trong tay Lê Văn Duyệt còn nắm binh quyền, nên Minh Mạng đành vuốt giận làm lành. Cho đến ngày Duyệt chết, Minh Mạng mới bãi bỏ chức tổng trấn, giải tán Nam thành; thành Phiên-an bây giờ chỉ là thủ phủ của Gia-định, còn sáu tỉnh Nam-kỳ trực thuộc với triều đình. Minh Mạng lại cử bố vợ của mình là Bạch Xuân Nguyên làm bố chính Gia-định, dặn cố kiếm lỗi lầm của Duyệt lúc sống để trị tội cho thỏa lòng căm tức bấy lâu.

Lại nói chuyện quốc trượng Bạch Xuân Nguyên vốn là một tên hung ác. Bước chân tới Gia-định, hắn ra sức bới lông tìm vết để khép Lê Văn Duyệt vào tội lộng hành. Hắn đã giết mất mấy người thân tín của Duyệt. Những người còn lại, hắn sai giam giữ để tra khảo. Về phần Lê Văn Khôi thì chàng hết sức đau xót cho chủ, hơn nữa lại nhìn thấy vây cánh của mình đang bị tỉa dần tỉa mòn, mưu đồ báo phục có cơ vỡ lở nay mai. Vì vậy ngọn lửa hận càng bừng bừng bốc lên.

Đã đến lúc chàng và phó vệ Hùng, bạn chàng, được Bạch Xuân Nguyên gọi vào dinh. Biết hai người này vốn được Lê Văn Duyệt tin cậy, Bạch Xuân Nguyên hỏi ngay:

- Vậy chớ hai thầy ở với Lê Văn Duyệt lâu năm, hai thầy có biết va làm chuyện chi "bất pháp" hãy nói cho ta hay thử?

Không nhịn được nữa, Lê Văn Khôi lập tức mắng ngay:

- Anh là kẻ hậu sinh mà dám khinh mạn một bậc lão tướng công thần. Nếu như thượng công còn sống thì anh làm một tên lính hầu trà của ngài cũng không đáng. Nay ngài mới thất lộc mà anh dám kêu tên ngài ra nói xách mé như vậy. Coi chừng kẻo chúng tôi lấy đầu đi đó!

Nghe mấy lời nhục mạ mình như sét đánh bên tai, Bạch Xuân Nguyên giận tràn hông, vội thét lính bắt giam Khôi lại để trị tội. Nhưng Khôi không để bị giam lâu. Đêm hôm ấy, chàng đã tìm được cách vượt ngục. Lập tức, chàng kêu gọi quân sĩ của mình đột nhập vào các dinh thất bắt bọn quan tỉnh giam lại. Riêng Bạch Xuân Nguyên bị họ tẩm dầu làm bó đuốc sống đốt trước mồ Lê Văn Duyệt.

Tuy mọi việc chưa sẵn sàng, nhưng đã lỡ cưỡi lên lưng hổ, Lê Văn Khôi đành liều cùng các bạn kêu gọi mọi người kéo cờ khởi nghĩa. Chỉ trong một tháng họ lấy được cả Nam-kỳ. Minh Mạng cả sợ, sai tướng đem đại quân vào đánh. Quân của Khôi ít, lại bị dàn mỏng nên sau mấy trận quyết chiến giữ không nổi, cuối cùng phải rút vào thành Phiên-an cố thủ. Minh Mạng hăm hở ra lệnh vây thành. Nhưng tuy bị vây, thành vẫn trơ gan đứng vững. Minh Mạng càng nóng lòng nóng ruột muốn hạ mau mau, song dù quân đông tướng giỏi súng nhiều, thành vẫn không làm sao hạ nổi. Việc đó làm cho nhà vua hết sức bực bội.

Một hôm, Minh Mạng giả làm dân thường đi dạo chơi ở cánh đồng phía Tây kinh thành. Vua thấy có một bầy trẻ chăn trâu đang chơi trò xây thành bày trận. Tò mò, ông dừng lại xem. Toán trẻ trong thành hết sức cố thủ, toán trẻ ngoài thành đánh mãi không được bèn nghĩ ra kế chất rơm lên xe đốt lửa đẩy vào, nhờ đó cuối cùng thành bị hạ. Lập tức, Minh Mạng sai các tướng học theo kế hỏa công của bọn trẻ mà làm, và nhờ đó ông hạ được thành Phiên-an[1].

1. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn và Trương Vĩnh Tống. *Mỹ Ấm tùy bút.*

KHẢO DỊ

Đồng bào Tày kể chuyện Lê Văn Khôi như sau:

Ngày xưa có ông Hai Khôi là người rất khỏe ở xóm Na-giam (Cao-bằng). Khôi bị bọn quan bắt đi tải lương. Một hôm đi đến chợ Xum-lau, ông gặp hai người trẻ tuổi đón hỏi làm quen. Hai người tự xưng là Bảo Ngược là thần thuồng luồng. Họ nhờ Khôi đưa giùm một bức thư cho hai nàng Sảo Ngược ở Na-giam và nhờ giữ thật kín, sẽ xin hậu tạ. Khôi nói: - "Đây là một cái miếu cổ, làm gì có người?". Họ trả lời: - "Đến đấy cứ gọi lên: "Nàng Đang nàng Đạt ở đâu ra mà nhận thư!", khắc có người ra tiếp". Khôi nhận lời, nhưng đi đến Kẹo-vụt, chàng bóc trộm ra xem. Chàng chẳng thấy trong thư có chữ nghĩa gì cả, trừ một vết máu đỏ lòe.

Khi đến, quả có hai người con gái đẹp tiếp Khôi. Sau khi đọc thư, họ hứa hậu tạ và dặn khi nào lội qua khe, hễ nhìn thấy vật gì cũng cứ nhặt lên. Đến lúc qua khe, Khôi chẳng nhìn thấy gì cả trừ một đống bọt trôi quanh quẩn ở chân. Chàng vốc không được, nhưng khi há miệng thì bao nhiêu bọt lọt vào miệng chàng tất cả. Từ đó Khôi khỏe mạnh gấp mười ngày trước, có thể tay không đánh chết hổ.

Một hôm đi qua dinh trấn thấy có một bọn lính dông đúc, đang hè hụi khiêng cột gỗ ngâm dưới ao lên dinh, mà khiêng không nổi. Khôi cười nhạt, bảo họ cho cơm ăn, mình sẽ làm hết cả công việc. Bọn lính nhường tất phần cơm của họ cho chàng. Một mình Khôi ngốn hết, rồi xuống bắt tay chuyển gỗ. Mỗi chuyến chàng vác được bốn cột: hai cột hai vai, hai cột cặp nách, đưa lên quẳng rầm rầm bên dinh trấn làm cho quan ngủ không được. Khi thấy sức khỏe kỳ lạ của Khôi, quan rất khen ngợi. Nhân lúc ấy Thượng công Lê Văn Duyệt có một con ngựa bất kham, rao khắp mọi nơi rằng ai trị được sẽ cho làm quan. Quan trấn cử Khôi về. Chàng quả trị được con ngựa. Từ đó mới làm con nuôi Lê Văn Duyệt.

Về sau Khôi nổi binh đánh triều đình. Khôi ước hẹn với người anh là Vân cùng khởi sự. Anh nổi lên ở phía Bắc, em nổi lên phía Nam, làm cho triều đình đối phó hết sức vất vả[1].

1. Theo lời kể của đồng bào Tày (do Thân Văn Lư sưu tầm).

101. BA VÀNH

Ngày xưa, ở làng Minh-giám có một chàng trai nổi tiếng khỏe mạnh. Lúc mới sinh có nhiều tướng lạ: tay dài quá gối, răng liền một hàng, trên trán có ba đường chỉ ngang. Vì thế lớn lên, người ta quen gọi chàng là Ba Vành. Còn một điều đặc biệt nữa là ở mỗi bên chân có một chòm lông xoăn. Hai chòm lông này có phép rất mầu nhiệm. Hễ lúc nào nắm lấy chòm lông mà vuốt thì thân thể tự nhiên nhẹ nhõm, có thể nhảy một phóc vọt qua nóc nhà, hay từ trên cây cao buông người rơi xuống đất mà không việc gì. Tuy có tướng lạ, Ba Vành vẫn giấu không cho ai biết.

Nhà nghèo, Ba Vành phải đi ở chăn trâu độ thân. Chàng thường chơi với bọn trẻ chăn trâu trong làng. Một hôm, cả bọn rủ nhau bày trò chia phe đánh trận. Phe Ba Vành sau một lúc chiến đấu, bị thua phải bỏ chạy; những đứa trẻ thuộc phe bên kia đuổi theo. Khi sắp tới một khe sâu, bị đuổi kíp quá, Ba Vành liền dừng lại vuốt hai chòm lông rồi làm một nhảy vượt sang tận bờ bên kia. Cả đám trẻ thấy vậy trố mắt đứng nhìn và kêu lên: -"Kìa, trông thằng Vành có phép phi thân!". Từ đó chúng thần phục Ba Vành, tôn chàng làm vua, gọi là vua Ba Vành.

Một hôm, Ba Vành để trâu ăn lúa của một mụ nhà giàu trong vùng. Mụ này nổi tiếng ngoa ngoắt, đã từng được người ta gọi là Chua Lừng. Nghe tin báo, mụ chạy ra réo tên Ba Vành mà chửi ầm ĩ. Không nhịn được chàng liền ra lệnh cho bọn trẻ bắt lấy mụ đưa vào bãi lau gần đấy để trị tội. Ba Vành lấy dao rạch mồm, và bảo: - "Muốn chửi, ta mở rộng mồm mà chửi cho sướng!". Đoạn anh giết con trâu mình đang chăn cho bọn trẻ ăn khao[1]. Việc làm của Ba Vành bị bọn nhà giàu và bọn hào cường thù ghét. Chúng cho người truy lùng anh. Ba Vành trốn trên

1. Đoạn này theo lời kể của người Thái-bình.

một lùm cây. Bọn chúng rình mò vây bọc trong mấy ngày trời. Nhưng khi chúng xông vào thì Ba Vành đã kịp thời vuốt lông xoăn làm một phóc vọt qua ngọn tre. Cả bọn kinh hãi bỏ dở cuộc vây bắt.

Từ đó, Ba Vành làm giặc chống lại triều đình. Nghe tin Ba Vành có võ nghệ phi thường, người ta theo về rất đông. Họ vẫn gọi tên chàng là vua Ba Vành. Quân của chàng đánh đâu thắng đấy. Nhờ hai chòm lông, Ba Vành xuất quỷ nhập thần. Có những lúc chàng nhẹ nhàng nhảy vào doanh trại địch diệt sạch những tên chỉ huy. Rồi lại nhẹ nhàng nhảy ra, sau đó đưa quân tiến đánh. Bọn lính địch mất tướng như rắn mất đầu, chỉ còn biết vắt chân lên cổ mà chạy.

Về sau, nhà vua sai Nguyễn Công Trứ làm tướng cầm mấy đạo quân triều đình đi đánh Ba Vành. Nhưng quan quân tuy đông, cũng không làm sao thu được thắng lợi. Dù bị vây bọc như thế nào, Ba Vành cũng phi thân nhảy ra được; việc đó làm cho quân triều đình hết sức ngơ ngác và khiếp đảm, tiếng đồn làm họ ngày một ngã lòng. Thấy kẻ địch có phép xuất quỷ nhập thần, Nguyễn Công Trứ cũng e ngại. Ông cho tra hỏi dân chúng các làng xem phép thuật của Vành ra làm sao, nhưng chẳng một ai biết mà trả lời. Nguyễn Công Trứ lại càng lo lắng.

Dò la mãi không được, Nguyễn Công Trứ bèn lập một mẹo mới. Ông ra lệnh cho quân sĩ làm bộ rút lui, và cho phép các cơ đội đón phường chèo về mở cuộc vui trong mười đêm ngày. Quả nhiên, mẹo của ông có kết quả tốt.

Quân lính của Ba Vành có nhiều người say mê hát chèo đến nỗi phải cải trang làm dân thường lẻn đến doanh trại triều đình, trà trộn trong đám dân làng xem hát. Nguyễn Công Trứ rình bắt được một số đem về tra hỏi, thì trong đó có hai người thân tín của Ba Vành. Ông chỉ cật vấn họ về những điều bí mật xung quanh phép lạ của Ba Vành. Hai người lúc đầu nhất định không chịu nói. Nhưng vị tướng của triều đình rất khôn ngoan, không hề dùng đến kìm kẹp mà vẫn cho tiếp đãi hai người rất hậu. Họ muốn gì có nấy. Quả nhiên, về sau hai người đành chịu khai ra hai chòm lông xoắn rất mầu nhiệm của chủ tướng. Nghe đoạn, Nguyễn Công Trứ liền lấn thêm một bước, dỗ dành hai người trở

về tìm cách cắt cho được hai chòm lông của Ba Vành, để không những "đái tội lập công" mà còn mong ban thưởng quan cao lộc hậu.

Hai người vâng lời trở về. Gặp lại chủ tướng, họ nói dối là mình bị bắt nhưng nhờ mưu trí nên trốn thoát được. Ba Vành không ngờ họ đã trở thành những tên phản bội, vẫn đối đãi thân cận như xưa. Một hôm đến phiên hai người túc trực cho chủ tướng nằm ngủ, họ lén dùng kéo cắt phăng hai chòm lông ở chân Ba Vành, rồi mật báo cho Nguyễn Công Trứ biết. Được tin, Nguyễn Công Trứ vội thúc quân tiến đánh, vòng vây mỗi ngày một xiết chặt. Ở trong đồn lũy, bộ hạ của Ba Vành khuyên chàng sớm trốn ra. Nhưng tin vào hai chòm lông mầu nhiệm của mình, Ba Vành vẫn cười ha hả bảo rằng:

- Cho các ngươi lọt ra trước đi, còn ta, ta chờ chúng đến sẽ nhảy ra cũng chưa muộn.

Không ngờ đến lúc quân triều đình đã lọt vào tận cửa buồng, Ba Vành mới mó đến hai chòm lông thì ôi thôi, chúng đã bị cắt gọn từ lúc nào rồi. Không còn có cách gì trốn tránh được nữa, ông đành giơ tay chịu trói[1].

KHẢO DỊ

Về loại truyện có tình tiết dùng mẹo bày cuộc hát chèo để đánh phá khởi nghĩa, ở Nghệ-an còn có truyện như sau:

Vào thời hậu Lê, ở Sơn-nam có một nhóm khởi nghĩa nổi lên. Vì quân đóng ở làng Hóp nên người ta gọi là "giặc Hóp". Giặc Hóp rất mạnh. Nhà vua sai bao nhiêu danh tướng đi đánh đều thất bại. Có một trận, đại quân triều đình bị đối phương tập kích ngã xuống ao sâu chết không biết bao nhiêu mà kể. Những xác rơi xuống ao bị thối rữa có giòi, nên người ta gọi là ao Giòi.

Sau cùng, nhà vua sai Trương Đắc Phủ, một viên quan về hưu, quê ở làng Phú-nghĩa đi đánh dẹp. Trương Đắc Phủ ra Sơn-nam không tiến công mà lại cho người đến giảng hòa với giặc Hóp. Rồi đánh tiếng là đi làm lễ cầu siêu cho quân sĩ triều đình tử trận, ông đến ao Giòi cho quân đóng lại, một mặt

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh (do Mạnh Sào Quan sưu tầm).

rước thầy cúng bày đàn tràng làm lễ; mặt khác rước một đoàn hát chèo gồm nhiều cô gái đẹp, hát hay múa dẻo đến hát. Ông soạn một vở chèo gọi là "Sĩ nông công thương, ngư tiều canh mục" rất vui nhộn. Cuộc vui mở trong mười đêm. "Giặc Hóp" nghe tin, có nhiều người cải trang đến xem chèo. Đêm vui nhất cũng là đêm quân khởi nghĩa bỏ trại đi xem hầu hết. Thừa dịp đó, quân của Trương Đắc Phủ bí mật kéo đến vây trại, trong khi đó thì những tên làm nội ứng đã bí mật lấy trộm vũ khí của trại cất đi. Vì vậy, quân khởi nghĩa bị bắt gọn [1].

Về truyện *Ba Vành*, người miền Bắc kể sự tích và những trận chiến đấu của quân khởi nghĩa có khác với người Nghệ - Tĩnh. Đại khái là:

Ba Vành là người võ nghệ tinh thông, nổi bật là môn nhảy qua nóc nhà, ném cối đá qua tường, phóng và bắt mũi giáo mũi tên, trăm lần không sai, v.v... Thủ hạ của Vành có người có tài xách cối đá đi xa hàng dặm, có người sử dụng đại đao, có người phóng giáo tài tình, có người tướng lạ như tai to bằng lá bàng, mũi lớn lấp mặt, râu dài quá rốn, mặt to vuông tượng, bụng phệ tày bồ, v.v... Câu thành ngữ truyền tụng là: "Tai Tổng, mũi Uốc, râu Nơi, mặt Tuần Nhưng, bụng huyện Xứng".

Sau khi phá tan thủy đội của thống chế Cúc, uy danh Ba Vành lừng lẫy khắp Sơn-nam. Chiếm đóng phủ Kiến-xương, Vành cũng đồng thời chiếm được hai cô gái đẹp - hai chị em con Phủ Trúc - làm vợ.

Tiếp theo là những trận Vành giao chiến với thống chế Đặng. Hai bên tỷ thí với nhau suốt ba ngày. Đến ngày thứ ba, Đặng vút thiết côn, Vành làm bộ bị thương ngã ngựa, nhưng kỳ thực ra hiệu cho thủ hạ ném giáo tới cho mình bắt. Bắt được mũi giáo nào, lập tức Vành phóng vào đối phương. Đến mũi thứ năm, thống chế Đặng không tránh kịp, thủng bụng mà chết.

Mất hai tướng, triều đình tức giận dồn quân vây bọc căn cứ. Vành không đường tiến lui tưởng nguy đến nơi. Nhưng chàng đã kịp thời ra lệnh cho quân mình ngậm tăm khai một con sông từ căn cứ thông ra biển, chỉ trong một đêm là xong. Trời vừa sáng thì quân của Vành cùng quân nhu khí giới đều rút ra được ngoài biển làm cho tướng lĩnh nhà vua hết sức ngơ ngác.

Cuối cùng, bọn tướng lĩnh dùng mưu cố sức tiêu diệt Ba Vành. Chúng kết án Phủ Trúc vào tội "thông phỉ", bắt phải dụ bắt chàng rể cho kỳ được để "đái

1. Theo *Thần tích xã Phú-nghĩa.*

tội lập công". Hôm ấy, nhà Phủ Trúc có giỗ, Vành đưa cả hai vợ về dự. Được tin báo, quân triều kéo về vây bọc trùng trùng điệp điệp. Vành khinh suất không nghe lời can của thủ hạ, đòi ngủ lại sau khi rượu say. Sắp đi nằm bỗng nghe tiếng động, Vành chạy ra. Mười thủ hạ liều chết mở một đường máu cho chủ tướng thoát. Nhưng sực nhớ tới hai người vợ yêu, Vành lại trở vào. Quân triều đổ dồn tới đông vô kể, Vành chạy ra đến bờ sông đã bị thương nặng. Tuy vậy, chàng còn phóng lao làm chết hàng đống mới chịu để chúng bắt. Đêm ấy Vành cắn lưỡi tự tử. Khi người ta đem đầu Vành bêu ở trấn, hai người vợ Vành đến cúng một tuần rồi cùng đâm cổ chết theo[1].

Về hình tượng Ba Vành với hai chòm lông xoăn đặc biệt, làm cho chàng có phép nhảy cao, xem lại nhân vật Cố Bu trong truyện *Cố Bu* (số **96**) cũng nhờ có lông dưới lòng bàn chân nên có phép lặn giỏi. Trong một số truyện của các dân tộc cũng có loại hình tượng nhân vật nhờ một dị dạng nào đó (như có một sợi lông mọc ở chỗ đặc biệt) mà trở nên có phép lạ, nhưng có khác là những nhân vật đó không được xây dựng thành nhân vật chính diện trung tâm của câu chuyện. Ví dụ, ở truyện *Quỷ háng trắng* của dân tộc Mèo, có một anh hùng đánh nhau với mụ quỷ trắng, anh dùng vải phép trói được mụ, rồi cầm dao chém, nhưng lưỡi dao bật ra như chém vào đá, cầm giáo đâm thì mũi giáo quằn lại. Bỗng có người mách rằng: nếu không nhổ cái lông dưới lòng bàn chân mụ thì không giết được. Anh bèn lấy dao khoét lòng bàn chân mụ quỷ, nhổ ra được một cái lông như lông nhím. Bị nhổ mất lông, mụ bỗng rùng mình, tự nhiên lông lá mọc đầy người, biến thành lợn lòi chạy vào rừng[2].

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1923) và theo lời kể của người Thái-bình, Nam-định.
2. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.

102. HAI NÀNG CÔNG CHÚA NHÀ TRẦN

Vào thời nhà Trần có một ông vua sinh được năm nàng công chúa, trong đó có hai nàng xinh đẹp: một người tên là Bảo Nương; một người tên là Ngọc Nương. Năm hai nàng đến tuổi lấy chồng, vua cha toan hạ chiếu kén rể nhưng cả hai đều từ chối. Họ chỉ thích đi xem núi sông cảnh vật trong nước. Họ tâu với vua cha trong một buổi vấn an: - "Thưa phụ hoàng! Phong cảnh nước nhà thật muộn phần cẩm tú. Chúng con chưa muốn lấy chồng. Chúng con chỉ xin phép phụ hoàng đi chơi một chuyến để xem cho thỏa thích".

Vua Trần không biết làm sao can ngăn được, đành phải chiều ý hai con. Họ cải trang thành hai gã con trai, mang theo một số người hầu hạ, và từ đấy, đoàn du hành không quản gió sương, đi khắp mọi nơi trong nước, đặt dấu chân ở nhiều danh lam thắng cảnh.

Vào hồi đó, có giặc Nguyên sang cướp nước ta. Quân của chúng rất hung ác, đi đến đâu thì cướp bóc tàn phá đến đấy. Dưới tay chúng, những đình đài miếu mạo cũng như nhà cửa dân cư đều lâm kiếp tro bụi. Nhà vua phái bao nhiêu quân đội đến biên thùy nhưng không sao ngăn được bước tiến của chúng. Chẳng bao lâu, chúng đã chia nhau chiếm khắp đầu gò cuối bãi một vùng hữu ngạn sông Thương, đóng đồn la liệt, để rồi hãm hiếp, chém giết, đốt phá không còn kiêng nể gì.

Bấy giờ, hai nàng công chúa đang ở bên tả ngạn sông Thương. Vì vùng Đa-mỗi có nhiều phong cảnh đẹp, nên hai chị em sai làm nhà trên bờ sông để tiện trú chân ngắm cảnh. Thấy đất nước và dân cư bị tàn phá vì lũ giặc hung hãn, hai nàng xiết bao căm tức. Họ bèn bàn với nhau cho người về xin phép vua cha một phen liều mình diệt giặc.

Cầm đầu lũ giặc lúc đó ở vùng Bắc-giang có hai tên tướng tiên phong.

Chúng lăm le vượt sông tiến nhanh về phía Kẻ Chọ. Hai nàng bí mật bàn với các phụ lão làng Đa-mỗi giúp cho mình thực hiện được mưu kế.

Thấy họ quả quyết, các phụ lão đành phải vâng lời. Hai nàng bèn trang điểm rất đẹp, giả làm hai cô gái bán hàng ở chợ bên sông, cố làm cho giặc ở bên kia trông thấy. Quả nhiên, hai tên tướng giặc vừa nhác thấy bóng hồng thì tâm thần mê mẩn, chúng liền rút lệnh tiến cho quân hầu sang sông, truyền lệnh cho làng Đa-mỗi phải đưa sang dâng nạp hai người con gái đó; nếu kháng cự thì dân làng sẽ không thoát được cái vạ "làm cỏ" một khi quân "thiên triều" sang sông. Hai nàng bảo chúng:

- Chị em chúng tôi vẫn có lòng chờ hai tướng quân. Nhưng chúng tôi vốn là con vua cháu chúa cũng biết chút lễ nghĩa. Nếu hai tướng quân có lòng thương thì cho sang đây hai chiếc thuyền hoa, chọn ngày lành tháng tốt, đón về tử tế. Nếu tính chuyện "cẩu hợp"thì chị em chúng tôi thà nhảy xuống sông phó cho dòng nước, chứ không chịu để nhơ nhuốc tấm thân.

Quân hầu trở về tin lại. Hai tên tướng giặc bèn sai lấy hai chiếc thuyền, trang sức đẹp đẽ, cho mười quân hầu và thị nữ mang vàng bạc chèo sang đón về. Thấy chúng đến, hai nàng đón tiếp rất tử tế, sai dọn cỗ bàn mời chúng ăn. Trong khi đó, có mấy người thợ mộc đã cắt đặt sẵn, kín đáo lôi thuyền lên bãi dùng khoan đục mỗi thuyền chừng vài chục lỗ nhưng chú ý đút nút kín lại, rồi đưa xuống nước như cũ. Sau khi phái mấy người thân tín phi ngựa về Kẻ Chọ báo tin cho quân triều, hẹn ngày tiến quân, đồng thời gửi lời vĩnh biệt của mình tới hoàng hậu, vua cha và anh chị em hoàng thân quốc thích, hai nàng quay ra bảo mấy tên quân hầu của giặc:

- Các ngươi về bẩm với hai tướng rằng chị em chúng tôi đã chọn được ngày lành tháng tốt, đúng giờ thân sẽ xin xuống thuyền sang sông. Nhưng hai chị em chúng tôi phải lên chỗ muôn tên nghìn giáo thì rất sợ hãi, chỉ mong hai tướng quân cùng đi thuyền đến làm lễ hợp cẩn ngay trên thuyền hoa này.

Đúng ngày hẹn, hai nàng công chúa xuống thuyền. Sắp sang bên kia sông, hai nàng nhất định bắt quân hầu cắm lại để đợi. Quả nhiên, hai

tướng giặc chờ không được phải thân hành đi thuyền đến. Trông thấy hai nàng xinh đẹp, bọn chúng hết sức thèm muốn. Cho nên sau chén rượu hợp cẩn, chúng đã ra lệnh cho bao nhiêu thuyền khác lui ra xa.

Giữa lúc hai tên tướng giặc đang say sưa vì rượu nồng gái đẹp thì những chàng trai làng Đa-mỗi đã ước hẹn sẵn, lặn ra giữa sông, lần đến dưới đáy hai chiếc thuyền hoa, tháo tất cả những cái nút to nhỏ ra. Nước chảy mạnh vào thuyền và không mấy chốc đưa tất cả xuống thủy phủ.

Bấy giờ quân triều đình đã bí mật kéo tới rất đông. Khi được người Đa-mỗi kể lại tin đó, họ vượt sông ba mặt tiến đến đánh úp. Bọn giặc không tướng như rắn mất đầu nên tan vỡ rất chóng. Cuối cùng, quân ta đã tiêu diệt được cả một cánh tiên phong địch, chặn được bước tiến của chúng, nhờ đó đủ thì giờ cho vua quan và tướng sĩ rút lui khỏi kinh thành.

Về sau, đến ngày đại quân của nhà vua đuổi giặc ra ngoài bờ cõi, người ta nhớ đến công lao hai nàng công chúa Bảo Nương và Ngọc Nương nên dựng đền tại nhà của họ ở Đa-mỗi để thờ[1].

1. Theo *Thần tích làng Đa-mỗi*, và Trịnh Như Tấu. *Bắc-giang địa chí*.

103. VỢ BA CAI VÀNG

Ngày xưa ở tổng Hoàng-vân có một viên cai tổng, người ta thường gọi là Cai Vàng. Thuở trẻ ông ta bắt được một viên ngọc kỵ đạn, đeo vào người có phép làm cho những mũi tên hòn đạn sắp đụng vào da thịt phải rẽ đi lối khác. Ông rất mừng rỡ, từ đó đeo vào người không bao giờ rời.

Trong thời kỳ làm cai tổng, có lần Cai Vàng tiêu mất tiền thuế, bị quan tỉnh bắt giam ở ngục, tra tấn rất khổ sở. Lúc quân canh giải qua một khu rừng, Cai Vàng nhân lúc mọi người sơ hở, bẻ gông bỏ chạy. Bọn lính áp giải vừa đuổi vừa bắn, nhưng nhờ có phép mầu của viên ngọc, ông trốn thoát vô sự. Từ đấy Cai Vàng chiêu tập đồ đảng, sắm sửa khí giới chống lại triều đình, tự xưng là Thượng công.

Cai Vàng có ba người vợ, đáng chú ý là người vợ thứ ba, mới hai mươi tuổi mà võ nghệ tuyệt trần. Trước ngày mưu đồ việc lớn, ông cho gọi cả ba vợ đến họp với mình để dò tình ý. Ông hỏi:

- Tôi nay không khác gì cưỡi trên lưng hổ, sớm muộn bọn chúng cũng chẳng để yên cho nào. Vậy tôi muốn một phen chọc trời khuấy nước, diệt cho hết lũ tham tàn để vẫy vùng riêng một cõi. Ba nàng nghĩ sao?

Người vợ cả thưa rằng:

- Châu chấu chống xe làm sao được ? Chàng đừng nghĩ dại dột! Cái vạ diệt tộc hãy còn rình sau lưng đấy. Mong chàng nghĩ lại thôi. Nếu chàng dấy quân, thiếp đành xin trở về nuôi mẹ. Một mai nhỡ có việc gì, thiếp xin phụng dưỡng mẹ già thay chàng.

Người vợ thứ hai cũng tiếp luôn:

Chàng ơi! Nghe thiếp đừng đi,
Cửa nhà cơ nghiệp thiếu gì ăn chơi!

Nhưng nghe hai người đàn bà ấy một mực "bàn ra", người vợ thứ ba không nhịn được, tức giận hầm hầm quát to lên rằng:

- Hai chị không biết lúc này là lúc nào ư? Chim không bay được, cây không mọc lên chỉ vì bọn chúng. Hiện nay bốn phương nhao nhác còn chờ Thượng công. Những lời yếu đuối của hai chị nên mang về xó bếp. Thiếp tôi nhất thua nhì được, quyết xin theo chàng đến cùng, diệt phường Kiệt Trụ, gây dựng cơ đồ. Người nào thương mẹ nhớ cha cứ cho về!

Nói rồi cưỡi ngựa thét loa ra bãi tập với các quân sĩ. Thấy ý vợ ba cương quyết nên Cai Vàng không trù trừ nữa, nhất định tế cờ khởi nghĩa. Chẳng bao lâu mọi nơi hưởng ứng, người ngựa chật đất. Bộ hạ của ông sức khỏe như hùm sói, võ nghệ rất cao cường. Có những người như Lý Hạnh tự xưng là nguyên soái, Lý Chuột tự xưng là quận công, Tuần Cận làm tiền quân, v.v... Vợ ba Cai Vàng trổi lên giữa đám tướng sĩ đó. Trong trận đánh chiếm phủ thành Lạng-giang , nàng hai tay cầm hai thanh gươm ngồi trên mình ngựa xông ra giữa hàng trận, quan quân chỉ còn biết rẽ ra mà chạy. Lấy được phủ Lạng, nàng giao thành lại cho chồng, rồi tự cầm quân tiên phong tiến đánh huyện Văn-giang.

Nghe tin Cai Vàng nổi loạn, bọn quan tỉnh dồn tất cả quân sĩ đến vây phủ Lạng, hòng cướp lại. Bấy giờ vợ ba Cai Vàng đang vây huyện lỵ Văn-giang, nghe quân cấp báo, liền nói: "Thằng nào dám cả gan như vậy! Ta chỉ vén váy diệt cho một trận thì e chúng mày chạy bằng bay cũng không thoát!". Lập tức, nàng kéo quân trở về kịch chiến với quan quân. Bọn quan tỉnh địch không nổi, bị đánh tơi bời. Thấy khó đương với giặc, bọn chúng liền làm biểu tâu vua. Vua sai mấy viên đại tướng điều quân sĩ mấy tỉnh khác về, bắt họ diệt cho được Cai Vàng.

Hai bên cầm cự luôn mấy tháng. Mỗi lần giáp chiến, Cai Vàng xông lên trước, tên đạn bên quân triều đình trút vào người ông như mưa, nhưng chả ăn thua gì. Thấy thế, bọn chúng khiếp đảm, cho là ông có trời giúp, ai nấy ngã lòng, quân đảo ngũ ngày một nhiều.

Về sau, có một người thủ hạ thân tín của Cai Vàng phạm tội, hắn sợ chủ giết, nhân đêm tối lẻn sang đầu hàng quân triều đình. Hắn mách:

- Thầy tôi có ngọc đeo vào người, những thứ đạn gang bắn vào thì chẳng khác gì chạm vào vách sắt. Chỉ còn cách lấy vàng đúc đạn mà bắn, họa có trúng chăng.

Bọn chúng nghe nói, lập tức đúc một số đạn bằng vàng giao cho những tên bắn giỏi, dặn chỉ gặp Cai Vàng mới nhất loạt nổ súng. Ngày hôm sau chúng đem quân khiêu chiến. Nguyên soái Lý Hạnh đem quân chống cự, nhưng chúng nhất thiết chỉ réo tên Cai Vàng từ sáng đến trưa không nghỉ. Thấy thế, Cai Vàng nổi giận ruổi ngựa tiến ra. Quả nhiên đạn vàng đã làm cho viên ngọc kỵ đạn mất hết mầu nhiệm. Đạn xuyên vào đầu ông và làm đứt mất một tai bên phải. Ông chỉ còn ôm đầu phi ngựa trở về phủ thành. Người vợ ba và bọn thủ hạ xúm lại chữa chạy, nhưng vết thương nặng quá, không thể cứu nổi.

Trước khi trút hơi thở cuối cùng, Cai Vàng chỉ còn trối lại với vợ được mấy câu: - "Nàng ôi! Trời hại ta nửa đường đứt gánh... Ta giao phó tất cả quân sĩ cho nàng... Nàng gắng sức trả thù cho ta!".

Thấy chồng chết, vợ ba Cai Vàng căm uất vô hạn. Một mặt, nàng bắt mọi người giữ kín tin chồng chết và cho quân bí mật đem xác chồng vượt vòng vây đưa về chôn ở quê hương. Còn mình thì tự điều khiển thủ hạ chống cự quân triều. Nàng chọn ba trăm người quyết tử theo mình ra trận. Hôm ấy viên thống lĩnh, người đã chỉ huy quân đội bắn đạn vàng, ra ứng chiến. Nàng chống đỡ mấy hiệp rồi giả cách thua chạy. Thống lĩnh ta đang quáng quàng về thắng lợi, mừng quýnh vội thúc ngựa đuổi theo rất gấp. Không ngờ thấp cơ thua trí đàn bà, hắn bị nàng dùng chước đà đao, thình lình quay lại bắt sống được. Lập tức nàng cắp nách đưa về thành, sai bỏ cũi giải về quê hương, đốt làm nến tế ma cho chồng.

Từ đó, tướng sĩ lại càng hồ hởi. Trong một trận giao phong khác, vợ ba Cai Vàng lại bắt sống được một viên Hồng lô. Thấy tướng địch là một người trẻ tuổi đẹp trai, nàng không nỡ giết, sai giam hắn lại, cho ăn uống tử tế. Quân lính của nàng còn thắng mấy trận nữa, nhưng lúc bấy giờ quân triều đình biết tin Cai Vàng đã chết, nên lại cố sức vây đánh. Cuối cùng quân của nàng phải bỏ phủ thành tản về các nẻo. Biết cơ khó duy trì được lâu dài, một hôm vợ ba Cai Vàng hội các tướng sĩ lại, bảo họ:

- Nay Thượng công đã mất, chúng ta chưa gặp thời. Vậy cho mọi người ai nấy về nhà làm ăn, đợi dịp tốt khác sẽ hay.

Các tướng sĩ đành gạt nước mắt chia tay. Nàng cho người giải viên Hồng lô trả cho triều đình với điều kiện để cho quân mình được tự giải tán, không truy nã.

Đoạn nàng sai đem tất cả của cải phân phát cho mọi người rồi bỏ đi, không biết là đi đâu[1].

KHẢO DỊ

Người miền Nam kể truyện *Doãn Uẩn làm vua nước Xiêm* tuy nội dung không giống truyện trên nhưng cũng có hình ảnh viên ngọc kỵ đạn.

Doãn Uẩn quê làng Mùi, huyện Thượng-phúc (Hà-đông). Ngày ấy có quân Xiêm kéo vào bờ cõi, vua sai ông làm tướng đem quân chống cự. Trong mình ông vốn có viên ngọc kỵ đạn. Bèn lên ngồi trên cửa thành, đầu che tán lọng, dõng dạc bảo quân địch: - "Cho chúng bay bắn trong nửa ngày, nếu ta chết quân ta sẽ mở cửa thành cho vào, bằng không chết thì phải rước ta về làm vua nước chúng bay. Một lời đã hứa ta quyết không sai. Có bằng lòng không?". Quân Xiêm nhận lời. Chúng bèn rót đạn vào ông như mưa, tán lọng đều đổ và bọn lính hầu đều chết sạch. Duy có ông vẫn ngồi yên, địch bắn tới nửa ngày không một viên nào trúng. Chúng kinh hoảng toan lui quân thì bỗng ông đứng dậy hô quân nhất tề tiến lên. Địch bấy giờ hết cả đạn thua chạy và quy hàng. Cuối cùng chúng tôn ông làm vua nước Xiêm cho đến 42 năm mới chết. Xác ông được mang về trả cho vua ta.

Về sau có lần vua Xiêm, dòng dõi của Doãn Uẩn, sang ta thăm có đem các quan tùy tùng về làng Mùi để thăm mộ tổ[2].

Người miền Bắc khi kể về Quận Vùng (tức Nguyễn Cồ) chống Pháp ở Sơn-tây cũng nói ông có viên "ngọc trận" đeo vào mình thì tên đạn không bắn trúng được. Giặc Pháp không biết làm cách nào để đàn áp bèn cho một tên Việt gian bắn giả cách theo Quận Vùng. Quận Vùng không ngờ mưu gian, lại thấy hắn tài bắn bèn nhận làm thủ hạ, cuối cùng bị hắn giết chết bằng dao[3].

1. Theo *Vợ ba Cai Vàng*.
2. Theo lời kể của đồng bào Cần-thơ.
3. Theo lời kể của đồng bào Sơn-tây.

104. VUA HEO

Ngày xưa có một đứa bé không cha không mẹ, được người ta nhặt về nuôi để sai vặt. Vì nó bẩn như lợn nên người ta gọi là thằng Heo[1]. Mặc cho ai muốn chế nhạo khinh bỉ mình thế nào, Heo vẫn coi thường mọi người. Trải qua những năm đói kém, Heo vẫn sống và ngày một lớn. Năm mười lăm tuổi, Heo đến ở với một ông quan lớn.

Một hôm, ông quan bắt Heo múc một thau nước để rửa chân cho mình. Khi Heo mó đến chân quan, quan trỏ vào mấy cái nốt ruồi và dặn:

- Tao có ba cái nốt ruồi đỏ ở chân đây. Mày hãy coi chừng! Nếu cào xước lên thì cả họ nhà mày cũng khó mà đền cho ta cái tướng quý đó, con ạ!

Heo ta nghe nói nghĩ bụng: - "Cái thứ người chỉ mới có ba nốt ruồi vặt đã làm gì mà nhặng lên như thế !" Nghĩ đoạn, Heo vạch áo cho quan xem những nốt ruồi của mình và nói:

- Quan lớn chỉ có ba cái nốt ruồi thôi mà đã quý đến thế, còn tôi có đến chín nốt đây này.

Ông quan thấy thằng bé có những chín nốt ruồi đỏ ở sau lưng thì lấy làm lạ, bụng nghĩ thầm: - "Trời ơi! làm sao mà nó có tướng quý thế kia! Về sau nó không làm vua thì cũng làm chúa mà thôi. Nếu để cho nó làm vua làm chúa thì còn thể thống gì nữa. Phải tìm cách giết đi mới được".

Thế rồi mấy hôm sau, ông quan trao cho đứa hầu gái một gói thuốc độc và bảo nhỏ rằng: - "Mày nhớ sắc thuốc này vào cơm cho thằng Heo ăn. Nhưng phải giữ thật kín miệng, nếu để ai biết tao sẽ giết mày trước".

1. *Heo*: lợn, tiếng từ Quảng-bình trở vào.

Người hầu gái cầm lấy gói thuốc độc, bụng thương Heo vô hạn. Nhưng nàng không thể trái lời chủ được đành phải rắc vào bát cơm để dành phần cho Heo. Hôm ấy, Heo phải đi chợ mua giấy bút cho chủ. Trở về thì vừa lúc người hầu gái đang cho lợn ăn. Thấy Heo bưng bát cơm sắp và vào miệng, nàng vội vàng lấy thanh củi, vừa gõ vào cái máng lợn ăn vừa vờ mắng lợn:

- Heo òn! Heo òn! Heo ăn Heo chết, mà Heo không ăn heo cũng chết!

Nàng vừa gõ vừa nói như thế đến ba lần. Heo nghe lấy làm chột dạ, nhưng vẫn chưa hiểu ý tứ thế nào liền chạy lại hỏi nhỏ:

- Thế nào? Có việc gì nói cho tôi biết đi!

Cô gái đáp:

- Heo đừng có quên tôi, tôi sẽ cho Heo biết.

Heo gật đầu. Nàng vội dắt Heo ra một chỗ vắng, kể hết sự tình cho nghe, và bảo:

- Nếu Heo không trốn mau, tai vạ sẽ đến nữa. Không sao tránh khỏi.

Heo cảm ơn cô gái vô cùng, ôm lấy đầu nàng hôn hít và nói:

- Sau này nếu tôi làm nên thì nàng cứ tìm đến, nhưng phải đến với mớ tóc lòa xòa như thế này thì tôi mới nhận ra được.

Heo bỏ đến ở với một lão trọc phú. Trọc phú thấy Heo đến xin việc, chưa biết nên dùng vào việc gì. Nhân có mấy đứa con đang chơi bời lêu lổng, hắn bắt Heo trông nom chúng cho mình. Công việc kể ra cũng nhàn và Heo làm tròn phận sự. Nhưng phải mấy đứa bé nghịch ngợm hết sức; chúng nó làm cho Heo phải theo dõi rất vất vả, lại thường bị mắng oan. Heo cắn răng không nói gì cả.

Một hôm, trọc phú thấy mấy đứa con có vẻ buồn bèn bảo Heo:

- Mày hãy bò xuống làm ngựa cho các anh ấy cưỡi. Có thế các anh ấy mới vui mà tao thuê mày mới đáng đồng tiền.

Heo cực chẳng đã phải phủ phục xuống cho hết đứa lớn đến đứa bé leo lên lưng. Chúng nó thích lắm. Cho nên, ngày hôm sau trò ấy lại diễn ra. Thằng con lớn của trọc phú cưỡi lên lưng Heo, nó beo tai Heo, Heo

không nói gì. Một chốc nó vớ cái roi đánh vào đít Heo, miệng kêu "nhoong nhoong" như kiểu bố nó cưỡi ngựa. Heo không nhịn được nữa, ngoái tay ra sau lưng gạt đứa bé một cái. Đứa bé văng mạnh ra đằng trước, đầu va phải tường vỡ óc mà chết.

Thấy đứa bé chết, Heo sợ, vội vàng bỏ trốn. Heo đi rất xa, tìm đến một ngôi chùa ở trên núi, xin với hòa thượng cho mình được ở lại hầu hạ rồi sẽ cắt tóc quy y. Hòa thượng đang cần một em bé hàng ngày trèo lên bệ lau chùi các pho tượng, nên nhận cho Heo ở chùa. Công việc không có gì đáng phàn nàn. Một hôm, hòa thượng nhìn thấy những chỗ kẽ chân tay của các pho tượng còn đầy bụi bặm bèn mắng Heo làm ăn dối trá. Qua hôm sau, Heo cố sức lau kỹ vào kẽ tay kẽ chân các tượng nhưng khó mà lau cho sạch. Tức mình, Heo trợn mắt nhìn một pho tượng và nạt lớn: -"Nhấc tay lên cho ta lau!". Tự nhiên pho tượng gỗ giơ tay lên trời . Lau xong, Heo lại phán: - "Duỗi chân ra nhanh, không ta cho ăn một gậy!". Pho tượng Phật đang ngồi xếp bằng vội nhổm dậy duỗi chân cho Heo lau. Nhờ làm theo cách ấy, Heo lau được sạch tất cả các pho tượng. Lau xong đâu đấy. Heo lại hô lên cho các tượng trở về nguyên vị.

Từ đấy trở đi, Heo vẫn làm theo lối đó. Nhưng một hôm, sau khi lau xong Heo quên truyền cho các tượng bỏ tay xuống, và co chân lại, cứ để thế mà về trai phòng. Buổi tối, các hòa thượng lên chùa tụng kinh thấy tất cả tượng Phật đều đứng duỗi chân thì vô cùng kinh ngạc, mới cho gọi hết thảy sư vãi trong chùa tới để chứng kiến một cảnh tượng chưa từng có bao giờ. Khi hỏi đến Heo, chàng thú nhận là do hôm nay mình đãng trí quên bảo các pho tượng ngồi xuống như cũ. Hòa thượng nghĩ bụng: - "Chỉ có thiên tử mới sai khiến được Phật. Đứa bé này đã sai khiến được Phật hẳn sẽ có ngày làm vua. Nếu ta không báo quan trên, một mai họ truy nã, tất ta sẽ mang lỗi".

Nghĩ đoạn, hòa thượng liền cho người mật báo lên quan. Nhưng có một chú tiểu khác đã mách cho Heo biết, nên Heo bỏ trốn trước khi quan tới.

Lần này Heo đến ở với một phú thương. Trước nhà phú thương có một hàng cau mọc đều ngăn ngắt. Hắn giao cho Heo hàng ngày phải

múc nước tưới cau. Một hôm, Heo mệt quá ngồi nghỉ dưới bóng cây. Heo chỉ vào ba cây cau, buột miệng nói đùa:

- Cây này là cha, cây này là mẹ, cây này là con!

Tự nhiên, ba cây cau ấy trở nên lớn bé cao thấp khác nhau: cây cau cha vụt lớn cao hơn tất cả, trái lại cây cau con lùn tịt xuống, buồng của nó cọ gần sát đất.

Qua hôm sau, phú thương bước ra vườn thấy mấy cây cau thay hình đổi dạng thì lấy làm kỳ dị, bèn gọi Heo đến hỏi cho ra duyên cớ. Heo đáp:

- Chính do tôi bảo mà nó thay đổi như thế!

Phú thương rất đỗi lạ lùng nhưng cũng bảo Heo:

- Nếu phải thế thì mày hãy làm cho nó trở lại như cũ, bằng không tao sẽ cho mày một trận nhừ đòn.

Heo trợn mắt, bảo hắn:

- Người ta "ăn một đọi, nói một lời" chứ có đâu lại thế. Tôi nhất định không làm khác với lời của tôi đâu!

Phú thương nổi giận tìm gậy toan đánh Heo, Heo bỏ chạy thục mạng. Mặc dầu bụng đói, chàng không dám dừng lại. Mãi đến nửa đêm, vừa mệt vừa buồn ngủ ríu mắt, Heo chui đại vào một nhà kia để kiếm chỗ ngả lưng. Trong nhà lúc ấy các giường chõng đều chật ních những người mà lại ngủ say như chết. Heo trông thấy ở gian bên có bàn thờ Long thần vừa đủ một chỗ nằm, lại có cả chiếu dùng để đắp rất tốt, bèn vứt tượng Long thần vào một xó nhà rồi trèo lên bàn làm một giấc rất ngon lành. Tờ mờ sáng hôm sau Heo đã dậy, lại tiếp tục đi nữa.

Khi chủ nhà dậy, thấy Long thần nằm dưới đất mà trên bàn thờ có vết tích người nằm chưa dọn thì lấy làm lạ, vội trải chiếu và đưa tượng lên. Nhưng khi họ mó tay vào tượng Long thần thì lạ thay, cả bao nhiêu người xúm lại cũng không cất nổi. Đang khi ngơ ngác nhìn nhau thì bỗng có một người thượng đồng lên, thay lời Long thần bảo mọi người rằng:

- Ta vốn ở đất của nhà vua, vua đặt ta ở chỗ nào thì ta ở yên chỗ đó.

Thấy thế mọi người tin là thiên tử đã đến nhà mình tối hôm qua. Tin ấy truyền ra ngày một rộng, giữa khi dân chúng đang ngong ngóng đón chờ một vị minh chúa ra đời, cứu vớt thiên hạ khỏi cảnh lầm than điêu đứng. Hôm ấy, Heo chạy lên núi gia nhập vào một đám giặc. Chàng theo họ đi đánh, dần dần lập được nhiều công trạng. Thế rồi, nhờ sức khỏe và mưu cơ, cuối cùng chàng được cả sơn trại bầu làm trại chủ. Từ đó người ta theo về mỗi ngày một nhiều, nhất là lúc họ biết Heo là người sai khiến được Thần, Phật. Heo cầm quân chống với quân triều, đánh cho chúng nhiều trận thất điên bát đảo. Đất của Heo mở rộng ra mãi. Chàng tự xưng làm vua, đặt triều đình và quan chức. Kẻ thù của chàng thường gọi chàng là vua Heo.

Cho đến khi xa giá vua Heo có dịp đi qua tỉnh cũ của mình ngày trước, thì bỗng có mấy người trong đội tiền vệ dẫn một cô gái tóc xõa ngang vai đến trước ngự doanh. Thoạt đầu, chàng không nhớ ra là người nào cả. Nhưng khi nhìn đến mớ tóc, chàng nhận ra ngay người hầu gái, bạn chàng và ân nhân của chàng ngày trước. Lập tức, chàng đưa nàng về kinh, lập làm hoàng hậu[1].

KHẢO DỊ

Dân tộc Dáy ở Lao-cai có truyện *Chu Hùng Ú* nói về nguồn gốc dân tộc mình, nhưng nội dung lại rất gần với truyện *Vua Heo*. Đại thể là:

Chu Hùng Ú là con dẻ của một cô gái bị lợn thần bắt làm vợ, anh có sức khỏe hơn đời. Lớn lên, anh đi chăn trâu cho một lão nhà giàu. Vùng ấy có một cái hồ, dưới đáy có một con trâu thần thường lên mặt đất ăn cỏ. Nước bọt của trâu thần dây vào bãi cỏ nào, những con trâu làng tranh nhau gặm kỳ hết. Có lần, trâu thần ăn lúa, Ú đuổi và nhặt được một cái lông, anh cầm lấy lội xuống hồ, tự nhiên nước rẽ ra cho đi. Ú xuống đến chỗ trâu thần nhặt được nhiều bọt, đưa về rải lên cỏ cho trâu làng gặm, nhờ vậy trâu không phá hoại hoa màu của dân.

1. Theo Lăng-đờ (Landes) và Jê-ni-bren (Génibrel) sách, đã dẫn. Về đoạn bắt tượng giơ tay, xem thêm truyện *Nợ như chúa chổm* (số **44**), truyện *Trạng Hiền* (số **81**) và truyện *Đồng tiền Vạn lịch* (số **41**) đều ở tập **II**.

Bọn trẻ chăn trâu đặt lệ hễ ai trèo lên đỉnh núi cao chót vót thì được tôn làm vua. Chẳng đứa nào trèo được trừ có Ú chỉ nhoai mấy cái là tới đỉnh. Từ đấy Ú được chúng hầu hạ suy tôn như vua thật.

Một hôm Ú múc nước rửa chân cho chủ làng, gãi phải ba nốt ruồi ở gan bàn chân. Chủ làng bảo: - "Ba viên ngọc ấy chỉ huy một vạn binh đấy". Ú trả lời: - "Quý gì thứ ấy. Tôi có sáu nốt bên chân trái và chín nốt bên chân phải đây". Thấy vậy, chủ làng liền bắt Ú nhốt vào ngục rồi bắt Ú phải đi gánh nước với đôi thùng không đáy, nhưng anh vẫn tìm cách gánh được đầy nước đưa về. Con gái chủ làng yêu anh, đưa thức ăn và vật nài mãi anh mới ăn. Sau đó, cô giúp Ú trốn khỏi nhà giam. Chủ làng cho quân đuổi theo, Ú gãi các nốt ruồi ở gan bàn chân, lập tức cây cỏ biến thành lính, đánh cho quân chủ làng thua liểng xiểng.

Sau đó chủ làng lại đưa tiếp quân tới vây. Ú dốc ống đậu đen ra, đậu đen biến thành lính, giữ quân chủ làng cho Ú chạy thoát. Đến một con sông chắn ngang, anh nhờ lông trâu thần nên sang được bờ bên kia.

Ú xin vào làm tiểu cho một ngôi chùa. Một hôm quét dọn, Ú ra lệnh cho các tượng Phật chạy khắp nhà. Sư ở chùa tin là Ú sẽ làm vua.

Vài năm sau, vùng ấy mở hội chọn người tài lên làm vua. Điều kiện là phải trèo lên được một ngọn cột rất cao cắm trên nóc cung và lấy được một vật làm dấu hiệu xuống trình với mọi người. Không ai trèo nổi, chỉ có Ú trèo lên như một con sóc, lấy được ngay.

Làm vua rồi, Ú đem dân đi đánh các nơi. Đi đến đâu họ phạt chuối đến đấy để biết dấu mà về. Có một lần, Ú đưa dân đến một vùng cú nhu bây giờ là Lao-cai, khi tìm đường về thì không thể nào tìm được nữa, vì các cây chuối đã phạt lại mọc lên tốt như cũ, quân của Chu Hùng Ú đành phải ở lại đây sinh cơ lập nghiệp, tức là tổ tiên của dân tộc Dấy ngày nay[1].

1. Theo *Truyện cổ Việt-bắc* đã dẫn.

105. NGƯỜI THỢ MỘC NAM-HOA

Làng Nam-hoa có một người thợ mộc khéo tay tên là Chuẩn. Thuở trẻ ông lưu lạc khắp nơi vừa làm thuê vừa học nghề. Nghe ở đâu có thợ khéo là ông cố nằn nì xin học cho được, dù có phải phục dịch thế nào cũng rất vui lòng. Tuy nhiên, sau khi đi lang thang mấy chục năm trời, ông vẫn chưa gặp được thầy nào vừa ý.

Một hôm, ông được dự vào việc xây dựng một ngôi đình ở làng nọ. Giữa bữa ăn trưa, bỗng có một ông già đến xin ăn. Các thợ khác đều lảng tránh hoặc xua đuổi, chỉ có ông Chuẩn sớt nửa phần cơm của mình cho cụ già.

Đến lúc ông tiếp tục công việc thì cụ già mon men đến gần, mượn rìu và đục, thử tạc mấy nét. Ông Chuẩn bỗng hết sức kinh ngạc vì cụ già kia có một tài nghệ phi thường đến nỗi trông những con giống chạm trên gỗ cứ tưởng là con vật sống. Ông bèn sụp lạy, xin cụ già truyền cho mình cái bí quyết của nghề nghiệp.

Từ đó ông Chuẩn trở nên khéo tay không ai bì kịp. Không những ông chạm trổ rất tài mà ông còn làm rất nhanh chóng. Bất kỳ công việc xây dựng nào khó khăn, ông đều cáng đáng được tất cả.

Sau bao năm cách biệt, ông trở về quê hương. Cũng dịp ấy, làng Hoành-sơn ở gần làng ông có bỏ ra một số tiền lớn thuê thợ mua gỗ dựng một ngôi đình đồ sộ. Một toán thợ chọn trong những người giỏi nhất vùng được mời khởi công. Công việc tấp nập đã kéo dài hơn ba tháng nhưng vẫn chưa xong một góc đình. Ông Chuẩn nghe tin bèn làm ra vẻ đói khổ, tìm đến xin ăn và ngủ đêm tại đó. Sáng hôm sau, toán thợ thấy người ăn mày ấy đốt cháy mất của mình một cái kẻ chạm, liền đưa trình làng để phạt vạ. Trước mặt các chức dịch, ông Chuẩn nói:

- Tôi làm hỏng thì tôi sẽ đền. Vậy xin làng cho tôi một miếng gỗ để tôi chạm lại cái kẻ đó. Nếu quả là xấu không dùng được thì tôi xin ở đây làm phu để đền nợ.

Thế rồi, chỉ một thoáng, ông Chuẩn đã hoàn thành những nét chạm trổ cực kỳ tinh xảo trên cái kẻ mới. Mọi người đều tấm tắc khen ngợi. Làng biết ông là thợ khéo, có ý mời ông trông nom việc xây dựng. Nhưng tốp thợ cũ không bằng lòng, họ chưa bao giờ nghĩ rằng có những cây bé con lại vượt lên trên những cây đại thụ được. Họ nói:

- Thà là chúng tôi chỉ làm một nửa đình còn hơn là để cho người khác cầm đầu chúng tôi. Vậy xin chia một nửa số gỗ để làng giao cho người khác. Và chúng tôi mong được đua tài, bên nào xong trước và khéo hơn sẽ có quyền được lĩnh tất cả số tiền công của bên kia.

Mặc dầu tốp thợ kia đã khởi hành trước đây ba tháng, ông Chuẩn cũng nhận lời. Ông chỉ một mình mà làm rất nhanh, khiến cho cả tốp thợ bên kia đuổi không kịp. Ông chạm rất khéo, đến nỗi đối phương ban đầu còn giấu tài, nhưng sau phải đến bắt chước kiểu mẫu của ông. Sau cùng, thấy không thể thắng nổi, tốp thợ vừa thẹn vừa tức, bỏ dở ra về. Nhờ có ông Chuẩn nên chẳng bao lâu làng đã dựng xong ngôi đình có quy mô rất hùng vĩ, điều đặc biệt là mỗi nửa đình có một kiểu chạm trổ khác nhau.

Từ đây, tiếng đồn về ông thợ Chuẩn ngày một lan rộng. Người ta đua nhau rước ông về dựng nhà cửa đền đài. Tất cả những nét chạm của ông đều làm đẹp lòng bọn quyền quý.

*

* *

Một hôm, ông đang dựng một ngôi chùa lớn ở gần cửa biển. Công việc sắp xong. Bỗng đêm nọ ông đang ngủ, có hai người lạ mặt bước vào đánh thức dậy, bảo ông:

- Đức Long vương nghe tin ông tinh thông nghề mộc nên ra lệnh cho chúng tôi lên mời xuống sửa lại hoàng cung.

Nghe nói, ông rụng rời cả người, định tìm cách thoái thác, nhưng chúng đã nghiêm nét mặt lại:

- Không thể từ chối được lệnh vua đâu. Hãy thu xếp đi ngay, không được chậm trễ!

Ông Chuẩn đành mang cưa đục lên vai, đi theo hai người lính của Long vương. Họ bảo ông nhắm mắt lại rồi rẽ nước cho ông đi xuống. Long vương trông thấy ông thì mừng rỡ vô cùng. Vua bảo:

- Trẫm nghe tiếng đồn về nhà ngươi đã lâu, nay mới có dịp triệu đến. Từ lâu, trẫm đã không thích quy mô nhỏ hẹp của cái cung điện tiên đế dựng lên ngày trước. Bây giờ trẫm đã chọn được một chỗ đất tốt. Nhà ngươi hãy xây cho trẫm một cái điện thị triều sao cho thật tráng lệ. Còn trên gò Bích-lãng ngươi hãy xây một cái Cửu trùng đài thật nguy nga để bốn biển có thể chiêm ngưỡng. Xung quanh đó thì ngươi dựng lên ba cung sáu viện cho thật huy hoàng rực rỡ. Phải làm thế nào cho mỗi một nét chạm ở bất cứ chỗ nào cũng khiến cho mọi người trầm trồ khen ngợi mới được! Ngươi hãy hết sức vì trẫm, trẫm sẽ hậu tạ. Cần bao nhiêu gỗ, bao nhiêu phu, bao nhiêu vật hạng đều có đầy đủ. Nghe nói, ông thợ Chuẩn vừa sợ vừa mừng. Cho đây là một dịp để trổ tài nghệ của mình nên ông dốc tâm sức ra làm việc. Ông đã xẻ biết bao nhiêu là gỗ "chò" trên dương thế chở xuống. Ông vẽ kiểu, ông đẽo gọt, ông đục chạm liên miên không nghỉ. Cứ như thế sau ba năm hì hục quên ăn, quên ngủ, quên cả vợ con trên trần, ông thợ Chuẩn đã hoàn thành đại công trình cho Long vương. Tự tay ông đã dựng lên không biết bao nhiêu cung điện, lầu gác, hành lang, cầu, cửa, thủy tạ, v.v... làm cho một chốn hoang vu trở thành mái san sát, cột giăng hàng, rực rỡ cả một vùng biển cả.

Sau khi đi xem khắp mọi nơi, Long vương và các triều thần vô cùng xứng ý, khen ngợi người thợ mộc hết lời. Ngày lễ lạc thành, vua sai mang ra một cái hòm rồi bảo ông thợ Chuẩn:

- Trẫm rất cảm ơn nhà ngươi đã giúp trẫm trong việc xây dựng lớn này. Trẫm cho nhà ngươi hòn ngọc này để thưởng công. Thế nhưng, tất cả những điều tai nghe mắt thấy ở dưới này, ngươi không được nói cho bất kỳ một ai biết.

Ông Chuẩn một hai xin thề, nhưng Long vương nói:

- Có thêm cái này thì nhà ngươi mới giữ kín miệng.

Đoạn vua bảo ông thợ Chuẩn há miệng ra, bỏ một cái lá rêu vào, bắt nuốt lấy, rồi vua nói tiếp:

- Nếu nhà ngươi tiết lộ những chuyện bí mật trong giang sơn của trẫm thì lưỡi dao vừa nuốt đó sẽ không tha thứ cái cổ của ngươi đâu!

Ông thợ Chuẩn chỉ còn biết vâng vâng dạ dạ. Hai tên lính ngày nọ lại được Long vương gọi đến, bảo đưa ông lên cõi trần. Nước lại rẽ ra

cho người thợ mộc đi thẳng về bến sông Nam-hoa với hòm tặng vật. Khi trông thấy làng mạc quê hương, ông thợ Chuẩn tưởng như mình được sống lại. Thấy vợ con còn chít khăn tang cho mình, ông mừng mừng tủi tủi. Nhớ lại lời dặn của Long vương, ông không dám rỉ răng kể lại sự thật, đành phải bịa chuyện cho mọi người yên tâm. Lúc mở hòm, quả có ba mươi viên ngọc lấp lánh. Hai vợ chồng lần lượt bán ngọc để ăn đói. Người ta trả giá không được bao lăm. Mãi về sau gặp một thuyền buôn nước ngoài; người phú thương chủ thuyền khi cầm lấy viên ngọc thứ hai mươi của ông Chuẩn mang ra bán thì không giấu được vẻ kinh ngạc. Hắn nói:

- Đây là ngọc "minh châu" quý giá không thể nói hết!

Đoạn hắn vét tất cả tiền của mình còn lại gần một ngàn quan trao cho ông để được làm chủ viên ngọc. Từ đó, ông thợ Chuẩn trở nên giàu có. Ông bán tất cả, chỉ chừa lại hai viên làm kỷ vật. Rồi ông tậu ruộng, làm nhà cửa, cuộc đời trở nên sung túc hơn trước.

Khi ông thợ Chuẩn làm lễ mừng thọ tám mươi tuổi, biết mình đã đến ngày gần đất xa trời, mới cho gọi tất cả con cháu họ hàng làng mạc lại. Ông bắt đầu kể cho mọi người nghe cái ngày bị Long vương bắt đi xây cung điện như thế nào. Ông kể rất nhanh và rất tỷ mỷ những điều tai nghe mắt thấy ở dưới đó. Kể xong, bỗng nhiên ông lịm đi trên giường. Người ta thấy có một lưỡi dao nhỏ bằng lá rêu đã xuyên qua cổ ông, lòi ra ngoài. Sau khi làm đám ma ông, hai viên ngọc trong hòm cũng không cánh mà tự biến mất[1].

KHẢO DỊ

Về đoạn đầu truyện này, người Bắc-giang có một truyện kể tương tự. Khi xây dựng đình Nội (thuộc huyện Tân-yên, Bắc-giang), thợ mộc phải làm đến mười lăm năm mới xong. Lúc đầu làng thuê phải một tốp thợ tầm thường. Một người thợ giỏi đi qua ghé chơi thấy thế, bèn giả làm ăn mày, rồi nhóm lửa hút thuốc để lửa bén cháy mất một cái kẻ chạm. Cả tốp thợ đổ ra bắt đem trình làng. Làng toan trói lại để bắt vạ. Người ấy xin chạm cái khác để thay vào. Tốp thợ không nghe, cho rằng làm thế sẽ hỏng mất giá trị của toàn bộ công trình. Sau làng cho làm thử, nếu không xong sẽ phạt vạ sau. Nhưng khi người ấy chạm xong, mọi người đều kinh ngạc vì những đường nét chạm trổ chúng

1. Theo *Nam-hoa mộc tượng ký* và lời kể của người Nghệ-an.

tỏ là bậc thợ có tài. Cuối cùng, làng thuê người ấy thi công thay cho tốp thợ trước[1].

Về đoạn kết thì tương tự với truyện *Người đi câu nơi ao Trời*. Sơ lược là:

Ở Quảng-bình có cái ao Trời rất rộng, đi một ngày không hết. Xung quanh ao vắng vẻ ít ai dám đến. Một hôm, có một người làng đến đây câu cá. Đang câu, tự nhiên thấy từ dưới nước hiện lên một đoàn quân và thuyền đi thám thính khắp các nơi rồi lại biến mất. Sau đó một chốc, thấy xuất hiện nào thuyền bè, nào tướng sĩ không biết bao nhiêu mà kể, lên thao diễn trên mặt hồ làm rực rỡ ồn ào cả một vùng vắng vẻ. Người đi câu sợ quá nấp trong bụi, nhưng sau có hai viên tướng trông thấy. Họ bắt ông ra hỏi chuyện, tặng ông một cái niêu, hễ bắc lên bếp là tự khắc có cơm. Cũng như tình tiết Long vương bắt ông thợ Chuẩn nuốt lá rêu ở truyện trên, hai viên tướng ở đây cũng bắt người đi câu nuốt một cái lá, và dọa ông hễ tiết lộ là chết. Vì thế, ông chài cũng chờ đến khi bị bệnh nặng mới kể cho con cháu mình nghe câu chuyện xảy ra ở ao Trời, kể xong, lưỡi dao cũng nhảy ra cắt đứt cổ[2].

Người Hà-tĩnh có truyện *Đóng giường nằm cho vua Thủy tề* cũng là một dị bản của truyện *Người thợ mộc Nam-hoa*. Ở đây cũng có một bác phó mộc lành nghề. Vua Thủy tề lúc ấy đang cần một chiếc long sàng, nghe tiếng đồn về bác phó, bèn sai sứ lên triệu xuống đóng. Bác phó cố rình xem thân hình nhà vua như thế nào để đóng cho vừa. Dịp may được lọt vào ngự tẩm, bác thấy đang nằm trên giường là một con rắn rất lớn khoanh tròn, đầu ngóc cao. Bác bèn ước lượng kích tấc đóng ngay: giường vuông vức, giữa có trụ cao cho vua kê đầu. Giường đóng xong, được vua ca ngợi hết lời.

1. Theo lời kể của người Bắc-giang.

2. Theo Jê-ni-bren (Génibrel), sách đã dẫn. Người Nghệ-an có kể một truyện gần giống truyện trên: Một người đi câu ở một cái hồ thanh vắng. Bên hồ có một cây dừa. Bấy giờ là giữa trưa, đang câu tự nhiên thấy có một con ễnh ương ba đầu chín đuôi nổi lên mặt nước *dạo ba vòng thuận, ba vòng nghịch* rồi lặn xuống. Một hồi lâu, lại thấy một chiếc thuyền rồng nổi lên, trên mui kết lá dừa, cờ cũng bằng lá dừa, trống bằng quả dừa; quan quân ngồi trên những chiếc thuyền khác cũng lần lượt nổi lên rất rộn rịp. Người đi câu ngồi xem không chán mắt và không dám lên tiếng. Đến khi ngồi lâu mỏi mệt lại khát nước, mới ho lên một tiếng thì thuyền bè, quan quân, v.v... đều biến mất cả. Một chốc, thấy con ễnh ương bị chặt làm ba khúc nổi lên mặt nước. Những lá dừa, quả dừa đều nổi lên cả. Nhìn lại cây dừa thì lá và quả đều trụi hết. Sợ quá, người ấy chạy về nhà và bị bệnh nặng *(Bản khai của các sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp)*.

Cũng như các truyện trên, để bắt bác phó giữ tuyệt mật câu chuyện, Thủy tề cũng buộc bác nuốt không phải lá rêu mà là một lưỡi gươm thu nhỏ bằng cái kim. Kết quả, bác cũng đợi đến ngày sắp xuống lỗ mới kể cho con cháu nghe mọi việc ở thủy phủ, để cuối cùng lưỡi gươm trong bụng hiện nguyên hình, đâm ra ngoài cắt đứt cổ [1].

Truyện *Thánh Tản Viên* của ta cũng nói đến tình tiết nuốt lá thành dao như sau:

Sau mỗi trận kịch chiến với Thủy Tinh, ngôi nhà của Thánh Tản Viên (tức Sơn Tinh) trên đỉnh Ba-vì thường bị hư hại, buộc Thánh phải gọi thợ mộc thợ hồ quanh vùng lên sửa chữa. Những người này được đệ tử của Thánh đón ở chân núi rồi đưa lên đỉnh bằng phép thần. Khi việc sửa chữa đã xong, Thánh cho mỗi người nuốt một lá trúc đào hình giống con dao hai lưỡi dặn họ khi về nhà không được tiết lộ những điều tai nghe mắt thấy, nếu ai không tuân lời sẽ bị phạt chết ngay tức khắc. Đã từng có một người thợ mộc vì rượu say phun ra mọi chuyện, bị lá trúc đào hóa thành dao cắt đứt cổ xuyên ra ngoài[2].

Ở truyện *Thánh Đàn* (Tản Viên) của đồng bào Mường cũng có tình tiết nuốt dao tương tự nhưng dây là con dao ước mà bố Thánh Đản lấy của vua Thủy không chịu hoàn lại. Nhờ vậy mà nó lọt đến tay Thánh Đản:

Ngày xưa, bố đẻ ra Thánh Đản là bố Trượng làm nghề thầy mo. Một hôm bố Trượng đang cày ruộng và chăn vịt bỗng có người ở Thủy phủ (Mường Khú) mời xuống làm vía cho con vua Thủy bị bệnh nặng. Đến nơi ông thấy một con rắn bị lưỡi quấn chặt cổ bèn giả phù phép rồi lần mò gỡ lưỡi ra. Khi lành, con rắn mách nước cho ông xin vua Thủy một con dao ước. Vua cho nhưng buộc hết đời phải trả. Bèn lấy dao ước cắm ngập vào quả chuối bảo ông nuốt. Khi trở về ông thấy trâu cày và vịt còn ở đồng ruộng đủ số và béo tốt. Từ đấy ông trở nên giàu có. Truyện đến đây kết cục khác với của ta. Cho đến ngày chết, bố Trượng vẫn không trối gì với con cả, nên hôm đưa đám, những người của Thủy phủ theo hẹn lên đòi dao ước. Thánh Đản không biết thế nào mà trả. Thấy thế vua Thủy dâng nước lên cao để lấy dao. Để tránh nước ngập, Thánh vác xác bố nhằm núi Ba-vì chạy mãi, chạy mãi cho đến đỉnh. Chỉ còn một khoảng đất bằng cái nong, nước của vua Thủy không thể dâng được nữa. Từ đó Thánh có con dao ước và trở thành Thánh Đản[3].

1. Do Thanh Minh sưu tầm.

2. Theo Lê Hương. *Truyện tích Việt-nam.*

3. Theo lời kể của người Mường Hòa-bình, và Trần Từ-Bạch Đình. *Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường,* Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử,* số 141 (1971).

VI

TRUYỆN PHÂN XỬ

106. NGƯỜI ĐẪY TỚ VÀ NGƯỜI ĂN TRỘM

Ngày xưa có hai anh chàng cùng yêu một cô gái và cùng một lúc đến dạm nàng làm vợ. Trong khi cô gái đang phân vân chưa biết nên lấy người nào thì hai người đàn ông đã rủ nhau ra một quán rượu làm quen và tỏ ý thương lượng với nhau về việc dạm vợ.

Người thứ nhất vui vẻ cho biết tên mình là Trần Lực, làm đẫy tớ cày cho một ông bá hộ ở một làng nọ. Thấy hắn có vẻ cởi mở, anh chàng thứ hai tên là Lê Đô cũng không giấu giếm nghề nghiệp đào tường khoét vách của mình. Nhưng khi nói đến chuyện dạm vợ, cả hai người không ai chịu nhường ai. Cuối cùng, Lê Đô bàn với Trần Lực hãy cùng mình thi tài, nếu người này nhận rằng người kia giỏi hơn, thì sẽ tự nguyện rút lui, nhường cô gái cho người kia lấy làm vợ. Trần Lực nghĩ ngợi một lát rồi cũng gật đầu nhận lời.

Lê Đô đưa Trần Lực về nhà mình, tiếp đãi rất tử tế. Tối hôm ấy, hắn bảo anh chàng đi theo mình. Sau khi dắt bạn đi quanh quẩn bao nhiêu xóm làng, ruộng đồng, đến một nơi kia, hắn bảo:

- Nhà này cũng không giàu lắm, nhưng hắn mới đưa dâu về. Đêm nay tôi muốn mượn tạm chiếc áo cô dâu đang mặc. Và tôi sẽ lấy được cho bác xem.

Nói đoạn, hắn cắt rào chui vào, rồi mở cổng cho Trần Lực vào theo. Hai người trèo lên nóc nhà. Trần Lực rất lo ngại, nhưng Lê Đô ngắm nhìn bốn phía nhà hồi lâu rồi bảo nhỏ bạn:

- Nhà này chỉ có hai cửa. Cửa phía Đông thì có một con chó đang nằm canh giữ. Còn cửa phía Nam có một người đang ngồi vót mây. Thế là khó vào rồi đấy. Nhưng tôi đã có cách.

Hắn bèn tụt xuống đi đến cửa phía Nam rình trong xó tối. Nhìn thấy mây của người kia đang vót là một sợi rất dài, vắt từ trong thềm nhà ra đến cuối sân, hắn bèn lén nắm lấy đầu sợi dây mây giật nhẹ một cái. Người vót mây bị hụt tay, dao cứa sâu vào ngón. Nhưng hắn vẫn tưởng mình lỡ tay chứ không biết có người gây nên. Đau quá, hắn nắm lấy ngón tay bị thương, bật lên mấy tiếng "chắt, chắt..." ở đầu lưỡi. Con chó tưởng chủ gọi cho ăn bèn từ cửa phía Đông ngoắt đuôi chạy đến. Thừa dịp tốt đó, Lê Đô đưa bạn vào nhà. Họ tìm đến buồng cô dâu chú rể. Hai người lúc ấy đang ngủ say. Lê Đô tìm một quả trứng đập giập, nhân lúc cô dâu nằm ngoảnh mặt vào vách, bèn cho vương vãi lòng trắng trứng xuống chiếu, rồi trở lại nấp vào một xó ngồi chờ. Được một chốc, cô dâu quay mặt trở ra nằm lên vũng nước trứng, nước trứng thấm vào áo, từ áo thấm vào da, làm cho nàng sực tỉnh. Khi thấy áo ướt, nàng lồm cồm dậy thay, đoạn trở lại nằm xuống như cũ. Lê Đô lập tức trộm lấy chiếc áo rồi nói với Trần Lực:

- Chỉ lấy có chiếc áo thôi, chưa hẳn cô dâu đã dám kêu mất trộm. Vậy chúng ta phải lấy thêm một cái gì cho chúng nó biết là đêm nay có kẻ vào thăm nhà.

Nói đoạn, hắn lần đến hòm, mở ra, lấy món nữ trang đưa cho Trần Lực xem, rồi hai người tháo lui.

Trần Lực tấm tắc khen hắn tài giỏi. Nhưng anh cũng cố nèo mời Lê Đô về nhà mình chơi. Lê Đô hỏi:

- Anh đang kỳ hạn ở cày với chủ. Vậy đến nhà anh có bất tiện không?

Trần Lực cười và trả lời:

- Không. Đến nhà tôi tức là đến nhà lão chủ của tôi đấy. Lão chủ của tôi kể ra cũng khó tính. Nhưng không việc gì đâu, tôi đã có cách làm cho hắn tiếp đãi bác tử tế. Bác cứ đi với tôi, đừng lo gì cả.

Hai người ra đi. Lúc sắp tới nhà, Trần Lực bảo bạn:

- Lão chủ nhà tôi nóng nảy lắm. Về đây tôi sẽ bảo nó leo lên leo xuống trên mái nhà ít nhất là hai lần để cho nó dịu cái tính nóng đi trước khi tiếp bạn. Và tất nhiên, hôm nay tôi bảo nó để tôi ở nhà ít nhất là một ngày để tôi tiếp bạn tôi. Trước tiên bác hãy khoan vào vội, chỉ đứng ngoài cửa chỗ kho lúa này mà nhìn vào, để thấy chút tài mọn của tôi. Bao giờ tôi ra đón bác hãy vào.

Trần Lực bước vào nhà. Lê Đô đứng ngoài nhìn theo thấy hắn đến kho lúa, bắc thang lên tường, lại dùng chân in những vết chân đất lên tường, lên nóc và lên thang, v.v... rồi mới vào nhà. Một lúc, thấy cả chủ nhà lẫn đầy tớ chạy ra kho lúa nhìn lên những cái dấu chân. Lão chủ bộ dạng hớt hơ hớt hải, bảo Trần Lực:

- Thôi, mày hãy nghỉ cày một bữa rồi trèo lên xem xét tất cả cho tao một lượt!

Trần Lực vâng lời, làm như chủ dặn. Nhưng lão chủ không tin ở đầy tớ. Hắn tự mình cởi áo, chật vật lắm mới đưa được tấm thân phục phịch lên chạn lúa, rồi lại leo lên nóc nhà quan sát rất kỹ lưỡng. Thế mà lúc bước chân xuống đất, tính đa nghi bắt hắn ta lại hì hục trèo lên một lần nữa.

Một lúc sau, giữa khi Lê Đô đang ngồi đợi ở một gốc cây, đã thấy Trần Lực bước ra tươi cười:

- Bác có thể vào được rồi. Hôm nay tôi được nghỉ để chẻ lạt tu bổ hàng rào. Tôi đã báo cho chủ biết bác là bạn thân của tôi. Bác chả phải lo gì sất. Chỉ khi chủ nó hỏi, bác cứ nói là mình làm lính lệ ở phủ về chơi. Thế là đủ.

Lê Đô bước vào nhà. Thấy lão bá hộ chủ của Trần Lực, hắn ta có vẻ sợ sệt, chỉ sợ vỡ chuyện nó đi trình làng thì lôi thôi. Ban đầu lão bá hộ khinh Lê Đô ra mặt, chỉ ậm ự chứ không thèm chào. Nhưng khi nghe Trần Lực nói người quen của mình làm lính lệ ở một phủ gần phủ nhà thì hắn tỏ vẻ cung kính ngay. Mặc dầu là người quen của đầy tớ, hắn cũng hối hả bảo người nhà làm cơm dọn rượu tiếp đãi rất tử tế.

Xong cuộc đó, Lê Đô vẫn tự cho là mình giỏi hơn Trần Lực. Nhưng Trần Lực nhất định không chịu. Cuối cùng, hai người dắt nhau đến nhà một ông đồ để nhờ ông ta phân xử.

Gặp ông đồ, hai người kể tất cả câu chuyện cho ông nghe. Đoạn cùng nói:

- Cụ vì lẽ công bằng phân xử hộ cho ai là người đáng được làm chồng cô gái đó.

Cụ đồ trả lời:

- Hai người hãy nghe câu chuyện này: có hai con mèo, một con chuyên ăn vụng của nhà, còn một con chuyên ăn vụng của xóm giềng. Cả hai đều ăn vụng được luôn và lần nào cũng trót lọt. Vậy hai người thử nghĩ cho kỹ xem con nào tài hơn?

Hai người ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đồng thanh cho con mèo ăn vụng của nhà là hơn.

Cụ đồ tiếp luôn:

- Vậy thì trong hai người đây, có tài hơn phải là người đã dùng mưu thường xuyên bắt chủ theo ý mình. Chứ còn thỉnh thoảng đi ăn trộm được một vài nhà sơ ý thì đâu phải là chuyện khó. Vả lại cũng chả hay hớm gì khi đem tài trí ra để chiếm đoạt của cải của người khác. Cho nên tôi cho rằng anh Đô nên nhường bước trước cho anh Lực mới phải.

Ở nhà cụ đồ ra Lê Đô vui lòng nhường cô gái cho Trần Lực. Hai người sau đó kết bạn với nhau thân thiết[1].

KHẢO DỊ

Một truyện của Ba-tư (Iran) có những nét giống với truyện trên:

Một người đàn bà đồng thời lấy hai người chồng. Hai người đàn ông ở chung một nhà, có chung một vợ mà không biết nhau vì một người làm nghề ăn cắp, chỉ ở nhà vào ban đêm, và một người làm nghề ăn trộm chỉ ở nhà vào ban ngày. Nhờ một cuộc du lịch mà hai người cùng đi với nhau và làm quen nhau. Họ giở cơm gói ra mời nhau ăn và khi so hai miếng thịt cừu ăn khớp, mới biết là cùng bị người đàn bà đánh lừa. Sau một cuộc bàn bạc, họ quyết định mỗi người trổ tài xem ai hơn thì người ấy ở lại với vợ, còn người kia đi chỗ khác.

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh, Quảng-bình.

Người ăn cắp đưa người ăn trộm đến chợ. Thấy một lão lái buôn đi trước mặt, hắn lấy được túi bạc trong người lão mà lão chả biết gì. Hắn bảo bạn: - "Tôi sẽ làm cho mọi người đều chứng nhận cái túi này là của tôi". Hắn đem tiền ra đếm, bớt đi một số, lại lấy giấy tờ của lão lái ra, bỏ giấy tờ của mình vào rồi lẻn đến bỏ túi bạc vào người lão mà lão vẫn không biết. Thế rồi hắn đi trình quan, kiện lão lấy túi của mình. Và cuối cùng túi bạc chính thức về hắn.

Đến lượt người ăn trộm đưa bạn đi chứng kiến "tài nghệ". Họ vào hoàng cung, trèo lên bao nhiêu nóc điện, đến chỗ vua ngủ. Thấy một người hầu ngủ gật hắn trói lại, nhét giẻ vào miệng và treo lên xà nhà. Rồi hắn ngồi vào chỗ người hầu nhưng đáng lý quạt thì lại cấu mạnh vào chân vua làm vua tỉnh dậy hỏi. Hắn đáp vì mộng thấy sự lạ nên lỡ tay. Rồi hắn kể cho vua nghe chuyện một cuộc đọ tài giữa hai người ăn cắp và người ăn trộm y như những chuyện xảy ra giữa hắn với bạn, rồi cuối cùng hỏi vua ai tài hơn. Vua nghĩ một lát, cho người ăn trộm tài hơn. Sau đó hắn lại quạt cho vua nối lại giấc ngủ.

Hai người trốn ra khỏi hoàng cung. Người ăn cắp nhường cho đối phương được cuộc[1].

1. Theo bản dịch của Vũ Ngọc Phan, trong *Pháp - Việt tạp chí*.

107. BA CHÀNG THIỆN NGHỆ

Ngày xưa, có nhà họ Lê có một cô gái nhan sắc xinh đẹp. Không những thế, nàng còn văn hay chữ tốt, lại thạo đủ các nghề. Những cô gái đẹp trong vùng khó có cô nào ăn đứt. Khi nàng đã đến tuổi lấy chồng, có nhiều chàng trai hoặc con quan, hoặc con nhà giàu, hoặc tú cử đến cầu hôn, nhưng ông già họ Lê đều từ chối. Ông nói với mọi người: - "Con gái tôi không muốn làm bà quan, cũng không thích làm bà phú hộ. Nó chỉ muốn lấy một người chồng có nghề cầm tay mà nghề đó phải tinh thuần không ai hơn mới được. Nếu không thế thì chả nên đến làm gì cho mất công!".

Tin kén rể bay ra, những tài năng bốn phương tấp nập đến xin ra mắt, nhưng chả một ai làm cho ông già họ Lê vừa ý. Người ta chỉ thấy ông than vãn sau mỗi lần thử sức: - "Tài năng trong thiên hạ thực hiếm lắm thay!".

Một hôm, trong buổi sáng ông tiếp luôn một lúc ba chàng trẻ tuổi, khỏe mạnh, đẹp trai. Sau khi nghe họ trình bày tên tuổi, nghề nghiệp, ông già mới biết đó là ba nhân tài quê ở ba nơi, tình cờ gặp nhau tại đây. Một người tự xưng bắn giỏi có thể bắn bất cứ một vật gì dù khó đến đâu, và dù xa bao nhiêu. Một người tự xưng lặn giỏi có thể sống dưới nước hàng tuần mà không sợ nguy hiểm, có thể tìm thấy những vật nhỏ bé ở dưới đại dương. Còn người thứ ba thì tự xưng là một thầy thuốc lành nghề, có thể cải tử hoàn sinh bất kỳ một con bệnh nào, kể cả những con bệnh vừa tắt thở.

Ông già Lê rất vui mừng, vội dắt người thứ nhất ra sân, trỏ một cây thông cao chót vót ở bờ giậu mà bảo:

- Tôi sẽ cho người nhà trèo lên ngọn cây đánh dấu vôi vào một cái lá, ngài cố gắng bắn thế nào cho lá đó rụng xuống trước mặt chúng ta, lúc đó tôi mới tin là thực tài.

Nghe nói thế, anh chàng không hề từ chối, vội chuẩn bị cung nỏ. Quả nhiên, chỉ một mũi tên văng ra, ngọn lá thông có dấu vôi rơi xuống trước con mắt kinh ngạc của mọi người.

Khi thử tài người thứ hai, ông già họ Lê dẫn chàng ra bờ biển trước nhà. Đoạn, ông đưa cho xem một chiếc nhẫn và nói:

- Bây giờ tôi cho một người chèo thuyền ra khơi, thả chiếc nhẫn này xuống nước, ngài cứ theo hướng đó tìm hộ đưa về đây cho mọi người trông thấy.

Anh chàng chẳng nói chẳng rằng cởi áo nhảy ngay xuống biển và chỉ giập bã trầu là chàng đã nổi lên khỏi mặt nước với một vẻ đắc thắng, giơ chiếc nhẫn cho mọi người xem.

Để thử người thứ ba, họ lại đem nhau ra chợ. Chỉ vào một người ăn mày đang sắp sửa nhắm mắt tắt hơi, ông già bảo chàng hãy cố chữa cho người đó sống lại.

Người ta thấy anh chàng cúi xuống bắt mạch rồi bỏ đi. Đến một bụi cây, anh rẽ vào kiếm các thứ lá đem về sắc lên, đổ vào miệng người ăn mày. Không mấy chốc, người ăn mày đã ngồi dậy đòi ăn, y như sau một giấc ngủ dài mê mệt vừa tỉnh.

Thấy cả ba người đều thiện nghệ, ông già họ Lê bối rối không biết nên gả con gái cho ai. Ông mới bảo họ:

- Cả ba vị quả có chân tài, con gái tôi mà được sánh duyên thật là một điều may mắn. Nhưng ngặt vì "thuyền quyên có một mà anh hùng lại ba", biết làm thế nào bây giờ? Thôi thì chúng ta ra miếu thành hoàng làm lễ, gieo quẻ để hỏi ý. Nếu quẻ chỉ nhằm người nào thì xin để cho "tiện nữ" về với người đó.

Ba người bằng lòng, cùng ra miếu thành hoàng. Nhưng trong lúc làm lễ, bỗng có người nhà hốt hoảng chạy tới báo tin cô gái đang cuốc cỏ ở ruộng bỗng bị chim đại bàng cắp tha đi mất. Nghe nói thế, tất cả mọi người đều bỏ cuộc lễ chạy ù ra đồng thì đã thấy đại bàng đang bay thẳng ra biển. Anh chàng bắn giỏi vội lắp tên vào cung, bắn luôn một phát. Không đợi đến phát thứ hai, đại bàng đã bị trúng tên gãy cánh lăn xuống nước, mang theo cả cô gái xuống luôn. Thấy thế, chàng giỏi

lặn lập tức nhảy ngay xuống cứu. Chàng lặn một mạch đến chỗ chim rơi và cuối cùng đưa được cô gái lên bờ. Nhưng bây giờ cô gái chỉ còn là một cái xác không hồn, bụng trương phềnh những nước. Đến lượt nhà danh y giỏ tài của mình, tìm thuốc chữa cho cô gái. Chỉ một chốc, nàng đã nôn ra bao nhiêu là nước và hồi tỉnh lại.

Bấy giờ ba chàng cầu hôn tranh nhau kể công lao của họ với cha con ông già họ Lê. Người thứ nhất nói:

- Nếu không có tôi bắn con quái vật thì chưa chắc đã tìm thấy dấu vết của nàng. Vậy nên gả nàng cho tôi.

Người thứ hai cãi lại:

- Hãy khoan đã, nếu không có tôi vớt nàng lên thì dù có bắn giỏi thế nào đi nữa cũng thật là vô ích.

Người thứ ba cũng tiếp luôn:

- Nhưng nếu không có công tôi cải tử hoàn sinh thì dù các anh có cứu được cũng chỉ cứu một cái xác thôi. Vậy tôi xứng đáng được kết duyên với nàng mới phải.

Cả ba người không ai chịu ai. Ông già họ Lê và những người được chứng kiến đều lấy làm bối rối, không biết nên trả lời thế nào. Cuối cùng họ dắt nhau lên quan để nhờ phân xử.

Sau bao nhiêu ngày suy nghĩ, quan cho đòi ba chàng cùng với hai cha con ông già tới công đường. Trước mặt họ, quan phán bảo:

- Trong việc cứu cô gái này, cả ba người đều có công lao ngang nhau, nếu thiếu một người cũng khó mà thành. Nhưng anh thầy thuốc, anh không thể kể công như thế được. Không phải cứ cứu chữa lành cho người ta là đòi lấy người ta làm vợ. Đối với anh, người được cứu sống phải coi như ân nhân chứ không bắt buộc phải coi như chồng. Còn anh thợ bắn, nếu anh biết rằng không có một người nào sẽ lặn ra cứu cô gái thì việc làm của anh chỉ có tính chất báo thù chứ không thể gọi là cứu vớt. Tất nhiên, anh bắn trúng chim chứ không bắn trúng người là có dụng ý tốt. Nhưng giết chết chim mà không nghĩ rằng người cũng rơi luôn xuống nước thì dụng ý đó của anh hãy còn thiếu sót. Vậy đối với anh, cô gái này cũng chỉ coi như một vị ân nhân. Còn anh giỏi lặn, anh

là một trong những người cứu cô gái, mà công việc cứu vớt lại bắt buộc anh phải ôm cô gái trong tay suốt buổi. Sách xưa có nói rằng trừ vợ chồng ra, thì "nam nữ thụ thụ bất tương thân". Bây giờ anh đã lỡ gần gũi cô gái đó thì hai người phải được kết duyên với nhau mới là hợp lẽ. Tuy nhiên, đối với các ân nhân, hai vợ chồng phải nhận họ làm anh em kết nghĩa.

Nghe quan phân xử có tình có lý, mọi người đều vui vẻ tuân lời. Ba chàng trai kết nghĩa trở thành anh em thân mật hơn ruột thịt. Còn chàng lặn giỏi kết duyên cùng cô gái nọ. Lễ cưới cử hành rất linh đình, có cả hai chàng kia cùng dự[1].

KHẢO DỊ

Một truyện ở Hà-tĩnh nhan đề *Tứ hải giai huynh đệ* cũng cùng một nội dung với truyện trên, nhưng đáng lý có ba chàng tới cầu hôn thì ở dị bản này lại có thêm một chàng thứ tư có tài nhìn xa muôn dặm. Trong truyện không có cuộc thử thách và việc đến lễ miếu thành hoàng, nhưng cũng có tình tiết chim đại bàng tha cô gái quý, và phú ông - cha cô gái - nói với cả bốn chàng: hễ ai cứu được con thì sẽ gả cho làm vợ. Anh chàng nhìn xa là người đầu tiên nhìn thấy đại bàng mang cô gái bay giữa biển cả, bèn chỉ cho chàng giỏi bắn đuổi theo bắn, và sự việc lần lượt xảy ra như truyện vừa kể. Rốt cuộc, bốn anh chàng ở bốn phương trời trở thành anh em chí thân[2].

Các truyện trên khá phổ biến ở thế giới. Nhà cổ tích học Pháp nổi tiếng Cô-xcanh (Cosquin) trước khi chết có viết dở dang một bài nghiên cứu về các loại dị bản của một cốt truyện - mà ông gọi tên là *Cô gái bị bắt được cứu thoát và những nhân vật có tài lạ*[3] - trong quá trình di chuyển giữa các dân tộc khác nhau. Nói chung, so sánh các truyện lưu hành ở các dân tộc thì đều có những nét tương đồng, nhưng mỗi nhóm dị bản thường có một kết cục riêng, có nghĩa là cách xử lý cũng như cách đánh giá công lao của các nhân vật có

1. Theo *Tân thanh tạp chí*.

2. Do *Thanh Minh* sưu tầm.

3. Trong *Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian*, các tập I, II (1920 - 21). Một số truyện kể dưới đây đều trích nhặt từ tạp chí này.

tài trong truyện, ở mỗi dân tộc cũng có những sắc thái riêng biệt. Chúng tôi chỉ kể ra đây một số truyện:

Truyện của người Khơ-me (Khmer), của người Lào giống với truyện của ta hơn cả, nhất là về kết cục:

Có bốn anh chàng hăm hở đến thành phố Tắc-xi-la để học nghề. Một người học về thiên văn bói toán, một người học cách dùng vũ khí, một người học bơi lặn, một người học nghề cứu chữa thiên hạ. Thành tài, họ trở về quê; dọc đường nghỉ ở bãi biển. Sáng hôm sau, chàng học thiên văn cho biết có công chúa con vua Pê-a-rê-an-xây bị chim đại bàng tha đi, sắp bay qua đây. Cũng như truyện của ta, ba chàng kia lần lượt góp phần cứu công chúa, và sau đó cả bốn đều tranh lấy nàng làm vợ. Quan không xử được, đưa lên Bồ-tát. Bồ-tát xử cho người biết thiên văn là thầy của công chúa vì anh dạy cho ba người kia hướng tìm người bị nạn; người bắn nỏ là cha vì anh có công bảo vệ công chúa; người chữa sống lại là mẹ vì anh giành lại cho công chúa cuộc sống; người nhảy xuống biển ôm công chúa vào lòng mới là chồng. Nhưng lấy nhau rồi, hai vợ chồng phải ghi nhớ công ơn của những người kia[1].

Truyện của người Thái-lan là một câu đố do một hoàng tử đưa ra, trong đó kể câu chuyện bốn người bà-la-môn cứu một cô gái (đại thể cũng hơi giống truyện trên). Sau đó hoàng tử đố: "Ai đáng lấy cô gái hơn cả?".

Một người bạn của công chúa ứng vào cái ống nhổ trả lời: - "Lấy người chữa cho cô gái sống lại". Công chúa đá cái ống nhổ một đá và cãi lại rằng: -"Lấy người lặn vì nó ôm cô gái vào tay".

Một truyện của người Bê-lút-sít-xtăng (Baloutchistan) (dân tộc ở phía Đông I-răng (Iran)) cũng có kết thúc tương tự với các truyện trên, tức là giống ở quan niệm đạo đức của người phân xử:

Có ba chàng trai trẻ (không phải hoàng tử) mồ côi cha ở với cậu, người cậu đặt điều kiện cho họ nếu ai đi chơi xa tìm được vật quý và lạ thì sẽ gả con gái cho. Ba vật quý mà ba người mua được là: một vật hình quả cầu có thể tiết ra nước, nước ấy có thể làm cho người chết sống lại, một cái giường biết bay và một cái gương có thể nhìn xa hàng vạn dặm. Trên đường về, chàng trai làm chủ cái gương chợt nhìn thấy con gái của cậu đã chết, lúc ấy người ta đang khâm liệm để chôn. Anh vội báo tin cho hai người kia biết và nhờ có hai vật quý còn lại, họ trở về kịp thời, cứu cô gái sống lại.

1. Theo *Tập san của hội nghiên cứu Đông-dương (BSEI,* 1886); Hoàng Lâm, Xu-văn-thon. *Truyện dân gian Lào*; Lê Trọng Khánh... *Truyện dân gian Căm-pu-chia.*

Người cậu bối rối không biết gả con cho ai, bèn đưa việc lên vua để vua phân xử. Vua phán: - "Chiếu theo luật, ta xử cho người nào thấy cô gái khi người ta đang khâm liệm nàng, được lấy nàng làm vợ, vì hắn đã nhìn thấy nàng trong khi người ta rửa ráy thi hài. Nếu không lấy hắn làm chồng, nàng sẽ rất xấu hổ mỗi lúc gặp hắn".

Các truyện dưới đây thì cô gái hoặc không kết hôn, hoặc kết hôn với một trong những người cứu mình, nhưng không xuất phát từ quan niệm đạo đức như trên.

Truyện của người Đức do anh em Grim (Grimm) sưu tập:

Có bốn anh em một nhà nghèo kia từ giã cha, mỗi người đi một phương học nghề. Người con đầu gặp một người ăn trộm thiện nghệ và nghe lời hắn, theo học nghề ấy. Sau ba năm hắn trở nên trộm giỏi, đến nỗi muốn lấy của ai chỉ trong nháy mắt là lấy được ngay, mà kẻ bị mất vẫn không biết gì. Người em thứ hai học nhìn xa với một thầy khác và sau ba năm thành tài, được thầy cho một cái ống nhòm, có thể nhìn thấy mọi vật ở ngoài vạn dặm. Người thứ ba học bắn và sau đó với khẩu súng của thầy cho, hắn có thể bắn trúng theo ý muốn dù khó mấy cũng chẳng sai. Còn người em út học nghề may, sau ba năm thầy cũng cho một cái kim có thể khâu vá tất cả mọi vật mà không thấy vết.

Đúng ngày hẹn, anh em trở về quê cũ. Họ trổ tài cho bố xem, người thứ hai đứng dưới đất mà biết được số trứng chim năm quả trong một cái tổ trên cây cao có con chim mẹ đang ấp; người anh cả trèo lên trộm lấy trứng xuống mà chim mẹ không hay biết gì cả; người thứ ba bày trứng lên mấy góc bàn bắn một phát trúng cả năm mà trứng không vỡ; người thứ tư khâu lại lành lặn như cũ. Đoạn người anh cả lại đưa đặt trứng lên tổ cũ. Sau đó mấy hôm trứng nở, mỗi con chim non có một vành đỏ ở cổ, dấu vết đường chỉ khâu của người em út.

Không bao lâu, có tin công chúa bị rồng bắt đi mất. Bốn anh em nghe nói vua sẽ gả công chúa cho kẻ nào cứu được, bèn đến kinh xin một chiếc tàu để đi tìm. Trước tiên, người em thứ hai nhờ cái ống nhòm, nhìn thấy công chúa ở trên một núi đá, còn con rồng thì đang ngủ, đầu gối lên đùi công chúa. Người anh cả một mình lên núi trộm được công chúa xuống tàu, dong buồm mà chạy. Khi rồng thức dậy thấy mất công chúa, vội đuổi theo tàu. Chàng thiện xạ bắn luôn một phát, rồng rơi xuống, tàu vỡ tan từng mảnh. Trong khi nguy cấp, chàng giỏi khâu đã làm cho tàu liền lại như cũ, cuối cùng về được đến nhà. Thấy họ kể công lao của mình với mục đích giành công chúa, vua cắt nửa đất nước giao cho họ trị vì, để khỏi phải gả công chúa cho người nào cả.

Truyện của người Xla-vơ (Slave) ở Mô-ra-vi (Moravie) giống với truyện của Đức, nhưng người thợ may được thay bằng người thợ vá. Người con đầu đi học nghề trở về nói với bố: -"Con làm thợ vá nhưng không phải vá như người ta; hễ thấy cái gì cũ, con chỉ nói hai tiếng "chữa lại" là xong ngay". Và anh nói thử mấy tiếng, cái áo của người bố bị rách cùi tay liền lành lặn như cũ. Người thứ hai nói: - "Con ăn trộm cũng vậy, chỉ nghĩ đến một vật gì đó, dù xa bao nhiêu, là có thể có trong tay rồi". Người thứ ba nói: -"Con nhìn lên trời, có thể thấy được mọi nơi trên trái đất". Người con út nói: -"Con là thợ săn, nhưng chỉ cần nói đến con vật nào đó là lập tức nó bị bắn chết".

Rồi đó, nhà thiên văn cũng phát hiện ra công chúa bị rồng bắt giam ở một hòn đảo trên Hồng-hải. Bốn anh em đi tàu đến đảo. Người ăn trộm chỉ nói: -"Công chúa đến đây", thế là công chúa có mặt trên tàu. Khi bị rồng đuổi, người thợ săn nói: -"Bắn chết" thì rồng liền rơi xuống, nhưng xác nó lại làm thủng tàu. Thấy thế, người thợ vá chỉ nói một tiếng "vá" là vá xong tàu.

Khi họ tranh giành công chúa, vua bảo: - "Nếu các anh còn tranh nhau, ta sẽ cắt con ta làm bốn cho mỗi người một phần, vì vua không bao giờ hai lời, nhưng như thế chả có lợi gì". Bốn người bằng lòng để cho cô gái chọn lấy một anh làm chồng, còn ba người kia làm quan to trong triều.

Người Nùng cũng có một truyện gần giống với hai truyện trên, nhưng lại thêm một người độn thổ để có một đoạn kết với diễn biến hơi khác. Ở đây có năm anh em thiện nghệ: một người ăn trộm, một người bắn tên; một người nhìn ống nhòm (làm bằng hai trăm loại gỗ khác nhau), một người may vá, và một người do cứu con gái Long vương mà học được nghề bơi lội và độn thổ.

Đúng hẹn, họ trở về và cũng có một công chúa bị rồng bắt để cho họ trổ tài, hy vọng được lấy công chúa như lời hứa của nhà vua. Anh thợ vá ghép ba trăm tấm ván thành tàu ra biển. Anh có ống nhòm chỉ đúng chỗ ở của rồng. Anh ăn trộm đưa công chúa lên tàu. Anh bắn giỏi giết con rồng khi nó đuổi. Anh thợ vá chữa lại tàu vì bị rồng làm cho vỡ tan. Trong khi đó một con yêu tinh (giả chan) tới bắt công chúa mang đi mất. Anh có ống nhòm lại tìm thấy công chúa ở trong hang sâu dưới núi. Anh độn thổ chui xuống đất cõng về. Anh bắn tên giết yêu tinh khi mụ đuổi theo. Yêu tinh chồng lại tới bắt đưa đi nhưng cũng bị bắn chết. Khi công chúa được cứu về, vì không biết gả cho ai, nhà vua bảo họ làm anh em kết nghĩa với công chúa rồi phong cho làm quan to trong triều[1].

1. Theo Hoàng Quyết, đã dẫn.

Truyện của Hy-lạp (Grèce):

Bảy anh em cứu được một nàng công chúa khỏi tay quái vật, đưa về một lâu đài kín, dặn công chúa đừng nhìn qua cửa sổ. Nhưng đêm lại công chúa nhìn ra ngoài vì có tiếng nhạc hấp dẫn, nên bị con quái vật ẩn trong đám mây đen bắt đi. Người giỏi bắn vội bắn thủng đám mây, quái vật chết. Một trong số những người em có tài tung hứng bèn giơ cánh tay ra đón công chúa rơi xuống kịp thời. Đưa công chúa về đến nơi họ tranh công, vua bảo cắt công chúa ra làm bảy phần chia cho họ vì xét thấy ai cũng có công ngang nhau. Bảy anh em đều xin thôi, được vua thưởng rất hậu.

Truyện của người Can-dê ở I-răng (Iran) thì kết cục lại để cô gái kết hôn với nhà thiên văn:

Có ba anh em cùng yêu một cô em họ. Người bố không biết xử trí ra sao, bèn bảo họ đi học mỗi người một nghề, ai tài giỏi hơn sẽ gả. Một người học nghề thiên văn, một người học nghề kỹ sư, và một người học nghề thầy thuốc. Cả ba cùng gặp nhau ở một địa điểm. Nhà thiên văn cho biết cô gái đang bệnh nặng, nhà kỹ sư tính toán ngay đường sá, chế một cái xe để đi, và cuối cùng đưa được người thầy thuốc về kịp thời, nhờ đó chữa cho cô gái bình phục.

Khi họ ra sức tranh công, bố mẹ và bạn bè quyết định: người thầy thuốc chữa bệnh thì sẽ trả tiền, nhà kỹ sư thì trả lương, nhưng nếu không có nhà thiên văn bói ra sự việc để về chữa chạy thì cô gái chết. Bèn cho nhà thiên văn được lấy cô gái làm vợ.

Một trong mấy truyện của Ấn-độ kể trong sách *Hai mươi lăm truyện quỷ (Vêtãla pantachavinçati)* (những truyện này đều là những trường hợp khó xử do một con quỷ nêu ra để hỏi ý kiến vua Vi-krâ-ma) thì công lao lại không thuộc về nhà thiên văn hay nhà kỹ sư:

Có ba nhân vật trẻ đẹp, có tài nghệ, cùng một lúc đến hỏi một cô gái làm cho cô và bố mẹ cô bối rối không biết nên như thế nào. Giữa lúc đó thì bỗng quỷ bắt mất cô gái. Người thứ nhất giỏi thiên văn biết quỷ đã đưa lên núi Vin-đi-a. Người thứ ba chế ra chiếc xe mang tới núi. Người thứ hai giết con quỷ và cứu cô gái. Vua phân xử: người thứ hai đáng là chồng cô gái[1].

Truyện của người Mô-rơ (Maures) (châu Phi) cũng có kết cục như trên:

1. Theo bản dịch của Đơ-ve-đơ (Devèze). Tạp chí *Muy-dê-ông (Le Muséum)* (1892).

Một cô gái bị yêu tinh bắt. Một bà mẹ có bảy đứa con trai, láng giềng nhà cô gái, nhận sẽ bảo mấy đứa con mình đi cứu. Khi các con bà về, đã thấy bày sẵn giữa sân một cỗ yên cương nạm vàng, ở giữa nhà bày một bộ áo quần đẹp có cả mũ và giày. Họ hỏi mẹ những thứ ấy để làm gì? Mẹ đáp: - "Để thưởng cho đứa nào cứu được cô gái hàng xóm mất tích". Bảy con cùng hăm hở nhận lời.

Trong bảy ngày, một người có tài "nghe được tiếng sương rơi", liền phát hiện ra lâu đài của yêu tinh, báo cho những người kia biết yêu tinh hiện đang ngủ, răng quỷ cắn lấy tóc cô gái. Người thứ hai có tài "tay đặt vào cửa là khóa mở ra", mở liên tiếp bảy cái cửa. Người thứ ba có tài "gỡ rối những sợi tơ vướng vào búi gai", đã giật được tóc cô gái ra khỏi miệng yêu tinh mà nó không biết. Người thứ tư có tài "tung hứng và đuổi nhanh như gió" đã lần lượt ném cô gái lên trời qua bảy lớp cửa, rồi lần lượt chạy vụt ra hứng cô trong cánh tay. Khi họ lên ngựa phi về, thì người thứ nhất báo tin yêu tinh đã biến thành diều hâu đang đuổi theo. Các anh em xúm nhau bắn chết. Sau đó, cô gái lấy người đã gỡ tóc mình ra khỏi miệng yêu tinh.

Một truyện của Nga cũng xử cho cô gái lấy người ăn trộm:

Một nông dân có bảy đứa con đều cùng một tên là Xi-mê-ông. Họ trẻ khỏe nhưng lười và đủ tật xấu. Người cha đưa các con đến làm đầy tớ cho vua. Vua hỏi mỗi người: -"Biết làm gì?" Một đứa trả lời: -"Tôi biết ăn trộm". Một đứa khác: -"Tôi biết rèn những vật quý". Người thứ ba "có thể bắn trúng chim bay". Người thứ tư "nếu chim rơi xuống nước, có thể lội ra lấy về". Người thứ năm "trèo lên một chỗ cao nào đó có thể thấy hết cả nước". Người thứ sáu "có thể đóng một chiếc tàu chạy rất nhanh". Người thứ bảy "có thể chữa lành mọi bệnh".

Một hôm, vua muốn lấy một công chúa nước khác nhưng không có cách gì bắt về, bèn giao việc đó cho bảy người. Bọn họ lên tàu do một người đóng tàu, đóng xong trong một thời gian rất ngắn. Đến nơi, một người trèo lên cột cao nhìn và báo tin rằng lúc này công chúa đang ngồi một mình, có thể bắt trộm được. Người thợ rèn rèn ngay hai món đồ đẹp cùng đi với người ăn trộm vào cung để bán. Cuối cùng, người sau tìm được công chúa đem về đến tàu rồi nhổ neo. Công chúa ở đây không bị bắt trở lại mà hóa thành chim thiên nga bay đi. Người đi săn bắn ngay một phát vào đầu cánh trái, chim rơi xuống nước. Người lặn giỏi vớt lên lại hóa nguyên hình cô gái đẹp, nhưng tay cô bị thương. Đến lượt người thầy thuốc chữa lành ngay.

Sau khi đưa công chúa về, vua tự thấy mình quá già. Vua hỏi: - "Nàng muốn lấy ai trong bảy anh em?". Công chúa chọn người ăn trộm. Bèn gả cho và

nhường luôn ngai vàng, lại cho các em của người ăn trộm làm chức quan to (bôi-a).

Truyện của người Ý (Italia) ở Vơ-ni-dơ (Venise) thì cái may mắn thuộc về người vá tàu.

Một người có bốn con trai và nuôi đỡ đầu một cô gái. Anh nào cũng muốn lấy cô làm vợ. Người cha bảo chúng hãy đi học mỗi đứa một nghề, lúc trở về ai tài giỏi vào bậc thầy sẽ gả cho. Khi họ trở về, cha báo cho biết là cô gái đã bị mất tích. Anh chàng học nghề thầy pháp cho biết cô gái hiện ở trong vườn của hoàng tử. Anh chàng học nghề ăn trộm lẻn vào vườn bắt ngay cô gái rồi nhảy ra rất lẹ, đưa về thuyền.

Người làm vườn sai một con rồng gác vườn đuổi theo. Rồng toàn chụp bắt cô gái, nhưng anh chàng bắn giỏi đã cho một phát súng. Rồng ngã xuống đè lên thuyền, thuyền muốn vỡ tan, nhưng anh chàng học nghề thợ mộc đã nhảy ngay xuống nước, trong nháy mắt chữa được thuyền lành lặn như cũ, và đưa được cô gái về yên lành. Kết quả, người cha gả cô cho anh chàng thợ mộc.

Những truyện dưới đây, nhân vật trung tâm là cô gái, không lấy một trong những người cứu mình, mà lại lấy người cha của họ.

Truyện trong sách *Pen-ta-mơ-ron* của Ba-di-lơ (Basile):

Một người có năm đứa con. Thấy con không làm nghề ngỗng gì mà chỉ ăn hại, bèn bảo đi tìm học mỗi đứa một nghề, và dặn vào một ngày nhất định thì cả năm phải về nhà.

Đúng hẹn, năm anh em cùng về. Người anh cả là bợm trộm không ai ăn đứt, người thứ hai biết đóng tàu, người thứ ba có thuốc cải tử hoàn sinh, người thứ tư có tài bắn nỏ và người thứ năm biết tiếng chim. Anh chàng út tỏ tài bằng cách báo tin: anh vừa nghe một con chim đậu ở gần đó cho biết, có một con yêu cướp một công chúa đưa đến núi đá, và vua cho rao ai cứu được sẽ phong làm phò mã. Người thứ hai làm ngay một chiếc tàu, trên đó năm người cùng đi với người cha đến núi đá. Cũng như truyện của Đức, yêu tinh cũng đang ngủ say, đầu kê lên đùi công chúa. Người anh cả khiêng một hòn đá cho con yêu kê đầu, rồi trộm công chúa về tàu. Yêu cũng hóa thành mây đuổi theo, và cũng bị một phát tên rơi xuống tàu; công chúa chết ngay cùng với yêu, nhưng được người thứ tư làm cho sống lại. Lúc về, ai nấy đều tranh công. Vua giao cho người cha phân xử. Cuối cùng, vua gả công chúa cho người cha của họ là người quan trọng trong việc cứu công chúa.

Cũng như truyện của người Bê-lút-sít-xtăng đã kể trên kia, một truyện khác của người Hy-lạp (Grèce), của người Xu-a-hi-li ở đảo Dăng-di-bar (Zanzibar) đều có ba anh em và ba vật quý: ống thiên lý kính, tấm thảm bay và thuốc cải tử hoàn sinh (Hy-lạp); gương thần, chiếu biết bay và lọ dầu hồi sinh (Xu-a-hi-li). Những vật này đều có vị trí quan trọng trong việc cứu cô gái. Kết cục của truyện Hy-lạp: để chấm dứt tranh chấp giữa ba hoàng tử, vua cha lấy cô làm vợ. Còn kết cục của truyện người Xu-a-hi-li: khi ba anh bảo cô gái chọn một trong ba người làm chồng, thì cô ta chọn người cha của họ "để cho cả ba gọi mình là mẹ".

So với các truyện vừa kể, truyện của người Tây-ban-nha (Espana) lại có kết cục lạ hơn: lấy cả ba.

Lần đầu tiên, khi người cha cô gái bảo chọn một trong ba người con trai đến hỏi, cô trả lời: "Lấy cả ba". Người cha chuyển câu trả lời ấy cho ba người và thêm vào: -"Vì đó là việc không thể được, nên sẽ gả cho người nào mang về một vật quý và hiếm". Cuối cùng, cô gái cũng được cứu sống nhờ có ba vật của ba người: tấm gương thần, cái thùng bay và dầu hồi sinh, và câu đầu tiên cô nói là: -"Cha thấy không, phải lấy cả ba", rồi truyện dừng lại ở đây.

Hai truyện sau đây có kết cục giống nhau và khá lý thú: cả mấy anh em và cô gái đều hóa ra các vì sao.

Một truyện của Đan-mạch (Danemark):

Có sáu anh em được cha cho đi ra nước ngoài, mỗi người một phương, học mỗi người một nghề. Người anh cả biết đóng tàu tự động chạy được. Người thứ hai có thể lái tàu chạy trên bộ cũng như dưới nước. Người thứ ba ngồi ở nước này nhưng có thể nghe chuyện người ta nói ở nước khác. Người thứ tư bắn giỏi, không phải đợi đến phát thứ hai. Người thứ năm trèo được thành cao. Người thứ sáu, bậc thầy trong nghề ăn trộm.

Truyện cũng có nàng công chúa bị bắt do một mụ phù thủy hung ác. Vua cũng hẹn gả cho người nào cứu được. Người anh cả liền đóng một chiếc tàu, tàu ấy do người em thứ hai lái. Người tài nghe phát hiện ra chỗ giấu công chúa trong một hòn núi thủy tinh. Người tài trèo trèo lên đỉnh núi, thấy tên phù thủy đang ngủ, đầu cũng gối lên đầu gối công chúa. Anh ta trèo xuống, cõng anh giỏi trộm lên và chỉ trong một chốc, anh này trộm được công chúa, rồi cả hai được anh tài trèo cõng về tàu. Cũng như các truyện trên, tàu chạy chưa được bao lâu thì người tài nghe báo tin tên phù thủy đang bay trên không, đuổi theo tàu. Người tài bắn bắn một phát vào chỗ hiểm nhất trong người tên phù thủy, nhu công chúa mách.

Cứu được về nhà, cả sáu người đều muốn lấy công chúa làm vợ. Vua và công chúa rất bối rối. Nhưng lúc bấy giờ, Trời không muốn để cho mấy anh em xung đột nên làm cho họ và cả công chúa hóa thành sao, nay tức là chòm sao Thất tinh. Người dân Đan-mạch nói ngôi sáng nhất trong đó là công chúa, còn ngôi mờ nhất là anh chàng giỏi trộm. Đó cũng là một hình thức đánh giá.

Truyện ở vùng sông Đa-nuýp (Danuble):

Công chúa bị một con rồng hung ác bảy đầu bắt đi. Vua sai viên quan đầu triều đi tìm. Viên quan tưởng thất vọng đến nơi thì gặp một bà già, bà này cho biết cứ đi tìm mẹ Rồng thì có thể tìm được công chúa. Gặp mẹ Rồng, mẹ Rồng bảo chờ năm con trai mẹ về sẽ hỏi ý kiến. Năm người con rồng này có phép mầu nhiệm: người thứ nhất có thể lấy trộm bất cứ vật gì theo ý muốn. Người thứ hai tìm được vật bị mất. Người thứ ba bắn tên giỏi. Người thứ tư xây lâu đài trong nháy mắt. Người thứ năm đuổi theo một vật nhanh như chớp.

Khi năm chàng rồng trở về, họ bằng lòng giúp vua. Chỗ công chúa bị giam liền được một người trong số họ phát hiện. Người thứ hai tìm vào, chiếm được công chúa, thì con rồng hung ác lại chiếm lại, và đem lên không trung. Nhưng chỉ một mũi tên của người bắn giỏi, rồng rơi xuống, đánh rơi cả công chúa, nhờ có người thứ năm nhanh chân nhanh tay đỡ lấy kịp thời. Bị họ hàng nhà rồng hung ác đuổi theo, cả năm người cùng sứ giả nhà vua ẩn trong cái lâu đài kín do người thứ tư xây dựng trong chốc lát.

Đến lúc tranh công, bà mẹ Rồng đưa việc đó đi hỏi mẹ Gió, mẹ Gió bảo đi tìm mẹ Trăng. Mẹ Trăng lại chuyển cho mẹ Trời. Mẹ Trời bảo chính mẹ Rồng là người trọng tài tốt nhất. Lúc đó mẹ Rồng phán: - "Các con là con trai của ta, còn cô gái này là con gái của ta, là em gái của các con". Từ đó họ bay lên trời và hóa thành bảy ngôi sao gọi là Vi-la-chit-chi. Mỗi năm, bảy ngôi sao này phải đi thăm mẹ Gió, mẹ Trăng và mẹ Trời một lần, nên hôm đó người ta thấy chúng xuất hiện trên bầu trời.

Người Mông-cổ có một truyện có những tình tiết và kết thúc khác hẳn nhưng xét kỹ, vẫn cùng một loại hình với truyện trên:

Có sáu chàng thanh niên bỏ nước ra đi, khi đến chỗ có sáu con sông giao nhau, họ bắt đầu chia tay mỗi người đi theo một ngả sông, sau khi đã trồng mỗi người một loại cây ứng vào sinh mệnh của từng người. Họ hẹn sẽ gặp nhau vào một ngày nhất định, hễ thấy cây của ai héo thì biết người đó đang gặp nạn, và phải theo hướng ngả sông người đó mà đi cứu.

Một chàng con nhà giàu ngược dòng đến một nơi ở với vợ chồng một ông lão và được họ gả con gái đẹp cho làm vợ. Một hôm lính hầu của vua nhặt

được chiếc nhẫn có đá quý nổi trên sông gần đó, bèn đưa về cho vua. Vua bảo phải đi tìm cho được người đàn bà chủ nhân của cái nhẫn. Khi bắt vợ chàng kia về, vua thấy sắc đẹp vượt xa các người vợ của hắn thì muốn nạp vào cung, nhưng người đàn bà đòi giữ thủy chung với chồng. Vua lại ra lệnh cho lính hầu đi giết chồng. Xác người chồng bị chúng chôn ở bờ sông, dằn lên mộ một hòn đá lớn.

Khi năm người kia về đến chỗ hẹn, thấy cây sinh mệnh của bạn đã héo. Một người học phép độn tìm ra chỗ chôn xác. Một người học nghề rèn dùng búa đập vỡ hòn đá, và người học thuốc cứu bạn sống lại. Một người học nghề chạm tạc một con chim ga-ru-đa bằng gỗ có thể cho người ngồi vào trong đó và chim bay được. Một người học nghề sơn vẽ tô đẹp cho con chim. Người con nhà giàu cưỡi chim bay đến cung vua, lượn mấy vòng trên không trung. Vua nhìn chim không chán mắt, lại gọi người đàn bà đẹp lên lầu cao để xem và cho chim ăn. Nhân đó, người chồng cũ cho chim sà xuống cắp lấy vợ đi luôn. Nhưng khi về đến nơi, ai cũng muốn lấy nàng, tranh nhau không ai chịu ai. "Vậy thì chúng ta đều lấy". Họ nói thế và cắt người đàn bà ra từng mảnh[1].

Truyện của người Ấn-độ và người Ả-rập còn có kết cục lạ hơn. Sau đây là truyện của Ả-rập trong *Nghìn lẻ một đêm:*

Có ba hoàng tử muốn lấy công chúa Nu-ru-ni-har con đỡ đầu của vua cha. Vua cha quyết định sẽ gả cho người nào đi du lịch về mang một vật lạ và quý nhất. Trong lúc họ chưa về thì công chúa bị đau nặng sắp chết. Hoàng tử thứ nhất có cặp kính thần phát hiện ra công chúa chết. Hoàng tử thứ hai có tấm thảm bay mang cả ba về đến tận buồng công chúa. Đến lượt hoàng tử thứ ba cho nàng ngửi quả táo thần nên sống lại. Vua bối rối không biết giải quyết thế nào, mới bảo ba người bắn cung, ai bắn xa hơn thì được lấy công chúa. Mũi tên của hoàng tử thứ ba xa hơn nhưng lại không tìm ra dấu, nên công chúa về tay hoàng tử thứ hai.

Phần sau của truyện chuyển sang một hướng khác. Hoàng tử thứ ba Át-mét do đi tìm mũi tên của mình mà gặp nàng tiên Pa-ri Ba-nu. Hai người đưa nhau về cung và kết làm vợ chồng, nhưng hoàng tử thỉnh thoảng được vợ cho về thăm vua cha. Nghe mồm bọn nịnh thần, vua cha bắt chàng phải đi tìm: lần đầu, một cái màn có thể che được khắp đại đội quân mã của nhà vua nhưng

1. Theo sách *Xit-đi Kur (Cái chết mầu nhiệm).* Một dị bản khác nói rằng: sau khi tranh công, những người ấy rút dao đâm nhau chết.

lại có thể cầm gọn trong bàn tay; lần thứ hai, một thứ nước thần ở suối sư tử có thể chữa mọi bệnh; lần thứ ba, một con người lùn dị dạng cầm một cây gậy sắt nặng năm trăm cân. Nhưng lần cuối cùng, khi đưa người lùn dị dạng về triều, với cây gậy sắt, người lùn đã giết chết bọn ninh thần và đưa Át-mét lên làm vua nước Ấn-độ[1].

Phần nào giống với truyện của Ả-rập là truyện Triều-tiên: Có ba chàng yêu một cô gái. Cô gái hỏi ý kiến một đạo sĩ ở Hắc-long-sơn, cụ trao cho ba đồng tiền bảo cho mỗi anh một đồng, ai mua được vật gì quý hơn thì lấy. Anh chàng thứ nhất mua được chiếc gương thần phát hiện ra cô gái ốm sắp chết. Anh thứ hai mua được con lạc đà kỳ diệu, nhờ nó mà cả ba cùng về tới nơi trong nháy mắt. Với quả táo thần của người thứ ba, cô gái khỏi bệnh ngay lập tức. Cô bèn bảo ba anh chàng tranh công tự suy nghĩ xem ai hơn, nhưng ba ngày ba đêm vẫn không xong. Trước khi phân xử, cô gái dặn một cái chuông cổ là hễ cô phân xử đúng thì nó sẽ ngân lên. Cô phán như sau: - "Tôi sẽ lấy chàng thứ ba vì chàng mua táo không vị mình, mà vị người khác. Vả chăng, quả táo đã bị ăn mất, còn hai vật kia của hai người vẫn còn nguyên vẹn". Phán xong, chuông cổ ngân lên. Thế là cô lấy anh chàng thứ ba làm chồng[2].

Thuộc loại truyện phân xử này còn có một loạt truyện khác, cũng hơi gần gũi về kết cấu và chủ đề. Xin kể dưới đây một số.

Ba truyện của người Khơ-me (Khmer):

1. *Nhà sư hoàn tục và ba cô gái*: một nhà sư vừa hoàn tục để kiếm vợ, một hôm tắm ở sông. Bỗng bờ sông sụt lở đẩy anh ra xa. Không biết bơi, anh chới với kêu cứu. Có ba cô đi lấy nước gần đấy. Cô thứ nhất đẩy ra một khúc gỗ cho anh ôm. Nhưng anh vẫn chới với không vào được. Thấy vậy cô thứ hai

1. Truyện *Nghìn lẻ một đêm* (Bản dịch của Ga-lăng (Antoine Galland)): *Truyện hoàng tử Át-mét và nàng tiên Pa-ri Ba-nu.*

2. *Theo Quả nho rừng (tập truyện cổ tích các nước bạn).* Người Pháp (vùng Hạ Brơ-ta-nhơ (Basse Bretagne)) cũng có một truyện giống truyện trên: có ba anh em ruột muốn lấy một em gái con nuôi của bố. Họ cùng được bố cho mỗi người một ngàn đồng bảo mua vật gì quý nhất thì sẽ được lấy. Một người mua được cặp kính thần. Khi đeo vào hắn kinh ngạc phát hiện ra không phải chỉ em gái mà cả bố mẹ đang hấp hối. Một người mua được chiếc xe thần đưa cả ba về nhà chỉ trong một phút. Người thứ ba mua được ba quả táo thần đưa cho mỗi bệnh nhân một quả, lập tức sống lại. Kết quả cô gái về người mua táo vì "táo thì bị mất còn hai vật kia vẫn còn" (Theo Đơ-la-ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze), đã dẫn).

đưa ra một sào tre cho anh nắm để kéo vào. Thấy anh trần truồng, cô thứ ba cởi ngay tấm chăn ở người cho anh khoác. Thấy anh đẹp trai, cả ba cô tranh công để được lấy làm chồng. Không ai chịu ai nên đưa lên quan. Hai cô đầu đều nói: - "Nếu không có tôi thì chắc tính mạng anh đâu còn". Cô thứ ba nghe quan hỏi, đáp: - "Tôi không cứu tính mạng anh ấy, vì thấy anh ấy lõa lồ nên tôi quảng chăn cho để che". Sau một hồi suy nghĩ, quan phán: - "Hai cô đầu làm bổn phận một cách tự hào, hành động ấy rất đẹp, đáng được coi như mẹ chàng trai. Còn cô thứ ba thấy người không quần áo nên cởi chăn cho. Đó là sự e lệ, là tình cảm nam nữ. Hành động của cô nảy sinh mối quan hệ giữa hai người. Vậy cô đáng được coi là người yêu của chàng trai[1]".

2. *Người ăn trộm và bốn cô gái*: một người ăn trộm đang hành nghề thì bị bắt treo cổ lên tường, theo lệ phải có một ngàn đồng vàng thì mới được chuộc mạng. Có bốn cô gái vốn yêu hắn từ trước: một cô gái giàu có bỏ tiền chuộc về, nhưng hắn bị thương tích và nằm mê man bất tỉnh, cô thứ hai kiếm thầy chạy thuốc chữa cho khỏi chết. Cô thứ ba bán hết tư trang để phụng dưỡng cho hắn. Cô thứ tư hàng ngày rửa vết thương nâng giấc hầu hạ. Chẳng bao lâu hắn bình phục, bốn cô cùng tranh công để được lấy làm chồng. Việc đưa đến vua, vua phán: - "Người bỏ tiền chuộc được coi như cha người ăn trộm; người thuốc thang được coi như mẹ; người bán tư trang được coi như chị; còn người lau rửa vết thương săn sóc hàng ngày được coi như vợ".

3. *Cô gái đẹp và ba chàng trai:* có ba chàng trai yêu một cô gái nhưng không được bố mẹ thuận gả. Cô gái tự nhiên chết. Ba chàng rất thương xót. Một người làm lễ hỏa táng thu nhặt hài cốt chôn cất tử tế; người thứ hai ôm lấy mộ khóc lóc thảm thiết; còn người thứ ba bỏ quê đi học phép cải tử hoàn sinh, cuối cùng phép thuật của hắn làm cho cô gái sống lại. Cả ba đều tranh lấy cô làm vợ. Việc đưa lên vua. Vua xử cho chàng trai thứ nhất là con cô gái vì việc thu cất hài cốt là phận sự của con đối với cha mẹ; người thứ ba là cha cô gái vì việc cứu vớt chạy chữa là phận sự của cha mẹ đối với con. Còn người thứ hai mới là chồng của cô gái: có là chồng thì mới ôm ấp săn sóc vợ lúc chết cũng như lúc sống[2].

Trong sách *Hai mươi lăm truyện quỷ của Ấn-độ* (đã dẫn) có một truyện tương tự truyện vừa kể ở trên, đoạn cuối như sau:

1. Theo Pa-vi (Pavie). *Phái bộ Pa-vi ở Đông-dương (1879-1895).*
2. Hai truyện này đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.

Một cô gái bị rắn độc cắn chết. Cha cô gái làm lễ đốt xác. Người thứ nhất nhặt xương bó lại mang đi hết rừng này sang rừng khác. Người thứ hai nhặt tro rồi làm nhà ở lại mộ. Người thứ ba đi hết nơi này sang nơi khác. Một hôm vào nhà một người bà-la-môn xin ăn. Chủ nhà mời anh ăn uống tử tế. Giữa lúc ấy, vì đứa con quấy mẹ, người chủ nhà ném thằng bé vào lò sưởi cháy thành than. Thấy vậy, anh nghẹn ngào không ăn được nữa. Chủ nhà lấy ra một quyển sách, đọc một câu chú thì đứa trẻ lại sống lại. Anh bèn ăn trộm quyển sách ấy về làm sống cô gái. Sống lại, cô gái là đối tượng tranh giành của cả ba người. Vua Vi-krâ-ma xử rằng: người giữ xương là con, người cứu sống là cha, người dựng nhà bên đống tro mới là chồng.

Cũng quyển sách trên, còn có một truyện:

Có bốn chàng trai đẹp, trẻ, khỏe cùng một lúc đến hỏi một công chúa làm vợ. Người thứ nhất xưng có tài làm áo bán được nhiều tiền. Người thứ hai xưng hiểu tiếng loài vật trên cạn cũng như dưới nước. Người thứ ba xưng đọc được nhiều sách. Người thứ tư xưng bắn giỏi. Cô không biết lấy ai vì họ tài ngang nhau. Quỷ đem chuyện ấy hỏi vua Vi-krâ-ma. Vua đáp: người làm áo và bán áo thuộc đẳng cấp bình dân (xu-đơ-ra); người biết tiếng loài vật trên cạn cũng như dưới nước thuộc đẳng cấp nô lệ (vai-xia); người đọc sách thuộc đẳng cấp bà-la-môn; người bắn giỏi xứng đáng với công chúa vì thuộc đẳng cấp võ sĩ[1].

Người Miến-điện (Myanmar) cũng có hai truyện:

1. *Tình yêu chân chính:* giống với truyện Khơ-me vừa kể: ở xứ Kham-ban-sa có bốn người nhà giàu kết bạn thân, ba người đều có con trai, người thứ tư có cô con gái đẹp; cả ba chàng trai đều tha thiết muốn lấy. Trước khi nhận lời, bố mẹ cô gái hỏi mỗi người xem giá dụ con gái mình chết trước khi cưới thì thái độ của họ như thế nào? Một người hứa thân hành đốt xác trông nom đám ma chu tất. Người thứ hai hứa sẽ chôn cất xương tro làm lăng mộ tốt đẹp. Người thứ ba hứa chăm sóc đêm ngày ở mộ cho đến khi hắn chết. Cô gái quả chết trước mười lăm tuổi. Cả ba chàng trai đều làm như lời hứa. Sau đó, trong khi người thứ ba trông nom ở mộ thì có một đạo sĩ (y-ô-ghi) thương hại hắn, hóa phép làm cho cô gái sống lại. Cả ba tranh công. Cuối cùng phải đưa đến công chúa Thu-đam-ma Sa-ri. Công chúa phán: chỉ có người thứ ba là có tình yêu chân chính, vì hắn tự nguyện làm việc gác mộ là việc mà xã hội khinh thị, loại khỏi đẳng cấp đến bảy đời. Do đó hắn có quyền lấy cô gái.

1. Đều theo tạp chí *Muy-dê-ông (Le Muséum)*, sách đã dẫn.

2. *Ba người vợ tranh nhau một chồng*: cũng ở xứ Kham-ban-sa có một chàng trai con một nhà giàu lấy vợ sớm. Khi chiêm bao thấy số phận mình sẽ chết vì rắn cắn, hắn bèn dặn người nhà đừng hỏa táng mà cho lên bè thả sông. Sau hắn quả bị rắn cắn mà chết, vợ hắn làm theo lời dặn. Bè trôi đến một nơi có ba cô gái đang gội, nhờ người bố của ba cô có phép mầu trị rắn nên cứu được hắn sống lại. Thấy anh chàng rất đẹp trai, ba cô gái lúc đầu giành nhau làm chồng, nhưng sau thỏa thuận thả cho về. Một cô cột cho hắn một dây bùa làm hắn hóa thành con vẹt. Chim bay vào vườn nhà vua cắn phá cây quả. Người ta bắt được, đem nộp công chúa. Công chúa yêu chim, nuôi ở trong buồng. Một hôm vô tình cất sợi dây bùa, chim bỗng biến thành người. Hai người từ dấy lén lút yêu nhau; đêm là người, ngày là chim vẹt. Vua thấy công chúa mỗi ngày một khác, ra lệnh truy tìm rất gắt thủ phạm. Hắn nghe tin sợ quá, bay qua cửa sổ đi trốn. Vừa ra khỏi cung, sợi dây bùa rơi, hóa thành người. Bị lính lùng đuổi, hắn lọt vào một nhà nọ, có hai vợ chồng và một người con gái đang ăn cơm. Hắn nói thật với họ và cầu cứu. Nhà ấy cho hắn ngồi vào mâm ăn luôn, và khi lính vào thì nhận hắn là rể. Sau đó, hắn được nhà ấy gả con gái cho làm vợ.

Công chúa mất người yêu, dần dần đâm ra sầu muộn đến đau nặng. Các lang y bó tay. Vua tra hỏi và khi biết sự thật, vua sai mở hội trong cung, buộc tất cả mọi người phải đến dự, để cho con gái nhận người yêu. Khi công chúa nhận ra, thì người vợ vũ của anh chàng cũng nhận ra chồng cũ. Thế là cả ba người đàn bà tranh nhau chồng. Việc đưa đến Thu-đam-ma Sa-ri, người này phán: - "Người vợ cũ khi thả chồng lên bè thế là hết duyên nghĩa, không có quyền gì nữa. Công chúa khi để cho người yêu đi trốn mà không có phản ứng ngay, cũng là hết tình nghĩa từ đó. Còn cô gái lấy sau cùng, tình nghĩa chưa tỏ ra có gì phai nhạt, nên có quyền được giữ chàng làm chồng"[1].

Truyện cuối cùng *Ba anh em* của Pháp, do Grim (Grimm) kể: Một người cha, tài sản chỉ có mỗi một ngôi nhà, không biết để lại cho ai trong ba đứa con. Bèn bảo các con đi học nghề, hẹn một ngày nào đó phải trở về thi tài, ai hơn sẽ được hưởng ngôi nhà. Người anh cả học nghề bịt móng ngựa. Người thứ hai học nghề phó cạo và người thứ ba múa gươm.

Khi họ về đông đủ, giữa lúc đang chuyện trò, bỗng có bóng một con thỏ rừng sắp chạy qua, phó cạo ta lập tức lấy dao, xà phòng chờ cho con thỏ chạy

1. Theo *Truyện cổ tích Miến-điện*, sách đã dẫn.

ngang nhà, đuổi theo xát xà phòng và cạo nhẵn bộ lông mép mà không làm xây xát. Lát sau, một chiếc xe bốn ngựa phi qua, anh bịt móng ngựa đuổi theo cỗ xe, tháo bốn móng sắt của một con trong đoàn và thay bốn móng mới trong lúc nó vẫn phi nước đại. Để trổ tài, người con út nhân lúc trời mưa như cầm vò mà trút, lấy gươm ra múa tít trên đầu, mưa không lọt được xuống đường gươm, quần áo vẫn khô. Người cha tặng ngôi nhà cho con út[1].

Xem thêm truyện *Tranh nhau pho tượng* và một truyện khác của Thái-lan trong **Khảo dị** truyện số **39** tập **I**.

1. Truyện trên có người kể hơi khác, như sau: ba anh em đi học: người đầu nghề múa gươm, người thứ hai nghề bịt móng ngựa, người thứ ba không phải nghề phó cạo, mà là nghề nấu ăn. Lúc trở về, người múa gươm nhân một trận mưa đá, rút gươm múa để che cho vườn nho. Mưa tạnh, không có một lá nào bị ướt. Người thứ hai cũng đuổi theo bịt móng cho một con ngựa đang kéo cỗ xe. Còn người thứ ba thấy bố mình thích món trứng tráng có nấm, anh bảo bố cầm đĩa ra đứng chực ở cổng. Tráng trứng xong, anh đánh vào cán lập-là một cái, trứng văng lên chui qua ống khói, trong khi đó anh chạy ra cổng cầm lấy đĩa hứng, trứng rơi đúng vào đĩa, mà trứng lúc ấy đã lật rồi, đưa mời bố ăn. (Theo H. Pua-ra (Pourra): *Kho tàng truyện cổ tích*, tập I, *Truyện ba chàng thiện nghệ*).

108. CHÀNG NGỐC ĐƯỢC KIỆN

Ngày xưa có anh chàng nghèo khổ không nhà không cửa, không cha không mẹ, tính ngốc nghếch, nên người ta gọi là chàng Ngốc. Anh đi ở với một nhà trọc phú, làm quần quật suốt ngày này sang ngày khác không biết mệt. Trọc phú thấy anh khỏe mạnh dễ sai, nên sau năm năm, lúc anh ngửa tay đòi tiền công, hắn bèn dỗ dành anh làm thêm năm năm nữa. Nghe những lời ngon ngọt của hắn, anh lại vui lòng ở thêm một thời hạn mới. Lại năm năm nữa trôi qua. Thấy anh đòi tiền công để về, trọc phú lại dỗ:

- Thầy trò mình biết nhau đã lâu, chia tay không nỡ. Thôi! Mày cứ ở với tao năm năm nữa đi! Sau năm năm tao sẽ trả cho mày luôn cả mười lăm năm là ba nén vàng. Lúc đó thì mày sẽ trở nên giàu có.

Nghe bùi tai, anh lại đổ sức đổ lực ra làm việc cho hắn thêm năm năm. Lần này hết hạn, anh nhất định đòi chủ trả công để về. Trọc phú dỗ mấy cũng không nghe, bèn mang ba nén vàng ra trả, chàng Ngốc được vàng hý hửng cầm đi, không biết rằng đó là ba nén vàng giả mà trọc phú cố ý thửa, để lật lừa tiền công. Còn anh khi có tiền trong tay liền định bụng trẩy kinh, ngao du một phen cho thỏa lòng ao ước. Đi được mấy trạm anh gặp một người thợ bạc, hai người làm quen trên một đoạn đường. Người thợ bạc hỏi anh làm gì và đi đâu, anh không giấu giếm một tý nào cả, nhân đưa ba nén vàng ra khoe. Người thợ bạc cầm lấy vàng biết ngay là vàng giả, nhưng thấy anh ngu ngốc, hắn ta mới nghĩ đến việc lợi dụng. Hắn bảo anh:

- Ở chốn kinh thành, trừ các nhà quyền quý không kể, còn những bọn như chúng ta cầm vàng rất khó mua bán. Sao anh không đổi ra bạc, đi đến đâu cũng tiêu được. Sẵn tôi có bạc đây, anh có muốn tôi đổi hộ cho, cứ một nén vàng ăn hai nén bạc. Muốn không?

Chàng Ngốc thấy hắn bàn có lý, liền khẩn khoản nhờ đổi hộ. Không ngờ, đây chỉ là sáu miếng chì được đúc thành sáu thỏi rất khéo, nhưng cả đời anh nào biết mặt mũi vàng bạc là cái gì đâu, nên vui vẻ cầm lấy mà tiếp tục lên đường.

Đi đến một nơi khác, anh gặp một người hàng giấy bèn cũng lân la làm quen, và nhân vui miệng anh kể rõ lai lịch số bạc cùng ý định trấy kinh của mình cho người bạn đường biết. Người hàng giấy nhìn thấy mấy nén bạc biết là của giả, nhưng đang lúc cần chì, hắn bèn gạ đổi một nghìn tờ giấy lấy sáu nén "bạc" của anh. Hắn chỉ vào thứ giấy lụa gió nói:

- Đây là thứ lụa đẹp nhất gọi là "lụa đinh kiến", quý lắm, tôi mang đến đâu người ta cũng tranh nhau mà mua. Anh cứ mang đến kinh mà bán, mỗi một vuông lấy một quan thì tha hồ là tiền.

Nghe bùi tai, chàng Ngốc lấy sáu nén bạc ra đổi và mang nghìn tờ giấy đi. Đến một trường học, anh thấy có mấy người học trò đang chơi một cái chong chóng làm bằng những mẩu giấy xanh đỏ rất đẹp mà anh chưa trông thấy bao giờ. Anh chen vào đám đông để xem và hỏi:

- Cái gì thế này?

Một người học trò nói đùa:

- Đây là cái "thiên địa vận", dùng nó có thể thông thiên đạt địa, mọi việc trên thế gian việc gì cũng hay biết trước, quý không nói hết.

Thấy anh có vẻ thèm thuồng món đồ chơi đặc biệt, bọn chúng lại tán:

- Anh có thích cái "thiên địa vận" này không? Nếu anh muốn mua chúng tôi cũng bán, nhưng phải nhiều tiền mới được !

Chàng Ngốc rất say mê về sự mầu nhiệm của cái "thiên địa vận" nên cố vật nài:

- Tôi không có tiền, chỉ có một ngàn "lụa đinh kiến" đây, mong các anh đổi cho tôi.

Bọn học trò nhìn thấy đệp giấy thì không còn gì mừng hơn, nên cuộc trao đổi giải quyết rất chóng vánh.

Chàng Ngốc cầm cái "thiên địa vận" ra đi, trong lòng khấp khởi mừng thầm, vì nghĩ rằng mình sẽ có lúc thông thiên đạt địa và được mọi người kính phục. Anh lại tiếp tục cuộc hành trình. Qua một cánh đồng rộng,

thấy một đám trẻ chăn trâu đang ngồi chơi ở vệ đường, chúng nó bắt được một con niềng niễng lớn, có đôi cánh xanh đỏ trông rất đẹp và kỳ lạ. Tò mò, anh dừng lại rồi sán vào xem. Bọn chăn trâu không cho xem, chúng bịa ra cho anh hốt:

- Đây là "ngọc lưu ly", đeo nó vào người về mùa hè thì mát, về mùa đông thì ấm, vô cùng quý giá, chưa chắc đức hoàng đế đã có được.

Chàng Ngốc không ngờ lại có thứ của quý đến nỗi vua cũng không làm gì có, mới đưa cái "thiên địa vận" của mình ra xin đổi. Bọn trẻ thấy có món đồ chơi đẹp liền bằng lòng ngay. Chúng nó bỏ con niềng niễng vào trong một cái túi vải con, thắt miệng túi lại và dặn anh:

- Lúc nào về đến nhà hãy mở ra xem, nếu không, ngọc nó bay lên trời là mất toi đó.

Được ngọc lưu ly, chàng Ngốc bụng bảo dạ: -"Ta may mắn được hòn ngọc quý mà vua cũng chẳng có. Âu là khi đến kinh, ta đem dâng lên vua, chắc là vua phải thích". Anh nghĩ sao làm vậy, cho nên qua ngày hôm sau, đến kinh đô, anh lập tức tìm vào hoàng cung quyết gặp mặt vua để dâng ngọc. Bọn lính gác cửa Ngọ-môn thấy có một người ăn mặc rách rưới đòi yết kiến thiên tử thì nhất định không cho vào. Chàng Ngốc kể lể:

- Tôi đi ở mười lăm lăm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi một ngàn lụa đinh kiến, rồi cái thiên địa vận, mới đổi được hòn ngọc lưu ly này đem dâng hoàng đế.

Vừa khi có một ông quan đại thần sắp sửa vào chầu vua, nghe anh nói thế thì vội chạy lại bảo anh đưa ngọc cho mình xem trước rồi sẽ đưa vào gặp vua. Anh lấy túi vải đưa ra. Không ngờ, khi ông quan vừa mở cái túi thì con niềng niễng đã bay vụt lên trời, không làm sao bắt được. Thấy thế, chàng Ngốc vội nắm lấy áo ông quan kêu khóc ầm ĩ, nhất định bắt đền cho được. Bọn lính xúm lại lôi anh ra, anh kêu to lên và quyết nằm vạ. Việc đến tai vua, vua cho dẫn chàng Ngốc vào hỏi đầu đuôi câu chuyện. Ngốc tâu:

- Tôi đi ở mười lăm năm được ba nén vàng, rồi sáu nén bạc, rồi một ngàn lụa đinh kiến, rồi cái thiên địa vận, mới đổi được hòn ngọc lưu ly định đem dâng, thì vì ông này nên nó đã đi mất rồi.

Hỏi mấy lần, anh cũng chỉ đáp có mỗi câu như thế và chỉ vào viên đại thần mà khóc.

Cuối cùng vua phán:

- Tên dân này đưa hòn ngọc lạ với ý định tốt dâng tạ. Để mua được viên ngọc, hắn đã tốn bao nhiêu công sức và tiền tài. Vậy kẻ làm mất ngọc không những có tội với ta mà còn phải bồi thường cho hắn đủ số vàng bạc, v.v... Về phần ta, ta sẽ ban cho hắn một chức quan nhỏ để nêu lòng trung.

Thế là viên đại thần phải bồi thường tất cả cho chàng Ngốc. Từ đây anh sung sướng, giàu có và khôn ngoan lên[1].

KHẢO DỊ

Một truyện *Chàng Ngốc đi buôn* sưu tầm có phần thiếu sót, nhưng đúng là một dị bản của truyện trên:

Một chàng Ngốc nghe lời vợ khuyên, cầm tiền đi buôn. Đầu tiên, anh dốc cả vốn liếng để lấy một con bò vì theo lời người bán bò, "để khỏi vác tiền mãi nặng vai". Đến một bến đò, Ngốc nghe lời một người khác gạ đổi bò lấy một con ngỗng vì "bò nặng vượt sông sẽ chết đuối". Lại gặp một người khác, Ngốc đổi con ngỗng lấy cái gầu, một vật "có thể phun nước hay lửa rất mầu nhiệm". Đến đây, cũng như truyện trên, Ngốc lại đổi gầu lấy một cái chong chóng, hy vọng được "thông thiên đạt địa", lại đổi chong chóng lấy viên ngọc lưu ly đựng trong hộp của một em bé, kỳ thực đó là một con cào cào.

Ngốc mang hộp vào dâng vua và nói với vua theo lời em bé dặn là "chỉ được mở vào lúc trời tối, nếu không ngọc sẽ bay mất". Vua còn bận, bảo Ngốc hãy ra ở nhà tể tướng, tối mai lại đến. Ở đây, tể tướng cũng vì tò mò, cố đòi xem cho được. Nhưng hộp vừa mở ra thì cào cào đã bay mất biệt. Tể tướng đành phải đền một viên ngọc khác thay vào, lại cho Ngốc vàng bạc để nhờ anh giấu kín việc ấy cho, đừng để lọt đến tai vua.

Đưa ngọc vào, Ngốc được vua ban thưởng hậu hỹ nên trở về với nhiều của cải và được mọi người kính phục[2].

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.
2. Theo *Truyện cổ tích trẻ em*.

Người Tày có truyện *Người có mười con trâu:*

Một chàng Ngốc đi buôn mua được mười con trâu đưa về. Dọc đường, thấy một người dắt mười con bò. Vì người kia nói khéo quá, nên Ngốc ta đổi trâu lấy bò. Đi một chặng nữa, lại gặp một người dắt mười con dê, và qua trò chuyện, Ngốc lại bùi tai đổi bò cho hắn để lấy dê. Đến một làng nọ, thấy có đứa trẻ chơi những quả ké-néc (một loại quả có vỏ cứng như cái hộp). Ngốc chưa thấy quả này bao giờ, hỏi thì đứa bé đáp là kim cương than khing rất quý. Ngốc lại đổi dê lấy mười "viên kim cương". Về đến làng, gặp một đứa trẻ khác chơi con cánh cam rất đẹp. Hỏi là vật gì, đáp là ngọc mu-nị. Lại đổi. Về nhà, Ngốc cày cục làm một cái hộp đẹp, bỏ "ngọc" vào định dâng vua.

Ngốc lên đường trẩy kinh. Đi tới bên bờ một vực sâu, một người bạn đường nghe Ngốc nói mang ngọc dâng vua bèn xin được xem. Hắn vừa mở hộp thì con cánh cam bay xuống vực mất tích. Ngốc ta níu áo hắn kêu khóc dữ dội. Vừa có lính nhà vua đi qua hỏi chuyện. Lính ra lệnh cho dân lặn xuống vực tìm ngọc. Không ngờ, những người ấy lại tìm được một viên ngọc mu-nị thật ở đáy vực. Lính dẫn Ngốc về triều. Vua khen Ngốc, ban cho vàng bạc áo quần. Ngốc trở nên giàu có[1].

Truyện *Một người dại nhất* của dân tộc Mèo tuy diễn biến có khác nhưng cũng là dị bản của truyện *Chàng Ngốc được kiện*:

Một gia đình có hai người con trai: người anh thích làm ruộng, còn em thì ngốc nhưng lại muốn đi buôn. Bố mẹ cho người em năm con ngựa làm vốn và dặn rằng đã đi buôn bán thì phải chú ý mỗi một cuộc trao đổi phải có lãi mới làm.

Dắt năm con ngựa đi, dọc đường gặp một người dắt sáu con dê, anh nài ni người ấy đổi lấy ngựa vì thấy những sáu con, vậy là lãi một con. Đi một đoạn khác lại gặp một người mang bảy con gà, anh lại nài đổi, vì thấy lại được thêm một con nữa. Lại gặp một người gánh tám quả bí, anh lại nài đổi. Khi gánh bí về nhà gia đình ngã ngửa người, mắng anh hết lời. Anh biết là dại, buồn quá. Một hôm ngồi buồn tay, cầm dao bổ bí ra thì không ngờ trong đó có một quả có nhiều vàng. Anh trở nên giàu có [2].

1. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, trong tạp chí *Nhân loại* (1921-22).

2. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.

109. NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ VU OAN

Ngày xưa, có hai người lái buôn tơ lụa, một người tên là Lý, một người tên là Tình. Tuy quê ở hai nơi nhưng họ thường đến bán hàng và thường gặp nhau ở một thị trấn nọ. Trong cuộc buôn bán kinh doanh, họ dần dần quen nhau, thỉnh thoảng mời nhau chè chén có vẻ thân mật.

Một hôm, Lý mời Tình đến nhà hàng dự tiệc cùng mấy người bạn buôn khác. Khi rượu đã ngà say, họ xoay sang nói chuyện đàn bà. Một người cho rằng theo hắn, thì hai tiếng tiết trinh dường như thật vô nghĩa ở giữa cõi đời này. Một người đàn bà giữ chính chuyên suốt đời với một người đàn ông, đó là chuyện kỳ quái khó ai tin được. Lý đắc chí nói chêm vào:

- Đối với tôi, chỉ mất một ít tiền và một vài lời nói ngọt thì dù là người đàn bà sắt đá đến đâu cũng phải mềm ra ngay.

Tình nghe nói thế, cố cãi cho bằng được. Hắn nói vợ hắn ở nhà là một người đàn bà đã đẹp người, lại tốt nết, một tấm gương sáng về sự đoan chính. Thấy mọi người cười mỉa, hắn đoan:

- Nếu bác nào quyến rũ được vợ tôi có bằng cớ hẳn hoi, tôi sẽ biếu bác đó tất cả gia tài!

Lý cười ha hả rồi nửa đùa nửa thật:

- Bác có dám đánh đố với tôi không?

Tình khảng khái viết ngay một cái giấy giao ước, trong đó hắn tình nguyện nộp tất cả gia tư điền sản cho Lý nếu trong một tháng Lý quyến rũ được vợ mình. Ngược lại, nếu cũng trong một tháng ấy mà Lý không làm nổi việc đó thì sẽ mất hết gia tài cho mình. Giấy viết xong, Tình mời Lý ký vào và mời tất cả các bạn buôn cùng ký làm chứng, và hứa rằng mình sẽ ở lại đây cho đến tháng thứ hai mới trở về nhà.

Tìm đến được quê hương của Tình, Lý bắt đầu giở thủ đoạn.

Gặp vợ Tình ở chợ, hắn theo sát nút, liếc mắt đưa tình giở giọng ve vãn. Hắn chỉ nghe được những tiếng chửi đáp lại. Nhưng hắn vẫn kiên nhẫn đuổi theo tán tỉnh không ngớt. Cuối cùng, người đàn bà ấy phải nhờ tuần phiên can thiệp, hắn mới ôm đầu tháo chạy.

Lần thứ hai, hắn mang những đồ trang sức rất đẹp đóng bộ một tay buôn giàu có và phong tình đến bán cho vợ Tình. Sau khi giới thiệu những món nữ trang quý giá và xinh xắn, hắn dùng lời đường mật để gạ người đàn bà đó. Hắn nói:

- Tôi rất sung sướng được bán hàng cho một vị tuyệt thế giai nhân. Trước hết, tôi xin tặng nàng chiếc nhẫn này. Nếu nàng bằng lòng - chỉ một lần thôi - tất cả những vật nhỏ mọn này đều là của nàng cả.

Nhưng vợ Tình nghiêm sắc mặt cự tuyệt. Không những nàng quẳng lại chiếc nhẫn mà còn mời hắn ra ngay khỏi cửa. Lần thứ ba hắn lại đến nhà Tình, nhưng đến một cách lén lút. Trong đêm hôm tối tăm, hắn lẻn được vào buồng người đàn bà với những thoi vàng cầm tay. Khi liệu chừng mọi người đã ngủ yên, hắn mới tiến đến bên giường lấy giọng ngọt ngào gọi khẽ và ấn những thoi vàng vào tay nàng. Hắn nói:

- Xin nàng chớ sợ! Tôi đến đây với rất nhiều vàng để giúp nàng khuây khỏa nỗi phòng không bóng chiếc.

Hắn sà xuống ôm lấy vợ Tình, nhưng người đàn bà đã tỉnh liền vùng dậy. Một cuộc vật lộn xảy ra trên giường. Chỉ trong một chốc, người đàn bà đã cho hắn một đạp ngã lăn ra. Hắn lóp ngóp bò dậy và chạy trốn mất. Thấy công việc của mình không một mảy may kết quả mà kỳ hạn thì đã sắp hết, Lý sực nhớ đến tờ giấy giao ước trót ký với Tình, đâm ra lo lắng hết sức. Hắn bèn nghĩ một mưu rất thâm độc. Hắn đi dò hỏi và tìm đến một bà mụ đã từng đỡ cho vợ Tình đẻ. Hắn cho người này rất nhiều tiền, dỗ dành mụ cho mình biết một vài nét đặc biệt trong người vợ Tình. Bà mụ là người thấy của thì híp mắt lại, nên khi được tiền của Lý, mụ ta ghé vào tai hắn: - "Ở quá phía dưới rốn nàng có một nốt ruồi nhỏ".

Thế rồi Lý trở về gặp lại Tình, hớn hở nói cho Tình biết rằng mình đã quyến rũ được vợ hắn. Tình hỏi bằng chứng và khi nghe Lý dẫn ra

cái nốt ruồi kín đáo thì hắn không còn hồn vía nào nữa. Hắn đành giao gia sản cho Lý rồi vì ghen tức đầy ứ, hắn trở về quê đánh cho vợ một trận rất tàn nhẫn và đuổi nàng đi.

Bị vu oan và bị đánh oan, người vợ Tình vô cùng tức giận. Nàng nghĩ đến việc báo thù và tìm cách tự minh oan cho mình. Một hôm, nàng gặp Lý ở giữa đường, bèn xông tới xỉ vả và nắm lấy tóc giằng xé rất dữ dội. Người ta đưa hai người lên quan.

Khi quan hỏi nàng tại sao vô cớ làm nhục một người đàn ông giữa đường thì nàng trả lời:

- Bẩm quan, nó vay của con một số tiền là hai mươi quan, con tin ở nó quen biết không bắt làm giấy tờ gì cả, nào ngờ đến bây giờ nó trở mặt, đòi mấy cũng không chịu trả.

Thấy vợ Tình vu vạ, Lý chỉ cười nhạt. Hắn bẩm quan:

- Tôi xin đoan với quan lớn và mọi người ở đây rằng tôi chả hề quen thuộc gì người đàn bà này cả chứ đừng nói tới vay hay mượn làm chi!

Nghe nói thế vợ Tình mới kể cho quan biết sự tình: việc chồng mình thách hắn, âm mưu gian giảo của hắn đối với mình, cùng là nông nỗi mất gia tài sản nghiệp như thế nào. Cuối cùng nàng nói:

- Nếu nó không hề quen tôi, thì làm sao nó lại ăn nằm với tôi được chứ.

Tên lái buôn gian giảo điếng người vì câu nói hớ. Sau một cuộc khảo đả, âm mưu của hắn bị bại lộ. Quan xử cho Tình không những không mất tài sản mà còn được thêm tài sản của đối phương, đúng như lời giao ước. Hai vợ chồng nhờ đó lại đoàn tụ. Còn người đàn bà làm nghề bà mụ thì không những có tội làm cho gia đình người khác bị tan nát, mà còn làm trái với lương tâm của nghề nghiệp. Quan xử mụ tù chung thân là tội rất nặng đối với đàn bà để răn những kẻ khác[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes) sách đã dẫn, và theo lời kể của người miền Nam.

KHẢO DỊ

Truyện trên giống với truyện *Người vợ chung thủy* của Nga:

Nhi-cô-lai, con trai một người lái buôn giàu có, yêu cô con gái một người thợ rèn đã từng dắt nhau đi ăn mày, tên là Ma-sa. Để thực hiện việc kết hôn, Nhi-cô-lai bí mật làm cho cha con người yêu trở nên giàu sang: sắm cho một ngôi nhà lộng lẫy, với danh nghĩa bá tước, và học mọi cách sống của xã hội quý tộc.

Sau lễ cưới, bố Nhi-cô-lai chết. Người bạn của bố chàng là I-va-nốp rủ chàng đi buôn. Cũng như truyện của ta, trong thời gian xa nhà, I-va-nốp tìm mọi cách để đánh cuộc với Nhi-cô-lai: hẹn trong một tháng nếu hắn quyến rũ được Ma-sa thì Nhi-cô-lai sẽ mất hết tài sản cho hắn; nếu trái lại, hắn sẽ nộp gia tài cho Nhi-cô-lai. Vật làm chứng phải là chiếc nhẫn cưới của Ma-sa.

I-va-nốp quay về hết sức tán tỉnh Ma-sa nhưng không ăn thua. Mãi đến khi gần hết hạn, nhờ mưu một bà già ăn mày, hắn lọt được vào buồng Ma-sa ban đêm, lấy trộm chiếc nhẫn, và nhờ đó, hắn chiếm tất cả gia tài của Nhi-cô-lai. Tin là người yêu phụ bạc, anh chàng thất vọng bỏ đi làm thợ đắp lò cho các trại lính. Còn Ma-sa sau đó cải trang làm đàn ông đăng lính, và nhờ dũng cảm tài trí nên cuối cùng thăng võ quan, đứng đầu đạo quân ngự lâm, được nhà vua tin cậy. Khi biết tin chồng mình đang làm thợ đắp lò, Ma-sa ra lệnh cho Nhi-cô-lai được đổi về kinh, chuyển thành người lính hầu của mình, nhưng không hề hở cho chồng biết mình là Ma-sa.

Một hôm võ quan ngự lâm, tức Ma-sa đãi tiệc, mời các thân hào tới dự, trong đó có cả vua và I-va-nốp. Trong bữa tiệc, câu chuyện của Ma-sa dẫn tới chỗ buộc I-va-nốp phải kể lý do vì sao hắn chiếm được gia tài của Nhi-cô-lai. Khi hắn nói đến việc mình dụ dỗ được Ma-sa có chiếc nhẫn làm chứng, thì Ma-sa xin phép ra ngoài một lát. Nàng lén bỏ những đồ cải trang rồi ăn mặc trở lại phụ nữ, đoạn trở vào, dẫn cả Nhi-cô-lai đến trước mặt vua, vạch âm mưu gian xảo của I-va-nốp. Hắn cứng lưỡi, phải nộp toàn bộ tài sản của mình cho Nhi-cô-lai. Kết quả, Nhi-cô-lai được vua cho mang chức tước của vợ, còn I-va-nốp và mụ già hiểm độc thì đều bị trừng trị[1].

Một truyện khác *Hoắc sinh* do tác giả *Liêu trai chí dị* kể, cũng có tình tiết phần nào giống truyện của ta:

1. *Truyện dân gian Nga* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

Hoắc sinh và Nghiêm sinh lúc trẻ thân nhau, lớn lên dần dần ghét nhau. Một mụ láng giềng của Hoắc từng đỡ đẻ cho vợ Nghiêm vô tình nói riêng với vợ Hoắc rằng chỗ kín của vợ Nghiêm có hai cái bướu. Nghe tin ấy, Hoắc lập mưu, rình khi Nghiêm sắp đi qua, giả tảng nói với người quen : "Vợ Nghiêm có tình ý với ta". Người quen làm bộ không tin, Hoắc kể một câu chuyện bịa và nói đến hai cái bướu bí mật. Nghiêm đứng ngoài cửa nghe lỏm được câu chuyện, liền bỏ về nhà khảo tra vợ. Vợ không nhận, hắn đánh lại càng dữ. Vợ không chịu được, tự tử.

Nghe tin, Hoắc lấy làm hối nhưng cũng không dám nói thật với Nghiêm. Vợ Nghiêm hóa làm ma kêu khóc suốt đêm làm cho cả nhà không yên. Bống dưng Nghiêm chết, ma không khóc nữa. Vợ Hoắc mộng thấy một người đàn bà xõa tóc kêu gào đòi báo thù. Tinh dậy bị bệnh, được vài hôm thì chết. Hoắc cũng mộng thấy một người đàn bà chửi mắng mình và dùng ngón tay dí vào môi.

Tỉnh dậy, hắn thấy môi đau và sưng lên. Được ba ngày chỗ sưng nổi thành bướu; Hoắc không dám nói cười vì động mở mồm là đau.

Đồng bào Cham-pa có truyện *Trạng* (xem **Khảo dị** các truyện số **47** và số **80**, tập **II**) ở phần cuối có tình tiết giống truyện *Người đàn bà bị vu oan:*

Khôn-ai, con một quan đại thần, tìm cách làm cho Trạng bị tội. Muốn thế, hắn phải cố tạo chứng có để vu cho vợ Trạng là gái mất nết. Hắn bèn về làng Trạng mở hội nhiều ngày rồi cho tiền bà mụ đỡ đẻ hồi vợ Trạng mới lọt lòng để bà mụ cho biết một vài dấu vết trong người vợ Trạng. Đoạn hắn về triều phao tin là đã ăn nằm với vợ Trạng trong mấy ngày hội, để cho vua xử tử Trạng (vì vua đã hạ lệnh nếu Trạng lấy vợ đức hạnh kém thua công chúa, thì Trạng phải tội chết).

Ngày Trạng sắp bị Khôn-ai vâng lệnh vua đi chém, vợ Trạng mở một ngôi hàng nước ở con đường dẫn đến pháp trường. Khi Khôn-ai đi qua quán, vợ Trạng níu áo đòi nợ: -"Quan ăn chịu ở hàng tôi mấy lần chưa trả". Mọi người đến xem rất đông. Khôn-ai phân vua: - "Con này điên. Tao biết mày là ai mà mày đòi nợ. Tao chưa gặp mày lần nào cả". Vợ Trạng dù chứng có để chứng minh là mình bị hắn vu oan. Vua bèn lại cho phép Trạng chém đầu Khôn-ai, nhưng Trạng tha bổng cho hắn[1].

1. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I, đã dẫn.

110. TRA TẤN HÒN ĐÁ

Ngày xưa có hai vợ chồng một người nghèo, suốt năm đầu tắt mặt tối, ăn bữa sớm không biết có bữa chiều. Kỳ ấy năm hết Tết đến mà trong nhà không có lấy một bát gạo. Mãi về sau người chồng chạy hết các cửa nhà giàu, nói sùi bọt mép mới vay được ba công non. Mừng quá, chồng vội vã mang về để đến sáng mai là ngày ba mươi cho vợ kịp đi sắm Tết.

Sau khi mua hết số tiền, người vợ đội mủng lên đầu trở ra cổng chợ. Trên đường về phải lội qua một cái mương nước. Chẳng may cho bà ta, khi bước chân lên một hòn đá thì bị trượt chân ngã vật xuống nước. Bao nhiêu gạo, thịt, vàng, hương, v.v... trong mủng đều ngập vào bùn. Thấy số phận đen đủi, người đàn bà nọ không buồn nhặt nữa, ngồi xoài xuống bên vệ đường, khóc lóc rất thảm thiết.

Đang khóc, bỗng có một ông quan huyện đi hành hạt ngang qua đó. Thấy chuyện lạ, quan sai lính dừng võng, đòi người đàn bà tới hỏi vì sao mà khóc? Người đàn bà mếu máo kể lại tình cảnh của mình cùng việc xảy ra vừa rồi cho quan nghe và nói thêm:

- Thiếp không sợ chồng đánh mà chỉ thương thân thôi! Chẳng biết đến bao giờ thì vận đen mới thôi không ám ảnh nữa.

Quan huyện vốn có lòng thương người. Khi nghe những lời than thở, ông rất động lòng, bèn nghĩ ra một kế để giúp đỡ người đàn bà nọ ăn một cái Tết ngon lành. Ngồi trên võng, ông truyền lệnh:

- Cứ như lời mụ khai thì hòn đá kia là kẻ phạm tội. Dù nó là đá cũng không thể vượt được phép nước. Ta sẽ vì nhà mụ bắt nó bồi thường. Lính đâu ! Đưa bị cáo về công đường đối chất.

Thấy bọn lính hầu ngơ ngác, ông thét làm ngay.

Khi thấy đá ỳ không dậy, ông bảo trói lại và khiêng về huyện tra tấn cho được mới nghe.

Lại nói chuyện hôm ấy có nhiều người nghe tin quan huyện tra tấn hòn đá để đòi bồi thường gạo thịt, vàng, hương cho người đàn bà thì ai nấy không ngăn được tò mò, vội đổ xô tới huyện đường để xem một tý. Họ xúm đen đặc ở cổng huyện. Quan truyền cho lính đặt hai cái thúng ở cổng, dặn rằng ai bỏ vào đấy ba mươi đồng kẽm sẽ cho vào xem. Trong khi đó, ở phía công đường có mấy người đã được cắt sẵn việc tra tấn. Tiếng hỏi cung, tiếng quát nạt, tiếng roi vụt văng vẳng phát ra. Mọi người tranh nhau ném tiền để được vào cửa. Khi hai cái thúng đã đầy ắp tiền, quan bèn bảo bọn lính lệ nghỉ roi vọt, rồi ông đứng trước mọi người trỏ nguyên cáo bị cáo phân xử:

- Bản chức đứng trước một vụ án khá rắc rối. Theo như lời nguyên cáo cùng tất cả các chứng tá khai thì tội trạng bị cáo đã rành rành, không thể chối cãi vào đâu được, mặc dầu đến giờ nó vẫn chưa chịu cung xưng. Bản chức quyết bắt bị cáo phải bồi thường đầy đủ số thiệt hại. Thế nhưng, xét nó không có gì để thi hành bản án này. Tất cả mọi người đến đây đã vì thương hại bị cáo giúp mỗi người một ít. Vậy bản chức quyết định: số tiền trong thúng bất kể bao nhiêu đều giao cho nguyên cáo có quyền sử dụng. Còn bị cáo được phóng thích trở về chỗ cũ hay đi đâu mặc ý.

Tất cả mọi người biết là mắc mưu quan nhưng không một người nào tỏ vẻ tiếc của cả. Còn người đàn bà nọ sung sướng đưa tiền về nhà [1].

KHẢO DỊ

Truyện trên giống với truyện *Xử phiến đá* trong *Bao Công kỳ án* của Trung-quốc, nhưng ở đoạn kết, tình tiết của hai bên có khác nhau. Ở truyện Trung-quốc, nạn nhân là một em bé bán bánh rán, em đứng trên một hòn đá mải xem diễn trò mất cả tiền. Cũng như truyện của ta, Bao Công cũng truyền cho lính đưa hòn đá về công đường tra tấn. Dân chúng đổ xô tới xem thấy quan đánh đập hòn đá, bật cười lên. Bao Công làm mặt giận, sai lính đóng cổng lại, bảo người nào muốn ra phải nộp một đồng tiền vào một vại nước đặt sẵn ở cổng. Khi nhìn thấy có một đồng tiền nổi váng dầu, Bao Công thét lính bắt người có tiền lại, soát trong bọc có đủ số tiền mà em bé mất. Xem thêm ở truyện *Nguyễn Khoa Đăng* (số **111** dưới đây) cũng có tình tiết tra tấn hòn đá và việc tìm ra kẻ ăn trộm tiền của người hàng dầu.

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).

111. NGUYỄN KHOA ĐĂNG

Ngày xưa, có nội tán Nguyễn Khoa Đăng là người có tài xử đoán. Khi còn làm một chức quan nhỏ, ông đến trị nhậm hạt nào thường được mọi người mến phục, không chỉ vì tài xét xử mà còn vì lòng tốt của ông lúc nào cũng lo trừ hại cho dân.

Có lần, ông đến nhậm chức ở một huyện, một hôm có người dân làng kia bị kẻ thù oán, đêm đến lẻn ra đồng phá hết cả một ruộng dưa. Đau xót cho công lao vun trồng, dưa sắp được ăn chỉ trong một đêm bị héo rụng hết cả, người ấy bèn đến kêu khóc với ông, xin ông minh xét. Ông Đăng theo ngay người ấy về tận ruộng dưa khám nghiệm. Tất cả dấu vết để lại chứng tỏ kẻ gian đã dùng một cái thuổng xắn đứt ngọn dưa và dùng cán giầm nát hầu hết các gốc dưa. Nhưng hắn rất khôn ngoan, bao nhiêu dấu chân, hắn đều cố ý xóa sạch. Ông hỏi người trồng dưa:

- Anh có ngờ ai thù oán mình không?

Người ấy kể cho quan nghe tên mấy người ở xóm, lập tức ông sai chức dịch đi thu hồi tất cả các thuổng trong xóm lại, thuổng của nhà nào đều có ghi tên nhà ấy vào cán. Đoạn, ông khám từng cán thuổng một, nhặt riêng mấy cái khả nghi ra một nơi. Rồi ông sai người thè lưỡi liếm trên mấy cái cán thuổng đó. Quả nhiên có một cái, người ta nhận thấy có vị đắng. Ông sai lấy một gốc dưa đập giập vắt nước ra nếm thử thì chất đắng của dưa cùng với chất đắng trên cán thuổng là một. Ông nhìn lại tên ghi ở thuổng thì đúng là thuổng của một trong số mấy người mà nguyên cáo ngờ là có thù oán với mình.

Lập tức ông sai lính bắt người kia giải đến. Trước tang chứng và lý lẽ đanh thép của quan, hắn không còn chối vào đâu được, đành cúi đầu nhận tội. Ông bắt hắn phải đền hoa lợi ruộng dưa cho người kia và phạt thêm gấp hai lần để hắn chừa cái thói hại ngầm kẻ khác.

Một hôm khác, có một anh hàng dầu, gánh một gánh ra chợ bán. Trong khi đang bận đong dầu, có kẻ đã thừa dịp thò tay vào bị lấy trộm tiền. Đến khi anh hàng dầu biết thì tên ăn cắp đã chạy đi nơi khác. Anh ta nhó tới một người mù hồi nãy quanh quẩn bên gánh của mình, đuổi mấy cũng không đi, đoán chắc là kẻ cắp, bèn gửi gánh hàng cho người quen rồi đi tìm người mù lúc nãy. Nhưng khi gặp, người mù hết sức chối cãi, rằng mình mù thì còn biết tiền của để ở đâu mà lấy. Hai bên xô xát, tuần bắt giải quan.

Khi họ dắt nhau đến công đường, ông Đăng bắt hai bên khai rõ sự tình. Người mù khăng khăng từ chối không nhận. Ông Đăng hỏi:

- Anh có tiền giắt đi theo đấy không?

Trả lời:

- Có, nhưng đây là tiền tôi mang đi chợ, không phải của nó.

- Được cứ đưa ra đây, của ai rồi sẽ biết.

Khi người mù móc tiền ra, ông Đăng sai người múc đến một chậu nước, rồi bỏ tất cả số tiền vào chậu. Một chốc tự nhiên thấy trên mặt nước có váng dầu nổi lên. Nghe quan sai bưng chậu nước cho mọi người chứng kiến, người mù hết đường chối, đành chịu tội ngay.

Nhưng quan còn nói thêm:

- Khoan đã, chưa hết đâu. Tội ăn cắp mới là một. Nếu mày mù tịt thì làm sao biết được tiền người hàng dầu bỏ trong bị, cất trong thúng khảo mà lấy được! Đúng là mày giả mù. Lính đâu. Bắt nó nọc ra đánh cho rõ đau, kỳ bao giờ nó mở cả hai mắt ra hãy thôi.

Người mù trước còn chối lấy chối để, nhưng chỉ qua ba roi là hắn mở ngay hai mắt nhận tội, đúng như lời quan truyền bảo[1].

Một hôm khác, có một người lái buôn giấy đến trình quan rằng mình nghỉ trọ ở làng Hồ-xá bị trộm lấy mất cả một gánh giấy. Ông Đăng hỏi rõ nguồn cơn, sai người đi do thám mấy ngày liền không có kết quả, bèn thân hành đến làng Hồ-xá nghỉ cách cứu xét. Đến nơi, ông cho triệu tập dân chúng sở tại và mấy làng xung quanh lại và bảo:

1. Đoạn này theo lời kể của người Huế.

- Trên tỉnh vừa sức về bắt các xã thôn mỗi một người không kể nam phụ lão ấu phải làm ngay một tờ khai tên tuổi quê quán cho minh bạch.

Lệnh ban ra, mọi người đua nhau đi mua giấy. Vì thế giấy ở chợ lên giá vùn vụt.

Lại nói chuyện tên trộm trộm được gánh giấy nhưng chưa có nơi tiêu thụ còn giấu ở nhà. Nay nghe nói giá giấy lên cao bèn mang lẻn một số ra chợ bán. Hắn không ngờ người nhà của ông Đăng cũng đã rải đi các chợ để chờ hắn. Thế là bị bại lộ, tên trộm không những bị tội phải đền gánh giấy cho người lái buôn mà còn phải đền cho dân các làng mất tiền mua giấy kê khai tên tuổi.

Một lần khác, ông được đổi đi một hạt miền núi. Khi ông mới đến, người ta cho ông biết là hạt ấy nổi tiếng có nhiều trộm cướp nhà nghề. Các quan trước bó tay không thể nào trị nổi. Ông chỉ cười nhạt không nói gì, nhưng sau đó ngầm sai người thân tín đi dò la hành tung và quê quán từng tên một. Thế rồi, ông vẫn cứ tảng lờ như là không hay biết gì hết.

Một hôm nhân đi hành hạt qua một làng nọ, ông thấy có một hòn đá lớn ở bên vệ đường. Hỏi dân sở tại, họ đáp:

- Đây là ông Mốc, ngài thiêng lắm, ai cầu khẩn việc gì cũng đều được linh ứng.

Ông nghe nói liền họa theo:

- Phải thế thì ta tới cầu ngài giúp ta trừ yên cướp trộm để bớt hại cho dân chúng mới được!

Nói rồi một mình bước tới khấn vái, hồi lâu trở ra bảo mọi người rằng:

- Ngài bảo vài hôm nữa rước ngài về, ngài sẽ vạch mặt tất cả bọn gian phi trong toàn huyện.

Ít hôm sau, ông sai mấy người ban đêm bí mật đào hầm ở giữa sân công đường rồi cho người thân tín xuống nấp dưới đó. Tờ mờ sáng hôm sau, ông sai lính đi khiêng hòn đá về đặt lên trên hầm. Trước mặt mọi người đông đủ, ông dõng dạc hỏi đá:

- Ta nghe đồn thần đá rất thiêng, "hữu cầu tất ứng". Nay ta vâng mệnh hoàng đế đến đây trấn nhậm, nhưng hiện nay trong huyện hạt có nhiều trộm cướp nhiễu hại dân cư. Vậy ta mời thần về đây để mách hộ ta truy tầm kẻ phạm pháp. Nếu có công, ta sẽ tâu về triều đình phong tặng.

Đá không trả lời. Hỏi mãi, đá vẫn một mực làm thinh, ông nổi giận quát lớn:

- Hay là đá đồng lõa với kẻ phạm pháp. Lính đâu, hãy tra tấn nó cho đến lúc nó phải khai thực!

Bấy giờ, mọi người nghe tin đến xem đông như hội. Lệnh truyền ra, lính dùng roi đánh vào đá túi bụi, tự nhiên đá bật ra tiếng khóc, xin dừng tay lại để khai. Thế rồi, đá lần lượt khai và vạch tội từng tên một. Mỗi lần đá khai ra một tên nào, ông sai lại mục viết ngay trát, giao cho lính đã chực sẵn đi nã bắt lập tức. Cho đến suốt ngày hôm đó bắt được ba mươi tên cừ khôi. Khi giải cả một xốc về tra tấn, bọn trộm cướp nhìn nhau kinh ngạc, không ngờ lại có việc xảy ra như thế và bắt đúng tên như thế. Chúng cho là chỉ có thần đá linh thiêng mới biết một cách rành mạch tội trạng của mình, bèn không đợi khảo đả, thú nhận tất cả.

Trong thời kỳ làm nội tán, ông đã làm cho suốt một dọc truông nhà Hồ ở Quảng-trị không còn lấy một bóng gian phi. Trước đó, truông này là nơi rừng rậm, con đường Nam Bắc phải đi qua đây. Bọn gian phi đã dùng làm sào huyệt đón đường cướp của.

Nguyễn Khoa Đăng trước hết tìm cách lùng bắt trộm cướp. Ông sai chế ra một loại hòm gỗ kín có những lỗ thông khí, vừa một người ngồi lọt, có khóa trong, để người ngồi trong có thể mở tung ra được dễ dàng. Thế rồi, ông kén một số người giỏi võ, cho ngồi vào hòm có để sẵn vũ khí. Đoạn, ông sai quân sĩ của mình cải trang làm dân phu khiêng những hòm ấy qua truông nhà Hồ ra vẻ khiêng những hòm "của cải" nặng nề. Lại cho người đánh tiếng có một ông quan trấn ở ngoài Bắc sắp sửa trẩy về quê với những hòm tư trang quý giá sẽ đi qua truông. Bọn cướp đánh hơi thấy đây là một cơ hội kiếm ăn hiếm có, bèn rình lúc đoàn "dân phu" đi qua cửa truông, xông ra đánh đuổi, rồi hý hửng khiêng những cái hòm nặng ấy về tận sào huyệt.

Nhưng khi về đến nơi vừa đặt xuống thì những cái hòm tự nhiên mở toang, các võ sĩ ngồi trong đó cầm vũ khí xông ra đánh giết bọn cướp một cách bất ngờ. Đang lúc hoảng hốt chưa kịp đối phó, thì bọn chúng đã nghe tin phục binh của triều đình ở phía ngoài ùn ùn kéo vào đông như kiến cỏ. Chúng đành chắp tay xin tha tội. Nhờ mẹo đó, Nguyễn Khoa Đăng đã tóm được cả lũ[1].

Ông cho phiên chế thành đội ngũ đi khai khẩn đất hoang ở nơi biên giới, lập thành những đồn điền lớn rộng. Sau đó, ông còn cho chiêu dân lập ấp ở dọc hai bên truông, làm cho một vùng trước kia là nơi vắng vẻ, trở nên những làng xóm dân cư đông đúc: tiếng xay lúa giã gạo, tiếng gà gáy chó sủa lấn dần tiếng vượn hú chim kêu. Từ đó, một vùng núi rừng thành ra yên ổn. Bọn trộm cướp còn lại đành phải giải nghệ.

Bởi vậy, người ta có câu: "Truông nhà Hồ nội tán cấm nghiêm" là thế[2].

KHẢO DỊ

Người miền Bắc có truyện *Đồng Đắc*:

Đồng Đắc là người huyện Chí-linh, đậu tiến sĩ làm đến quận công. Thời kỳ làm tri huyện huyện Thanh-trì, có người đến cáo với ông là mình có con trâu bị người ta lén chặt đứt mất đuôi. Ông hỏi: - "Có nghi cho ai không?" - "Chỉ ngờ cho một người hàng xóm vì trước đây có chuyện hiệp hiềm", người ấy đáp. Ông dặn nhỏ: - "Thế thì hãy về lẳng lặng làm thịt trâu mà ăn, đừng trình làng, cũng đừng nói là quan bảo".

Được ba hôm, bỗng có người dân đến cáo giác với ông là làng ấy có người lén lút giết trâu ăn thịt. Quan sai giam giữ hắn lại tra tấn, thì đúng là thủ phạm chặt đuôi trâu.

Có hai người, Giáp và Ất, cùng tranh nhau một tấm lụa, đến kiện với ông. Ông khám thấy tấm lụa có dấu, hỏi, thì hai người đều khai dấu tích của tấm lụa giống nhau, khó mà biết được ai gian ai ngay. Sau đó, ông phán rọc đôi

1. Đoạn này theo *Hi Long di thặng*, trong tạp chí *Nam phong* (1929).
2. Theo *Đại-nam liệt truyện tiền biên*, quyển 5.

ra, chia cho mỗi người một nửa. Ất nhận lấy phần của mình ra về, còn Giáp thì ngần ngại chưa chịu nhận. Ông có có để sai người đuổi bắt Ất lại trả lụa cho Giáp.

Lại có một người mất một buồng chuối đến trình với ông, nói rằng tuy của không đáng là bao nhưng vì nhà nghèo, nhờ vào hoa quả để bán đong gạo. Ông lập tức về tận làng người ấy, ra lệnh cho dân xóm ai nấy phải đến đắp ngay một đoạn đường. Đắp được nửa buổi, ông cho tạm nghỉ, sai người mang trầu đi mời mỗi người một miếng. Thấy trong số đó có một người có bàn tay đen, ông sai đưa ra tra khảo. Người ấy thú nhận vì chứng có sờ sờ: đúng là mủ chuối còn dính chặt vào tay lúc đêm, chưa cọ sạch [1].

Về tình tiết cho người chui vào hòm rồi bất ngờ tung nắp hòm nhảy ra diệt kẻ địch, trong một truyền thuyết của người Mã-lai (Malaysia) cũng có hình ảnh tương tự:

Một ông vua Sa-he-en Na-u-i một hôm hỏi các tướng có ai dám đi đánh vua xứ Sa-mu-dra (hay Pa-sey) - một nước lân cận giàu mạnh không. Một viên tướng là A-u-i Dit-chu xin đi với bốn, năm ngàn quân và một trăm tàu. Viên tướng đánh tiếng nói với vua Sa-mu-dra rằng mình là sứ giả của vua Na-u-i tới yết kiến. Được mời đến cung, viên tướng sai làm bốn cái hòm, trong có bốn võ sĩ mở khóa từ phía trong. Lúc vào yết, cùng khiêng hòm vào, nói là lễ vật ra mắt. Kỳ thực vừa đến nơi, bốn võ sĩ trong hòm nhảy xổ ra bắt lấy vua địch đưa về[2].

Về tình tiết chặt đuôi trâu, trong *Bao Công kỳ án* cũng có một truyện *Cắt trộm lưỡi trâu* giống truyện của ta, chỉ khác ở chỗ một bên là đuôi, một bên là lưỡi.

1. Theo *Đông thanh tạp chí* (1933).

2. Theo *Truyền thuyết và truyện kể lịch sử ở bán đảo Ấn-độ* (Mã-lai) và sách *Xát-ja-ra ma-lay-du*, truyện VIII.

112. SỢI BẤC TÌM RA THỦ PHẠM

Ngày xưa có một tay phú thương tên là Phong. Hắn ta có mười chiếc mành lớn chở hàng hóa bán khắp trong Nam ngoài Bắc. Mỗi một chiếc mành đều có một người lái do một thủ hạ tin cẩn cai quản. Trong số các lái có một người tên là Ninh, vốn tính nhanh nhẩu được việc, nên được chủ rất tin cậy. Nhưng từ lâu, Ninh đã tằng tịu với vợ Phong mà Phong không hay. Hai người say mê nhau và điều ước muốn của họ là cuối cùng được công khai lấy nhau mới thỏa dạ.

Một hôm, vào ngày đầu năm, mười chiếc mành sắp sửa xuất phát. Theo lệ thường khi đến cửa sông, các mành buôn có ghé lại trước miếu Ông để làm lễ rồi mới ra khơi. Lần này, Phong theo các mành của mình đến miếu làm lễ, đãi các lái và thủy thủ ăn một bữa linh đình, rồi mới trở về nhà bằng đường bộ. Thấy chủ về một mình, lại về vào lúc khuya khoắt, Ninh lẻn theo đường tắt đón ở một bụi rậm xông ra đánh chết. Đoạn, hắn nhanh chân chạy về mành, vừa kịp lúc sắp sửa nhổ neo. Thế là mười chiếc mành dong buồm ra khơi, trừ tên sát nhân, không một ai biết rằng chủ mình đã bị giết, và cũng không một ai ngờ cho lái Ninh là thủ phạm.

*

* *

Án mạng đưa lên, quan địa phương phải chờ đến khi tất cả mọi người trên mười chiếc mành trở về, mới bắt đầu tra xét. Nhưng không có một chứng cớ gì để ngờ cho một người nào. Sau bao nhiêu ngày hỏi cung không tìm ra manh mối, quan địa phương đành phải đệ vụ án lên quan trên xét xử. Bọn quan tỉnh khi nhận được hồ sơ rất lấy làm bối rối. Những cuộc hỏi cung lại tiếp tục nhưng không có kết quả gì. Sau cùng, có một người trong đám ty thuộc, một hôm đến gặp quan tổng đốc xin hiến một mẹo nhỏ có thể tìm ra thủ phạm. Hắn ghé vào tai quan nói thầm mấy câu.

Lập tức quan sai bắt bọn lái và các thủy thủ đến miếu Ông. Quan bảo mọi người phải làm lễ và chầu chực ở miếu suốt đêm. Đến canh hai, quan cho gọi tất cả mọi người dậy và bắt mỗi người phải ngậm một đoạn bấc vào miệng, đồng thời mắt nhìn thẳng vào ngọn nến trên pho tượng thần. Quan nói:

- Thần ở miếu này rất thiêng. Thần đã chứng kiến cái ngày ông Phong bị giết và đã biết ai là thủ phạm. Ta đã khấn xin thần: bấc này ngậm vào, nếu là người ngay thì không việc gì cả, nếu là người gian thì nở dài ra hơn của những người khác.

Theo lệnh quan, mọi người ngồi im lặng như thế cho đến sáng rõ mặt người. Trước án thư, mỗi người lần lượt đưa bấc tới đo. Quả nhiên, trong đó có một sợi khác với các sợi khác, nhưng không nở dài ra mà chỉ ngắn đi. Sợi bấc ấy chính là của lái Ninh. Khi nghe quan bắt ngậm bấc, Ninh sinh ra bàng hoàng lo lắng. Ngậm được một chốc, hắn cảm thấy sợi bấc trong miệng dài ra thật. Cho nên lúc gần sáng, hắn đã cắn bớt đi một tý. Khi đo bấc, hắn có ngờ đâu, chính vì thế mà bấc của hắn khác với của mọi người. Biết là sa vào mẹo của quan, và cũng nghĩ rằng oan hồn đến ngày báo phục nên lái Ninh đành thú nhận tất cả. Người ta bắt hắn cùng với người đàn bà bất chính kia đền tội[1].

KHẢO DỊ

Người Ấn-độ có một truyện kể, có kết cấu gần giống truyện trên:

Một đội quân đến đóng tại một làng nọ. Bỗng trong quân xảy ra một vụ mất trộm ví và giấy tờ. Có bảy người bị tình nghi là thủ phạm. Viên sĩ quan bèn nhờ cụ già chuyên xử án trong làng tên là Đam-xát tìm hộ. Ông này gọi bảy người đến nhà lấy khẩu cung rồi cho về. Chập tối, ông cho mỗi người một chiếc đũa bảo đó là đũa thần đem gối ở đầu giường, dặn hễ sáng mai đũa của ai dài thêm ba phân thì biết đó là kẻ gian. Sáng hôm sau, Đam-xát đến từng nhà thu lại đũa và cuối cùng ông trỏ vào một người bảo là thủ phạm lấy trộm ví. Hắn thú nhận ngay. Thì ra đêm qua, hắn đã bẻ bớt đi ba phân, tin rằng đũa đã dài ra[2].

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. Theo báo *Cải tạo* (1948).

113. PHÂN XỬ TÀI TÌNH

Ngày xưa, có một ông quan huyện có tài xét xử. Trong dân gian có vụ nào rắc rối gay go nhất, ông đều có cách tìm ra manh mối và phân xử rất công bằng.

Một hôm, có hai người đàn bà dắt nhau đến công đường với một tấm vải. Trước mặt quan một người mếu máo thưa:

- Bẩm quan, sáng nay con mang một tấm vải đi chợ bán, bà này hỏi mua, con đưa ra cho bà ấy xem. Thế rồi tự dưng nó cướp không tấm vải bảo là của nó, nhất định không chịu trả lại cho con nữa. Thật là chuyện ngược đời! Xin quan đèn trời soi xét.

Quan nhìn sang người đàn bà thứ hai thì thấy bà này cũng rưng rưng nước mắt kể:

- Bẩm quan, chính nó mới là đồ ăn cắp. Tấm vải này là của con vừa dệt xong mang đi chợ. Con để nó trong cái thúng khảo thế mà vừa ngoảnh đi một lát nó dám thò tay vào lấy, chính con bắt được quả tang. Thế mà nó còn dám đặt điều để vu oan giá họa...

Quan ngắt lời hai người, mỗi bên phải cử ra một người ít nhất cũng đã chứng kiến vải của mình khi bị lấy mất. Nhưng cả hai đều không tìm ra được người làm chứng chỉ vì sự việc xảy ra ở một nơi vắng vẻ, lúc đó chưa có người qua lại. Quan lại gọi hai người lính lệ, bảo chúng tìm về tận nhà mỗi bên thử xem có phải đúng vải của họ dệt ra như lời khai hay không. Nhưng khi hai người lính trở về thuật lại thì quan rất lấy làm ngạc nhiên, vì cả hai đều có khung cửi như nhau, khổ vải bằng nhau và chính sáng sớm ngày xảy ra câu chuyện bên nào cũng mang một tấm vải đi chợ bán. Thật rắc rối làm sao! Quan cố nhìn vào thần sắc từng người để dò ý tứ. Nhưng quan chỉ thấy vẻ đau đớn vì mất của hiện trên nét mặt của cả hai người, không có gì khác hơn. Suy nghĩ một chốc, quan ôn tồn bảo họ:

- Cả hai mụ đều có lý cả. Biết làm sao bây giờ. Thôi ta phân xử cho thế này: giờ đem cắt tấm vải ra làm đôi, chia cho mỗi người một nửa. Thế là ổn. Hãy đi về mà làm ăn!

Nói xong, quan sai lính đo vải xé ngay giao cho mỗi người một nửa. Thấy thế, một bà bỗng ôm mặt khóc thút thít. Lập tức quan sai trả cả tấm cho người đàn bà ấy rồi thét lính trói người kia lại vì chỉ có chủ nhân thực sự của tấm vải mới đau xót bật ra tiếng khóc kia. Quả nhiên, sau một hồi tra khảo, người đàn bà kia đành cúi đầu nhận tội.

Một hôm khác, quan đi hành hạt qua một cái chợ. Bỗng nghe tiếng chửi rủa huyên náo, vội tiến lại xem có việc gì. Đến nơi, thấy một người đàn bà đang gân cổ lớn tiếng chửi kẻ đã bắt trộm con gà của mình. Hỏi người xung quanh thì họ cho biết là mụ ta chửi như thế đã được hai ngày, ai cũng lấy làm khó chịu. Quan vội sai người hầu bước tới dùng lời khuyên can:

- Này mụ kia, sao lắm lời thế?

- Của tôi, tôi xót - người đàn bà đáp - can gì đến chú.

Nói xong lại tiếp tục chửi. Quan bèn cho chức dịch đòi người đàn bà lại hỏi:

- Sao mụ ác khẩu thế! Một con gà phỏng có bao nhiêu mà mụ chửi rủa nặng lời?

Người đàn bà nói:

- Bẩm quan, con chăm chút bấy lâu mới được một ổ gà. Nay nó lấy mất cả gà lẫn trứng, không căm tức sao được! Quan hất hàm bảo bọn chức dịch:

- Ta ghét con mụ này ngoa ngoắt, độc mồm độc miệng làm cho xóm giềng điếc tai nhức óc đã hai ngày, không thể không trị tội được. Vậy cho đi rao trong xóm đòi tất cả mọi người ra đây. Cho mỗi người tát cho mụ một cái vào má cho rõ đau để trả nợ việc mụ xúc phạm đến sự yên tĩnh của hàng xóm.

Lệnh quan ban ra, mọi người không thể không tuân theo. Mặc dầu ai cũng ghét mụ ngoa ngoắt, người ta vẫn thấy thương con người đã mất gà lại bị đánh, cho nên ai cũng sẽ tay vả nhẹ mỗi người một cái vào má

cho xong. Chỉ có tên ăn trộm căm mụ đã gào đến tam đại nhà mình nên hắn cứ theo đúng lệnh quan, vả mụ một cái thật đau cho bõ tức.

Nhưng khi hắn vừa bước ra khỏi đám đông thì quan đã gọi giật lại, vạch đúng tội trạng và tâm lý của hắn. Hắn không thể chối cãi được, đánh thú nhận.

Một hôm khác, quan đi qua một ngôi chùa lớn, ghé vào vãn cảnh. Sư cụ trong chùa thấy quan, liền ra đón tiếp kính cẩn, mời vào phương trượng uống trà. Sư than thở với quan rằng mình có giữ cho chùa một số tiền lớn không may bị kẻ trộm trộm mất cả. Nhưng sư không biết ngờ cho một ai. Lại cũng không muốn trình quan, sợ làm khổ lây bọn đồ đệ. Nay sư có ý nhờ quan kín đáo xét hộ mình một tý.

Quan hỏi rõ sự tình vụ trộm trước sau rồi chỉ lên tượng phật bảo sư cụ:

- Đức Phật ngài thiêng lắm, sao hòa thượng không cầu người tìm giúp, chả hơn nhờ tôi ư? Đức Phật có phép làm cho kẻ gian cầm hạt thóc nảy mầm. Nếu hòa thượng muốn, tôi sẽ xin vì nhà chùa thử một phen.

Nói rồi bảo sư cụ biện lễ cúng Phật. Trong khi hòa thượng làm lễ, quan cho gọi tất cả sư vãi và những kẻ ăn người ở trong chùa ra để chạy đàn. Quan bảo mỗi người một tay cầm cành phan và tay kia cầm một nắm thóc, đã ngâm nước, rồi nói:

- Sư cụ có cho biết chùa ta trước đây có mất một số tiền mà không rõ ai là người lấy trộm. Ta chắc chỉ có người trong chùa lấy mà thôi. Ta nghe đúc Phất ngài rất thiêng. Bây giờ, mỗi người cầm một nắm thóc đã ngâm nước rồi vừa chạy vừa niệm Phật. Nếu đúng là kẻ gian, đúc Phật sẽ làm cho thóc trong tay nảy mầm. Như vậy gian ngay tỏ rõ, khỏi phải tra khảo phiền phức.

Cả đoàn người mới chạy được vài vòng thì quan đã thấy có một chú tiểu thỉnh thoảng lại hé tay cầm thóc ra xem. Liền đấy, quan sai mọi người dừng lại, bắt lấy chú tiểu, vì chỉ kẻ có tật mới giật mình, nên thỉnh thoảng lại nhìn trộm như thế.

Chú tiểu thấy vạch đúng lý, nhận tội[1].

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1929).

KHẢO DỊ

Một số sử sách chép những truyện trên cho là của Nguyễn Mại đời Lê và cho ông là viên quan xử kiện tài tình.

Trong truyện này, tình tiết hai người đàn bà kiện giành nhau tấm vải gần giống với một số truyện cổ tích Đông Tây.

Ở phương Tây phổ biến nhất là truyện *Vua Xa-lô-mông xử kiện*:

Có hai người đàn bà mang hai đứa trẻ: một sống một chết, đến nhờ vua Xa-lô-mông phân xử; người này đổ cho người kia là mẹ đứa con đã chết, tranh đứa con sống là con của mình. Vua cất tiếng truyền cho lính chặt đôi đứa trẻ còn sống chia cho mỗi người một nửa. Tức thời, một trong hai người đàn bà bỗng bật ra tiếng khóc. Thấy thế, vua xử cho người ấy đúng là mẹ của đứa trẻ còn sống, sai trả lại con và phạt tội người kia.

Người Khơ-me (Khmer) có hai truyện:

Truyện thứ nhất tương tự truyện *Vua Xa-lô-mông xử kiện*, nhưng kết cục có khác. Một người đàn bà bế con đi tắm ở sông về. Dọc đường, gặp một bà khác mang xác một đứa bé cùng trạc tuổi với con mình. Bà kia nói: - "Con bà giống con tôi quá. Bà làm ơn cho tôi ôm hôn cháu một tý". Thế rồi sau khi được bế, bà ta nhất định không chịu trả nữa. Việc đưa lên vua. Vua sai đặt đứa bé sống nằm ngửa ở giữa, hai bà ngồi hai bên, rồi ra lệnh cho ai giật được thì đứa bé về người ấy. Hai bà vội vàng giành nhau, cố cướp cho được đứa bé. Nhưng trong đó có một bà giằng xé dữ dội, không kể da thịt non nớt của nó. Trái lại, bà kia thì gượng nhẹ hơn. Vua đủ chứng có để thấy rõ ai là mẹ thật của đứa bé sống.

Thứ hai là truyện phân xử một chiếc ô: một người đi đường tay cầm một cái ô che nắng. Đi được một quãng, gặp một người thứ hai đi không, hắn cho che chung ô. Được một chốc, người kia xin cầm lấy ô. Đến chỗ rẽ, chủ ô đòi lại, thì người kia làm bộ ngạc nhiên nói ô này là của mình. Việc đưa lên quan, quan không xử được. Đưa lên vua, vua sai chẻ đôi chiếc ô cho mỗi người một nửa. Sau đó vua bí mật sai hai người hầu lẻn theo mỗi người về nhà để nghe ngóng. Người hầu thứ nhất đi về kể lại rằng: -"Lúc đến nhà, vợ hắn chạy ra hỏi: - Sao chỉ còn có một nửa ô thôi? Hắn khóc lóc kể lại chuyện bị cướp ô cho vợ nghe". Còn người hầu thứ hai về, kể: -"Khi về đến nhà vợ hắn hỏi: - Kìa sao lại nhặt được nửa cái ô ở đâu về thế? Hắn đáp: - Tao chơi cho họ một vố và tao đã thắng được nửa cái ô...".

Vua lập tức cho đòi hai người kia đến, kể tội, và bắt người thứ hai phải đền cho người thứ nhất cái ô mới[1].

Trong *Bao Công kỳ án* cũng có truyện *Cướp ô* giống với truyện Khơ-me, nhưng kết cục phân xử có những nét độc đáo:

Sau khi Bao Công hỏi dấu vết chiếc ô, cả hai người tranh giành ô đều nói, vì ô là vật nhỏ mọn nên không có dấu. Bao Công cũng sai chẻ đôi chiếc ô cho mỗi người một nửa, rồi cũng cho sai nha đi theo để dò la. Sai nha về báo lại: một người ra khỏi công đường chửi quan là hồ đồ. Bao Công sai gọi cả hai trở lại, kết cả hai vào tội chửi quan. Một người đáp: -"Con đâu dám, chính nó chửi đại nhân, có dân phố chứng kiến". Bao Công cho người đi điều tra, quả đúng như lời hắn nói. Lập tức ông căn vặn hắn như sau: -"Trong hai người, thế tất có một người oan ức. Ta đoán người nào bị oan thế nào cũng sẽ chửi ta. Nó bị oan nên oán trách ta, điều đó ta tha thứ. Còn mày là đứa che nhờ ô của nó rồi cướp giật, nay được nửa chiếc ô nên không oán thán gì". Tên kia cứng họng. Bao Công bắt hắn phải đền gấp đôi giá trị chiếc ô, và sai đánh bốn chục gậy vào mông.

Về tình tiết tát vào má người bị mất trộm, một truyện *Mẹ chồng đổ tội cho nàng dâu* có lẽ gốc từ Trung-quốc, cũng có đề tài tương tự, tuy kết cấu có khác:

Ở Thái-nguyên, có mẹ chồng và nàng dâu ở cùng một nhà, cả hai đều góa chồng. Trong khi nàng dâu giữ tiết, thì mẹ chồng lại lén lút đi lại với một người làng. Nàng dâu biết, tìm cách ngăn ngừa, bị mẹ chồng ghét, muốn đuổi khỏi nhà. Bèn lên quan vu cáo rằng nàng dâu đón trai về nhà. Quan hỏi tên, mẹ chồng bảo phải tra tấn mới biết được. Hỏi nàng dâu, nàng dâu chỉ đích danh người tình của mẹ chồng. Hỏi người này thì anh ta chối, nói vì mẹ chồng nàng dâu không ưa nhau nên kiếm điều nói xấu cho nhau. Đến khi bị tra tấn,

1. Theo *BSEI*, đã dẫn. Truyện này có người kể hơi khác: Một người có ô, nhân khát nước đặt ô trên bờ, xuống hồ uống. Trong khi đó có một người khác trộm lấy chiếc ô. Mất ô, người kia chạy đi tìm. Tìm thấy, hai bên tranh nhau, ai cũng nhận là ô của mình. Việc đưa đến Bồ-tát. Bồ-tát cũng xử như trên và sai hai người thơ lại đi theo về tận nhà, ghi lấy những điều nghe thấy. Người mất ô về đến nhà thì đứa con hỏi: -"Bố ơi sao chỉ còn có nửa chiếc ô?". Còn người kia về đến nhà thì đứa con hỏi -"Bố ơi, nửa chiếc ô ở đâu ra thế?". Bồ-tát đủ chứng cớ để bắt người sau đền ô cho người trước (Theo *Truyện dân gian Căm-pu-chia*, đã dẫn).

anh ta lại khai rằng mình đi lại với nàng dâu. Quan sai gông nàng dâu lại, nàng dâu kêu oan và kiện lên tỉnh. Lâu rồi vụ án còn treo lại đó.

Hồi ấy có ông tiến sĩ họ Tôn làm tri huyện huyện Lâm-tấn. Quan tỉnh giao vụ kiện cho quan huyện bảo phân xử. Đến lỵ sở, quan lấy khẩu cung rồi sai người đi kiếm gạch đá, dao phay để sẵn chỗ tra tấn. Hôm sau đòi nguyên cáo bị cáo đến đối chất so qua, rồi quan phán bảo: -"Không cần tra khảo cũng biết được ai ngay gian. Mẹ con nhà này vốn nhà tiết hạnh, chẳng qua mắc mưu tên này mới sinh chuyện. Nay ta cho phép mẹ con được trả thù đứa gian nhân, có gạch đá và dao đây, mẹ con muốn ném, muốn đâm, muốn chém như thế nào mặc ý, có ta đây chịu, đừng có lo gì cả!". Cả hai người đến chỗ đống gạch đá. Trong khi nàng dâu vì căm thù chứa chất nên lấy những hòn đá lớn mà ném, thì mẹ chồng lại nhặt những hòn đá nhỏ quăng nhẹ vào chân. Quan bảo mụ cầm dao mà đâm, tội vạ mình chịu, thì mụ từ chối.

Quan có đủ chứng có để kết thúc vụ án[1].

Người It-xra-en (Israel) có truyện *Ba anh em và thây người bố*:

Một người bố chết đi, để lại một con đẻ và hai con nuôi, trước khi chết trối trăng lại gia tài cho con đẻ. Vì không một ai nhận ra người nào là con đẻ, người nào là con nuôi, cho nên ba anh em tranh nhau đòi kiện lên quan, ai cũng tự cho mình là con đẻ. Quan cho treo thây người bố lên và giao cho mỗi người một mũi tên, bảo ai bắn đúng chỗ phạm nhất thì được. Người thứ nhất bắn vào giữa trán, người thứ hai bắn vào giữa tim, chỉ có người thứ ba khóc, không bắn. Quan có lý do để nhận ra người nào là con đẻ[2].

Về tình tiết xem hạt thóc nảy mầm, cổ tích thế giới cũng có những dị bản tương tự.

1. *Vua Xa-lô-mông và kẻ trộm ngỗng*: Một người đến thưa với vua Xa-lô-mông rằng y bị kẻ trộm bắt mất ngỗng, y đoán kẻ đó cũng chỉ là chỗ xóm giềng.

Vua cho gọi những người láng giềng của hắn đến thánh đường cầu nguyện. Giữa buổi lễ, vua nói: -"Một trong bọn chúng mày có đứa đã bắt trộm ngỗng, vì nay vào đây ta thấy còn có cái lông ngỗng trên đầu". Tự dưng có một người sờ tay lên đầu, vua nói to: -"Bắt tên kia, chính nó ăn trộm ngỗng".

Tên trộm nhận tội.

1. Theo Pô-luýt Của (Paulus Của). *Tiếp theo chuyện giải buồn.*
2. Theo Đinh Tú. *Cô gái đẹp lấy chồng rắn.*

2. Truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie): Một vụ trộm xảy ra ở một cửa hàng nọ, tên trộm chui qua lỗ tường còn có dấu vết. Vua Ít-ma-in hội dân làng lại bảo: -"Ta sẽ đến cầu ở lỗ tường, tên trộm không thể thoát". Sau buổi cầu, vua nói: -"Rất đơn giản, cái lỗ tường vừa nói với ta tên trộm có bụi ở khăn trùm đầu". Một người đứng trong góc bèn phủi bụi ở khăn. Vua chỉ mặt: -"Chính là nó!".

3. Truyện Ba-tư (Iran): Có một tên kẻ trộm lấy trộm bông trong một cửa hàng nọ và nó tự vạch tội bằng cách vuốt râu khi quan trấn thủ nói: -"Có bông dính ở râu tên trộm"[1].

1. Đều theo Bát-xê (Basset). *Nghìn lẻ một truyện cổ tích, truyện kể và truyền thuyết Á-rập*, quyển III.

114. NGƯỜI ĐÀN BÀ MẤT TÍCH

Vào đời nhà Lê, có một người đàn bà trẻ tuổi lấy chồng họ Mai. Một hôm nghe tin người chị ruột của mình đau nặng, nàng bèn nói với chồng để mình đi lại chăm sóc thuốc men vì nhà chị rất neo người.

Nhà người chị ở một làng cách đấy chừng ba dặm đường. Người đàn bà đi về không chừng, có hôm sáng đi tối về, có hôm ngủ lại đó sáng mới trở về. Như thế đã được ba lần. Lúc này, mùa màng rối rãi nên người chồng để cho vợ đi lại thăm nom chị tùy ý.

Bệnh tình người chị ngày một nguy kịch. Người đàn bà lại đi thăm, nhưng lần này người chồng thấy nàng có đi mà không có về. Cho rằng vợ mình phải ở lại trông nom chị, nên không ngờ vực gì cả. Nhưng suốt ngày thứ hai cho đến cả ngày thứ ba vẫn không thấy vợ trở về. Chồng lúc này mới sốt ruột, vội nhờ một người sang nhắn vợ bảo cố về sớm để thu xếp một món nợ.

Nhưng người ấy về cho biết rằng bên nhà người chị không thấy em sang và họ đang có ý trông đợi. Nghe nói thế, cả nhà họ Mai hoảng hốt, vội chia nhau đi tìm khắp mọi nơi. Nhưng suốt một tháng tìm tòi khắp cả từ chợ búa, bến đò, đến rừng rú mà chả thấy tăm hơi đâu cả. Người chồng đau xót đến cùng cực, cuối cùng đổ vạ cho nhà chị, một hôm đến gây sự, chửi nhau một trận, rồi phát đơn kiện lên quan.

Quan nhận đơn, đòi bị cáo đến hỏi cung. Người anh rể cứ sự thực khai rằng mình hoàn toàn không biết gì về việc mất tích của người em vợ. Tra hỏi cả đến thân thích xóm làng hai bên cũng không thấy hé ra một tia sáng nào. Hơn một năm, phủ đường một mặt cho thám tử đi dò la, mặt khác sức về các xã thôn truy tìm, vẫn không thấy một dấu vết gì có thể theo dõi được. Thế rồi sáu bảy lần khai ấn trôi qua, hồ sơ vụ án đành bỏ xó trong phủ đường. Hai viên quan mới thay nhau đến tiếp chân quan cũ cũng chịu không sao tìm ra manh mối.

*

* *

Về sau, một hôm có một ông quan họ Nhữ mới đổi đến. Quan tuy đã đỗ tiến sĩ nhưng trông mặt còn non trẻ, đến nỗi lúc đứng giữa đám nha lại tổng lý, chả một ai biết đó là người có chức vị cao. Khi xem lại những tập hồ sơ còn đọng, ông tỏ vẻ chú ý đến vụ án người đàn bà mất tích này. Nha lại bảo ông:

- Các quan trước cũng đã dùng đến bao nhiêu người để điều tra không phải chỉ trong một phủ, một tỉnh mà rộng sang các tỉnh lân cận, nhưng cuối cùng cũng đành bó tay. Họa có Bao Công tái sinh, án này mới sáng tỏ được.

Ông nói với họ:

- Không hiểu hồi ấy người ta có tra xét từ gần đến xa không, hay là chỉ nhằm vào xa mà nhãng bỏ gần? Tôi, tôi quyết định xét lại vụ này một chút!

Từ đó, viên quan trẻ tuổi suy nghĩ rất nhiều về cái án đó. Lần lượt ông cho đòi người anh rể, nhà chồng và một vài người làm chứng đến hỏi từ nét mặt, cách sống, lối ăn mặc của người mất tích. Người ta cho biết là nàng đẹp và đoan chính. Ông lại bảo họ vẽ phác cho mình một bản đồ về con đường đi từ nhà em sang nhà chị, lối chính, lối tắt như thế nào, qua những nhà ai, v.v... Khi thấy con đường tắt phải đi qua một cánh đồng vắng, ở đây có một ngôi chùa; muốn đi từ chùa đến xóm phải giập bã trầu mới tới, ông lẩm bẩm một mình: -"Có thể đầu mối nằm ở đây chăng?".

Ông liền bí mật cải trang làm một người lái buôn dạo qua đoạn đường đó một chuyến. Nhìn thấy ngôi chùa lớn, xung quanh chùa lại có cây cối rậm rạp, ông không ngăn được mối ngờ vực. Ông sai một ả kỹ nữ giả cách mang vàng hương đến chùa ấy lễ Phật. Bọn sư trẻ thấy có bóng dáng phụ nữ vào chùa, xông đến như mèo thấy mỡ. Ả ca kỹ liếc mắt đưa tình làm cho bọn chúng không thể giữ được bộ mặt từ bi đạo mạo.

Khi nắm đã khá đầy đủ tình tiết, quan bèn sáp quân trẩy đến chùa. Sư cụ ra đón tiếp rất lễ phép. Quan nói:

- Tôi nhân tiện đi hành hạt, nghe nói đây là một nơi linh ứng nên vội đến đây lễ Phật và xin cầu mộng, phiền nhà chùa cho nghỉ tạm một đêm.

Sáng sớm hôm sau quan dậy rất sớm. Các quân sĩ đã được lệnh sẵn, gươm giáo sáng lòa đứng vây bọc quanh chùa. Quan cho đòi tất cả sư ni và tất cả mọi kẻ ăn người ở trong chùa ra hỏi:

- Chùa chiền là một nơi tu hành nhân đức, thế mà tại sao đêm qua ta nằm mộng thấy một người đàn bà trẻ tuổi đến kêu van thảm thiết rồi kể hết sự tình với ta. Vậy nếu có kẻ nào phạm tội hãy mau mau tự thú sẽ có sự khoan hồng. Bằng không ta sẽ tra khảo, những đứa liên can nhất định sẽ làm án chém hết.

Nghe lời truyền phán dõng dạc, cả chùa đều xanh mắt. Cuối cùng bọn gian ác tin rằng "oan hồn hồn hiện"; không thể cưỡng lại được nữa, cả bọn liền quỳ xuống thú tội. Số là hôm ấy trời mới mờ sáng, nhân thấy có người đàn bà đi qua trước cổng chùa, ba tên ác tăng xổ ra bịt miệng đưa vào lùm cây thay phiên nhau hãm hiếp. Rồi sợ lộ chuyện, chúng bóp chết người đàn bà và chôn ở gần chùa, dần dần xây đá đè lên cho mất tích.

Quân lính được lệnh đào lên, quả tìm được hài cốt người bạc mệnh. Quan cho gọi thân nhân đến nhận về chôn cất. Bọn ác tăng bị điệu về phủ đường xét xử. Bọn sư trẻ "trốn việc quan đi ở chùa" đều bắt hoàn tục.

Khi tin ấy truyền ra, mọi người đều vui mừng hể hả. Nhà vua cho gọi họ Nhữ về triều phong làm thượng thư bộ Hình[1].

1. Theo lời kể của người Hưng-yên, Hà-đông và tạp chí *Nam phong* (1931).

115. TINH CON CHUỘT

Ngày xưa có một anh học trò, con một nhà phú hộ, được nuông chiều và chăm chút rất mực. Năm hai mươi tuổi, cha mẹ lấy vợ cho. Vợ chàng là một người có nhan sắc lại đoan chính. Hai người rất yêu nhau. Lấy vợ được nửa năm, chàng được lệnh cha mẹ bảo lên học với cụ nghè trên tỉnh. Chàng đưa theo một người lão bộc để lo cơm nước và hầu hạ. Vì đường sá cách trở, lại vì bài vở học tập ngày một nhiều, nên đã nửa năm, chàng chẳng có dịp nào về thăm vợ cả.

Một hôm, vào khoảng nửa đêm, người vợ đang ngủ bỗng tỉnh dậy, thấy chồng thình lình bước vào buồng. Nàng vừa mừng vừa ngạc nhiên, hỏi: -"Anh về lúc nào?". Đáp: -"Vừa về xong". -"Sao anh không thức thầy mẹ dậy chào hỏi trò chuyện rồi có ăn cơm để em đi thổi?".

Chồng khoát tay ngăn lại mà rằng:

- Chớ! Chớ! Ta nhớ nàng quá lắm. Từ lâu, muốn về, chỉ sợ thầy mẹ mắng chết. Hôm nay lẻn về đây một chút rồi đến gà gáy lại đi. Nàng chớ thức thầy mẹ dậy làm gì. Còn cơm thì ta đã ăn no ở chợ rồi.

Nói rồi tắt đèn lên giường. Vợ tin là thực, không căn vặn gì cả.

Đêm hôm sau, thấy chồng lại mò về, vợ không ngăn được mối nghi ngờ bèn gặng hỏi:

- Nơi anh học cách nhà đến hai ngày đường, sao anh lại về luôn được như thế?

Đáp:

- Ta vì nhớ nàng nên đã giấu thầy mẹ xin về học với cụ huấn Lê cách đây chừng mười dặm để tiện vài ngày về với nàng một lần. Nàng cứ giả cách coi như không biết gì, nhất thiết chớ hở cho ai hay.

Từ đó, chồng cứ vài ba ngày lại về một lần. Vợ vì yêu chồng nên rất kín tiếng. Vì thế trong nhà ngoài ngõ chả một ai biết cả. Cứ như thế

được nửa năm. Bố mẹ chồng thấy con dâu ngày một xanh xao vàng vọt, cho là vì nhớ chồng mà như thế nên một hôm viết thư bảo con trai xin phép về thăm nhà.

Thấy chồng về, vợ coi là chuyện rất thường. Trái lại chồng thì rất vồn vã, nhất là khi vào phòng riêng, chàng nói chuyện rất nhiều, kể lể nỗi niềm nhớ nhung mong mỏi ra làm sao; khi được phép thầy về thì vui sướng hồi hộp như thế nào, v.v... Không thấy vợ nói năng gì chồng tưởng là vợ giận nên lại cố dùng lời dịu ngọt mơn trớn vợ. Vợ vẫn cúi đầu nín lặng. Chồng quay ra làm mặt giận, nằm day vào vách. Bấy giờ vợ mới lên tiếng:

- Anh làm như anh cả đời mới về một lần. Đóng trò với thầy mẹ chứ có phải đóng trò với em đâu?

Đến lượt chồng ngạc nhiên, ngồi nhỏm dậy, hỏi dồn một hồi:

- Thế nào? Thế nào? Nói mau! Nói mau!

Vợ bắt đầu cho chồng biết mọi việc từ nửa năm lại đây và nói:

- Con người ở cổ có một nốt ruồi đỏ, hai tai xâu lỗ, và một cái sẹo giữa trán nếu không phải anh thì còn ai nữa.

Nghe nói, chồng biết là có sự lộn sòng, liền ôm đầu kêu khóc rất thảm thiết. Bố mẹ và người nhà chạy vào hỏi chuyện. Sau khi nghe chồng kể rõ sự tình, vợ mới biết là trong nửa năm nay đã ăn nằm với một người lạ đội lốt chồng mình. Lại đến lượt vợ ôm đầu kêu khóc và toan sự đập đầu vào cột. Tất cả mọi người phải xúm lại, hết lời khuyên can dỗ dành mới làm dịu được cơn sóng gió.

Sau đó mấy ngày, chồng lại cùng lão bộc lên trường, vợ đã thôi ý định tự tử, còn bố chồng thì xin mấy đạo bùa về dán ở nhà. Ông dặn con dâu hễ thấy có người vào, bất kể là ai, cứ nắm lấy kêu lên; cả bọn con hầu đầy tớ đã chực sẵn hễ nghe tiếng kêu sẽ từ bốn phía xông vào, kẻ gian dù có chạy đường trời cũng không thoát.

Mấy ngày yên lặng chả thấy có gì. Bỗng một đêm nọ nghe trong buồng có tiếng hô hoán, cả nhà nhanh chân chạy ùa vào thì thấy người vợ đang nắm lấy tóc một người, miệng kêu la không ngớt. Họ xông lại trói thủ phạm vào cột nhà và toan nện cho một trận nhưng khi ông bố nhìn kỹ vào mặt thì lạ thay, rõ ràng không phải là ai xa lạ mà từ đỉnh

đầu đến gót chân chính là đứa con yêu quý của ông. Đến nỗi bà mẹ khi thấy kẻ gian thì khóc òa lên và một hai bắt phải cởi trói ngay cho con mình.

Bấy giờ cả xóm đổ tới xem rất đông, không một ai làm sao mà phân biệt nổi. Nhiều người nói:

- Thôi rồi, ông lại bắt lầm lấy con ông rồi!

Mấy cụ già bảo:

- Chi bằng cho người cấp tốc đi gọi con trai trên tỉnh về đây, lúc ấy muốn đoán định ra sao hãy hay.

Đến ngày thứ hai, người con ở nhà trọ tiếp được tin, đi suốt đêm về đến nhà. Tất cả mọi người nhìn lại thì lạ lùng thay, "tuy hai mà một, tuy một mà hai". Họ giống nhau đến nỗi cuối cùng tất cả mọi người không biết ai là thực, ai là giả nữa.

Vì thế, họ đành phải trói cả hai lại, đưa lên trình huyện. Quan huyện chả biết làm sao mà phân xử, liền sai giải luôn lên tỉnh. Quan tỉnh sau mấy ngày tra khảo cũng không tìm ra được manh mối gì, mới đệ vụ án về cho vua.

Bấy giờ nhà vua đang trị vì là một tay xử kiện giỏi. Hoàng đế đã từng tìm ra được manh mối nhiều vụ án rất oái oăm. Khi thấy giải hai người đến trước sân rồng, trước hết, vua sai vệ sĩ lột hết áo quần của họ ra. Sau khi khám nghiệm, vua quan đều lấy làm kinh dị là không những nét mặt, hình dạng, ngay đến nốt đen, nốt đỏ, những chỗ hiểm trong người cũng đều giống nhau như rập khuôn vậy. Vua ngoảnh bảo các quan đại thần:

- Đích là trong này có một con ma. Nếu là người thì đâu có thể có sự giống nhau thần dị như thế.

Một viên quan tâu lên:

- Tôi nghe loài ma quỷ là vật vô hình, ánh sáng mặt trời có thể xuyên qua không để lại bóng. Xin bệ hạ cho đưa chúng nó ra giữa nắng xem đứa nào không có bóng là chính thị.

Lời tâu ấy được đem thi hành ngay nhưng không có kết quả, vì khi cả hai vừa bước ra ngoài trời, bóng của họ đã in rõ trên nền gạch.

Cuộc hỏi cung bắt đầu. Hai người được đưa ra hai nơi tra hỏi cặn kẽ từ cái tên cúng cơm đến những chuyện rất vụn vặt. Nhưng đọc lại hồ sơ thì vua lại càng ngạc nhiên thấy rằng cả hai bên khai đúng như nhau, không sai một ý. Nhà vua vò đầu suy nghĩ. Cả triều đình bó tay không tìm ra được một phương kế nào nữa. Cuối cùng, vua xa giá đến đền Phù-đổng đốt hương cầu thần giúp đỡ. Thần ứng đồng lên nói:

- Nó là một con chuột già sống lâu năm thành tinh, bây giờ lửa nước đồng sắt không làm hại được, bùa chú đối với nó cũng mất linh nghiệm. Chỉ có cách là lên thiên đình mượn Ngọc Hoàng thượng đế viên ngọc mắt mèo, đưa ra, nó sẽ hiện nguyên hình. Nhưng nay trên thiên đình bận nhiều việc khó lòng mượn được. Tôi sẽ vì bệ hạ thử ra tay một phen. Trước hết đem hai đạo bùa dán vào lưng để nó không thể trốn được.

Tự nhiên giữa không trung bay xuống hai đạo bùa rơi vào tay vua. Khi xa giá về cung, vua sai thị vệ dán ngay vào lưng hai người và bắt họ ngoảnh lưng vào nhau trước sân rồng. Tự nhiên thấy có một người cố sức dãy dụa nhưng dường như bị trói chặt không sao cựa nổi. Bỗng chốc mây kéo mù mịt rồi tiếp theo là tiếng sét nổ vang trời. Khi trời đã quang đãng lại, người ta thấy giữa sân chỉ còn có một người, bên cạnh đấy là một con chuột khổng lồ, lông lá xù xì có năm sắc, râu trắng như tuyết, nằm chết ngay đơ không động cựa.

Vụ án nhờ thế được tỏ rõ. Vua sai đốt xác con tinh thành than đem vứt xuống sông. Còn con dâu nhà phú hộ mãi đến hơn một năm mới trừ được hết độc[1].

KHẢO DỊ

Người Nghệ-an có truyện *Tại sao gọi chuột là ông cống?* là một dị bản của truyện trên:

Ngày xưa có một nhà nọ nuôi con chuột đực. Con chuột này sống ngoài một trăm năm, trở thành yêu, có nhiều phép biến hóa, có thể biến thành người được, nó lại thông thạo mọi việc trong nhà.

1. Theo *Thánh Tông di thảo.*

Sau đó, chủ nhà đỗ hương cống, đi làm quan xa lâu ngày không về. Cũng như truyện trên, ở đây chuột hóa thành người giống ông cống như tạc, hắn nói dối với người nhà rằng mình mới được phép vua về nhà nghỉ ít lâu. Vợ thấy chồng về thì vui mừng, hai bên ăn ở với nhau hơn một năm, sinh được một đứa con gái.

Một hôm, ông cống thật về, cả nhà đều ngạc nhiên, nhìn lại cả hai thì giống nhau như hai giọt nước; hỏi đến mọi việc từ khế tự cho đến của chìm của nổi, cả hai đều nói rành mạch, giống nhau không sai một tý gì.

Việc lên quan. Quan hỏi dân làng xem có ai biết được việc riêng của nhà ấy như thế nào thì cho khai ra. Có một người khai rằng: nhà ấy ba đời không nuôi mèo, chỉ nuôi một con chuột đực giữ nhà, những con chuột khác đều không dám đến cắn phá. Hỏi người nhà thì biết rằng gần đây không thấy con chuột ấy nữa, không biết nó đi đâu.

Quan bèn đoán rằng: trong hai ông cống này tất có một người do chuột hóa ra. Mới mời một thầy phù thủy nổi tiếng đến. Thầy bắt một tay quyết "linh miêu", lại đọc một đường chú "bổ thử". Lập tức ông cống giả cùng đứa con gái tự nhiên biến thành chuột, vỡ mật ra mà chết. Vụ rắc rối của nhà ấy nhờ thế được tỏ rõ. Ngày nay, người ta gọi chuột là "ông cống" chính là vì thế[1].

Người Nghệ-an còn có một truyện khác kể rằng:

---

1. Theo *Bản khai những truyện dân gian*. Còn theo Nguyễn Văn Ngọc thì sở dĩ người ta gọi chuột là "ông cống" vì những năm có khoa thi, chuột thường hay vào lục lọi các quyển thi, gặm nát hết cả, quan trường sợ bị tội nên phải kiêng cái tên "chuột" để nó khỏi vào quấy phá. Không biết gọi bằng tên gì họ bèn tặng cho nó học vị cử nhân, gọi tên là "ông Cống" (*Truyện cổ nước Nam*, tập II, đã dẫn). Theo truyện *Tống Trân - Cúc Hoa* thì khi Cúc Hoa bị bố là đình trưởng ép duyên, nàng có sai con hầu mang cỗ dâng mẹ chồng và trao cho bà tám nén vàng để lo ma chay khi chết. Hai đứa bất lương không đưa, chia nhau số vàng, nhưng sau đó bị đàn chuột lấy trộm vàng tha về cho Trạng. Trạng bèn phong chuột học vị hương cống:

...Trạng nguyên cầm lấy liền tay,
Vàng kia đích thực của rày vợ tao.
Chuột kia mày ở nơi nao?
Vàng kia tám nén đưa tao chớ chầy.
Ơn vua tao sống về đây
Phong chức cho mày hương cống chuột kia...

Có một con chuột ở trên núi, sống lâu năm thành yêu, thường hiện hình làm người, đi hiếp đàn bà. Trong làng có người học trò đi thi chưa về. Chuột bèn hóa thành anh học trò, mặt mũi, quần áo, lời ăn tiếng nói y hệt. Được năm ngày anh học trò thật trở về, ban đêm gọi cổng. Vợ anh ở trong nói vọng ra: -"Chồng ta đi thi không đỗ đã về đây rồi, không biết ai gọi gì ngoài ấy?". Anh học trò phá cổng vào. Anh học trò giả cũng chạy ra mắng: -"Tao đã về đây rồi không biết đứa nào dám mạo nhận". Hai bên đánh nhau. Việc đưa lên quan. Nhờ có một pháp sư cao tay lập đàn cáo với Trời. Trời cho một con "kim miêu" xuống, bắt yêu chuột hiện nguyên hình[1].

Cả mấy truyện trên đều cùng một chủ đề, dùng một con vật dưới dạng thần kỳ hóa làm hình tượng, và khá gần gũi với một truyện cổ tích của Trung-quốc *Năm con chuột làm náo loạn Đông-kinh, Bao Công bắt yêu (Ngũ thử náo Đông-kinh, Bao Công thu yêu truyện)*. Xem **Khảo dị** truyện số **140**, tập **IV**.

Về những truyện có đề tài xử án trong đó có con ma biến thành hình dạng người (chồng hoặc vợ) để ăn nằm với người, các dân tộc gần ta cũng có. Truyện của người Khơ-me (Khmer)*Thỏ làm quan tòa lừa ma*:

Một anh chàng vừa mới lấy vợ thì bị quan bắt đi lính theo vua đánh giặc. Anh buồn quá ra đi đến một cây đa ngồi lại khóc, khóc đoạn bỏ về, rồi sợ lệnh quan lại phải ra đi, cứ dùng dằng như thế đến mấy lần. Cuối cùng anh đành phải đi. Trên cây đa có con ma thấy vợ anh đẹp bèn hóa thành anh chàng đêm lại mò vào. Người đàn bà hỏi: -"Sao lại về?" -"Quan bảo ta không phải ra trận". Hai bên ăn ở với nhau được ít lâu thì cuộc chiến tranh kết thúc, người chồng thật trở về. Vợ kinh ngạc không biết trong hai người ai là chồng thật của mình. Hai người đàn ông tranh cãi. Việc đưa lên quan. Quan tòa bối rối tra hỏi người vợ, người vợ cũng không biết sao mà khai. Án đành xếp lại. Người chồng thật buồn quá bỏ đi lang thang gặp một con thỏ kể chuyện cho thỏ nghe -"Đừng lo, thỏ bảo, để tôi sẽ giúp". Bèn đến bảo quan tòa: -"Vụ án này chưa xong. Hãy lấy một cái lọ bảo ai chui vào được thì người ấy là chồng". Nghe quan phán thế, người chồng giả rất mừng: -"Ta sẽ thắng". Bèn thu mình chui vào lọ. Thỏ bảo nút chặt lọ lại vứt xuống sông và nói: -"Đó là ma, còn người thật thì không thể chui vào được". Rồi anh chàng dắt vợ về, còn thỏ thì lại lên rừng[2].

Người Lào cũng có một truyện như truyện vừa kể:

1. Theo *Bản khai của làng Vĩnh-an.*
2. Theo Mi-đăng (Midan). *Những truyện về quan tòa Thỏ, BSEI* (1933).

Một người kêu kiện với quan về một con ma (phi) hóa thành hình dạng giống người ấy, tranh mất vợ. Quan tòa phán rằng vợ sẽ về với người nào chui được vào một cái lỗ nhỏ (có người kể là cái ống tre). Trong khi chồng thật khóc lóc thì con ma vội vã hóa phép thu nhỏ lại chui vào. Quan có dủ bằng có để trả người vợ cho người chồng thật[1].

Cả hai truyện có lẽ xuất phát từ nguồn gốc một truyện của Ấn-độ:

Một người Bà-la-môn rất nghèo, phải bán xới kiếm ăn để mẹ và vợ ở nhà. Trong khi đó, một hung thần hóa thành hình dạng người chồng, làm bộ trở về nhà bảo hai người đàn bà rằng mình đã tìm được cách mưu sinh.

Mấy năm sau, người Bà-la-môn thật về. Việc rắc rối cũng xảy ra như các truyện trên và cuối cùng cũng đưa lên vua phân xử. Vua xử cho hung thần được kiện. Người Bà-la-môn thật thất vọng trở về. Qua một cánh đồng, thấy có bầy trẻ chăn bò đang đóng trò vua quan, người Bà-la-môn khóc lóc xin xét nỗi oan khổ. Đứa bé làm vua giả, sau khi được vua thật đồng ý cho xử vụ này, bèn đưa ra một cái hũ lớn bảo ai là chồng thật thì chui vào hũ. Trong khi người bà-la-môn khóc rống lên vì không thể nào chui vào được thì hung thần thu hình chui vào. Lập tức đứa bé bảo nút hũ lại, ném vào lửa[2].

Việt-nam còn có một truyện xử án, có những tình tiết tương tự với các truyện trên:

Làng Hoàng-đồng, châu Thoát-lãng (Lạng-sơn) có người đàn ông họ Quách cưới vợ ở một làng khác cách nửa ngày đường. Ngày cưới, cô dâu ngồi kiệu về. Đến nơi, mở kiệu, người ta thấy không phải là một mà là hai cô dâu giống nhau như tạc. Việc đưa lên quan. Quan sai chăng thừng cao quá đầu người, bảo ai nhảy qua được là vợ họ Quách. Một người nhảy được ngay. Quan sai bắt chém nhưng nó biến mất. Còn người kia không nhảy được đúng là cô dâu, quan cho về đoàn tụ với chồng[3].

Một truyện xử án của Trung-quốc thuộc loại *Bao Công kỳ án*, hình tượng dẫu khác nhưng chủ đề thì tương tự:

Ngày xưa ở Dương-châu có người học trò nghèo học giỏi là Lưu Chân. Một lần Lưu đi thi nhưng đến trường thì đã quá muộn. Chàng trọ lại ở chùa Khai-nguyên, hết sạch cả tiền, đành làm nghề viết thuê chữ thảo kiếm ăn. Vừa gặp thừa tướng họ Kim trọng tài Lưu, gọi vào phủ dạy con cháu. Nhân đó,

1. Theo Phi-nô (Finot). *Tìm hiểu về văn học Lào, BEFEO* (1917).
2. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Nghiên cứu về cổ tích truyền thuyết.*
3. Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tập những bài mới.*

Lưu được trông thấy con gái thừa tướng, trong lòng mê mẩn. Hồi ấy, ở đầm Bích-du có con cá chép sống được ngàn năm thành tinh, có phép biến hóa. Một hôm, cá biến thành người con gái, đi chơi xa, đến sáng không về kịp, vội hiện nguyên hình, nấp vào ao phủ thừa tướng. Cá đêm đêm phun hơi vào khóm mẫu đơn làm cho hoa mẫu đơn đẹp ra khác thường, khiến con gái con thừa tướng mê mẩn về hoa, ngày nào cũng ra đó ngắm nghía. Cá thấy Lưu Chân đẹp trai lại đang mê con gái thừa tướng, liền hóa làm con gái thừa tướng, tìm đến buồng Lưu ân ái.

Được ít lâu, cá rủ Lưu trốn về quê quán, sống như vợ chồng. Tuy thấy mất Lưu, cả nhà thừa tướng vẫn không để ý. Nhưng khóm mẫu đơn từ đó chết khô, tiểu thư sinh bệnh. Thừa tướng sai người nhà đến Dương-châu tìm mua một cây mẫu đơn đẹp đem về trồng. Người ấy tình cờ vào nhà Lưu. Thấy vợ Lưu, hắn ngạc nhiên ngỡ là tiểu thư, vội về báo cho thừa tướng biết. Thừa tướng sai thuộc lại đòi hai vợ chồng Lưu về kinh. Trông thấy cá, thừa tướng rất kinh ngạc vì giống con mình như đúc. Hỏi Lưu thì chàng thú thực là đã cùng tiểu thư dắt nhau đi trốn, nay xin chịu tội.

Thừa tướng nhờ Bao Công phân xử. Bao Công sai đưa hai người (cá và tiểu thư) vào đình, lấy kính chiếu ma soi vào. Một lát cá nhả ra một dám khí đen. Khí đen tan thì cả cá và tiểu thư đều biến mất. Bao Công nhờ Thành hoàng giúp. Thành hoàng lại nhờ Long quân đóng các cửa biển để tróc nã yêu quỷ. Cá bị đuổi dữ quá chạy vào Nam-hải. Bao Công sai yết bảng rao hễ ai biết yêu tinh cá vàng ở đâu sẽ thưởng năm nghìn quan.

Bấy giờ có ông lão họ Trịnh bình sinh hay giúp đỡ người, lại có thờ Quan Âm. Một đêm, mộng thấy Quan Âm nhờ mình sáng mai ra bờ sông đưa ra mắt Bao Công. Sáng dậy ra bến, chỉ thấy có một bà cụ già tay cầm giỏ tre. Vào đến phủ Bao Công, bà ta bắt cá trong giỏ ra tra hỏi. Cá kể sự thật và thú là giấu tiểu thư ở đầm Bích-du. Bao Công muốn đem cá mổ thịt nhưng bà ta nhận đưa đi "phát lạc", còn số tiền thưởng xin giao cho ông lão họ Trịnh[1].

Tìm được tiểu thư thì nàng đã gần chết. Khi chữa lành, Bao Công xin thừa tướng gả cho Lưu Chân làm vợ.

Trung-quốc còn có hai truyện tuy không phải thuộc truyện xử án, và tuy cấu trúc và hình tượng có khác nhưng đều cùng một chủ đề với truyện trên:

1. Dương Hùng mồ côi bố được cậu là phó tướng họ Chu trấn ở Hà-châu

1. Do truyện này về sau, để hình dung Phật Quan Âm, người ta thường vẽ một bà già cầm giỏ cá.

nuôi, Chu rất yêu chàng vì thông minh. Chu có con gái cùng trạc tuổi với Dương, tuy cho ăn ở chung, nhưng gia pháp rất nghiêm nên không xảy ra việc gì. Bỗng một hôm Dương dang dạo mát tự nhiên thấy cô gái họ Chu đi theo mình. Hai người từ đấy yêu nhau, hẹn hò tình tự luôn. Mụ quản gia rình biết, bèn báo với chủ. Họ Chu hỏi vợ, vợ nói: -"Con gái đêm nào mà chả đi ngủ với tôi". Họ Chu lấy làm khó hiểu, nhưng cũng kiếm cớ đuổi Dương ra khỏi cửa.

Lang thang khắp nơi, cuối cùng chàng phải ở nhờ một ngôi chùa ở Lan-châu. Một hôm, thấy có kiệu dừng ở cửa, nhìn ra mới biết là người yêu đến cùng với nhiều đồ đạc quý giá. Cô gái họ Chu nói mình đi với chú ruột mới được thăng chức thủ bị ở Lan-châu. Dương đến chào người chú yêu, người này đến đáp lễ. Khi thấy cháu ăn ở với Dương như vợ chồng thì ông chú kinh ngạc vì mình chưa nghe nói tới cưới hỏi bao giờ. Mấy ngày sau nhân có việc, ông chú về Hà-châu kể lại với người anh. Vợ chồng họ Chu nói: -"Con gái chúng tôi chưa bao giờ ra khỏi nhà". Cuối cùng họ cũng bàn nhau: nay đã có việc như thế thì con gái không khỏi mang tiếng, chi bằng gả quách cho Dương. Bèn làm theo lời bàn. Khi đưa dâu về thì một người hóa hai. Dương đang hoang mang thì một trong hai cô bước ra nói: -"Tôi là hồ ly, vì việc báo ân mà làm như thế, chàng đừng kinh sợ. Xưa người ông chàng đi săn, tôi bị một mũi tên tưởng chết, nhờ ông chàng bó cho rồi thả ra. Tôi muốn trả ơn mà chưa có dịp. Gần đây biết chàng yêu cô Chu mà không có cách gì. Tôi làm thế này để thay cho việc làm mối. Nay việc đã xong tôi đến chào chàng"[1].

2. Đời Tấn ở Ngô-hưng có một người có hai con. Một hôm, hai người con đi làm đồng, tự nhiên thấy người bố ở đâu đến đánh đập mình không có lý do, rồi đi. Họ nói với người mẹ. Mẹ trách bố, bố lấy làm lạ nói: -"Ta chưa hề ra đồng. Chắc đó là quỷ lấy hình dạng ta. Nếu nó đến nữa thì cho các con cứ giết đi vô tội vạ". Sáng mai, hai con lại đi làm đồng, gậy gộc cầm tay. Hôm ấy họ về chậm. Không thấy con về, người bố đi đón, con tưởng quỷ bèn giết chết, rồi chôn ngay tại chỗ. Quỷ thấy vậy bèn hóa thành bố về nói với mẹ: -"Thế là ổn, bọn chúng đã giết chết con quỷ". Tối lại, hai đứa con về, cả nhà chuyện trò vui mừng như đạt một thắng lợi.

Vài năm sau, có một pháp sư đi qua ghé vào nói với hai người con: -"Gia đình các anh đang có tai họa". Con về kể lại với bố. Bố thét lên: -"Giết chết nó đi!".

1. Theo *Tân tề hài,* quyển 6.

Hai người bảo pháp sư đi ngay kẻo có sự chẳng lành xảy ra. Nhưng pháp sư không đi mà tốc thẳng vào nhà đọc bài chú. Tự nhiên người bố biến thành một con chồn già nấp dưới giường. Hai người con biết lần trước mình đã giết lầm mất bố. Bèn cải táng bắt đầu làm ma[1].

Người Huế cũng có truyện *Tinh con chuột* nhưng có nội dung khác hẳn truyện *Tinh con chuột* trên kia. Đại khái có một người đàn bà góa chồng nghèo khổ. Một hôm, chị gặp một người đàn ông, ăn ở với nhau như vợ chồng.

Nhờ có người chồng hàng ngày mang thức ăn về nên cuộc sống có phần dễ chịu hơn trước. Nhưng dần dần, xóm giềng nhận thấy thức ăn của mình hay bị mất trộm. Họ rình đánh kẻ gian. Và khi ông lão, chồng người đàn bà, ngã xuống, thì hiện nguyên hình là một con chuột lớn.

Xem thêm truyện *Hà Ô Lôi* (số **116**) sau đây, và truyện *Người học trò với ba con quỷ* (số **131**).

Một phật thoại, *Lô Chí trưởng giả*, có mục đích giáo dục tín đồ, cũng có hình tượng một vị thần hóa thành người, giống với một vị trưởng giả như đúc, gây rắc rối từ gia đình cho đến vua quan:

Ngày xưa ở nước Xá-vệ, có một trưởng giả tên là Lô Chí nổi tiếng giàu có, nhưng cũng nổi tiếng keo kiệt. Một hôm nhà vua mở hội, mọi người đua nhau ăn uống, đãi khách, vui chơi theo tục lệ. Lô Chí cũng bỏ ra một số tiền mua thức ăn ngon nhưng sợ phải đãi khách, nên mang đi một nơi thật xa ăn uống một mình; ăn rồi rượu say hát múa một mình, tự cho là sướng hơn Đế Thích. Thần Đế Thích hôm ấy đi qua thấy vậy, mới định tâm cho y một bài học. Bèn nhân khi Lô Chí thật còn vui say ở xa nhà, hóa thân thành một Lô Chí khác, rồi đi về nhà Lô Chí, gọi vợ con xóm giềng Lô Chí lại phán rằng trước đây mình bị một con ma "keo kiệt" ám ảnh nên sinh xấu nết, bỏn sẻn với mọi người. Nay mình đã học được phép đuổi quỷ, nên đã đuổi được nó đi rồi. Đoạn sai người nhà dọn tiệc mời họ hàng thân thích ăn uống linh đình, và mở kho lấy tiền của ra phát cho mọi người. Trong khi thiên hạ vây quanh đông đúc để nhận phân phát, thì Lô Chí thật tỉnh rượu trở về. Thấy có một người giống mình ngồi giữa mẹ và vợ con, Lô Chí hầm hầm nổi giận, nhưng Đế Thích (Lô Chí giả) vội chỉ cho người nhà biết đó là con ma "keo kiệt" bảo đóng cửa không cho vào. Cuối cùng, hai bên tranh cãi kịch liệt, mọi người không hiểu thế nào cả. Họ đưa nhau lên vua. Vua không xử. Sau đưa đến Phật. Đế Thích bấy giờ mới hiện nguyên hình và trả lại của cho Lô Chí[2].

1. Theo *Sưu thần ký*.

2. *Theo Đuốc tuệ* (1936) và Sa-van-nơ (Chavane). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung-quốc*.

VII

TRUYỆN THẦN TIÊN MA QUỶ VÀ PHÙ PHÉP

116. HÀ Ô LÔI

Vào thời nhà Trần, ở làng Ma-la gần thành Thăng-long có Đặng Sĩ Dinh tuổi còn trẻ mà đã làm quan to. Ông ta có một người vợ rất đẹp. Hai vợ chồng yêu nhau rất mực. Nhưng một hôm, nhà vua sai ông đi sứ Trung-quốc. Không thể từ chối, ông đành trở về từ biệt vợ lên đường.

Bấy giờ có thần thành hoàng làng Ma-la, thừa dịp ông đi sứ vắng bèn hóa phép biến thành Đặng Sĩ Dinh. Đêm khuya đến gọi cửa. Vũ thị không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy chồng về, bèn hỏi:

- Chàng bảo đi sứ sao lại còn trở về như vậy?

Thần ta kiếm cách nói dối rằng:

- Vua đã sai người khác đi thay ta rồi. Thế nhưng vua lại bắt ta ở luôn bên cạnh để hầu cờ không cho về. Mà ta thì nhớ nàng quá, cho nên chờ khi vua ngủ say, lẻn về ân ái một lúc rồi phải vội vào ngay không dám để vua biết.

Nghe nói, Vũ thị lòng vẫn chưa tin là thực, nhưng hình dạng, cử chỉ và cách ăn nói thì không thể ngờ vào đâu được. Từ hôm ấy, cứ đêm

đêm thần Ma-la lại đội lốt Đặng Sĩ Dinh tới. Và nàng vẫn tự nhiên, coi hắn là chồng cùng chung chăn gối.

Được hơn một năm, Đặng Sĩ Dinh đi sứ về. Ông rất buồn bực khi thấy người vợ yêu của mình có thai sắp đến ngày đẻ. Nhưng khi tra hỏi, Vũ thị cứ sự thực trả lời. Không biết nên giải quyết thế nào, ông đành làm tờ "trạng" tâu vua. Lập tức, vua sai bắt Vũ thị hạ ngục để tra khảo cho ra thủ phạm. Nhưng đêm ấy, vua nằm chiêm bao thấy một hung thần đến yết kiến mình; hắn dọa: -"Tôi là thành hoàng làng Ma-la, tôi có đứa con bị Đặng Sĩ Dinh bắt mất. Vậy bệ hạ bảo hắn phải trả con cho tôi. Nếu không, tôi quyết không để cho mọi người yên thân đâu".

Tỉnh dậy, vua rất kinh ngạc và lo lắng, cuối cùng vua cho đòi Dinh đến kể cho nghe giấc mộng đêm qua và phán:

- Thôi! Vợ vẫn là vợ ngươi, nhưng con thì của thần Ma-la.

*

* *

Ba ngày sau đó, Vũ thị sinh ra một cái bọc, trong có một đứa con trai, tay chân mặt mũi như mọi đứa bé thường, chỉ có khác một điều là da đen như mực. Càng lớn lên, da hắn càng đen và nháng như mỡ. Vua bảo đặt tên cho là Ô Lôi. Vì không biết họ của thần là gì nên vua đặt là họ Hà. Năm Hà Ô Lôi mười lăm tuổi vua đưa vào cung để sai bảo, coi như môn khách, đối đãi có phần đặc biệt.

Một hôm, Ô Lôi đi chơi về phía cửa Đông gặp một cụ già ngồi ở gốc cây. Hắn đang bước lững thững thì bỗng ông cụ gọi giật lại:

- Thằng bé kia, con có muốn gì không?

Ô Lôi ngạc nhiên:

- Cụ là ai?

- Ta là Lã Đồng Tân đây - ông cụ đáp - Nếu con muốn gì ta sẽ làm cho con được như ý.

Ô Lôi vội sụp lạy:

- Con xấu xí quá chả ai thèm chơi với con. Con chỉ muốn làm sao có khuôn mặt xinh đẹp, có giọng hát hay để mọi người yêu mình mà thôi.

Ông tiên bảo:

- Tưởng gì chứ muốn cái ấy cũng không khó. Nhưng con nên nhớ: ước muốn đó có hay mà cũng có dở; nó sẽ làm hại con.

Thấy hắn khăng khăng chỉ ước muốn có mối một việc ấy, ông tiên bèn bảo hắn há miệng ra rồi nhổ vào một bãi nước bọt bảo nuốt đi. Đoạn ông biến mất.

Từ đó Ô Lôi trở nên xinh trai và thông minh một cách lạ thường. Tuy không biết chữ, hắn cũng làm được thơ vè rất hay; nói năng rất có duyên và bặt thiệp. Đến giọng hát thì thật là tuyệt. Ai cũng thích nghe hắn hát hoặc kể chuyện, hình như bị một sức quyến rũ. Nhất là đám đàn bà con gái thì lại càng mê mẩn. Họ cứ ao ước được xem mặt Ô Lôi mới thỏa. Nhân đó, hắn mới giở thói cợt ghẹo, dụ dỗ cho thỏa tình dục. Thấy hắn có tài, vua lại càng yêu chiều.

*

* *

Bấy giờ trong hàng tôn thất có nàng quận chúa tên là A Kim, có hiệu là Kim Liên. Đúng với tên gọi, nàng mơn mởn như một đóa sen vàng; cái nhan sắc nghiêng thành nghiêng nước ấy tưởng trên trời không ai bì kịp. Chẳng may năm hai mươi ba tuổi chồng chết, nàng theo lễ thủ tiết thề trọn đời không bước đi bước nữa. Vua từ lâu vốn có bụng muốn chung tình với nàng nhưng tuy oai quyền là thế mà vẫn không thể nào gần gũi được, vì nàng rất đứng đắn.

Một hôm vua bảo nhỏ Ô Lôi: -"Mày có cách gì cho ta chung tình với nàng Kim Liên thì ta sẽ trọng thưởng và biết ơn".

Ô Lôi nghĩ quận chúa là bậc bề trên, lọt vào phủ của quận chúa không khéo có thể mất mạng, huống gì định thả lời ong bướm. Nhưng muốn đẹp lòng vua, hắn nói: -"Thần xin hẹn trong một năm; nếu bệ hạ không thấy về, ấy là thần đã chết mà mưu không thành vậy!".

Tâu xong, hắn lạy tạ ra đi.

Rồi đó, Ô Lôi cải trang làm một kẻ chăn ngựa bẩn thỉu, đóng khố, quẩy một đôi sọt tìm về phủ đệ quận chúa A Kim. Hắn biếu người gác cổng một gói trầu để xin vào cắt cỏ. Đám vườn trước nhà quận chúa

trồng toàn cây nhài để cho chủ thưởng ngoạn. Buổi ấy vào khoảng tháng Năm, hoa nhài đang hội nở, mùi thơm ngào ngạt. Hắn dùng liềm cắt tất cả hoa bỏ vào sọt. Một người nữ tỳ thấy vậy bèn hô hoán lên cho người nhà ra bắt Ô Lôi. Ô Lôi làm bộ sợ hãi:

- Tôi là kẻ không cha không mẹ, không có chủ, thường đi lang thang làm thuê gánh mướn kiếm ăn. Vừa rồi có ông quan buộc ngựa ở cửa Nam cho tôi năm tiền bảo cắt gánh cỏ. Tôi bụng đói được tiền, mừng quá vào đây, không biết loại cây này quý, tưởng cũng là cỏ nên cắt tất cả. Nay không có gì bồi thường tôi xin làm tôi tớ để đền nợ hoa.

Nghe nói, bọn chúng cũng thương hại, nhưng đoán hắn có chủ nên bắt giữ lại ở cổng hòng chờ đợi chủ tới kiếm, bắt chuộc. Từ đó Ô Lôi thường hát cho bọn chúng nghe. Thấy hắn hát hay quá, bọn chúng đem cơm cho ăn, có khi mê mẩn quên mất cả công việc của chủ.

Một hôm, trời vừa xẩm tối, quận chúa ngồi mò trong nhà. Nàng gọi một thôi một hồi mà không có một thị tỳ nào lên thắp đèn cả. Nàng lấy làm lạ bước xuống giường, vừa đi rảo các buồng vừa gọi. Mãi mới thấy bọn chúng kéo nhau về. Nàng quát mắng toan sai nọc xuống đánh; chúng sụp lạy kêu rằng: -"Có đứa cắt cỏ hát hay quá, chúng tôi mải nghe, đành cam chịu lỗi".

Cuối cùng nàng cũng tha cho bọn chúng mà nói:

- Lần sau nếu còn thế nữa thì quyết trị tội không tha.

Một đêm nọ trời oi bức, quận chúa cùng các thị tỳ ngồi ngoài sân hóng gió trông trăng. Bỗng từ bên kia bức tường, tiếng hát của Ô Lôi văng vẳng đưa sang. Quả là tiếng hát tuyệt vời làm cho quận chúa phải bồi hồi ngơ ngẩn. Nàng hỏi:

- Đứa nào hát thế?

Bọn thị tỳ đáp:

- Bẩm, đó là đứa cắt cỏ hôm nọ.

- Gọi nó vào ta xem.

Khi thấy mặt Ô Lôi, quận chúa bỗng có thiện cảm. Thế là từ đó Ô Lôi được làm chân nô bộc, ngày ngày hầu hạ trà nước khi có khách

khứa, và hát để mua vui cho cả chủ lẫn khách. Hắn nhanh nhẩu được việc nên càng đẹp lòng chủ. Dần dần ngày một ngày hai, quận chúa đâm ra say mê, rồi cùng hắn dan díu. Nàng toan tậu ruộng làm nhà cho hắn, nhưng hắn không lấy gì cả, chỉ xin cái mũ tiến triều làm kỷ niệm. Cái mũ ấy trên có dát vàng và đính ngọc vốn của Tiên đế ban cho nàng để những ngày triều hạ, ngày Tết thì đội vào chầu thiên tử. Nhưng trong cơn say đắm, nàng vui lòng tặng hắn không tiếc gì cả.

Khi được mũ, Ô Lôi trốn thẳng một mạch về cung. Nghe hắn kể chuyện, vua mừng lắm, bèn hạ lệnh đòi quận chúa vào chầu. Khi Kim Liên đến đã thấy Ô Lôi đội mũ ngọc đứng bên cạnh vua. Vua hỏi nàng:

- Nhà ngươi có quen người này chăng?

Quận chúa đỏ mặt nín lặng.

*

* *

Từ đó, Ô Lôi được vua nuông chiều một cách lạ lùng; hắn muốn gì được nấy. Vua ra lệnh cho mọi người biết: Nếu Ô Lôi tư thông với con gái nhà ai mà bắt được giải đến, vua sẽ tạ một nghìn quan tiền. Trái lại, nếu ai tự tiện giết hay làm hắn bị thương thì phải bồi thường một vạn quan. Thiên hạ vì sợ lệnh vua, không ai dám làm gì hắn. Ô Lôi được thể lại càng quá tay; hắn tìm thú vui với con gái các nhà vương hầu.

Một hôm, hắn dan díu với cô con gái Minh Uy vương. Hắn thường lẻn vào phủ để gặp nàng. Minh Uy vương là cha hoàng hậu quyền thế nghiêng trời. Một hôm, vào lúc xẩm tối, ông ta đang ngồi trên lầu, nhác thấy bóng một người lạ lọt vào cổng vườn. Sinh nghi, ông gọi bọn gia nô lưu ý rình bắt. Quả nhiên cuối cùng họ tóm được hắn trong buồng cô con gái yêu. Minh Uy vương lòng giận bừng bừng, nhưng nhớ tới lệnh vua ông cũng ngại không dám giết hắn ngay. Sáng hôm sau, ông ta vào chầu vua, tâu rằng:

- Đêm qua Ô Lôi vào nhà thần. Vì tối tăm không biết là ai nên người nhà đã lỡ tay trót đánh chết. Vậy số tiền đền bao nhiêu, thần xin nộp?

Vua ngỡ là hắn đã chết rồi, lại nể mặt Minh Uy vương, bèn đáp:

- Thôi, đương đêm không biết là ai, đã trót giết rồi thì không phải đền nữa.

Thế là ông ta trở về nhà sai gia nô thân tín dùng gậy đánh Ô Lôi cho kỳ chết. Nhưng không ngờ đánh mấy hắn vẫn trơ trơ, không bị một thương tích nào. Mãi sau, ông sai bỏ vào cối giã mới chết[1].

Cũng do truyện này, đời sau khi cô dâu mới về nhà chồng người ta có tục bắt bước qua cối giã gạo, có mục đích xua đuổi những con quỷ sắc dục như Ô Lôi đi theo quấy nhiễu.

1. Theo *Lĩnh-nam chích quái*, đã dẫn.

117. MIẾNG TRẦU KỲ DIỆU

Ngày xưa, có một anh học trò tầm thường tên là Hồ Sinh. Gia tư của hắn cũng không lấy gì làm thiếu thốn, nhưng ngày đêm, hắn chỉ những mong muốn một chút danh phận. Vì thế, khi nghe nói ở huyện có khuyết chân thơ lại là hắn vội bán ruộng cố đi lo lót cho được. Sau mấy phen chạy vạy không xong, hắn sực nhớ đến một người bạn học cũ có người thân quen biết với cụ Thượng, bèn tìm đến nhờ vả.

Người bạn của Hồ Sinh khi nghe hắn bày tỏ ý mình vội bảo:

- Người ta có câu "Con trong lừ rưng rưng nước mắt, con ngoài lừ ngút ngoắt muốn vô". Sao bác không giữ ruộng lại để cày cấy làm ăn, có hơn là phải quỵ lụy để mua mấy cái lo vào người cho khổ?

Nhưng sau mấy lần khuyên dỗ, vẫn thấy nét mặt bạn quả quyết quá, mới giới thiệu hắn với một người bạn khác của mình, và nói:

- Người quen của tôi chả có thế lực gì đâu. Sẵn có quen một nhà đạo sĩ trên núi Ba-vì, ông ấy quen biết rất nhiều vị quyền cao chức trọng có thể hơn cả cụ Thượng nữa. Ông ấy có cách làm cho bác nên công danh. Để tôi viết mấy chữ, ông ấy sẽ vì tôi mà giúp bác hết sức.

Hồ Sinh cầm thư của bạn tìm đường lên núi Ba-vì. Hắn hỏi thăm mãi, quả đến một cái hang, cửa hang có một phiến đá lớn lấp kín. Theo lời dặn, hắn kêu to: -"Có phải đây là hang đạo sĩ không? Nếu phải xin mở cửa cho vào". Tự nhiên hòn đá xoay ra mở một lối cho hắn vào. Phía trong rất im lặng nhưng sáng sủa. Hắn bước quá chừng chục bước đã thấy vị đạo sĩ đang nằm trên một cái chõng, miệng nhai trầu, mắt lim dim nghỉ ngơi. Bên cạnh đó có một cái chõng khác, trên có một cơi trầu chỉ còn hai miếng. Tuy có khách mà đạo sĩ cũng không ngồi dậy chỉ với tay cầm lấy thư đọc, miệng vẫn nhai trầu bỏm bẻm. Một lát, nhìn trừng trừng vào mặt khách, nói:

- Ta sẽ cho anh được làm quan. Nào anh muốn làm quan to hay nhỏ, như thế nào?

Đáp:

- Tôi học hành cũng ít ỏi, chỉ muốn làm một chân thơ lại cũng đã mãn nguyện.

- Được! Anh hãy ngồi nghỉ, ăn một miếng trầu, ta sẽ liệu.

Hồ Sinh rón rén lại ngồi ở giường lấy một miếng trầu trong cơi ra ăn. Miếng trầu rất ngon. Nhưng vừa nhai giập thì hắn đã thiu thiu ngủ.

*

* *

Sau khi trở về nhà mấy ngày, bỗng một hôm có một người lính lệ mang trát đến đòi. Hắn sợ quá tưởng có việc gì xảy ra. Nhưng khi vào dinh cụ Thượng, hắn được đón tiếp rất niềm nở. Người ta để dành cho hắn không phải là chân thơ lại ở huyện mà là một chân thông biện ở dinh quan Bố tại tỉnh nhà. Công việc chẳng có gì là khó khăn và tốn kém vì có "tay trong" của nhà đạo sĩ, làm cho hắn hết sức sung sướng. Thế là từ đó, Hồ Sinh hàng ngày ra vào công đường, dạ dạ, bẩm bẩm khúm núm trước mặt các quan. Ban đầu hắn cảm thấy nhục, nhưng mỗi lần đứng trước mặt bọn tổng lý và những người dân có việc đến cửa quan thì hắn lại cho là một sự vinh hiển. Ban đầu hắn ngần ngại chối từ cả lễ lạt của những người có việc đưa đến lo lót, nhưng dần dần hắn bạo dạn và khôn ngoan hơn. Chẳng những hắn thành thạo trong nghề bóp nặn mà còn học được nhiều mánh khóe làm tiền kỳ lạ là tạo ra những vụ án bất ngờ mà kết quả cả nguyên cáo lẫn bị cáo tiền bạc xủng xoẻng dắt nhau đến công đường đút cho hắn và quan trên của hắn.

Vì thế, chỉ trong vài ba năm, tiền của của hắn bộn bề, hắn làm nhà tậu ruộng và sống cuộc đời xa xỉ hơn trước. Hắn lại được một phú trưởng giả trong hạt gả con gái cho. Mười năm sau, vợ hắn đã sinh được hai trai hai gái và được cất nhắc làm một chức quan nhỏ. Một nhà phấn vua trang điểm, cuộc đời cứ lên như diều, không có ai theo kịp.

Nhưng một ngày kia, giữa lúc Hồ Sinh đang ngồi cho vợ chải đầu thì bỗng có lính lệ cầm trát đến đòi. Hắn không nghi ngờ gì cả. Nhưng khi

đến dinh cụ Thượng hắn liền bị bỏ ngục. Một viên khâm sai đặc phái cải trang đi thanh tra đã tìm ra được rất nhiều chứng cớ về những vụ tham tang hối lộ của bọn quan tỉnh, mà tất cả đều có liên quan tới hắn. Thế rồi, trong khi chờ đợi xử án thì những người dân bị vu oan giá họa ngày trước đều đổ xô tới quan khâm sai kiện hắn. Đơn kiện cao kể hàng chồng. Ngày xử án hắn là một ngày đông hơn hội. Hắn bị tử hình không đợi tâu về triều vì quan khâm sai có quyền "tiền trảm hậu tấu". Trước khi ra pháp trường chịu tội, hắn hồi tưởng lại chuyện cũ và ăn năn rằng phải chi mình đừng có lên hang đạo sĩ để nhờ lão ấy chạy chọt cho thì có đâu đến nỗi này.

Hồ Sinh bỗng choàng dậy vì có một tiếng động rất dữ dội. Hắn mở mắt thì té ra mình vẫn còn nằm trên chiếc giường thứ hai của nhà đạo sĩ, chân đạp phải cơi trầu lăn xuống đá đánh choảng một tiếng, miếng trầu còn lại lăn lóc giữa giường. Còn nhà đạo sĩ miệng vẫn còn nhai trầu, mắt lim dim, chợt ngồi dậy hỏi hắn:

- Bây giờ chúng ta sẽ bàn một chút. Anh sẽ cầm thư của tôi đến cụ Thượng...

Nhưng lúc này Hồ Sinh không còn đủ can đảm để tính chuyện danh phận nữa. Hắn vội nhả miếng trầu đang ngậm ở miệng và cáo từ ra về. Từ đó, hắn trở nên một tay làm ăn chí thú trên ruộng đất của mình[1].

KHẢO DỊ

Tương tự với truyện của ta, trong kho tàng điển cố của Trung-quốc có truyện *Giấc mộng Nam-kha* (hay *Giấc mộng kê vàng*) cũng rất phổ biến ở Việt-nam.

Lưu Sinh đời Đường, một hôm mặc áo cừu ngắn cưỡi ngựa câu sắp đi săn, gặp đạo sĩ Lã Đồng Tân ở quán Hàm-đan. Chàng kêu khổ. -"Sao mà khổ?", đạo sĩ hỏi. -"Tài trai lập công to làm quan lớn, ăn ngon mặc tốt, nghe hát hay, họ hàng vẻ vang. Tôi tuổi đứng bóng vẫn còn chân lấm tay bùn". Đạo sĩ bèn rút cái gối trong đãy ra trao cho anh chàng và bảo: -"Gối vào gối này sẽ được

1. Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tầm mười một truyện An-nam (bản gốc).*

vinh hiển như nguyện". Bấy giờ chủ quán đang quấy một nồi cháo kê. Lư Sinh kê gối nằm ngủ thấy mình lấy vợ họ Thôi đẹp và giàu. Rồi đỗ tiến sĩ làm quan đến tiết độ sứ, cầm quân phá được giặc, trải mười năm làm tướng. Cả triều ghen ghét, gièm pha rằng việc thông biên giới của Lư là có ý định làm phản. Lập tức anh bị bỏ ngục. Sợ quá, Lư Sinh khóc lóc bảo vợ: -"Ta vốn làm ruộng ở Sơn-đông, cấy dăm ba mẫu không đến nỗi đói rách, quan quý chi đến nỗi này. Bây giờ dầu muốn áo ngắn ngựa câu rong chơi săn bắn sao được?". Toan tự tử, vợ con không cho. Dần dần vua biết oan, phục chức cũ. Về sau Lư Sinh có năm con trai, đều đỗ cao làm quan to. Con sinh đẻ được hơn mười cháu, kết hôn với con nhà vọng tộc, Lư Sinh sống ngoài tám mươi tuổi thì chết.

Bỗng nhiên chàng bừng mắt tỉnh dậy thấy mình còn nằm mà nồi kê vẫn chưa chín. Lấy làm quái lạ, nói: -"Ô hay, đây là chuyện chiêm bao ư?". Lã Đồng Tần cười: -"Ấy, trò đời cũng thế cả".

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Giấc mộng kê vàng thứ hai (Tục hoàng lương)*:

Hiếu Liêm họ Tăng đi chơi với các bạn dòng sang, vào chùa Tỳ-lư nhờ một nhà sư chiêm tinh bói số vận. Sư bảo chàng sẽ làm tể tướng trong hai mươi năm. Mọi người chúc tụng. Tăng đùa phong chức cho các bạn. Nhân mưa, nghỉ lại, mộng thấy có hai trung sứ đến triệu vào cung, được vua phong làm tể tướng. Vinh hiển rồi, Tăng đền ơn trả oán. Dần dần ăn của đút, hiếp gái đẹp, không việc gì không làm. Sau có người làm sớ vạch tội, các quan cũng tố cáo. Tăng bị trích làm quan Vân-nam. Trên đường đi bị quỷ bắt xuống âm phủ chịu hình phạt vạc dầu, núi dao, nuốt sắt nóng. Sau đó lại chuyển kiếp làm con gái một người hành khất chịu đói rét. Mười bốn tuổi gả làm thiếp cho một tiến sĩ họ Cồ, bị vợ cả hành hạ. Một hôm có hai tên giặc giết mất chồng, bị vợ cả vu cho là đưa trai về giết, việc lên quan, chịu tra tấn kêu khóc ầm ĩ. Bỗng nghe tiếng bạn gọi, Tăng tỉnh dậy. Sư bảo: -"Quẻ bói nghiệm chăng?". Đáp: -"Xin cám ơn chỉ giáo". -"Nếu theo đường nhân đức thì trong lò lửa có sen tươi". Lúc về, lòng công danh nguội lạnh. Tăng về sau bỏ đi, không rõ đi đâu.

Tương tự với các truyện trên, người In-đô-nê-xi-a (Indonésia) có truyện *Chiếc chiếu đạo sĩ*:

Một gã tham lam độc ác, một hôm mượn bạn năm mươi nén bạc đi buôn. Dọc đường, hắn làm quen rồi giết chết một lái khác để chiếm lấy bị vàng. Với số vàng đó, hắn lần lượt đút lót để được bổ quan huyện, rồi quan tỉnh, rồi tổng đốc, v.v...Lần cuối cùng được lệnh trên, hắn cưỡi ngựa cùng mười người

thân tín về kinh nhậm chức. Vào nghỉ ở một ngôi chùa, hắn bắt đạo sĩ phải dọn chỗ nằm. Đạo sĩ nói: -"Bần đạo có một chiếc chiếu đan bằng tre chẻ mỏng, nó có phép ai ước gì trong mộng đều thấy cả". Nằm lên, hắn mơ thấy mình chém chết đạo sĩ cướp lấy chiếc chiếu. Trên đường về kinh có tin vua vi hành, hắn mưu với tể tướng - là người cất nhắc hắn - giết vua. Khi tể tướng lên ngôi vua thì phong cho hắn làm tể tướng, nhưng hắn lại muốn làm vua, nên nhân lúc đi săn, hắn bắn chết vua mới, nhưng bị quân đội của thái tử đánh cho đại bại. Hắn chạy bán sống bán chết đến ngôi chùa mà hắn đã giết đạo sĩ cướp chiếu. Trốn vào chùa hắn bị vấp ngã, giật mình tỉnh dậy, vừa nghe có tiếng: -"Bắt lấy nó". Có mấy người chạy vào, hắn hốt hoảng chạy vào rừng nhưng cuối cùng bị tóm cổ lôi về chùa.

Thì ra, một người lái đò ngày xưa vẫn còn sống, làm nhân chứng cho vụ án giết người lấy bị vàng mà hắn là thủ phạm. Nhân có thái tử đi tuần tra, người lái đò tố cáo, thái tử ra lệnh lùng bắt, đúng vào lúc hắn đang ngủ ở ngôi chùa cổ. Nhưng hắn thì cứ tưởng là thái tử đến bắt hắn về tội giết vua trong giấc mộng. Bị tra khảo, hắn thú tội giết người lái lấy bị vàng, đồng thời thú cả tội giết vua.

Thái tử sai giải hắn về kinh xử tử[1].

Loại truyện có đề tài giấc mộng kê vàng cũng khá phổ biến ở một số dân tộc.

Truyện của Ấn-độ đại khái như sau: Có một ông vua nghe tin một bà phù thủy có tài bèn vời đến bảo trổ tài cho mình xem. Bà ta đến nhìn thẳng vào mắt vua. Bỗng vua mê man thấy mình cưỡi một con ngựa đen, ngựa phi rất nhanh đưa mình đến một nơi xa xăm và hoang vu thì dừng lại. Vua thơ thẩn đi tìm cái ăn vì quá đói. Sau đó gặp một cô gái mang cơm, vua xin ăn. Cô gái nói: -"Tôi thuộc đẳng cấp rất thấp hèn, bàn tay "nhơ bẩn" không thể dâng cơm hầu ngài được". Nhưng vì đói quá vua vẫn phải ăn cơm của cô, và vì tình thế bắt buộc vua đành phải lấy cô làm vợ. Hai người ăn ở với nhau trong hoàn cảnh hết sức gian khổ lần lượt sinh được 4 con. Ngày lại ngày nối nhau qua, gia đình trải bao lần đói kém. Một lần hạn hán, đứa bé đói lâu ngày gần chết, vua già lụ khụ định hy sinh cho vợ con sống sót thì vừa tỉnh dậy -"Ôi! 70 năm trời một giấc ngủ ru!". Bà phù thủy nói: -"Vâng ngài mới nằm được một tẹo thôi".

1. Theo Đinh Tú. *Truyện cổ tích Nam-dương.*

Truyện của Mông-cổ cũng tương tự như truyện Ấn-độ, một bà phù thủy cho một ông vua chung sống trong giấc mộng với một người đàn bà nghèo hèn, trải qua nhiều lần đói khổ chật vật sinh được hai đứa con, cho đến lúc cực kỳ nheo nhóc mới cho tỉnh dậy thì chén trà do vua sai người hầu rót vẫn chưa nguội.

Truyện của Tây-ban-nha (Espana): Có một mục sư nghe tiếng một bà phù thủy giỏi nên tìm đến nhờ giúp cho mình trở thành một người có địa vị cao tột. Thấy bà từ chối, mục sư cố ép -"Nếu tôi làm theo yêu cầu thì phải cho tôi cái gì mà tôi muốn" - "Đồng ý". Mụ bèn bảo người đầy tớ gái bắt con gà rừng vặt lông. Mục sư bỗng thiếp đi và trong giấc mơ quả đạt được ý muốn thay chân vị giáo hoàng đương kim vừa mới chết. Nhưng khi bà phù thủy đến xin đứa con trai thì ông không thuận -"Con trai tôi còn để làm Hồng y giáo chủ". Bỗng chợt tỉnh dậy thấy mình vẫn là mục sư mà thịt gà vẫn chưa chín.

118. TÚ UYÊN

Vào đời Hồng Đức, có một người học trò nghèo, cha mẹ chết sớm, trọ học ở phường Bích-câu, phía Nam thành Thăng-long. Chàng rất hay chữ, tuy chưa đỗ đạt gì, người ta cũng gọi chàng là Tú Uyên.

Một ngày, vào mùa xuân, chùa Ngọc-hồ mở hội Vô-già, thiện nam tín nữ ở kinh đô và bốn phương tụ họp rất đông. Tú Uyên không bỏ lỡ cơ hội đi tìm người đẹp. Chàng vui chân đi quanh quẩn mãi đến tận chiều, bèn ngồi nghỉ ở gốc đa gần chùa. Chợt trông thấy một cái lá bay đến trước mặt, chàng nhặt lên xem, thì ra sau lưng lá có đề một bài thơ đầy những lời trêu ghẹo. Chàng tưởng có người nào ở trên lầu cao ném xuống rồi nấp vào một chỗ. Nhưng ngước nhìn mọi nơi, mãi chẳng thấy gì cả. Đương lúc ngơ ngác, Tú Uyên bỗng thấy một đám người từ trong chùa đi ra, trong đó có một cô gái rất đẹp. Thấy nàng liếc mắt đưa tình, chàng tiến lại bắt chuyện. Hai người vừa đi vừa chuyện trò vui vẻ. Lòng Tú Uyên như nở hoa. Nhưng khi sắp đến đình Quảng-văn thì người con gái bỗng biến mất. Tú Uyên đứng ngẩn ra rất lâu, mãi đến tối mới trở về nhà.

Từ đấy, Tú Uyên đêm mơ ngày tưởng không thiết gì ăn uống học hành. Nghe tin đền Bạch-mã rất thiêng, chàng đến xin quẻ thẻ rồi ngủ đêm tại đền cầu mộng. Đêm ấy thần hiện ra trong giấc mộng của chàng, bảo rằng: -"Này anh chàng mê sắc kia, sáng mai hãy đến cầu Đông, ta sẽ cho biết một tin rất tốt".

Hôm sau, chàng y hẹn đến cầu Đông. Đợi mãi chẳng thấy ai cả. Cuối cùng mới gặp một ông già bán tranh, ông đưa tới mời chàng mua một bức tố nữ. Chàng mở ra xem thì không ngờ hình dạng người tố nữ trong tranh trông chẳng khác gì người mà mình mong đợi. Chàng mua ngay, đem về treo bên cạnh chỗ ngồi. Đến bữa ăn chàng dọn ra hai đôi đũa,

hai cái bát mời người trong tranh cùng ăn như mời người thật. Chàng hơi ngạc nhiên cảm thấy tố nữ trong tranh hai má đỏ bừng dường như có ý thẹn.

Một hôm Tú Uyên đi học về thì thấy giữa giường đã sẵn sàng một mâm cơm có thức ăn ngon, khác với cơm rau thường ngày. Tuy chưa hiểu là của ai cho, nhưng đói bụng, chàng cũng ngồi vào ăn. Tiếp mấy hôm sau, mâm cơm đều dọn sẵn như thế. Chàng nửa ngờ nửa mừng, không hiểu ra làm sao.

Hôm khác chàng giả tảng đi học, nửa đường lộn về nấp ngoài cửa sổ dòm vào. Chàng thấy tố nữ từ trong tranh bước ra dọn dẹp nhà cửa và xuống bếp làm cơm. Chàng đột ngột xô cửa bước vào nắm chặt tay nàng mà rằng:

- Để tôi bấy lâu trông đợi mỏi mòn con mắt! Thôi bây giờ nhất định không cho nàng ra khỏi đây đâu!

Nói xong Tú Uyên giật bức tranh trên tường xé đi.

Người con gái đỏ hai gò má, sẽ đáp lại:

- Sao chàng ác thế! Thiếp đã lạc vào nhà chàng rồi đâu dám không vâng lời. Rồi nàng cho biết tên mình là Giáng Kiều, vốn có duyên nợ với chàng nên được xuống trần cùng kết làm đôi lứa. Tú Uyên không còn gì sung sướng hơn thế nữa. Chàng giơ tay lên trời thề bồi. Hai người chuyện trò hồi lâu. Tú Uyên giục nàng thành thân, Giáng Kiều bảo:

- Để thiếp bày tiệc mời các bạn tiên đến chứng kiến cho lễ cưới của đôi ta đã.

Nói xong nàng rút trâm trên đầu hóa phép thành một nơi màn gấm rèm ngọc, kẻ hầu người hạ rầm rập, đồ ăn thức đựng lộng lẫy. Chỉ một lát cỗ bàn bày ra, đàn sáo vang lừng, các bạn tiên lần lượt đến ăn uống trò chuyện, ca hát nhảy múa rất là vui vẻ.

Nhưng từ ngày được vợ đẹp, Tú Uyên không buồn giở đến sách nữa. Suốt ngày chàng ở bên vợ và đặc biệt một điều là chàng thích uống rượu và ăn ngon. Giáng Kiều khuyên can mãi nhưng Tú Uyên chứng nào vẫn giữ tật ấy. Ba năm trôi qua, chàng không lai vãng đến nhà học. Dần dà chàng trở nên nghiện rượu, đã uống là uống đến say, khi say

không còn biết trời đất gì nữa, thậm chí nhiều lần chửi mắng vợ. Giáng Kiều giận lắm. Một hôm chồng từ tửu quán khật khưỡng bước về, nàng vực vào giường rồi nhân chồng ngủ thiếp đi, nàng liền bay về trời.

Tỉnh rượu, Tú Uyên không thấy vợ, rất lấy làm hối hận. Suốt một tháng, chàng bỏ ăn bỏ ngủ, kêu khóc thảm thiết. Bạn bè hết lời khuyên dỗ nhưng chàng không sao giảm được ưu sầu. Giận thân, chàng chỉ muốn tự tận cho xong đời. Nhưng khăn vừa vắt lên xà nhà thì bỗng có trận gió thoảng đưa mùi hương đến: Giáng Kiều đã hiện ra trước mặt. Chàng vừa vui vừa thẹn, thề xin chừa hẳn rượu. Hai vợ chồng lại vui vẻ như xưa.

Chẳng bao lâu Giáng Kiều sinh được một trai. Đứa bé lớn lên rất thông minh, học ngày một giỏi.

Một đêm nọ bỗng có hai con hạc đến đón ở sân. Hai vợ chồng dặn con ở lại, rồi cưỡi hạc lên trời[1].

KHẢO DỊ

Truyện này đã được tín đồ đạo thần tiên uốn nắn để đề cao tư tưởng thoát ly. *Truyền kỳ tân phả* và *Bích câu kỳ ngộ* khi kể truyện này đã chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng đó. Ở đây chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, không có thơ từ xướng họa giữa hai nhân vật, không có việc hai thị nữ đi theo Giáng Kiều, cũng không có việc Giáng Kiều khuyên chồng học đạo tiên. Việc Tú Uyên xé rách tranh cũng do nhân dân kể, không có trong các sách trên.

Loại mô-típ người bí mật hiện ra từ một vật nào đó, quét dọn nhà, làm cơm canh sẵn rồi lại thu hình chui vào, nhiều truyện cổ tích của ta và của các dân tộc đều có, tuy rằng có biến dạng nhiều hay ít. Trong truyện *Tấm Cám* (số **154**, tập **IV**), Tấm từ trong quả thị bí mật ra dọn cơm cho bà già, truyện *Lấy chồng dê*, truyện *Sọ dừa* (số **128**, tập **III**) *Người lấy cóc* (số **126**, tập **III**) cũng gần như vậy.

Trong *Sưu thần ký* có truyện *Nàng tiên trong vỏ ốc*:

1. Dựa theo Đoàn Thị Điểm *(Truyền kỳ tân phả), Sử Nam chí dị*, và theo lời kể của người Hà-tĩnh, Bắc-ninh, Hà-đông.

Một người nghèo khổ sống một thân một mình, thường khấn Long vương để được số phận khá hơn. Một hôm, nhặt được một vỏ ốc rất đẹp. Như truyện trên, cô gái trong vỏ ốc cũng bí mật chui ra nấu ăn quét dọn cho anh khi anh vắng mặt. Cho đến một hôm, anh về đột ngột bắt gặp, nàng nói mình là con gái Long vương vâng lệnh cha lên giúp đỡ. Rồi nàng biến mất. Từ đó mỗi lần anh túng thiếu thì thấy trong vỏ ốc có tiền. Khi anh chết, vỏ ốc cũng biến mất[1].

Một truyện khác của Việt-nam là *Sự tích cửa ô Cầu-dền*, có những hình ảnh phần nào gần gũi với truyện *Tú Uyên*:

Đời nhà Mạc, ở làng Kim-liên có một người học trò cha mẹ chết sớm, nhà nghèo lắm, phải đi dạy học kiếm ăn qua ngày.

Một hôm, ngày giỗ cha, anh trở về ngôi nhà nát của mình. Thấy không có gì cúng, anh chỉ ngồi mà khóc. Khóc đoạn ngủ quên. Đêm khuya anh giật mình tỉnh dậy thì thấy trên bàn thờ đèn hương đầy đủ; nhìn vào bếp thấy có một cô gái đẹp đang giục đầy tớ dọn cỗ. Anh chạy vào ôm lấy cô gái hỏi duyên cớ, cô gái cho biết là thiên đình thấy anh nghèo khổ mà hiếu hạnh nên sai xuống kết bạn.

Sau đó, cô gái ở lại làm vợ anh. Được tám năm, cô gái hết hạn về trời. Thấy anh kêu khóc, cô bảo: số anh còn sống đến 99 tuổi, ngày đoan ngọ sắp tới sẽ có vợ mới, nhưng có mấy mẫu ruộng mới tậu được hãy trồng rau dền cho nhiều vào.

Anh làm đúng lời cô gái dặn. Mấy năm đói kém, nhờ có mấy mẫu ruộng rau dền nên anh đã cứu giúp được nhiều người qua khỏi nạn đói. Vì thế, người ta gọi chỗ ở của anh là Cầu-dền[2].

Về những khả năng hình thành cảm hứng cho truyện *Tú Uyên*, xem lại tập I, phần nghiên cứu, chương II, mục 4: *Quá trình hình thành một truyện cổ tích*.

1. Một truyện Trung-quốc khác là *Nàng tiên ốc* cũng kể đại khái như trên nhưng kết cục là anh nghèo khổ sau khi giấu biến vỏ ốc đã lấy được nàng tiên ốc làm vợ. Hai vợ chồng sống bằng lao động của mình, đầy hạnh phúc.
2. Theo Sê-ông (Chéon), sách đã dẫn.

119. NỢ DUYÊN TRONG MỘNG

Ngày xưa ở động Sơn-la thuộc Hưng-hóa có một chàng trẻ tuổi tên là Chu sinh. Bố mẹ mất sớm, chàng được chú đưa về nuôi cho ăn học. Nhưng người chú yêu dấu cháu bao nhiêu thì người thím lại ghét bỏ bấy nhiêu. Thấy phải nuôi báo cô một đứa cháu dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, người đàn bà ấy rất bực mình. Lâu dần, người thím không kiêng nể nữa, mỗi khi có chuyện không vừa ý, chửi mắng chàng hết lời.

Một hôm, chú đi vắng, ở nhà thím la rầy, Chu sinh cãi lại mấy câu. Thấy thế, người thím không ngăn được cơn thịnh nộ:

- Đã thế mày đi đâu thì cút ngay đi, đừng có vác mặt về đây mà ăn nữa!

Nghe mấy câu xúc phạm, Chu sinh bỗng túc giận đầy người. Chàng vào thu dọn áo quần sách vở rồi tức tốc ra đi, thề quyết sẽ không trở lại gặp thím nữa. Chàng tìm về mấy gian nhà nát của bố mẹ bấy lâu vẫn bỏ hoang, trải manh chiếu rách lên giường rồi làm một giấc.

Người chú về biết rõ cơ sự, bèn tìm đến nhà, rủ cháu về. Chu sinh đã nhịn đói hai hôm nhưng nhất quyết không chịu. Người chú đành mang tiền gạo đến cho chàng và cố tình khuyên dỗ. Cháu hẹn chú ba ngày. Nhưng ba ngày trôi qua vẫn không thấy cháu về, chú lại mang tiền gạo sang chu cấp. Cháu lại khất ba ngày khác, nhưng rồi vẫn không về. Người chú cuối cùng cũng bực mình, đến nhà bảo: -"Tao bảo mày không nghe thì kệ xác mày, không hơi đâu mà khuyên dỗ mãi!".

Nói rồi từ đấy mặc kệ Chu sinh, nhất định không đoái hoài nữa.

Sau khi gạo tiền đã hết, Chu sinh nằm nhịn luôn trong hai ngày. Tuy bụng đói, chàng vẫn không chịu chạm trán với người thím ác nghiệt. Hôm ấy, sau khi ngâm mấy bài thơ, chàng tự nhiên ngủ thiếp đi. Đang lúc mơ mơ màng màng, bỗng thấy có một viên quan phẩm phục rực rỡ, theo sau có mấy tên thị vệ đến nhà mình. Bấy giờ chàng đang ngồi đọc

sách. Chàng tưởng họ vào nhầm nhà, nhưng khi xưng tên tuổi thì thấy quả họ đang tìm mình. Viên quan mở hộp vàng lấy ra một đạo dụ đọc cho chàng nghe. Lúc đầu chàng cứ tưởng là hoàng đế đang trị vì triệu mình, nhưng khi nghe xong thì chàng lấy làm ngạc nhiên. Những tiếng "quốc mẫu nước Hoa-thành" thật là mới lạ, chưa nghe nói bao giờ; cả đến giọng đọc của viên quan cũng nghe lơ lớ, không phải người ở vùng kinh kỳ tới.

Khi biết những người khách lạ đến với thiện ý đưa mình tiến kinh làm phò mã thì Chu sinh thấy yên tâm. Chàng nghĩ bụng: -"Hẳng cứ phó mặc cho may rủi một phen thử xem". Chàng bèn bước theo chân họ. Đường rất mờ mịt. Chỉ một thôi, họ đã tiến vào một nơi có nhà cửa đẹp đẽ, người đi lại đông đúc như một thị trấn. Vượt qua mấy lần cổng thành lớn. Có lính canh gác nghiêm ngặt, đã thấy trước mặt một tòa lâu đài nguy nga, trên đề chữ "điện Hoàng-kim". Viên quan bảo chờ trước sân rồng rồi tiến vào một nơi có mành ngọc che. Một chốc hắn rón rén bước ra giục chàng vào làm lễ. Chu sinh chỉ mới kịp cúi đầu lạy hai lạy thì ở trong có tiếng truyền ra cho chước miễn, và bảo dắt lên thềm. Chàng thấy đó là một bà cụ già chừng 60 tuổi, mặt mũi phúc hậu, nhìn mình với cặp mắt có cảm tình. Tuy đói bụng nhưng chàng cố hết sức giữ lễ. Người ta mời chàng ngồi lên sập vàng bên tả chỗ ngồi của quốc mẫu. Sau buổi trà nước, tiệc yến dọn lên, sơn hào hải vị bày đầy cả chiếu. Một chốc, từ trong cung tiến ra một cái kiệu nhỏ, trên có một thiếu niên bước xuống vái chào Chu sinh. Quốc mẫu nói bằng một giọng thân mật:

- Con ra tiếp đi. Chú rể mới bao giờ mà chả thẹn.

Thế rồi hai người chén thù chén tạc. Chu sinh chưa bao giờ cảm thấy sung sướng và ngon miệng hơn thế. Giữa bữa ăn, quốc mẫu cho chàng biết tiên đế là chồng bà với cha chàng đã từng đính ước gả con cho nhau. Bây giờ cốt mời chàng đến đây để thực hiện lời hứa đó. Tuy chưa hiểu hai bên quen biết từ bao giờ, lại cũng chưa rõ mặt mũi công chúa Mộng Trang ra sao, nhưng chàng cũng cung kính gật đầu.

Ăn xong, quốc mẫu ngoảnh lại bảo chàng:

- Phò mã hãy trở về đợi ba ngày nữa sẽ lại cho người đến rước.

Liền đó, chàng từ tạ ra về, có cờ trống đàn sáo tiễn ra đến ngoài hoàng cung.

Thoáng có cơn gió lạnh phả vào mặt, Chu sinh giật mình tỉnh dậy thì thấy mình vẫn nằm trên manh chiếu rách cũ, nhưng miệng còn hơi rượu và bụng hãy còn no. Suy đi nghĩ lại, chàng không hiểu ra thế nào cả.

Ba ngày sau, chàng lại nằm mê như trước, lần này, đến điện Hoàng-kim thì đã thấy đèn treo, hoa kết, rực rỡ vô cùng. Chu sinh được dắt vào một gian buồng, thay bỏ đồ cũ để mặc quần áo mới may. Được một chốc, có một bọn người cung nữ đưa công chúa ra gặp tân lang. Chàng chỉ hồi hộp chờ có mỗi phút đó. Và chàng sung sướng vô cùng khi nhìn trộm thấy diện mạo của vợ khó có ai sánh kịp. Hai bên cùng vào làm lễ và cùng rót rượu cho nhau uống giữa những tiếng đàn sáo nhã nhạc và lời chúc tụng hoan hỷ của mọi người.

Sau đó, vâng lệnh quốc mẫu, hai người đưa nhau vào Tây phòng. Đêm ấy, Chu sinh sung sướng vô hạn và mặc dầu thoáng thấy có những vằn lạ ở bụng và lưng vợ nhưng chàng vẫn không quan tâm.

Sáng hôm sau, ăn xong hai người lại ra hầu quốc mẫu. Bà bảo chàng:

- Nước đây là nước Hoa-thành. Năm xưa tiên đế mất đi để lại cho ta dân đông, công việc nhiều. Thái tử còn nhỏ tuổi mà ta thì đã già rồi, trông nom không xiết. May có công chúa giúp đỡ từ bấy đến nay. Lấy chồng thì phải theo chồng nhưng công chúa mà đi thì không ai giúp cho ta cả. Vậy phò mã nên thể tình ta, để vợ ở đây, cứ ba ngày một sẽ cho Xuyên Hoa sứ về đón.

Chu sinh chỉ còn biết vâng dạ.

Trò chuyện một lúc, Chu sinh ra về. Công chúa tiễn chồng ra hoàng cung vẻ lưu luyến buồn rầu lộ ra nét mặt. Thái tử nói bỡn:

- Vợ chồng mới cưới hôm qua, hôm nay đã thương nhớ nhau đến thế ư?

Mọi người đều cười rộ làm cho chàng đỏ cả tai.

Thế rồi Chu sinh lại tỉnh dậy sau một giấc ngủ một ngày một đêm. Mùi rượu và mùi hương của công chúa vẫn còn thấy phảng phất. Lần

này, chàng không còn coi là một sự lạ nữa. Chàng lại giở sách ôn luyện. Bụng vẫn không thấy đói.

Từ đó cứ ba ngày một lần, Chu sinh lại chiêm bao đến nước Hoa-thành để được gặp gỡ công chúa và để được ăn những bữa tiệc no say. Hết chiêm bao, chàng lại sống cô độc và thiếu thốn trong gian nhà nát. Tuy ngoài giấc mộng chàng không hề ăn uống gì mà mặt mũi vẫn hồng hào tươi tốt.

Cuộc đời cứ đều đặn như thế kéo dài đến hơn một năm trời. Xóm làng cho là chàng có phép tịch cốc, hỏi thì chàng chỉ cười mà không trả lời. Lúc này công chúa vợ Chu sinh đã sinh được một trai. Quốc mẫu hạ lệnh cho vợ các quan phải đến cho đứa bé bú. Thằng bé chóng lớn. Ngày đầy tuổi tôi, chàng đến sớm hơn mọi lần. Lúc đến nơi đã thấy cung đình xúm xít những triều thần, các quan lớn bé cùng các bô lão ăn mặc rực rỡ, chào hỏi lăng xăng. Họ mang tiền nong, lễ vật đến mừng con chàng nhiều lắm, chất đầy cả sập. Đối lại, quốc mẫu sai dọn tiệc đãi họ. Chu sinh phải thân đi rót rượu mời mọc khá vất vả.

Một hôm, chàng theo lệ thường đến yết kiến mẹ vợ. Chàng ngạc nhiên khi thấy mặt bà có vẻ buồn rầu hốt hoảng khác thường. Hỏi thì quốc mẫu gạt nước mắt trả lời:

- Từ lâu ta vẫn có ý giấu phò mã. Nhưng nay đã đến lúc không thể giấu được nữa. Đã hai tháng nay, ngày nào cũng có tin cáo cấp ở biên thùy. Bọn giặc dữ đã tràn vào cõi, cướp bóc và tàn hại dân ta không biết bao nhiêu mà kể. Quân ta nghênh chiến bị tử thương vô số. Hôm nay, coi chừng giặc đã phạm đến gần kinh đô. Cho nên ta định ngày mai sẽ thiên đô đi nơi khác.

Chu sinh toan hỏi han thêm về tình hình chiến sự thì đã thấy quan thượng thư bộ Binh xin vào yết kiến:

- Tâu bệ hạ, quân giặc mỗi ngày một thêm mạnh và đông. Cứ như con số hạ thần nắm được thì quân và dân ta đã hy sinh mất một phần ba. Nếu bệ hạ cố ở lại thì còn dân đâu mà lập nước nữa. Vậy xin kíp thiên đô nội trong đêm nay!

Nghe nói, quốc mẫu sợ hãi, lập tức sai thảo chiếu hỏa tốc đi mọi phương ra lệnh đúng giờ hợi khởi hành. Rồi bà day lại bảo Chu sinh:

- Quốc gia đại sự, không thể để phò mã đi theo, cũng không dặn dò được nhiều. Chỉ nhắc phò mã biết rằng ta đã sai Xuyên Hoa sứ mang tiền của công chúa gửi cho phò mã dùng, phò mã cố gắng học thành tài, sẽ có ngày tái ngộ. Chẳng những công chúa mà còn cháu nhỏ cũng không tiện đi theo phò mã. Hãy tạm chia tay một thời gian, chừng hai mươi sáu tháng nữa, cha con sẽ lại hú hý với nhau. Thôi vào gặp vợ một tý để còn xuất hành!

Chu sinh bước vào buồng nước mắt ứa ra. Công chúa lúc ấy đang sửa soạn hành trang, nàng bảo chồng:

- Ở đời ly hợp là thường, miễn chàng cố gắng là sẽ gặp nhau không mấy chốc. Thiếp sợ chàng buồn nên đã cho thị nữ là Đồng Nhân làm bạn cho đến ngày tái ngộ. Thiếp lại tặng chàng một hòn ngọc bích làm bằng chất ngọt của các thứ hoa quý, mùa nực đeo vào thì mát, mùa rét thì ấm, chàng luôn luôn đeo bên mình xem như là có thiếp!

Chu sinh vội bảo vợ:

- Nàng có thể theo ta được không? Hay nếu không thì nàng cho ta theo với.

Công chúa đáp:

- Không được. Hiện nay chàng đang còn sự nghiệp của chàng. Còn thiếp phải giúp mẹ bảo toàn cơ đồ và tính mạng muôn dân. Hai bề chưa vẹn, chưa theo nhau được. Thôi đừng buồn nữa, ngày sau hạnh phúc còn dài.

Nói rồi dứt áo bước ra. Chu sinh lại níu lại hỏi:

- Ngày sau sẽ gặp nhau ở đâu và vào lúc nào, nàng có thể cho ta biết trước được chăng?

Công chúa cầm lấy hòn ngọc, bỏ vào túi áo chàng và nói:

- Trong đó có nói rõ cả.

Khi chợt tỉnh dậy thì Chu sinh thấy cảnh tượng lo lắng ly biệt vừa rồi đã biến đâu mất. Chàng vừa thắp đèn soi thì thấy giữa giường có một gói mười lạng vàng. Chàng móc túi, quả có một viên ngọc màu trắng như ngà, có vân xanh, dài như quản bút, trên có khắc mấy câu thơ:

Bao giờ mười vạn binh tinh,
Nhạc quân trống trận rập rình ngoài biên.
Phía Tây Hồ-thủy tiến thuyền,
Hoa-cương nẻo nọ thẳng liền sang Đông.
Chờ khi báo tiệp dâng công,
Non sông để chữ tương phùng về sau.
Xin đừng đắp nhớ đổi sầu,
Mười lăm năm lại gặp nhau đó mà.

Chàng đọc đi đọc lại hai ba lần vẫn không hiểu nghĩa thế nào. Rồi chàng cố suy nghĩ để tìm hiểu sự gặp gỡ bấy lâu nhưng cũng không thể ra manh mối. Óc rối như tơ vò, chàng bụng bảo dạ: -"Rồi thời gian khắc sẽ sáng tỏ. Chả hơi đâu mà nghĩ cho mệt".

Hôm ấy, trời chưa sáng đã nghe có tiếng khóc. Chàng vội chạy sang nhà láng giềng hỏi tin. Họ cho biết là người thím của chàng bị cảm chết sắp sửa đem chôn. Nghe nói thế, Chu sinh quyết định trở về nhà chú. Người chú thấy cháu ôm sách trở về thì không nén được tức giận, bảo:

- Đã hai năm nay mày không đoái hoài gì đến tao, sao không đi luôn một thể, còn về mà làm gì?

Chàng nhanh trí tìm được cách nói dối:

- Hôm qua cháu chiêm bao thấy cha cháu về bảo rằng chú nghèo lắm, lại sắp có gia biến. Vậy có số vàng chôn ở nền nhà đào lên đưa về giúp chú. Vì thế bây giờ nghe tin có tang, cháu mới về.

Nói rồi bày cả mười lạng vàng lên bàn. Thấy vậy, chú đổi giận ra mừng. Từ đấy, Chu sinh yên tâm ở lại nhà chú học tập. Chàng không mộng mị như trước và cũng không hề rỉ răng với ai về việc lạ xảy ra.

Khoa ấy, Chu sinh đậu hương cống. Chú dạm vợ cho mấy nơi nhưng chàng nhất thiết từ chối.

Một hôm người chú đi buôn có đưa về một cô gái mười tám tuổi bị lạc đường. Nghe cô gái xưng tên là Đồng Nhân, Chu sinh sực nhớ đến lời vợ dặn trước khi chia tay, bèn bằng lòng theo lời bàn của chú, lấy nàng làm thiếp. Hơn một năm, Đồng Nhân sinh cho chàng một đứa con trai. Đứa bé càng lớn, Chu sinh càng thấy nó giống với đứa con của chàng ở nước Hoa-thành do công chúa đẻ với chàng. Chàng tính đốt ngón tay thì vừa hai mươi sáu tháng, đúng như lời quốc mẫu.

Lúc này cuộc đời thật của Chu sinh ngày một vinh hiển và giàu thịnh hơn trước. Chàng làm quan to trong triều, được mọi người nể phục.

Một năm, ở Tuyên-quang có giặc, vua phong cho chàng làm đại tướng mang hai vạn quân đi dẹp giặc. Quan quân sắp tới trại thì gặp một con khe ngăn đường. Hỏi dân gần đấy thì họ cho biết đó là khe Hồ-thủy, trước mặt là Hoa-điệp-cương, đi vòng sang phía Tây hoặc phía Đông một ngày là đến trại giặc. Nghe nhắc đến những tên ấy, chàng bỗng nhớ tới những câu khắc trên hòn ngọc. Chàng mới giở ngọc ra đọc lại bài thơ thì rõ ràng đó là những lời kín đáo bày ra cho chàng mẹo phá giặc. Chàng cứ theo kế đó hai mặt tiến công, quả nhiên giặc thua to, bị giết và bị bắt gần hết.

Sau khi thắng trận, chàng đi thuyền quanh Hoa-cương. Người lái đò cho chàng biết cách đây 15 năm có một đàn bướm độ vài vạn con nửa đêm ở đâu bay tới rợp trời cho nên gọi là Hoa-điệp[1]. Chu sinh hiểu ra, vừa lạ vừa mừng, vội sai dừng thuyền lại nghỉ ngơi. Đêm hôm ấy chàng lại chiêm bao thấy Xuyên Hoa sứ đến đón. Chàng đi ngay. Lúc đến nơi, chàng nhận thấy cảnh vật lúc này đẹp hơn xưa nhiều: lâu đài quy mô, dân cư đông đúc. Vừa tới cửa hoàng cung đã có quốc mẫu ra đón niềm nở:

- Phò mã đi dẹp giặc hẳn là khó nhọc. Chao ôi, bây giờ râu ria mọc đã dài không được trẻ như trước. Ngày tháng chóng thật!

Rồi đó chàng lại gặp công chúa ở Tây phòng, hai bên chuyện trò ái ân vô cùng nồng đượm.

---

1. Hình tượng này của truyện phải chăng xuất phát từ những cuộc di cư có thật của loài bướm chắc từng có xảy ra ở Việt-nam ngày xưa. Việc di cư của những đàn bướm rất đông không phải là việc hiếm có trên thế giới. Theo thống kê của Uy-liêm (William) (người Anh) thì năm 1930 thế giới có 214 loại bướm di cư 1237 lần. Theo ông thì năm 1935, có đàn bướm rằn bay từ Mếch-xích (Méjico) đến Ca-na-đa (Canada) và đến A-lát-xca (Alaska), xa 4.000 cây số. Ở Trung-quốc thì có 5 lần xảy ra vụ bướm di cư giữa hai tỉnh Vân-nam và Quảng-tây. Báo *Thượng-hải tân văn* chép: "Trưa ngày 2-5-1933 trời âm u, có đàn bướm trắng mấy chục triệu con từ phía Đông bay đến Bản-kiều, một thị trấn cách phía Đông Côn-minh (Vân-nam) 20 cây số. Đàn bướm đáp xuống nghỉ độ 2 tiếng đồng hồ trên khắp rừng cây, ruộng và trên tường nhà, rồi lại bay về hướng Tây..." *(Trung-quốc họa báo).*

Qua ngày sau, mãi đến chiều, Chu sinh vẫn chưa muốn về. Quốc mẫu vào buồng giục chàng cố làm cho xong việc nước, và bảo:

- Ta nay đã già lắm rồi. Ta quyết định mười hôm nữa sẽ chia đôi nước, một nửa cho thái tử, một nửa cho công chúa. Vậy phò mã nhớ trở lại đây mà coi lấy nước mới. Ngày nay dân sự yên ổn nhưng phò mã cũng nên chú ý phòng ngừa quân địch vẫn thường đột nhập vào quấy rối trong nước Hoa-thành này.

Chu sinh chỉ kịp dạ mấy tiếng trong mơ thì đã có người đánh thức dậy. Bọn tỳ nữ vây xung quanh cho biết là chàng đã ngủ một đêm một ngày. Chàng vội nói tránh cho họ yên tâm:

- Lâu nay việc quân mệt nhọc nên ngủ bù, không ngờ làm phiền chư tướng.

Đoạn, chàng trù tính việc đề phòng cho nước Hoa-thành. Chàng nghĩ, chỉ có loài chim là kẻ thù của bướm nên ngay sau đó chàng tậu luôn ba mươi khu ruộng xung quanh Hoa-cương, cho người cày cấy ăn không với mỗi nhiệm vụ là đuổi bắt chim chóc cho mình.

Thế rồi chàng mang quân về. Nhà vua khen ngợi công lao chàng và ban thưởng rất hậu. Nhưng vua rất ngạc nhiên khi thấy liền đó, chàng dâng biểu xin từ chức. Vua không ép được đành phải để chàng thỏa chí.

Được thôi quan, một hôm chàng từ giã chú, đưa vợ con lên thăm vùng Hoa-điệp-cương. Sắp tới nơi, tự nhiên cả ba người hóa làm ba con bướm trắng bay lên trời. Vượt qua Hồ-thủy, Xuyên Hoa sứ và cả một đại đội quân nhà bướm tiến ra đón bọn họ[1].

KHẢO DỊ

Trong *Liêu trai chí dị* có truyện *Công chúa Liên Hoa* gần giống truyện của ta:

1. Theo truyện *Hoa quốc kỳ duyên* trong *Thánh Tông di thảo* và *Hoa quốc kỳ duyên* bản dịch nôm của Nguyễn Sĩ Sự (1914). Đây là một trong những truyện đặc sắc về mặt tạo hình của cổ tích Việt-nam, nhưng chắc có ảnh hưởng của cổ tích nước ngoài.

Một nho sĩ, Đậu Húc, ngủ ngày, chiêm bao thấy một người lạ đến cạnh giường, bảo: -"Tôi là người của tướng công ở gần đây. Tướng công mời ngài đến chơi". Đậu đi theo, đến một nơi thấy nhà cửa san sát, lâu đài trùng điệp. Đi quanh quất hồi lâu thấy có cung nhân, nữ quan đón chờ. Thấy khách đến, một quý nhân ra đón tiếp rất cung kính. Sau đó theo hai nữ quan vào mấy lần cửa, Đậu nhìn thấy có đề hai chữ "Quế phủ"; một vị vua ngồi trên đền bước xuống đón rồi sai dọn tiệc đãi. Trong tiệc có sinh ca réo rắt, vị vua trò chuyện một lát, bỗng bảo tả hữu: -"Trẫm có một câu đối, phiền các quan đối cho: "*Tài nhân dăng Quế phủ*" (người anh tài đến phủ Quế). Mọi người đang nghĩ ngợi thì Đậu đã đối là: "*Quân tử ái liên hoa*" (bậc quân tử yêu hoa sen). Vua rất vui nói: -"Thật là lạ: Liên Hoa là tên của công chúa, nếu không có túc duyên sao lại hợp đến thế". Bèn cho gọi công chúa ra chào. Thấy công chúa trạc mười sáu, mười bảy, đẹp khó có ai sánh kịp, họ Đậu trở nên ngây ngất, ngồi thừ người, quên cả trả lời câu hỏi của vua muốn ướm gả công chúa cho mình. Khi ra về, nghe viên nội quan theo tiễn nói lại, Đậu tiếc ngơ tiếc ngẩn, và giật mình tỉnh dậy.

Hôm khác, Đậu Húc đang cùng bạn nằm ở giường, bỗng lại thấy viên nội quan đến gọi đi. Đến cung, nghe vua nói chuyện gả công chúa, thì anh nhận lời ngay. Tiệc hoa bày ra, hai bên làm lễ rồi về quán xá. Khi động phòng hoa chúc, Đậu lấy thắt lưng ra đo tay đo chân vợ. Công chúa bảo: -"Anh làm gì mà như điên thế?". Đáp: -"Vì hay mộng mỵ nên ghi nhớ cho kỹ để nếu quả là mộng mỵ thì cũng nhớ được lâu".

Bỗng có cung nữ chạy vào kêu: có yêu quái vào cửa cung. Đậu hoảng sợ đến yết kiến vua. Vua cầm tay khóc nói: -"Nước lâm nguy biết sao bây giờ". Rồi đưa cho Đậu xem một tập tâu của đại thần, trong đó nói: có một con mãng xà dài nghìn trượng đến phía ngoài cung, từng nuốt sống hàng vạn mạng người, đi đến đâu lâu đài trúc đổ đến đó. Từ xưa chưa có họa nào lớn bằng. Xin bệ hạ kíp rời hoàng gia đi ngay. Đậu đọc xong tái mặt. Liền đó một cung nữ chạy đến tâu: -"Yêu quái đã đến". Cả điện kêu khóc như ri. Vua cũng khóc bảo: -"Tiểu nữ làm lụy tiên sinh". Đậu thẹn thò, trở về thấy vợ cùng người hầu đang ôm đầu kêu khóc. Vợ bảo chồng: -"Chàng đưa thiếp đi đâu?". Đáp: -"Nhà tôi nghèo chỉ có ba gian lều cỏ có ở được chăng?" -"Việc đã gấp như thế còn lựa chọn làm gì?". Đậu đưa vợ về. Vợ cho là chỗ này yên ổn, xin chồng làm nhà ngay để vua cha và dân cả nước dời đến ở. Đậu ngần ngại, vợ kêu khóc thảm thiết. Tỏi đây Đậu tỉnh dậy.

Nghe tiếng ong vo ve trên gối, Dậu kể lại chuyện chiêm bao cho bạn nghe. Bạn khuyên anh nên làm tổ ong. Làm vừa xong đã thấy ong bay tới liên tục. Dò xem mới biết là bầy ong của ông lão hàng xóm. Người ta kể chuyện họ Dậu cho ông lão hàng xóm nghe, ông lão nhìn vào tổ ong của mình thì thấy vắng tanh vắng ngắt, lại có con rắn dài chừng một trượng, nằm khoanh trong đó bèn bắt giết.

Người Nghệ-an có kể một truyện, cũng có nội dung gần gũi:

Xưa có một ông quan ra trấn ở một quận ngoài. Một hôm, quan cùng với khách ăn tiệc uống rượu dưới một cây hòe lớn. Rượu say, quan nằm ngủ dưới gốc cây ấy. Bỗng chiêm bao thấy có bậc đại phu nước Đại-hòe mời mình vào triều gặp gỡ và cuối cùng gả cho một nàng công chúa. Ông ta lưu lại đấy làm tướng võ rồi tướng văn, cuộc đời vinh hiển trải đã mười năm. Khi tỉnh dậy thì thấy mình vẫn còn nằm ở gốc hòe. Nhìn vào hốc cây thấy có một tổ kiến, trong đó có một con kiến chúa, xung quanh có những con kiến nhỏ chầu chực và hầu hạ y như ở triều đình mà mình đã trải qua trong giấc mộng[1].

Truyện vừa kể chắc là chịu ảnh hưởng của truyện *Thái thú Nam-kha* của Trung-quốc:

Ngày xưa có Thuần Vu Phần là tay chơi bời hào hiệp, hay rượu, nhà ở quận Quang-lãng; gần nhà có một cây hòe rất lớn, bóng cây um tùm che đến vài mẫu. Nhân ngày sinh nhật, Thuần mời khách tới đó uống rượu. Rượu say, Thuần được khách dìu về nhà. Nằm một mình, anh chiêm bao thấy hai vị sứ giả áo tía đến bảo có vua nước Hòe-an triệu. Anh lên xe đi, xe chui vào hốc cây hòe rồi bỗng tiến đến một nơi có thành quách, nhà cửa, xe kiệu, người đi lại đông đúc. Đến cửa thành thấy chữ đề "Đại hòe an quốc". Nghỉ ở quán có hữu tướng tiếp đãi rất hậu. Hữu tướng cho biết là nhà vua muốn kén làm phò mã. Khi gặp vua thì quả như thế. Anh vừa mừng vừa sợ, không dám nói gì. Lễ cưới được tổ chức trọng thể. Ở đây anh gặp hai người bạn rượu là Chu Biền và Điền Tử Hoa. Công chúa rất xinh đẹp làm anh vui lòng. Tiếp đấy là một cuộc đời khoái lạc. Ít lâu, vua bổ làm thái thú quận Nam-kha. Anh xin phép cho hai bạn cùng đi. Đến nơi, cùng hai bạn coi việc quân vài mươi năm, có chính tích tốt, được dân mến, vua trọng, được ban thực ấp và phong tước. Vợ anh đẻ được năm trai hai gái, con trai làm quan, con gái gả cho họ vua, vinh hiển không ai sánh kịp. Rồi có quân nước Đàn-la đến cướp, vua sai đi đánh. Anh sai Chu Biền đem ba vạn quân đi. Nhưng Biền khinh địch, bị thua

1. Theo *Bản khai thôn Hướng-dương*.

rồi chết. Sau đó, công chúa chết, anh từ chức về triều. Từ đấy buông tuồng ra oai ra phúc. Có kẻ gièm, vua sai thu thị vệ, cấm đi lại; anh lại càng oán. Vua nhân khuyên anh về thăm quê, anh không muốn về. Vua cho biết anh không phải quê ở đây. Anh bỗng hiểu ra, nhận lời. Hai sứ giả áo tía lại đưa đi. Đến nhà, xuống xe, bỗng giật mình tỉnh dậy thì thấy mình còn nằm mà khách vẫn còn ở đó. Bèn kể cho họ nghe, mọi người dắt nhau đến hốc cây hòe. Họ khoét rộng rồi chui vào, càng vào càng rộng, trong có tổ kiến độ vài hộc; có độ mươi con to, các con kia không dám đến gần, biết đấy là vua quan nước Hòe-an. Trong cùng có một lỗ xuyên lên cành Nam, ở đây cũng có tổ kiến, biết đấy là quận Nam-kha. Lại dò theo các cành khác, biết đấy là nơi mình thường đi săn, hoặc là nơi mình chôn vợ. Anh lại nhớ đến cuộc chiến tranh với nước Đàn-la, bèn cố đi tìm xung quanh, thì ra đó là một tổ kiến khác ở trong một cây đàn. Nhớ lại hai người bạn rượu là Chu Biền và Điền Tử Hoa, anh cho người đi tìm, thì thấy Chu Biền đã chết, còn người kia đang nằm trên giường bệnh[1].

Người Nghệ-an còn có một truyện, tuy khác về nội dung nhưng cùng một kiểu kết cấu:

Một người ngủ trưa, chiêm bao thấy một người khách ăn mặc lịch sự đến mời đi chơi. Người ấy đi theo đến nhà thì thấy nhà cửa bằng đất nhưng san sát như phố xá, trang hoàng rất đẹp, thấy mọi người thầy tớ vợ con đề huề, làng xóm đông đúc. Ngồi một lát thì có một đám người ăn mặc lịch sự ra tiếp, và đề nghị: -"Chúng tôi ở chốn này đã bốn năm đời, bây giờ nhà ông tự dưng vô cớ lấn vào đất chúng tôi, vậy xin tránh đi chỗ khác cho".

Người ấy tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Sau tìm thầy bói nổi tiếng. Thầy gieo quẻ, bảo nhà "bất an", phải đào nền nhà đổ đi mới hết. Người ấy sai đào thì cùng cả ba gian đều đông đặc những kiến cánh. Liệu không thể trừ hết được, người ấy đành dời nhà đi chỗ khác.

Về sau gặp một pháp sư có thuật đuổi kiến, người này được pháp sư bày cho một phép là vào mồng một Tết, bắc một nồi rang không lên bếp, tay rang miệng đọc: "*Kiến càng kiến kẹ, kiến mẹ (mẹ) kiến con, lên núi lên non, kiếm đường mà xéo*". Người ấy làm đúng như thế. Những con kiến cánh ở dưới nền nhà quả bay lên núi tất cả[2].

1. Theo *Thái-bình quảng ký* và *Đường nhân tiểu thuyết.*
2. Theo *Bản khai thôn Điền-lễ.*

120. TỪ ĐẠO HẠNH HAY SỰ TÍCH THÁNH LÁNG

Vào thời Lý có một ông sư quê ở làng Láng gần kinh đô, tên là Từ Vinh. Từ Vinh học được phép tàng hình. Không những thế, hắn còn biết cả phép biến mình thành bất cứ con vật gì hay bất cứ một người nào khác. Khi học được phép lạ, hắn không nghĩ đến việc lợi dụng phép thuật để giúp đỡ người nguy kẻ khó, mà chỉ nghĩ cách tìm khoái lạc cho bản thân. Cho nên, hắn đi khắp mọi vùng, bề ngoài làm bộ giảng đạo nhưng kỳ thực là để gần gụi những người đàn bà mà mình ưa thích. Hắn đã có phép, lại không kém khôn ngoan, nên chả một ai hay biết cả.

Từ lúc Từ Vinh thi đậu khoa thi Bạch-liên, được vua phong chức tăng quan đô sát, một chức quan lớn trong triều đình, thì hắn lại lẻn lút tìm gái ở vùng kinh kỳ. Bấy giờ, ở kinh có một nhà quý tộc tên là Diên Thành hầu có phủ đệ đẹp đẽ trên bờ sông Cót gần làng Từ Vinh. Diên Thành hầu có một đám vợ và nàng hầu, trong đó có một nàng trẻ tuổi, nhan sắc xinh đẹp trên đời khó ai sánh kịp. Từ Vinh chú ý đến nàng. Phủ đệ Diên Thành hầu canh gác rất nghiêm ngặt, nhưng đối với Từ Vinh thì chẳng mùi gì. Nhè những đêm Diên Thành hầu vắng mặt, Từ Vinh tàng hình lọt vào buồng của nàng, rồi biến thành chồng nàng lên giường giao hoan. Sáng dậy, y lại tàng hình đi ra khỏi cổng trước mắt bọn gác. Vì thế, chẳng những cả nhà Diên Thành hầu không một ai biết mà chính người đàn bà nọ cũng không ngờ là ngoài chồng mình ra, còn có một người đàn ông thứ hai nữa.

Một hôm, giữa lúc Từ Vinh tàng hình bước ra khỏi buồng người đàn bà, thì chính là lúc Diên Thành hầu lại vào với vợ. Người đàn bà vội kêu lên: - "Sao phu quân vừa ra đã lại trở vào?". Nghe nói thế Diên Thành hầu hiểu ngay nông nỗi và sau khi tra gạn vợ, ông mới biết gian phu không phải là người tầm thường, nếu không có một pháp sư cao

tay thì đừng hòng trị nổi. Diên Thành hầu căm tức vô cùng, sau một lúc lâu suy nghĩ, ông sực nhớ đến nhà sư Đại Điên phép thuật cao cường nhất trong nước, từng được vua ban tước quốc sư và đã trổ tài mấy phen trị tà bắt quỷ.

Khi nghe Diên Thành hầu kể lại câu chuyện, Đại Điên đưa cho ông ta một sợi chỉ ngũ sắc và dặn rằng:

- Hầu về đưa sợi chỉ này cho bà ấy, chờ lúc gian tế đến, lẳng lặng buộc vào ngang lưng. Một mặt cho rắc một lớp tro mỏng trước cửa buồng, cho người nấp chỗ kín canh gác. Đợi lúc nào thấy có dấu chân giẫm lên tro thì đóng ngay cửa lại, dán lá bùa này vào rồi cho người tức tốc đến đây báo tin cho bần đạo. Bần đạo sẽ vì hầu trừng trị con dâm quỷ.

Diên Thành hầu về, làm đúng như lời đã dặn. Quả nhiên, một đêm nọ Từ Vinh tàng hình mò tới. Hai tên nô chầu chực đêm ở cửa, bỗng nhìn thấy có những dấu chân tiến vào buồng mà không thấy có người, vội dán lá bùa lên cánh cửa rồi phi báo cho chủ biết. Đêm ấy, Từ Vinh vô tình, không ngờ có cạm bẫy đang giương ra chờ mình, nên chỉ một lúc sau người vợ Diên Thành hầu đã buộc được sợi chỉ ngũ sắc quanh lưng mà hắn cũng không hay biết gì cả.

Nghe tiếng động, Từ Vinh vội niệm chú biến thành một con gián. Nhưng chỉ bay đến cửa, hắn mới biết rằng khắp mọi nơi đều có phép thần kín mít như bưng, không một khe hở nào chui lọt. Giữa lúc đó thì Đại Điên đã cầm đuốc tiến vào buồng. Gián ta hoảng hốt bò vào một khe vách nằm im tại đó. Cuộc tìm tòi của Đại Điên đã tưởng như trở nên vô hiệu. Mãi về sau, nhờ có sợi chỉ ngũ sắc buộc quanh người thò ra ngoài vách, nên Đại Điên lôi ngay được gián ra. Trong tay thần của Đại Điên, Từ Vinh hết phương trốn tránh đành chỉ kêu van xin tha mạng. Đại Điên hỏi:

- Mày là ai?

Đáp:

- Tôi là Từ Vinh. Xin hòa thượng nghĩ đến tình đồng triều, đồng đạo, tha cho tội chết.

Nghe kẻ tội phạm xưng tên, Đại Điên nghĩ bụng: -"Phép thuật của hắn có tiếng là cao cường không kém gì ta. Nếu không sa cơ vì mấy lá

bùa chưa chắc hắn đã chịu kêu van như thế này đâu. Tha cho hắn sẽ nguy hiểm cho ta. Tất phải trừ đi để khỏi hậu hoạn". Nghĩ vậy sư ta cười gằn bảo Từ Vinh:

- Mày là kẻ tu hành, lại được triều đình trọng dụng mà cố tình phá giới, phạm tội chồng chất như thế này ư? Tha cho mày sao được! Thôi ta hóa kiếp cho mày để lo tu tỉnh về sau.

Từ Vinh chưa kịp kêu thì đã bị bàn tay Đại Điên bóp nát vụn. Xác con gián vừa rơi xuống đất thì hiện nguyên hình thành Từ Vinh. Đại Điên đá vào cái thây nói:

Kiếp này đã vụng đường tu,
Hãy đền tội lỗi, đền bù kiếp sau.

Đoạn, ngoảnh bảo Diên Thành hầu:

- Thế là trừ được một con dâm quỷ. Hầu cứ bảo người nhà vứt thây nó xuống sông.

Diên Thành hầu hết lời cảm tạ và sai người nhà mang mười lạng vàng tống tiễn quốc sư về chùa.

Nhưng sáng hôm sau, giữa lúc Đại Điên đang tụng kinh thì một tên nô của nhà Diên Thành hầu đã hốt hoảng chạy tới báo tin:

- Bạch sư cụ, cái thây hôm qua không chịu trôi. Nó cứ đứng sừng sững giữa sông Cót trên mặt nước, tay chỉ vào nhà hầu tôi, mắt nhìn trừng trừng rất dữ tợn. Hầu tôi kính mời sư cụ đến trị ngay cho!

Nghe nói, Đại Điên theo đến, chỉ tay vào thây Từ Vinh, đọc một câu quyết:

Sống chết là giấc chiêm bao,
Dầu giận thế nào không để cách đêm[1].

Tự nhiên cái thây chìm xuống nước và trôi đi.

Lại nói chuyện Từ Vinh có một người con tên là Từ Đạo Hạnh. Chàng mới hai mươi lăm tuổi, rất chăm học và rất có hiếu. Cái đêm

1. Dựa vào câu: *Tăng hận bất cách túc,*
Sinh tử nhất mộng trường.
Ý muốn nói: Thôi! Ghét ai giận ai qua một đêm thời thôi mới là quân tử; sống chết cũng chỉ là một giấc chiêm bao (Đoạn này theo *Thiền uyển tập anh*).

cha bị giết, Từ Đạo Hạnh được cha báo mộng cho biết sự tình và nhắc đi nhắc lại tên Đại Điên, dặn phải trả thù cho bằng được. Tỉnh dậy, chàng hốt hoảng đi tìm cha, và chàng xiết bao đau đớn khi thấy thây cha nổi trên mặt nước. Nóng lòng vì báo thù, chàng cầm côn đi tìm Đại Điên. Chờ lúc Đại Điên đi đường một mình, chàng đuổi theo kẻ thù toan chuyện phang cho một côn lên cái đầu trọc. Nhưng vừa định vung côn, chàng bỗng nghe văng vẳng bên tai có tiếng can của cha mình: -"Chớ! Chớ nóng nảy. Muốn bóc vỏ quýt dày cần có móng tay nhọn đã!".

Vì thế Từ Đạo Hạnh lại thu côn vào nách, nuốt giận trở về. Chàng tính chỉ có cách tìm thầy học phép mới trừ được kẻ thù lợi hại kia. Nghĩ vậy, chàng bỏ nhà đi khắp nơi tìm thầy,thề quyết bao giờ "đắc đạo" mới chịu trở về.

*

* *

Hồi ấy ở về miền ven biển phía Nam có hai người bạn tâm giao: một người là Nguyễn Minh Không và một người là Dương Không Lộ. Cả hai đều làm nghề chài lưới nhưng rồi rủ nhau cắt tóc đi tu. Sau bao nhiêu năm đọc kinh gõ mõ vẫn chưa được đắc đạo, một hôm Nguyễn Minh Không nói với bạn:

- Tôi nghe muốn nhìn được xa thì phải trèo lên núi cao, muốn uống nước ngọt thì phải tìm đến tận nguồn. Vậy muốn đắc đạo trừ phi tìm đến quê hương của Như Lai thì không còn cách nào khác.

Dương Không Lộ đáp:

- Tôi sẵn lòng đi với bạn, dù có gặp núi cao biển rộng khó khăn đến đâu cũng không quản ngại.

Thấy hai chú tiểu cùng phát thệ đi đến đất Phật, một vị sư bác trong chùa cũng hăm hở đòi đi theo. Nhưng hồi ấy đường đất từ nước nhà sang đến Thiên-trúc thật là muôn vàn nguy hiểm và vô cùng gian khổ, cho nên sau khi đi được mấy ngày, vị sư bác đã thấy chùn chân, đành cáo bệnh trở về chùa cũ. Chỉ có hai bạn trẻ vững lòng nhằm hướng Tây tiến bước.

Một hôm, họ đến một vùng núi cao. hai người chui vào một ngôi miếu cổ bên đường để ẩn mưa, bỗng gặp một người trẻ tuổi đang ngồi

đốt lửa sưởi ở trong đó. Họ bắt đầu làm quen và biết rằng đấy là Từ Đạo Hạnh, cũng lặn lội đi tìm thầy học phép để trả thù cho cha. Sau một đêm chuyện trò, ba người kết bạn với nhau. Từ Đạo Hạnh nhiều tuổi hơn được tôn là anh cả. Dương Không Lộ thứ hai và Nguyễn Minh Không là em út.

Cuộc hành trình vất vả kéo dài mấy năm trời. Họ đã trèo qua bao nhiêu là núi rừng, lội qua bao nhiêu là sông suối, chung sống với bao nhiêu là người dị chủng. Mặc cho ốm đau, đói khát, rách rưới, họ vẫn không chịu nản.

Một hôm, vừa qua xứ Mán Răng Vàng, họ bỗng gặp một ông cụ chở chiếc thuyền độc mộc ở giữa sông. Họ gọi lại hỏi đường. Ông cụ cho biết là theo con đường sông này sang quê hương Phật tổ thì không còn bao xa nữa. Ông cụ còn sẵn lòng chở họ đến nơi. Mừng quá, cả ba người xuống thuyền và thuyền đi nhanh vùn vụt chả mấy chốc đã đến đất Phật.

Ông cụ lái đò chính là đức Phật Như Lai. Nghe tin có người thành khẩn mộ đạo đến nỗi không quản gian lao nguy hiểm, nên đức Phật hiện xuống, dùng phép thần thông đưa họ đi. Nhưng khi nghe nói mục đích học đạo của Từ Đạo Hạnh thì đức Phật không bằng lòng. Cho nên khi đến nơi, ông cụ lái đò bảo Từ Đạo Hạnh ở lại trông thuyền cho hai anh em lên thăm dò trước đã rồi có gì sẽ báo lại sau. Thế rồi đức Phật đưa Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ về độ cho thành chính quả, và truyền cho tất cả các thuật biến hóa huyền diệu. Sau khi đắc đạo, Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không cúi đầu lạy tạ đức Phật rồi lên đường về nước.

Nói chuyện Từ Đạo Hạnh ngồi chờ mãi không thấy hai em trở lại, trong bụng lấy làm lo lắng chưa biết nên tính cách gì. Xảy gặp một bà cụ già từ trên bờ đi xuống bến xin sang sông. Chàng vui lòng chống đò giúp bà cụ. Luôn tiện chàng hỏi thăm:

- Cụ có thấy một ông già và hai anh chàng đi về ngả ấy không?

Bà cụ đáp:

- Có. Họ đã gặp đức Phật và đã đắc đạo rồi!

Nghe nói thế, Từ Đạo Hạnh đoán chắc bà cụ này không phải là người phàm trần, vội sụp lạy kêu nài:

- Xin cụ rủ lòng thương cho, kẻ đệ tử này mối thù cha trong lòng canh cánh không lúc nào nguôi.

Bà cụ vốn là một vị Bồ tát được đức Phật sai đến đây, bèn trả lời:

- Chính vì tìm đến cõi Phật với một điều ác trong lòng nên không được độ.

Chàng mếu máo bày tỏ lời thề của mình trước linh sàng của cha cho bà cụ nghe và lạy lục vật nài đến kỳ cùng. Bà cụ bảo:

- Nếu lấy oán báo oán sẽ không tránh khỏi "nghiệp báo". Nhưng vì người có lòng thành khẩn nên ta cũng truyền cho.

Đoạn dạy cho Từ Đạo Hạnh mọi thuật biến hóa mầu nhiệm và để cho chàng có thể đối địch với kẻ thù, nên Bồ tát còn dạy cho phép hô thần tróc quỷ bằng cách tụng chú Đà-la-ni, v.v...

Thế là từ đó Từ Đạo Hạnh cũng biết một số phép thần thông. Cho nên, Lúc Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không từ đất Thánh trở về thì chàng đã độn biết được trước, mới định tâm đùa một mẻ để cho hai bạn hoảng sợ chơi. Khi họ sắp sửa đến bến đò phải đi qua một khu rừng rậm, Từ đã hóa làm một con hổ lớn từ trong bụi xông ra định vồ, nhưng chàng không ngờ rằng hai bạn mình đều đã học được phép Phật, nên khi nhìn thấy hổ thì đoán ngay ra đó là Từ. Họ đồng cười lên. Nguyễn Minh Không đi đầu, nói:

Thôi đừng đùa cợt chi nhau,
Muốn làm kiếp ấy rồi sau được làm.

Nghe thế Từ Đạo Hạnh giật mình tỉnh ngộ. Nhờ phép thần, chàng thấy được kết quả tội lỗi của mình ở kiếp sau. Chàng bèn niệm chú hiện lại nguyên hình rồi cười đỡ thẹn:

- Anh chỉ định tâm thử chơi, không ngờ mua cười với hai em. Phép thuật của hai em như thế đủ biết không phải tầm thường. Anh chỉ mong em ba đến lúc đó sẽ hết sức giúp anh qua khỏi "nghiệp chướng".

Thế rồi ba anh em lên đường về nước. Lần này, họ đi vùn vụt như tên, chả mấy chốc mà trước mắt họ đã thấy sông Lô núi Tản. Ba người chia tay nhau. Nguyễn Minh Không và Dương Không Lộ về quê hương còn Từ Đạo Hạnh thì không về nhà. Chàng nghĩ bụng: - "Ta phải tìm

một nơi nào yên tĩnh để tu luyện thêm cho đến chừng hơn hẳn kẻ địch, lúc bấy giờ sẽ gọi hắn đến đương trường tỷ thí chú không thèm đánh lén lút". Bèn tìm đến Thạch-thất, vào một hang đá ngồi xếp bằng tu theo lối trường định. Theo như lời dặn, hàng ngày chàng niệm chú Đà-la-ni một vạn tám nghìn lần.

Sau ba tháng mười ngày khổ luyện, tự nhiên một hôm chàng vừa đọc câu chú, bỗng có một vị thần mặt xanh mỏ đỏ hiện ra trước mặt rồi nói: -"Từ Đạo Hạnh, anh cần sai bảo gì, tôi xin tuân lệnh". Từ biết là đạo pháp của mình đã đến ngày thông được với thần, mừng quá vội nói: -"Ta cần trả thù cha. Lập tức đưa ngay ta về kinh thành". Thốt nhiên chỉ trong nháy mắt, Từ Đạo Hạnh đã xuất hiện ở phía Bắc hoàng cung. Chàng bước lần đến ngã ba sông Cót ném xích trượng xuống nước. Giữa dòng nước chảy xuôi, gậy cứ lừ lừ trôi ngược. Chàng đuổi theo cây gậy bấy giờ đã lướt sóng như một con rồng cho đến cầu Tây-dương thì dừng lại. Chàng vội tàng hình bước vào nhà Đại Điên. Bấy giờ Đại Điên đang ngồi nói chuyện trước một số đông quan khách. Chàng tiến đến trước mặt, hiện lại nguyên hình và bảo Đại Điên:

- Đại Điên! Mày có biết tao là ai không? Tao là Từ Đạo Hạnh con Từ Vinh. Ác giả ác báo. Mày giết chết cha tao, tao phải giết lại mày! Thôi cho mày sửa soạn đi!

Biết là gặp phải đối thủ không vừa, Đại Điên khởi thế công ngay. Nhưng phép thuật của hắn không thể nào đương nổi chiếc gậy thần của Từ Đạo Hạnh. Vì thế, cuộc chiến đấu diễn ra không lâu. Chỉ một gậy của Từ giáng xuống, hắn ngã vật chết ngay, chỉ kịp nói được mấy tiếng:

- Hỡi Từ Đạo Hạnh, tao sẽ diệt mày!

*

* *

Nói chuyện vua nhà Lý, hồi ấy tuổi đã già mà không có con. Bao nhiêu hoàng hậu và phi tần trong hậu cung chưa từng có một người nào chửa đẻ. Nhà vua hết cầu Trời khấn Phật đến tìm thầy chạy thuốc, nhưng chẳng ích gì. Những phép bùa thuốc men của các pháp sư, các lang y chả có một thứ nào ra hồn. Người ta đều nói, vì mẹ vua ác nghiệt nên bị Trời phạt như thế, mà Trời đã phạt thì đừng hòng cưỡng lại.

Thất vọng, nhà vua dự định nuôi con nuôi. Một hôm, viên chuyển vận sứ Thanh-hoa về kinh chầu vua có báo một tin rất lạ: một nhà dân chài ở miền biển có sinh một đứa bé thần dị. Lên ba tuổi, nó đã biết nói và tự xưng là Giác Hoàng. Nó biết tất cả các việc trên trời dưới đất và tất cả mọi việc trong triều, ngoài nội. Và điều này mới đáng để ý, là hoàng thượng làm gì nó cũng biết cả. Nó còn tự xưng là con của hoàng thượng. Nghe nói thế, vua liền cho đưa đứa bé về cung. Thấy mặt mũi nó sáng sủa, hỏi đâu biết đấy, nhà vua đem lòng yêu dấu, muốn nuôi làm con để một ngày kia trăm tuổi sẽ truyền cho ngôi báu. Có mấy vị đại thần khi nghe vua dò ý tứ thì vội can ngăn:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ làm thế sợ lòng dân không phục. Nếu nó linh dị như thế, sao không thác sinh vào cung để mang lấy dòng máu của hoàng đế, lại đi làm kiếp con nhà bần tiện.

Nhà vua mang lời tâu ấy kể cho đứa bé nghe. Giác Hoàng xin vua dựng cho một cái đàn tràng, mời thầy làm lễ trong bảy đêm ngày, nó sẽ có cách đầu thai được. Vua mừng lắm, vội sai các quan làm y như lời nó dặn.

Tin ấy truyền đi khắp nơi và đến tai Từ Đạo Hạnh. Biết ngay đó là kẻ thù của mình, chàng bèn tìm đến nhà chị ruột đưa cho chị bốn lá bùa, nhờ về kinh tìm tới đàn tràng giắt lên mái; mỗi lá giắt về một phương. Quả nhiên sau đó ba ngày, Giác Hoàng bỗng bị bệnh nguy kịch. Gặp vua, hắn tâu:

- Tâu bệ hạ, bây giờ thì khắp mọi nơi đâu đâu cũng có lưới sắt vây kín, không thể nào thác sinh được. Hạ thần chỉ còn chờ chết. Mong bệ hạ trị tội Từ Đạo Hạnh, vì chính hắn đã âm mưu giết hạ thần và phá hoại cơ nghiệp lâu dài của bệ hạ.

Nói xong thì chết.

Thấy Giác Hoàng chết, vua nổi cơn thịnh nộ, lập tức sai người đi tra xét, quả bắt được mấy lá bùa có pháp ấn Từ Đạo Hạnh. Vua vội sai mấy đội vệ sĩ đi bắt Từ về kinh trảm quyết. Bị quân lính giải đi, Từ Đạo Hạnh không dám trái mệnh. Qua phủ đệ Sùng Hiền hầu ở phía Tây kinh thành, chàng cố nài bọn họ cho mình vào yết kiến. Sùng Hiền hầu nguyên là em ruột vua. Và cũng như vua, hầu không có con trai.

Từ Đạo Hạnh chợt nghĩ ra được một kế cho nên khi gặp hầu, chàng cố nài nhờ tâu giúp để vua tha tội cho mình. Đổi lại, chàng sẽ tìm cách đầu thai làm con hầu và chắc chắn thế nào cũng phải được. Sùng Hiền hầu nghe bùi tai, liền đi vào hoàng cung bênh vực cho Từ:

- Tâu bệ hạ, không nên nghe lời một đứa bé để giết hại một nhà tu hành. Nếu Từ Đạo Hạnh mà diệt được Giác Hoàng thì phép thuật của Giác Hoàng sao ví được với Từ Đạo Hạnh. Bệ hạ nên lưu y lại để dùng khi quốc gia hữu sự...

Nhân đấy, Từ Đạo Hạnh cũng tâu thêm:

- Tâu bệ hạ, nó là tà ma ngoại đạo hiện ra để hãm hại mọi người. Bần tăng không thể ngồi yên mà nhìn để cho tà ma làm loạn cả chính pháp, nên vượt phép bệ hạ trừ bỏ nó đi. Nay việc đã xong, bần tăng xin cúi đầu chịu tội.

Nghe mấy lời nói có lý, nhà vua dần dần nguôi giận, tha bổng cho Từ.

Hôm đó về đến nhà Sùng Hiền hầu, Từ Đạo Hạnh xin phép vào gặp vợ hắn. Người nhà cho biết là phu nhân đang bận tắm. Từ bảo:

- Thế thì lại càng hay. Xin cho đưa vào ngay!

Bấy giờ người vợ Sùng Hiền hầu đang giội nước trong buồng tắm, bỗng thấy có một vị hòa thượng xô cửa bước vào. Trong lúc hoảng hốt chưa kịp kêu la thì hòa thượng đã biến đi đâu mất, mà lại thoáng thấy ở trong bồn nước có bóng một đứa trẻ. Người đàn bà ấy chưa hiểu ra thế nào cả thì đứa trẻ cũng đến lượt biến đi. Từ Đạo Hạnh đã bước ra khỏi nhà tắm. Gặp lại Sùng Hiền hầu, Từ dặn: -"Bao giờ phu nhân sắp sửa ở cữ, xin cho người hỏa tốc báo tin cho biết ngay".

Dặn đoạn, trở về Thạch-thất.

Từ hôm ấy, Sùng Hiền hầu trông trông mừng mừng khi thấy vợ có chửa, bụng ngày một lớn. Một đêm nọ thấy vợ chuyển bụng, theo đúng lời dặn, ông vội sai gia nhân phi ngựa lên Thạch-thất báo tin. Hôm đó, Từ Đạo Hạnh đang ngồi trước hang đá thuyết pháp, học trò có đến hàng ngàn người vây quanh cửa hang. Bỗng có tin người nhà Sùng Hiền hầu xin ra mắt hòa thượng. Từ Đạo Hạnh bảo các môn đồ:

- Thời đã đến rồi vậy! Ta sắp sửa đi đây!

Nói xong đọc mấy câu kệ dặn dò, rồi ngồi xếp bằng lại mà hóa.

*

* *

Giữa lúc Từ Đạo Hạnh chết thì ở Thăng-long người vợ Sùng Hiền hầu sinh hạ một đứa con trai đặt tên là Dương Hoán. Năm mười lăm tuổi, Dương Hoán được vua nuôi là con và sau đó lấy làm đẹp lòng vì tính nết chàng có thể giữ được ngôi báu dòng họ Lý, nhà vua phong cho làm Hoàng thái tử. Năm hai mươi tuổi, Dương Hoán lên ngai vàng kế vị cha nuôi, trị vì thiên hạ tức là Lý Thần Tông.

Nhưng sau khi lên ngôi báu được ba năm thì Lý Thần Tông bỗng bị một bệnh lạ lùng. Thoạt tiên, nhà vua thấy ngứa ngáy khắp cả mình mẩy. Càng gãi bao nhiêu thì lông càng mọc bấy nhiêu. Mãi về sau toàn thân mọc đầy thứ lông màu vàng có vằn đen như da hổ, miệng thỉnh thoảng lại gầm lên những tiếng dễ sợ. Nhà vua suốt ngày ngồi lù lù trong một góc buồng, áo quần mặc vào bao nhiêu xé rách bấy nhiêu. Trước tin này, mọi thần dân đều ngơ ngác. Tất cả các viên ngự y đều lắc đầu bó tay, không biết bệnh gì mà chữa. Bọn nội thị khảo nhau: -"Có lẽ hoàng đế hóa làm chúa sơn lâm thì phải".

Triều đình và nội cung vì việc vua đau cuống quýt cả lên. Ngoài những vị lương y còn có những pháp sư phù thủy được triệu đến làm phù phép, nhưng luôn trong năm tháng, bệnh của vua chỉ ngày một tăng chứ không có giảm. Hoàng thái hậu lo sợ quá, sai yết bảng rao: nếu ai chữa được vua lành sẽ chia cho nửa nước.

Thì bỗng nhiên, một hôm có vị đại thần đi ra ngoài cửa ô, nghe đám trẻ chăn trâu hát lên mấy câu:

Tập tầm vông!
Có ông Nguyễn Minh Không,
Chữa cho vua khỏi hóa.
Tập tầm vá!
Muốn chữa vua khỏi hóa,
Phải đón Nguyễn Minh Không.

Viên đại thần vừa ngạc nhiên vừa mừng, vội về triều báo tin cho hoàng gia biết. Lập tức triều đình phái một viên võ tướng mang năm trăm quân sĩ xuống mười chiếc thuyền lớn, xuôi sông đi về biển triệu Nguyễn Minh Không.

Lại nói chuyện từ khi chia tay hai bạn, Nguyễn Minh Không vào Ninh-bình trụ trì ở một ngôi chùa nhỏ, lấy hiệu là Giác Hải. Trong những cuộc đi chơi, chàng đã dùng pháp thuật của mình giúp đỡ mọi người. Một lần đi qua xã An-vệ thấy người dân ở đây đang khổ vì đại hạn: lúa héo khắp cả cánh đồng, chàng bảo người làng đan gấp cho mình một cái giỏ bằng tre thật lớn, ngoài phết giấy. Đoạn, đưa ra sông cả múc nước, một mình đội về giội xuống ruộng, nước chảy lênh láng khắp cả cánh đồng; chỗ nước giội xuống nay hóa thành cừ. Nhờ thế mà lúa lại mọc khỏe, dân làng lại được mùa[1].

Khi quân sĩ đi tìm được đến chùa thì Nguyễn Minh Không đang tụng kinh buổi trưa. Viên võ tướng mang quốc thư lên trình. Chàng đọc xong, quay lại nói với bọn họ:

- Bây giờ đã quá trưa, các vị đi đường chắc là đói bụng. Nhà chùa thanh đạm chẳng có gì nhưng cũng mời tất cả các vị dùng cơm chay một bữa rồi hẵng nhổ sào cũng chưa muộn.

Mời đoạn, chàng giục một chú tiểu bắc nồi thổi cơm và làm thức ăn. Nhìn thấy chú tiểu bắc một chiếc nồi tý tẹo lên bếp, lại thấy hòa thượng giết thịt một con chim sẻ thì viên tướng không nhịn được cười:

- Bạch hòa thượng, chúng tôi đi đây có đến năm trăm quân sĩ. Nay hòa thượng cho ăn như thế chỉ sợ một người vẫn chưa thể nào thòm thèm, huống hồ là năm trăm người. Hiện nay lương thực còn ở dưới thuyền, xin để chúng tôi về tự lo lấy cái ăn, khỏi phải làm phiền đến cửa Phật.

Nguyễn Minh Không đáp:

- Các vị chớ ngại, nhà chùa tuy nghèo nhưng không để các vị phải đói đâu.

Nói xong, quay ra đun nấu một tý rồi bảo quân sĩ sắp hàng theo từng đội ngũ, lần lượt vào nhận phần cơm. Quân sĩ lũ lượt từng người đến

1. Đoạn này theo tạp chí *Nam phong* (1929).

trước hai cái nồi đất tý hon xới cơm và gắp thịt chim sẻ vào bát. Không ai không ngạc nhiên vì từ hai cái nồi mầu nhiệm ấy bới hết bao nhiêu lại đầy ùn lên bấy nhiêu. Nguyễn Minh Không luôn luôn giục họ bới cho thật đầy để ăn cho rõ no. Và rồi chỉ trong một lúc, năm trăm quân sĩ dự xong bữa tiệc của nhà chùa thết.

Ăn xong, chàng bảo họ ai về thuyền nấy nghỉ ngơi trước khi nhổ sào tiến kinh. Cả tướng lẫn quân quay ra làm một giấc ngon lành. Nhưng khi tỉnh dậy họ đều hết sức sửng sốt vì thấy mình đã đến bến Ngự từ lúc nào rồi. Nguyễn Minh Không theo viên tướng vào hoàng cung. Bấy giờ các pháp sư ngồi đầy cả điện Thái-hòa. Họ đang túm năm tụm ba vẽ bùa thử phép rì rầm khắp nơi. Thấy một nhà sư có vẻ quê mùa bước vào, họ liền bĩu môi:

Chuông khánh còn chả ăn ai,

Nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bụi tre.

Chàng không nói gì cả, cúi đầu chào mọi người rồi rút trong áo lấy ra một chiếc đinh dài đóng sâu vào cột chừng một tấc, đoạn ngoảnh lại nói to lên, bảo rằng:

- Ai tay không nhổ được cái đinh này thì người ấy sẽ chữa lành bệnh cho thiên tử.

Nghe nói thế, các pháp sư đều chạy lại thử rút cây đinh nhưng chả một ai lắc nổi. Cuối cùng, Nguyễn Minh Không bước lại dùng hai ngón tay khẽ rút ra như bỡn trước con mắt kính phục của mọi người. Thế rồi chàng đi thẳng vào nội điện, đến trước long sàng. Lý Thần Tông bấy giờ đang nằm ngửa, xung quanh có đến hàng chục nội thị đang giữ lấy tay chân. Thỉnh thoảng, bệnh nhân lại gầm lên và cố sức giãy giụa. Nguyễn Minh Không nhìn trừng trừng vào mắt bệnh nhân và nói lớn:

- Còn nhớ cố nhân nữa không? Được làm con Trời giàu có bốn biển mà cũng không thoát khỏi nghiệp báo ư?

Nghe nói, nhà vua bắt đầu có vẻ sợ, nằm im thin thít. Chàng sai đặt trước điện một cái vạc lớn đổ thuốc và dầu vào, bắt nấu sôi lên sùng sục. Đoạn chàng xắn tay áo, thò tay vào vạc quấy đều lên. Chàng ra lệnh vực vua lại gần rồi tự tay cầm gáo múc dầu trong vạc ra tắm cho vua. Dầu chảy đến đâu lông lá trôi đến đấy, da thịt nhà vua lại trắng trẻo như xưa.

Sau khi nhà vua lành bệnh, triều đình không ngớt lời khen ngợi phép thần diệu của Nguyễn Minh Không. Họ y ước cắt đất phong thưởng nhưng chàng không nhận, nói:

- Bần tăng vì một lời hứa với người bạn cũ chứ không phải vì phú quý[1].

Đoạn bỏ về chùa cũ.

KHẢO DỊ

Truyện này đã được nhà chùa uốn nắn lại với dụng ý đề cao Phật giáo, lại cắt xén đi nhiều chỗ, như những đoạn về Từ Vinh, về Từ Đạo Hạnh làm phép đầu thai, v.v... Mặt khác, câu chuyện còn bị nhập cục với truyện sư Khổng Lồ. Ở đây, chúng tôi dựa vào lời kể của nhân dân, khôi phục lại các đoạn bị cắt, tách riêng truyện *Khổng Lồ đúc chuông* (số **67**) ra, vì nhận thấy nó có một kết cấu độc lập. Nhưng chúng tôi vẫn không làm sai nguyên ý của truyện thường kể.

Người Cham-pa có truyện *Pô Ta-bai*, đoạn đầu phần nào giống với đoạn đầu của truyện *Từ Đạo Hạnh*.

Vua Ta-bai đi săn. Vua nhặt được một cái ngà thần trong một cái ao. Chỉ trừ vua ra, không một sức mạnh nào có thể mang lên nổi. Trong ngà có một người đàn bà đẹp (nai ba-lã) bí mật trú ngụ. Thường ngày, vua đi săn vắng, người đàn bà hiện ra dọn các thức ăn, rồi lại chui vào ngà, như vậy đã gần một năm. Người đàn bà ở với vua như vợ chồng.

Rắc Bin-xvơ nghe tin này, một hôm chờ vua đi săn vắng, biến thành một con mối nấp ở cánh cửa. Khi người đàn bà ở trong ngà hiện ra, hắn mê hồn về sắc đẹp, cũng làm phép biến thành một người giống với vua, trừ hai cái răng nanh thò ra ngoài mồm là không giấu được. Người đàn bà hỏi tại sao đang đi săn lại về. Hắn lấy lời vua trả lời rằng vì đi dọc đường tự nhiên mọc ra hai cái răng nanh.

Khi vua về, người đàn bà hỏi: -"Bệ hạ mới về lúc trưa, sao bây giờ lại lộn lại?". Vua hỏi hình dạng người về cung trước mình. Đáp: -"Giống bệ hạ hết

1. Theo *Lĩnh-nam chích quái*, đã dẫn; *Nước non tuần báo*; và theo lời kể của người miền Bắc.

cả, chỉ trừ hai cái răng nanh thò ra ngoài". Vua biết là Rắc Bin-xvơ nên hôm sau, lúc đi săn, sai dán bùa vào cánh cửa. Khi Rắc Bin-xvơ đến thấy cửa đóng kín, nhưng hắn cũng hóa phép thành một con vật nhỏ bò vào. Người đàn bà hỏi thì hắn nói những câu nói quen thuộc của vua nên nàng tin là thật, ăn ở với hắn như vợ chồng.

Vua nửa đường lộn về, nhưng thấy cửa đóng và bùa còn dán kín nên lại tiếp tục đi săn. Khi Rắc ra đi, người đàn bà lưu lại, xin vẽ một bức chân dung để khi xa nhau nhìn cho đỡ nhớ. Vẽ xong, nàng bỏ chân dung dưới nệm giường. Sau đó ít lâu vua đến với người đàn bà. Nằm trằn trọc mãi không ngủ được, vua thăm dò các nơi, cuối cùng tìm ra được bức chân dung. Hỏi thì người đàn bà nói thật. Vua ghen, giận đuổi ra khỏi cửa...

Đoạn sau truyện còn dài nhưng tình tiết phát triển khác truyện của ta nên không kể ở đây.

Truyện *Ra-ma-ya-na* của người Khơ-me (Khmer):

Để giấu các người vợ của mình khỏi con mắt của thần Ra-va-na, thần Đế Thích (In-đơ-ra) bèn bỏ họ vào một cái hang, hàng tuần ông đến với họ một lần. Rồi thần đóng kín cửa hang bằng một câu thần chú.

Thần Ra-va-na tìm đến cửa hang cầy cục không mở được cửa, bèn hóa thân làm một con mối nấp ở trên cửa hang để nghe trộm câu thần chú của thần Đế Thích.

Khi nghe được rồi, hôm sau thần bèn hóa làm thần Đế Thích, đọc câu thần chú, mở cửa hang vào ân ái với vợ cả của Đế Thích là Xu-xi-tra...[1].

Theo *Truyện cổ Ca-tu* thì dân tộc Ca-tu có truyện con khỉ: Có một ông vua độc ác nuôi một con khỉ nhưng không biết nó có phép lạ. Thường những lúc vua đi vắng, nó hóa thành người y hệt như vua, vào với vợ vua. Khi vua về lại biến trở lại thành khỉ. Về sau truyện tiến triển có khác: khỉ bày mưu cho dân làng đánh lại vua. Một hôm vua đi vắng, khỉ biến thành vua. Khi vua thật về, một mặt dân chúng kéo đến vây, một mặt khỉ xúi vợ vua đem quân bắt vua thật, bảo đó là kẻ thù. Sau đó, khỉ còn dùng mưu bắt cả rể của vua, đem giết cả hai, rồi tôn một người già lên làm vua.

Thần thoại Hy-lạp (Grèce) có truyện kể rằng thần Dớt (Zeux) thấy nàng An-xmen (Alcmène) đẹp, nhân chồng nàng là Ăm-phi-tri-ông (Amphitryon)

1. Đều theo *BEFEO* (1931).

còn bận cầm quân đánh giặc, thần bèn hóa làm chồng nàng để vào với nàng. Đi theo thần còn có thần Méc-quya (Mecure) cũng biến thành Xô-xi (Sosie), thủ hạ của Ăm-phi-tri-ông để cho nàng khỏi nghi. Cuộc tình duyên này đã làm cho nàng sinh ra thần Héc-quyn (Hercule).

Về chỗ nồi cơm thần diệu ăn mãi không hết, chúng ta còn có truyện *Sự tích Bồ tát Chân Nhân*. Bồ tát ở làng Bối-khê, huyện Thanh-oai (Hà-đông), cũng có những phép gần như phép Nguyễn Minh Không đãi khách. Bồ tát Chân Nhân thuê một trăm người thợ dựng ngôi chùa lớn ở núi Tiên-lữ. Mỗi bữa chỉ thổi một niêu cơm con cơm. Lúc đầu đám thợ trông thấy đều bật cười. Bồ tát bảo: -"Khi cơm chín cứ bới ra rá để tôi còn về quê lấy tương cà làm thức ăn". Thợ lại càng cười cho là nhà sư chỉ nói bỡn, vì quê của Bồ tát cách đấy gần một ngày đường. Nhưng chỉ trong nháy mắt, Bồ tát Chân Nhân từ chùa núi Tiên-lữ sang chợ Bảo-đà làng Đan-vị lấy hai lọ tương, một lọ muối, rồi từ chợ lại trở về chùa. Lúc về cơm vừa chín tới. Bồ tát gọi thợ lại ăn, nhưng họ ăn không hết một niêu cơm con, vì hễ bới lưng lại đầy[1].

Người Ba-na (Bahnar) cũng có truyện *Y Rít* nói tới người con gái nuôi của Y Rít có phép thổi cơm cho bọn lính nhà vua ăn bằng chiếc nồi bé tý, nhưng họ ăn đến tức cả bụng mà nồi cơm vẫn đầy.

Người Ê-đê cũng có truyện một em bé tên là Nồi (Gơ-la) vì da đen như nhọ nồi. Em vốn do một bà lão ăn một quả xoài trên rừng nên mang thai và đẻ ra. Lọt lòng, em đã nói được, gọi bà lão là "bà nội". Em có nhiều phép lạ, lúc đói đòi cơm, cơm tự động chạy vào miệng. Lúc làm tiệc đãi làng, em chỉ đưa ra một bát cá mà khách ăn mãi không hết.

Trung-quốc có truyện Tả Từ, là người Lư-giang thời Đông Hán, có phép thuật. Một lần gặp Lưu Biểu ở Kinh-châu đang diễu binh, Tả Từ nói: -"Tôi có lễ mọn khao ba quân". Hỏi: -"Khao những gì" -"Một bữa no say". Lưu Biểu nhận lời. Đến khi gặp thì thấy Tả Từ cầm một đấu rượu và một cái nem, Lưu Biểu bĩu môi, nhưng Tả Từ trao cho lính, họ chia nhau ăn uống no say mà vẫn không hết[2].

Trong *Kinh Thánh* cũng có truyện chúa Jê-su mấy lần chỉ có trong tay dăm cái bánh và vài con cá mà phân phát cho trên trăm ngàn dân chúng, ai nấy đều ăn no; bánh thừa còn lại hàng giỏ đầy.

1. Theo Vũ Phương Đề. *Công dư tiệp ký*.
2. Theo *Thần tiên truyện*.

Cổ tích và Phật thoại Ấn-độ cũng có truyện Du-dích-thi-ra nhận được của Mặt trời một nồi đồng lấy ra rau, thịt, cá vô tận; và Mác-nu-da vâng lệnh Phật sai đi quyên giáo không được gì, bỗng chốc thấy xuất hiện năm trăm bát đầy thức ăn; lại nhờ phép Phật mà hiện ra trước một nghìn vị tỳ-khưu, mỗi người một bát đầy thức ăn, v.v...[1].

Về chỗ Từ Đạo Hạnh học phép và kiếp sau của ông hóa hổ, sách *Lĩnh ngoại u linh lục* chép: lúc bấy giờ có Phật bà giáng xuống chùa Tây-phương ở Sơn-tây dạy đạo. Từ cùng hai ông bạn rủ nhau lên đó học phép của Phật bà. Hai ông kia sáng dạ nên buổi nào cũng được về trước, còn Từ tối dạ cứ phải ở lại sau. Một hôm, thấy Từ ngồi khóc, Phật bà hỏi duyên cớ, ông nói vì ở lại sau nên sinh xấu hổ. Phật bà thương hại, cho một cái gậy để có thể theo kịp hai ông bạn. Nhờ đó ông vượt trước họ một đoạn đường. Đến cửa chùa làng La-cả, ông ẩn vào một bụi rậm. Đợi hai bạn đến, Từ giả làm hổ gầm lên một tiếng để lòe chơi. Không ngờ, một trong hai ông biết Từ bõn cợt, bèn đọc câu "phát nguyện" rằng:

Phật cho như ý sở cầu,

Muốn làm loài ấy, kiếp sau được làm.

Kiếp thứ hai, Từ được giáng sinh cửa đế vương, tức là vua Lý Thần Tông, đang làm vua tự nhiên hóa hổ.

Đến kiếp thứ ba, Từ lại được giáng sinh vào cửa đế vương, tức là vua Lê Thần Tông, cũng đang làm vua tự nhiên hóa hổ. Triều đình nhờ đức thượng sư nội đạo tràng ở Thanh-hóa về chữa. Lúc ấy dân có dịch tễ, thượng sư bận bèn sai môn đồ mình đi thay với phép "trịch hùng trì chú". Sau khi thiết lập đàn tràng, môn đồ ra phép "hai tay đấm vào ngực, hai chân giẫm xuống đất, đọc chú ba lần". Tự nhiên vua thấy nhẹ nhõm, lông lá rụng hết; diện mạo lại đẹp đẽ như xưa[2].

1. Van Ghen-nép (Van Gennep). *Tôn giáo, phong tục và truyền thuyết.*
2. *Theo Lãng Tuyết. Sùng-sơn đại chiến sử.*

121. CHÀNG ĐỐN CỦI VÀ CON TINH

Ngày xưa có một anh chàng nghèo khó, sống một thân một mình. Tuy làm việc tất lực nhưng đói rách vẫn hoàn đói rách. Những bông lúa đẹp do bàn tay chàng vun bón thì cứ thi nhau chạy về nhà lão trọc phú. Cuối cùng, chàng đành bán tất cả những thứ còn lại trong nhà để mua một lưỡi búa, với ý định từ nay làm nghề đốn củi nuôi thân, may chi thay đổi được số phận.

Nhưng kiếm được một gánh củi không phải là dễ. Một hôm, theo lệ thường chàng tiến vào rừng sâu tìm củi. Sắp giơ búa giáng vào một cây đại thụ bỗng có một con tinh từ trong thân cây hiện ra trước mặt van lạy, kêu nài. Chàng dừng tay hỏi:

- Mày muốn gì?

Đáp:

- Xin ngài làm ơn đi chặt chỗ khác, tha cho chúng tôi ở đây được yên ổn.

Thấy thế, chàng càng làm già:

- Không được. Tao hết hơi, hết sức mới tìm được cây gỗ này chặt để lấy tiền nuôi thân mà mày lại bảo tao đi đâu. Hãy cút ngay cho tao làm việc.

Con tinh thấy anh chàng lại giơ búa, hốt hoảng:

- Cây này với chúng tôi như bóng với hình, không thể nào rời được. Ngài hãy thương cho, chúng tôi sẽ xin kính biếu ngài một vật.

- Vật gì? Đưa ra đây. Mau! Nếu không thì đừng có trách.

Con tinh bảo chờ một lát, đoạn mang đến một cái mâm đồng và nói:

- Ngài chỉ cần gõ vào mâm ba tiếng là có ăn ngay, muốn thức ngon vật lạ bao nhiêu cũng có.

Nghe nói, anh chàng vô cùng mừng rỡ, vội nhận lấy mâm ra về, không quên hứa để cho con tinh được yên ổn.

Khi đi qua chợ, chàng ghé ngay vào quán cơm, nơi mà thường ngày mình vẫn đặt gánh củi nặng trước cửa vào mua một cái bánh, vài đĩa xôi ăn đỡ đói và đỡ mệt. Lần này, chàng có ý khoe với nhà hàng là từ nay mình sẽ không cần ăn chịu và cũng không cần ăn khổ như trước nữa. Nghĩ vậy, bèn đặt mâm của mình trước mặt vợ chồng chủ quán và mọi người, gõ lên ba tiếng. Tự nhiên trong lòng mâm tuôn ta những bát cơm, bát canh, những đĩa cá, thịt, giò, chả đầy tú ụ, những chén rượu cúc tràn trề, v.v..., toàn là những thức ăn chưa bao giờ được nếm. Trước con mắt ngạc nhiên của đám đông khách ăn trong quán, chàng đốn củi đắc chí mời họ cùng ngồi dự tiệc.

Ăn xong, say rượu, chàng nằm lăn ra giường làm một giấc ly bì. Lão chủ quán thấy thế thì động lòng tham lam. Thừa dịp mọi người tản đi, hắn vào buồng chọn một cái mâm giống với chiếc mâm mầu nhiệm kia, rồi đánh tráo vào. Chàng đốn củi thức dậy không biết là mâm đã bị đánh tráo, hý hửng mang về. Sắp về tới làng, anh nghĩ bụng nên cho mọi người biết số phận của mình từ nay đã khác trước và nhân thể đãi làng xóm chén một bữa ra trò. Cho nên chàng rẽ ngay vào đình đánh trống gọi làng ầm ĩ. Tất cả mọi người từ ông tiên thứ chỉ cho đến anh mõ, ai nấy đều tưởng là có việc, lục tục đổ ra đình đông như hội. Anh chàng trịnh trọng lên tiếng:

- Không mấy khi cháu có bữa rượu, vậy mời quý cụ và đồng dân thượng hạ ngồi vào dự cuộc.

Nói rồi đặt mâm xuống chiếu, gõ lên thành mâm mấy cái. Nhưng anh ngạc nhiên thấy lần này mâm không còn mầu nhiệm như trước nữa. Chàng gõ mãi, gõ mãi, mâm vẫn trơ trơ bất động. Cho là đánh lừa mọi người, ông xã trưởng liền sai tuần đinh xông lại nện cho chàng một trận nên thân.

Trở về nhà, chàng đốn củi bực mình vô hạn. Chắc chỉ có con tinh nó lừa mình nên chuyện mới xảy như thế. Cho nên qua ngày mai, anh lại vác búa lên rừng tìm đến cái cây cũ ra sức giáng búa vào. Con tinh hốt hoảng chạy ra van lạy chí chết và xin tặng một con ngựa ỉa ra vàng để được tha tính mạng.

- Đưa ngay ra đây cho ta. Đồ lừa đảo!

Chàng quát lên như thế và chỉ lát sau một con ngựa đã hiện ra. Chàng cưỡi lên phi một đoạn để cho ngựa ỉa, quả nhiên có rất nhiều vàng vụn văng ra sáng giấp giới. Chàng mừng quá, giắt búa vào lưng và cưỡi ngựa ra về.

Đến chợ, chàng lại xuống ngựa, vào khoe với vợ chồng lão chủ quán:

- Lần này tôi có con ngựa vô cùng quý báu. Trong bụng nó là cả một kho vàng đấy ông bà ạ! Rồi nó sẽ làm cho mà xem!

Lão chủ quán thấy quả đúng như thế thì hoa cả mắt. Hắn sung sướng được chàng biếu trọn số vàng rơi ra. Nhưng hắn còn muốn được cả con ngựa. Hắn vội dọn cho anh một mâm đầy rượu thịt. Rồi chờ lúc anh chàng ngủ say, hắn lại đi tìm một con ngựa khác cũng có màu lông hung hung y hệt để thay vào, rồi dắt con kia đi biệt.

Khi tỉnh dậy, chàng đốn củi vẫn không ngờ vực gì cả. Chàng lại nhảy lên ngựa cưỡi về đến đầu làng. Bụng bảo dạ: -"Lần trước vì con tinh khiến cho ta mang tiếng là đánh lừa mọi người. Lần này ta phải biếu bà con một ít vàng để bà con thấy ta thực bụng". Thế rồi, chàng lại vào đình đánh trống ầm ĩ. Làng lại đổ ra đình. Chàng nói:

- Tôi lần này có con ngựa rất quý có phép ỉa ra vàng. Vậy mời làng ra đây để nhận cho tôi một ít của báu.

Đoạn chàng phi cho ngựa ỉa, nhưng con ngựa ấy thì làm gì mà có vàng. Nhìn thấy đống phân ngựa vãi ra không hơn gì những đống phân ngựa khác, các cụ cho là thằng cha đã xỏ xiên cả làng nên không nén được cơn tức giận. Cuối cùng, chàng bị làng tịch thu con ngựa và còn bị tuần nọc xuống đánh ba mươi roi.

Qua ngày hôm sau hắn lại dậy sớm vác búa lên rừng quyết trị cho con tinh một mẻ. Lần này chàng bổ những nhát búa rất dữ dội. Thấy con tinh hiện ra quỳ lạy khóc lóc, chàng quát to:

- Sao mày dám lừa ông làm ông mang oán với mọi người. Mâm và ngựa của mày chỉ là những của vứt đi, không đáng một đồng kẽm.

Con tinh hết sức phân trần, vạch tội lão chủ quán, rồi nói tiếp:

- Để tôi xin biếu ngài cái ống này, lúc về có thể lấy lại những của đã mất.

Hắn đưa ống ra và dặn:

- Cái ống này có phép làm cho bất kỳ bao nhiêu người cũng phải chổng ngược lên trời nếu cầm ống chỉ lên không ba lần. Cho đến khi nào gõ xuống đất ba lần thì mọi sự trở lại như cũ.

Nghe bùi tai, chàng đốn củi lại dừng tay búa, cầm ống phép bắt con tinh phải chổng đít lên trời xem thử, thấy quả nghiệm rồi mới ra về.

Đến chợ, chàng lại ghé vào quán cơm tươi cười hỏi mọi người:

- Các ông các bà có muốn chổng chăng?

Vợ chồng lão chủ quán tưởng có món gì bỏ nên vội đáp:

- Cơm ăn no, trầu đầy đấy, không chổng để làm gì?

Lập tức cái ống mầu nhiệm đã bắt cả nhà lão chủ quán chống hai tay xuống đất, chân giơ lên trời không cụ cựa.

Chắc là lần này chàng đốn củi đã rõ mưu mô gian dối của mình nên cố tâm phạt mình với phép thuật thần dị, lão chủ quán van khóc hết lời. Hắn hứa trả lại mâm và ngựa để xin tha mạng. Anh chàng chỉ cần có mấy món bảo vật cũ, nên vui lòng làm phép tha cho cả nhà lão đúng dậy.

Khi châu đã về hợp phố, chàng phi ngựa nước đại trở về làng. Chàng không quên tiến vào đình thúc một hồi trống lớn mời làng như mấy lần trước. Thế rồi trước mặt quan viên và đồng dân thượng hạ, chàng đặt mâm xuống chiếu mời tất cả mọi người chia hàng ngồi vào. Tiếng gõ mâm lúc này rất có hiệu quả. Cơm rượu và mọi thức ngon vật lạ tuôn ra đầy mâm đầy chiếu. Cả làng không đợi mời nhiều, ai nấy cắm đầu ăn uống mặc sức.

Ăn uống xong đâu đấy, chàng chỉ vào con ngựa và nói:

- Nếu quý cụ và mọi người vui lòng nhận một ít vàng tôi sẽ bảo con ngựa này làm ngay.

Không một người nào từ chối lòng tốt của chàng. Họ đứng ra hai

hàng, mỗi người cầm một cái rá chực hứng phân ngựa. Quả nhiên, ngựa chạy đến đâu, người ta đổ xô nhau nhặt đến đấy vì họ thấy lấp lánh trên mặt đất bao nhiêu là vàng vung vãi.

Xong cuộc nhặt vàng, anh chàng giơ ống lên và hỏi:

- Bây giờ còn ống phép này, bà con ta ai muốn chổng xin mời đứng về phía này.

Bấy giờ người đã no say lại được vàng giắt lưng, ai nấy chắc mẩm lại có món quà gì nữa, nên chẳng một ai từ chối. Ống vừa giơ lên, tất cả mọi người đều chổng đít lên trời, dù cố gắng thế nào cũng không buông xuống được.

Hôm ấy, không ngờ lại có lão trọc phú và con gái lão cũng có mặt ở đấy. Con gái lão là người đã làm cho chàng đốn củi chết mê chết mệt. Mọi ngày, tuy thấy anh nghèo khổ mà nàng vẫn tỏ lòng quyến luyến, những lúc chàng đến làm công cho lão trọc phú, hai bên từng có cơ hội gặp gỡ, chuyện trò. Nhưng đối với lão thì đừng có hòng tính chuyện lấy nhau. Bây giờ đây, thấy lão van như vạc, chàng tới thỉnh cầu lão gả con gái cho mình. Lão gật. Thế là chiếc ống lại gõ xuống đất buông tha tất cả mọi người.

Rồi đó, anh chàng đốn củi lấy được vợ như ý muốn. Với ba món bảo bối, chàng đi khắp thiên hạ giúp đỡ những người nghèo khổ và trị tội những bọn tham lam độc ác[1].

KHẢO DỊ

Một dị bản sưu tầm ở Nghệ-an còn có thêm một đoạn mở đầu:

Một chàng đốn củi một hôm ngồi nghỉ ở một gốc cổ thụ, thấy một con chó đen chạy ra. Biết là con tinh, liền gọi chó lại. Khi hai bên đã quen nhau rồi, con tinh mới bảo: -"Anh ở đây với tôi, tôi sẽ cho tiền tiêu". -"Tiền lấy ở đâu?", chàng đốn củi hỏi -"Đây là nhà tôi, tôi ở đây được vài trăm năm rồi". -"Sao không làm người lại làm chó?" -"Hóa làm chó để cho dễ ẩn". Giơ búa lên, chàng hỏi: -"Mày có sợ cái này không?" -"Chỉ sợ cán búa lấy ở cây vạn tuế mà

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh.

thôi". -"Tại sao lại sợ cây ấy?" -"Vì đó là cây thiêng, tôi chỉ sống có vài trăm năm, nó sống muôn năm, nên tôi mới sợ."

Anh chàng bèn về kiếm gốc cây vạn tuế dẽo thành một cái cán búa. Một hôm lên rừng chặt cây, một con tinh chạy ra van lạy, xin dưa một tặng vật. Kết cục cũng gần như truyện vừa kể[1].

Một truyện khác do người Phú-thọ kể cũng có kết cấu như truyện trên nhưng về hình tượng thì có biến dạng chút ít:

Một người nghèo khổ lại đông con, kiếm ăn rất chật vật. Một hôm đói quá, một mình lên rừng đào khoai mài, bỗng gặp một tiên ông. Nghe hắn giãi bày nỗi khổ, tiên ông cho một cái hũ có phép mầu nhiệm là muốn bao nhiêu tiền, chỉ cần nói lên ít tiếng là có ngay. Anh ta đem về nhà và nhờ có món bảo vật, cha con sống rất đầy đủ.

Nhưng hắn lại tiết lộ bí mật cho một người láng giềng biết. Người láng giềng đi báo quan. Lập tức quan đến nhà hắn chiếm lấy cái hũ.

Anh ta đau xót mà không biết kêu ai, bèn lại lên rừng than thở với tiên ông. Lần này tiên ông trao cho hắn một hòn đá với hai câu phù chú: một câu làm cho đá văng túi bụi vào mặt người khác; một câu làm cho đá thôi văng, trở về tay mình

Thấy hắn về với vật lạ cầm tay, quan tưởng lại có món bở, nên bắt hắn dâng nộp. Nhưng hòn đá đã văng vào mặt quan không biết bao nhiêu lần, đến nỗi người trốn đi đâu đá văng theo đó. Cuối cùng quan phải xin trả cái hũ mầu nhiệm để anh ta thu hồi hòn đá về.

Cả hai truyện trên đều dễ dàng tìm thấy trong kho tàng cổ tích của số đông dân tộc trên thế giới.

Một truyện lưu truyền ở Nam Ấn:

Một người bà-la-môn nghèo quá bắt buộc phải gả con gái cho một con lang (kỳ thực thì đó là một hoàng tử biến hình). Một hôm, ông già đói quá, đến xin con rể tư cấp ít nhiều. Rể biếu ông một quả bầu bảo về trồng. Sau khi cây bầu mọc, có đến hàng trăm quả chín. Người bà-la-môn vội trẩy bán hết cho xóm giềng. Về sau, khi biết trong ruột quả bầu có nhiều vàng ngọc, ông mới đi chuộc lại những quả bầu đã bán nhưng nhà nào cũng đuổi ông ra khỏi cửa.

1. Theo *Bản khai của sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, đã dẫn.

Ông già lại đến nhà chàng rể xin tư cấp. Con lang cho một cái vại, hễ muốn ăn là có cỗ bàn hiện ra ngay. Ông mừng quá đưa về. Một hôm, ông mời một lão nhà giàu hàng xóm đến ăn. Lão lấy làm lạ khi thấy thức ăn lạ và quý, bèn dỗ dành để ông cho biết sự thực. Nắm được bí mật, lão bèn đi mách vua. Vua tìm đến nhà người bà-la-môn và sau khi được dãi một bữa cơm, liền chiếm ngay cái vại.

Ông già lại đến nhà chàng rể kể việc mất chiếc vại quý. Con lang lần này cho một cái vại khác với phép mầu nhiệm là mỗi lần mở nắp, tự nhiên có dây và gậy nhảy ra trói và đánh người. Nhờ có cái vại này mà người bà-la-môn trị tội lão nhà giàu và tên vua, lấy lại những vật đã mất.

Một truyện khác lưu hành ở dân tộc Ca-ma-ôn dưới chân núi Hi-mã-lạp (Himalaya):

Một em bé có tính nghịch ngợm, một hôm bảo mẹ làm bánh để đi du lịch. Đến một cái hồ, hắn để bốn tấm bánh ở bốn góc hồ và nói: "Tao sẽ ăn một này, ăn hai này, ăn ba này và sẽ ăn cả bốn". Đó cũng là một câu rủa. Lúc đó, dưới hồ có bốn con rắn từ lâu chia nhau ở bốn góc, nghe câu rủa sợ quá. Con thứ nhất bèn cho em bé một cái giường biết bay, tùy ý muốn đi đâu cũng được. Con thứ hai biếu những miếng vải có thể gọi ra tiền vàng. Con thứ ba biếu một cái chén có thể gọi ra cơm thịt. Con thứ tư cho một cái thìa có thể đưa mọi vật đến cho mình theo ý muốn.

Em bé mừng quá mang về. Dọc đường trời tối, nghỉ ở nhà một bà già. Thấy em khoe những món đồ mầu nhiệm, bà già chờ khi em ngủ đánh tráo tất cả. Sáng dậy, em mang những thứ này về nhà. Đến nơi bảo mẹ đưa thùng lại để đựng vàng. Nhưng những vật đánh tráo này chả gọi ra được gì cả.

Em bé lại đến hồ dọa nạt rắn. Bốn con rắn lần này cho em một đoản côn và một sợi dây có thể hô một tiếng là trói và đánh người. Em về bắt bà già trả các vật quý.

Một truyện ở Băng-la-đex (Bangladesh):

Một người Bà-la-môn vốn sùng bái nữ thần Đuyếc-ga, một hôm bỏ lên rừng than phiền với thần nông nỗi nhà mình nghèo khổ, con cái đông. Nữ thần cho một cái bình có thể làm xuất hiện một trận mưa bánh ngọt nếu lật dít bình lên trời. Anh ta đưa về nhà làm thử, quả nghiệm. Sắp ăn, bỗng nhớ tới việc cúng thần, bèn gửi bình cho chủ quán, dặn giữ bình cho mình rất cẩn thận, còn hắn thì xuống ao tắm gội để trai giới làm lễ.

Chủ quán nghe dặn thì ngờ vực, bèn lật ngược bình ngắm nghía. Cũng như các truyện trên, khi thấy sự mầu nhiệm của chiếc bình, hắn đánh tráo vào một chiếc khác. Anh chàng Bà-la-môn về nhà thấy bình mất linh nghiệm bèn đến hỏi, bị chủ quán đẩy ra khỏi cửa.

Anh ta lại lên rừng cầu khẩn với nữ thần. Thần cho anh một cái bình khác mà mỗi lần lật ngược, có đến vài chục con quỷ to lớn hung ác hiện ra đánh phá. Lão chủ quán quen mui, cướp lấy cái bình, nhưng lần này bị quỷ xông ra đánh, phải van xin trả lại cả cái bình trước.

Mấy đứa con người Bà-la-môn lẻn vào buồng cha tranh nhau lật bình để ăn bánh ngọt, chẳng may để rơi vỡ tan tành. Người Bà-la-môn lại lên rừng. Thương tình, nữ thần cho một cái bình thứ ba có phép làm vọt ra sữa ngọt. Bố con đem sữa đi bán lấy tiền tiêu. Một ông quan dò biết việc đó liền bắt anh ta mang bình đến dự lễ cưới con gái mình rồi chiếm lấy bình. Nhờ có phép mầu nhiệm của cái bình thứ hai nên người Bà-la-môn lại bắt viên quan trả lại cái bình cũ[1].

Người Pháp có một số truyện cũng tương tự với truyện *Chàng đốn củi và con tinh*. Dưới đây là một truyện mà hầu hết các dân tộc châu Âu đều kể gần giống nhau:

Một người nghèo, đông con, bỏ đi lang thang kiếm cách nuôi gia đình. Một vị thần gặp anh giữa đường nghe trình bày nỗi khổ thì thương hại, cho một cái khăn có thể gọi ra được thức ăn. Về dọc đường, vào nghỉ ở quán, anh để lộ sự mầu nhiệm của cái khăn, bị chủ quán đánh tráo vào một cái khác. Cũng như các truyện trên, cái khăn mang về không có kết quả gì và hắn lại đi tìm thần. Lần thứ hai, được thần cho một con lừa có phép sinh ra vàng, nhưng cũng bị lão chủ quán đổi mất. Lần thứ ba, được một cái gậy với hai câu phù chú:"Ta-pa-la-pau-tau" thì gậy đánh vào kẻ thù; "A-la-pau-tau" thì gậy dừng lại. Cuối cùng, gậy phang cả nhà chủ quán gẫy tay chân, chúng phải van lạy và trả tất cả những thứ đã ăn trộm của anh, mới được tha.

Truyện của người Tây-ban-nha (Espana) có một ít tình tiết hơi khác:

---

1. Truyện này theo Sát-téc-gi (Chatterji) *Dưới những cây xoài* thì bà Chúa Tiên sau khi nghe lời khẩn cầu của anh chàng, tặng cho một cái bình có thể làm ra mưa kẹo. Bị chủ quán đánh tráo, anh lại xin được Chúa Tiên một cái bình khác có thể gọi quỷ đến, nhờ đó lấy lại được bình cũ. Một chủ đất làm lễ cưới vợ cho con, nghe tin, mời anh đến nhờ làm hộ kẹo. Anh xin vào một buồng kín để làm nhưng chủ đất cho người rình biết, bèn chiếm lấy bình của anh. Hôm cưới, anh mang cái bình thứ hai đến gọi quỷ ra đánh cả hai họ và chủ đất, buộc nó phải trả cho mình cái bình kia.

Ông Luy-rô mất hết sản nghiệp, trước tình cảnh nghèo túng và sự giày vò của vợ con, toan treo cổ ở cây ô-liu. Một con ma hiện ra cho một gói tiền. Ở đây cũng có một lão chủ quán dánh tráo mất. Bị vợ dánh, ông lại định đi thắt cổ. Ma lại cho một chiếc chiếu gọi được thức ăn ngon; rồi lần thứ ba cho một cái gậy có thể tự động đánh kẻ thù theo ý muốn. Sau khi lấy lại những vật ở tay chủ quán, Luy-rô về nhà. Con thấy bố không có gì, xông ra đánh chửi, bị gậy của bố phang cho ngã xuống nền nhà. Vợ xông lại cũng bị gậy đánh chết. Quan đến bắt, cũng bị gậy giết. Quân đội của nhà vua kéo về cũng bị gậy đánh cho thất điên bát đảo. Nhưng chúng rình lúc Luy-rô ngủ, đến trói gô lại. Khi người ta đưa đi treo cổ thì ông lại tìm thấy gậy và sai khiến được gậy làm cho đao phủ bị giết, những người khác thương vong vô số. Vua buộc lòng phải thả Luy-rô và cho ông một ít sản nghiệp ở châu Mỹ. Ông đến Cu-ba lập một thành phố. Ở đây chiếc gậy còn giết khá nhiều người nên thành phố ấy mang tên là Ma-tăng-giáx (Matanzas) do tiếng Ma-tar (matar) nghĩa là giết.

Truyện của người Pháp ở Thượng Brơ-ta-nhơ (Haute-Bretagne) như sau:

Một cặp vợ chồng có một đám ruộng trồng cây lanh. Thu hoạch về bị thần Gió (Nô-ru-át) làm bay xuống biển. Chồng giận, đi tìm. Dọc đường hết lương ăn, vào xin nghỉ nhờ ở quán và hỏi đường. Gặp thần, hắn quát, bắt trả. Thần cho một cái khăn gọi ra thức ăn. Về quán bị chủ quán đổi. Lại đi lên núi, được thần cho một con lừa có vàng. Lại bị đổi. Lần cuối cùng thần cho một cái gậy có hai câu chú. Hắn mang về, sai gậy đánh chủ quán lấy lại những vật đã mất.

Giàu có, hắn mua hai chiếc tàu. Người ta vu cho hắn ăn trộm. Hắn bị quan bắt và kết án chém. Cũng như đoạn kết của truyện trên, sắp sửa lên đài xử tử, hắn xin một ân huệ cuối cùng là xin được nhìn lại cái gậy trước khi chịu rơi đầu. Gặp lại gậy, hắn đọc câu chú sai gậy đánh chết đao phủ, làm thương vong bọn cảnh sát, lật đổ đài, đánh cả người đi xem. Mọi người kêu van xin quan tha hắn để hắn sai gậy trở về[1].

Truyện của người Xy-ri (Syrie):

Một con chồn bị vợ đuổi, được một vị thần cho một cái dĩa gọi ra thức ăn và dặn đừng cho vợ biết. Nhưng hắn lại để cho vợ biết và vợ lại dọn tiệc mời vua chồn ăn. Vua chồn chiếm lấy chiếc dĩa. Lần thứ hai, được một con lừa làm ra vàng. Vợ cưỡi đến nhà tắm bị chủ nhà tắm dánh tráo. Lần thứ ba, được một cái túi gọi một tiếng có hai người khổng lồ nhảy ra. Nhờ đó, chồn ta mang về giết vợ, giết vua chồn và giết chủ nhà tắm, lấy lại những vật quý.

1. Theo Đờ-la-ruy (Delarue) và Tê-ne-dơ (Ténèze), sách đã dẫn.

Truyện của người Mông-cổ, *Chiếc roi trả hận*:

Một anh chàng nghèo khổ tên là I-khơ-hu-xu, một hôm có con chim vàng bé nhỏ mang đến tặng một cây tùng, dặn đem về trồng, khi cây nở hoa, chỉ cần rung ba lần, ước có vàng là có ngay. Cây này sau đó bị tên địa chủ cướp đi, nhưng khi hắn rung để ước thì chỉ được toàn là cóc.

Chim vàng lại mang đến tặng một cái giỏ, bảo khi nào muốn có bánh chỉ nói một tiếng là có ngay. Giỏ cũng lại bị tên địa chủ cướp, nhưng khi hắn ước, cũng như lần trước chỉ được cóc là cóc.

Chim vàng lại mang đến một cái roi bảo anh muốn đánh ai chỉ nói một tiếng là nó làm theo. Được roi, I-khơ-hu-xu mang đến nhà tên địa chủ bảo roi quất cho hắn tới tấp. Hắn kêu bộ hạ tới, roi lại quất vào chúng làm chúng thương vong. Anh lấy lại được hai vật quý kia về[1].

Truyện của người Hy-lạp (Grèce):

Một ông già tài sản chỉ có một cây đậu, hàng ngày trèo lên hái đậu nuôi cả nhà. Càng ngày cây càng mọc khỏe lên tới tận trời.

Một hôm, lão đang hái đậu, bỗng nghe thần mùa Đông và thần mùa Hạ cãi nhau, mỗi bên tự cho mình đúng. Gặp lão, hai vị thần nhờ làm trọng tài -"Cả hai vị đều phải cả, thật khó mà chọn", lão đáp. Hai vị thần hài lòng mới cho lão một cái bình đất, dặn cầm lấy sẽ cầu được ước thấy, nhưng chớ tiết lộ cho ai biết. Lão mang về xin một bữa ăn ngon, quả được như ý. Nhưng sau đó vợ lão biết được bí mật.

Ít lâu sau, một người con của lão yêu một công chúa, bảo mẹ đi hỏi,;vua thách phải dựng một cái lầu đẹp hơn lầu vua. Nhờ có cái bình, mẹ làm được ngay và được vua cho cưới. Nhưng vua lại phục rượu cho lão phun bí mật của cái bình mầu nhiệm. Vua bèn lấy trộm thay vào một cái bình khác.

Mất bình, lão lại leo cây và lần này được một cái gậy và sợi dây có thể trói đánh người nếu muốn. Lão đem về bắt tên vua phải trả lại như các truyện trên.

Truyện của một dân tộc ở châu Phi:

Trong một trận đói, A-năng-xê vào rừng bắt được một cái bình. Hắn reo lên: -"A! Ta được một cái bình!". Nhưng bình bảo: -"Ta không gọi là bình mà là Hô-ho-rơ (cái chày) có phép làm ra thức ăn". Hắn đưa bình về giấu trong

1. Theo *Truyện dân gian Trung-quốc* (bản dịch của Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên).

buồng. Một hôm, những người con của hắn lấy ra bắt bình dọn cỗ đánh chén nhưng không may chúng làm vỡ tan.

A-năng-xê buồn quá lại vào rừng gặp một cái roi ngựa treo ở cây. Hắn reo lên: -"A! Ta được một cái roi!". Nhưng roi bảo: -"Ta không gọi là roi mà là A-bơ-ri-đi-a-bơ-ra-đu" (đánh bằng roi). Hắn đưa về giấu trong buồng. Những đứa con của hắn tò mò mở cửa buồng lẻn vào. Roi quất cho chúng nhừ tử. Nhưng sau đó chúng cắt roi ra làm nhiều mảnh. Cũng vì thế mà về sau trong thế gian mới có lắm roi, đáng lý chỉ có một cái[1].

Truyện của người Chi-lê (Chili):

Một bà già bép xép một hôm đến van vỉ với một bà phù thủy người cùng làng: -"Đói khổ quá, bà làm ơn cho xin một phép gì lạ để nhờ đó tôi có thể sống được". -"Bà có cái lưỡi dài quá, cho bà để bà thóc mách cho thiên hạ biết ư". -"Cứ cho đi tôi sẽ giữ mồm giữ miệng" -"Được, cho bà một cái túi này, khi đói bà chỉ nói:"Túi ơi, hãy làm thức ăn đầy bàn cho ta". Bà lão sung sướng vì thấy phép mầu nhiệm. Đến chủ nhật, đi nhà thờ sợ để túi ở nhà có người lấy trộm, bèn mang sang gửi cho bà hàng xóm: -"Này, bà giữ hộ tôi cái túi này. Bà đừng có bảo nó: -"Túi ơi, hãy làm thức ăn đầy bàn cho ta nhé!". Bà hàng xóm ngồi nhà một mình, thử nói câu kia chơi, hóa ra có thức ăn thực, mới đánh tráo một cái túi khác.

Bà già bép xép mất vật mầu nhiệm lại đến khóc lóc với bà bạn phù thủy. Thương hại, bà phù thủy cho một cái sừng phép và dặn chỉ cần gọi: "Làm đi sừng ơi!" là nó sẽ chế tạo đồ gỗ bán lấy tiền mà sắm ăn sắm mặc. Đến ngày đi lễ nhà thờ, bà già lại đưa sang gửi bà hàng xóm nhưng giấu kín không nói gì về câu chú cả. Biết chắc là vật quý, bà hàng xóm trả lại cái sừng tử tế nhưng để ý rình xem như thế nào. Quả thấy bà già vừa đọc câu chú xong thì nhiều người sừng hiện ra, kẻ bào, người đục, kẻ cưa, người đóng đinh, chỉ một buổi là xong một món đồ có giá trị. Chủ nhật sau, khi bà già lại đưa sừng đến gửi, bà này vội đọc ngay câu chú, nhưng lại sợ rằng trong một buổi làm được ít quá chăng, mới đọc câu chú liên tục để giục giã chúng làm cho chóng. Thế là người sừng làm lia lịa; đồ dạc hết thứ này lại làm thứ khác, để đầy cả gian nhà. Khi không có chỗ để làm nữa, họ nhảy tới bà chủ, người bào tóc, kẻ cưa mũi, người đóng đinh vào thân, đau không thể tả. Lại có kẻ đánh véc-ni vào da, thành da đen kịt, v.v... Bà ta kêu la khóc lóc xin thôi mà không được.

1. Truyện này và một số truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, đã dẫn.

Bà già đi lễ xong trở về thấy tình cảnh như vậy, vội chạy đến bà bạn phù thủy để nhờ giải chú. Kết quả, bà phù thủy thu lại phép lạ. Bà hàng xóm tham lam bị một trận chí tử nhưng may không chết. Khi lành trở thành người mũi tẹt da đen. Cả bà hàng xóm lẫn bà già bép xép từ đó nhờ vào những đồ đạc do người sừng làm ra để sống qua ngày[1].

Truyện của người Kan-múc (Kalmouks) trong sách *Cái chết mầu nhiệm*: Ở một nước nọ có anh chàng buồng binh, bị nhà vua (khan) trục xuất. Hắn ta qua một đồng cỏ thấy có con ngựa chết, bèn cắt lấy cái đầu buộc vào lưng khố rồi trèo lên một cây cọ để ngủ. Tối đến có một lũ quỷ ngồi ăn dưới gốc cây. Mải nhìn, hắn để đầu ngựa rơi lúc nào không biết. Bọn quỷ toáng dảm chạy mất cả. Hắn xuống tìm, nhặt được một cái bát vàng có thể gọi ra thức ăn. Lại tiếp tục cuộc hành trình. Dọc đường, gặp một người cầm cái gậy có thể sai khiến nó giết người. Hắn đề nghị đổi và được người kia đồng ý. Khi được gậy, bất thình lình hắn sai gậy giết người kia và chiếm lại cái bát. Cũng với cách đó, hắn còn chiếm được hai vật nữa: một cái búa gõ chín lần xuống đất thì hiện lên một cái tháp chín tầng; một túi da nếu lắc vài lần thì có thể làm ra mưa.

Hắn cầm bốn thứ bảo bối trở về trả thù nhà vua. Nửa đêm, hắn cho dựng một cái tháp chín tầng ở sau lầu vua. Vua giận, sai lính chất củi đốt, nhưng hắn ở trên lầu lắc cái túi da làm ra mưa. Cuối cùng vua bị gậy giết chết.

Truyện của đồng bào Mèo: *Sự tích cây chuối rừng*, là dạng kết hợp loại hình cổ tích trên đây với một số hình tượng của truuyện *Tấm Cám*:

A Páo làm công cho một chúa đất giàu có quyền thế. Tối ngày hội, anh rất buồn vì không có gì để đi dự hội. Một ông tiên làm phép cho anh có áo quần đẹp và ngựa ô. Thấy chàng đẹp và lịch sự, con gái chúa đất yêu mến. Chúa đất bèn chọc mù mắt anh rồi đuổi vào rừng. Ở đây, anh kết bạn với voi. Ông tiên hiện ra cho anh hòn đá ước nhờ đó mắt anh sáng ra và giàu có. Thấy A Páo giàu, chúa đất mời đến nhà uống rượu rồi ăn cắp hòn đá ước. Về sau ông tiên lại cho một cái roi. Chúa đất quen mui lại đến toan chiếm roi thần, bị anh khấn cho roi quật túi bụi. Chúa đất xin nộp tất cả, kể cả cô gái, để được tha, nhưng roi thần vẫn được lệnh của anh quật tới tấp cho đến chết. Cuối cùng, hắn hóa thành cây chuối rừng[2].

1. Theo *Tạp chí dân tộc học*, tập IV (1923).
2. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.

Tất cả những truyện trên có lẽ xuất phát từ một truyện của Ấn-độ trong *Kinh Đại tạng*:

Một người nghèo cố tìm kiếm thức ăn dâng cúng cho một nhà sư trong một năm, được sư cho một cái vại đồng có phép gõ vào miệng thì ước gì được nấy, nhưng dặn chớ có mời vua đến nhà. Anh ta trở nên giàu có, quên mất lời dặn. Vua đến nhà thấy cái vại bèn cướp lấy. Anh ta kêu khóc với nhà sư, được người này cho một cái bình có thể gọi gậy và đá văng ra, bảo mang đến đòi vua cái vại. Đến cửa cung, anh ta gọi ầm lên. Vua giận, sai mười người hầu ra bắt, những người này bị gậy và đá vụt cho vỡ đầu. Vua lại sai một ngàn lính đến vây. Gậy và đá tung hoành như gió, xác đầy cả cửa. Vua hoảng sợ, trả lại cái vại để được tha. Anh ta lấy vại về, trở nên giàu có[1].

Cũng từ *Kinh Đại tạng* còn có một truyện nữa, tuy nội dung và kết cấu khác hẳn nhưng nó vẫn có nhiều liên hệ với truyện trên về mặt hình tượng:

Có hai vợ chồng không con, bèn cầu trời xin một đứa. Từ đấy, vợ có mang. Nhưng khi sinh ra thì không phải là người mà là bốn thứ đồ vật: 1. Đấu bằng trầm hương đựng gạo không khi nào vơi; 2. Vại đầy thức ăn của thần; 3. Túi ngọc; 4. Gậy phép có bảy mắt. Hai vợ chồng kinh ngạc, lại cố lạy lục cầu trời xin một đứa con. Trời hỏi: -"Có con được lợi những gì?". Đáp: -"Nó sẽ giúp chúng tôi khi cần" -"Vậy thì cái đấu này có gạo vô tận, cái vại này có thức ăn và mật vô tận lại còn có thể chữa khỏi vạn bệnh, cái túi này giúp các ngươi không bao giờ túng thiếu, và cái gậy này bảo vệ các ngươi. Một đứa con có làm nổi như thế không?". Hai vợ chồng bèn trở về. Nghe tin họ có vật quý, nhà vua sai lính tới cướp, nhưng gậy bảy mắt đã đánh cho chúng thất điên bát đảo[2].

1. Sa-van-nơ (Chavanne), sách đã dẫn.

2. Sa-van-nơ (Chavanne). *Truyện ngụ ngôn và truyện cổ Ấn-độ trích từ Kinh Đại tạng.*

122. NGƯỜI THỢ ĐÚC VÀ ANH HỌC NGHỀ

Xưa có đức thánh Khổng Lồ, chuyên trông nom về nghề đúc và nghề rèn ở hạ giới. Đức thánh thường thân hành đi lại các nơi; khi giáng xuống miền này, lúc hiện ra xứ nọ, thành người trần, để tìm cách dạy thêm cho những người thợ về kỹ xảo. Nhưng trong khi theo dõi việc dạy nghề, đức thánh nhận thấy đám đệ tử của mình có những kẻ còn phạm thói lọc lừa điên đảo. Bởi vậy, đức thánh lại phải để tâm chữa cả thói hư tật xấu của họ.

*
* *

Có một người thợ đúc rong vai quảy đôi bồ trong có đủ các thứ đồ nghề linh tinh như lò bễ, khuôn, kéo, kìm, cặp, v.v... miệng thỉnh thoảng cất tiếng rao: - "Ai đúc nồi, đúc sanh, đèn, chiêng, thanh la, bình hương, bình hoa, biến cũ thành mới không?". Vốn nghề nghiệp thành thạo, nên hễ có ai gọi đến, ông chỉ lúi húi làm một vài ngày là xong. Thế rồi cơm ăn tiền lấy, ông lại quảy gánh lên vai chuyển từ làng này sang làng khác. Một hôm, từ sáng sớm, người thợ đúc đang bước rảo cho kịp phiên chợ. Đang đi, ông bỗng gặp một chàng trai trẻ tuổi, vai cũng quảy đôi bồ. Gã trai thấy ông thì đứng lại chào một cách cung kính, rồi nói:

- Xin cho hỏi thăm một tý. Con theo thầy con học nghề đã mấy tháng nay, không may hôm trước đây, khi qua rừng, thầy trò lạc nhau, tìm suốt mấy ngày không ai biết cả. Xin hỏi ông, ông có gặp một người tên là Chu, trạc ngoài năm mươi, người cao cao, râu quai nón hay không?

Người thợ đúc lắc đầu:

- Ta không hề gặp một người nào như vậy.

Dừng một lát, anh chàng nói tiếp, vẻ khẩn khoản:

- Thật khổ quá! Con học với thầy bấy lâu có biết nghề đúc chút đỉnh, còn muốn học thêm cho thành thạo, không ngờ thầy trò mỗi người đi một đường. Bây giờ xin ông cho đi theo, con xin gánh gồng và hầu hạ chu tất. Chỉ cốt học được nghề cầm tay, ngoài ra không có ý gì khác. Chẳng hay ông có lòng thương hạ cố được không?

Người thợ đúc thoạt đầu nhìn anh chàng thấy đã có vẻ ngờ nghệch, nay nghe nói thế thì tỏ ý coi khinh. Ông ta nghĩ bụng: -"Đi đúc rong thì chỉ một mình mình cũng đủ, đến đâu đã có sẵn người của nhà chủ cung ứng đó rồi. Giá thử có một người quảy gánh cho thì vẫn là đỡ mệt nhưng sức mình còn khỏe, cũng chưa cần lắm. Vả chăng được một vài quan tiền công, không lẽ không chia cho người học việc". Bèn đáp:

- Ta trông anh còn trẻ người non dạ, nhìn bàn tay còn trắng trẻo chưa sém tý nào. Học cái nghề này không phải dễ. Thôi, anh hãy trở về đi cày còn hơn!

Nghe nói, anh chàng chắp tay cầu khẩn:

- Con cũng đã biết đúc võ vẽ, thầy hãy cho con theo. Nếu làm không được, hay hầu hạ sơ suất thì lúc đó thầy đuổi con đi cũng không muộn!

Thấy hắn kêu nài và cam đoan trung thành với mình, người thợ đúc bỗng đổi ý kiến, nhận lời. Chàng trai đổi buồn làm vui, sụp xuống làm lễ "bái sư", rồi trút các thứ đồ nghề, nhập gánh của mình với gánh của thầy làm một, đoạn quảy gánh lên vai đi theo ông thầy mới.

Chưa đến chợ, đã có khách hàng đón thầy trò về nhà thuê đúc một chiếc sanh cỡ lớn. Ngã giá, thầy trò bắt tay vào đắp khuôn dựng lò thụt bễ, loay hoay trong mấy buổi đã làm xong. Nhưng qua công việc, người thợ đúc nhận thấy anh chàng học việc của mình còn vụng về hết sức, dường như chưa biết cái gì cả.

Bởi thế, sau khi từ giã nhà chủ ra đi, trên đường, người thợ đúc cất tiếng mắng anh ta:

- Tao nghe mày nói có biết nghề võ vẽ nên tao mới nhận, có ngờ đâu mày chỉ là đồ ăn hại.

Ông ta không ngờ anh chàng học nghề không tỏ vẻ gì là thẹn thùng hay bối rối, chỉ ngước mắt nhìn mình rồi bình thản trả lời:

- Thưa thầy, con đi theo thầy cũ của con, học được cách đúc khác kia, chứ không phải như cách đúc của thầy vừa rồi.

Người thợ đúc ngạc nhiên, vội hỏi:

- Sao? Mày nói mày học được cách đúc khác là đúc thế nào?

- Thầy con không đúc nồi niêu, sanh chảo, bình hương, bình hoa, mà là đúc người: đúc người già thành người trẻ, đúc người xấu thành người tốt.

Người thợ tưởng hắn mất trí nên càng sửng sốt:

- Ô, mày nói gì lạ vậy? Tao chưa từng nghe điều đó bao giờ.

- Thưa thầy thật đó ạ! Cách đúc cũng dễ, không khó khăn nặng nhọc gì lắm. Chỉ nhờ vào mấy cái khuôn của thầy con để lại, có mang theo đây.

Nói rồi anh giở khuôn cho người thợ đúc xem. Trong khi thầy tò mò nhìn từng cái khuôn lạ, thì trò lại nói thêm:

- Thưa thầy tuy con mới học được võ vẽ, nhưng làm cũng dễ lắm, mà lại được nhiều tiền. Mỗi chuyến thầy làm nhiều lắm cũng bốn năm quan. Nhưng mỗi chuyến thầy cũ của con làm thì được những một hai trăm quan là thường.

Người thợ đúc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, nhưng thấy hắn ăn nói có vẻ chân thật, nên cuối cùng bụng cũng hơi tin. Sau đó lại hỏi:

- Anh có tự tay đúc được như anh nói không?

- Thưa thầy, thầy con đã từng cho con tự tay làm lấy một mình, nên chắc chắn có thể làm được.

- Thế thầy anh rao hàng thế nào?

- Thầy con thường rao thế này: "*Nào ai muốn đúc người xấu thành tốt; da mồi tóc bạc đúc thành nhan sắc nõn nà; ông lão tám mươi thành đứa trẻ mười ba; bảy mươi đúc thành mười bảy không nào?*".

Nghe rõ đầu đuôi, càng thêm tò mò, người thợ đúc chỉ muốn anh học nghề làm ngay cho mình xem tận mắt, liền bảo hắn:

- Thôi bây giờ tôi hãy tạm nghỉ công việc của tôi, để xem cách làm ăn của anh chút đã. Anh cứ rao như thế đi! Nếu có ai thuê, thì anh thử

làm cho tôi xem. Nhưng nên nhớ nếu có xảy ra việc gì thì tôi không biết đâu đấy nhé!

Từ giờ phút đó, thầy nhường cho trò rao và liệu tính hết mọi việc. Đến một làng nọ, một người phú hộ nghe tiếng rao liền gọi vào hỏi:

- Bảy mươi đúc thành mười bảy là thế nào?

Chàng trẻ tuổi đáp:

- Cũng như nồi cũ đúc thành nồi mới thôi! Nhưng đây là đúc người: xấu xí ra xinh giòn, già yếu thành trẻ khỏe.

Nhà chủ nói:

- Tôi có ông cụ tuổi đã ngoài bảy mươi, yếu lắm nằm liệt đã mấy năm nay, nếu đúc cho trẻ và khỏe lại được thì hay quá! Nhưng anh lấy bao nhiêu tiền công?

- Tôi lấy rẻ ông một trăm năm mươi quan, và cơm ăn cho cả hai thầy trò. Ngoài ra, phải có hai mươi sảo than, mượn cho tôi một cái bung ba mươi và dọn cho tôi một gian buồng kín, không để một ai được nhòm vào.

- Nếu làm được thì trăm rưỡi quan cũng không đắt, nhưng ví phỏng chết người thì thế nào?

Nếu chết thì tôi xin bồi mạng. Tôi sẽ biên giấy cam đoan cho ông.

Người thợ đúc từ đầu đã chăm chú theo dõi việc làm của anh học nghề. Ông thấy anh ta có vẻ thông thạo. Trước hết, anh xin giấy bút viết ngay tờ cam đoan. Trong giấy, anh hứa nếu làm không xong thì không nhận tiền, hoặc nếu làm cho khách hàng chết hay bị thương tích gì thì xin chịu tù tội. Thế rồi ung dung chờ cho cơm nước đâu vào đấy, anh dẫn thầy vào buồng kín lấy khuôn ra tô đi nặn lại, vừa làm vừa bày vẽ từng tý cho thầy. Công việc chỉ trong một buổi là xong. Chiếc bung được bắc lên một bếp lửa hồng. Đoạn, anh đưa ông già vào buồng lột áo quần đánh nhẹ một cái. Ông già ngã lăn ra chết. Không bối rối chút nào, anh đưa xác ông già bỏ vào bung, đổ nước vào, rồi vừa thụt bễ vừa đảo. Sau ba ngày ba đêm nước trong bung đã trở nên quánh. Cuối cùng anh bưng bung nước ấy đổ tất vào khuôn. Đợi nguội ba ngày ba đêm nữa, anh mới tháo khuôn ra. Quả nhiên có người từ trong đó dần

dần cựa quậy, rồi nhỏm dậy bước ra, mặt mũi vẫn còn phảng phất hình trạng ông già, nhưng má hóp hóa thành má căng, tóc bạc đã trở nên đen nhánh.

Suốt mấy ngày người thợ đúc hồi hộp chờ đợi, giờ đây mới thở phào khi người chết đã sống lại, lại khỏe và trẻ đúng như lời rao. Chủ nhà thấy bố mình được "cải lão hoàn đồng" thì mừng rỡ bội phần. Ông ta vội mang tới đặt lên bàn một trăm năm mươi quan tiền bó mo cùng nhiều tặng vật, rồi tỏ lời cảm ơn hai thầy trò. Anh chàng học nghề chia ngay cho thầy mình một nửa. Người thợ đúc sung sướng quá đỗi, ngợi khen chàng trai hết lời. Trong bụng ông ta thầm nghĩ:

- Kể ra làm cũng chẳng khó mà lại được nhiều tiền. Thế mà từ lâu không ai biết cả.

Hai thầy trò lại từ giã nhà chủ ra đi. Tới một làng khác, một ông lái buôn giàu có gọi họ vào để thuê đúc lại người vợ cả lưng đã gù, răng đã rụng. Công việc lại diễn ra hệt như trước: cũng viết giấy cam đoan, cũng đưa khuôn ra đắp, rồi cũng đánh chết bà già bỏ vào bung. Nhưng lần này thì người thợ đúc không còn hồi hộp. Hắn xắn tay áo giành lấy công việc ở người học trò và chịu khó làm đủ mọi chuyện. Sau sáu ngày sáu đêm chờ đợi, khuôn được tháo ra. Quả nhiên, bà lão đã biến thành người tố nữ làm cho ai nấy đều trầm trồ kinh ngạc.

Khi cầm lấy những quan tiền tốt của anh học nghề trao cho, người thợ đúc suy nghĩ: -"Tất cả phép lạ đều ở trong cái khuôn kia cả. Chỉ nhờ có mấy cái khuôn của ông thầy hắn để lại mà làm ra bộn tiền. Hừ! Một cái nghề ngon ăn biết bao nhiêu! Có lẽ trẻ con nó cũng làm được. Tội gì mà không chiếm lấy để một mình hưởng lợi!".

Nghĩ vậy, một hôm vừa đến một làng kia, người thợ đúc liền đến trình xã trưởng, vu cho anh học nghề của mình đã ăn cắp mấy nén bạc. Chàng trai cố sức cãi lại nhưng anh không làm sao minh oan được vì lúc giở ra khám, mấy nén bạc có đánh dấu không biết tại sao lại nằm lù lù trong "ruột tượng" của anh. Cuối cùng anh bị xã trưởng cho đóng gông lại để giải lên quan. Người thợ đúc bèn chiếm lấy tất cả đồ nghề rồi quảy gánh đi miết. Hắn đi đến một làng xa mới dừng lại, nhận đúc thuê cho một nhà nọ để "cải lão hoàn đồng" một ông già ngoài tám mươi tuổi. Bắt chước người học trò, hắn cũng làm giấy cam đoan tử tế, rồi cũng giở khuôn ra tô tô đắp đắp như kiểu hắn đã được chỉ vẽ. Khi

đưa ông già vào buồng, hắn cũng choảng cho ông già một vồ chết lăn, đoạn bắt tay vào những công việc như hắn đã làm lần trước. Nhưng khốn thay, sau mấy ngày đêm, mở nắp khuôn ra, hắn giật mình vì nước vẫn không đông lại thành người. Hết sức lo sợ, hắn lại cố chờ thêm ba ngày ba đêm nữa mà vẫn không thành công. Mấy người con ông già chờ mãi không được, bèn phá cửa buồng mà vào. Hắn hoảng quá, xin khất thêm ba ngày ba đêm nữa. Lại ba ngày ba đêm nữa trôi qua. Cuối cùng khi mở nắp khuôn hắn mới thật sự tuyệt vọng. Mấy người con ông già xông lại, bắt trói người thợ đúc đánh cho một trận thừa sống thiếu chết, rồi đóng gông để giải lên quan.

Trên đường đi, cổ mang gông, mình thâm tím vì đòn, người thợ đúc chợt thấy được sự trừng phạt về lòng tham lam gian giảo của mình. Hắn hết sức hối hận. Mồm hắn hết lời cầu khẩn đức thánh Khổng Lồ, hứa xin chừa mọi thói hư tật xấu, và xin đức thánh run rủi cho anh học nghề trở lại để cứu hắn khỏi tử tội. Hắn lầm rầm cầu khẩn suốt mấy ngày trời. Đến ngày thứ ba, lúc hắn đang bị tuần áp giải từ xã lên huyện, vừa ghé vào quán nghỉ chân thì bỗng thấy người học nghề của mình đang ngồi uống nước ở quán. Người thợ đúc liền sụp lạy như tế sao, và xin anh học trò hãy rón tay làm phúc. Anh học trò cười mà rằng:

- Chính ta là Khổng Lồ đây. Ta không ngờ bụng dạ của lũ các ngươi lại nham hiểm đến như thế. Đáng lý ta còn trị tội nặng hơn nữa, nhưng đã tỏ lòng hối hận thì cũng tha cho. Các ngươi phải lo bảo nhau: đã đi làm cái nghề này của ta thì không được dối trá lường gạt người khác. Dù có nghèo khổ đến đâu, lương tâm cũng phải cho trong sạch.

Nói vừa dứt lời thì vụt một cái, mọi người không thấy anh học trò đâu nữa. Nhưng giữa lúc đó, từ ngoài cửa, một người con của ông già đã hộc tốc bước vào, nói không ra hơi:

- Thôi đừng giải người ta đi nữa. Bố tôi đã sống lại rồi, hiện đang cựa quậy ở trong khuôn.

Người ta nói từ đấy về sau những người làm nghề đúc ai cũng sợ đức thánh Khổng Lồ; không một ai dám gian trá khi hành nghề, nhất là đã cùng làm với nhau thì không bao giờ lừa dối nhau[1].

1. Theo lời kể của người Hà-tĩnh và *Bản khai của xã Võ-liệt*.

123. SỰ TÍCH ĐÌNH LÀNG ĐA-HÒA

Ngày xưa ở làng Đa-hòa có một ông thầy phù thủy cao tay, tên là Dọng. Không những ông có nhiều phép lạ mà còn có lòng thương người. Từ lâu, ông được bầu làm hương trưởng, và được dân trong vùng kính phục.

Hồi ấy làng Đa-hòa gặp mấy năm hạn hán, mùa mất liên tiếp, dân tình cơ cực. Nhiều người phải đem vườn ruộng đi cầm đi bán. Nhưng giá gạo ngày một cao, ruộng ngày một hạ. Cuối cùng ruộng đất của dân đều vào tay mấy tên trọc phú. Thấy vậy, ông Dọng nghĩ cách để cứu giúp người nghèo. Ông bảo bọn nhà giàu:

- Thần thánh phù hộ cho các người; bao nhiêu ruộng nhà nghèo đều lấy về ban cho một số người có của. Đó là lộc thánh. Nhưng nếu không biết tạ ơn thì rồi có lúc sẽ bị thánh phạt đấy.

Biết ông là người có thể thông được với thần, bọn nhà giàu lo sợ, hỏi ông:

- Muốn tạ ơn thánh thì phải làm gì?

Ông Dọng đáp:

- Làng ta vốn không có đình. Thánh ngự về không có cái mà ở. Vậy phải mau mau dựng một cái đình.

- Dựng đình tốn kém lắm sao có thể làm nổi.

- Nhà giàu bỏ của, nhà nghèo bỏ công, mỗi người vun đắp một tý thì việc lớn không mấy chốc mà thành. Nếu được như vậy, tôi tuy bất tài cũng xin đứng ra đốc công.

Bọn nhà giàu nghe lời ông. Chúng bèn họp làng quyết định dựng đình: những người có của thì quyên tiền, còn người nghèo thì gánh đất gánh cát. Ông Dọng thân hành thu góp tiền nong và làm người đôn đốc. Ông bảo bọn trọc phú:

- Thần thánh đều có con mắt, "sởi lởi trời gởi của cho, quăn co trời gò của lại". Hằng tâm hằng sản ai bỏ nhiều thì được phúc nhiều.

Chúng nghe nói đều thi nhau quyên những món tiền lớn và góp lại trao cho ông. Nhưng thu được bao nhiêu ông phân phát cho dân đói bấy nhiêu. Ông bảo họ gánh đất đắp thành nền đình, xung quanh trồng bờ giậu cho kín, ở sân đình trồng các thứ cây cối kể cả các loại cây dây như cây bìm bìm, v.v... Đoạn, ông hẹn với bọn trọc phú ba tháng nữa đình sẽ hoàn thành. Bọn trọc phú thấy ông phân phát hết tiền thì sinh nghi, nhưng thấy ông nói cứng, thì lại nửa tin, nửa ngờ. Vả xưa nay ông chưa từng thất hẹn với ai, nên cũng không dám hỏi.

Thời gian trôi qua, nền đình đã đắp xong, tiền quyên góp đã nhiều, hạn cũng sắp hết mà chưa thấy động tĩnh gì cả. Thấy gỗ lạt không có một que, gạch ngói chẳng có nửa mảnh, bọn nhà giàu đến thúc ông Dọng. Ông chỉ đáp gọn lỏn: -"*Đình khắc có đình! Ai sinh sinh sự sẽ sự sự sinh!*"

Một số phú thương ở làng bên cạnh là làng Vạn-phước trước đây cũng bỏ những số tiền lớn quyên vào công việc làm đình ở Đa-hòa để mong được thánh ban lộc, nay đợi mãi không thấy đình, chúng lấy làm nóng ruột, liền đến vặn ông Dọng:

- Chúng tao qua đây buôn bán thấy việc phúc đức, nên cũng vón tay vào để vo tròn quả phúc. Không ngờ mày "nhũng lạm" đi mất cả rồi, chỉ ngồi trơ thổ địa nói phét.

Nói rồi chúng xúm lại thượng cẳng chân hạ cẳng tay, đánh ông sưng cả mặt mũi. Ông Dọng đáp:

- Đình khắc có đình! Nhưng đánh người là có tội, đánh bậc "cao niên" tội lại càng nặng. Kẻ nào đánh ta thì phải đền tội. Ta không nói chơi đâu!

Đoạn ông mang gậy nón đi sang làng Vạn-phước để bắt đền. Tới nơi, ông vào đình Vạn-phước, ngả gậy nón ngay ở gian giữa mà ngồi. Rồi ông cởi áo giỏ chỗ bị đánh phân vua với những người dân Vạn-phước có mặt:

- Các ông các bà xem. Đánh người không phải là chuyện chơi. Bọn những tên Giáp tên Ất ở làng này vô cớ gây sự đánh ta. Kẻ nào sinh sinh sự thì sự sự sinh! Sẽ phải đền đình!

Nói thế rồi ông cứ ngồi ở giữa gian vót đũa và xe chỉ. Có ai hỏi làm thế để làm gì thì ông trả lời "đính nèo" (tức nói lái là *néo đình*).

Bọn lý hào làng Vạn-phước được bọn phú thương xúi giục, ra đình đuổi ông Dọng đi. Ông không đi, nói:

- Các ông phải trả lời cho tôi cái chuyện người làng này, những tên Giáp tên Ất, tự dưng vô cớ đánh tôi. Tôi được rửa nhục rồi thì sẽ đi ngay!

Chúng hỏi:

- Ông muốn rửa nhục thế nào?

- Kẻ nào đánh tôi thì phải làm đình để đền.

- Không làm đình thì sao?

- Không làm đình thì vay tạm đình này rồi sẽ đền sau.

Cho đòi hỏi của ông là vô lý nên chúng không chịu xử. Cuối cùng chúng lấy thế đông đến đuổi ông đi. Ông đợi cho họ tập hợp đông đủ, rồi mới thủng thỉnh nói:

- Bây giờ tôi sẽ cắm cái gậy này xuống trước sân đình. Nếu làng ta nhổ được gậy lên thì tôi xin đi ngay.

- Nếu không nhổ được thì sao?

- Thì mất đình.

Họ bảo "được". Hai bên làm giấy ký kết.

Rồi đó, Ông Dọng ung dung bước ra sân cầm cây gậy trúc của mình cắm phập xuống sân đình, và nói: -"Nhổ đi! Cho các người nhổ đi!".

Vừa thấy thế, một tên hào cường trẻ tuổi xắn tay áo lên hùng hổ:

- Cần gì phải nhiều người mất công. Xin mời các quan viên hãy ngồi nghỉ, chỉ một mình tôi nhổ cũng đủ. Này này, lão già hãy trông đây, rồi có đường có nẻo cút ngay!

Và hắn chạy tới, dùng một bàn tay nắm lấy cây gậy để nhổ, nhưng không được. Sau đó, hắn lôi bằng cả hai tay, nhưng cũng không nổi.

Sau, hắn ôm cả người vào rán sức lắc mà cũng không chuyển. Mồ hôi nhễ nhại, hắn gọi những người xung quanh vào giúp sức. Ông Dọng nói:

- Ta thách tất cả bọn bất nhân chúng mày!

Mọi người liền xúm xít lại quanh tên hào cường, một người, hai người rồi hàng chục người; nhưng lạ thay dù có đến hàng chục bàn tay, chiếc gậy vẫn không nhúc nhích. Bọn lý hào mệt nhoài. Chúng đánh mõ cho trai làng đổ ra buộc thừng mà kéo, song cũng chẳng ăn thua. Cuối cùng, chúng bàn buộc thừng vào cổ trâu, ra roi cho trâu kéo, tuy vậy chúng chỉ làm một công việc vô ích: mọi dây thừng đều đứt, còn gậy của ông vẫn vững như trời trồng.

Ông Dọng phá lên cười:

- Thế là thua cuộc rồi nhé!

Rồi ngoảnh mặt về phía dân, ông nói:

- Xin đồng dân nhớ cho, nếu làng ta có mất đình, chẳng phải tự tôi. Đó là do bọn tên Giáp tên Ất nó sinh sự sự sinh. Bắt chúng nó làm lại đình khác để đền!

Nửa đêm hôm ấy, trời bỗng nổi phong ba, sấm chớp đùng đùng, gió rít từng cơn rất dữ. Giữa lúc ấy người ta nghe xen vào những tiếng như tiếng kèn trống cùng những tiếng truyền lệnh của ông Dọng: - "Nâng lên!... Hạ xuống...Xích về bên trái...". Đình làng Vạn-phước thốt nhiên bay bổng lên không trung cùng với cả những hòn đá tảng kê chân cột; đình vượt qua các lũy tre rồi tiến đến bờ sông lối sang làng Đa-hòa. Ông Dọng đã đợi ở đấy từ lâu. Ông ngồi lên chiếc nón tu lờ bơi sang sông theo đình để điều khiển. Đình vượt qua sông là là mặt nước. Sau đó, đình bay bổng về Đa-hòa rồi hạ xuống một cách êm thấm trên cái nền mới đắp. Lại có những tiếng hô của ông Dọng và tiếng ồn ào dội lên ở đây, được một chốc thì vắng lặng như tờ. Soát lại mọi chỗ, ông Dọng chỉ thấy có một viên đá tảng bị rơi lúc vượt sông, còn mọi thứ đều không hề suy suyển. Cuộc chuyển đình hoàn thành một cách chu đáo.

Sáng hôm sau, dân làng Vạn-phước nhìn đến đình thì thấy chỉ còn một cái nền trơ trọi. Họ đến nhà của mấy tên phú thương đòi đình. Mấy tên này lo lắng, bèn họp bọn hào lý bắt đệ đơn lên quan tố cáo ông Dọng ăn trộm đình. Quan huyện đòi ông Dọng lên hỏi :

- Sao mày dùng phép ma thuật quỷ ăn trộm đình của người?

Ông Dọng làm bộ ngơ ngác. Quan lại nói:

- Làng Vạn-phước tố cáo mày ăn trộm đình về cho làng Đa-hòa. Có thế nào cứ thực tường khai để khỏi phải tra khảo.

- Bẩm quan, ông Dọng nói, chuyện bên nguyên đưa ra "thậm ư vô lý". Vậy xin phép hỏi, đình mất từ bao lâu?

- Mới hôm kia chứ đâu?

Ông Dọng cười ha hả:

- Quan lớn nhân danh "dân chi phụ mẫu" phụ họa với bọn không đặt làm có, mà cũng nghe được.

Quan huyện đập bàn quát lên:

- Lính đâu, hãy đóng gông tên này lại cho ta.

Ông Dọng thong thả đáp:

- Xin quan lớn bớt cơn thịnh nộ cho kẻ hạ dân hỏi bên nguyên: Nền đình làng Vạn-phước có dấu tích gì để biết đình mất đã bao lâu?

Bọn lý hào Vạn-phước nói:

- Cải đã lên lá.

Ông Dọng cười:

- Bẩm quan, một bên mất đình chỉ nói cải vừa trổ lá, còn đình làng tôi thì bìm bìm đã mọc lên tận nóc. Xin mời quan về khám hư thực.

Quan về khám đình làng Đa-hòa thì quả thấy xung quanh đình, bờ giậu đã mọc xanh kín, ở sân đình cây cối um tùm, đặc biệt là dây bìm bìm đã leo lên tới nóc. Thấy vậy, quan đành xử cho ông thắng cuộc. Bọn hào lý làng Vạn-phước chịu thua kiện, cắm cổ ra về. Sau đó, do dân làng buộc tội, mấy tên phú thương đã đánh ông Dọng ngày xưa tức là bọn tên Giáp tên Ất phải ngửa cổ đền cho làng Vạn-phước một cái đình khác. Người ta nói đình làng Đa-hòa cho đến nay vẫn còn, một cột cái của nó vẫn để lơ lửng vì thiếu mất một hòn đá tảng lúc vượt sông[1].

1. Theo lời kể của người Hưng-yên.

KHẢO DỊ

Ở một số làng Bắc-bộ còn có nhiều truyện nói về trộm đình hoặc mượn đình bằng phép thuật. Chúng tôi kể ra dưới đây hai truyện:

1. *Mượn đình*

Làng Yên-mỹ thuộc huyện Thanh-trì có một thầy phù thủy cao tay. Một hôm nghe dân làng phàn nàn sắp mở đám hội mùa xuân mà tiếc rằng làng nghèo không có đình để vào đám cho trọng thể, ông bảo họ: -"Tôi sẽ vì làng đi mượn một cái đình, rước xách xong lại trả cho người ta". -"Mượn ở đâu?". Dân làng hỏi -"Làng Trung-quan ở bên kia sông có ngôi đình đẹp, mượn cũng tiện" -"Phí tổn thế nào?" -"Không tốn kém gì mấy. Chỉ xin chọn đất đắp cho một cái nền đình, và khi nào chuyển vận thì mỗi nhà nấu cho một nồi cháo đưa ra bày ở nền để khao âm binh". Mọi người ưng thuận. Khi nền đắp xong, ông dặn: -"Hễ đêm nay nghe tiếng chó cắn xin mọi người ai nấy cứ ngủ kỹ, chớ có tò mò ra nhìn ngó gì mà hỏng việc". Nửa đêm hôm ấy, người làng nghe tiếng chó cắn râm ran khắp nơi, qua đó nghe như có hàng ngàn quân đang tập hợp ở sân đình. Sau đó lại tản đi đâu mất cả. Được một chốc lại nghe rào rào như gió bão, rồi tiếp đến thấy im lặng như tờ.

Sáng dậy, dân làng ra xem quả thấy có một ngôi đình đồ sộ đặt trên nền cùng với cả hoành phi, câu đối và đá tảng. Dân làng Trung-quan thấy mất đình chia nhau đi tìm. Cuối cùng họ biết đình của mình đã sang bên làng Yên-mỹ, nhưng không biết lấy có gì để đòi. Dân Yên-mỹ mở hội bảy đêm ngày, mời các làng lân cận, trong đó có Trung-quan về dự rất vui vẻ, nhưng không một ai hé răng nói đến ngôi đình mới của mình. Sau khi đám hội kết thúc, thầy phù thủy lại dùng phép trả đình lại cho làng Trung-quan. Người của làng Yên-mỹ mang một con lợn và mấy cỗ xôi sang tạ lỗi: -"Làng chúng tôi không có đình, nếu nói thật là mượn đình, thì quý thôn chắc cũng chả cho mượn. Vậy đành phải mượn trộm trong mươi hôm. Nay xin trả lại đầy đủ, chỉ giữ lại mười hòn đá tảng để làm kỷ vật, hết bao nhiêu tiền chúng tôi xin bồi thường".

Về sau, khi làng Yên-mỹ có tiền dựng đình, vì đình quy mô nhỏ nên họ phải xén bớt những hòn đá tảng giữ lại nói trên cho vừa cỡ của cột[1].

2. *Giấu đình dưới giếng*

Làng Mễ-trì, huyện Hoài-đức, một làng hai thôn chung nhau một cái đình. Một hôm dân hai thôn cãi nhau về việc cúng thần. Sáng ra, họ thấy đình đã

1. Theo lời kể của người Hà-đông.

mất, chỉ còn trơ lại cái nền. Thần ngự đồng lên bảo cho biết, vì hai thôn ganh tỵ nhau, nên đêm qua thần bốc đình bỏ xuống giấu ở một giếng gần đấy. Nay việc đã định rồi không cho đưa về nữa. Người ta ra giếng nhìn quả thấy lờ mờ có nóc đình ở dưới nước. Không thấy một ai bàn chuyện di chuyển. Nhưng sau đó mỗi lần cầu việc gì không được (như trời hạn cầu mưa chẳng hạn) dân làng lại ra sức tát giếng làm như cách đưa đình lên để dọa thần. Thần sợ nên hễ nước cạn hơi lộ cột ra, thần phải lật đật làm mưa cho họ thôi tát. Có lần tát lộ cả bốn cột rồi mà vẫn chưa thấy mưa, một người họ Ngô lội xuống giếng vào cung đánh chuông vang rền, nhưng hắn bị thần phạt. Vì thế từ đấy mỗi khi tát để cầu đảo, làng không cho những người họ Ngô xuống giếng.

Về sau hai thôn phải làm đình riêng, chỗ cũ gọi là bãi nền đình[1].

Người Quảng-nam có truyện *Thầy Thím*, là một dị bản của truyện *Sự tích đình làng Đa-hòa* kết hợp với một vài hình tượng trong truyện *Lấy bầy như Cao Biền dậy non* (số **39**, tập **I**).

Ở làng Trà-luông, huyện Thăng-bình, có hai vợ chồng một đạo sĩ tên là Lánh. Họ dần dần nổi tiếng về những phù phép mầu nhiệm, nên dân gọi chồng là Thầy, vợ là Thím, gọi chung là Thầy Thím. Thấy đình làng hư nát, một hôm Thầy Thím tới gặp các ông hương chức tự nguyện cất cho một đình khác đẹp hơn. Làng tưởng họ nói chơi, cũng vui miệng trả lời ưng thuận. Thầy Thím bảo người dỡ cái đình cũ và đắp đất đổ lại nền sẵn sàng.

Một đêm nọ tự nhiên giông bão nổi lên ầm ầm. Dân làng nghe xa xa có tiếng Thầy Thím hò hét thúc giục, rồi tiếng đục đẽo, tiếng búa gõ ình ình. Sáng ra đã thấy một cái đình rất đẹp. Làng bên cạnh mất đình, cho người đi dò la thấy đình làng Trà-luông giống với đình mình, bèn đi kiện. Thầy Thím lấy trộm không gọn. Chúng có không thể chối cãi được là trên vách tường ngôi đình này còn có vết dây trầu leo mà lại không có gốc. Bọn hương chức Trà-luông đổ vạ cho Thầy Thím. Hai vợ chồng liền bị bắt và cuối cùng bị kết án tử hình. Trước khi bị chém, Thầy Thím xin phép quan cho mình truyền lại một vật báu. Bèn sai người mang đến một tấm lụa và bút mực. Họ vẽ lên lụa một con rồng. Khi vẽ xong, họ thắp hương, điểm nhãn, rồng vụt bay lên trời mang theo cả hai vợ chồng trước con mắt ngơ ngác của quan và lính.

Đến Nha-trang, họ xuống ở nhờ một bà già tên là Xổi. Một hôm Thầy Thím gửi cho bà một bọc vải đựng hạt đậu, treo lên xà nhà, và dặn bà đừng cho ai

1. Theo lời kể của người làng Mễ-trì.

biết. Không ngờ sau đó đứa cháu bà Xổi nghe trong bọc có tiếng xì xào thì tò mò mở ra xem. Tự nhiên trong bọc có nhiều binh lính hiện ra cầm khí giới bao vây lấy nó, làm nó hoảng hốt kêu cứu om sòm (giống với tình tiết rắm lúa thành binh ở truyện số **39**, tập **I**). May Thầy Thím kịp thời chạy đến hô thần chú cho binh lính rút vào bọc nên không việc gì.

Về sau Thầy Thím chết, quan trên không trị được họ lúc sống, nên báo thù lúc chết bằng cách dùng xiềng sắt xiềng mồ lại. Nhưng đêm đến có voi rừng về phá tan xiềng. Về sau nhà vua phải phong cho chồng là Chí Đức đại vương, vợ là Chí Đức nương nương[1].

1. Theo Sơn Nam. *Chuyện xưa tích cũ*, tập I, và theo Xa-lê (Sallet) trong tạp chí *Viễn Á* số 5 (1925). Lê Thanh Thái kể đoạn cưỡi rồng có hơi khác, như sau: Thầy Thím từ miền ngoài vào ở làng Tam-tân (Phan-thiết) làm nghề thợ rừng kiêm thầy thuốc. Do chữa được nhiều bệnh hiểm nghèo nên tiếng đồn khắp nơi, đến tai một lão Tây coi đèn ở đây. Linh cảm là không yên, Thầy sai Thím mua một tấm vải điều về vẽ một con rồng nhưng chưa điểm nhãn đã cuốn lại cất đi. Ít lâu sau, lão Tây đèn và lính tới bắt. Thầy xin phép vẽ nốt mắt rồng để treo bàn thờ tổ đã. Đoạn Thầy trải vải ra sân điểm mắt bên tả xong, bảo vợ bước vào mài thêm mực. Điểm vừa xong mắt bên hữu, thì rồng tự dưng quẫy đuôi bay lên trời, mang theo cả hai vợ chồng, làm cho lão Tây đèn và lính đứng ngây (*Bách khoa*, số 385).

124. CON CHIM KHÁCH MẦU NHIỆM

Vào một ngày xa xưa, có hai anh em con một nhà quan nọ một hôm đi chơi thấy có một nhà đạo sĩ ngồi bên vệ đường. Trước mặt đạo sĩ có đặt một cái lồng, trong có một con chim khách. Hai anh em sán lại xem và hỏi:

- Chim gì mà trông chẳng đẹp. Nó có hót được không?

- Chim này không phải để nghe hót đâu, đạo sĩ trả lời.

- Thế dùng để làm gì?

- Đây là một con chim khách mầu nhiệm. Ai ăn được thịt nó sẽ trở thành bậc vương giả.

- Có bán không?

- Chỉ bán cho người nào mang tới đây bốn ngàn quan tiền. Đưa về nuôi đúng ba tháng mười ngày, sau đó mới làm thịt. Chỉ cần ăn một miếng thịt chim này tự khắc có ngày phú quý sẽ đến, đứng trùm lên thiên hạ.

- Có chắc thế không?

- Đã mua thì đừng ngờ. Đã ngờ thì đừng mua. Nhưng hãy nhớ, không phải bất kỳ ai có tiền là mua được chim, cũng không phải bất kỳ ai mua được chim là ăn được thịt. Phải có số, lại phải có tài.

Tin tưởng ở lời nói của nhà đạo sĩ, hai anh em liền chạy về nhà lấy trộm của mẹ mình đủ số tiền mang tới cho đạo sĩ để được làm chủ con chim quý.

Trở về, hai anh em giao chim cho ba người thị tỳ, bắt mỗi người phải nhận một việc: người thứ nhất cho chim ăn, người thứ hai tắm rửa, dọn lồng cho chim, còn người thứ ba trông nom săn sóc chim. Hai người chủ còn dặn:

- Tính mệnh cả ba ngươi gắn liền với con chim đó. Ta hứa sẽ cho các ngươi mỗi người một ngàn quan nếu nuôi chim và giữ chim được tốt. Nhưng nếu để chim chết, hoặc bay mất, nhất định sẽ trị tội không tha!

Dặn đoạn, hai anh em trở lại ngôi trường cách xa một ngày đường, tiếp tục học tập.

Hồi đó, ở một nước ngoài có một người học được phép bấm độn rất tài tình. Ở đâu mất cái gì, hắn cũng có thể dùng phép lạ tìm ra được. Nhờ có phép lạ, hắn biết rằng ở nước Nam có một con chim khách mầu nhiệm: ai ăn thịt nó sẽ được làm vua. Thấy vậy, hắn bèn bán tất cả gia tài điền sản đóng một chiếc tàu quyết sang tận nơi để tìm bằng được.

Sau những ngày lần mò dò hỏi, hắn đã tìm đến đúng nhà có con chim khách. Nhà rất kín cổng cao tường lại có nhiều đầy tớ canh gác, không dễ gì vào lọt. Nhưng khi biết chủ nhân ngôi nhà chỉ là một người đàn bà góa, hai đứa con trai đều đi học vắng, hầu hạ bên mình chỉ có ba cô gái trẻ, thì hắn rất mừng, quyết lập kế để lọt vào cho được. Hắn nhờ mối giới thiệu mình là khách buôn nước ngoài bán rất nhiều hàng nữ trang và lụa là với giá rẻ chưa từng có. Quả nhiên, mưu sâu đã đạt, khi gặp chủ nhân, hắn đưa tặng một chiếc nhẫn ngọc để làm quen. Chỉ một thời gian đi lại, dần dần hắn đã bắt nhân tình được với người đàn bà này. Nhưng khi hỏi dò đến con chim khách, hắn mới biết rằng chim được bảo vệ hết sức cẩn mật, do ba người thị tỳ chia nhau đêm ngày canh giữ.

Túng thế, người khách buôn lại phải giở một thủ đoạn khác. Một hôm, hắn làm bộ sửa soạn cho tàu về nước. Người đàn bà góa ăn phải bả tình, hết lời dỗ dành để cầu mong hắn ở lại với mình. Hắn liền ngỏ ý sẽ ở lại suốt đời, nếu được ăn thịt con chim khách nuôi trong nhà này. -"Tưởng như thế nào chứ việc ấy thì có gì là khó khăn". Đáp đoạn, người đàn bà bèn ra lệnh cho mấy người thị tỳ phải đưa nộp con chim khách. Nhưng cả ba người nhất định không chịu. Họ trả lời: -"Thưa bà, chúng con không thể trái lệnh của hai công tử đã căn dặn trước khi lên đường".

Để buộc mấy người thị tỳ phải tuân lời mình, người đàn bà nọ bèn

hành hạ họ một cách tàn khốc. Cuối cùng họ không thể kiên gan được nữa.

Lại nói chuyện một ngày nọ hai anh em đang ngồi làm bài thì tự nhiên ruồi ở đâu kéo tới vây kín lấy đầu ngọn bút không cho nhúng vào mực. Nghĩ là ở nhà có chuyện chẳng lành xảy ra, hai anh em bèn xin phép thầy về thăm nhà.

Khi họ vừa bước vào cửa thì ba người thị tỳ đã chạy tới dắt họ vào buồng kín rồi quỳ xuống, kể hết những chuyện xảy ra ở nhà cho họ nghe: nào là người lái buôn nước ngoài đi lại không chính đáng với phu nhân, nào là họ bị đánh đập như thế nào chỉ vì không chịu nộp con chim quý, v.v...

Hai anh em hỏi:

- Thế chim hiện giờ ở đâu?

- Đã giết thịt còn kho trên bếp. Chốc nữa ông ấy sẽ đến ăn.

Hai anh em bèn vào ngay nhà bếp ngồi chén kỳ hết thịt con chim khách của mình. Ăn xong, họ lấy trộm tiền mẹ, thưởng cho ba người thị tỳ như lời đã hứa, và dặn họ hãy trốn mau đừng để mẹ mình bắt được. Rồi đó, hai anh em cũng bỏ nhà ra đi. Khi trèo lên một ngọn đèo thì trời vừa tối, hai người ngồi lại nghỉ sức, rồi vì mệt quá nên ngủ quên trên bãi cỏ.

Đang ngủ ngon giấc thì bỗng nhiên trên không trung có hai vị thần bay qua chốn này. Nhìn thấy hai chàng trẻ tuổi nằm giữa cánh rừng hoang, một vị vốn là thần Thiện nói:

- Này này, có hai gã xinh trai, lại có tướng làm vua mà sao lại nằm ở đây không sợ thú dữ ăn thịt? Chúng ta hãy mang họ đến kinh thành giúp cho họ sớm lên ngôi báu.

Nhưng vị kia vốn là thần Ác, đáp:

- Không nên! Không nên! Hãy đưa chúng nó đến những nơi trăm sóng ngàn gió để xem chúng nó chống chèo với số mệnh ra sao đã mới được.

Hai vị thần tranh cãi nhau mãi không ai chịu ai. Mãi đến gần sáng một vị cắp người anh đi sang nước Tề, một vị cắp người em đi sang nước Sở, thả xuống vào lúc mặt trời chưa mọc.

*

* *

Lại nói chuyện người anh được thần Thiện thả vào nhà một người dân nghèo. Gia đình ấy hàng ngày đi làm thuê, bữa hôm không biết có bữa mai. Thấy người con trai mặt mũi sáng sủa lại chữ tốt văn hay, người chủ nhà coi như trời đưa đến cho mình một đứa con, nên tuy nhà thiếu ăn, ông cũng không nỡ đuổi. Chàng trẻ tuổi cũng lao vào làm bất cứ công việc gì để sống. Vùng này vừa bị mất mùa trong mấy năm liền, miếng ăn kiếm rất chật vật. Chàng trẻ tuổi hết làm thuê, đến kiếm củi, đào củ mài... quần quật suốt ngày vẫn không đủ bỏ miệng. Nạn đói ngày một dữ dội, người chết đói đầy đường đầy chợ. Trong một vài làng đã xảy ra những vụ cướp thóc. Người chủ nhà đi theo đám đông. Chàng trẻ tuổi cũng hăng hái đi đầu. Thấy anh có tài, người ta tôn anh làm đại vương. Triều đình nghe tin dân đói nổi loạn, vội điều quân tới đánh. Máu chảy khắp nơi. Nhưng bên phía dân đói cũng tập hợp thành những đội quân do anh chỉ huy. Quân của anh ngày một đông: từ hàng ngàn chẳng mấy chốc lên hàng chục vạn. Quân triều đình kéo tới lớp nào bị đánh tan tành lớp ấy. Quân của anh kéo về kinh không một ai dám chống lại. Cuối cùng trong một trận kịch chiến, bọn vua quan nước Tề đều bị tiêu diệt. Cõi bờ nước Tề đều giao lại cho nghĩa binh. Người ta tôn anh lên ngai vàng, gọi là Tề vương.

*

* *

Người em được thần Ác thả vào một cái thành. Hồi này ở nước Sở đang bị nạn mãng xà. Mãng xà vốn thích ăn thịt người. Ngày nào nó cũng phải thịt một mạng người mới đủ no. Từ trong hang đá, cứ chừng đúng ngọ thì nó bò ra đi tìm mồi. Xong bữa tiệc, nó lại trở về hang nằm nghỉ. Vì vậy, cứ vào khoảng nửa buổi, mọi người thi nhau chạy đi tìm nơi ẩn náu. Nhưng mãng xà cũng rất tinh khôn, không bao giờ chịu nhịn đói. Suốt mấy năm trời, nó đã ăn hết không biết bao nhiêu mạng người. Nhà vua vô cùng lo lắng, hứa gả công chúa cho người nào có thể trừ được con quái vật.

Chàng trẻ tuổi rơi xuống đúng vào lúc mãng xà tìm đến kiếm ăn ở cái thành này. Anh đang đi dạo chơi các phố, bỗng chốc thấy mọi người

đều biến đi đâu mất cả. Đang lúc ngạc nhiên thì mãng xà đã ở đâu xông lại. Thấy thế nguy, anh tuốt gươm đánh trả. Trận đánh diễn ra rất lâu, mấy lần anh đâm trúng vào đầu con vật. Một mũi gươm bị gãy giắt vào trong đó. Nhưng tuy bị thương, mãng xà vẫn còn rất khỏe. Nó quần anh mệt nhoài. Cuối cùng, anh cũng chém được con quái vật, nhưng vì mệt quá nên lăn ra nằm ngất bên vệ đường.

Khi cơn nguy hiểm đã qua, mọi người lục tục ra khỏi chỗ nấp. Một viên quan nhờ phi ngựa đến được chỗ xác mãng xà trước tiên, liền chém lấy cái đầu đưa lên nộp vua, tự xưng mình là người giết được quái vật. Vua y ước gả công chúa cho hắn. Lễ cưới tổ chức rất linh đình. Nhưng giữa lúc mọi người đang tiệc tùng thì chàng trẻ tuổi bỗng xuất hiện ở cửa thành. Anh xin vào gặp vua để đòi lại mũi gươm gãy. Bọn thị vệ đưa đầu mãng xà ra, quả tìm được ngay. Thấy chứng cớ sờ sờ, vua sai bắt viên quan bỏ ngục và phong cho chàng trẻ tuổi chức phò mã.

Sau đó ít lâu vua chết không có con nối. Phò mã được mọi người tôn làm vua gọi là Sở vương.

Trong một cuộc hội kiến, Tề vương và Sở vương gặp nhau ở biên giới hai nước. Hai anh em nhận ra nhau ngay, và từ đấy hai nước giữ hòa hiếu lâu dài. Nhân dân nước Tề và nước Sở được hưởng thái bình thịnh trị chưa từng có[1].

KHẢO DỊ

Truyện kể trên gần giống với đoạn mở đầu của truyện cổ tích Ba-tư (Iran) và Ấn-độ. Truyện của Ba-tư như sau:

Một thầy tu mua được một con chim mầu nhiệm, mỗi ngày đẻ cho y một viên ngọc. Một thời gian y vắng nhà, vợ y bắt nhân tình với một người đổi bạc. Nhờ một người bạn là một nhà thông thái cho biết ai ăn được đầu con chim ấy sẽ trở thành vua, nên người đổi bạc bảo tình nhân làm thịt con chim kia cho mình ăn. Người đàn bà vâng lời, nhưng đang nấu thì con khóc. Để dỗ con nín, bà ta vô tình cho nó ăn cái đầu. Thấy mất đầu chim, người đổi bạc tức

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và lời kể của người Phú-yên.

giận, chạy đi hỏi bạn, bạn bảo ăn đầu đứa trẻ cũng sẽ được làm vua. Hắn định giết đứa trẻ, nhưng khi đến nơi thì người hầu gái đã đem đứa bé trốn đi. Đứa bé qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ lạ được dân một nước khác tôn làm vua.

Truyện Ấn-độ, sưu tầm ở xứ Cát-sơ-mia (Cachemire):

Có hai anh em con vua phải trốn khỏi nhà vì bị dì ghẻ bạc đãi. Nghỉ chân dưới một gốc cây, họ bỗng nghe một con sáo bảo một con vẹt rằng: -"Ai ăn thịt ta thì sẽ được làm quan đầu triều". -"Còn ta, con vẹt dáp, ai ăn thịt thì sẽ được làm vua". Hai người dùng cung tên bắn chết hai con chim, người anh ăn con vẹt, người em ăn con sáo. Người anh đến một nước kia sau quả được làm vua. Còn người em đến một nước khác, cũng như truyện của ta, ở đây đang có nạn chằn tinh ăn thịt người, mỗi ngày phải nộp một mạng. Vua hứa gả con gái cho người nào giết được quái vật. Người em giết được con vật nhưng vì kiệt sức nằm lăn ra đất. Một người hàng ngày thường quét dọn chỗ chằn tinh ăn, hôm ấy thấy quái vật chết, bèn chặt đầu nộp lên vua, xưng rằng chính tay mình đã giết. Về sau sự thật cũng được tỏ rõ như truyện của ta[1].

Người Khơ-me (Khmer) có một truyện tương tự:

Một hoàng hậu sinh được hai người con trai và được thần cho hai viên kim cương quý đeo vào có thể bay được. Thần còn cho biết: mẹ con sẽ gặp tai nạn trong mười năm, hết hạn sẽ đoàn tụ. Sau đó, ba mẹ con bị một bà phi khác tìm cách hãm hại, nhưng nhờ những người lính thương hại thả cho đi trốn. Như các truyện trên, ở đây cũng có hai con vật mầu nhiệm. Một hôm hai anh em đi đến một nơi thấy hai con gà, một trắng một đen, nói với nhau hễ ai ăn thịt được chúng nó thì sẽ được làm vua hai nước. Chờ lúc hai con chọi nhau mệt lử, hai anh em bắt làm thịt ăn.

Hai anh em đi đến một nước kia, ông vua nước này chết không con nối. Theo lời quan thiên văn, người ta cho đóng voi rồi voi tự nó đi tìm ra người có số làm vua đem về triều. Đến chỗ có hai anh em đang ngủ, voi dừng lại rồi dùng vòi quấn lấy người anh đặt lên ngai đưa về, từ đó người anh trở thành vua.

Người em ngủ dậy thấy mất anh, bèn bỏ đi tìm, không ngờ lưu lạc đến một nước khác, ở nhà một bà lão. Bà lão thấy chàng có chiếc nhẫn sáng ngỡ là yêu tinh, vội đi báo vua. Vua sai lính bắt về giam lại. Hồi ấy có một hung thần đòi nộp công chúa. Vua hứa sẽ gả công chúa và truyền ngôi cho ai trừ được hung

1. Đều theo Cô-xanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, tập I.

thần. Chàng xin đi. Thắng trận trở về được vua khen ngợi nhường ngôi, nhưng anh nhớ đến thời hạn mười năm đã hết nên cố xin về gặp anh mình và mẹ. Khi qua nước của người anh trị vì, người em thấy chân dung của anh treo khắp nơi, vội xin vào cung tìm. Gặp nhau, họ rất vui mừng, rồi đó cả hai dùng nhẫn kim cương bay về xứ sở gặp lại mẹ[1].

Truyện của người Đức cũng giống các truyện trên:

Có hai anh em, một giàu, một nghèo. Hai đứa con sinh đôi của người nghèo, thường ngày phải sang nhà bác xin ăn, trong khi đó, bố nó phải sinh nhai bằng nghề kiếm củi. Một hôm ông này thấy một con chim lạ, đánh rơi một chiếc lông, rồi một quả trứng bằng vàng. Người em đều mang đến bán cho anh mình. Người anh dò hỏi, rồi tìm đến tận tổ, bắt được con chim quý đưa về bảo vợ nướng cho mình ăn. Người vợ vô tình làm rơi tim và gan chim, mấy đứa con người em vào bếp nhặt được ăn mất cả. Người vợ đành lấy tim gan gà thế vào cho chồng ăn.

Vì ăn đúng tim gan chim thần nên mỗi sáng hai đứa bé nhả ra từ miệng hai đồng tiền vàng. Bác chúng biết chuyện bèn tìm cách giết cháu, nhưng hai đứa đã kịp thời trốn vào rừng và được một người đi săn nhận làm con nuôi, lại dạy cho nghề bắn thành thạo. Nhờ tài săn bắn, hai đứa trẻ bắt được thỏ, cáo, gấu, chó sói, sư tử mỗi loại một đôi, người và vật quấn quýt theo nhau. Sau đó, hai anh em chia đôi số loài vật trên, mỗi người đi một ngả. Cũng như các truyện trên, người em đi đến một nước có con rồng bảy đầu mỗi năm đòi nộp một cô gái. Đúng năm ấy, công chúa đến lượt phải đi nộp mạng. Nhà vua nước ấy bèn loan tin sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho người nào giết được rồng. Anh chàng lên núi tìm được thanh gươm và một lọ thuốc thần, ai uống vào sẽ có sức mạnh vô địch. Anh giấu công chúa vào một nơi, rồi dùng gươm tiêu diệt con rồng. Giết xong, anh được công chúa tặng một chiếc vòng ngọc, một chiếc khăn thêu, anh dùng khăn này bọc bảy cái lưỡi rồng rồi nằm ngủ giữa mấy con vật thân yêu. Không ngờ, tên thừa tướng được vua sai đi thăm dò, nhân lúc người anh hùng và mấy con vật ngủ say, hắn giết chết anh, chặt bảy đầu rồng rồi đưa công chúa về, buộc nàng phải nhận mình là người đã lập nên công trạng. Khi mấy con vật tinh dậy thấy chủ chết, chúng đi kiếm lá cứu sống chủ. Sau đó, những con vật khác tìm cách vào cung gặp công chúa vào lúc đám cưới của công chúa sắp được tổ chức với tên thừa tướng. Giữa lúc tên

1. Theo Vân Hải. *Con cá có mỏ (Tập truyện cổ tích Căm-pu-chia).*

thừa tướng đang ba hoa về bảy cái đầu rồng thì chàng đi săn xuất hiện. Anh hỏi nó: -"Vậy thì bảy cái lưỡi ở đâu?". Hắn cứng họng không trả lời được. Anh giở chiếc khăn công chúa tặng lấy ra bảy cái lưỡi và thuật lại mọi việc. Tên thừa tướng liền bị án trảm quyết, chức phò mã về tay anh, và sau đó anh được vua truyền ngôi.

Đoạn sau, anh bị một mụ phù thủy biến thành đá cùng với các con vật. Người anh em sinh đôi khi nhìn thấy lưỡi dao - do ông thầy thợ săn tặng trước lúc chia tay - hoen rỉ, biết là em mình đang bị nạn, liền dâm bổ đi tìm. Kết quả, anh bắt mụ phù thủy phải làm phép biến đá trở lại thành người và vật, đưa về cho công chúa[1].

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Con gà trống kỳ dị* cũng gần với truyện của người Đức:

Có hai anh em nhà nọ: em nghèo ở nơi rừng núi; còn anh giàu ở thành thị. Một hôm, em ngồi ở gốc cây nhặt được một chiếc lông gà vàng. Đem đến cho anh, em được anh trả cho một đồng. Không biết là của quý, em cho rằng anh trả quá giá, cảm ơn rối rít. Mấy hôm liền, em nhặt được lông gà đều đưa cho anh và đều được tiền như lần đầu.

Một hôm, em nghe có tiếng gà nói: -"Ai ăn được quả tim của ta thì mỗi ngày sẽ được hai quả trứng vàng ở dưới gốc cây". Em mang tin ấy báo cho anh biết, anh hứa nếu bắt được gà anh sẽ thưởng cho một ngàn đồng. Em từ chối tiền, chỉ xin anh nuôi hộ hai đứa con mình làm con nuôi vì nhà nghèo quá không nuôi nổ. Khi bắt được gà đưa đến, người anh bảo hai đứa cháu đưa xuống bếp làm thịt. Hai cháu vô tình đánh rơi tim gà xuống đất. Đứa này bảo đứa kia: -"Thôi bẩn mất rồi, đừng dọn cho bác ăn nữa". Đoạn hai đứa chia nhau ăn quả tim.

Khi ăn cơm, người bác thất vọng thấy mất tim gà bèn đánh đuổi cháu. Hai cháu bỏ về nhà. Từ đấy, mỗi ngày chúng nhặt được đều đặn hai quả trứng vàng. Bố con nhà họ trở nên giàu có[2].

Người Pháp có truyện *Con chim xanh* cũng thuộc loại truyện trên, nhưng đã kết hợp với hình tượng của truyện *Mũi dài* (số **165**, tập **IV**).

---

1. Theo *Dũng sĩ Ha-ba-na*. Xem thêm truyện *Đứa con người đánh cá* của người Áp-ga-nít-xtăng trong **Khảo dị** truyện *Tiêu diệt mãng xà* (số **148**), hình tượng của hai truyện được xây dựng khá giống nhau.
2. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*.

Một bà góa có ba con: hai trai một gái. Một hôm bà đi chợ bắt được một con chim xanh mang về cho con. Mỗi sáng chim đẻ cho họ một trứng vàng. Một hôm, có một hoàng tử đi săn ghé vào trại họ giải khát, thấy con chim trong lồng có chữ vàng đề: "Ai ăn đầu ta sẽ được làm vua, ăn tim ta sẽ được mỗi sáng một đồng vàng dưới gối". Hoàng tử hỏi mua, họ không bán, bèn xin cưới cô gái làm vợ với điều kiện hôm cưới được ăn thịt chim. Họ bằng lòng nhưng vì nghi ngờ, nên hôm cưới họ ăn quách thịt chim, thay vào đó là thịt một con chim bạc má. Sau đó hai anh em sợ bỏ trốn vào rừng. Sáng dậy người anh - ăn tim chim - lấy làm lạ thấy dưới đầu mình có những đồng vàng. Hai anh em qua nhiều nơi, đến một thành phố không ai biết vàng là gì, dân ở đây lấy làm lạ tiến dẫn họ lên vua. Sau đó người em - ăn đầu chim - được lấy công chúa, nhân bố vợ chết, được kế vị.

Người anh từ giã em đến một thành phố khác, lấy được con gái một ông chúa. Vợ thấy chồng mỗi sáng có vàng dưới gối thì ngạc nhiên, mới đi tìm hỏi một pháp sư. Pháp sư nói ra điều bí mật và đưa cho người vợ một sợi dây bạc để lúc chồng ngủ có thể lôi tim chim ra mà ăn, để giành lấy sự mầu nhiệm của chồng.

Cuối cùng vợ rủ chồng đi trên một chiếc tàu rồi cùng một con hầu vứt chồng lên hoang đảo. Ở đây, trong khi đi tìm thức ăn, anh ăn phải một loại rau cần, tự nhiên hóa ra con lừa. Lừa ta sau đó ăn một loại rau khác lại trở thành người. Nhờ có một chiếc thuyền ghé vào đảo, anh được trở về quê vợ, mang theo hai loại rau lạ. Anh cải trang làm người bán rau đem đến cung bán. Vợ và con hầu ăn rau vào đều hóa thành lừa cái. Anh bắt chúng làm công việc nặng nhọc trong hai năm, rồi mới cho hóa thành người. Anh dùng sợi dây bạc lấy lại tim chim từ người vợ, rồi từ đấy hai vợ chồng sống với nhau lâu dài[1].

1. Theo Xê-bi-ô (Sébillot). *Truyện dân gian ở Thượng Brơ-ta-nhơ (Pháp).*

125. CÂY TRE TRĂM ĐỐT

Ngày xưa, có một anh nông phu nhà rất nghèo, phải đi ở cho một phú ông. Phú ông tính rất keo kiệt. Đối với kẻ ăn người ở, hắn có rất nhiều mánh khóe để bòn công mà không phải trả thêm tiền. Trong nhà hắn có một cô con gái chưa gả chồng. Thấy anh đầy tớ tuổi đã lớn mà chưa có vợ, hắn vờ vịt:

- Cứ cố làm việc đi con ạ! Lão sẽ gả con gái cho!

Vốn tính thật thà nên khi nghe lời đường mật của chủ, anh chàng bỗng nuôi hy vọng làm rể phú ông. Từ đó, anh đổ sức ra làm việc không biết mệt. Trời chưa sáng anh đã lội bì bõm ở ngoài đồng; cho đến tận khuya vẫn còn trần lực xay lúa giã gạo, kéo trục, bện thừng, v.v... Bao nhiêu công việc của chủ giao, dù khó khăn nặng nhọc thế nào, anh cũng không từ chối.

Phú ông thấy mưu mình đắt thì mừng lắm. Đứa con gái của lão đời nào lão lại chịu gả cho hạng người như anh. Lão đã nhận lời gả cho con một nhà giàu ở làng bên cạnh vừa mang trầu cau đến chạm ngõ. Song để giấu anh, lão bắt mọi người phải giữ kín. Còn anh, anh vẫn không nghi ngờ gì cả, vẫn quần quật làm việc và gửi gắm hy vọng vào ông chủ.

Lật đật mà ngày cưới của cô gái đã đến. Hôm ấy trong nhà phú ông người ta bày bàn dọn ghế, giết lợn mổ gà tấp nập. Để cho anh đầy tớ khỏi sinh sự lôi thôi làm lỡ cuộc vui của con mình, phú ông gọi anh đến và bảo:

- Con làm việc khá lắm, lão rất ưng ý. Hôm nay lão đã sửa soạn cỗ bàn rồi đấy. Nhưng mà con cũng phải có gì làm sính lễ mới được. Ta không đòi tiền bạc ruộng vườn gì cả. Cứ lên rừng chọn cây tre nào có một trăm đốt chặt mang về đây, lão sẽ cho làm lễ thành hôn. Nếu không có thì lão gả cho người khác đấy!

Anh chàng đứng ngẩn người ra một lúc, nhưng sau đó người ta thấy anh cầm rựa cắm cúi ra đi. Lên rừng, anh cố tìm những bụi tre cao rồi lách vào mà chặt. Nhưng mỗi một cây tre ngả xuống là một lần anh thất vọng. Tre trông cao ngất ngưởng là thế nhưng nhiều lắm cũng chỉ đến bốn mươi đốt là cùng. Tuy vậy, anh vẫn không chịu nản. Anh lại luồn vào những nơi hiểm hóc có những bụi tre già, và mặc cho gai tre tua tủa cào rách cả áo, toạc cả da, anh vẫn không bận tâm, chỉ mong có một cây tre trăm đốt để mang về làm lễ dâng lên bố vợ. Anh giơ cao rựa chặt lấy chặt để. Nhưng tất cả những cây ngã xuống, đếm đi đếm lại cũng chỉ hơn những cây trước chừng giăm bảy đốt là cùng. Buồn rầu quá đỗi, anh quẳng rựa xuống đất, ngồi khóc nức nở.

Tiếng khóc của anh vang động cả núi rừng. Nghe tiếng khóc, Bụt hiện lên trước mặt, hỏi:

- Con là ai? Có sao lại ngồi đây mà khóc?

Anh gạt nước mắt kể lể sự tình cho Bụt nghe. Nghe đoạn, Bụt bảo:

- Con đừng khóc nữa. Hãy đi chặt lấy một trăm đốt tre mang về đây cho ta.

Anh nông phu lập tức làm theo lời Bụt dặn. Nhưng khi mang đủ một trăm đốt tre về, thì anh lại khóc:

- Sao con lại khóc?

Anh trả lời Bụt:

- Phú ông bảo con chặt cây tre có một trăm đốt, chứ không phải chặt một trăm đốt tre!

Bụt yên ủi, rồi bày cho anh sắp một trăm đốt tre lại thành một hàng và hô mấy tiếng: - "Khắc nhập!", "Khắc nhập!". Anh làm theo lời thì mầu nhiệm thay, khi mấy tiếng hô vừa phát ra, anh đã thấy tất cả các đốt tre dính vào nhau như là từ một cây sinh ra vậy. Hết sức mừng rỡ, anh vội chạy lại định mang tre về, nhưng dù lấy hết gân sức, cũng không tài nào đỡ lên vai và quay trở được. Loay hoay mãi, cuối cùng anh buông ra rồi ngồi phịch xuống đất khóc. Bụt lại hỏi:

- Làm sao con lại khóc nữa?

- Cây tre dài quá, anh đáp. Con không làm sao mà đưa về nổi.

Bụt lại bảo anh hô lên mấy tiếng: - "Khắc xuất!", "Khắc xuất!". Anh vừa hô xong thì cũng mầu nhiệm không kém gì lần trước, những đốt tre tự nhiên rời ra ngay. Anh mừng quá, hết lời cảm ơn Bụt, rồi xếp tre làm hai bó, quảy ra khỏi cửa rừng.

Anh về đến nhà, giữa lúc hai họ đang cỗ bàn linh đình, cô dâu chú rể sắp bước vào lễ cưới. Anh lẳng lặng đặt gánh tre giữa sân rồi gọi phú ông ra nhận sính lễ. Thấy các đốt tre, phú ông vội quát:

- Tao bảo mày chặt cho được một cây tre trăm đốt, chứ có phải chặt một trăm đốt tre đâu! Rõ ngớ ngẩn!

Chẳng nói chẳng rằng, anh nông phu luôn miệng hô: - "Khắc nhập!", "Khắc nhập!". Các đốt tre lần lượt chạy ra khỏi bó rồi dính vào nhau thành một cây cao ngất nghểu. Phú ông tức mình chạy lại định lay cây tre cho nó rời ra, nhưng những tiếng "khắc nhập" từ miệng anh hô có phép làm cả người phú ông bỗng dính liền vào cây tre như là một đốt nối thêm vào vậy. Phú ông kêu la ầm ỹ. Tiếng kêu oai oái làm cho hai họ hốt hoảng đổ ra sân. Chàng rể là người đầu tiên chạy đến định gỡ cho bố vợ, nhưng hai tiếng "khắc nhập" của anh nông phu lại làm cho người hắn dính liền vào cây và đội phú ông lên đầu. Đến lượt ông thông gia đến gỡ con ra cũng bị dính vào nốt. Tiếp đó, họ nhà trai nhà gái cứ mỗi người xông vào gỡ là một lần bị dính cứng vào tre. Trong khi mọi người sợ xanh cả mắt thì anh đầy tớ vẫn bình thản đứng ở góc sân để đợi phú ông trả lời. Cuối cùng, phú ông đành phải van lạy xin được thả ra và hứa sẽ gả con gái cho anh, không dám nuốt lời nữa.

Bấy giờ anh chàng bèn hô lên mấy tiếng: - "Khắc xuất!", "Khắc xuất!" Lập tức, phú ông và mọi người rời khỏi cây tre. Sau đó chàng rể cùng họ nhà trai cắp gói ra về. Còn anh nông phu từ đó được vợ như mong ước[1].

1. Theo lời kể của người miền Bắc.

KHẢO DỊ

Tình tiết người dính vào tre lằng nhằng một lũ tương tự với tình tiết người dính vào ngỗng kéo nhau đi một đoàn của một truyện cổ tích Đức do Grim (Grimm) sưu tầm: *Con ngỗng vàng*. Đại khái có một chàng ngốc vào rừng đốn củi, nhờ chia bánh và rượu cho một ông tiên trá hình nên được ông cho một con ngỗng có bộ lông bằng vàng (Trước đấy, hai người anh của chàng ngốc vì xấu bụng không chia bánh và rượu nên chỉ bị thương mà không được gì). Về đến quán nghỉ, có ba cô gái con chủ quán lần lượt đến định nhổ trộm lông nhưng bị dính chặt vào ngỗng. Anh mang ngỗng đi, kéo theo cả ba cô. Cha xứ và những người khác đến gỡ hộ cũng bị dính vào thành một chuỗi dài. Đến kinh đô, một công chúa cả đời không cười, thấy thế thì cười ầm lên. Để cho chàng ngốc không lấy được công chúa như đã hứa trước đây (gả công chúa cho người nào làm cho nàng cười được), vua lần lượt bắt anh phải uống một hầm rượu, ăn một núi bánh, chế ra một con tàu đi được cả trên cạn lẫn dưới nước. Nhờ có ông tiên, anh đã giải quyết được cả ba việc, và sau đó được kết duyên với công chúa[1].

1. Trong *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV, có kể truyện *Con ngỗng kỳ lạ* cũng có những nét gần với truyện trên. Như sau:

Một người nghèo đông con, một hôm lên rừng bỗng thấy một tiên ông đánh nhau với một con quỷ. Anh giương ná toan bắn vào quỷ. Quỷ sợ bỏ chạy. Tiên ông thoát nạn, tặng anh một con ngỗng, dặn khi nào đói thì bắc nồi lên bếp hô: - "Ngỗng vào nồi đi!" ngỗng sẽ rùng mình rụng hết lông nhảy vào nồi. Ăn xong bỏ xương lại một đống rồi hô: - "Ngỗng đứng dậy!" thì ngỗng sẽ sống lại. Từ đó nhà anh không lo đói.

Lão nhà giàu nghe tin anh có con ngỗng lạ, đòi mua nhưng anh không bán. Lão đến bắt trộm nhưng khi được ngỗng, dẫu hô hết hơi, ngỗng vẫn không làm theo ý mình. Tức mình lão dùng gậy đánh. Không ngờ gậy vừa giáng xuống thì dính liền vào ngỗng, còn đầu kia dính vào tay lão, không dứt ra được. Thấy lão kêu cứu, vợ lão chạy ra gỡ lại bị dính vào gậy, lũ con gái xông vào cũng bị dính nốt. Ngỗng lôi cả nhà lão nhà giàu ra chợ rồi lôi về nhà chủ. Anh chờ cho lão nhà giàu cầu khẩn chán chê mới hô mấy tiếng: - "Ngỗng vào nồi đi" để giải thoát cho lão nhà giàu và vợ con lão.

Chúng tôi ngờ rằng truyện này ít nhiều có chịu ảnh hưởng của truyện kia.

126. NGƯỜI LẤY CÓC

Ngày xưa có hai vợ chồng một người phú hộ hiếm hoi; mãi đến khi tuổi già xế bóng, người vợ mới có mang. Hai người bụng mừng khấp khởi nhưng đến khi giở dạ đẻ ra thì không phải người mà là một con cóc. Cả nhà toan đem ném đi cho khuất mắt. Bỗng cóc cất tiếng nói: -"Đừng ném con đi, cứ để lại, con cũng làm được việc". Rồi cóc "một mẹ hai mẹ" luôn luôn làm cho mọi người vui lây. Thế là vợ chồng phú ông đành lòng nhận cóc làm con. Lớn lên cóc hay lam hay làm. Nó thường trò chuyện mua vui cho cả nhà, lại chăm sóc mọi việc giúp đỡ bố mẹ.

Hồi ấy ở gần làng có anh học trò nghèo, bố mẹ chết sớm. Hàng ngày, anh cắp sách sang làng bên cạnh học ở trường cụ đồ Lê. Một hôm, qua đám ruộng lúa chín vàng rất đẹp mắt, thuận tay, anh cúi xuống bờ ngắt một bông để cắn trắt. Bỗng nghe một giọng nhỏ nhẹ từ phía góc ruộng phát ra:

- Chàng ơi chàng,
Sao chàng lại ngắt lúa vàng nhà em.

Giật mình, anh nhìn quanh nhìn quất hồi lâu nhưng chẳng thấy một ai cả. Cho rằng tai mình nghe nhầm nên anh lại tiếp tục đi học.

Chiều hôm ấy khi trở về đám ruộng cũ, anh lại cúi xuống chọn một bông lúa khác. Nhưng vừa ngắt xong thì câu nói mà ban sáng anh đã được nghe, bây giờ lại từ dưới ruộng vọng lên. Lần này thì anh hết sức sửng sốt. Anh nhìn đi nhìn lại khắp nơi, lại lội xuống ruộng cố tìm quanh quẩn ở chỗ phát ra tiếng nói. Nhưng anh chẳng thấy gì hơn là một con cóc đang ngồi chồm hổm trên một mô đất cạnh một bụi lúa. Anh hỏi bâng quơ:

- Vừa rồi cóc nói hay là ai?

- Chính em nói đấy!

Rồi cóc thong thả kể tiếp cho anh biết tên tuổi, quê quán và bố mẹ mình. Đoạn lại nói thêm:

- Vì đám ruộng lúa nhà em chín sớm, lại ở bên đường cái, nên bố mẹ sai em ra đây canh giữ ban ngày. Xin anh khóa về nhà kẻo muộn, và từ nay đừng ngắt lúa nhà em.

Nghe giọng nói của cóc trong trẻo, dịu dàng, thái độ lại chân thật, vui vẻ, anh học trò bụng bảo dạ: -"Xấu hình nhưng tốt nết, thật là ít có!". Mấy lần qua lại đám ruộng, anh đều thấy cóc đón chờ mình trò chuyện. Dần dần anh đâm ra phải lòng cóc.

Thế rồi, anh quả quyết nhờ mối đến nhà phú hộ để dạm cóc làm vợ. Đang lo con gái mình không có ai tưởng đến, nay bỗng có người tử tế đến dạm, hai vợ chồng ông lão sốt sắng nhận lời và tỏ ý chịu mọi phí tổn cưới xin. Ngày đưa dâu, cóc lạch bạch theo về với chồng.

Tin anh học trò lấy cóc chẳng bao lâu bay ra khắp nơi làm đầu đề cho những câu chuyện mua cười ở các gia đình. Ở nhà trường cụ đồ Lê, những người bạn học của anh luôn luôn xì xào dè bỉu: -"Chắc là vì hắn tham của". Họ đoán như vậy và họ tìm đủ cách để cho anh bị nhục. Nhưng mặc cho mọi người gièm pha, anh học trò vẫn vui vẻ như không có việc gì xảy ra. Sau cùng, họ quyết định làm cho anh một phen xấu hổ trước mặt thầy và bạn. Nhân nhà thầy sắp có giỗ, họ bàn với trưởng tràng tổ chức một cuộc thi dọn cỗ. Mỗi người học trò có vợ phải bảo vợ mình dọn một mâm cỗ dâng thầy, không được mượn người làm hộ. Cỗ nào ngon nhất sẽ được thầy khen. Bày ra chuyện này, họ định bụng xem xem cô vợ cóc của anh kia sẽ nấu nướng ra làm sao.

Biết như thế nên khi trở về nhà anh học trò chỉ một mực thở dài. Cóc hỏi chồng vì cớn có gì mà buồn. Ban đầu anh còn giấu quanh, nhưng sau vì vợ gạn hỏi mãi, anh đành kể lại cho nghe câu chuyện. Nghe đoạn, cóc bảo:

- Tưởng là gì chứ dọn cỗ thì em cũng không đến nỗi vụng về đâu. Chàng đừng lo gì cả.

Nghe vợ nói thế, lòng anh cũng nguôi nguôi. Nhưng ngày một ngày hai, anh chẳng thấy vợ đi chợ sắm sửa gì lại sinh ra lo lắng. Mãi đến

ngày cuối cùng, trong khi anh đi học vắng, cóc mới gọi các nàng tiên từ trên trời xuống, mỗi người một tay làm các món ăn. Chỉ trong chớp mắt, trên giá mâm đầy các thứ nem, mọc, giò, chả, bung, xào, v.v... mùi thơm phưng phức.

Chiều hôm ấy, anh học trò đội cỗ đến nhà thầy mặc kệ những câu đùa nghịch quen thuộc của các bạn. Nhưng họ không ngờ rằng sau khi nếm qua tất cả các cỗ, cụ đồ dừng lại bên cạnh mâm của anh, tấm tắc khen:

- Nấu ăn như người nào đây thật là tuyệt. Có những món ăn chưa bao giờ ta lại thấy ngon đến thế.

Kết quả lần ấy anh học trò thắng cuộc trước những con mắt ghen tỵ của bạn bè.

Ít lâu sau, nhân ngày sinh nhật của thầy, bọn học trò lại bàn nhau mở một cuộc thi may quần áo. Bộ quần áo nào mà thầy mặc vừa nhất và đẹp nhất sẽ được trúng giải. Nhưng không được một ai đo vào người thầy, và áo quần thì phải do vợ học trò may chứ không được đi thuê thợ. Bọn họ bảo nhau: -"Chuyến này, xem thử cóc may vá ra làm sao cho biết!".

Anh học trò lại bước cao bước thấp trở về. Thấy mặt anh buồn, cóc lại thủ thỉ:

- Có việc gì mà chàng có vẻ không vui?

Anh lại kể cho vợ nghe ý định của các bạn học. Nghe đoạn, cóc tươi cười:

- Tưởng là gì, chứ may vá thì em đây cũng không đến nỗi vụng về. Chàng đừng có lo gì cả.

Ngày hôm sau, đợi lúc chàng cắp sách ra khỏi cổng, cóc liền vào buồng đóng kín các cửa lại rồi hóa phép biến thành một con ruồi, ruồi bay ra đuổi theo chồng bám vào cổ áo. Khi đến trường, giữa lúc cụ đồ Lê bước ra giảng bài, ruồi ta bay đậu lên vai, lên cổ, lên lưng và lên mọi nơi trên áo quần cụ đồ, nhẩm thuộc tất cả kích tấc rồi mới bay lộn trở về. Chiều hôm ấy, anh học trò đi học về đã thấy một bộ quần áo xếp gọn để ở đầu giường. Anh giở ra xem: đường kim mũi chỉ khó có ai ăn đứt. Nhưng anh chỉ lo không biết thầy mặc có vừa hay không.

Hôm sau là ngày nạp lễ, anh mang bộ quần áo đến trường, giữa lúc ấy các bạn anh đang giỏ áo quần cho thầy mặc thử. Nhưng chẳng bộ nào thầy mặc xứng ý: được quần thì hỏng áo, hay được áo lại hỏng quần.

Anh học trò đưa bộ quần áo của mình cho thầy mặc thử sau cùng. Cụ đồ mặc vào thật là vừa vặn, áo cũng như quần không chê được một chỗ nào. Cuối cùng mọi người tiu nghỉu vì anh lấy vợ cóc đáng lý là cái đích để mà cười thì không ngờ lại trúng cuộc. Song họ vẫn chưa từ bỏ ý định trêu ghẹo anh.

Ít lâu sau nữa, nhân có hội mùa xuân, bọn học trò lại bàn nhau xin cụ đồ cho mở một cuộc thi vợ đẹp. Hẹn chiều hôm sau mỗi người phải thân hành đưa vợ mình đến cho thầy chấm giải. Bọn họ bảo nhau: -"Lần này thì tha hồ mà cười cho võ bụng!".

Thật là một tin không hay cho anh chàng lấy vợ cóc. Anh cảm thấy tê tái và phải cố gắng lắm mới bước về được đến nhà. Thấy chồng nằm dài trên giường chẳng nói chẳng rằng, cóc gạn hỏi mãi mới biết được sự thật. Chồng kể xong, nói tiếp:

- Bắt nàng đến trường để thi... Chúng nó thật là ác độc!

Nhưng cóc thì vẫn tươi tỉnh:

- Chàng đừng lo. Thiếp xin vì chàng đến trường chào thầy và các bạn của chàng. Dầu thiếp xấu xí nhưng cũng có chỗ sánh được với người. Đừng ngại!

Chiều hôm sau, lúc anh học trò bước đi thất thểu đến trường thì cóc cũng lạch bạch nhảy theo chân. Mặt anh đỏ dừ, vừa ngượng vừa thương vợ. Anh cúi đầu không dám ngoảnh cổ nhìn mọi người. Cóc vẫn bình tĩnh nhảy theo chồng. Lúc sắp đến trường, cóc bảo:

- Chàng đợi thiếp một lát!

Nói xong cóc nhảy ngay vào một bụi cây rậm bên đường. Anh học trò vội chạy đến bụi cây rình xem. Nhưng chưa kịp ghé mắt nhìn, đã thấy từ bụi cây bước ra một cô gái da trắng môi son, mày ngài mắt phượng làm anh ngơ ngác. Ngoảnh vào bụi anh thấy một tấm da cóc vứt lại một đống lù lù ở gốc cây. Hiểu ra đó là lốt của vợ mình, lập tức anh chạy vào xé nát tấm da.

Rồi đó hai vợ chồng sánh vai bước vào cổng trường lúc bấy giờ đã chật ních những người. Mọi con mắt đều tròn xoe kinh ngạc vì vợ anh học trò mà họ tưởng là cóc, thì lại là người so với mọi người đàn bà khác như trời với vực. Quả đó là một vị tuyệt thế giai nhân.

Từ đó hai vợ chồng quấn quýt với nhau không rời[1].

KHẢO DỊ

Người Nghệ-an có truyện *Vợ cóc* là một dị bản của truyện trên nhưng không nói tới các cuộc thi, cũng không nói tới việc cóc đi canh lúa:

Vợ chồng một nhà nọ sinh được một con cóc và nuôi đến chín mười năm. Một hôm cả nhà đi vắng, cóc ở nhà hóa thành một người con gái xinh đẹp ngồi dệt vải lại dọn dẹp trong nhà sạch sẽ. Có một bọn học trò đi qua, cô gái đẹp ra cửa têm trầu mời khách ăn. Nhưng đến khi họ vào thì không thấy cô gái đẹp đâu nữa, mà chỉ thấy một con cóc, bèn bỏ đi. Riêng có một anh học trò trong số đó, lúc về giục mẹ đi hỏi: -"Nó là cóc, con lấy làm gì?" -"Mẹ cứ hỏi cho con đi". Bố mẹ cóc nhận lời gả con, không đòi hỏi gì. Ngày đưa dâu chẳng mấy ai dự, người ta bỏ cóc vào võng đưa về. Ai cũng chê cười: -"Người mà lấy cóc!". Nhưng đến đêm thì cóc hóa thành người, sáng dậy lại trở lại hình dạng cóc. Được ba ngày, chồng bảo vợ: -"Người ta cười quá lắm, nàng phải làm cho họ thôi cười mới được". Cóc bèn hóa thành người ra mắt bà con làng xóm. Bố mẹ chồng thấy thế mừng quá, giết trâu bò mời họ mời làng. Người ta nói: "Ăn cưới không bằng lại mặt" là thế[2].

Trong truyện trên, chắc người kể đã lược đi nhiều tình tiết của truyện, nhưng vẫn giữ được một tình tiết đáng chú ý: vợ chàng học trò trước khi chuyển hóa thành người, đã có thời gian ngày là vật, đêm lại là người.

Một truyện khác phổ biến ở miền Nam là truyện *Nàng Út* có một số tình tiết giống và khác với truyện *Lấy vợ cóc*:

Hai vợ chồng nhà nọ hiếm con, hết lời cầu xin đức Phật để có một đứa. Người vợ sau đó tự nhiên có mang và đẻ ra ở đằng trán một cô bé bằng ngón tay nên đặt tên là Nàng Út. Cho là quái, bố mẹ chỉ những muốn vứt bỏ đi đâu

1. Theo lời kể của người miền Bắc, và Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. Theo *Bản khai của sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, tập I.

cho khuất mắt. Một hôm, người bố đưa Út lên rừng sâu, bảo Út đứng chờ một chỗ, chờ chặt củi xong thì sẽ mang về. Nhưng sau đó ông ta theo đường khác lẻn về, bỏ con lại. Út cứ chờ bố hết ngày này qua ngày khác. Trước đó có một con quạ ăn dưa nhả hạt ở gần chỗ Út đứng. Hạt mọc thành cây. Út dùng lá dưa như một thứ mái để che sương gió. Cây có quả, Út nâng niu quả dưa, định bụng dành cho bố.

Bống có một hoàng tử đi săn qua đấy thấy quả dưa chín bèn hái ăn, quẳng vỏ lại. Út ăn dưa thừa, tự nhiên có mang, đẻ ra một đứa con trai cũng bé xíu như mẹ nó. Hai mẹ con ở trên cây đa. Sau đó một hôm nhớ tới quả dưa ăn lần trước, hoàng tử bèn tìm đến khu rừng cũ. Trông thấy mẹ con Út, hoàng tử bỏ cả vào hai túi đưa về cung rồi lấy Út làm vợ. Vua cha thấy thế giận lắm, tìm cách chia rẽ.

Một hôm vua ra lệnh cho các cung nữ, ai may áo cho vua vừa vặn thì sẽ cho làm vợ hoàng tử. Bộ quần áo vua mặc vừa vặn và đẹp nhất là của nàng Út. Vua lại ra lệnh ai dọn cỗ mà vua nếm thấy ngon thì được lấy hoàng tử. Cỗ ngon nhất lại là của Út. Vua lại sai mở hội trong cung thi sắc đẹp, kén vợ cho hoàng tử. Trong khi hoàng tử lo lắng thì Út lập đàn cầu trời. Thần hiện xuống làm cho nàng lớn lên như người thường, nhan sắc tuyệt vời. Vua hài lòng cho phép hoàng tử lấy Nàng Út[1].

Lê Duy Thiện diễn ca truyện *Nàng Út* có kể lại nàng Út là tiên mà Ngọc Hoàng cho đầu thai. Khi sinh ra chỉ bằng con dế. Người bố mang lên nương để lại ở chòi. Có một thái tử nước Triệu đến tuổi lấy vợ, vua cha định hỏi công chúa các nước cho con, lại cho con mở hội kén vợ, chàng đều không màng. Đi săn vào chòi Út, thấy quả dưa, thái tử bèn ăn, ăn xong vứt vỏ, đái vào vỏ rồi trở về. Út từ chỗ nấp bước ra không biết, ăn phải vỏ dưa có mang sinh được một con trai "to lớn túc thời". Sau ba năm thái tử nhớ chốn cũ lại đi, thấy đứa bé giống mình bèn nhận Út làm vợ, đưa về cung. Ở đây cũng có ba cuộc thi như trên. Lần thi thứ ba, thiên đình làm cho Út thành người lớn, xinh đẹp, lại cho một quạt, một đàn. Quạt đàn này khi các nước đến xâm lăng thì:

...Quạt vào giông tố liền ra,
Đá văng cây ngã xem đà dữ thay!

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

...Nghe đờn (đàn) liệt quốc suy lòng,

Âu làm hàng biếu cho xong mà về[1].

Một truyện khác *Người lấy cóc* lưu hành ở một địa phương miền Bắc, nhưng nội dung thì lại giống với truyện *Lấy chồng dê* (số **128**), chỉ có khác nhân vật ở đây là cóc[2].

Đồng bào Tày (Thổ) có truyện *Kim Quế*:

Nàng Kim Quế, con gái đức Phật Thiên đàng vì tính tình phóng túng nên bị đày xuống trần, nhưng lại sinh lạc vào xã hội loài khỉ. Tuy vậy, nàng vẫn có tài nghệ hơn đời, thường ngày chẻ tre đan chiếu, chiếu đẹp như lụa thêu, gấm dệt.

Một hôm có bà lão tới nhận đem chiếu đi bán, bà lão bán cho hoàng tử Chúa Ba. Thấy chiếu đẹp, Chúa Ba lên rừng để gặp. Sau khi trò chuyện, mới biết tuy rằng đội lốt khỉ mà là người tiên, bèn rước về cùng nhau ăn ở như vợ chồng.

Muốn trêu tức Chúa Ba, vua ra lệnh cho hoàng tử phải làm cỗ yến, ngon thì sẽ nhường ngôi cho. Kim Quế nhờ chị em tiên xuống làm hộ nên cỗ Chúa Ba được giải nhất. Lần thứ hai thi may áo, lại đoạt giải nhất, nhờ sai ruồi vào cung đo người vua. Lần thứ ba thi vợ đẹp, Kim Quế gọi tiên nữ xuống mang "nha linh đơn" để tắm. Tắm xong, khỉ biến thành người đẹp, lại chiếm giải. Kết quả, Chúa Ba được vua nhường ngôi[3].

Người Mèo có truyện *Nàng tiên khỉ* cũng lấy khỉ thay cho cóc:

Một ông vua có ba hoàng tử, riêng hoàng tử thứ ba người xấu xí, một hôm đi lạc vào nước khỉ và yêu nàng công chúa khỉ vốn là một nàng tiên giáng trần. Khi đưa vợ về, hoàng tử bị mọi người dè bỉu, nhất là vua cha. Để buộc con bỏ vợ, vua cho tổ chức lần lượt ba cuộc thi giữa ba người vợ của ba hoàng tử, ai nhất thì chồng được vua nhường ngôi, ai kém thì phải duổi. Lần đầu thi dọn cỗ, khỉ nhờ hai trăm bạn tiên xuống giúp cho mỗi người một món; lần thứ hai may áo quần, khỉ nhờ bạn tiên mang gấm vóc xuống may và tàng hình vào cung vua đo khổ người; lần thứ ba thi sắc đẹp, khỉ đến cung rùng mình hóa thành người đẹp tuyệt trần, áo quần như dát vàng dát bạc. Hoàng tử thứ ba quả được truyền ngôi như truyện của người Tày[4].

1. Theo *Thơ Nàng Út*.
2. Theo Sê-ông (Chéon). *Sưu tầm một trăm bài tiếng An-nam*.
3. *Theo lời kể của người Thái-nguyên, Cao-bằng*.
4. *Theo Truyện cổ dân tộc Mèo*.

Người Miến-điện (Myanmar) có truyện *Nàng Nhái*:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi, đẻ được một con nhái. Họ giữ lại nuôi, người ta gọi là "Cô bé nhái". Mẹ cô chết, người bố lấy vợ kế có hai con riêng, chúng nó xấu bụng ghét nhái. Hồi ấy hoàng tử thứ tư làm lễ kén vợ bằng cách ném hoa. Các tiểu thư được gọi vào cung. Nhái cũng đòi đi, chúng chế giễu không cho vào cửa. Nhái nói khéo, được lính cho vào. Các cô tiểu thư xõa tóc. Hoàng tử tung hoa huệ lên trời, không ngờ hoa rơi trúng đầu nhái. Hoàng tử dành kết hôn với nhái, người ta gọi là "bà chúa nhái". Một hôm vua cha muốn truyền ngôi cho con, mới mở một cuộc thi tìm bắt nai vàng. Các hoàng tử khác chỉ tìm được những con nai thường, chỉ có chồng nhái nhờ có nhái, tìm được nai vàng. Vua cha lại mở cuộc thi đem đến thức ăn sống nhưng sau buổi lễ, gạo phải không mốc, thịt không ôi. Các hoàng tử khác đem gạo thịt nấu sẵn, chỉ có nhái đưa gạo thịt sống đến, trải qua mấy ngày mà vẫn tươi. Lần thứ ba vua thi vợ đẹp. Thấy hoàng tử lo lắng định đi tìm một cô gái đẹp, nhái bảo: -"Cứ đưa em đến là đủ!" Khi đến nơi bước lên điện, nhái vẫn là nhái. Hoàng tử thứ tư thẹn đỏ mặt khi vua hỏi: -"Tiểu thư xinh đẹp của con đâu?" Nhưng nhái đã bước ra nói: "Thưa con đây!". Nói rồi cởi da nhái hóa thành cô gái đẹp như tiên. Hoàng tử vội vàng chụp lấy tấm da ném vào lửa[1].

Người Pháp cũng có truyện *Con nhái* gần giống với truyện trên:

Một người đàn bà đang muốn tìm vợ cho hai con trai. Những cô gái xung quanh đều từ chối. Một hôm hai anh em bàn nhau bói vợ bằng cách mỗi người bắn một phát tên, gặp ai lấy nấy. Mũi tên của người anh rơi vào một chuồng gà, gần đấy có cô gái xinh đẹp mười tám tuổi. Còn mũi tên của em không may rơi xuống bùn, một con nhái nhảy ra.

Em đành phải lấy nhái làm vợ. Nhái đưa chồng về sống chung trong một căn lầu, không có ai lai vãng. Một hôm hai anh em tìm đến nhà chú là một vị vua cai trị nhiều nước. Người chú ra một cuộc thi vui nhộn, hẹn mỗi người đem chó đến, chó của ai chạy qua mấy hàng chai lọ mà không đổ thì cho cai quản một nước. Nhái đưa cho chồng một cái hộp, mở ra có một con chó con, chó chạy lon xon tránh né rất gọn, không có một chai lọ nào đổ cả, trong khi đó chó của người anh thì làm đổ lung tung. Thế là chồng nhái được cai quản một nước. Lần thứ hai chú lại mở cuộc thi: ai đưa đến một sợi dây nắm gọn trong tay, nhưng có thể quấn quanh lâu đài ba vòng thì cho cai quản một nước

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*, sách đã dẫn.

khác. Dây của người anh chỉ quấn được hai vòng, còn dây của chồng nhái quấn đến năm vòng. Lần thứ ba người chú lại thi vợ đẹp. Vợ nhái chuẩn bị một cái xe to bằng quả quýt có bốn con chuột kéo và một con mối (thạch sùng) cầm cương. Trước khi lên đường, nhái nhảy xuống bùn một lát, bước lên là một cô gái rất xinh, mặc áo đẹp, xe của nhái hóa thành cỗ xe bốn ngựa có người xà ích ăn mặc sang trọng. Thế là được chú cho cai quản một nước thứ ba[1].

Truyện của người Ả-rập vùng sông Nin (Nil):

Một ông vua có ba người con. Khi con đến tuổi lấy vợ, người bố bảo họ trèo lên nền của một lâu đài, mỗi người bắn một phát tên, trúng vào đâu thì lấy vợ ở đó. Mũi tên của hoàng tử cả rơi xuống nhà một viên đại thần, được kết duyên với con gái ông ta. Mũi tên của hoàng tử thứ hai rơi vào nhà một viên tướng, cũng được lấy con ông này. Mũi tên của hoàng tử thứ ba rơi vào một gian nhà có một con rùa lớn. Hoàng tử đành phải lấy rùa làm vợ như lời vua cha đã giao ước. Sau đó, một hôm vua ăn không ngon, ra lệnh cho mỗi hoàng tử phải mang đến một mâm thức ăn. Hai mâm thức ăn của hai người chị dâu đưa đến trở nên tanh tưởi hôi hám (do rùa làm ra như thế), còn mâm của rùa được vua khen ngợi vì ăn ngon. Vua sai dọn tiệc mời vợ các hoàng tử tới dự. Rùa bảo chồng đưa mình đến. Sắp tới nơi, rùa trút vỏ hóa thành một cô gái áo quần rực rỡ, cử chỉ lịch sự. Còn hai chị do rùa hóa phép làm cho áo quần trở nên lố lăng, dã thế lại bắt chước cử chỉ của rùa nên làm trò cười cho mọi người. Trong khi đó thì hoàng tử út bí mật ra đốt cái vỏ rùa, để cho vợ khỏi trở lại kiếp vật.

Truyện của người Thổ Thát-đát ở núi An-tai (Altaï):

Một người lái buôn có ba người con, một hôm bảo họ: -"Đứa nào mộng thấy vợ như thế nào thì lấy người như thế ấy". Người anh cả lấy con gái một lái buôn; người thứ hai lấy con một viên chức; còn người thứ ba mộng thấy được làm chồng nhái, đành phải lấy một con nhái.

Một hôm bố chồng sắp đi chầu vua, bảo nàng dâu thứ nhất may một cái áo, nàng dâu thứ hai may một cái quần, còn nàng dâu thứ ba khâu một đôi ủng. Nhái đưa cho chồng một đôi ủng thêu rất đẹp. Còn công trình của hai người kia không đáng kể. Sau đó, bố chồng bảo ba nàng dâu làm bánh. Bánh của nhái ăn rất ngon, còn của hai người kia rất dở. Sau đó, bố chồng lại bắt ba nàng dâu tới hát trước mặt mình. Dâu nhái xuất hiện dưới dạng một cô gái,

1. Theo *Truyện kể Ni-véc-ne (Nivernais)*, Pháp.

hát những bài hay đến nỗi bố chồng nói với mọi người rằng chưa bao giờ ông thấy có một người thanh sắc tuyệt vời như vậy. Bèn gây dựng cho con út thành một lái buôn lớn, còn hai người con kia trở thành kẻ chăn cừu, vợ của họ thành đầu bếp.

Truyện của một địa phương ở Đức:

Một ông vua bảo ba hoàng tử ai mang về một tấm thảm đẹp nhất, sẽ cho thừa kế ngai vàng. Đoạn vua cho thổi lên trời lần lượt ba cái lông chim, để lông chỉ cho từng đứa con hướng đi tìm. Chiếc lông thổi cho hoàng tử thứ ba rơi trúng một cửa hầm, hoàng tử nhấc cửa hầm lên thấy có tam cấp đi xuống đất rất sâu, bèn cứ thế trèo xuống, cuối cùng thấy có một con cóc lớn, xung quanh là một bầy cóc con. Biết được cái mà hoàng tử cần, cóc cho hoàng tử một tấm thảm. Đưa về, thảm ấy đẹp vượt xa của các anh. Lần thứ hai, vua bảo các con đi tìm một cái nhẫn. Cũng tại đáy hầm, nhờ cóc, hoàng tử lấy được nhẫn thần đưa về cho vua cha. Lần thứ ba vua bảo mỗi người đi tìm một cô vợ, ai có vợ đẹp nhất sẽ được nối ngôi. Cũng tại đáy hầm, cóc cho hoàng tử một con cóc con, lúc về hóa thành cô gái đẹp[1].

Một loạt truyện sau đây cũng cùng một chủ đề và hình tượng như các truyện trên (người lấy vợ là vật, khi đưa về thì ngày là vật, đêm là người, lại có nhiều phép huyền diệu nhờ đó giành thắng lợi trong các cuộc thi). Nhưng do chồng làm tiết lộ bí mật của vợ, hoặc nôn nóng muốn vợ sớm hóa thành người nên đã gây ra sự chia ly vĩnh viễn (hoặc tạm thời nhờ có sự nỗ lực cứu vãn của chồng qua nhiều thử thách).

Truyện của người Nga *Công chúa ếch*:

1. Một dị bản sưu tầm ở đảo Xi-ra (Syra) (Hy-lạp) đại thể cũng có một ông vua bảo ba người con bắn tên để bói vợ. Kết quả hoàng tử cả lấy được công chúa ở một nước khác, hoàng tử thứ hai lấy con gái một hoàng tử nọ. Còn hoàng tử ba thì mũi tên cắm vào một đống phân, moi ra thì thấy ở dưới có một tấm đá cẩm thạch, lật lên, thấy có đường tam cấp dẫn xuống một cái hang. Ở đây thay cho cóc là những con khỉ ngồi xung quanh một con khỉ mẹ. Mẹ khỉ bảo hoàng tử lấy một trong số con gái mình làm vợ... Tiếp đó là những công việc do vua cha ấn định: vua hứa sẽ nhường ngôi cho người nào trang hoàng nhà cửa đẹp, đưa đến một giỏ trái cây tươi ngon; có người vợ trong ngày hội được tôn là đẹp nhất. Vợ khỉ bảo chồng nhờ mẹ mình làm tốt hai việc trên, còn việc thứ ba thì vợ khỉ mặc áo quần đẹp, cưỡi ngựa đẹp và dĩ nhiên đã biến thành cô gái đẹp, nên được mọi người trầm trồ khen ngợi.

Một ông vua cũng có ba hoàng tử, lúc họ đến tuổi lấy vợ cũng có cuộc bói vợ bằng cách bắn mỗi người một phát tên, hễ cô nào nhặt được tên của ai thì sẽ là vợ của người ấy. Kết quả, có hai cô gái nhặt được mũi tên của hai hoàng tử anh, còn mũi tên của hoàng tử thứ ba thì cũng như truyện trên, do một con ếch nhặt được, đành phải tuân theo số mệnh. Một hôm vua cha muốn biết tài may vá của các nàng dâu, lần thứ hai muốn biết tài nấu nướng và lần cuối cùng là tài khiêu vũ trong dạ hội. Hai lần thi đầu, nàng dâu ếch làm đẹp lòng vua cha. Lần thứ ba, thấy chồng buồn, ếch bảo đừng lo, rồi trút lốt thành một cô gái tuyệt đẹp sánh vai chồng vào dạ hội. Khi ăn tiệc, ếch bỏ những miếng xương và rượu thừa vào ống tay áo. Hai chị dâu cũng bắt chước. Khi nhảy, ếch vung tay áo, có hàng đàn chim bay ra cùng cảnh núi sông xuất hiện rất đẹp mắt. Khi hai chị vung tay áo thì xương xẩu cùng những giọt nước tung tóe vào khách. Hết dạ hội, hoàng tử thứ ba đi tìm lốt ếch đốt đi. Vợ về nhà tìm mãi không được, chỉ kịp cho chồng biết rằng một khi mất lốt, hai người sẽ phải chịu cảnh chia lìa, đoạn biến mất.

Được hơn một năm, chồng nhớ vợ bỏ nhà đi tìm. Tìm mãi mới biết vợ mình đang bị biến thành một chiếc quạt vàng của một bà tiên. Hoàng tử cướp được quạt, bẻ gãy chuôi thì công chúa ếch hiện ra. Ếch cho chồng biết chỉ một tý nữa là mình sẽ bị buộc đi lấy chồng. Lập tức hai vợ chồng ngồi lên một tấm thảm bay. Bay được một chốc, chú rể mới biết tin đuổi theo. Đuổi gần kịp thì tấm thảm đã đưa hai vợ chồng vào nước Nga, mọi người ở đây đổ xô ra đón tiếp hai vợ chồng. Từ đấy không có gì làm cho họ chia lìa nhau nữa[1].

Một truyện của Ấn-độ:

Một ông vua cũng mở cuộc bắn tên cho bảy hoàng tử bói vợ. Mũi tên của người thứ nhất rơi vào nhà của một viên đại thần, năm mũi khác đều lọt vào lầu của các nhà quý tộc, còn một mũi tên của hoàng tử út thì rơi trúng vào một cây me. Theo quyết định của vua cha, hoàng tử út phải lấy một con khỉ sống ở cây me, nhưng các nhà tiên tri đều biết rằng vợ hoàng tử là một nàng tiên. Tuy là khỉ, nhưng vợ hoàng tử lại nói khéo, giỏi âm nhạc và có nhiều tài nghệ (ở đây gần giống với tình tiết trong truyện *Kim Quế* của đồng bào Tày). Các chị dâu tò mò dòi mở một cuộc lễ cho các nàng dâu tới dự. Vợ hoàng tử thứ bảy thấy chồng buồn, bèn an ủi chồng, nói mình có thể đi dự được. Nói rồi cởi lốt khỉ thành một cô gái đẹp, mặc áo quần đẹp. Đoạn bảo chồng: -"Hãy

1. Theo *Truyện dân gian Nga* (bản dịch của Nguyễn Hải Sa).

giữ cẩn thận cái lốt này nếu mất nó chúng ta sẽ gặp chuyện bất hạnh". Trong cuộc lễ, nàng dâu út đang lúc được mọi người trầm trồ ca ngợi thì bỗng quần quại kêu lên mấy tiếng: -"Tôi cháy! Tôi cháy!" rồi biến mất. Chính lúc đó ở nhà hoàng tử đang đốt cái lốt khỉ. Thế là hoàng tử mất vợ, mất luôn cả lâu dài do vợ hóa phép hiện ra, chỉ còn tìm được có mỗi một chiếc sáo bạc. Hoàng tử cầm sáo bạc đi tìm vợ, cuối cùng gặp một vị thần chỉ đường cho vào vườn nhà trời. Ở đây chồng thấy vợ đang ngồi trên một cái ngai bằng kim cương, bèn mang sáo ra thổi lên một bài: vợ nhận ra chồng. Nhờ vua nhà trời say mê tiếng sáo nên chàng được cùng vợ sum họp và sống trên đó.

Truyện của Phần-lan (Finlande):

Túc-ki-mô là con trai út của một ông vua. Ở đây cũng có một cuộc bói vợ bằng cách bắn tên của ba hoàng tử. Khi Túc-ki-mô đi tìm mũi tên ở trong rừng thì thấy ngồi lên đó là một con nhái: - "Chào hoàng tử, nhái nói, tôi bây giờ là vợ chưa cưới của chàng". Túc-ki-mô mang nhái về không vui một chút nào. Một hôm vua bảo các nàng dâu: - "Mai ta sẽ đến xem các cô nấu ăn ra làm sao?". Khi trở về, nhái bảo chồng ngủ, để mình còn sửa soạn bữa ăn. Hoàng tử giả vờ ngủ thì thấy vợ đã cởi lốt, biến thành một cô gái đẹp bước ra cửa sổ, gọi lớn: - "Hỡi giống nòi hùng mạnh, gia đình danh tiếng! Hãy tới giúp tôi dọn bữa tiệc cho vua!". Tự nhiên có tám con thiên nga đỗ xuống, treo bộ cánh ở tường và hóa thành những cô gái đẹp. Cùng với vợ nhái, các cô dệt những khăn ăn đẹp và nấu những món ăn tuyệt phẩm làm cho lòng kiêu căng của các chị dâu xẹp xuống. Lần thứ hai, hoàng tử mang đến cho vua một sơ-mi do vợ mình dệt tuyệt đẹp. Lần thứ ba trong hội khiêu vũ, vợ nhái đã nhảy những điệu kỳ diệu. Túc-ki-mô đi hỏi một bà thầy bói làm sao để cho vợ sẽ là người mãi mãi. - "Phải trộm cái áo da nhái và đốt đi!". Hoàng tử nghe theo. Trở về, vợ trách chồng hết lời: - "Đáng lý đợi ba hôm nữa, tôi sẽ thành người vĩnh viễn, còn như thế này thì dành phải chia tay". Đoạn biến thành thiên nga bay mất.

Một số truyện sau đây cũng là dị bản của của truyện *Người lấy cóc* nhưng kết cấu có biến dạng: một phần kết hợp với hình tượng của truyện *Giáp Hải* (số **149**, tập **IV**), (cô gái trong con vật hiện ra lúc vắng người, nấu ăn quét dọn nhà cửa cho ân nhân) và một phần nữa thì tương tự với truyện *Hoàng tử Á-mét với nàng Pa-ri Ba-nu* trong *Nghìn lẻ một đêm* (xem **Khảo dị** truyện số **107**, tập **III**).

Truyện của Ác-mê-ni (Arménie):

Một ông vua có ba hoàng tử. Khi đến tuổi kết hôn, theo phong tục, họ phải đến dự một đám hội và quẳng quả táo vào đám đông để bói vợ. Hai quả táo của hai hoàng tử anh trúng hai cô gái, còn của hoàng tử út rơi vào một cái giếng trong có một con nhái. Coi là định mệnh, hoàng tử đành phải đem nhái về. Mấy ngày đầu mỗi khi hoàng tử về nhà đều thấy bàn ăn đã dọn sẵn. Để ý rình xem, hoàng tử thấy một cô gái đẹp từ lốt nhái bước ra làm bếp. Hoàng tử bèn đột ngột xông vào ôm lấy cô gái, và mặc dù cô cho biết rằng sẽ phải hối hận, hoàng tử cũng xé lốt nhái để cho cô thành người.

Một hôm vua ra lệnh cho các con phải mang một tấm thảm lớn có thể cả một đội quân ngồi lên mà vẫn còn thừa. Hoàng tử về khóc với vợ. Vợ nói: - "Thấy chưa! Tôi đã bảo đừng xé lốt của tôi. Nhưng đừng có làm ầm lên. Hãy đến cái giếng mà anh vớt tôi về, gọi to: "Con gái ông bảo tôi đến thưa với ông gửi lên cho nó một tấm thảm bé nhất của ông"". Đưa thảm về, vua rất vừa ý. Lần thứ hai lại một thử thách mới, và nhờ bố vợ, hoàng tử cũng làm xong. Thử thách thứ ba là "tìm một con người cao một gang, râu dài hai gang". Vẫn theo lời vợ dặn, hoàng tử đến giếng gọi to: - "Con gái ông bảo đưa lên cho nó một người lùn nhỏ của ông". Đưa đến cung vua, người lùn nhỏ mắng vua sa sả về những đòi hỏi ngu ngốc và tặng cho vua những quả đấm. Đến quả đấm cuối cùng, vua vỡ đầu. Hoàng tử út bèn lên ngôi.

Một truyện khác cũng của người Ác-mê-ni (Arménie):

Một chàng trai theo lời bà dặn mỗi buổi sáng ném xuống biển một tấm bánh. Anh làm việc đó không nản. Bỗng một buổi chiều đi chợ về, anh thấy nhà mình đã được quét tước dọn dẹp sạch sẽ, một hôm khác thì thấy thịt sống mua làm thức ăn đã được nấu lên. Cũng như hành động của nhân vật Giáp Hải hay Tú Uyên, anh giả vờ đi nửa đường lộn về nấp rình thì thấy một con cá từ dưới nước hiện lên trút lốt thành cô gái tới làm bếp cho anh. Anh từ chỗ nấp xông ra bắt lấy, và sau đó được sự đồng ý của người bà của con cá, lấy nàng làm vợ.

Thấy vợ chàng xinh đẹp ít có, nhà vua lập tâm chiếm đoạt. Vua bèn đưa ra những đòi hỏi không thể thực hiện được buộc anh phải làm nếu không thì giết chết. Trước hết, anh phải đi tìm một cái nhà bạt có thể che cho tất cả lính tráng và dân cư trong thành phố mà vẫn còn thừa chỗ. Cô vợ cá thấy chồng kêu khóc, bèn đến bờ biển gọi to: - "Bà ơi, bà mang cho cháu cái nhà bạt bé nhất!". Thấy việc thứ nhất làm xong, vua lại đòi một tấm thảm rộng trải trong nhà bạt. Sự việc cũng diễn ra như lần trước. Sau cùng nhà vua bắt đưa đến một đứa trẻ lên một biết nói biết đi. - "Bà ơi! Cô vợ cá gọi, bà đưa em

cháu lên đây để cháu bế tý!". Đứa bé lên gặp vua, nó liền vạch thói xấu của vua, vả vào mặt vua. Vua phải xin lỗi và hứa chừa[1].

Về loại truyện có mô-típ đặc biệt: người nữ ăn thức ăn thừa của người nam và có mang, kho tàng cổ tích ở Đông nam Á hầu như rất phổ biến. Sau đây là một số truyện tiêu biểu:

1. Truyền thuyết của người Thái-lan.

Ngày xưa, có một người đầy mụn lở (gọi là ông chúa Trăm-ngàn-mụn-lở) không biết từ đâu đến vỡ hoang một miếng đất trên bờ sông. Ông trồng nhiều ớt và dưa chuột làm kế sinh nhai. Ở gần nhà có một cây dưa chuột có một quả lớn phi thường nhờ nước giải của ông thường ngày bón cho cây.

Quả dưa chuột ấy sau đó về tay công chúa con vua Trai-trung. Công chúa ăn vào tự nhiên có mang. Vua cho người dò la xem con gái mình quan hệ với ai nhưng không tìm ra. Vì thế đứa con trai công chúa sinh ra lên ba tuổi mà không có cha. Vua nghĩ ra một cách để biết ai là bố đẻ của nó, tức là bắt tất cả đàn ông ở Trai-trung mỗi người cầm một món thức ăn ở tay, hễ đứa bé đến xin ăn ở người nào thì người ấy là bố nó. Bèn đánh trống hội họp toàn mường lại, ban cho mỗi người một vật ăn được như người này cái bánh, người kia quả cây, v.v... không sót một ai. Vua bảo vú nuôi đặt đứa bé ở cửa lầu trước mặt mọi người. Lúc ấy ông chúa Trăm-ngàn-mụn-lở trong tay đang cầm miếng cơm nguội. Đứa trẻ đi khắp nơi không xin ăn ở ai cả mà đến xin ăn ở ông. Vua lập tức gả công chúa cho người ấy và sai đóng bè đuổi cả hai vợ chồng ra khỏi thị trấn.

Chiếc bè dừng lại ở vườn dưa, hai vợ chồng ở lại đây. Thần Đế Thích (In-đơ-ra) hiện ra cho họ một cái trống thần bảo hễ ước cái gì thì đánh một tiếng trống, sẽ được ngay. Lời ước đầu tiên của ông là làm sao cho mình được đẹp. Tự nhiên bao nhiêu mụn lở biến mất. Thấy vậy công chúa mừng rỡ, lại ước có vàng đủ đúc cho con trai một cái nôi. Vì vậy mà có tên là hoàng tử Nôi vàng. Về sau họ làm vua, xây dựng thành phố ở đây[2].

---

1. Một số truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây.*

2. Theo La-jông-ki-e-rơ (Lajonquière): *Nước Xiêm và người Xiêm.* Về loại truyện như truyện trên với tình tiết vô tình có thai, Prơ-di-luýt-xki (Przylusski) cho biết có nhiều truyền thuyết tương tự trong *Nàng công chúa tanh mùi cá và con rắn thần trong các truyền thuyết ở Đông Á, Nghiên cứu châu Á*, tập II (1925). Có thể xem thêm một số truyện trong *Nghiên cứu những lễ tiết nông nghiệp của người Cao-miên* của Ê-vơ-lin Pô-rê Mát-xpê-rô (Eveline Poret Maspéro).

2. Truyện của người Cham-pa:

Ta-bong một chàng lười bẩm sinh, một hôm đi câu. Ba lần câu được cá thì ba lần bị quạ tha mất. Đến con thứ tư hắn dái vào đầu cá. Quạ lại tha cá đi nhưng đánh rơi vào bể nước ở cung vua. Công chúa thứ ba bắt được cá đem về nấu ăn, không ngờ có mang. Vua muốn tìm ra bố đứa bé, bèn sai công chúa ném khăn trầu vào đám hội có đông đủ dân chúng đến dự xem khăn rơi vào người nào, nhưng khăn lại không rơi vào người nào cả. Vua hỏi xem còn sót những ai. Người ta cho biết chỉ sót anh chàng Ta-bong vì lười mà không đến. Vua cho đi gọi, Ta-bong vẫn không đi. Vua phải cho người cáng hắn đến đám hội. Lần này khăn trầu của công chúa rơi đúng vào khố Ta-bong. Vua sai lính giết cả hai nhưng lính lén lút tha cho họ, rồi lấy máu chó bôi vào gươm để tâu dối với vua.

Nằm thẳng cẳng dưới cây xoài, Ta-bong chờ cho quả rơi vào miệng mới ăn. Vua quạ đến ăn xoài thấy anh, tưởng là cái xác chết bèn sà xuống mổ, liền bị anh tóm cổ. Quạ phải cho anh hòn đá ước. Nhờ có đá, anh ước ra lâu đài, nhà cửa, trâu bò và kẻ hầu người hạ ở trên phía nguồn. Một hôm anh sai quân đắp chắn nguồn nước. Thấy dân khổ vì sông khô cạn không có nước dùng, nhà vua sai người lên phía nguồn thăm dò, thì thấy lâu dài nguy nga, trên có cắm một lá cờ đề chữ "Vua mới". Quân đội nhà vua kéo lên định đánh. Nhưng trên thành lại treo một lá cờ khác bảo vua cũ hãy nhường ngôi cho vua mới, dân sẽ có nước uống. Sau khi nghĩ ngợi, vua thuận nhường ngôi cho con rể[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes): *Truyện cổ tích Cham-pa*. Người Mèo cũng có một truyện tương tự: Một anh chàng lười bẩm sinh. Bị bố mẹ đuổi, hắn nằm trên thuyền, thuyền giạt vào một gốc sung. Từ đấy hắn sống bằng cách há miệng chờ sung, ăn đấy ỉa đấy. Cá và quạ rủ nhau đến ăn, chúng cắn nhau, cuối cùng quạ quắp cá mang đi, tình cờ đánh rơi vào vườn vua. Công chúa thấy cá bắt lấy nướng ăn, từ đấy có mang đẻ ra một con trai: thằng bé khóc lóc luôn canh, ai dỗ cũng không nín. Để tìm ra bố đứa bé, vua ra lệnh cho dân chúng mỗi người đến dỗ một lần. Lười không đến, nhưng rồi vua cũng sai lính khiêng đến. Đứa bé quả nín. Vua gả công chúa cho Lười và đuổi đi. Hắn lại đến chỗ cũ sống bằng sung rụng. Một con quạ tưởng là xác chết định rỉa thịt, bị hắn bắt được. Quạ phải cho hắn một cái trống có ba mặt: một mặt đánh ra cơm thịt, một mặt đánh ra áo quần tiền bạc, một mặt đánh ra cuốc và đồ dùng. Dùng trống càng lâu càng phải đánh nhiều mới nghiệm. Nhờ đó mà Lười bỏ được tật lười *(Truyện cổ dân tộc Mèo)*. Giống truyện trên, người Dao Thanh-y có truyện *Vua Quạ*. Ở đây trống vua Quạ cho có 4 mặt: một mặt đánh ra mưa, một mặt ra nắng, một mặt ra gạo, một mặt ra vàng bạc. Khi giàu rồi, chồng bảo vợ đón bố về chơi. Bố vợ (vua) bảo phải có vàng rải đường mới chịu đi. Chồng gõ trống có ngay. Bố vợ ngốt cả người, mải ngắm, đầu đập vào tường, chết (Đức Hùng, Phù Ninh: *Nàng Ái Kao*).

127. CÂY THUỐC CẢI TỬ HOÀN SINH HAY LÀ SỰ TÍCH THẰNG CUỘI CUNG TRĂNG

Ngày xưa ở một miền nọ có thằng Cuội làm nghề đốn củi. Tất cả tài sản của Cuội chỉ có một chiếc rìu. Một hôm như thường lệ, Cuội vác rìu đi vào rừng sâu tìm cây mà chặt. Khi lội qua một con suối nhỏ, Cuội bỗng giật mình trông thấy một cái hang hổ. Nhìn trước nhìn sau, chỉ thấy có bốn con hổ con đang vờn nhau trước hang, Cuội liền xông đến vung rìu bổ cho mỗi con một nhát lăn quay ra đất. Nhưng vừa lúc đó, con hổ mẹ cũng về tới nơi. Nghe một tiếng gầm kinh khủng ở sau lưng, Cuội chỉ kịp quăng rìu leo thoăn thoắt lên một ngọn cây cao. Từ trên cây nhìn xuống, Cuội thấy hổ mẹ lồng lộn trước đàn con đã tắt thở. Nhưng chỉ một lát sau, hổ mẹ bỗng bỏ con nằm đấy, lẳng lặng chạy đến một gốc cây gần chỗ Cuội ẩn, miệng đớp lấy một ít lá cây rồi trở về nhai mớm cho đàn con. Khoảng giập bã trầu, bốn con hổ tự nhiên cụ cựa, vẫy đuôi rồi sau đó lại đi đứng chạy nhảy như thường. Biết đấy là cây thuốc thần, Cuội chờ cho hổ mẹ tha con đi nơi khác, lần xuống tìm đến cây thuốc kia, đào gốc vác về[1].

Dọc đường, Cuội gặp một ông lão nằm vật trên bãi cỏ. Cuội ghé lại xem thì ra ông lão đã chết. Chàng đốn củi liền đặt gánh xuống, không ngần ngại rứt ngay mấy lá cây quý rồi cúi xuống nhai mớm vào miệng ông lão. Mầu nhiệm làm sao, mớm vừa xong, ông lão đã mở bừng mắt tỉnh dậy. Ông hết lời cảm ơn chàng trai cứu mạng và hỏi chuyện. Thực tình, Cuội kể lại tất cả. Nghe xong, ông lão kêu lên:

- Trời ơi! Lão từng nghe nói cây này vốn tên là cây đa có phép "cải tử hoàn sinh". Thật là lão có phúc mới được gặp con. Con hãy chăm vun bón cho nó để cứu thiên hạ. Nhưng nhớ đừng có tưới bằng nước bẩn mà cây bay lên trời đó.

---

1. Đoạn này theo Nghiêm Toản. *Việt-nam văn học sử yếu*.

Nói rồi ông lão chống gậy ra đi. Còn Cuội thì gánh cây về trồng ở góc vườn để tiện chăm sóc hàng ngày. Luôn luôn nhớ lời ông lão dặn, ngày nào Cuội cũng tưới cây bằng nước giếng trong.

Từ ngày có cây thuốc quý, Cuội cứu sống được rất nhiều người. Hễ nghe nói có ai vừa nhắm mắt tắt hơi là Cuội lập tức mang lá cây đến tận nơi cứu chữa. Tiếng đồn Cuội có phép lạ lan đi khắp nơi.

Một hôm, Cuội lội qua sông thấy xác một con chó chết trôi. Thương tình, Cuội vớt lên rồi giở lá giắt trong mình ra cứu chữa cho chó sống lại. Con chó quấn quýt theo Cuội tỏ lòng biết ơn. Từ đấy Cuội có thêm một con vật tinh khôn làm bạn.

Một lần khác có một lão phú hộ ở làng bên cạnh hớt hơ hớt hải chạy đến tìm Cuội vật nài xin Cuội cứu cho con gái mình vừa sẩy chân chết đuối. Cuội vui lòng theo về nhà và đưa lá ra chữa. Chỉ một lát sau, mặt cô gái đang tái nhợt bỗng hồng hào hẳn lên. Rồi nàng mở bừng mắt ra, vươn vai ngồi dậy. Lão phú ông xiết bao mừng rỡ, bảo Cuội muốn lấy gì cứ việc chọn tùy thích. Cuội ngỏ ý chỉ muốn lấy cô gái làm vợ. Biết Cuội là ân nhân của mình, cô gái thuận làm vợ chàng. Lão phú ông cũng bằng lòng gả con cho Cuội.

Vợ chồng Cuội sống với nhau thật vui vẻ êm ấm. Nhưng trong vùng có bọn con trai hồi trước vẫn ngấp nghé cô gái của lão phú ông, nay thấy bông hoa thơm tự nhiên lại lọt vào tay anh chàng đốn củi thì ngấm ngầm ghen tỵ và cố tìm cách làm hại cho bõ ghét. Một hôm chờ lúc Cuội lên rừng, chúng xông đến định bắt lấy vợ Cuội. Không ngờ vợ Cuội chống cự quyết liệt, chúng bèn giết chết. Giết đoạn, chúng vẫn sợ bị lộ vì biết Cuội có phép chữa cho người ta sống lại, nên chúng lại moi ruột người đàn bà vứt xuống sông rồi mới kéo nhau đi. Khi Cuội gánh củi trở về thì thấy vợ đã chết lạnh từ bao giờ rồi. Cuội vội bứt lá để mớm nhưng mớm bao nhiêu vẫn không công hiệu, vì không có ruột thì làm sao mà sống lại được.

Thấy chủ khóc lóc thảm thiết, con chó lại gần xin hiến bộ ruột của mình để thế vào bộ ruột của cô chủ. Cuội chưa từng làm thế bao giờ nhưng cũng liều nhắm mắt mượn bộ ruột chó thử cứu cho vợ mình xem

sao. Quả thực sau khi lắp ruột vào, vợ Cuội lại sống lại như trước. Thương con chó vì chủ mà chết, Cuội bèn nặn thử một bộ ruột bằng đất lắp vào bụng chó rồi nhai lá thuốc dịt vào; không ngờ chó cũng đứng dậy, vẫy đuôi liếm vào tay Cuội. Vợ với chồng, người với vật từ đấy lại quấn quýt hơn trước.

Nhưng Cuội không ngờ rằng cũng từ đấy tính nết của vợ mình có phần thay đổi. Người đàn bà ấy dường như lú ruột lú gan, bảo một đàng làm quàng một nẻo. Điều đó làm cho Cuội lắm lúc bực cả mình. Cuội rất lo, vì không biết bao nhiêu lần chồng dặn vợ: - "*Có đái thì đái bên Tây, chớ đái bên Đông, cây giông lên trời*". Thế mà vợ Cuội nào có nhớ cho lời dặn quan trọng ấy.

Một buổi chiều, chồng còn kiếm củi chưa về, vợ Cuội đang hái rau ở vườn phía Đông bỗng thấy mót, bèn chạy vội lại gốc cây quý của chồng, chẳng còn nhớ gì đến lời dặn, cứ thế vén váy đái. Không ngờ vừa đái xong, tự nhiên cả một vùng đất chuyển động, cây cối xung quanh rung lên và gió thổi ào ào. Được một chốc cây đa long gốc bật rễ rồi lừng lững bay lên trời.

Giữa khi ấy Cuội đã bước chân về đến cổng. Thoáng thấy cây quý sắp bay mất, bên cạnh đó có cả người vợ đang kêu om sòm, Cuội đoán ra nông nỗi, lập tức vứt ngay gánh củi, nhảy bổ đến toan níu cây lại. Nhưng cây lúc ấy đã rời khỏi mặt đất lên quá đầu người. Cuội chỉ còn kịp móc rìu vào rễ cây cốt để co cây xuống, nhưng cây vẫn một mực bốc lên không sức nào có thể ngăn lại. Về phía Cuội, chàng cũng nhất định không chịu buông rìu, thành thử cây thần kéo cả người Cuội bay lên mãi, lên mãi, cuối cùng đến tận cung trăng.

Từ đấy Cuội ở luôn tại cung trăng với cây đa của mình. Cho nên ngày nay mỗi khi nhìn lên mặt trăng ta luôn luôn thấy bóng của Cuội dưới gốc cây thuốc quý. Người ta kể rằng mỗi năm cây đa chỉ rụng có mỗi một lá mà thôi. Ai nhặt được lá cây ấy thì có thể dùng để cứu chữa người chết sống lại. Những con cá heo cũng biết như vậy, cho nên nếu lá rơi xuống biển, chúng tranh nhau đớp lấy coi như của quý để làm thuốc cứu chữa cho tộc loại[1].

1. Theo Lăng-đờ (Landes). Sách đã dẫn.

KHẢO DỊ

Truyện trên có lẽ là bóng dáng xa gần của một thần thoại nào đó (xem *Lược khảo về thần thoại Việt-nam*)[1].

Có nhiều dân tộc ở xung quanh ta có những truyện cổ tích hoặc những mảnh thần thoại ít nhiều tương tự với truyện của người Việt. Ví dụ truyện của người Mường *Ta-kheo Ranh với cây thuốc bất tử*:

Có một người thợ săn tên là Ta-kheo Ranh, một hôm lên núi Lô đâm được một con nai. Ngồi nghỉ ở dưới bóng cây, anh bỗng thấy có một con rắn đến nhặt một vỏ cây đem lại áp vào vết thương con nai. Chỉ một lát sau con vật sống lại và lủi thủi đi mất. Anh lại đi săn được một con thú khác và đưa đến chỗ cũ rồi rình xem. Anh lại thấy con rắn đến cứu như lần trước. Anh nhớ lấy cây thuốc quý. Một hôm có một người mắc nạn không may bị chết, Ta-kheo Ranh bèn lên núi Lô lấy vỏ cây về thử cứu chữa. Quả nhiên người chết sống lại. Từ đấy hễ có ai chết là người ta cầu cứu với Ta-kheo Ranh. Chỉ ít lâu sau cả một xứ Mường không một ai chết nữa. Từ đó anh nổi danh với cây thuốc bất tử.

Tin ấy lan truyền đến tận Trời, Trời bèn sai sứ giả xuống đón anh và bứng cả cây thuốc lên. Từ đấy Ra-kheo Ranh trở thành thầy thuốc của Trời, khắp cõi trời đều trở nên bất tử. Trái lại, ở cõi trần vì mất cây thuốc quý nên ai đã chết là chết luôn. Mỗi lần có người chết lên trời, họ thường tìm đến Ta-kheo Ranh để cầu cạnh, chẳng hạn nhờ anh giả nhận làm con cháu, để được nhẹ tội, hy vọng khỏi xuống địa ngục.

---

1. Trong bộ sách này chúng tôi có đưa vào một số truyện như *Sự tích thằng Cuội cung trăng* (**126**), *Thánh Gióng* (**134**), *Mỵ Châu-Trọng Thủy* (**174**), *Ả Chức chàng Ngưu* (**182**), v.v... mà ở *Lược khảo về thần thoại Việt-nam* đã có kể đến coi như là những thần thoại. Như chúng tôi đã nói: "ở Việt-nam thần thoại đã bị thất lạc mất nhiều", "không còn giữ được nguyên tính chất chất phác của nó như thần thoại của các dân tộc thiểu số", những truyện trên theo chúng tôi vốn xuất phát từ một số hình ảnh của thần thoại xa xưa, còn cấu trúc câu chuyện thì có thể đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật truyền thuyết cổ tích sau này. Cho nên chúng tôi đưa một số truyện vào đây để một mặt cho bạn đọc thấy được nghệ thuật xây dựng loại cổ tích thần kỳ có truyền thống từ nghệ thuật thần thoại, mặt khác để tiện trình bày những dị bản xa gần của chúng cũng khá phổ biến ở nhiều dân tộc anh em ở Việt-nam và trên thế giới. Về vấn đề chuyển hóa *Thần thoại - cổ tích* chúng tôi mong sẽ có dịp đề cập đến trong một bộ sách khác.

Truyện của đồng bào Cham-pa giống truyện của ta hơn cả:

Một người đàn bà lên rừng thấy một ổ rắn con, bèn giết chết tất, rồi ngồi ở một nơi gần đó. Rắn mẹ thấy con chết, liền bò đến một cây đa (phun dơ-rai) cắn lấy lá, đem phun vào những cái xác của con. Đàn rắn con tự nhiên sống lại. Biết là cây thuốc cải tử hoàn sinh, người đàn bà ấy lấy một nhánh về trồng sau nhà và hết sức bảo vệ, thường dặn các con không được đái vào cây. Một hôm mẹ đi vắng, mấy đứa con rủ nhau đái vào cây xem thử thế nào. Người mẹ về thấy cây đang lừ lừ bay lên, vội chạy tới níu lấy cây, cây mang cả bà ta lên khỏi mặt đất. Con chó đen thấy thế cũng nhảy lên theo. Cây mang họ lên cung trăng. Người Cham-pa gọi bà là Paja Yan (bà già linh thiêng). Người ta nói khi mặt trời đi ngang trước mặt, bà quỳ xuống, do đó có nguyệt thực[1].

Người Cham-pa còn có một truyện khác *Hoàng tử Khỏe* cũng có hình ảnh cây thuốc cải tử hoàn sinh bay lên trời nhưng nội dung lại không giống truyện trên. Đại thể là:

Một ông vua không có con. Thầy bói cho biết nếu đem của bố thí thì rồi sẽ có, nhưng nó sẽ làm cho nhà vua khánh kiệt. Vua quả có con nhưng thằng bé ăn rất khỏe: mỗi bữa chén một gà, lớn lên mỗi bữa một dê, lớn nữa mỗi bữa một trâu. Thấy không thể cung đốn nổi, vua sai Khỏe, tên của hoàng tử, vào rừng chặt cây lớn mong cây đè chết, nhưng nó lại vác được cả cây về. Sau cùng Khỏe xin một số sắt để rèn một cái rìu. Thợ rèn rèn không xong, nó phải tự rèn lấy. Dọc đường gặp Ta Sa kéo một xe nặng không cần trâu, nhưng lại không nhấc nổi rìu của Khỏe. Ta Sa bèn tôn là anh, xin đi theo. Lại gặp Ha-vi-ha-va chặt dây mây của năm quả núi nhưng cũng không đỡ nổi rìu của Khỏe, cũng xin kết nghĩa và đi theo. Họ xin người ta được nửa thuyền cá, đi tìm lửa để nấu thì bị một mụ phù thủy dánh lừa giết chết hai em. Đến lượt

1. Theo Ca-ba-tông (A.Cabaton): *Những tìm tòi mới về người Cham-pa*; còn theo Lăng-đờ (Landes) thì truyện này kể có hơi khác. Đại khái có một anh chăn trâu một hôm lên rừng giết chết một con rắn, bỗng thấy bố mẹ con rắn tha một miếng vỏ cây cờ-rếch rồi phun vào xác con, nó sống lại. Anh chăn trâu bèn lấy vỏ cây ấy phun thử vào con cá khô mang theo, thấy nghiệm. Từ đó anh cứu được rất nhiều người chết sống lại, trong số đó có một cô gái đã chết được một tháng. Cũng giống như truyện của ta, anh cưới cô làm vợ và còn đào cây thuốc quý bí mật về trồng, cấm vợ không được bén mảng vào vườn. Một hôm cây cũng tự nhiên long gốc rồi bay lên trời, vì trận mưa nước tiểu vô tình của người vợ trong khi lẻn vào thăm vườn. Chồng về vừa kịp bíu vào cây và cuối cùng cũng bay theo lên cung trăng (*Truyện cổ tích Cham-pa*, đã dẫn).

mình, Khỏe tóm cổ mụ, mụ nói mình có cây thuốc cải tử hoàn sinh. Khỏe bèn dùng thuốc đó cải tử hoàn sinh cho hai em rồi khâu mồm và mắt mụ lại, ném vào một xó. Chồng mụ về, theo dấu bã mía của họ, đuổi theo. Hắn ném hai em Khỏe tụt xuống đất, Khỏe liền cũng ném lão tụt xuống đất chỉ còn hở cái đầu; anh đá một cái, đầu lão văng sang tận Trung-quốc. Khỏe và hai em sang đến Trung-quốc thì thấy mọi người đang hò nhau khiêng cái đầu mà không nổi, bèn lại đá một cái nữa, đầu văng sang nước Xiêm. Vua Trung-quốc khen, gả cho công chúa. Khỏe xin cho Ta Sa lấy công chúa, giao cây thuốc bảo trồng ở vườn, dặn không được cho người lạ vào, cây sẽ bay lên trời mà mình thì sẽ chết. Đoạn Khỏe cùng Ha-vi-ha-va sang Xiêm. Đến đây lại thấy mọi người khiêng không nổi cái đầu, bèn đá một cái văng ra biển. Vua Xiêm cũng gả công chúa, nhưng Khỏe đề nghị xin cho Ha-vi-ha-va kết duyên với công chúa. Sau đó, anh xin một hòn núi đá để lấy đá lát đường về nước Chàm.

Không bao lâu Ta Sa quên mất lời anh dặn, để cho người lạ vào vườn, cây liền bay lên trời. Bên này Khỏe bỗng dưng lăn ra chết. Nghe tin, Ta Sa đâm ra hối hận, buồn rầu, bèn xin về ở với anh Ha-vi-ha-va ở Xiêm. Sau cùng nhớ nước quá, anh về Chàm được ít lâu rồi cũng chết[1].

Đồng bào Ba-na (Bahnar) có truyện *Ống thuốc thần* cũng gần với các truyện trên:

Bị trâu rừng ăn mất lúa nương, hai anh em nhà nọ quyết rình để bắn chết. Bắn được trâu, người anh để em ở lại canh, còn mình thì chạy về gọi dân làng ra xẻo thịt. Nhưng trâu đó là của bà tiên. Bà hiện ra xoa ống thuốc thần vào trâu, trâu tự nhiên sống lại, rồi bà cưỡi đi mất. Người em chạy theo đuổi không kịp, chỉ nhặt được ống thuốc thần. Khi người anh và dân làng chạy ra thì không thấy trâu, bèn nổi giận giết chết người em. Nhưng nhờ ống thuốc, người em sống lại. Anh ta nhặt ống thuốc thần đeo vào cổ rồi bỏ nhà đi. Dọc đường người em lần lượt cứu được hai con chó, chúng quấn quýt theo anh không rời. Anh lại cứu được cô gái của Cờ-ran. Tin đồn khắp nơi, người ta đào cả mộ lên để nhờ anh giúp cho ông bà tổ tiên sống lại. Anh làm việc không biết mệt.

Bấy giờ vua âm phủ (Mơ-tao mơ-tinh) thấy dân số nước mình hao hụt vì người chết xuống thì ít mà người đã chết rồi sống lại quá nhiều, mới lên buộc Trời phải tìm cho ra lẽ để trả lại dân cho hắn. Tra hỏi mãi, Trời mới biết ống thuốc cải tử hoàn sinh đã lọt vào tay người trần, bèn sai con gái út xuống trần

1. Theo *Truyện cổ Tây-nguyên*.

tìm cách lấy lại. Xuống đất, cô gái nhà Trời tình nguyện làm vợ anh chàng, nhưng chẳng làm thế nào để trộm được ống thuốc cả vì người và chó canh giữ nghiêm ngặt. Mãi về sau phải dùng đến cách bỏ thuốc mê mới lấy được. Tính dậy, thấy mất ống thuốc, anh bảo chó đuổi theo vợ, chó đuổi lên đến Trời. Thấy cửa Trời đóng kín anh cùng chó canh ở ngoài không cho ai vào cả. Người nhà Trời không đi đâu được, đành phải thương lượng với anh. Một mặt Trời cho hai vợ chồng anh và hai con chó được sống mãi mãi và được chu cấp đầy đủ. Mặt khác anh phải trả cho vua âm phủ ống thuốc thần. Anh ưng thuận. Từ đấy cũng có lúc Trời không chu cấp đầy đủ, thì anh cho chó đến đòi và cắn lung tung làm cho Trời sợ bỏ trốn, những lúc như vậy là những ngày nhật thực[1].

Người Miến-điện (Myanmar) có hai truyện, trong đó có một truyện gần gũi với các truyện trên:

1. *Vì sao có nguyệt thực*: Một người đàn bà góa để lại cho hai đứa cháu một đứa cái cối, một đứa cái chày. Anh chàng được cối cho là không có ích gì, vứt bỏ, còn người em được chày thì đi đâu cũng mang theo. Một hôm có con rắn đến mượn chày để cứu chồng nó sống lại. Từ đó anh mới biết phép mầu nhiệm của cái vật mà bà mình để lại.

Ở đây anh cũng chữa cho một con chó sống lại và nó cũng trở thành người bạn trung thành. Sau đó, một lần anh cứu sống công chúa, được vua gả cho làm vợ. Anh đem chày chữa cho thiên hạ làm cho không ai còn biết tang tóc là gì nữa. Hai vợ chồng thường đưa chày lên mũi ngửi, nên trẻ mãi không già. Nữ thần Mặt trăng thấy thế đâm ra ghen ghét, định bụng ăn cắp cái chày của anh cho bõ ghét. Một hôm chày mốc, anh đem phơi nắng, bắt con chó ngồi canh. Nữ thần tàng hình xuống, chó không biết, nhưng khi mang chày đi rồi thì chó đuổi theo hơi của cái chày. Cuộc đuổi bắt kéo dài vô tận. Cho đến ngày nay, chó vẫn đuổi theo, có khi chó ngoạm được cả mặt trăng nhưng vì cổ họng bé nuốt không nổi nên cuối cùng lại phải nhả ra. Lúc đó là có nguyệt thực.

2. *Ông già trên cung trăng*: Một ông già chuyên giã gạo thuê chỉ có một con thỏ làm bạn. Một đêm trăng, lão ước được một người giúp việc sàng cám cho mình. Thương tình, nữ thần Mặt trăng hóa làm một bà già hàng ngày đến sàng giúp ông, tối lại thì về. Được ít lâu, ông lão hỏi tung tích bà già. Nữ thần nói

1. Theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II.

thật. Ông già xin theo lên cung trăng cùng với con thỏ. Vì thế mà ngày nay ở trong trăng có ông lão giã gạo, bên cạnh có con thỏ chực ăn cám[1].

Truyện của đồng bào Tày *Su-đi-ja-khát và Chan-ta-khát*, cũng có một số nét tương tự với các truyện trên.

Có hai vợ chồng và hai con trai: anh là Su-đi-ja-khát đã lớn, em là Chan-ta-khát còn bé. Một trận đói lớn diễn ra, bố mẹ hàng ngày lên rừng tìm củ nhưng họa hoằn mới có. Hai anh em tắm ở khe, tình cờ anh lật hòn đá bắt được bốn con cua, dự định chia cho mỗi người trong gia đình một con. Em ăn xong phần của mình, lại đòi nữa. Anh thương em, lấy phần của mình nướng cho ăn. Lại đòi nữa. Anh lại cho con thứ ba và sau đó con cuối cùng. Bố mẹ về thấy vỏ cua, hỏi chuyện. Khi nghe anh kể lại, bố mẹ cho là đứa em không biết thương bố mẹ, bèn đuổi đi. Thương em, anh đi theo. Họ đi ăn xin ở các làng nhưng không được gì, bèn vào rừng. Đến một nơi thấy một con "cà-chiết" cắn nhau với một con rắn. Rắn bị chết. Con kia gặm một vỏ cây gần đó nhả vào cho con rắn. Rắn sống lại. Lần sau con rắn cắn chết con cà-chiết, rồi bỏ đi. Hai anh em bèn lấy vỏ cây làm nó sống lại rồi ra đi. Dọc đường họ lại cứu một con quạ chết. Quạ muốn đền ơn. Hai anh em nói không muốn gì cả, chỉ cần thả quả cây xuống cho ăn, kẻo đói quá. Quạ dẫn họ đi đến một chỗ có Phi Giắc (một loại tinh ăn thịt người) vừa chết vợ, đang giết trâu bò làm ma. Quạ trộm thịt ném cho họ ăn. Phi Giắc bắt gặp, đánh chết quạ và bắt hai anh em định giết thịt, mời họ hàng đến ăn. Trong khi Phi Giắc đi vắng, ở nhà hai anh em cứu sống vợ nó. Khi chồng về, vợ nó xin tha mạng cho ân nhân. Phi Giắc cho hai người một cái quạt và một cái gậy, bảo đi nhanh về phía mặt trời lặn, kẻo họ hàng mình bắt gặp thì không hay.

Hai anh em đi đến một nơi gặp một lũ con gái đang múc nước cho đám ma con gái "tạo" mường. Họ vào nhà xin ăn, bị đuổi, họ lại đến nhà một bà già xin ăn. Bà già giết một con vịt rồi đi múc nước. Ở nhà hai anh em cứu sống con vịt. Bà già đem việc ấy nói lại với tạo. Tạo đến xin họ cứu cho con gái mình. Khi thấy con gái sống lại, tạo bảo họ muốn lấy gì cũng cho. Người anh xin ở lại. Tạo gả con gái cho.

Một mình Chan-ta-khát ra đi. Đến một vùng nọ anh cứu sống người con trai của Khi-sa-phau. Gần đó có con gái tạo mường chết vì móng hổ rơi vào bàn chân. Được Khi-sa-phau mách, tạo gọi Chan-ta-khát đến cứu sống con gái, hứa sẽ chia cho anh hai mường. Anh cứu sống, lấy cô gái làm vợ, rồi ở lại đấy.

1. Theo *Miến-điện dân gian cố sự*, sách đã dẫn.

Một người Sa là Khăt-tha-nêk trước đã đi hỏi cô gái, thấy thế, tức lắm bèn bỏ thuốc độc cho anh ăn. Không chết, anh lại bỏ thuốc độc cho kẻ thù ăn. Khăt-tha-nêk ăn xong phát điên đi lang thang khắp nơi[1].

Dân tộc Hrê (Hré) có truyện *Quậy* kết hợp giữa truyện *Cuội cung trăng* với truyện *Nói dối như Cuội* (số **60**, tập **II**):

Chàng Quậy nghèo và xấu không ai lấy. Một hôm nằm ngửa ngắm trăng, thấy cô gái và cây đa trên trăng, Quậy tỏ lời ao ước. Tự nhiên có một chiếc lá đa rơi xuống. Quậy lấy lá trồng, lá mọc thành cây, lá cũng phát ánh sáng như ánh trăng, đem lá thử chữa cho các con vật chết, chúng sống lại. Quậy đi hỏi vợ. Bị cô gái chế nhạo, Quậy cầm dao đâm chết rồi cứu cho sống lại. Thấy mọi người kính phục, Quậy nẩy ý nghĩ đi chơi mọi nơi, lừa gạt người ta. Quậy bắt đầu gạt ông bác (giết lợn ăn thịt rồi cắt đuôi cắm xuống đất nói dối lợn xuống âm phủ), nhiều lần gạt hổ (một cuộc đi săn bằng bẫy, một cuộc đi ăn trộm gạo, "trúng" lợn, nước biển dâng, v.v...). Sau đó, Quậy lại gạt quan nhiều lần (ăn thịt "mệt", lấy ống điếu...), gạt lái buôn, v.v...

Cuối cùng, khi trở về thì cây quý đã chết, Quậy nhờ làng làm cho một cái thang bằng sắt. Trèo lên đến nơi, thì Quậy gặp cô gái trên trăng, hai bên kết hôn. Vợ Quậy đạp cái thang, thang rơi xuống thành mỏ sắt, Quậy xin về, vợ không cho. Quậy chặt cây để làm thang, nhưng cây bị chặt đến sáng lại liền như cũ. Cuối cùng, Quậy đem lương ăn, đến cây đa chặt liên tục không nghỉ, đến ngày thứ tư mệt quá, ngủ lại dấy nhưng lại chú ý gác chân lên chỗ chặt. Không ngờ khi chỗ bị chặt của cây đa liền lại thì kẹp luôn chân Quậy vào gốc cây[2].

Đồng bào Mèo có truyện *Chàng Ư-Châu:*

Chàng Ư-châu (ư-châu = út) cùng người anh đi cày nương. Chị dâu làm thịt gà đưa cho chồng ăn, còn em thì chỉ được ăn cám và xác một con rắn mà chị ta đánh chết dọc đường. Ư-châu không ăn, ngồi khóc. Bống có con thần lằn đến cắn một thứ cây phun vào xác con rắn. Rắn sống lại. Biết là cây thuốc cải tử hoàn sinh, Ư-châu nhổ cây, thử phun vào đống xương gà (do người anh ăn bỏ lại) thì gà sống lại. Gà dặn dọc đường về nếu thấy có người chết thì dừng

1. Theo Đờ-jor-jơ (Degeorge). *Truyền thuyết của người Tày ở An-nam*, tạp chí *Nhân loại (Anthropos)*, 1921-22.

2. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I. Nên nhớ người Việt-nam cũng có truyện kể kết hợp giữa hai truyện (xem *Sơn cư tạp thuật*) nhưng nội dung và tình tiết không đầy đủ như truyện trên đây.

cứu vì người ấy độc ác. Nhưng anh cứ cứu, hóa ra người đàn bà ấy là chị dâu anh bị rắn cắn chết. Anh lại tiếp tục đi nữa và cứu được nàng Ư-châu, một cô gái đẹp và kết thành vợ chồng. Từ đây, truyện chuyển sang một kết cấu xa lạ. Anh cứu cho đứa con một lão nhà giàu để học những phép lạ của hắn. Anh lại dùng phép biến mình thành một con ngựa trắng đẹp cho một người anh của mình cưỡi đi chợ đổi cho đứa con lão nhà giàu đó để lấy một con ngựa khác, còn được bù thêm ba mươi sáu lạng bạc. Ngựa trắng - Ư-châu - do chủ mới dắt về, lúc đưa đi tắm thì nó lặn xuống sông. Thấy thế, đứa con lão nhà giàu nhờ một thầy pháp đuổi theo. Ngựa hóa cá, thầy pháp hóa làm rái cá, cá hóa làm cua, cua lại hóa làm bong bóng nước nổi lên, rồi hóa làm chim cắt. Rắn nước cũng nổi lên hóa làm diều hâu đuổi cắt. Cắt lại hóa làm chuột chui vào hang, còn diều hâu hóa làm mèo rình ở cửa. Chuột hóa làm kiến nhỏ bò ra, rồi hóa thành một lão thầy pháp khác đánh cho mèo một trận nhừ tử, và từ đấy bắt con vật- tức lão thầy pháp- kia cứ giữ mãi mãi lốt mèo[1].

Truyện *Thằng Cuội cung trăng* của ta còn giống với đề tài thần thoại cung trăng của nhiều dân tộc, trong đó cũng có vị thuốc trường sinh bất tử và hình ảnh bay lên mặt trăng. Trước hết là truyện *Hậu Nghệ* của Trung-quốc:

Ngày xưa trên trời có một vị thần tên là Hậu Nghệ. Hậu Nghệ rất thông minh, tự chế ra cung tên bắn trăm phát trăm trúng. Thủa ấy là đời vua Nghiêu, thiên hạ gặp lắm nạn. Thượng đế bèn cho Nghệ một cái cung mầu đỏ và mũi tên mầu trắng, bảo xuống trần trừ nạn cứu dân. Tai nạn của dân hồi đó là hạn hán. Nguyên do ở phương Đông có biển Thang-cốc, ở đó có cây phù tang rất lớn. Mỗi buổi sáng, mười mặt trời đến đấy tắm mát. Tắm xong, chín mặt trời nô đùa dưới cây phù tang, còn một mặt trời thì ngồi trên xe do quạ kéo qua không trung. Một hôm tắm xong, cả mười mặt trời cùng leo lên xe đi, vì thế mùa màng cháy trụi gây nên nạn đói chưa bao giờ có. Nghệ thấy vậy không chút do dự, bắn liên tiếp chín phát rơi chín mặt trời, chỉ còn một mặt trời còn lại cho đến ngày nay.

Vua Nghiêu lại sai Hậu Nghệ đi trừ ác thú, rồi sai đi cứu nạn lụt. Lần sau này, Hậu Nghệ bắn bị thương Hà Bá là kẻ gây ra nạn lụt.

Hậu Nghệ có vợ là Hằng Nga xui chồng lên núi Côn-lôn xin vị thuốc trường sinh bất tử ở bà Tây Vương mẫu. Trải bao gian khổ, Hậu Nghệ mới lấy được vị thuốc quý đưa về giao cho vợ, định cùng uống chung. Không ngờ một hôm

1. Theo *Chàng xà trị hổ ác*.

Hậu Nghệ đi vắng, ở nhà Hằng Nga uống thuốc một mình. Uống xong, bỗng thấy người nhẹ dần, rồi chân rời khỏi mặt đất, bay lên trời tới mặt trăng. Ở đây, Hằng Nga chỉ có một con thỏ trắng, một con cóc và một cây quế làm bạn, ngoài ra không có gì khác. Khi Hậu Nghệ về, thấy tình hình như vậy buồn rầu vô hạn.

Hậu Nghệ có người học trò là Bàng Mông cũng có tài bắn nhưng thua Hậu Nghệ một bậc. Bàng Mông ghen tỵ với thầy nên tìm kế hại thầy. Từ ngày mất vợ, Hậu Nghệ dâm ra nóng nảy, thường ngược đãi tôi tớ, Bàng Mông xui họ chống lại. Nghe lời xúi bẩy, một hôm nhân chủ đi săn không phòng bị, chúng liền ập đến giết chết[1].

Truyện *Sự tích con thỏ cung trăng* của Ấn-độ là một phật thoại:

Ngày xưa, trong một khu rừng nọ có ba con thỏ: một con nâu, một con vàng và một con trắng. Cả ba dày công tu luyện, suốt đời làm việc thiện. Đức hạnh tốt đẹp đó đã động đến Trời. Trời bèn sai một thiên thần xuống để dò hư thực. Vị thần hóa làm một người bộ hành đói rách lỡ bước lạc đường đến khu rừng ấy.

Thỏ nâu và thỏ vàng sẵn có lương thực bèn đem ra biếu tất cả cho người bộ hành. Còn thỏ trắng ta vì đã bố thí hết cả, không biết lấy gì mà cho, chỉ có một bó củi, bèn nói:-"Tôi không thể biếu người cái gì ngoài chính bản thân tôi ra. Vậy thì củi đây, người hãy quay chín tôi mà ăn thịt".

Vị thiên thần cảm động liền bay về trời tâu cáo mọi việc. Trời bèn ban thưởng thỏ trắng bằng cách cho sống một đời sống vĩnh cửu ở mặt trăng là nơi thanh bình, tinh khiết. Từ đó thỏ ở lại cung trăng cho đến ngày nay[2].

Một truyện kể trong *Đại tạng kinh:*

Một người Bà-la-môn sống hàng ngàn năm trên núi, có bốn con vật thân cận là chồn, khỉ, rái cá và thỏ. Hàng ngày chúng đến nghe giảng kinh và thường mang hoa quả đến cho. Một lần người Bà-la-môn hết thức ăn, toan đi chỗ

1. Theo *Hoài Nam tử* và *Truyện dân gian Trung-quốc* (bản dịch của Thái Hoàng và Bùi Văn Nguyên).

2. Theo *Văn hóa nguyệt san*, số 56 (1960). Một dị bản khác kể rằng: Ngày xưa có một thầy tu đến trước một ngôi nhà xin ăn. Trong khi mọi người dâng cúng thức ăn, thì một con thỏ ngẫu nhiên cũng ở đó. Nó không biết kiếm gì để làm thức ăn, bèn nhảy vào nồi nước đang sôi để làm thức ăn cúng dâng cho Bồ tát. Thầy tu - tức thần In-đờ-ra - rất cảm động, lập tức đưa thỏ lên mặt trăng.

khác. Bốn con vật buồn bã rủ nhau tìm thức ăn nuôi ông. Con khỉ sang một hòn núi khác tìm được nhiều quả ngon. Con chồn biến thành người, kiếm được một túi hạt nướng mang về có thể nuôi được một tháng. Rái cá lặn xuống nước, bắt được một con cá to, cũng có thể ăn được một tháng. Còn con thỏ không biết làm thế nào cả, bèn chuẩn bị củi than rồi nhảy vào lửa định tự quay cho người Bà-la-môn ăn. Nhưng vừa nhảy vào thì tự nhiên lửa tắt. Người Bà-la-môn là tiền thân của Đề-hòa-kiệt, con thỏ là đức Phật, con khỉ là Xa-ri-pu-tra, con chồn là A-nan-đà, con rái cá là Mục Liên[1].

Người In-đô-nê-xi-a (Indonésia) có một truyền thuyết trong đó không nói đến Cuội và cây thuốc cải tử hoàn sinh mà lại nói đến mặt trăng, và đặc biệt có tình tiết dái vào mặt trăng:

Ngày xưa có hai mặt trăng thay phiên nhau soi sáng trần gian cho nên không bao giờ có đêm cả. Có mấy tên trộm thấy vậy không hài lòng, vì ánh sáng thường trực làm ngăn trở công việc làm ăn của chúng. Một hôm chúng quyết định dái vào một trong hai mặt trăng. Quả nhiên mặt trăng ấy tắt đi, và biến thành một cái trống rơi xuống đảo Ba-li[2].

Xem thêm truyện của đồng bào Tày *Con rùa vàng*, mục **Khảo dị** truyện số **128**.

Về hình tượng lấy ruột vật thay vào cho người, người Ca-nác (Canaques) ở Tân Ca-lê-đô-ni (Nouvelle-Calédonie) cũng có truyện nói đến một vị thần Gô-ma-uê, một hôm đi chơi gặp hai người lạ, hỏi thì họ chả biết nói năng gì cả. Biết được nguyên nhân, thần bèn bắt hai con chuột lấy tim gan và bộ ruột của chúng lắp vào cho họ. Quả nhiên khi vết thương kín lại cả hai người bắt đầu ăn nói, suy nghĩ và có sức khỏe[3].

1. Theo Sa-van-nơ: (Chavannes). *Năm trăm truyện cổ và ngụ ngôn trích từ Kinh Đại tạng Trung-quốc.*

2. Dẫn trong *Nghiên cứu về những lễ nghi nông nghiệp của người Căm-pu-chia* của E.P.Mát-xpê-rô (E.P.Maspéro).

3. Theo Lin-nác-đơ (Linnardes). *Đô Ka-mô (Con người và huyền thoại ở xã hội Mê-la-nê-di).*

128. LẤY CHỒNG DÊ

Ngày xưa, ở một vùng gần biển, có hai vợ chồng nhà nọ, đầu tóc đã hoa râm mà vẫn hiếm hoi. Vợ chồng cầu khấn khắp nơi mong có mụn con khỏi phải hiu quạnh lúc tuổi già. Thế rồi người vợ bỗng có mang, chín tháng mười ngày đẻ ra một bọc, khi mở ra thì không phải người mà là một con dê đực. Chồng bực mình bảo vợ ném quách xuống sông cho khuất mắt, nhưng vợ không nỡ, khuyên chồng cứ để lại nuôi.

Trong lòng phiền não, người chồng phát ốm rồi từ giã cõi đời. Trái lại dê thì hay ăn chóng lớn, lại biết trông gà, chăn lợn, giúp đỡ cho mẹ những việc vặt trong nhà. Vì thế, mẹ dê cũng phần nào khuây khỏa.

Một hôm dê đi chơi đâu về, tới đặt đầu vào lòng mẹ nói:

- Mẹ ạ! Phú ông làng bên có ba cô con gái, mẹ đi dạm cho con một cô!

Mẹ dê nghe con nói không nhịn được cười, bảo:

- Mày thật là đứa không biết phận mình. Đời nào phú ông lại gả con cho cái thứ dê như mày kia chứ!

Nhưng dê một hai bắt mẹ mang trầu cau đến hỏi cho bằng được. Sau cùng, thấy con vật nài hết sức, nên chiều lòng con, mẹ đành đánh bạo đến nhà phú ông. Giáp mặt phú ông, ngần ngại mãi, bà mới dám mở miệng ngỏ lời. Vừa nghe nói, phú ông đã đùng đùng nổi giận, quát mắng om sòm:

- Câm mau cái con mụ này! Đồ láo! Dám vác mặt tới đây hỏi con vàng con ngọc của ta cho con dê của mụ kia à? Muốn tốt thì xéo ngay đi!

Nhưng theo lời con dặn, mẹ dê vẫn cứ nhẫn nhục ngồi lại, một hai nói mãi không thôi. Cuối cùng phú ông bất đắc dĩ bảo:

- Thôi được, ta cũng chiều lòng mụ gọi các con ta ra đây hỏi xem, hễ đứa nào bằng lòng lấy con mụ thì ta sẽ gả.

Nói xong, phú ông cho gọi ba cô con gái đến trước mặt, rồi hỏi ngay con gái đầu lòng:

- Con có muốn về làm dâu nhà mụ này không?

Cô gái nguýt mẹ dê một cái rõ dài rồi hối hả đi vào, không quên buông một câu nói vọi:

- Úi dào! chồng người chả lấy, lại lấy chồng dê!

Phú ông cười ha hả. Lại hỏi đến cô con gái thứ hai:

- Còn con có ngại hắn là dê không nào?

- Thưa cha con là người không thể lấy được dê.

Đến lượt cô gái thứ ba, phú ông lại hỏi:

- Còn con nữa, con cũng thế chứ?

Nhưng cô thứ ba đã khép nép cúi đầu thưa:

- Cha mẹ đặt đâu con xin ngồi đấy!

Phú ông chưa bao giờ ngạc nhiên đến thế. Nhưng đã trót hứa với mẹ dê, hắn không còn biết nói năng ra sao nữa. Hắn nghĩ: -"Không cần từ chối, ta cứ thách cưới cho rõ nặng, nhất định các vàng cũng không dám "chơi trèo". Hắn bèn đòi mẹ dê phải đủ sính lễ một trăm trâu bò, một trăm lợn, một mâm vàng, một mâm bạc mới được đón dâu về. Nghe nói, mẹ dê lật đật chạy về kể lại cho con nghe và nói:

- Con ạ! Hãy bỏ ý định ngông cuồng đi thôi. Phú ông tuy nói gả nhưng lại thách cao như thế, họa có vua chúa mới biện đủ.

- Đừng lo mẹ ạ - dê trả lời - con sẽ lo được.

Đêm hôm ấy, trong khi mẹ dê ngủ, thì dê bước ra sân trút lốt dê thành một chàng trai trẻ. Khi chàng hô lên: - "Lấy cho ta mọi thứ để làm sính lễ", lập tức các gia nô xuất hiện trước mặt chàng rất đông, họ đội đến đủ số vàng bạc và dắt đến đủ số trâu, bò, lợn, rồi biến mất. Chàng trai lại chui trở vào lốt dê, gọi mẹ dậy nhận đủ lễ vật để sửa soạn ngày mai đưa sang cho phú ông.

Ngày rước dâu, dê bon bon đi trước, còn cô gái út phú ông lẽo đẽo theo sau cùng với hai chị. Sau khi vào buồng làm lễ hợp cẩn, cô gái bỗng thấy chồng mình trút lốt dê ra thành một chàng trai tuấn tú thì vừa sợ vừa mừng. Sáng dậy chồng lại chui vào lốt dê như cũ, rồi ra nhà ngoài. Hai người chị vợ cố nán ở lại để xem em mình ăn ở với dê ra làm sao. Nhưng khi gặp người em, họ chả thấy em có vẻ gì là băn khoăn hối hận về việc có chồng là dê cả. Không khỏi lấy làm ngạc nhiên, họ tỷ tê hỏi dò em cho ra sự thực. Vợ dê kể lại cho hai chị biết mọi việc trước sau. Đêm lại, hai chị lén trổ vách buồng của em nhìn vào quả thấy đúng như lời em nói. Họ không ngờ chồng của em khôi ngô trẻ đẹp vượt xa bọn con trai trong thiên hạ. Hôm sau hai chị khuyên em phá lốt dê đi để cho chồng không còn biến vào đâu được. Quả nhiên từ đấy dê chấm dứt cuộc đời đội lốt dê. Còn hai người chị thì lại hối tiếc và ghen tỵ với số phận may mắn của em.

*

* *

Hơn một năm sau, một hôm chồng trao cho vợ một con dao và một hòn đá lửa, dặn rằng:

- Tôi có một số công việc phải vượt muôn trùng sóng nước, chưa hẹn được ngày về, cũng không thể đem nàng đi theo được. Nàng ở nhà nhớ đừng đi đâu xa. Hai vật hộ thân này hãy luôn luôn mang bên người đừng quên, có khi dùng được việc.

Rồi một sáng sớm, Dê từ biệt mẹ và vợ dong buồm ra khơi. Vợ Dê ở nhà thức khuya dậy sớm, hết lòng phụng dưỡng mẹ chồng. Nhớ lời chồng dặn, bao giờ con dao và hòn đá lửa cũng được giắt ở bên lưng.

Một ngày kia, hai chị đến nhà rủ em đi trẩy hội. Vợ Dê trước chối từ nhưng sau thấy hai chị dỗ mãi, bèn theo họ ra đi. Cả ba người xuống một chiếc thuyền đậu sẵn ở bến. Thuyền băng băng rẽ sóng, chị em cùng nhau vui vẻ chuyện trò. Qua ngày hôm sau, ba chị em lại quây quần ngóng mây trông sóng ở đàng mũi thuyền. Nhưng đã lập mưu sẵn, hai chị thừa lúc em vô ý bất thần đẩy em xuống biển. Vợ Dê chưa kịp kêu lên thì đã bị sóng khỏa chìm nghỉm. Còn hai chị, thi hành xong kế độc, liền hối hả cho thuyền vào bờ, rồi giả bộ hốt hoảng báo tin rằng em mình không may sẩy chân rơi xuống nước.

Lại nói chuyện vợ Dê trong khi đang vùng vẫy cố ngoi lên khỏi mặt nước thì bỗng có một con cá kình lao tới đớp ngay vào bụng. Sẵn dao bên mình, nàng lập tức rút ra đâm chém tứ tung. Cá kình bị thương quẫy rất dữ dội. Nhưng vì bị thủng bụng nên chỉ một lúc sau cá đã tắt thở, nằm phơi bụng nổi lên mặt nước. Chẳng bao lâu sóng biển đánh giạt xác cá vào một hòn đảo. Vợ Dê bèn cầm dao rạch luôn bụng cá, chui ra ngoài. Đó là một hòn đảo hoang không có bóng người. Nàng bèn chặt cây dựng lều làm thành một chỗ ở bên bãi biển. Sẵn có đá lửa, nàng đốt củi lên sưởi, và xẻo thịt cá kình nướng ăn. Sau đó lại vào rừng hái trái, đào củ, thay cho lương thực. Cứ như thế, tất cả những khó khăn trong cuộc sống dần dần nàng đều vượt qua.

Một hôm, vợ Dê nhìn vọng ra ngoài khơi bỗng thấy xa xa có bóng một cánh buồm trắng. Nàng bèn buộc áo vào một cành cây phất lên làm hiệu. Con thuyền nhận được dấu hiệu của nàng, rẽ sóng tiến vào đảo. Khi thuyền cập bến, nàng sửng sốt thấy người trên thuyền không phải ai xa lạ mà chính là chồng mình. Đúng là chàng Dê sau bao ngày vượt vời trên đường trở về quê hương, thấy dấu hiệu cầu cứu nên ghé vào đảo. Hai vợ chồng ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Chỉ một lát sau, Dê đã nghe hết đầu đuôi câu chuyện.

Khi thuyền về đến nhà, Dê giấu vợ không cho ai biết, rồi sai dọn một bữa cỗ linh đình nói là để cúng vợ. Chàng cho mời làng nước và bà con họ hàng, cả gia đình nhà vợ tới dự. Hai người chị nghe tin Dê đã về thì lòng mừng khấp khởi, vội đến ngay. Cả hai làm bộ khóc lóc thảm thiết trong khi bịa ra câu chuyện cái chết của cô em xấu số. Sau đó chúng mấy lần liếc mắt đưa tình để cám dỗ người em rể tuấn tú mà chúng vẫn ao ước được chung tình. Dê vẫn thủng thỉnh đi từ bàn nọ sang bàn kia, mời mọi người ăn uống no say. Đoạn Dê khoan thai bảo hai chị:

- Em xin vào nhà gọi người ra hầu hai chị!

Dê vén màn cho vợ từ trong buồng bước ra. Nàng tươi cười chào hỏi hai chị và mọi người, làm cho ai nấy đều sửng sốt. Hai người chị vừa thẹn vừa sợ, nhân lúc mọi người không chú ý, len lén bước ra khỏi cổng. Nhưng chúng đi chưa được một quãng đường đã bị thần Sét nhảy xuống đánh chết.

Từ đấy hai vợ chồng Dê ăn ở với nhau sung sướng trọn đời[1].

KHẢO DỊ

Trong *Thánh Tông di thảo* cũng có một truyện *Lấy chồng dê*:

Một người đàn bà ở Thanh-khê góa chồng có hai con gái. Cô bé đã gả chồng còn cô lớn hai mươi tuổi rồi mà vẫn chưa chịu lấy ai. Khi bà mẹ mất, có nhiều nơi đến dạm hỏi nhưng cô đều từ chối. Cô ở với chú may vá làm thuê, kiếm ăn lần hồi. Cô thương mẹ khóc lóc ba năm, ai cũng khen là con có hiếu. Một hôm cô từ mộ mẹ trở về nhà, tự nhiên thấy có một con dê đi theo. Về đến nhà, dê nhảy ngay vào buồng hóa thành một chàng trai, tự xưng mình là người của Ngọc Hoàng thượng đế bị đày xuống trần ba mươi năm. Từ đấy chàng trai cứ sáng ra là dê tối lại là người. Ở làng ấy có một người con trai khác từ lâu theo đuổi cô gái. Một hôm, anh ta đến rình ở buồng thấy có tiếng trò chuyện, bèn phá cửa xông vào thì chỉ thấy con dê, anh ta thẹn quá bỏ đi mất.

Sau đó, Ngọc Hoàng thương giảm hạn, dê được về trời. Lúc từ biệt, vợ đòi đi theo. Dê bày cho vợ câu thần chú để gọi mình xuống mỗi lúc muốn gặp. Nhờ đó hai bên còn gặp nhau nhiều lần. Nhưng bốn tháng sau, cô bị bệnh chết. Khi chôn, người ta thấy trong áo quan có tiếng động, mở ra chỉ thấy một con chim vàng anh[2].

Chúng tôi ngờ rằng truyện vừa kể xuất xứ từ truyện *Lấy chồng dê* trên kia nhưng đã qua sự cải biên gọt đẽo mạnh tay của nho sĩ.

Việt-nam còn có truyện *Chàng Chuối* rất phổ biến ở miền Bắc, gần như cùng một chủ đề với truyện trên.

Thủy thần một hôm biến thành một người đàn ông lên bộ, rồi ăn nằm với một cô gái. Cô gái từ đấy có mang, đến kỳ đẻ ra một con cá chuối rất lớn. Thường ngày mẹ vẫn nuôi con trong vại nước. Lớn lên, Chuối đòi lấy một trong ba cô con gái quan họ Lý trong miền. Cũng như truyện trên, cô thứ nhất và cô thứ hai khi nghe nói chuyện lấy Chuối làm chồng đều tỏ ý dè bỉu, trừ cô thứ ba. Thấy vậy họ Lý cũng đòi một món sính lễ lớn, vượt khả năng của

1. Theo lời kể của đồng bào Phú-yên.
2. Theo *Thánh Tông di thảo* và tạp chí *Nam phong* (1920).

nhà trai. Chuối được mẹ thả xuống sông để về xin bố. Bố cho một quả bí, về mở ra trong có đủ mọi món sính lễ mà nhà gái đã thách cùng nhiều kẻ hầu người hạ. Cưới xong, đêm đêm Chuối cũng biến thành chàng trai ăn nằm với vợ, ngày lại hóa cá. Một hôm Chuối trút lốt cùng vợ đi chơi hội chùa, hai chị không ngờ đó là một chàng trai khỏe và đẹp, đâm ra mê mẩn. Em gái thú thật đấy là chồng mình. Hai chị lúc đầu không tin, họ đến nhà em khoét vách rình mới rõ sự thực, và từ đó họ ghen tỵ với em.

Về sau vua nghe tin đồn, vời Chuối về triều phong cho làm đại tướng trấn giữ biên thùy. Ở đây cũng có tình tiết hai chị nhân khi Chuối đi vắng, rủ em đi tắm và xô em ngã xuống sông, nhưng cứu thoát cho vợ Chuối lại là Thủy thần. Chuối làm xong việc quan, trở về gặp lại vợ, giấu vợ vào hòm, rồi mang hòm đến nhà bố vợ. Hai chị cũng giả bộ thương xót em gái xấu số rồi tán tỉnh ve vãn Chuối, nhưng đến lúc Chuối mở hòm thì bị vạch mặt. Hai chị cũng bị sét đánh chết như truyện trên[1].

Đồng bào Vĩnh-yên, Phú-thọ kể chuyện *Chàng Chuối* có khác ở chỗ, mẹ Chuối do uớm vào dấu chân lạ bên bờ sông mà có mang. Sau khi ra đời, Chuối được thả trong một chậu nước đặt ở gậm giường. Một hôm có hội mùa, Chuối biến thành chàng trai đi dự, thấy có ba cô gái đẹp, mới về bảo mẹ đi hỏi. Cũng như trên, nhà gái thách cưới quá nặng, Chuối cũng bảo mẹ thả mình xuống sông rồi cũng mang lên một quả bí. Một tiếng nổ, quả bí mở tung, bao nhiêu mâm cỗ và đồ sính lễ tuôn ra nườm nượp. Ở đây không có việc Chuối được vua phong đại tướng. Thừa lúc vắng Chuối, hai chị rủ em ra cầu rồi bất ngờ xô xuống sông. Nhưng chàng Chuối đã kịp thời cứu được vợ và đẩy hai chị em xuống nước[2].

Đặng Lễ Nghi biên soạn *Chàng Nhái Kiển Tiên thơ* từ một văn bản cũ (không rõ có từ thời nào). Đại khái là:

Ông bà trưởng giả sinh được một gái xấu xí là Giáng Dung. Lớn lên cô gái không chồng mà chửa, sinh ra một con nhái. Ông bà trưởng giả sau đó qua đời, Giáng Dung hẩm hút nuôi con. Nhái mười ba tuổi bảo mẹ đi hỏi con vua Hồ vương (tác giả đoán là Hung-nô). Mẹ chiều ý con. Vua sai đưa nhái đến xem mặt. Vua hỏi: "Mày ưng lấy ai?" - "Công chúa Kiển Tiên mà thôi". Thấy con gái bằng lòng, vua hứa gả nếu:

1. Theo *Truyện chàng Chuối*.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV, đã dẫn.

Sắm đủ một trăm mặt trời,
Một trăm mặt nguyệt tùy thời chiếu liên.

Một trăm chư Phật chư Tiên,
Thành hoàng trăm vị ứng liền thỉnh không.

Một trăm măng xà có lông,
Một trăm bạch lộc trong rừng chạy ra.

Một trăm hùm dữ thay là,
Một trăm sư tử dỡn mà kỳ lân.

Để cho dỡn chụp trước sân,
Sắm đủ trăm thần cỡi (cưỡi) nó mà đi.

Trăm rồng ngũ sắt (sắc) dị kỳ,
Để dỡn mặt nhụt (nhật) ta thì xem chơi..."

Nhái biện đủ, đám cưới cử hành long trọng. Sau đó để thử vợ, nhái làm cho kiến cắn chết mình, công chúa vật vã than khóc. Sống lại, nhái cởi lốt thành chàng trai xinh tốt. Thấy thế, hai chị bắt nhái về ấp, bắt cởi lốt, bắt không được thì lấy gươm cắt lốt, nhái chết nhưng rồi nhái lại sống. Một hôm nhân nhái đi vắng, Kiển Tiên bị hai chị giết quẳng xuống sông nhưng nàng được Long vương cứu. Trở về, nhái tìm mười cửa ngục ở âm phủ không thấy, lên trời, Ngọc hoàng bảo xuống tìm ở Long vương. Đưa được vợ về, nhái tâu vua mọi sự. Vua giao hai chị cho vợ chồng nhái xử, nhưng họ tha bổng. Vua bắt đày vào rừng sâu. Ở đây hai chị lấy chằn tinh làm chồng. Về sau, vua giao quyền bính cho nhái rồi bỏ đi tu[1].

Gần giống với truyện *Lấy chồng dê* và *Chàng Chuối*, còn có truyện *Sọ dừa* của người Cham-pa, khá phổ biến ở miền Nam. Nội dung như sau:

Một người nọ nhà rất nghèo, một hôm cùng con gái lên rừng hái củi. Cô gái bỗng tìm thấy ở một hòn đá một mạch nước chảy, bèn uống và tắm thỏa thích. Nhưng khi người cha đến thì nước không còn một giọt. Cô gái từ đấy có mang, đủ ngày tháng đẻ ra một cục thịt tròn như quả dừa. Thằng bé bảy tháng biết nói, một năm biết tự lăn đi, ba năm biết chăn dê. Sau đó, nó bảo mẹ đưa mình đến cung vua xin làm công việc chăn trâu. Trâu vua có ba mươi vạn con, có ba mươi người chăn mà thường vẫn thất lạc, nhưng thấy Sọ dừa cam đoan, nên vua bằng lòng thuê.

1. Đặng Lễ Nghi. *Chàng Nhái Kiển Tiên thơ* (bổn cũ soạn lại).

Ngày đầu tiên, công chúa bé nhất mang cơm trưa. Công chúa thấy trâu ăn thành từng bầy rất trật tự, nhưng không thấy Sọ dừa. Gọi một tiếng thì Sọ từ đâu lăn ra nhận cơm ăn. Chiều lại, đưa trâu về đủ số.

Ngày hôm sau, vua giao thêm công việc cắt dây buộc nhà. Khi đem cơm, công chúa dứng rình thấy giữa rừng có nhà lầu, có dê lợn và kẻ hầu người hạ. Một số người hầu thì đi chăn trâu, còn một số đi cắt dây. Công chúa gọi lên một tiếng, tự nhiên mọi thứ biến mất, còn Sọ dừa thì lăn đến nhận cơm như cũ. Buổi chiều trâu về con nào con ấy dây cuốn đầy sừng. Vua rất thán phục khi thấy quân hầu tháo được một trăm xe. Lần đưa cơm thứ ba, công chúa cũng rình thấy giữa kẻ hầu người hạ đông đúc có một chàng trai đẹp tựa trăng rằm. Khi gọi tên thì chàng trai biến vào lốt lăn ra như cũ.

Hôm sau nữa hai công chúa lớn từ chối việc đưa cơm nên công chúa em lại phải đi. Hôm ấy trời mưa gió, lúc Sọ dừa đánh trâu về lăn vào bếp sưởi, dụng vào chân hai công chúa lớn đang nấu ăn ở bếp bị họ mắng chửi.

Hôm khác, vua giao thêm việc chặt tre. Công chúa ba đưa cơm có mang theo một gói trầu do mình têm để tặng Sọ dừa. Tre của Sọ dừa chặt được nhiều quá đến nỗi vua phải huy động dân các làng kéo về, được một trăm xe. Mọi người đều tấm tắc về tài năng phi thường của Sọ dừa.

Chăn trâu được mười lăm ngày, Sọ dừa về nhà giục mẹ đi hỏi cho mình một trong ba công chúa làm vợ. Mẹ bất đắc dĩ ra đi. Vua hỏi ý kiến ba công chúa, chỉ có công chúa ba ưng thuận. Đám cưới kéo dài một trăm ngày, một trăm đêm, có dân các làng được vua mời về dự. Vua bảo hoàng hậu hỏi dò xem con gái ăn nằm với Sọ dừa như thế nào. Công chúa cho biết: sáng là Sọ dừa, đêm là người. Một đêm nọ, công chúa đem lốt giấu đi. Sọ dừa đành phải ra mắt mọi người. Thấy chàng đẹp trai, ai nấy nô nức đến cung để nhìn mặt.

Sau lễ cưới nửa tháng, Sọ dừa chuẩn bị tàu lớn đi buôn, có vợ và hai chị vợ đi theo. Lúc tàu ra khơi, hai chị bảo em tháo nhẫn mà Sọ dừa tặng cho xem rồi giả vờ làm tuột tay rơi xuống biển. Em vội nhảy xuống vớt, nhưng tàu chạy rất nhanh, khi Sọ dừa biết thì đã không thấy tăm dạng. Cho tàu quay về, Sọ dừa khóc lóc ngày đêm. Hai chị vợ nấu cơm têm trầu cho ăn, lại đến ăn nằm với Sọ dừa, nhưng chàng vẫn nhớ vợ không nguôi.

Vợ Sọ dừa vớt được nhẫn nhưng bị chìm xuống biển sâu. Nhờ sự mầu nhiệm của chiếc nhẫn nàng trở thành một người tý hon ẩn vào trong một vỏ trai lớn. Bị sóng đánh, trai trôi dần vào bờ. Một cặp vợ chồng làm nghề bắt trai nghe tiếng khóc tỷ tê trong một vỏ trai, liền nhặt lấy đưa về cất ở nhà. Đến đây truyện giống với tình tiết của truyện *Tú Uyên* và *Tấm Cám*.

Mỗi lần hai vợ chồng đi vắng, công chúa từ vỏ trai chui ra biến thành người lớn, quét dọn, nấu cơm nước, đoạn lại chui vào như cũ. Một hôm họ cũng giả vờ đi nửa đường lại lộn về rình. Bắt được quả tang, họ nhận công chúa làm con nuôi. Công chúa bảo họ mua cho mình một ít bông về dệt thành chăn. Chăn dệt xong, công chúa bảo mẹ nuôi mang đến cung vua bán, lại đưa nhẫn cho mẹ nuôi đeo. Vua thấy tấm chăn giống với chăn của công chúa thứ ba dệt. Còn Sọ dừa thì nhận ra chiếc nhẫn, bèn theo người đàn bà về nhà. Hai vợ chồng lại tái ngộ. Sau đó Sọ dừa thay vua trị vì thiên hạ[1].

Một vài truyện *Sọ dừa* khác có vẻ đã Kinh hóa, kết hợp phần nào với truyện *Lấy chồng dê*, đại thể là:

1. Một bà cụ hái củi một hôm khát quá, uống nước mưa trong một cái đầu lâu, về có mang đẻ ra một cục thịt tròn, nhân đó đặt tên là Sọ dừa. Sọ dừa vừa dẻ đã biết nói, lớn lên đi chăn dê cho phú ông và được ba cô gái phú ông thay phiên đưa cơm. Đến lượt cô ba, nhìn trộm thấy Sọ dừa hóa thành chàng trai ngồi võng thổi sáo, có kẻ hầu người hạ. Cuối cùng cô gái cũng trở thành vợ Sọ dừa, còn Sọ dừa thì trở thành người học trò giỏi đỗ trạng. Trước khi từ giã vợ đi sứ, cũng như truyện *Lấy chồng dê*, chồng đưa cho vợ một hòn đá, một con dao, nhưng ở đây có thêm hai quả trứng gà. Vợ Sọ dừa cũng bị hai chị em dìm chết, cả thuyền lẫn người lọt vào miệng cá kình, nhưng nhờ có dao và đá lửa, nàng tạo nên cuộc sống mới trên hoang đảo: lại nhờ có hai quả trứng nở thành gà, nàng được chúng báo hiệu chấm dứt cuộc đời lưu lạc bằng tiếng gáy:

Ò ó o o!

Phải thuyền quan trạng, rước cô tôi về.

Truyện kết thúc như truyện *Lấy chồng dê*[2].

2. Một người nghèo đẻ ra một đứa con chỉ có cái đầu, đặt tên là Thằn lằn, cho đi ở chăn trâu với một nhà giàu. Chủ bắt chăn bốn, năm chục con trâu đều làm được. Rồi bắt chặt củi, Thằn lằn chặt đủ mỗi con trâu một gánh đặt trên lưng mang về. Chủ sai con gái đưa cơm. Cô cả không chịu đi. Em nói: -"Chị không đi thì tôi đi". Đến cửa núi cô thấy có một võng điều che bốn lọng. Thằn lằn nằm trong võng có người quạt hầu. Ngoài núi có nhiều người chăn trâu chặt củi. Cô gọi: -"Ai đó ra lấy cơm mà ăn". Mọi thứ biến mất, chỉ thấy Thằn lằn ra lấy cơm.

1. Theo Lăng-đờ (Landes). *Truyện cổ tích Cham-pa*, đã dẫn.
2. Theo Vũ Ngọc Phan. *Truyện cổ Việt-nam*.

Thằn lằn không ở nữa, chủ tiếc lắm, nài mãi Thằn lằn bảo: -"Ông gả con cho tôi, tôi mới ở". Chủ gọi hai con gái ra hỏi, chỉ có em bằng lòng. Mời làng xã đến ăn cưới. Ba ngày sau chị đến nhà em thấy Thằn lằn là chàng trai đẹp, bèn mời tới nhà mình chơi, giữ lại ba ngày. Em sang gọi về, chị phàn nàn: -"*Chồng người ấp chẳng được lâu; Ấp được hôm trước hôm sau người đòi*". Truyện dừng lại ở đây[1].

Gần giống với các truyện trên, có các truyện sau đây:

1. Truyện *Chàng Bầu* của đồng bào Mường:

Có hai vợ chồng hiếm con, ước ao đẻ được đứa con đẹp như quả bầu. Ít lâu sau, quả nhiên vợ đẻ ra một cục thịt tròn như quả bầu. Mẹ định quẳng đi nhưng con đã nói ngay: -"Mẹ đừng bỏ con, con sẽ làm được việc". Cũng như Sọ dừa, chàng Bầu lớn lên, đi ở chăn trâu cho Lang. Nàng Ả, con gái đầu lòng của Lang đi đưa cơm nhưng vì sợ hãi, thường chỉ đứng ở bìa rừng gọi Bầu ra lấy, chỉ có nàng Hai thì mang đến tận nơi. Và nàng Hai cũng khám phá ra là Bầu có phép lạ: biến thành chàng trai nằm võng thổi sáo, bốn bên voi chầu hổ phục. Hai bên đính ước. Trở về, Bầu cũng bảo mẹ đi hỏi nàng Hai cho mình. Ở đây Lang cũng gọi hai con ra hỏi, sau khi xui con đái vào người mẹ Bầu. Và khi thấy nàng Hai bằng lòng, Lang cũng thách cưới: "*Trăm con trâu khoang, trăm hươu chín gạc, trăm vạc tám tai, với một đàn hổ xám, một đàn báo hoa*". Bầu hóa phép gọi cầu vồng xuống, trèo lên, lấy đủ mọi thứ về. Sau khi Bầu lấy vợ, cũng có việc nàng Ả đến rình và khi biết sự thật cũng tỏ ý hối tiếc, nghĩ cách cướp chồng của em bằng cách rủ em lên mảng ra sông gội đầu, rồi đánh đắm mảng. Không biết bơi, nàng Hai bị nước cuốn đến một bãi cát hoang. Nhờ có hai vật dao và trứng mà chồng dặn lúc nào cũng mang theo bên người, nàng Hai đào củ, dựng lều; rồi ấp trứng, trứng nở thành gà trống. Bầu hết hạn chầu Trời trở về, qua bãi cát nhận ra tiếng gà, nhờ đó gặp lại vợ. Về đến nhà, Bầu cũng giấu vợ một nơi, và sau đó vạch mặt người chị vợ khi người đàn bà này giả nhận làm vợ Bầu. Thấy em gái, nàng Ả xấu hổ, chạy lên cầu thang thì cầu thang gãy, rơi xuống chết hóa ra con nhằn nhã suốt ngày chui rúc dưới bùn không dám ngẩng mặt nhìn mọi người. Ở đây cũng có việc vợ Bầu dập nát lốt của chồng và từ đó hai người ở ăn với nhau lâu dài[2].

2. Truyện *Hai chị em và chàng trẻ tuổi* của đồng bào Kar (Tây-nguyên).

1. Theo *Bản khai sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp*, tập I.
2. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập II, đã dẫn.

Hai chị em - Răng-roa và Đăm - cùng bố làm rẫy, bố khát nước quá nghe tiếng nước chảy, nhưng mấy lần đi tìm lại không thấy gì. Một bà tiên chỉ cho chỗ một con trăn đang khơi mạch: -"Lấy trăn làm chồng thì được uống". Chị không lấy, em đành phải nhận lời để bố khỏi chết khát. Lập tức nước chảy đầy ruộng rẫy. Cưới xong, trăn đến giúp bố vợ dọn gỗ, dọn cỏ rất được việc. Một hôm cùng vợ đi tắm. Vợ tắm cuối dòng bỗng thấy da trăn trôi, tưởng chồng đã chết, bèn kêu khóc. Khi lên trên dòng thấy một người đàn ông tưởng đó là kẻ giết chồng toan đánh, người ấy nói: -"Tôi là trăn nay đã thành người, tên là Sa-pan".

Thấy Đăm có chồng đẹp, Răng-roa ganh tị, tìm cách quyến rũ. Đăm bảo chồng đừng chạm vào đồ đạc của chị, vì theo tục, chạm vào tức là phải lấy làm vợ. Răng-roa treo áo giữa nhà, đặt bát nước ăn trước mặt cốt cho Sa-pan đụng phải, nhưng chàng đều tránh.

Vợ Sa-pan có mang. Chàng đi vắng, dặn vợ, chó có đi đâu. Răng-roa âm mưu hãm hại Đăm: rủ đi lấy củi, lấy nước, Đăm đều lắc đầu. Nhưng khi rủ đánh du thì Đăm thích thú đi ngay. Răng-roa cứa đứt dây, Đăm văng xuống sông. Răng-roa lấy áo quần của em mặc vào, lại lấy quả bầu độn bụng giả làm Đăm để được ân ái với Sa-pan, nhưng không may khi leo thang, quả bầu rơi ra, lộ tẩy.

Sa-pan xuôi dòng tìm vợ, một bà cụ (người vớt được vợ) mách cho biết vợ và con anh hiện ở một hòn đảo, hãy về thu dọn nhà cửa đưa ra đây mà ở. Sa-pan về thu dọn, Răng-roa biết ý đuổi theo đến bè. Sa-pan bảo về nấu nồi cơm lớn đưa đi ăn đường, mình sẽ chờ. Cơm chín, Răng-roa gánh một đầu chó một đầu nồi cơm. Đến bờ sông thấy Sa-pan đã chèo bè đi ra xa, Răng-roa gào mãi không được, bèn đẩy nồi xuống nước làm thuyền bơi đi, chó cũng nhảy theo người. Nhưng vì chó cạy cơm ăn làm thủng nồi, nước lọt vào dìm y và chó xuống nước[1].

3. Truyện *Chàng rùa* của người Xơ-đăng.

Một ông già góa vợ có mười người con gái, một hôm bằng lòng để một con rùa sửa giúp cái lờ đơm cá với điều kiện gả cho nó một cô làm vợ. Cũng như các truyện trên, các cô gái của ông đều từ chối, trừ cô út bằng lòng làm vợ rùa. Mỗi lần đến với vợ, rùa đều hóa thành chàng trai, và căn buồng tự nhiên sáng rực lên, làm cho các chị tưởng buồng bị cháy, kêu cứu ầm ỹ.

1. Theo *Vỏ quýt chưa dày*.

Ông già ốm muốn ăn óc cá, bảo các chàng rể đi tìm. Chẳng ai lấy được cả, chỉ có rùa lấy được mấy nong.

Ông già lại mở cuộc thi trâu rồi thi xây nhà, rùa đều thắng cuộc, làm cho các chị vợ ghen tức.

Cũng như các truyện trên, trước khi sang Lào buôn bán, rùa giao cho vợ quả trứng, con dao, ngoài ra còn có một quả dừa. Ở đây cũng có tình tiết: mấy chị rủ em đi lấy củi, rồi mua muối, vợ rùa đều từ chối, nhưng lại bằng lòng khi nghe nói rủ chơi đu. Bị các chị chặt đu, vợ rùa ngã chết, xác văng xuống sông, bị cá nuốt, nhưng lại sống lại và sinh con trong bụng cá. Rồi vợ rùa cũng lấy dao rạch bụng cá, bế con chui ra. Quả trứng nở thành gà trống, còn quả dừa mọc thành cây dừa lớn như thổi. Vợ rùa trèo lên, cây cao lên mãi. Ở trên ngọn, vợ rùa nhìn sang đến tận nước Lào. Nàng bảo gà gọi chồng về. Nghe tiếng gà gáy, rùa lên đường về ngay. Trời mưa như trút, phải ẩn dưới cây dừa, rùa vừa kêu đói thì cơm trên ngọn rơi xuống, kêu khát thì quả dừa rụng. Hai vợ chồng gặp nhau. Nghe vợ kể mọi chuyện, rùa bỏ vợ con vào gùi mang về quê, lại trao cho con một cái kim, dặn cứ đâm vào mặt người nào nhòm vào gùi. Thấy gùi nặng, mấy chị vợ rùa hý hửng ra đón. Khi nhìn vào gùi bị kim châm vào mắt, đứa hóa thành chó, đứa hóa thành mèo. Về sau chó mèo ấy chuyên giữ nhà cho vợ chồng rùa[1].

4. Truyện *Chàng ca-đác* (ca-đác = con vật giống cáo) của người Thái.

Một ông vua sinh được mười công chúa đều đẹp, riêng công chúa cả và công chúa mười là giống nhau như đúc. Một hôm vua cho mỗi công chúa một chiếc thuyền, bảo xuôi dòng sông, thuyền ai bị kẻ nào cản lại, thì lấy người ấy làm chồng. Các công chúa đều gặp được chồng đẹp trai, chỉ có công chúa mười chỏ giúp một con ca-đác sang sông, đến giữa sông thuyền dừng lại, đành phải lấy nó làm chồng.

Một hôm vua sai các phò mã vào rừng săn hươu. Ca-đác lên rừng chỉ leo trèo hái quả, nhưng cuối ngày được một hươu rất lớn, còn chín người kia thì về không. Lần thứ hai đi đánh cá, chỉ có ca-đác được một gánh cá nặng. Lần thứ ba đi chặt gỗ dựng nhà. Nhờ có vua Thủy, ca-đác có một ngôi nhà lộng lẫy, đẹp hơn cả cung vua.

Thấy lạ, vua sai người đến rình. Khi thấy ca-đác trút lốt hóa thành chàng trai đẹp, vua sai giấu kín cái lốt, ca-đác đành phải mang hình người. Thấy em rể đẹp, công chúa cả có ý cướp chồng của em. Ở đây truyện xích gần với truyện

1. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV, đã dẫn.

Lấy chồng dê. Ca-đác trước khi đi vắng cũng giao cho vợ một con dao và một gói thuốc, dặn khi gặp nạn thì ném gói thuốc ra. Vợ ca-đác cũng bị chị cả chặt đứt đu, văng ra giữa sông, nhờ dao thần và gói thuốc nên xuống đến cung vua Thủy. Công chúa cả mặc áo quần giả làm công chúa mười về với ca-đác. Ca-đác xuống sông tìm thấy vợ rồi đưa vợ về. Đến nhà làm một bữa tiệc mời vua cha tới dự. Giữa bữa tiệc, ca-đác vạch tội chị cả. Xấu hổ, công chúa cả chạy ra cánh đồng bị sét đánh chết, xác hóa thành con niếu nộng (niếu nộng = con bọ giống con bọ dừa, hay rúc ở bùn)[1].

5. Truyện của dân tộc Cao-sơn (Đài-loan) *Người đẻ trứng*:

Có hai vợ chồng hiếm hoi, cầu thần Tử tức; vợ sau đó có mang sinh ra một quả trứng. Được một năm trứng biết lăn ra khỏi rổ chơi đùa. Lên bảy, đòi đi chăn trâu, bảo mẹ bỏ mình vào tai trâu, rồi hò hét, sai trâu ra đồng theo ý muốn. Lần khác, trứng bảo mẹ buộc dao vào người để mình lên rừng đốn củi. Đến rừng, trứng tách vỏ chui ra thành một người con trai, đốn xong lại chui vào vỏ, rồi về bảo bố đưa xe lên rừng chở củi về. Đi làm đồng cũng vậy. Một hôm trứng chui ra khỏi vỏ làm ruộng, gặp một cô gái cũng làm ruộng ở gần. Hai bên cùng chuyện trò hát xướng, dần dần đâm thương yêu nhau. Trứng đi dự hội thi vật, lăn dưới chân mọi người, thấy ai sắp giẫm phải thì kêu tướng lên cho họ tránh. Khi thi chạy, trứng lăn ra một nơi chui ra khỏi vỏ, rồi về tới đích trước mọi người.

Cô gái tới nhà hỏi thăm trứng, bố mẹ nói dối là mình không có con. Nhưng ở trong rổ, trứng đã lên tiếng. Bố mẹ ngượng quá bảo trứng sao không biết xấu hổ, trứng đáp: - "Con như thế nào cứ nói như thế ấy, ai yêu thì tới, không yêu thì thôi". Hôm sau trứng cởi lốt đi làm đồng gặp cô gái, cô gái rình biết

1. Theo *Truyện cổ tích miền núi*, đã dẫn. Cũng như truyện này, đồng bào Thái ở Quỳ-châu (Nghệ-an) kể hơi khác một ít:

Một chúa đất sinh chín cô gái. Chúa tuổi già, bảo con đi tìm chồng trong một ngày cho được, may rủi thế nào phải chịu. Tám chị đều lấy chồng người, chỉ có cô út lấy phải chồng chồn vì đi suốt ngày chỉ gặp một con chồn. Truyện cũng có các cuộc thi như truyện trên, nhưng có thêm một cuộc thi đầu tiên là đi múc nước khe. Tám người kia múc về 8 vò nước lã, còn rể chồn thì lấy về một vò mật ong, được bố vợ khen là nước ngọt. Cuộc thi cuối cùng là làm mỗi người một gian nhà. Gian nhà của chồn làm rất đẹp, vì đêm lại chồn cởi lốt ra, có những người hầu thiện nghệ xuất hiện làm nhà rất chóng. Làm xong, thiên đình đánh tan 8 gian của mấy chàng rể kia, chỉ để lại nhà của rể chồn, v.v... *(Bản khai của tổng Quỳ-dương)*.

sự thực, bèn đến nhà mách cho bố mẹ trứng biết. Bố mẹ chờ khi con chui ra khỏi vỏ thì lẻn đến lấy vỏ giấu đi. Từ đó trứng không biến được, đành mang dạng người và lấy cô gái làm vợ.

6. Truyện của dân tộc Lê (Hải-nam) cũng mang tên *Sọ dừa*:

Một bà già sinh được năm đứa con, bốn người đầu đều khôi ngô mạnh khỏe, chỉ có con út như một trái dừa nên đặt tên Sọ dừa. Bà ta vứt Sọ dừa xuống sông. Một ông lão vớt được bèn đem về nuôi. Lớn lên Sọ dừa xin đi chăn trâu. Lại xin đi chặt tre về đan rổ rá. Con gái ông lão xinh đẹp mang cơm cho Sọ dừa ăn, một hôm nấp một chỗ rình xem thì thấy từ trong trái dừa xuất hiện một chàng trai trẻ và đẹp. Cô rất ngạc nhiên và cũng rất vui mừng. Về sau hai người yêu nhau và lấy nhau, sống sung sướng[1].

Những truyện có mô-tip người (nữ) kết hôn với vật (nam) và vật mang hai giai đoạn biến hóa: người đội lốt vật, vật trở thành người là kiểu truyện khá phổ biến ở nhiều dân tộc. Sau đây là một số truyện của các dân tộc anh em, hình tượng đã thay đổi đi nhiều, nhưng vẫn còn rõ nét.

Truyện của đồng bào Ê-đê *Chồng cóc*:

Một hôm YRít đi làm rẫy bắt được một con cóc vàng đem về toan làm thịt. Nhưng cóc bảo để mình sống sẽ giúp trông gà giữ lúa cho. YRít bèn giữ cóc lại nuôi bảo trông nom thóc phơi. Cóc làm tròn, vì khi nào sắp mưa, cóc đều biết trước. Một hôm trời thình lình đổ mưa, cóc nhờ cô hàng xóm là Hơ-bia chuyển thóc hộ. Hơ-bia không đáp nhưng cũng rình xem cóc làm ăn thế nào. Cóc gọi mãi Hơ-bia không được bèn hóa thành một chàng đẹp khỏe, chuyển thóc trong một nhoáng là xong. Đoạn lại trở lại lốt cóc. Từ đấy Hơ-bia ốm tương tư, bà mẹ tra gạn mãi biết con gái mê cóc, mới cho hai bên lấy nhau, chia cho một cái nồi đồng đã rạn rồi đuổi đi. Đến một đám rừng hoang, cóc hóa phép thành một tòa nhà rất đẹp có đủ các thứ của cải, người hầu và súc vật. Hơ-bia thấy vậy bèn lẻn vào xé lốt cóc. Từ đấy cóc giữ mãi hình người và giàu có nhất vùng. Hai vợ chồng có đông con cháu[2].

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) *Chàng lợn*:

Bà già Pôm ở với cháu gái là Lúi (lúi = út). Một hôm Lúi cùng bà đi hái bông, nhân khát đi tìm nước. Thấy một cái nấm có nước dái lợn rừng, nàng

1. Đều theo *Truyện dân gian Trung-quốc*, đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ Ba-na*, đã dẫn.

không nghe lời bà, uống nước ở cái nấm ấy về nhà tự nhiên có mang, đẻ ra được một con lợn. Vì xấu hổ cho cháu, bà Pôm chôn lợn nhưng mấy lần đắp đất kỹ càng, về nhà đã thấy lợn về trước rồi. Nghe tin Lúi đẻ lợn, pơ-tao là tù trưởng giàu có đến xem, bà cháu nói dối, nhưng lợn đã tự khai cho pơ-tao biết. Khi pơ-tao về, không mang lợn theo, nhưng thấy lợn nằm gọn trong gùi; mấy lần pơ-tao bắt trả về cho Lúi nhưng khi về đến nhà mình, lợn đã có mặt ở đấy rồi, pơ-tao dành phải nuôi lợn. Pơ-tao có con gái đẹp là Hơ-bia thường đi chăn trâu đàn. Một hôm bận đi tát cá, lợn xin đi chăn thay. Không ngờ lợn chăn giỏi, Hơ-bia đi rình, thấy lợn lột xác hóa thành chàng trai tuấn tú, nhưng khi hỏi lợn, lợn làm cách không biết. Hơ-bia xin cha chuẩn bị lễ cưới để lấy chồng - một người mà nàng chưa nói tên. Đến khi chuẩn bị xong, cha hỏi lấy ai, nàng nói là lấy lợn. Lợn làm bộ từ chối để cho Hơ-bia nằn nì mãi, mới nhận lời. Hôm ăn cưới không đi lấy nước kịp để đổ vào rượu cần, lợn chỉ múc một ống nước nhỏ nhưng rót mãi không hết.

Một hôm dân làng đi săn, lợn hỏi thì họ giễu cợt, Hơ-bia phải an ủi chồng, nhưng chuyến ấy dân làng chẳng săn được một con thịt nào, trừ một con đã bị hổ ăn mất một nửa. Đến lượt lợn cùng em vợ đi săn thì được thịt nai phơi đầy cả một nhà. Hôm khác dân làng đi dỗ voi, chỉ dỗ được một con voi què. Đến lượt lợn đi. Lợn trèo lên đầu con voi chúa đàn. Voi chúa chạy và làm đủ cách nhưng lợn vẫn không rơi. Sau voi lặn xuống suối một tháng để đuổi lợn, lợn ngâm măng cho thối bỏ lên đầu voi, bảo voi nếu lặn lâu thì thối mất đầu. Voi sờ lên thấy thối, tưởng thật bèn chịu hàng lợn, đem cả đàn voi về. Dân làng từ đấy mới phục lợn. Một hôm cùng vợ đi tắm, lợn nhường mãi không được phải tắm trước, Hơ-bia bèn giấu lốt, lợn đành phải làm người. Khi pơ-tao già, giao quyền và của cải cho lợn[1].

Đồng bào Ba-na (Bahnar) có hai truyện đều có phần giống với truyện *Chàng lợn* vừa kể. Truyện thứ nhất: *Nàng Hơ-lúi* (hơ-lúi = út).

Nàng Hơ-lúi mồ côi, chưa chồng, một hôm đi hái bông với bạn, nhân khát quá chạy vào rừng tìm nước uống. Tự nhiên có suối nước hiện ra cho nàng giải khát và tắm, rồi lại biến mất. Từ đấy có mang, bị bà đuổi lên rừng. Dù cũ, nàng đẻ ra một con cóc. Cóc nghiến răng thì trời chuyển động và có tiếng nói vang lên: "Phải mang con của Hơ-lúi về nuôi cho đến chết". Bà Hơ-lúi nghe thế, sợ quá, đem cóc về nuôi. Một năm trời đại hạn, mọi nơi đều khổ vì

1. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập II, đã dẫn.

thiếu nước. Giữa lúc cậu của cóc đến chơi, cóc nghiến răng, trời mưa như trút, cóc lại hóa làm chàng trai, được dân tôn làm tù trưởng và cưới vợ cho.

Một hôm cóc làm con diều sáo, thả lên tiếng vang rất xa làm cho Hơ-bia, con gái pơ-tao (tù trưởng) sinh ra tương tư. Pơ-tao cho người đi dò la để mua diều nhưng cóc không bán. Mời cóc đến chơi thì Hơ-bia hết bệnh, nhưng cóc đã có vợ, nên Hơ-bia đành phải xin bố cố mua cho được diều. Pơ-tao phải đem tất cả đàn súc vật: voi, trâu, bò, lợn, để đổi. Cóc làm phép bỏ đàn súc vật vào ống điếu của mình đưa về, từ đấy trở nên giàu mạnh.

Truyện thứ hai: *Cóc và Bia Phu.*

Con gái của bà Xóc-ia là Bơ-roong-hia phơi thóc ở đường cái. Voi của Dăm Phu đi qua giẫm phải. Bơ-roong-hia tức mình mắng chửi, nhưng vì sợ, hóa làm cái sọt. Đăm Phu tìm không được đái vào nồi cơm.

Bơ-roong-hia không biết, ăn phải cơm, tự nhiên có mang - hình ảnh này giống với các dị bản của truyện *Chàng lợn* ở trên - đẻ ra một con cóc. Một hôm bác cóc tới chơi. Nhà cóc nghèo, nhưng cóc đã làm cho một quả bầu có phép lấy gạo mãi không hết. Sau đó, cóc đòi theo về nhà bác, nhưng bác không cho vì sợ người ta cười. Cũng như truyện *Chàng lợn*, bác của cóc về dọc đường mấy lần phát hiện ra cóc ngồi trong ống tên của mình, mấy lần đuổi cóc về, nhưng rồi đâu vẫn hoàn đấy. Cuối cùng bác phải cho đi nhưng buộc cóc khi đến nhà mình phải ngồi trong buồng kín không được đi đâu. Cóc không đi đâu nhưng lại ước cho các cô gái kéo đến nhà bác nườm nượp để tìm mình. Cuối cùng bác cóc dành cho cháu ra tiếp. Trong số các cô gái, có Bia Phu đẹp nhất vùng quyến luyến cóc. Đêm ấy, cóc ước cho mọi người đi vắng, trừ Bia Phu. Nghe tiếng đàn của cóc-bấy giờ đã hóa thành chàng trai tuấn tú - ở nhà "rông", lòng Bia Phu không yên phải tìm cho thấy được người gảy, nhưng khi nàng đến thì chàng trai đã hóa thành cóc. Mấy lần đi đi về về đều như vậy, nhưng Bia Phu vẫn yêu cóc, dần dần sinh ốm tương tư. Thấy vậy, bố nàng cho mời các chàng trai đến nhưng chỉ làm cho bệnh thêm nặng. Khi cóc đến thì Bia Phu lại lành như không việc gì. Thấy con một hai đòi lấy cóc làm chồng, bố mẹ nàng đành phải gả rồi đuổi đi, sau khi làm lễ cưới rất đạm bạc. Nhưng cũng như truyện Ê-đê, đến một khu rừng, cóc hóa phép hiện ra nhà cửa, trâu bò, lúa gạo và nô lệ. Vợ cóc đẻ một trai gọi là Dăm Pen lớn như thổi.

Một hôm Bia Phu bảo con đi mời ông bà ngoại đến chơi. Ông bà ngoại bắt phải dắp một con đường lớn có voi đứng nối đuôi nhau mới chịu đi. Cóc hóa

phép làm ngay. Họ ở nhà rể ba ngày, được ăn toàn của ngon vật lạ. Khi ra về được rể tặng một con trâu bé tý, bố vợ cóc không thèm lấy, còn lấy điếu gõ vào đầu cho trâu chết, nhưng càng gõ, trâu càng lớn như thổi, cuối cùng to bằng con voi, phải nhận. Về sau khi ông bà ngoại mời cháu đến chơi, Đăm Pen cũng đòi họ phải làm như họ đã thách bố nó trước kia. Nhưng dù cố sức dắp, đường vẫn hẹp, voi thì không đủ. Khi Đăm Pen trở về, ông bà ngoại cũng tặng một con trâu mộng, nhưng nó không chịu nổi một cái gõ vào đầu bằng ống điếu của chàng[1].

Truyện của đồng bào Ka-dong: *Chàng cóc.*

Một nhà nọ có chín cô gái đẹp, trong đó có cô thứ ba là Di Dật đẹp hơn cả. Một hôm nhân khát quá, Di Dật thấy giữa hòn đá tảng có nước ngọt, bèn uống (thực ra đó là mưu kế của thần Nước). Từ đó nàng có mang đẻ ra một con cóc. Bị làng xóm đuổi, cô đưa cóc vào rừng, và nhờ phép của cóc, có hàng trăm người hiện ra làm rẫy cho.

Cóc xin đi chăn trâu dàn cho chúa làng. Ở đây mỗi lần chăn, có ném quả ké lên đầu trâu đánh dấu, và bảo trâu cứ ra đồng ăn lúa cho no, ăn xong cóc hóa phép cho lúa mọc như cũ. Sau ba năm, cóc lấy công một con trâu trắng (tức gà trắng), rồi hóa phép làm cho chỗ ở của mình thành một làng giàu thịnh đông đúc. Sau đó, cóc đi tìm bố (tức thần Nước) rủ bố đi xem hội đâm trâu để được gặp mẹ, và làm lễ cưới cho bố mẹ tại làng mình.

Cóc biến thành chàng trai đẹp đi kiếm vợ. Hai cô gái của Vu Dơ-ría rất đẹp tuy đã đính hôn với Dơ-róc Dơ-rây nhưng nghe tiếng cóc hát hai cô cũng như trai gái trong làng đều mê mệt, quên hết tất cả. Hôm Dơ-róc Dơ-rây làm lễ cưới, cóc làm cho hai cô gái theo mình. Tức giận Dơ-róc Dơ-rây làm một trận bão ghê gớm. Cóc hóa làm rắn chặn gió bão. Dơ-róc Dơ-rây định giết, bị cóc - bấy giờ đã hóa thành chàng trai to lớn - đánh bại. Hai bên còn đánh nhau suốt một năm, cuối cùng cóc chém được kẻ địch. Về dọc đường, cóc gặp Cầu-vồng là bố Dơ-róc Dơ-rây, lại đánh nhau. Sắp thua, cóc nhờ mưu mẹo của bồ câu, chém được Cầu-vồng đổ sụp, tước lấy bình phép. Cóc còn tiếp tục đánh nhau với Hàm-răng-ma, và sau đó, đánh với thằng lùn cũng đều nhờ bồ câu mà thắng lợi. Sau chiến công đó, cóc làm cho làng trở lại giàu thịnh và cưới hai cô gái của Vu Dơ-ría làm vợ[2].

1. Đều theo *Truyện cổ Ba-na*, đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập III, đã dẫn.

Truyện của người Mèo: *Ếch lấy con vua.*

Có ba cô gái rủ nhau đi câu. Cô thứ ba gánh giúp cho một ông già tận tình hơn; ông già dặn cả ba cô câu được con gì thì giữ lấy mà nuôi, sẽ có ích. Hai cô kia câu được một tôm một cua về nướng ăn, chỉ có cô thứ ba câu được con ếch, đem về nuôi trong một cái hòm giấu không cho ai biết, hàng ngày lại cho ếch bú. Thấy con gái mình xanh xao, bố mẹ căn vặn, cô nói thực. Bị đuổi, cô mang ếch đi xa dựng lều lên ở. Ếch xin đi chăn trâu cho vua. Được ba ngày, ếch về đòi lấy con gái vua. Mẹ nuôi bảo hãy làm cho công chúa bằng lòng đã. Nhờ có tiếng nhị, ếch đã làm cho công chúa mê, nhưng mấy lần công chúa đều không biết là ếch. Một hôm nàng giả vờ ẩn để rình thì thấy ếch hóa thành một chàng trai kéo nhị; thấy động, chàng trai lại chui vào lốt ếch. Ếch lại về bảo mẹ đi hỏi công chúa cho mình. Mẹ đi lại mấy lần đâm ngại, bèn quay về nói dối là vua không gả. Sau cùng, vì sợ ếch liều mình, mẹ phải đến nói với vua; vua lúc đầu không chịu gả, nhưng công chúa đòi ăn lá ngón, đành phải nhận lời. Một lần, có vua nước láng giềng mang quân xâm lược. Nhờ có rể ếch, vua thắng trận, về sau vua nhường ngôi.

Người Mèo còn có một truyện khác *Chàng rắn* kết hợp một phần truyện *Lấy chồng dê* với một phần truyện *Tấm Cám*:

Một ông già vợ chết sớm sinh được ba cô gái. Một hôm, vì kiệt sức không bẩy nổi hòn đá, ông bèn ước: -"Giá có ai giúp, ta sẽ gả cho một đứa con gái". Một con rắn hiện ra xin làm giúp, và sau khi công việc xong, nó giục ông thực hiện lời hứa. Đưa rắn về, ông già lần lượt hỏi ý kiến các con, chỉ có cô gái thứ ba ưng thuận, hai bên thành vợ chồng. Rắn cũng hóa thành người. Ông già một hôm bắt được lốt rắn bèn giấu đi. Hai vợ chồng đẻ được một trai, đặt tên là Măng Dư.

Hai chị thấy chồng em dẹp bèn lập kế giành. Ở đây họ không rủ em đánh đu mà rủ đi cắt cỏ ngựa, rồi đẩy xuống hang cho chết. Rắn về thì chị cả đã nằm sẵn ở giường. Rắn hỏi: -"Sao chị lại nằm ở đây?" - "Tôi là vợ anh, anh hoa mắt hay sao?" -"Nếu là vợ thì mang giỏ cá mọi ngày lại đây xem có đúng không?". Chị cả mang lại, rắn bảo không đúng. Đáp: -"Giỏ mọi ngày mèo thấy mùi tanh tha đi rồi". Măng Dư lại nói: -"Mẹ mọi ngày vào cửa vừa lọt, hôm nay sao vào cửa còn rộng". Đáp: -"Vì mẹ làm nhiều nên gầy". Tuy vậy, rắn cũng ăn ở với chị cả, đẻ được một con. Từ đây truyện giống với phần cuối truyện *Tấm Cám*. Vợ rắn hóa làm chim, một hôm bay đến cửa gọi con: -"Chị của mẹ giết mẹ tranh chồng". Con mách với bố. Rắn bảo chim: -"Có phải vợ thì đậu xuống đây". Chim đậu vào tay, rắn mang về nuôi ở buồng. Chị cả bắt

chim làm thịt, cho con mình một miếng, Măng Dư một, và dành cho chồng một. Rắn về hỏi, thì đáp: -"Vì chim mổ mắt con nên làm thịt". Rắn ném miếng thịt vào bếp, miếng thịt hóa thành cái kéo. Một bà hàng xóm đi xin tro xúc cả kéo đưa về. Hàng ngày kéo cũng hóa thành người từ trong tráp chui ra, dọn dẹp nhà cửa lo cơm nước sẵn sàng. Bà già cũng giả vờ đi, rồi nửa đường lộn về bắt được, từ đấy nuôi làm con. Măng Dư sang chơi, thấy giống mẹ bèn về mách bố. Bố bảo con nhổ trộm một sợi tóc đưa về. Khi biết là vợ, rắn bảo con tìm cách dẫn về. Hai vợ chồng gặp nhau, nhưng vẫn còn giấu hai chị. Rắn bảo vợ hàng ngày cài cửa buồng lại. Một hôm vợ quên đóng cửa, cả hai chị đều vào. Chúng nó ngỏn ngoẻn: -"Em làm cách gì mà tóc dài đẹp thế?". Đáp: -"Nấu một chảo nước thật sôi, bắc ba cái ghế đứng lên rồi xõa tóc mà gội". Hai chị tranh nhau trèo, ghế đổ, rơi vào chảo chết tuốt[1].

Kiểu truyện kết hợp như trên cũng phổ biến ở một số dân tộc. Chẳng hạn truyện của đồng bào Thổ (Tày): *Vợ chàng rắn*.

Một ông già có hai (có người kể bốn) cô gái. Một hôm đi tát nước, bỗng thấy có một lỗ rò làm cạn hết nước đã tát. Lấp thế nào cũng không ăn thua. Ông bèn ngồi dè lên, bỗng như có cái gì giữ chặt không cất mình lên được. Ông khấn: -"Nhà tôi có con gái, tha cho tôi, tôi sẽ gả cho một đứa". Một con rắn theo ông già khi ông về. Cũng như truyện trên, chỉ có cô út bằng lòng lấy rắn. Rắn cũng bỏ lốt thành người, và cuối cùng cũng bị vợ giấu lốt. Hai vợ chồng đẻ được hai con. Cô chị cũng ghen tức khi thấy chồng em đẹp trai nên cũng lập tâm giết em bằng cách bảo em trèo khế hái quả rồi chặt cây cho rơi xuống ao chết đuối. Rồi chị cũng ăn mặc giả làm em về nhà ở với chàng rắn, mặc dầu bị cả nhà hắt hủi vì họ biết không phải vợ rắn.

Trong ao mọc lên một hoa sen trắng, một hôm người giữ ngựa cho chàng rắn đi qua, nghe có tiếng gọi từ ao: -"Anh cắt cỏ ngựa, anh có thấy hai đứa con tìm mẹ và chồng tìm vợ không?". Lấy làm lạ, anh về kể cho chủ biết. Chàng rắn đến, nghe tiếng vợ bèn lội xuống ao ngắt hoa sen đem về, ngắm không chán mắt. Thấy vậy, cô chị rứt cánh hoa quẳng đi, một con gà ăn cánh hoa. Chàng rắn nuôi gà trong một cái lồng đẹp hàng ngày chăm chút. Gà lại bị giết thịt. Chàng rắn không ăn thịt mà ném ở sau nhà, lại mọc lên một cây khoai sọ. Khoai sọ đến lượt bị dào nấu cho lợn ăn. Nhưng hễ cô chị đứng phía nào thì nồi sôi tung tóe làm bỏng chân. Giận quá, cô chị đổ hết ra sân. Lại mọc lên hai cây tre có bóng mát. Chàng rắn ngày ngày ra hóng gió. Tre lại bị chặt làm sào mắc màn. Lúc nào cô chị mắc màn, sào cũng đâm vào mặt. Sào

1. Đều theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, đã dẫn.

lại bị quẳng vào lửa. Khói um lên làm cô chị đau mắt, nên giận quẳng ra đường. Một bà già đi qua nhặt về làm khung cửi. Mỗi lần bà đi vắng vải không ai dệt tự nhiên cứ nhiều thêm. Bà già rình thì bắt chộp được một cô gái đang dệt: -"Tôi chỉ có thịt không có xương, hãy lấy đũa cả và nhiều dũa con sắc nước cho tôi uống thì mới cứng cáp như mọi người được!". Từ đó cô gái - vợ rắn - làm bạn với bà già và chẳng bao lâu lại tái ngộ với chồng và con. Ở đây cũng có đoạn kết thúc: cô chị nghe lời em nấu nước sôi tắm để được đẹp như em nhưng bị rơi vào nồi, chết[1].

Một số truyện sau đây cũng phổ biến ở nhiều dân tộc, có kết thúc mang tính chất khôi hài, nhưng chủ yếu vẫn là những dị bản của kiểu truyện *Lấy chồng dê.*

Truyện *Lấy chồng lang* của đồng bào Thái, Nghệ-an:

Một chủ đất sinh được ba cô gái. Một hôm đi gánh mạ cấy, ông già cất gánh không nổi, mới ước: "Có ba con gái mà không ai lấy cả, để có thằng rể nó giúp đỡ ta. Ai gánh hộ gánh này ta sẽ gả cho một đứa". Bống nghe sau lưng có tiếng nói: -"Có thực thế thì để tôi gánh cho" -"Ai thèm nói láo". Nhưng khi ngoảnh lại thì chỉ thấy một con lang, ông cũng để cho nó gánh. Lúc về nhà ông cũng lần lượt hỏi ý kiến ba con, chỉ có cô thứ ba ưng thuận. Hôm cưới, lang vào buồng trút lốt, thành một chàng trai đẹp. Hai vợ chồng yêu nhau và nhờ chồng lang chăm làm, họ trở nên giàu có.

Hai chị thấy thế tiếc quá, một cô bèn bảo bố tìm cho mình một con lang làm chồng. Người bố nhờ dân làng đi săn được một con đưa về. Đêm động phòng, lúc đầu bố nghe con từ trong buồng gọi ra: -"Ối bố, nó lấy móng cào chân con". Bố đáp: -"Nó giỡn chơi chứ can gì". Một lát lại nghe: -"Nó cào hai cánh tay con". -"Nó giỡn ấy mà". Lại một lát: -"Nó cào ở hông, lòi ruột ra rồi, con chết mất" - "Sắp đến lúc con thỏa lòng ao ước đó". Lâu rồi không thấy con gọi nữa, người bố cho là con đã ngủ yên với chồng, nhưng sáng dậy mới biết là con đã chết mà lang thì trốn biệt[2].

Truyện *Chàng dê* của dân tộc Mèo:

Một con dê thần có nhiều phép biến hóa, một hôm giũ lốt dê vào nhà một ông quan có hai cô gái đẹp, hỏi một cô làm vợ. Dê nói mãi, quan bất đắc dĩ gọi hai con gái ra hỏi. Cô chị chê, cô em ưng thuận. Quan đòi nhiều vàng bạc châu báu mới gả. Sáng dậy đã có đủ, lại có cả tiệc dọn toàn của ngon vật lạ đãi họ

1. Theo Lê Doãn Vỹ. *Sách của trẻ nhỏ*, số 15 (1940).
2. Theo *Bản khai của tổng Quỳ-dương*, đã dẫn.

hàng. Dê ở gửi rể, tối là người, ngày là dê. Một hôm vợ nhân chồng ngủ say lấy lốt dê đốt đi. Từ đấy vĩnh viễn là người, sinh con đẻ cháu đông đúc. Người ta nói ngày nay họ Giàng (do chữ dương - dê) là dòng dõi của dê thần.

Còn cô chị thấy em sung sướng, tiếc quá, đòi bố lấy chồng dê. Một hôm có con dê thật đến, cũng như truyện trên, cô bắt lên giường, nó nhảy lung tung, dạp rách chăn màn, xô đổ đồ đạc, lại húc cô ngã lăn phải kêu cứu[1].

Một truyện *Lấy chồng dê* khác của người Việt sưu tầm trong thời gian gần đây:

Có hai chị em Dương và Bạch ở chung nhau. Chị xấu hơn em cả về nhan sắc lẫn tính nết, thường ghen tị và bạc đãi em. Một hôm, cả hai cùng đi dự hội nhà vua tuyển cung phi. Em trúng tuyển. Khi Bạch đi qua khu rừng để tiến cung thì Dương đội lốt beo bất thình lình nhảy ra vồ Bạch, làm cho Bạch sợ hãi quay trở về. Trong khi đó Dương lên đường vào cung nói dối mình là Bạch, nhưng không đắt vì vua thấy xấu xí, đuổi về.

Một hôm Bạch đốt than để sưởi, làm cháy mất chăn của Dương, bị Dương đuổi ra khỏi nhà. Dọc đường Bạch gặp một con dê lông vàng. Dê bảo nàng theo mình rồi đi kiếm hoa quả cho nàng đổi gạo. Thực ra dê chính là người nhà trời bị Ngọc Hoàng bắt làm kiếp dê vì có tội. Đến hôm hết hạn, dê trút lốt trở thành một chàng trai tuấn tú. Hai bên kết thành vợ chồng sống sung sướng giàu có.

Dương ngày một nghèo khổ, nghe tin Bạch có chồng giàu thì đến nhà nhờ vả và hỏi thăm. Nghe Bạch kể, Dương cũng hy vọng được như em, bèn mua một con dê dực lông vàng về ở chung. Nhưng dê này đã làm cho cô ả nhiều phen xấu hổ, làm cô toan treo cổ tự tử. Vừa lúc vợ chồng Bạch tới cứu và sau đó giúp cho nàng làm lại cuộc đời[2].

---

1. Theo *Truyện cổ tích dân tộc Mèo*, sách đã dẫn.

2. Theo *Truyện cổ dân gian Việt-nam*, tập I. Cũng một kết thúc giống với các truyện trên (nhưng có đảo ngược về nhân vật), dân tộc Xăng-tan (Santanne Parganatte) ở Băng-la-đex (Bangladdesh) có một truyện đại khái có một anh chăn cừu trẻ tuổi, một hôm thấy một con chó cái tự nhiên cởi lốt chó thành người, đi ra sông tắm. Khi đến tuổi lấy vợ, anh chỉ xin bố mẹ lấy con chó nọ làm vợ. Vì thấy anh khăng khăng giữ ý mình, người ta cho anh có linh hồn chó nhập vào, bèn giúp cho anh toại nguyện. Lễ cưới cử hành trong tiếng xì xào của mọi người. Một đêm nọ khi vợ cởi lốt chó anh vội vứt lốt vào lửa. Chó đành phải mang lốt người. Mọi người chúc mừng anh có vợ xinh đẹp. Một chàng nọ thấy bạn tốt số cũng muốn được như vậy. Bèn cũng tìm một con chó cái và xin bố mẹ cưới cho mình làm vợ. Nhưng đêm động phòng, chó cắn dữ dội đành phải thả đi. Bị mọi người chế nhạo, anh buồn bực thắt cổ tự tử. (Theo Bôm-pát (Bompatte): *Văn học dân gian của người Xăng-tan Pác-ga-nát*).

Truyện sưu tầm ở Miến-điện (Myanmar): *Hoàng tử rắn.*

Một bà già thích ăn quả vả, thấy một con rắn nằm vắt ở cành, bèn bảo nó rung cây cho mình nhặt, hứa sẽ gả con. Được ăn, bà già lờ đi tuốt. Lần lượt gặp cừu, cá chép, gà trống bà cho mỗi con một quả, dặn có ai hỏi thì trả lời: -"Không có ai qua đây cả". Rắn đuổi theo, dọc đường hỏi thăm mấy con vật trên, chúng nó giấu nhưng giấu không nổi. Vào nhà bà già, rắn quấn vào tay đòi giữ lời hứa. Bất đắc dĩ bà già lần lượt gọi ba con gái ra hỏi. Chỉ có cô ba ưng thuận. Bà cho rắn nằm trong bồ treo ở đầu giường. Khi rình thấy rắn trút lốt thành người thì bà bèn lấy quẳng vào lửa. Rắn cho biết mình là con vua Núi phạm tội hóa rắn, chỉ khi gặp người nào lấy làm chồng mới trở thành người. Từ đó người ta gọi là hoàng tử rắn.

Hai chị hối tiếc, buộc mẹ đi tìm rắn làm chồng. Bà già lên núi bắt được con trăn đang ngủ mê đem về bỏ bồ treo đầu giường chị cả. Đêm lại trăn tỉnh giấc nuốt cô gái. Bắt đầu nuốt chân, cô gái kêu: -"Ôi! Rắn cắn chân con". Bà già trả lời: -"Nó đùa đấy". Một lát: -"Nó ăn đến đầu gối con" -"Nhảm nào" -"Ăn đến bụng rồi, con chết mất!" -"Không can gì". Không thấy tiếng con nữa bà già cho là con đã hết sợ chồng rắn. Lát sau vào thấy con trăn to phình nằm giữa nhà, bà già vội hô hoán ầm ĩ. Hoàng tử rắn chạy vào chặt đầu trăn rạch bụng cứu chị ra nhưng vì vấy máu trăn, nên hóa thành rắn trở lại. Tuy vậy, chỉ ít lâu chàng lại được trời cho trở thành người, vì có công liều mình cứu người.

Đoạn sau giống hẳn với kết thúc của truyện *Lấy chồng dê*. Hoàng tử rắn có việc đi vắng sau khi trao cho vợ đá lửa và dao, rồi hai chị bày trò đánh đu xô em và con em xuống nước; hai mẹ con lọt vào bụng cá, rồi phải sống ở hoang đảo và gặp lại chồng. Cuối cùng được chồng giấu vào hòm đem hòm biếu hai chị: hai tên gian ác kinh hoàng vì tận mắt thấy mưu gian bại lộ, đâm đầu xuống nước chết[1].

Truyện của đồng bào Tày *Con rùa vàng*:

Một người đầy tớ gái của chúa làng có mang vì nuốt phải chiếc cúc áo bằng vàng nhặt được. Cô sinh được một con rùa vàng trước sự hắt hủi của chúa làng. Cũng như Sọ dừa, rùa lớn lên bị chúa làng bắt đi chăn trâu, số trâu không thể đếm xuể. Rùa làm tròn phận sự. Các cô gái chúa làng không chịu đưa cơm cho rùa, trừ cô thứ năm. Nhưng ở đây rùa lại thường trổ tài bay lượn trên không cho cô năm xem và đưa cả cô bay lượn với mình. Khi ở trên không, cô thấy rùa hiện thành một chàng trai trẻ. Từ đó hai bên yêu nhau.

1. Theo *Truyện cổ tích Miến-điện*, sách đã dẫn.

Rùa giục mẹ đi hỏi con gái chúa làng làm vợ. Lần đầu bà mẹ sợ, lúc đến nhà không dám nói thật, chỉ nói đi xin lửa. Lần thứ hai nói thật, bị chúa làng bỏ lên gác bếp. Lần thứ ba, bà bị bỏ lên cối xay quay, nhưng đều được cô năm che chở. Lần cuối cùng chúa mới hỏi các con gái, nhưng cô nào cũng từ chối, trừ cô năm. Ở đây chúa làng thách cưới: một ngựa chín hồng mao, gà trống chín cựa và 12 ống mõ châu chấu. Bằng một tiếng nổ như sét, rùa hóa phép mọi thứ có đủ. Trong lễ cưới, rùa còn hóa phép làm cho buồng sáng như lửa, rồi lại làm cho mọi người câm một lát. Ở đây cũng có tình tiết các cô chị vợ đến rình ở buồng chú rể cô dâu, và khi thấy rùa là một chàng trai đẹp thì về đòi chúa làng lấy cho mình mỗi người một tấm chồng rùa. Họ quả lấy được rùa thật, gây cười cho mọi người.

Sau đó vì ghen tức, các cô chị vợ mưu giết em rể rùa, bèn đặt bẫy ở đường đi. Rùa vàng mắc bẫy, máu chảy thấm cả áo. Đưa áo cho vợ, rùa dặn lúc nào mình sắp chết thì mặc áo vào sẽ được lên trời, vợ chồng sẽ gặp nhau. Vợ rùa sau đó được một ông tiên mách đường lên trời. Dọc đường nhờ được xem một cuộc chiến đấu giữa cáo và rắn, nàng tìm được vỏ cây cải tử hoàn sinh. Mang vỏ cây đi, nàng cứu được nhiều người và vật sống lại. Một hôm nàng chữa cho một chàng trai khỏi chết mà không biết đó là chồng. Nàng đem áo chồng lên đầu suối để giặt. Dòng nước có máu trôi xuống quyện lấy chân chàng trai. Biết là máu của mình, anh đi ngược dòng tìm gặp vợ. Hai vợ chồng mừng rỡ, từ đó ở lại cõi trời. Ông mặt trời bảo hai vợ chồng rùa xuống cõi trần hun chết bốn cô chị gian ác. Cho nên từ đó về sau, cứ đến ngày 22 tháng Sáu là ngày mặt trời nóng hơn cả[1].

Một loạt truyện khác cũng là dị bản của truyện *Lấy chồng dê* và *Sọ dừa* nhưng ở đoạn kết, hai vợ chồng bị chia ly vĩnh viễn (hoặc một thời gian) vì người vợ đốt bỏ lốt vật(hoặc lộ bí mật) của chồng.

Truyện *Lấy chồng dê* trong *Nghìn lẻ một đêm*:

Một ông vua cho ba nàng công chúa kén chồng bằng cách ném khăn vào đám hội thanh niên, khăn rơi vào ai thì người ấy sẽ là chồng. Riêng công chúa thứ ba lần lượt ném ba lần đều rơi trúng đầu một con dê. Nhưng khi động phòng hoa chúc thì dê biến thành một chàng thanh niên tuấn tú. Chồng dặn vợ chớ tiết lộ bí mật, nếu không sẽ có nguy cơ chia ly. Một hôm nhân ngày sinh nhật vua, người ta tổ chức đấu võ: hai người chồng của hai công chúa chị

1. Theo *Truyện cổ tích miền núi*, đã dẫn.

thắng tất cả mọi người, nhưng không ngờ bỗng xuất hiện một thanh niên lạ mặt đánh cho hai người kia thua. Ba lần chàng thanh niên giật giải là ba lần công chúa ba ném hoa vào người. Việc đó làm cho vua cha nổi giận vì cho rằng công chúa ba phải lòng chàng trai lạ mặt. Bất đắc dĩ, nàng phải thú thật.

Nhưng từ đó không thấy chồng dê trở về, công chúa ba sau những ngày than khóc, mở một nhà tắm cho tất cả phụ nữ đến tắm không phải trả tiền nhưng buộc mỗi người kể một chuyện về nỗi khổ của mình. Một bà già đến tắm cho biết một hôm bà đang cởi áo tắm ở suối, bỗng thấy một con lừa đeo hai cái cong không có người đi theo. Bà ta liền theo gót con vật, thấy nó vào một cái hang, sau khi đạp chân ba lần trên một tảng đá. Bước vào, thấy bếp ăn rất sang, mùi thơm ngào ngạt nhưng không có người. Bà đụng đến món nào cũng có tiếng nói phát ra: -"Không được, món này là của bà chủ tôi". Bà vào đến một phòng, bỗng thấy có bốn mươi con dê, trong đó có một con đầu đàn biến thành người. Họ ngồi than thở, vì bà chúa không đến được. Sau đó họ lại biến thành dê và đi ra. Nghe chuyện, công chúa ba bảo bà già đưa mình đến nơi đó, quả được gặp chồng[1].

Một truyện khác của người Mèo *Nhảy vào lửa cứu chồng*:

Có hai chị em sinh đôi cùng đi lấy chồng trong một ngày. Cả hai đều không có con mới rủ nhau lên núi cầu tiên. Một ông cụ xách hai lồng gà nặng nhờ họ xách giúp. Em nhận lời ngay, nhưng khi mỏi tay trao cho chị, chị không xách. Nghe họ kể nỗi hiếm hoi, ông cụ lấy ra một bông hoa tươi, một bông hoa héo, dặn mỗi người chọn lấy một rồi ủ ở đầu giường. Chị chọn hoa tươi, mấy ngày sau nở ra sâu róm, đem đi giết; em lấy hoa héo, nở ra một con rùa, đem nuôi. Lớn lên, rùa bắt đi hỏi con gái chúa đất. Chúa đất thách cưới nặng (ví dụ rải nhiễu trên đường đi, 1.000 ngựa quý, 800 lợn béo, v.v...). Rùa biện đủ. Khi đón dâu về, rùa nghỉ dưới chân giường.

Nhưng rùa lại hóa thành chàng trai tuấn tú hàng ngày cưỡi ngựa theo vợ đi chợ, cùng nhau hát xướng mà không cho vợ biết. Về sau nhờ bạn mách, biết được rùa cởi lốt thành người, và biến hòn đá trắng trước nhà thành ngựa, một hôm vợ bèn lẻn về trước, đem mai rùa quẳng vào bếp. Chồng về thấy mất lốt, than: -"Trời bắt ta phải làm kiếp rùa chín năm, nay chưa hết hạn mà lốt đã cháy". Bèn nhảy vào đống lửa, vợ cũng nhảy theo cứu chồng. Trời thương tình cứu sống và tha tội cho cả hai[2].

Truyện *Chàng kỵ mã* của Mông-cổ:

1. *Nghìn lẻ một đêm* (bản dịch tiếng Pháp của Ga-lăng (A.Galland)).
2. Theo *Truyện cổ dân gian Mèo*, đã dẫn.

Hai vợ chồng nhà nọ nghèo, hiếm hoi, cầu thần mãi mới có mang nhưng lại sinh ra được một con nhái. Được ba năm, một hôm nhái bảo mẹ làm bánh cho mình để tới dạm một trong ba cô gái con quan làm vợ. Gặp quan, nhái ngỏ lời cầu hôn nhưng thấy quan từ chối, nhái bảo: -"Nếu quan không bằng lòng thì tôi sẽ cười". Quan sẵn sàng cho nhái cười, không ngờ mỗi tiếng cười của nhái làm cho đất rung chuyển, nhà cửa cơ hồ muốn đổ, quan buộc phải hứa gả cô gái lớn để nhái thôi cười. Nhưng cô gái lớn không bằng lòng nên lúc theo nhái về, cô cho ngựa nhảy vào người nhái để ngựa dẫm cho chết, lại ném thót cối vào người nhái. Nhưng nhái tránh được và dẫn cô trả lại quan, đòi gả cô khác, không thì sẽ khóc. Khi nhái khóc thì trời mù mịt, nước đổ ầm ầm tràn ngập khắp nơi, quan buộc phải gả cô thứ hai. Cũng như cô chị, cô thứ hai lúc theo nhái về cho ngựa giẫm và ném thót cối vào người nhái. Nhái lại dắt cô đi trả và đòi gả cô thứ ba, không thì sẽ nhảy. Rồi nhái nhảy làm cho núi lở cát bay, nhà cửa lâu đài lung lay. Quan đành phải gả cô thứ ba. Cô này bằng lòng lấy nhái.

Một hôm trong vùng mở hội, cả nhà đều đi dự, trừ nhái. Đến ngày cuối cùng có cuộc đua ngựa nước rút, người ta thấy xuất hiện một chàng trai áo xanh cưỡi ngựa xanh, có yên cương quý đến đua với các kỵ sĩ đã thắng cuộc. Chàng đi sau, nhưng về đích trước tiên. Không những thế, trong khi đua, chàng còn ba lần bắn chết ba con diều hâu và hai lần xuống ngựa ngắt hoa ném tặng người dự. Nhưng khi mặt trời gác núi thì chàng đã phóng ngựa quay về bỏ mặc sự mời mọc đón chào của mọi người. Sau đó, cả nhà đi dự hội mới trở về, họ không ngờ chàng nhái cũng biết mọi việc xảy ra ở đám đua ngựa.

Năm sau đến ngày hội, mọi việc cũng xảy ra như trên làm cho vợ nhái ngờ ngợ đó là chồng mình.

Năm sau nữa, đến ngày hội cũng thế, nhưng vợ nhái thình lình nửa chừng về nhà thì thấy chồng vắng mặt, chỉ bỏ lại một tấm da nhái. Nàng bèn đốt cháy tấm da. Khi chàng áo xanh - chồng nàng - cưỡi ngựa trở về thì da đã hóa tro. Chàng nhái cho vợ biết chàng là con thần đất, vì sức lực còn non, không có da sẽ không chịu nổi giá rét, trừ ra nếu đi cầu thần được ba việc thì sẽ sống. Thần hứa cho vợ nhái nhưng lại bắt nàng phải đem ba điều đó thông báo từng nhà cho mọi người biết trước khi trời sáng mới được. Việc báo tin này, vợ nhái không làm tròn vì bị bố nàng cản trở. Thế là chàng nhái chết, vợ nhái cũng biến thành đống đá trước mộ[1].

Người Ấn-độ có năm truyện:

1. Theo *Truyện dân gian Trung-quốc*, đã dẫn.

1. Một người vợ vua đẻ được một con trai giống khỉ. Lớn lên khỉ thỉnh thoảng trút lốt đi chơi. Thấy chàng trai ấy thắng nhiều trong cuộc thi, một nàng công chúa nước khác dò biết, bèn dòi bố mẹ cho lấy hoàng tử khỉ làm chồng. Lễ cưới xong, đêm lại khỉ trút lốt thành người đến với công chúa, và dặn vợ tuyệt đối chớ tiết lộ. Một hôm khỉ đi dự hội, trút lốt cất ở dưới gối.

Công chúa nói sự thật với mẹ chồng. Mẹ chồng khuyên nàng dâu đốt bỏ. Đang đốt, công chúa thấy chồng hốt hoảng trở về trách vợ, nhưng rốt cuộc chồng vẫn không việc gì.

2. Một cô gái tên là Tu-li-sa con một người tiều phu nghèo, một hôm đi nhặt củi gần một cái giếng hoang giữa rừng, bỗng nghe một tiếng từ dưới giếng vọng lên: -"Có muốn làm vợ ta không?" Cô gái sợ, bỏ về. Lần khác qua đó lại nghe như thế, bèn về kể với bố mẹ. Bố dặn con trả lời: -"Việc ấy cứ hỏi bố tôi". Sau khi nghe cô gái nói thế, tiếng nói dưới giếng lại đáp: -"Bảo bố cô đến đây!" Khi ông bố đến, người bí mật hứa sẽ làm cho ông giàu có nếu ông gả con cho y. Người bố ưng thuận. Người bí mật đưa Tu-li-sa đến một lâu đài đẹp, nhưng cô chỉ thấy chồng vào ban đêm mà thôi. Chồng dặn vợ cấm nhận người lạ vào nhà, nhưng một hôm vợ lại đưa một bà già vào. Bà già hỏi chồng tên gì, nàng không nói được. Nghe lời xui, tối vợ lại hỏi tên chồng, chồng đáp: -"Nếu ta nói thì nguy mất". Nhưng do vợ nài mãi, chồng đưa vợ đến sông, rồi xuống nước, ba lần bảo vợ có thôi hỏi nữa không. Vợ vẫn không nghe. Chồng nói: -"Ta là Bát-xơ-nắc Đau". Rồi biến mất, được một lát nổi lên một cái đầu rắn. Vợ trở lại lâu đài thì lâu đài cũng đã biến mất, đành trở về, hai cha con lại nghèo như trước.

Sau đó Tu-li-sa cứu sống một con sóc. Một hôm sóc đến tìm, ra hiệu bảo nàng đi theo mình vào rừng. Đến một nơi, nàng nghe những con sóc nói với nhau, mới biết chồng mình là vua rắn bị bà mẹ thù oán từ ngày làm vua. Biết rằng quyền sẽ lại về tay, nếu vua rắn nói rõ tên cho một người trần thế biết, nên bà mẹ sai bà già làm mẹo cho vợ vua rắn giục chồng nói tên ra. Những con sóc còn nói: nếu tìm được trứng chim hu-ma mà ấp vào lòng thì vợ chồng sẽ trở lại hạnh phúc. Nhưng còn phải đến gặp mẹ vua rắn chịu qua nhiều thử thách mới được. Tu-li-sa nhờ sóc tìm được trứng chim và đưa đến nhà mẹ chồng. Thử thách đầu tiên là tìm ra một bình thủy tinh đựng một ngàn hương thơm (trước khi đến, nàng đã giúp việc cho một con ong nên nó giúp cho nàng việc này trót lọt). Hai là nhận một vại đầy hạt cải, nhưng phải lấy ra những trang sức đẹp (nhờ sóc giúp). Khi trứng ấp xong nở ra chim. Con chim này

bay đến mổ vào mắt một con rắn xanh đang quấn cổ mẹ vua rắn. Phép mầu tự nhiêm bị phá. Bát-xơ-nắc Đau trở lại làm vua rắn và cưới Tu-li-sa[1].

3. Một cô gái đi tìm trâu lạc đến một lâu đài, lần lượt qua bốn cửa: đỏ, vàng, xà cừ, mã não. Cô vào một phòng đẹp, trên bàn có nhiều trang sức đắt tiền. Một con chim lớn lông trắng bảo lấy nó thì nó sẽ tìm trâu cho. Cô từ chối trở về. Ngày mai cô thứ hai và ngày sau nữa đến lượt cô thứ ba đến đều gặp những việc như trên. Cô sau này nhận lời ở lại.

Ít lâu sau trong một ngày lễ lớn, một bà già nói với cô là có một chàng kỵ sĩ nào đó được mọi người trầm trồ, chẳng qua là con chim - chồng cô - biến thành. Vậy muốn giữ mãi dạng người thì phải đốt cái nhà chim (vô-jen-hu-jơ). Cô đốt, chim hiện ra nói: -"Ôi, đó là hồn ta, ta chết mất!". Chim biến đi, trở về xứ thần và quỷ.

Vợ bỏ đi tìm chồng. Trải qua nhiều gian khổ, vợ gặp chồng trên lưng có một gói giày. Hỏi thì chồng bảo là phải xách nước cho thần và quỷ dùng, nên đi vẹt hết rất nhiều giày. Muốn chồng trở về phải sửa lại "cái nhà chim" và gọi hồn về. Cô gái trở về làm theo lời dặn, quả chồng lại xuất hiện[2].

4. Vua Prê-ma-xê-na có một công chúa đẹp tên là Ma-đa-na-rếch-kha và hai con trai nhỏ. Một hôm, hoàng tử anh ở trên bờ sông bỗng nghe có tiếng: -"Nếu vua không gả con cho ta, tai họa sẽ đến cả thành phố và vua". Lúc về kể lại nhưng không ai tin cả. Đến lượt hoàng tử thứ hai lại nghe tiếng nói trên. Vua hỏi các cố vấn, cố vấn bảo cho người đến sông nọ hỏi câu: -"Là thượng đế, là thần hay là người?". Hỏi xong liền có tiếng đáp: -"Ta là người gác cửa thần In-đờ-ra vì có tội phải thác sinh ở thành này làm một con lừa ở nhà một người thợ gốm. Hãy gả công chúa cho ta không thì tai họa". Vua hứa gả sau khi buộc thần làm cho một bức tường đồng bao bọc lấy thành và dựng một lâu đài. Sáng hôm sau có đủ. Thần được vợ bèn trút lốt thành người. Công chúa lấy làm sung sướng. Hoàng hậu một hôm đến thăm biết thế, bèn ném lốt vào lửa. Thần về tìm mãi không ra, bảo vợ:

---

1. Người Tô-xcan (Toscane) (Ý) có một truyện mở đầu giống với truyện này. Đại khái có một con rắn thần hỏi một người tiều phu đòi lấy một trong ba cô gái, nếu từ chối thì sẽ mất đầu. Cô Út nhận lời. Rắn mang cô đến một lâu đài, biến thành một chàng trai (không phải trút lốt) gọi là Xor Phi-o-răng-tơ và dặn vợ không được hở cho ai hay, nếu không sẽ nguy hiểm. Nhưng trong khi thăm chị, cô buột miệng nói đến tên chồng. Tự nhiên lâu đài và chồng biến mất.

2. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren*, sách đã dẫn, tập II.

- Thế là ta phải về trời vì lời rủa đã mất linh nghiệm. Nói xong biến mất[1].

5. Hai vợ chồng người Bà-la-môn không con. Cầu cúng mãi, cuối cùng vợ đẻ một con rắn. Sau đó người Bà-la-môn hỏi con gái một người Bà-la-môn khác cho rắn làm vợ. Sau khi cưới, đêm lại rắn trút lốt thành một chàng trai xinh. Sáng dậy người Bà-la-môn vào buồng thấy lốt rắn bèn nhanh tay chụp lấy, ném vào lửa[2].

Truyện *Pxi-sê* (Psychée) trong thần thoại Hy-lạp (Grèce):

Một ông vua có ba nàng công chúa, trẻ và đẹp nổi tiếng là công chúa ba Pxi-sê. Hai chị đều đã lấy các hoàng tử. Bấy giờ có một lời phán truyền bảo công chúa ba phải kết duyên với một con quái vật hình giống rắn ở trên núi. Sau đó thần Gió Dê-phya (Zéphyre) đưa công chúa ba lên núi vào một lâu đài, thành vợ một người lạ mặt, chỉ đêm mới xuất hiện, nhưng nàng không bao giờ được nhìn mặt chồng. Công chúa sống sung sướng, sau đó nàng đòi được gặp chị mình. Chồng cho gặp nhưng dặn phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu không sẽ đau khổ. Dê-phya đưa công chúa chị đến. Em kể cho chị biết. Chị ghen với số phận của em, bảo em phải giết y, không thì rắn sẽ ăn thịt mất. Đêm, khi chồng ngủ, công chúa cầm dao nhọn và ngọn nến soi xem mặt chồng thì một giọt nến bất ngờ chảy xuống vai chồng (đó là thần Ái tình, Qui-pi-đông (Cupidon)). Tỉnh dậy, chồng biến mất không trở lại. Tìm khắp nơi không thấy, công chúa phải cầu cứu với thần Vê-nuyx (Vénus). Vê-nuyx vì thấy công chúa dám lấy con mình, bèn bắt làm mấy việc: 1) nhặt các thứ hạt trộn lẫn lộn (một con kiến đã giúp công chúa việc này); 2) lấy một nhúm lông vàng của những con cừu hung dữ (một cây sậy giúp); 3) mang một cái hộp xuống địa ngục xin hoàng hậu Prô-déc-pin (Prozerpine) cho một ít sắc đẹp. Nhờ có cái tháp bày cho, lấy được, nhưng do tò mò mở ra xem nên một giấc ngủ triền miên đột nhiên đến với công chúa, may nhờ Qui-pi-đông kịp thời thức cho tỉnh dậy. Vợ chồng lại gặp nhau.

Một loạt truyện sau đây có một số tình tiết khác biệt nhưng cũng đều xoay quanh đề tài người chồng kỳ diệu.

Truyện Pháp *Con sói trắng*:

Một người sắp đi du lịch, cô con gái cả xin cha đưa về cho mình một cái áo đẹp, cô thứ hai cũng thế, chỉ có cô thứ ba thì xin một đóa hoa hồng biết

1. Trong sách *Ba mươi hai truyện về ngai vàng* (Sinâsava-dva-trinçikâ).
2. Trong *Năm sách dạy trẻ (Panchatantra)*.

nói. Hỏi khắp nơi không ai biết cả, người ấy tự nghĩ: -"Nếu không có thì sao con ta lại đòi". Cuối cùng đi đến một lâu đài nghe trong có tiếng hát. Tìm mãi mới thấy cửa, ông tiến vào sâu, thấy có một cây hồng có hoa đang hát, khắp nơi không một bóng người. Ông ngắt một bông. Bỗng có một con sói trắng hiện ra nói: -"Ai cho phép ngươi đến đây hái hoa, vậy là ngươi phải chết!". Đáp: -"Tôi xin trả lại hoa" -"Không được, đã bẻ là phải chết". Thấy người nọ phân trần mình hái cho con gái, sói nói: -"Ta tha cho, nhưng phải đem đến đây người mà ngươi gặp đầu tiên lúc về". Người mà ông gặp đầu tiên không ngờ lại là con gái út. Nghe bố kể xong, cô nói: -"Con sẽ đi chết thay cha". Cha con lại dắt nhau đến. Sói bảo: -"Ta là Tiên, bị giam, thành ra thế này, vậy phải hết sức giữ bí mật". Cha con vào phòng có cơm dọn sẵn cho ăn. Đêm sói hóa thành ông chúa đẹp, sáng trở lại thành sói. Vài ngày sau người cha về. Ai hỏi, ông cũng không nói, nhưng sau không thể giấu được nữa, nói toạc tất cả. Bỗng nghe một tiếng rú rùng rợn: một con sói trắng ngã lăn dưới chân[1].

---

1. Một dị bản khác *Hoa hồng đẹp* kể như sau: Một nông dân có ba con gái, cô út tên là Hoa hồng. Khi bố đi chợ, hai cô lớn cũng xin cha mua áo, còn cô út chỉ xin hoa hồng (không phải hoa biết nói). Người bố tìm hoa hồng, lạc vào một lâu đài, được ăn ngủ và sưởi. Nhưng không thấy có người. Sáng dậy, ra vườn thấy hoa hồng liền ngắt một bông đẹp nhất. Cũng như trên, bỗng có một con vật hiện ra đòi phải đưa một trong các con gái đến, nếu không nó sẽ ăn thịt. Lúc người bố về kể chuyện thì hai chị từ chối. Chỉ có Hoa hồng tình nguyện đi để cứu bố. Hai cha con lại đến lâu đài, con vật bảo muốn gì cứ ngắt hoa nó sẽ đến. Bố về được ít lâu cô gái ngắt hoa, con vật hiện ra ngồi dưới chân. Cô xin về, nó cho ba ngày. Cô về ở thêm một ngày, khi đến thì cây đã héo, cô ngắt hoa, con vật lần này không xuất hiện. Nghe tiếng rên, cô tìm đến thì thấy con vật sắp chết. Thấy nó lấm bùn cô cầm lấy chân nó để rửa thì bỗng nhiên nó hóa thành người, cho cô biết mình là hoàng tử, vì ăn ở xấu với người nghèo nên bị hóa thành vật nhốt trong hang, còn lâu đài thì mở rộng cửa cho người nghèo vào ăn nghỉ. Cây hồng là tình yêu, hoa thứ nhất sẽ trao cho một cô gái nhà nghèo. Nếu cô ấy cầm lấy tay thì phép bị tiêu trừ, trở lại thành người. Hai người bèn lấy nhau. Đám cưới được tổ chức trong khi cây hồng xanh trở lại (Pu-ra (Pourra): *Kho tàng truyện cổ tích*, tập I).

Truyện của người Pi-ê-mông (Piémont) (Bắc Ý) giống với truyện trên nhưng kết cục có khác. Một người sắp đi du lịch bảo ba con gái muốn gì, cô thứ ba chỉ muốn một cái hoa. Người bố hái hoa ở vườn một lâu đài. Một con cóc hiện ra bảo nếu không gả con gái cho nó thì trong ba ngày sẽ chết. Để cứu bố, cô thứ ba nhận lời lấy. Nhưng ngày là cóc, đêm lại là người. Cóc cấm lộ bí mật. Một hôm hai chị gặng hỏi, em buột miệng nói ra, cóc tự nhiên biến mất. Cô xoay chiếc nhẫn để gọi như mọi lần mà không được. Bực mình, cô ném nhẫn xuống ao, chồng lại hiện ra.

Truyện của người Băng-la-đex (Bangladesh):

Một ông vua sắp đi xa, cho người hỏi sáu con gái muốn mang gì về. Họ đều muốn có trang sức và vải quý, trừ cô út đang đọc kinh bảo người hầu hãy chờ (chờ, ở đây nói là sa-brơ). Nhưng người hầu lại tưởng yêu cầu của công chúa là "sa-brơ" nên vội chạy về tâu lại với vua. Vua không hiểu là gì nhưng cũng ra đi. Mua xong cho các con gái, vua định quay về, nhưng thuyền không tiến lên được. Sực nhớ tới lời dặn của con gái út, vua bèn sai người hầu lên hỏi ở các cửa hàng. Người ta không hiểu "sa-brơ" là gì, chỉ cho biết có một vị hoàng tử tên là Sa-brơ mà thôi. Khi hoàng tử biết chuyện, bèn đưa cho người hầu của vua một cái hộp, bảo đó là yêu cầu của cô gái. Thuyền liền đi được. Đưa hộp về nhà, công chúa mở ra thấy một cái quạt nhỏ, xòe quạt thì hoàng tử hiện ra, xếp lại thì biến đi. Hai người lấy nhau. Công chúa mời bố và các chị tới dự. Các chị ghen em rắc mảnh chai vụn lên giường cưới. Vì thế hoàng tử bị thương nặng, nhưng vẫn không cho vợ biết, chỉ bảo vợ xếp quạt để về. Mấy ngày sau xòe quạt không thấy chồng tới, công chúa bèn cải trang làm một thầy tu ăn mày đi tìm chồng. Một hôm ngủ dưới cây nghe hai con chim nói với nhau về bệnh của hoàng tử và cách chữa. Đến hoàng cung, công chúa xin vào chữa vết thương của hoàng tử; chữa lành mà chồng vẫn không biết. Khi vua thưởng thì không lấy gì cả, chỉ xin cái khăn tay và nhẫn của hoàng tử. Trở về, công chúa xòe quạt ra, hoàng tử lại đến, công chúa đưa hai vật kia ra làm cho chồng kinh ngạc.

Truyện của người Ý (Italia):

Một người lái buôn giàu có sắp đi chơi, hỏi ba con gái muốn gì sẽ mang về. Hai cô chị muốn trang sức, còn cô em thì chỉ muốn một cái bình cây "ruy". Lái ta ra đi quên mất lời dặn của con gái út. Nhưng tàu bỗng dưng bị mắc lại không tiến được. Cai tàu cho biết chắc trong hành khách có ai quên một lời hứa nào đó. Lái ta sực nhớ, bèn xin lên bờ tìm cây "ruy". Người ta cho biết chỉ có vua mới có cây ấy, nhưng dù chỉ xin một lá cũng bị xử tử. Lái ta xin cả cây. Vua cảm động vì lòng thương con của hắn, bèn cho cả cây, dặn mỗi chiều đốt một lá. Đưa về cô gái đốt lá như lời dặn, tự nhiên có hoàng tử xuất hiện. Hai người yêu nhau. Một hôm cô đi vắng, người chị ghen ghét đốt cháy cả cái buồng của em. Cây cũng cháy. Hoàng tử hiện ra giữa lửa nên bị bỏng và bị thương vì những mảnh gương bắn phải, liền biến mất.

Cũng như truyện trên, cô gái về thấy cây quý cháy, bèn cải trang đi tìm người tình. Nằm dưới gốc cây ở rừng, cô nghe một con yêu nói với vợ: -"Chỉ

có lấy mỡ ở xung quanh tim chúng ta mới chữa được bỏng cho hoàng tử". Thừa lúc chúng ngủ say, cô giết cả hai, rồi giả làm thầy thuốc đến cung chữa lành cho hoàng tử. Hai người lấy nhau.

Truyện của người Thụy-điển (Suède):

Một ông vua có ba cô gái nhưng yêu cô thứ ba hơn cả. Một đêm cô này mộng thấy một tràng hoa vàng rất đẹp. Thấy con gái buồn, vua sai thợ kim hoàn làm cho một tràng hoa bằng vàng đúng như trong mộng, nhưng cũng không làm cho con khuây khỏa. Một hôm công chúa đi dạo rừng gặp một con gấu trắng trong tay có một tràng hoa y như trong giấc mộng. Hỏi mua gấu không bán, chỉ muốn lấy công chúa. Công chúa vừa nhận lời thì gấu đưa cho ngay. Ba ngày sau gấu đến như lời hẹn. Vua đã sai một đại đội vây lâu đài để cản đường gấu, nhưng nó đánh ngã tất cả. Vua lại sai hai công chúa chị cải trang để thay, nhưng gấu không bị lừa. Dành phải gả. Gấu mang công chúa về ở một lâu đài, đêm đêm hóa thành người đến với công chúa, nhưng công chúa không thấy mặt, vì sáng ra người lại hóa gấu. Công chúa dòi về thăm bố mẹ, gấu cho đi, nhưng dặn đừng có nghe lời mẹ. Ở nhà ba ngày. Khi con ra đi bà mẹ trao cho một mẩu nến để đêm nhìn trộm mặt chồng. Cũng như truyện thần thoại Hy-lạp, khi nhìn, công chúa vô ý để giọt nến rơi xuống trán chồng, làm chàng tỉnh dậy, biến mất[1].

Truyện của người Xi-xin (Sicile):

Một người nghèo khổ, ba con gái lần lượt bảo ông đi tìm thần số mệnh của mình mà cầu xin. Người ấy ra đi, cuối cùng được một ông già tiếp. Ông già lần lượt giao cho ba con ngựa, dặn phải bán giá đắt rồi đưa tiền về cho mỗi đứa con. Con ngựa thứ ba có một ngôi sao trên đầu, ông già dặn chỉ bán cho người nào cho nó ăn mà nó chịu ăn. Đưa về, ai cho ăn nó cũng lắc đầu, kể cả vua. Một nàng công chúa thử cho ăn thì nó ăn ngay. Công chúa liền mua với một số tiền lớn, rồi cho ngựa ở trong buồng. Nguyên con ngựa này là một ông vua bị phù phép hóa thành, đêm là người ngày là ngựa. "Vua ngựa" lấy công chúa làm vợ, nhưng dặn công chúa không được tiết lộ bí mật của mình với ai mà nguy đến tính mạng. Một hôm công chúa tiết lộ với một người bạn gái. Ngựa liền biến mất. Đau khổ, công chúa cất công đi tìm, người ta cho biết chồng ở trong một lâu đài, phải có miếng ăn từ miệng một mụ chằng mới được

1. Một số truyện trên theo Cô-xcanh (Cosquin), sách đã dẫn.

mở cửa. Cuối cùng công chúa cũng lọt được vào nhà mụ chằng trong lúc mụ đi vắng. Con gái mụ tiếp đãi công chúa niềm nở. Sau khi biết yêu cầu của công chúa, cô giấu công chúa vào một nơi. Khi mụ chằng về ngồi vào ăn, cô hỏi: -"Mẹ đang ăn cái gì đấy". Mụ nhả miếng ăn ra, bấy giờ đã nhai thành hình một hạt quả. Cô lấy giấu đi rồi đưa cho công chúa. Nhờ vậy, công chúa lọt vào được lâu đài, thấy chồng đang nằm mê trên một cái giường, bên cạnh có hai cái bình. Công chúa phải khóc nước mắt chảy đầy cả hai bình mới làm chồng tỉnh dậy được. Cuối cùng công chúa cũng cứu được chồng và hai người sống sung sướng[1].

Truyện của người Chi-lê (Chilli):

Một ông vua thích ăn cá tươi, buộc một ông già câu cá phải cung cấp cá cho mình hằng ngày nếu không thì chém đầu. Ông già có vợ, hai người con gái yêu và một con chó cái. Một hôm ông không câu được gì cả. Bỗng có một con cá nhỏ vẩy đỏ nổi lên mặt nước, bảo: -"Tôi sẵn sàng cung cấp cho ông đủ số cá hàng ngày, nhưng ông phải hứa cho tôi người hay vật đi đón ông trên đường về hôm nay". Ông già nghĩ chỉ có con chó thường đi đón mình hàng ngày nên nhận lời. Không ngờ hôm ấy đón ông không phải chó mà là con gái út. Ông hết sức buồn khi nghe tiếng con cá nhắc ông giữ lời hứa. Thấy vậy, cô gái nguyện hy sinh. Cô phải ra ngồi ở một hòn đá giữa biển, đợi nước triều lên cho cá đến bắt đi. Nhưng vừa xuống nước thì bỗng xuất hiện một lâu đài đẹp có đầy đủ mọi thứ, chỉ một điều cấm kỵ là thắp đèn ban đêm. Vì thế cô biết có người nằm với mình mà không thấy mặt. Sau một thời gian, cô xin phép về chơi nhà, nhờ mẹ giúp cho một ít nến và bao diêm, cô được nhìn mặt người chồng là một chàng trai đẹp. Ở đây cũng có tình tiết chàng trai biến mất khi cô vô tình để giọt nến nhỏ vào người. Buồn rầu, cô nhờ một con chó

1. Một dị bản của người Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) kể như sau: Một ông vua (Pa-đít-sa) có một con ngựa yêu. Trước khi đi du lịch vua dặn ba con gái phải chăm nom ngựa. Lúc công chúa cả mang cỏ đến máng, ngựa không cho cô tới gần; công chúa thứ hai cũng vậy. Nhưng khi công chúa thứ ba tới thì nó đứng im và chịu ăn. Vua về gả công chúa thứ ba cho ngựa. Con ngựa này vốn là một vị thần (đép). Đêm khuya, nó biến thành chàng trai, lại biến chuồng ngựa thành một vườn hoa hồng. Hai công chúa chị một hôm chế nhạo chồng ngựa của em, công chúa ba tiết lộ bí mật. Lập tức ngựa biến mất. Cũng như truyện trên, công chúa bèn đi tìm chồng. Một mụ phù thủy bắt nàng trải qua nhiều thử thách, nhờ chồng bí mật giúp đỡ mới xong, trong đó cũng có việc khóc, nước mắt chứa đầy ba cái bình. Ở đây chồng ngựa bày cho vợ cách múc nước bỏ muối vào (Đều theo Cô-xcanh (Cosquin). *Những truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*, đã dẫn).

đưa về nhà bố mẹ chồng. Lúc này cô đẻ một đứa con trai có ổ khóa ở bụng như bố nó. Sau một thời gian nghe tin chồng trở về, cô sợ tội bỏ trốn vào rừng, làm cho cá vẩy đỏ mất công tìm kiếm mãi, cuối cùng hai bên gặp nhau, cá từ đấy mang lốt người. Cuộc sống hai vợ chồng lại sung sướng[1].

Hai dị bản của Miến-điện (Myanmar) có nhiều tình tiết khác với các truyện trên:

1. Một người đàn bà sinh được một con trai, chỉ có đầu, không tay không chân. Chồng định vứt nhưng vợ bảo để lại nuôi, cũng đặt tên là Sọ dừa. Con bảo mẹ bán mình cho một người lái buôn lấy một ngàn đồng. Khi bán rồi, Sọ bảo người lái đưa mình ra chợ cho người xem lấy tiền. Khi người lái thu được đủ số tiền bỏ ra, Sọ lại bảo bán mình cho một thuyền buôn nước ngoài lấy một ngàn đồng. Đoàn thuyền ra đi bị bão, họ định ném Sọ xuống biển. Sọ nói: -"Chớ ném. Hãy trói tôi trên cột buồm, sẽ có sự yên lành". Khi ở trên cột buồm, Sọ thổi gió cho thuyền vượt sóng bình an. Họ trả tự do cho Sọ. Sọ xin ghé ở một hòn đảo dọc đường. Đảo này có yêu tinh. Ở với chúng nó được mấy tháng, Sọ học được của chúng mấy câu phù chú. Khi thuyền buôn về qua, Sọ gọi họ ghé vào xin cho mình trở về nước. Yêu tinh biếu một túi ngọc đỏ, Sọ đem phân phát cho thủy thủ. Rồi bảo họ dẫn mình đến hoàng cung.

Gặp vua, Sọ bảo nếu không gả công chúa và nhường ngôi cho thì sẽ san phẳng thành trì. Vua cười chế nhạo, Sọ lấy ra một cái hộp niệm chú, tự nhiên có hàng vạn kỵ mã vây bọc hoàng cung. Vua đầu hàng. Sọ lấy công chúa và biến thành chàng trai, cuối cùng lên làm vua.

2. Hai chị em lấy chồng, chị sinh một đứa con trai. Còn em thì một con rùa. Chị toan ném đi nhưng em cản lại, nuôi lớn và đặt tên là Rùa vàng. Anh em nhà rùa yêu nhau, đi đâu cũng theo nhau. Chàng trai xin mẹ một chiếc thuyền đi ra nước ngoài buôn bán. Mẹ cho, nhưng không cho đưa rùa theo. Rùa cũng nói mình sợ biển không muốn đi. Nhưng khi thuyền vừa ra khơi đã thấy rùa nằm gọn trong khoang. Bão làm thuyền giạt lên một hòn đảo đầy yêu tinh cái. Chúng hóa thành những cô gái đẹp, cuối cùng kết hôn với những người trên thuyền. Trong khi mọi người say sưa trong tiệc cưới, thì rùa đã nghe được lũ yêu tinh bàn nhau ăn thịt người. Rùa giấu các thứ bảo bối của chúng đi (một hộp đựng sinh mệnh, một viên ngọc giá trị một vương quốc, một cái

1. Theo La-van (Laval) trong *Tạp chí Dân tộc học và truyền thống dân gian*, tập IV (1923).

trống bỏi cầu được ước thấy), rồi lén đánh thức anh và mọi người dậy kể cho biết chuyện, và đưa họ vào rừng xem xương những người mà chúng ăn thịt. Sau đó rùa đánh cắp tất cả bảo bối xuống thuyền. Lũ yêu tinh sắp đuổi kịp thì bị tiêu diệt, vì rùa kịp thời đập nát hộp chứa sinh mệnh của chúng. Thuyền cập bến một kinh thành, rùa đưa ngọc làm sính lễ để vua gả công chúa đẹp cho anh mình. Tuy được làm quan to nhưng rùa chỉ muốn về. Nhờ trống bỏi, rùa về gặp mẹ, bảo mẹ tới hỏi công chúa đẹp mà có đến bảy hoàng tử đang tranh nhau cầu hôn. Vua hứa sẽ gả nếu làm được một cầu vàng một cầu bạc nối liền từ nhà rùa đến cung điện. Sáng dậy vua thấy rùa từ cầu bước vào cung, đành phải gả. Bảy hoàng tử mang quân sang đánh vì cho vua đã gả con cho một con vật hèn hạ (tương tự truyện *Thạch Sanh*). Nhưng với trống bỏi, rùa đã đem quân hùng tướng mạnh của mình phá tan quân của bảy nước.

Một đêm công chúa ngủ dậy thấy có chàng trai đẹp, và một cái lốt rùa, bèn ném lốt vào lửa. Chàng trai tỉnh dậy kêu lên: -"Ôi! Tôi bị cháy!". Công chúa lật đật đội ngay một thùng nước lã. Từ đấy hai người sống hạnh phúc[1].

Tóm lại những truyện thuộc kiểu truyện *Lấy chồng dê* và *Sọ dừa* rất phổ biến ở nhiều dân tộc trên thế giới.

1. Đều theo *Miến-điện dân gian cố sự*, đã dẫn.

129. NGƯỜI LẤY ẾCH

Vào đời nhà Lê, có ông bà Trần Cao ngày rằm tháng Bảy một năm nọ theo lệ thường mang vàng hương lễ vật tìm đến miếu Long Hải vương để làm lễ cầu phúc. Miếu này ở trên một ngọn núi sát bờ biển có tiếng linh thiêng. Lần này hai vợ chồng lại đưa cả con trai là Trần Sinh đi theo. Cúng xong, cả gia đình quây quần ở trước hiên miếu chuẩn bị ngủ lại để cầu mộng. Đêm ấy, Trần Cao mộng thấy một người mặt đỏ râu dài, oai phong lẫm liệt, mặc áo lụa, lưng thắt đai vàng, đến trước mặt mình mà bảo rằng:

- Ta là Long Hải vương trấn trị ở vùng này. Thấy ngươi thành tâm ta rất vui lòng. Ta có đứa con gái nhỏ vốn có "túc duyên" với con trai ngươi. Nay con trai ngươi cũng đã khôn lớn, nên ta đến đây nói chuyện để cho đôi trẻ thành hôn được sớm. Nếu ngươi cũng bằng lòng thì cứ cho người mang sính lễ đến miếu này, ta sẽ cho đưa dâu về nhà, không cần phải đón rước lôi thôi gì cả.

Trần Cao tỉnh dậy cho là mối nhân duyên lạ, vừa mừng vừa sợ, vội đem việc mộng kể lại cho vợ con biết. Nhưng mẹ con Trần Sinh không cho là việc có thực.

- Ồ! Mộng mị vô thường ông ạ. Âm dương cách trở làm sao con thần lại kết duyên được với con người kia chứ.

Mặc cho vợ nói, Trần Cao vẫn tin lời thần. Trở về nhà, ông sai người giết lợn đồ xôi và sắm sanh áo quần, trang sức cho cô dâu, v.v... y như chuẩn bị một đám cưới thật sự. Sau đó, đến giờ hoàng đạo ông cho người nhà mang tới miếu Long Hải vương đặt lên hương án khấn vái như lời ông dặn, xong việc, lại trở về nhà báo cho mình biết.

Quả nhiên vào khoảng chập tối, người nhà trở về mới chừng giập bã trầu, thì mọi người đã nghe tiếng đàn sáo nhã nhạc vang vang trước

ngõ. Họ vội chạy ra xem thì đã thấy đám rước dâu có họ hàng và kẻ hầu người hạ rộn rịp, chỉ khác một điều là không phải người mà toàn là ếch. Ai nấy đang kinh ngạc thì kiệu hoa đã đặt trước cổng, trong kiệu bước ra một người con gái rất đẹp trang sức lộng lẫy. Cô gái có vẻ bạo dạn đi thẳng vào nhà, quỳ lạy ông bà Trần Cao mà thưa rằng:

- Con là Bạch Nga Long vâng lời vương phụ về giao hôn cùng chàng Trần Sinh, xin cha mẹ ngồi lên cho con làm lễ.

Lạy đoạn, cô gái rón rén lui ra chào hỏi mọi người rất đon đả. Hai ông bà Trần Cao thấy con dâu xinh xắn, lễ phép thì rất mừng, mới gọi Trần Sinh lại, hai người làm lễ gia tiên rồi đưa nhau vào buồng. Trong lúc đó, người nhà của họ Trần dọn cỗ bàn, mời họ nhà gái ngồi lại ăn. Tuy là ếch, họ cũng ăn uống chẳng khác gì người. Đến quá nửa đêm họ nhà gái mới từ giã ra về, chỉ còn một số là thị tỳ thì ở lại hầu hạ cô dâu.

Sau khi lấy vợ, Trần Sinh được bố mẹ làm nhà cho ra ở riêng. Hai vợ chồng ăn ở với nhau rất hòa thuận. Nhưng Trần Sinh thấy người hầu của vợ toàn là ếch thì trong bụng không vui. Mỗi lần có khách, ếch nhảy nhót đi hầu trà nước làm cho chàng đâm ngượng với khách. Chàng chỉ muốn làm thế nào sớm tống được chúng đi cho rảnh mắt, nhưng vì nể vợ nên không nói gì.

Một hôm, nhân đi chợ thấy có người bán rắn, Trần Sinh mua luôn mấy con. Mang về, chàng giấu vợ, lẳng lặng thả rắn ở gầm giường. Khi lũ thị tỳ ếch thấy rắn thì kêu la om sòm, bỏ chạy toán loạn. Bạch Nga Long đỏ mặt khuyên chồng:

- Sao chàng lại độc ác với chúng nó thế? Nếu chàng không muốn cho chúng nó ở nhà này hầu hạ thiếp, thì cứ bảo cho thiếp biết để thiếp cho chúng nó về, chứ làm thế không nên!

Trần Sinh đang lúc giận dữ, thấy vợ nói thế, quay ra mắng luôn cả vợ. Hai vợ chồng to tiếng cãi nhau. Cơn giận đang muốn dịu đi, bỗng bốc lên bừng bừng, Trần Sinh quát:

- Nếu nàng muốn về ta cũng không cấm.

Nghe nói thế, Bạch Nga Long vội sai con hầu gói ghém tư trang rồi chờ đến chập tối, cả thầy lẫn trò dắt nhau đi mất.

Thấy vắng con dâu, hai ông bà Trần Cao đến nhà con hỏi duyên cớ. Trần Sinh kể lại cho bố mẹ nghe mọi việc xảy ra và nói:

- Con không thể nào sống mãi với một lũ ếch được!

Nghe đoạn, Trần Cao mắng chửi con trai hết lời. Sợ Long thần giận, hai ông bà lại sai biện lễ vật rồi ép Trần Sinh đến miếu Long Hải vương để tạ tội.

Nhưng khi đến nơi, họ chỉ thấy mênh mông một trời một nước, chẳng còn núi non miếu mạo đâu cả. Cho là Long thần giận dữ mới làm ra thế, cả ba người sợ hãi, bèn lủi thủi quay về.

Lại nói chuyện Long Hải vương khi thấy con gái trở về thì nổi giận đùng đùng, quyết tìm dịp báo thù cha con nhà thông gia cho bõ ghét. Hôm cả nhà Trần Cao tìm đến, Long Hải vương không những không tiếp mà còn thừa lúc họ đi vắng, sai bộ hạ lẻn tới đốt nhà. Một ngọn lửa xanh tự nhiên bùng lên giữa nóc nhà họ Trần, gây nên nạn cháy khủng khiếp. Xóm giềng đổ tới cứu chữa nhưng ngọn lửa đã quá to, không thể dập tắt được. Thế là chỉ trong phút chốc tất cả tài sản của Trần Cao đều tiêu tan. Tin rằng đó chính là sự báo thù của Long Hải vương, ông bà Trần Cao đành gạt nước mắt đi vay mượn xóm giềng một số tiền, dựng tạm một cái quán bán nước sống cui cút qua ngày.

Một đêm sáng trăng, Trần Sinh mang cần ra sông câu cá. Chàng giật được lên một con ếch. Nhớ lại chuyện vừa xảy ra cho nhà mình, chàng bực bội quẳng ếch xuống sông. Lần thứ hai giật lên, lại một con ếch mắc vào lưỡi câu. Chàng lại ném trả lại mặt nước. Nhưng lần thứ ba cũng lại như lần trước. Lần này chàng bắt ếch bỏ vào giỏ đem về. Đến nhà, chàng treo giỏ lên đầu hồi rồi lên giường nằm, nhưng tiếng ếch kêu ồm ộp làm cho chàng không tài nào ngủ được. Tức mình, Trần Sinh trỗi dậy bắt ếch ra đánh. Càng đánh ếch lại càng kêu to. Bỗng chốc ếch tuột khỏi tay người, nhảy đi khắp nơi. Trần Sinh vội đuổi theo để chụp bắt. Ba lần bắt ba lần hụt, nhưng đến lần thứ tư chàng cũng chộp được. Thốt nhiên ếch trút lốt ra, hóa thành Bạch Nga Long. Thấy vợ xuất

hiện đột ngột trong cánh tay của mình, Trần Sinh thẹn thò buông ngay ra, hai tay ôm lấy mặt không dám nhìn. Bạch Nga Long quỳ xuống, nói:

- Để cho cha mẹ chàng khổ, đó là lỗi tại thiếp!

Nói đoạn tìm đến bố mẹ chồng sụp lạy tạ tội. Ông bà Trần Cao đỡ dâu dậy an ủi, mọi ưu phiền trước đây bỗng nhiên trút sạch.

Rồi Bạch Nga Long đưa vàng của mình ra tậu đất làm nhà, dần dần cơ nghiệp của bố mẹ chồng lại được phục hồi, có phần vinh thịnh hơn xưa. Nàng còn đón thầy về cho chồng học tập. Về sau Trần Sinh đi thi đỗ trạng nguyên[1].

KHẢO DỊ

Ở Việt-nam xưa dường như không có tục thờ thần ếch. Nhưng theo truyền thuyết thì đời Nguyễn có Hà Tông Quyền quê làng Cát-động (Hà-đông) đậu tiến sĩ năm 1822, người ta cho ông là thần ếch giáng sinh[2]. Vì vậy những hình tượng của truyện cổ tích trên cũng phần nào có cơ sở từ tín ngưỡng.

Truyện của ta có đôi nét giống với truyện *Thần Ếch xanh* trong *Liêu trai chí dị*:

Vùng Trường-giang Hán-thủy dân gian thờ cúng thần Ếch. Họ rất mê tín, ếch nhái trong miền không ai dám bắt. Ai xúc phạm thì nhà ấy có điềm gở, phải làm gà lợn cầu cúng, thần Ếch có vui lòng tha cho thì mới tai qua nạn khỏi.

Tỉnh Hồ-bắc có người họ Tiết có con là Côn Sinh, còn bé có người tự xưng là sứ giả thần Ếch đến nhà nói rằng thần muốn kén chàng làm rể. Người bố không nghe nhưng về sau đi hỏi dâu mấy đám, đều bị thần báo mộng, nên ai cũng từ chối. Một hôm Côn Sinh đi giữa đường bỗng có sứ giả thần Ếch gọi đi. Đến một nơi thấy thần bệ vệ ngồi ở sảnh đường rồi có một bà lão dắt một cô gái xinh ra. Côn Sinh tỏ ý bằng lòng. Lúc trở về chưa kịp soạn sửa thì xe hoa đã tới. Từ đấy thành vợ chồng.

Côn Sinh hay cáu. Một hôm vợ nói nặng lời chàng chửi lại động tới ếch nhái, vợ bỏ về. Côn Sinh vẫn không chịu xuống nước. Tiếp đó mẹ chàng bị

1. Theo *Thực nghiệp dân báo* (1924).
2. Theo Phan Dưỡng Hạo. *Đỉnh tập quốc sử di biên*, quyển trung.

bệnh. Người bố phải lên miếu tạ tội, mẹ mới khỏi bệnh và vợ trở về ân ái như xưa.

Hôm khác hai vợ chồng bất hòa, vợ lại bỏ về. Như truyện của ta, cũng có việc nhà họ Tiết bốc cháy. Côn Sinh đến miếu trách thần Ếch rằng có giáng tai họa thì cứ giáng vào đầu mình đừng làm tội cha mẹ. Chàng còn toan đốt miếu nhưng có người làng can mới thôi. Đêm ấy, thần Ếch báo mộng cho xóm giềng họ Tiết bảo phải mang gỗ lạt làm nhà cho rể mình. Chẳng bao lâu nhà làm xong, vợ lại về thuận hòa hơn trước.

Cũng như truyện của ta, có việc Côn Sinh bắt rắn nhưng ở đây chồng gói lại bảo vợ mở xem. Vợ giận lại bỏ về, thề xin đoạn tuyệt. Người bố đánh Côn Sinh rồi xin lỗi với thần. Ít lâu sau có tin thần Ếch gả con gái cho nhà họ Viên. Nhà họ Tiết đến rình thấy nhà họ Viên đang sắm sửa xe hoa. Côn Sinh lâm bệnh, lúc mở mắt lại thấy vợ. Từ đó vợ về ở chung lâu dài và sinh được hai con trai.

Trong vùng ai có việc xúc phạm tới thần Ếch thường đến cầu cứu Côn Sinh. Chàng bảo phải ăn mặc đẹp đẽ vào tận buồng lạy tạ vợ. Nếu vợ cười thì sẽ yên ổn.

Người Ấn-độ cũng có một truyện kể người lấy ếch trong *Ma-ha-bha-ra-ta:* Một ông vua là A-u-đi-a xin cưới con gái vua ếch là A-in. Vua ếch chỉ ra một điều kiện là không được cho vợ trông thấy nước. Chàng rể cam kết như lời. Đến ngày cưới, cô dâu đội lốt người phụ nữ xinh đẹp. Chàng rể rất thỏa mãn. Nhưng được ít lâu công chúa ếch lấy lại hình dạng động vật, vì chồng đã để cho vợ trông thấy nước, phá vỡ điều cam kết.

130. SỰ TÍCH ĐỘNG TỪ THỨC

Vào đời nhà Trần ở châu Ái có một chàng trẻ tuổi tên là Từ Thức. Chàng vốn con nhà quan. Năm 20 tuổi nhờ học giỏi thi đỗ cao, chàng được bổ một chân tri huyện ở một huyện vùng Bắc. Khác với bọn quan lại khác, Từ Thức vốn là người phóng khoáng, không chịu ràng buộc vào khuôn phép. Chàng lại không thích những chuyện nịnh trên, nạt dưới, mà chỉ thích uống rượu ngâm thơ, và đi chơi ngắm cảnh. Ở gần vùng Từ Thức trị nhậm có một ngôi chùa lớn. Trước sân và xung quanh vườn trồng toàn một loại cây mẫu đơn. Mỗi năm vào khoảng tháng giêng là mùa hoa nở rộ, cũng là kỳ cúng Phật. Nhân dịp đó, các thiện nam tín nữ các nơi đua nhau về chùa lễ Phật và ngắm hoa. Vì thế người ta cũng gọi là hội xem hoa hay là hội mẫu đơn.

Một năm vào kỳ hội xem hoa, Từ Thức cũng có cái hứng đi hành hương ngắm cảnh. Để khỏi làm kinh động dân chúng, Từ Thức cải trang thành một người học trò. Chàng cũng không cho mang lính hầu và cáng xá đi theo. Hồi này các chùa chiền được triều đình vì nể, nên có những bọn sư sãi ỷ thế hoành hành. Để bảo vệ hoa, chùa này đặt ra một cái lệ ai bẻ hoa hoặc là gãy cây sẽ bị phạt vạ một số tiền. Nếu không có tiền thì nhà chùa sẽ bắt làm nô để đền nợ. Ngày hôm ấy có một cô gái đi xem hội vô tình không biết lệ nhà chùa, thấy có hoa đẹp ở cạnh lối đi, bèn rón tay ngắt một bông. Thấy vậy, bọn thủ hộ trong chùa xông ra bắt giữ lại đòi tiền vạ. Cô gái thú thực là mình đi xem hội không mang tiền theo nên không biết lấy gì đền. Nghe nói thế, bọn thủ hội liền sai trói cô gái vào cột chùa cốt để làm nhục, vặn cho ra tiền chuộc.

Vừa lúc ấy Từ Thức tiến vào cổng chùa. Thấy một người con gái yếu ớt bị bọn vũ phu lăng nhục, Từ Thức không ngăn được cơn giận dữ. Chàng sấn đến đòi cởi trói cho cô gái. Bọn thủ hộ nhất định không cho và chỉ vào mặt chàng:

- Này, nếu không có đủ một quan tiền chuộc thì anh chó có động đến dây trói mà sinh chuyện rầy rà đấy.

Nghe chúng thách thức, cơn giận của Từ Thức bừng bừng bốc lên. Đã toan dùng đến chức vị của mình để trị bọn bất lương, nhưng rồi chàng lại kịp gạt đi vì chẳng muốn làm to chuyện. Không nghĩ ngợi, chàng cởi phăng chiếc áo ngoài vứt cho bọn thủ hộ để chúng trả tự do cho cô gái. Dây trói vừa cởi, cô gái ngỏ lời cảm tạ Từ Thức. Thấy nàng xinh đẹp lại bạo dạn, Từ Thức cũng muốn làm quen. Chàng hỏi:

- Nhà nàng ở đâu? Tôi nghe giọng nói hình như không phải là người vùng này.

Cô gái đáp:

- Quê thiếp ở tận trong châu Ái huyện Tống-sơn...

Không ngờ người đẹp lại là người cùng quê, Từ Thức càng thêm niềm nở. Hai người men theo lối cổng chùa, vừa đi vừa ngỏ ít lời tâm sự. Trước khi từ giã, nàng còn không quên mời chàng đến chơi nhà nếu có dịp về thăm quê.

Vốn không ưa cái nghề roi vọt trị dân, Từ Thức thường bị bọn quan trên hạch tội. Một lần vì để vụ thuế chậm trễ, chàng bị viên an phủ gọi đến quở mắng nặng lời. Chàng than:

- Ta há vì mấy bó thóc mà chịu nhục như thế này ư! Lúc trở về huyện lỵ, lập tức chàng cởi bỏ ấn tín treo ở trước mái công đường, rồi bỏ đi biệt. Chàng đi thẳng về quê nhà thăm bố mẹ và bà con làng nước. Ở nhà được ít lâu, nhớ đến lời mời của cô gái trong hội xem hoa, Từ Thức liền cất công ra đi. Theo lời chỉ dẫn, chàng lặn lội tìm kiếm, nhưng bóng chim tăm cá mịt mù. Vùng Tống-sơn có bao nhiêu cảnh đẹp, chàng đều có để lại dấu chân và những bài ca vịnh, vậy mà chàng vẫn ân hận không gặp lại người đẹp năm xưa. Mặc dầu vậy, Từ Thức vẫn không nản lòng.

Một hôm trên đường đi tìm, từ sáng sớm, Từ Thức đã trèo lên núi cao nhìn ra giữa cửa Thần-phù. Tự nhiên trước mắt chàng hiện lên một hòn đảo trông y như một đóa hoa sen giữa vùng biển cả. Say sưa nhìn ngắm, chàng bèn dong buồm ra khơi. Chẳng bao lâu thuyền đã ghé đảo.

Đang mê mải nhìn, chàng bỗng thấy ở sườn núi đá gần đó có một cửa hang khá rộng. Bèn vin cây rẽ cỏ tìm đến tận nơi. Vừa bước vào hang được một quãng, thì bỗng dưng cửa hang tối sầm lại. Từ Thức vẫn cứ sò soạng bước liều. Đi một đoạn nữa thình lình lại thấy có ánh sáng. Trông ngược lên thấy núi cao chót vót, đá mọc lởm chởm. Khi leo lên đến đỉnh thì Từ Thức bỗng thấy cả một tòa nhà lộng lẫy hiện ra trước mặt. Chưa hết ngạc nhiên trước cảnh lạ, chàng bỗng thấy bóng hai người con gái nhỏ mặc áo xanh. Một người nói:

- Chú rể mới nhà ta đã đến kia kìa!

Chàng hết sức bỡ ngỡ nhưng vẫn bạo dạn đi theo hai cô gái. Trên đường đầy hoa thơm cỏ lạ. Đi một chốc thì đến lâu đài. Vừa bước lên thềm Từ Thức đã thấy một người đàn bà dáng quý phái ra đón. Bà tươi cười bảo chàng:

- Đây là hang thứ sáu trong ba mươi sáu hang động ở cõi tiên. Từ lâu ta cai quản thế giới này. May mắn hôm nay lại được đón người trẻ tuổi phong nhã và chí tình. Thế nào, cảnh trí ở đây có làm cho du khách ưa thích không?

Thấy Từ Thức gật đầu, người đàn bà lại nói:

- Khoan đã. Để còn cho gặp một người quen cũ.

Đoạn, ra hiệu cho người hầu gái đi gọi. Chốc sau, một cô tiên từ trong hành lang bước ra, dáng thướt tha kiều diễm, mỉm cười chào chàng. Từ Thức nhìn kỹ thì ra đấy là cô gái bẻ hoa mẫu đơn năm nào. Chàng mừng rỡ nói to:

- Ô hay tôi đi tìm nàng khắp nơi mà không thấy, không ngờ lại gặp ở đây!

Câu chuyện từ đấy trở nên thân mật đậm đà hơn. Bà chúa động nói:

- Em nó tên là Giáng Hương. Ngày trước đi xem hội mẫu đơn không may gặp rủi ro, nhờ có chàng tận tình cứu giúp. Âu đó cũng là duyên trời. Chàng đã có lòng cất công đi tìm, nay đến gặp nhau, hãy mở tiệc hoa để phỉ lòng khao khát.

Từ Thức thấy không gì đẹp lòng hơn thế nữa. Lập tức đêm hôm ấy trong bữa tiệc tưng bừng có quần tiên tụ hội, hai người chính thức làm

lễ giao bôi. Khách tiên từ các động vui vẻ cạn chén chào mừng chàng rể mới đến nhập tịch làng tiên, và chúc tụng cuộc tình duyên tốt đẹp của hai người.

*
* *

Ngày lại ngày nối nhau trôi qua. Từ Thức làm rể cõi tiên bấm đốt ngón tay đã được ba năm. Cuộc đời mới hoàn toàn khác với cảnh sống trần gian ngày trước. Cơm ăn áo mặc và mọi vật dụng cần thiết, chàng đều có sẵn, không thiếu một thứ gì. Sắc đẹp tuyệt vời, tính nết hiền dịu của Giáng Hương luôn luôn làm cho chàng thỏa dạ. Chàng lại được đi ngao du các động tiên, thơ ngâm vịnh làm ra thao thao bất tuyệt. Tuy nhiên, lâu dần, Từ Thức lại thấy như thiếu một cái gì. Một hôm chàng tâm sự với Giáng Hương:

- Xa cha ngái mẹ đã lâu, muốn về thăm một chuyến có được chăng?

Thấy vợ ngần ngừ chàng nói thêm:

- Chỉ cho về gặp bà con xóm làng một lần chót, rồi tôi sẽ đến đây ở với mình mãi mãi.

Giáng Hương thủ thỉ khuyên dỗ chồng hãy bỏ cái ý nghĩ trở về vì cõi tục và cõi tiên là hai con đường cách biệt. Nhưng Giáng Hương càng khuyên bao nhiêu thì nỗi nhớ nhà của Từ Thức càng nặng bấy nhiêu. Thấy chồng tuy không đòi về nữa nhưng nét mặt ngày một héo hon, Giáng Hương đành phải thưa với mẹ. Mẹ nàng thương hại:

- Không ngờ gã ấy còn lưu luyến bụi hồng đến thế!

Nói rồi cho người đẩy xe mây đến cho Từ Thức trở về. Chàng vội vã từ giã vợ và mẹ vợ, từ giã các bạn tiên, rồi bước lên xe. Chỉ trong chớp mắt, chàng đã thấy lại quê hương cũ. Các rặng núi, con sông, những lũy tre dưới mắt chàng vẫn không có gì khác xưa. Xe đặt chàng xuống giữa một bến sông, nơi mà ngày còn nhỏ chàng vẫn ra đấy tắm mát và bơi lội. Nhưng khi nhìn kỹ cảnh vật thì Từ Thức lấy làm ngờ ngợ. Mới ba năm mà nhà cửa vườn tược làm sao đã khác. Dân làng cũng chẳng có một người nào quen mặt. Hỏi một người đi đường, người ấy cho biết

đúng là tên của làng chôn rau cắt rốn của mình. Nhưng khi hỏi đến bố mẹ và em gái thì ai cũng lắc đầu trả lời không biết.

Sau cùng, Từ Thức đem họ tên của mình hỏi thăm các cụ già trong làng, thì một người ngẫm nghĩ hồi lâu rồi đáp:

- Từ lúc còn nhỏ, tôi có nghe truyền lại rằng các cụ tổ năm đời nhà tôi có một cụ cũng tên họ như thế, trước làm quan huyện rồi treo ấn từ về, một hôm đi chơi sa vào hang núi mất tích. Từ bấy đến nay dễ đã gần ba trăm năm.

Nghe kể chuyện, Từ Thức mới thấm thía lời nói của vợ. Chàng bùi ngùi đứng nhìn cây đa mình trồng đầu ngõ bây giờ đã thành cổ thụ, cây to hàng vầng, cành lá rườm rà, rễ buông từng chùm chi chít. Chàng thẫn thờ trước đám đông đang vây quanh mình. Sau cùng Từ Thức trở lại chỗ xe mây, thì không ngờ xe đã biến mất từ lúc nào. Buồn rầu vô hạn, chàng lại khăn gói lần mò đến cửa Thần-phù, định bụng tìm lại hang cũ dẫn đến động tiên nhưng mịt mù cây đá kín lối không thể tìm ra được nữa. Chàng đi, đi mãi, về sau không biết là đi đâu. Từ đấy người ta gọi hang núi ở chỗ này là động Từ Thức[1].

KHẢO DỊ

Một số chi tiết của truyện trên, có sách kể hơi khác.

Ví dụ như đoạn hội xem hoa:

Nhà vua một hôm định xây một cái thành trên một cánh đồng xa kinh đô. Tự nhiên ở chỗ ấy mọc lên một cây không biết là cây gì có hoa rất lạ, vừa đẹp vừa thơm. Các quan định đem dâng vua, bèn sai quân lính canh gác rất kỹ. Tiếng đồn khắp nơi nên dân chúng kéo về xem rất đông. Có cô tiên Giáng Hương ở một hòn đảo bốn bề đá dựng ngoài biển khơi nghe tin, cũng về xem. Tiên sờ vào hoa không may hoa rụng, liền bị lính bắt[2].

Hay đoạn nói về lý do Từ Thức đòi về cõi trần:

1. Theo *Thính văn dị lục* và lời kể của người Thanh-hóa.
2. Theo Jê-ni-bren (Génibrel). *Chuyện đời xưa mới in ra lần đầu hết.*

Một hôm chúa tiên cùng quần tiên lên chầu thượng đế ăn tiệc bàn đào. Khi ra đi có dặn các tiên đồng không được cho Từ Thức ra cửa sau. Nhưng Từ Thức nghe lỏm được, tò mò lẻn ra cửa sau để xem cho biết; ra xem thì nhìn thấy cõi trần. Dưới đó, mọi người đang làm ăn vui vẻ. Từ Thức bỗng động lòng nhớ nhà. Lúc chúa tiên và quần tiên về, ông bèn xin về thăm quê, v.v...[1].

Người Nhật có truyện *Người câu cá trẻ tuổi* hình tượng phần nào giống với truyện *Từ Thức* và truyện *Giáp Hải* (số **149**, tập **IV**) của ta:

Một người câu cá ở tỉnh Tăng-gô một hôm gặp một em bé bắt được một con rùa nhỏ, thấy nó nghịch ngợm làm tội con rùa, bèn đến để xin thả. Xin không được, anh xuất tiền ra mua. Thả xong, hôm sau đi câu, anh bỗng nghe rùa gọi tên mình. Hỏi thì nó mời anh xuống thủy phủ để đền ơn cứu mạng. Rùa dang bé bỗng hóa thành to lớn, cho anh ngồi lên lưng và đưa anh xuống nước.

Vua Thủy là cha rùa tiếp đãi rất hậu. Được vài ngày, anh nhớ nhà xin về. Cha con vua Thủy lưu lại không được, bèn tặng anh một hộp quý, dặn đừng mở sẽ ân hận. Anh lại trèo lên lưng rùa trở về làng. Lên đất không thấy bố mẹ, gặp ai anh cũng lạ cả. Mãi sau có một người nghe anh xưng tên mới nói: -"Tôi nghe bà nội tôi kể chuyện trước đây bảy trăm năm ở làng này có một người câu cá trẻ tuổi tên là U-ra-si-ma Ta-rô, một hôm ra khơi không thấy về".

Buồn rầu, anh ngồi lại mở hộp ra xem. Chỉ thấy một làn khói nhẹ bay ra phả vào mặt. Bỗng chốc anh soi bóng thấy mình trở thành già khọm da mồi tóc bạc[2].

Có hai truyện khác của ta cũng có nhan đề là *Từ Thức*, nhưng nội dung khác truyện trên kia.

1. Một người dàn bà ở Ninh-bình bị hổ bắt vào rừng buộc phải ăn nằm với hổ, sau yên lành trở về, đẻ một con trai đặt tên là Từ Thức. Lên mười tuổi, Từ Thức có sức mạnh, giỏi võ, nhưng không chịu làm quan mà bỏ vào hang Thần-phù đi tu. Tu được mười lăm năm tự nhiên hóa hổ, đầu là hổ nhưng tay chân mình mẩy còn là người, thường kêu gầm như tiếng hổ. Hổ bắt thú vật ăn sống nhưng vẫn có ý thức như người. Trở về với cha mẹ ngày ngủ đêm đi lùng bắt con mồi cho cha mẹ bán lấy tiền. Một đêm nọ đi bắt nai, không ngờ

1. Theo Trương Vĩnh Tống. *Mỹ Ấm tùy bút.*
2. Theo Phu-ji-ta. *Truyền thuyết Nhật-bản.*

có một tướng cướp là Quản Nhất Tiền nghe tiếng Từ Thức gầm, sợ quá chết giấc. Nhờ vậy quan mới bắt được cướp[1].

2. Một người tên là Từ Hàn ở Thanh-hóa vốn tốt bụng chăm làm việc công ích, được mọi người gọi là Thiện sĩ, một hôm mộng thấy thần cho một tượng đá, sau đó sinh ra Từ Thức. Lớn lên chàng chăm học nhưng thi không đỗ. Một hôm đi chơi chùa Hương-tích, gặp một nhà sư mời vào chùa.

Thấy chàng tỏ vẻ hâm mộ cảnh chùa, sư bèn mời ăn hoa quả, ăn vào, chàng bỗng quên mọi "tục lụ", lại được mời ra vườn ngắm cảnh. Ở đây Thức gặp một cô gái đẹp, hai bên trò chuyện dần dần gắn bó. Cô gái cho biết mình là tiên, vốn có duyên nợ với Thức. Bèn rủ cùng về cung tiên học đạo trường sinh. Bùi tai, Thức vào động cùng nàng. Từ đó người ta không biết chàng đi đâu[2].

Ở truyện thứ hai, cũng có chủ đề phảng phất như truyện trên kia, nhưng theo chúng tôi cách kể đã đượm mùi Nho và mùi Đạo nên nội dung trở nên khô khan.

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.
2. Theo *Thính văn dị lục*.

131. NGƯỜI HỌC TRÒ VỚI BA CON QUỶ

Ngày xưa, ở một vùng nọ có hai vợ chồng một nhà phú hộ tuổi đã già mới sinh được mụn con gái, nên hết sức chiều chuộng. Cô gái lớn lên hình dung đẹp đẽ ít ai bì kịp, bố mẹ lại càng nâng niu như vàng như ngọc. Họ bỏ tiền ra xây một ngôi lầu cho con ở. Lầu dựng xong, phú hộ lại cho người đi tìm hoa thơm cỏ lạ trồng xung quanh vườn để con thưởng ngoạn.

Bấy giờ trong đám rừng sâu gần đấy có ba con cáo sống lâu năm thành quỷ, có phép biến hóa, thường quen thói hại người. Nghe tin có cô gái đẹp cấm cung mà bố mẹ thì đang bỏ tiền ra mua các cây hoa trồng ở vườn, chúng rắp tâm phá phách, bèn hóa thành một thứ cây có hoa rất lạ. Hoa có ba cánh: một cánh mầu xanh, một cánh mầu trắng, một cánh mầu đỏ. Một người tiều phu lên rừng hái củi thấy hoa đẹp chưa từng có, liền bứng lấy đưa về bán cho phú hộ. Thấy cây hoa đặc biệt, phú hộ vội mua ngay rồi đem trồng ở vườn. Tuy hoa rất lạ và trông thật đẹp mắt nhưng cô gái lại tỏ vẻ không thích, vì thế mưu kế của lũ quỷ không thành. Lâu ngày hoa tàn cây héo, lũ quỷ sắp sửa bỏ đi nơi khác. Giữa lúc ấy, người phú hộ chặt cây thấy thớ gỗ đẹp, bèn chọn lấy một khúc, đẽo thành then cửa đem về chốt ở cửa buồng của con gái.

Thế rồi sau đó mấy hôm, một đêm kia trong khi cô gái đang ngủ, thì một con quỷ từ chiếc then cửa bỗng hiện ra, lên giường, toan sinh sự với cô. Nhưng cô đã vùng dậy, hết sức chống cự và kêu la inh ỏi. Biết không xong, con quỷ liền hớp lấy hồn nàng rồi lại biến vào then cửa. Khi vợ chồng phú hộ và người nhà chạy vào buồng thì thấy cô gái nằm thiêm thiếp trên giường như người đã chết, ngực thoi thóp đập, nhưng lay gọi mãi vẫn không tỉnh. Chưa kịp tìm thầy cứu chữa, thì tối hôm sau, trong khi người cha một mình chăm sóc cho con, con quỷ thứ hai lại hiện ra hớp lấy hồn ông. Tối hôm sau nữa lại đến lượt một người

nhà bị con quỷ thứ ba hớp hồn. Vợ phú ông sợ quá vội cho người mời một thầy phù thủy đến bắt quyết trừ tà. Thầy làm phép trong ba ngày ba đêm thì phú ông và người hầu tỉnh lại. Duy chỉ có cô con gái là quỷ đầu đàn vẫn không chịu buông tha. Thầy tuy đã cao tay nhưng quỷ vẫn chẳng coi ra mùi gì. Cuối cùng thầy đành xách gói cáo từ vì phép thuật đã giở ra hết mà cô gái vẫn nằm lịm trên giường, nửa mê nửa tỉnh. Từ đấy người ta tin rằng ngôi lầu có quỷ nên không ai dám lui tới.

Một buổi chiều nọ, có một thầy cử tên là Long đi thi hội, đến đây thì lỡ độ đường. Thấy có ngôi nhà tốt, anh bèn ghé vào xin nghỉ trọ. Người nhà kể lại câu chuyện đã qua và nói:

- Chẳng giấu gì ông, nhà chúng tôi đang bị lũ quỷ quấy nhiễu. Ông nên tìm chỗ khác mà trọ, kẻo mang vạ vào thân.

Nghe đoạn, Long vội nói với vợ chồng phú ông:

- Đã là học trò đọc sách thánh hiền thì yêu tinh ma quỷ dám đâu trêu ghẹo. Ông bà cứ cho tôi nghỉ lại một đêm. Biết đâu tôi lại không trừ được nạn cho ông bà.

Vợ chồng phú hộ nghe nói bèn mở cửa đón khách vào. Ăn xong bữa chiều, Long khoan thai bước lên lầu. Anh chỉ xin nhà chủ cho mình một ngọn đèn và một con dao sắc. Đêm lại, anh thắp đèn ngồi trước án thư đọc sách, con dao để sẵn bên người. Đến khuya, một con quỷ từ then cửa buồng cô gái hiện ra với trạng mạo một cô gái xinh đẹp. Long vẫn điềm nhiên đọc sách không nói gì cả cho đến lúc nó biến đi. Lần thứ hai, một con khác tiến vào dưới dạng một người mặt mày hung ác, tóc xõa, lưỡi thè chừng một gang. Nó chạm vào người Long, nhưng anh vẫn thi gan mặc kệ. Đến lượt con thứ ba tức là con quỷ đầu đàn đang hớp hồn cô gái, bước vào. Thấy bóng anh học trò, nó vội quay trở ra, chỉ kịp rú lên mấy tiếng: -"Có bậc quý nhân ... Trốn cả mau!" Long lần này đã cầm sẵn dao ngồi rình, nhanh như cắt, nhảy đến chém một nhát, con quỷ đứt mất một chân. Long chạy theo đến cửa buồng cô gái thì thoáng thấy cả ba con quỷ chui biến vào then cửa. Anh cầm lấy chân quỷ soi vào đèn xem, thì thấy đấy là một cái chân con cáo. Vì quỷ đau quá phải buông thả hồn ra nên ngay lúc đó cô gái cũng tỉnh dậy. Long liền đến gần hỏi chuyện. Biết đó là người cứu mình, nàng cúi đầu chào và ngỏ lời cảm ơn. Long dẫn nàng ra cho vợ chồng phú hộ. Lại đem

chân con quỷ cho mọi người xem. Ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi phục tài anh học trò.

Sáng hôm sau lúc lên đường, Long từ chối vàng bạc của hai vợ chồng phú hộ đưa tặng, chỉ xin họ cái then cửa buồng giắt vào thắt lưng. Đi được nửa ngày, anh đã thấy ba con quỷ hiện ra, phủ phục trước mặt, khẩn khoản xin anh làm phúc bỏ lại cái then cửa. Long cười:

- Không được! Chúng mày có tài phép gì thì cứ giở ra cho hết để tao xem, rồi tao sẽ cho chúng mày vào lửa.

- Xin ngài tha cho chúng tôi - ba con quỷ đáp - chúng tôi xin tặng ngài những vật quý.

- Vậy thì đưa ra đây ngay, nếu không thì đừng có trách!

Con quỷ thứ nhất đưa tặng Long một cái mặt trời đựng trong túi, dặn rằng ban đêm hễ rút ra khỏi túi thì trời sẽ sáng như ban ngày, cất vào túi thì trời lại tối sầm như cũ. Con thứ hai tặng một mặt trăng cũng vậy, hễ ban đêm tối tăm rút ra khỏi túi thì không cần đến đèn đuốc. Còn con thứ ba tặng một con ngựa mỗi ngày có thể đi ngàn dặm đường. Long vui lòng nhận lấy những món quà tặng rồi ném cái then cửa vào một bụi rậm bên đường.

Sau đó, Long nhảy lên lưng ngựa, bảo đưa mình tới kinh đô. Lập tức ngựa hý lên một tiếng rồi lao rất nhanh, bốn chân không chạm đất. Chỉ một lát sau, ngựa đã đặt anh xuống ở phía ngoài hoàng thành. Long ở lại đây sắm sửa mọi thứ để dự kỳ thi hội.

Hôm bắt đầu thi, bài của Long làm rất đắc ý. Cho nên thi vừa xong buổi sáng, anh bỗng nhớ đến vợ. Sẵn có con ngựa quý, anh nhảy lên lưng, bảo nó đưa mình về quê nhà. Ngựa phóng tít mù, chỉ vừa chập tối là đã đến nơi. Anh khe khẽ gọi cửa. Vợ Long đang ngủ, rất kinh ngạc vì thấy chồng mình đi thi chưa được mấy ngày đã vội trở về. Long không muốn thức cha mẹ dậy, nên dặn vợ giấu kín chuyện mình về. Rồi hai vợ chồng nhỏ to trò chuyện cho đến tờ mờ sáng anh mới lại lên đường.

Mặc dầu vậy đêm ấy tiếng chuyện trò rì rầm của đôi vợ chồng đã thức tỉnh cha mẹ Long nằm ở buồng bên. Hai ông bà không tin là con trai mình về, chỉ ngờ rằng nàng dâu có nhân tình nhân ngãi chi đây.

Cho nên sáng hôm sau ngủ dậy - lúc ấy Long đã cưỡi ngựa trở lại kinh đô để kịp nghe loa báo tin - hai ông bà vội vào buồng nàng dâu gạn hỏi. Vợ Long trước còn giấu quanh, nhưng sau thấy không giấu được nữa, đành phải kể lại câu chuyện chồng về tối hôm qua, cùng những việc chồng mình trị quỷ và được chúng tặng ngựa quý ra sao, v.v... Nhưng bố mẹ chồng làm sao mà tin được một việc khó nghe đến thế, nên trách mắng con dâu thậm tệ. Vợ Long không biết lấy gì làm chứng, đành chỉ ôm mặt ngồi khóc. May sao chiều ấy Long lại về. Được tận mắt thấy con trai và con ngựa thần, hai ông bà mới tin là thực. Long kể chuyện cho bố mẹ và mọi người cùng nghe:

- Sáng hôm nay ngựa đưa con vào đến kinh đô thì cũng vừa lúc tiếng loa trường thi bắt đầu gọi tên những ai thi đỗ. Nghe loa gọi đến tên con, con mừng rỡ vội ra nhà trọ thu xếp hành lý, phóng ngựa về đây. Ba ngày nữa con lại trẩy kinh để còn dự yến đêm do đức hoàng đế đãi các ông nghè ở điện Thiên-quang.

Nghe nói có con ngựa thần một ngày ngàn dặm, người cha ngỏ ý muốn cưỡi thử. Long hỏi:

- Bố muốn đi chơi đâu bây giờ?

- Bố thường ao ước được vào tận trong Đồng-nai Gia-định để du ngoạn một phen.

- Được.

Sáng hôm sau, ông già cơm nước xong, nai nịt chỉnh tề bước ra sân. Long nắm dây cương trao cho cha. Ông già vừa nhảy lên yên thốt ra hai tiếng "Gia-định", ngựa đã phóng đi vùn vụt, loáng một cái không thấy đâu nữa. Cho đến tận chiều, vào lúc mặt trời gác núi, con ngựa quý lại phóng như bay trở về, đặt ông già xuống giữa sân. Ông vui vẻ mở tay nải lấy quà mời mọi người nếm thử, rồi kể chuyện tai nghe mắt thấy ở Gia-định.

Mẹ Long nghe chồng hết lời ca ngợi con ngựa thần, cũng có ý định muốn đi chơi Đồng-nai Gia-định một chuyến dối già. Qua hôm sau, Long lại dắt ngựa ra sân rồi đỡ mẹ lên yên. Nhưng ngựa chưa kịp bước ra khỏi cổng, tự nhiên ngã khuỵu, hất bà già ngã lăn xuống đất. Một

luồng khói trắng từ trong mình ngựa phóng ra và bay cuộn lên trời. Mọi người xúm lại xem thì con ngựa đã tắt thở từ lúc nào. Thì ra bà mẹ Long đã cưỡi ngựa thần không đúng lúc vì bà đang thấy kinh nên thần ngựa hoảng sợ, bỏ lốt ngựa mà đi. Không những mất một tặng vật vô giá, ông tiến sĩ tân khoa còn đứng trước mối hiểm nguy khó thoát được tội "khi quân", vì trước mắt không có cách gì để tiến kinh cho kịp chiều mai dự yến. Đường từ quê Long đến kinh thành đi bộ mất bốn năm ngày đường, đi ngựa cũng phải hơn hai ngày. Không còn kế gì hơn, Long đành bắt một con ngựa thường, chẳng kịp từ biệt cha mẹ vợ con, vội ra roi cho con vật phi nước đại.

Con ngựa đi đến tối mịt mà vẫn chưa được một nửa đường. Nằm nghỉ ở quán trọ, Long lo lắng hết sức. Anh sực nhớ tới món tặng vật "mặt trời" do con quỷ thứ nhất biếu vẫn còn cất trong túi vải. Thế là Long tìm ra một diệu kế. Ngày hôm sau, Long lại lên ngựa phóng đi. Cho đến khi mặt trời sắp gác núi, anh bèn lôi "mặt trời" của mình ra treo trước đầu ngựa. Thốt nhiên, một chuyện lạ chưa từng có xảy ra: đâu đâu cũng không thấy tắt ánh mặt trời. Cho đến khi con ngựa đưa Long đến trước điện Thiên-quang, anh mới cất "mặt trời" vào túi, bấy giờ bầu trời đang từ ban ngày mới chuyển sang đêm một cách đột ngột.

Long buộc ngựa xong, bước vào điện. Nhưng cũng đã muộn mất rồi. Mọi người chờ mãi không thấy đêm xuống, song thức ăn thì đã nguội cả, nên sau cùng Hoàng đế đành ra lệnh cho các ông tiến sĩ cứ bốn người một, ngồi vào mâm. Khi Long bước vào, thì tiệc rượu đã hầu tàn. Biết việc chậm trễ có thể khiến mình mất đầu như chơi, nên anh cởi mũ "phủ phục" trước sân điện, một hai viện lý do "không thấy trời tối" để mong được nhẹ tội. Vua tha cho anh, nhưng để anh nhớ lỗi, bắt bổ anh về làm tri huyện một huyện từng nổi tiếng có nhiều vụ án ma. Mặc dầu vẫn nghe nhiều tin đồn rùng rợn rằng từ trước đến nay, hễ quan nào được bổ về huyện ấy đều bị ma quỷ vật chết, Long vẫn ung dung về trị nhậm.

Theo tục lệ ở vùng này, mỗi khi quan mới bổ đến, dân các làng xã đều phải mang lễ vật đến chào quan. Cho nên những ngày Long mới chân ướt chân ráo đến nơi, dân các làng kéo nhau đội lễ vật đến đầy

cả công đường. Long tiếp chuyện mọi người rất ân cần, nhưng nhất thiết từ chối mọi lễ vật. Chàng kín đáo dặn lính hầu mỗi khi có toán dân nào ra về thì lén đi theo để biết rõ tung tích. Vào ngày thứ ba, một trong những người lính hầu mà Long phái đi theo bén gót hai người dân đội một mâm lễ vật trở về. Người lính thấy hai người này đi mãi, đi mãi, bóng chiều đã ngả mà vẫn chưa đến nơi. Cho đến khi tắt ánh mặt trời mới thấy họ đến sát một cái giếng hoang bên cạnh đường. Thốt nhiên họ đội cả mâm, lội vùng xuống giếng, rồi thoáng một cái đã biến mất. Vừa kinh ngạc, vừa sợ hãi, người lính vội đi suốt đêm trở về báo lại tình hình cho quan biết.

Sáng hôm sau, Long hạ lệnh cho một toán lính huyện tới tát cạn cái giếng ấy. Họ ra sức tát suốt cả một ngày. Nhưng thật là lạ lùng! Tát được bao nhiêu nước lại đầy ắp bấy nhiêu. Mấy ngày sau nữa công việc cũng không nhích lên được tý nào. Bọn lính huyện cảm thấy rất chán nản. Một đêm nọ, vào giữa canh khuya, một người lính nằm ngủ bỗng thức giấc thấy có hai con quỷ đang ngồi vắt vẻo trên cành cây nói chuyện với nhau. Một con hỏi: -"Nếu chúng nó kéo tới đông thì có tát cạn chăng?". Con kia đáp: -"Nhiều người cũng vô ích thôi. Chỉ có rồng mới có thể tát cạn, ngoài ra không có cách nào khác".

Người lính bèn đem câu chuyện ấy trình lên quan. Long nói ngay:

- Chính ta là rồng đây! Ta sẽ thân hành tát cạn giếng.

Nói xong Long cưỡi ngựa về tận nơi. Sau khi xem xét tình hình, quan xắn áo quần cầm lấy gầu tát lấy tát để. Quả nhiên chỉ một mình Long đã làm cho nước giếng dần dần cạn thấu đáy. Nhưng khi giếng cạn hết, cả quan và lính đều không tìm thấy quỷ. Giữa ban ngày, quỷ có phép tàng hình, mắt người không thể nhìn thấy được. Nhưng đêm đến, quỷ lại dựa vào tối trời, lẩn lút trốn nấp trong các hang hốc làm cho Long và lính hầu tìm hết hơi mà không ra. Họ thắp đuốc lên nhưng bó đuốc nào hễ đưa vào cửa hang cũng đều tắt ngấm, không thể chụm lên được. Long sực nhớ tới món tặng vật bèn mở túi lấy "mặt trời" ra treo lên đầu ngọn tre. Lập tức cả một vùng sáng rực như ban ngày. Nhưng vì là ban ngày nên quỷ lại tàng hình lọt khỏi con mắt của mọi người. Sau cùng Long nhớ đến món tặng vật thứ hai. Vừa đưa ra khỏi túi, "mặt trăng"

tỏa một thứ ánh sáng dịu mát vào khắp mọi nơi. Long liền mang "mặt trăng" đi lần xuống giếng, tiến vào các hang, các hốc. Dưới ánh sáng trăng, quỷ đành lộ mặt, không thể tàng hình nổi. Cho nên chỉ một chốc, chưa giập miếng bã trầu, quan và lính đã tóm được hai con quỷ. Chính đó là hai con xà tinh quen thói hại người, thường dùng một cái hang ở đáy giếng làm sào huyệt. Trước mặt Long, hai con quỷ cúi đầu van lạy xin quan sinh phúc tha cho tính mạng, từ rày không dám làm hại ai nữa. Long sai lính giải chúng đi đày thật xa. Từ đấy dân huyện ấy sống yên ổn[1].

KHẢO DỊ

Một truyện của người Mèo *Hang rồng*, có một số tình tiết tương tự với truyện trên:

Có hai anh em hàng ngày đi kiếm rau lọn, một hôm thấy có người của nhà vua đến trước núi đá nói ba lần: - "Rồng à, mở cửa!". Sườn núi bỗng mở ra cho họ vào. Khi họ ra, lại nói ba lần: - "Rồng à, đóng cửa lại!", sườn núi khép lại liền như cũ. Chờ khi họ đi xa, hai anh em cũng đến gọi như thế. Sườn núi liền mở ra, hai anh em bước vào thấy nhiều đồ đạc quý giá, trong đó có một cái ngai vàng rất đẹp. Trở về, hai anh em mách cho bố biết rồi dắt bố vào hang. Bố trèo lên ngai vàng ngồi chơi, chẳng may người dính chặt vào ngai không gỡ được. Biết thế nào cũng chết, bố dặn con về làm chiếc nỏ chín sải khi nào có cờ trắng xuất hiện thì bắn chết người có cờ (vua). Từ đấy cửa hang đóng kín, không mở theo tiếng gọi nữa.

Anh em về làm theo lời bố dặn, nhưng lại bắn không trúng người có cờ. Biết việc bí mật bị lộ, vua cho truy hỏi những người vào hang lần trước xem có gặp người nào chăng? Họ đáp: - "Có gặp hai đứa bé hái rau lọn". Vua sai lính bắt hai anh em về trị tội. Lính đến nhà bắt họ đi. Dọc đường trời tối, tất cả nghỉ lại ở một nhà nọ. Thấy khách lạ, chủ nhà nói: - "Nhà chúng tôi có một đứa con gái bị ma quấy, đêm nào cũng rên la". Đêm ấy, trong khi bọn lính ngủ say, hai anh em đang lo lắng thao thức, bỗng nghe tiếng gọi: -"Ngưỡng cửa, ngưỡng cửa mở mau cho tao vào!". Tiếng trả lời: - "Nhà có quý khách, "ma nước" hãy đi đi, mai lại tới". Ma nước bỏ đi, nhờ thế, đêm ấy người con gái chủ nhà

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn, và lời kể của người Bình-định.

không rên la gì. Chủ nhà cho là hai anh em có phép bèn nhờ họ trừ hộ. Chờ cho mọi người lui ra, hai anh em tra hỏi cái ngưỡng cửa. Ngưỡng cửa cho biết là dưới cái ao sau nhà có con "ma nước" vốn là một con ếch thành tinh. Cô gái này đi lấy nước đánh rơi chiếc nhẫn xuống ao, ma nước nuốt lấy chiếc nhẫn, từ đó thường về quấy. Muốn trừ nó thì chuẩn bị một ống chỉ buộc một đầu vào chiếc búa, rồi trong khi làm lễ cúng ma, hễ thấy một người đàn bà nào cao lớn hãy dùng búa bổ mạnh vào đầu, ma sẽ mang theo sợi chỉ chạy về. Lúc ấy thuê người tát cạn ao lần theo sợi chỉ mà tìm sẽ bắt được một con ếch, làm thịt ếch nướng cho cô gái ăn, sẽ khỏi. Ngưỡng cửa lại bảo khi nào bố mẹ cô gái đền ơn, thì nhớ xin tôi mang theo, tôi sẽ giúp cho nhiều việc. Hai anh em làm theo lời, cô gái quả khỏi. Khi ra đi, họ xin cái ngưỡng cửa thay cho tiền tạ ơn.

Dọc đường họ hỏi ngưỡng cửa làm cách gì để khỏi bị vua làm tội. Ngưỡng cửa dặn khi nào thấy hổ trắng thì bảo nó nằm phục xuống rồi cưỡi lên lưng, nói: - "Đây là ngựa ta!". Gặp hổ đen cũng làm như vậy. Gặp tổ ong vò vẽ thì mang cả tổ theo, nói: - "Đây là quân ta!". Khi về triều chúng nó sẽ cứu mạng. Họ lần lượt gặp hổ trắng, hổ đen và tổ ong vò vẽ. Làm theo lời dặn, họ cưỡi hổ về triều. Thấy vua quan, hổ xông ra ăn thịt. Quân triều xông lại thì bị ong đánh đuổi. Hai anh em bèn lên làm vua[1].

Về chỗ Long cưỡi ngựa thần đêm lẻn về với vợ, sáng dậy lại cưỡi vào kinh làm bài, người Bắc-giang cũng có một truyện dưới dạng thần tích có hình tượng tương tự:

Ngày ấy có giặc Bắc sang xâm lược, vua sai sứ đi tìm người tài giỏi cứu nước. Sứ giả tìm được Vũ Thành, người anh hùng ở xã Tùng-linh, huyện Lục-ngạn. Vũ Thành xin vua một thanh gươm, một con ngựa trắng đem quân ra trận. Vua phong là Đầu thượng tướng quân. Nhưng con ngựa vốn có phép thần, nên đêm đêm anh thường lẻn về với vợ, không một ai biết. Người vợ có thai. Mẹ chồng mắng nàng dâu sao không giữ trinh tiết với chồng. Vợ Vũ Thành đáp: -"Chồng con thường đêm đêm lẻn về nhà, sáng mai lại đi sớm. Nếu mẹ không tin, con xin giấu gươm của chồng con trình mẹ hay".

Một đêm, Vũ Thành về nhà, vợ giấu thanh bảo kiếm rồi thay vào một chiếc gươm gỗ, Khi Vũ Thành giáp trận rút gươm ra chém giặc, không ngờ gươm gỗ vô dụng bị quân giặc xông lại chém đứt đầu. Vũ Thành chỉ còn biết ôm lấy

1. Theo *Truyện cổ dân tộc Mèo*, đã dẫn.

đầu phi ngựa về. Đến một nơi nọ gặp một bà lão, bèn hỏi: - "Mất đầu còn sống được chăng?". Bà lão trả lời: - "Mất đầu thì chết!". Nghe đoạn Vũ Thành lăn xuống ngựa chết[1].

Cũng dưới dạng thần tích, người Nùng Lạng-sơn kể như sau:

Ngày xưa có một chàng trai được mẹ cho đi học với một thầy đồ ở làng. Hàng ngày anh phải chăn ngựa cho thầy. Một hôm con ngựa ấy được một đám mây trắng phủ, đẻ ra một con ngựa đá. Anh trèo lên lưng nó cưỡi chơi, không ngờ đó là con ngựa thần, nó bay lên trời, đưa anh đi rất xa theo ý muốn, rồi lại trở về trong phút chốc. Về sau, anh học với một ông thầy khác ở nước ngoài. Nhờ ngựa thần anh sớm tối đi về không phí sức.

Một hôm, vợ anh muốn đùa chơi nên trước khi lên rừng hái củi, giấu kỹ chiếc giày của anh thường mang. Thấy mặt trời đã lên cao mà chưa tìm ra giày, anh liền cưỡi ngựa thần bay lên trời kéo mặt trời xuống. Làm đến ba lần như vậy, vẫn không tìm thấy giày, bất đắc dĩ anh lấy đất bùn nặn thành một chiếc giày giả rồi cưỡi ngựa đi học. Ở trường, thầy bảo trò: -"Hôm nay mặt trời lên xuống ba lần. Đó là điềm vua (hay trạng) xuất hiện". Sau đó thầy bảo trò mang lưới đi đánh cá để làm thức ăn. Chiếc giày đất của anh tan ra trong nước. Thầy tức giận cho là vô lễ bèn chém chết. Anh nhặt đầu đặt lên cổ rồi cưỡi ngựa đá về, hỏi mẹ: - "Mất đầu còn sống được chăng?" Mẹ anh cũng đáp: - "Mất đầu thì chết!". Anh ném đầu xuống ngã ra chết sau khi dặn vợ: đặt xác mình ở đầm, mỗi ngày đốt một nén hương và nấu một nồi cháo để nguội rắc xuống đầm, đủ một trăm ngày sẽ sống lại. Vợ nghe lời; làm được chín mươi chín ngày, nhưng đến ngày thứ một trăm, vợ đi rừng lấy củi, ở nhà mẹ không biết, đổ cả nồi cháo nóng xuống đầm, các con trùng đều chết hết.

Hồn anh lại báo mộng cho vợ bảo vớt những con trùng chết chôn ở vườn tre; khi tre tốt nếu có ai hỏi mua bảo phải có đủ một trăm đồng tiền mới bán. Vợ làm theo. Một hôm có quan quân đi qua bị gãy đòn cáng. Một người lính tìm đến nhà hỏi mua một cây tre tốt, nhưng hắn chỉ có chín mươi chín đồng tiền. Người vợ không bán. Nhưng sau đó người mẹ vì không biết chuyện, nên nhận lời bán. Lúc người lính chặt tre, thấy trong cây tre người đã thành hình nhưng còn non yếu, chẳng mấy chốc thì chết. Vì vậy anh không sống lại được nữa[2].

1. Theo Trịnh Như Tấu. *Bắc-giang địa chí* và *Lại-thâm xã thần tích*.
2. Theo *Uyên-cốt xã Cao Quý Minh đại vương phả lục*.

Theo người Tày Cao-bằng thì truyện trên là sự tích của Nùng Trí Cao. Đoạn đầu kể như sau: Nùng Trí Cao có lần bị buộc phải về chầu vua Lý ở Thăng-long, bị vua giữ lại và cho đi học. Vốn có con ngựa thần (có thể thu nhỏ bằng lóng tre), Cao đêm đêm lại lẻn về thăm vợ. Vì thế vợ có thai. Bị mẹ chồng mắng nhiếc, nàng dâu phải thú thật và phải giấu chiếc hài của chồng làm chứng. Như trên, sáng dậy thấy mất chiếc hài, Cao phải ba lần kéo lùi mặt trời để có thì giờ tìm tòi, nhưng cuối cùng không tìm ra, đành phải nặn một chiếc hài bằng đất để đi tạm. Thấy sự lạ, nhà vua sai quan chiêm tinh đoán cho ra kẻ làm lùi mặt trời. Cũng như trên, bằng mẹo bắt cá, quan chiêm tinh biết Cao là thủ phạm. Nhưng khác với truyện trên, vua không giết mà tha, và gả công chúa cho Cao[1].

Truyện này trong *Truyện cổ dân gian của các dân tộc Việt-nam*, tập IV, kể có khác đi như sau: Hai anh em nhà nọ bị dì ghẻ bạc đãi, đang mùa đông mụ đòi kiếm cho mụ một quả đào thì mới cho đi học. Một bà tiên hiện ra cho họ quả đào, bảo sau khi ăn, xin lấy hột, sau này sẽ cầu được ước thấy.

Kim Tự là người anh, học một biết trăm làm cho cả trường ghen tỵ, chúng buộc phải có áo quần, rồi sau đó, phải có giày mới được đi học. Người em mới thêu cho anh được một chiếc, còn một chiếc nữa vì vội nên phải bồi bằng giấy. Nhưng chưa kịp thì trời đã sáng. Túng quá, Kim Tự lấy hột đào ra ước mặt trời lặn xuống.

Phải làm đến ba lần như vậy mới bồi xong. Nhưng sau ba lần ước, hột đào cũng biến mất.

Nhà vua thấy sự lạ phái quan quân đi dò. Thầy trò đi đón quan quân giữa mưa. Giày giấy bị nát, Kim Tự bị bắt. Sau đó chúng biết anh là kẻ gây ra sự lạ nên chém chết. Từ đây truyện giống với truyện trên. Anh bưng lấy đầu về nhà, hỏi mọi người. Câu trả lời của mụ dì ghẻ làm anh ngã chết. Xác anh biến thành sâu do người em nuôi trong chum, hàng ngày nấu cháo để nguội đổ vào. Nhưng mụ dì ghẻ một hôm đổ cháo nóng làm sâu chết hết. Sâu hóa thành tre. Anh báo mộng cho em nếu có ai đến mua bảo có đủ một trăm đồng mới bán.

Một hôm vua đi chơi bị gãy đòn cáng, sai người đến mua tre nhưng chỉ có chín mươi tám đồng. Người em không chịu bán nhưng mụ dì ghẻ lại bán. Không ngờ khi chặt thì Kim Tự và binh mã xuất hiện đánh cho vua quan thất điên

1. Theo tài liệu của Hoàng Quyết.

bát đảo. Nhưng vì còn non nên cuối cùng anh và binh mã cũng ngã xuống chết cả.

Từ đấy đến ngày Tết, người ta chặt tre về trồng để ghi nhớ hình ảnh Kim Tự.

Truyện *Sự tích ong mật* sưu tầm ở Tuyên-quang cũng kể gần như trên, chỉ không thấy hình ảnh đôi giày. Và ở đoạn kết, khi binh mã ngã xuống đều hóa thành ong, chàng trai là ong chúa, vợ anh hóa thành một loại cây có hoa cho ong hút mật[1].

Cả mấy truyện vừa kể, sự tiến triển của hình tượng cùng cách giải thích hình tượng không được lô-gich, chắc người kể chưa nắm được cốt truyện cũng như chủ đề.

Xem thêm các truyện *Tinh con chuột* (số **115**) và *Hà Ô Lôi* (số **116**).

Về tặng vật "mặt trời" nhiều truyện cổ tích phương Tây dùng khá phổ biến, có khi không phải "mặt trời" mà là một vật gì đó (ví dụ chiếc lông) có khả năng chiếu sáng làm cho đêm cũng như ngày, v.v... Ở đây nên đối chiếu với hình ảnh của truyện *Nợ như chúa Chổm* (số **44**, tập **II**), tức là Chổm cầu Thượng đế kéo lùi mặt trời lại để cho mình làm nốt công việc.

1. Theo Đức Hùng, Phù Ninh, sách đã dẫn.

132. HAI CÔ GÁI VÀ CỤC BƯỚU

Xưa có một cô gái con nhà nghèo khó. Không may cho cô là khi sinh ra đã mang một cục bướu ở mặt. Người càng lớn cục bướu càng to, vì vậy nhan sắc của cô thua em kém chị. Tuy nhiên cô vẫn không lấy thế làm buồn, suốt ngày thường vui đùa ca hát.

Một buổi trưa hè cô theo bạn lên rừng kiếm củi. Vì mê mải tìm nấm, cô vui chân quá bước vào rừng sâu, quên bẵng trời đã ngả về chiều, và mây thì đang kéo tới mỗi lúc một đen sầm, báo hiệu một cơn dông sắp tới. Quả nhiên khi cô định trở ra để gặp chúng bạn thì không kịp nữa. Gió thổi mạnh làm cho cây rừng xào xạc, cành khô gẫy răng rắc và những giọt mưa hắt vào mặt. Bất đắc dĩ cô phải chạy đi tìm chỗ ẩn. May làm sao cô chạy kịp đến một hốc cây cổ thụ, thu mình chui vào ngồi để dùng làm chỗ tránh mưa. Nhưng đến lúc mưa tạnh, bước ra khỏi hốc thì trời cũng đã tối mịt. - "Các bạn ta bây giờ chắc đã rủ nhau về cả. Đường rừng trời tối lại đi một mình thật là đáng sợ. Thôi đành ở lại đây đợi sáng, không còn cách nào khác". Nghĩ vậy, cô dọn lại chỗ hốc sạch sẽ rồi lách mình vào đó nằm nghỉ, không quên đặt bó củi chắn ở cửa đề phòng thú dữ.

Khuya lại có những tiếng hát tiếng cười và tiếng đàn sáo làm cho cô gái tỉnh giấc. Cô nhìn ra thấy trăng sáng như ban ngày. Ở một bãi đất bằng phía bên kia gốc cổ thụ có một đám người đang múa hát vui vẻ. Cô bước ra khỏi hốc. Thoạt đầu cô cứ ngỡ là có một nhóm người đi rừng nào đó lên đây sớm ngồi đợi trời sáng nên bày ra múa hát mua vui. Nhưng khi nhìn kỹ thì hóa ra không phải. Đó là những người hình dung dị thường, ăn mặc khác lạ, có những bộ mặt đen đủi đầy những lông lá gớm ghiếc. Cô gái bụng bảo dạ: "Đúng là một bọn quỷ!" và cô bỗng rùng mình. Nhưng rồi cô lại đánh bạo bước lại nấp sau cây cổ thụ rình xem. Bọn quỷ vẫn múa hát không biết có người đang nhìn mình.

Giọng hát của chúng không hay nhưng thực là vui làm cho cô vui lây. Cho nên, cô cũng lẩm bẩm hát theo bằng một giọng nho nhỏ trong cổ họng. Dần dần húng lên, tự nhiên cô cất cao giọng, quên bẵng mình đang nấp.

Nghe tiếng hát, bọn quỷ bỗng im bặt. Rồi cả bọn ùa nhau chạy đến gốc cây. Một đứa nói: - "Hà hà, khá quá! Ra đây, ra đây, ta cùng hát cho vui". Rồi chúng dắt cô ra bãi bảo cô hát tiếp. Cô lấy can đảm hát lại bài hát vừa rồi. Giọng cô rất trong làm cho bọn quỷ phải lắng nghe. Xong một bài, chúng tấm tắc khen ngợi rồi nhảy múa thích thú. Chúng lại đưa những quả sim quả ổi mời cô ăn. Ăn xong, lại bảo cô hát tiếp. Rồi chúng còn lần lượt đàn hát và nhảy nhót suốt đêm.

Tiếng gà rừng gáy buộc bọn quỷ phải ngừng cuộc vui đùa. Một đứa bảo cô: - "Cô hát hay quá! Tối mai đến đây hát nữa nhá!". Cô gái đáp: -"Cái đó thì cũng còn tùy". Nó kêu lên: - "Ấy, còn tùy là thế nào. Chúng mày ơi! ngộ tối mai cô ấy không đến thì sao?". Một tiếng ứng theo: -"Phải bắt cô ấy để lại cái gì làm tin mới được!" - "Phải đấy, phải đấy!". Một đứa chỉ vào cái bướu: - "Ta hãy giữ lấy cái này, chắc là của quý. Mai cô đến mà lấy nhé!". Nói xong phẩy tay một cái, rồi cả lũ biến đi lúc nào không hay.

*
* *

Sáng hôm sau, cô gái ra về, lòng mừng khấp khởi. Cục bướu đã được bọn quỷ lấy đi một cách thần diệu làm cho mặt cô trở nên nhẹ nhõm. Gặp ai, cô cũng kể lại câu chuyện tối hôm trước cho họ nghe. Chẳng mấy chốc tiếng đồn đã lan khắp đầu đường cuối chợ. Một nhà phú hộ ở làng bên cạnh có một cô gái cũng không may mang một cục bướu trên mặt. Khi nghe câu chuyện, cô này vội vàng đến gặp cô kia xin chỉ chỗ cho mình đi thay, hy vọng nhờ lũ quỷ nhổ cho cái bướu xấu xí trên người. Cuối cùng cô gái nhà phú hộ cũng tìm được đến gốc cổ thụ nọ và nấp sẵn trong hốc cây. Nửa đêm bọn quỷ hiện ra dưới ánh trăng. Chúng vội vã tìm đến chỗ cô gái nấp: - "Nào, cô hãy xuống hát với chúng tôi đi!". Vốn quen thói gắt gỏng, lại thấy những cánh tay lông lá giơ ra kéo lấy áo, cô vội gạt đi: - "Buông ra đã nào, tránh để tôi xuống.

Ôi kinh tởm!". Rồi cô cũng nhảy xuống khỏi hốc nhưng vẫn tỏ vẻ sợ hãi gớm ghiếc, không dám lại gần lũ quỷ. Cô để cho chúng giục hai ba lần mới cất giọng hát, song nét mặt thì không được vui. Giọng của cô cũng vì thế mà mất tự nhiên. Mỗi lần cô cố gắng cất cao, thì giọng lại the thé, nghe chẳng hay ho gì. Cô mới hát được một bài, bọn quỷ đã tỏ ý không hài lòng! Một đứa nói: - "Hôm qua sao hát hay thế còn bây giờ thì chán ngắt! Thôi cô về đi cho rảnh" - "Phải đấy về đi". Tiếng đuổi của lũ quỷ nhao nhao làm cho cô gái phật ý, quay lưng trở lui. Nhưng mới đi được mấy bước, cô đã nghe có tiếng chạy theo: - "Này cô kia, trả lại cô cái làm tin hôm qua". Cô vừa ngoảnh lại thì đã thấy có vật gì mềm nhũn văng vào má. Sờ tay vào mới biết bây giờ không phải một mà hai cục bướu[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên cùng một dạng với truyện *Hai cụ già và lũ quỷ* của người Nhật. Đại khái, ở đây thay vào hai cô gái là hai cụ già. Một cụ có bướu ở má bên phải, cụ cũng vào rừng kiếm củi rồi cũng vì mưa phải ẩn trong hốc cây, nghỉ lại suốt đêm. Cũng có lũ quỷ (mặc áo xanh áo đỏ, người một mắt, kẻ không mồm v.v...) đốt đống lửa ngồi xung quanh rồi vừa hát vừa nhảy. Cụ già vui tính cũng ra khỏi chỗ nấp nhưng không hát mà chỉ nhảy với lũ quỷ. Cuối cùng chúng cũng đòi giữ cái bướu của cụ làm tin như truyện trên - "Ô, bướu gắn bó với tôi đã lâu năm, xa nhau không nỡ, vậy các ông cứ lấy một con mắt hay một lỗ mũi cũng được chứ đừng lấy cái ấy đi". Lũ quỷ nghe nói đoán là vật quý lắm nên nhất định cứ lấy bướu.

Cụ già thứ hai có bướu ở má bên trái, nghe cụ kia kể cũng đi lên rừng cầu may nhưng ông cụ nhảy tồi. Thấy vậy, lũ quỷ cũng đuổi về và ném trả lại cái bướu giữ làm tin hôm qua vào má bên phải, cụ này đành phải mang cả hai cục bướu trở về[2].

1. Theo lời kể của người Hải-dương, và theo Lê Doãn Vỹ, đã dẫn, số 6 (1940).
2. Theo *Truyện cổ tích của nước Nhật cổ* (Bản dịch ra tiếng Pháp của Đô-trơ-me (Dautremer).

133. NGƯỜI HÓA DẾ

Vào đời nhà Lê người ta hay chơi trò chọi dế. Người ta cố tìm những con dế khỏe mạnh khéo chọi và bán giá cao. Mỗi lần có cuộc chọi dế, người đánh cuộc vây vòng trong vòng ngoài, chủ nhân của những con dế thắng trận vừa được những món tiền thưởng lớn lại vừa được đám đông trầm trồ thán phục. Vì thế, từ quan chí dân, ai nấy đua nhau nuôi dế chọi, chính nhà vua lại là người say mê thú chơi này đệ nhất. Có những viên quan chuyên có mỗi một việc nuôi và chăm sóc đàn dế chọi cho nhà vua. Có những viên nội giám chuyên đi lùng dế trong dân. Trong cung thường mở những ngày hội chọi dế, có nhiều quan lớn các trấn về dự các trận đấu. Để luôn luôn có dế tốt, vua ra lệnh cho mỗi tổng ở gần kinh kỳ phải tìm cho được ít nhất là một con dế chọi đem nộp, nếu quả là dế hay thì sẽ miễn trừ sưu thuế, trái lại nếu nộp dế xấu hay không có dế, thì phải tội nặng.

Bấy giờ vùng Kinh-bắc về tổng Đại-mão, có một ông cai tổng nuôi một con dế chọi hay lắm. Tất cả những con dế có tiếng là hay đem đến chọi với dế của ông cũng đều thua chạy. Vì thế ông quý dế mình hơn vàng, hết sức chăm chút để đợi ngày tiến vua. Ông nghĩ bụng: - "Có thể nhờ nó may ra vụ thuế năm nay được tỉnh giảm ít nhiều".

Sắp tới ngày tiến dế, một hôm ông cai tổng đi chợ để sắm sửa hành trang. Ở nhà hôm ấy chỉ có mỗi một mình thằng con ông còn nhỏ giữ nhà. Buồn tình, nó gọi bọn trẻ lối xóm tới chơi. Chơi được một chốc, chúng nó bày trò chọi dế. Tuy biết dế của bố không được phép mó vào, nhưng nay nhân bố mẹ vắng nhà, thằng bé mở lồng bắt con dế quý ra, cho chọi với dế của chúng bạn. Chẳng biết chúng nó bắt lên bắt xuống thế nào mà chỉ được một chốc con dế quý tự nhiên ngắc ngoải, rồi lăn ra chết. Thấy dế chết, thằng bé vô cùng sợ hãi. Nghĩ đến những trận

roi sắp tới của người bố nghiêm khắc, nó không còn hồn vía nào nữa. - "Mất con dế tiến, bố ta mà về thì sẽ vặn cổ không tha!". Nghĩ vậy thằng bé vội bỏ nhà cắm cổ ra đi một mạch.

Khi ông cai tổng trở về, như thường lệ, đến ngay chỗ lồng nâng niu con dế tiến. Thấy dế chết, ông gầm lên. Và khi biết thủ phạm là con mình, ông túc tốc sai người đi tìm về toan đánh cho một trận. Nhưng người nhà tìm khắp nơi chẳng thấy thằng bé đâu cả. Ngày một ngày hai không thấy con về, ông đổi giận làm lo. Ông phải viết giấy cho các xã trưởng nhờ tìm tòi, song cũng vô hiệu. Chắc rằng con mình sợ tội, nên đã liều thân hoại thể ở đâu rồi, hai vợ chồng ông hết sức đau xót. Hai vợ chồng bảo nhau: -"Dế đã chết, không biết lấy gì để nạp lên vua, sự thể chắc thế nào cũng sẽ bị tội nặng, mà đứa con độc nhất cũng chẳng còn, thôi thì thiết sống làm gì nữa". Thế rồi, họ định bụng tối đến sẽ ra vườn sau thắt cổ.

Lại nói chuyện đứa bé sau khi bỏ nhà ra đi, cứ nhắm đường rừng bước miết. -"Ta phải đi thật nhanh kẻo bố cho người đuổi theo". Đi mãi đến chiều tối, phần thì mệt và đói, phần thì sợ hãi vì trong rừng sâu không một bóng người, đứa bé nằm vật trên một tảng đá kêu khóc.

Bỗng từ sau tảng đá, một đạo sĩ hiện ra hỏi:

- Tại sao con khóc?

Thằng bé mếu máo kể chuyện đầu đuôi cho đạo sĩ nghe, và nói:

- Bây giờ bố cháu không có dế nạp vua, chắc là vua trị tội nặng.

Nghe đoạn, đạo sĩ bảo:

- Con đừng lo, để ta giúp con chuộc tội cho bố mẹ.

Nói rồi, đạo sĩ dắt đứa bé về hang, lấy cơm cho ăn và trải giường cho ngủ. Qua ngày sau, đạo sĩ gọi thằng bé dậy dặn rằng:

- Ta sẽ làm cho con hóa dế, con về giúp bố con có cái để nạp vua. Xong việc, tìm cách trốn về đây ta sẽ hóa phép cho con trở lại nguyên hình. Có muốn thế không?

Thằng bé gật đầu. Đạo sĩ đọc lên một câu thần chú. Tự nhiên thằng bé cứ nhỏ lại dần, nhỏ dần và cuối cùng hóa thành một con dế. Đạo sĩ khoát tay bảo:

- Hãy can đảm đi đi, rồi nhớ đường về đây.

Dế ta cất cánh nhằm đường cũ bay một mạch trở về. Khi về đến nhà thì vừa lúc hai vợ chồng ông cai tổng ra vườn sau toan buộc dây thắt cổ. Dế sán lại gần gáy lên từng hồi. Nghe tiếng dế rất gần, ông cai tổng lấy làm lạ, vội đốt đuốc ra soi thì dế bay đậu ngay vào lòng bàn tay ông. Thấy con dế có vẻ khỏe, lại quen người, ông cai tổng đổi buồn làm vui. - "Đây là trời xui đất khiến đưa dế cho mình để thay cho con hôm nọ đây!". Ông quên ngay mọi việc xảy ra và bỏ ý định tự tử, bèn đem dế bỏ vào lồng để mai mang tiến vua cho kịp ngày hội.

Khi dế của ông cai tổng Đại-mão đưa vào cung, vua chưa thấy có con nào bé người mà khỏe đến thế. Vua cho nó đấu thử với các con dế khác, thì không một con nào dám đương đầu. Tất cả những con dế nổi tiếng ở kinh đô đều đại bại. Vua rất đẹp lòng về con dế vô địch, vội xuống chỉ ban cho người tiến dế phẩm hàm và hạ lệnh tha thuế cho tổng Đại-mão trong ba năm để thưởng công phu kiếm được dế tốt.

Vua sai đưa con dế quý bỏ vào trong một cái lồng bằng vàng và sai mấy viên quan nội giám hết sức chăm chút. Mấy ngày sau, giữa ngày hội lớn, vua ra lệnh đưa con dế mới ra chọi với dế quan tổng đốc ba trấn miền Nam mới về dự hội. Đấu được ba hiệp, con dế mới đã cặp cho con dế quan tổng đốc gãy càng. Nhà vua chưa lần nào được sảng khoái như thế. Nhưng khi viên nội giám sắp bắt dế bỏ vào lồng thì bỗng dưng dế xòe cánh bay vụt lên trời, và chỉ một chốc đã biến mất trước những con mắt ngơ ngác của đám vua quan.

Dế cứ lần theo đường cũ bay trở về hang của đạo sĩ. Trông thấy đạo sĩ, dế đậu ngay vào áo. Đạo sĩ bắt dế vào tay, đọc lên một câu thần chú. Tự nhiên dế lại lớn dần, lớn dần lên, và chỉ trong chớp mắt trở lại biến thành đứa con ông cai tổng. Đạo sĩ vỗ vào vai bảo:

- Thôi con trở về kẻo bố mẹ con mong!

Thằng bé lại tìm đường ra khỏi rừng rồi trở về nhà. Trông thấy con, hai vợ chồng ông cai tổng khôn xiết mừng rỡ[1].

1. Theo Sê-ông (Chéon). Sách đã dẫn.

KHẢO DỊ

Một bài vè sưu tầm ở miền Bắc nhắc đến truyện trên nhưng kết thúc câu chuyện thì không giống:

Nhà Lê, niên hiệu Chính Hòa,
Bốn phương phẳng lặng, âu ca thái bình.

Thôn quê cho chí thị thành,
Lối chơi chọi dế thường tình biết bao!

Lệnh vua, bất cứ tổng nào,
Cũng nuôi "dế chọi" tiến vào trong cung.

Dế hay, thăng thưởng tiền công,
Lại tha sưu thuế suốt vùng cả năm.

Bấy giờ ở phủ Thuận-thành,
Thầy cai Đại-mão hiền lành xưa nay.

Tưởng là vận đỏ hồi may,
Được con dế quý đợi ngày tiến kinh.

Lồng son nhốt để cạnh mình,
Hàng ngày chăm chút thực tình dám sai.

Nào ngờ thần ám họa lai,
Đứa con đánh chết dế quay tức thời!

Sợ dòn, trốn bặt tăm hơi,
Làm cho thầy tổng rối bời ruột gan.

"Việc này lỡ đến tai quan,
"Khi quân" khép tội an toàn được nao!"

Một mình than vãn hồi lâu,
Liền ra chỗ vắng phía sau đình làng:

Treo đầu lên chiếc cành bàng,
Mượn dây oan nghiệt quyết đàng quyên sinh.

Nghỉ người cai tổng thương tình,
Vì con dế mọn thân mình xem khinh![1]

1. *Tri tân*, số 30 (1942).

Người Trung-quốc cũng có truyện *Con dế* rất giống với truyện *Người hóa dế* của ta:

Ngày xưa, dưới triều vua Tuyên Đức, trong cung có tục chọi dế. Người ta nộp dế để thay cho thuế. Tri huyện Hoa-âm muốn đẹp lòng bề trên, buộc các lý trưởng cố tìm dế tốt và ra một thời hạn rất kíp. Một lý trưởng họ Trương cất công đi tìm nhưng đến hẹn vẫn không có nộp. Vì thế Trương bị đánh đòn. Trong làng có thầy phù thủy gù lưng, vợ Trương đến cầu; thầy đưa cho mảnh giấy vẽ một con dế ở trong một cái bụi trên mô đất sau chùa. Trương bèn đến chùa làng như trong giấy vẽ tìm, quả bắt được một con dế to và khỏe. Cũng như truyện của ta, nhân lúc Trương đi vắng, đứa con bắt dế quý ra chơi làm gãy hai càng, chết ngay. Thằng bé sợ, nhảy xuống giếng. Vợ chồng vớt lên chỉ còn thoi thóp. Thằng bé sống lại nhưng hôn mê bất tỉnh. Trương buồn phiền toan tự tử. Sáng dậy thấy có tiếng dế ngoài cửa, vội chạy ra thì thấy một con dế tốt, đuổi bắt mấy lần đều trượt. Cuối cùng vẫn không bắt được, trong khi đó lại thấy có một con dế khác nhỏ, đen nhảy vào áo. Bèn đưa vào nhà.

Trong làng có người chuyên nuôi dế hay, lúc nào cũng giành phần thắng. Qua nhà Trương thấy có dế mới, hắn đưa dế của mình đến chọi. Thoạt đầu con dế mới ngồi ngây bất động. Người ta lấy lông lợn khích nó ra đấu. Mấy lần vẫn ngồi trơ. Sau cùng nó nhảy ra chọi và thắng con kia. Một con gà ở đâu nhảy đến bắt dế. Trương hốt hoảng lo gà ăn mất, nhưng dế đã nhảy lên cắn lấy mào gà làm cho gà giãy giụa như bị cắt cổ.

Sau đó, Trương đưa dế nộp lên. Thấy dế bé, quan huyện la mắng, nhưng Trương vội kể chuyện vừa qua cho quan nghe. Sau khi thử thách, quan cho mang dế lên tổng đốc. Tổng đốc bỏ vào lồng vàng dâng vua. Vua thích thú vì con dế khôn và khỏe chưa từng có, bèn ban thưởng cho tổng đốc. Tổng đốc ban ơn cho tri huyện. Tri huyện ban ơn đến Trương. Nhờ thế, Trương đậu tú tài.

Một năm sau đứa con của Trương mới hồi tỉnh. Nó bảo rằng trong những ngày qua nó đã biến thành dế để bố tiến lên vua và từ đó đã phải dự nhiều trận đấu với đủ các loại dế từ khắp nơi trong nước dâng tiến. Nhà Trương về sau trở nên giàu có[1].

Về sự tích con dế xem thêm truyện *Người dì ghẻ ác nghiệt*, số **145**.

1. Theo Bồ Tùng Linh. *Liêu trai chí dị*.

134. THÁNH GIÓNG

Vào thời Hùng Vương có một người đàn bà đã nhiều tuổi nhưng sống một thân một mình. Một hôm sáng dậy bà đi thăm nương, bỗng nhìn thấy một vết chân giẫm nát cả mấy luống cà. Bà kinh ngạc kêu lên: - "Ôi! Bàn chân ai mà to thế này!".

Bỗng bà cảm thấy rùng mình khi đưa bàn chân uớm thử vào dấu chân lạ. Từ đó bà có mang. Đủ ngày tháng, bà sinh được một đứa con trai bụ bẫm đặt tên là Gióng. Nhưng thằng bé lên ba tuổi rồi mà vẫn nằm ngửa đòi ăn, không biết ngồi biết lẫy, cũng không biết nói biết cười gì cả.

Ngày ấy có giặc Ân kéo vào cướp nước ta. Giặc Ân rất hung hăng tàn ác, cầm đầu là một viên tướng tên gọi Ân vương, hình dung cổ quái dữ tợn. Chúng nó đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm bậc tướng tài để giúp vua cứu nước.

Một hôm sứ giả đi đến làng chú bé Gióng. Nghe tiếng loa rao nói đến việc nhà vua cầu người tài, bà mẹ Gióng đang ru con, liền bảo đùa con rằng:

- Con ơi! Con của mẹ chậm đi chậm nói làm vậy, thì biết bao giờ mới đi đánh giặc giúp vua được đây!

Không ngờ Gióng nhìn mẹ mở miệng bật lên thành tiếng:

- Mẹ cho gọi sứ giả vào đây cho con!

Nói xong lại im bặt. Bà mẹ vừa mừng vừa sợ, vội đi kể chuyện với xóm giềng. Mọi người đổ tới, ai nấy cho là một sự lạ. Sau cùng một người nói:

- Ta cứ đi mời sứ giả đến xem thử nó muốn cái gì.

Khi sứ giả của nhà vua bước vào nhà nhìn thấy chú bé Gióng liền hỏi rằng:

- Mày là đứa trẻ lên ba mới học nói, mày định mời ta đến để làm gì?

Gióng trả lời rất chững chạc:

- Về bảo với vua rèn cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh đuổi giặc dữ cho!

Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé. Mọi thứ rèn xong nặng không thể tưởng tượng nổi. Hàng chục người mó vào thanh gươm mà không nhúc nhích. Vua Hùng phải cho hàng ngàn quân sĩ tìm mọi cách chở đến cho chú bé Gióng.

Khi được tin quân sĩ khiêng ngựa sắt sắp đến làng, mẹ Gióng sợ hãi chạy về bảo con:

- Con ơi! Việc nhà vua đâu phải là chuyện chơi. Hiện quân sĩ đang kéo đến ầm ầm ngoài bãi, biết làm thế nào bây giờ?

Nghe nói thế, Gióng vụt ngồi dậy, nói:

- Việc đánh giặc thì mẹ đừng lo. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được!

Mẹ vội thổi cơm cho con ăn, nhưng nấu lên được nồi nào Gióng ngốn hết ngay nồi ấy. Mỗi lần ăn một nồi cơm thì Gióng lại lớn thêm một ít và đòi ăn thêm. Mẹ càng cho con ăn thì con lại càng lớn như thổi, bổng chốc đã thành một chàng thanh niên khỏe mạnh. Hết gạo, bà mẹ đi kêu gọi xóm làng. Mọi người nô nức đem gạo khoai, trâu rượu, hoa quả, bánh trái đến đầy một sân. Nhưng đưa đến bao nhiêu, Gióng ăn vợi hết bấy nhiêu, mà vẫn đòi ăn không nghỉ.

Sau đó, Gióng lại bảo tiếp:

- Mẹ kiếm vải cho con mặc.

Người ta lại đua nhau mang vải lụa tới may áo quần cho Gióng mặc. Nhưng thân thể Gióng lớn vượt một cách kỳ lạ, áo quần vừa may xong đã thấy chật, thấy ngắn, lại phải mang vải lụa tới để chắp nối thêm. Không mấy chốc đầu Gióng đã chạm nóc nhà. Ai nấy chưa hết kinh ngạc thì vừa lúc quân sĩ đã hì hục khiêng được ngựa, gươm, áo giáp và nón sắt tới. Gióng bước ra khỏi nhà vươn vai một cái, người bỗng cao to sừng sững, chân dài hơn trượng, hét lên một tiếng như tiếng sấm:

- Ta là tướng nhà Trời!

Thế rồi Gióng mặc giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm múa quanh mấy vòng. Đoạn từ biệt mẹ và dân làng, nhảy lên lưng ngựa. Ngựa sắt bỗng chồm lên, phun thẳng ra đàng trước một luồng lửa đỏ rực. Gióng thúc chân, ngựa phi như bay, sải từng bước dài hàng chục con sào, rung chuyển cả trời đất. Chỉ trong chớp mắt, ngựa đã xông đến đồn trại giặc bấy giờ đang đóng la liệt cả mấy khu rừng. Lưỡi gươm của Gióng vung lên loang loáng như chớp giật. Quân giặc xông ra chừng nào chết chừng ấy. Ngựa thét ra lửa thiêu cháy từng dãy đồn trại, lửa thiêu luôn cả mấy khu rừng. Khói bụi mịt mù, tiếng la hét kêu khóc như ri.

Nhưng tướng giặc Ân vương vẫn cố gào thét hô quân xáp tới. Gióng càng đánh càng khỏe, thây giặc nằm ngổn ngang đầy rừng. Bỗng chốc gươm gãy. Không bối rối, Gióng thuận tay nhổ những bụi tre hai bên đường quật tới tấp vào các toán giặc đang cố gắng trụ lại theo lệnh chủ tướng. Chẳng mấy chốc quân giặc đã tẩu tán khắp nơi. Ân vương bị quật chết tan xác. Bọn tàn binh giặc lạy lục xin hàng. Quân đội của Hùng Vương cũng như dân các làng chỉ còn việc xông ra trói nghiến chúng lại. Không đầy một buổi, Gióng đã trừ xong nạn nước. Lúc bấy giờ ngựa Gióng đã tiến đến chân núi Sóc-sơn. Đến đây, Gióng bèn cởi giáp bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong làm Phù Đổng thiên vương.

Ngày nay chúng ta còn thấy dấu vết những dãy ao tròn nối nhau kéo dài suốt từ Kim-anh, Đa-phúc cho đến Sóc-sơn, người ta bảo đó là những vết chân ngựa của Thánh Gióng. Khu rừng bị ngựa sắt phun lửa thiêu cháy nay còn mang cái tên là làng Cháy. Những cây tre mà Gióng

nhổ quật vào giặc bị lửa đốt màu xanh ngả thành màu vàng và có những vết cháy lốm đốm, ngày nay giống ấy vẫn còn, người ta gọi là tre là ngà (hay đằng ngà)[1].

KHẢO DỊ

Truyện trên chắc xuất phát từ một thần thoại xa xưa, vì nghệ thuật thần thoại trong đó còn khá rõ nét. Về sau truyện *Thánh Gióng* còn được nhân dân một số địa phương vùng Bắc-ninh, Bắc-giang phát triển, thêm thắt, ghép vào một số tình tiết hoặc thần kỳ hoặc không, làm cho câu chuyện phong phú hơn. Ví dụ:

Sau khi thắng trận, Thánh Gióng đến một nơi, buộc ngựa sắt vào hai cọc đá lớn ngồi nghỉ. Ngày nay một cột đá còn thấy ở làng Cựu-tự cao khoảng ba thước vòng rộng sáu tấc, xâu thẳng xuống một bệ đá tự nhiên hình bầu dục. Ngựa sắt mệt quá sùi bọt mép thành một bãi cát trắng xóa lấp lánh đuổi ánh mặt trời. Bãi này nay thuộc xã Ngọc-xá, huyện Quế-võ, đặc biệt ở cách xa bờ sông, người ta gọi là Bạch-nhạn-sa.

Hoặc Thánh Gióng đi qua một làng nọ ven sông Cầu, ở đây có một bà lão bán nước vối. Thánh Gióng dừng lại xin nước uống. Bà lão dâng bầu rượu. Uống xong, Thánh Gióng khen bà lão có lòng tốt, đặt tên là làng Bầu và dặn lúc nào hạn, cho phép cầu mưa sẽ linh nghiệm. Từ đấy mỗi khi đại hạn, ở đây (nay gồm bảy làng gọi là tổng Bầu) có hội cầu mưa, người ta thường rước thành hoàng làng lên Sóc-sơn để xin nước, v.v...

Cao Huy Đỉnh đã sưu tập rất nhiều những mẩu chuyện này trong quyển *Người anh hùng làng Dóng*[2].

Sau đây là một số dị bản truyện Thánh Gióng, những dị bản này đều mang hình thức thần tích:

1. *Thạch tướng quân.* Đời Hùng Vương, ở làng Yên-việt có hai vợ chồng hiếm con. Một hôm chồng lên núi, được thần Núi (Sơn thần nhạc phủ) báo mộng cho đá đến làm con (do mẹ đá thụ thai đã ba năm). Một hôm bỗng có

1. Theo *Lĩnh-nam chích quái*.
2. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1968.

tiếng sét nổ vang, phiến đá trong ao nhà họ tự nhiên nứt ra, xuất hiện một em bé. Hai vợ chồng đưa về nuôi. Bảy tuổi chưa biết nói.

Bấy giờ có 50 vạn người Man cầm đầu là Lục Đinh thần tướng sang chiếm nước ta, thế rất dữ dội. Vua Hùng được thần mách, sai "xá nhân" đến Yên-việt cầu tài. Lúc đó em bé đang nằm trên giường. Người bố vỗ vào em nói: - "Nước nhà có giặc vua sai xá nhân đi tìm, sao không dậy giúp nước còn ngủ mãi ư?". Thạch tướng - đứa bé - nghe nói, bèn đứng dậy mời xá nhân vào, rồi bảo về nói với vua làm cho một voi đá cao mười trượng cùng lá cờ thiên đế, sẽ dẹp xong giặc. Vua cũng sai thợ đá tạc như lời yêu cầu. Được voi và cờ, em bé vươn cao mười trượng, mặt đỏ như mặt trời mọc, nhảy lên voi cầm cờ có quân sĩ theo sau. Quân Man hồn kinh phách tán, xô nhau chạy trốn, tướng của chúng bị chém làm ba đoạn.

Thắng trận, Thạch tướng quân trở về làng rồi cưỡi voi lên trời [1].

2. *Lân Hổ đô thống đại vương.* Một người đàn bà không chồng ở làng Đồng-bảng một hôm vào rừng kiếm củi bỗng nghe một tiếng hổ gầm, tâm thần chuyển động, có mang mười bốn tháng sinh một trai, đặt tên là Lân Hổ, cao một trượng, có sức khỏe hơn người.

Bỗng có giặc từ phương Bắc tràn xuống tàn phá đến vùng Bạch-hạc. Vua nhà Trần xuống chiếu cầu bậc có tài dẹp giặc. Lân Hổ ứng mệnh bảo sứ tâu vua rèn cho mình một ngựa sắt, một roi sắt để ra trận. Được mọi thứ, Lân Hổ nhảy lên mình ngựa đánh cho giặc tan tành. Vua Trần ban cho tám chữ: "Nam phương chính khí, Bắc khấu hàn tâm" (Chính khí phương Nam làm cho giặc Bắc lạnh vía). Ông không nhận quan tước, chỉ trở về quê nuôi mẹ. Mẹ chết rồi, Lân Hổ cưỡi ngựa đi đến xã Toàn-mỹ mà hóa[2].

3. *Linh Lang đại vương.* Đời Lý Thái Tông có cung phi tên là Thị Sung. Một hôm đi tắm ở hồ Dâm-đàm bị một con thuồng luồng quấn vào người. Từ đấy có mang, sinh được một người con trai trên mình có hai mươi tám vết như vẩy rồng, trên ngực có bảy hàng chấm óng ánh như ngọc. Vua đặt tên là Linh Lang, xây nhà cho mẹ con ở tại làng Thị-lệ trên hồ, gọi là hồ Linh Lang. Chợt có giặc Trinh Vĩnh sang xâm lăng, các tướng chống cự không nổi. Vua nghe lời thần, sai sứ đi tìm bậc thần nhân làm tướng. Đến làng Thị-lệ, Linh Lang đang nằm ngửa trên giường, bỗng nói được, bảo mẹ gọi sứ giả tới, rồi nói xin vua cha một lá cờ đỏ lớn, cán dài, và một con voi đực, sẽ dẹp yên giặc. Được

1. Theo Trinh Như Tấu. *Bắc-giang địa chí*, đã dẫn.
2. Theo *Thần tích xã Phương-viên* (Vĩnh-yên).

mọi thứ Linh Lang cầm cờ thét lớn: "Ta là tướng nhà trời!" rồi cưỡi voi ra trận. Voi chạy như bay, cờ phất một cái thì giặc tan. Tướng giặc ngã lăn ra chết. Lúc trở về bị bệnh dậu. Sắp chết, xin vua cho đem lá cờ đỏ tung lên trời hễ cờ rơi xuống đâu thì cho lập đền thờ ở đấy. Sau đó, biến thành một con rắn bò đến hồ Dâm-đàm rồi mất[1].

Nói chung những truyện như các thần tích kể trên thì còn nhiều, nội dung đại đồng tiểu dị.

Người Nghệ-an có truyện *Con ngựa đất* dường như cũng là một dị bản của truyện *Thánh Gióng*:

Một em bé mười lăm tuổi ăn rồi chơi nghịch đất, thường lấy đất vắt voi ngựa. Bỗng có giặc đến xâm lăng. Không ai đánh nổi. Nhà vua cũng phải cho người đi cầu bậc tài giỏi. Em bé sau khi gặp sứ giả bèn lấy đất vắt một con ngựa. Vắt xong ngựa tự nhiên lớn phổng lên, biết ăn biết chạy. Em bé bèn cưỡi lên ngựa. Ngựa chở em ra trận cuối cùng dẹp tan giặc[2].

Xem thêm truyện *Vũ Thành* trong **Khảo dị** truyện số **131** cũng là một dị bản của truyện *Thánh Gióng*.

Các dân tộc anh em cũng có những truyện có nhân vật anh hùng tương tự hoặc ít hoặc nhiều với *Thánh Gióng*.

Trước hết là truyện của đồng bào Tày *Lệnh Trừ*:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi nghe lời đạo sĩ bắc một trăm hai mươi chiếc cầu, cuối cùng người vợ có mang đẻ được một con cóc. Cóc được mười hai tháng chỉ bằng nắm tay, nhưng bố mẹ vẫn nuôi. Một hôm, có sứ giả rao tìm người tài đánh giặc. Cóc bảo bố mẹ gọi vào đòi được giúp nước. Sứ giả đưa về triều. Tuy bé bằng nắm tay nhưng không ngựa nào chịu nổi sức nặng của cóc, đành phải đi bộ. Đến nơi vua hỏi: - "Cần những gì?". Đáp: - "Xin vua cho rèn một ngựa sắt cốt bằng gang ba nghìn cân, ngoài bằng sắt hai nghìn cân, bờm và đuôi bằng lông tóc của nam nữ mười bốn cân. Lại xin một lá cờ hiệu rộng ba sải tay". Vua chỉ cho đúc có tám nghìn cân nên khi cóc nhảy lên, ngựa khuỵu lưng. Nhưng rồi ngựa cũng đi được. Vua phong cóc làm tướng Lệnh Trừ, hứa sẽ gả công chúa nếu thắng. Gặp giặc, ngựa xông vào phun lửa đằng mồm, phun khói đằng mũi. Giặc tối tăm mày mặt, bị lửa thiêu cháy. Thắng

1. Theo *Thần tích xã Đại-quan* (Hưng-yên).
2. Theo *Bản khai của xã Cát-ngạn*.

trận trở về, vua lần lượt hỏi ý kiến ba nàng công chúa, chỉ có công chúa ba bằng lòng làm vợ cóc để giữ chữ tín cho bố mình.

Đoạn sau phát triển khác với truyện *Thánh Gióng*. Vua đành gả nhưng sai làm một trăm hai mươi cỗ kiệu, bắt cóc chỉ đúng kiệu nào có công chúa ba ngồi mới được lấy. Cóc ghé vào một cái quán. Trời mưa, cóc nhảy lên dọi mái cho khỏi giột. Chủ quán vốn là tiên, mách cho cóc biết kiệu nào có ong bướm bay lượn là đúng. Công chúa về nhà cóc, cóc cởi lốt hóa làm chàng trai. Sáng dậy lại mang lốt vào. Hai chị hỏi em, công chúa ba thật thà kể lại. Người ta tổ chức bữa tiệc, công chúa ba bảo chồng cởi lốt vào dự. Vua quan vào buồng xem lốt cóc. Vua thử mặc lốt vào, nhưng khi muốn cởi ra thì không cởi được nữa. Thế là vua biến thành cóc. Triều thần tôn cóc làm vua[1].

Truyện của đồng bào Mơ-nông *Dũng sĩ mặt trăng*:

Có hai vợ chồng già hiếm hoi, một hôm vợ mộng thấy một con thỏ từ mặt trăng xuống chơi giỡn trước mặt, từ đó có mang rồi đẻ một đứa bé. Cho là con thần linh, sợ mang họa, vợ chồng đem bỏ ở đồng cỏ, chỉ thỉnh thoảng đến thăm. Một hôm chúa làng bắt gặp, quẳng em bé xuống suối nhưng nó không chìm, chỉ trôi đến một nơi được bà Iă Pôm vớt về nuôi. Lên bốn, em biết múa khiên đao. Một hôm em đứng trên một phiến đá, khấn: - "Hỡi thiên thần, hãy giúp ta giết tên chúa làng gian ác". Dứt lời hòn đá cựa quậy hóa thành một con ngựa trắng cao to. Ngựa cúi đầu vẫy đuôi trước mặt, tỏ ý thuận phục. Cùng lúc ấy, một bà già tóc vàng từ trên trời bay xuống bảo em đến dòng thác lấy vật báu. Em nhìn thấy một vật sáng lấp lánh trôi bập bềnh, bèn lội xuống vớt lên thì là một thanh gươm quý. Em rùng mình một cái trở thành một người cao lớn phi thường, cưỡi lên ngựa, ngựa hý phi như bay, cây cối cúi rạp. Đến nơi, tên chúa sợ, đóng cổng lại. Em múa gươm, gươm tỏa ra muôn ngàn hào quang, đốt cháy cổng, rồi cung điện. Bọn tôi tớ xông ra đều bị ngã hàng loạt. Em giết chết tên chủ làng, rồi lấy của chia cho mọi người, ai về nhà nấy. Lại cưỡi ngựa về chốn cũ. Ngựa không bay lên trời mà hóa thành đá, em ném gươm trả cho dòng thác, còn mình thì được bà chúa mặt trăng đưa lên trời, vì em vốn là con bà.

Truyện của đồng bào Ba-na (Bahnar) *Cha gấu*:

1. Theo Hoàng Quyết. *Truyện cổ Tày Nùng*. Người Sán Dìu có truyện *Vua cóc* cũng là một với truyện *Lệnh Trừ*, theo Đức Hùng, Phù Ninh, đã dẫn.

Một nhà nghèo đẻ được mười cô gái, hàng ngày các cô phải vào rừng đốn củi sinh nhai. Một hôm họ gặp một con gấu đỏ, kể hoàn cảnh nghèo đói cho gấu nghe. Gấu trèo cây hái quả ngon cho ăn, lại cho mỗi người một gùi quả đem về. Cô út sau khi ăn quả của gấu thì có mang, sáu năm sau đẻ được một con trai bụ bẫm. Trong khi bị làng đuổi, cô được gấu đỏ đến nhận con và hái quả nuôi. Từ đây truyện gần với truyện của ta. Chú bé lớn nhanh nhưng không nói được, không đi được. Mẹ rất buồn. Một hôm con nói với mẹ: - "Mẹ nấu cho con năm bung cơm và dọn bốn ché (hũ) mắm chua". Mẹ làm theo. Con ăn một loáng hết sạch. Ăn xong, con xin mẹ đi làm nương, nhưng mẹ không cho. Nó bèn vươn vai một cái tự nhiên cao lớn vụt lên, áo quần mẹ may cho rách toạc hết. Mẹ kinh ngạc đi gọi làng xóm tới. Lúc trở về thì con đã thành một trang thanh niên khổng lồ, tay cầm thanh gươm nom rất oai vệ. Ai nấy đang ngơ ngác thì nó đã cưỡi lên khiên bay vụt lên không. Đến đây truyện kết thúc có khác. Lúc này gấu đỏ xuất hiện biến thành người, đến khuyên dỗ vợ, rồi cùng ngồi lên khiên bay đi tìm con. Gặp con, hai người rủ nhau đi trị tội một tên chúa làng gian ác nhưng có nhiều phép thuật tên là Ria. Thoạt đầu Ria làm lửa cháy khắp bốn bề. Cha con gấu hóa phép làm cho nước đổ xuống như mưa. Ria lại dâng nước cho ngập lụt, cha con lập tức gọi rồng hút. Ria hoảng hốt chưa kịp chạy trốn, đã bị cha con bắt trói. Nhưng họ không giết Ria, chỉ buộc nó bỏ thói gian ác và chia của cải của nó cho mọi người. Xong, gấu đỏ lại đưa con trở về với vợ[1].

Truyện của đồng bào Xơ-đăng *Đăm Tay*:

Đăm Tay là một chú bé không cha không mẹ, đi ở với một tên chủ làng giàu có nhưng độc ác. Vì khổ quá em bỏ đi; đi mãi, gặp một vườn mía vào bẻ ăn. Chủ vườn mía là hai ông bà già, thương em khổ, nuôi làm con nuôi. Một buổi sáng, em leo núi thấy trên đỉnh toàn là chiêng ché, trâu bò, voi ngựa, về nhà lại thấy một thanh gươm bằng vàng hào quang lóng lánh. Khi bố mẹ nuôi về, em hỏi: - "Của cải trên núi để cho ai?" - "Cho con" - "Thanh gươm đó cho ai?" - "Cho con". Thích quá, em vùng dậy ăn một loáng hết cả một nồi lớn cơm và uống hết một bầu nước. Đi qua suối vàng em xuống tắm, người bỗng vàng ra và cao lớn lên. Em cưỡi voi đi đến một bờ suối thấy trong một cái chòi có tiếng khóc. Từ đây trở xuống giống với truyện *Tiêu diệt măng xà* (số **148**): Em vào xem thấy một cô gái xinh đẹp. Hỏi thì mới biết dân ở vùng đó bảy năm một lần phải nộp một cô gái đẹp cho yêu tinh, nếu không nó sẽ dâng

1. Đều theo *Truyện cổ Ba-na*, tập II, đã dẫn.

nước chết hết. Đăm Tay chém chết yêu tinh, từ biệt cô gái, bỏ lại vỏ gươm và một mảnh đuôi khố bị yêu tinh chém đứt. Người bố cô gái gọi các chàng trai đến so đuôi khố và so gươm, hứa sẽ gả con gái cho ai so vừa. Dĩ nhiên chẳng có ai vừa trừ Đăm Tay, nhưng em lại bị bọn nhà giàu ghen ghét bẫy chiếc cầu làm cho voi ngã, Đăm Tay rơi xuống nước chết. Xác em được cô gái chôn cất, nhưng sau đó lại được con chó của bố mẹ nuôi đến bói lên, rồi liếm làm cho sống lại. Em lại mang gươm đi các nơi trị tội bọn tham lam độc ác[1].

Một truyện khác của người Mơ-nông *Hai anh em Pờ-rang và Dang* là một dị bản của truyện vừa kể:

Xưa, có hai anh em Pờ-rang và Dang ở chung nhau một nhà, anh thương em, nhưng vợ anh thì trái lại. Một hôm Dang đi săn nhờ chó sủa, nhặt được một hòn đá lạ ném trâu, đá xuyên bụng trâu. Chị dâu ghét em, xui chồng giết. Chồng gửi em ở nhà một người bạn, nói dối là đã giết. Nhưng sau vợ biết là chồng lừa, bèn buộc chồng phải giết cho kỳ được. Cuối cùng chồng phải làm một cái trống bỏ em vào cùng với thức ăn, thả cho trôi theo dòng nước. Trống trôi đến một nơi có hai vợ chồng một ông già không con, họ nuôi Dang làm con. Một hôm hai vợ chồng đi xa, dặn Dang đừng đụng tới chum nước để ở góc nhà, nhưng do tò mò, anh thò tay vào, cánh tay tự nhiên vàng rực, càng chùi càng vàng khắp người. Làng ông lão thờ thần rồng cứ bảy năm một lần phải nộp một mạng người, lại phải nộp năm trăm trâu, năm trăm bò và năm trăm lồng gà vịt. Năm ấy đến lượt Nê-ang Pu, con gái vua nộp mạng. Dang đến thần Jê-ác nhờ thần rèn gươm bằng hòn đá của mình. Rèn xong anh chặt thử, gươm bị gãy. Rèn lại cũng thế, mãi sau mới thành công, chỉ chặt một nhát vào cây là gãy, chặt một nhát vào nước, cá chết đầy sông. Khi có gươm, sức khỏe của Dang tự nhiên tăng lên gấp bội. Một mình ăn hết một nong cơm tám sải, một nong thịt tám sải, một nong ốt tám sải và một nong cà tám sải. Chỉ một quật, anh lật nhà, mái lộn xuống đất. Trở về, Dang giết chết rồng cứu Nê-ang Pu. Nhưng lập công xong anh trở về nhà nằm bên bếp vùi tro lại giấu mình không cho ai biết (tình tiết này giống với các dị bản phương Tây). Nhưng do anh bỏ quên vỏ gươm, nên về sau nhà vua cũng tìm ra. Đoạn sau này xem **Khảo dị** truyện số **26**, tập **I**.

Truyện của đồng bào Ja-rai (Djarai) *Chàng Y Ban*:

Có hai vợ chồng bị chủ làng đuổi nhưng lại gặp tiên, được tiên làm cho trở nên giàu có, lại đẻ được một đứa con trai đặt tên là Y Ban, nuôi một con nuôi

1. Theo *Truyện cổ tích các dân tộc ở Việt-nam*, đã dẫn, tập IV.

tên là Y Rít. Chủ làng lại tìm đến nơi giết chồng rồi bán vợ lại cho người khác. Y Ban được Y Rít bồng chạy trốn đến một nơi, làm con nuôi một gia đình khác. Em ăn một lúc sáu mâm cơm, ngủ sáu ngày sáu đêm liền. Lúc dậy vươn vai, người em tự nhiên cao bằng cây kơ-nia trước sân. Em đánh con quay làm vỡ tan quay, lại đánh nữa cũng vỡ. Phải mua quay bằng sắt giá bằng ba chòi lúa với hai con trâu, phải dùng voi chở con quay về. Em tập múa khiên và dao: khiên vỡ dao gãy. Em chặt một cây cổ thụ bảy người ôm để làm khiên (không thấy nói đến việc rèn búa). Đi đánh nhau, mọi người đều thua em. Sau đó tìm được mẹ, em quyết trả thù cho cha. Sai Y Rít đi dò đường đến nhà tên chủ làng, phải đi bảy ngày bảy đêm mới tới, bị chủ làng đuổi, Y Rít chạy về dẫn đường cho Y Ban đi. Lúc đến nơi Y Ban chỉ giáng một búa, cổng thành vỡ tan, đoạn giết chết chủ làng và sáu đứa em của nó. Sau đó anh lấy cô gái làng ấy[1].

Cô-xcanh (Cosquin) trong *Những truyện Ấn-độ và phương Tây* khi kể truyện *Tro bếp* hay *Lọ lem* (nữ) có nói đến một loạt truyện mà ông gọi là *Tro bếp nam* (Cendrillon masculin) trong đó nhân vật chính là nam, lúc còn bé thường ngủ trong tro nhưng có sức khỏe, ăn khỏe (có khi cả ngủ khỏe) với cái gậy (hay chùy, hay giáo) bằng sắt nặng ghê gớm; lập nên nhiều kỳ tích. Dưới đây kể một số:

Truyện của Pháp:

Lu-i đã lên hai mà vẫn nằm, không dậy. Bố mẹ thường bảo: - "Dậy đi con!". Con đòi: - "Khi nào cho con một cái áo bờ-lu và một quần cộc thì con sẽ dậy". Vì không có áo quần nên lên tám, rồi lên mười hai, Lu-i vẫn nằm ở giường. Bố mẹ bảo thì em vẫn trả lời như thế. Đến năm mười lăm tuổi, bố mẹ khâu ba mươi sáu miếng vải nhặt được thành áo quần. Em bèn dậy làm việc với một chủ trại với điều kiện là mỗi ngày phải cho em ăn một đống bánh ngọt và một thùng rượu. Em làm việc khỏe gấp mấy chục lần những người đầy tớ khác.

Một truyện khác ở Thượng Brơ-ta-nhơ (Haute-Bretagne), kể một em bé thường xuyên không nằm trên giường, nhưng bà mẹ cho chơi cho đến mười bốn tuổi, mới bảo làm việc. Em đi rèn một "chiếc đũa nhỏ" nặng bảy trăm bảng rồi cầm lên như cầm chiếc lông đi chu du thiên hạ. Đoạn cuối giống truyện *Chàng Gấu* (xem **Khảo dị** truyện *Thạch Sanh*, số **68**, tập **II**).

Truyện Iếc-lăng (Irlande):

1. *Chàng Y Ban* (tập truyện cổ tích của các dân tộc Tây-nguyên).

Một người đàn bà góa nghèo không có áo quần cho con mặc, bèn bỏ con vào bồ tro gần bếp đắp tro nóng vào. Con càng lớn càng đắp thêm tro. Khi con mười chín tuổi, mẹ kiếm cho một mảnh da dê cuốn quanh lưng và bảo đi làm việc kiếm ăn. Em có sức mạnh tuyệt vời, làm nhiều cuộc thám hiểm và lấy được công chúa.

Truyện Đức:

Jăng, chàng Sắt - tên em bé - vì ăn tọn quá nên bố mẹ không cung cấp nổi. Bố mẹ bảo em đi ở với một thầy cả và rèn cho một roi sắt. Em đã ăn bữa ăn chiều bằng bữa ăn của mười hai người đầy tớ, ăn bữa ăn trưa bằng bữa ăn của các nữ tỳ và các đầy tớ, nhưng làm việc mấy chục lần hơn họ. Cuối cùng để đuổi em, chủ sai em đi tìm đứa con gái của mình bị quỷ bắt, hứa sẽ thưởng một túi tiền mà em vác nặng. Em cầm roi đi đến cửa âm phủ, gõ cửa ầm ầm. Quỷ trốn biệt. Em phá cửa vào đưa cô gái về, và đòi tiền công. Em bỏ tất cả của nả của chủ vào một cái túi mà vác vẫn chưa nặng. Sau khi mang về cho bố mẹ, em đi chu du thiên hạ.

Truyện Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie):

Một em bé thường nằm trong đống tro bếp. Một hôm một chị và hai anh của em bị một con quỷ ba đầu nuốt mất. Em đứng dậy rũ mình cho rơi tro, bỗng xảy ra một trận bão lớn làm cho nhiều nông phu đang cày ruộng phải bỏ cày chạy về nhà ẩn nấp. Em lấy tất cả các cày của họ mang đến cho một người thợ rèn, bảo rèn cho mình một cái giáo. Nhưng khi ném giáo lên trên không rơi xuống, đụng phải ngón tay út, giáo gãy. Rồi em lại lắc mình mạnh hơn trước, lại nổi lên một trận bão lớn hơn. Người ta lại bỏ cày đi trốn, em lại lấy số cày nhiều hơn để rèn giáo lần thứ hai, nhưng giáo vẫn bị gãy. Lần thứ ba em cũng làm như vậy, lần này giáo làm bằng tất cả những chiếc cày còn lại, tung lên rơi xuống không bị gãy. Em liền cầm lấy đi cứu chị và hai anh. Đoạn cuối cũng giống như truyện *Chàng Gấu* của Pháp.

Truyện của người Nga:

I-văng là một em bé ngốc. Mười hai năm ròng em nằm ngủ trong tro của lò sưởi, nên người ta gọi em là cậu bé Tro (Pô-pi-a-lốp). Sau đó em dậy, lắc lắc người, làm rơi đến sáu pút tro. Bấy giờ có một con rắn ngăn trở không cho mặt trời mọc làm cho đêm tối ngự trị. I-văng xin cha rèn cho mình một cái chùy sắt năm pút. Chùy rèn xong, em tung lên không, rơi xuống trán, chùy bị gãy vụn. Lại xin rèn một chùy khác mười pút nhưng khi rơi xuống đầu gối em, cũng gãy tan. Đến cái thứ ba mười lăm pút, rơi xuống trán làm móp trán. I-văng bèn cầm lấy để đi đánh rắn.

Ở truyện của người Xla-vơ ở Bô-xni (Bosnie) thì một em bé tên là Hạt tiêu. Sau khi chết mất hai đứa con trai, bố mẹ em cầu xin một đứa con khác, sau đó đẻ ra em chỉ lớn bằng hạt tiêu. Nhưng em có sức khỏe tuyệt vời, thường cầm một chùy sắt vĩ đại như cầm một chiếc lông.

Truyện của người Béc-be-rơ (Berbères) ở An-jê-ri (Algérie):

Một chàng trai có sức khỏe kỳ diệu nhưng hung dữ. Dân trong xứ xin vua trừ đi. Vua tìm được một cách là lừa anh đến nhà một bà chằng ăn thịt người để mượn tay bà chằng trừ hộ, mới bảo: - "Chị mày ở trong tay bà chằng ấy". Anh chàng bèn đến thợ rèn bảo rèn cho một cái gậy sắt. Thợ rèn rèn cho một gậy nặng mười tạ. Cũng như truyện trên, anh cầm gậy tung lên không, rơi xuống cánh tay, gậy gãy. Anh cầm khúc gậy còn lại đánh người thợ rèn gãy lưng. Lại nhờ một người thợ khác rèn một cái gậy hai mươi tạ. Lần này thử không gãy. Anh cầm gậy nhẹ như một cái lông, đi đánh bà chằng giải phóng cho chị mình.

Truyện Brê-din (Brésil):

Một ông vua có một đứa con trai, khi mới đẻ đã to lớn và khỏe dị thường. Được mười ngày nó ăn hết một con bò. Vua hoảng quá, gọi cố vấn đến hỏi kế. Cố vấn bảo vua phải cho con đi nơi khác kiếm ăn. Hoàng tử bằng lòng đi, nhưng xin rèn cho một gậy sắt thật nặng, một cái búa tạ, một lưỡi hái to. Được mọi thứ, nó ra đi. Kết cục giống như truyện *Chàng Gấu* của Pháp (đã dẫn).

Người Ba-tư (Iran) cũng có một truyện như truyện *Chàng Gấu* của người A-ra-vơ, nhưng ở đây bố của em là một hoàng tử bị gấu cái bắt về làm chồng. Lên ba tuổi khi nghe bố kể chuyện, em lật hòn đá nặng đưa bố ra khỏi chỗ giam, lại giết mẹ khi bị đuổi bắt. Vua - ông nội của em - sợ quá cho em ở một nơi hẻo lánh. Lên sáu, em xin đi đánh trận, nếu không sẽ phá hết nhà cửa nơi đó. Vua sai em đến hồ Si-na-đờ nhặt củi với ý định để cho thú dữ ăn thịt, không ngờ em gọi được mọi thú rừng chim chóc bảo chúng đi nhặt củi hộ, đưa về. Vua cho ở kinh đô năm năm, sau đó em lại xin đi đánh trận, nếu không sẽ phá nát cả kinh đô. Vua sai em đi giành lại thành Sim-ken trước đấy bị chiếm đoạt. Hỏi cần bao nhiêu quân, nó chỉ xin một thanh gươm nặng bảy vạn bát-man và một cái búa một vạn sáu nghìn bát-man. Vua sai góp tất cả sắt trong nước lại để rèn, đến bốn mươi ngày mới xong. Gươm rèn xong, cả một đội quân không nhấc nổi. Em chỉ cầm có một tay rồi giắt vào lưng. Đến nơi, em hét lên một tiếng: có bốn vạn người chết, hét tiếng thứ hai: ba vạn, tiếng

thứ ba: một vạn. Thế là giành xong. Em đi gọi dân nghèo lân cận tới ở. Đoạn sau xem **Khảo dị** số **68**, tập **II**[1].

Ở truyện Xéc-bi (Serbie) thì em bé được mẹ cho bú trong ba thời kỳ liên tiếp là bảy năm. Sau đó em vươn vai đứng dậy thành người to lớn, nhổ một cây "sên" cổ thụ. Không những thế, em còn lật ngửa cây cho gốc lên trời.

Ở truyện Nhật-bản cũng có một em bé khỏe tuyệt trần tên là Kin-ta-rô cưỡi ngựa cầm gươm đi dẹp giặc.

Ở truyện Jê-or-gi (Géorgie) thì em bé tên là Nát-xác-khơ-ki-ia (người gãi vung tro như kiểu chó gãi) không những có sức khỏe mà còn có mưu. Em thường ngồi ở bếp đào một lỗ trong tro bếp mà nằm. Bố mẹ em chịu đựng một thời gian lâu, sau đó đuổi em ra khỏi nhà. Đi chu du thiên hạ, em gặp một tên Khổng lồ. Thấy nó bóp đá ra nước, em nói: "Tốt lắm, ta có thể làm tan ra bột bất kỳ hòn đá nào". Đoạn lấy một quả bầu đựng tro giắt sẵn ở thắt lưng ra, vung cho tro bay khắp nơi. Khổng lồ chưa hết kinh ngạc thì đã bị tro làm cho mù mắt[2].

Người Mô-rơ (Maures) có hai truyện có hình tượng lạ hơn, là một em bé anh hùng được sinh ra cùng với cây gươm thần:

1 Một ông vua có hai người con nhút nhát, bèn cầu thần A-la cho mình một đứa can đảm không ai thắng nổi, trừ bậc tối cao. Một vị tiên hiện ra báo trước cho vua sẽ có con can đảm và cho một cây gươm. Hoàng hậu quả đẻ một đứa bé có một cây gươm giắt ở lưng, đặt tên là Bu-xíp (người có gươm). Đứa bé lớn nhanh. Vua thử rút gươm xem thì cây gươm bay ra múa tít rồi lại trở về chỗ lưng đứa bé. Lớn lên, vua cha chết, em đi săn được con thịt nhiều bằng của mười người thợ săn góp lại. Rồi em cưỡi lừa đi chu du, gặp các anh hùng khác trổ tài, làm nên nhiều kỳ tích.

2) Một ông vua lấy một nữ nô lệ da đen đẻ được một đứa bé mang một lưỡi gươm cả vỏ. Vua bắt bà mụ giấu kín nhốt em trong buồng không cho đi đâu, cũng không cho giao tiếp với người ngoài. Em lớn lên, vua cho một ông thầy tới dạy chữ. Một hôm vua cho phép em lên gác của hậu phòng. Bắt đầu

1. Theo Da-sác-cô (Zacharko). *Truyện cổ tích Xác-tơ.*
2. Phần nhiều những truyện trên đều theo Cô-xcanh (Cosquin), sách vừa dẫn, và sách *Truyện cổ tích dân gian miền Lo-ren,* tập II.

thấy người và cảnh vật, em đòi đi ra. Vua không cho. Em đấm thủng tường ra đi. Cùng đi với em có một con ngựa thần không ai dám đến gần, và cũng chưa ra khỏi chuồng bao giờ. Vua sai đóng móng bằng vàng và bạc. Em dắt ngựa ra cưỡi. Một bà già bảo em đi tìm mặt trời của mặt trời. Em bảo mẹ chuẩn bị thức ăn rồi ra đi và cũng lập nhiều kỳ tích[1].

1. Theo Đet-xpác-mê (Desparmet). *Truyện cổ tích Mô-rơ* trong *Tạp chí dân tộc học và truyền thống dân gian* (1921).

135. AI MUA HÀNH TÔI HAY LÀ LỌ NƯỚC THẦN

Ngày xưa có một anh chàng trẻ tuổi chưa có vợ, sống bằng nghề làm ruộng. Một ngày nọ anh xách búa lên rừng đốn củi. Trong khi đang lúi húi chặt cây, anh trông thấy một con quạ tha một con chim sẻ tới đậu trên một phiến đá ở gần chỗ mình làm việc. Nhìn thấy thế, anh bỗng động lòng thương con chim bé bỏng sắp sửa lọt vào miệng loài ác điểu. Anh bèn nhặt hòn đá ném con quạ. Quạ giật mình bỏ mồi vỗ cánh bay lên. Tức mình vì hỏng ăn, quạ chửi rủa om sòm. Anh nhặt đá ném thêm và mắng: - "Đồ chim dữ! hãy cút ngay!". Quạ hậm hực bay đi, miệng còn đe dọa sẽ báo thù. Anh chàng chạy lại nhặt con chim sẻ đang thoi thóp, cố tìm cách ủ cho nó sống lại. Chỉ chừng giập bã trầu, con chim sẻ đã hồi tỉnh và bay được. Nó cảm ơn anh và bảo anh ngồi chờ để nó đưa biếu một vật. Một lát sau, con chim đã bay trở lại miệng ngậm một cái lọ bé xíu đặt xuống bên cạnh và nói: - "Đây là lọ nước thần có phép làm cho người trẻ lại, vật thì lớn thêm, trần gian không ai có". Nói rồi nó vỗ cánh bay đi. Anh ngồi lại tần ngần mở nút ra xem thì thấy đầy một lọ nước mùi thơm ngạt ngào. Anh nghĩ bụng: - "Những thứ này chỉ để cho các bà quan làm đỏm, có đâu để hạng như mình dùng". Rồi anh nút lọ lại cẩn thận, khi gánh củi về, treo lọ lên kèo nhà. Và rồi thời gian trôi qua, vì bận công việc làm ăn, anh cũng quên đi, không nghĩ tới cái lọ ấy nữa.

Ít năm sau, chật vật mãi anh chàng mới cưới được vợ. Vợ anh cũng con nhà nông, quanh năm chân lấm tay bùn, nên đen đủi, xấu xí. Nhưng hai vợ chồng rất thương yêu nhau.

Một hôm chồng đi cày vắng, vợ ở nhà quét dọn khắp nơi. Thấy một cái lọ con treo trên kèo nhà, chị bèn bắc ghế lấy xuống mở nút ra xem. Khi ngửi thấy mùi thơm, chị ta đồ là dầu thơm gội đầu. Lát sau, chị nấu nước tắm gội rồi tiện tay đổ lọ nước ra xúc khắp tóc tai mình mẩy.

Không ngờ sau khi xúc xong, chị ta tự nhiên trở nên xinh xắn trắng trẻo, nhan sắc mỹ miều ít ai sánh kịp. Nước thần trôi xuống mấy luống hành bên cạnh giếng, khiến cho những cây hành cũng lớn phổng lên một cách lạ thường: củ to như bình vôi, dọc dài bằng đòn gánh.

Khi người chồng đi cày về nhìn mặt vợ thì ngẩn cả người cứ tưởng là tiên sa xuống cõi trần, nếu không có tiếng nói thì cơ hồ anh không nhận ra là vợ mình nữa. Nghe vợ nhắc đến lọ nước thơm, anh mới sực nhớ tới chuyện báo đền của con chim sẻ ba năm về trước. Nỗi mừng biết lấy chi cân, anh ngắm vợ mãi không chán mắt, rồi kể lại câu chuyện cũ cho vợ nghe.

Từ đấy anh cứ quấn quýt lấy vợ không rời. Công việc đồng áng vì thế cũng mười phần bê trễ. Nhưng cứ ở nhà mãi thì đói mất nên anh đành phải đi làm. Để khỏi nhớ, anh thuê thợ vẽ hình vợ. Mỗi khi ra đồng làm việc, anh lại treo bức tranh ở bờ ruộng để nhìn cho thỏa.

Một hôm anh đang cày ruộng, bức tranh được treo lên một cái cọc cắm ở trên bờ. Vừa cày được mươi luống, tự nhiên con quạ năm xưa ở đâu sà xuống quắp lấy bức tranh mang đi. Anh chàng ở bên kia bờ thấy vậy, bèn hò hét đuổi theo nhưng không kịp nữa. Quạ đã cất cánh bay cao và bay đi rất xa, chỉ một loáng đã mất hút. Báo thù việc anh ném đá giành mồi của nó ngày xưa, quạ mang bức tranh vào đến tận kinh đô, thả xuống ở sân rồng. Bọn lính thị vệ thấy sự lạ lùng, bèn nhặt lên đem trình vua. Cầm lấy bức truyền thần, vua ngắm nghía mãi không chán mắt, bụng bảo dạ: - "Trong ba cung sáu viện của ta đã có nhiều người đẹp, nhưng chưa có người nào đẹp bằng người đàn bà trong bức tranh này. Hẳn là trời sai con quạ đến mách cho ta đây!".

Lập tức vua ra lệnh cho một quan đại thần và một trăm thị vệ phải tìm cho được người đàn bà như đã vẽ trong tranh mang về. Quan đại thần cho người về các địa phương sục sạo khắp hang cùng ngõ hẻm. Để việc tìm tòi có hiệu quả, chúng bày ra trò mở hội ở các vùng chúng đến để cho mọi người đổ về xem. Mỗi lần thấy dân tập họp đông đúc, chúng đưa bức tranh ra giả tảng nói là tình cờ bắt được, người nào mất thì đến mà nhận.

Một hôm, chúng tới vùng quê hai vợ chồng anh chàng có lọ nước thần và cũng bày trò mở hội ba đêm ngày. Quả nhiên anh chàng sa vào mưu gian. Khi nhìn thấy bức tranh anh không đắn đo gì cả, lật đật bước tới để nhận. Nhưng anh không ngờ bọn lính chộp lấy anh như chộp con mồi. Chúng theo anh về nhà và tìm thấy ngay người đàn bà trong tranh. Mừng quá, chúng vội đưa kiệu rước nàng về kinh đô, mặc kệ cho người chồng vật mình than khóc.

Sau khi bị bắt vào cung, người đàn bà không cười không nói, áo đẹp không mặc, đầu không chải và không cho một ai đến gần. Đem được người đẹp về cung, nhà vua hết sức mừng rỡ, nhưng cũng hết sức buồn phiền vì mọi thú dỗ dành, dọa nạt đều không thể làm cho người ngọc nở một nụ cười hoặc nói lên một tiếng. Vua bèn hạ lệnh cho rao trong dân chúng hễ ai có cách gì làm cho nàng cười nói lên được, thì sẽ ban thưởng cho quan cao lộc hậu. Nghe tin này, có nhiều người, từ những vai hề nổi tiếng, những ông trạng cười cho đến các bậc lương y, các pháp sư phù thủy, v.v... đua nhau trẩy kinh hy vọng dùng tài phép làm cho người đàn bà phải buột miệng nói cười để mong ân thưởng. Nhưng dù đã giở đủ mọi trò, đều vô hiệu.

Lại nói chuyện anh chồng từ khi vợ bị quan quân bắt đi thì không còn thiết làm ăn gì nữa. Khi nghe tin loan báo ai làm cho người đẹp trong cung nói cười được thì sẽ được vua ban thưởng, anh biết là vợ mình đang ở cung vua, bèn quyết vào kinh tìm vợ. Trước khi đi, anh nhổ mấy củ hành ở cạnh giếng buộc làm một gánh quẩy theo. Đến kinh đô, anh quảy gánh của mình đi lại trước cửa hoàng cung rao to lên những câu:

Dọc bằng đòn gánh,
Củ bằng bình vôi,
Ai mua hành tôi,
Thì thương tôi với!

Tiếng rao của anh vọng vào cung mỗi lúc mỗi lớn. Nét mặt của vợ anh tự nhiên cũng mỗi lúc mỗi tươi. Cuối cùng, nàng quay lại bảo thị nữ:

- Hãy gọi người hàng hành vào cho ta!

Khi nhìn thấy mặt chồng, vợ anh cười lên một tiếng. Thấy người đàn bà lần đầu tiên cười nói, vua sung sướng như mở cờ trong bụng; lại thấy những cây hành to lớn lạ thường thì nhà vua lấy làm kinh ngạc quá đỗi. Vua ngỡ là nhờ những cây hành kỳ lạ này mà người đẹp nói cười. Vua liền nẩy ra ý nghĩ muốn tự mình cải trang gánh gánh hành để làm vui lòng người đẹp. Vua bảo anh chồng:

- Hãy đặt gánh hành lại đó và cởi áo ra mau!

Vua cởi áo long bào vứt cho anh và mặc áo của anh vào. Vua còn bắt anh bày cho mình học thuộc câu rao, rồi quẩy gánh hành qua lại trước mặt người đàn bà, cất tiếng rao mới học được. Thấy vậy, vợ anh hàng hành cười ngặt nghẽo. Vua thích thú lại càng làm già. Nhưng đột nhiên người đàn bà bảo thị nữ thả đàn chó ra. Chó thấy vua ngỡ là người lạ liền nhảy xổ tới cắn chết. Người đàn bà vội bảo chồng:

- Mình hãy mau mau trèo lên ngai vàng đi!

Anh chồng lật đật trèo lên ngai vàng giữa lúc trăm quan và cung nữ rập đầu bái mạng. Từ đó anh làm vua và ở với vợ trọn đời[1].

KHẢO DỊ

Phần đầu truyện trên có nơi không kể việc báo ân của con chim mà là báo ân của một con rồng. Số là anh chồng một hôm làm đồng đào phải huyệt đất rồng (có người nói táng mả vào lưng rồng), làm cho con rồng đau. Rồng báo mộng bảo phải lấp lại (hoặc dời mộ đi nơi khác), nó sẽ cho một thứ nước thần đưa lọ ra mà hứng, v.v...

Đồng bào Tày có truyện *Ba anh em mồ côi* là một dị bản của truyện trên:

Có ba anh em mẹ chết còn bố, tài sản chỉ có một con bò là quý giá. Bố chết, hai em giết bò làm ma. Anh đi xa về thấy thế la mắng em sao không để bò lại mà cày, rồi đây lấy gì làm ăn. Bèn đến mộ bố gào khóc đêm ngày. Hồn của bố thương con cho con bạc đặt ở trên mộ. Được bạc, anh đưa về tiêu dùng một mình, không chia cho các em. Em thứ hai thấy vậy, lại đến mộ bố kêu khóc và được bố cho vàng. Đến lượt em út đến kêu khóc, bố nói không còn

1. Theo lời kể của người miền Bắc.

gì nữa cả, chỉ có một hũ nước thần cho về treo lên nóc nhà nút kỹ sẽ có ngày dùng đến. Hắn làm đúng như lời, nhưng vợ hắn lại tưởng là hũ vàng hũ bạc chi đây, bèn nhân lúc chồng đi vắng lấy xuống xem. Cũng như truyện trên, khi thò tay vào khoắng thấy tay trở nên trắng trẻo, chị bèn dùng nước tắm khắp người, thành ra đẹp như tiên. Ở đây không có câu chuyện bức tranh truyền thần và con quạ báo thù. Nghe tin, vua ra lệnh cho chồng đưa vợ tới cho mình xem mặt. Lúc tới, vua chiếm lấy người đẹp, chồng chỉ còn ngồi khóc. Vợ dặn nhỏ về bắt nhiều chim sâu vặt lông làm áo quần rồi mặc đến cung. Anh làm theo. Vua thấy lạ, đòi đổi áo. Kết cục cũng như truyện của ta, chó thấy vua tưởng là người lạ xông ra cắn chết và người chồng trở thành vua[1].

Người Mèo có truyện *Chàng thổi khèn* cũng là một dị bản của các truyện trên:

Một chàng trai có tài thổi khèn làm cho con gái một phú ông đâm ra mê mẩn. Anh phải đi trốn đến một hòn đảo để tránh tai vạ. Ở đây tiếng khèn của anh lại làm đẹp lòng Long vương. Vua sai đón anh xuống thổi khèn nhân đám ma bố mình. Cô gái út Long vương đến lượt phải lòng anh, nhưng Long vương không muốn gả, bắt anh phải qua nhiều thử thách. Nhờ có sự giúp đỡ của người yêu, anh đều thắng cuộc. Lần cuối cùng, người yêu của anh biến thành gà để bí mật theo anh về cõi trần. Sau đó nàng còn nhờ tiên xây lâu đài để cho hai vợ chồng ở. Nhưng một hôm, Ngọc Hoàng nghe tin vợ người thổi khèn đẹp, bèn đòi anh ta đổi vợ cho mình: một lấy mười. Anh không chịu, Ngọc Hoàng sai lính đến cướp lấy mang về. Cũng như các truyện trên, nhờ có chiếc áo (đây là lông thú không phải lông chim) do vợ dặn mình khâu, anh lên trời rao bán, làm cho Ngọc Hoàng phải đổi áo cho anh để mua nụ cười của người đẹp. Kết cục anh chàng thổi khèn làm vua, còn Ngọc Hoàng bị bầy chó trong cung lạ hoi vì chiếc áo, xông ra cắn chết[2].

Một số dị bản của truyện *Chiếc áo lông chim* có gắn vào một phần đầu nói về lai lịch của một nhân vật vốn là người thần trong lốt vật. Cô-xcanh (Cosquin) thì cho rằng loại truyện như truyện *Chiếc áo lông chim* vốn xuất phát từ loại truyện có chủ đề người (nam) kết duyên với vật (nữ), thực ra đó là người trong lốt vật, như kiểu *Người lấy cóc* (số **126**), v.v... Sau đây là truyện của người Dao ở Tuyên-quang:

Một chàng trẻ tuổi chữa bệnh cho vua Rồng ở biển bằng cách tháo lưỡi câu mắc vào họng vua. Để trả ơn, vua cho chọn một trong ba cái lọng thần.

1. Theo Đơ-jor-jơ (Degeorge), đã dẫn.
2. Theo *Truyện cổ Việt-bắc*, đã dẫn.

Anh chàng vô tình chọn được một cái lọng có phép làm mưa, khi trời hạn muốn mưa bao nhiêu cũng được.

Một hôm anh đang làm mưa, tự nhiên rơi xuống một con cá vảy biếc. Anh đem về nuôi trong vại nước. Giống với truyện *Tú Uyên* (số **117**), từ đó mỗi lần anh đi vắng, mọi việc nhà đều được một người lạ mặt nào đó đến chăm sóc chu đáo. Để tìm ra sự thật, một hôm anh trốn vào chạn lúa phía trên cái vại, tay thủ sẵn một cái chày giã gạo, giả cách đi vắng. Cá bỗng hóa ra cô gái đẹp (vì đó là con vua Rồng) bước ra khỏi vại làm công việc nhà. Anh để rơi chày làm vỡ vại rồi ôm lấy cô gái. Không có nước để trở về hình dạng cũ, cô gái từ đó trở thành vợ anh. Hai người rất yêu nhau.

Đến đây truyện bắt đầu chuyển sang dạng truyện *Chiếc áo lông chim*. Một hôm, anh đi làm đồng vắng. Ở nhà lính vua đi qua ngõ thấy có người đàn bà đẹp bèn bắt giải về dâng vua. Vua yêu dấu, nạp làm hoàng hậu và biệt đãi hơn tất cả các vợ khác, nhưng vẫn không làm cho người đàn bà vui lòng.

Về nhà không thấy vợ, anh đi theo dấu cải mọc (vì biết rằng đó là dấu của vợ cho mình biết mà đi tìm). Anh đi mãi đi mãi đến nỗi áo rách tơi tả như ăn mày. Cuối cùng cũng đến kinh đô nhà vua. Người đàn bà lúc ấy ở sân rồng vừa thấy mặt chồng thì mỉm cười. Thấy thế vua nói: -"Một năm nay ta chăm sóc yêu dấu mà không thấy nàng cười. Thế mà vừa thấy bóng đứa ăn mày thì nàng vui ra. Hay là ta cũng ăn mặc như nó để cho đẹp lòng nàng". Cũng như các truyện trên, vua cởi áo đang mặc cho anh, rồi mặc áo rách vào, và cũng bị chó trong cung xé xác. Còn người chồng thật thì trèo lên ngai vàng[1].

Một truyện Mông-cổ chép trong sách *Cái chết mầu nhiệm (Siddhi Kur)* tương tự với truyện trên:

Một chàng trẻ tuổi giải phóng một con nhái, con gái của vua Rồng, sau đó lại cứu một con rắn khỏi vuốt một con chim dữ, con rắn này là con trai vua Rồng, anh được vua trả ơn bằng một tặng vật có thể gọi được thức ăn ngon. Vua lại cho một con chó cái như kiểu con cá vẩy biếc ở truyện trên. Đêm lại chó cái cởi lốt hóa ra người, thành vợ chàng trai, sáng ra lại mặc lốt vật vào. Một hôm vợ anh lấy dạng người để đi tắm, ở nhà anh ném lốt vào lửa. Vợ về thấy vậy rất buồn vì chồng làm thế tất sẽ có sự chia ly. Ít ngày sau, người đàn bà lại đi tắm ở một con sông. Một búi tóc của nàng rơi ra, trôi theo dòng nước. Búi tóc này có năm mầu lấp lánh và bảy tính quý, trôi vướng vào bình của một

1. Theo Bô-ni-pha-xi (Bonifacy). *Truyện dân gian người Mán ở Bắc-kỳ, BEFEO,*

cô hầu trong cung đang múc nước. Thấy búi tóc lạ, người hầu dâng lên vua. Vua bảo mọi người: - "Trên nguồn phải có một người đàn bà rất đẹp mới có búi tóc như thế này. Các ngươi hãy cố gắng bắt về cho ta".

Khi thấy người của nhà vua sắp đến, người đàn bà biết sắp phải chia ly, mới dặn chồng làm một cái áo lông chim "pi" và lông thú rồi mặc vào, đến cung vua làm những điệu bộ cầu khẩn. Người chồng nghe theo. Thấy chồng đến với cái áo lạ, người đàn bà giờ đã là hoàng hậu, nở một nụ cười, vua nói: - "Hơn một năm nay mặc dầu ta chiều chuộng đủ cách mà nàng không cười, nay sao lại cười trước điệu bộ của người kia?". Đáp: - "Tôi cười vì cái bộ lông chim kia. Nếu vua mặc vào tôi cũng cười ngay". Trong khi vua đổi áo cho anh chàng thì người đàn bà dặn người hầu thả chó dữ ra. Vua bị chết tại chỗ, còn người đàn bà đưa chồng lên ngôi vua[1].

Ở một số dị bản khác của truyện *Chiếc áo lông chim* lưu hành ở một số dân tộc còn có xen vào những tình tiết đấu trí giữa nhân vật chính (nữ hay nam) với tên vua (hoặc quan do vua sai đến) cùng một loại với những tình tiết của truyện *Em bé thông minh*. Ví dụ truyện *Chiếc áo lông chim* của dân tộc Nùng (đã kể ở **Khảo dị** truyện số **80**, tập **II**)[2].

Dân tộc Dáy có truyện *Vợ chồng anh mò ốc*:

Một anh chàng chuyên mò ốc, một hôm đi bắt được một con ốc lớn lạ thường, đem về bỏ vào chậu nước. Từ đó mỗi ngày đi làm về, anh thấy có cơm canh sẵn. Tưởng bà con xóm giềng giúp đỡ, anh đứng ở cổng nói thật to mấy câu cám ơn, nhưng sau mọi người cho anh biết là không ai giúp anh như thế cả. Cuối cùng anh cũng lập mưu bắt được quả tang cô gái đẹp từ vỏ ốc chui ra. Cô bằng lòng làm vợ anh, nhưng đến lượt anh quyến luyến vợ, bỏ bê công việc làm ăn. Từ đây truyện giống với truyện người Nùng. Vợ cũng vẽ cho hai bức truyền thần dặn chồng khi đi cuốc nương thì cắm mỗi bức một đầu, tha hồ ngắm nghía.

---

1. Theo Cô-xcanh (Cosquin). *Truyện cổ tích Ấn-độ và phương Tây*, sách đã dẫn.
2. Người Nùng còn có truyện *Nàng Xáy* nói đến một chàng trai nhờ con chó chín đuôi bắt được một cái trứng. Từ trứng hiện ra một cô gái, dọn cơm canh hàng ngày khi anh vắng mặt. Về sau anh rình bắt được. Từ đấy Nàng Xáy là vợ anh, nhưng vì anh phạm vào điều cấm kỵ (ăn trứng) nên vợ biến về thủy phủ. Trải bao gian khổ đi tìm vợ nhờ con chó chín đuôi, ruồi và cá anh vũ, nên anh cũng tìm đến nơi. Ở đây anh phải chịu ba lần thử thách của Long vương (bố vợ); nhờ có đom đóm, kiến, chim nên anh làm tròn. Nhưng khi đưa vợ trốn về, vì quá nôn nóng, nên vợ lại bị khỉ bắt, nhờ có châu chấu giúp, cuối cùng anh về an toàn. Từ đây truyện giống với truyện trên, chỉ có gánh gừng hương thay cho gánh táo (theo *Truyện cổ Việt-bắc*, đã dẫn).

Một hôm anh bỏ quên một bức ỏ nương, bức tranh bị gió cuốn bay đến sân nhà vua. Muốn thử xem người đẹp có tài không, nên khi gặp anh, vua hỏi: - "Một ngày cuốc được bao nhiêu nhát?". Vợ anh gà cho anh hỏi vặn lại vua: -"Ngựa vua một ngày chạy được bao nhiêu bước?". Lần thứ hai vua lại hỏi: - "Có đầm nước trên núi đá đủ 15 con trâu tắm không?". Vợ anh cho vua biết rằng "chồng mình đi bứt dây mây ba ngày chưa lần đến gốc". Vua không tin có mây dài như thế thì người đàn bà đáp: - "Trên núi cũng không có đầm rộng như thế". Vua chịu thua. Lần thứ ba gặp anh, vua lại hỏi: - "Chỗ nào có cái trống đánh từ mồng một, tiếng vang đến ngày rằm?". Vợ anh nói rằng: - "Chồng thiếp bận mổ một con trâu ba ngày mà lột da chưa xong". Vua không tin thì người đàn bà đáp: - "Lấy da trâu ấy mới bưng được trống đánh từ mồng một vang đến ngày rằm". Vua lại chịu thua. Lần thứ tư gặp người đàn bà, vua hỏi: - "Đố biết ta đi về hay là xuống ngựa đây". Nàng hỏi vặn lại vua: - "Đống rác này tôi hót đi đổ một hay hai lần?" - "Một lần", vua đáp. Người đàn bà liền hót rác làm hai lần. Biết là bị mắc mưu, nhưng vua tìm cách bắt mỗi người dân nộp một vác củi rồi để vu vạ anh mò ốc, vua bỏ một con mèo chết vào vác củi của anh, và nói: - "Mèo của ta không phải là mèo cũng không phải là hổ, rất quý. Có người đã trả năm mươi lăm lạng rưỡi vàng. Nay đã đánh chết thì một là phải làm sống lại, hai là phải trả đủ số vàng, không được thì phải đưa vợ đến thay". Không thấy anh mò ốc đền mèo, hôm sau vua đến nhà để đòi, không ngờ khi xô cửa làm rơi một cái muôi gỗ, bị vợ anh mò ốc lý sự: - "Muôi nhà tôi không phải muôi, gỗ không phải gỗ, rất quý, có người đã trả sáu mươi sáu lạng sáu vàng. Nếu vua bắt chồng tôi làm cho con mèo sống lại thì vua cũng phải làm cho cái muôi lành lặn như cũ. Nếu bắt đền tiền thì vua còn mắc nợ mười một lạng mốt vàng". Vua lại chịu thua.

Thấy người đàn bà vừa đẹp vừa có tài trí, vua sai quân đến bắt đi. Từ đây truyện lại trở về dạng truyện *Chiếc áo lông chim*. Theo lời vợ dặn, người chồng cũng làm áo bằng lông các loại chim đánh bẫy được, nhưng không phải trồng táo mà là trồng hẹ "lá tốt như cỏ tranh". Sau ba năm anh mặc áo ấy và gánh gánh hẹ đi đến cung vua. Tiếng rao của anh cũng làm cho người vợ bống bật nói cười. Kết cục như các truyện trên, vua cũng đổi áo cho anh mò ốc, người đàn bà cũng thả chó ra cho cắn chết vua, và anh mò ốc thì trèo lên ngai vàng. Ở truyện của người Nùng thì hai vợ chồng trở lại đời sống ngày trước sau khi đưa của cải của vua phân phát cho mọi người[1].

1. Theo *Chàng xà trị hổ ác*, đã dẫn.

Truyện *Vua A Tú* của dân tộc Miêu (Trung-quốc) cũng có một đoạn giống với các truyện trên:

Chàng trai A Tú đến lợp cung điện cho vua. A Tú nhổ một bãi nước bọt biến thành quả anh đào làm cho công chúa mê anh. Về nhà anh bảo mẹ đi dạm công chúa. Vua bằng lòng gả nhưng bắt phải chịu một số thử thách. Lần đầu là dùng tro bện một sợi dây quấn quanh lầu ba vòng, và mang đến một con trâu sừng dài không đi lọt cửa thành. A Tú lấy rơm bện thành thừng rồi đốt như truyện của người Nùng; lại bóc vỏ cây xuân cắm tiếp vào sừng trâu cho dài. Lần thứ hai phải nộp ba đấu mề gà và ba thưng mắt cá. A Tú bắt mẹ mèo rừng và mẹ rái cá, bảo lũ con phải tìm nhiều mề gà và mắt cá mới thả mẹ chúng ra, nhờ vậy mà đủ số đem nộp. Lần thứ ba phải nhặt đủ số hạt đậu vàng mà vua sai rắc trong núi. A Tú bắt quạ loan báo cho các giống chim phải nhả số đậu đã ăn đem nộp. Lần thứ tư, để lấy ba sợi râu của Long vương, A Tú dùng gậy đập xuống mặt hồ làm cho Long vương ăn ngủ không yên, phải nhổ râu cho A Tú. Sau bốn lần thử, vua bằng lòng gả công chúa, nhưng bắt A Tú phải đoán đúng kiệu công chúa trong số một trăm hai mươi kiệu che kín rước ra cửa cung. Một con ruồi bằng lòng giúp chàng việc này. Đến đây truyện gần giống với truyện của ta.

Vì công chúa đẹp quá nên ngày nào A Tú cũng ngắm nghía không rời, bỏ công ăn việc làm. Công chúa bèn vẽ cho chồng một bức tranh luôn luôn mang theo bên người và dặn đừng huýt sáo. Câu chuyện rối ren cũng xảy ra vì A Tú quên mất lời dặn. Gió cuốn bức tranh đến nước vua phương Nam. Binh mã của vua mang bức tranh đi tìm người đẹp. Một hôm chúng đến làng A Tú. Chúng cũng hỏi anh mỗi ngày cuốc được bao nhiêu nhát. Anh chặn họng chúng bằng cách hỏi lại ngựa một ngày đi được bao nhiêu bước. Thấy thế chúng đến nhà với ý định để hỏi đố nữa. Ở đây chúng tìm được người đàn bà vẽ trong tranh, mặc dầu nàng đã dùng nhọ nồi bôi vào mặt.

Cũng như mấy truyện trên, trước khi ra đi, công chúa dặn A Tú làm áo lông chim và mang khèn đến cung vua. Vào cung ba năm, công chúa không nói một lời và chỉ nói cười khi thấy A Tú đến. Vua mừng rỡ đổi áo hoàng bào lấy áo lông chim của A Tú. Nhưng trong khi vua nhảy múa thổi khèn thì bị công chúa xui chồng bắn chết. Rồi A Tú lên ngai vàng làm vua[1].

1. Theo *Truyện dân gian Trung-quốc*, đã dẫn.

136. NGƯỜI DÂN NGHÈO VÀ NGỌC HOÀNG

Ngày xưa, có một nhà kia trải đã mấy đời sống trong cảnh khố rách áo ôm. Đến đời người cháu nội là một anh học trò không đất cắm dùi. Ngày ngày anh cố công làm thuê làm mướn để tối đến học năm ba chữ, may chi thay đổi được số phận, nhưng mãi đến năm ba mươi tuổi, cuộc sống của anh vẫn không nhích lên được tí nào. Không chịu được nỗi đói khổ dằn vặt, một hôm anh ngồi than thở một mình:

- Tục ngữ có câu: -"Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời". Ấy vậy mà đã ba đời nay dòng họ mình toàn là đói rách xơ xác. Ta nghe nói ngoài biển Đông có Ngọc Hoàng thượng đế thường xuống ngự trên một hòn đảo. Vậy ta phải đi tìm một phen để hỏi cho ra lẽ.

Nghĩ vậy, anh bèn khăn gói quả quyết lên đường.

Anh cứ ngày đi đêm nghỉ đã được mươi hôm. Vì tiền, lương mang đi không có bao nhiêu nên chóng cạn. Đành phải lần vào một nhà nọ để xin giúp đỡ. Người chủ nhà này là một phú ông. Phú ông sai người dọn cơm nước đãi anh tử tế, đoạn hỏi:

- Anh đi đâu có việc gì?

Người học trò không giấu giếm một tý nào cả:

- Nghe nói Ngọc Hoàng thượng đế thường xuống ngự trên một hòn đảo ngoài biển Đông, tôi cất công đi tìm Ngọc Hoàng để hỏi tại sao người ta thường nói: -"Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời", thế mà nhà tôi đói khó từ ba đời nay không cất mặt lên được.

Nghe đoạn, phú ông đưa cho anh học trò một số tiền ăn đường, và nói:

- Thế thì nhân thể anh làm ơn hỏi giúp Ngọc Hoàng cho tôi một việc. Nhà tôi từ xưa đến rày không hề làm việc gì ác đức, vậy mà không

hiểu tại sao vợ chồng tôi chỉ sinh hạ có mỗi một mụn con gái mà lại câm từ thuở nhỏ.

Người học trò gật đầu nhận lời, rồi lên đường, tiếp tục cuộc hành trình. Nhưng số tiền ăn đường của anh chẳng mấy chốc lại hết veo. Anh lại lần vào nhà một người nọ ở dọc đường để cầu giúp đỡ. Người chủ nhà này cũng đãi đằng cơm nước tử tế, đoạn hỏi anh về mục đích chuyến đi. Anh cũng kể lại tỉ mỉ số phận đen đủi của mình cùng với ý định đi tìm Ngọc Hoàng thượng đế. Nghe thủng câu chuyện, người kia mang tiền gạo ra tặng anh, và nói:

- Nếu anh đi gặp Ngọc Hoàng thượng đế thì nhân thể làm ơn hỏi hộ cho tôi việc này một tý. Nguyên nhà tôi có trồng mấy cây cam, không hiểu tại sao cây tốt sum suê mà lại không hề có quả.

Người học trò nhận lời và lại tiếp tục lên đường. Anh đi mãi rồi cũng đến đích. Nhưng khi muốn vượt biển để tìm đến hỏi đảo, chỗ Ngọc Hoàng thường ngự xuống thì thấy một trời một nước mênh mông, chẳng có thuyền bè gì cả. Anh ngồi lại ở trên bờ chờ đợi. Chờ luôn ba hôm không thấy gì, anh không khỏi sốt ruột. Bỗng một hôm anh trông thấy một con ba ba khổng lồ nổi lên mặt nước bơi vào bờ, hỏi anh có việc gì mà ngồi chờ ở đây. Người học trò liền kể hết tâm sự của mình cho ba ba nghe và nói lên điều mong mỏi trước mắt là chờ gặp một con thuyền để đi nhờ ra đảo. Ba ba nghe vậy liền bảo:

- Anh cứ trèo lên lưng tôi, tôi sẽ vui lòng đưa giúp anh ra đến tận đảo. Nhưng nhân thể nhờ anh hỏi hộ Ngọc Hoàng cho tôi là tại sao tôi sống ở đây đã được một ngàn năm rồi mà vẫn cứ thế này mãi chứ không thay đổi.

Người học trò lại nhận lời của ba ba. Anh ngồi lên lưng ba ba để cho con vật rẽ sóng đưa mình băng qua muôn trùng sóng nước. Đảo xa mù tít ngày một rõ dần. Không bao lâu, bàn chân anh đã giẫm lên đảo. Anh còn tiếp tục đi một đoạn đường rất dài và trèo lên tận đỉnh một ngọn núi. Theo lời chỉ dẫn thì đây chính là chỗ Ngọc Hoàng thỉnh thoảng thường ngự xuống nghỉ ngơi. Cho nên, anh dừng chân lại và gắng sức chờ đợi. Quả nhiên ba hôm sau, vào một buổi sáng, bỗng có một vầng sáng từ trên trời bay vụt xuống đỉnh núi, Ngọc Hoàng từ trong vầng

sáng bước ra rồi khoan thai tới ngự trên một cái ngai đầy châu báu rực rỡ. Không rụt rè một tí nào, anh học trò tiến đến trước mặt Ngọc Hoàng quỳ xuống tâu xin. Nhìn thấy anh, Ngọc Hoàng chau mày:

- Nhà ngươi muốn cái gì mà đến đây?

Người học trò chưa vội hỏi việc của mình, anh bắt đầu kêu hộ việc của ba ba. Ngọc Hoàng nghe xong, liền nói:

- Nó có hòn ngọc ở trong cổ nên không hóa kiếp được. Chỉ cần bỏ ngọc ra là hóa được ngay.

Anh lại đem việc của người trồng cam ra tâu. Ngọc Hoàng bảo:

- Những cây cam ấy không có quả là vì dưới gốc của chúng có vàng. "Kim khắc mộc" nên mới như thế.

Anh học trò lại chuyển sang hỏi hộ cho người con gái câm, Ngọc Hoàng bảo:

- Nó không nói được là vì chưa có ông trạng nào đến "khai khẩu" cho nó.

Người học trò sắp sửa chuyển sang hỏi việc cho chính mình, thì không ngờ Ngọc Hoàng thượng đế thấy anh hỏi mãi nên bực mình, gắt:

- Bực quá! Ta đến ngồi ở đây tưởng cách biệt với thiên đình để kiếm chút yên tĩnh, không ngờ lại bị bọn trần gian tìm đến quấy rầy.

Nói đoạn, Ngọc Hoàng vội cưỡi mây bay về trời. Cho là số phận của mình đen đủi nên mới xui ra vậy, anh học trò đành ngậm ngùi quay trở về. Đến bờ biển đã thấy ba ba chực sẵn ở đó, nó bảo anh trèo lên, chỏ vào đất liền, rồi hỏi:

- Việc của tôi thế nào?

- Tại trong cổ mày có hạt ngọc mà mày thì cứ khư khư giữ mãi không chịu bỏ ra, nên không thể hóa kiếp được!

Ba ba bèn nhả viên ngọc đưa ra biếu anh và chỉ một chốc sau nó đã được đầu thai làm kiếp khác.

Anh học trò lại lần theo đường cũ trở về. Đến nhà có cây cam, người chủ ra đón anh, hỏi:

- Việc của tôi thế nào?

- Vì dưới gốc cây có vàng chôn, cứ đào lên là khắc có quả.

Người làm vườn bèn lấy thuổng đào, quả tìm thấy dưới mỗi gốc cây có một chĩnh vàng. Ông ta vui lòng chia cho người có công đi hỏi giúp mình một chĩnh.

Anh học trò lại lên đường về. Đi ngang qua kinh thành nhà vua thì một không khí tấp nập làm anh chú ý. Ở đây người ta đang mở khoa thi để kén Trạng nguyên. Nhờ có viên ngọc, anh học trò đã trở nên sáng dạ lạ thường, bao nhiêu kinh sử ôn đến đâu thuộc làu đến đấy. Vì thế anh bèn nấn ná ở lại. Sẵn có vàng, anh sắm sửa mọi thứ: quyển thi, lều chiếu và lễ vật... để được có tên vào danh sách ứng thí. Khoa ấy, văn bài của anh làm rất xuất sắc. Chánh chủ khảo lấy anh lên đầu bảng. Nhà vua vô cùng khen ngợi vì kén được nhân tài xứng đáng, phong cho anh đậu Trạng nguyên.

Sau đó ít lâu Trạng cưỡi ngựa vinh quy. Một đoàn lính tiền hô hậu ủng theo Trạng cùng đi. Khi đi qua nhà phú ông, Trạng vẫn không quên lời hứa ngày nọ. Chàng bèn dừng ngựa ghé vào. Phú ông lấy làm ngạc nhiên khi thấy có quân gia kéo vào nhà mình, liền khăn áo chỉnh tề ra tiếp đón. Thấy Trạng không phải ai khác hơn người học trò nghèo đi hỏi Ngọc Hoàng dạo trước, phú ông lại càng bội phần kinh ngạc. Nhưng Trạng vừa kịp truyền cho phú ông biết câu trả lời của Ngọc Hoàng thượng đế, thì từ buồng trong, cô gái câm đã bước ra mỉm cười cúi chào Trạng và tự nhiên thốt lên thành lời. Để cám ơn người có công giúp mình, phú ông bèn đem con gái gả cho Trạng làm vợ[1].

KHẢO DỊ

Mô-típ trên phổ biến ở một số nước châu Á và châu Âu. Ở Triều-tiên, Trung-quốc đều có truyện giống với truyện của ta. Sau đây chỉ kể một số dị bản có tình tiết hơi khác.

Dân tộc Dáy có truyện *Phìn pản phân* (chia đôi):

1. Theo Lăng-đờ (Landes), sách đã dẫn.

Xưa có một chàng trai nghèo đi ở cho một nhà giàu, một hôm nhặt được một thoi vàng trên có ba chữ "phìn pản phân" anh bị tên nhà giàu cướp lấy, bảo ba chữ ấy là tên mình. Anh bèn bỏ chủ đi tìm tiên để hỏi. Dọc đường anh cũng lần lượt gặp một nhà có hai cây cam có hoa không quả, một nhà có cô gái câm và một con rắn sống mấy trăm năm mà chưa được lên trời, nhờ hỏi hộ lý do. Cũng như truyện trên, anh chỉ hỏi được ba việc cho người, mà không hỏi được việc của mình. Nhưng khi xong việc của con rắn, anh được nó tặng một viên ngọc lấy từ đầu rắn; xong việc thứ hai, anh được nhà nọ gả cho cô gái hết câm; xong việc thứ ba anh được chia đôi số thoi vàng và bạc mà trên mỗi thoi đều có ba chữ "phìn pản phân". Qua đó anh tự giải đáp được luôn câu hỏi của mình: chính là tên nhà giàu đã cướp không thoi vàng mà mình nhặt được. Kết cục câu chuyện, thoi vàng của tên nhà giàu tự nhiên biến thành cục phân[1].

Truyện cổ tích Grim (Grimm) có kể *Ba sợi tóc vàng của chúa quỷ* cũng là một dị bản của các truyện trên, khá phổ biến ở châu Âu:

Một đứa bé đẻ ra đã đội mũ, thầy số đoán nó sẽ lấy công chúa. Nghe nói, nhà vua muốn phá tiền định, bèn bắt thằng bé bỏ vào hộp thả sông. Một người chủ cối xay nhặt được hộp vướng vào hàng cừ, bèn đem về nuôi cho khôn lớn. Vua đi qua, biết nó là đứa bé mình toan hại trước đây, bèn nhờ anh mang thư về cho hoàng hậu, trong thư dặn vợ giết chết người đưa thư. Nhưng một bọn cướp bắt được anh và bức thư, bèn bí mật chữa lại là "gả công chúa cho người đưa thư". Vì thế anh được lấy công chúa. Khi vua trở về thì mọi việc đã xong đâu vào đấy. Tức giận, vua bèn bắt anh phải đi lấy ba sợi tóc vàng của quỷ, có được mới nhận làm rể.

Đến đây truyện giống với những truyện vừa kể ở trên. Anh đến một thành phố, người lính gác thành phố thấy anh nói gì cũng thông hiểu, bèn xin anh cho biết tại sao giếng ở chợ mọi ngày vẫn chảy ra rượu vang nay lại cạn. Anh hứa lúc về sẽ trả lời. Một người lính gác thành phố thứ hai hỏi anh vì sao cây đang ra quả vàng tự nhiên héo khô. Một người lái đò mà anh gặp sau đó, hỏi anh vì sao suốt đời phải đưa đò ở bến. Anh đều hứa khi về sẽ trả lời.

Vào địa ngục, đến nhà chúa quỷ, gặp quỷ vợ, anh nói mục đích của mình và các câu hỏi. Vợ chúa quỷ biến anh thành con kiến nấp trong nếp áo để

1. Theo *Chàng xà trị hổ ác*, sách đã dẫn.

cho chúa quỷ khỏi ăn thịt - phần nào giống với nhân vật sư và Ác-lai trong *Sự tích cá he* (số **13**, tập **I**). Chúa quỷ về, bảo vợ rằng mình đánh hơi thấy có mùi thịt người. Vợ đánh trống lảng cho qua chuyện. Ăn xong, chúa quỷ nằm xuống gối đầu lên đùi vợ nhờ bắt chấy. Vợ nhổ lần lượt ba sợi tóc, mỗi lần nhổ chúa quỷ đau tỉnh giấc, là một lần vợ đem một câu hỏi của anh ra hỏi. Sáng hôm sau khi chúa quỷ đi khỏi nhà, anh được vợ quỷ làm phép trả lại hình người và trao cho ba sợi tóc vàng.

Trở về, anh lần lượt trả lời ba câu hỏi. Với anh lái đò, đợi khi qua sông xong, anh nói: - "Thấy người nào qua sông cứ ấn mái chèo vào tay rồi bỏ đi là từ giã được nghề cầm chèo". Với người lính canh thứ hai: -"Bắt con chuột gặm rễ cây giết đi, cây lại có quả vàng". Người ấy tặng anh một con la chở đầy vàng. Với người lính canh đầu tiên - "Bắt con cóc dưới đáy giếng thì lại có rượu vang", cũng được tặng hai con la đầy vàng.

Vua được ba sợi tóc rất mừng. Nhưng nghe nói bên kia sông có nhiều vàng thì động lòng tham, quyết đi tìm vàng. Lúc vua qua sông, người lái đò dúi mái chèo vào tay vua rồi đi mất. Thế là vua phải ở lại làm nghề chèo đò.

Người Pháp có truyện *Bà tiên chồn*:

Một người anh chiếm hết cả gia tài, chỉ chia cho em một ít tiền. Em đông con, ăn hết tiền lại đến vay của anh. Anh bảo cởi truồng ra dầm mưa rồi lăn vào trong chạn đầy bột của mình, dính được bao nhiêu cho lấy bấy nhiêu. Em làm theo lời, chỉ được bột vừa đủ làm nửa cái bánh, nhưng sau đó phơi bánh ở cửa sổ, gió thổi bay đi mất. Lại đến xin người anh lần nữa. Anh bảo đi tìm bà tiên chồn mà hỏi. Em đi ngay. Trong khi đi đường, em được một gốc đa che cho khỏi lạnh, cây nhờ hỏi hộ tại sao những cây khác đều có quả mà mình thì không. Lại được một con diều lớn nằm giữa đất cho nấp dưới cánh, chim cũng nhờ hỏi hộ vì sao mình lại không bay được. Một dòng suối mà chàng lội qua cũng nhờ hỏi vì sao những suối khác đều có cá mà mình thì không.

Khi gặp bà tiên chồn, bà tiên trả lời ba câu hỏi hộ người, đến câu hỏi của mình thì bà trao cho một cái liềm vàng. Em về lội qua suối rồi nấp sau một đống đất nói với suối rằng - "muốn có cá phải nuốt một người". Sau khi ngủ dưới cánh diều một đêm, sáng dậy chàng gõ một hòn đá trong nách chim, chim liền bay được. Sau khi ngủ một đêm dưới gốc đa, chàng đào dưới gốc được hai hũ hạt, cây từ đó có quả. Đưa về nhà thì hòn đá ở nách chim hóa thành kim cương, hai hũ hạt thành hai hũ vàng.

Nghe tin em giàu có, người anh tìm đến hỏi, rồi vội bỏ đi gặp bà tiên chồn; nhưng cây đa đã có quả, chim đã bay mất, hắn không còn chỗ ẩn nấp, khi qua suối lội xuống bị nuốt chửng. Từ đó, suối trở nên lắm cá.

Truyện của người đảo Cor-xơ (Corse) *Bạn của những người nghèo*:

Một ông chúa vì làm phúc mà phá sản. Tin tưởng ở đức chúa Trời, ông đeo túi lên vai đi tìm để hỏi. Dọc đường, gặp một ông chúa lâu đài nhờ hỏi hộ vì sao đất của mình không sinh sản. Gặp một thầy cả nhà dòng nhờ hỏi vì sao nhà dòng trở thành địa ngục và các thầy tu lại sinh đánh nhau. Cuối cùng gặp một người đàn bà nghèo nhờ hỏi vì sao con gái mình không kiếm được chồng.

Khi đến nơi, chúa Trời trả lời cho ông các câu hỏi, rồi cho ông một túi sỏi đủ cho ông và vợ làm phúc suốt đời. Trở về qua chỗ người đàn bà nghèo, ông trao cho bà và các cô con gái mỗi người một hòn sỏi. Sỏi biến thành kim cương, các cô gái liền kiếm được chồng. Đến chỗ nhà dòng, ông bảo thầy cả phải đem cây thập tự cho người đầu bếp và rung tất cả các chuông lên. Quỷ ốp vào người đầu bếp, làm hắn chạy trốn và kêu rống. Cả nhà dòng sợ hãi, từ đó các thầy tu không đánh nhau nữa. Đến chỗ ông chúa lâu đài, ông bảo hạ tường xuống đất thì đất sẽ sinh sản được[1].

Một số truyện khác của Việt-nam dường như xuất phát từ một số hình tượng chính của truyện *Người dân nghèo và Ngọc Hoàng* mà phát triển thành, ví dụ truyện *Nhà sư và cá kình* (giống với hình tượng người học trò và con ba ba):

Một nhà sư trụ trì đã lâu năm mà chưa thành chính quả, một hôm mộng thấy thần linh bảo phải đi đến nước Phật để tìm một câu tụng niệm, rồi tự mình tụng lấy thì đắc đạo. Sư ra đi với một đám đệ tử, nhưng đường sá gian nguy, các đệ tử rơi lại dọc đường, còn một mình sư vẫn không nản chí. Đến bờ biển không có thuyền bè nào dám chở. Một con cá kình ngẫu nhiên qua đó ghé cho sư lên. Biết sư đi tìm Phật, cá nhờ hỏi Phật cho một câu. Sư ta nhận lời (nhưng như vậy là phạm lỗi vì đáng lý phải ngậm thinh). Cá nói mình đã sống một nghìn một trăm năm nay và gần đây để chuộc lỗi lầm cũ, không hề ăn một con tép nhỏ, nhưng không hiểu sao vẫn chưa thành chính quả. Sư sợ cá bỏ mình dọc đường (ý nghĩ đó là phạm lỗi lần thứ hai) nên tuy biết không thể hỏi được nhưng cũng hứa liều (phạm lỗi lần thứ ba). Cám ơn sư, cá chở đến tận bờ. Đến nơi, sư nhận được của Phật một quyển kinh trong đó có câu tụng niệm, nhưng vì lỗi lầm làm mờ ám, sư chỉ đọc được câu đầu sách và lặp đi lặp lại: "Nam-mô-a-di-đà-Phật". Sau đó sư bỏ kinh vào đãy trở về.

1. Chúng tôi chưa nắm được ý nghĩa của tình tiết sau cùng này.

Đến bờ biển gặp lại con cá kình cũ. Sư lại trèo lên lưng cho nó chở về. Đến nơi cá hỏi, sư run rẩy vì lỗi lầm của mình nên đánh rơi đãy. Cá tưởng Phật cho mình bèn nuốt chửng đãy kinh rồi đi luôn. Sư bước lên bờ: đây là đảo Phú-quốc. Sư dừng lại ở đây trụ trì, và sau đó ghi lên hang núi một câu: "Kẻ đệ tử đã đi sang Tây-trúc tìm được câu tụng niệm là "Nam-mô-a-di-đà Phật"[2].

Người châu Âu có khá nhiều truyện có nói tới một nhân vật đi tìm cho vua ba sợi tóc vàng (hay thuốc trẻ lại). Đặc biệt hầu như các truyện đó đều có hình ảnh người lái đò ngang từng làm việc lâu năm và muốn tìm người thay thế. Ví dụ truyện *Thằng bé gù* có nói tới một hoàng tử đi tìm thuốc trẻ lại, dọc đường gặp một con chồn biếu một cái khăn có thể gọi ra thức ăn và dặn: thuốc trẻ lại ở trong một lâu đài rất xa. Lâu đài này có một ông chằng, một con hổ và một con sư tử canh giữ. Muốn đến lâu đài phải qua sông bằng đò ngang, người lái đò làm nghề này đã mười tám thế kỷ, xuống đò nếu người nào bước thụt lùi một bước, là phải thay chân người lái mãi mãi, v.v...

(HẾT TẬP III)

2. Theo *Tạp chí Đông-dương* tập XIII, số 1 (1910). Một dị bản của truyện này như sau: Một nhà sư sang Tây-trúc thỉnh kinh, đến bờ biển không có đò, nhờ có con rùa nổi lên chở đi. Dọc đường rùa dặn: - "Xin ông hỏi hộ với Phật tại sao tôi cứ phải ở nước mãi khổ lắm". Sư ta nhận lời. Khi sư quay về lại được rùa đón chở. Đi được nửa đường rùa hỏi về điều mình nhờ hỏi hộ. Sư đáp: - "À quên!". Rùa giận lặn mất, vì thế kinh kệ ướt cả, may có con diều tha kinh lên phơi phóng. Do câu chuyện này người ta cho rằng rùa bị tội đội bia. Còn diều thì được biểu dương bằng cách ngậm phướn (*Bản khai của sách Hữu-lập, sách Vĩnh-lại, sách Nhiêu-hợp* đã dẫn, tập I). Xem thêm **Khảo dị** truyện số **13**, tập **I**.

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
CỦA NGUYỄN ĐỔNG CHI*

Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *đã ra được ba tập và có tập đã in lại đến lần thứ tư, thứ năm, trong vòng trên mười lăm năm. Chỉ sự việc đó thôi, cũng đã nói lên một phần giá trị của bộ sách. Đáng lẽ phải chờ cho sách ra trọn bộ, để có thể nghiên cứu cả ý kiến của tác giả về "ý nghĩa, giá trị và đặc điểm của truyện cổ tích Việt-nam thế nào? Phương pháp nghệ thuật và nội dung tư tưởng của nó có khác gì với truyện cổ tích Đông Tây?" (Bản in đã dẫn, tập I; tr.71), và xem toàn bộ hệ thống truyện được chọn lọc ở cả những tập cuối, rồi mới góp ý kiến thì hợp lý hơn. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ ba tập sách ra đời, trải qua thời gian hơn mười lăm năm, cũng tạm đủ thử thách để có thể cho phép chúng ta rút ra một số nhận xét, kết luận cần thiết. Hơn nữa, chờ cho sách ra được trọn bộ e có thể còn lâu, vì "kho tàng" truyện cổ tích Việt-nam trên khắp cả đất nước ta vô cùng phong phú, công phu sưu tầm và nghiên cứu của tác giả dù đã rất lớn, chắc cũng còn phải bỏ vào đấy khá nhiều.*

Những tập đã công bố của Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *có hai phần chủ yếu*:

Phần thứ nhất: Nghiên cứu truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích Việt-nam.

Phần thứ hai: Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *(phần này mới chỉ gồm 120 truyện).*

Phần nghiên cứu in ở đầu tập I đề cập đến ba mặt của vấn đề truyện cổ tích: Bản chất truyện cổ tích; Lai lịch truyện cổ tích; Truyện cổ tích

---

* Chúng tôi viết bài này trên cơ sở các tập *Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam* tập I, tập II (in lần thứ tư), tập III (in lần thứ hai), Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1972-1973.

Việt-nam qua các thời đại. Đây có thể coi là phần "tuyên ngôn", nêu rõ quan điểm của các tác giả về loại hình truyện cổ tích, quy luật cùng quá trình hình thành truyện cổ tích, bước đường tiến hóa của nó trong lịch sử văn học truyền miệng và lịch sử văn hóa dân tộc (tác giả đề cập đến sự xuất hiện và sự suy tàn của truyện cổ tích Việt-nam nhưng trong đó có dụng ý khái quát tiến trình vận động của loại hình truyện cổ tích và truyện truyền miệng nói chung). Còn phần "tổng kết", đánh giá toàn bộ truyện cổ tích Việt-nam, chắc cũng sẽ có tầm quan trọng tương xứng với phần "tuyên ngôn", như đã nói ở trên, sẽ được in ở tập cuối của bộ sách, là phần thứ ba, khép lại của toàn tập.

Trong khi chờ đợi sách ra trọn bộ, và cũng để đọc liền mạch cả hai phần nghiên cứu, để bình giải cho xác đáng những ý kiến có tính hệ thống của tác giả (trong đó nhiều ý kiến đã được các học giả phương Tây luận bàn[1]), chúng tôi xin phép được hẹn một dịp khác sẽ trực tiếp phân tích, đánh giá một cách tổng thể phần nghiên cứu quan trọng này.

Riêng phần văn bản truyện cổ tích, chỉ qua ba tập đã in ra, tác giả đã giới thiệu cho chúng ta 120 truyện, xoay quanh những chủ điểm sau:

1. Nguồn gốc sự vật (25 truyện)

2. Sự tích đất nước Việt (10 truyện)

3. Sự tích các câu ví (25 truyện)

4. Thông minh, tài trí và sức khỏe (32 truyện)

5. Sự tích anh hùng nông dân (12 truyện)

6. Truyện phân xử (10 truyện)

7. Truyện thần tiên, ma quỷ và phù phép (6 truyện).

Ngoài ra, ở dưới mỗi truyện, trong phần Khảo dị, *tác giả còn giới thiệu thêm rất nhiều dị bản, nhiều truyện cổ tích khác có khía cạnh tương tự về mặt này hay mặt khác với truyện đã kể. Đây là hàng loạt cổ tích của các dân tộc thiểu số trong nước ta hoặc cổ tích của nhiều dân tộc trên thế giới...*

1. Xin xem bài của M.Durand và bài của Lê Văn Hảo trên *BEFEO*, số 1-1964.

Qua ba tập sách, người ta đã thấy đây đúng là "kho tàng", dù chỉ mới xếp xong có "ba kho". Ở chủ điểm nào cũng thấy sự phong phú, đa dạng của loại hình cổ tích. Đọc xong một sự tích của ta, bạn đọc lại bị lôi cuốn vào hàng loạt sự tích cùng loại của thế giới (chẳng hạn ở truyện Sự tích con khỉ *(tập I), phần* Khảo dị *tác giả kể thêm 25 dị bản; ở truyện* Nói dối như Cuội *có thêm 24 dị bản; truyện* Ba chàng thiện nghệ *(tập III), có thêm 30 dị bản...). Rất ít truyện không có* Khảo dị. *Nếu đổ đồng hơn bù kém cứ sau một truyện chính lại gợi thêm chừng 10 dị bản, thì số lượng truyện cổ được đề cập đến trong cả ba tập - với những hình thức và chi tiết khác nhau - phải tính đến con số ngàn.*

Kho tàng *này còn đáng quý ở chỗ bao gồm được những truyện đã được thời gian sàng lọc - tất nhiên được tác giả kỳ công tìm tòi, tuyển chọn và kể lại - để có giá trị tiêu biểu bậc nhất cho truyện cổ tích Việt-nam. Vì thế, có thể nói,* Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *của Nguyễn Đổng Chi đánh dấu một bước tiến quan trọng trong công tác sưu tầm, giới thiệu, nghiên cứu truyện cổ tích Việt-nam; nó đạt được những thành tựu vững chắc hơn không ít các tập truyện cổ tích đã xuất bản từ trước đến nay, về cả hai mặt số lượng và chất lượng.*

Về mặt ngôn ngữ truyện kể, tác giả đã cố gắng để không rơi vào hai xu hướng lệch lạc khá phổ biến xưa nay là tiểu thuyết hóa hoặc đơn giản hóa truyện cổ tích. Nhiều truyện kể hấp dẫn, làm nổi bật chủ đề, sự việc diễn biến dồn dập, lôi cuốn, như Sự tích chim tu hú, Gốc tích tiếng kêu của Vạc, Cộc, Dủ dỉ, Đa đa và Chuột, Sự tích đầm Mực...*(tập I)*, Của Thiên trả Địa, Chàng Lía...*(tập II)*, Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ, Ba Vành... *(tập III), vân vân... Tác giả đã dụng công kết cấu từng truyện đúng như cái cốt ban đầu của chúng, để cho mỗi truyện lôi cuốn người đọc theo sự kết hợp mô-típ và chủ đề riêng của nó, tránh dàn đều, xóa nhòa sự dị biệt, đặc thù nếu có, lại càng tránh xu hướng hiện đại hóa lộ liễu. Người đọc không hề phải khó chịu vì đọc những đoạn văn tả cảnh, tả tình dài dòng như ở một số tập truyện cổ tích khác. Lời văn kể chuyện trong cả ba tập nói chung giản dị, dễ hiểu, đôi chỗ dí dỏm, vui tươi. Có thể nói, ở đây, tác giả đã cố gắng sử dụng ngôn ngữ kể chuyện của người bình dân và cách diễn đạt dân gian mà vẫn không làm cho các truyện rơi vào thô thiển.*

Cái khó của truyện kể là xác định cho đúng chủ đề tư tưởng ban đầu của câu chuyện cổ, rồi kể làm sao cho nổi, cho sáng chủ đề tư tưởng đó một cách nghệ thuật, hợp với luận lý. Ở truyện Sự tích đầm Mực, *qua lời trao đổi của Chu An với hai anh học trò là con vua Thủy: - "Các con cố thủ nghĩ xem có thể lấy nước ở đâu được không? Không cứu được nhiều thì ta hẳng tạm cứu ít vậy!" - "Dạ, oai trời rất nghiêm nhưng lời thầy thì rất trọng. Chúng con xin vâng lời thầy", tác giả đã cho ta thấy đạo đức của ông thầy và tình nghĩa thầy trò sâu nặng. Người ta thường gọi lối kể này là "khéo léo phục chủ đề qua sự việc".*

Tuy vậy, ở một số truyện, rải rác vẫn còn đôi chỗ dùng từ cầu kỳ, hoặc chen vào một đôi lời bàn không cần thiết, như: "Ngày xưa, có một vị hòa thượng trẻ tuổi nổi tiếng chân tu. Mọi "thị dục" của bản thân, hòa thượng đều kiên quyết cắt đứt, chỉ một lòng chuyên chú vào lẽ hư vô của đạo Thiền"; hoặc "Thế là chuyến đó Phật bà Quan âm không được hài lòng. Giận vị hòa thượng đã thiếu kiên trì trước sức cám dỗ của "thị dục"... (Sự tích con nhái, *tập I, sách đã dẫn, tr.119-121). Chữ "thị dục" tuy có giữ lại được màu sắc cổ kính của từ ngữ, nhưng nên chăng đổi sang một chữ khác cho bình dị hơn?*

Ở một vài truyện, ngôn ngữ đối thoại có lẽ còn phảng phất ảnh hưởng của những văn bản thuộc loại hình khác, không phù hợp lắm với lối kể dân gian. Ví dụ trong truyện Vợ ba Cai Vàng, *khi Cai Vàng mời ba vợ đến họp bàn, tác giả kể lại cuộc đối thoại giữa họ với nhau:*

"Ông nói: - "Tôi nay không khác gì cưỡi trên lưng hổ, sớm muộn bọn chúng cũng chẳng để yên cho nào. Vậy tôi muốn một phen chọc trời khuấy nước, diệt cho hết lũ tham tàn để vẫy vùng riêng một cõi. Ba nàng nghĩ sao?". Người vợ cả thưa rằng: - "Châu chấu chống xe làm sao được! Chàng đừng nghĩ dại dột! Cái vạ diệt tộc hãy còn rình sau lưng đấy! Mong chàng nghĩ lại thôi. Nếu chàng dấy quân, thiếp đành xin trở về nuôi mẹ. Một mai nhỡ có việc gì, thiếp xin phụng dưỡng mẹ già thay chàng".

Người vợ hai cũng tiếp luôn:

- "Chàng ơi, nghe thiếp đừng đi,
Cửa nhà, cơ nghiệp thiếu gì ăn chơi" v.v...

Về mặt khảo dị, tác giả đã dày công nghiên cứu và tìm tòi tư liệu ở khắp mọi nơi và khắp mọi nguồn, để có thể gợi ra hoặc kể tóm tắt nhiều dị bản ở trong nước, ngoài nước, giúp ích rất nhiều cho người đọc trong việc so sánh, để tìm những nét đại đồng tiểu dị trong nội dung những truyện kể thuộc cùng một chủ đề, hoặc một chủ điểm trong cách kết cấu của những truyện cùng loại hình, trong sự lặp lại hoặc phái sinh của những mô-típ, hình tượng; mặt khác thấy được những nét độc đáo của truyện cổ tích Việt-nam và sự giao lưu văn hóa giữa các nước.

Điều đáng nói là tác giả đã cố gắng tìm được nhiều dị bản ở nhiều địa phương trong nước. Điều này quan trọng hơn rất nhiều so với việc so sánh dị bản ở nước ngoài. Vì càng có được trong tay nhiều dị bản về một cốt truyện đã chuyển hóa qua nhiều nơi, nhiều vùng, thì càng có cơ sở tô đậm tính dân gian của truyện cổ tích, càng giúp người đọc dễ nắm bắt được chủ đề đích thực của từng câu chuyện. Đọc xong truyện Cứu vật vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán *(tập II), rồi đọc thêm dị bản* Bạc hơn cầm thú *ở Hà-tĩnh, và những truyện khác ở Nghệ-an, ở phường An-phụ (Hà-nội)... chúng ta càng thấy sức sáng tạo của quần chúng mỗi nơi mỗi vẻ, cũng như nét nhân bản rất rõ trong truyện cổ tích Việt-nam (con người không thể không cứu đồng loại, mặc dầu biết rõ đồng loại là loài khôn ngoan nhất, nên có thể trở thành "nguy hiểm" cho mình). Đọc sự tích* Tô thị vọng phu *ở Lạng-sơn,* Sự tích đá Vọng phu *ở Bình-định và một loạt dị bản khác được dẫn dắt khéo léo trong tập sách của Nguyễn Đổng Chi, ta mới biết sự khác nhau về chủ đề vẫn thường gặp trong một số truyện cổ tích có bề ngoài hình như giống nhau.*

Có thể nói, giá trị của Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *tăng lên nhiều, một phần quan trọng là nhờ sự phong phú, dồi dào của phần* Khảo dị. *Tuy vậy, bạn đọc vẫn muốn yêu cầu tác giả trong những lần tái bản sau, nâng cao hơn nữa số lượng* dị bản ở trong nước, *để không những phù hợp với tên bộ sách là* Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *mà chủ yếu, để đáp ứng một yêu cầu khoa học thực tiễn cấp thiết của giới nghiên cứu, và của đông đảo công chúng. Đó là vấn đề: tính dị bản của cổ tích Việt-nam, cho đến nay vẫn chưa được đặt thành vấn đề nghiên cứu một cách thật hệ thống. Có nhiều nhà cổ tích học đã sưu tập được hàng trăm*

dị bản về một cốt truyện ở nhiều nước khác nhau, nhiều dân tộc khác nhau, như Ê-ma-nuy-en Cô-xcanh (Emmanuel Cosquin) với cốt truyện "cô gái bị bắt được cứu thoát và những nhân vật có tài lạ", hoặc như Đinh Gia Khánh với loạt truyện Tấm Cám... *Song đó là vấn đề đặt ra cho loại sách khảo cứu chuyên đề. Còn đối với sách "kho tàng" cổ tích của một dân tộc, như* Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam *thì thiết tưởng yêu cầu đầu tiên là làm nổi bật các dị bản của các địa phương trên địa bàn Việt-nam (đó là sự vận động nội tại của loại hình này, qua các mối giao lưu văn hóa trong lịch sử), rồi sau mới tính đến các dị bản của thế giới.*

Cách sắp xếp ở phần Khảo dị *cũng có những phần chưa được nhất quán. Phải chăng nên có những khảo dị rành rọt về từng loại: khảo dị truyện cùng chủ đề, khảo dị truyện cùng loại kết cấu, khảo dị truyện có mô-típ, hình tượng giống nhau... Làm như thế chắc sẽ mất công nhiều hơn (mà bộ sách này tác giả đã bỏ ra bao nhiêu là tâm huyết), và cũng chiếm nhiều trang hơn (trong khi sách cũng đã rất dày), nhưng nêu lên như trên chú không nhất thiết truyện nào cũng phải có đủ cả các phần khảo dị như đã nói. Ví dụ: ở truyện* Sự tích con khỉ *có lẽ nên khảo dị trước hết* những truyện cùng mô-típ *người hóa khỉ, rồi Khảo dị đến những truyện* cùng kết cấu *"hai người tốt và xấu và mỗi người chịu kết quả báo ứng tương xứng với tính nết của họ" như truyện chính; sau đó mới mở rộng đến truyện* cùng kết cấu *"một cặp chị em tốt và xấu và mỗi người chịu kết quả báo ứng tương xứng với tính nết của họ". Như vậy, trình tự của khảo dị sẽ mạch lạc, và người đọc để nghiên cứu cũng dễ nắm được các dẫn liệu của công trình. Mặt khác, qua phần* Khảo dị *mà tác giả trình bày, cũng có thể nghĩ rằng, có một số truyện nên tách ra để xếp vào kho truyện chính. Chẳng hạn, ở phần* Khảo dị Sự tích đá Vọng phu, *truyện* Sự tích sao Hôm, sao Mai và sao Rua *hay* Sự tích cây Phật thủ *đều có đủ tư cách để đứng riêng thành một truyện chính tiêu biểu trong* Kho tàng. *Không hiểu do sự giới hạn số lượng đã định trước hay một lý do nào đấy đã khiến tác giả không đẩy cao hơn nữa những tư liệu quý giá của mình?*

Việc sưu tầm và nghiên cứu truyện cổ tích nói riêng, văn học dân gian nói chung - đúng như tác giả viết trong Lời nói đầu - "*nếu chưa thành một công việc của tập thể, được khơi động thành một phong trào rộng lớn trong cả nước thì vẫn chưa thể gọi là toàn diện và do đó cũng chưa đạt kết quả dứt điểm như ý muốn*". *Trong khi chờ đợi công trình tập thể mơ ước đó, cho tới nay, một mình tác giả đã cho ra mắt bạn đọc ba tập* Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam, *với phong cách riêng và những ưu điểm như đã nói ở trên, thật là một cống hiến kịp thời và rất đáng coi trọng.*

TẠ PHONG CHÂU

*(Tạp chí Văn học, số 2-1975)**

* Trong bài in trên *Tạp chí Văn học*, tác giả ký bút danh Anh Phong, nhưng trong bản bổ sung và sửa chữa hoàn chỉnh gửi cho thân phụ chúng tôi, ông đã ký tên thật. Bản in này dựa trên văn bản đó (NHC).

MỤC LỤC
KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
QUYỂN I
(TẬP I - TẬP II - TẬP III)

Trang

Lời dẫn (NGUYỄN HUỆ CHI) 5

Lời nói đầu 7

Lời nói đầu lần tái bản thứ tư 9

• ***Nguyễn Đổng Chi – Nhà văn, nhà khoa học*** (NGUYỄN CHUNG ANH) 13

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
TẬP I

PHẦN THỨ NHẤT

NGHIÊN CỨU TRUYỆN CỔ TÍCH NÓI CHUNG VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

I - BẢN CHẤT TRUYỆN CỔ TÍCH

1. Phân loại truyện cổ, một vấn đề đặt ra từ lâu, nhưng vẫn còn rất mới mẻ 39
2. Truyện cổ tích khác với những loại truyện nào? 42
3. Ranh giới giữa truyền thuyết và cổ tích 45
4. Đặc trưng thể loại của cổ tích 48
5. Có mấy loại truyện cổ tích 52
6. Phân biệt truyện cổ tích với lịch sử và với tiểu thuyết 55

II - LAI LỊCH TRUYỆN CỔ TÍCH

1. Con đường phát triển từ thần thoại đến cổ tích 59
2. Truyền thuyết, cổ tích đã dựa trên vũ trụ quan nào? 62
3. Sự xuất hiện và sự suy tàn của truyện cổ tích 65
4. Quá trình hình thành một truyện cổ tích 69
5. Tác giả truyện cổ tích 73

III - TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM QUA CÁC THỜI ĐẠI

1. Thần thoại, truyền thuyết, loại truyện xưa nhất của người Việt 78
2. Truyện cổ tích thời phong kiến tự chủ 81
3. *Việt điện u linh tập, Lĩnh-nam chích quái* và những sách sưu tầm truyện cổ sau đó 83
4. Thời kỳ suy tàn của truyện cổ tích Việt-nam 88

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

I - NGUỒN GỐC SỰ VẬT

1. Sự tích dưa hấu 97

2. Sự tích trầu, cau và vôi 101

Khảo dị: Các dị bản. Truyện miền núi Nghệ-an: Sự tích trầu, cau và vôi. Truyện Ca-tu: Sự tích trầu, cau và vôi. 103

3. Sự tích trái sầu riêng 107

4. Sự tích cây huyết dụ 110

Khảo dị: Truyền thuyết về bố Nguyễn Xí. Truyền thuyết về Nguyễn Nghiễm. 111

5. Sự tích chim hít cô 112

Khảo dị: Hai dị bản: *Sự tích chim hít cô* (hay *o ho*). Truyện Nùng. 114

6. Sự tích chim tu hú 116

Khảo dị: Năng Nhẫn Bất Năng Nhẫn hành. 119

7. Sự tích chim quốc 120

Khảo dị: Hai truyện Trung-quốc. Truyện Mường. Ba truyện Việt-nam: Nghệ-an; Nam-bộ; miền Bắc. 122

8. Sự tích chim năm-trâu-sáu-cột và chim bắt-cô-trói-cột 124

Khảo dị: Truyện Tày: *Sự tích chim năm-trâu-sáu-cột.* Truyện người thiểu số ở Việt-bắc: *Chim khảm khắc.* Truyện người thiểu số ở Hà-giang. Truyện Ca-tu: *Sự tích chim vua quan trói cột.* 126

9. Sự tích chim đa đa 129

Khảo dị: Hai dị bản miền Nam. Truyện Bá Di Thúc Tề (Trung-quốc). 131

10. Sự tích con nhái 133

Khảo dị: Sự tích con ếch. 135

11. Sự tích con muỗi 136

Khảo dị: Truyện *Lương Nhân*. Truyện Đức. Truyện Ý. Truyện Pháp. Truyện Ả-rập: *Sự gian dối của đàn bà.* Truyện trong *Liêu trai chí dị*: *Ông hiếu liêm họ Vũ.* Truyện Kho-me: *Sự tích con muỗi.* 139

12. Sự tích con khỉ 144

Khảo dị: Các dị bản. Hai truyện Thổ: *Cô gái mồ côi thương người; Côi, cô gái mồ côi.* Truyện Ba-na: *Đam-bơ.* Hai truyện Băng-la-đex. Truyện Ấn-độ. Truyện Na-uy, Đức. Truyện *Bà Hôn* của Grim. Hai truyện Miến-điện. Hai truyện Hung-ga-ri, Pháp. Truyện Việt-nam: *Hai chị em.* Truyện Tia-rôn. Truyện Ê-cốt-xơ. Truyện Xéc-bơ. Truyện Iếc-lăng. Truyện Cô-ca-đơ. Truyện Thổ-nhĩ-kỳ. Truyện Nhật-bản: *Con chim sẻ bị cắt lưỡi.* Truyện Thái: *Nàng Khao nàng Dăm.* Truyện Miến-điện: *Quạ vàng.* Truyện Cô-ca-đơ. Truyện Ác-mê-ni. Truyện Ma-rốc. Truyện Man-gát-sơ : *Người em út.* Truyện Kho-me: *Bốn chàng hói.* Truyện châu Phi. Truyện miền núi Nghệ-an. Truyện Cham-pa. Truyện Kho-me v.v.. 146

13. Sự tích cá he 164

Khảo dị: Sự tích chim bìm bịp. Hai truyện về sự tích cây phướn nhà chùa. Hai truyện khác về sự tích cá he. Truyện Nga: *Hoàng tử em rể chó sói.* 167

14. Sự tích con sam 172

15. Sự tích con dá tràng 174
Khảo dị: Vè con cua. Hai sự tích về Công Dã Tràng trong sách *Luận ngữ.* Truyện Nghệ-an. Truyện Việt-nam: *Người hiểu tiếng loài vật.* Truyện Lào: *Ông vua hiểu tiếng loài vật.* Truyện trong *Kinh Tam tạng.* Hai truyện Pháp: *Con gà trống dũng cảm; Tiếng nói loài vật.* Truyện Goa-đò-lúp. Truyện trong *Ét-đát.* Truyện Ma-rốc: *Tiếng loài chim*, v.v.. 180
16. Gốc tích bộ lông quạ và bộ lông công 190
Khảo dị: Truyện Lào. Truyện miền Nam: *Quạ và bìm bịp.* Truyện Xrê (Tây-nguyên). Truyện Miến-điện: *Ba quả trứng rồng.* Hai truyện Việt-nam. 192
17. Gốc tích tiếng kêu của vạc, cộc, dủ dỉ, đa đa và chuột 195
18. Gốc tích cái nốt dưới cổ con trâu 198
Khảo dị: Truyện Tiệp-khắc. Truyện Hung-ga-ri. Truyện Ý, Pháp, Đức. 200
19. Sự tích cái chân sau con chó 202
Chú thích: Truyện bà mẹ Mục Liên (phật thoại). 203
20. Sự tích cái chổi 204
Khảo dị: Hai truyện Trung-quốc: Gốc tích tục kiêng quét nhà và hót rác ngày Tết. 205
21. Sự tích ông đầu rau 207
Khảo dị: Sự tích thần Bếp (ba truyện). Truyện Chăm-pa: *Vua bếp.* Truyện Quảng-đông (Trung-quốc): Sự tích thần Bếp. Truyện Nam Ấn-độ. 210
22. Sự tích ông bình vôi 215
Khảo dị: Một truyện khác về sự tích ông bình vôi. *Sự tích cái ống nhổ.* 217
23. Sự tích cây nêu ngày Tết 219
Khảo dị: Truyện Trung-quốc: *Nông dân với thành hoàng.* Truyện Pháp: *Nông dân với quỷ.* Truyện Nga: *Con cáo và con gấu.* Truyện Tày. Hai truyện khác của Việt-nam. Truyện Nam Xi-bê-ri. 222
24. Gốc tích bánh chưng, bánh dầy 228
25. Gốc tích ruộng thác đao hay là truyện Lê Phụng Hiểu 231
Khảo dị: Truyện *Ông tổ họ Hoàng giúp làng Thượng-nguyên.* Truyện *Đô Hùng đại tướng quân.* 234

II - SỰ TÍCH ĐẤT NƯỚC VIỆT

26. Sự tích hồ Gươm 237

Khảo dị: Bốn truyện Tây-nguyên: Truyện gươm thần. Truyện Cham-pa: Lịch sử gươm thần. Truyện In-đô-nê-xi-a. 239

27. Sự tích hồ Ba-bể 244

Khảo dị: Sự tích hồ Ba-bể (Tày). *Sự tích hồ Hai-bể* (Dao). *Đồi Chiềng-on hóa thành ao sâu* (Thái). Truyện Thanh-hóa. *Truyện Bà chúa Ya Nôm* (Ja-rai). *Sự tích núi thần; Sự tích hồ I-kim-ba; Sự tích hồ Ki-vu* châu Phi. Truyện *Cô gái thương người được cứu thoát nạn lụt.* Truyện *Ông Tài Ngào* (Thổ). 246

28. Sự tích đầm Nhất-dạ và bãi Tự-nhiên 252

29. Sự tích đầm Mực 259

Khảo dị: Một dị bản. 261

30. Sự tích sông Nhà-bè hay là truyện Thủ Huồn 262

Khảo dị: Truyện *Người đi dạo âm phủ. Sự tích sư ông Huyền Chân. Truyện bà Hiếu.* 267

31. Tại sao sông Tô-lịch và sông Thiên-phù hẹp lại? 269

Khảo dị: Hai dị bản. 272

32. Sự tích đá Vọng-phu 273

Khảo dị: Truyện Trung-quốc. Truyện *Cô Krao Chao Phò* của Chăm-pa. Truyện Việt-nam: *Tô thị vọng phu* (ba dị bản). Truyện đá Vọng-phu của Bình-định. Sự tích sao hôm, sao mai và sao dòn gánh. Truyện của người thiểu số giữa Bình-định và Tây-nguyên. *Sự tích chim bóp-thì-bóp. Sự tích sao hôm, sao mai và sao rua.* Sự tích cây phật thủ. Truyện Trung-quốc: *Sự tích Nguyệt lão và dây tơ hồng.* Truyện Ấn-độ. Truyện Hy-lạp. Truyện Ác-mê-ni. Truyện Nga. 275

33. Sự tích đá Bà-rầu 281

34. Sự tích thành Lồi 283

Khảo dị: Sự tích tháp Nhạn. Truyện Cham-pa: *Sự tích vua Ko-long Ga-rai xây tháp thi.* Truyện Khơ-me: Xây một ngàn ngọn tháp. Truyện Việt-nam. Truyện trong *Ô-châu cận lục*: *Tháp Dương-lệ.* Truyện Việt-nam: *Xây thành giấy.* Truyện trong *Đại-việt sử ký toàn thư* và *Đại-việt thông sử.* Truyện Thái: *Bảy người Kinh.* 286

35. Sự tích núi Ngũ-hành 291

Khảo dị: Một truyền thuyết khác về núi Ngũ-hành. 294

III - SỰ TÍCH CÁC CÂU VÍ

36. Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho hay là Sự tích con mối 295

Khảo dị: Một truyện khác. Truyện Trung-quốc: Sự tích Thạch Sùng. Truyện Việt-nam: *Sự tích con mối.* 299

37. Bò béo bò gầy 302

Khảo dị: Một dị bản. 305

38. Nứ hành giành bạc 306

39. Lẩy bẩy như Cao Biền dậy non 309

Khảo dị: Một dị bản. Hai truyện Trung-quốc: *Mã Lương với cây bút thần; Lộ Ban với cây bút thần.* Truyện Việt-nam *Tranh nhau pho tượng.* Truyện Thái-lan. Truyện Ba-na: *Nguồn gốc loài người và người đàn bà đầu tiên.* Truyện Hy-lạp. Một truyện của Ấn-độ. *Truyền thuyết về Đinh Tiên Hoàng.* Truyện Kar: *Tu-cờ-rơm.* 313

40. Bụng làm dạ chịu hay là truyện thầy hít 318

Khảo dị: Truyện Vân-kiều: *Thầy mo người.* Hai truyện Tày. Truyện Miến-điện. *Chàng lừa phỉnh và chàng nói khoác.* Hai truyện Ấn-độ. Truyện Ai-cập. Truyện Pháp: *Ông thầy pháp.* Truyện Na-uy. Truyện Đức. Truyện khác của Pháp. Truyện trong sách *Chú giải về Phật pháp.* Truyện Bắc Âu. Truyện Xây-lan. Truyện Hy-lạp và Ả-rập. Truyện Ca-ma-ôn. 321

- ***Nguyễn Đổng Chi* - "*Trésor des Contes Vietnamiens*"** (MAURICE DURAND). 329

PHỤ BẢN

* *Bút tích tác giả*

* *Chân dung Nguyễn Đổng Chi*

* *Chân dung tác giả* (Hoạ sĩ Diệp Minh Châu vẽ, 1981)

* *Bìa sách "Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam"*
(Bản dịch tiếng Nhật, Tokyo, 1975)

KHO TÀNG
TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM
TẬP II

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

(Tiếp theo)

41. Đồng tiền Vạn-lịch 341

Khảo dị: Truyện Nghệ-an. Truyện *Thiên lực không phải nhân lực*. Hai truyện khác trong đó có truyện *Người đốt than*. Truyện Khơ-me: *Mê-a-dơng*. Truyện Ba-na: *Bi-a Nát*. Truyện Xơ-đăng: Bốc *Cơ-lốc*. Hai truyện miền Bắc trong đó có truyện *Tống Trân - Cúc Hoa*. Truyện Nùng: *A Sún Phàng Khim*. Truyện Triều-tiên: *Vợ người nô lệ*. Truyện Mèo: *Hòn gạch nên vợ nên chồng*. Truyện Ấn-độ. Truyện Ma-rốc. Truyện Pháp: *Jăng, Thằng ngốc*. Truyện Nga. Truyện chép trong *Pen-ta-mơ-ron*. Truyện Buốc-gô-nhơ. Truyện Brơ-tông. Truyện Việt-nam: *Ngốc buôn mắm tôm*. 344

42. Của Thiên trả Địa 355

Khảo dị: Truyện Xạ-phang: *Người con gái cá*. 357

43. Nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan 358

Khảo dị: *Trương Chi*. Truyện Cham-pa: *Anh chàng mê công chúa*. 360

44. Nợ như chúa Chổm 363

Khảo dị: Truyện Ba-na: *Anh hùng Ghi-ông*. Một truyện của Trung-quốc. 368

45. Hồn Trương Ba, da hàng thịt 369

Khảo dị: Một dị bản Trung-quốc: *Xác công tử, hồn ông sư*. 371

46. Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông 372

Khảo dị: Một truyện khác : Đông và Nam. Truyện Nghệ-an. Truyện *Nguyễn Khắc Hoành*. Truyện Trung-quốc. 374

47. Con vợ khôn lấy thằng chồng dại; như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu 377

Khảo dị: Truyện miền Bắc: *Anh chồng ngốc*. Truyện Nùng: *Chàng ngốc đi học*. Truyện Cham-pa: *Trạng*. Truyện In-đô-nê-xi-a: *Người chồng tội phạm*. Truyện Khơ-me: *Người ăn trộm và bốn cô gái*. Truyện Ả-rập. 379

48. Cứu vật, vật trả ân, cứu nhân nhân trả oán 383

Khảo dị: Hai truyện Việt-nam: *Bạc hơn cầm thú* (hai dị bản và truyện Chàng Ếch của Tày); *Rắn chuột trả ơn*. Truyện Trung-quốc. Truyện Lào: *Con rùa vàng*. Truyện Xi-xin. Truyện Ý. Truyện châu Phi. Truyện Ấn-độ. Truyện Triều-tiên: *Ông lão lái đò*. Truyện trong *Pan-cha-tan-tơ-ra* và *Lục độ tập kinh* (ba truyện). **Truyện** Ta-phi-lét: *Cây sáo và cái trống biết nói*. Truyện Thụy-sĩ. Truyện Bắc Ấn-độ. Truyện Xắc-xông. Truyện Xây-lan. Truyện An-ba-ni. Truyện Nga. Truyện Đức. Truyện Hy-lạp. Truyện trong *Sưu thần ký*. Truyện trong *Dị uyển*. Truyện Bô-hêm. 387

49. Đứa con trời đánh hay là truyện tiếc gà chôn mẹ 398

50. Giết chó khuyên chồng 400

Khảo dị: Truyện Thái. Truyện Xi-xin. Truyện Pháp: *Sự bí mật*. Truyện Can-múc ở Mông-cổ và Liên-xô [cũ]. Truyện Ấn-độ và Áp-ga-ni-xtăng. Truyện *Mài dao dạy vợ*. 401

51. Cha mẹ nuôi con bể hồ lai láng; con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày 404

Khảo dị: Hai truyện Việt-nam: *Bù chì* và dị bản. 407

52. Chưa dỗ ông nghè đá de hàng tổng 408

Khảo dị: Một truyện khác. Truyện *Hai anh em họ Lê ở Thần-đầu*. Truyện *Thần với thần đồng*. Truyện trong *Liêu trai chí dị*: *Gả em thế chị*. 409

53. Dì phải thằng chết trôi, tôi phải đôi sấu sành 412

Khảo dị: Truyện miền Bắc: *Con nghê ngói*. Truyện *Hữu Kế*. 414

54. Cái kiến mày kiện củ khoai 417

Khảo dị: *Vừng khoai lang*. 419

55. Vận khứ hoài sơn năng trí tử, thời lai bạch thủy khả thôi sinh 420

Khảo dị: Một dị bản. Một truyện khác ở Nghệ-an. 422

56. Trinh phụ hai chồng 424

Khảo dị: Một dị bản. 426

57. Kiện ngành da 428

Khảo dị: Một truyện khác. Truyện trong *Bao Công kỳ án*: *Chôn tiền bị mất*. Truyện Khơ-me: *Vua Dao*. Truyện Tày: *Bút Bời*. Truyện *Người mua khôn* trong *Kinh luật dị tướng*. Truyện Ả-rập: *Ngoại tình bị bại lộ*. Truyện Lào: *Con chồn bị giết oan*. Truyện phương Tây: *Ba điều dạy của Xa-lô-mông*. 430

58. To đầu mà dại, nhỏ dái mà khôn 437

Khảo dị: Truyện Tây-nguyên: Khơ-me, Ba-na. Truyện Việt-nam: *Con hổ, con cóc tía và con khỉ*, và ba truyện khác. Truyện Miến-điện: *Vì sao hổ và khỉ trở nên thù địch*. Truyện Tày: *Hổ, voi sợ cóc*. Truyện Mèo: *Hổ và cáo*. Truyện Trung-quốc: *Hổ già và khỉ*. Truyện Mông-cổ: *A-lát và sư tử*. Truyện Xây-lan. Truyện trong *Pan-cha-tan-tơ-ra*. Truyện châu Âu: *Dê đực, chồn và gấu*. Truyện Nga: *Hổ, ngựa và chó sói*. 439

59. Nhân tham tài nhi tử, điểu tham thực nhi vong 446

Khảo dị: *Cây khế* (hai truyện), *Chim phượng hoàng*. Truyện Trung-quốc. Truyện Mèo: *Người tham vỡ bụng*. 448

60. Nói dối như Cuội 450

Khảo dị: Các dị bản. Truyện Đinh Tiên Hoàng; Truyện Ja-rai (Con và Nắc), Xơ-đăng và Hrê. Hai truyện Khơ-me trong đó có *Thơ-mênh Chây*. Truyện Mường: *Eng Cuội; Nhà Lang với anh Tới*. Truyện Tày: *Hột Nhỏi*. Truyện Miến-điện: *Cậu bé nói dối*. Hai truyện Ấn-độ. Hai truyện Áp-ga-ni-xtăng. Truyện Xây-lan. Ba truyện Tác-ta. Truyện Ả-rập. Truyện Trung-quốc: *Long vương mời tiệc*. Truyện Mông-cổ. Truyện An-jê-ri. Truyện Man-gát-sơ. Truyện Ăng-ti. Ba truyện Pháp: *Ren-nê với ông chúa; Ri-sơ-đô, Cor-na-chiu* và một truyện khác. Truyện Ê-cốt-xơ. Một truyện khác không rõ xuất xứ. Truyện Việt-nam: *Vạc dồng*. 456

61. Của trời trời lại lấy đi, giương đôi mắt ếch làm chi được trời 472
Khảo dị: *Sự tích mười tám ông Phật La Hán.* Truyện Triều-tiên: *Ba anh em.* 474

IV - THÔNG MINH TÀI TRÍ VÀ SỨC KHỎE

62. Hai ông tướng Đá Rái 476
Khảo dị: Truyền thuyết Thái. 478

63. Lê Như Hổ 479
Khảo dị: *Hai anh em Lê Nại, Lê Đình.* Truyện Ba-na: *Bót Rơ kén rể.* Truyện Hrê: *Chàng Rá.* Truyện Pháp. Truyện Đức. Truyện Việt-nam: *Trạng Ếch.* 483

64. Chàng Lía 486
Khảo dị: Một bài *Vè chàng Lía* khác. 491

65. Anh em sinh năm 493
Khảo dị: Một truyện khác. Truyện Mèo: *Chín chàng trai kỳ tài.* Truyện Trung-quốc. 495

66. Bốn anh tài 498
Khảo dị: Hai truyện Đức: *Sáu tài tử* và một truyện khác. Truyện An-jê-ri. Truyện Ấn-độ. Truyện Ê-cốt-xơ. Truyện Xéc-bi. Truyện Ác-mê-ni. Truyện Xi-xin. Truyện Ru-ma-ni. Truyện của bà Ôn-nôi. Truyện Tày: *Người bảy ống.* 501

67. Khổng Lồ đúc chuông hay là sự tích trâu vàng Hồ Tây 509
Khảo dị: *Truyện đức Lý quốc sư.* Truyền thuyết *Vua Kơ-long Ga-rai.* 512

68. Thạch Sanh 514
Khảo dị: Truyện Tày và truyện Khơ-me. Hai truyện Mèo: *Sinh Lữ cứu con Ngọc hoàng* và *Hai chàng rể.* Truyện của bộ lạc Giô (Ấn-độ). Truyện Pháp: *Chàng Gấu.* Truyện La-dơ: *Hoàng tử ở cõi âm.* Truyện A-va-rơ. Truyện Can-múc. Truyện Xi-gơ-mi. Truyện Xy-ri. Truyện Tây-ban-nha. Truyện Tác-ta. Truyện Ấn-độ. Truyện Treng (Kon-tum). 518

69. Đại vương Hai hay là truyện giết thuồng luồng 530
Khảo dị: *Ông Hộ giết thuồng luồng.* 533

70. Ông Ồ 534
Khảo dị: Hai dị bản. 536
71. Âm dương giao chiến 537
Khảo dị: Một dị bản. Truyện thần Tuấn Cương, Bạch-hạc. 540
72. Yết Kiêu 541
73. Lý Ông Trọng hay là sự tích thánh Chèm 543
Khảo dị: *Sự tích xã Bộ-đầu.* 545
74. Bảy Giao, Chín Quỳ 546
75. Người ả dào với giặc Minh 548
Khảo dị: Bà Lương. Một truyện khác. 549
76. Bợm lại gặp bợm hay Bợm già mắc bẫy cò ke 550
77. Quận Gió 553
78. Con mối làm chứng 556
Khảo dị: Truyện *Vũ Công Duệ.* Truyện Pháp. Truyện châu Âu: *Vua Xa-lô-mông và Mác-côn.* Truyện Ấn-độ. Truyện Ả-rập, Truyện Ma-rốc, v.v... 558
79. Bùi Cầm Hổ 561
Khảo dị: Các dị bản. Truyện trong *Tẩy oan lục.* 563
80. Em bé thông minh 565
Khảo dị: Truyện Cham-pa: *Trạng.* Truyện Nùng: *Chiếc áo lông chim.* Hai truyện Tày trong đó có truyện *Lai lịch ông Sấm.* Truyện Ba-na: *Vua Rơ, Hơ-rit và con thỏ.* Hai truyện Nga: Em bé lên bảy; Người vợ thông minh. Truyện lô-bi. Truyện Ma-rôc: *Cô con gái người thợ mộc.* Truyện Mèo: *Hoàng tử Cam.* Truyện Miêu (Trung-quốc): *Nàng dâu thông minh.* Truyện Trung-quốc: *Sứ giả vua Tạng đi cầu hôn.* Truyện Triều-tiên: *Khổng Tử và cô gái.* Hai truyện Nhật-bản. Truyện Bun-ga-ri: *Tại sao phải kính trọng người già.* Truyện trong *Đại tạng kinh* và *Tạp bảo tạng kinh.* Truyện Mã-lai. Hai truyện Ấn-độ. Truyện Cam-pu-chia. 568
81. Trạng Hiền 580
82. Thần giữ của 583

83. Kẻ trộm dạy học trò 587

Khảo dị: Một dị bản. Truyện Nùng: *Hai tên ăn trộm.* Truyện Tày. Truyện Khơ-me. Truyện Ấn-độ. 590

84. Con mụ Lường 593

Khảo dị: Truyện Ba-na: *Con Dơn.* Truyện Thái. Truyện Tây-tạng. Truyện Ả-rập (Tuy-ni-di). Truyện ở Trung Á và Nam Cô-ca-đơ. Truyện châu Âu: Mác-côn và vua Xa-lô-mông. Truyện Pa-lét-xtin. Truyện Ả-rập (An-jê-ri). Bốn truyện Ấn-độ. Truyện Băng-la-đex, Nam-tư và Ý. Truyện Béc-be-rơ. Truyện Ru-ma-ni. 598

85. Con Sáo và phú trưởng giả 607

Khảo dị: Hai dị bản. Truyện Lào: *Con vẹt của Ích-va-ra.* Truyện Chăm-hơ-roi: *Em bé và chim vàng anh.* Hai truyện Mèo. Truyện Trung-quốc: *Con khướu.* 609

86. Con thỏ, con gà và con hổ 612

Khảo dị: Truyện Việt-nam: *Nguồn gốc bộ da con hổ và hàm trên con trâu.* Truyện Miến-điện và truyện Việt-nam: *Vì sao trâu không có hàm trên.* Truyện Thái: Nguồn gốc bộ da hổ và bộ da rắn. Truyện Nùng: *Gốc tích bộ da con hổ.* Một truyện khác của Miến-điện. Truyện châu Phi: Gốc tích cái môi con thỏ. 613

87. Con thỏ và con hổ 616

Khảo dị: Truyện Cham-pa: *Mưu con thỏ.* Truyện Ca-tu: *Thỏ rơ-pai.* 618

88. Mưu con thỏ 621

Khảo dị: Truyện Tây-nguyên. Truyện Khơ-me. Truyện Ba-na: *Rùa và hổ.* Một truyện khác. Một truyện khác của Khơ-me: *Thầy bói với hai ông bà già.* Truyện Cham-pa: *Cuộc chiến đấu giữa hổ và diều.* Một truyện khác của Cham-pa. Truyện Miến-điện: *Sấu mất lưỡi.* 622

89. Bợm già mắc bẫy hay là Mưu trí dàn bà 627

Khảo dị: Truyện Nùng: *Cá bống nuốt cá trê.* 629

90. Gái ngoan dạy chồng 630

Khảo dị: Các dị bản. Truyện Ấn-độ. Truyện Ca-sơ-mia. Truyện Nam Trung-bộ. Truyện Tày: *Cô gái ăn mày.* Truyện Cham-pa: *Chàng ngốc.* Truyện Mèo: *Mã Sài Lao Pản.* 635

91. Bà lớn đười ươi 641
Khảo dị: Một dị bản trong sách *Vũ trung tùy bút.* 643
92. Con chó, con mèo và anh chàng nghèo khổ 644
Khảo dị: Các dị bản ở Việt-nam. Truyện *Con chó, con mèo và con chuột.* Truyện *Con tôm vàng.* Truyện Kho-me: *Chàng Cơm Cháy.* Truyện Ca-tu, Ja-rai, Ba-na. Truyện Bót Hét của Ba-na. Truyện Nga: *Chiếc nhẫn thần.* Truyện Việt-nam. Truyện Mường: *Chàng Sơn.* Truyện Mèo. Truyện In-đô-nê-xi-a. Hai truyện Miến-điện: *Những con vật biết ơn; Hai người dầy tớ trung thành.* Truyện Chi-lê: *Lâu đài và hoa huệ.* Truyện Xác-tơ: *Chàng đánh cá trở thành vua.* Truyện đảo Cor-xơ. Truyện Ca-ma-ôn. Truyện Ý. 649
93. Người họ Liêu và Diêm vương 662

- *"Trésor des Contes Vietnamiens" de Nguyễn Đổng Chi* (LÊ VĂN HẢO). 664

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM TẬP III

PHẦN THỨ HAI

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

(Tiếp theo)

V - SỰ TÍCH ANH HÙNG NÔNG DÂN

94. Cố Ghép 681
Khảo dị: Truyện Trung-quốc: *Ngu Công dời núi.* 684
95. Ông Nam Cường 685
96. Cố Bu 688
Khảo dị: Các dị bản. Truyện trong *Thiên-lộc huyện phong thổ chí* và truyện cố Nghinh. 690

97. Quận He 692

98. Hầu Tạo 697

99. Lê Lợi 701

Khảo dị: Hai truyện: *Núi Phù Lê; Nguồn gốc cái tên làng Cẩm-bào.* 703

100. Lê Văn Khôi 705

Khảo dị: Truyện Tày. 709

101. Ba Vành 710

Khảo dị: Hai dị bản. Truyện Mèo: *Quỷ háng trắng.* 712

102. Hai nàng công chúa nhà Trần 715

103. Vợ ba Cai Vàng 719

Khảo dị: Hai truyện Việt-nam: *Doãn Uẩn làm vua nước Xiêm; Quận Vùng.* 721

104. Vua Heo 722

Khảo dị: Truyện Dáy: *Chu Hùng Ú.* 726

105. Người thợ mộc Nam-hoa 728

Khảo dị: Một dị bản. Truyện Việt-nam: *Người đi câu nơi ao Trời* và dị bản ; *Đóng giường nằm cho vua Thủy tề* ; *Thánh Tản Viên*. Truyện Mường: *Thánh Đản* (Tản Viên). 731

VI - TRUYỆN PHÂN XỬ

106. Người dẫy tớ và người ăn trộm 734

Khảo dị: Truyện Ba-tư. 737

107. Ba chàng thiện nghệ 739

Khảo dị: Truyện Việt-nam: *Tứ hải giai huynh đệ.* Truyện Kho-me và Lào. Truyện Thái-lan. Truyện Bê-lút-sít-xtăng. Truyện Đức. Truyện Xla-vơ. Truyện Nùng. Truyện Hy-lạp. Truyện Can-đê. Truyện Ấn-độ trong sách *Hai mươi lăm truyện quỷ*. Truyện Mô-rơ (châu Phi). Truyện Nga. Truyện Ý. Truyện trong sách *Pen-ta-mơ-ron*. Một truyện khác của Hy-lạp. Truyện Xu-a-hi-li. Truyện Tây-ban-nha. Truyện Đan-mạch. Truyện vùng sông Đa-nuýp. Truyện Mông-cổ. Truyện Ả-rập trong sách *Nghìn lẻ một đêm*. Truyện Triều-tiên. Truyện Pháp. Truyện Kho-me (ba truyện). Truyện Ấn-độ (hai truyện). Truyện Miến-điện (hai truyện). Truyện Pháp (hai truyện). 742

108. Chàng Ngốc được kiện 757

Khảo dị: Một truyện khác: *Chàng Ngốc đi buôn.* Truyện Tày: *Người có mười con trâu.* Truyện Mèo: *Một người dại nhất.* 760

109. Người đàn bà bị vu oan 762

Khảo dị: Truyện Nga: *Người vợ chung thủy.* Truyện trong *Liêu trai chí dị*: *Hoắc sinh.* Truyện Chăm-pa: *Trạng.* 765

110. Tra tấn hòn đá 767

Khảo dị: Truyện trong *Bao Công kỳ án*: *Xử phiến đá.* 768

111. Nguyễn Khoa Đăng 769

Khảo dị: Một truyện khác: *Đồng Đắc.* Truyện Mã-lai. 773

112. Sợi bấc tìm ra thủ phạm 775

Khảo dị: Truyện Ấn-độ. 776

113. Phân xử tài tình 777

Khảo dị: Truyện phương Tây: *Vua Xa-lô-mông xử kiện.* Hai truyện Khơ-me. Truyện trong *Bao Công kỳ án*: *Cướp ô.* Truyện Trung-quốc: *Mẹ chồng đổ tội cho nàng dâu.* Truyện Ít-xra-en: *Ba anh em và thây người bố.* Truyện *Vua Xa-lô-mông và kẻ trộm ngỗng.* Truyện Thổ-nhĩ-kỳ. Truyện Ba-tư. 780

114. Người đàn bà mất tích 784

115. Tinh con chuột 787

Khảo dị: Hai truyện khác: *Tại sao gọi chuột là ông cống.* Một dị bản. Truyện Khơ-me: *Thỏ làm quan tòa lừa ma*. Truyện Lào. Truyện Ấn-độ. Truyện Việt-nam. Truyện trong *Bao Công kỳ án*: *Ngư tinh.* Hai truyện của Trung-quốc. Một truyện Việt-nam. Một phật thoại: *Lô Chí trưởng giả.* 790

VII - TRUYỆN THẦN TIÊN, MA QUỶ VÀ PHÙ PHÉP

116. Hà Ô Lôi 797

117. Miếng trầu kỳ diệu 803

Khảo dị: Truyện Trung-quốc: *Giấc mộng Nam-kha* (hay *Giấc mộng kê vàng*). Truyện trong *Liêu trai chí dị*: *Giấc mộng kê vàng thứ hai.* Truyện In-đô-nê-xi-a: *Chiếc chiếu đạo sĩ.* Truyện Ấn-độ, Mông-cổ và Tây-ban-nha. 805

118. Tú Uyên 809

Khảo dị: Truyện Trung-quốc: *Nàng tiên trong vỏ ốc.* Truyện Việt-nam: *Sự tích của ô Cầu-dền.* 811

119. Nợ duyên trong mộng 813

Khảo dị: Truyện trong *Liêu trai chí dị*: *Công chúa Liên Hoa.* Truyện Việt-nam. Truyện Trung-quốc : *Thái-thú Nam-kha.* Truyện Trung-quốc. Một truyện khác của Việt-nam 820

120. Từ Đạo Hạnh hay sự tích Thánh Láng 824

Khảo dị: Truyện Cham-pa: *Pô Ta-bai.* Truyện Khơ-me: *Ra-ma-ya-na.* Truyện Ca-tu. Truyện Hy-lạp. Truyện Việt-nam: *Sự tích Bồ-tát Chân Nhân.* Nhiều dị bản khác. Các mẩu chuyện Ba-na, Ê-đê. Truyện Trung-quốc. Các mẩu chuyện tôn giáo. Một dị bản của Việt-nam. 836

121. Chàng dốn củi và con tinh 840

Khảo dị: Hai truyện Việt-nam. Hai truyện Ấn-độ. Truyện Băng-la-đex. Truyện Pháp. Truyện Tây-ban-nha. Truyện Pháp. Truyện Xy-ri. Truyện Mông-cổ: *Chiếc roi trả hận.* Truyện Hy-lạp. Truyện châu Phi. Truyện Chi-lê. Truyện trong sách *Cái chết mầu nhiệm* của Can-múc. Truyện người Mèo: *Sự tích cây chuối rừng.* Hai truyện trong *Kinh Đại tạng.* 844

122. Người thợ đúc và anh học nghề 853

123. Sự tích đình làng Đa-hòa. 859

Khảo dị: Ba truyện Việt-nam: *Mượn đình, Giấu đình dưới giếng, Thầy Thím.* 864

124. Con chim khách mầu nhiệm 867

Khảo dị: Truyện Ba-tư. Truyện Ấn-độ. Truyện Khơ-me. Truyện Đức. Truyện Miến-điện: *Con gà trống kỳ dị.* Truyện Pháp: *Con chim xanh.* 871

125. Cây tre trăm đốt 876

Khảo dị: Truyện Đức: *Con ngỗng vàng.* Truyện Việt-nam: *Con ngỗng kỳ lạ.* 879

126. Người lấy cóc 880

Khảo dị: Hai truyện Việt-nam: *Vợ cóc, Nàng Út. Nàng Út diễn ca*. Truyện Thổ: *Kim Quế*. Truyện Mèo: *Nàng tiên khỉ*. Truyện Miến-điện: *Nàng nhái*. Truyện Pháp: *Con nhái*. Truyện Ả-rập. Truyện Thổ Thát-đát. Truyện Đức. Truyện Hy-lạp. Truyện Nga: *Công chúa ếch*. Truyện Ấn-độ. Truyện Phần-lan. Hai truyện Ác-mê-ni. Truyện Thái-lan. Truyện Cham-pa: *Ta-bong, anh chàng lười*. Truyện Mèo. Truyện Dao: *Vua quạ*. 884

127. Cây thuốc cải tử hoàn sinh hay là sự tích thằng Cuội cung trăng 895

Khảo dị : Truyện Mường: *Ta-kheo Ranh với cây thuốc bất tử*. Truyện *Hoàng tử khỏe* và hai truyện khác của Cham-pa. Truyện Ba-na: *Ống thuốc thần*. Hai truyện Miến-điện: *Vì sao có nguyệt thực? Ông già trên cung trăng*. Truyện Tày: *Su-đi-ja-khát và Chan-ta-khát*. Truyện người Hrê: *Quậy*. Truyện Mèo: *Chàng Ư-châu*. Truyện Trung-quốc: *Hậu Nghệ*. Truyện Ấn-độ: *Sự tích con thỏ cung trăng*. Truyện kể trong *Đại tạng kinh*. Truyện In-đô- nê-xi-a. Truyện Ca-nác. 898

128. Lấy chồng dê 907

Khảo dị: Hai dị bản Việt-nam trong đó có truyện *Chàng Chuối. Chàng nhái Kiển Tiên thơ*. Truyện Cham-pa: *Sọ dừa*. Hai truyện Việt-nam: *Sọ dừa;* Thằn lằn. Truyện Mường: *Chàng Bầu*. Truyện Kar: *Hai chị em và chàng trẻ tuổi*. Truyện Xơ-đăng: *Chàng rùa*. Truyện Thái: *Chàng ca-đác*. Truyện Thái (Quỳ-châu). Truyện Cao-sơn (Đài-loan): *Người đẻ trứng*. Truyện Lê (Hải-nam): *Sọ dừa*. Truyện Ê-đê: *Chồng cóc*. Truyện Ja-rai: *Chàng lợn*. Hai truyện Ba-na: *Nàng Hơ-lúi*; *Cóc và Bia Phu*. Truyện Ka-dong: *Chàng cóc*. Hai truyện Mèo: *Ếch lấy con vua, Chàng rắn*. Truyện Tày: *Vợ chàng rắn*. Truyện Thái: *Lấy chồng lang*. Truyện khác của Mèo: *Chàng dê*. Truyện Việt-nam: *Lấy chồng dê*. Truyện Băng-la-đex. Truyện Miến-điện: *Hoàng tử rắn*. Truyện Tày: *Con rùa vàng. Truyện lấy chồng dê* trong *Nghìn lẻ một đêm*. Truyện khác của Mèo: *Nhảy vào lửa cứu chồng*. Truyện Mông-cổ: *Chàng kỵ mã*. Năm truyện của Ấn-độ. Truyện Tô-xcan (Ý). Truyện

Pxi-sê trong thần thoại Hy-lạp. Hai truyện Pháp: *Con sói trắng; Hoa hồng đẹp.* Truyện Pi-ê-mông (Bắc Ý). Truyện Băng-la-đex. Truyện Ý. Truyện Thụy-điển. Truyện Xi-xin. Truyện Thổ-nhĩ-kỳ. Truyện Chi-lê. Hai truyện Miến-điện. 911

129. Người lấy ếch 941

Khảo dị: Truyện trong *Liêu trai chí dị*: *Thần Ếch xanh.* Truyện Ấn-độ trong *Ma-ha-bha-ra-ta.* 944

130. Sự tích động Từ Thức 946

Khảo dị: Các dị bản. Truyện Nhật: *Người câu cá trẻ tuổi.* Hai truyện Việt-nam: *Từ Thức.* 950

131. Người học trò với ba con quỷ 953

Khảo dị: Truyện Mèo: *Hang rồng.* Truyện Việt-nam: *Vũ Thành.* Hai truyện Tày Nùng và hai dị bản. 959

132. Hai cô gái và cục bướu 964

Khảo dị: Truyện Nhật: *Hai cụ già và lũ quỷ.* 966

133. Người hóa dế 967

Khảo dị: Bài vè dế chọi. Truyện Trung-quốc trong *Liêu trai chí dị*: *Con dế.* 970

134. Thánh Gióng 972

Khảo dị: Một vài mẩu chuyện về Thánh Gióng. Bốn dị bản Việt-nam: *Thạch tướng quân; Lân Hổ đô thống đại vương; Linh Lang đại vương; Con ngựa đất.* Truyện Tày: *Lệnh Trừ.* Truyện Mơ-nông: *Dũng sĩ mặt trăng.* Truyện Ba-na: *Cha gấu.* Truyện Xơ-đăng: *Đăm Tay.* Truyện Mơ-nông: *Hai anh em Pơ-rang và Dang.* Truyện Ja-rai: *Chàng Y Ban.* Hai truyện Pháp. Truyện Iếc-lăng. Truyện Đức. Truyện Thổ-nhĩ-kỳ. Truyện Nga. Truyện Xla-vơ. Truyện Béc-be-rơ. Truyện Brê-din. Truyện Ba-tư. Truyện Xéc-bi. Truyện Nhật-bản. Truyện Jê-or-gi. Hai truyện Mô-rơ. 975

135. Ai mua hành tôi hay là lọ nước thần 986

Khảo dị: Truyện Tày: *Ba anh em mồ côi.* Truyện Mèo: *Chàng thổi khèn.* Truyện Dao (Tuyên-quang). Truyện Mông-cổ trong sách *Cái chết mầu nhiệm.* Truyện Nùng: *Nàng Xáy.* Truyện Dáy: *Vợ chồng anh mò ốc.* Truyện Miêu (Trung-quốc): *Vua A Tú.* 989

136. Người dân nghèo và Ngọc Hoàng 995

Khảo dị: Truyện Dáy: *Phìn pản phân*. Truyện Dúc: *Ba sợi tóc vàng của chúa quỷ*. Truyện Pháp: *Bà tiên chồn*. Truyện đảo Cor-xơ: *Bạn của những người nghèo*. Hai truyện Việt-nam: *Nhà sư và cá kình; Nhà sư và rùa*. Truyện châu Âu: *Thằng bé gù*. 998

- ***"Kho tàng truyện cổ tích Việt-nam" của Nguyễn Đổng Chi*** (TẠ PHONG CHÂU). 1003

KHO TÀNG

TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT-NAM

của NGUYỄN ĐỔNG CHI

QUYỂN I

(TẬP I - TẬP II - TẬP III)

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGÔ TRẦN ÁI

VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập :

HOÀNG PHÙNG

ĐINH THÁI HƯƠNG

Sửa bản in :

PHƯƠNG TRI - LẠI VĂN HÙNG

HẢO LAN - YẾN THU

NGUYỄN THẾ PHIỆT

Trình bày bìa :

THÁI TUẤN HOÀNG

XUÂN THỦY

KHO TÀNG TRUYỆN CỔ TÍCH VIỆT NAM - QUYỂN I

In 3000 cuốn, khổ 16x24 cm. In tại xí nghiệp In FAHASA.
Giấy phép đăng ký kế hoạch xuất bản số 194/176CXB cấp ngày 1-03-2000.
In xong nộp lưu chiểu tháng 8/2000

0039891

GIÁ 120.000đ